

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG TẬP 30/4

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 39/4

No. 1579-1584

SỐ 1579/100
LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

*Tác giả: Bồ tát Di Lặc giảng thuật, Bồ tát Vô Trước ghi.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

PHẦN BẢN ĐỊA
QUYỂN 83
PHẦN NHIỆP DỊ MÔN 1

Như vậy là đã nói về phần Gồm thâm giải thích.

Thế nào là Gồm thâm dị môn (Nhiếp dị môn)? Tụng tổng quát nêu:

*Phẩm trắng cùng phẩm đen.
Tuyên thuyết về dị môn
Là khai ngộ nghĩa giác
Tụng lược, chung nên biết.
Tụng riêng nêu:
Sư, đệ nhất nhị tuệ
Bốn thứ cùng khéo nói
Cũng có cả nhân duyên
Đạo thí, giới nói rộng.*

Ở đây, Đại sư, đó là Đức Như Lai. Sư nối tiếp tức là đệ tử thứ nhất, như Tôn giả Xá-lợi-tử kia v.v...

Nói Tập sư: Tức là Quĩ phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc người đồng pháp, là người có thể khai ngộ, người khiến nhớ nghĩ. Đại sư tức là người lập Thánh giáo. Thiện sư tức là người truyền Thánh giáo. Tập sư tức là người tùy thuận Thánh giáo, “khai, hứa, chế, chỉ” (mở ra, cho phép, chế lập, ngăn cấm) tất cả nên làm không nên làm, thường xuyên chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, chuyển đổi. Nên biết tức là người có thể nêu bày, truyền nói cùng tùy thuyết.

Trừ đuổi, tạo tác, không nên làm, gọi là “Năng tướng”.

Vui mừng, an ủi, tạo tác sự việc nên làm, gọi là “Thắng tướng”.

Đối với hai sự trước có thể mở bày, chỉ rõ, gọi là “Chí tướng”.

Theo chỗ sinh khởi tất cả nghi hoặc đều có thể loại trừ, gọi là “Năng đạo”. Ở tác ưu hồi đều có thể loại bỏ, gọi là “Thắng đạo”. Hết thấy phiền não cùng tùy phiền não đều có thể diệt tận, gọi là “Chí đạo”.

Đối với các nghi hoặc có thể đoạn trừ: Tức là nghĩa chưa hiển bày có thể làm cho hiển phát. Nghĩa đã hiển phát thì khiến cho sáng, tịnh. Câu nghĩa sâu xa dùng tuệ thông tỏ, nên khai thị rộng. Thệ, hứa là làm quĩ phạm, tôn trọng chỗ nương dựa nên gọi là bạn thứ hai. Bạn tùy chuyển, gọi là thiện hữu. Xưa trước đồng ở nơi nhà, an vui, gọi là tri thức. Cha mẹ, tông thân hệ thuộc cùng nhau gọi là thương xót. Nếu không phải quyến thuộc mà thí ân huệ, gọi là người có ân.

Nói Nghĩa lợi: Tức sự việc được cầu đạt có thể dẫn đến nghĩa lợi. Vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích nghĩa lợi.

Nói Lợi ích: Tức là hành thiện, vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích lợi ích.

Nói An lạc: Tức là an ổn trụ nơi nghĩa của thân tâm, tăng ích, vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích an lạc.

Dựa nơi lạc của hiện pháp, gọi là vui thích an ổn. Dựa nơi an lạc của hậu pháp, gọi là vui thích an ổn tương ưng.

Nơi tất cả sự hiện bày tùy từng đúng đắn, nên gọi là tin thuận. Hoặc tức đối với nơi chôn của hữu tình kia mà phát khởi, nên gọi là tin. Mở bày công đức ấy, cùng với uy lực nơi tuệ thù thắng rồi, tức đối với xứ sở của pháp kia mà khởi thuận theo môn lý, nên gọi là tịnh tín. Tức do sức tăng thượng như thế, nên lòng thân như dựng lên, thường khóc rơi lệ. Các sự việc như vậy là tướng của tịnh tín.

Nghe rõ uy lực của công đức kia xong, ở trong các oai nghi như hành, trụ, thường xuyên tin chúng thật có công đức, nên gọi là tin thuật.

Chỗ gọi là dục: Tức hoặc ở xứ sở ấy vui thích tạo tác, vui thích đạt được.

Nói Tinh tấn: Là phát khởi gia hạnh với tâm dũng mãnh.

Nói thúc đẩy khuyến gắng: Tức đã dũng mãnh rồi, đối với gia hạnh kia chánh cần tu tập.

Nói Cương quyết: Là phát khởi tinh tấn rồi, trọn không biếng nhác bỏ bê, không hoại không thối.

Nói Vượt hơn: Là tinh tấn cần trọng.

Nói Uy lực: Là quá phần đêm, hoặc trước đó một canh, mặc áo giáp, nên phát khởi tinh tấn.

Nói Phấn phát: Như chỗ mặc áo giáp phát khởi siêng năng tinh tấn, hoặc lại tăng tiến uy lực dũng mãnh. Phát khởi siêng năng tinh tấn thấy rõ thắng lợi hiện có nơi quả kia nên gọi là dũng mãnh. Vào lúc siêng năng tu tập có thể gắng nhẫn thọ mọi thứ lạnh lẽo của mưa gió, nên gọi là dũng cảm. Do khéo nhận biết rõ về trước sau có sai biệt, nên ở trong chỗ chứng đắc thắng thượng sai biệt kia, sinh tin thuận sâu xa đối với tinh tấn hiện có, gọi là khó chế phục. Ở trong chỗ chứng đắc ít ỏi, thấp kém có sai biệt, tiến tu điều thiện, không khiếp sợ, nên gọi là không biết đủ.

Nói Tâm gắng sức: Nghĩa là đối với tinh tấn, các nơi chốn chướng ngại hiện có, với tất cả phiền não cùng tùy phiền não nơi các sự việc của ma, tâm luôn luôn xét biết để tĩnh dứt.

Nói Thường xuyên: Tức ở trong sự gia hạnh chân chánh ấy, có thể thường tu tạo, không xả bỏ trọng trách.

Nói Chánh tín: Nghĩa là đối với lúc Đại sư thuyết giảng chánh pháp, nơi chánh pháp ấy đã lắng nghe rồi, đạt được tịnh tín.

Không phóng dật: Là được tin rồi, ở trong việc vui thích xuất ly pháp chướng ngại, luôn phòng hộ nơi tâm, thường xuyên phát khởi tu tập pháp thiện.

Nói Du già: Là thọ trì đọc tụng, hỏi bàn, quyết trạch, tu tập gia hạnh đúng đắn.

Nói Tư duy: Là theo chỗ thọ trì nghĩa pháp cứu cánh, quan sát xét kỹ.

Nói Nhớ nghĩ: Là đối với tất cả nghĩa pháp của chỗ quan sát đều có thể không quên mất. Ở trong chỗ tạo tác, nêu giảng đã lâu xa, có thể tùy niệm đúng đắn.

Nói Tâm tư: Tức dựa nơi nghĩa của pháp thuận hợp như thế, khởi tâm tư hiện có như xuất ly v.v...

Chỗ gọi là Trí: Tức là diệu tuệ của gia hạnh xuất thế gian.

Gọi là Giải: Tức diệu tuệ của chánh thể xuất thế gian.

Gọi là Tuệ: Là tuệ xuất thế gian đã chứng đắc, thời gian sau đạt diệu tuệ thế gian.

Nói Quan sát: Là do tác ý quan sát không điên đảo. Quan sát xét kỹ đã đoạn, chưa đoạn, hữu dư vô dư.

Nói Phạm hạnh: Nghĩa là tám chi Thánh đạo, cùng với sự xa lìa pháp hành tập dâm dục không phải là chánh phạm hạnh.

Lại nói an trụ nơi phạm hạnh khác: Là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Các pháp ấy do ba xứ thân nhận. Nghĩa là do: Xa-ma-tha. Tỳ-bát-xá-na. Tu thân niệm.

Như chỗ ứng hợp về tự tánh, về phẩm loại. Ở đây, tín niệm cùng chung với hai phẩm.

Lại nữa, tức bậc Đại sư này cũng gọi là thứ nhất. Hành tự nghĩa nên cũng gọi là tôn quý. Hành tha nghĩa nên cũng gọi là thắng. Hành cả hai nghĩa nên cũng gọi là thượng. Ngăn cho tất cả các ngoại đạo, nên cũng gọi là vô thượng. Che trùm tất cả thừa hạ, trung của Thanh văn, Độc giác.

Lại có sai biệt:

Nói Bạc nhất: Là cùng với các thế gian khéo viên mãn.

Nói là Tôn: Là cùng với các Thanh văn khéo viên mãn.

Nói là Thắng: Là cùng với các Độc giác khéo viên mãn.

Nói là Thượng: Là đối với phiền não chướng đã được thanh tịnh.

Nói Vô thượng: Là đối với sở tri chướng đã được thanh tịnh.

Lại có sai biệt:

Nói Bạc nhất: Là đối với hành dục khéo được viên mãn.

Nói là Tôn: Là đối với hành sắc khéo đạt được viên mãn.

Nói là Thắng: Là đối với hành vô sắc khéo đạt được viên mãn.

Nói là Thượng: Là vượt quá tất cả ba cõi thế gian, khéo viên mãn.

Nói Vô thượng: Là đối với xuất thế gian khéo đạt được viên mãn.

Hữu tình không chân: Như rắn v.v...

Hữu tình hai chân: Như người v.v...

Hữu tình bốn chân: Như bò v.v...

Hữu tình nhiều chân: Như loài có trăm chân v.v...

Hữu tình có sắc: Là từ cõi dục cho đến tinh lục thứ tư.

Hữu tình không sắc: Là từ xứ không vô biên cho đến xứ phi tướng phi phi tướng.

Hữu tình có tướng: Là từ cõi dục cho đến xứ vô sở hữu, trừ cõi trời vô tướng.

Hữu tình vô tướng: Là cõi trời vô tướng.

Hữu tình phi hữu tướng phi vô tướng: Là sinh thiên hiện có của xứ phi tướng phi phi tướng.

Như thế là lược nói về phẩm loại sai biệt, hiển thị ba thứ bậc nhất của Như Lai. Nghĩa là do cử động, do nương dựa và do tâm. Lại nữa, có thể đạt được tuệ: Nghĩa là gồm thâu chung tất cả tuệ thiện hiện có, có thể dẫn đến nghĩa lợi.

Sinh trưởng, tăng ích tuệ rộng lớn: Là phẩm hạ trung thượng tăng tiến có sai biệt.

Tuệ thanh tịnh: Là tuệ đã thành thực do trải qua nhiều thời gian thường xuyên hành tập từ đời trước.

Tuệ thành biện: Là đối với các phiền não đã nhận biết khắp cùng đoạn trừ vĩnh viễn.

Tuệ viên mãn: Tức tuệ thiện này đã đạt đến cứu cánh.

Tuệ không thoái chuyển: Tức tuệ thiện này thành pháp không thoái chuyển, xuất ly rốt ráo.

Nói Tuệ mẫn tiệp: Là mau chóng nhận biết rõ.

Nói Tuệ nhanh nhạy: Là tuệ không bị vướng mắc, trở ngại.

Nói Tuệ thông lợi: Là toàn bộ chỗ hiện có, như chỗ hiện có đều khéo nhận biết rõ.

Nói Tuệ xuất ly: Là đối với pháp xuất ly, lia dục thế gian có thể khéo nhận biết rõ.

Tuệ quyết trạch: Là đối với các pháp lia dục xuất thế gian có thể nhận biết rõ.

Tuệ thâm diệu: Là đối với các pháp tùy thuận duyên khởi, tương ưng với nẻo không sâu xa, đều có thể nhận biết rõ. Lại đối với hết thảy câu nghĩa thâm diệu đều có thể khéo thông đạt như thật.

Ở đây, tuệ của Như Lai có thể chế lập tuệ của Thanh văn v.v..., đối với chỗ chế lập có thể tùy thuận biết rõ.

Lại, Đại tuệ: Tức tuệ này, trong thời gian dài thường xuyên hành tập.

Tuệ rộng lớn: Tức cảnh giới nơi đối tượng hành của tuệ ấy là vô lượng vô biên.

Tuệ không gì sánh bằng: Là các thứ tuệ khác không thể so sánh. Mạt ni hiển phát nơi báu Tỳ lưu ly của Luân vương khiến sáng tịnh. Cùng với điều kia tương ưng, nên gọi là tuệ báu, đều được thành tựu.

Lại, Tuệ nhãn: Là tuệ câu sinh.

Nói Tuệ minh: Là chỗ dẫn của kẻ khác, tức chỗ dẫn của kẻ khác về tuệ gia hạnh thiện.

Nói Tuệ quang: Tức tuệ do văn tư gia hạnh tạo thành.

Nói Tuệ diệu: Tức tuệ này do tu tạo thành.

Nói Tuệ đấng (Đèn tuệ): Tức đối với kinh điển thâm diệu do Đức Như Lai thuyết giảng đã được khai thị để kiến lập v.v...

Nói Tuệ cự (Đuốc tuệ): Là đối với giáo pháp, theo lượng, theo thời có thể tùy chuyển.

Nói Tuệ chiêu: Tức đối với các thứ pháp hiện có kia, dùng diệu tuệ ấy có thể khéo nhận biết rõ. Tuy đã khéo nhận biết rõ, nhưng tùy theo tha chuyển, chưa thân chứng.

Tuệ không tối tăm: Tức là thân tác chứng.

Tuệ căn kia: Là các tuệ hiện có của sức tăng thượng, đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác, có thể nhận biết rõ khắp.

Nói Tuệ lực: Là sức tăng thượng, đối với chỗ chứng đắc sau trước có sai biệt của mình đều có thể nhận biết rõ khắp, do đạo lý của pháp nơi tuệ không thoái khuất.

Nói Tuệ tài: Là có thể chiêu cảm, dẫn phát mọi sự giàu sang tối thắng tự tại, theo đây, tự tâm đạt được tùy chuyên.

Lại, tuệ báu này, đối với tất cả tài sản là thù thắng bậc nhất, có thể làm nhân căn bản cho hết thảy của cải, châu báu nơi thế gian.

Như nói Tuệ kiếm cùng Tuệ đao: Nghĩa là có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả kiết.

Nói Tuệ trượng (Tuệ như chiếc gậy): Tức có thể phòng giữ từ xa tất cả phiền não nơi thiên ma ác.

Nói Tuệ bí (Tuệ như dây cương ngựa): Tức ý căn buông thả như ngựa nơi đất của hành thiện mà dong ruổi. Tuệ không roi mát, khiến các phần thân không bị tan hoại.

Tuệ như bờ tường: Tức đối khắp tất cả, theo một môn chuyên.

Tuệ như bậc thêm: Là đạo gia hạnh.

Tuệ như cung điện: Là đạt đến cứu cánh.

Vì muốn hiển thị ba thứ như bờ tường v.v... lại nói ba thứ, đó là giới trí, vô số giới trí, không phải một giới trí.

Lại, chánh kiến: Là lại có thể thông đạt pháp chân thật.

Tuệ hữu học: Là tác ý như lý, lại có thể dẫn phát tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát.

Lại nơi thời gian sau, các tuệ hữu học, nghĩa là thuộc quả Dự lưu, quả Nhất Lai, quả Bất Hoàn.

Các tuệ vô học, tức thuộc về Bồ-đề của A-la-hán. Hoặc thuộc về Bồ-đề của các Độc giác. Hoặc thuộc về Bồ-đề vô thượng tối thắng của chư Như Lai.

Thế nào là giới trí? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về vô số giới. Nếu có thể nhận biết rõ về mười tám giới, gọi là không phải một giới trí. Nhận biết rõ về vô số phẩm loại của giới kia, gọi là vô số giới trí, thông đạt nhận biết về phẩm loại có sai biệt của hữu tình hướng địa nơi giới kia.

Lại vi tế: Là có thể nhập nơi nghĩa sâu xa, chân thật.

Nói đều xét kỹ: Là gồm đủ khả năng chứng nhập tất cả nghĩa.

Nói thông sáng: Là cùng với tuệ dẫn phát tương ưng.

Nói duệ triết (Thông tỏ sáng suốt): Là cùng với tuệ câu sinh tương ưng.

Hoặc lại có thể chuyển đổi mắt này: Là có thể giữ lấy sự việc hiện thấy.

Trí: Là có thể giữ lấy sự việc không hiện.

Minh: Là ngộ nhập tận cùng sự việc hiện có.

Giác: Là ngộ nhập sự việc như hiện có.

Nói hành nghĩa: Là thuộc về pháp thiện do tư tạo thành.

Nói hành pháp: Là thuộc về pháp thiện do văn tạo thành.

Nói hành thiện: Là thuộc về pháp thiện do thí giới tạo thành.

Hành điều nhu: Là thuộc về pháp thiện do tu tạo thành.

Lại nữa, nói thiện thuyết: Là các văn, cú khéo viên mãn.

Nói thiện giác: Là có thể khéo hiện bày nghĩa đẳng giác.

Nói xuất ly: Là đạo thể gian đoạn trừ các khổ, được xuất ly.

Hướng đẳng giác: Là đạo xuất thế vì vượt khỏi các khổ, nên có thể hiện bày đẳng giác chân thật.

Không sai biệt: Là thầy và đệ tử thuyết giảng về văn nghĩa cùng thâm nhuần nên không trái nhau.

Có Tốt-đỏ-ba (Tháp): Là tất cả ngoại đạo, Thiên ma cùng thế gian khác đều không thể làm cho nghiêng động.

Nói có chỗ dựa: Là gồm đủ bốn y (Bốn sự nương dựa) không tan hoại.

Đại sư Như Lai ứng chánh đẳng giác: Là giáo pháp thiện thanh tịnh đã được thuyết giảng.

Các câu ở đây lược hiển bày bốn thứ thiện thuyết pháp. Luật viên mãn tột cùng: Tức hai câu đầu hiển bày văn nghĩa viên mãn. Hai câu tiếp hiển bày quả viên mãn. Ba câu tiếp sau hiển bày về hành viên mãn. Một câu sau cùng hiển bày về sư viên mãn.

Lại nữa, pháp của Đức Phật Thế Tôn có nhân duyên: Nghĩa là có duyên khởi, chế lập tất cả học xứ.

Có xuất ly: Là có phạm rồi, chế lập trở lại như pháp xuất ly.

Nói có chỗ dựa: Là do bốn thứ nương dựa để chế lập, vượt quá tất cả các thứ hủy phạm của giới ác.

Có siêu vượt: Là chế lập xa lìa hai biên thọ dụng dục lạc và tự hành khổ, thuận theo sĩ dụng khiến thành tựu.

Có thần biến: Là do ba thứ thần biến đã hiện. Vì khiến mau chóng đạt được thần thông, chế lập không gián đoạn chánh giáo trao truyền.

Lại nữa, giải thoát xả bỏ: Là hồi hướng Niết-bàn, nên ở trong quả thí không có chấp, buộc.

Thường buông tay: Là cản trở thí rộng.

Vui thích dứt bỏ: Là trước thí, đang thí, sau khi thí, ý vui về thanh tịnh, không hồi tiếc.

Thí cúng tế: Là hoàn toàn như pháp, không dùng sự hung bạo để tích tập của cải, vật dụng. Nơi mọi thời gian, thường xuyên xả thí đủ khắp chốn các vật dụng được thí.

Xả viên mãn: Là đối với phước điền mà phụng hiến.

Ở trong tuệ thí vui thích phân chia khắp: Nghĩa là đối với cha mẹ, vợ con, luôn bình đẳng phân bố.

Như thế, tất cả gồm có sáu thí:

- (1) Thí không chỗ dựa.
- (2) Thí rộng lớn.
- (3) Thí hoan hỉ.
- (4) Thí thường xuyên.
- (5) Thí điền khí.
- (6) Thí thâm nhận quyên thuộc.

Ở đây là dựa nơi phẩm loại, thời xứ bố thí mà nói.

Lại nữa, nói rộng về giới, Tụng nêu:

*Pháp Thi la giáo sinh
Đủ giới luật nói rộng.*

Nói Thi la: Nghĩa là có thể đạt tịch tĩnh. Vì tội hủy phạm tịnh giới là phiền não nóng bức. Lại cùng với nghĩa trong lành mát mẻ tương ứng.

Nói luật nghi: Là xa lìa tướng của tự thể.

Nói cụ túc: Là thâm nhận chính đáng, không hối.

Nói thanh tịnh: Là thâm nhận Tam-ma-địa hiện hành.

Lại nói thiện: Là có thể thâm nhận quả đáng yêu thích.

Nói không tội: Là có thể thâm nhận lợi ích tự tha.

Nói không hại: Nghĩa là có thể chống trái các sự việc nắm giữ đao gậy, tranh chấp, đánh nhau.

Nói tùy thuận: Là tùy thuận chứng đắc các quả Sa-môn cùng các thứ công đức thù thắng hiện có khác.

Nói ẩn giấu: Là thường ẩn giấu pháp thiện của mình.

Nói hiển phát: Là thường phát lộ pháp ác của mình.

Nói đoan nghiêm: Là thâm nhận đủ các vật dụng trang nghiêm của Sa-môn hiện có như các thứ thiếu dục v.v...

Nói phước điền: Là thâm nhận đức viên mãn của tịnh mạng, phép tắc thuộc chánh kiến.

Nói không nóng bức: Là chính thức xa lìa biên tự hành khổ.

Nói không nào hại: Là xa lìa biên thọ dụng dục lạc.

Nói không hối: Là chính thức xa lìa các sự việc nhiễm ô, lo buồn không vui.

Lại nữa, thuyết pháp thiện: Là thuộc về đạo lý, nên nhận giữ thắng đức.

Tỳ-nại-da: Là thuận theo tất cả phiền não đã vắng lặng.

Gọi là Thánh giả: Là xa lìa hết thảy pháp nhiễm ô xen tạp, khiến chúng không sinh.

Lại nói thiện: Là có thể đem đến quả đáng yêu thích, vô tội.

Nói nên hành tập: Là nên tập gần.

Nói lành thay: Là sự xưng tán của các Thánh Hiền.

Lại nữa, nói giáo sinh: Nghĩa là như có một hữu tình, cho đến nói rộng về phẩm đen phẩm trắng, nên biết như trong Địa có tâm có tứ đã quảng diễn.

Lại nữa, nói đủ giới v.v... đều là nói rộng: Nghĩa là an trụ nơi đủ giới, cũng có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, cho đến nói rộng. Hộ trì kín đáo các căn môn. Hoặc giữ gìn niệm, hoặc thường nhờ vào niệm, cho đến nói rộng.

Đối với việc ăn uống biết lượng. Đối với các thức ăn uống xét chọn mà ăn. Không vì quá vui thích, không vì kiêu dật, cho đến nói rộng. Tiến dùng, qua lại, chánh tri mà trụ, cho đến nói rộng. Tất cả phần nói rộng như thế, nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Lại nữa, nói rộng về đạo, Tụng nêu:

*Niệm trụ, chánh đoạn
Thần túc, căn lực
Giác chi, đạo chi
Vô lượng là sau.*

Vì nhằm siêng tu bốn niệm trụ, nên phát khởi mãnh liệt phẩm thượng.

Dục: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các lỗi lầm của tác ý bất chánh.

Nói tinh tấn: Là vì đoạn trừ các thứ lỗi lầm của chậm trễ.

Nói sách cần: Là vì đoạn trừ các lỗi lầm của hai thứ tùy phiền não là hôn trầm, trạo cử.

Nói dũng mãnh: Là không tự xem thường.

Nói dũng cảm: Là có thể kháng cự kẻ địch bên ngoài.

Không thể chế phục: Là đối với phần thiếu sót, thấp kém không sinh biết đủ.

Nói chánh niệm: Là không quên chỉ dạy, trao truyền.

Nói chánh tri: Là có thể không hủy phạm chỗ đã hủy phạm.

Không phóng dật: Là không xả bỏ gánh nặng thiện.

Trụ nơi nóng sáng: Là có thể tu tập pháp đối trị biếng nhác.

Nói chánh giải: Là có thể tu tập pháp đối trị hủy phạm.

Niệm thành tựu đầy đủ: Là có thể tu tập pháp đối trị quên niệm.

Điều phục thế gian: Là có thể tu tập đối trị đúng tất cả pháp thế gian như tham, ưu. Ở đây, hiển thị các Bí-sô siêng tu niệm trụ phải nên tu tập bốn thứ đối trị.

Lại nữa, ở trong các chánh đoạn, các thần túc, các tên gọi của sợ hãi hiện có, nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Lại nữa, đối với Như Lai, an lập chánh tín, nói rộng nên biết như trong Phần Nhiếp Quyết Trạch. An trụ có uy lực có tinh tấn có dũng mãnh, nói rộng nên biết như nơi Địa Bồ-tát.

Lại nữa, xét chọn các pháp, xét chọn tội cùng, tâm tứ đủ khắp, quan sát đủ khắp, nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Đã được tác ý chân thật, vô lậu, nên duyên nơi cảnh của Thánh đế, tương ưng với tất cả tác ý vô lậu, gọi là trạch pháp.

Nói xét chọn: Là giữ lấy chung tất cả chủng loại pháp khổ là khổ Thánh đế.

Xét chọn tội cùng: Là đều phân biệt riêng nhận lấy các khổ, nghĩa là sinh khổ, già khổ v.v....

Hết sức xét chọn pháp: Là dựa nơi xứ này, xét chọn các pháp như Khế kinh v.v... Vì sao? Vì nương dựa nơi đây, nên biết trước tu tập, tạo tác.

Lại xét chọn: Là thẩm định, hiểu rõ.

Xét chọn tốt cùng: Nghĩa là thâm định cùng hiểu rõ.

Hết sức xét chọn pháp: Là thâm định gần hiểu rõ.

Trước là tìm cầu đạo. Nay là quyết định đạo. Lại có sai biệt:

Nói hiểu rõ: Là đối với sự được nhận biết, tác ý phát ngộ.

Cùng hiểu rõ: Là đã phát ngộ rồi, theo phương tiện tìm cầu.

Gần hiểu rõ: Là cầu rồi quyết định.

Lại nữa, tuệ sáng rõ: Là phân biệt, nhận biết rõ về thể.

Thông đạt: Là thông tỏ sự việc được nhận biết. Lại có sai biệt:

Tuệ sáng rõ: Là nhận biết rõ về tự tướng.

Thông đạt: Là nhận biết rõ về cộng tướng.

Xét kỹ: Là có thể định giữ lấy. Hết thấy chỗ hiện có, như chỗ hiện có, trước sau lần lượt tăng bội rộng lớn.

Giác: Là tuệ câu sinh có thể xét chọn.

Minh: Là tuệ do tu tập đạt được.

Tuệ hạnh: Là có thể phân biệt tăng thượng, như thọ trì đọc tụng, hỏi bàn, quyết trạch thù thắng. Tức đối với nghĩa kia chuyển tăng sáng rõ, siêng tu tập tuệ.

Tỳ-bát-xá-na: Tức đối với nghĩa đã phân biệt rõ ở trước, quán xét kỹ.

Hội nhập: Là trước tâm tư nơi cảnh của đối tượng duyên, tác ý tư duy, tâm hội nhập.

Nạp thọ: Là đối với khả năng thâm nhận kia.

Suy tầm: Là giữ lấy các tướng ấy.

Hết sức suy tầm: Nghĩa là giữ lấy các thứ tùy hảo kia.

Lại có sai biệt:

Suy tâm: Nghĩa là tâm tìm cầu.

Hết sức suy tâm: Nghĩa là tâm dò xét.

Suy tâm tột cùng: Tức đối với chỗ được mất, suy tạo tầm tư, hết sức đối chiếu, tính toán.

Thánh giáo làm chỗ dựa, để khởi tìm cầu, gọi là tầm tư.

Hiện lượng làm chỗ dựa, gọi là tư duy. Tỷ lượng làm chỗ dựa gọi là phân biệt.

Chán lia: Là ý lạc tăng thượng, ở trong sự xa lia khỏi quyết định.

Xa lia: Là từ nơi biên khác nhận xa lia.

Tùy lia: Nghĩa là thọ nhận rồi, sau có thể theo đấy giữ gìn Thi la kia.

Hoàn lia: Là lầm phạm rồi, tức có thể như pháp mà sám hối dứt trừ. Từ đấy về sau, luật nghi lặng dứt, tùy hộ Thi la.

Lặng dứt: Là do gồm đủ sự nhẫn nhục, nhu hòa.

Luật nghi: Là do gồm đủ thiếu dục, tâm từ v.v...

Giữ kín căn môn: Là tự nhiên không tạo tác.

Không tạo tác: Do kẻ khác không tạo tác.

Không hành: Do đang nhận biết rõ không hiện hành.

Không phạm: Là không do mất niệm mà hiện hành.

Cầu cống: Do đấy làm chỗ dựa để vượt qua pháp ác.

Thuyền bè: Là dựa nơi sự đối trị, thế nguyện có thể chuyên chở kẻ si cuồng mất đạo kia, khiến vượt qua pháp chướng ngại, chống trái.

Không vui thích: Là đối với việc xa lia ý lạc tăng thượng là hết sức đầy đủ.

Không trái vượt: Nghĩa là ở trong tất cả chúng đã học, không hủy phạm, không từ bỏ.

Không khác với trái vượt: Là đối với một phần, không phá hủy, không từ bỏ.

Chỗ gọi là niệm: Là trụ nơi tâm.

Nói cùng niệm: Là cùng trụ nơi tâm kia.

Như thế nói rộng, nên tùy theo chín thứ tâm trụ sai biệt. Như nơi Địa Thanh văn, nên biết về tướng.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Trí tuyên thuyết thiện dục
Sáng rõ riêng xa trần
Giải thích như các bệnh
Ngã đoạn hết các sinh
Cùng thiên, chúng sinh đời
Nương nơi ngã tạo tác.*

Trí: Là tuệ nghe ngôn thuyết là trước hết.

Kiến: Là tuệ thấy ngôn thuyết là trước hết.

Giác: Là tuệ biết ngôn thuyết là trước hết.

Tri: Là tuệ nhận rõ ngôn thuyết là trước hết.

Trí: Là nhận biết cảnh không hiện thấy.

Kiến: Là thấy cảnh trước hiện tại hiện thấy.

Minh: Là hiểu trái với vô minh.

Giác: Là trí của nghĩa thật có.

Giác: Là trí không tăng ích, không phải thật có.

Tuệ: Là tuệ câu sinh, sinh đắc.

Minh: Là tuệ do hành tập gia hạnh tạo thành.

Hiện quán: Là đối với pháp hiện quán bên trong rồi, ở trong các pháp thấy đều hiện thấy, không duyên nơi trí kẻ khác.

Lại nữa, tuyên thuyết: Là nhân kẻ khác thưa hỏi, vì họ ký biệt.

Thiết lập: Là do lời nói và dục, thứ lớp nêu ra khắp về danh cú văn thân.

An lập: Là thứ lớp nêu ra khắp, rồi tóm lược vì kẻ khác giảng nói.

Phân biệt: Là lược nói rồi phân biệt, khai thị, giải thích nghĩa lý sâu xa.

Khai thị: Là kẻ khác lần lượt sinh nghi hoặc, đều có thể trừ bỏ.

Hiện phát: Là tự thông đạt về câu nghĩa sâu xa, vì kẻ khác hiển bày chỉ rõ.

Giáo: Là không nhân kẻ khác phát khởi thỉnh vấn, do thương xót nên thuyết pháp, khai thị.

Khai thị khắp: Là diễn nói không gián đoạn, không tạo nên vị thầy nhỏ bé, không chỗ ẩn giấu.

Lại nữa, phần đầu thiện: Là lúc lắng nghe sinh hoan hỉ.

Phân giữa thiện: Là lúc tu hành không có gian khổ, xa lìa hai biên, dựa nơi trung đạo hành trì.

Phần sau thiện: Là lìa các thứ cấu uế, hết sức rốt ráo. Cùng tất cả lìa dục rốt ráo là biên sau.

Nghĩa diệu: Là có thể dẫn phát lợi ích an lạc.

Văn khéo léo: Là khéo nối kết danh thân v.v... cùng ngữ đầy đủ viên mãn.

Thuần nhất: Là không cùng chung với tất cả ngoại đạo.

Viên mãn: Là không hạn lượng, hết sức tôn thắng.

Thanh tịnh: Là tự tánh giải thoát.

Trắng sạch: Là giải thoát tương tục.

Phạm hạnh: Là tám Thánh đạo chi. Nên biết đạo này do thuần nhất cùng chỗ nêu rõ của bốn thứ diệu tướng.

Lắng nghe rõ: Nghĩa là đối với pháp của tướng như thế, khuyên khiến nghe kỹ.

Nên khéo khấn khoản: Là khuyên khiến tư duy như lý, cẩn trọng, không điên đảo, không gián đoạn.

Lại nữa, mong muốn mãnh liệt: Nghĩa là ta do đâu, ở nơi xứ sở kia, cho đến nói rộng.

Ái mãnh liệt: Là ở trong chỗ tu gia hạnh đúng đắn.

Vui thích mãnh liệt: Là đối với vị thuyết giảng cùng với Đại sư luôn tôn trọng.

Tin mãnh liệt: Là đối với sự chỉ dạy, trao truyền giáo pháp.

Lại nữa, có thể sáng rõ: Là vì mau chóng chứng đắc thông tuệ, trọn không tự vô sự, kéo dài, sau mới phát khởi siêng năng tinh tấn.
Thuận Du già: Là tùy theo giáo pháp tôn quý, hoặc bằng hoặc hơn mà tu gia hạnh, trọn không giảm, kém.

Có thể vĩnh viễn đoạn trừ: Tức có thể tu tập đối trị phiền não.

Có thể ở nơi vắng lặng: Là dựa vào biên vực ngoại cụ hiện có, xa lìa mà ở, tu Tam-ma-địa khiến hiện tiền. Dựa nơi Tam-ma-địa tu tập đối trị.

Lại nữa, riêng một mình: Là hành xử xa lìa biên vực ngoại cụ, không có loại thứ hai, nhưng an trụ.

Nói xa lìa: Tức là các tác ý nhiễm ô, vô ký không hiện hành.

Không buông thả: Nghĩa là đối với các tâm tư về pháp ác như dục v.v..., luôn phòng hộ tâm, lại ở trong pháp thiện, tự an xử.

Nói sáng rõ: Tức như trước đã nói.

Nói phát khiến: Là dứt trừ năm thứ ngăn che (Cái), bên trong giữ lấy tâm. Lại do đấy nên phát khởi, thúc đẩy khiến tâm hướng tới xứ an ổn vô thượng.

Lại nữa, xa lìa phiền não cấu uế: Bụi bặm (phiền não): Là ngã mạn có gián đoạn, không gián đoạn hiện chuyển, có thể gây chướng ngại nơi hiện quán của trí đã sinh, chưa đạt cứu cánh.

Cấu uế: Là phẩm kia cùng những thô trọng hiện có của phẩm do kiến đạo đoạn, đều khiến chúng vĩnh viễn không còn nên gọi là xa lìa phiền não cấu uế.

Lại nữa, bụi bặm: Đó là ngã mạn cùng tất cả phiền não do kiến đạo đoạn.

Cấu uế: Là hai thứ thô trọng hiện có.

Ở trong các pháp: Tức ở trong tự tướng, cộng tướng nơi pháp đã trụ

Nói pháp nhãn: Là hiện chứng như thật chỉ có pháp tuệ.

Nói thấy pháp: Là đối với khổ v.v..., thấy đúng như thật.

Nói đắc pháp: Là theo đấy chứng đắc quả Sa-môn.

Nói biết pháp: Nghĩa là chứng đắc rồi, đối với chỗ chứng đắc ấy có thể tự nhận biết rõ ta là dự lưu, ta đã chứng đắc pháp không thoái đọa.

Pháp chí thành: Là lực tăng thượng của hiện quán về đế nên đạt được chứng tịnh. Đối với Phật Pháp Tăng cùng giới do tự mình đạt được, được bậc Thánh yêu thích, dùng chánh tín, hành chí thành như thật.

Vượt qua hoặc: Là đối với chỗ tự chứng đắc.

Vượt qua nghi: Là đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác.

Không phải duyên nơi kẻ khác: Là đối với chỗ tự chứng đắc trong pháp này, không phải chỉ tùy theo kẻ khác để lắng nghe.

Không phải chỗ dẫn dắt khác: Là đối với Thánh giáo hiện có của Đại sư, không bị dị luận của tất cả ngoại đạo dẫn dắt.

Ở trong các pháp đạt vô sở úy: Là đối với chỗ tự chứng đắc, nếu có kẻ khác cật vấn, không hề sợ hãi.

Nói nghịch lưu: Là đã lên Thánh đạo.

Nói hướng tới: Nghĩa là ghi nhận thần thông cứu cánh, đi đến, hướng tới, không còn thoái chuyển.

Lại có sai biệt, nên biết kiến lập hai thứ pháp thế tục và thắng nghĩa.

Lại nữa, như nói có bệnh, cho đến nói rộng.

Thế nào là hiển thị pháp kia như bệnh v.v...? Không phải chỉ nói pháp kia giống như bệnh nặng, cho đến nói rộng.

Nhưng người tu hành, trước dùng hành như thật như vô thường v.v... ở trong sự việc kia, chê trách đúng như thật, khởi tư duy: Đây như là bệnh, rất đáng chán lìa. Vì muốn cùng với pháp kia không hòa hợp, thế nên tiếp theo nói hành vô thường v.v..., hiển thị đúng như thật, quan sát về quả kia.

Nói vô thường: Là hiển hiện sinh thân cùng với sát-na đều lần lượt thay nhau.

Sát-na lần lượt thay nhau: Do các sự tiếp xúc, dấy khởi kia đều hết, nên các thứ thọ nhận dấy khởi kia đều thấy sự tương tục này. Do chẳng phải là không hiện thấy, không phải duyên nơi trí khác. Chỗ gọi là khổ: Có hai thứ khổ. Nghĩa là các khổ như sinh v.v... cùng các

thọ hiện có đều nói là khổ. Hai thứ khổ này, như chỗ ứng hợp, do thấy sinh thân lần lượt có, nên được ngộ nhập. Nghĩa là tử không gián đoạn có sinh thân sinh, sinh rồi lại có các khổ như già v.v..., do đó nói là vô thường. Nên khổ do thấy sinh thân lần lượt có, nên ngộ nhập tánh khổ.

Thế nào là các thọ hiện có đều nói là khổ? Nghĩa là các lạc thọ biến hoại nên khổ. Tất cả khổ thọ sinh trụ nên khổ. Phi khổ lạc thọ. Thế là pháp vô thường diệt hoại, nên nói là khổ.

Ở đây, lạc thọ do vô thường nên tất có biến hoại. Hết thấy khổ thọ do vô thường nên sinh trụ nối tiếp đều khởi khổ. Phi khổ lạc thọ đã diệt hoại do vô thường nên nói đó là khổ.

Pháp diệt hoại đã sinh khởi cũng gọi là khổ. Pháp diệt hoại này với hai chỗ theo đuổi kia, cùng với hai tương ứng, nên cũng gọi là khổ. Thế nào là nên quán lạc thọ là khổ? Nghĩa là do thọ này là tùy miên tham. Do tùy miên nên phải nhận lấy khổ nơi vị lai. Ở trong hiện pháp có thể sinh hoại khổ. Như vậy, nên quán lạc thọ là khổ.

Thế nào là nên quán khổ thọ như mũi tên? Nghĩa là như mũi tên độc, cho đến hiện tiền thường nã hoại.

Phi khổ lạc thọ, thế là pháp vô thường, diệt hoại: Nghĩa là đã diệt tức là vô thường, chưa diệt là pháp diệt hoại. Nếu vô thường, từ đây lại sinh hoặc lạc hoặc khổ. Pháp diệt hoại thì trọn không giải thoát hai thứ khổ, lạc.

Chỗ gọi là không: Là pháp chân thật, không thường không hằng, không gì là không biến dịch.

Nói vô ngã: Là xa lìa ngã, là các duyên sinh, là không tự tại

Lại nữa, giải thích: Là có thể hiển thị tự tánh kia.

Khai thị: Tức là hiển thị điều này nên nhận biết khắp, điều này nên vĩnh viễn đoạn trừ v.v... có sai biệt.

Hiện bày rõ: Nghĩa là có thể hiện thị chỗ thành lỗi lầm do hoặc không đoạn trừ vĩnh viễn, hoặc không nhận biết khắp.

Liễu: Là tác ý liễu tướng.

Giải: Tức là tác ý thắng giải.

Tri: Nghĩa là tác ý xa lìa v.v...

Cùng hiểu rõ: Là hiểu rõ về tự tướng.

Gần hiểu rõ: Là hiểu rõ về cộng tướng.

Trí sáng hiểu rõ: Là hiểu rõ về chỗ hiện có.

Thông đạt: Là hiểu rõ như chỗ hiện có.

Tiếp xúc: Nghĩa là đối với tám Thánh đạo chi, thuộc về phạm hạnh.

Tác chứng: Là đối với Niết-bàn của quả kia.

Lại nữa, ngã: Là đối với ngã, ngã sở của năm thủ uẩn, thấy hành hiện tiền.

Nói hữu tình: Nghĩa là các Hiền Thánh nhận biết rõ như thật chỉ có pháp này, lại không có khác. Lại đối với pháp kia có tham ái, chấp trước.

Nói ý sinh: Tức đây là tánh chủng loại của ý.

Ma-nạp-phược-ca: Nghĩa là nương dựa nơi ý, hoặc cao hoặc thấp.

Nói nuôi dưỡng: Là có thể tăng trưởng nghiệp của hữu sau. Có thể tạo tác tất cả dụng của sĩ phu.

Bổ-đặc-già-la: Là có thể thường xuyên đi đến nhận lấy các nẻo sinh tử không chán đủ.

Nói mạng: Là thọ mạng hòa hợp hiện sống còn.

Nói sinh: Là pháp hiện có như sinh tử v.v...

Lại nữa, nên đoạn trừ các ái, dứt bỏ các kiết: Nghĩa là lúc vừa đối với Thánh để đạt được hiện quán, liền có thể đoạn trừ vĩnh viễn ba kiết, đối với ái của hữu sau nơi tất cả xứ không còn hiện hành nữa. Hành giả kia, vào thời gian sau thường xuyên siêng tu tùy quán sinh diệt. Lại có thể đoạn trừ vĩnh viễn rốt ráo các mạn, do đó nói là “Có thể tu tập đúng đắn, đoạn trừ hoàn toàn các mạn”. Là hiện quán chân chánh, nên tùy miên ái kia, hết thảy đều đoạn dứt hẳn. Do nhân duyên này, các khổ của vị lai, các pháp của hữu sau, không còn hiện trở lại nữa. Lại có thể hoàn toàn tạo được biên vực tận cùng của khổ.

Lại nữa, nẻo sinh tử của Ta đã hết: Tức là hữu thứ tám.

Phạm hạnh đã lập: Là đối với Thánh đạo, tu tập rốt ráo nên không còn thoái mất.

Việc làm đã hoàn thành: Nghĩa là hết thảy kiết đã hoàn toàn trừ bỏ sạch, tất cả đạo quả đã chứng đắc.

Không thọ hữu sau: Là đối với bảy hữu cũng vĩnh viễn dứt hết.

Lại, nẻo sinh tử của Ta đã hết: Có hai thứ sinh;

(1) Sinh của sinh thân. Đây như trước đã nói.

(2) Sinh của phiền não. Đây thì mỏng, nhỏ nên cũng gọi là hết.

Đây tức “Ký biệt” về hai quả đầu.

Phạm hạnh đã lập: Tức là quả Bất Hoàn. Phi phạm hạnh như tham thì đây đã vĩnh viễn đoạn dứt.

Việc làm đã hoàn thành, không thọ hữu sau: Là quả A-la-hán. Nên biết ở đây là “Ký biệt” về bốn thứ hành tướng hiểu rõ.

Lại nữa, cùng thiên thể gian: Là câu nêu chung. Ở đây có hai thứ:

(1) Cùng với ma.

(2) Cùng với phạm. Cùng với Sa-môn Bà-la-môn.

Chúng sinh: Nghĩa là các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, sinh trong cõi người, mong cầu ma, phạm mà tu hành.

Cùng chư thiên, nhân, chúng sinh: Là ở trong cõi trời, trừ ma cùng phạm. Ở trong cõi người, trừ Sa-môn, Bà-la-môn.

Như thế là tổng kết về giải thoát ba buộc, xuất ly dục tham.

Lại, Tỳ-nại-da đoạn siêu vượt: Là Tỳ-nại-da, do tác ý liễu tướng thắng giải, đoạn trừ do tác ý xa lìa v.v... siêu vượt do tác ý phương tiện quả cứu cánh.

Nói ly hệ: Là lìa chín kết.

Nói giải thoát: Là giải thoát tất cả sinh, lão v.v...

Lìa điên đảo: Là do kiến đạo.

Chỗ gọi là nhiều: Là do tu đạo. Do tu tập nhiều tu đạo kia nên gọi là nhiều.

Nói lợi ích: Là các hành thiện.

Nói an lạc: Là hành không tổn não.

Nói thương xót: Là như có một hữu tình, do các hành thiện, hành không tổn não, thương xót đối với kẻ khác, là sự việc được cầu mong, có thể dẫn đến nghĩa lợi, nên gọi đó là nghĩa. Đáng yêu thích, không có tội.

Vì lợi ích an lạc: Nghĩa là đối với sự việc kia, dấy khởi hành thiện hiện có, hành không tổn não.

Chỗ gọi là người: Nghĩa là hàng Sát-đế-lợi v.v... Hoặc có khi nhân Phật xuất hiện thế gian, khéo thuyết giảng chánh pháp, Tăng khéo tu hành, có thể tạo nhiều lợi ích, có thể đem lại nhiều an lạc. Hoặc chỉ tạo lợi ích an lạc, vì thương xót thế gian. Hoặc chỉ vì kẻ khác tạo lợi ích an lạc. Hoặc vì cả hai thứ. Do đó nói là nghĩa lợi kia tạo lợi ích an lạc.

Ở đây chỉ nói trời và người: Vì hai loại ấy có uy lực, có thể hiểu rõ về nghĩa kia, tu tập hành chánh.

Lại nữa, nương dựa: Nghĩa là nắm thủ uẩn cùng với sự thọ nhận thuộc về bảy thứ, tức là cha mẹ cùng vợ con v.v...

Chỗ gọi là thủ: Nghĩa là các dục tham cũng gọi là thủ.

Do không an lập cùng an lập nên nói có bốn thủ tâm.

Xứ dựa: Nghĩa là bốn thức trụ.

Nói thức trụ: Tức là các phiền não có thể hướng tới chỗ dựa, tức gọi là triền. Phẩm thô trọng kia gọi là tùy miên. Như thế gọi là nương dựa. Xứ nương dựa của thủ tâm, chấp trước tùy miên ở trong hữu thức thân này cùng tất cả tướng bên ngoài: Nghĩa là ở trong tướng nơi cảnh giới thuộc nhân duyên của ngã, ngã sở, ngã mạn chấp trước tùy miên.

Lại nữa, hành của ngã, ngã sở: Tức là Tát-ca-da-kiến.

Nói ngã mạn: Tức mạn này, tức các triền kia gọi là chấp trước. Tức thô trọng kia gọi là tùy miên. Chấp trước phần nhiều là các ngoại đạo. Tùy miên thì chung cả hai.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Như Lai, tướng vô thường
Để sa sớ vô vi
Không có, không tương tục
Không vô thường, vô dư.*

Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác v.v...: Như kinh đã phân biệt.

Chỗ gọi là Ứng: Là Ứng cúng dường. Minh hành viên mãn: Đó là ba minh bao trùm hành, hành hành thấy đều viên mãn. Lại, bốn thứ pháp của tâm tăng thượng nơi hiện pháp lạc trụ thấy đều viên mãn. Trước là hành hành, sau là hành trụ

Ở đây, nghiệp thân ngữ ý thanh tịnh hiện hành. Chánh mạng là hành viên mãn. Giữ kín căn môn, là ngăn chặn viên mãn. Do hai thứ này hiển thị ba thứ bất hộ, pháp không quên mất của Như Lai. Do không tạo lỗi lầm, nên tính lự thế gian ngăn chặn tự hành khổ.

Nói Thiện thế: Nghĩa là ở trong đêm dài sinh tử luôn gồm đủ tất cả thứ nơi hai công đức tự lợi lợi tha.

Thế gian giải: Nghĩa là đối với tất cả chủng loại hữu tình nơi thế gian cùng khí thế gian đều khéo thông đạt. Do khéo ngộ nhập hữu tình thế gian làm chỗ dựa. Biên vực trước sau, túc trụ, sinh tử làm chỗ dựa, tất cả thời có tám vạn bốn ngàn hành sai biệt. Đối với khí thế gian, nghĩa là mười phương thế giới như phương Đông v.v... với vô biên thành hoại đều khéo nhận biết rõ.

Lại đối với các pháp của thế gian, tự tánh, nhân duyên, ái vị, lỗi lầm tai họa, nẻo xuất ly, hành có thể hướng tới v.v... đều khéo nhận biết.

Vô thượng trọng phư, Điều ngự sĩ: Là trí không gì sánh bằng, không gì vượt hơn. Ở trong hiện pháp là đại trọng phư, đa phần điều phục vô lượng trọng phư, là tối đệ nhất, là tôn thắng tột cùng.

Thiên nhân sư: Do thiên nhân kia hiểu rõ nghĩa thâm diệu, siêng tu hành chánh đáng, có năng lực.

Nói Phật đà: Nghĩa là đoạn trừ rốt ráo tất cả phiền não cùng các tập khí, hiện đẳng chánh giác là đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Bạc Già Phạm: Là thân nhiên an tọa nơi tòa Bồ-đề vi diệu, tự nhiên có uy lực lớn, trừ diệt hết thảy quân ma.

Ở đây, Như Lai là nêu bày chung, đầu tiên. Ứng chánh đẳng giác, nghĩa là vĩnh viễn giải thoát tất cả phiền não chướng cùng sở tri chướng. Ở trong chỗ riêng, lược có hai thứ, đó là đức chung và đức không chung. Nơi đức chung lại nói giải thoát các phiền não chướng

và sở tri chương. Từ câu Minh hành viên mãn v.v... còn lại là đức không chung.

Lại nữa, ở trong tướng vô thường nơi Tổ-đất-lãm tu trì, nghĩa là hoặc tu hoặc tập, cho đến nói rộng. Tu quả nghĩa là tất cả dục tham, cho đến nói rộng. Tu sai biệt nghĩa là thí dụ sai biệt. Tu phương tiện, nghĩa là hoặc trụ nơi A-luyện-nhã cho đến nói rộng.

Ở đây, hoặc tu: Nghĩa là do tác ý liễu tướng.

Hoặc tập: Nghĩa là do tác ý thắng giải.

Nhiều tu tập: Nghĩa là do các tác ý còn lại.

Lại, hoặc tu: Nghĩa là đối với sự việc của đối tượng nhận biết, phát khởi hướng tới.

Hoặc tập: Là tu gia hạnh cần trọng không gián đoạn.

Nhiều tu tập: Là ở trong thời gian dài tu tập thành thực.

Là xứ: Là tạo chỗ dựa.

Là sự: Là tạo đối tượng duyên.

Tùy thuận: Là do tác ý tư duy.

Thường xuyên tập: Là được theo chỗ mong muốn, không gian khó.

Khéo thâm nhận: Là lắng nghe chánh pháp.

Khéo phát khởi: Là đối với bên trong, tác ý tư duy như lý.

Lại khéo thâm nhận: Là tác ý cần trọng.

Khéo phát khởi: Là tác ý không gián đoạn.

Lại, khéo thâm nhận: Là đạt đến cứu cánh.

Khéo phát khởi: Là gia hạnh chánh đáng.

Tùy thuận dục tham, nên nói về trạo cử.

Tùy thuận sắc tham, nên nói về mạn.

Thuận vô sắc tham, nên nói vô minh.

Dứt trừ cội rễ: Là diệt trừ tùy miên.

Bẻ gãy cành nhánh: Là pháp thiện của địa dưới, do tùy miên kia đã đoạn dứt, không tăng trưởng. Dùng tướng vô thường làm đối tượng duyên, hiển thị tướng vô thường. Tự tâm tác ý quán vô thường.

Đài gác: Là giải thoát cùng hành với tướng vô thường.

Rường cột: Là dựa nơi nhân kia.

Dấu chân voi: Là đối với các tướng như bất tịnh là bậc nhất, vì đối tượng duyên rộng lớn.

Lưu chú: Là nhân giải thoát cùng hành với tướng vô thường, có thể hướng đến Niết-bàn.

Mặt trời xuất hiện: Nghĩa là có thể đối trị vô minh tối tăm.

Như Luân vương: Là tướng vô thường của bậc vô học.

Như Thành vương: Là các tướng còn lại.

Lại, hoặc ở nơi A-luyện-nhã, hoặc ở nơi cội cây, hoặc ở nơi nhà trống vắng, hoặc ở nơi khoảng đất trống. Do chọn lấy cội cây là để ngăn che v.v... Tức gồm thâu việc xa lìa tất cả ngọạ cụ.

Chỉ có tánh của sắc là vô thường: Tức là chỉ có sắc, hoàn toàn không có ngã. Như thế là tu gia hạnh đúng đắn.

Lại nữa, lược có bốn thứ chướng ngại đi đến đạo, hai thứ đạo. Nghĩa là do nghi nên không thể phát khởi, hướng tới. Tuy lại phát khởi, hướng tới, nhưng do tâm tư tà vạy nên đi đến xứ khác. Do tâm tư của phân tà thấy hành, nên tuy không có sự việc này, nhưng không thể gắng nhận sự chỉ dạy, khuyên bảo trao truyền.

Chỗ gọi là phần: Là kẻ khác can ngăn lúc tranh chấp.

Nói khổ não: Nghĩa là người xuất gia không được tự tại, nơi các hành thô xấu, khó khăn, cảm đoán.

Nói không vui thích: Là các sự giận dữ xen tạp. Hai thứ này cũng như hầm, khe.

Lại, hai thứ ấy có thể tạo chướng ngại nơi đường đi. Tuy không có sự việc ấy, nhưng do lợi dưỡng cùng sự cung kính, nên vào nơi “sơn lâm” có thể bị chướng ngại.

Nói mãnh liệt: Là ở nơi rừng rậm sâu. Vì sao? Vì tuy xả bỏ sự việc đã thâm nhận, nhưng không thể xả bỏ chốn ấy.

Lại nữa, nói có sợ hãi: Nghĩa là có giặc trộm cùng kẻ gian trá.

Nói có lo sợ: Nghĩa là đi vào chốn rừng rậm, có các thú khủng bố của thú dữ cùng phi nhân.

Nói có đâm, chích: Là tất cả xứ có nhiều độc hại đâm, chích.

Nói lạc đường: Là đi đến xứ khác.

Nói đường xấu: Là không bằng phẳng.

Năm thứ như thế là hiển bày lỗi lầm của đường đi.

Gian dối hướng đến nẻo ác: Là hiển thị lỗi lầm của nẻo, cõi.

Lạc đường, đường xấu mà đi, cùng thân cận không phải bậc thiện sĩ: Là hiển thị lỗi lầm hiện có của hữu tình có thể đi đường. Các thứ giặc trộm v.v... gọi là không phải bậc thiện sĩ.

Lại nữa, không động: Nghĩa là tất cả tướng đều xa lìa.

Không chuyển: Là tham ái đã dứt hết, nơi các cảnh giới không còn chuyển biến.

Khó thấy: Là sâu xa.

Cam lồ: Là sinh lão bệnh tử đều vĩnh viễn dứt hết.

An ôn: Là vượt qua các tai họa, sợ hãi của tất cả người cùng phi nhân.

Trong lành mát mẻ: Là tất cả khổ não đều vắng lặng, nên hết sức trong mát.

Sự việc thiện: Là cảnh nơi đối tượng duyên của hiện pháp lạc trụ.

Hướng đến an lành: Là đoạn trừ tất cả phiền não nơi cảnh của đối tượng duyên.

Không sầu lo: Là vượt quá tất cả ái, phi ái. Lại, chứng đắc rồi không hoại mất.

Không chết mất: Là thường trụ nên không thoái chuyển.

Không bùng cháy: Là thanh tịnh.

Không nhiệt não: Là chỗ mong muốn bị thiếu thốn vĩnh viễn dừng dứt,

Không bệnh: Là tất cả bệnh, các ung nhọt đều hoàn toàn vắng lặng.

Không động loạn: Nghĩa là mọi thứ động loạn đều dứt hết.

Niết-bàn: Nghĩa là tất cả sự nương dựa đều vắng lặng.

Lại nữa, ngã do đâu không có? Ngã sở do đâu không có? Nghĩa là căn cứ nơi đời vị lai, đối với pháp thuộc về tánh của ngã, ngã sở, thuộc về nội xứ ngoại xứ, thể tánh của tự nội cùng sự việc được thấu nhận, mong cầu không sinh. Lại hiển thị chỗ mong cầu nương dựa không sinh, cùng mong cầu dựa nơi thọ kia không sinh.

Ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có: Nghĩa là căn cứ nơi đời hiện tại mà nói. Đây là quán vô thường diệt. Trước là quán nơi trạch diệt. Lại, trước chỉ có hy vọng. Sau, nơi nhân hiện tại, quán tánh vô thường.

Lại nữa, không tương tục: Là chết mất rồi, sau thì thức khác không sinh.

Nói không thủ: Nghĩa là thức không chỗ trụ, không có hướng nhập nơi sự danh sắc, nên tự thể vĩnh viễn không sinh.

Không sinh trường: Là không có danh sắc, lại tăng rộng.

Nói tất cả hành đều dừng lặng: Nghĩa là năm uẩn đều dừng dứt.

Lại nữa, chỗ gọi là không: Là lia tất cả phiền não.

Không chỗ thủ đắc: Là lia hết thảy tướng hiện có.

Nói ái dứt hết: Là không mong cầu sự việc vị lai.

Nói lia dục: Là hiện tại không thọ dụng hỷ lạc.

Chỗ gọi là diệt: Là các phiền não còn lại đều đoạn dứt.

Nói Niết-bàn: Là vô dư y.

Lại nữa, nói vô thường: Là pháp hư bại của tánh hủy hoại.

Nói hữu vi: Là chỗ tâm tư dựa nơi biên vực trước.

Nói tạo tác: Là chỗ hy vọng dựa nơi biên vực sau.

Nói duyên sinh: Là dựa nơi sức của các nhân duyên của hiện thể đã sinh khởi.

Pháp có tận: Nghĩa là một phần tận.

Pháp có mất: Là toàn phần diệt tận.

Lại, pháp có tận: Nghĩa là toàn phần diệt tận.

Pháp có mất: Nghĩa là biến hoại tương tục.

Pháp có lia dục: Là tương ưng với lỗi lầm, tai họa.

Pháp có diệt: Là tất cả pháp hữu vi đều có xuất ly.

Lại nữa, đoạn vô dư: Là câu nêu chung.

Vĩnh viễn trừ bỏ: Là các triền được đoạn trừ.

Vĩnh viễn biến đổi, loại bỏ: Là tùy miên được đoạn dứt.

Nói vĩnh viễn dứt sạch: Là quá khứ giải thoát.

Vĩnh viễn lìa dục: Là hiện tại giải thoát.

Nói vĩnh viễn diệt: Là vị lai giải thoát.

Vĩnh viễn tịch tĩnh: Là do kiến đạo.

Vĩnh viễn diệt mất: Là do tu đạo.

Nên biết ở đây do hai thứ đạo đoạn trừ sự phiền não, là hiển bày việc đoạn trừ rốt ráo.

HẾT - QUYỂN 83

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐẠO

QUYỂN 84

PHẦN NHIỆP DỊ MÔN 2

Lại nữa, Tụng nêu:

*Dục, ba thứ mời thỉnh
Pháp Tăng cùng tuệ thí
Chán, Phạm chí, vô thường
Tụ mạt là ở sau.*

Các dục vô thường, hư giả không thật:

Là nơi các dục nêu bày điên đảo. Do bốn thứ sự điên đảo ấy, nên biết ở đây hư dối nên vô ngã. Giả nên bất tịnh. Không thật nên khổ. Do nơi xứ này, lạc là không thật. Nhưng các dục kia giống như thường cùng hiện, gọi là pháp vọng, là sự điên đảo.

Vì sao các dục gọi là pháp vọng? Vì hiển bày nghĩa này đã nói về dụ sự huyễn, tuy vô thường nhưng giống như hiển hiện.

Đồng với pháp kia là dối hoặc kẻ ngu tối: Nghĩa là kẻ ngu si không hiểu biết, đối với các dục kia không nhận biết đúng như thật, nên ở trong đêm dài sinh tử luôn bị lừa dối, sinh nhiễm chấp sâu xa, bị khổ biến hoại bức bách. Các bậc thông tuệ thì không như thế vì đều nhận biết đúng như thật.

Lại, các dục kia dụ cho xương khô: Khiến không ăn no. Dụ cho cục thịt: Vì có nhiều chỗ chung. Dụ cho đước cỏ: Là nhân của hành ác, hành phi pháp. Dụ cho một phần than lửa: Là tăng trưởng đại nhiệt não của dục ái. Dụ cho rắn độc lớn: Vì là chỗ xa lìa của các bậc Thánh Hiền. Dụ cho điều có đước trong mộng: Vì mau chóng tan hoại. Dụ cho các vật trang sức đước nhờ mượn: Vì nhờ vào các duyên. Dụ cho quả chín muối nơi đầu ngọn cây: Là nơi chốn nguy vong. Lại bất tịnh: Là câu nêu chung.

Nói xú uế: Thọ dụng ăn uống là thành biến hoại. Phân, nước tiểu bất tịnh là chỗ đước tạo thành của biến hoại, nên gọi là xú xú uế. Các thứ biến hoại đước tạo thành như máu thịt v.v..., nên gọi là sinh xú uế.

Đáng chán, trái: Là thọ dụng dâm dục biến hoại đã thành đáng ghét bỏ.

Lại nữa, nên mời gọi: Căn cứ nơi sự xả bỏ tài sản thế gian.

Nên phụng thỉnh: Là căn cứ nơi sự dứt hết tham ái, muốn cầu quả báo thế nên mời gọi. Muốn cầu giải thoát, thế nên phụng thỉnh.

Nên chấp tay: Tức là hai sự lúc mới thỉnh.

Nên hòa kính: Nên hành lễ bái, hỏi thăm v.v... Nên có thể cùng với giới kia thấy đồng.

Phước điền vô thượng nơi thế gian nên phụng thí: Là đối với quả của tuệ thí kia là vô lượng.

Lại nữa, thuyết giảng thiện: Là văn nghĩa xảo diệu.

Hiện thấy: Là ở trong hiện pháp có thể chứng đắc.

Không nóng bức: Là lìa phiền não.

Không thời: Là ra khỏi ba đời.

Khó dẫn phát: Là lão bệnh tử không thể dẫn dắt.

Khó thấy: Là trong các nẻo như cõi trời v.v... không thể thấy.

Bên trong tự chứng đắc: Là chỉ tin nơi kẻ khác, là không thể chứng đắc.

Các bậc có trí: Là bậc hữu học, vô học.

Là nhà, là châu, là sự cứu giúp, là nơi quay về, là nẻo, cõi: Do các câu về sau giải thích câu lùi về trước, hiển bày nghĩa xuất ly. Lại có thể nhận biết rõ về bốn Thánh đế, nên gọi là chánh kiến.

Nói sinh khởi: Là nơi tất cả thời đều có thể sinh.

Đã sinh khởi: Là đối với đời quá khứ, trụ nơi quả vị vô học.

Nay sinh khởi: Là đối với đời hiện tại, hoặc đã chứng đắc, hoặc tu viên mãn.

Sẽ sinh khởi: Là hoặc chưa chứng đắc, hoặc siêng năng tu tập, nên tu nên tập.

Nên tu tập nhiều: Là theo chỗ ứng hợp, như trước nên biết.

Nên tùy hộ: Là xa lìa việc thuận theo pháp thời đọa.

Nói nên tiếp xúc: Là do thể của thân.

Nên tác chứng: Hoặc quả, hoặc thắng trí, như nói: “Ta đã chứng đạo”.

Hợp thời mà thuyết giảng: Hoặc nhận biết rõ kẻ kia nguyện vui thích muốn nghe, cùng gắng sức lãnh hội, mới có thể vì họ giảng nói. An tọa nơi tòa thấp v.v... đó gọi là thời gian ứng hợp, nên nêu bày việc làm lúc trước.

Nếu nhận biết rõ những kẻ kia là hạng tăng thượng rồi, tức liền cẩn trọng theo khả năng, đem hết những gì mình hiện có. Vì họ thuyết pháp. Vì muốn khai thị các thứ nghĩa chưa từng có với những sai biệt kia, không phải chỉ nêu những lời đẹp để tạo sự vui thích thuyết giảng mà thôi.

Thứ lớp: Là mở bày, chỉ rõ về nghĩa.

Theo chỗ kín đáo: Là nêu ra phần khó khăn trở ngại.

Tùy hợp: Là hiển bày việc giải thích phần kia.

Khiến hoan hỷ: Là sự hóa độ, thọ nhận giáo pháp.

Khiến yêu thích: Là nêu trong nơi chốn hóa độ.

Khiến vui vẻ thích thú: Là giáo hóa kẻ phi báng.

Khen ngợi, khuyến gắng: Là cầu đạt đức thật kia. Do xứng thuận tâm phát khởi ngôn âm của mình, đề cao, khen ngợi.

Trách cứ, trừ bỏ: Quán xét lỗi lầm thật kia. Do tâm không giận dữ phát khởi ngôn âm của mình nêu bày, chỉ rõ sự quở trách.

Đạo lý: Là gồm đủ bốn đạo lý. Tức là đạo lý quán đãi, đạo lý tác dụng, đạo lý pháp nhĩ và đạo lý chứng thành.

Có ích: Là đối với nơi chốn tạo tác, không dứt bỏ.

Không lẫn lộn: Là không tạp loạn, có quan hệ.

Có pháp: Là có thể dẫn đến nghĩa. Dựa nơi chỗ v.v..., có vô lượng thứ xuất ly, xa lìa pháp đã sinh.

Như chúng hội: Là tùy theo bốn thứ hội chúng như Sát-đế-lợi v.v..., có thể đạt được.

Do tâm từ: Là muốn khiến cho kẻ kia đạt được nghĩa an lạc.

Tâm lợi ích: Là làm thế nào sẽ khiến, nếu có người cần trọng lắng nghe chánh pháp, đều được tỏ ngộ, hiểu rõ, đạt được lợi ích lớn.

Tâm thương xót: Là nhằm khiến cho kẻ kia tu pháp, tùy pháp hành.

Không chỗ dựa: Là không vì lợi dưỡng, sự cung kính, tiếng tăm. Nghĩa là không dựa vào các sự việc như y phục, sự kính lễ v.v...

chỉ muốn khiến cho kẻ khác ngộ nhập chánh pháp. Lại không đối với kẻ khác có sự khinh miệt, cho đến nói rộng.

Không tự cao: Là không vì lợi dưỡng, sự cung kính mà nói như vậy: Chỉ ta là có thể nhận biết về pháp, luật như thế, không phải là các ông! Cho đến nói rộng, khen ngợi công đức của mình, nói bàn về lỗi lầm của kẻ khác.

Nơi các thời gian, nên lắng nghe pháp: Đến lúc như thế nên tự quán xét. Ta nay nói pháp, có nhiều chỗ tạo tác. Lúc kẻ khác nói pháp, nên nhận biết rõ, đúng, chớ khiến Ta ở trong ấy sẽ là chướng ngại. Tức liền cẩn trọng, đem tâm khiêm tốn, an tọa nơi tòa thấp, đầy đủ oai nghi, theo chỗ thích hợp, lắng nghe chánh pháp, khởi tướng cung kính. Vì muốn tỏ ngộ nghĩa trước chưa hiểu, nên khởi sự thưa hỏi. Nếu không hiểu, ngộ, hoặc lại chìm trong nghi hoặc thì trọn không chê trách. Đối với kẻ hơn thì cung kính, tùy thuận. Đối với kẻ ngang hoặc kém, do cung kính pháp nên cũng không xem thường. Đối với pháp sư thuyết giảng, sinh khởi sự tôn trọng sâu xa.

Như vị thuyết pháp: Là sẽ đạt được lợi ích của quả lớn vô thượng.

Không khinh thường pháp: Là không nên nói: Đây không phải là văn tự chương câu hay đẹp. Mọi văn cú hiện có thảy đều thô thiển.

Không khinh pháp sư: Là không nói: Vị ấy đối với ta là thuộc về tộc họ thấp kém.

Không tự khinh: Là không nói lời: Ta đối với việc lãnh hội pháp là không có năng lực! Đối với sự chứng đắc, không nên có sự khiếp sợ.

Tâm phụng giáo: Là tâm không nhiễu loạn, chỉ muốn cầu hiểu biết.

Tâm nhất hướng: Là nhằm nhận, hiểu về văn cú có sai biệt.

Nghiêng tai lắng nghe: Vì muốn nhận biết rõ về âm vận sai biệt.

Tu trị ý: Vì muốn ngộ nhập nghĩa thâm diệu.

Nơi tất cả tâm, không lúc nào là không giữ niệm: Vì muốn nhận hiểu không gián đoạn về nghĩa của âm vận văn cú, không gì là không nhận biết rõ. Không gì là không thông đạt, mà không lỗi lầm.

Lại nữa, nói hành đúng đắn: Là câu nêu tổng quát.

Hành hợp lý: Là trụ nơi quả hữu học.

Hành chất trực: Là trụ nơi hướng đạo.

Hành hòa kính: Là bậc vô học kia, do chỉ đối với chánh pháp cùng các học xứ của Đại sư luôn cung kính sâu xa.

Hành tùy pháp: Là vào lúc nhân chuyên pháp, hành theo pháp, do nghe âm thanh khác, nên bên trong tư duy đúng như lý.

Lại, hành hợp lý: Là chánh đạo kia cùng hành của quả diệt.

Hành chất trực: Là như Thánh giáo kia, tu tập hành trì đúng đắn, không dua nịnh, không dối gạt, hiển hiện như thật.

Hành hòa kính: Là cùng với sáu kiên pháp cùng tương ưng.

Hành tùy pháp: Là hành pháp theo pháp nơi các bậc A-la-hán các lậu đã vĩnh viễn dứt hết, cho đến nói rộng. Rốt ráo tột cùng, cho đến nói rộng. Cũng gọi là xuất ly, vượt ra khỏi hầm, hào. Vượt qua hầm, hào, cho đến nói rộng. Vĩnh viễn đoạn dứt năm chi, thành tựu sáu chi, cho đến nói rộng, đạt được pháp dự lưu, không điên đảo rơi rớt, quyết định hướng đến ba quả Bồ-đề, cho đến nói rộng. Như thế, tất cả ở trong Phần Nhiếp Sự thuộc tự xứ sẽ nói rộng. Lại, con của Đại sư: Là câu nêu chung.

Sinh từ bụng: Là xét chọn, loại trừ con của hàng phàm phu thấp kém.

Sinh từ miệng: Là theo âm thanh thuyết pháp mà sinh ra.

Sinh từ pháp: Là chỗ sinh của pháp tùy pháp hành, tác ý như lý.

Hóa từ pháp: Là từ đường pháp thân mà được thành lập pháp tương tự.

Pháp đẳng phân: Là thọ dụng pháp tương tự nơi tài sản, vật báu của pháp vô lậu. Các câu như thế là hiển thị sinh tăng thượng viên mãn, cùng pháp tương tự của bậc cha mẹ, sinh viên mãn. Nghĩa là câu đầu tức ở trong sự tăng thượng kia, sinh viên mãn, ngăn chặn lỗi lầm của vật chứa đựng. Câu thứ hai, ngăn chặn sự sinh từ tinh huyết bất tịnh kia. Câu thứ ba ngăn chặn sự sinh của dục tham phi chánh pháp. Ba câu như vậy, là hiển thị sinh tăng thượng, viên mãn. Câu thứ tư, hiển thị pháp tương tự của tự thể. Câu thứ năm hiển thị việc thọ dụng pháp tương tự. Hai câu như vậy là hiển thị pháp tương tự của cha, sinh viên mãn.

Lại, nêu bày: Là duyên.

Tích tập: Là nhân.

Duyên tăng thượng nên gọi là chủng loại kia. Nhân tăng thượng nên gọi là sự sinh kia. Tuy chỗ sinh của nhân phải nhờ vào uy lực của duyên mới được sinh khởi, vì sự nương dựa kia. Lại ở trong ấy, câu sau giải thích câu trước.

Lại khéo thấy: Là câu nêu chung.

Nói khéo nhận biết: Là nhận biết về pháp, nghĩa.

Khéo tư duy: Là như nơi chánh lý mà tư duy.

Khéo hành tuệ sáng: Là nhận biết toàn phần.

Khéo thông đạt: Là nhận biết như thật.

Do hai câu sau hiển bày tánh khéo thấy. Do hai câu trước hiển bày về gia hạnh kia.

Lại nói bậc Thánh: Là vô lậu.

Cùng tại Thánh giả: Là trong sự nối tiếp.

Nói xuất ly: Là xuất ly tất cả khổ của ba cõi.

Nói quyết đạt: Là xuất ly rốt ráo không thoái chuyển.

Lại nữa, các pháp đều lấy Đức Thế Tôn làm gốc: Do Đức Phật Thế Tôn là bậc đầu tiên hiện Đẳng giác.

Đức Thế Tôn là mắt: Là hiện đẳng giác rồi, vì chư thiên, người v.v... mở bày, chỉ rõ.

Đức Thế Tôn là chỗ dựa: Là trong pháp đã nêu giảng, theo chỗ sinh khởi tất cả nghi hoặc đều có thể loại trừ.

Lại, Đức Phật Thế Tôn có thể làm mắt: Tức là có thể dẫn phát tuệ câu sinh.

Có thể làm trí: Là có thể dẫn phát tuệ gia hạnh.

Có thể làm nghĩa: Tức có thể dẫn phát tuệ do tư tạo thành.

Có thể làm pháp: Tức có thể dẫn phát tuệ do văn tạo thành.

Nghĩa không hiển bày rõ, có thể quyết đoán: Tất cả nghi hoặc đều có thể đoạn trừ.

Có thể làm chỗ dựa cho tất cả nghĩa: Là có thể dẫn phát tất cả sự hưng thịnh của thế gian cùng xuất thế gian.

Lại nữa, chán: Nghĩa là ở nơi kiên đạo.

Nói lia dục: Tức ở nơi tu đạo, lia dục rốt ráo.

Chỗ gọi là diệt: Nghĩa là đối với bậc vô học, tất cả chỗ dựa đều diệt hết. Hai thứ trước là ở nơi vị gia hạnh tu tập hành chán bỏ cùng hành lia dục. Một thứ sau là ở nơi vị vô học, hành nơi hành diệt trừ.

Lại nói chán: Là do kiên đế, nên đối với tất cả hành thấy đều chán trái.

Nói lia dục: Là do nơi tu đạo vĩnh viễn đoạn trừ tham.

Nói giải thoát: Là do lia tham, nên hoàn toàn an ổn. Đối với các phiền não khác, tâm được giải thoát.

Giải thoát khắp: Là phiền não được đoạn trừ, đối với các khổ như sinh v.v... đều được giải thoát khắp.

Lại nữa, đó là Bà-la-môn, rất ráo đến bờ kia. Dứt trừ các ác, đó là về tướng.

Không do dự v.v...: Là đối với chỗ tự chứng đắc lia mọi nghi hoặc.

Đoạn các thứ tạo ác: Đối với việc nên làm, không gì là không làm. Việc không nên làm thì không có làm.

Lia những tham ái: Là không có ái của lợi dưỡng, cung kính. Nơi hữu, phi hữu vương mắc, không có tùy miên: Là tùy miên đã vĩnh viễn dứt trừ. Nên biết ở đây, hoặc là đời hiện tại, hoặc là đời vị lai, gọi đó là hữu. Nơi đời quá khứ gọi là phi hữu. Do các câu ấy, quan sát thuận hợp về tướng của Bà-la-môn. Do ba câu trước hiển thị về đa văn cùng với chánh tri, quan sát về tướng. Hoặc cho là tu tập phẩm thiện không đúng đắn.

Lại hiển thị một câu thứ tư, quan sát về tướng. Ở đây, chấp trước, tức là tám thứ chấp trước. Ở trong phi hữu tạo chấp trước nơi sâu lo. Ở trong hữu thuộc về đời hiện tại, có năm thứ chấp trước:

- (1) Tạo tu trị.
- (2) Tạo cứu hộ.
- (3) Tạo Ngã sở.
- (4) Tạo cao thắng.
- (5) Hành thấp kém.

Ở trong hữu thuộc đời vị lai, tạo hành tạo động chung nơi ba xứ.

Tạo dày nặng hết mực. Tạo vị ngọt hết mực.

Tạo sâu lo: Là chỗ yêu thích bị biến hoại.

Tạo tu trị: Là nuôi dưỡng, thâm chứa.

Tạo cứu hộ: Là đối với xứ bức nảo cầu tạo cứu giúp.

Tạo ngã sở: Là chấp làm ngã sở.

Tạo cao thắng: Cho ta là hơn mà khởi kiêu mạn. Như Đức Thế Tôn nói: Chúng sinh nơi thế gian, mạn là ngọn cờ cao.

Hành thấp kém: Tức cho ta là kém mà khởi kiêu mạn.

Nói tạo hành: Là mong cầu ái nơi đời vị lai.

Nói tạo động: Là đã hy vọng rồi, tạo phương tiện để truy cầu.

Tạo dày nặng hết mục: Là chỗ yêu thích không thể ăn dùng.

Tức các thứ vàng bạc v.v... có thể giữ lấy, trao đổi.

Tạo vị ngọt hết mục: Là có thể ăn dùng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là năm câu này lược hiển bày về được đạo, quả đạo, tác chứng.

Đó là Bà-la-môn: Là lược hiển bày về được đạo.

Không do dự cùng đoạn trừ các thứ tạo ác, lia các tham ái, đối với hữu, phi hữu chấp trước, không có tùy miên: Các câu như thế là lược hiển bày về tác chứng đạt được quả đạo. Nơi ghi nhận chỗ hiểu rõ, các nghi hoặc đã đoạn. Ở trong chỗ hành, hành tất cả pháp quên mất đều dứt. Đối với đời vị lai, nhân khổ đã đoạn. Nhân khổ của hiện tại là thô trọng cũng đoạn.

Chỗ gọi là hữu: Tức ở trong nghĩa này, nên biết đối với tác ý các tướng là thuộc về ba cõi.

Nói phi hữu: Là tác ý tư duy đối với cõi vô tướng.

Chỗ gọi là chấp trước: Tức trong nghĩa ấy là tham sân si.

Như nơi định vô tướng, các bậc hữu học cũng có tùy miên. Không phải A-la-hán có được tâm tư hý luận vương mắc nơi tướng.

Bốn thứ tạp nhiễm: Hai thứ trước là phẩm xuất gia. Hai thứ sau là phẩm tại gia. Do có tùy miên chấp trước nên chúng được sinh khởi. Các người xuất gia do truy cầu nhớ nghĩ về cảnh đã từng trải qua, nên có tâm tư hiện hành động loạn, có hý luận.

Các người tại gia trụ nơi cảnh hiện tiền, có vương có tướng, do có nhiễm chấp giữ lấy các tướng.

Lại có hai thứ nhân duyên tạp nhiễm. Nghĩa là tác ý không như lý cùng thuận theo pháp của xứ kia. Do nhân duyên này, nên pháp kia được sinh khởi. Thế nên nói đây là nhân duyên kia. Lại nữa, vô thường hiện có đều là khổ. Nghĩa như thế nào? Như có chúng đồng phận vô thường: Có các khổ như sinh, già v.v... sinh khởi. Hoặc dựa nơi các xúc có các thọ: Các pháp kia đều biến hoại, sinh rồi liền diệt, nên nói các thọ thấy đều là khổ. hoặc có pháp khổ như sinh v.v..., cùng có pháp khổ như hoại v.v..., chúng đều vô ngã, tự không phải là ngã. Ở nơi xứ sở này cũng không có ngã. Do đây thâm nhận hành không, vô ngã.

Lại hiểu rõ: Là tuệ do văn tạo thành. Các trí luận đã nói như thế.

Cùng hiểu rõ: Là tuệ do tư tạo thành.

Hiểu rõ kỹ lưỡng: Là tuệ do tu tạo thành. Tức ở trong hành của ba tuệ như thế, các nhãn hiện có gọi là vui thích. Hoặc cùng vui thích, hoặc vui thích khắp.

Lại có tùy quán vô thường, tùy quán đoạn, tùy quán lìa dục, tùy quán diệt: Như nơi Địa Thanh văn đã phân biệt rộng.

Lại, chỗ tổn hại của sức vô thường, cho đến nói rộng. Nên biết văn lược tăng một là hiển bày về vô thường v.v... có sai biệt. Chứng ngại có sai biệt là sau, như chỗ ứng hợp.

Vì muốn đạt được chỗ chưa được: Là đầu tiên được. Hoặc trước là chỗ chứng đắc có thấp kém, nên đối với phần trên tác chứng có sai biệt: Nghĩa là đối với chỗ đoạn trừ mà tác chứng.

Nói quán xét: Đây là nói về tuệ.

Nói thâm lự: Là nói về Tam-ma-địa.

Quan sát như lý: Đây là nói về hai pháp chuyển không điên đảo.

Tuy thật không có mà hiển hiện: Là ở trong ấy thật không có lạc.

Hư: Là không, vô ngã.

Ngụy: Là bất tịnh.

Không chắc chắn: Là vô thường.

Đây tức hiển thị không có bốn điên đảo.

Lại nữa, sắc như bọt nước tụ lại: Là mau chóng tăng giảm. Sinh từ thủy giới. Suy xét về vị ăn uống sinh từ nước, không thể bớp nặn, mài xát không phải như nắm bùn đất có thể khiến chuyển biến, tạo tác vật khác. Thế nên nói là không thể nặn, bớp.

Lại, thật không phải tích tụ, mà hiển hiện tựa như tích tụ. Có thể phát khởi sự hiểu biết các một hữu tình.

Thọ nhận dụ về bọt nổi: Là do ba hòa hợp sinh, không trụ lâu, chắc, là pháp tương tự.

Nói như đất: Đó là chỗ sinh dựa của các căn.

Nói như mây: Nghĩa là các cảnh giới.

Nói như mưa: Đó là các thức.

Như mưa tạt mạnh: Đó là các xúc.

Như bọt nước nổi: Đó là các thọ, mau chóng khởi, tàn, không trụ chắc bền.

Tướng đồng dạn nắng: Là tánh động của gió táp, vô lượng thứ cùng biến đổi sinh, khiến nơi đối tượng duyên phát khởi điên đảo, khiến nơi cảnh giới hiển bày rõ hết mục. Do sự phân biệt về tướng như nam nữ v.v... nên thành sai biệt.

Thế nào là hành giống như cây chuối? Như người mắt sáng: Là các Thánh đệ tử.

Nói nhọn bén: Là tuệ diệu như đao.

Nói đi vào rừng: Là đối với năm nẻo khởi ý duyên dựa nơi vô số tự tánh thuộc các khổ sai biệt, đồng gây trồng pháp.

Vì thủ là trụ cây chuối thẳng đứng: Là ngã kiên của người tạo tác, người thọ nhận.

Chặt đứt từ gốc: Là đoạn trừ ngã kiến.

Bẻ phá cành lá: Là xét chọn thật vi tế, chỉ có vô số các hành như tư v.v..., là pháp sai biệt.

Trong ấy đều không chỗ đạt được: Nghĩa là pháp kia trải qua thời gian không trụ chắc chắn.

Hướng chi là chắc thật: Tức hướng chi có thật ngã thường hằng khác nơi kẻ tạo tác, người thọ nhận mà có thể thấy được.

Thế nào là thức như sự huyền?

Nói kẻ huyền: Là tùy nơi hành phước, phi phước, bất động.

Thức trụ nơi ngã tư đường: Là trụ nơi bốn thức trụ.

Tạo tác bốn thứ sự huyền hóa: Nghĩa là voi, ngựa v.v...

Như thân voi v.v..., tuy hiện có thể thấy, nhưng không phải là các sự của thân voi chân thật. Như thế nên biết, tùy theo hành phước, phi phước, bất động, thức trụ nơi bốn thức trụ, tuy có tướng ngã có thể thấy của kẻ tạo tác cùng kẻ thọ nhận, nhưng không phải là tánh ngã chân thật có thể đạt được.

Lại, thức, nơi bên trong ẩn giấu tánh thật, bên ngoài hiện tướng khác, cũng như hình tượng huyền.

Lại nữa, đã nói về dị môn của phẩm Bạch. Dị môn của phẩm Hắc, nay sẽ nói. Tụng nêu:

*Sinh lão tử cùng tạng
Đáng vui cùng phiền não
Nói rộng tham sân si
Thiếu cùng với sai biệt.*

Chỗ gọi là sinh: Là đầu tiên kết sinh, tức vị danh sắc cùng sinh. Tức là thai tạng viên mãn. Xuất nghĩa là ra khỏi thai. Hiện nghĩa là trẻ con cho đến phần vị thiếu niên, trung niên.

Khởi: Là cho đến phần vị lão niên tột cùng,

Lại uẩn đạt được: Là giới đạt được của phần vị danh sắc.

Tức ở trong phần vị này có được chủng tử kia.

Nói xứ đắc: Là danh sắc tăng trưởng nơi sáu xứ viên mãn.

Các uẩn hiện: Là từ khi ra khỏi thai cho đến phần vị già.

Mạng căn khởi: Là xả bỏ chúng đồng phận cũ, nhận lấy chúng đồng phận mới.

Lại nữa, nói té ngã: Là lúc tuổi tác già suy đi đứng, lui tới phần nhiều bị vấp ngã.

Nói đầu bạc: Là tóc lông biến đổi thành màu bạc trắng.

Nói nhiều nếp nhăn: Là da lần lượt nhăn nheo.

Nói suy kém cùng cực: Là lúc tuổi tác già nua, suy yếu, không còn tươi tắn như trước.

Nói hư hoại: Là mọi sức lực khỏe khoắn đều không có.

Lung còng khòm: Là thân hình cúi thấp về trước, phải dựa vào gậy mà đi.

Có nhiều chấm đen hiện nơi thân: Là những nốt ruồi xanh đen xen lẫn khắp chi thể.

Nói già cả tồi tăm: Là đối với các việc làm, đi đứng v.v... đều không có nhiều năng lực.

Nói suy yếu: Là các căn đối với cảnh đều không thể hành tác.

Nói suy thoái: Là trí tuệ nhớ nghĩ đều hết khả năng.

Suy thoái khắp: Là các căn cùng trải qua những niệm kia, chỉ trong nháy mắt đều tổn giảm dần.

Các căn chín muồi: Tức các căn suy phê, không còn có thể hoạt động.

Các hành hư hoại: Là chỗ dựa của căn trải qua thời gian lâu.

Thể hủ bại: Tức nói về tánh kia suy biến.

Lại nữa, chết mất: Là xả bỏ thân hình.

Chung cuộc: Là lúc sắp qua đời.

Táng: Là vào lúc ấy thi hài vẫn còn.

Chết mất: Là hoặc vào lúc ấy thi hài đã diệt hẳn.

Lại, táng: Là căn cứ nơi sắc thân.

Chết mất: Là căn cứ nơi danh thân.

Thọ mạng thoái lui, hơi ấm thoái lui: Là thời gian sắp sửa mạng chung, tâm khác vẫn còn.

Mạng căn diệt: Là tất cả thọ lượng đều cùng tận.

Tử: Là thức kia đã từ bỏ trái tim nơi ngực.

Tồ lạc (Người chết): Là từ khi chết trở về sau, hoặc bảy ngày, hoặc lại trải qua hai ba lần bảy ngày.

Lại nữa, hết thấy hàng phạm phu ngu tối, đối với sáu xứ kia, do chấp ngã nên gọi là tạng. Chấp ngã sở nên gọi là hộ. Do Tát-ca-da dùng làm căn bản, đều khác với “kiến thú” thế gian, có sai biệt. Ngã

mạn nơi ái tăng thượng hiện hành, nên gọi là phú. Sáu xứ hiện có, thuận nơi lạc thọ, có tham dục nên gọi là vị. Sáu xứ hiện có, thuận nơi khổ thọ, có giận dữ nên gọi là kiết. Sáu xứ hiện có, thuận nơi không khổ không lạc thọ, có ngu si nên gọi là hợp.

Sáu xứ hiện có, đối với đời quá khứ, có lưu luyến, nên gọi là tùy miên. Sáu xứ hiện có, đối với đời vị lai, có trông mong nên gọi là hệ thuộc. Sáu xứ hiện có, đối với đời hiện tại, có tham đắm cầu nhiễm nên gọi là chấp trước.

Sáu xứ, đối với tự thân nhận thân khác, chấp làm ngã sở. Sáu xứ ở trong chỗ hơn kém không tự thân nhận khác, dựa nơi chủng loại mạn, phát khởi mạn. Nơi địa bất định hệ thuộc cõi dục, phát khởi mong cầu càng về sau hiện có. Nơi địa định thuộc cõi sắc, vô sắc, như chỗ ứng hợp, do rộng lớn, vi diệu, nên phát khởi dày nặng.

Dựa nơi sắc thanh hương vị xúc của phẩm tại gia, do ái vị quyền thuộc đã theo đuổi gắn chặt, nên phát khởi vị ngọt.

Dựa nơi sáu xứ của phẩm xuất gia, do phiền não như biếng nhác, phóng dật, nên đối khắp tất cả, không thể lìa bỏ.

Lại nữa, đáng vui, đáng thích, đáng yêu, hợp ý: Nên biết bốn câu này lược hiển bày sự việc khả ái. Sự việc khả ái ấy lược có ba thứ:

- (1) Sự việc có thể mong cầu.
- (2) Sự việc có thể tâm tư.
- (3) Sự việc có thể tham đắm, chấp trước.

Sự việc khả ái của vị lai có thể mong cầu, nên gọi là đáng vui.

Sự việc khả ái của quá khứ chỉ đáng mong muốn, nên chỉ có thể ưa thích, gọi là đáng thích.

Sự việc khả ái của hiện tại lược có hai loại:

- (1) Sự của cảnh giới.

(2) Sự lãnh nhận.

Nếu sự của cảnh giới đáng yêu thích nên gọi là đáng yêu. Hoặc sự lãnh nhận đáng yêu thích, gọi là hợp ý.

Như vậy, chỗ nói về các sự đáng yêu, hoặc quá khứ hoặc vị lai hoặc hiện tại, hoặc cảnh giới hoặc lãnh nhận, có sai biệt. Hoặc gọi là sự việc có thể mong cầu. Hoặc gọi là sự việc có thể tầm tư. Hoặc gọi là sự việc có thể tham đắm chấp trước. Thế nên nêu bày tất cả các câu sai biệt như vậy.

Lại đáng vui: Là căn cứ nơi đòi vị lai, có thể mong cầu.

Đáng thích: Là căn cứ nơi đòi hiện tại, hiện có thể mong muốn vui thích không chán đủ.

Hợp ý: Là căn cứ nơi đòi quá khứ, theo niệm vừa ý mà truy tìm nhớ nghĩ.

Đáng yêu: Là căn cứ nơi tướng của sắc diệu, thâm tóm chung ba đời đều đáng yêu.

Lại, đáng mong muốn: Là ghi nhớ niệm vừa ý.

Dục dẫn khởi: Là hệ thuộc cõi dục.

Hoặc lại tùy thuận hai thứ thọ dụng dục sai biệt.

Có thể nhiễm chấp: Là xứ sở của tham.

Lại nữa, đối với năm thứ sự có thể hòa hợp, nên gọi là kiết. Năm thứ sự là:

(1) Sự của đối tượng kiết.

(2) Sự của chủ thể kiết.

(3) Sự của tội lỗi.

(4) Sự đặng lưu.

(5) Sự hướng đến.

Đối tượng duyên của các kiết gọi là sự của đối tượng kiết. Vì sao? Vì do ái, giận, đều ở nơi đối tượng duyên, theo tướng sai biệt mà hòa hợp. Tức các kiết kia lần lượt cùng dẫn phát mà hòa hợp, nên gọi là sự của chủ thể kiết.

Nhân duyên của các kiết, ở trong hiện pháp có thể sinh tội lỗi, cho đến lãnh nhận. Từ chỗ sinh tâm pháp ưu khổ kia, do nhân duyên này, có thể hòa hợp, nên gọi là sự của tội lỗi. Là nhân sinh thành của tham v.v... mãnh liệt nơi đời vị lai, mà hòa hợp, nên gọi là sự đấng lưu. Có thể sinh nơi năm nẻo, ở trong các nẻo có thể hòa hợp, nên gọi là sự hướng đến. Do nhân duyên ấy, tự hành hành ác, gặp phải vô số các khổ như bị đánh đập, trói buộc, trách mắng, xua đuổi, mà sinh khởi, nên gọi là có thể tự tổn hại. Nếu không tự gặp, mà khiến kẻ khác gặp, gọi là có thể tổn hại kẻ khác. Hoặc do kẻ kia nên tự tha cùng gặp, gọi là có thể cùng tổn hại.

Có thể sinh tội của hiện pháp: Nghĩa là do kẻ kia cố gặp, như chỗ nói về vô số sự khổ, nhưng không quyết định đi đến các nẻo ác.

Có thể sinh tội của hậu pháp: Tức là do kẻ kia, nên tuy ở nơi hiện pháp, kẻ khác không biết, nhưng có thể làm nhân đi đến các nẻo ác.

Có thể sinh tội của hiện pháp, hậu pháp: Nghĩa là gồm đủ hai thứ. Ở trong hiện pháp mang giữ nhiều nhiễm chấp, chỗ mong muốn không thành, sinh ra vô số tâm pháp sâu khổ, lại, nơi đời vị lai đi đến các nẻo ác. Kiết tuy vô lượng, căn cứ theo chỗ nổi bật mà nói, lược có chín kiết. Lại căn cứ nơi nghĩa không thuận theo chỗ mong muốn, nên nói có ba thứ trói buộc, tức là tham sân si dựa vào ba thọ. Do nhân duyên kia, tức tuy muốn thoát khỏi chúng, nhưng không thể thoát, nên gọi là trói buộc.

Lại, phần thô trọng của phẩm phiền não, với chỗ theo đuổi của chúng tử gọi là tùy miên, là nghĩa tùy buộc, là nghĩa vi tế, chọn lấy phần căn bản chỉ có bảy thứ.

Lại từ phiền não sinh, gần gũi với phiền não, theo đây não loạn tâm, nên gọi là tùy phiền não. Trừ bảy tùy miên, tất cả pháp nhiễm ô tâm còn lại đều là tùy phiền não.

Lại, là nghĩa hiện khởi nối tiếp không đoạn dứt, nên gọi là triển. Triển có tám thứ, tức như không hổ v.v...

Lại, chúng có thể khiến chuyển thành phẩm thượng, tương tục khởi, có thể khiến cho thân tâm không còn năng lực, nên gọi là “Chu ngọt”. Như ruộng đất bị ngập mặn, không thể gieo cấy trồng trọt.

Lại, xứ sở khác, nên chỗ sinh nghi kia có sai biệt, tức nói năm gốc tâm. Sai biệt như tham v.v... nên nói có ba thứ.

Lại, chúng có thể khiến không thanh tịnh nên gọi là cấu uế.

Lại, nơi các môn xứ luôn đầy dẫy, nên gọi là “Nhĩ già”. Luôn có thể nào hại nên cũng gọi là “Nhĩ già”.

Lại, chúng có thể khiến cho không tịch tĩnh, nên gọi là mũi tên. Như bị tên độc găm vào người, nếu khi chưa nhổ ra thì phần nhiều không tịch tĩnh.

Lại có thể gây chướng ngại cho xả, có hý luận, nên gọi là sở hữu.

Lại, hành phi pháp, hành không bình đẳng hiện tiền, nên gọi là hành ác.

Lại có thể cùng đầy khởi các hành ác của tất cả phiền não, nên gọi là căn. Lại có thể xuất sinh sự sinh của vị lai nên gọi là lậu. Lại, đã sinh rồi, do già, chết v.v... khiến bị thiếu thốn, nên gọi là hết sạch.

Lại, không yêu thích thì gặp gỡ, chỗ yêu thích thì trái lìa, tham cầu lợi dưỡng bị thiêu đốt, nên gọi là đốt cháy. Lại có thể khiến sâu than khổ não, nên gọi là não. Lại có thể khiến thuận theo dòng chảy mà chìm nổi nên gọi là bực lưu. Lại dựa vào biên vực trước, có thể làm phương tiện thuận lợi cho sự lưu chuyển của sinh tử nơi hiện

pháp, nên gọi là ách. Lại dựa vào hiện tại, có thể làm phương tiện thuận lợi cho vị lai, nên gọi là thủ.

Lại khó lãnh hội nên gọi là hệ thuộc. Lại, đối với sự việc nơi đối tượng nhận thức, có thể gây trở ngại cho trí, nên gọi là cái. Lại, so với cõi sắc, vô sắc thì cõi dục là phần dưới. So với tu đạo thì kiến đạo là phần dưới. Do căn cứ nơi hai phần dưới này có sai biệt, theo chỗ thích hợp, gọi là năm chướng phần dưới, cũng gọi là năm kiết phần dưới. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là năm kiết phần trên.

Lại nói là rừng: Là có sinh vô số khổ uẩn. Thễ tánh do gần với ái nên chúng được tăng trưởng, gọi là “Trù lâm” (Rừng rậm).

Lại có thể phát khởi vô số thứ phần nộ gay gắt như tranh chấp, kiện tụng v.v..., nên gọi là tránh.

Là chỗ đối trị của minh, nên gọi là hắc. Có thể dẫn đến khổ nên gọi là vô nghĩa. Không có chỗ dụng, nên gọi là tệt. Tánh thấp kém, nhiễm ô nên gọi là có tội. Không nên quen gần, nên gọi là nên xa lìa. Hủy phạm giới thanh tịnh đã thọ, nên gọi là phạm Thi la.

Lại, pháp ác: Nghĩa là không hổ không thẹn rất mãnh liệt, không tin Phật cùng hủy báng Hiền Thánh, tương ưng với tà kiến. Hoặc lại có vô số pháp ác hiện hành. Lại có tâm tham dục, giận dữ v.v... cho đến nói rộng.

Nên biết ở đây, bên trong hư hoại, bên ngoài mang tướng Sa-môn, nên bên trong không có pháp Sa-môn. Cũng như cây to, vỏ bên ngoài còn chắc đẹp, nhưng bên trong bị trùng ăn ruỗng cả.

Sinh sản thấp: Đã nói rộng như trong pháp môn hạ sản và không hạ sản.

Loài ốc sinh nơi nước: Là chỗ nghe nhận cùng với nước tương tự, trừ khát ái. Hoặc các Bí-sô phạm giới cấm v.v..., như loài ốc kia

làm uest đực nước trong. Thế nên, cũng như có loài ốc thì nước không thể dùng uống, nên xa lia.

Tiếng ốc, chó đi: Nghĩa là các Bí-sô hành tập hành ác, lúc thọ nhận các thứ lợi dưỡng, ngoại cụ v.v... tự xưng niên lập là bậc nhất.

Thật không phải Sa-môn, xưng là Sa-môn: Đã mất phần Sa-môn xưng là có phần Sa-môn. Thật sự mang giữ đực ác, mà tự xưng nói ta là Sa-môn đích thật bậc nhất.

Phi phạm hạnh: Thật không phải là xa lia pháp dâm đực cấu uest, mà tự xưng nói là ta đã xa lia.

Lại, mất tánh Bí-sô, mà tự xưng có tánh Bí-sô. Do đó gọi là vọng xưng phạm hạnh. Thật không phải là Sa-môn, mà tự xưng nói ta là Sa-môn chân thật bậc nhất. Thế nên gọi là vọng xưng Sa-môn.

Lại, xả bỏ chỗ đã thọ nhận, nên gọi là phạm Thi la. Trước bỏ pháp ác, lại nhận lấy trở lại, nên gọi là pháp ác.

Hình tướng, ý lạc cùng không tương xứng. Do nhân duyên này nên gọi là bên trong hư hoại. Theo chỗ mong muốn mà hành, trụ nên gọi là sản sinh thấp kém. Hủy nhục chỗ đã nghe hiểu nên gọi là loài ốc sinh nơi nước. Do thọ dụng sai lạc các thứ tín thí, nên gọi là “tiếng ốc, chó đi”. Ngôn thuyết tà vạy, nên gọi là vọng xưng Sa-môn, phạm hạnh.

Lại có tham sân si phần hận v.v..., cho đến nói rộng về các thứ sự chi li, vụn vặt, trong phần Nhiếp Sự sẽ nói rộng.

Lại có pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, sinh, lão, cho đến thiêu đốt. Theo nơi xứ sở, tức ở trong phần kia sẽ nói rộng.

Lại nữa, nhiễm: Là vui thích chấp trước nơi thọ dụng.

Chấp trước: Tức đối với pháp kia không chỗ luyến tiếc.

Tham ăn uống: Là trông mong các sự thọ dụng đạt được nơi vị lai.

Nuốt vào: Là chỗ nuốt thâu của các thứ phiền não trợ bạn còn lại.

Mê muội: Tức tiếp sau sẽ nói.

Tham đắm vương mắc: Là chấp chặt điều đã đạt được, không hề có sự suy tính.

Tham cầu: Là siêng gia hạnh để truy cầu điều chưa được.

Dục: Là đối với pháp đã đạt được, chưa đạt được, đều mong cầu đạt được cùng thọ dụng.

Tham: Là đối với sự thọ dụng, vui thích chấp chặt.

Thân thuộc cùng yêu thích: Như trong chỗ thân thuộc, chỗ yêu thích nên biết về tướng của chúng.

Tạng: Là ở trong tự thể thuộc về bên trong, đã yêu thích.

Hộ: Là yêu thích ở trong sự nối tiếp của kẻ khác.

Chấp: Là yêu thích ở trong ngã sở.

Khát: Là mong cầu tăng gấp bội.

Chỗ nhiễm: Là ở nơi xú tham.

Chỗ kiêu mạn: Là nơi chốn trú ngụ của bảy thứ kiêu mạn.

Chỗ dục: Là nơi chốn cư ngụ của vô số phẩm loại thọ dụng tham dục.

Chỗ thân thuộc: Là nơi chốn tùy thuộc của các sự yêu thích luyến tiếc về quá khứ.

Chỗ yêu thích: Là nơi chốn tùy thuộc của các thứ yêu thích, vui mừng nơi hiện tại.

Lại, trong hiện pháp, thường xuyên quen gần với ái, gọi là thân thuộc. Chỗ phát sinh ái do thường hành tập nơi đời trước gọi là yêu thích.

Chỗ mê muội: Là không thể ở trong ấy quán xét về công đức cùng lỗi lầm.

Chỗ tham chấp: Là nơi chôn trú ngụ của tâm tham đắm dục lạc.

Chỗ trói buộc vướng mắc: Là nơi chôn cư ngụ của tham sân si.

Chỗ mong cầu: Là khả năng sinh khởi ái.

Chỗ trói buộc, lệ thuộc: Là nơi chôn cư trú của tất cả kiết.

Là kẻ ác tạo tác: Là có thể hòa hợp với pháp bất thiện.

Vì khiến hiện tiền mà vui thích: Nghĩa là dùng ngôn ngữ mà truy cầu.

Vì khiến chứng đắc mà vội vàng, chăm chú: Là sinh tham đắm nơi thân nên truy cầu.

Tham đắm chấp trước mà trụ: Là được rồi thì ôm giữ không bỏ.

Cùng nhiễm: Là đối với lạc thọ, khởi tham dục.

Cùng ghét: Là đối với khổ thọ, dấy khởi giận dữ.

Cùng ngu tối: Là đối với ba thọ, dấy khởi ngu si.

Luyến tiếc: Là đối với quá khứ.

Buộc giữ tâm: Là đối với vị lai.

Khó nhọc: Tức là do nhân duyên kia nên đang khởi truy cầu.

Đốt cháy: Là quả của dục đạt được nên khởi tâm nhiễm ô.

Thieu đốt: Là chỗ mong muốn bị suy tổn, khởi tâm nhiễm ô.

Não: Là chỗ đạt được bị biến hoại.

Vì cầu đảo: Là hiển thị chỗ chấp giữ ái an lành.

Vì xúc đối: Là hiển thị sự chấp giữ ái va chạm, nắm cầm.

Vì mong cầu: Là hiển thị sự chấp giữ ái tạo lợi lạc.

Vì vui mừng: Là hiển thị chỗ chấp giữ ái hiện có của tư duy như ý.

Lại, đối với các dục, tâm kia hướng nhập thanh tịnh, cho đến nói rộng. Đối với năm thứ xuất ly giới, nên biết như nơi Địa Tam ma hí đa ở trước đã nói.

Nói kiêu căng: Tức cùng với ba thứ kiêu tương ưng.

Hết sức kiêu căng: Là nương dựa nơi kiêu, ở trong khắp các pháp ác bất thiện, có thể hiển tâm không phòng hộ.

Hướng tới kiêu căng: Là đối với nhân duyên hiện có của kiêu căng, thọ học chuyên.

Ở trong các dục, sinh các kiêu: Là không quán xét lỗi lầm nơi dục được thọ dụng.

Bình an: Là tự tướng của lạc thọ.

Lãnh nhận: Là cộng tướng của các thọ.

Hướng tới thọ: Là tướng nhân của thọ còn lại.

Lại, các tham như dục tham, chấp chặt, trở ngại, tham ăn uống v.v..., như nơi Địa do văn tạo thành đã nêu.

Lại nữa, nói bên trong câu uế: Nghĩa là đối với phần oán, ý lạc giữ chặt không bỏ.

Bên trong có lo sợ: Là đối với chỗ yêu thích phải trụ nơi chướng ngại.

Bên trong có đối địch: Là có thể dẫn phát nơi chón không yêu thích.

Bên trong có oán địch: Là có thể dẫn phát nơi chón không thích hợp.

Lại, không thể mừng, không thể vui, không thể yêu thích. Chuyển ngược lại là có thể mừng v.v..., như trước nên biết.

Lại nói khổ: Nghĩa là tự tánh kia là khổ. cũng tùy theo nhớ nghĩ khổ.

Tồn hại: Nghĩa là khổ hiện tiền.

Trái nghịch: Là đối với ba đời, tư duy về khổ.

Không thuận ý: Là khổ hiện có, có thể tồn hại.

Lại, khổ mãnh liệt, buộc chặt, cay đắng, không vừa ý v.v..., như nơi phần Nhiếp Sự sẽ nói rộng.

Lại, bạo ác: Là câu nêu chung.

Loại trùng độc cắn chích: Là lời nói thô ác bức bách.

Chữ, lời oán đối: Là tạo văn tự không có chỗ dựa trái với ngôn ngữ thô ác.

Oán giận: Là hủy nhục chỗ dựa.

Phát giận dữ: Là nói ra lời hiển phát ý lạc xấu ác.

Sân hại: Là dùng tay v.v... mà gia hại.

Nhẫn nhó mà trụ: Là giận hại rồi, sau đẩy mặt mày cau có, im lặng mà trụ.

Sinh giận dữ khấp: Là thường xuyên nhớ nghĩ về tướng không lợi ích, ôm oán hận sâu, não loạn tâm. Hoặc sinh phiền não, não loạn tâm kia. Do nhân duyên ấy nên trụ nơi khổ. Như nói Bí-sô biếng nhác, xen lẫn các ác, nên trụ nơi các khổ.

Có khổ: Là kẻ kia thâm nhận khổ của vị lai.

Có thiếu thốn: Là kẻ kia xa lìa các phẩm thiện.

Có tai họa: Là kẻ kia có thể bị nhân của sự mê lầm khác.

Có nóng bức: Là vào thời gian sau phát khởi nhiệt não.

Lại, nói khổ: Là câu nêu tổng quát.

Có khổ: Là sàu khổ tương ưng.

Có thiếu thốn: Là lạc thọ bị biến hoại.

Có tai họa: Là ở trong thọ không khổ không lạc, đối với hai thứ không được giải thoát.

Có nóng bức: Là đối với lạc v.v..., như chỗ thích hợp, có lửa tham sân si. Lại, đối với quá khứ có khổ, đối với vị lai có thiếu thốn.

Lại, hại: Là hiển thị việc thâm nhận hiềm oán phẩm thượng.

Địch, oán: Như trước đã nói.

Lại, hàng phục, diệt trừ: Là cùng với sĩ dụng chưa sinh, sinh khởi trái nhau.

Hủy hoại: Là cùng với sĩ dụng sinh rồi, trụ nơi trái nhau.

Bị kẻ khác thắng vượt: Là cùng với công năng chưa sinh, sinh khởi trái nhau.

Rơi rớt sau kẻ khác: Là cùng với công năng đã sinh, trụ nơi trái ngược.

Lại, không hàng phục, trừ diệt, không hủy hoại, không phải chỗ thắng vượt, có chỗ thắng vượt, các câu như thế, do các câu trước, về nghĩa nên biết.

Lại nữa, ở nơi đời trước không trí: Nghĩa là không nhận biết rõ về tánh của pháp vô thường nơi các hành quá khứ.

Nơi đời sau không trí: Là không nhận biết rõ về tánh của pháp tận diệt nơi các hành hiện tại.

Nơi đời trước sau không trí: Là không nhận biết rõ về tánh của pháp sẽ sinh cùng tánh của pháp sẽ sinh rồi sẽ diệt nơi các hành vị lai.

Kẻ kia, đối với việc không nhận biết rõ như thế: Tức dựa nơi đời trước v.v..., khởi tư duy không như lý: Ta, ở nơi đời quá khứ là từng có chăng? Cho đến nói rộng. Ta là ai, ai sẽ là Ta? Nay, hữu tình này từ đâu mà đến? Ở đây, chết rồi sẽ đi tới chốn nào? Như thế là

dựa nơi đời trước sau, tác ý không như lý. Đối với tánh của pháp vô thường như vậy, ngu si không rõ. Ở trong các hành gắn chặt với ngã kiến. Ở trong ở ngoài, cùng nơi hai thứ, chỉ có pháp tánh là không thể nhận biết rõ.

Trong, nghĩa là nội xứ. Ngoài nghĩa là ngoại tích. Trong ngoài tức là trụ xứ của căn cùng với pháp xứ. Do các pháp kia, ở bên trong có thể đạt được. Lại là thuộc về ngoại xứ.

Đối với nghiệp, không trí: Là đối với các nghiệp, chỉ có tánh của hành không thể nhận biết rõ, mà suy tính sai lạc ta là kẻ tạo tác.

Đối với dị thực, không trí: Là đối với hữu tình thể gian và khí thể gian, hoặc nơi cảnh giới khác, là nhân của nghiệp dấy khởi, vọng chấp tự tại là kẻ tạo tác, kẻ sinh khởi.

Đối với dị thực của nghiệp, không trí: Nghĩa là ngu tối đối khắp tất cả, theo nẻo tà kiến phi báng nghiệp quả. Đây tức nêu rõ phạm phu, ngoại đạo, ở trong các pháp hiện có không trí.

Đối với Phật, không trí: Là không nhận biết rõ về pháp thân cùng các hình tướng của Như Lai.

Đối với Pháp, không trí: Là không nhận biết rõ về tướng như khéo thuyết giảng v.v...

Đối với Tăng, không trí: Là không nhận biết rõ về tướng như hành thiện v.v...

Đối với khổ v.v..., không trí: Là như các kinh đã phân biệt về tướng cùng trong mười sáu hành đều không nhận biết rõ.

Đối với nhân, không trí: Nghĩa là ở trong các chi hữu như vô minh, có thể làm tánh của nhân hiện có cho hành, đã không nhận biết rõ.

Đối với nhân đã sinh, không trí: Là ở trong các chi hữu như hành v.v..., từ nhân như vô minh v.v... đã sinh tánh, không nhận biết rõ.

Lại, đối với pháp của phẩm tạp nhiễm, thanh tịnh, nghĩa là thiện, bất thiện, có tội, không tội, lỗi lầm, công đức. Tương ứng nên tùy thuận đen trắng: Nghĩa là vô minh, phần minh. Đen, dị thực của đen. Trắng, dị thực của trắng. Cùng phần có đối: Nghĩa là đen trắng, dị thực của đen trắng. Tất cả như thế đều từ nhân duyên sinh, nên gọi là duyên sinh. Đối với tất cả điều ấy đều không nhận biết rõ, nên gọi là không trí.

Hoặc đối với sáu xúc xú không thể thông tỏ khắp đúng như thật: Nghĩa là ở trong sáu xú, thuận theo các xúc đã sinh như lạc thọ v.v..., chúng đã diệt, vắng lặng, mà không thể nhận biết rõ khắp như thật.

Lại, gia hạnh này, trí kiến hiện quán không thể thông đạt đúng như thật đối với pháp: Nghĩa là đối với pháp kia không nhận biết như thật.

Ở đây, đối với pháp kia: Là đối với như chỗ đã thuyết giảng, hoặc chỗ chưa thuyết giảng.

Không nhận biết: Là đối với điều không hiện thấy.

Không thấy: Là đối với điều hiện thấy, hiện tiền.

Không hiện quán: Là đối với chỗ chứng đắc như thật không do duyên khác.

Đen tối: Là đối với sự thật kia không nhận biết đúng đắn.

Ngu si: Là đối với sự không thật, vọng sinh tăng ích.

Vô minh: Là đối với sự việc nơi đối tượng nhận thức, không thể thiện xảo. Nơi các xú kia không nhận biết rõ, đúng đắn. Tức ở trong nghĩa đã nêu giảng kia, cùng với danh cú văn thân, đều không thể hiểu rõ.

Hôn ám: Là tà kiến hành tác phỉ báng tất cả. Lại, không mắt nên bị chướng ngại, ngăn che, nói rộng như nơi Phần Nhiếp Sự. Lại, che phủ, ẩn mất, tối tăm, tối tăm khắp v.v..., nói rộng như nơi Khế kinh nói về ái.

Không cung kính: Là không tu tập cung kính.

Không tôn trọng: Là không tin nơi đức kia.

Không quý chuộng: Là khiến cho chỗ mong muốn kia có thiếu thốn.

Không cúng dường: Là không hành thí các thứ lợi dưỡng.

Lại, không cung kính cho đến không cúng dường: Nên biết là câu sau lần lượt giải thích câu trước.

Lại, không cung kính, không tôn trọng, không tin là có mà lắng nghe pháp v.v..., nói rộng như nơi Phần Nhiếp Quyết Trạch.

Lại, không vâng nghe: Là không muốn nghe.

Không nghe kỹ: Là tâm tán loạn.

Tâm không trụ nơi phụng giáo: Là không muốn tu hành.

Không tu tập hành chánh: Là đối với pháp tùy pháp hành, không như ý lạc tu hành chánh đáng.

Lại không thọ học chuyên: Là đối với Thánh giáo của Đại sư không thể chứng đắc.

Lại ưa thích ngủ nghỉ, sinh mạng luống qua: Là câu nêu chung.

Đường quyên (Không thật): Là không thể tu tập nhân đi đến nẻo thiện.

Không quả: Là không thể đạt được quả của nẻo thiện kia.

Không nghĩa: Là không thể tu tập đạt được nhân của Niết-bàn.

Không lợi: Là không thể đạt được quả của Niết-bàn.

Lại hỏi: Ít bệnh, ít não chãng? Là cảnh giới, thấy đều bình đẳng. Ít hành nghiệp chãng? Là hành nghiệp gia hạnh không gì là không bình đẳng.

Đi đứng nhẹ nhàng, thuận lợi chẳng: Là mong cần ăn uống, đã ăn uống rồi thì tiêu hóa dễ dàng.

Lại dốc sức, vui thích cùng không tội, như nơi Địa Thanh văn, phần nói về ăn uống biết lượng đã nêu rõ tướng.

Lại, không xét chọn, không hết sức xét chọn, nói rộng như nơi Địa Thanh văn.

Lại, không tư duy, không nêu xét v.v..., nói rộng cũng như nơi Địa Thanh văn.

Lại nữa, thiếu: Là không tương ứng với lượng cao rộng.

Nhỏ: Là tương ứng với lượng thấp, hẹp.

Ít: Là chỉ thọ nhận lượng ngôn thuyết của thế gian.

Lại nữa, hoặc nơi dị môn: Là tự tướng có sai biệt.

Hoặc ý nghĩa sâu xa: Là tướng tục có sai biệt.

Hoặc thù dị: Là tướng nhân có sai biệt.

Như thế gọi là Phần Gồm Thân Dị Môn: Dị môn như vậy, ở trong các kinh, theo chỗ hiển bày rõ lớn, nói nhiều dụng: Là tóm lược rồi chọn tập, chỉ rõ nghĩa sai biệt. Ngoài ra, vô lượng chư Phật, Thế Tôn đã nói về dị môn cùng nghĩa có sai biệt. Do nơi lãnh vực này, do sở học này, do ngôn giáo này, phải nên siêng năng tinh tấn xét chọn riêng biệt về dị môn, dị nghĩa, an lập, hiển thị.

HẾT - QUYỂN 84

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 85

PHẦN NHIẾP SỰ. ĐOẠN THỨ NHẤT:

SỰ KHẾ KINH. LỰA CHỌN, GỒM THÊU VỀ HÀNH. ĐOẠN 1:

Như vậy là đã nói về phần Gồm thêu dị môn.

Thế nào là Nhiếp sự (Gồm thêu sự)? Nghĩa là do ba xứ nên nhận biết Nhiếp sự:

- (1) Sự của Tổ-đất-lãm (Kinh).
- (2) Sự của Tỳ-nại-da (Luật).
- (3) Sự của Ma-đát-lý-ca (Luận).

Thế nào là sự của Tổ-đất-lãm? Nghĩa là do hai mươi bốn xứ lược gồm thêu tất cả Khế kinh:

- (1) Khế kinh biệt giải thoát.
- (2) Khế kinh sự.
- (3) Khế kinh tương ưng với Thanh văn.
- (4) Khế kinh tương ưng với Đại thừa.
- (5) Khế kinh nghĩa chưa hiển bày rõ khiến hiển bày rõ.
- (6) Khế kinh nghĩa đã hiển bày rõ lại khiến sáng tịnh.
- (7) Khế kinh đã tạo từ thời trước.
- (8) Khế kinh xung tán.

- (9) Khế kinh hiển thị phẩm đen.
- (10) Khế kinh hiển thị phẩm trắng.
- (11) Khế kinh không liễu nghĩa.
- (12) Khế kinh liễu nghĩa.
- (13) Khế kinh nghĩa lược, văn cú rộng.
- (14) Khế kinh nghĩa rộng, văn cú lược.
- (15) Khế kinh nghĩa lược, văn cú lược.
- (16) Khế kinh nghĩa rộng, văn cú rộng.
- (17) Khế kinh nghĩa sâu, văn cú cạn.
- (18) Khế kinh nghĩa cạn, văn cú sâu.
- (19) Khế kinh nghĩa sâu, văn cú sâu.
- (20) Khế kinh nghĩa cạn, văn cú cạn.
- (21) Khế kinh xa lìa lỗi lầm của vị lai.
- (22) Khế kinh xa lìa lỗi lầm hiện tiền.
- (23) Khế kinh trừ bỏ chỗ sinh nghi hoặc.
- (24) Khế kinh vì khiến cho Chánh pháp trụ lâu.

Khế kinh biệt giải thoát: Nghĩa là ở trong ấy, dựa nơi năm tụ phạm cùng ra khỏi năm tụ phạm để nói hơn một trăm năm mươi Học xứ, vì khiến cho các thiện nam tự thọ nhận siêng năng tinh tấn tu học.

Khế kinh sự: Nghĩa là bốn A-cấp-ma:

- (1) Tạp A-cấp-ma.
- (2) Trung A-cấp-ma.
- (3) Trường A-cấp-ma.
- (4) Tăng nhất A-cấp-ma.

Tạp A cấp ma: Nghĩa là ở trong đó, Đức Thế Tôn quán đối nơi các đối tượng được hóa độ kia, tuyên thuyết Như Lai cùng các đệ tử đã nêu giảng về các thứ tương ưng: Tương ưng của uẩn giới xứ.

Tương ưng của duyên khởi, thực, đế. Tương ưng của niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi, niệm xuất nhập tức, học, chứng tịnh.

Lại dựa nơi tám chúng để nói về các tương ưng. Về sau, người kết tập, vì khiến cho Thánh giáo trụ lâu, nên kết tụng Ôt-đà-nam, tùy chỗ thích hợp, thứ lớp sắp đặt. Nên biết tất cả tương ưng như thế, lược do ba tướng. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Chủ thể thuyết giảng.
- (2) Đối tượng được thuyết giảng.
- (3) Đối tượng được nghe thuyết giảng.

Nếu Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, là chủ thể thuyết giảng.

Như phần đã nêu giảng của Phật, phần đã nêu giảng của đệ tử, hoặc đối tượng đã nhận biết rõ, hoặc chủ thể đã nhận biết rõ, là đối tượng được thuyết giảng. Như phần tương ưng của năm thủ uẩn, sáu xứ, nhân duyên, cùng phần đạo phẩm. Nếu là chúng các Bí-sô, chúng Thiên ma v.v..., là đối tượng được nghe thuyết giảng.

Như kết tập phẩm, như vậy, vì tất cả thô lược, nêu lên, chủ thể thuyết giảng, đối tượng được thuyết giảng, đối tượng được nghe thuyết giảng, tức tất cả sự, giáo tương ưng kia, tập hợp xen lẫn, thế nên gọi là Tạp A cấp ma. Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng tướng xứ trung khác để thuyết giảng, thế nên gọi là Trung A cấp ma.

Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng tướng rộng dài khác để thuyết giảng, thế nên gọi là Trường A cấp ma.

Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng đạo lý của phần số tăng dần 1, 2, 3 v.v... để thuyết giảng, do đó gọi là Tăng nhất A cấp ma.

Như vậy, bốn thứ “thầy trò” lần lượt truyền đến ngày nay. Do đạo lý ấy, thế nên gọi là A cấp ma. Đó gọi là Khế kinh sự.

Ở trong mười hai phần giáo, trừ phần Phương quảng, các phần còn lại gọi là Khế kinh tương ưng với Thanh văn. Tức phẩm Phương quảng gọi là Khế kinh tương ưng với Đại thừa. Ở đây, phân biệt về nghĩa như trước nên biết. Bốn thứ Khế kinh như thế, do hai mươi thứ Khế kinh còn lại như Khế kinh nghĩa chưa hiển bày rõ khiến hiển bày rõ v.v..., theo chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng. Từ đây về sau, dựa vào chỗ nêu giảng nơi bốn Khế kinh này, sẽ nói về Ma-đát-lý-ca của Khế kinh, vì nhằm quyết trạch chỗ thuyết giảng, nêu rõ, khen ngợi của Đức Như Lai về Khế kinh của bậc Thánh trước. Ví như không có chữ của “Bản mẫu” thì nghĩa không sáng rõ. Như thế thì “Bản mẫu” không gồm thâu nơi kinh nghĩa ẩn giấu nghĩa không sáng rõ. Cùng với đây trái nhau tức nghĩa sáng rõ, do đó gọi là Ma-đát-lý-ca.

Tụng tổng quát nêu:

*Giới lược giáo tướng hành
Chóng thông nhân đoạn chi
Hai phẩm trí sự sinh
Không chán, thiếu dục trụ.*

Tụng riêng nêu:

*Giới nêu hành trước quan sát quả
Tướng ngu vô thường cùng định giới
Hai loại thứ lớp phải nên biết
Phi đoạn phi thường cùng nhiễm tịnh.*

Có bốn thứ hữu tình được hóa độ, trước thường hành tập nơi giải thoát tà vạy theo cảnh giới tập thành do kiến chấp. Những gì là bốn? Nghĩa là ở trong tự thể của hữu trước, đời trước, thân trước, chỗ đạt được trước, lắng nghe thường kiến không phải chánh pháp tăng thượng. Do sức tăng thượng của tác ý không như lý, nên đối với hiện tại, do chúng làm nhân, do chúng làm duyên nên thường hành tập theo giải thoát tà vạy, nơi cảnh giới tập thành do kiến chấp. Như

nói do thường kiến, thì do đoạn kiến, do hiện pháp Niết-bàn kiến, do Tát-ca-da-kiến, nói rộng cũng thế.

Ở đây, Đức Thế Tôn do sức tăng thượng của vô số trí lực thắng giải, vô số trí lực của cảnh giới, nên tìm cầu thắng giải trước kia cùng cảnh giới sau ấy, như chỗ thích ứng, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia, nên phần nhiều là chuyển bốn thứ giáo pháp. Hoặc vì trí khác chưa được thành thực, khiến cho thành thực. Trí đã thành thực thì khiến họ giải thoát khỏi các phiền não.

Vì hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ nhất, thuyết giảng nhân diệt nên hành diệt. Do môn hành tận, nói về tánh vô thường, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia. Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ hai, thuyết giảng nhân tập nên hành tập. Do môn hành khởi, nêu giảng về tánh vô thường, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ ba, do môn các hành khổ, chuyển giáo pháp chân chánh, vì nhằm điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ tư, hoặc lia các hành khởi hành của Tát-ca-da-kiến, do môn các hành không, chuyển giáo pháp chân chánh. Hoặc tức nơi các hành khởi hành của Tát-ca-da-kiến, do môn vô ngã chuyển giáo pháp chân chánh, vì nhằm điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Lại nữa, Pháp Luật thuyết giảng thiện, lược do ba thứ chi không chung, nên không chung với ngoại đạo, gắn liền với số thuyết giảng thiện:

- (1) Tuyên thuyết về giải thoát cứu cánh chân thật.
- (2) Tuyên thuyết tức phương tiện của giải thoát kia.
- (3) Tuyên thuyết tức chỗ chứng đắc của tự nội nơi giải thoát kia.

Thế nào là giải thoát cứu cánh chân thật? Nghĩa là giải thoát rốt ráo cùng tất cả giải thoát, tức là quả của kiến đạo, cùng quả của tu đạo thuộc thế gian xuất thế gian đạt được sau đây. Ở đây, quả của kiến đạo, nhân nơi rốt ráo nên được gọi là chân thật, nhưng không phải là cứu cánh. Đối với tất cả giải thoát, cũng có chỗ cần tạo tác.

Lại, giải thoát có ba thứ:

- (1) Giải thoát của thế gian.
- (2) Giải thoát của bậc hữu học.
- (3) Giải thoát của bậc vô học.

Giải thoát của thế gian không phải là chân thật, vì có thoái chuyển. Giải thoát của bậc hữu học tuy là chân thật nhưng không phải là cứu cánh, vì còn có chỗ tạo tác. Nên biết giải thoát còn lại là gồm đủ hai thứ.

Thế nào là phương tiện? Nghĩa là ở trong các hành, dựa vào như tánh hiện có, cùng hết cả tánh hiện có, tu tướng vô thường. Dựa nơi vô thường, tu tướng khổ. Dựa nơi khổ, tu tướng không, vô ngã. Nhân đây được nhập nơi hiện quán đế. Do quan sát đúng đắn về cảnh của đối tượng nhận thức, nên đạt được chánh kiến. Do chánh kiến này làm chỗ dựa, nên trong phần vị tu đạo, đối khắp các hành, trụ nơi tướng chán nghịch.

Hành giả vào lúc trụ ấy, tuy do tương ưng với thọ, nhớ nghĩ tư duy không hiện tiền nơi cảnh hiện tiền sáng rõ, nhưng không sinh hỷ. Do sức tăng thượng của hỷ không sinh, nên hành giả kia, vào lúc hành, tức ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên thuộc thọ kia không sinh niềm vương. Hành giả, đối với tất cả cảnh giới đã cầu đạt, được ở trong ấy, hãy còn không mong cầu, hướng chi là tham đắm, vương mắc.

Hành giả do hoặc trụ hoặc hành như thế, nên đối với triền hỷ tham, mau chóng có thể diệt hết, tâm thanh tịnh an trụ.

Lại, tức đối với chỗ đắc đạo như thế, tu tập rất nhiều làm nhân duyên, nên vĩnh viễn nhỏ sạch tùy miên, thô trọng của phẩm kia, đạt được giải thoát cứu cánh chân thật. Nên biết tức là tâm hoàn toàn giải thoát.

Thế nào là tự nội chứng đắc? Nên biết có bốn thứ tướng. Nếu vào lúc giải thoát của bậc hữu học chuyển, do hai thứ tướng nên tuệ bên trong xúc chứng. Nghĩa là ta đã diệt hết các hành đã sinh trong các nẻo ác. Lại, ta đã dứt trừ hết các hành đã sinh của hữu sau còn lại nơi bảy đời, hai đời, một đời. Lại, ta đã trụ nơi đạo, có thể đạt đến cứu cánh, hoàn toàn không thoái chuyển.

Nếu vào lúc giải thoát của bậc vô học chuyển, tức do hai thứ tướng như thế nên nội tuệ xúc chứng. Nghĩa là ta đã hành tác để đoạn trừ tất cả phiền não còn lại nơi sự cầu học. Ta nay hãy không còn một đời nào nữa, hướng chi là hai đời, bảy đời.

Lại, tùy chỗ vui thích, cũng có thể vì kẻ khác ký biệt như như thật. Như thế gọi là tự nội chứng đắc.

Lại nữa, tức giải thoát kia có hai thứ pháp tiền hành:

- (1) Pháp tiền hành của kiến.
- (2) Pháp tiền hành của đạo quả.

Pháp tiền hành của kiến: Nghĩa là do giải thoát cùng lực tăng thượng của sự chứng đắc nơi phương tiện tự nội kia, từ ngôn âm của kẻ khác khởi thiện diệu do văn tư tu tạo thành, tác ý như lý, chưa nhập chánh tánh ly sinh thì có thể nhập chánh tánh ly sinh, đạt được chánh kiến xuất thế thấy đúng như thật.

Pháp tiền hành của đạo quả: Nghĩa là đạt được chánh kiến như thế rồi, lại khởi chánh tư duy còn lại, hoặc đồng thời sinh, hoặc thời sau sinh, nhập tiền hành của đạo là đoạn trừ các phiền não còn lại.

Lại nữa, vì muốn chứng đắc giải thoát chưa chứng đắc, nên phải quán xét tám sự. Nghĩa ở trong các hành, quan sát nẻo xuất ly các thứ lỗi lầm tai họa của ái vị, cùng lãnh hội, tư duy, quán xét kiến đạo, tu đạo của lực xét chọn. Ở trong các hành, lúc quán xét về ái vị, có thể khéo thông tỏ tự tướng hiện có của các hành ái vị. Tức đối với các hành, lúc quán xét về lỗi lầm tai họa, có thể khéo nhận biết rõ về cộng tướng của các thứ lỗi lầm tai họa nơi phần vị của ba thọ. Nghĩa là ở trong ấy rất ít ái vị, và nhiều các thứ lỗi lầm tai họa. Như thế là nhận biết rõ về sự nhiễm chấp ái vị có nhiều các thứ lỗi lầm tai họa cùng tương ưng rồi, ở trong tất cả hành của ái vị, theo chỗ sinh khởi phiền não dục tham, tức có thể trừ diệt, chế phục, đoạn bỏ. Đối với dục tham nay không hiện hành nên gọi là đoạn, không phải là vĩnh viễn lìa dục nên gọi là đoạn.

Lại, đối với sự kia, tâm chưa giải thoát. Hoặc đối với tùy miên hoàn toàn siêu vượt, mới vĩnh viễn lìa dục, tâm được giải thoát. Đó gọi là một môn quán xét sai biệt.

Lại, người tu hành, đối với các hành kia, lúc quán xét đúng đắn, trước dùng tuệ do văn tạo thành, như A cấp ma, nhận biết rõ về thể của hành là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên không cùng vô ngã. Hành giả tùy theo Thánh giáo, đạt thắng như thế, thông tỏ như thế. Đã thông tỏ rồi, lại dùng suy tính tương ưng với tư duy, tạo thành tác ý vi tế. Tức đối với cảnh kia nhận biết rõ như thật. Do sức tăng thượng của sự thông tỏ, nhận biết rõ như vậy, nên đối với luận pháp hiện hành tương ưng với phiền não kia, cùng các thứ lỗi lầm tai họa hiện có của đương lai đều quán xét đúng như thật. Do lực xét chọn làm chỗ dựa, nên nếu lại sinh khởi nhưng không thật vướng mắc, tức có thể lìa bỏ. Hành giả, do thông tỏ, nhận biết rõ như thế cùng lực xét chọn, tu tập nhiều, nên có thể nhập chánh tánh ly sinh. Đã nhập chánh tánh ly sinh rồi, do sức của tu đạo, nên dần lìa các dục. Hành giả do hai thứ lực xét chọn, kiến đạo, theo chỗ thích hợp, đoạn trừ các phiền não, tức là

đoạn trừ khiến chúng không hiện hành cùng đoạn một phần. Do sức của tu đạo nên lia dục rất ráo. Như vậy, do hai thứ trước nên dần dần lia dục tham. Do sức của tu đạo, tâm được giải thoát.

Lại nữa, có hai thứ quả: Quả đoạn trừ phiền não và quả khổ diệt:

(1) Quả do kiến đạo đoạn. Do chúng đắc quả ấy, nên có thể tự nhận biết rõ: Ta đã vĩnh viễn trừ bỏ các nẻo ác Na-lạc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ. Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu là pháp không thoái đọa, cho đến nói rộng.

(2) Quả do tu đạo đoạn. Do chúng đắc quả ấy, nên có thể tự nhận biết rõ: Ta là thân sau cùng, tạm thời được giữ lấy. Hữu thứ hai v.v... vĩnh viễn không còn chuyển nữa.

Lại có hai thứ khổ diệt:

(1) Khổ diệt của vị lai, hiện tại là nhân.

(2) Khổ diệt của hiện tại, quá khứ là nhân.

Lại có hai thứ khổ diệt:

(1) Khổ diệt của tâm.

(2) Khổ diệt của thân.

Lại có hai thứ khổ diệt:

(1) Khổ diệt của hoại khổ, khổ khổ.

(2) Khổ diệt của hành khổ.

Lại có hai thứ khổ diệt:

(1) Khổ diệt của nghiệp quả phi ái.

(2) Khổ diệt của nghiệp quả khả ái.

Lại có phần ít các Thánh đệ tử đã kiến đế tích. Tuy đã vượt quá sự sợ hãi hiện có về khổ nơi các nẻo ác, nhưng do chưa vĩnh viễn dứt hết, tất cả kiết, nên tâm vẫn còn có sự sợ hãi về sinh già chết đối với

đòi vị lai cùng các phàm phu. Vì nhằm đoạn trừ sự sợ hãi ấy mà có thể phát khởi mong muốn mãnh liệt, cho đến chánh niệm cùng không phóng dật, siêng tu hành quán.

Lại nữa, có hai thứ tướng của kẻ ngu tối. Đó là:

- (1) Đối với chỗ nên cầu đạt, không nhận biết như thật.
- (2) Đối với chỗ không phải nên cầu đạt, thì lại sinh khởi.

Những gì gọi là chỗ nên cầu đạt? Đó là Niết-bàn, các hành hoàn toàn vắng lặng. Nhưng các kẻ ngu, đối với các hành không sinh đời vị lai đều không mong muốn. Đối với các hành sinh, chỉ có vui thích. Do nhân duyên ấy, tức đối với chỗ nên cầu đạt cùng các hành sinh các khổ hiện có, không nhận biết như thật.

Những gì gọi là không phải chỗ nên cầu đạt nhưng lại sinh khởi? Không phải là chỗ cầu đạt. Nghĩa là già bệnh chết, không yêu thương mà gặp gỡ, chỗ yêu thương mà biệt ly, chỗ mong muốn thiếu thốn sầu than ưu khổ, vô số nhiệt não. Kẻ kia, đối với các hành sinh khởi như thế lại sinh vui thích. Ở trong tất cả hành sinh là gốc, khởi sự vui thích, chấp trước sâu xa. Đối với các nghiệp hiện có, sinh là gốc, tạo tác, tích tập. Do nhân duyên này nên đối với khổ có sinh cùng các khổ sai biệt của già bệnh chết, sinh là gốc, không được giải thoát. Như vậy gọi là không phải chỗ nên cầu đạt mà lại sinh khởi.

Lại nữa, ở trong các hành, có bốn thứ quyết định:

- (1) Quyết định vô thường.
- (2) Quyết định khổ.
- (3) Quyết định không.
- (4) Quyết định vô ngã.

Thế nào là quyết định vô thường của các hành? Do ba thứ tướng, nên biết các hành quá khứ vị lai hãy còn nhất định là vô thường, huống chi là hiện tại. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Trước không mà có.
- (2) Trước có mà không.
- (3) Khởi, diệt tương ung.

Nếu hành vị lai, trước chỗ chưa có, nhất định không phải là có: Tức nên không phải trước không mà có. Như thế, nên không phải là quyết định vô thường. Do pháp kia lúc trước nêu đặt không phải có, không phải có là trước, thời gian sau mới có, thế nên các hành vị lai quyết định vô thường.

Nếu hành hiện tại từ duyên sinh rồi, quyết định là có: Tức nên không phải trước có mà không, các hành vị lai liền nên không phải là quyết định vô thường. Các hành hiện tại cũng nên không cùng với khởi diệt tương ung. Do hành hiện tại, từ duyên sinh rồi, không phải là quyết định có. Do có là trước, nêu đặt không phải có, thế nên các hành quá khứ quyết định vô thường. Như thế, các hành hiện tại, nhân nơi hành vị lai trước không mà có, nhân nơi hành quá khứ trước có mà không. Do sự nêu đặt khởi diệt tương ung, thế nên nói nên biết các hành khứ lai, tánh vô thường hãy còn quyết định, hướng chi là hiện tại. Đó gọi là quyết định vô thường của các hành.

Thế nào là quyết định tánh khổ của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hãy còn là pháp khổ như sinh v.v..., hướng chi là hiện tại. Vì sao? Vì các hành quá khứ là khổ đã đi qua, các hành vị lai là khổ chưa đến. Các hành hiện tại là khổ hiện tiền. Đó gọi là quyết định tánh khổ của các hành.

Thế nào là quyết định tánh không của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hãy còn định là tánh không, hướng chi là hiện tại. Vì sao? Vì các hành vị lai về tánh chưa có, do đây nên không. Các hành quá khứ, về tánh đã diệt, do đây nên không. Các hành hiện tại tuy có, nhưng chưa là nghĩa của Diệt đế, tánh của thắng nghĩa là chỗ xa lìa, do đây nên không. Đó gọi là quyết định tánh không của các hành.

Thế nào là quyết định vô ngã của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hỷ còn định rõ là vô ngã, hướng chi là hiện tại. Vì sao? Vì các hành vị lai không phải là tướng của ngã, vì chưa hiện tiền. Các hành quá khứ không phải là tướng của ngã, vì đã vượt qua. Các hành hiện tại không phải là tướng của ngã, vì đang hiện tiền. Đó gọi là quyết định vô ngã của các hành.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là vô thường:

- (1) Do đời quá khứ đã diệt hoại.
- (2) Do đời hiện tại, vị lai là pháp nên diệt hoại.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là khổ:

- (1) Là pháp khổ như sinh v.v...
- (2) Là tánh của ba khổ.

Tướng của các khổ này, như trước nên biết.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là không:

- (1) Tánh lìa rốt ráo là không.
- (2) Tánh sau mới lìa là không.

Tánh lìa rốt ráo là không: Là trong các hành, tánh của ngã, ngã sở rốt ráo là không.

Tánh sau mới lìa là không: Nghĩa là đối với mọi thứ phiền não đã đoạn, trong tâm giải thoát, tất cả phiền não thấy đều là không.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là vô ngã:

- (1) Các hành, tánh ở ngoài các chủng loại.
- (2) Các hành từ các duyên sinh không tự tại.

Lại do mười tướng nên biết bốn tướng quyết định của các hành. Nghĩa là do: Hư hoại. Biến đổi. Tướng biệt ly. Tướng của tánh ứng pháp. Không đáng yêu thích. Tướng không an ổn. Nên xa lìa. Tướng

của tướng khác. Các tướng như thế, như nơi Địa Thanh văn ở trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, dựa trong đạo xuất thế tu tác ý, có năm cảnh giới của phẩm Ly hệ:

- (1) Cảnh giới đoạn trừ.
- (2) Cảnh giới không dục.
- (3) Cảnh giới diệt.
- (4) Cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y.
- (5) Cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Nghĩa là các hành được đoạn trừ do kiến đạo đoạn, gọi là cảnh giới đoạn trừ. Các hành được đoạn trừ do tu đạo đoạn, gọi là cảnh giới không dục. Tức ở đây chỉ là “Hữu dư y”, nên gọi là cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y. Ở đây dựa vào diệt, nên gọi là cảnh giới diệt, cũng gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Tức năm cảnh giới này, do tất cả hành đã vĩnh viễn tịch tĩnh, nên gọi là các hành đã dứt. Do sự chấp trước của ngã, ngã sở, ngã mạn cùng với các tùy miên đều đã xa lìa, nên gọi là không. Do tất cả tướng đều đã xa lìa nên gọi là không chỗ thủ đắc. Ở trong cảnh giới đoạn trừ, tất cả tham ái hiện có ở trên thuận theo pháp hữu lậu đều xa lìa, nên gọi là ái dứt hết. Ở trong cảnh giới không dục, dục tham hiện có đều xa lìa, nên gọi là không dục. Ở trong cảnh giới diệt, cùng trong cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y, Vô dư y, theo chỗ ứng hợp đều vĩnh viễn dứt trừ, nên đều tịch tĩnh, tùy nơi thứ lớp kia, được gọi là diệt, cũng gọi là Niết-bàn.

Lại, ở trong cảnh giới đoạn trừ, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu chán lìa.

Nơi cảnh giới không dục, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu lìa dục.

Nơi cảnh giới diệt, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu diệt.

Lại nữa, vì tâm giải thoát siêng năng tu tập, có hai thứ lần lượt:

(1) Lần lượt của trí.

(2) Lần lượt nơi quả của trí.

Thế nào là lần lượt của trí? Nghĩa là ở trong các hành, trước khởi trí vô thường, do đạo lý sinh diệt kia xét chọn, nên sau đấy đối với hành tương ưng với sinh kia, quán là pháp sinh pháp già, cho đến là pháp sâu khổ, nhiệt não, do nhân duyên này, nên tất cả đều khổ. Đây tức dựa nơi trí vô thường ở trước, sinh trí khổ sau.

Lại, các hành kia do là pháp sinh, cho đến là pháp nhiệt não, tức là tử sinh duyên khởi, lần lượt lưu chuyển, do đạo lý của hành tương không được tự tại, nên không có ngã. Đây tức dựa vào trí khổ ở trước, sinh trí vô ngã sau.

Như vậy, quán vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Đó gọi là lần lượt của trí.

Thế nào gọi là lần lượt nơi quả của trí? Nghĩa là chán lia dục, nên giải thoát, giải thoát khắp.

Thế nào là chán? Tức là hiện tiền có đối trị, nên khởi tướng chán nghịch, khiến các phiền não không còn hiện hành.

Thế nào là lia dục? Nghĩa là do tu tập tâm chán lia, nên tuy ở chỗ đối trị không tác ý tư duy, nhưng đối với cảnh của tất cả sự ái nhiễm, tham không còn hiện hành. Đây là do sức tăng thượng của sự chế phục, đoạn trừ.

Thế nào là giải thoát? Tức ở nơi sự đối trị bằng chế phục, đoạn trừ ấy, tu tập nhiều, nên vĩnh viễn nhỏ sạch các tùy miên. Như thế gọi là chán lia dục, giải thoát thứ nhất có sai biệt.

Lại có sai biệt: Nghĩa là đối với phần vị chán nơi cảnh giới đoạn trừ hết sức thành mãn, nên gọi là chán. Tức nương dựa nơi chán, trừ xứ phi tướng phi phi tướng, nơi các địa dưới còn lại lúc được lia dục, thiết lập phần vị lia dục, nên gọi là lia dục. Đối với xứ phi tướng phi phi tướng, lúc được lia dục, thiết lập phần vị giải thoát, nên gọi là giải thoát. Đó gọi là chán lia dục, giải thoát thứ hai có sai biệt.

Thế nào là giải thoát khắp? Tức là do giải thoát các thứ tạp nhiễm của phiền não như thế, nên tạp nhiễm của các khổ như sinh cũng được giải thoát khắp. Đó gọi là giải thoát khắp.

Như vậy, do sức tăng thượng của trí, nên ở trong các hành khởi chán bỏ. Do hành tập chán bỏ nên được lia dục. Do hành tập lia dục nên được giải thoát cùng giải thoát khắp. Như vậy gọi là lần lượt nơi quả của trí.

Ở đây lại có bốn thứ chấp tà vạy, đó là:

- (1) Chấp tà vạy của kiến.
- (2) Chấp tà vạy của mạn.
- (3) Chấp tà vạy của tự nội.
- (4) Chấp tà vạy của giáo pháp khác.

Chấp tà vạy của kiến: Nghĩa là ở trong các hành, chấp ngã, ngã sở.

Chấp tà vạy của mạn: Tức ở trong các hành dấy khởi ngã mạn, chấp chỗ chấp tà vạy của kiến ở trước, gây chướng ngại cho hiện quán về đế. Sau, do chấp tà vạy của ngã mạn, gây chướng ngại cho việc đoạn trừ phiền não do tu đạo đoạn.

Chấp tà vạy của tự nội: Nghĩa là ở riêng nơi chốn vắng vẻ, do phân biệt không đúng đắn làm chỗ dựa, nên chấp có thật ngã, hoặc chấp tà vạy của kiến, hoặc chấp tà vạy của mạn.

Chấp tà vạy của giáo pháp khác: Nghĩa là do giáo pháp khác nên khởi tà chấp: Tức đây là ngã, đây là hành của ngã sở, ngã mạn chuyển. Lại, đối với bên trong khởi phân biệt không đúng đắn, chấp ngã, ngã sở, gọi là nội tà chấp, cũng gọi là tà chấp phi giáo pháp khác. Tất cả tà chấp như thế đều vĩnh viễn đoạn dứt, nên biết đó gọi là quả của trí.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết các hành không phải là đoạn, không phải là thường. Những gì là ba tướng? Đó là:

- (1) Do hành không trụ làm nhân.
- (2) Nhân sinh rồi không trụ.
- (3) Nhân của các hành vị lai, tánh vắng lặng.

Ở đây, nhân của các hành vô thường, nên nhân sinh rồi trụ là không thể thủ đắc, nên biết các hành không phải là thường. Có thể sinh các hành vị lai, nhân hiện tại tánh diệt, nên biết các hành không phải là đoạn.

Lại có bốn duyên, có thể khiến cho các hành lần lượt lưu chuyển. Đó là:

- (1) Duyên nhân.
- (2) Duyên đẳng vô gián.
- (3) Duyên sở duyên.
- (4) Duyên tăng thượng.

Tức bốn duyên này lược có hai thứ: (1) Nhân. (2) Duyên.

Nhân chỉ cho duyên nhân. Ba thứ còn lại chỉ cho duyên.

Lại, duyên nhân: Là chủng tử của các hành.

Duyên đẳng vô gián: Tức là sáu thức trước cùng đẳng vô gián diệt của pháp tương ưng. Sáu thức sau cùng với đẳng vô gián sinh của pháp tương ưng.

Duyên sở duyên: Là năm thức thân cùng do năm biệt cảnh làm đối tượng duyên (Sở duyên). Thức thân thứ sáu, dùng tất cả pháp làm đối tượng duyên.

Duyên tăng thượng: Nghĩa là năm thức cùng dùng chỗ dựa riêng biệt như mắt v.v... làm duyên tăng thượng, cùng dùng tác ý có thể sinh làm duyên tăng thượng duyên. Thức thân ý cùng dùng thân bốn đại chủng và tác ý có thể sinh làm duyên tăng thượng.

Lại, nghiệp đã tạo ở trước, so với quả ái phi ái đã sinh, nên biết cũng là tăng thượng duyên. Như vậy, tư lương so với đạo, đạo so với đắc Niết-bàn, nên biết cũng là thuộc về tăng thượng duyên.

Lại nữa, do ba thứ sự, hai thứ tướng, nên quán xét về tạp nhiễm, thanh tịnh.

Thế nào là do ba thứ sự, quán xét tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? Đó là:

(1) Ở trong các hành, quán xét về nhân duyên tạp nhiễm. Tức quán ái vị kia là ái vị.

(2) Ở trong các hành, quán xét về nhân duyên thanh tịnh. Tức quán các lỗi lầm tai họa kia là lỗi lầm tai họa.

(3) Ở trong các hành, quán xét về thanh tịnh. Tức quán sự xuất ly kia là nẻo xuất ly.

Như thế, tất cả tóm lược chung làm một, gọi là do ba sự, quán xét về tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh.

Thế nào là do hai thứ tướng, quán xét về tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? Đó là:

(1) Do như tánh hiện có.

(2) Do dứt hết tánh hiện có.

Như tánh hiện có: Tức là ở trong các hành, hoặc ái vị, hoặc lỗi lầm tai họa, hoặc là xuất ly.

Dứt hết tánh hiện có: Nghĩa là ở trong các hành dứt hết ái vị hiện có, dứt hết lỗi lầm tai họa hiện có, dứt hết xuất ly hiện có. Ở đây, quán xét các hành là duyên sinh lạc sinh hỷ. Đó gọi là đối với ái vị kia.

Lại, ái vị này hết sức là nhỏ hẹp. Như thế, do hai thứ tướng, quán xét ái vị hiện có như tánh hiện có.

Lại quán xét các hành là pháp vô thường, khổ, biến hoại. Đó gọi là đối với lỗi lầm tai họa kia. Lại, lỗi lầm tai họa này là hết sức rộng lớn. Như thế là do hai thứ tướng, quán xét các lỗi lầm tai họa như tánh hiện có.

Lại quán xét ở trong các hành, dục tham đã diệt, đã đoạn, đã ra khỏi. Đó gọi là đối với nẻo xuất ly kia. Lại, nẻo xuất ly này là tịch tĩnh, là an ổn rốt ráo vô thượng. Như vậy, do hai thứ tướng quán xét về nẻo xuất ly như tánh hiện có.

Lại, tức ái vị này, tức lỗi lầm tai họa này, tức nẻo xuất ly này, ở trong các hành, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, đều quan sát, xét kỹ. Nên biết đó gọi là, đối với các pháp kia, tức ái vị, lỗi lầm tai họa, nẻo xuất ly quán xét như tánh hiện có.

Lại, vì nhằm nhận biết rõ thể tánh của ba sự như thế là có, nên biết có ba thứ chúng hữu tình riêng:

- (1) Chúng hữu tình đối với các dục nhiễm vương.
- (2) Chúng hữu tình đối với các dục xa lìa.
- (3) Chúng hữu tình đối với các dục lìa trôi buộc.

Đối với ba xứ ấy, lại có ba thứ thể gian ngu si. Nghĩa là hoặc thiên thể gian, hoặc Sa-môn Bà-la-môn, hoặc chư thiên, nhân. Ba thứ thể gian như thế, do ba nhân duyên, nên biết đã an lập:

(1) Do được dục tự tại cùng tịnh tự tại. Nghĩa là thế gian của hoặc Ma hoặc Phạm.

(2) Do siêng năng tu đạt được nhân kia. Nghĩa là như Sa-môn, Bà-la-môn.

(3) Hướng đến vô số nhân quả của nghiệp. Nghĩa là như chư thiên, nhân.

Lại, đối với ba xứ này, theo chỗ ứng hợp, có thể đoạn trừ, tác chứng. Có hai thứ đạo lia bốn tâm điên đảo, nghĩa là đã nhập kiến địa cùng ở nơi tu đạo trên, tu tập nhiều, an trụ.

Lại, hai thứ đạo ấy, có bốn thứ tướng, là quả giải thoát của tâm:

(1) Tướng giải thoát khỏi trói buộc của tham sân.

(2) Tướng xuất ly của dục tham đã diệt đoạn.

(3) Tướng lia trói buộc của chín kiết.

(4) Tướng giải thoát khỏi các khổ như sinh v.v...

Ở đây, ba tướng trước hiển thị giải thoát phiền não của xứ thân, một tướng sau hiển thị giải thoát các khổ của xứ quả.

Nơi nghĩa này, ví như có người ở tại lao ngục bị nhiều thứ trói buộc. Đó là hoặc dây, hoặc dây, hoặc xiềng sắt, lại sai kẻ khác khiến phòng giữ người này. Như vậy, người kia bị tất cả các thứ trói buộc, nếu có thể thoát được, mới gọi là từ hết thấy mọi trói buộc mà được giải thoát. Như thế, đối với ba xứ nơi thế gian kia, hữu tình ngu si bị vô số thứ trói buộc, nên biết tức ví như sự trói buộc của tham sân si. Kẻ kia giữ lấy điều cấm, ví như không tầm tư đúng đắn cùng chưa vĩnh viễn dứt bỏ tùy miên của phiền não. Không tầm tư đúng đắn, nên hãy còn không khiến chuyển động, hướng chi là được lia dục, mà lánh xa. Tùy miên của phiền não chưa vĩnh viễn dứt trừ, nên tuy phương tiện của đạo thế gian đã được lánh xa đến cõi Hữu đảnh, sau chấp trở lại.

Dục diệu khả ái ví như chín kiết. Do kiết kia nên khiến hữu tình ở nơi sinh tử, tự nhiên vui thích chấp trước, đối với sự trói buộc của chính mình không muốn giải thoát. Hữu tình kia, đã bị vô số thứ trói buộc buộc chặt hết sức như thế, lại có bốn thứ ma oán, theo chỗ mong muốn, dùng các khổ như sinh v.v... mà gia hại.

Nếu có thể từ các thứ trói buộc kia khéo giải thoát, mới có thể gọi là từ tất cả sự trói buộc mà được giải thoát.

Lại nữa, tụng nêu:

*Lược giáo, giáo quả, trọn gấn số
Ba biến trí đoạn buộc, giải thoát
Kiến, mạn, tạp nhiễm, tịnh nêu câu
Xa lìa bốn, đủ ba viên mãn.*

Do ba nhân duyên, có các Thanh văn đi đến chỗ Đại sư, xin lược chỉ dạy trao truyền. Những gì là ba?

(1) Hạng chỉ cho đa văn là cứu cánh.

(2) Hạng đối với các hành khác mà chán bỏ. Sinh kiến giải như vậy: Chỉ lược nghe pháp, đủ để đạt được tự nghĩa, đâu cần dựa vào đa văn, cho là cứu cánh. Chính là tu hành đúng đắn là sự thật. Lại dứt bỏ đa văn là dục cứu cánh.

(3) Hạng có sợ hãi đối với chỗ tạo tác nhiều của phần nhập môn. Vì do phương tiện khéo léo mà được nhập.

Hoặc có trường hợp tức kẻ kia đã ở nơi nhiều pháp khéo lắng nghe, suy xét. Kẻ kia suy niệm: Ta đối với nhiều pháp đã khéo lắng nghe, suy xét. Nếu ta hôm nay đều lắng nghe, suy xét các pháp đã đạt được dùng làm chỗ nương dựa. Đối với cảnh của tâm trụ cùng cảnh giải thoát muốn giữ lấy tâm, sẽ không khiến ta tác ý tán loạn, vì như thế thì tâm trụ hãy còn không thể đạt được, huống chi là giải thoát.

Lại, ở trong tất cả pháp đã lắng nghe, đã suy xét, nếu không được quyết định, thì sẽ dựa vào cái gì để mau chóng chứng đắc thông tuệ? Sẽ dựa vào cái gì để mau chóng được xuất ly? Sẽ duyên nơi cảnh gì mà được tâm an trụ? Sẽ duyên nơi cảnh gì mà được giải thoát?

Kẻ kia đã tự không quyết định như thế, nên hoặc đối với Đại sư, hoặc đệ tử của Như Lai hiện tiền được nhiều người biết đến, thấy rồi tức liền đi tới, xin lược chỉ dạy, trao truyền.

Lại nữa, nên biết chỉ dạy trao truyền đúng đắn có bốn thứ quả của tự nghĩa đạt được. Nghĩa là vì sự xuất gia này, cùng xuất gia như thế. Tức hình tướng đầy đủ. Hành nghiệp đầy đủ. Ý lạc đầy đủ. Xứ bỏ, lầy đầy đủ. Dựa vào đấy nên có thể đắc vô thượng, đắc hiện pháp, đắc tự nhiên, đắc nội chứng.

Lại nữa, có sáu thứ chết:

- (1) Chết quá khứ.
- (2) Chết hiện tại.
- (3) Chết không điều phục.
- (4) Chết điều phục.
- (5) Chết đồng phạm.
- (6) Chết không đồng phạm.

Chết quá khứ: Nghĩa là các hành quá khứ mất, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết hiện tại: Nghĩa là các hành hiện tại mất, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết không điều phục: Nghĩa là đối với đời quá khứ không điều không phục. Hành có tùy miên, lần lượt là tùy miên. Thế tục nói là tùy miên của sĩ phu, mà mạng chung rồi, ở nơi đời hiện tại kiết sinh tương tục, thuộc về hành có tùy miên, tự thể mà được sinh

khởi. Đối với đời hiện tại, cho đến thọ mạng hết cũng lại như thế. Không điều không phục, nói rộng cho đến mạng chung rồi, tự thể của vị lai lại được sinh khởi. Lại có thể thâm nhận lấy hành có tùy miên. Do thâm nhận lấy chúng dùng làm nhân, nên liền bị các khổ như sinh v.v... trói buộc, cũng bị sự trói buộc lớn như tham v.v... buộc chặt.

Chết điều phục: Tức là đối với đời hiện tại đã điều đã phục, không có tùy miên. Mạng chung rồi, tự thể của vị lai không sinh khởi nữa, cũng không thâm giữ lấy hành có tùy miên, không thâm giữ lấy chúng dùng làm nhân, nên giải thoát các khổ như sinh có sai biệt, cũng lại giải thoát sự trói buộc lớn như tham v.v...

Chết đồng phạm: Nghĩa là như quá khứ không điều không phục từng xả bỏ thân mạng, đối với đời hiện tại cũng lại như thế mà xả bỏ thân mạng. Nên biết như vậy gọi là chết đồng phạm, gọi là chết tương tự, gọi là chết tùy thuận.

Hoặc đối với quá khứ không điều không phục, xả bỏ thân mạng rồi, đối với đời hiện tại đã điều đã phục mà xả bỏ thân mạng, nên biết đây gọi là chết không đồng phạm, chết không tương tự, chết không tùy thuận.

Hoặc đối với hiện tại, hành có tùy miên, lần lượt là tùy miên, mà lúc mạng chung, như chết quá khứ, gọi là chết đồng phạm, cùng chết tùy thuận, không như quá khứ, lúc mạng chung, không thể thâm giữ lấy các hành đồng phạm của chỗ kiết sinh tương tục nơi vị lai.

Lại, sáu thứ chết này, nên biết có hai thứ tướng:

- (1) Tướng lỗi lầm tai họa của các hành lưu chuyển.
- (2) Tướng thắng lợi của các hành hoàn diệt.

Nếu đối với quá khứ cùng đối với hiện tại không điều không phục, đồng phạm mà chết. Lại, đối với vị lai nhận lấy các khổ như

sinh v.v..., cùng bị phiền não như tham v.v... trói buộc, gọi là tướng lỗi lầm tai họa của các hành lưu chuyển.

Nếu đối với hiện tại đã điều đã phục, chết không đồng phận, lại nơi vị lai không nhận lấy các khổ, giải thoát khỏi sự trói buộc của tất cả phiền não, gọi là tướng thắng lợi của hành hoàn diệt.

Lại nữa, do tám thứ tướng, được nhập ở trong số sĩ phu của ngôn thuyết thế tục do các hành sinh khởi. Đó là:

- (1) Tên gọi như thế.
- (2) Chủng loại như thế.
- (3) Tộc họ như thế.
- (4) Ăn uống như thế.
- (5) Lãnh nhận như thế, hoặc khổ hoặc vui.
- (6) Sống lâu như thế.
- (7) Trụ nhiều như thế.
- (8) Biên vực của thọ lượng hiện có như thế.

Các tướng như vậy, ở trong Túc trụ niệm của Địa Bồ-tát, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, do ba thứ tướng, ở trong các hành, nên biết vô ngã nơi biến trí cùng đoạn. Đó là:

- (1) Biến trí nơi trong.
- (2) Biến trí nơi ngoài.
- (3) Biến trí nơi trong ngoài.

Đoạn cũng như thế, theo chỗ ứng hợp. Đó là các hành đều không có ngã, không có ngã sở, cũng không có hỗ tương hệ thuộc khác. Như thế nên biết, đối với trong ngoài cùng biến trí và đoạn.

Ở đây, do trí pháp trụ đạt được quyết định, biến trí thường tập như thế nên xả bỏ tùy miên hiện có tương ưng kia, đạt được đoạn

trừ rốt ráo. Nên biết trong đó, vì đối với các hành chưa được biến trí, khiến đạt được, nên Đại sư Như Lai thuyết giảng chánh pháp cốt yếu. Nếu đối với các hành đã được biến trí nhưng chưa vĩnh viễn đoạn trừ, vì khiến chỉ đối với biến trí đã đạt được như trước, nên luôn hành tập, được vĩnh viễn đoạn trừ, lại thêm khuyên dẫn.

Lại nữa, ở trong sinh tử lưu chuyển: có ba thứ trói buộc. Do sự trói buộc này nên tâm khó giải thoát. Nên biết ở đây chỉ có pháp - luật thuyết giảng thiện mới có thể khiến giải thoát, không phải do thuyết ác. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Các sự hữu lậu đã trói buộc của các kiết còn lại, trừ kiết ái.
- (2) Các sự hữu lậu đã cấu nhiễm của kiết ái.
- (3) Các hành có thể sinh hữu sau của vị lai.

Đối với ba thứ trói buộc này, do ba nhân duyên nên tâm khó giải thoát. Đó là:

- (1) Do vô số.
- (2) Do bền chắc, nên đáng yêu thích.
- (3) Do vi tế.

Lại do năm tướng khiến hữu sau bị trói buộc, nên biết có năm ngã mạn hiện hành:

- (1) Chỗ dựa.
- (2) Đối tượng duyên.
- (3) Trợ bạn.
- (4) Tự tánh.
- (5) Nhân quả.

Nên biết ở đây, Tát-ca-da-kiến dùng làm chỗ dựa. Chấp ngã nơi vị lai, hoặc sẽ là có, hoặc sẽ là không có, do có không có làm cảnh của đối tượng duyên. Trong đó, không có làm cảnh của đối

tượng duyên chỉ có một loại, còn có làm, đối tượng duyên thì có năm loại:

- (1) Ngã sẽ có sắc.
- (2) Ngã sẽ không sắc.
- (3) Ngã sẽ có tướng.
- (4) Ngã sẽ không tướng.
- (5) Ngã sẽ phi có tướng, phi không tướng.

Hết thấy như thế gồm thấu chung làm một, hợp có sáu thứ cảnh giới của đối tượng duyên.

Nói trợ bạn: Nghĩa là tâm động loạn.

Nói tự tánh: Là nêu riêng hành tướng là tự tướng kia. Tự tánh của hý luận là cộng tướng kia. Tất cả phiền não là tánh hý luận.

Tánh nhân quả: Nghĩa là có thể chiêu cảm sinh là tánh của nhân. Tạo tác nghiệp là sự theo đuổi của hành ái.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết tâm khéo giải thoát. Đó là:

- (1) Đối với các hành nhận biết rõ khắp.
- (2) Đối với các hành tương ưng với các phiền não đã đoạn trừ, được tác chứng.
- (3) Phiền não đoạn rồi, nơi tất cả xứ, an trụ lìa ái.

Lại ở trong ấy, do bốn thứ hành nên ở trong các hành có thể nhận biết rõ khắp như tánh hiện có. Nghĩa là vô thường v.v...

Do mười một hành, nên ở trong các hành có thể nhận biết rõ khắp hết thấy tánh hiện có. Tức là quá khứ, vị lai v.v..., như trước đã nói rộng.

Lại nữa, có hai thứ, năm thứ tạp nhiễm cùng năm thứ tướng nhân. Hai thứ như thế, các hàng hữu học nên biết nên đoạn. Các bậc vô học đã biết đã đoạn. Những gì là hai? Đó là:

(1) Tọa nhiễm của kiến.

(2) Tọa nhiễm của mạn.

Hai thứ này, nên biết thành năm thứ sai biệt: Tức là do hành, triền, tùy miên. Những gì là năm? Đó là:

(1) Chấp ngã.

(2) Chấp ngã sở.

(3) Ngã mạn.

(4) Chấp trước.

(5) Tùy miên.

Nên biết trong đó, ba thứ chấp ngã, ngã sở, ngã mạn là chỗ nương dựa. Nơi sự của đối tượng duyên cố chấp, chấp giữ chỉ có để này là thật, các thứ khác đều là hư vọng. Nên biết ở đây, do lý của triền gọi là chấp trước. Tức chúng tử kia, theo chỗ buộc nối tiếp gọi là tùy miên.

Lại, có thức thân cùng sự bên ngoài, nên biết là tướng của năm thứ nhân kia. Nghĩa là tướng nhân của chấp ngã, cho đến tướng nhân của tùy miên. Tức tướng nhân này lại có hai thứ:

(1) Tướng nhân của đối tượng duyên.

(2) Tướng nhân của nhân duyên.

Chấp ngã, ngã mạn, do có thức thân, là tướng nhân của đối tượng duyên. Chấp ngã sở, do chung hai thứ, là tướng nhân của đối tượng duyên. Chấp trước kia, do nghe không phải Chánh pháp, tác ý không như lý, cùng tùy miên kia, là tướng nhân của nhân duyên. Tùy miên ấy, do không nhận biết rõ đúng như thật về phiền não của các hành, các triền thường xuyên hành tập, là tướng nhân của nhân duyên.

Lại nữa, có bốn thứ chúng hữu tình, nên biết trong đó an lập tọa nhiễm. Đó là:

- (1) Chúng hữu tình ngoại đạo.
- (2) Chúng hữu tình là phạm phu của pháp này.
- (3) Chúng hữu tình hữu học.
- (4) Chúng hữu tình vô học.

Trong chúng hữu tình ngoại đạo có đủ tất cả. Nơi chúng hữu tình là phạm phu của pháp này, bốn thứ có thể đạt được cùng tướng nhân kia và chấp trước một phần tướng nhân, nhưng chấp trước không thể đạt được.

Trong chúng hữu tình hữu học: Hai thứ chấp ngã, ngã sở cùng tướng nhân của ngã chấp trước tùy miên đều không thể thủ đắc và ngã mạn chấp trước cùng tướng nhân kia, nhưng có tùy miên của ngã mạn có thể đạt được.

Nơi chúng hữu tình vô học: Tất cả đều không thể thủ đắc.

Lại, chúng hữu tình ngoại đạo gồm hành hiện có. Chúng không bị đoạn trừ. Chúng hữu tình là phạm phu của pháp này đã tu các hành, chính là đoạn chúng nhưng chưa có thể đoạn, chưa thấy như thật. Chúng hữu tình hữu học đã đoạn một phần, vì đoạn phần còn lại nên lại tu hành chánh, tuy thấy như thật, nhưng không tự xưng: Ta đã có thể thấy. Cũng chưa đạt được tận trí, vô sinh trí.

Chúng hữu tình vô học, tất cả đã đoạn, ở trong các hành, tự nêu bày: Ta đã thấy như thật.

Lại nữa, có tám thứ câu nói thanh tịnh. Những gì là tám? Nghĩa là do vượt quá kiến, mạn, nên gọi là hai thứ câu nói thanh tịnh vượt quá ý. Do đoạn trừ tướng nhân kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh trừ tướng. Do đoạn trừ chấp trước kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh tịch tĩnh. Do đoạn dứt tùy miên kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh khéo giải thoát.

Lại nữa, hàng hữu có hai thứ câu nói thanh tịnh. Nghĩa là ở trong tất cả hành của hữu sau, do đạo lý không hiện hành, nên gọi

là đã cắt đứt tham ái, cùng chuyển ba kiết. Bậc vô học có hai câu nói thanh tịnh. Tức là dứt mạn, hiện quán, cùng tất cả tùy miên tham ái của gốc khổ đã vĩnh viễn dứt trừ, nên gọi là đã tạo biên vực khổ.

Như thế, tất cả gồm thâu chung làm một, hợp có tám thứ câu nói thanh tịnh.

Lại nữa, do bốn chi nên xa lìa đầy đủ, gọi là khéo gồm đủ. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Không có phần thứ hai mà trụ.
- (2) Ở nơi biên vực ngoại cụ.
- (3) Thân kia xa lìa.
- (4) Tâm kia xa lìa.

Nghĩa là nơi cảnh giới của gia đình đã sinh các tướng tầm tư về tham dục giận dữ, thấy đều xa lìa. Dựa vào không phóng dật, phòng giữ nơi tâm. Lại do năm tướng, phát khởi siêng năng tinh tấn, mau chóng chứng đắc thông tuệ:

- (1) Người có uy lực, do mặc áo giáp tinh tấn.
- (2) Người có tinh tấn, do gia hạnh tinh tấn.
- (3) Người có dũng mãnh, do ở trong pháp rộng lớn, tinh tấn không khiếm nhược.
- (4) Người có kiên trì, do tinh tấn, đối với nóng lạnh, ruồi muỗi v.v... đều không thể làm cho khuynh động.
- (5) Người không bỏ gánh nặng thiện, do tinh tấn đối với phần thấp kém không hề biết đủ.

Lại vì nhằm đoạn trừ các thứ tùy phiền não như hôn trầm, thù miên, trạo cử, ô tác, như thứ lớp nơi phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nguyện hành Chỉ, Quán đứng đắn không có hoại mất.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, có ba thứ viên mãn. Đó là:

- (1) Hành viên mãn.
- (2) Quả viên mãn.
- (3) Sư viên mãn.

Hành viên mãn: Nghĩa là vì xúc chứng nơi cảnh giới đoạn trừ, không dục, tịch diệt, nên lắng nghe chánh pháp, vì kẻ khác diễn nói, tự tu hành chân chánh, pháp tùy pháp hành. Đó gọi là hành viên mãn.

Quả viên mãn: Tức do sức tăng thượng của pháp tùy pháp hành này, nên tâm khéo giải thoát, lại có thể chứng đắc Niết-bàn của hiện pháp. Đó gọi là quả viên mãn.

Sư viên mãn: Nghĩa là có thể dẫn phát pháp của tất cả phạm hạnh, đều do Đức Thế Tôn làm căn bản, đều do Đức Thế Tôn chuyển pháp nhãn, đều dùng Đức Thế Tôn làm chỗ dựa. Do Đức Như Lai xuất thế có giáo pháp có thể nhận biết, nên nói Đức Thế Tôn là căn bản của sự viên mãn kia.

Phật xuất hiện ở đời đã quán đối các hữu tình được hóa độ kia, thuyết pháp nhãn chân chánh, sư cùng đệ tử lần lượt truyền nối tiếp, nên nói Đức Thế Tôn chuyển pháp nhãn chân chánh. Chuyển pháp nhãn rồi, nếu có người ở trong ấy sinh các nghi hoặc, thì chỉ dựa nơi Đức Thế Tôn mới có thể quyết định rõ, nên nói Đức Thế Tôn là chỗ nương dựa.

Lại, sư thuyết pháp lược có hai loại:

- (1) Do giáo pháp.
- (2) Do chứng đắc.

Ở đây, do từ bỏ kẻ khác nghe chánh pháp rồi mà nêu giảng, là dựa vào sự chứng đắc nơi đạo học, đạo vô học rồi tuyên thuyết.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 86

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ NHẤT:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

*Tướng hành, tướng ngu, nhân thắng lợi
Chín trí, không si cùng thắng tấn
Ngã kiến sai biệt ba tướng hành
Pháp tổng các phẩm ba sau rộng.*

Ở trong các hành, tu hành tướng vô thường có năm thứ. Nghĩa là do:

- (1) Tánh vô thường.
- (2) Tánh không hằng.
- (3) Tánh không trụ lâu.
- (4) Tánh không thể giữ.
- (5) Tánh của pháp biến hoại.

Ở đây, sát-na, sát-na hoại diệt nên vô thường. Tự thể hệ thuộc, trụ thọ có giới hạn, nên là không hằng. Ngoại sự trước sau quyết định không trụ nên là không trụ lâu. Thọ lượng chưa đủ, lại bị duyên hoại, phi thời mà chết, nên là không thể giữ. Cho đến lúc trụ như thế, nơi khoảng giữa, an lạc chẳng định, nên là pháp biến hoại.

Lại nữa, hạng ngu tối lược có ba loại tướng. Những gì là ba? Nghĩa là những kẻ ngu đối với tất cả hành như trên đã nói. Năm tánh vô thường không thể tư duy, ở trong tánh hơn kém không chân thật, phân biệt hơn kém, nêu xét về tự tha, cho mình là hơn. Đó gọi là tướng thứ nhất của kẻ ngu.

Như cho mình hơn, thì cho mình bằng, cho mình kém, nói rộng cũng thế. Cùng với đây trái nhau nên biết là kẻ trí, cũng có ba thứ tướng của kẻ trí.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên biết tuệ nhãn của Thánh giả thanh tịnh. Nghĩa là do xa trần cũng lìa cấu. Do thấy chỗ đoạn trừ các phiền não triền, lìa mọi trói buộc, nên gọi là xa trần. Do lìa được trói buộc của tùy miên kia, nên gọi là lìa cấu. Lại, lúc hiện quán, có ngã mạn thô cùng nhập tác ý, chuyên có gián đoạn không gián đoạn. Nếu nhận biết rõ khắp về đối tượng giữ lấy, chủ thể giữ lấy nơi đối tượng duyên đều bình đẳng, tức chúng liền đoạn trừ. Do chúng được đoạn trừ nên gọi là xa trần. Hết thấy tùy miên của phiền não do kiến đạo đoạn đã được đoạn trừ nên gọi là lìa cấu.

Lại nữa, xa trần lìa cấu, ở trong các pháp, lúc được pháp nhãn, nên biết tức được mười thứ thắng lợi. Đó là:

(1) Nơi bốn Thánh đế đã khéo thấy rõ, nên gọi là thấy pháp.

(2) Theo đây, đạt được một loại quả Sa-môn, nên gọi là đắc pháp.

(3) Đối với chỗ đã chứng đắc, có thể tự nhận biết rõ: Ta nay đã dứt hết nghiệp nơi ba nẻo ác. Ta đã chứng đắc quả Dự lưu cho đến nói rộng. Do như thế nên gọi là biết pháp.

(4) Được bốn chứng tịnh, đối với Phật Pháp Tăng nhận biết đúng như thật, nên gọi là kiên pháp khắp.

(5) Đối với chỗ tự chứng đắc không làm lạc.

(6) Đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác không nghi.

(7) Lúc tuyên thuyết giáo pháp tương ưng với Thánh đế, không dựa vào duyên khác.

(8) Không quán xét về hình tướng cùng ngôn thuyết của kẻ khác. Ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, hết thảy luận khác đều không thể chuyển.

(9) Ký biệt về tất cả chỗ chứng đắc, giải thoát đều là vô sở úy.

(10) Do hai nhân duyên nên tùy nhập Thánh giáo. Tức là thể tục chân chánh cùng đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, có chín thứ trí, có thể đối với các hành nhận biết khắp, siêu vượt.

- (1) Trí của các hành lưu chuyển.
- (2) Trí của các hành hoàn diệt.
- (3) Trí của nhân duyên tạp nhiễm.
- (4) Trí của nhân duyên thanh tịnh.
- (5) Trí thanh tịnh.
- (6) Trí khỏ.
- (7) Trí tập.
- (8) Trí diệt.
- (9) Trí đạo.

Ở đây:

Trí của các hành lưu chuyển: Lược do ba thứ nhân duyên tích tập, nên tất cả hành tích tập nơi chánh trí hiện có. Đó là hỷ tập, xúc tập, danh sắc tập. Theo chỗ ứng hợp, hoặc sắc tập, hoặc thọ v.v... tập, hoặc thức tập.

Tức do ba thứ nhân duyên này diệt, nên ba thứ hành diệt. Đó gọi là trí của các hành hoàn diệt.

Trí của nhân duyên tạp nhiễm, trí của nhân duyên thanh tịnh, cùng trí thanh tịnh: Nghĩa là đối với ái vị, lỗi lầm tai họa cùng nẻo xuất ly, như trước đã nói, nên biết.

Bốn trí như khở v.v... trong bốn Thánh đế: Như trước, nơi đạo lý phân biệt Thánh đế, nên biết về tướng của chúng.

Đối với phần vị phạm phu tu năm trí trước, có thể mau chóng chứng đắc bốn trí Thánh đế sau. Do chứng đắc chúng, nên có thể đối với các hành nhận biết rõ như thật.

Lại, nếu đối với các trí trước có thiếu sót, tất định không thể dùng đạo lý của đế nhận biết khắp các hành, phải nên chứng đắc mới có thể nhận biết khắp. Hoặc nơi đế lý, trí nhận biết khắp về hành có chỗ thiếu sót, tất định không thể đối với tu đạo trên dùng lực đối trị đoạn trừ các phiền não, vượt tất cả hành. Cùng với đây trái nhau, mới có thể siêu vượt. Thế Tôn nói là có chín thứ trí, có thể đối với các hành nhận biết khắp cùng siêu vượt.

Lại nữa, hành giả tu quán, do ba xứ nên ở trong các hành trụ không ngu si. Những gì là ba? Đó là:

(1) Đối với các hành quá khứ nhận biết rõ đúng như thật, là tánh vô thường.

(2) Đối với các hành hiện tại nhận biết rõ đúng như thật, là tánh của pháp diệt.

(3) Đối với các hành hiện tại nhận biết rõ đúng như thật, là tánh của pháp sinh diệt.

Hành giả do đối với hành của ba đời như thế không có ngu si, tâm không nhiễm ô, an lạc mà trụ, gắn liền nơi số sáng tỏ. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là có ngu si mà trụ, rơi vào số vô minh.

Lại có ba thứ dị danh của phiền não, phần nhiều được nói trong phẩm phiền não:

(1) Dị danh của tham.

(2) Dị danh của sân.

(3) Dị danh của si.

Dị danh của tham: Cũng gọi là hỷ, cũng gọi là tham, cũng gọi là luyến tiếc, cũng gọi là vui mừng, cũng gọi là dục, cũng gọi là thân quen, cũng gọi là lạc, cũng gọi là cất chứa, cũng gọi là giữ, cũng gọi là vướng mắc, cũng gọi là trông mong, cũng gọi là đam mê, cũng gọi là ái, cũng gọi là nhiễm, cũng gọi là khao khát.

Dị danh của sân: Cũng gọi là khuể (giận), cũng gọi là ghét, cũng gọi là sân, cũng gọi là phẫn, cũng gọi là tổn hại, cũng gọi là không nhẫn, cũng gọi là vi lệ (chống trái), cũng gọi là bạo ác, cũng gọi là nọc độc châm chích, cũng gọi là cự đối, cũng gọi là thâm độc, cũng gọi là phẫn phát, cũng gọi là nộ hám (thù giận), cũng gọi là mang lo lắng mà trụ, cũng gọi là sinh nóng nảy bùng bùng.

Dị danh của si: Cũng gọi là không trí, cũng gọi là không kiến, cũng gọi là không phải hiện quán, cũng gọi là hôn muội, cũng gọi là ngu si, cũng gọi là vô minh, cũng gọi là hắc ám. Những tên gọi như thế, nên biết như nơi phần Nhiếp Dị Môn ở trước phần nhiều đã biện biệt. Về sự sai biệt của hỷ, tham, ở đây sẽ nói. Duyên dựa nơi vui thích do thọ sinh ra, gọi là hỷ. Duyên nơi cảnh giới sinh thọ, dấy khởi nhiễm đắm, gọi là tham.

Lại, đối với cảnh sắp đạt được sinh gọi là hỷ. Nếu đối với cảnh đã đạt được sinh khởi, gọi là tham.

Lại, đối với pháp đã đạt được sắp sửa thọ dụng, gọi là hỷ. Tức đối với sự việc ấy, lúc đang thọ dụng, gọi là tham.

Lại, đối với cảnh giới, có thể dùng phương tiện để đạt được, gọi là hỷ. Tức đối với cảnh giới ấy, gọi là tham.

Lại, đối với hữu sau, gọi là hỷ. Đối với cảnh giới hiện tại, gọi là tham.

Lại, đối với chỗ yêu thích lợi, tốt của hữu tình khác, gọi là hỷ. Đối với chỗ lợi tốt của mình đạt được, gọi là tham.

Lại nữa, ở trong các hành, tu tập như lý, có bốn thứ thắng tấn. Nghĩa là tướng thắng tấn lược có ba loại:

- (1) Chưa được khiến được.
- (2) Chưa hợp khiến hợp.
- (3) Chưa chứng khiến chứng.

Nếu đạt được hiện pháp lạc trụ, gọi là thắng tấn thứ tư.

Đầu tiên có thể đạt được chỗ trước chưa được quả Dự lưu, nên biết đó gọi là chưa được khiến được.

Tức ở đây làm chỗ dựa, lại có thể khế hợp với quả học trên, nên biết đó gọi là chưa hợp khiến hợp.

Tức dùng đây làm chỗ dựa, lại có thể chứng đắc quả A-la-hán, đối với các hoặc đoạn trừ, có thể tác chứng, nên biết đó gọi là chưa chứng khiến chứng.

Nếu đã chứng đắc quả A-la-hán, lại không “chưa được khiến được, chưa chứng khiến chứng”, nên chánh cần tu tập, chỉ nhằm đạt hiện pháp lạc trụ.

Chánh cần tu tập, lại dựa vào tự nghĩa, có ba tướng thắng tấn. Nghĩa là ở trong các hành có tướng chán bỏ, tướng lỗi lầm tai họa, tướng nghĩa thật.

Tướng chán bỏ lại có bốn hành: Nghĩa là đối với các hành tu duy như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như não hại.

Như bệnh: Tức như có một hữu tình, nhân nơi cảnh giới thác loạn, sinh ra bệnh khô, tu tướng chán bỏ.

Như ung nhọt: Nghĩa là như có một hữu tình, nhân nơi nghiệp từ trước, sinh khởi ung nhọt khổ não, tu tướng chán bỏ.

Như mũi tên: Tức như có một hữu tình, nhân nơi sự oán đối của kẻ khác, bị khổ vì mũi tên bắn trúng, tu tưởng chán bỏ.

Như não hại: Nghĩa là ở trong sự thiếu thốn về của cải thân thuộc, nhân nơi tà chấp của chính mình sinh ra các khổ, tu tưởng chán bỏ.

Như thế gọi là hành giả tu quán, ở trong các hành tu tưởng chán bỏ.

Tưởng lỗi lầm tai họa: Lại có hai hành, nghĩa là đối với các hành tư duy về vô thường, cùng tư duy về khổ.

Tưởng nghĩa thật: Cũng có hai hành, nghĩa là đối với các thành, tư duy về tánh không cùng tánh vô ngã.

Ở đây, trước đối với tưởng lỗi lầm tai họa, cùng tưởng nghĩa thật tu tập đúng đắn rồi, sau đây mới có thể trụ nơi tưởng chán bỏ. Nên biết, trong đây trước nói về quả, sau là nói về nhân.

Lại nữa, có bốn thứ ngã kiến làm chỗ nương dựa, có thể sinh ra ngã mạn:

(1) Ngã kiến có phân biệt: Tức là chỗ dấy khởi của các ngoại đạo.

(2) Ngã kiến câu sinh: Nghĩa là dưới đến loài cảm thú v.v... cũng có thể sinh khởi.

(3) Ngã kiến duyên nơi chính mình làm chỗ dựa. Nghĩa là đối với nội thân đều riêng khác đã dấy khởi.

(4) Ngã kiến duyên nơi kẻ khác làm chỗ dựa: Là đối với thân kẻ khác đã dấy khởi.

Ngã kiến có phân biệt, làm chỗ dựa sinh ngã mạn: Nghĩa là do kiến này, quán xét thân tự tha, chấp có thật ngã. Do hai thứ ngã kiến này làm chỗ dựa, phát sinh ngã mạn. Ví như tấm gương tròn thanh tịnh, trên mặt có tượng thật làm chỗ dựa phát sinh ảnh tượng. Ảnh

tượng làm chỗ dựa, đối với chỗ dựa của chính mình phát sinh tưởng kém, vừa, hơn. Như thế do phân biệt tà vạy, nên ngã kiến duyên nơi chính mình làm chỗ dựa, làm duyên phát sinh. Ngã kiến duyên nơi kẻ khác làm chỗ dựa. Như dựa nơi tượng thật phát sinh ảnh tượng. Lại do đây làm duyên phát sinh ngã mạn, đối với kẻ khác, cho mình hoặc hơn hoặc bằng hoặc kém.

Ngã kiến câu sinh làm duyên sinh ngã mạn: Nên biết thí dụ so với trước có sai biệt. Như người mắt sáng, đi đến chỗ vật đựng nước trong, tự xem xét tai mắt. Phần còn lại như trước, nên biết về tướng.

Tất cả thứ Tát-ca-da-kiến này, chỉ dựa nơi pháp. Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện mới có thể vĩnh viễn đoạn trừ, chẳng phải là tà giáo khác.

Lại nữa, do ba thứ tướng nơi các hành diệt, nên gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Đó là:

- (1) Các hành diệt đã sinh khởi trước.
- (2) Các hành diệt của tự tánh diệt hoại.
- (3) Tất cả phiền não, đã vĩnh viễn lìa trói buộc của chúng.

Các hành diệt đã sinh khởi trước: Tức là nơi đời trước, có thể chiêu cảm chỗ tạo tác các nghiệp phiền não của hữu sau, cùng do chỗ xét cầu của nguyện trước, nay các hành sinh khởi đã vĩnh viễn dứt trừ.

Các hành diệt của tự tánh diệt hoại: Nghĩa là các hành kia sinh rồi nhận lấy tánh diệt hoại, không phải là các hành vĩnh viễn diệt trụ nơi cứu cánh.

Tất cả phiền não, đã vĩnh viễn lìa trói buộc của chúng: Nghĩa là các phiền não đã được đoạn dứt hoàn toàn, do nay diệt nên sau không sinh nữa.

Thế nên, do ba tướng nơi các hành diệt này, nên gọi là tịch diệt, không phải là hoàn toàn không có tướng, vì tướng kia là khác. Nếu hoàn toàn không có tướng, thì không thể thiết lập để gọi là tịch diệt.

Lại nữa, do sức tăng thượng của ba môn giải thoát, nên biết đã kiến lập bốn thứ pháp Ôt-đà-nam. Ba môn giải thoát là môn giải thoát không, môn giải thoát vô nguyện, môn giải thoát vô tướng.

Tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ: Là dựa nơi môn giải thoát vô nguyện, kiến lập pháp Ôt-đà-nam thứ nhất, thứ hai.

Tất cả pháp vô ngã: Là dựa nơi môn giải thoát không, kiến lập pháp Ôt-đà-nam thứ ba.

Niết-bàn tịch tĩnh: Là dựa nơi môn giải thoát vô tướng, kiến lập pháp Ôt-đà-nam thứ tư.

Lại nữa, nên biết có hai thứ pháp Ôt-đà-nam nơi hành dục tăng thượng:

- (1) Thắng giải cùng hành dục.
- (2) Ý lạc cùng hành dục.

Thắng giải cùng hành dục: Do bốn thứ pháp Ôt-đà-nam, nên ở trong các hành sinh khởi lạc dục.

Lại, đối với các hành tịch tĩnh, sinh lạc dục: Là do ý lạc nên ở riêng nơi chốn vắng lặng, tác ý tư duy. Do bốn thứ tướng, nên đối với hành tịch tĩnh kia, tâm thoái chuyển:

- (1) Ở trong ấy, do thấy thắng lợi, không hướng nhập.
- (2) Không tin kẻ kia đạt tin không thanh tịnh.
- (3) Nơi đối tượng duyên kia không sinh hỷ lạc, không an trụ.
- (4) Đối với pháp kia, khởi thắng giải không vui thích.

Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là ý lạc cùng hành dục.

Lại do hai duyên, nương dựa nơi dục của thắng giải vô ngã, đối với Niết-bàn kia, do kinh sợ nên tâm thoái chuyển:

(1) Do đối với dục này, không khéo luôn hành tập, chưa đạt đến cứu cánh.

(2) Nơi lúc tác ý, do nhân duyên kia, nên niệm quên mất.

Lại, nhân dục này chưa thường xuyên hành tập, nên bây giờ, ở trong các hành, hiểu rõ chỉ là trí của hành. Tâm kia ngu tối, luôn luôn tư duy về ngã: Ta lúc này nên ở tại đâu để tìm cầu về hành của ngã, vi tế cùng hành, chướng ngại mà chuyển. Do duyên ấy nên kẻ kia khởi suy nghĩ: Ngã sẽ không có chăng? Khởi niệm ấy chỉ có các hành, vị lai không có. Kẻ kia do theo đuổi thân kiến như thế làm chỗ dựa, nên phát sinh nhận thức về tùy chuyển biến dị. Do kinh sợ nên đối với nẻo tịch diệt kia, tâm thoái chuyển.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ sự kinh sợ như thế, nên có hai thứ pháp có nhiều chỗ tạo tác:

(1) Ở chỗ các bậc có trí đồng phạm hạnh, tự hiển bày đúng như thật.

(2) Nhân nơi pháp thiện, muốn phát khởi, hiểu rõ về tâm, cùng tâm điều hợp.

Lại phát khởi, hiểu rõ về tâm như thế: Là lắng nghe chánh pháp, do ba thứ tướng nên phát sinh hoan hỷ:

(1) Do hữu tình tăng thượng.

(2) Do pháp tăng thượng.

(3) Do tự tăng thượng.

Hữu tình tăng thượng: Là do trông thấy Đại sư đốn nghiêm, đủ uy lực lớn, đáng tán thán, kính ngưỡng sâu xa, cùng chỗ khen ngợi về pháp thuyết giảng thiện.

Pháp tăng thượng: Nghĩa là pháp được thuyết giảng có thể khiến xuất ly khỏi khổ của nghiệp phiền não, cùng khiến tin hiểu về nghĩa thâm diệu tối thượng.

Tự tăng thượng: Tức có năng lực, đối với pháp đã nêu giảng có thể tùy thuận giác ngộ.

Lại phát khởi tâm điều hợp như thế. Nghĩa là có ba kiến:

- (1) Hoặc dựa nơi tâm kia mà chuyên.
- (2) Hoặc do tâm kia nhận biết khắp.
- (3) Hoặc ứng hợp chỗ dẫn phát.

Dựa nơi tâm kia mà chuyên: Là đối với các đế chưa được hiện quán, vì nhằm đạt được, nên dựa vào thắng giải cùng hành kia, hết sức khéo thường xuyên hành tập, chánh kiến mà chuyên.

Do tâm kia nhận biết khắp: Tức dựa vào sự tùy thuận nơi chánh kiến hiện quán, đối với ba sự nơi Tát-ca-da-kiến của ngã chấp, cùng tánh là chỗ nương dựa của hai kiến đoạn, thường nơi tùy miên kia, và quả đã đạt được, có thể nhận biết rõ khắp. Nói ba sự:

- (1) Hoặc là đối tượng được nhận lấy.
- (2) Hoặc là chủ thể nhận lấy.
- (3) Hoặc nhận lấy như thế.

Đối tượng được nhận lấy là gì? Là năm thủ uẩn.

Cái gì là chủ thể nhận lấy? Là bốn thức.

Vì sao nhận lấy? Nghĩa là bốn thức trụ, tùy theo thứ lớp, như trước nên biết. Vì hai thức nhận lấy là nơi chốn nương dựa của tâm.

Lại, đối với các triền hiện có kia đã dẫn dắt phi lý, duyên nơi cảnh giới kia, Tát-ca-da-kiến sinh khởi chấp trước cùng tùy miên, như trước nên biết.

Thế nào là ứng hợp với chỗ dẫn phát? Tức là trụ nơi pháp kia, có thể đoạn trừ vĩnh viễn ba sự chấp trước của Tát-ca-da-kiến, cùng với tùy miên, đối với trí Thánh để không dựa vào duyên khác.

Lại, nếu dựa vào chỗ nên nhận biết khắp kia, lúc chánh kiến chuyển, đối với ba xứ khởi chấp trước về ngã, cùng có tùy miên, nên ở trong các hành, hoặc tích tập hoặc ẩn mất, không khéo nhận biết. Ở trong xứ, hành hãy còn không thể nhập, hướng chi là được xuất ly. Nếu tùy thuận hiện quán, lúc chánh kiến an trụ, ở trong ba sự. Ngã chấp hiện có, đều đã lia trôi buộc, cũng như bị tùy miên trôi buộc. Ở trong các hành, hoặc tích tập hoặc ẩn mất, có thể khéo nhận biết, nên xa lia hai biên, nhập hành ở giữa, tuy chưa xuất ly, đều có thể xuất ly.

Nếu đã dẫn phát hiện quán Thánh đế, do chánh kiến nên ở trong ba sự không chấp trước ngã, xa lia tùy miên. Ở trong xứ, hành trước là hướng nhập, sau do đây mới được xuất ly. Nên biết ba kiến lúc chuyển như thế, có sai biệt ấy.

Lại nữa, tụng nêu:

*Mau thông tự thể, cảnh giới trí
Lưu chuyển, biết đủ, hành thuận dòng
Biết đoạn tướng tướng lập trái lương
Sự tạo tác các phẩm sau rộng.*

Vì nhằm chứng đắc giải thoát cứu cánh chân thật, chưa đạt được, lược có ba pháp, có thể khiến đạt được thông tuệ nhanh nhạy:

- (1) Lược của trí.
- (2) Lược không phóng dật.
- (3) Lược luôn hành tập.

Lược của trí: Nghĩa là nếu trụ nơi trí kia, tức có thể nối tiếp vĩnh viễn dứt hết các lậu. Nên biết tức là trí kiến của hàng hữu học.

Lực không phóng dật: Tức đã đạt được tri kiến như thế, dựa vào đạo đã đạt được như vậy, theo phương tiện siêng tu, phòng hộ pháp ác bất thiện đối với tâm.

Lực luôn hành tập: Tức dựa nơi phương tiện ấy, siêng tu, thường tạo, thường chuyển, trọn không cho ta là đối với hôm nay được dứt hết các lậu, tâm giải thoát chăng? Là nơi ngày tiếp, là nơi ngày sau? Do tu duy tà ấy khiến tâm chán mệt. Không chán mệt rồi liền không khiếp sợ. Không khiếp sợ rồi, nên không bỏ gia hạnh, có thể dứt hết các lậu.

Hỏi: Trí, kiến có gì sai biệt?

Đáp: Nếu soi chiếu quá khứ cùng do vị lai, không phải là cảnh hiện thấy, thì tuệ này gọi là trí.

Soi chiếu về cảnh hiện tại, tuệ này gọi là kiến.

Lại, đối tượng được nhận lấy làm duyên, tuệ này gọi là trí. Chủ thể nhận lấy làm duyên, tuệ này gọi là kiến.

Lại, do văn, tư tạo thành, tuệ ấy gọi là trí. Do tu tạo thành, tuệ ấy gọi là kiến.

Lại, có thể đoạn trừ phiền não, tuệ ấy gọi là kiến. Phiền não đoạn trừ rồi, có thể chứng đắc giải thoát, tuệ ấy gọi là trí.

Lại, duyên nơi cảnh của tự tướng, tuệ ấy gọi là trí. Duyên nơi cảnh của cộng tướng, tuệ ấy gọi là kiến.

Lại, do giả thiết lập ở trong khắp các hành nội ngoại kia, hoặc lập làm ngã, hoặc lập làm hữu tình như trời, rồng, Dược-xoa v.v... Hoặc lập làm quân binh, nhà cửa v.v... Do các hành của lý thể tục như thế, duyên nơi cảnh được nhận thức, tuệ ấy gọi là trí. Nếu là chủ thể nhận lấy nơi tự tướng, cộng tướng, tuệ ấy gọi là kiến.

Lại, tìm cầu các pháp, tuệ ấy gọi là trí. Đã tìm cầu rồi, quán xét các pháp, tuệ ấy gọi là kiến.

Lại, duyên nơi ảnh tượng không phân biệt làm cảnh, tuệ ấy gọi là trí. Duyên nơi ảnh tượng có phân biệt làm cảnh, tuệ ấy gọi là kiến.

Lại, ảnh tượng của cảnh giới có sắc làm duyên, tuệ ấy gọi là kiến. Ảnh tượng của cảnh giới vô sắc làm duyên, tuệ ấy gọi là trí.

Hành giả do hoặc trí hoặc kiến như thế làm chỗ nương dựa, lúc theo phương tiện tu tập, lại siêng năng tu bốn sự thiện xảo:

- (1) Sự quan sát.
- (2) Sự lấy, bỏ.
- (3) Sự xuất, nhận.
- (4) Sự phương tiện.

Sự quan sát: Là bốn niệm trụ. Vì nhằm đối trị bốn điên đảo, nên nhận biết khắp đúng như thật về tất cả cảnh.

Sự lấy, bỏ: Nghĩa là bốn chánh đoạn. Vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện cùng vì tu tập các pháp thiện.

Sự xuất, nhận: Tức là bốn thân tức. Dựa nơi bốn tĩnh lực, thứ lớp vượt ra khỏi, khởi đầu từ ưu căn, cho đến lạc căn.

Sự phương tiện: Nghĩa là các căn, lực, giác chi, đạo chi. Nên biết tức là chánh phương tiện có thể đoạn trừ các phiền não do kiến đạo, tu đạo đoạn dứt.

Siêng năng tu tập sự thiện xảo như thế, nên biết có bốn thứ nghĩa của đối tượng nương dựa và chủ thể nương dựa.

Nghĩa của đối tượng nương dựa: Nghĩa là hành giả hành quán, chánh cần tu tập.

Nghĩa của chủ thể nương dựa: Tức là thanh tựu việc tu học các pháp vô lậu, nhưng chưa thanh tịnh, vẫn bị màng lưới vô minh còn lại vây bọc.

Lại, các pháp kia do đạo thanh tịnh, sau mới thanh tịnh. Đạo thanh tịnh này, nên biết có bốn thứ sai biệt:

(1) Quen gần với chánh pháp. Tỉnh lự thâm định đúng đắn.

(2) Sự thân, bạn thân.

(3) Dùng gốc Thi la để giữ gìn các pháp như thiếu dục v.v..., huân tập, căn ngăn nơi tâm.

(4) Ở riêng nơi chốn vắng lặng, dùng hai pháp Chi, Quán thù thắng, đạt an lạc chân chánh, làm sự hỗ trợ.

Lại, thanh tịnh là dựa vào đạo hành thanh tịnh kia, tu tập nhiều, khiến cho pháp hữu học phá trừ lưới vô minh, hướng đến địa vô học.

Lại, vì nhằm đạt được giải thoát cứu cánh chân thật, nên biết lược có năm thứ lần lượt:

(1) Trước tích tập tư lương dùng làm chỗ dựa.

(2) Dùng đáy làm chỗ dựa, tu Chi, Quán.

(3) Dùng đáy làm chỗ dựa, hiện quán đầy đủ về đế, thắng giải về Niết-bàn.

(4) Dùng đáy làm chỗ dựa, nơi chỗ chứng đắc còn kém, thiếu, không sinh biết đủ, cũng không an trụ, đối với pháp đáng chán, sinh sự chán bỏ sâu xa.

(5) Dùng đáy làm chỗ dựa, chứng đắc định Kim cang dụ sau cùng, tương ưng nơi tâm học.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên biết tất cả các hành, tự thể thấy đều là vô thường:

(1) Tất cả tự thể nơi thọ lượng đều hữu hạn.

(2) Tất cả tự thể đều do nhân sinh ra. Sự tạo tác của nhân kia là vô thường.

(3) Lại có tự thể rộng lớn, hưng thịnh, nhưng chung quy cũng bị bào mòn, hoại diệt.

(4) Lại do A-cấp-ma thuận hợp, nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, đối với pháp tánh vô thường của các tự thể, hiện thấy hiện chứng mà tuyên thuyết.

Lại có ba thứ viên mãn sai biệt của các kẻ thọ dục: Do nhân duyên này, nên các kẻ thọ dục luôn mãi tạo hý luận. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Tài sản viên mãn.
- (2) Tự thể viên mãn.
- (3) Hữu tình rộng lớn thù thắng, cung cấp viên mãn.

Nên biết lại có ba thứ nhân duyên, có thể đạt được viên mãn sai biệt như thế. Nghĩa là thí, giới, điều phục các căn cùng hành, cùng quả do tu đạt được của từ thuộc cõi dục. Từ là sự dẫn dắt đi trước. Từ là nơi chốn của nhân, đối với các hữu tình bị tổn hại, cùng chuyển nơi hành tịch tĩnh.

Lại nữa, nên biết đối với sự của đối tượng nhận thức, có bảy thứ trí hành thông đạt như thật:

- (1) Trí đã đạt được.
- (2) Trí chưa đạt được.
- (3) Trí không điên đảo.
- (4) Trí của xứ ấy, không có nhận biết là không có.
- (5) Trí của xứ ấy, nhận biết chỗ còn lại là chẳng không.
- (6) Trí nhận biết về khổ, bất tịnh.
- (7) Trí nhận biết về sự diệt hoại mau chóng.

Lại do mười lăm thứ tướng biết rõ về các hành, có thể mau chóng đoạn dứt tất cả hành ngu. Những gì là mười lăm? Nghĩa là do thủy giới sinh ra nên vô ngã. Giống với ngã mà hiển hiện nên không trụ. Theo dục mà tạo tác, nên biết rõ các sắc cũng như bọt nước tự lại.

Do ba hòa hợp sinh pháp tương tự, như mây, đất, mưa theo phương tiện hòa hợp, biết rõ các thọ dụ như bọt nước nổi. Nơi cảnh của đối tượng nhận thức, pháp tương tự có thể hiển bày, có thể thiêu đốt, có thể khiến mê loạn, nên biết rõ các tướng đồng như dạn nắng. Tát-ca-da-kiến là gốc rễ đã đoạn trừ. Nhiều thứ nhân của tự thể có sai biệt. Pháp tương tự nơi lượng sát-na, thời gian sau không tạm dừng, nên biết rõ các hành ví như thân cây chuối. Thức của hữu thủ dựa nơi bốn thức trụ, phát khởi đủ loại tự thể, tùy chuyển theo pháp tương tự, nên biết rõ các thức giống với sự huyền.

Phân biệt rộng các điều ấy, nên biết như nơi phần Nhiếp Di Môn ở trước.

Lại nữa, có hai thứ thể gian thâm tóm tắt cả hành:

- (1) Hữu tình thể gian.
- (2) Khí thể gian.

Hữu tình thể gian gọi là chủng loại sinh tử. Khí thể gian gọi là khí sinh tử (vật chứa đựng sinh tử). Chủng loại sinh tử không đồng với pháp sinh tử khác. Đối chiếu với khí sinh tử, nên biết lược có năm phần không đồng: Nghĩa là khí sinh tử cùng với nhân sinh ra. Chủng loại sinh tử thì chỉ do không cùng. Đó gọi là nhân, là phần thứ nhất không đồng.

Lại, khí sinh tử, ở nơi biên vực không đầu cuối, trước sau, đoạn. Chủng loại sinh tử, ở nơi không đầu cuối nối tiếp lưu chuyển, không đoạn dứt. Đó gọi là thời, là phần thứ hai không đồng.

Lại, khí sinh tử, hoặc bị lửa nước gió đoạn hoại. Chủng loại sinh tử thì không như thế. Đó gọi là đối trị, là phần thứ ba không đồng.

Lại, khí sinh tử, nhân không vĩnh viễn đoạn trừ, chủng loại sinh tử thì đoạn rồi không nối tiếp. Đó gọi là nối tiếp, là phần thứ năm không đồng.

Lại, đối với sinh tử do năm thứ tướng, khiến tất cả hàng ngu tối lưu chuyển không dứt:

- (1) Do nhân của ái.
- (2) Do quả của ái.
- (3) Do tự tánh của ái.
- (4) Do nhân lần lượt.
- (5) Tức nhân lần lượt nương dựa nơi đời trước không cùng tận.

Ở đây, vô minh đó gọi là nhân của ái. Các nghiệp khiến có thể sinh nơi nẻo thiện nẻo ác, đó gọi là quả của ái. Do nghiệp khiến đi đến nẻo thiện, bị ái kiết trói buộc, kẻ ngu tự nhiên vui thích đi tới. Do nghiệp khiến đi tới nẻo ác, bị vòng xích ái cột chặt, kẻ ngu tuy không muốn đến, nhưng bị cưỡng bức khiến đến.

Tự tánh của ái: Lược có ba thứ:

- (1) Ái của hữu sau.
- (2) Ái cùng hành với hỷ, tham.
- (3) Ái của các thứ hỷ lạc kia.

Ba ái như thế lược gồm thấu làm hai:

- (1) Ái hữu.
- (2) Ái cảnh.

Ái của hữu sau, đó gọi là ái hữu. Ái cùng hành với hỷ, tham: Nghĩa là lúc sắp đạt được cảnh giới hiện tiền, cùng đã đạt được cảnh nhưng chưa thọ dụng, và đối với cảnh hiện tiền đang thọ dụng với những tham ái hiện có.

Ái của các thứ hỷ lạc kia: Là tham ái hiện có đối với cảnh được mong cầu của vị lai. Nên biết ở đây do ái cùng hành với hỷ tham nên gọi là ái kiết buộc. Do ái của hữu sau cùng ái của các thứ hỷ lạc kia, nên gọi là vòng xích ái cột chặt. Nếu đối với sự việc kia, ái kiết trói

buộc, gọi là dong ruồi. Nếu ở nơi sự việc kia, vòng xích ái cột chặt, gọi là lưu chuyển.

Lại, đối với đời lâu xa, nhân lần lượt dẫn đến các hành nối tiếp, biên vực trước khó nhận biết nẻo vô cùng tận của sau, do năm tướng khiến kẻ ngu lưu chuyển ấy, nên biết lại do năm tướng trói buộc:

- (1) Trói buộc nơi xứ kia.
- (2) Do xứ kia mà bị trói buộc.
- (3) Chính là chủ thể trói buộc.
- (4) Dựa nơi xứ kia nên bị trói buộc.
- (5) Có chỗ lãnh nhận.

Trói buộc nơi xứ kia: Tức do nghiệp nên có thể đi đến nẻo thiện, trụ nơi nẻo thiện mà bị trói buộc. Hoặc do nghiệp nên có thể đi tới nẻo ác, ở nơi nẻo ác, bị gắn chặt mà trói buộc.

Lại do ái cùng hành với hỷ tham, nên đối với sự của chính mình, trụ mà bị trói buộc. Do ái của các thứ hỷ lạc kia, cùng ái của hữu sau, nên đối với sự việc của chính mình, gắn chặt mà bị trói buộc.

Do xứ kia mà bị trói buộc: Tức là phạm phu ngu tối bị vô minh trói buộc.

Chính là chủ thể trói buộc: Là pháp tương tự của tự đồng loại đối với khổ không chán.

Dựa nơi xứ kia mà bị trói buộc: Là dựa nơi uẩn sau mà bị trói buộc.

Có chỗ lãnh nhận: Là lãnh nhận các khổ như sinh v.v...

Lại nữa, phạm phu ngu tối, đối với các sự hữu lậu có bốn thứ biết đủ, nên biết phần nhiều là các ngoại đạo. Đó là:

- (1) Biết đủ đối với thân người.
- (2) Biết đủ đối với thân trời thuộc cõi dục.

(3) Biết đủ đối với việc sinh cõi Phạm thế.

(4) Biết đủ đối với việc đạt đến biên vực Hữu đảnh.

Kẻ ngu đối với các thứ kia, theo thứ lớp, hoặc đi hoặc trụ, hoặc ngồi hoặc nằm.

Lại có năm thứ khiến tất cả kẻ ngu yêu thích đường đi:

(1) Hữu sau.

(2) Cảnh giới mong cầu của vị lai.

(3) Cảnh giới hiện tiền sắp được.

(4) Cảnh giới hiện có đã được.

(5) Cảnh giới hiện tiền đang thọ dụng.

Nên biết, đối với các pháp kia, như thứ lớp, đi đến v.v... có sai biệt. Ở đây, đi tới có hai thứ:

(1) Đối với hữu sau.

(2) Đối với cảnh giới mong cầu của vị lai.

Lại có bốn thứ yêu thích đường đi:

(1) Cảnh giới do ý nghiệp mong cầu.

(2) Hai nghiệp thân, ngữ.

(3) Đạt được.

(4) Ở trong chỗ đạt được, theo sự mong muốn, hoặc chuyển hoặc hành tập.

Đây là phát nghiệp yêu thích đường đi, hoặc cầu cảnh giới, hoặc lại các hữu, nên biết đối với bốn thứ đường đi kia, như thứ lớp của chúng, đi đến v.v... có sai biệt.

Như nói về đi đến v.v..., đối với các sự hữu lậu khác đã nói, với sự biết đủ hiện có, yêu thích đường đi, vui thích hý luận, nhiệm chấp tham đắm bốn xứ có sai biệt, như thứ lớp của chúng, nên biết cũng thế.

Lại có hai thứ sai biệt nơi quả tướng của sự yêu thích đường đi:

(1) Sai biệt của tâm.

(2) Sai biệt của thân.

Sai biệt của tâm lại có hai thứ:

(a) Sai biệt của phẩm loại.

(b) Sai biệt của tạp nhiễm.

Sai biệt của phẩm loại: Là do tự tánh, chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn.

Sai biệt của tạp nhiễm: Là do phiền não hiện có như tham sân si cùng các tùy phiền não.

Sai biệt của thân cũng có hai thứ:

(a) Vô số thân có sai biệt.

(b) Một loại thân có sai biệt.

Nên biết ở đây, sai biệt của tạp nhiễm hiện có nơi tâm, có thể làm nhân cho hai thứ sai biệt của thân.

Vì nhằm đoạn trừ chúng, các người tu hành nên dùng thường xuyên tác ý không điên đảo, siêng tu hành quán.

Lại do bốn thứ nhân sai biệt, nên khiến quả sai biệt:

(1) Hoặc đối với sai biệt ấy.

(2) Hoặc do sai biệt ấy.

(3) Hoặc tức sai biệt ấy.

(4) Hoặc như sai biệt ấy.

Đối với sai biệt ấy: Là đối với sai biệt hiện có của nẻo thiện, nẻo ác.

Do sai biệt ấy: Tức do tham sân si làm nhiễm ô tâm khiến có sai biệt kia.

Tức sai biệt ấy: Nghĩa là vô số sai biệt của năm thứ hành gồm thân thân thọ nhận.

Như sai biệt ấy: Tức đối với nhân duyên thanh tịnh, tạp nhiễm của các hành lưu chuyển cùng thể thanh tịnh, không nhận biết đúng như thật, sinh vui thích v.v... cùng vô số sai biệt, như đi chạy tới v.v...

Lại nữa, không thể thông tỏ các hành vô thường, Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, thuận theo dòng chảy mà hành, các hàng ngu tối, do năm thứ tướng, nên biết là thuận theo dòng chảy mà bị chìm nổi:

- (1) Hoặc ở nơi sự chìm nổi ấy.
- (2) Hoặc do sự chìm nổi ấy.
- (3) Hoặc dựa vào sự chìm nổi ấy.
- (4) Hoặc như sự chìm nổi ấy.
- (5) Hoặc các tướng hiện có lúc chìm nổi.

Ở nơi sự chìm nổi ấy: Là ở nơi nẻo thiện, nẻo ác mà bị chìm nổi. Như từ hai bờ kia đây qua lại đều bị chìm nổi.

Do sự chìm nổi ấy: Là do tánh nhận chìm của sông ái nên bị chìm nổi. Nên biết ái này có năm thứ tướng:

- (1) Đi đến các cảnh giới, thuộc phần kém của nẻo, cõi.
- (2) Tùy hành vi tế, khó nhận biết rõ.
- (3) Nơi các cảnh giới khó xoay chuyển.
- (4) Cho đến cõi Hữu đánh, cũng là chốn theo đuổi của vô số các hành lớn rộng.
- (5) Tướng không tịch tĩnh, làm loạn thân tâm.

Dựa vào sự chìm nổi ấy: Là dựa vào năm thứ các hành như sắc v.v... mà bị chìm nổi. Tức ở nơi hai bờ của nẻo thiện, nẻo ác, có năm thứ hành với phẩm loại sai biệt, thường xuyên duyên vịn, thuận dòng chìm nổi.

Như sự chìm nổi ấy: Thế nào là chìm nổi? Nghĩa là đối với các hành, như trước đã nói về sự lưu chuyển, theo thứ lớp của chúng không nhận biết đúng như thật, hoặc chấp là ngã cùng ngã sở.

Các tướng hiện có nơi lúc chìm nổi: Nghĩa là kẻ kia, lúc bị chìm nổi như thế, tuy thân rất yêu quý muốn khiến được dài lâu, nhưng do tự tánh diệt, nên không thể khiến trụ.

Như bị chìm nổi, cùng với đẩy trái nhau, nên biết tức là ngược dòng chảy mà hành.

Lại, bậc thông tuệ, có mười thứ tướng, nên biết là gồm thấu đủ tướng của các thông tuệ. Đó là:

(1) Thành tựu tuệ câu sinh.

(2) Thành tựu tuệ phương tiện do văn tư tu tạo thành.

(3) Thành thực nên không dao động. Khéo tư duy về chỗ nên tư duy. Khéo thuyết giảng về chỗ nên nêu giảng. Khéo tạo tác chỗ nên tạo tác.

(4) Có thể tự dựa nơi tánh hiện có của mình, chưa từng vì sự sống mà nhờ cậy kẻ khác.

(5) Có chỗ cầu mong, không gì là không an lạc.

(6) Có chỗ cầu đạt, có thể dựa nơi hành chân chánh, thấy đều dùng pháp, không dùng phi pháp.

(7) Các thứ vật dụng, của cải thích hợp với mình, có thể phòng giữ đúng đắn không khiến mất mát.

(8) Quán xét lỗi lầm, tai họa mà thọ dụng.

(9) Đối với thuốc men hiện có của duyên bệnh, luôn quan sát, xét chọn, sau đấy mới sử dụng.

(10) Có thể khéo tránh được duyên chết phi thời.

Mười thứ tướng của thông tuệ như thế, nên biết là gồm thấu đủ tướng của các thông tuệ.

Lại nữa, ở trong các hành, dựa nơi lý vô ngã, để nhận biết, đoạn trừ, nên biết lược do ba tướng sai biệt.

Nghĩa là, đối với các hành, có thể nhận biết rõ khắp về Tát-ca-da-kiến, nhưng chưa đoạn trừ. Hành giả kia đối với các hành có hành quên niệm, nhưng phần nhiều là hiện hành ít không quên niệm. Tát-ca-da-kiến đã vĩnh viễn dứt trừ: Nên biết tướng ấy cùng với phần kia trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ nhất.

Lại, nơi các hành, tuy nhận biết rõ khắp về Tát-ca-da-kiến, nhưng chưa đoạn trừ, ở trong các sự việc rộng lớn, khả ái, sinh nhiều hỷ lạc. Đối với các cảnh giới thấp kém không đáng yêu thích, sinh nhiều sầu khổ. Hai cảnh giới kia lúc hiện tiền, người không phong sật, tự mình hãy còn không thể buộc giữ chánh niệm, hưởng hồ là kẻ phóng dật. Kẻ kia bấy giờ bị Tát-ca-da-kiến vây buộc nơi tâm, do đấy khiến tâm không thể hiểu rõ.

Tát-ca-da-kiến nơi người đã đoạn trừ vĩnh viễn: Nên biết về tướng, so với trường hợp kia là trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ hai.

Lại, đối với các hành, Tát-ca-da-kiến chưa đoạn trừ vĩnh viễn: Tác chưa có thể ở trong tất cả hành nội, hiện tiền an lập lìa tướng hữu tình, như đối với sự vật bên ngoài, như cỏ cây lá v.v...

Người đã đoạn trừ vĩnh viễn Tát-ca-da-kiến: Nên biết tướng ấy cùng với trường hợp kia trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ ba. Như thế là đã đoạn trừ Tát-ca-da-kiến, có ba thứ tướng sai biệt ấy, nên biết lại có ba thứ thắng lợi:

(1) Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não có thể chiêu cảm hữu sau.

(2) Dựa vào đây, không lâu sẽ đạt được sự tích tập mau chóng đạo đối trị.

(3) Đã tạo nghĩa lợi cho mình rồi, tức dựa vào đạo kia, theo phương tiện siêng tu hiện pháp lạc trụ, do đây đạt được an lạc trụ cùng tột.

Lại nữa, do bốn sai biệt, nên biết tu tập tướng vô thường, khổ não của tất cả thứ hành. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Sai biệt về quả.
- (2) Sai biệt về tự tánh.
- (3) Sai biệt về phẩm loại.
- (4) Sai biệt về phương tiện.

Sai biệt về quả: Là tu tập tướng này, có thể trừ bỏ tất cả tham của ba cõi dục, sắc, vô sắc, cùng trạo, mạn, vô minh. Nên biết ở đây hiển thị ba thứ phiền não gốc được đoạn trừ, cùng hiển bày ba thứ tùy phiền não được đoạn trừ. Phiền não tham của cõi dục, trạo cử là trợ bạn. Phiền não tham của cõi sắc, mạn là trợ bạn. Hoặc tham của cõi vô sắc, vô minh là trợ bạn.

Lại có sai biệt: Tức ở trong ấy, hiển thị kiết hạ phần, thượng phần đã dứt hết.

Sai biệt về tự tánh: Nghĩa là ở trong đó, do tu tập đúng đắn về tuệ do văn tạo thành, gọi là thân cận. Do tu tập đúng đắn về tuệ do tư tạo thành, có thể nhập tu, gọi là tu tập. Do tu tập đúng đắn về tuệ do tu tạo thành, gọi là tu tập nhiều.

Lại do tu tập tác ý liễu tướng, gọi là thân cận. Chỉ trừ tác ý gia hạnh cứu cánh, do tu tập đúng đắn các tác ý còn lại, gọi là tu tập. Do tu tập tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tu tập nhiều, đó gọi là loại sai biệt thứ hai, thứ ba.

Lại do tác ý về chỗ dựa, đối tượng duyên, tùy theo thứ lớp, nên biết đó gọi là thừa, là sự, là tùy kiến lập.

Lại do trong thời gian dài, thường xuyên tu tập, nên gọi là thuần thục. Luôn luôn tu tập theo phương tiện thuận hợp, nên gọi là khéo thọ nhận cùng khéo phát khởi.

Sai biệt về phẩm loại: Tức lúc tu tướng vô thường như thế, có thể mau chóng dứt trừ vĩnh viễn hết thảy tùy miên, lìa bỏ tất cả pháp thiện của địa dưới, thâm nhận tất cả pháp thiện của địa trên. Đối với hết thảy tướng bất tịnh khác, tánh rất cao rộng, có thể khéo trụ giữ. Hành khắp tất cả, cũng như quán xét sự việc của đối tượng nhận lấy. Tức quán sự việc của chủ thể nhận lấy như thế, tướng giải thoát kia có thể đạt được tướng vô thường, vô lậu. Hoặc tướng hữu lậu, hoặc tướng vô lậu, như vậy tất cả đều đối với Niết-bàn khéo có thể tùy thuận, hướng đến, sắp nhập. Điều có thể đối trị bóng tối lớn của vô minh, hết thảy đều vĩnh viễn đoạn trừ. Do được đoạn trừ nên thanh tịnh, tươi trắng. Các tướng vô học đều do tất cả tướng học vô lậu tăng thượng nên được.

Sai biệt về phương tiện: Là ở riêng nơi chốn vắng lặng, do thường xuyên tác ý không điên đảo, quán xét các hành, tánh là vô thường, do tướng vô thường trụ nơi tướng vô ngã. Ở trong kiến đạo đã trụ nơi tướng vô ngã vô lậu rồi, đối với tu đạo trên, do tướng hữu học vĩnh viễn loại trừ ngã mạn, theo đây đạt được hai thứ Niết-bàn đều đủ.

Lại nữa, vì trụ nơi Niết-bàn, nhưng chưa tích tập tư lương thiện, lược có năm thứ pháp trái với tư lương:

(1) Nhớ nghĩ về các sự việc vui cười, thừa phụng, hoan lạc ngày trước, nhân đây phát khởi tác ý suy xét luyện mộ cùng hành, sinh sâu não.

(2) Do vô số các thứ ấy làm chỗ dựa, nên ở trong pháp được lãnh nhận rất ráo, sinh nhiều quên niệm, khiến đối với các pháp không thể hiển bày rõ.

(3) Do ăn uống hoặc quá hoặc thiếu, vì thế khiến thân nặng nề hoặc suy yếu, đối với các phạm hạnh không thích tu trì.

(4) Vui thích ngủ nghỉ, không thường xuyên hành đoạn dứt, nên bị thù miên phẩm thượng trói buộc.

(5) Gần gũi với các thứ hỗn tạp mà trụ, xa lìa nẻo gia hạnh tu duy chắc thật về chánh pháp.

Năm thứ pháp trái với tư lương như thế, lại có năm thứ pháp tùy thuận nơi chúng:

(1) Đối với việc lìa hai thứ dục, tùy theo một thứ cũng chưa có thể lìa. Nghĩa là nơi các triền, là lìa dục phần xa, siêng tu phẩm thiện, cùng đối với tùy miên được vĩnh viễn loại trừ, là lìa dục đạt được đối trị đúng đắn.

(2) Không giữ gìn căn môn.

(3) Ăn uống không biết lượng.

(4) Đầu đêm, cuối đêm không thể gắng sức siêng tu tỉnh giác.

(5) Không thể quán xét pháp thiện một cách rõ ràng.

Cùng với trên trái nhau, nên biết đó gọi là pháp thuận với tư lương, và pháp tùy thuận có thể thuận theo tư lương kia.

Lại, các Thanh văn tu hành pháp thuận tư lương như thế, cùng do nhân duyên ấy, nên trong thời gian đó, lúc cầu đạt Niết-bàn, Đại sư đã vì các vị chế lập năm thứ ngôn giáo chánh đạo:

(1) Do dựa nơi sự quán xét pháp như đã lãnh hội, đối khắp tất cả các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, lại do tác ý thế gian mà được không nghi hoặc.

(2) Vào lúc trụ, không vương mắc nơi ba sự để tâm tư bất chánh. Ba sự là: (a) Các vật dụng nuôi sống thân mạng. (b) Tướng tồn hại kẻ khác. (c) Hoặc bị kẻ khác hủy nhục. Hoặc tùy có một

thứ không yêu thích hiện hành, là pháp không đồng phần của các vị đồng phạm hạnh.

(3) Chỉ dạy, trao truyền là trước hết. Do dựa nơi âm thanh kẻ khác, tác ý như lý, nên có thể sinh chánh kiến, có thể đoạn trừ tà kiến. Nên biết ba thứ ấy gọi là ngôn giáo của chánh đạo lúc trụ.

Lại có hai thứ ngôn giáo của chánh đạo nơi lúc hành. Nghĩa là các bậc đồng phạm hạnh có trí, lúc vì kẻ khác tuyên thuyết về xứ phi xứ, không sinh giận dữ. Lại do các vật dụng nuôi sống thân mạng thô xấu, hoặc được hoặc không được, cùng do giới v.v... hiện có tai hại, nhưng tâm không nhiệt nảo. Đó là loại thứ nhất.

Đối với việc đạt được lợi dưỡng, sự cung kính thù thắng, tâm không lo lắng. Đó là loại thứ hai.

Hành giả do lúc trụ lúc hành như thế, nên có thể tu tập đúng đắn diệu đạo Niết-bàn, do đây không lâu sẽ chứng đắc Niết-bàn, trọn không hủy mất.

Lại nữa, bậc Đại sư đối với các Thanh văn, lược có năm thứ sự việc tạo tác của bậc thầy:

- (1) Điều phục đúng đắn.
- (2) Thâu nhận chính đáng.
- (3) Quở trách đúng đắn.
- (4) Nêu đúng đắn về tạp nhiễm.
- (5) Nêu đúng đắn về thanh tịnh.

Lại nữa, do hai nhân duyên, đối với các sự việc tranh biện trái vượt nơi Thanh văn, che giấu cùng “ký biệt” sự việc đã tranh luận kia. Đó là:

- (1) Nhiều loạn tăng rộng.
- (2) Tương ung với luật.

Lại nữa, do bảy nhân duyên nên bậc Đại sư từ bỏ các chúng Thanh văn:

- (1) Thấy tất cả loại đều hành theo hành tà.
- (2) Thấy các hành kia chiếm phần nhiều.
- (3) Do vị đứng đầu của chúng kia tạo phương tiện để thành “Thượng tòa” đối với A-già-lợi-da, Ô-ba-đà-da.
- (4) Không kham nhẫn cùng trụ.
- (5) Bị đuổi hẳn.
- (6) Lẩn tránh lỗi lầm hiện tiền.
- (7) Khiến lỗi lầm vị lai không sinh khởi.

Lại nữa, do mười nhân duyên, nên Đức Như Lai đi vào xóm làng khát thực:

- (1) Sẽ hiển bày công đức của hạnh Đầu đà.
- (2) Vì muốn dẫn dắt phần của chúng kia khiến nhập khát thực.
- (3) Vì muốn dùng hành đồng sự để thâm tóm một phần của chúng kia.
- (4) Vì muốn cùng với chúng sinh đời vị lai làm ánh sáng tỏa chiếu rộng lớn, cho đến khiến họ tạm khởi xúc chứng.
- (5) Vì muốn dẫn dắt chúng sinh thô kém kia thắng giải về các ngoại đạo.
- (6) Vì các chúng sinh kia dựa theo âm thanh, khởi hủy báng, nên hiện bày sắc diệu nơi oai nghi tịch tĩnh khiến họ kinh ngạc, tâm sinh quy hướng.
- (7) Vì khiến cho chúng sinh trong xứ kia, dùng công sức ít mà gieo trồng nhiều phước đức.

(8) Vì khiến cho kẻ phóng dật hủy hoại niềm tin, sinh khởi sự xấu hổ sâu xa, tuy dùng công sức nhỏ mà đạt được phước lớn. Như vì kẻ phóng dật, thì đối với kẻ biếng nhác cũng thế.

(9) Vì vô số tai hại của các chúng sinh đui điếc, điên cuồng, tâm loạn, đều khiến tĩnh dứt.

(10) Vì khiến cho tám chúng hộ pháp như trời, rồng, Dược-xoa v.v... với uy đức rộng lớn vô biên, tháp tùng với Đức Như Lai đến các nơi chốn khát thực, sinh sự kính ngưỡng tốt đẹp, sâu xa, siêng năng tăng thêm việc bảo vệ khách, không bị nã hại.

Lại nữa, do tám nhân duyên, nên Đức Như Lai nhập nơi thiên trụ tịch tĩnh:

(1) Vì dẫn dắt kẻ ưa thích tạp trụ, khiến họ nhập vào nẻo xa lìa.

(2) Vì muốn dùng hành đồng sự thâm tóm kẻ xa lìa.

(3) Tự thọ nhận hiện pháp lạc trụ.

(4) Vì cùng với chư Thiên đại tộc, chỉ rõ là đồng tập hội.

(5) Vì dùng Phật nhãn quan sát mười phương thế giới, hiện đại thần hóa, theo chỗ ứng hợp, tạo các sự việc lợi ích.

(6) Vì khiến cho các chúng Thanh văn, đối với việc gặp Như Lai sinh khởi sự khát ngưỡng sâu xa.

(7) Vì nhằm hiển bày các vị Đại Thanh văn đối với pháp đã lược nêu, khéo có thể ngộ nhập.

(8) Khuyên xả bỏ việc ưa thích, chấp trước nơi hý luận, tạo tác ngôn từ.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên bậc Đại sư thâm nhận các chúng Thanh văn:

(1) Do pháp.

(2) Do tài sản.

- (3) Do cùng nương dựa.
- (4) Do sự thâm nhận ban đầu.
- (5) Do giúp sức để thâm nhận.

Lại nữa, do bảy nhân duyên, nên Đế thích, Phạm thiên đi đến trụ xứ của Như Lai:

- (1) Vì để cúng dường Như Lai.
- (2) Vì để được nghe chánh pháp.
- (3) Vì để quyết đoán chỗ sinh nghi.
- (4) Vì thuận theo người khác mà làm kẻ tùy tùng.
- (5) Vì thương xót kẻ khác, muốn tạo lợi ích.
- (6) Do quý trọng Thánh giáo của Như Lai.

(7) Nhận biết Đức Như Lai khởi tâm thể tục, muốn khiến mình phó hội.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên biết tánh của tất cả người mới tu tập:

- (1) Do xuất gia muộn.
- (2) Do xuất gia từ ấu thơ.
- (3) Do xuất gia từ thiếu niên.
- (4) Do khó nhọc thúc đẩy xuất gia.
- (5) Do xuất gia thọ cụ giới.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên sinh khởi ô tác:

- (1) Trái vượt đối với sở học tăng thượng.
- (2) Nguyên thọ nhận pháp - luật tăng thượng.
- (3) Dứt bỏ cuộc sống gia đình tăng thượng.

Lại nữa, Đức Như Lai sắp sửa vì các Thanh văn tuyên thuyết chánh pháp, hiện bày bốn thứ tướng:

(1) Từ nơi chỗ ngồi rất thấp, thông thả khởi lên tòa ngồi rất cao, an nhiên mà ngồi.

(2) An trụ thuận theo oai nghi thuyết pháp.

(3) Phát khởi âm thanh vui vẻ, chỉ rõ là sắp thuyết pháp.

(4) Diện mục ngấm nhìn khắp cả, như Long tượng vương.

Lại nữa, Thanh văn phạm giới, nên an trụ nơi ba xứ, xấu hổ khi đi đến trụ xứ của Đại sư:

(1) Biết rõ điều đã phạm, là xứ tăng thượng.

(2) Thờ sư, mất oai nghi là xứ tăng thượng.

(3) Do sự việc sai trái, tức nên dùng phương tiện điều phục oai nghi, đi đến trụ xứ của Đại sư là xứ tăng thượng.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên chính thức quả trách Thanh văn phạm giới:

(1) Ông chỉ trông mong về cuộc sống thấp kém.

(2) Ý lạc của ông không thanh tịnh.

(3) Ý lạc của ông là dùng đời sống để hành phi pháp.

Lại nữa, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, lược do sáu tướng, nên biết là thâm tóm khắp tất cả hành tà:

(1) Lỗi lầm của hiện hành.

(2) Lỗi lầm của ý lạc.

(3) Lỗi lầm của gia hạnh.

(4) Lỗi lầm của trí tuệ.

(5) Lỗi lầm của tâm tư.

(6) Lỗi lầm của nương dựa.

Lỗi lầm của hiện hành: Nghĩa là do triền tham nên nhiễm, do triền sân nên ghét. Đã mang giữ tham sân mãnh liệt, nên

hầu như không biết xấu hổ. Do không xấu hổ nên trụ nơi ác không bỏ.

Lỗi lầm của ý lạc: Nghĩa là đối với biên nhiệm thí ý lạc của tham ấy là hết sức thấp kém. Như vậy, đối với biên ghét bỏ, ý lạc của sân ấy cũng hết sức thấp kém.

Lỗi lầm của gia hạnh: Tức hoặc có khi không phát khởi tinh tấn, hoặc có lúc tinh tấn chậm chạp.

Lỗi lầm của trí tuệ: Nghĩa là hoặc ở trong tuệ do văn, tự tạo thành quên mất chánh niệm, trụ nhiều nơi ngu tối. Đối với tuệ do tu tạo thành, tâm không tịch định.

Lỗi lầm của tầm tư: Nghĩa là đối với các thứ giác ác, bất thiện hiện có của việc thuận theo đời sống gia đình, phần nhiều tầm tư, nên đối với chánh pháp - luật, tâm bị tán loạn.

Lỗi lầm của nương dựa: Tức kẻ kia nương dựa nơi nhân không tu tập từ thời xa xưa. Do nhân không tu tập, nên tạo thành tự tánh hẹp kém, tin nhỏ, tạo thành tự tánh tu trụ nơi giới nhỏ, tạo thành tự tánh trụ giữ niệm nhỏ, tạo thành tự tánh cùng sinh tuệ nhỏ.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên có thể khiến kẻ kia tuy nhập nơi Thánh giáo nhưng hành theo hành tà:

- (1) Do ý lạc thấp kém, không tịch.
- (2) Do xét tìm những tỳ vết của Thánh giáo, là giặc của Chánh pháp.
- (3) Do chuyên vì nhân duyên ăn uống, y phục, đời sống.
- (4) Do sợ hãi vua quan, giặc cướp, chủ nợ tăng thêm sự bức bách.

Nếu hành theo các hành tà như thế, nên ở nơi hai sự có chỗ trở ngại:

- (1) Trở ngại vì hoại mất tự nghĩa của tại gia.
- (2) Trở ngại vì hoại mất tự nghĩa của xuất gia.

Lại nữa, hành tà như thế có hai nhân duyên. Nghĩa là đối với ba sự không tầm tư đúng đắn, cùng các tướng bất chánh của hành trước kia. Về ba sự, như trước đã nói, nên biết.

Đối với việc phát khởi các tướng bất chánh kia, theo đây giữ lấy tướng tốt. Từ đây về sau, đối với tùy pháp kia, phần nhiều tùy theo tầm tư, dò xét.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ nhân duyên của hành tà như thế, nên biết cũng có hai thứ đối trị:

(1) Vì nhằm đoạn trừ tầm tư bất chánh, nên thường xuyên dùng hai hành không điên đảo, đối với các niệm trụ khéo khiến tâm an trụ.

(2) Vì đoạn dứt các tướng không đúng đắn, nên tâm tu tập Tam-ma-địa vô tướng.

Tu đối trị này, chính yếu là do ở trong việc tu đối trị kia, cần vui thích mong muốn mãnh liệt mới có thể thành tựu đầy đủ, không phải là sự vui thích mong muốn không mãnh liệt.

Sự mong muốn mãnh liệt ấy do hai duyên sinh. Nghĩa là sự đối trị ấy có quả lớn, nên không chung với tất cả các ngoại đạo. Có quả lớn: Nghĩa là lúc tu tập liền có thể khắc phục, chứng đắc định tâm vô tướng, cùng trụ nơi môn cam lồ vi diệu của hai cảnh giới. Đó là cảnh giới đoạn trừ và cảnh giới không dục, hoặc hữu dư y và vô dư y. An trụ nơi ấy là gần với hai Niết-bàn, hiện tại chưa được, nhưng tất cả đều được.

Nói không chung: Tức định vô tướng chỉ nội pháp có, các ngoại đạo không có. Vì sao? Vì do ngoại đạo kia nếu có chỗ đạt được, tức liền tăng ích quán không đúng như lượng. Nếu không chỗ đạt được, tức vọng phân biệt. Do ngã kiến nên ngu tối đối với các hành. Hoặc chỉ nơi thân, hoặc chỉ là vô sắc, hoặc gồm chung cả hai, sinh chấp trước về ngã. Do chấp ngã, cho ngã sẽ là không,

nên đối với Niết-bàn, tâm không vui thích, hãy còn chưa có thể đi vào, hưởng hồ là an trụ, chỉ tăng thêm kinh sợ khiến tâm thoái lui. Người trụ nơi nội pháp, cùng với ngoại đạo kia trái nhau, ở nơi Bát Niết-bàn tâm không thoái chuyển, biết rõ chỉ là khổ diệt, thấy chỉ là đức tĩnh. Nếu các vị hữu học chỉ cầu nơi nội diệt, không vì đạo sinh, lại từ kẻ khác cầu chỉ dạy trao truyền, khuyên bảo. Hoặc các bậc vô học chỉ vui mừng nơi nội diệt, rốt cuộc lại không cầu dứt hết các phiền não. Chỉ có nhân trước đã sinh các hành, tự nhiên quy diệt mà Bát Niết-bàn.

HẾT - QUYỂN 86

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 87

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ NHẤT:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 3:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Nhân thắng lợi, hai trí
Kẻ ngu phân vị năm
Hai thứ kiến sai biệt
Đối với Thánh giáo ấy.*

Nhân của tất cả hành lược có hai thứ:

- (1) Chung.
- (2) Không chung.

Nhân chung: Nghĩa là hỷ làm nhân trước. Do hỷ ấy nên đối với các xứ sinh kia ngăn chặn sự chán lìa, làm nhuần thấm tự thể. Vì dục sắp sinh nơi xứ đã sinh, tuy có tất cả phiền não làm nhân, nhưng ở nơi xứ sinh, kẻ sinh hỷ sinh, không phải kẻ ở nơi xứ kia khởi tưởng chán nghịch. Lại, tức hỷ này chỉ dựa nơi sắc mà nói. Nhân trước sinh rồi, không đợi nhân khác mới hoàn toàn chuyển.

Nhân không chung: Nghĩa là thuận theo xúc khổ vui, không khổ vui, đối chiếu nơi tâm pháp hiện có như thọ v.v..., ý diệt vô gián, cùng câu sinh, gọi là mười thứ sắc v.v... so với sáu thứ thức. Do các

pháp kia tuy từ nhân trước sinh ra, từng sát-na sát-na riêng đọi nhân khác mới được sinh khởi.

Lại nữa, các vị A-la-hán tâm có giải thoát, trí kiến có thanh tịnh, có bốn thắng lợi, nên biết không cùng chung với các ngoại đạo:

- (1) Lúc hành trì, tánh luôn thường trụ.
- (2) Lúc trụ, tánh trụ nơi vô tướng.
- (3) Nhân trước xa sinh khởi các hành tự nhiên quy diệt.

(4) Nhân hiện tại của hành hữu sau đã đoạn trừ nên sẽ không sinh nữa.

Vì chúng đắc bốn thứ thắng lợi như thế, có ba thứ lần lượt: Nghĩa là tu học trí kiến làm chỗ dựa, nên người đạt được chán lia, ở trong các hành không sinh hỷ lạc, cho đến không sinh tham đắm mà trụ. Chán lia là ưu tiên nên được lia dục. Lia dục là ưu tiên nên tâm khéo giải thoát. Từ đó trở về sau, tức do tâm khéo giải thoát như thế, nên luôn thường an trụ, không thuận, không nghịch.

Lại, nơi lúc hành hoặc lúc trụ, đối với tất cả tướng không tác ý nữa. Đối với cảnh giới vô tướng tác ý tư duy, trụ nơi vô tướng. Tất cả kiến thứ này có thể ngăn cản, vì trước đã đoạn trừ vĩnh viễn, huống chi là nay sẽ gây trở ngại. Hành giả kia, do hai thứ hoặc hành hoặc trụ ấy, cho đến thọ mạng dứt, nên dùng nội Bát Niết-bàn vô học mà nhập Niết-bàn. Hữu đã sinh trước, hiện tại vĩnh viễn dứt trừ, các hành của vị lai không còn sinh nữa.

Lại do ba phần, nên biết Tát-ca-da-kiến được kiến lập, dùng làm căn bản nơi tất cả kiến thứ:

- (1) Do cùng hành với thời gian trước.
- (2) Do cùng hành với thời gian sau.
- (3) Do cùng hành với cả hai.

Cùng hành với thời gian trước: Nghĩa là như có một hữu tình khởi tư duy: Ta nơi đời quá khứ là từng có chăng? Là từng không có chăng? Từng là người nào? Vì sao từng có?

Cùng hành với thời gian sau: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi tư duy: Ta nơi đời vị lai là sẽ có chăng? Là sẽ không có chăng? Sẽ là người nào? Vì sao sẽ có?

Cùng hành với cả hai: Tức như có một hữu tình, khởi tư duy như vậy: Ta từng có cái gì? Cái gì sẽ có nơi ta? Hữu tình này nay từ nơi nào đến? Ở đây chết rồi, đi tới chôn nào?

Lại, Tát-ca-da-kiến của các ngoại đạo dùng làm căn bản, có sáu mươi hai thứ các kiến thú ác. Nghĩa là:

Bốn luận thường kiến.

Bốn luận một phần thường kiến.

Hai luận không nhân.

Bốn luận tưởng hữu biên, vô biên.

Bốn luận kiêu loạn bất tử.

Mười tám thứ kiến thú ác như thế, là luận chấp nói về ngã của thời trước.

Lại có mười sáu thứ luận tưởng hữu kiến, tám thứ luận vô tưởng, tám thứ luận phi hữu tưởng phi vô tưởng, bảy luận đoạn kiến, năm luận hiện pháp Niết-bàn. Bốn mươi bốn thức các kiến thú ác này là luận chấp nói về ngã của thời sau.

Như vậy, luận suy chấp về thời sau, lược thô tóm có năm:

(1) Luận hữu tưởng.

(2) Luận vô tưởng.

(3) Luận phi hữu tưởng phi vô tưởng.

(4) Luận đoạn kiến.

(5) Luận hiện pháp Niết-bàn.

Năm thứ như thế lại tóm lược làm ba:

(1) Luận thường kiến.

(2) Luận đoạn kiến.

(3) Luận hiện pháp Niết-bàn.

Lại, tất cả các kiến thú ác này, do sáu nhân duyên nên được kiến lập:

(1) Do nhân duyên.

(2) Do dựa nơi giáo pháp.

(3) Do dựa vào tĩnh lự.

(4) Do dựa vào đời.

(5) Do dựa vào các kiến.

(6) Do xứ sinh.

Do nhân duyên: Nghĩa là tất cả Tát-ca-da-kiến kia dùng làm nhân duyên.

Do dựa nơi giáo pháp: Tức là do dựa nơi pháp tạng bất chánh, có thể hiển bày kiến thú. Sư đệ truyền nghe, lần lượt cùng trao làm phương tiện.

Do dựa vào tĩnh lự: Tức dùng tĩnh lự làm chỗ dựa, nên đối với chỗ được nghe trước, chỗ tin hiểu trước mà được quyết định.

Lại, tĩnh lự này lại có hai thứ:

(1) Cùng hành với túc trụ tùy niệm.

(2) Cùng hành với thiên nhãn đã đạt được.

Cùng hành với túc trụ tùy niệm: Là trong ba luận thường, là chấp về thời gian trước. Do thanh tịnh của hạ trung thượng có sai

biệt, cùng đối với bốn thứ luận hữu biên vô biên. Do kẻ kia nhớ nghĩ về hai kiếp thành hoại của các khí thể gian, theo phương tiện xuất hiện. Nếu lúc nhớ nghĩ về phần vị của kiếp thành, bấy giờ liền sinh ba thứ vọng tưởng: Hoặc có trường hợp hoàn toàn nhớ nghĩ về trên dưới. Dưới cho đến dưới địa ngục Vô gián, trên cho đến trên tinh lục thứ tư. Nhớ nghĩ về biên vực, phần lượng như thế, nên đối với thể gian, trụ nơi tướng hữu biên. Hoặc có trường hợp hoàn toàn nhớ nghĩ về một bên không biên vực, nên đối với thể gian trụ nơi tướng vô biên. Hoặc có kẻ nhớ nghĩ về hai thứ cùng hành, nên đối với thể gian trụ nơi tướng cùng hành cả hai.

Hoặc lúc nhớ nghĩ về phần vị của kiếp hoại, lúc ấy liền trụ nơi tướng phi hữu biên, tướng phi vô biên, các khí thể gian không chỗ đạt được. Lại có trường hợp nương dựa nơi các tinh lục, nên biết hoặc nói là luận một phần thường, hoặc nói là luận không nhân, hoặc nói là luận kiểu loạn bất tử.

Nên biết ở đây có hai trời tịnh:

- (1) Không khéo thanh tịnh.
- (2) Khéo thanh tịnh.

Nếu chỉ có thể nhập định thể tục, nên biết là trời không khéo thanh tịnh. Ở trong các đế không thông tỏ, tâm chưa được khéo giải thoát.

Nếu có thể chứng nhập định của nội pháp, nên biết là trời khéo thanh tịnh. Ở trong các đế đã thấu đạt, tâm đã được hoàn toàn giải thoát. Nên biết không loạn cũng có hai loại:

- (1) Vô tướng, không phân biệt.
- (2) Hữu tướng, có phân biệt.

Ở đây, loại thứ nhất là trời khéo thanh tịnh. Loại thứ hai là trời không khéo thanh tịnh. Loại trời khéo thanh tịnh trước, đối với

bất tử của chính mình không loạn mà chuyển, thế nên gọi là bất tử không loạn. Loại trời không khéo thanh tịnh sau, nếu có kẻ dựa nơi bất tử không loạn có chỗ cật vấn, liền vin vào sự kiêu loạn khác để lẫn tránh. Do đối với các đế vô tướng, tâm định không thiện xảo, nên trước đây khởi tâm lo nghĩ, tư duy: Chúng ta đã xưng là bất tử không loạn, ngoài ra lại có bất tử không loạn. Đối với các Thánh đế vô tướng, tâm định đã được thiện xảo...

Do dựa vào đời: Nghĩa là dựa vào đời quá khứ cùng hiện tại, khởi phân biệt, gọi là chấp về thời trước. Dựa vào đời vị lai khởi phân biệt, gọi là chấp về thời sau.

Do dựa vào các kiến: Nghĩa là dựa vào ba kiến, như trước đã nói, nên biết. Do dựa vào kiến thứ nhất, nên ở trong hiện pháp chấp ngã có sắc, sau hoặc có sắc có tướng hoặc không có tướng, hoặc phi hữu tướng phi vô tướng. Dựa vào kiến thứ hai, nên ở trong hiện pháp chấp ngã không sắc, về sau, chỗ chấp như trước nên biết. Dựa vào kiến thứ ba, luận về ngã có hai:

- (1) Nói ngã có sắc không sắc.
- (2) Nói ngã phi có sắc, phi không sắc.

Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, tức chấp ngã là có sắc: Hoặc nói nhỏ hẹp, hoặc nói vô lượng. Chấp ngã không sắc nên biết cũng vậy.

Hai luận về ngã này, dựa vào kiến thứ ba, lập làm hai luận:

- (1) Chấp ngã nhỏ hẹp.
- (2) Chấp ngã vô lượng.

Do bốn thứ ấy, nên luận về ngã nói có sai biệt: Nói ngã là hữu biên. Nói ngã là vô biên. Nói ngã cũng hữu biên cũng vô biên. Ngã phi hữu biên phi vô biên. Tùy theo thứ lớp, như trước nên biết.

Lại, tức nương dựa nơi các kiến như thế, cùng dựa nơi luận về ngã, lại tuyên thuyết ngã giải thoát thành tịnh. Đối với dục, tĩnh lực đều được tự tại, tùy theo chỗ dục, trụ nhiều nơi biến hóa. Như nơi chỗ dục, tĩnh lực an trụ. Do kiến thanh tịnh nên tự tại thọ dụng pháp lạc theo phương tiện. Như thế gọi là dựa nơi các kiến, nên biết đã an lập.

Do xứ sinh: Nghĩa là ngã có một tướng, cho đến nói rộng.

Có một tướng: Là tại xứ không vô biên, xứ thức vô biên của cõi vô sắc.

Có vô số tướng: Nghĩa là tại địa dưới. Tức như đã nói, tùy theo thứ lớp, nói ngã có tướng nhỏ hẹp, có tướng vô lượng.

Hoàn toàn có lạc: Là tại ba tĩnh lực dưới.

Hoàn toàn có khổ: Là tại Nại-lạc-ca (Địa ngục).

Có lạc có khổ: Là tại nẻo quý, bàng sinh, người, chư thiên cõi dục.

Có không khổ không lạc: Là tại tĩnh lực thứ tư trở lên, cho đến xứ phi tướng phi phi tướng.

Lại, đối với xứ của các ngoại đạo như thế, nên biết gồm có ba thứ suy tổn:

(1) Suy tổn của luận kiến cùng dục lạc lẫn lượt trái nhau.

(2) Suy tổn của luận dựa nơi ngã vô trí hỏi, ghi.

(3) Suy tổn của chứng đắc dựa nơi pháp tùy pháp hành.

Ở đây, ba thứ ấy, hoặc chấp có tướng, hoặc chấp không tướng, hoặc luận chấp phi có tướng phi không tướng cùng luận đoạn kiến.

Hoặc luận dựa nơi sự vắn nạn kẻ khác làm thắng lợi. Hoặc luận dựa nơi sự tránh khỏi vắn nạn làm thắng lợi, mà khởi suy chấp. Nên biết đó gọi là suy tổn thứ nhất. Do các luận kia suy lường chấp nơi thời sau, dựa nơi đời vị lai, vọng chấp nơi ngã là có không.

Suy tôn của luận dựa vào ngã vô trí hỏi, ghi: Nghĩa là đối với, hoặc các tạp nhiễm, hoặc xứ tạp nhiễm, hoặc chủ thể tạp nhiễm, như vậy, tất cả đạo lý của hai đế thế tục, thắng nghĩa đều không nhận biết như thật. Do vô trí ấy có chỗ hướng tới cho là ưu tiên, nên phần đạt được có sai biệt.

Từ vô trí này, hướng đến chôn nào? Nghĩa là ba, bốn lượt chuyên:

- (1) Thường, vô thường v.v...
- (2) Hữu biên, vô biên v.v...
- (3) Tự tạo, tha tạo v.v...

Vì sao? Vì do vô trí nên trước tiên là hướng tới, sai biệt như thế sau mới hỏi, ghi.

Lại, ở trong Thánh pháp Tỳ-nại-da, kẻ trí hiện có không thể ghi sự. Nơi hai đạo lý, không chịu ghi nhận. Nghĩa là đạo lý của hai đế thế tục, thắng nghĩa.

Trong đây, bốn thứ hoàn toàn là luận thường, chấp về thời trước, cùng luận không nhân chấp về thời trước: Hai thứ có sai biệt, đều trước là chấp ngã, sau mới duyên nơi ngã, hoàn toàn là sự sai biệt của các luận về thường v.v...

Lại, tức bốn thứ luận một phần thường chấp về thời trước, chúng có sai biệt. Nghĩa là có luận một phần duyên nơi thường - vô thường, hoặc có luận một phần duyên nơi phi thường - phi vô thường. Các luận về hữu biên vô biên, như trước đã nói về hữu biên vô biên, nên biết về tướng của chúng. Hoặc muốn tất cả đều là sự tạo tác của nhân đời trước, gọi là luận tự tác. Hoặc muốn tất cả đều là sự tạo tác của nhân biến hóa như trời Tự Tại v.v..., gọi là luận tha tác. Hoặc muốn một phần là sự tạo tác của nhân biến hóa như trời Tự Tại, một phần thì không như thế, gọi là luận câu tác. Hoặc luận không có nhân tạo tác, gọi là luận câu phi tác. Nên biết đó gọi là suy tôn thứ hai của các luận dựa nơi ngã không trí để hỏi, ghi.

Do các luận kia suy chấp về thời trước, dựa vào đời quá khứ hiện tại để phân biệt sai lạc.

Suy tôn của chứng đắc dựa nơi pháp tùy pháp hành: Nghĩa là có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, không xem luận vấn nạn kẻ khác làm thắng lợi, không xét luận tránh khỏi sự vấn nạn làm thắng lợi, cũng không vui muốn mở bày, xiển dương các luận dựa vào ngã vô trí, vì cầu lợi dưỡng, sự cung kính v.v..., cũng không. Ở trong pháp - luật thuyết giảng xấu ác mà cầu xuất gia, chỉ trừ vui cầu xuất ly giải thoát. Nên biết họ là chủng loại Bạc trần, vì tánh ngu độn chuyên tu hành chi. Các vị này do vì đạt được tĩnh lự thứ nhất, nhất định do sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo, có thể đối với cả hai thời sau, trước đều cùng hành nơi kiến thú. Do không chấp nhận như thế mà có thể vượt qua. Ở trong hiện pháp lại có thể vượt qua các kiết của cõi dục, chứng đắc hỷ xa lia. Từ đây trở lên không nghe không biết, tức ở trong ấy sinh tướng Niết-bàn. Như do các pháp kia nên chứng đắc hỷ xa lia, cũng vậy, hoặc có trường hợp do nhân duyên riêng nên chứng đắc tĩnh lự thứ hai, thứ ba, không ái lạc nơi vị, tĩnh lự thứ tư không khổ lạc thọ. Từ đây trở lên cho đến xứ phi tướng phi phi tướng, nên biết cũng thế.

Đối với vô số tướng cùng hành với khổ lạc thọ có sai biệt, đã vượt qua. Như thế, các vị ấy, đối với các hành thủ của cõi, nẻo, là không thể vượt khỏi, vui thích pháp thoái chuyển, chưa Bát Niết-bàn mà khởi mạn Niết-bàn. Nên biết đó gọi là suy tôn thứ ba.

Ở đây, Đức Như Lai tự nhiên chứng biết diệu tịch tịch tĩnh, đối với tất cả hành tướng nơi ba thứ suy tôn như đã nêu giảng, do năm thứ tướng nên nhận biết rõ đúng như thật. Nghĩa là, hoặc tự tánh kia. Hoặc các kiến kia. Hoặc do không trí nên chúng được sinh khởi. Hoặc nơi đối tượng duyên chuyển. Hoặc các lỗi lầm thô xấu của đối tượng duyên kia cùng nẻo xuất ly chúng. Nơi các sự như thế đều nhận biết rõ đúng như thật, tức trong xuất ly thường tự xuất ly.

Lại nữa, có hai trí, có thể khiến kiến thanh tịnh cùng kiến hoàn toàn thanh tịnh. Nghĩa là trí pháp trụ cùng đây là trí Niết-bàn ở trước.

Trí pháp trụ: Nghĩa là khả năng nhận biết rõ về chủng loại sai biệt nơi tự tướng của các hành, cũng có thể nhận biết rõ những lỗi lầm, tai họa sai biệt nơi cộng tướng của các hành. Tức đối với phương tiện của các hành, thuận theo ba phần vị hoặc khổ hoặc lạc thuộc không khổ không lạc, nhận biết rõ về tánh của ba khổ.

Trí Niết-bàn: Nghĩa là ở trong tất cả hành như thế, trước khởi tướng khổ, sau suy xét như vậy. Tức hết thấy các hành có khổ ấy, đều vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn. Nhận biết rõ như thế gọi là trí Niết-bàn. Tức hai trí này khiến kiến thanh tịnh cùng hoàn toàn thanh tịnh. Chính là do hai môn chánh cần tu tập mới khiến kiến được thanh tịnh:

(1) Hữu tình tự không có lực, nhân nơi sự chỉ dạy, trao truyền của kẻ khác, mới có thể khiến kiến được thanh tịnh.

(2) Hữu tình tự có lực, đa văn, xét tìm, nên có thể khiến kiến được thanh tịnh.

Ở đây, loại hữu tình thứ nhất là không thông lợi, các căn như tín v.v... chỉ là một vị. Đối tượng duyên của Chỉ Quán, đối với phần ít pháp xét kỹ nhận chuyên. Cùng với đây trái nhau, nên biết là loại hữu tình thứ hai.

Lại có ba trí hiện quán biên, do tu tập trí ấy nên kiến được thanh tịnh:

(1) Trí có thể thuận sinh trí vô lậu.

(2) Trí vô lậu.

(3) Trí nối tiếp sau trí vô lậu.

Trí thứ nhất thuộc về đệ nhất pháp của thế gian. Trí thứ hai, nếu trụ nơi ấy tức có thể đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn.

Trí thứ ba là trí giải thoát nối tiếp sau phiền não được đoạn trừ. Nếu trụ trong trí đó, liền gọi là đã nhập chánh tánh ly sinh, vượt quá địa phạm phu, chưa đắc quả Dự lưu. Tuy chưa kịp chứng trí của quả Dự lưu giải thoát thứ ba, ở trung gian ấy, trụ nơi sát-na, như chưa chứng nhập, trọn không bỏ dở giữa chừng do thời gian thiếu. Từ đây không gián đoạn, tất chứng trí thứ ba, trụ trong phần vị ấy, hiện thấy đúng như thật về cảnh của đối tượng nhận thức, nên gọi là kiến thanh tịnh, các hoặc còn lại nên không phải là hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu đối với trí này, lại tu tập nhiều thành A-la-hán, tất cả phiền não đều lia trôi buộc, nên gọi là hoàn toàn thanh tịnh.

Lại, trí đoạn trụ rất ráo có ba tương ưng:

(1) Do không hiện hành.

(2) Do cõi.

(3) Do sự.

Không hiện hành: Là tuy sinh khởi nhưng không nhiếp vương, tuy chưa hoàn toàn đoạn trừ, nhưng do luôn tu tập các pháp thiện, nên khiến thành phần xa, các triền phiền não không còn hiện hành.

Cõi: Là ba cõi, như trước đã nói nên biết.

Sự: Nghĩa là hai sự: (a) Sự phiền não. (b) Sự khổ.

Lại, ở trong năm thứ cảnh giới của các phẩm ly hệ theo đuổi an lạc, lợi ích, có công đức tịch tĩnh, vi diệu, thù thắng, cho đến Niết-bàn là sau cùng, có sai biệt nên biết.

Lại, ở trong ấy, tất cả nương, giữ đều dứt bỏ. Nên biết về sự dứt bỏ cha mẹ v.v...

Lại, ở trong ấy có sinh, có hữu sau không sinh lại nữa. Như thứ lớp ấy, nên biết gọi là không có tương tục, không thủ, không sinh.

Lại, đối với ba phẩm, do ba thứ môn làm chướng ngại, nên biết đã kiến lập ba kiết sai biệt. Nghĩa là chưa phát khởi hướng tới, tuy đã

phát khởi hướng tới, thành lập sai lạc, nên ở trong chánh pháp hành không đúng đắn. Tức phẩm tại gia, ở trong pháp - luật không khéo thuyết giảng, những phẩm xuất gia thì ở nơi phần pháp - luật khéo thuyết giảng.

Lại, hành hướng tới hành ngược dòng, là giải thoát khỏi nẻo ác thành tựu hai thứ quyết định giải thoát:

- (1) Quyết định giải thoát phiền não.
- (2) Quyết định giải thoát hữu sau.

Do nhân duyên này nên gọi là Dự lưu, cho đến nói rộng.

Lại, nếu chứng đắc quả A-la-hán, trước tại địa học, ở trong các hành đã không chấp thọ ngã cùng ngã sở, sau, đối với các lậu đều được giải thoát.

Lại, cùng với bốn thứ nghĩa tương ưng, nên biết đó gọi là tướng A-la-hán:

- (1) Nghĩa của tự sự đã cứu cánh, nên hành tác tha sự.
- (2) Nghĩa nên đạt được đạo lý tất cả đủ khắp của tự nghĩa.
- (3) Nghĩa của nhân nơi hành vị lai đã vĩnh viễn đoạn dứt nên chứng đạt hiện pháp lạc trụ.
- (4) Nghĩa tương ưng, vượt địa hữu học nhập địa vô học.

Lại nữa, phần vị ngu có năm, hoặc ở trong ấy chuyên rơi vào số ngu tối. Những gì là năm? Đó là:

- (1) Không đạt được tuệ câu sinh.
- (2) Không đạt được tuệ duyên sinh, từ việc nghe âm thanh của kẻ khác.
- (3) Không đạt được tuệ chân thánh.
- (4) Bị triền ngu si trói buộc.

(5) Bị tùy miên kia theo buộc.

Lại, có bốn thứ luận vọng chấp ngã:

- (1) Tuyên thuyết các hành là ngã.
- (2) Tuyên thuyết ngã có các hành.
- (3) Tuyên thuyết các hành thuộc về ngã.
- (4) Tuyên thuyết ngã ở trong hành.

Do hai nhân duyên nên luận vọng chấp ngã tạo các tạp nhiễm:

- (1) Chấp trước.
- (2) Tùy miên.

Chấp trước: Nghĩa là các ngoại đạo tuy cầu giải thoát, do chấp trước kia làm chướng ngại, nên đối với tất cả loại đều không thể đạt được.

Tùy miên: Tức các nội pháp bị đắm vướng nơi cảnh giới, tạm thời bị chướng ngại nên không đạt cứu cánh.

Lại nữa, hoặc có ngã kiến, hoặc không ngã kiến, cùng duyên nơi các hành làm sự cảnh, nên gọi là đồng phạm. Nhưng đối với sự kia, nhận lấy tà, nhận lấy chánh, nhiễm ô, thanh tịnh với các nghĩa sai biệt, nên gọi là không đồng phạm.

Lại do bốn tướng nơi sự của đối tượng duyên, với sức tăng thượng của chấp trước sai lạc, nên có thể khiến cho ngã kiến tạo các tạp nhiễm:

- (1) Nhân duyên.
- (2) Tự tánh.
- (3) Do quả.
- (4) Đăng lưu.

Nhân duyên: Nghĩa là hai thứ ngu si: (a) Ngu si của sự. (b) Ngu si của kiến.

Ngu si của sự: Do ngu về sự, nên trước nghe pháp tà, sau khởi ngã kiến.

Ngu si của kiến: Do ngu về kiến, nên đối với kiến tương ưng với các xúc vô minh sinh khởi thọ, vọng chấp là ngã. Do đấy làm duyên, nên luôn là chỗ theo đuổi của ngã ái. Lại do đấy nên thường đối với ngã kiến không thể lìa bỏ.

Tự tánh: Là chỗ thâm nhận của hai nhân duyên, cùng tùy quan sát, đối với tùy miên kia không thể xa lìa.

Do quả: Tức do Tát-ca-da-kiến kia làm chỗ dựa, nên không thể xa lìa tùy miên ngã mạn. Là sức tăng thượng của hai tùy miên, nên có thể dẫn phát khiến khởi các căn của vị lai. Do chúng lãnh nhận nhân của hai thọ khổ lạc, lại phát khởi chấp ngã, ngã sở, không tư duy tương ưng như chánh lý, ý lời phân biệt cho ngã, ngã sở có sự nhận lãnh kia.

Đẳng lưu: Nghĩa là do sức của nhân trước được duy trì, tức chủng tử của kiến đã gắn liền nơi ý.

Sau có ý giới, do sức huân tu của nhân duyên trước mà được thành tựu đầy đủ. Tức ở trong ý của hữu sau như thế, có chủng vô minh cùng giới vô minh, là hai chủng tử đã theo đuổi pháp giới là đối tượng duyên của ý. Kẻ kia do đời trước dựa nơi pháp - luật thuyết giảng ác, Tát-ca-da-kiến sinh phân biệt làm chỗ dựa, tập thành giới hiện nay. Tức do sức tăng thượng của cảnh giới này, nên phát khởi Tát-ca-da-kiến câu sinh, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện cũng lại hiện hành, có thể tạo chướng ngại.

Lại, tức kiến này do hai thứ tướng nên hiện hành sáu chuyên:

(1) Do đời.

(2) Do mạn.

Do đời: Nghĩa là ta ở nơi quá khứ là từng có chẳng, là từng không có chẳng? Cho đến nói rộng, như chỗ ứng hợp nên biết.

Do mạn: Nghĩa là cho ta là hơn, cho đến nói rộng.

Kẻ kia, đối với tất cả nẻo như thật như thế không biết không thấy. Vì nhân duyên ấy nên khởi quán tà vạy không như lý chánh.

Lại, phần vị mình có ba: Nghĩa là nghe âm thanh của kẻ khác, tác ý như lý, là phần vị thứ nhất của mình. Đã có thể chứng nhập chánh tánh ly sinh, là phần vị thứ hai của mình. Quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát, là phần vị thứ ba của mình.

Phần vị vô minh kia lại có hai thứ: (1) Trước. (2) Sau.

Vị tùy miên là trước, các phần vị triền là sau.

Lại, căn cứ nơi sự đoạn trừ của kiến đạo tu đạo có khác, nên biết đó gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nơi xứ này, Đức Thế Tôn, dựa nơi tự Thánh giáo, vì muốn hiển thị sự phát khởi của pháp thuyết giảng thiện. Dựa nơi tà giáo khác, vì nhằm hiển thị sự rơi mất của pháp không thuyết giảng thiện, nên tự có chỗ nêu giảng. Người kết tập sau này, ở trong pháp môn, cho là Đức Thế Tôn nói Ôt-đà-nam. Do hai nhân duyên, nên pháp - luật thuyết giảng thiện gọi là phát khởi quả lớn lợi lớn. pháp - luật thuyết giảng ác thì không có gì cả:

(1) Ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, tất cả các khổ đều có thể vĩnh viễn lìa bỏ, tức là tánh của ba thứ khổ.

(2) Tất cả các kiết đều có thể vĩnh viễn đoạn trừ, tức là kiết của phần trên, dưới.

Ở trong pháp - luật thuyết giảng ác, hai thứ như thế đều không thể đạt được. Kẻ kia do dựa nơi Tát-ca-da-kiến, ở trong các hành, tâm chán khổ khổ. Dục lạc làm chỗ dựa, khởi thắng giải về điều ấy, nguyện nơi đời vị lai không có khổ nơi ta, ta không có khổ. Hoặc lại đã đoạn, tức nhân của khổ kia, cùng quả hiện có. Đối với đời vị lai, do hai thứ tướng mà sinh thắng giải. Nghĩa là khổ vị lai sẽ

lìa nơi ta, và ta nơi vị lai sẽ không có khổ. Tuy do bốn thứ hành tướng vui thích đoạn trừ như thế làm chỗ dựa, lìa dục của cõi dục, sinh tĩn lự thứ nhất, thứ lớp cho đến nơi xứ phi tướng phi phi tướng kia, hoặc định hoặc sinh. Vì nhân duyên ấy nên vượt khỏi khổ khổ, nhưng chưa có thể đoạn trừ các kiết phần dưới. Chưa đoạn trừ chúng, nên biết khổ khổ chưa hoàn toàn vượt khỏi. Kể kia ở trong việc đoạn trừ hai khổ hoại và hành, hãy còn không sinh mong muốn, hướng hồ là có thể đoạn trừ. Do tùy thuận chỗ chưa đoạn kia, nên biết đối với các kiết thuận phần trên cũng chưa có thể đoạn.

Người trụ nơi nội pháp, lúc bắt đầu tu quán, tuy ở nơi cõi dục chưa được lìa dục, chưa là hữu tình thù thắng, nhưng đối với ba khổ, tâm chán lìa sâu xa. Dựa nơi lạc đoạn dục, ở trong các hành, lấy kiến vô ngã làm chỗ nương dựa, phát khởi thắng giải về điều ấy, mong nơi đời vị lai không có ba khổ nơi ta, ta không có ba khổ. Kể ấy, đầu tiên tu tập hành như thế rồi, đối với dục của cõi dục được xa lìa, vĩnh viễn đoạn trừ khổ khổ. Như trước, lại sinh thắng giải như vậy, nên không có khổ kia nơi ta, ta sẽ không có khổ kia. Hành giả như thế, đối với khổ khổ đã giải thoát rốt ráo, cũng vĩnh viễn vượt khỏi các kiết thuận phần dưới. Tức đối với đạo ấy lần lượt tiên tu, cho đến có thể đạt quả A-la-hán.

Hoặc các hạng ngu tối, do Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, đối với việc vĩnh viễn vượt khỏi hai khổ hoại, hành, cùng đoạn dứt hoàn toàn các kiết thuận phần trên. Tức là ta không nên đối với điều không nên sợ hãi vọng sinh sợ hãi, hãy còn không khởi vui thích, hướng chi là sẽ có thể đoạn.

Lại, ở nơi xứ này, do hai nhân duyên, không nên sinh sợ hãi. Tức là chỉ có tâm trụ nơi bốn thức trụ, có chuyên có nhiệm. Lại chỉ có tâm đoạn nơi bốn thức trụ, không chuyên không nhiệm.

Lại có bốn thứ nương dựa: Nghĩa là sắc thọ tướng hành.

Lại có bốn thủ: Nghĩa là dục tham hiện có của dục, kiến, giới cấm và ngã ngữ.

Lại có hai duyên: Tức hoặc là đối tượng duyên, cùng hoặc là chủ thể duyên.

Lại có hai thức trụ: Là triền phiên não trụ và tùy miên trụ.

Ở đây, sức tăng thượng của các thủ, do phân biệt không như lý làm trước, do nhận lấy cảnh giới tà của ngã, ngã sở, do duyên nơi thủ của cảnh giới tự tướng, do cùng có chỗ dựa. Ba nhân duyên này khiến các thức chuyển, cùng khiến nhiễm ô.

Lại do ba thứ: Nghĩa là đối với hiện pháp hướng tới tập đế. Duyên nơi khổ của vị lai, ta sẽ nói ái như thế, như thế. Đối với nhân trước kia đã sinh hiện khổ mà an trụ.

Lại do ba thứ: Nghĩa là hướng tới phần vị lạc, duyên nơi phần vị khổ, an trụ nơi phần vị không khổ không lạc.

Lại do ba thứ: Nghĩa là hướng tới đời sau, duyên nơi đời quá khứ, trụ nơi đời hiện tại.

Lại do ba thứ: Nghĩa là do ái của hữu sau hướng đến hữu sau. Do ái của các thứ hỷ lạc kia duyên nơi cảnh giới của vị lai. Do ái cùng hành với hỷ tham. Trụ nơi hiện tại rồi, được cảnh giới.

Lại do ba thứ: Nghĩa là do thân tham dục, bị trói buộc, hướng tới sự của xứ tùy thuận tham. Do thân giận dữ bị trói buộc, duyên nơi sự kia. Do thân của hai thủ ấy thuộc giới cấm bị trói buộc, trụ nơi sự kia.

Tụng nêu:

*Quả nhân cùng thọ
Thế ái cùng buộc.*

Hỷ ái làm tươi nhuận, như trước đã nói nên biết. Nghĩa là như trong nhân của các hành đã nêu rõ.

Lại, tức thức kia lúc chuyển như thế, nơi hai xứ sinh, nên biết kiết sinh tương tục tăng rộng:

(1) Nơi có sắc.

(2) Nơi không sắc.

Nơi xứ có sắc, nương dựa nơi trung hữu mà có đi, lại. Nơi xứ không sắc, chỉ có sinh theo. Tức nơi hai xứ cho đến thọ mạng dứt, nối tiếp mà trụ, nên gọi là trụ. Nên biết trụ này, trong nẻo người thuộc cõi dục, có ba phần vị. Nghĩa là mới vào thai, thức được tươi nhuận. Phần thai viên mãn, từ thai mà ra. Nên biết ba phần vị này lại có sai biệt. Dục, Sắc, Vô sắc, như thứ lớp ấy...

Lại, mười sắc giới gọi là cõi sắc. Nên biết lại có sáu thứ thọ giới, tướng giới, hành giới.

Lại, đối với ba phần vị, nên biết các thức giải thoát khỏi phiền não. Nghĩa là đối với các hành, thấy rõ lỗi làm tai họa, có thể khiến xa lìa các triền. Ở trong địa biến, tất cả các tùy miên trói buộc của ngoại đạo đều vĩnh viễn đoạn dứt, nương dựa nơi tu đạo, đạt được cứu cánh.

Lại, các ngoại đạo đối với tất cả xứ sinh đều là vọng chấp, cho là Đại tự tại, Na la diễn noa, cùng vô lượng phẩm loại như các Chủ v.v... Vui thích sinh nơi đây, nên gọi là thân tham bị trói buộc, ở trong pháp dị phần của các kiến khác, ghét ganh sâu xa, nên gọi là thân giận dữ bị trói buộc. Dựa nơi nguyện tà, tu phạm hạnh, ở trong pháp đáng vui thích của đồng phạm hạnh, khởi ghét bỏ. Do hai duyên ấy, nên đối với giới học tăng thượng có thể bị tạp nhiễm. Do thân được chấp giữ là thật ấy bị trói buộc, nên đối với tuệ học tăng thượng, có thể bị tạp nhiễm.

Bốn pháp như thế có thể ở trong sắc thân, danh thân hướng tới sự được an lập của đối tượng duyên, khiến tâm bị trói buộc nên danh thân hệ thuộc.

Lại, pháp kia ở nơi ý địa, nên ý phân biệt, ý tương ưng, là tùy miên của ý nên ý bị nhiễm ô, gọi là ý tạo thành.

Lại, pháp kia được đoạn trừ, nghĩa là duyên nơi cảnh ấy, các phiền não được đoạn trừ, không phải là đối tượng duyên kia, tức ở nơi cảnh ấy lý giải không điên đảo.

Lại, do chỗ thâm giữ của các nghiệp phiền não thuộc hữu sau, chủng thức của hữu sau, nên biết ở nơi chỗ dựa ấy đã kiến lập. Pháp kia không có, nên ba thứ của vị lai như trước đã nói về nghĩa lý sâu xa sinh trưởng rộng lớn có sai biệt. Nên biết tất cả thấy đều diệt hết.

Lại, do thức kia không chỗ trụ, phần nhân phần quả không sinh trưởng lại, nên các đạo đã gồm thâm được sinh trưởng.

Lại, môn giải thoát không kia làm chỗ dựa, nên gọi là không chỗ tạo tác. Môn giải thoát vô nguyện làm chỗ dựa, nên gọi là biết đủ. Môn giải thoát vô tướng làm chỗ dựa, nên gọi là trụ. Đối với ái lạc kia luôn tu tập nên được khéo giải thoát. Tất cả tùy miên vĩnh viễn đoạn dứt nên tâm hoàn toàn giải thoát. Từ đây về sau đạt được hằng trụ, tuy trụ nơi các hành mà không hề sợ hãi. Đã được các uẩn tự nhiên mà diệt, nhân khác được đoạn trừ nên không sinh trở lại nữa. Thức hữu lậu kia do đã hoàn toàn vắng bật rồi, nên khắp mười phương đều không chỗ hướng tới, chỉ trừ các thọ như bóng cùng với thức uẩn kia nhân biết, gieo trồng, nên biết như đèn đều quay về nẻo tịch diệt. Tức ở trong giới Niết-bàn hữu dư, dựa vào triền thứ nhất được đoạn trừ, gọi là tịch tĩnh. Dựa vào triền thứ hai được đoạn trừ, gọi là trong lành mát mẻ. Dựa vào loại thứ ba được đoạn trừ, gọi là yên lặng.

Lại do ba duyên, nên thức hướng đến thức trụ đều không chỗ có:

- (1) Do tự nhiên không nhiễm ô.
- (2) Do chỗ còn lại không nhiễm ô.
- (3) Do thức khác trợ bạn không có.

Lại nữa, tụng nêu:

*Đoạn chi thật hiển rõ
Hành duyên giáo vô đấng
Bốn thứ chúng hữu tình
Đạo bốn, cứu cánh năm.*

Các thứ tu đoạn, lược do năm chi thâm nhận, đối với việc đoạn trừ, có thể ở nơi các hành hiển bày rõ như thật:

- (1) Do thân xa lìa.
- (2) Do tâm xa lìa.
- (3) Do Tam-ma-địa của phẩm Xa-ma-tha.
- (4) Do Tam-ma-địa của phẩm Tỳ-bát-xá-na.
- (5) Do thường gắn bó với chỗ tạo tác.

Lại nữa, nên biết có mười hai thứ hành tướng hiển bày rõ như thật, như nơi phần Nhiếp dị môn đã nêu. Nghĩa là lắng nghe đều riêng khác, nhận lấy thiện, nhận lấy ác, chánh giáo, hiện lượng, tỷ lượng, cảnh giới, tự tướng, cộng tướng, như tánh hiện có, toàn bộ tánh hiện có, nhập nơi địa kiến cứu cánh.

Lại nữa, lược có bốn thứ hành tướng hiển bày rõ như thật về sự nơi đối tượng duyên của trí theo đạo lý. Nghĩa là phạm phu trụ nơi nội pháp, ở trong cảnh giới đột nhiên gắn bó đã khởi thọ, do sức tăng thượng của sự nhận biết không như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Nhận biết đúng như thật nên có thể khiến thanh tịnh.

Lại có phạm phu tại gia, ở trong chỗ nương dựa, như vui thích hữu sau v.v..., do sức tăng thượng của sự nhận biết không đúng như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Cùng với đây trái nhau, là có thể khiến thanh tịnh.

Lại có các ngoại đạo, đối với chỗ ái lạc đã phân biệt hư vọng, định sinh hỷ ái, ở trong chỗ dựa là hành, vì sức tăng thượng của sự

nhận biết không như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Cùng trái với đây, tức có thể khiến thanh tịnh.

Lại có hàng hữu học trụ nơi nội pháp, dựa vào vọng niệm hiện có của các cảnh, căn, đối với các hành còn sót lại, do sức tăng thượng của sự nhận biết không như thật, nên lưu chuyển theo tạp nhiễm. Đoạn dứt các thứ tàn dư kia, nên liền được thanh tịnh. Nên biết, ở trong tất cả phẩm ấy, các phẩm thanh tịnh đều trụ nơi nội pháp. Như thế gọi là bốn sự của đối tượng duyên.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên Đức Như Lai đã thuyết giảng giáo pháp không gì sánh bằng:

- (1) Tuyên thuyết pháp không chung.
- (2) Tuyên thuyết pháp không điên đảo.
- (3) Tuyên thuyết pháp tự giác.

Ở đây, tuyên thuyết, nếu hướng đến hành của Tát-ca-da tập, tức là hướng đến hành của khổ tập. Nếu hướng đến hành của Tát-ca-da diệt, tức là hướng đến hành của khổ diệt. Đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp không chung.

Nếu lại thuyết nêu: Đây là có chân thật, đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp không điên đảo.

Nếu lại thuyết nêu: Ta đã nhận biết như thật. Đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp tự giác.

Lại có ba thứ khiến các hành lưu chuyển có sai biệt:

- (1) Tát-ca-da là nghĩa thuộc nơi chốn an túc của các hữu tình nhiễm chấp.
- (2) Thế gian là nghĩa hư hoại của xứ nhiễm chấp.
- (3) Hữu là nghĩa lại sinh của kẻ nhiễm chấp.

Lại nữa, chúng hữu tình kia lược có bốn thứ. Đó là:

(1) Hoàn toàn an trụ nơi quả của nghiệp khả ái. Tức ở nơi quả ấy tham đắm thọ dụng, nghĩa là sinh nơi cõi trời chuyên hành phóng dật.

(2) Hoàn toàn nhân nơi chuyển. Nghĩa là các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có mong cầu về pháp kia.

(3) Các chúng hữu tình vui thích Bát Niết-bàn.

(4) Các chủng loại xen tạp. Nghĩa là trụ ở đây, hoặc trụ nơi quả, tham đắm thọ dụng, hoặc vui thích thọ nhận quả yêu thích của vị lai. Hoặc thường xuyên tu tập tạo tư lương quả Niết-bàn, lia các phóng dật.

Ở trong ba thứ chúng hữu tình trước, theo chỗ ứng hợp, nên biết đó là biên tập diệt kia của thế gian cùng biên tập diệt kia của Tát-ca-da. Ở trong chúng hữu tình thứ tư sau, nên biết là Tát-ca-da nơi tập kia, diệt kia, hướng đến đạo có sai biệt.

Lại nữa, dựa nơi hai thứ đạo, nên biết đã thiết lập bốn thứ hành tướng.

Thế nào là dựa nơi hai thứ đạo? Tức là dựa nơi kiến đạo và dựa nơi tu đạo.

Thế nào là thiết lập bốn thứ hành tướng? Đó là:

(1) Hành tướng nên nhận biết khắp.

(2) Hành tướng nên vĩnh viễn đoạn trừ.

(3) Hành tướng nên tác chúng.

(4) Hành tướng nên tu tập.

Bốn thứ hành tướng như thế, ba là dựa nơi kiến đạo, một là dựa nơi tu đạo. Lúc nhập kiến đạo, hiện quán để cùng có thể nhận biết khắp về khổ, đoạn một phần tập, chúng một phần diệt, đối với một phần kia có thể đoạn, chúng. Ở trong tu đạo, vì cầu đoạn cùng chúng

rốt ráo, nên như chỗ đạo đạt được, cần siêng năng tu tập. Nhân tu tập các đạo xét chọn như thế, cùng với tu đạo, nên đoạn trừ vĩnh viễn phần tập còn lại, chứng đắc phần diệt còn lại.

Lại nữa, chứng đắc hết sức rốt ráo như thế, do năm thứ tướng, nên biết là rốt ráo. Những gì là năm? Đó là:

(1) Đã chứng đắc khô cùng nhân của khô được dứt trừ trọn vẹn.

(2) Hết thấy tự nghĩa đều được viên mãn, nên có thể hành tác tha nghĩa.

(3) Chứng đắc rốt ráo về đoạn và trí.

(4) Có thể nhập nơi thành Niết-bàn cứu cánh.

(5) Đã được nhập rồi, có thể an trụ nơi Thánh trụ.

Nơi tướng thứ nhất, có bốn thứ sai biệt như cắt đứt ái v.v..., như trước đã nói, nên biết.

Nơi tướng thứ hai, có A-la-hán dứt hết các lậu nơi những sai biệt hiện có, như trước đã nêu, nên biết.

Nơi tướng thứ ba, có tất cả hành sự cứu cánh thấy đều đoạn trừ hoàn toàn. Có vô cấu hoàn toàn, vì hết thấy phiền não đều đoạn trừ rốt ráo. Có phạm hạnh rốt ráo dùng làm hậu biên, tức đã đạt được sự đối trị kia.

Nơi tướng thứ tư, ví như thế gian gồm đủ năm thứ tướng, gọi là đi vào cung thành, theo đây nếu thiếu một thứ thì không gọi là vào. Như thế, cần phải đủ cùng tương tự nơi năm thứ tướng kia, nên biết gọi là nhập cung thành Niết-bàn. Những gì gọi là đủ năm tướng của thế gian? Đó là:

(1) Cửa của cung thành đã mở rộng.

(2) Vượt qua hào thành mà không bị rơi xuống nước.

(3) Dây khởi sự quả quyết sâu xa mà vượt qua.

(4) Vượt qua hào thành rồi liền tới cung điện.

(5) Không phải tự, không phải là chỗ trông mong nào khác, trụ cờ cao nhất đã ngã thì từ từ mà vào trong cung. Như thế là đi vào cung không có các thứ trở ngại.

Nhập nơi cung Niết-bàn cũng lại như vậy. Trước tiên là đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới, như cửa đã mở rộng kia. Tiếp theo, đối với Niết-bàn khởi tưởng về hãm sâu, vô minh, sợ hãi, đã được dứt bỏ trọn vẹn, như vượt qua hào thành mà không bị rớt xuống nước, thân có thể đến bờ kia, nên có thể giữ lấy thân sau cùng. Như kẻ kia quả quyết vượt qua, sấp vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y như sự thúc bách vào cung khuyết. Đã đoạn hữu ái, đối với các cảnh giới, ái không còn sinh nữa, đối khắp tất cả kiêu mạn không khởi mà nhập Niết-bàn. Như không phải chỗ trông mong của tự, tha, trụ cờ cao nhất đã ngã thì từ từ vào trong cung. Như trước đã nói về năm thứ nhân duyên, nhập cung Niết-bàn nên biết cũng vậy.

Lại, đã nhập rồi, do hai thứ tướng nên an trụ nơi Thánh trụ:

(1) Do hành.

(2) Do trụ.

Hành do ba tướng, nên nhận biết rõ đúng:

(1) Không chung.

(2) Không nhiễm.

(3) Nương dựa đúng đắn nơi chỗ nương dựa.

Đoạn trừ vĩnh viễn năm kiết thuận phần dưới, ở trong các dục lìa dục rốt ráo, tức ở nơi xứ ấy mà du hóa, nên gọi là không chung. Nơi sáu hằng trụ luôn thâm nhận, nên gọi là không nhiễm. Đối với một phần pháp xét chọn xa lìa, nghĩa là voi ngựa dữ v.v... Nơi một phần pháp xét chọn quen gần, nghĩa là y phục, thức ăn uống v.v... Đó gọi là nương dựa đúng đắn nơi chỗ dựa.

Như vậy, đối với hành khéo thanh tịnh rồi, lại do năm tướng nên nhận biết rõ là trụ:

- (1) Hoặc do đẩy mà trụ.
- (2) Hoặc đây là nương dựa.
- (3) Hoặc do đẩy mà lia trôi buộc.
- (4) Hoặc đây là chỗ nương dựa.
- (5) Hoặc do đẩy nên tương ưng.

Nên biết ở đây, do giải thoát, tâm bất động mà trụ. Nơi một phần pháp xét chọn trừ bỏ, nghĩa là nhân duyên du hành tán loạn, khó nhọc, nên thân tâm mệt mỏi, biếng trễ. Nơi một phần pháp xét chọn nhẫn thọ, nghĩa là nóng lạnh v.v... Đó gọi là nương dựa.

Do nơi ba thứ tạp nhiễm ly hệ:

- (1) Kiến tạp nhiễm.
- (2) Ái tạp nhiễm.
- (3) Tàm tư tạp nhiễm.

Do kiến tạp nhiễm nên được ly hệ: Ở trong hữu sau, tâm không dao động.

Do ái tạp nhiễm nên được ly hệ: Tức ở nơi các cảnh giới không bị chìm nổi.

Tàm tư tạp nhiễm nên được ly hệ: Tàm tư chỉ là thiện, không có bất thiện.

Như vậy gọi là do đẩy mà lia trôi buộc. Ở đây, dựa vào Tam-ma-địa không động của bốn thứ tĩnh lực, an trụ nơi hiện pháp lạc trụ thứ nhất. Đó gọi là nương dựa, do cùng với bậc vô học, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát mà cùng tương ưng.

Lại, người lia ái, nơi thân thứ hai không còn sinh nữa, đối với nhà Niết-bàn không còn thoái chuyển, nên tất chứng đức viên

mãn vô thượng. Do năm tướng này, nên biết trụ nơi trụ thứ nhất viên mãn.

Lại nữa, tụng nêu:

*Hai phẩm tổng lược ba có khác
Thắng giải đoạn lưu chuyển có tánh
Bất thiện thanh tịnh, thiện thanh tịnh
Thiện nêu, ác nêu sư cùng riêng.*

Lược do ba xứ gồm thâu chung tất cả phẩm đen phẩm trắng:

- (1) Do pháp của đối tượng nhận biết khắp.
- (2) Do nhận biết khắp.
- (3) Do nhận biết khắp thành tựu.

Pháp của đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là khổ đế, tập đế, nên biết là gồm thâu chung tất cả phẩm đen.

Nhận biết khắp: Nghĩa là diệt đế, nên biết đây là gồm thâu một phần phẩm trắng.

Nhận biết khắp thành tựu: Nghĩa là hữu tình cùng đạo đế. Hữu tình là giả có, nên biết cũng là thuộc về phẩm bạch.

Đây tức là các Thánh đệ tử của Đức Như Lai, ở nơi thế tục đế cùng thắng nghĩa đế, thấy đều thiện xảo. Dựa nơi hai đạo lý, tùy quán như thật, cùng không thể ghi. Nghĩa là Như Lai sau diệt độ, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, đều không thể nhận lấy, cũng không thể ghi. Vì sao? Vì dựa đủ nơi thắng nghĩa, các thứ kia không thể thủ đắc, huống hồ là sau khi diệt độ hoặc có hoặc không. Nếu dựa nơi thế tục, là đối với các hành giả lập Như Lai. Là đối với Niết-bàn, hoặc đối với các hành, Như Lai sau khi diệt độ, không có một hành lưu chuyển có thể thủ đắc, bấy giờ xứ nào giả lập Như Lai. Đã không Như Lai, thì sao còn có không v.v... Nếu đối với Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là chỗ hiển bày không hành, dứt

hẳn các hý luận, tự nội chứng đắc, tuyệt hẳn hý luận, nên thiết lập là có là không hợp đạo lý. Cũng lại không nên thiết lập không có. Chớ nên tồn hủy việc thiết lập Niết-bàn diệu hữu tịch tĩnh.

Lại, Niết-bàn này là hết sức khó nhận biết, rất vi tế, nên gọi là vô cùng sâu xa. Vô số chẳng phải là một, là chỗ hiển bày phiền não của các hành đã đoạn trừ, nên gọi là rộng lớn. Hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo lượng đều không lường, nên gọi là vô lượng.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên bên trong và bên ngoài gánh chịu khổ não có sai biệt:

- (1) Đối tượng được gánh chịu.
- (2) Chủ thể gánh chịu.
- (3) Thời gian gánh chịu.

Nghĩa là bên ngoài gánh chịu một phần gồm thân của sắc. Hoặc cây lúa hoặc cỏ dại, hoặc chủng loại khác, là đối tượng được gánh chịu. Kẻ ngu mới dùng tất cả các hành làm đối tượng gánh chịu.

Lại, bên ngoài gánh chịu là thuộc ở vai thân, là chủ thể gánh chịu. Kẻ ngu mới cho tất cả ái nơi uẩn là chủ thể gánh chịu.

Lại, bên ngoài gánh chịu chỉ do nơi vai hiện tại gánh vác chỗ phải gánh chịu. Kẻ ngu mới cho tất cả ái nơi uẩn đã gánh vác chỗ phải gánh chịu.

Muốn xả bỏ đối tượng được gánh chịu, cần kết hợp với việc dứt trừ uẩn. Không có phương tiện riêng mà có thể trừ bỏ, cho đến chưa có thể xả bỏ đối tượng được gánh chịu, dẫn tới việc phải thường xuyên gánh chịu gánh nặng lớn.

Nắm giữ đôi vai không tịch tĩnh, lại yếu kém, nhỏ bé, trong thời gian phải gánh vác không gián đoạn đối tượng được gánh chịu, nên bên trong có ba đức lãnh nhận, gánh chịu các khổ như thế. Bên ngoài thì không như vậy. Đó gọi là hai thứ gánh chịu có sai biệt.

Lại nữa, do năm thứ tướng, kẻ ngu bị trói buộc, cùng với sự trói buộc bên ngoài có sai biệt.

Nghĩa là, bên ngoài bị trói buộc là chỗ trói buộc của một phần sắc, hoặc bị trói buộc của cây gỗ, hoặc sắt thép, hoặc dây chỉ. Kẻ ngu mới bị các hành trói buộc.

Lại, sự trói buộc bên ngoài là bị kẻ khác trói buộc. Kẻ ngu mới tạo sự trói buộc cho chính mình.

Lại, sự trói buộc bên ngoài dễ có thể nhận biết rõ về nhân duyên của sự trói buộc cùng phương tiện giải thoát. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu, tất cả đều khó nhận biết.

Lại, sự trói buộc bên ngoài kia, sau khi chết tức không. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu, sau khi chết, các hành vẫn theo đuổi, lui tới, xoay vòng không bỏ.

Lại, sự trói buộc bên ngoài, người xuất gia hiện có có thể xả bỏ các dục, liền được giải thoát, hết thảy oán địch đều không thể gây trở ngại. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu tuy được lìa dục, cho đến cõi Hữu đảnh hỷ còn chưa có thể giải thoát, huống là chỉ xuất gia. Nên biết ở đây, tại phần vị lìa dục, mà la đối với điều ấy không được tự ý. Ở phần vị chưa lìa dục thì chúng tự ý, mặc sức. Nơi phần vị xuất gia chưa thoát khỏi tay ma, hoặc phần vị tại gia hành tác thuận theo dục, chưa lìa nẻo dục nên còn bị ma trói buộc. Do đạo thế gian, tuy sinh nơi cõi Hữu đảnh nhưng vẫn chưa thoát khỏi lưới ma.

Lại nữa, lược do bốn tướng, nên biết Đức Như Lai cùng với A-la-hán tuệ giải thoát có phần đồng phần khác.

Do một thứ tướng, nên gọi là phần đồng, tức là giải thoát v.v...

Do ba thứ tướng, nên gọi là phần khác:

(1) Hiện bày Đẳng giác.

(2) Có thể thuyết pháp.

(3) Hành chánh hành.

Ở đây, Đức Như Lai không thầy, tự nhiên tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, hiện Đăng Chánh Giác. Đăng Chánh Giác đã dựa khắp nơi thắng nghĩa. Hoặc đối với hiện pháp có năng lực, không năng lực. Hoặc là pháp hiện thấy, pháp không hiện thấy, nơi tất cả thứ thấy đều thấu đạt. Đó gọi là Đăng giác Bồ-đề tự nhiên.

Thấu đạt về pháp thắng nghĩa như thế rồi, đối với hai chướng kia khéo được giải thoát. Nghĩa là cùng tập khí nơi các phiền não chướng và sở tri chướng, với chúng chư thiên và thế gian khác, vì sự giải thoát chỉ là một, không hai. Nên biết thấu đạt bốn tướng như thế, đó gọi là Đăng giác Bồ-đề tự nhiên. Do đây không cùng chung với các Thanh văn.

Lại, dựa nơi sự tạo tác của tha nghĩa để hành tác, có thể thuyết giảng chánh pháp, do năm thứ tướng, nên biết là không chung. Những gì là năm? Đó là:

(1) Như Lai nhận biết rõ như thật về tất cả loại đạo là đạo, tất cả loại phi đạo là phi đạo.

(2) Nhận biết rồi thì tuyên thuyết đúng như thật là đạo, là phi đạo, vì khiến hướng tới đạo, không hướng tới phi đạo.

(3) Hoặc có đạo như chỗ đã nêu giảng, vui muốn siêng hành, vì khiến cho hành kia thâm nhận phương tiện, tác ý như lý dẫn đến chánh đạo, nên dùng môn chỉ dạy, trao truyền để tuyên thuyết.

(4) Người kia, lúc hành như Thánh giáo, nếu có lỗi lầm của Chi Quán làm chướng ngại đều khiến trừ bỏ.

(5) Hoặc có sự tùy thuận với pháp kia đều khiến thâm nhận. Đó gọi là có thể thuyết pháp, là phần không đồng.

Ở đây, hành chánh đáng là phần không đồng: Nghĩa là các Thanh văn, trước dựa nơi Như Lai, sau hành chánh hành. Phạm là Như Lai thì không thiếu đối tượng nương dựa.

Lại, chư vị kia thành tựu chủng tánh Thanh văn, hành nơi hành chân chánh, nhưng Phật Như Lai thì thành tựu tánh tự chúng.

Lại, các Thanh văn kia, hoặc đã thành thực hoặc sẽ thành thực, không phải là trong thân Bồ-tát của hữu sau cùng, hai hành có thể đạt được. Nếu chưa thành thực, các vị kia tùy theo đạo hành có thể thành thực nối tiếp sự thành thực của vị lai.

Nếu đã thành thực: Tức chư vị kia ở nơi hiện pháp thành bậc Đại sư, chỉ dạy như hai thứ ấy, như Thánh giáo kia, tức hành như thế. Hoặc tùy đạo hành, thì chư vị kia, nơi đời vị lai sẽ chứng Niết-bàn. Nếu ở nơi hiện pháp, thành bậc Đại sư, giáo hóa chư vị kia dựa vào thân này liền chứng Thánh đạo, là đạo quả Niết-bàn, tức Thánh đạo này cùng với quả của Thánh đạo. Không tổn hại an lạc, nên gọi là pháp như thật, tánh tạo lợi ích nên lại nói là thiện.

Lại nữa, ở trong các hành, lược có hai thứ thắng giải vô ngã:

- (1) Thắng giải của văn, tư tăng thượng.
- (2) Thắng giải của tu chứng tăng thượng.

Ở đây, thắng giải của văn, tư tăng thượng có thể cùng với thắng giải của tu chứng tăng thượng, tạo sinh nương dựa. Các thiện nam tịnh tín xuất gia, tuy lại ở nơi cực thiện này đạt đến đủ, nhưng ở trong ấy không nên tri túc. Chính ở đây là dựa trong các hành, lần lượt tu tập các tướng như vô thường, chứng đắc thắng giải vô ngã tăng thượng. Vì khiến cho chư vị kia chứng chuyển thêm thắng, nên siêng năng tu Quán, Giải.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết các hành có hai thứ đoạn. Bốn tướng đó là:

- (1) Các triền được đoạn.
- (2) Tùy miên được đoạn.
- (3) Tánh nhân của các hành thuộc hữu sau được đoạn.

(4) Hành nhiệm của các hành hiện tại được đoạn.

Bốn thứ như vậy, nên biết là nói chung về hai thứ đoạn trừ: Là phiền não được đoạn dứt cùng do sự đoạn. Hai tướng trước gọi là phiền não được đoạn. Hai tướng sau gọi là sự đoạn.

Lại nữa, ở trong cõi dục, các hành lưu chuyển nơi phần vị đầu giữa sau, nên biết lược có ba thứ khổ gắn liền:

(1) Lúc sinh, vì thai tạng kia che ngăn, nên có khổ bị che ngăn.

(2) Sinh rồi, ở nơi phần vị trẻ con, khổ vì nhiều bệnh tật.

(3) Các căn thành thực, suy già, có khổ về già, chết.

Lại, các hành kia lưu chuyển sinh khởi đầu giữa sau diệt, nên biết tức là ba thứ khổ diệt.

Lại nữa, có ba tánh hữu, vì đoạn trừ chúng nên các Thánh đệ tử phải siêng năng tu học:

(1) Tánh hữu dựa nơi quá khứ làm nhân. Do nhân duyên ấy, chư vị tịnh tín bỏ nhà, hướng tới đời sống không nhà, phải thấy rõ về lỗi lầm, chán bỏ các dục.

(2) Tánh hữu dựa nơi vị lai sinh khởi các hành làm nhân.

(3) Tánh hữu dựa nơi ý lạc chưa đoạn tận nhiệm của hiện tại.

Vì đoạn trừ ba thứ tánh hữu như thế, nên có ba đoạn. Nghĩa là không luyến tiếc. Không vui thích. Đoạn lìa dục, diệt cảnh giới tập thành.

Lại nữa, ở trong các hành, lược có hai thứ lia tăng thượng mạn, quán không ngã kiến. Những gì là hai?

(1) Không khéo thanh tịnh.

(2) Hoàn toàn thanh tịnh.

Thế nào gọi là không khéo thanh tịnh? Nghĩa là như có một hữu tình xa lìa mà trụ, dựa nơi quán các hành là tánh vô thường, nhân.

Do trí thể gian, đối với tánh vô ngã phát sinh thắng giải. Nhân nơi thắng giải ấy, đối với mắt nhận biết về sắc, cho đến ý nhận biết về pháp, theo đây quan sát về tướng của ngã, ngã sở không hiện hành, nên gọi là đoạn.

Lại có thể chế phục ba thứ tham sân si hiện có thuộc về bốn thứ trói buộc bên ngoài. Nghĩa là thân tham dục bị trói buộc gồm thân tham hiện có. Thân giận dữ bị trói buộc gồm thân sân hiện có. Thân của hai thứ còn lại bị trói buộc gồm thân si hiện có. Nên biết trong ấy, nghĩa thấp kém cấu uế là nghĩa hiện có.

Trí vô ngã lia tăng thượng mạn, tác ý như lý cùng tương ưng nên thuộc về địa định. Nên biết trí này do hai nhân duyên không khéo thanh tịnh:

(1) Tức nơi thời gian này. Tức lúc phần vị căn thiện đối với việc hướng nhập phân thuận quyết trạch, có ngã mạn thô tùy nhập nơi tác ý vi tế hiện hành, chuyển biến gián đoạn không gián đoạn. Do nhân duyên ấy, nên khởi niệm: Ta nay đối với không có thể tu có thể chứng. Không là ta có. Do không ấy nên chấp ngã là hơn. Như không, thì vô tướng, vô sở hữu nên biết cũng thế.

(2) Có thể khiến cho nhân duyên của pháp kia hiện hành. Nghĩa là đối với các dục hoặc Tát-ca-da có thức nhiễm ái. Do ở nơi thức có nhiễm ái như thế, không nhận biết rõ khắp về lực tăng thượng, liền bị Tát-ca-da ái của các dục làm cho chìm nổi. Do ý lạc ấy nên đối với Niết-bàn kia không thể hướng nhập, tâm thoái chuyển như trước đã nói.

Lại do tám tướng, nên có thể nhận biết rõ khắp. Nhận biết rõ khắp nên dứt trừ các thứ lỗi lầm tai họa. Nên biết đó gọi là hết sức khéo thanh tịnh, là chân trí vô ngã lia tăng thượng mạn.

Lại, ở trong đó đã diệt hoại, là pháp diệt hoại nên là pháp vô thường. Các nghiệp phiền não đã tập thành nên gọi là hữu vi. Do

nguyện lực từ xưa được tập thành, nên gọi là tư tạo nên. Từ tự chủng tử hiện tại nơi duyên ngoài đã tập thành, nên gọi là duyên sinh. Đối với pháp suy già của đời vị lai, nên gọi là pháp tận. Pháp chết mất nên gọi là pháp mất. Già chết chưa đến, vì vô số tai họa ngang trái như tật bệnh v.v... bức não, nên gọi là pháp hủy hoại. Do dựa nơi hiện lượng có thể lìa dục, có thể đoạn dứt, nên gọi là đối với hiện pháp đạt được pháp lìa dục cùng do pháp diệt. Nên biết ở đây, trừ pháp lìa dục cùng do pháp diệt, do tướng còn lại, lược quán về lỗi lầm tai họa hiện có của ba đời. Do tướng đã trừ quán nẻo xuất ly kia. Hoặc do xuất ly, nhận biết khắp lỗi lầm tai họa như thế, sự nhận biết kia gọi là khéo nhận biết khắp trong tất cả pháp không có tánh ngã. Gọi là các pháp ẩn, tức pháp ẩn này theo luận đạo lý pháp vương tạo nên. Đối với các Thánh thân không bị não hại, tùy hỷ có thể đạt được tất cả Thánh tài, do đây tự nhiên an lành, vượt qua quãng đường dài đầy hiểm nạn của sinh tử rộng lớn, thế nên cũng gọi là pháp ẩn của các Thánh. Nên biết ở đây, do trước gọi là trí thông đạt, do sau gọi là kiến hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết do năm thứ tướng, đối với pháp trong ngoài, sự cùng đệ tử, cao thấp có sai biệt:

- (1) Do trụ.
- (2) Do chế ngự chúng.
- (3) Do luận quyết trạch.
- (4) Do kiến lập, mở bày làm rõ đạo.
- (5) Do hành.

Nghĩa là các sư ngoại đạo cùng đệ tử thường xuyên trụ nơi trụ xứ ồn ào. Sư của nội pháp cùng đệ tử luôn luôn trụ nơi trú xứ tịch tĩnh hết mực. Đó gọi là sự sai biệt về cao thấp thứ nhất.

Lại, sư ngoại đạo, do tự có lượng đệ tử xuất gia, các Tăng ngoại đạo gọi là Tăng hữu. Do tự có lượng đệ tử tại gia, các chúng ngoại

đạo gọi là chúng hữu. Hết thấy chúng ít ỏi kia cùng nhận là sư, nên gọi là các sư. Chúng sinh loại ngu tối, cùng cho là có đức, thế nên gọi là cùng suy tìm sắc thiện. Nên biết Như Lai cùng với các pháp kia trái nhau, tuy là bậc Đại sư vô thượng của tất cả hàng trời cùng thế gian, nhưng đối với hàng đồng tôn kia không hề mong muốn.

Lại, sư ngoại đạo và đệ tử của mình, lúc cùng đẩy khởi luận bàn, quyết chọn, phạm có chỗ nói, lần lượt ý giải, mỗi mỗi thứ đều sai biệt, không cùng phù hợp, càng thêm ngu tối, không phải là trí được thanh tịnh. Nên biết nội pháp là trái hẳn với đây.

Lại, sư của ngoại đạo, vì các đệ tử, nương dựa nơi không nhân, nhân không bình đẳng để nêu đặt, kiến lập mở rộng, hiển bày về đạo. Lắng nghe pháp không chân chánh như thế, là đại La sát nhiễu loạn nơi tâm.

Lại do tác ý phi lý, tương ưng với tầm tư không đúng đắn, nên tâm kia tán động, do đối với kẻ khác đã mang sẵn tâm hơn thua, chê trách kẻ khác. Nếu kẻ khác hỏi vặn lại liền khởi hung bạo. Không xét chọn kỹ, ngôn từ khinh xuất, tự bị không nhân, nhân không bình đẳng che giấu, nên gọi là tạp nhiễm. Do kẻ ngu ấy, đối với nhân duyên nhiễm, hoặc tự hoặc tha không nhận biết đúng như thật, nên gọi là ngu muội. Lìa thanh tịnh nên gọi là không sáng rõ. Đối với nhân thanh tịnh không khéo léo, nên gọi là bất thiện.

Lại, cho đến đối với ngôn ngữ nên thuyết giảng, như ngôn ngữ đã nêu bày, ngôn ngữ của xứ ấy, hết thấy như thế đều không nhận biết đúng như thật. Do đó gọi kẻ kia là không biết lượng, là không biết ân. Nên biết nội pháp là trái hẳn với các thứ kia.

Lại, các sư ngoại đạo cùng đệ tử, tuy không nêu bày khác, chỗ nói không giảm, không nói về điên đảo. Tuy không lưu tán, nhưng chỗ nói không thêm, không tăng ích. Tuy cùng được nói, nhưng nghĩa chỉ tương tự. Tuy là pháp, vẫn nêu bình đẳng. Tuy lại là pháp ký biệt

cùng tùy pháp, nhưng đối với đồng pháp lại là bạn nhóm. Nên biết kẻ kia, đối với pháp tùy pháp hành, chứng đắc tự nghĩa, người không phóng dật hãy còn không thể đạt được, huống chi là người phóng dật. Kẻ kia do không đạt được tự nghĩa như thế, nên bị tha luận chế phục, chê bai về chỗ thọ nhận các pháp tà ác. Nên biết nội pháp cùng với kẻ kia trái nhau. Đó gọi là năm thứ cao thấp sai biệt.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết các hành không nhất định là khổ nhiễm. Lại do bốn tướng, không nhất định là lạc, tịnh. Bốn tướng như thế là dựa chung nơi ba sự. Những gì là ba sự? Đó là:

(1) Dựa nơi xứ sinh.

(2) Dựa nơi thọ.

(3) Dựa nơi đời.

Ở đây, lạc: Là ở nơi tĩnh lự thứ ba.

Lạc đã thuận theo: Là ở trong cõi người, nhận có hai thứ.

Hỷ lạc khắp: Là ở tại hai tĩnh lự đầu.

Chưa vĩnh viễn lìa lạc: Là ở tĩnh lự thứ tư trở lên.

Trong ấy, khổ: Là tại nẻo ngã quý cùng do bàng sinh.

Khổ được tùy theo: Là ở trong nẻo người.

Ưu khổ khắp: Là tại Na-lạc-ca.

Chưa vĩnh viễn lìa khổ: Là ở trong Thiên chúng trên, nên khổ đã thuận theo.

Lại nói lạc: Là phần vị của thọ không khổ không lạc hiện tiền.

Lạc đã tùy thuận: Là phần vị của khổ thọ hiện tiền.

Hỷ lạc khắp: Là phần vị của lạc thọ hiện tiền.

Không vĩnh viễn lìa lạc: Là chỗ tùy thuận của nhân lạc nơi tất cả phần vị.

Nếu cùng với đây trái nhau, nên biết là sai biệt của khô.

Lại, nói lạc: Nghĩa là thuận các hành lạc cùng lạc đã diệt.

Lạc được tùy thuận: Là có nhân lạc, nên ở đời vị lai sẽ sinh khởi lạc.

Hỷ lạc khắp: Là đối với hiện tại tùy thuận xứ lạc.

Chưa vĩnh viễn lìa lạc: Là hai đời còn lại.

Cùng với đây trái nhau là bốn sai biệt của khô, như chỗ ứng hợp nên biết.

HẾT - QUYỂN 87

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYÊN 88

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ NHẤT:

SỰ KHẾ KINH. LỰA CHỌN, GỒM THÊU VỀ HÀNH. ĐOẠN 4:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Hai trí cùng sự kia
Lạc cùng hành chuyển biến
Thỉnh không thỉnh nói kinh
Niết-bàn có hai thứ.*

Trí có hai loại:

(1) Trí chánh.

(2) Trí tà.

Ở đây, trí chánh dựa nơi có sự sinh khởi, trí tà cũng vậy.

Tuy hai trí này cùng dựa nơi có sự, nhưng trí chánh thì nhận lấy sự đúng như thật, trí tà thì phân biệt tà vạy, không nhận lấy sự đúng như thật. Do có tác ý như lý của chánh giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí chánh được sinh. Do có tác ý phi lý của tà giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí tà được sinh. Không phải là trí chánh sinh, hủy hoại cảnh được nhận thức, chỉ ở nơi cảnh này xả bỏ chấp tà mà khởi trí chánh. Như màu sắc trong bóng tối, lúc đèn sáng sinh

không hủy hoại sắc này, chỉ có thể soi chiếu rõ. Nên biết nghĩa ấy cũng lại như thế.

Lại nữa, các hành thuận theo lạc thọ, cùng với tướng vô thường cùng tương ưng. Nếu đến phần vị khổ, bấy giờ gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị không khổ không lạc, lúc ấy mới đối với hành khổ gọi là khổ bức thiết. Nếu không đến phần vị kia, tức nên hoàn toàn chỉ thuận nơi lạc thọ, chớ đến các phần vị khác.

Lại, các pháp như sinh, lão v.v... thuận theo các hành thấy đều là khổ. Chúng nếu đến phần vị tật bệnh, gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị khổ như sinh v.v..., gọi là khổ bức thiết. Nếu không tới phần vị kia thì ở trong các hành, là chỗ theo đuổi của nhân khổ như sinh v.v..., chớ khiến đến quả vị.

Lại, bản tánh nơi các hành là các duyên sinh, nên không được tự tại, cũng không có chủ đề. Nếu có chủ thể thì tất cả hành kia, tuy tánh là vô thường, nên tùy chỗ vui thích lưu chuyển không dứt, hoặc không khiến sinh, nói rộng cho đến đối với tử.

Lại nữa, có hai thứ Khế kinh:

- (1) Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.
- (2) Không nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.

Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng: Nghĩa là nếu có hữu tình do các hành cùng giáo ấy mà được điều phục, nhân sự thỉnh cầu kia, vì nhằm chuyển các hành cùng giáo như thế.

Không nhân thỉnh mà thuyết giảng: Nghĩa là hoặc ở trong hàng trăm chúng kia, dùng vô lượng môn tạo sự thuyết giảng tốt đẹp. Hoặc vì đệ tử ở gần bậc Đại sư là A-nan-đà thừa nói như vậy: Vì khiến cho chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, nên biết do ba phần, nên thâm nhận Niết-bàn viên mãn:

- (1) Do thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền.

(2) Do quan sát đúng đắn về tất cả hành.

(3) Do đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não.

Thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền: Tức là ghi, nói, dạy, khuyên, thuộc về thân biến. Đức Như Lai theo chỗ mong muốn, ghi nói về tâm kia, do định ý của mình, dùng ba hành tướng soi chiếu khắp tâm kẻ khác. Hoặc lần lượt, lâu xa khiến tâm vắng lặng. Hoặc tâm vô gián diệt. Hoặc ở nơi đối tượng duyên hiện tại, chuyển tâm. Từ định khởi rồi, theo niệm phân biệt, tư duy định nội thọ nhận tâm kẻ khác. Như chỗ thọ nhận kia, tức ghi như vậy: Ông có tâm như thế: Nghĩa là lâu xa diệt. Ý như thế: Nghĩa là vô gián diệt. Thức như thế: Nghĩa là hiện tại, ở đây căn cứ nơi chủng loại, không căn cứ vào sát-na. Tức do ghi, nói như vậy, thân biến làm chỗ dựa, nên ở nơi ba xứ kia mà làm việc dạy khuyên:

(1) Ở nơi cảnh giới hiện tiền của xứ hành, mở, thuận cho tác ý như lý, ngăn chặn tác ý không như lý.

(2) Ở nơi xứ trụ, ngăn chặn tầm tư bất chánh, mở bày, thuận cho tầm tư chân chánh.

(3) Ở nơi xứ Chỉ Quán siêng năng tu hành: Mở bày, thuận khiến đoạn các hành chưa đoạn, cùng khiến vĩnh viễn lìa trôi buộc của phiền não, chứng đắc Niết-bàn.

Tuyên thuyết như thế, khiến từ nơi các tùy phiền não của ba xứ, tâm được thanh tịnh. Nghĩa là xứ hành, xứ trụ, xứ dựa.

Lại, quán xét đúng đắn về các hành của quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là chánh quan sát.

Tất cả các hành lại có ba lậu. Ba lậu là trước nên có dục hại. Dục hại là trước nên có tầm tư nhiệt não. Tầm tư nhiệt não là trước nên có truy cầu ưu khổ. Tất cả như thế đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên gọi là vĩnh đoạn hết thảy phiền não. Tâm định trụ khéo giải thoát

như thế là lạc trụ vô tướng. Lúc không sợ hãi, ở trong hiện pháp, gọi là nhập nơi xứ Bát Niết-bàn viên mãn. Lại dựa vào ba pháp, nương nơi tự nghĩa, gọi là trụ nơi quy y. Nương nơi tha nghĩa, gọi là trụ nơi châu, bãi. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Dựa nơi nội, tác ý như lý làm trước nơi pháp tùy pháp hành.
- (2) Dựa nơi Phật, lắng nghe chánh pháp được thuyết giảng.
- (3) Dựa vào bậc Thiện sĩ bên trong gần gũi với chánh pháp.

Ba pháp như thế, nên biết là hiển thị bốn thứ pháp tạo tác nhiều trong cõi người: Thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành.

Lại do ba duyên cùng năm thứ tướng, nên biết là chứng đắc phần Niết-bàn kia. Những gì là ba duyên? Đó là:

- (1) Nhận biết khắp về khổ.
- (2) Thấy rõ các thứ lỗi lầm tai họa của tất cả hành thuận theo khổ.
- (3) Vượt quá tất cả khổ như sâu v.v...

Những gì là năm tướng? Đó là:

(1) Nhận biết về chủng loại của khổ cùng thời gian liên hệ phát sinh sâu não v.v... Đó gọi là nhận biết khắp về tự tánh của khổ kia.

(2) Nhận biết có chủng tử nên pháp kia được sinh. Đó gọi là đối với khổ kia, nhận biết khắp về tánh của nhân.

(3) Nhận biết về cảnh giới của đối tượng tự nhận thức, hành trì. Đó gọi là đối với khổ, nhận biết khắp về tánh của duyên.

(4) Tùy quán chỗ chấp trước ngã cùng ngã sở, đều là các hành có thể thuận theo các khổ. Đó gọi là đối với khổ, nhận biết khắp về tánh của hành.

(5) Tùy quán những lỗi lầm tai họa của các hành nơi ba đời hệ thuộc cõi dục, có thể đoạn trừ hết thảy các khổ như sâu não v.v...

Nên biết, do ba duyên, năm tướng này, nên đạt được phần Niết-bàn như vậy. Do sự khả ái, vì vô thường chuyển biến khiến tâm bị thương buồn lo nên gọi là sầu. Do kẻ kia phát khởi ngôn ngữ thô than, sùi sụt, nên gọi là than. Nhân đấy bị đánh đập nên gọi là khổ. Trong lòng ôm giữ oan kết, nên gọi là ưu. Do đấy mà mê loạn nên gọi là não.

Lại, do mắt mát của cải, vật báu, bệnh tật, không thân thích v.v..., các sự như thế tùy một thứ hiện tiền mới sinh ưu não, gọi là sầu. Do dựa vào đấy, nên tiếp theo bèn phát khởi ngôn ngữ bi ai, toàn thân phiền nhiệt, gọi là than. Phần vị khổ vượt hơn sầu than này. Thân phiền nhiệt rồi, trong thiêu đốt, ngoài tĩnh, tâm cũng chưa bình, gọi là phần vị ưu. Qua ngày đầu rồi, hoặc hai, ba, năm, mười ngày đêm, một tháng, do nhân duyên kia, nên ý hãy còn chưa yên, gọi là não.

Lại nữa, kệ nêu:

*Mâm tranh kiến nhiễm lớn
 Một hướng học, bốn sợ
 Trong thuyết thiện, thuyết ác
 Túc trụ niệm sai biệt.*

Do bốn nhân duyên, Đức Như Lai không cùng với sự mê loạn của thế gian chung tạo tranh oán, nhưng thế gian kia khởi phân biệt tà vạy, nghĩa là tạo tranh oán. Những gì là bốn nhân duyên? Đó là:

- (1) Tuyên thuyết về nghĩa của đạo lý.
- (2) Tuyên thuyết về nghĩa chân thật.
- (3) Tuyên thuyết về nghĩa lợi ích.
- (4) Có lúc tùy thuận thế gian chuyển.

Ở đây, Đức Như Lai dựa nơi bốn đạo lý như trước đã nói để tuyên thuyết chánh pháp. Đó là:

- (1) Đạo lý quán đãi.
- (2) Đạo lý tác dụng.
- (3) Đạo lý nhân thành.
- (4) Đạo lý pháp nhĩ.

Do đây, Như Lai gọi là bậc Pháp ngữ (Bậc nói pháp). Như Lai trọn không có ý đi đến trú xứ của kẻ khác để mong dấy khởi sự tranh biện. Vì sao? Vì do các thế gian đều trái phản với tha nghĩa, tức vì tự nghĩa nên dấy khởi tranh luận. Như Lai đều cho hết thấy tha nghĩa tức là tự nghĩa, nên không có chỗ tranh luận, chỉ trừ vì thương xót khiến họ được nghĩa lợi, nên đi đến trú xứ của kẻ khác, vì họ thuyết giảng chánh pháp. Nhưng các thế gian tà chấp, ngu si điên đảo, vọng cho là tự nghĩa, tha nghĩa mà có sai biệt, nên cùng với Như Lai tranh luận. Do nhân duyên này, nên biết Như Lai gọi là “Bậc nói đạo lý”.

Lại nữa, Như Lai gọi là “Bậc nói chân thật”. Nghĩa là nếu các bậc thông tuệ của thế gian cùng chấp nhận là có, Như Lai đối với sự việc ấy cũng nói là có, tức như tất cả đều là vô thường. Hoặc các bậc thông tuệ của thế gian cùng thừa nhận là không, thì Đức Như Lai đối với sự việc ấy cũng nói là không, tức như tất cả các hành đều là thường trụ.

Lại nữa, Đức Như Lai gọi là “Bậc nói điều lợi ích”. Nghĩa là các thế gian có những kẻ mù lừa tằm tối, tự họ đối với thế pháp không thể nhận biết rõ. Đức Như Lai đối với những trường hợp ấy tự hiện Đẳng Giác, vì họ mà mở bày, xiển dương.

Lại nữa, Đức Như Lai hoặc có lúc tùy thuận thế gian mà chuyển. Nghĩa là như A-tử-la, Ma-đăng-kỳ v.v... chỉ dựa nơi phần ít sự nghiệp để tự sinh sống, nhưng các người đời vì những vị ấy đã giả lập danh tướng: giàu có lớn, tài sản lớn v.v... Như các người đời kia đã giả lập danh tướng, Đức Như Lai cũng tùy theo họ để nói như vậy.

Lại như một sự việc nơi một cõi nước được giả lập danh tướng, thì đối với cõi nước khác, tức nơi sự việc ấy cũng lập danh tướng khác. Đức Như Lai tùy theo sự việc kia cũng nêu bày như thế. Nếu ôm giữ sự tranh oán để dấy khởi tranh oán, tức không được gọi là Bạc nói về đạo lý, Bạc nói chân thật, Bạc nói điều lợi ích, Bạc thuận theo thế gian chuyển. Do gồm đủ bốn thứ nhân duyên như thế, vì vậy nên biết Như Lai là không tranh.

Lại, Đức Phật Thế Tôn tự nhiên quán xét về nghĩa nên hành tác, tuy không thỉnh vấn, nhưng tự tuyên dương hiện pháp Đẳng giác, có thể dùng danh cú văn thân tương xứng để nêu đặt, kiến lập các pháp sai biệt, nói rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước. Như vậy, nên biết cho đến gọi là bình đẳng khai thị.

Lại nữa, một nhân hai duyên, khiến mầm của hữu sau sẽ được sinh trưởng. Nghĩa là trong năm phẩm hành, chủng tử của phiền não luôn gắn chặt nơi thức, được gọi là nhân. Bốn thứ thức trụ cũng với nhân tương trợ gọi là duyên. Lại do hỷ tham làm tươi nhuận thức kia, khiến đối với các pháp ấy sẽ thọ nhận xứ sinh, kiết sinh nối tiếp, chiêu cảm Tát-ca-da, cũng gọi là duyên.

Ở đây có một hữu tình, do bốn thức trụ thâm nhận làm chỗ dựa. Do hỷ tham nên ở trong hiện pháp luôn tạo tác, tích tập cùng khiến tăng trưởng. Người kia, vào thời gian sau thành A-la-hán, khiến chủng tử của thức thấy đều hủy hoại, hết thấy mầm của hữu vĩnh viễn không được sinh.

Lại nữa, có một hữu tình gồm đủ tất cả trói buộc, siêng năng tu tập hành chân chánh, vui thích Niết-bàn, đối khắp hết thấy các xứ thọ sinh đều khởi tưởng chán nghịch. Người kia, do có đủ trói buộc nên chủng tử không hoại mất. Thức trụ hòa hợp. Nhưng ở nơi các hữu khởi tưởng chán nghịch, nên không hỷ tham. Người kia do tu tập hành chân chánh như thế, nên ở trong hiện pháp có thể đạt Bát Niết-bàn, mầm của hữu sau kia cũng không thể sinh.

Lại nữa, có một hữu tình trụ nơi địa học, đắc quả Bất hoàn, chỉ có các hành của xứ phi tướng phi phi tướng là phần còn lại, nơi định hữu đánh an trụ đầy đủ. Hết thấy chủng tử của thức kia cũng chưa thấy đều diệt tận, nhưng nơi thức trụ có thể nhận biết rõ khắp, có thể thông đạt khắp. Người kia do sức tăng thượng của quên niệm, nên tham ái của địa trên chỉ còn sót lại phần ít. Là quả Bất hoàn, nên tất cả mầm hữu nơi địa dưới của vị lai không sinh lại nữa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tất cả mầm của các hữu sau đều được sinh trưởng.

Lại nữa, tạp nhiễm có hai:

- (1) Tạp nhiễm của kiến.
- (2) Tạp nhiễm của phiền não khác.

Tạp nhiễm của kiến: Là Tát-ca-da-kiến đối với các hành chấp ngã, ngã sở, chuyển theo chấp tà vạy. Do kiến này nên hoặc chấp các hành cho là ngã thật, hoặc chấp các hành cho là ngã sở thật.

Lại có trường hợp khác: Đây là căn bản nơi kiến thú của các ngoại đạo, là các phiền não hiện có còn lại như tham v.v... Nên biết đó gọi là tạp nhiễm thứ hai.

Lại, tạp nhiễm của kiến, lúc được giải thoát, cũng có thể giải thoát rốt ráo đối với các thứ tạp nhiễm khác, không phải các tạp nhiễm khác khi được giải thoát, tức có thể giải thoát các tạp nhiễm của kiến. Vì sao? Vì do sinh khởi giải thoát ấy là dựa nơi đạo thể gian, cho đến có thể lìa tham dục hiện có của xứ vô sở hữu, đối với các phiền não còn lại của những địa dưới, tâm được giải thoát, nhưng chưa thể thoát khỏi Tát-ca-da-kiến. Do kiến này, nên đối với các hành hiện có của địa trên dưới, đã cùng xen lẫn với tự thể, không thấy có sai biệt, chấp chung là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên tuy lên tới cõi Hữu đánh mà lại thoái hoàn.

Nếu đối với tất cả tự thể như thế, nhận biết khắp là khô, do đạo xuất thế trước đoạn tất cả Tát-ca-da-kiến, sau mới có thể đoạn trừ vĩnh

viễn các phiền não còn lại. Do nhân duyên này, tức không còn thoái chuyển. Vì thế nên biết, chỉ tạp nhiễm của kiến là tạp nhiễm lớn.

Lại nữa, nên biết do ba thứ tướng, đạo gọi là một nẻo. Nghĩa là đối với địa phàm phu, dùng năm hành tướng quan sát các hành có năm xứ sai biệt. Tức quan sát này, ở trong hai thời, tu trị khiến tịnh, nghĩa là nơi hành hướng tới địa học cùng địa vô học

Thế nào gọi là năm thứ hành tướng quan sát các hành? Đó là:

- (1) Quan sát tự tánh của các hành.
- (2) Quan sát nhân duyên của các hành.
- (3) Quan sát nhân duyên của tạp nhiễm.
- (4) Quan sát nhân duyên của thanh tịnh.
- (5) Quan sát về thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết nơi phần vị phàm phu, trước đối với năm xứ, đạt được thiện xảo rồi, sau ở nơi phần vị học, tức đối với năm thứ xứ sở như thế, lại dùng năm thứ hành tướng sai biệt để quan sát, xét kỹ, có thể khiến mau chóng đạt được thông tuệ.

Những gì gọi là năm thứ hành tướng? Nghĩa là quán xét các hành, nhân duyên của các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh, tịch tĩnh vắng bật, hướng đến nẻo xuất ly của đạo thanh tịnh.

Các hành có vô số chúng, nhiều tánh, đều từ chủng tử sinh khởi, đều đợi duyên khác mới sinh khởi.

Lại nữa, nên biết do bốn nhân duyên, nên đối với hai xứ phát sinh sợ hãi, có thể bị chương ngại. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Hoặc ở nơi phần vị này sinh khởi.
- (2) Hoặc dựa nơi pháp ấy sinh khởi.
- (3) Hoặc chúng đã sinh khởi như thế.
- (4) Hoặc hành tướng kia sinh khởi.

Nơi phần vị này sinh khởi: Tức là ở trong phần vị không phải Thánh sinh khởi, đối với các Thánh để chưa được thiện xảo. Lại, không phải Thánh này, đối với năm xứ sở cũng chưa thiện xảo.

Dựa nơi pháp ấy sinh khởi: Nghĩa là đối với các hành khởi tướng của hành ta, chấp ngã, ngã sở, dùng Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa để sinh khởi.

Đã sinh khởi như thế: Nghĩa là do hai thứ biến hoại có sai biệt của các hành nên sinh khởi:

(a) Do chỗ biến hoại của duyên khác.

(b) Do tự tâm khởi phân biệt tà vạy mà biến hoại.

Hành tướng sinh khởi: Tức đối với chỗ yêu thích, lo sợ nơi vị lai sẽ biến hoại, nên sinh hành tướng sợ hãi. Đối với sự vật đang biến hoại, khởi hành tướng tôn nã. Nghĩa là ở trong chỗ yêu thích đã biến hoại, vốn được vui mừng, tôn trọng, sinh khởi hành tướng luyến tiếc. Lại, đối với Niết-bàn, phân biệt về tự thể vĩnh viễn biến hoại, nên khởi hành tướng sợ hãi.

Hành tướng sai biệt như thế, lúc chuyển, đối với kẻ yêu thích Thánh giáo cùng yêu thích Niết-bàn, có thể bị chướng ngại.

Lại, do hai thứ môn, ở nơi cảnh của đối tượng duyên, từ nơi xứ đã hành, chấp ngã, ngã sở có sai biệt mà chuyển. Nghĩa là suy cầu cũng lãnh nhận, tức kiến cùng thọ.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên pháp thuyết giảng thiện, pháp thuyết giảng ác, ở trong các sự nơi tức trụ tùy niệm, nên biết nhiệm tịnh có sai biệt. Những gì là ba? Đó là:

Tức trụ tùy niệm của pháp thuyết giảng ác, đối với tự tướng cộng tướng của các hành, không nhận biết đúng như thật, nên ở nơi các hành, hoặc hoàn toàn chấp thường, hoặc chấp một phần là thường, hoặc chấp không phải thường, hoặc chấp không nhân.

Túc trụ tùy niệm của pháp thuyết giảng thiện, do nhận biết đúng như thật nên không phân biệt tà vạy. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ nhất.

Lại, pháp thuyết giảng ác, tùy dựa nơi định nào phát khởi túc trụ niệm, không thể nhận biết rõ đúng như thật là khổ, liền sinh ái vị. Do ái vị, nên đối với hành quá khứ sinh khởi luyến tiếc sâu xa. Đối với hành vị lai, sinh khởi sự vui thích sâu xa. Đối với hành hiện tại, không thể tu hành chán lìa dục diệt.

Pháp thuyết giảng thiện, nên biết tất cả cùng với các pháp kia là trái nhau. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ hai.

Lại, pháp thuyết giảng ác, hành tà vạy như thế, nên bị bốn thứ tạp nhiễm làm cho tạp nhiễm, có thể chiêu cảm hữu sau. Những gì gọi là bốn thứ tạp nhiễm? Đó là:

- (1) Tạp nhiễm của nghiệp.
- (2) Tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn.
- (3) Tạp nhiễm của triền ái.
- (4) Tạp nhiễm của tùy miên kia.

Nếu các nghiệp mới tạo tác tăng trưởng, hoặc các nghiệp cũ thường xuyên tiếp xúc mà không biến đổi, đó gọi là tạp nhiễm của nghiệp. Hoặc đối với các hành phân biệt tà vạy khởi Tát-ca-da-kiến. Nơi hữu tình khác, dùng các Sa-môn Bà-la-môn cùng với mình đối chiếu, cho mình là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Đó gọi là tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn. Đối với trong, ngoài dấy khởi tạp nhiễm, ở trong hành ái nên biết về tướng. Đó gọi là tạp nhiễm của triền ái. Ở trong sự nối tiếp ba phẩm Kiến, Ngã mạn, Ái, thô trọng luôn theo đuổi, đó gọi là tạp nhiễm của tùy miên kia.

Bốn thứ như thế, gồm thấu chung làm hai, là nghiệp, phiền não. Phiền não lại có hai, là triền và tùy miên.

Ở trong các hành, trước khởi chấp tà, sau sinh tham vương: Do sức tăng thượng của hai thứ ấy, nên tuy lại có tạp nhiễm của phiền não khác nhưng chỉ giữ lấy chúng. Từng ấy phiền não ở trong các hành không đối chiếu với kẻ khác, tự khởi chấp tà, được gọi là kiến. Đối chiếu nơi kẻ khác, gọi là ngã mạn. Chấp tà như vậy là phẩm Vô minh. Do đây làm trước để phát khởi tham chấp, gọi là phẩm Ái. Do hai thứ phiền não căn bản ấy, nên ở trong sinh tử lưu chuyển không dứt.

Nếu trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, tu hành đúng đắn, có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như thế, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn. Lại do đây nên có thể trụ nơi Niết-bàn viên mãn rất ráo. Nếu không như vậy, thì hãy còn không thể trụ nơi phần Niết-bàn kia, huống hồ là đạt rất ráo. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ ba.

Lại, ở trong đó, kiến cùng ngã mạn gọi là nhìn cao. Ái gọi là khổi. Vì sao? Vì ở trong các hành, bị kiến, ngã mạn che ngăn, không nhận biết đúng như thật về thể tướng của các hành, tánh vốn xấu kém, đối với thân người, trời, cùng các vật dụng của họ, cho là cao, hơn. Thế nên hai thứ ấy gọi là nhìn cao.

Ái cũng như khổi, khiến tâm nhiều loạn không được an ổn, do đó gọi là khổi.

Lại nữa, tụng nêu:

*Không chán bỏ không dục
Không loạn hỏi, ghi tướng
Chướng, kỳ lạ, không nhân
Hủy, thuần nhiễm, cùng sau.*

Có hai thứ tin, nhưng không xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin. Những gì là hai? Đó là:

(1) Tin của người tại gia: Tin có Niết-bàn, cùng tánh của tất cả hành là vô thường. Nhưng đối với các hành không quán về lỗi

lầm tai họa, không trụ nơi chán lìa, không biết nẻo xuất ly mà thọ dụng chúng.

(2) Người có tịnh tín, lìa bỏ pháp nhà, hướng đến đời sống không nhà. Những người này đối với Niết-bàn không thể an trụ với sự mong muốn mãnh liệt. Không dùng sự mong muốn ấy làm chỗ nương dựa để thường siêng tu tập pháp thiện hiện có, ở trong hiện pháp không Bát Niết-bàn.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin tưởng.

Lại nữa, ở trong nội pháp, lược có hai thứ gồm đủ thông minh. Nếu có người tịnh tín, hoặc các ngoại đạo lúc tìm đến thỉnh vấn, có thể ghi nhận không loạn. Tức là dựa nơi trung đạo, ở trong các hành, khi hỏi về sinh diệt, không thêm về hữu tình, không bớt về sự thật. Chỉ ở nơi các hành an lập sinh diệt không loạn mà ghi nhận.

Hoặc lập hữu tình có sinh có diệt. Đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc lập sinh diệt đều không thật có, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Chỉ ở nơi các hành an lập sinh diệt, đó gọi là trung đạo, xa lìa hai biên. Do đó, hoặc có thể “ký biệt” như thế, là khéo ký biệt, Như Lai tán thán.

Hoặc lại có ngôn thuyết: Do nhân duyên nào, nên đối với Sa-môn Kiều-đáp-ma đã tu tập phạm hạnh. Nếu có được câu hỏi ấy, nên ghi nhận như trước, xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, dựa nơi trung đạo để ghi nhận, gọi là ký biệt không loạn.

Hoặc cho là hữu tình tu tập niêm tịnh, đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc cho tất cả đều không tu tập, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Hoặc vì các hành, chán lìa dục diệt mà tu tập, đó gọi là trung đạo, xa lìa hai biên. Thế nên, ghi nhận này gọi là ký biệt không loạn, gọi là khéo ký biệt. Nên biết ký biệt này được chư Phật khen ngợi.

Lại nữa, pháp có hai loại:

(1) Hữu vi.

(2) Vô vi.

Ở đây, hữu vi là tánh vô thường. Ba tướng hữu vi nêu đặt có thể đạt được:

(1) Sinh.

(2) Diệt.

(3) Tánh trụ, dị.

Ba tướng như thế dựa nơi hai thứ hành lưu chuyển để an lập:

(1) Dựa nơi sinh thân lần lượt lưu chuyển.

(2) Dựa nơi sát-na lần lượt lưu chuyển.

Dựa nơi lưu chuyển thứ nhất: Nghĩa là ở trong chúng đồng phận của các hữu tình kia, mới sinh gọi là sinh, chung cuộc mất gọi là diệt. Trung gian của hai thứ kia, là các phần vị như hài nhi v.v... được lập là tánh trụ, dị. Cho đến thọ mạng trụ, gọi là trụ. Các phần vị càng về sau thì chuyển biến sai biệt, gọi là tánh trụ dị.

Dựa vào lưu chuyển thứ hai: Nghĩa là các hành kia nơi từng sát-na, sát-na thay đổi mà sinh, gọi là sinh. Sau sát-na sinh không trụ gọi là diệt. Chỉ sinh sát-na trụ nên gọi là trụ. Tánh dị có hai:

(1) Tánh dị của tánh dị.

(2) Tánh dị chuyển biến.

Tánh dị của tánh dị: Là các hành tương tợ nối tiếp mà chuyển.

Tánh dị chuyển biến: Là các hành không tương tợ nối tiếp mà chuyển.

Không phải tánh dị này là tướng trụ, ngoài ra có thể riêng có thể đạt được. Thế nên hai thứ gồm thâu chung làm một, thiết lập

một tướng. Cùng với đây trái nhau, nên biết là ba tướng của vô vi thường trụ.

Lại nữa, nên biết tu tập tư lương của Niết-bàn, lược có ba chương:

(1) Dựa nơi sự nghiệp lớn, của cải, vật báu đầy đủ, hành nhiều phóng dật.

(2) Không có các bậc thiện tri thức tạo phương tiện để hiểu dụ.

(3) Chưa nghe chánh pháp, chưa được chánh pháp, hốt nhiên gặp phải duyên tử phi thời mạng yếu.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là không chương ngại, cũng có ba thứ.

Lại, các Thánh giả, lúc sắp mạng chung, lược có hai thứ tướng của Thánh giả. Nghĩa là lúc lâm chung, các căn lắng trong, tịch tĩnh, mong được Phật thọ ký.

Do hai thứ tướng, nên Phật vì tất cả Thánh giả quá khứ ký biệt. Chủng tánh của Thánh tánh đầy đủ, nên chỉ thọ ký vật loại. Ta đã nhận biết rõ về pháp cùng tùy pháp. Pháp tức là chánh kiến, trước hành Thánh đạo. Nói tùy pháp: Là dựa nơi pháp kia, lắng nghe âm thanh của người khác, tác ý như lý.

Lại, ta chưa từng nã loạn nơi chốn nương dựa của chánh pháp: Nghĩa là vì nghĩa này, nên Đức Như Lai “cáo mệnh”, cùng vì nghĩa này nên có chỗ tuyên thuyết, cho đến vì khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Kẻ kia do pháp này nên đã dứt được hết các lậu.

Lại nữa, chư Phật Như Lai lược có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu, ít có: Nghĩa là người chưa tin khiến tin. Người đã tin rồi khiến tăng trưởng, mau chóng ở nơi Thánh giáo khiến được ngộ nhập. Tức là tướng Đại sư, hoặc tướng giáo pháp, hoặc tướng đã chứng đắc đức bậc nhất. Đối khắp mười phương với âm thanh hay đẹp đã xưng tụng, tán thán rộng lớn, không đâu là không đầy đủ. Lại có thể trừ bỏ

luận nói không nhân, cùng luận nhân ác, thâm nhận tất cả luận thuyết nhân chánh. Vì sao? Vì luận nói không nhân cùng luận nhân ác, các bậc thông tuệ, thắng giải về xứ nương dựa hãy còn không muốn đi đến nẻo thiện trời, người, cùng vui thích giải thoát, hưởng chi là các hạng khác. Nên chỗ hướng nhập nơi luận nói nhân chánh, nên biết về tướng là cùng với các thứ kia trái nhau.

Tướng Đại sư: Nghĩa là Đức Bạc Già Phạm là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến Thế Tôn, giải thích rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước.

Tướng giáo pháp: Tức là thuyết giảng chánh pháp, đầu giữa sau đều thiện, cho đến nói rộng, nên biết cũng như nơi phần Nhiếp dị môn.

Tướng chứng đắc đức bậc nhất: Nghĩa là đối với hết thảy đời này đời khác tự nhiên thông đạt, hiện Đẳng Chánh Giác, cho đến nói rộng. Ở đây, cõi dục gọi là đời này, cõi sắc, vô sắc gọi là đời khác. Hai đời hiện tại, quá khứ khác biệt. Nên biết đó gọi là sai biệt thứ hai.

Không do thầy, nên gọi là tự nhiên. Sáu thứ thông tuệ hiện chứng đắc nên gọi là tác chứng. Đối với các hữu tình là tối thượng đệ nhất, nên gọi là viên mãn. Tánh bậc nhất này tự nhiên nhận biết, hiển bày, chỉ rõ cho kẻ khác nên gọi là khai thị.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên luận không nhân, ở trong các hành, chấp là không nhân chuyển. Nghĩa là, nhân duyên sinh khởi, nhân duyên diệt tận nơi các hành không nhận biết rõ: Do đây sinh nên các hành kia sinh. Do đây diệt nên các hành kia diệt. Nơi hai sự này không thể chứng đắc.

Lại, không chứng đắc tánh tướng của các hành, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Có là nhất định có. Không là nhất định không. Không chẳng thể sinh. Có chẳng thể diệt. Tức luận này ở trong ba phần vị, hiện có thể chứng đắc các hành sinh diệt, cùng chỗ thông tỏ

về tất cả thế gian với hiện lượng thô cạn, hủy báng, trái nghịch. Vì sao? Vì hiện thấy nhân duyên hòa hợp của nam nữ hiện có nơi các nhà như hoặc Sát-đế-lợi, hoặc Bà-la-môn, Phệ-xá v.v..., hoặc quá tám tháng, hoặc chín tháng rồi liền sinh nam, nữ. Như thế là sinh rồi hoặc có một loại, sẽ vào lúc ấy thọ mạng hết, yếu mạng.

Lại có một loại, cho đến thọ mạng trụ, ứng phó để sống còn. Hoặc phần vị khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc thọ có sai biệt. Tâm, các tâm pháp, đều là đổi thay mới mẻ, không phải là xưa cũ.

Lại nữa, lược có hai thứ tự khen ngợi mình, chê bai kẻ khác. Nghĩa là chỉ ngôn ngữ cùng thuyết pháp hành chân chánh.

Nếu chỉ là ngôn ngữ mà tự xưng tán, chê bai kẻ khác: Người kia chỉ do nơi pháp không phải bậc Thiện sĩ, vây buộc nơi tâm. Đó gọi là tự hủy báng, không phải là hiền thiện thù thắng.

Nếu do thuyết pháp hành chánh hành: Tuy không khen, chê, nhưng là tự khen ngợi, chê bai kẻ khác đích thực.

Lại, chư Như Lai tuyên thuyết chánh pháp, mau chóng có thể diệt trừ hai thứ vô trí. Nghĩa là nghe pháp không chân chánh, sinh thắng giải, cùng trong thời gian dài tích tập vô trí kiên cố, cùng không phải quen gần lâu sinh vô trí.

Lại do “câu sinh” không thể nhận biết rõ đường đi đến nẻo thiện, cùng không nhận biết rõ có thể đi tới đạo Niết-bàn của hiện pháp.

Lại nữa, nên biết có mười một thứ tướng, gồm thấu chung các hành lập làm hành tụ. Nên biết nghĩa của tụ là nghĩa của uẩn.

Lại, do hoàn toàn là sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm nên kiến lập thủ uẩn. Nên biết thủ uẩn chỉ là hữu lậu.

Lại, do hai sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm, thanh tịnh nên kiến lập uẩn chung, nên biết uẩn ấy là chung cho hữu lậu, vô lậu.

Lại, do ba tướng, nên ở trong các hành, phiền não sinh khởi:

- (1) Chỗ dựa.
- (2) Đối tượng duyên.
- (3) Trợ bạn.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Thiếu dục tự tánh cùng ký ba
Tợ chánh pháp nghi xứ sở si
Không khởi biến hoại, Đại sư ký
Ba kiến đủ ngoài và tướng ngu.*

Do ba thứ tướng, nên tâm của Như Lai hội nhập trong trụ thiếu dục:

- (1) Do bấy giờ sự hóa độ rất ráo, vì muốn an trụ nơi hiện pháp lạc trụ.
- (2) Do đệ tử đối với môn chánh hành có thể chán bỏ sâu xa.
- (3) Vì hóa độ, dẫn dắt nên thường vui thích tạo tác nhiều sự việc nơi hữu tình được giáo hóa.

Lại, như trước đã nói, tất cả nhân duyên khiến Đức Như Lai nhập nơi thiên trụ tịch tĩnh. Nên biết ở đây cũng lại như thế.

Lại nữa, các đối tượng được hóa độ, lược có ba thứ tánh đã điều phục:

- (1) Tánh ngu si phóng dật.
- (2) Tánh của tâm hết sức thấp kém.
- (3) Tánh có thể tu tập hành chân chánh.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên ở nơi bốn xứ sở, sinh cung kính trụ, mau chóng chứng đạt vô thượng:

- (1) Đối với chỗ nên chứng đắc, sinh khởi sự mong muốn mãnh liệt.

(2) Đối với phương tiện đạt được pháp tùy pháp hành, sinh yêu thích mãnh liệt.

(3) Đối với trụ xứ của bậc Đại sư, sinh yêu kính mãnh liệt.

(4) Đối với pháp được thuyết giảng, sinh tịnh tín mãnh liệt.

Lại nữa, có ba thứ vô thượng:

(1) Trí diệu vô thượng.

(2) Hành chân chánh vô thượng.

(3) Giải thoát vô thượng.

Trí diệu vô thượng: Là trí tận, trí vô sinh, trí chánh kiến vô học.

Hành chân chánh vô thượng: Là lạc tốc thông hành.

Giải thoát vô thượng: Tức là giải thoát tâm không động.

Nên biết ở đây là nói chung về trí đoạn nơi hiện pháp lạc trụ. Trí diệu hữu học, hành chánh, giải thoát, không gọi là vô thượng, cũng như hữu thượng. Nên biết tất cả hành của A-la-hán đều được gọi là “Lạc tốc thông hành”. Hết thầy mọi thứ thô trọng đều vĩnh viễn biệt. Hết thầy việc cần làm đã làm xong.

Lại nữa, dựa nơi Bồ-đề phần để lựa chọn các hành, nên ở trong hai thời, do bốn thứ tướng, đã nhận biết khắp đúng như thật về Tát-ca-da-kiến. Tức ở trong hai thời không gián đoạn chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Thế nào là hai thời? Đó là:

(1) Tại địa phàm phu.

(2) Tại địa kiến.

Thế nào là do bốn thứ tướng? Tức:

(1) Do tự tánh.

(2) Do xứ sở.

(3) Do đẳng khởi.

(4) Do quả.

Do tự tánh: Nghĩa là tự tánh của các hành, tức Tát-ca-da-kiến cùng năm thứ hành, kể kia chấp là ngã hoặc là ngã sở.

Do xứ sở: Tức là cảnh của đối tượng duyên.

Do đẳng khởi: Nghĩa là vô minh thuộc về kiến thủ, tiếp xúc sinh thọ làm duyên cho ái. Đây lại có năm duyên khởi theo thứ lớp. Nghĩa là, vô sở tánh của giới làm duyên, sinh vô sở tánh của xúc. Vô sở tánh của xúc làm duyên, sinh vô sở tánh của thọ. Vô sở tánh của thọ làm duyên, sinh vô sở tánh của ái. Vô sở tánh của ái làm duyên, sinh vô sở tánh của thủ.

Phàm là duyên sinh, thể tất là vô thường.

Do quả: Nghĩa là nơi ba thời, Tát-ca-da-kiến đều có thể làm chương ngại:

(1) Thời dựa nơi vô ngã xét kỹ về pháp nhãn.

(2) Thời hiện quán.

(3) Thời chứng đắc A-la-hán.

Ở đây, thời một, do sức tăng thượng của Tát-ca-da-kiến nơi tùy miên kia, nên có hoặc có nghi. Do tu tập nhiều, quán xét kỹ về pháp nhãn làm nhân duyên, nên tuy đối với nghi, hoặc ít có thể trừ bỏ hẳn, nhưng nơi sự tu tập, lúc hiện quán để, do ý lạc nên e sợ đối với Niết-bàn, ngã sẽ không có.

Do sức tăng thượng của tùy miên Tát-ca-da-kiến này, nên ở trong các hành khởi phân biệt tà vạy, tức cho ngã sẽ đoạn, sẽ hoại, sẽ không, nên đối với Niết-bàn phát sinh kiến đoạn cùng kiến vô hữu. Do nhân duyên này, nên đối với Bát Niết-bàn, tâm kia thoái lui, không vui thích hưởng nhập.

Kẻ kia, vào thời khác, tuy từ lỗi lầm ấy, tịnh tu nơi tâm, lại đối với Thánh đế đã được hiện đế, nhưng cho ta là có thể chứng đế hiện đế. Kẻ kia, nơi mạn này, do tùy miên nên chưa có thể lia. Lại thường xuyên gián đoạn do quên niệm, nên quán ngã khởi mạn, nhân nơi triển mạn này có sai biệt mà chuyển, cho ta là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Trong hai phần vị trước, do sức của tùy miên nên có thể tạo ra chướng ngại. Đối với phần vị thứ ba, do sức của tập khí nên có thể tạo ra chướng ngại. Lại do ba duyên nên các hành sinh trưởng:

- (1) Do sức của nghiệp phiền não nơi đời trước.
- (2) Do sức của nguyện.
- (3) Do sức của các nhân duyên hiện tại.

Đối với địa phạm phu có thể nhận biết khắp, nên ở trong địa kiến, không gián đoạn, có thể chứng đắc các lậu vốn do kiến đạo đoạn trừ đã vĩnh viễn dứt hết. Ở trong địa kiến có thể nhận biết khắp nên tiếp theo là đoạn trừ các kiết còn lại, đắc A-la-hán, nối tiếp chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt sạch.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên ở trong các hành, hỷ, ghi như lý. Những gì là năm? Đó là:

- (1) Tự tánh.
- (2) Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt.
- (3) Hoàn diệt.
- (4) Lưu chuyển.
- (5) Phương tiện của lưu chuyển, hoàn diệt.

Tự tánh: Nên biết là tự tánh của năm thứ như sắc v.v...

Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt: Nghĩa là dục. Do pháp thiện dục, cho đến có thể chứng đắc các lậu hoàn toàn dứt sạch. Thế nên dục này gọi là căn bản của hoàn diệt. Nếu do dục ấy, nguyện ta sẽ

được loại thấp trong nẻo người, cho đến sẽ sinh trong chúng đồng phận của cõi trời Phạm Chúng. Do nơi tâm ấy, thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên được sinh lên cõi kia. Vì thế, dục này gọi là căn bản của lưu chuyển.

Hoàn diệt: Ở trong các hành, chính là dục tham thủ được đoạn dứt. Nếu tức các hành là tánh của thủ, nên không thể diệt, do A-la-hán cũng còn có các hành hiện có thể đạt được. Hoặc khác với các hành có tánh của thủ, nên là vô vi, vô vi nên thường, cũng không thể diệt. Do đó, tánh của thủ chỉ thuộc về một phần của các hành, tức một phần này đã được đoạn dứt, rốt ráo không hành nên có thể hoàn diệt.

Lưu chuyển: Lại có ba thứ:

- (1) Nhân của hữu sau.
- (2) Phẩm loại khác biệt.
- (3) Nhân của hiện tại.

Nhân của hữu sau: Nghĩa là như có một hữu tình nguyện mong muốn tạo các nghiệp nơi vị lai. Kẻ ấy khởi niệm: Nguyện cho ta đời sau sẽ thành tựu hành ấy. Do nhân duyên này nên có thể dẫn phát nhân sinh các hành của hữu sau, không dẫn nơi hiện tại. Kẻ kia, đối với hiện tại không thể dẫn, nên thiết lập các hành chỉ có hai loại.

Phẩm loại khác biệt: Là phẩm loại của các hành có mười một thứ, như trước đã nói, nên biết.

Nhân của hiện tại: Tức bốn đại chủng là nhân của sắc được tạo. Tâm pháp như thọ v.v..., do xúc làm duyên. Các thức hiện có, danh sắc làm duyên.

Phương tiện của lưu chuyển: Nghĩa là Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, nên ở trong các hành phát sinh ngã mạn, cùng các ái vị nơi ngã kiến, ngã sở kiến.

Phương tiện của hoàn diệt: Tức là đối với các hành, xa lia ngã mạn, cùng lỗi lầm của kiến, và nẻo xuất ly là không có ngã, ngã sở.

Lại, phương tiện của lưu chuyển, là phàm vô minh, ái, theo chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Phương tiện của hoàn diệt: Là sự đối trị các thứ kia.

Lại do hai duyên, nên các đệ tử Thanh văn không thông tuệ, trái vượt giáo pháp của bậc Đại sư, rơi vào trong ác kiến, hoặc dấy khởi ngôn thuyết. Những gì là hai duyên? Đó là:

- (1) Ngu đối với thế tục đế.
- (2) Ngu đối với thắng nghĩa đế.

Do ngu này nên trái vượt hoàn toàn với lý của thế tục đế, cùng trái vượt hoàn toàn với lý của thắng nghĩa đế, nơi hành lưu chuyển tư duy không đúng đắn.

Lại nữa, nơi ba thứ xứ, chỉ là các Thánh giả, theo chỗ vui thích, có thể ghi nhận đúng như thật, không phải là các phàm phu, trừ việc theo kẻ khác lắng nghe. Nghĩa là trong các hành, ngã kiến, ngã sở kiến về ngã không như thật. Nếu pháp kia làm chỗ dựa, có ngã mạn chuyển thì các thứ kia tuy đã đoạn, nhưng hết thảy ngã mạn ấy chưa đoạn. Nếu không khởi, dựa, ngã mạn không bị đoạn như đã hiện hành. Nên biết ở đây có hai thứ ngã mạn:

- (1) Đối với các hành chấp trước hiện hành.
- (2) Do mất niệm nên đột nhiên hiện hành.

Trong ấy, ngã mạn chấp trước hiện hành, Thánh giả đã đoạn, không hiện hành nữa. Ngã mạn thứ hai do tùy miên, nên tuy Tát-ca-da-kiến đã lại vĩnh viễn đoạn trừ, vì đối với Thánh đạo chưa khéo tu tập, nên vẫn còn khởi hiện hành. Tát-ca-da-kiến chỉ có tập khí là luôn gắn chặt, vào lúc mất niệm, có thể cùng với ngã mạn làm chỗ nương

dựa, nên tạm hiện hành. Do đó, mạn này cũng gọi là chưa đoạn cũng được hiện hành.

Lại, các Thánh giả, nếu đối với các hành, tư duy về tự tướng, hãy còn khiến cho ngã mạn không hiện hành trở lại, hướng chi là còn quán xét về cộng tướng. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, trụ nơi chánh niệm, cũng khiến cho ngã mạn không được hiện hành. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, không trụ nơi chánh niệm, bấy giờ ngã mạn liền được hiện hành. Hoặc các phạm phu, tuy đối với các hành, tư duy về cộng tướng, hãy còn bị ngã mạn loạn tâm tương tục, hướng hồ là trụ nơi phần vị khác.

Lại, Tát-ca-da-kiến, trong sự nối tiếp của bậc Thánh, tuy tùy miên cùng triền đều đã đoạn dứt hết, nhưng ở trong quả vị hữu học, do tập khí gắn chặt, nên chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ. Hoặc các tùy miên và triền của ngã mạn đều chưa có thể đoạn trừ. Lại chấp về ngã dục, nên biết tức là thuộc về triền của ngã mạn. Vì sao? Vì do mất niệm, nên đối với dục, đối với định đã bị các thứ ái vị làm cho chìm nổi, dựa nơi môn dục ấy, các triền của ngã mạn thường xuyên hiện khởi.

Nói chưa đoạn: Là do nơi tùy miên. Nói chưa nhận biết khắp là do nơi triền. Hành giả kia, bấy giờ có quên niệm.

Nói chưa diệt: Là tuy đối với triền ấy tạm được xa lìa, liền lại hiện hành.

Nói chưa loại bỏ hẳn: Là do tùy miên kia chưa vĩnh viễn nhổ sạch.

Lại nữa, bậc đồng phạm hạnh, đối với trụ xứ của bậc đồng phạm hạnh khác, lược có hai thứ thăm hỏi:

- (1) Hỏi về bệnh khổ.
- (2) Hỏi về an lạc.

Các loại thăm hỏi với những ngôn từ sai biệt, như nơi Địa Thanh văn, trong phần nói về ăn uống cần biết về lượng đã giải thích. Nên biết hỏi ấy ở trong bốn phân vị:

- (1) Phần bên trong bị bức não.
- (2) Phần bên ngoài bị bức não.
- (3) Phần trụ về đêm.
- (4) Phần trụ về ngày.

Lại nữa, như có thuyết nói, các A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hoặc thuận không thuận, không nhận biết như thật.

Nói A-la-hán không thuận là không thuận nơi phân biệt hư vọng không như lý, không phải A-la-hán không thuận nơi hiện pháp. Vì sao? Vì A-la-hán ấy, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hiện có thể thấy. Do nhân duyên ấy, các A-la-hán, đối với trường hợp sau diệt độ nọ, không thuận các hành, không rõ về chấp trước. Do đó, Đức Thế Tôn nói A-la-hán là kẻ không thuận, nhất định là mật ngữ. Nên biết đây là kiến tợ chánh pháp. Do uy lực của hai thứ nghĩa làm duyên, các vị đồng phạm hạnh hoặc Đại Thanh văn, vì nhằm đoạn dứt chỗ sinh khởi “kiến tợ chánh pháp” như thế, đã tạo công dụng hết mực, cho khiến người kia hoặc tự nêu bày, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Do nhân duyên ấy, sẽ bị đọa vào nẻo thấp kém nhất. Hoặc do ái kính Thánh giáo của Như Lai, chớ nhân nơi “kiến tợ chánh pháp” như thế, khiến Thánh giáo của Phật mau chóng bị mai một.

Lại có hai nhân, có thể sinh khởi “kiến tợ chánh pháp” như thế:

- (1) Bên trong, Tát-ca-da-kiến chưa có thể vĩnh viễn đoạn trừ.
- (2) Dựa vào đấy, vọng chấp về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt.

Vì để đoạn trừ hai thứ nhân như thế, nên nói hai chánh pháp dùng làm đối trị. Nghĩa là đối với các hành thứ lớp tuyên thuyết về

vô thường, vô ngã. Ở trong bốn trường hợp suy cầu về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt đều không thể thủ đắc. Tức dựa nơi hữu vi, hoặc dựa nơi vô vi, ngã của Thanh văn, Độc giác, Phật, Thế Tôn gọi là Như Lai. Nên biết ngã này có hai thứ giả lập: Trong hữu dư y giả lập hữu vi, trong vô dư y, giả lập vô vi.

Nếu dựa nơi thắng nghĩa phi hữu vi, phi vô vi, cũng phi vô vi, phi hữu vi. Do nêu bày giáo pháp chân chánh như thế, nên đối với sáu thứ tướng giác ngộ lúc sinh khởi, nên biết đã đoạn trừ vĩnh viễn “kiến tợ chánh pháp”. Nghĩa là A-la-hán đối với pháp diệt hoại thuộc về chỗ dựa, nên giác ngộ về vô thường. Ở trong hiện pháp, là các thứ khổ như già, bệnh v.v..., nên giác ngộ là khổ. Đối với nẻo diệt tự nhiên nơi cõi đoạn, cõi lìa cùng với cõi diệt, giác ngộ là diệt, tịch tĩnh, trong mát cùng vĩnh viễn vắng bật. Nếu gồm đủ sự giác ngộ chân chánh như thế, là A-la-hán. Tăng thượng mạn tà vạy cùng hành với vọng tưởng hãy còn không thể có, hưởng hồ là đối với trường hợp sau diệt độ kia, hý luận chấp trước hoặc thuận, không thuận. Nên biết chưa đoạn trừ Tát-ca-da-kiến, có hai lỗi lầm tai họa:

(1) Đối với các hành có khổ, có thể nào hại, đã chấp ngã, ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên có thể chiêu cảm khổ não lớn của sinh tử lưu chuyển.

(2) Đối với hiện pháp, có thể gây chướng ngại cho mạng căn của Thánh tuệ vô thượng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, đối với xứ sở của hai thứ pháp luật thuộc nội giáo, đã ngu si nghi hoặc. Những gì là hai? Đó là, Đức Phật, Thế Tôn đã bác bỏ kiến chấp hữu kiến và vô kiến, nhưng đối với đệ tử, sau khi qua đời, ghi một có sinh, ghi một không sinh. Lại nói về ngã thường trụ của thắng nghĩa, hiện pháp, đương lai đều không thể thủ đắc. Đời có ba sự hiện có thể đạt được:

(1) Thường luận.

(2) Đoạn luận.

(3) Như Lai.

Nghi hoặc này có hai thứ nhân: Nên biết như trước nói về “kiến tợ chánh pháp”, có hai thứ giáo pháp có thể đoạn trừ nhân ấy, cũng như trước nói do hai nhân duyên, tức ở đây nói về tánh của pháp vô ngã. Các ngoại đạo kia khó nhập, khó rõ, nghĩa là tự tánh này khó nhận biết rõ, nên tuy tướng mạo ấy dễ có thể nhận biết rõ, nhưng tướng mạo kia không tương tợ. Nên biết ở đây, nghĩa không hư dối, nghĩa tự chứng đắc, là nghĩa không chung. Tự tánh kia khó có thể ngộ nhập, tức thể của tự tánh ấy là rất sâu xa, giống như rất sâu xa hiện bày, thế nên gọi là nghĩa không hư dối.

Lại, tự tánh ấy, nơi bên trong khó thấy. Từ ngôn âm của kẻ khác cũng khó nhận biết rõ, do đó gọi là nghĩa tự chứng đắc.

Lại, tự tánh ấy không phải là đối tượng tầm tư của kẻ tầm tư, không phải là cảnh giới nơi đối tượng hành của người suy lường, vì thế nên gọi là nghĩa không chung.

Lại, tức pháp vi diệu này là chỗ chứng đắc từ bên trong của bậc trí thông sáng, xét kỹ, nên gọi là khó rõ. Các thứ sai biệt ở đây, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nói. Do hai thứ tướng, nên tất cả nghĩa Như Lai đã thuyết giảng, trí đều nên nhận biết rõ. Những gì là hai? Đó là:

(1) Trí giáo.

(2) Trí chứng.

Trí giáo: Là tuệ do văn tư tu tạo thành của các phàm phu.

Trí chứng: Là tuệ của bậc hữu học, vô học, cùng các tuệ thế gian đạt được về sau.

Ở đây, hàng phàm phu không phải đối với tất cả nghĩa do Phật thuyết giảng, đều có thể nhận biết rõ. Cũng không phải đối với mạn

xét biết là mạn, lại chưa có thể đoạn trừ. Hoặc các vị hữu học không phải ở trong tất cả nghĩa của ngã kiến đều không nhận biết rõ, lại có thể đối với mạn xét biết là mạn, mà chưa có thể đoạn. Hoặc các bậc vô học có thể tạo tác tất cả.

Lại nữa, chư Phật, Như Lai, đối với thế tục để cùng thắng nghĩa để đều nhận biết đúng như thật, chánh quán nơi hai thứ kia, theo đạo lý không nên ký biệt. Nếu ký biệt, có thể dẫn đến vô nghĩa. Không ký biệt cũng không chấp trước, nghĩa là đối với trường hợp “sau diệt độ”, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, phi có phi không. Nếu đối với trí kiến như thế của Như Lai, là trước không ghi. Nghĩa là kẻ vô trí, nên biết là tự hiển bày vọng kiến cùng hành với tánh vô trí.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ biến hoại:

(1) Biến hoại của các hành già cõi, suy kém. Nghĩa là như có một hữu tình sống đến 120 tuổi nên hình tướng suy yếu. Do nhân duyên ấy, nên gọi là thân già bệnh.

(2) Biến hoại của tâm sâu não: Do nhân duyên này nên gọi là tâm giả định.

Biến hoại thứ nhất, hoặc ngu hoặc trí đều ở trong ấy, không theo sự mong muốn của mình. Biến hoại thứ hai, người trí ở trong đó có thể tùy theo chỗ mong muốn của mình, không phải là các kẻ ngu.

Lại, các kẻ ngu, nếu thân già bệnh, nên biết tâm của họ nhất định cũng thuận theo sự già bệnh ấy. Còn người có trí, thân tuy già bệnh nhưng tâm tự tại, không tùy theo già bệnh. Đó gọi là ở đây, ngu trí có sai biệt.

Lại nữa, khéo nhận lấy pháp là do văn, tư, khéo tư duy là do tu tuệ, khéo hiển bày rõ là như tánh hiện có, khéo thông tỏ là trọn hết tánh hiện có, do hai thứ tướng, nên các Thánh đệ tử có thể thỉnh vấn

đúng dẫn bậc Đại sư khéo thọ ký, nghĩa là đối với các thủ, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp. Những gì là hai tướng? Đó là:

(1) Đối với các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.

(2) Vì các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.

Nên biết ở đây, đối với tất cả hành, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp, đó là Đức Như Lai.

Lại, các thủ này, nếu chưa đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ lỗi làm tai họa. Nếu đã đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ công đức:

(1) Ở trong các hành sinh khởi các hành thủ, nếu biến hoại liên sinh sâu nã v.v... Nên biết đó gọi là lỗi làm tai họa thứ nhất nơi các hành đã được tạo tác bị biến hoại.

(2) Ở trong các hành đã sinh khởi các thủ, vì được, chưa được các hành hợp ý, nên vào lúc truy cầu, hành rộng không phải một mà là rất nhiều thứ bất thiện sai biệt. Do sự truy cầu hành bất thiện ấy, nên trụ nơi bốn thứ khổ: Một là: Gần gũi với chỗ khởi sắp hiện tiền. Hai là: Hiện ở nơi chỗ khởi đang hiện tiền. Ba là: Chỗ khởi do sự bức bách tăng thượng của kẻ khác. Bốn là: Chỗ khởi do tạp nhiễm tăng thượng của chính mình. Nên biết đó gọi là lỗi làm tai họa thứ hai.

(3) Tức do pháp ác bất thiện như thế, ái tập làm nhân, nên sau khi thân hoại mạng chung, phải đi đến các nẻo ác. Nên biết đó gọi là lỗi làm tai họa thứ ba.

Cùng với đây trái nhau, là ba thứ công đức thắng lợi đối với các thủ được đoạn trừ theo Quán, như chỗ ứng hợp nên biết.

Lại nữa, nên biết lược có ba thứ Thánh giả, ba kiến viên mãn nên có thể vượt khỏi ba khổ.

Thế nào gọi là ba thứ Thánh giả? Đó là:

(1) Chánh kiến đầy đủ. Nghĩa là phân vị phạm phu đối với pháp không điên đảo, vô ngã nhận, trụ.

(2) Đã thấy Thánh đế. Đã có thể hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đã nhập hiện quán, đã đạt đến quả, trụ nơi bậc hữu học.

(3) Đã chứng đắc quả A-la-hán bậc nhất, rốt ráo sau cùng, trụ nơi quả vị vô học.

Thế nào gọi là ba kiến viên mãn? Tức:

(1) Kiến viên mãn của Thánh giả thứ nhất tùy thuận nơi vô lậu, hữu lậu.

(2) Kiến viên mãn của vô lậu chưa khéo thanh tịnh.

(3) Kiến viên mãn của vô lậu khéo thanh tịnh.

Ba viên mãn này dựa nơi ba thứ hữu tình đã nêu, theo thứ lớp như trước nên biết.

Thế nào gọi là vượt qua ba thứ khổ? Nghĩa là kiến viên mãn thứ nhất có thể vượt qua ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sinh khởi các khổ.

Kiến viên mãn thứ hai, có thể vượt khỏi các khổ của tất cả nẻo ác.

Kiến viên mãn thứ ba, có thể vượt khỏi tất cả các khổ của hữu sau.

Ở đây, thế nào gọi là ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sinh ra các khổ? Nghĩa là, ngoài chánh pháp Tỳ-nại-da này, vô số dị đạo hiện có nơi thế gian đều do Tát-ca-da-kiến làm căn bản, sinh khởi hết thảy kiến thú điên đảo. Như thế, tất cả được gọi chung là ngã kiến. Nghĩa là luận về ngã, luận về ngã tương ưng với hết thảy kiến thú. Hoặc tất cả thường luận. Hoặc một phần thường luận. Hoặc luận không nhân. Hoặc luận về biên vô biên. Hoặc luận đoạn diệt. Hoặc luận hiện pháp

Niết-bàn, luận ấy tương ưng với hết thầy kiến thú. Hoặc luận về hữu tình, luận ấy tương ưng với tất cả kiến thú. Nghĩa là các tà kiến bác bỏ cho không có tất cả hữu tình hóa sinh, phi báng đời khác. Hoặc luận về mạng, luận ấy tương ưng với hết thầy kiến thú. Tức luận về mạng, cho mạng là thân hoặc khác với thân v.v... Hoặc luận cát tường, luận ấy tương ưng với hết thầy kiến thú. Nghĩa là vô số tà kiến như bói toán, bói cỏ thi, lịch số v.v... vọng cho tụng chú, thờ cúng lửa v.v... sẽ đạt được cảnh giới khả ái, có thể sinh an lành, có thể đoạn trừ vô nghĩa. Lại cho xem tướng là lành, không lành. Các thứ kia lại là thế nào? Nghĩa là hai mươi trường hợp Tát-ca-da-kiến làm chỗ nương dựa, phát khởi sáu mươi hai thứ kiến thú ác, chấp về biên vực trước, sau v.v..., cùng khởi tất cả tà kiến hủy báng chung.

Thế nào là tranh chống sinh khởi các khổ? Nghĩa là ngã kiến kia lần lượt thấy dục trái nhau, cùng dấy tranh luận, phát khởi vô số khổ của tâm sâu não, khổ của ái sâu được cất giữ, khổ do hơn kém cùng đối nhau, khổ của chấp trước sâu dày. Nên biết ở đây, nếu kẻ khác hơn mình liền sinh sâu não. Đó gọi là khổ thứ nhất. Nếu hơn kẻ khác, bèn tạo phương tiện, khiến phẩm kiến của mình lại càng tăng thịnh, khiến phẩm kiến của kẻ khác lại dần ẩn mất, chỉ có ngã kiến là tịnh, không phải các kiến khác. Tà kiến chấp trước, khởi yêu giữ sâu xa, do nhân duyên này, nên phát sinh vô số tâm tư bất chánh cùng khởi vô số ý không tịch tĩnh, tổn hại nơi tâm, gọi là khổ thứ hai. Do sức tăng thượng của tà kiến yêu giữ, nên lấy kẻ khác so sánh với mình, cho mình là hơn hoặc bằng hoặc thua. Nhân nơi việc tự đề cao, khinh miệt kẻ khác. Đó gọi là khổ do hơn kém cùng đối nhau, là khổ thứ ba.

Kẻ kia dựa nơi đây nên truy cầu lợi dưỡng, tức là truy cầu chỗ tiếp xúc của khổ, phạm có chỗ tạo tác đều là não loạn.

Luận vấn nạn kẻ khác cùng với tự luận nhằm thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác. Đó gọi là khổ thứ tư: Khổ chấp trước sâu, chặt.

Bốn thứ như thế gọi là kiến tranh chống sinh khởi các khổ.

Phàm phu của nội pháp an trụ nơi thắng giải vô ngã phẩm thượng, nên biết là đã đoạn trừ các khổ như thế. Vì sao? Vì các kẻ kia, đối với vị lai, do ý lạc, nên ở nơi các kiến thứ ác như vậy đều có thể gắng trừ diệt hết. Do đó, hoặc trụ nơi kiến viên mãn thứ nhất, có thể vượt khỏi khổ thứ nhất. Lại, tức dựa nơi kiến viên mãn thứ nhất ấy, thân cận tu tập, tu tập rất nhiều, đối với các hành bên trong phát sinh pháp trí. Nơi các thứ không hiện thấy phát sinh loại trí. Gồm thân chung làm một trụ, do không duyên nơi trí khác mà nhập hiện quán. Nghĩa là do hành vô thường, hoặc tùy một hành khác, người kia bấy giờ có thể tùy thuận chứng đắc kiến viên mãn thứ hai, cũng có thể vượt khỏi khổ thứ hai. Người kia trụ ở đây rồi, như trước đã được bảy pháp giác phần, gần gũi tu tập, tu tập rất nhiều, tức có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như nghiệp đã nói ở trước, có thể tùy thuận chứng đắc kiến viên mãn thứ ba, vượt khỏi khổ của hữu sau.

Ở đây, hữu tình thứ nhất cũng còn lại hai khổ, cùng thân khổ là chỗ dựa của tàn dư nơi hiện tại. Hữu tình thứ hai chỉ còn lại một khổ cùng thân khổ là chỗ dựa. Hữu tình thứ ba, hết thân khổ đều dứt, chỉ dựa nơi thân khổ tạm thời còn lại, ví như huyễn hóa.

Lại, dựa nơi Tát-ca-da-kiến phân biệt, lập hai mươi câu (trường hợp), không dựa nơi câu sinh.

Lại, nội pháp không hành như thế, mà dựa nơi định biến xứ. Nghĩa là địa là ngã, ngã tức là địa, cho đến nói rộng, tất cả nên biết.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, lược có năm thứ tướng của kẻ ngu tối. Do các tướng ấy, nên rơi vào số lượng của kẻ ngu:

(1) Các ngoại đạo thuộc tánh thông tuệ, hãy còn không tránh khỏi việc ôm giữ kiêu mạn về thông tuệ, hưởng chi là kẻ không thông tuệ. Đó gọi là tướng thứ nhất của kẻ ngu.

(2) Lại, các ngoại đạo phân nhiều vì tham cầu lợi dưỡng, sự cung kính, nên tự tán thán, chê bai kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ hai của kẻ ngu.

(3) Lại, các ngoại đạo, nếu các bậc Thánh vì họ thuyết giảng chánh pháp, chánh giáo cùng những khuyên răn chánh đáng, tức liền chống trái, hủy báng. Đó gọi là tướng thứ ba của kẻ ngu.

(4) Lại, các ngoại đạo vui thích tự nêu bày luận tợ chánh pháp, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ tư của kẻ ngu.

(5) Lại, các ngoại đạo, tuy được Như Lai, đệ tử của Như Lai hàng phục, cũng nhận biết pháp - luật do Như Lai giảng nói là chân thiện, nhận biết pháp - luật của mình là vọng ác, nhưng do sức tăng thượng của ngã mạn, nên đều không tin, nhận, cho đến không tích tập nhân duyên quán xét. Đó gọi là tướng thứ năm của kẻ ngu.

Lại nữa, Đức Như Lai thành tựu sáu phần, được gọi là Sư tử vương của luận vô gián. Những gì là sáu? Nghĩa là đầu tiên đi đến trụ xứ của ngoại đạo địch luận, cho đến tự ý đưa ra câu hỏi về tất cả nghĩa. Phạm chỗ dấy khởi luận không phải vì tranh luận. Chỉ trừ do thương xót các hữu tình, kẻ chưa tin khiến sinh tin, kẻ nếu đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng.

Lại, khi dấy khởi luận, các căn tịch tĩnh, hình sắc không đổi, cũng không sợ hãi vì tập khí theo đuổi, lại chung cuộc không bị chur thiên, thế gian vượt hơn, chế phục. Hết thấy luận giả vô địch của thế gian nếu có thể vượt qua, chỉ bằng một lần, thì chỉ nói một lần, đều có thể hàng phục.

Lại, các vị rất thông tuệ của thế gian, đạt vô úy hết mực, nếu lúc cùng với Đức Như Lai khởi luận, thì mọi biện tài hiện có thấy đều trở nên lúng túng, gượng ép, sợ hãi tăng thêm, thân tâm bị bức bách, các thứ thủ thuật hư trá nơi ngôn luận đều không thể nêu đặt.

Lại, tất cả đại chúng trong cùng một xứ hội tọa, đều ở nơi chỗ Phật dấy khởi tâm thẳng kẻ khác, nên đối với địch luận của ngoại đạo kia đều dấy khởi tâm thẳng kẻ khác.

Lại, Đức Phật Thế Tôn, ngôn từ biện giải luôn có uy lực, nghiêm túc, còn kẻ địch luận thì ngôn từ xuất phát không có uy lực, nghiêm túc.

Lại nữa, có hai thứ luận. Đó là:

(1) Luận hữu ngã.

(2) Luận vô ngã.

Luận vô ngã có lực, luận hữu ngã không lực. Luận hữu ngã thường bị luận vô ngã hàng phục, chỉ trừ khi luận giả uy lực yếu kém.

Thế nào gọi là luận hữu ngã? Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến như thế, lập luận như thế, đối với hành như sắc v.v... kiến lập làm ngã. Tức là ngã có hành, hành là ngã sở, ngã ở trong hành không trôi không tan, theo khắp chi tiết, không nơi nào là không đến. Thế nên, các hành như sắc v.v... tánh là ngã. Dựa nơi ruộng của các hành, sinh phước phi phước, nhân đầy lãnh nhận quả ái chẳng ái. Ví như nông phu, dựa vào ruộng tốt để thực hiện các công việc nhà nông, cùng trồng trọt các thứ cỏ thuốc, cây cối. Đó gọi là luận hữu ngã.

Thế nào gọi là luận vô ngã? Nghĩa là có hai loại:

(1) Luận phá ngã.

(2) Luận lập vô ngã.

Luận phá ngã: Nếu cho thật ngã có thể có tác dụng, ở trong các nghiệp của quả ái, phi ái được tự tại, thì ngã này lúc nào cũng thích lạc, chán khổ. Do đó, ngã này chỉ nên sinh phước, không sinh phi phước. Lại, tác dụng của ngã thường hiện tiền nơi các hành trong ngoài. Nếu lúc biến hoại, không nên phát sinh sầu ưu buồn than. Lại, ngã là thường, do nhận biết làm trước. Phạm chỗ sinh khởi, luôn nên

tùy chuyển, không có biến đổi. Nhưng đều không thể đạt được. Như thế gọi là luận phá hữu ngã.

Luận lập vô ngã: Do tất cả hành từ các duyên sinh, nếu gặp duyên phước thì phước liền sinh khởi. Cùng với đấy trái nhau là sinh khởi phi phước. Do đây làm duyên, nên có thể chiêu cảm tất cả quả ái phi ái. Dựa nơi các duyên nên đều là vô thường, chỉ ở nơi các hành lưu chuyển thuộc về nhân quả như thế, giả lập ngã v.v... Nếu dựa nơi thắng nghĩa thì tất cả các pháp đều là vô ngã. Như vậy gọi là luận lập vô ngã.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên hai loại hữu học, vô học có sai biệt. Nghĩa là các vị vô học đã thành tựu trí gọi là vô thượng. Hết thầy vị hữu học đã thành tựu trí, gọi là hữu thượng. Như trí vô thượng, nên biết hành chân chánh cùng với giải thoát vô thượng cũng vậy.

Lại, các vị vô học, dùng tuệ nhãn của các Thánh hoàn toàn thanh tịnh quán xét về pháp thân của Phật. Chư vị hữu học thì không thể như thế.

Lại, chư vị vô học, dùng hành không điên đảo khéo viên mãn để phụng sự Như Lai. Các vị hữu học thì không như thế. Đó gọi năm tướng.

HẾT - QUYỂN 88

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYÊN 89

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ HAI:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ. Đoạn 1:

Như thế là đã nói về Lựa chọn gồm thâu về hành. Lựa chọn gồm thâu về xứ nay sẽ nói. Tụng tổng quát nêu:

*Đầu an lập đẳng trí đồng bậc
Sau cùng nên biết là lìa dục.*

Tụng riêng nêu:

*An lập cùng sai biệt
Ngu, chẳng ngu, dạy trao
Giải thoát phiền não nghiệp
Đều nói rộng, nên biết.*

Do năm thứ tướng, nên biết an lập các thọ có sai biệt:

- (1) Tự tánh.
- (2) Chỗ dựa.
- (3) Đối tượng duyên.
- (4) Trợ bạn.
- (5) Tùy chuyển.

Tự tánh: Nghĩa là có ba thọ: (1) Khổ. (2) Lạc. (3) Không khổ không lạc.

Chỗ dựa: Tức có sáu thứ, là nhân nhĩ tử thiết thân và ý.

Đôi tượng duyên: Là sáu cảnh giới của đôi tượng duyên như sắc v.v...

Trợ bạn: Nghĩa là tướng, tư, hoặc tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký khác, cùng với đây tương ưng.

Tùy chuyên: Là tâm tương ưng ấy, do dựa nơi pháp kia, nên ba thọ tùy chuyên. Pháp kia là nơi chốn nương dựa đồng sinh đồng diệt của các thọ.

Lại nữa, năm tướng như thế đã an lập các thọ, nên biết lại có tám thứ sai biệt:

- (1) Sai biệt về nội xứ.
- (2) Sai biệt về ngoại xứ.
- (3) Sai biệt của sáu thức thân.
- (4) Sai biệt của sáu xúc thân.
- (5) Sai biệt của sáu thọ thân.
- (6) Sai biệt của sáu tướng thân.
- (7) Sai biệt của sáu tư thân.
- (8) Sai biệt của sáu ái thân.

Nên biết ở đây, do ba nghĩa hòa hợp, nên lập ba sai biệt trước. Do nghĩa nhân duyên của thọ, nên lập sai biệt thứ tư. Do nghĩa của quả nơi ba xúc hòa hợp, nên lập sai biệt thứ năm. Do nghĩa phân biệt thọ tùy theo ngôn thuyết, nên lập sai biệt thứ sáu. Vì sao? Vì lúc nhận các thọ, khởi tướng như vậy: Ta nay lãnh nhận khổ này, lạc này, không khổ không lạc này. Cũng lại vì kẻ khác tùy khởi ngôn thuyết. Do nghĩa của hai thứ tạp nhiễm là nghiệp, phiền não, nên biết kiến lập hai thứ sai biệt thứ bảy, thứ tám. Vì sao? Vì do đối với thọ kia hoặc hợp hoặc lìa, khởi tư tạo tác. Như như phát khởi chỗ tạo tác của tư, như vậy như vậy sinh ái cầu nguyện.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ tất cả:

- (1) Tất cả của phần ít.
- (2) Tất cả của tất cả.

Như nói: Tất cả đều vô thường, nên biết đây là dựa nơi tất cả của phần ít, chỉ tất cả hành, không phải là vô vi.

Nói tất cả pháp đều vô ngã: Nên biết đây là dựa vào tất cả của tất cả.

Lại do ba tướng nên biết là ngu:

- (1) Do tự tánh.
- (2) Do nhân duyên.
- (3) Do quả.

Ngu do tự tánh: Nghĩa là do triền, tức là quên mất. Nơi đời hiện tại, do tùy miên, nên tức là pháp quên mất của vị lai.

Ngu do nhân duyên: Nghĩa là ở trong năm tướng, an lập thọ, không thể biết rõ là vô thường v.v..., cùng các não loạn hiện có khắp phần vị đầu giữa sau của tự thể đều biết rõ. Nên biết tức là đối với tánh của pháp sinh lão bệnh và tử không thể nhận biết rõ.

Não loạn đầu: Nghĩa là do sinh. Não loạn giữa: Là do bệnh. Não loạn sau: Nghĩa là do hai thứ pháp lão, tử.

Ngu do quả: Là khổ như sầu v.v... do tạp nhiễm như ái v.v...

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết là không ngu:

- (1) Do tự tánh.
- (2) Do ngại.
- (3) Do chướng.

Không ngu do tự tánh: Là ở trong năm tướng, an lập thọ, khéo có thể nhận biết rõ về tự tướng, cộng tướng, do đầy, có thể đoạn

trừ tất cả phiền não, có thể giác ngộ về Thánh đế, có thể chứng đắc Niết-bàn.

Không ngu do ngại: Do bốn thứ ma: Tức do ma uẩn hiện hữu khắp tất cả xứ với nghĩa gắn chặt. Do ma thiên kia, nơi mọi thời gian có thể luôn nhận giữ với nghĩa gây chướng ngại. Ma tử, ma phiền não, có thể cùng với các khổ do sinh tử sinh khởi, với nghĩa tạo ra vật chứa đựng.

Không ngu do chướng: Là phiền não thuộc cảnh của duyên không hiện thấy, cùng triền thuộc cảnh của duyên không phải là không hiện thấy, hoặc tùy miên kia.

Lại nữa, chư Phật Thế Tôn, đối với Thánh đệ tử của Phật, do ba thứ tướng nên có thể chỉ dạy, trao truyền đúng đắn cho các chúng đệ tử. Những gì là ba tướng? Đó là:

(1) Dẫn dắt, chỉ dạy, trao truyền.

(2) Tùy chỗ ứng hợp, nơi cảnh của đối tượng duyên an xứ dạy, trao.

(3) Khiến cho đối tượng được hóa độ đạt được tự nghĩa nơi sự dạy, trao.

Như thế là sự chỉ dạy trao truyền, như thứ lớp ấy, nên biết tức là ba thứ thần biến.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên cầu có thể thành tựu tuệ diệu giải thoát:

(1) Tuệ nối tiếp lâu xa của văn, tư như lý, có thể thành tựu giải thoát của bậc hữu học.

(2) Tuệ nối tiếp lâu xa của bậc hữu học, có thể thành tựu giải thoát của bậc vô học.

Lại nữa, lược có hai thứ giải thoát thành tựu:

(1) Hữu học.

(2) Vô học.

Hữu học: Là cùng với Tam-ma-địa kim cang dụ.

Vô học: Là từ đây trở lên.

Lại nữa, Bí-sô tâm hành thanh tịnh, có năm thứ pháp có nhiều tạo tác. Những gì là năm? Đó là:

(1) Chỉ dạy, trao truyền đúng đắn.

(2) Chi Xa-ma-tha.

(3) Chi Tỳ-bát-xá-na.

(4) Gia hạnh cẩn trọng, không gián đoạn.

(5) Tuệ xuất thế gian.

Chỉ dạy, trao truyền đúng đắn: Nghĩa là có ba thứ bạn chân chánh được hiển bày:

(1) Đại sư.

(2) Bậc quý phạm được tôn trọng.

(3) Bậc đồng phạm hạnh cùng hàng tại gia thông sáng, trụ nơi nội pháp.

Như thế gọi là ba thứ bạn chân chánh. Các vị có trí, từ nơi chư vị kia nên cầu sự tích tập môn thiện, để chỉ dạy, trao truyền chân chánh.

Chi Xa-ma-tha: Nghĩa là như có một hành giả, gồm đủ Thi la an trụ, nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn. Như thế là Thi la đầy đủ, an trụ rồi, liền không có hối. Không hối nên hoan hỷ, nói rộng cho đến vui thích nên tâm định.

Chi Tỳ-bát-xá-na: Tức đạt được ba thứ ngôn giáo theo sự mong muốn:

(1) Ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh.

(2) Ngôn giáo chán lìa.

(3) Ngôn giáo khiến tâm lìa các thứ ngăn che, hướng tới ái.

Thế nào là ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh? Nghĩa là dựa nơi ngôn giáo hiện có của năm uẩn vô học nơi các Thánh. Tức là ngôn thuyết các Thánh đã thành tựu giới như thế, định như thế, tuệ như thế, giải thoát như thế, giải thoát tri kiến như thế.

Thế nào là ngôn giáo chán lìa? Nghĩa là ngôn giáo dựa nơi ba thứ khiến cho thiếu dục tri tức được tăng trưởng, cùng ngôn giáo dựa nơi sự vui thích đoạn trừ, vui thích tu tập, khiến lìa nẻo tối tăm, loạn động.

Thế nào là ngôn giáo khiến tâm lìa các thứ ngăn che, hướng tới ái? Nên biết giới này lại có ba môn:

(1) Ngôn giáo của tất cả phiền não cái, lìa các thứ ngăn che hướng tới ái.

(2) Ngôn giáo của năm cái lìa các thứ ngăn che hướng tới ái.

(3) Ngôn giáo của cái vô minh lìa các thứ ngăn che hướng tới ái.

Nên biết ở đây, dựa vào ngôn thuyết hiện có chứng đắc cảnh giới đoạn, lìa, diệt, là ngôn giáo thứ nhất.

Dựa vào, tức đối với công đức thù thắng của kiên kia, cùng đối với ngôn thuyết hiện có, đã đối trị các hành của xứ ngăn che, thấy rõ lỗi lầm, tai họa của chúng, nên biết đó gọi là ngôn giáo thứ hai.

Tùy thuận ngôn thuyết hiện có của duyên khởi nơi tánh duyên như thế, nên biết đó gọi là ngôn giáo thứ ba.

Ba thứ ngôn giáo như vậy, gọi chung là chi Tỳ-bát-xá-na.

Lại, ngôn giáo này, do lược nói, lại có ba thứ:

- (1) Ngôn giáo có thể sinh khởi vui thích mong muốn.
- (2) Ngôn giáo có thể ở yên đúng đắn nơi tư lương.
- (3) Ngôn giáo có thể ở yên đúng đắn nơi tác ý.

Tức, ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh có thể sinh khởi ngôn giáo vui thích mong muốn. Ngôn giáo chán lia gọi là ngôn giáo ở yên đúng đắn nơi tư lương. Ngôn giáo khiến tâm lia các thứ ngăn che, gọi là ngôn giáo ở yên đúng đắn nơi tác ý.

Dựa nơi ngôn giáo này, Xa-ma-tha thù thắng thâm nhận tuệ, gọi là Tỳ-bát-xá-na. Thế nên nói ngôn giáo này là chi Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là gia hạnh cần trọng không gián đoạn? Nghĩa là thường tạo tác. Gắn bó tạo tác. Siêng năng, tinh tấn trụ. Nên biết tức là dựa nương nơi gia hạnh quán.

Lại, siêng năng tinh tấn, nên biết có năm thứ:

- (1) Tinh tấn mặc áo giáp.
- (2) Tinh tấn gia hạnh.
- (3) Tinh tấn không hạ thấp.
- (4) Tinh tấn vô động.
- (5) Tinh tấn không biết đủ.

Ở đây, đầu tiên nên biết là phát khởi vui thích, mong muốn mãnh liệt. Tiếp theo, tùy chỗ mong muốn phát khởi phương tiện dũng mãnh kiên cố. Thứ đến, vì nhằm chứng đắc các pháp đã thọ, không tự xem thường, cũng không khiếp sợ. Tiếp nữa, có thể gắng nhẫn đối với các khổ như lạnh nóng v.v... Sau cùng, đối với phần thấp kém không sinh biết đủ. Vui cầu càng về sau càng có thêm các công đức thắng diệu, an trụ. Hành giả kia, do siêng năng tinh tấn trụ như thế, nên nhập hiện quán để, chứng đắc tuệ xuất thế gian của các Thánh, ở trong tu đạo, dựa nơi tuệ này, hoặc hành hoặc trụ, có thể chính thức dứt trừ các tùy phiền não trong thân là chỗ dựa, khiến tâm

thanh tịnh. Nghĩa là ở nơi xóm làng, hoặc bên xóm làng, nếu gặp những người trẻ tuổi đoan nghiêm, đẹp đẽ, hình sắc quen thuộc, tức nên tác ý tư duy về bất tịnh, vì nhằm trừ bỏ duyên nơi tham kia. Nếu gặp kẻ khác bức bách não loạn, tức nên tác ý tư duy về tướng từ, vì nhằm trừ bỏ duyên nơi sân kia. Lúc hành như thế, có thể chính thức trừ bỏ các tùy phiền não, khiến tâm thanh tịnh.

Nếu ở nơi xa lìa, tu tập hai thứ niệm hơi thở ra vào, dứt trừ các tâm tư ác như dục v.v... Khi trụ như vậy, có thể chính thức đoạn dứt các tùy phiền não, khiến tâm thanh tịnh.

Hành giả kia dựa nơi tuệ xuất thế gian đã được chứng đắc như vậy, ở nơi tất cả hành tu tập tướng vô thường, có thể chính thức trừ bỏ ngã mạn còn lại. Như thế, bậc Thiện sĩ là chỗ nương dựa, lại có được sự chỉ dạy, trao truyền thuận hợp nơi hành trước, do đây lần lượt có thể chứng giải thoát viên mãn của bậc hữu học, đắc Tam-ma-địa kim cang dụ, nên cũng chứng giải thoát viên mãn của bậc vô học, đều lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não.

Thế nào là giải thoát? Nghĩa là đẩy khởi sự đối trị, đoạn trừ rốt ráo, tất cả các thứ thô trọng nơi phẩm loại của phiền não đều vĩnh viễn dứt diệt, chứng đắc chuyển y, khiến các phiền não quyết định hoàn toàn thành pháp không sinh. Đó gọi là giải thoát. Nếu Thánh đệ tử nơi xứ vô sở hữu đã được lìa dục, chỉ trừ các hành hiện có của xứ phi tưởng phi phi tưởng. Lại có thể an trụ nơi định thù thắng của cõi Hữu đẳng. Bấy giờ không gián đoạn, có thể tùy thuận chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết. Nếu ở nơi phân vị khác, tuy có thể dần đoạn các thứ lậu kia, nhưng không tương tục để có thể chứng đắc các lậu hoàn toàn dứt sạch, như thế cho đến xứ vô sở hữu chưa được lìa dục.

Lại nữa, tất cả phiền não hệ thuộc cõi dục, chỉ trừ vô minh gọi là lậu dục, hết thấy phiền não hệ thuộc hai cõi sắc, vô sắc, chỉ trừ vô minh gọi là lậu hữu. Nếu các hữu tình hoặc chưa lìa dục, hoặc đã lìa dục, trừ các ngoại đạo, với những ngu si, phân biệt tà vạy hiện có,

sinh khởi ác kiến che lấp nơi tâm, dựa nơi ác kiến ấy, đối với các dục kia, một phần tìm cầu, một phần thì lìa dục, cho đến xứ phi tướng phi phi tướng, nơi vô trí hiện có đối với ba cõi ấy gồm thâu chung làm một, lập làm lậu vô minh.

Lại nữa, có chín thứ sự có thể hòa hợp, nên biết đã kiến lập chín kiết có sai biệt. Thế nào là chín sự? Đó là:

(1) Sự của tất cả cảnh giới thuộc số hữu tình, phi hữu tình dựa nơi phẩm tại gia đáng yêu thích, bị tham ái trói buộc.

(2) Sự của tất cả cảnh giới thuộc số hữu tình phi hữu tình tức dựa nơi phẩm ấy, đáng ghét bỏ, bị sân hận trói buộc.

(3) Sự dựa nơi số hữu tình, bị kiêu mạn trói buộc.

(4, 5, 6) Sự của các phẩm xuất gia dựa nơi pháp thuyết giảng ác, bị ba thứ thắng giải tà vạy trói buộc. Nghĩa là dựa vào sự lắng nghe pháp không chân chánh, dựa nơi tư duy không như lý, dựa nơi sự tu tập thuộc về phương tiện sai trái. Sai biệt như thế tức là ba thứ.

(7) Sự đối với pháp luật thuyết giảng thiện, bị không thắng giải trói buộc.

(8) Sự dựa nơi phẩm xuất gia, trí bị nghèo cùng.

(9) Sự dựa nơi phẩm tại gia, tài sản bị bần cùng.

Do chín sự ấy, như chỗ thích ứng, nên biết đã phối hợp nơi chín kiết như ái v.v... Ở đây, do tâm ganh ghét biến hoại, nên đối với chánh pháp, bên trong phát khởi sự keo kiệt về pháp, do đẩy về vị lai trí tuệ bị nghèo thiếu. Các thứ còn lại, theo chỗ ứng hợp phối kết nên biết.

Lại nữa, do bị phược tham trói buộc, nên đối với cảnh giới có thể tùy thuận lạc thọ, tâm không thể xả bỏ. Như thế, do bị phược sân hận trói buộc, nên đối với cảnh giới có thể thuận theo khổ thọ, tâm không thể xả bỏ. Do phược ngu si trói buộc, nên đối với cảnh giới

có thể thuận theo thọ không khổ không lạc, tâm không thể xả bỏ. Do nhân duyên ấy, nên lập ba phược.

Lại nữa, phần thô trọng hiện có của phẩm phiền não, tùy thuộc dựa nơi thân, gọi là tùy miên, có thể làm chủng tử sinh khởi tất cả triền phiền não, nên biết đây lại kiến lập bảy thứ, vì do chưa lìa phẩm dục có sai biệt, do đã lìa phẩm dục có sai biệt, do hai phẩm cùng có sai biệt.

Do chưa lìa phẩm dục có sai biệt, nên kiến lập tùy miên dục tham, sân hận. Do đã lìa phẩm dục có sai biệt, nên kiến lập tùy miên hữu tham. Do hai phẩm cùng có sai biệt, nên kiến lập tùy miên mạn, vô minh, kiến, nghi. Như thế là gồm thấu chung tất cả phiền não.

Lại nữa, tùy phiền não: Nghĩa là căn bất thiện tham, sân, si, hoặc phẫn hoặc hận. Như thế nói rộng là các sự tạp uế. Nên biết ở đây có thể khởi tất cả pháp bất thiện, như tham gọi là căn bất thiện tham. Sân, si cũng vậy.

Hoặc triền sân hận có thể khiến cho diện mạo bực tức phát khởi quyết liệt, gọi là phẫn. Bên trong ôm giữ oán kết, gọi là hận. Ẩn giấu các ái nên gọi là phú. Nhiễm ô khiến kinh hãi nên gọi là nhiệt não. Tâm ôm giữ nhiễm ô, không vui thích thấy kẻ khác tốt đẹp, gọi là tật. Đối với các vật dụng sinh sống mang giữ sự tham tiếc, hẹp hòi sâu xa, nên gọi là xan. Vì lừa dối ẽ kia nên bên trong ôm giữ mưu khác, bên ngoài hiện tướng riêng, gọi là cuồng. Tâm không chánh trực, không sáng không hiền, hành giải tà vậy nên gọi là siểm. Nơi tội đã tạo, đối với chính mình không xấu hổ, nên gọi là vô tâm. Nơi tội đã tạo, đối với kẻ khác không biết hổ thẹn, gọi là vô quý. Đối với chỗ thấp kém của kẻ khác cho mình là hơn, hoặc lại ở nơi không bằng, cho mình là bằng khiến tâm cao ngạo, nên gọi là mạn. Đối với chỗ bằng cho mình là hơn, đối với chỗ hơn cho mình là bằng, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là quá mạn. Đối với chỗ hơn cho mình là hơn, khiến tâm cao ngạo, gọi là mạn quá mạn. Vọng quán các hành là

ngã, ngã sở, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là ngã mạn. Ở trong pháp thù thắng có thể chứng đắc, chưa được cho là được, khiến tâm cao ngạo, gọi là hạ liệt mạn. Thật không có đức, cho mình có đức, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là tà mạn. Tâm ôm giữ nhiệm ô, tùy cậy nơi hình tướng đẹp để được khen ngợi, bày rộng, nên gọi là kiêu. Đối với các phẩm thiện không thích siêng tu, đối với các pháp ác, tâm không phòng giữ, gọi là phóng dật. Nơi các sự cần tôn trọng cùng với phước điền, tâm không cung kính, nên gọi là ngạo. Hoặc triền phiền nào có thể khiến phát khởi việc cầm nắm đao gậy tranh chấp, đánh đập, kiện tụng, nên gọi là phẫn nộ. Khởi tâm ôm giữ nhiệm ô, nhằm hiển bày đức của mình nên giả hiện oai nghi, nên gọi là kiêu. Tâm mang nhiệm ô, vì để hiển bày đức của mình, hoặc hiện việc thân, hoặc nói lời dịu dàng, gọi là trá. Tâm ôm giữ nhiệm ô, muốn có được chỗ cầu đạt nên dối hiện bày oai nghi, nên gọi là hiện tướng. Hiện hành ngăn chặn, bức hiếp, để có chỗ cầu xin, nên gọi là nghiên cầu. Đối với chỗ được lợi không sinh biết đủ, nói đạt được lợi tha lại cầu thắng lợi, do đó gọi là dùng lợi cầu lợi.

Tự hiện đức mình, xa lìa sự cung kính, đối với chỗ đáng tôn trọng thì không tôn trọng, nên gọi là bất kính. Nơi lời nói không thuận, tánh không gắng nhẫn gọi là thuyết ác. Như có đám bạn bè dẫn dắt, khiến tạo sự việc không lợi ích, gọi là bạn ác. Tham đắm của cải, lợi dưỡng, hiển bày đức không thật muốn khiến cho kẻ khác biết, nên gọi là dục ác. Nơi trú xứ của bậc đại nhân muốn cầu lợi dưỡng, sự cung kính rộng lớn, nên gọi là đại dục. Tâm mang nhiệm ô, hiển bày đức không thật, muốn khiến cho kẻ khác biết, gọi là tự mong cầu dục. Đối với sự mạ lỵ đáp trả bằng mạ lỵ, gọi là không nhẫn. Đối với giận dữ đáp lại bằng giận dữ, đánh đập đáp lại bằng đánh đập, đùa cợt đáp lại bằng đùa cợt, nên biết cũng thế. Đối với các dục của mình, sinh tham ái sâu xa, gọi là ham thích tham đắm khắp. Đối với chỗ hơn chỗ kém, theo sự thích ứng, nên biết cũng thế. Nơi các cảnh giới khởi sự đam mê sâu xa, gọi là tham. Đối với các hành ác sinh

tham chấp sâu xa, gọi là tham phi pháp. Đối với các thứ tài sản, vật báu của cha mẹ mình, thọ dụng không chánh đáng, gọi là chấp trước. Đối với các tài vật hiện có của người khác giao gởi, mưu toan muốn chống cự để giữ lấy nên gọi là tham ác. Vọng quán về các hành là ngã, ngã sở, hoặc là phân biệt khởi, hoặc là câu sinh, được gọi là kiến, kiến Tát-ca-da là chỗ nương dựa. Ở trong các hành phát khởi thường kiến gọi là hữu kiến, phát khởi đoạn kiến, gọi là vô hữu kiến. Nên biết năm cái, như địa định trước đã nói. Về tướng không như chỗ mong muốn, trái thời bị tùy buộc của triền ngũ nghi, nên gọi là tối tăm. Không phải nơi chốn để mến mộ, gọi là không vui thích. Thô trọng cứng chắc, khiến tâm không thuận hợp, hòa dịu, toàn thân như dang rộng ra, gọi là tản thân. Đối với sự ăn uống không khéo thông tỏ, hoặc quá hoặc giảm, thế nên gọi là ăn uống không biết lượng. Nơi chỗ nên làm mà không làm, không phải chỗ nên làm, lại làm. Như ở trong chỗ hành tập pháp của văn, tư, tu, phóng dật là trước hết, không khởi công dụng, gọi là không tác ý. Ở nơi cảnh của đối tượng duyên, sinh khởi hệ thuộc sâu xa, cũng như ham thích ngũ nghi nên tâm bị che lấp, thế nên gọi là không hợp lý. Chuyển tự xem thường, nên gọi là tâm thấp kém. Vì tánh nảo hại kẻ khác, nên gọi là xung đột. Tánh ưa thích giận trách nên gọi là soi mói. Lừa dối các bậc sư trưởng vốn là phước điền tôn quý, cùng hàng đồng pháp, gọi là không thuận trực. Hai nghiệp thân ngữ thủy đều kiêu căng, tâm cứng cõi lại không thanh khiết, gọi là không hòa nhã. Đối với các giới, kiến, phép tắc, chánh mạng đều không đồng phạm, gọi là không tùy thuận. Đồng phạm mà chuyển, tâm ôm giữ ái nhiễm, vin duyên nơi các dục phát khởi ý lờ, tùy thuận tùy chuyển, gọi là tầm tư dục.

Tâm mang ghét bỏ, đối với kẻ khác vin duyên nơi tướng không lợi ích, phát khởi ý lờ, tùy thuận tùy chuyển, gọi là tầm tư giận. Tâm ôm giữ sự tổn nảo, đối với kẻ khác vin duyên nơi tướng nảo loạn, phát khởi ý lờ, phần còn lại như trước đã nói, gọi là tầm tư hại. Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi thân thích, phát khởi ý lờ, phần còn

lại như trước đã nói, gọi là tầm tư về thân thuộc. Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi cõi nước, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, thế nên gọi là tầm tư về cõi nước. Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi tự nghĩa, tìm dựa lẫn lữa, thời gian sau mong đạt, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, do đó gọi là tầm tư bất tử. Tâm mang nhiễm ô, dựa duyên nơi mình người, hoặc kém hoặc hơn, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là tầm tư tương ưng với khinh miệt. Tâm ôm giữ nhiễm ô, vin duyên nơi thí chủ, tới lui nơi gia thế, phát khởi ý lời, tùy thuận tùy chuyển, đó gọi là tầm tư tương ưng với gia thế. Các sự sâu than, như trước nên biết.

Lại nữa, tất cả phiền não đều có triền kia, do hiện hành nên đều gọi là triền. Nhưng có tám thứ nơi các tùy phiền não, ở trong bốn thời thường xuyên hiện hành, do đó chỉ lập tám thứ làm triền. Nghĩa là, ở nơi lúc tu học giới tăng thượng, không hổ không thẹn, luôn luôn hiện hành, có thể tạo chướng ngại. Hoặc khi tu học tâm tăng thượng, hôn trầm, thù miên thường xuyên hiện hành, có thể làm chướng ngại. Hoặc vào lúc tu học tuệ tăng thượng, vì phân biệt, lựa chọn pháp, nên trạo cử, ô tác luôn luôn hiện hành, có thể gây chướng ngại. Hoặc người đồng pháp, lúc lần lượt thọ dụng tài sản và pháp, tật đố (ganh ghét), xan lận (bỏn sẻn) luôn luôn hiện hành, có thể làm chướng ngại.

Lại nữa, phiền não hệ thuộc cõi dục như dục tham, sân, hành giả đối với phiền não phẩm thượng hệ thuộc cõi dục, chưa đoạn trừ, chưa nhận biết, gọi là bộc lưu dục. Ba thứ bộc lưu hữu, kiến, vô minh, như chỗ thích hợp, nên biết cũng thế. Nghĩa là ở nơi cõi dục chưa được lìa dục, trừ các ngoại đạo, gọi là bộc lưu dục. Đã được lìa dục gọi là bộc lưu hữu. Hoặc các ngoại đạo theo nhiều môn luận, nên biết có hai thứ bộc lưu còn lại. Nghĩa là các thứ ác kiến lược thô tóm làm một, gọi là bộc lưu kiến. Nhân duyên của ác kiến lược thô làm một, gọi là bộc lưu vô minh, là bộc lưu thứ tư.

Lại nữa, hoặc đặng phần của các phiền não, nẻo hành không tăng không giảm, tức trên đã nói, tất cả phiền não được gọi là ách. Lại nữa, nên biết dựa nơi hai phẩm để kiến lập bốn thủ:

(1) Phẩm tại gia.

(2) Phẩm của các vị xuất gia trong pháp ngoại đạo.

Nên biết ở đây, hoặc là đối tượng được thủ, hoặc chủ thể thủ, hoặc phạm vi tạo tác là thủ. Như thế, tất cả gọi chung là thủ.

Hỏi: Những gì là đối tượng được thủ?

Đáp: Dục, kiên, giới cấm, ngã ngữ, là đối tượng được thủ.

Hỏi: Gì là chủ thể thủ?

Đáp: Bốn thứ dục tham là chủ thể thủ.

Hỏi: Gì là phạm vi tạo tác của thủ?

Đáp: Vì được các dục cùng thọ dụng, nên khởi thủ thứ nhất.

Do sức tăng thượng của tham lợi dưỡng cùng được cung kính, hoặc tạo chỗ lập luận vắn nạn kẻ khác, hoặc để thoát khỏi sự vắn nạn của kẻ khác, nên khởi thủ thứ hai.

Chi Tam-ma-địa là chỗ nương dựa, là nơi chốn được kiến lập, vì nhằm đi tới việc lìa dục thế gian, cho đến Tam-ma-bát-đề của xứ phi tướng phi phi tướng, nên khởi thủ thứ ba.

Vì nhằm tùy nêu bày phân biệt về chỗ chấp nơi sĩ phu hiện có tạo nghiệp, thọ nhận quả, cùng là tùy nêu bày về tướng của sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt, nên khởi ngã ngữ thủ.

Bốn thủ như thế, dựa nơi hai phẩm, nghĩa là phẩm của các người tại gia thọ dụng dục, cùng phẩm của các vị xuất gia trong pháp luật không khéo thuyết giảng.

Do Đức Phật, Thế Tôn là bậc Đại sư chánh luận, thường tự nói: Ta đối với các thủ đã nhận biết khắp, đã vĩnh viễn đoạn trừ. Hành giả

đối với pháp này nguyên tu tập, tuy còn mang phiền não, nhưng thân hoại mạng chung, không đối với chúng kiến lập các thủ. Vì sao? Vì kẻ ấy đối với các dục không hề luyến tiếc mà xuất gia, đối với kiến, giới cấm cùng ngã ngữ, không chấp thọ.

Pháp thuyết giảng ác có hai sai biệt:

- (1) Đối với kiến ái, lần lượt phát khởi luận oán, tranh.
- (2) Có thể chứng nhập định của thế gian.

Dựa nơi kiến ái, lần lượt phát khởi luận oán, tranh, kiến lập kiến thủ. Dựa nơi việc có thể chứng nhập định của thế gian, lập giới cấm thủ.

Hai phẩm làm chỗ dựa, chấp trước ngã ngữ, nên dựa vào cả hai phẩm lập ngã ngữ thủ. Ở đây, kiến là sáu mươi hai thứ, như trước đã nói nên biết. Chỗ thọ trì của kiến phân biệt tà vạy, được thân hộ ngữ hộ, gọi là giới. Theo đây, chỗ thọ nhận y phục, thức ăn uống, hành tướng oai nghi, gọi là cấm. Là đế, là trụ, nên luận nói có ngã, gọi là ngã ngữ. Chấp có vật thật gọi là đế. Chấp có thể an lập, gọi là trụ. Lại, ở trong ấy, dục ái làm duyên kiến lập dục thủ. Nương dựa nơi luận trí, các thứ ái như lợi dưỡng, cung kính v.v... làm duyên, kiến lập kiến thủ. Ái về định làm duyên lập giới cấm thủ. Ái hữu, không hữu làm duyên, lập ngã ngữ thủ.

Lại nữa, nên biết bốn thứ hệ thuộc, chỉ dựa nơi ngoại đạo có sai biệt để kiến lập, như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, năm xứ trái chống, nên biết đã kiến lập năm cái có sai biệt:

(1) Tại gia bị chìm nổi nơi cảnh giới của các dục, chống trái với Thánh giáo, lập cái tham dục.

(2) Các vị đồng pháp không gắng nhẫn đối với sự chê trách, can gián, xua đuổi, chỉ dạy, khuyên bảo v.v..., nên chống trái với pháp lạc khả ái hiện có, lập cái giận dữ.

(3) Do chống trái với pháp Xa-ma-tha, nên lập cái hôn trầm, thù miên.

(4) Do chống trái với pháp Tỳ-bát-xá-na, nên lập cái trạo cử, ố tác.

(5) Do chống trái với việc luận nghị pháp, quyết trạch thuận không điên đảo, xét kỹ các pháp nơi Thánh giáo của Đại sư, thắng giải về Niết-bàn, nên kiến lập cái nghi.

Lại nữa, hoặc bị triền tham sân si trói buộc, hoặc bị tùy miên kia tạo nên tùy miên, tâm không thuận hợp, nhu hòa, tâm hết sức ngu tối, đối với việc đạt được tự nghĩa có thể gây nên suy tổn, nên gọi là “Chu ngọt”.

Lại nữa, đối với cảnh giới xấu thấp, dấy khởi tham dục, gọi là tham cầu. Đối với sự việc nơi cảnh giới của đối tượng duyên không nên giận dữ, đã khởi giận dữ, gọi là sân cầu. Đối với sự việc hiển hiện ngu si hết mực nơi chúng sinh hãy còn có thể biết rõ, đã khởi ngu si, gọi là si cầu.

Lại nữa, nếu tham sân si luôn luôn hiện hành, thường xuyên trôi đầy, thiêu não thân tâm khiến bị suy tổn hết sức, gọi là thiêu hại.

Lại nữa, nếu tham sân si xa lìa hổ thẹn, không có hổ thẹn, nên hoàn toàn nối tiếp, không thể chế phục, nhất định bị tổn thương, gọi là mũi tên.

Lại nữa, nếu tham sân si có hổ thẹn xen lẫn, do tương tục, không phải là sát-na, gọi là “sở hữu”, là thuộc về trói buộc, là nghĩa uế tạp thấp kém hết mực.

Lại nữa, tất cả thân nghiệp bất thiện gọi là hành ác.

Như nói về thân nghiệp, thì ngữ nghiệp, ý nghiệp nên biết cũng thế. Do nghiệp ác ấy luôn hiện hành, nên đối với các nẻo ác, hoặc đã tùy được, hoặc sẽ tùy được, hoặc đang tùy được, do đó các hành kia

gọi là hành ác, do đầy chi rõ nghĩa tạp nhiễm của nghiệp. Tạp nhiễm của phiền não, trước đã hiển bày rõ.

Lại nữa, có hai thứ luận, an lập nghĩa tạp nhiễm của nghiệp:

(1) Luận tà.

(2) Luận chánh.

Nói luận tà: Nghĩa là nói như vậy: Hoặc hữu nên suy xét. Phạm đã tạo tác các nghiệp bất thiện, tất cả quyết định sẽ thọ nhận nẻo ác. Luận này liền hủy báng tu hành phạm hạnh, có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì các loài hữu tình, ở trong hiện pháp không dễ có thể đạt được.

Không hữu nên suy xét, tạo nghiệp bất thiện, hưởng hồ là ở nơi đời khác. nếu luận kia quyết định chiêu cảm nơi nẻo ác, tức nên không có giải thoát có thể đạt được. Vì vậy nên biết đây là luận tà. Hoặc nói như vậy: Các hữu nên suy xét, tạo nghiệp bất thiện, nghiệp này cũng tạo tác, cũng tăng trưởng, nhất định nơi vị lai thọ nhận dị thực không khả ái nơi nẻo ác. Hoặc hữu tuy tạo tác nhưng không tăng trưởng, thì các pháp kia thọ nhận làm chỗ dựa, các chỗ tạo tác hoặc lạc hoặc khổ, nên khi gây tạo ở trong hiện pháp, nghiệp này quyết định hoặc thuận nơi lạc thọ, hoặc thuận nơi khổ thọ.

Các hữu tạo tác nghiệp như thế rồi, nếu hữu tình không truy hồi, không tu đối trị, kẻ kia nơi nghiệp hoặc lại tăng trưởng, hoặc không tăng trưởng, nghiệp này tuy định thuận thọ hiện pháp, cũng chuyển khiến thành thuận thọ nẻo ác, ở trong hiện pháp có thể làm chướng ngại giải thoát.

Các hữu tạo tác nghiệp như thế rồi, nếu hữu tình hoặc sinh hồi hận, tu tập đối trị, thì đối với nghiệp ấy, hoặc không tăng trưởng, hoặc lại tăng trưởng, nghiệp này tuy là thuận thọ nẻo ác, cũng chuyển khiến thành thuận thọ hiện pháp, không chướng ngại đối với giải thoát. Do đó, luận này không gọi là không phỉ báng việc

tu tập phạm hạnh có thể chứng đắc Niết-bàn. Nên biết luận này là chánh luận.

Lại nữa, nếu có thiếu sót nơi mười thứ đối trị thì bị nhiễm ô do sự tạp nhiễm của nghiệp. Nếu có sự gặp gỡ mười thứ như thế, liền được thanh tịnh. Mười thứ đó là:

(1) Nếu do đối trị như thế, tuy có tạo nghiệp nhưng không tăng trưởng. Kẻ kia hướng đến vị lai thành tựu thọ không định.

(2) Nếu do đối trị như thế, tuy chưa đoạn trừ vĩnh viễn nhưng lại không thọ nhận.

(3) Hoặc do đối trị như thế, đã vĩnh viễn đoạn trừ, lia trôi buộc.

(4) Giữ gìn các căn môn, nên khéo tu nơi thân, vì nhằm tu tập giới học tăng thượng.

(5) Tu tập giới tăng thượng rồi, vì muốn tu tập tâm học tăng thượng.

(6) Tu tập tâm tăng thượng rồi, vì nhằm tu tập tuệ học tăng thượng.

(7) Tu tập tuệ tăng thượng rồi, vì nhằm đoạn trừ các lậu.

(8) Tu tập với ý lạc mãnh liệt.

(9) Tu tập trong thời gian dài.

(10) Tu tập vô lượng môn đối trị.

Nếu có hành giả không lãnh hội mười thứ đối trị nghiệp như thế, tức bị chỗ tạp nhiễm của nghiệp làm nhiễm ô. Cùng với đầy trái nhau, nên biết là thanh tịnh.

Lại nữa, ở trong hiện pháp, không khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý để an trụ, thì hành giả với nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ trước cũng khiến tăng trưởng. Nơi đời vị lai khiến bị tạp nhiễm. Nếu khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà an trụ, kẻ kia không bị tạp nhiễm.

Thế nào là ở trong hiện pháp, không khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý để an trụ? Thế nào là khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý để an trụ?

Không khéo phòng giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà trụ: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với triền của các nghiệp thân ngữ ý bất thiện đã phát khởi, có thể nguyện xa lìa, nhưng đối với khả năng phát khởi không tác ý đúng đắn, vô minh tương ưng cũng còn dấy khởi. Lại, đối với các nghiệp thân ngữ ý thiện thọ học tùy chuyên. Do nhân duyên ấy, nên ở trong hiện pháp, đối với các phiền não tìm cầu dục tà tạo ra các khổ, không có sai biệt. Hữu tình kia, tức chỉ đối với pháp đó nguyện nhận xa lìa, liền sinh biết đủ. Ở trong hiện pháp không khởi Thánh đạo, không chứng Niết-bàn. Hữu tình kia, tuy phòng hộ như thế mà trụ, ở trong hiện pháp tạm thời không tạo nghiệp ác bất thiện, nhưng vẫn bị tùy miên của phiền não trói buộc, nên đã mạng chung, hữu sau tiếp tục sinh, theo chỗ thọ thân, dựa vào nghiệp duyên trước, khởi rộng tạp nhiễm.

Nếu khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà trụ: Tức có sai biệt này: Ở đây dựa vào thế nguyện kia, nhận xa lìa không tạo nghiệp mới. Nghiệp cũ tuy thành thực, nhưng vừa tiếp xúc với dị thực, liền có thể biến đổi, trút bỏ. Hữu tình kia, chỉ đối với nguyện ấy thọ nhận xa lìa, không sinh biết đủ, ở trong hiện pháp có thể khởi thánh đạo, cũng có thể chứng đắc Niết-bàn của quả kia. Hữu tình ấy, bấy giờ cho đến hữu thức thân nối tiếp trụ, luôn nhận lấy các thọ, chiêu cảm từ các nghiệp trước. Ở trong hiện pháp, hữu tình kia với hữu thức thân cho đến thọ lượng, phần vị chưa diệt tận, nên luôn nối tiếp trụ. Thọ lượng nếu hết thì xả bỏ hữu thức thân, nên mạng căn sau không thành tựu nữa. Do nhân duyên ấy, nên thức cùng với các thọ đều diệt, sau không tương tục. Hành giả kia như bóng thọ nhận cùng với cây thức, đều dứt hết, khắp nơi tất cả đều không thể thiết lập. Bấy giờ, hành giả kia do hai nhân duyên, nên nghiệp đã tạo từ trước, đối với đời vị lai không thể bị nhiễm:

(1) Do phiền não làm trợ bạn kia, khiến tạp nhiễm, đã được đoạn trừ rất ráo.

(2) Do dựa vào các hành ấy nối tiếp thành thực, nên tạp nhiễm đã hoàn toàn dứt hết.

Hành giả kia, lúc ấy, ở nơi trụ xứ của các hữu tình, ý lạc của bạn lành tương tục chuyên, gọi là tâm không oán. Nơi đối tượng duyên kia giận dữ đã đoạn, gọi là tâm không giận. Đối với dị thực của nghiệp, thấy rõ lỗi lầm tai họa. Do sức của duyên tăng thượng, nên nguyện xa lìa, gọi là tâm không nhiễm. Đã đạt được chủ thể đối trị là các Thánh đạo kia, nên gọi là tâm không điên đảo, hoàn toàn giải thoát.

Hành giả kia do có thể chứng đắc đủ sáu thứ hằng trụ như thế, nếu có hữu tình đối với các thứ ấy an trụ nhiều, thì ở trong hiện pháp, tuy có vô số duyên của các nghiệp ác bất thiện xen tạp, vì đã xa lìa phần đó nên hoàn toàn thánh thiện.

Do nhân duyên này, nên biết ở đây, so với sự ngăn giữ an trụ ở trước có sai biệt.

Lại nữa, nên biết, luận thiết lập, lãnh nhận dị thực của tất cả nghiệp, do năm thứ tướng nên thành tạp nhiễm, do năm thứ tướng nên thành không tạp nhiễm.

Thế nào gọi là do năm thứ tướng nên thành tạp nhiễm? Đó là:

(1) Do luận thiết lập nhân ác.

(2) Do luận thiết lập không nhân.

(3, 4, 5) Do thiết lập nhân ác, không nhân có ba lỗi lầm.

Ở đây, luận thiết lập nhân ác: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Hoặc có sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, với các chỗ lãnh nhận tất cả đều là nhân đã tạo của đời trước. Như thế, hoặc cho là nhân đã tạo của tự tại biến hóa v.v...

Luận thiết lập không nhân: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Hoặc có sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, với các chỗ lãnh nhận, nên biết tất cả là không nhân không duyên.

Thế nào là thiết lập nhân ác, không nhân có ba thứ lỗi lầm? Nghĩa là trong hiện pháp cùng hành với bất thiện, các thọ bất thiện. Nghiệp của đời trước làm nhân cũng có lỗi lầm. Nghiệp của hiện pháp làm nhân cũng có lỗi lầm.

Nếu nói thọ này là do nhân của nghiệp ác nơi đời trước, tức là có một hữu tình, dựa nơi sự thọ nhận các pháp lạc bất thiện mà có lạc kia, nên thọ sinh bất thiện. Đây là dùng các nghiệp bất thiện của đời trước làm nhân nên sinh, là không hợp đạo lý. Vì sao? Vì không phải các nghiệp bất thiện của đời trước kia, ở trong hiện pháp chiêu cảm dị thực vui, nên đúng với đạo lý.

Nếu nói thọ này dùng nghiệp ác trong hiện pháp làm nhân, tức là thoái mất tự ý nơi luận các nhân ác và luận không nhân đã lập. Nghĩa là các chỗ thọ nhận đều là nhân đời trước đã tạo tác, cho đến nói rộng. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất.

Lại, nếu cho các pháp bất thiện đều dùng nghiệp ác của đời trước làm nhân, tức là quyết định pháp thiện hiện có cũng dùng pháp thiện của đời trước làm nhân. Như thế, đối trị các pháp bất thiện hiện có, là các thiện gia hạnh, tinh tấn câu sinh, đều thành vô dụng. Như thế gọi là lỗi lầm thứ hai.

Lại, nếu hiện tại không có sĩ dụng, tức là nên không dựa vào thiện, bất thiện để quán xét kỹ lưỡng, đúng đắn là chỗ nên tạo tác, không nên tạo tác. Lại, trí như thật nên thành vô dụng. Nghĩa là nhận biết rõ rồi, ngã này nên chuyển, ngã này nên thành, kia không phải có, đây cũng không phải có. Về lý của trí như thật không thành tựu. Trí không thành tựu nên niệm không an trụ. Niệm không an trụ nên không có Tam-ma-địa, không có định, tầm tư không đúng đắn khiến

tâm mê loạn. Tâm mê loạn, tức nên các căn vui mừng mên mọ cùng ý với chỗ vui thích của kẻ ngu. Do kẻ kia đạt được pháp lạc cùng ý với kẻ ngu, tức là thoái thất cùng với pháp Sa-môn và luận Sa-môn. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ ba.

Hoặc lược nói đây có ba thứ lỗi lầm:

(1) Lỗi lầm của nhân thọ nhân các thứ bất thiện của đời hiện tại không thành.

(2) Lỗi lầm hủy báng tinh tấn.

(3) Lỗi lầm hủy báng chánh trí.

Thế nào là luận thiết lập, lãnh nhận dị thực của tất cả nghiệp, do năm thứ tướng nên thành không tạp nhiễm? Nghĩa là, hoặc có thể lãnh nhận, hoặc do lãnh nhận ấy, hoặc lãnh nhận như thế, hoặc lúc lãnh nhận, tạp nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, nên biết ở đây dựa nơi năm thủ uân, nêu đặt giả danh hữu tình là người lãnh nhận. Tức kẻ giả này, do sáu xúc xứ nên có thể lãnh nhận. Ở trong thai mẹ có bốn thứ sai biệt... Tiếp theo có danh sắc, rồi có sáu xứ, tiếp nữa là xúc, thọ. Thứ lớp như thế mà có lãnh nhận.

Lại, tức thọ này cũng dùng xúc của hiện tại làm nhân. Cũng dùng nghiệp v.v... của đời trước làm nhân. Hữu tình kia nếu lắng nghe các pháp không chân chánh, tác ý phi lý dùng làm nhân duyên, liền tiếp xúc với vô minh xúc sinh khởi thọ. Thọ làm duyên nên lại sinh khởi ái. Ái làm duyên nên lại sinh khởi thủ, cho đến các khổ như sinh lão tử của vị lai có sai biệt. Lúc lãnh nhận các vô minh xúc sinh khởi thọ như thế, liền có hai đế thuộc về tạp nhiễm. Cùng với đầy trái nhau, là lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên, nên có thể lãnh nhận minh xúc sinh khởi các thọ có sai biệt. Lúc nhận lấy thọ này liền có hai đế thuộc về thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết trong việc thiết lập nghiệp tà, thanh tịnh cùng hành tà, có hai lỗi lầm tai họa. Những gì là hai? Đó là:

(1) Lỗi lầm tai họa gây trở ngại cho nội chứng.

(2) Lỗi lầm tai họa do bị kẻ khác hủy báng.

Thế nào là thiết lập nghiệp tà thanh tịnh? Nghĩa là như có một hữu tình, thật sự không phải là Đại sư, vọng phân biệt về mình, tự xưng là Đại sư, tuyên thuyết luận thiết lập tà vậy như thế, cho trong hiện pháp, các khổ đã thọ nhận, tất cả đều là chỗ tạo tác của nhân đời trước. Người kia thấy các nghiệp bất thiện của đời trước là hai thứ thân. Nghĩa là trong hiện pháp, các nghiệp bất thiện đều là chỗ dẫn dắt của nghiệp đời trước thường xuyên hành tập. Các khổ đã thọ cũng là chỗ tạo tác của nghiệp kia. Do nhân duyên ấy, tu hành tự khổ, khiến cho quả khổ được chiêu cảm từ nghiệp ác cũ thấy đều biến đổi dứt sạch. Lại không tạo tác nghiệp bất thiện đương thời, nên ở trong hiện pháp lại có thể ngăn giữ thân ngữ ý để an trụ. Sau sẽ siêng tu hoàn toàn nghiệp thiện, khiến pháp bất thiện chuyển thành không lậu. Do nhân duyên này, nên nghiệp bất thiện dứt hết. Do nghiệp kia hết nên các khổ cũng dứt hết, chứng đắc biên vực tận cùng của khổ.

Thế nào là hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình không thể nhận biết rõ về tập nhiễm của tự nghiệp, không thể nhận biết rõ về pháp đối trị nghiệp kia. Lại đối với chỗ chứng đắc trước sau có sai biệt, không nhận biết đúng như thật. Kẻ kia thành hình pháp ngu si như thế, nên đối với chỗ chứng đắc của thầy, không căn cứ vào đây để tin tưởng. Đối với xứ không nên tin thì vọng sinh là Thánh giáo chân thật để thắng giải.

Kẻ kia do rơi vào luận tà phi thật phi lý, nên các bè nhóm nơi người khác, lúc xoay động đối với xứ đáng nghi thì không sinh nghi, không tìm cầu thầy, đích thân đi đến thỉnh vấn. Là có thể ký biệt đúng đắn, cho là không thể ký biệt. Là có thể đạt thanh tịnh, nghi là không thể đạt được. Là nhất thiết trí, thì cho không phải nhất thiết trí. Đại sư qua đời, đối với nơi chốn nghi hoặc thì tùy chuyển rất ráo. Vì sao? Vì khi Đại sư ở đời có thể quyết định rõ nhất thiết trí này không

phải là nhất thiết trí. Đại sư diệt độ rồi, thì nơi nào để thỉnh vấn, làm sao quyết đoán? Đó gọi là hành tà.

Do duyên nào nên biết thiết lập như thế khiến nghiệp thanh tịnh là không hợp đạo lý? Do hai duyên: Nghĩa là hành khổ kia tức chỗ tạo tác của nhân đời trước là không hợp lý. Do đấy nên có thể dứt hết nghiệp bất thiện đời trước, là không hợp lý.

Lại, hành khổ này không có công năng, khiến chỗ tạo tác từ trước có thể chiêu cảm khổ thọ, các nghiệp bất thiện thành thuận nơi lạc thọ. Do đó, kẻ kia đây khởi định kiến như thế. Do hành tự khổ, khiến nghiệp ác đã tạo từ đời trước đều biến đổi, loại bỏ. Nếu có sự việc ấy thì chỗ tạo tác của đời trước kia có thể thuận theo khổ thọ, các nghiệp bất thiện là có thể chiêu cảm được các quả của khổ thọ do tự khổ bức bách trong hiện pháp chăng?

Nếu nói chiêu cảm được quả của khổ thọ ấy thì tu hành tự khổ tức là uổng công. Thọ nhận quả kia rồi, tự nhiên biến đổi, loại bỏ hẳn. Nếu như thế thì các nghiệp bất thiện đã tạo từ đời trước, không phải là chỗ có thể biến đổi, loại bỏ hẳn của hành tự khổ.

Lại, nếu thọ nhận sự chiêu cảm của nhân nơi nghiệp đời trước thì kẻ kia tự thừa nhận, khiến một phần của nghiệp giảm dứt, có thể đạt được phần ít thắng lợi. Do nhân duyên này, như chỗ thừa nhận phần ít thắng lợi ấy cũng không thật có. Như thế tức là hết sức trở ngại cho chính mình vì bị nghiệp trói buộc nên chung cuộc không được giải thoát. Do đạo lý ấy nên gọi luận tà hành tà này là lỗi làm tai họa thứ nhất, tức là trở ngại cho tự nghĩa của nội chứng.

Thế nào là lỗi làm tai họa do bị kẻ khác hủy báng? Nghĩa là kẻ kia nương dựa nơi hai thứ luận tà, phát khởi ba thứ hành tự khổ nào, hoặc nói: Các sự lãnh nhận của Bồ-đặc-già-la, sĩ phu hiện có, hết thấy đều là chỗ tạo tác của nhân từ trước. Đó gọi là luận tà thứ nhất, tức luận nhân ác.

Lại có thuyết nói: Như trời Tự Tại biến hóa đầu tiên kia, từ đó về sau, các sự lãnh nhận, tất cả đều là chỗ tạo tác của nghiệp đời trước. Đó gọi là luận tà thứ hai, tức luận nhân ác.

Ba thứ hành tự khổ: Nghĩa là phòng hộ thân ngữ ý.

Phòng hộ thân: Là không đem thân cùng với hữu tình khác chung trụ lẫn lộn, chỉ đi đến chốn rừng núi, A-luyện-nhã, ở một mình nơi tĩnh lặng, đều không ai thấy mà tu khổ hạnh.

Phòng hộ ngữ: Nghĩa là người kia thọ trì giới cấm im lặng không nói.

Phòng hộ ý: Tức tâm nhẫn thọ các khổ bức bách mình. Người kia khởi ngôn thuyết vui thích mong muốn như thế, vì kẻ khác hiển bày chỉ rõ. Do hai thứ được thấy ấy viên mãn, cùng do ba thứ hành khổ viên mãn, nên có thể vượt khỏi các khổ, nhưng với tự khổ thì không thể vượt qua, thế nên bị kẻ khác hủy báng.

Nếu các sự thọ nhận tất cả đều là chỗ tạo tác của nhân từ trước, cũng là nhân của trời Tự Tại biến hóa tạo tác, cũng là chỗ tạo tác thuộc nhân của ba thứ hành khổ có thể vượt khỏi, tức là ba thứ tu hành khổ, cùng chỗ thọ nhận các khổ nhất định là được chiêu cảm từ nghiệp đen của đời trước, cũng là chỗ biến hóa của tự tại bạo ác, ba thứ hành khổ đều không thể vượt qua, thế nên hiện tại nhận lấy khổ thọ ấy.

Nếu kẻ kia tuy lại bị trở ngại cho việc nội chứng, nhưng có được kẻ khác xưng tán, cũng hãy còn không thể, huống hồ đây là xưng tán kẻ khác, nên thắng lợi cũng không thật có. Thế nên gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai. Do phân này nên chỉ có thể chê trách.

Lại nữa, cùng với trên đây trái nhau, nên biết là thiết lập chánh nghiệp nhiệm tịnh cùng trong hành chánh đáng có hai thắng lợi:

(1) Thắng lợi của nội chứng không vương mắc.

(2) Thắng lợi được kẻ khác xung tán.

Thế nào là luận thiết lập phần tạp nhiễm của nghiệp? Nghĩa là có hai nghiệp:

(1) Nghiệp thiện.

(2) Nghiệp bất thiện.

Đối với đời quá khứ đã từng tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, khiến trong hiện tại thọ nhận quả dị thực, ái, phi ái. Lúc thọ nhận quả ái phi ái có sai biệt, lại tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, do đấy, đương lai sẽ thọ nhận quả dị thực ái phi ái. Như thế gọi là luận nên phần tạp nhiễm của nghiệp.

Thế nào là luận thiết lập phần thanh tịnh của nghiệp? Tức là như có một hữu tình, không tạo nghiệp mới, nên nghiệp cũ tiếp xúc rồi liền lại biến đổi, loại bỏ, do sức đối trị nên vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, đạt được thanh tịnh. Như thế gọi là luận khiến nghiệp tạp nhiễm được thanh tịnh. Như vậy, thiết lập phần nhiễm tịnh của chánh nghiệp, gọi là luận vô thượng.

Thế nào là hành chân chánh? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong chánh pháp thành tựu đa văn, đối với phần tạp nhiễm cùng thanh tịnh của nghiệp, nhận biết đúng về tướng tạp nhiễm, thanh tịnh rồi, xả bỏ nghiệp bất thiện, tu tập nghiệp thiện. Hữu tình kia, đối với văn, tư, tác ý như lý, siêng tạo phương tiện rồi, vì nhằm chứng tu, nên ở nơi chốn vắng lặng, tịnh tu tâm đối trị, khiến lìa các cái cùng với pháp các khổ. Vì muốn đoạn trừ tham dục, giận dữ, trạo cử, ô tác, nên dùng chín thứ hành, khiến tâm an trụ, khiến tâm dứt bỏ chỗ đối trị của Chi. Vì muốn đoạn trừ cái hôn trầm, trạo cử và nghi, nên phân biệt về sáu sự, tác ý như lý, tu trị nơi tâm, dứt bỏ chốn đối trị của Quán. Từ chỗ đối trị Chi, Quán kia xuất rồi, có thể tu học đúng đắn, để trừ bỏ, chế phục các khổ. Người kia đã tịnh tu về tâm như thế rồi, khiến lìa pháp các khổ của các cái, lại đối với các thứ y phục,

thức ăn uống, ngoạn cụ thọ dụng đúng phép tắc, tịnh tu nơi tâm. Nếu do quen gần với các thứ y phục cho đến ngoạn cụ như thế, pháp bất thiện tăng, pháp thiện thoái giảm, tức liền xa lìa, đâu có thể thọ dụng. Y phục thô xấu, khâu vá như thế là để tự tồn tại, nhẫn thọ các khổ, tiến tu hành chân chánh.

Lại do hai duyên, nên thọ dụng các thứ y phục thắng diệu, nhân đây có thể khiến sinh trưởng pháp ác bất thiện, tức là các vọng tưởng, các tâm tư bất chánh. Những gì là hai duyên? Đó là:

(1) Nơi các thứ thiện, chưa có thể trong thời gian dài thường xuyên tu tập, nên tâm không dụi dàng, thuận hợp.

(2) Đối với các sự như y phục, thức ăn uống v.v... dục tham chấp chặt. Do nhân duyên ấy, nên tu hành chân chánh, tâm được thuận hợp, khiến có thể gắng sức tạo tác. Nơi các thứ như y phục v.v... dục tham chấp chặt, cùng các pháp duyên sinh vô thường, luôn luôn buộc giữ niệm để thấy rõ lỗi lầm tai họa. Bấy giờ tuy lại thọ dụng các thứ như y phục v.v... thắng diệu, nhưng ở trong ấy không có tạp nhiễm. Hành giả như thế cũng thọ nhận an lạc, cũng không có tội.

Do lực tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên tịnh tu nơi tâm, lìa bỏ các cái. Do diệu lực của sự xét chọn, nên việc thọ dụng sai lạc, tuy lúc ấy đã giảm thiểu, thành tựu tâm tánh một cảnh, nhưng tùy miên dục tham vẫn chưa đoạn dứt, nơi đời vị lai lại bị tạp nhiễm.

Hữu tình kia do tuệ diệu thông tỏ như vậy rồi, liền tu gia hạnh, đoạn trừ rất ráo, thọ dụng như pháp về biên vực nơi các thứ ngoạn cụ, lìa những tham chấp, trước khéo tu trị tư lương của chánh định, lần lượt cho đến có thể nhập nơi tĩnh lự thứ tư thanh tịnh, dùng đây làm chỗ dựa, chứng hiện quán đế, theo đó được lậu dứt hết, tâm hoàn toàn giải thoát, lìa mọi trói buộc của tất cả khổ, là chỗ thâm nhận của tịch tĩnh rất ráo, thanh tịnh vi diệu, tất cả thân tâm nối tiếp viên mãn.

Vĩnh viễn lìa buộc nơi hết thấy phiền não, có thể lãnh nhận khắp các thọ vô lậu. Đó gọi là hành chân chánh.

Như thế nên biết, nội chứng không vướng mắc, cùng với năm thứ sai biệt kia trái nhau, là được kẻ khác xưng tán. Người kia, bấy giờ từ các triền cái cùng tất cả khổ, tâm hoàn toàn giải thoát. Ở trong hiện pháp, các tùy miên kia vĩnh viễn đoạn trừ rất ráo. Nghiệp của đời trước đời sau, cùng tạp nhiễm hiện có của dị thực đều khéo giải thoát. Do nơi hiện pháp, đạt được Thánh đạo cùng quả của đạo.

Lại nữa, lược có ba thứ hữu tình:

- (1) Phạm phu chưa nhập Thánh giáo.
- (2) Hàng hữu học đã nhập Thánh giáo.
- (3) Hàng phạm phu đã nhập Thánh giáo.

Do ba thứ tướng, nên biết về hữu tình đầu tiên. Hữu tình thứ hai, thứ ba nên biết cũng thế.

Thế nào là ba tướng nên biết hữu tình đầu tiên? Nghĩa là, trước hết có một hữu tình, đã thành tựu được chánh kiến của thế gian, nhận biết rõ là có bố thí, cho đến nói rộng. Người kia, vào một lúc khác nghe pháp bất chánh làm nhân duyên, nên liền phát khởi tác ý phi lý, chánh kiến của thế gian sắp sửa muốn diệt. Lại, chỗ đối trị kia lại phi báng, nên tà kiến sắp sinh. Người ấy, trong thời gian đó đã lắng nghe chánh pháp làm nhân duyên, bèn trở lại phát sinh tác ý như lý. Hữu tình kia, lúc sắp muốn sinh phi báng, tà kiến không hiện hành, nên gọi là đoạn. Nhưng chánh kiến kia, trước đã thành tựu nên không gọi là sinh.

Thứ hai, có một hữu tình không thành tựu chánh kiến, cùng do tà kiến, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên nên mới có thể phát sinh chánh kiến của thế gian. Kẻ ấy, đối với tà kiến không gọi là đoạn, vì trước không thành.

Thứ ba, có một hữu tình, gây tạo tà kiến, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên, nên đoạn dứt tà kiến, sinh khởi chánh kiến.

Thế nào là ba tướng, nên nhận biết hữu tình thứ hai? Nghĩa là, đối với Đức Phật v.v..., đã đạt chứng tịnh, kẻ kia đối với Phật v.v..., trước đã hiện khởi tất cả vô trí, nên nơi các đế, lúc đạt hiện quán, trước đã đoạn hết, thế nên nay không gọi là đoạn, nhưng đối với Đức Phật v.v..., chứng tịnh cùng hành với minh hiện tiền, nên gọi là sinh. Tức dùng học đạo đoạn trừ phẩm vô minh còn lại, mà đối với minh không gọi là sinh khởi. Đạo này cùng với chủng loại trước là đồng, nên đạo vô học kia sắp hiện tiền, nên vô minh do tu đạo đoạn thấy đều diệt hết, lại có thể sinh khởi các minh vô học.

Thế nào là ba tướng, nên nhận biết hữu tình thứ ba? Nghĩa là nghe chánh pháp tương ưng với vô ngã, trước hết chỉ do nghe phát sinh tin hiểu, nhưng chưa ngộ nhập. Hữu tình kia đối với vô ngã sinh tin hiểu, có thể đoạn trừ ngã kiến. Do chưa ngộ nhập nên không được gọi là sinh kiến vô ngã.

Như đã được nghe pháp, lúc lại có thể chánh tư duy, nên đối với lý vô ngã có thể ngộ nhập, nên được gọi là sinh kiến vô ngã, nhưng đối với tùy miên kia chưa có thể đoạn. Từ đây về sau, do diệu lực của tu đạo, chứng hiện quán đế, mới đoạn tùy miên, phát sinh vô lậu.

HẾT - QUYỂN 89

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 90

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ HAI:

SỰ KHẾ KINH. LỰA CHỌN, GỒM THÊU VỀ XỨ. ĐOẠN 2:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Năm hai cùng mười ba
Bốn nghiệp là sau cùng.*

Có hai thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp nặng.
- (2) Nghiệp nhẹ.

Lại có hai thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp tăng tiến.
- (2) Nghiệp không tăng tiến.

Lại có hai thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp cố ý suy xét tạo nên.
- (2) Nghiệp không cố ý suy xét tạo nên.

Lại có hai thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp nhất định thọ nhận.
- (2) Nghiệp không nhất định thọ nhận.

Lại có hai thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp của dị thực đã thành thực.
- (2) Nghiệp của dị thực chưa thành thực.

Lại có ba thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp thiện.
- (2) Nghiệp bất thiện.
- (3) Nghiệp vô ký.

Lại có ba thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp thuận với lạc thọ.
- (2) Nghiệp thuận với khổ thọ.
- (3) Nghiệp thuận với thọ không lạc không khổ.

Lại có ba thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp thuận hiện pháp thọ.
- (2) Nghiệp thuận sinh thọ.
- (3) Nghiệp thuận hậu thọ.

Lại có ba thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp học.
- (2) Nghiệp vô học.
- (3) Nghiệp phi học phi vô học.

Lại có ba thứ nghiệp:

- (1) Nghiệp do kiến đạo đoạn.
- (2) Nghiệp do tu đạo đoạn.
- (3) Nghiệp không đoạn.

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp quanh co, tức thân quanh co v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp cấu uế, tức thân cấu uế v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp ô trược, tức thân ô trược v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp tịnh, tức thân tịnh v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp im lặng, tức thân im lặng v.v...

Có bốn thứ nghiệp:

(1) Nghiệp của dị thực đen đen.

(2) Nghiệp của dị thực trắng trắng.

(3) Nghiệp của dị thực đen trắng đen trắng.

(4) Nghiệp không đen không trắng, không dị thực, có thể dứt hết các nghiệp.

Nên biết ở đây, do ba nhân duyên khiến nghiệp thành nặng:

(1) Do ý lạc.

(2) Do gia hạnh.

(3) Do ruộng.

Do ý lạc: Là do chỗ tạo tác của triền mạnh mẽ, nên đối với kẻ đồng pháp thấy rồi hoan hỷ. Đối với phần tùy pháp kia, tùy thuận nhiều nơi tâm tư, tùy thuận nhiều vào dò xét. Như thế gọi là do ý lạc, nên khiến nghiệp thành nặng.

Do gia hạnh: Là đối với nghiệp kia tạo tác không gián đoạn, tạo các căn trọng, tích tập trong thời gian dài. Lại khuyến khích kẻ khác tạo tác. Lại tức đối với nghiệp ấy xung tán hết lời. Như thế gọi là do gia hạnh nên khiến nghiệp thành nặng.

Do nơi ruộng: Nghĩa là các hữu tình, đối với người có ân đối với mình, hoặc trụ nơi hành chánh cùng quả của hành chánh, đối với kẻ kia phát khởi hành thiện, hành ác.

Nên biết nghiệp này gọi là nặng. Cùng với đây trái nhau, được gọi là nhẹ. Nếu nghiệp không phải là sự tạo tác rõ ràng, hoặc tạo tác trong mộng, hoặc do tạo tác vô phú vô ký, hoặc tạo tác không thiện, liền lại hồi hận, thâm nhận sự đối trị. Lại, đối với các nghiệp hiện có, hết thấy thanh tịnh tương tục. Như thế đều gọi là nghiệp không tăng tiến. Nên biết, khác với đây, gọi là nghiệp tăng tiến.

Ở đây, nghiệp cố suy xét tạo nên: Nghĩa là, trước hết lường xét rồi, thuận theo tâm tư rồi, tùy thuận dò xét xong mới tạo tác. Hoặc lại lầm loạn, hoặc không lầm loạn.

Nếu là lầm loạn: Nghĩa là ở nơi xứ khác, suy xét muốn sát hại, hoặc muốn trộm cướp, hoặc muốn biệt ly, hoặc muốn vọng ngữ cùng dối gạt v.v... Suy xét như thế rồi, tức dùng tướng ấy, nơi xứ riêng tạo thành đầy đủ. Nên biết ở đây, do ý lạc nên gọi là nặng, không do sự nên gọi là nặng.

Không lầm loạn: Nên biết về tướng cùng với đây trái nhau. Nếu khác với nghiệp này, đó tức gọi là nghiệp không cố suy xét tạo nên.

Nghiệp nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét đây khởi, nặng.

Nghiệp không nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét tạo tác, nhẹ.

Nghiệp của dị thực đã thành thực: Là dị thực của nghiệp đã cho quả.

Nghiệp của dị thực chưa thành thực: Là nghiệp cùng với đây trái nhau. Nếu lúc sắp chứng đắc A-la-hán, chỗ tạo tác trước quyết định thọ nghiệp, do quả dị thực hiện tiền, nên có thể bị chướng ngại, không do theo đuổi thân nối tiếp. Vì sao? Vì chỉ do nghiệp kia, sinh

chỗ dựa là thân không bình đẳng, nên có thể làm chướng ngại, khiến không thể đắc quả A-la-hán. Nếu không sinh thọ mà có thọ sau, đối với chỗ chứng đắc quả A-la-hán, không thể bị chướng ngại. Nhưng nghiệp kia không phải không là nghiệp nhất định thọ nhận. Vì sao? Vì do, tức dựa vào phiền não kia làm trợ bạn, cùng tức dựa nơi các hành tương tục kia, thiết lập nghiệp ấy là nhất định thọ nhận.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên kiến lập nghiệp thiện:

(1) Nhận lấy quả yêu thích.

(2) Nơi cảnh của đối tượng duyên, nhận biết khắp đúng như thật, cùng với quả kia.

Do hai nhân duyên, nên lập nghiệp bất thiện:

(1) Nhận lấy quả không yêu thích.

(2) Nơi cảnh của đối tượng duyên, chấp trước tà vạy.

Đối với hai thứ hành tướng thiện, bất thiện, không thể ghi nhận, nên lập nghiệp vô ký.

Nghiệp thuận với lạc thọ: Là ba tính lự một, hai, ba, hệ thuộc nơi địa, cùng nghiệp thiện hiện có hệ thuộc cõi dục.

Nghiệp thuận với khổ thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm sinh nơi nẻo ác, là sinh trong ngạ quỷ hay bàng sinh.

Nghiệp trước làm nhân, chiêu cảm được lạc thọ, nên biết nghiệp này cũng được gọi là nghiệp thuận lạc thọ.

Nghiệp thuận với thọ không khổ không lạc: Nghĩa là tính lự thứ tư, cùng với các nghiệp hiện có của địa trên v.v...

Chỉ trừ nẻo Na-lạc-ca, nơi các xứ còn lại nên biết đều được gọi là thọ nhận khổ lạc lẫn lộn. Tức do lực tăng thượng của nghiệp kia, nên khiến khổ lạc ấy dựa nơi thân trụ, xen lẫn không cùng ngăn ngại.

Nghiệp thuận hiện pháp thọ: Nghĩa là do tướng trạng ý lạc như thế đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng gia hạnh như thế, nghĩa là gia hạnh của sự, hoặc gia hạnh của thân, hoặc gia hạnh của ngữ, đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng ruộng tốt như thế đã tạo các nghiệp, ở trong hiện pháp, dị thực đã thành thực. Như thế gọi là nghiệp thuận hiện pháp thọ.

Nếu nghiệp được tạo, ở trong hiện pháp, dị thực chưa thành thực, nơi đời tiếp theo sẽ sinh dị thực. Như thế gọi là nghiệp thuận sinh thọ.

Nếu nghiệp đã tạo, dị thực của hiện pháp và đời tiếp theo chưa thành thực, từ đây trở về sau, dị thực mới thành thực, nên biết đó gọi là nghiệp thuận hậu thọ.

Nghiệp hữu học: Nghĩa là Thánh đệ tử, nơi mọi thời gian, dựa nơi giới tăng thượng, dựa nơi tâm tăng thượng, dựa nơi tuệ tăng thượng, tu học vô lậu, cùng sau đây đạt được nghiệp hữu lậu thiện, gọi là nghiệp hữu học.

Nghiệp vô học: Nghĩa là ở trong tất cả thân tương tục của A-la-hán v.v..., tùy các nghiệp ứng hợp. Các nghiệp còn lại ấy, đó gọi là nghiệp phi học phi vô học.

Nếu phiền não tương ưng do kiến đạo đoạn, hoặc chỗ phát khởi các nghiệp như tư v.v..., tất cả nghiệp ấy có thể đi đến các nẻo ác, thì chúng đều gọi là nghiệp do kiến đạo đoạn.

Nếu phiền não tương ưng do tu đạo đoạn, cùng chỗ phát khởi các nghiệp ấy như tư v.v..., như vậy đều gọi là nghiệp do tu đạo đoạn.

Nghiệp không đoạn: Đó là tất cả nghiệp hữu học, vô học xuất thế gian. Nên biết ở đây do ba thứ tướng, nên các nghiệp do cố ý suy xét tạo nên, tức ở nơi hiện pháp tạo sự tăng trưởng rồi, trở lại đoạn trừ. Những gì là ba tướng? Đó là:

(1) Hiện pháp đoạn.

(2) Sinh đoạn.

(3) Sau đoạn.

Hiện pháp đoạn: Tức như có một hữu tình, ở trong hiện pháp có ý suy xét tạo nghiệp, khiến tăng trưởng rồi liền lại chán lia. Đối với chỗ tạo tác ấy thọ nhận sự chán lia. Đây là phàm phu chưa được lia dục, trụ như thế đến mạng chung, nhưng chưa có thể khiến nơi phần vị của đời tiếp theo không tạo nghiệp kia, không thọ nhận dị thực, cũng chưa có thể khiến nơi phần vị sau của đời ấy không có sự việc này, ở trong hiện pháp cũng chưa hoàn toàn có thể khiến không tạo.

Sinh đoạn: Tức lại có một hữu tình, nhận sự chán lia rồi, tuy là phàm phu nhưng ở nơi cõi dục đã được lia dục, trụ ở đấy đến mạng chung, kể kia nơi hiện pháp lại không tạo tác, đối với đời tiếp theo hãy còn không thọ nhận dị thực, hướng hồ là lại sinh rồi sẽ có tạo tác, nhưng chưa giải thoát khỏi việc tạo nghiệp cùng nhận dị thực của phần vị sau.

Sau đoạn: Nghĩa là lại có một hữu tình, tuy là hữu học, nhưng đối với cõi dục chưa được lia dục, thọ nhận sự chán lia xong, đạt được quả Sa-môn đầu tiên, hoặc lại quả thứ hai. Chứng đắc quả rồi, khởi niệm: Phạm chỗ hiện có của ta là do nhiều thô trọng, do nhiều nhiệt nã, chỉ nên dứt bỏ, vì đáng chán khinh. Thân tạo tác nghiệp ác, nguyện nơi hiện pháp hết thảy đều nhận. Hoặc ta hiện có thọ nghiệp của hiện pháp, hoặc khổ hoặc vui, cùng với dị thực kia đồng thời thọ nhận. Chớ lại khiến ta sẽ ở nơi phần vị sinh, hoặc nơi phần vị sau, thọ nhận dị thực kia. Chánh tâm phát thệ nguyện như thế rồi, vì đoạn trừ các thứ phiền não, nên lại tu vô lượng, dùng định của phẩm Xa-ma-tha thâm tóm, chánh thức khởi gia hạnh, vì nhằm khiến cho nhân duyên có thể đầy khởi. Nghiệp kia được dứt trừ rốt ráo, cùng tiến tới lia dục ái.

Nên biết ở đây, hoặc do ý lạc sân, hoặc do ý lạc hại, hoặc do ganh ghét, hoặc do sự việc đáng yêu thích nên sinh nhiễm chấp sâu xa, do đấy làm nhân, nên đối với các hữu tình phát khởi hành tà, tức là thân ngữ ý phát khởi nghiệp ác cùng vô số việc ác. Nếu có hữu tình vì nhằm đối trị bốn thứ nhân duyên có thể đẩy khởi nghiệp ác, nên tu bốn vô lượng nơi Tam-ma-địa thù thắng. Hữu tình kia, cho đến đối với hàng nam nữ nhỏ tuổi, không nơi nào là không thâm nhận. Vừa lại phát khởi suy nghĩ tạo nghiệp ác, thế nên người kia tu gia hạnh như vậy, có thể dứt trừ hết nhân duyên của nghiệp ác hiện có. Nên biết tu tập gia hạnh đúng đắn như thế, do hai nhân duyên, nên đối với chỗ tạo tác cùng tăng trưởng tất cả nghiệp ác đều có thể dứt bỏ. Tức là do tu tập vô lượng định. Vì sao? Vì nghiệp ác được tạo tác chỉ đối với cảnh giới của hữu tình hữu lượng, ý lạc được đẩy khởi là muốn không tạo lợi ích. Việc tu tập vô lượng chính là đối với cảnh giới của hữu tình vô lượng, ý lạc được phát khởi là nhằm tạo lợi ích. Lại, tâm có thể phát khởi nghiệp bất thiện thuộc về cảnh giới thấp kém, là đối tượng được đối trị. Do tâm cùng hành với sự tu tập vô lượng, thuộc về cảnh giới thắng diệu, là chủ thể đối trị.

Lại, tâm là thù thắng, đối với các nghiệp được tạo đều thuộc nơi tâm, nên nói thế gian đều là sự nối tiếp đời đời của tâm, đều dựa nơi tâm chuyển. Hành giả như thế, trước phát chánh nguyện làm chỗ nương dựa, sau khéo tu tập định tâm vô lượng, nên lúc tiến đến việc lìa dục ái, liền có thể đạt được an trụ nơi quả Bất hoàn.

Nếu chỉ ở nơi quả ấy liền sinh biết đủ, ở trong hiện pháp không cầu tiến lên trên, thì trong hiện pháp kia hãy còn không tạo nghiệp, huống là nơi phần vị sinh, hoặc nơi phần vị sau. Lại, nhất định không thể sẽ thọ nhận dị thực của phần vị sinh, phần vị sau.

Lại, ngoài chánh pháp, thì những kẻ rơi vào tà kiến, những kẻ hành tà đạo, với tất cả nghiệp thiện bất thiện hiện có đã khởi tà kiến,

do sức tăng thượng của tà kiến sinh khởi, đều gọi là nghiệp quanh co, nghiệp tà vạy.

Các nghiệp do tham sân mãnh liệt dấy khởi đều gọi là nghiệp cấu uế. Kẻ si mãnh liệt, kẻ quên mất niệm thuộc độn căn phẩm thượng, kẻ hết sức ám độn, tức nghiệp do si khởi đều là nghiệp ô trược.

Hết thầy hành diệu có thể đi đến nẻo thiện đều gọi là nghiệp tịnh. Hết thầy hành diệu có thể đi đến Niết-bàn, gọi là nghiệp im lặng.

Lại nữa, nghiệp ác có thể chiêu cảm nơi chốn Na-lạc-ca đều khác biệt, gọi là nghiệp của dị thực đen đen. Nghiệp thiện có thể chiêu cảm nơi chốn là cõi trời đều khác biệt, gọi là nghiệp của dị thực trắng trắng. Các nghiệp hiện có có thể chiêu cảm nơi chốn khác, gọi là nghiệp của dị thực đen trắng đen trắng.

Nơi xứ sở ấy, có hai nghiệp quả hiện tiền có thể đạt được, thế nên nói chung dùng làm một nghiệp. Nếu là các nghiệp vô lậu xuất thế gian thì đều gọi là nghiệp không bị dị thực không đen không trắng, có thể dứt trừ hết các nghiệp. Nếu đã dứt hết các nghiệp, hoặc sẽ dứt hết các nghiệp, hai thứ được gọi chung là có thể dứt trừ hết các nghiệp, khiến kẻ chưa sinh sẽ không sinh, khiến người đã sinh rồi thì được lìa mọi trói buộc, do căn cứ nơi dị thực của nhân quả khả ái.

Nói không trắng, nên biết xứ sở đều khác biệt nơi nẻo trời hoàn toàn là trắng: Nghĩa là vượt quá cõi trời Tha Hóa Tự Tại, vẫn trong cõi dục, có “kinh đô” của Ma vương với cung điện của chúng ma, cùng cõi trời Phạm Thế ở trên, cho đến nghiệp thiện hiện có của xứ phi tướng phi phi tướng, gọi chung làm một. Do nơi chốn kia, mắt có thể thấy sắc, cho đến ý nhận biết pháp. Hoàn toàn là khả ái tiếp nối, là nghĩa thù thắng tăng thượng, nên môn ý dẫn phát ý thành nghiệp. Xứ sở Na-lạc-ca đều khác biệt có bốn:

(1) Na-lạc-ca lớn.

(2) Na-lạc-ca riêng.

(3) Na-lạc-ca lạnh.

(4) Na-lạc-ca biên.

Nơi xứ sở này, đều riêng thọ nhận thuận thuận theo lạc thọ nơi dị thực của các quả, nghiệp, hoặc đều riêng thọ nhận thuận thuận theo khổ thọ nơi dị thực của các quả nghiệp. Do đó gọi là xứ sở đều riêng.

Lại, hai tĩnh lự một và hai, đối với cung ma đều thọ nhận thuận vui thích. Nếu ở nơi tĩnh lự thứ ba trở lên là thọ nhận thuận hỷ lạc.

Nói hỷ lạc: Tức khiến tâm điều hòa, dịu dàng, khiến tâm an vui thích hợp. Cùng tương tự với hỷ, nên gọi là hỷ, không phải là hỷ thọ. Cùng với lạc tương tự, nên gọi là lạc, không phải là lạc thọ.

Sáu môn xúc xứ luôn được lãnh nhận, nên biết tức gọi là sáu xúc xứ, cùng với nơi chốn đều riêng, là nghĩa của đạo lý nhân quả cùng tùy thuộc.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Không trí, trí cùng định
Thù thắng, chướng nơi học
Chấp vô ngã, Thánh đạo
Hai biển không đồng phận.*

Hoặc các tà kiến, hoặc các ngã kiến, hoặc tức là vô minh, dựa vào chỗ đã nêu ở trước về ba chúng hữu tình không trí làm gốc, nên được sinh khởi. Nếu có thể đoạn trừ gốc rễ vô nghĩa ấy, vì nơi hết thảy chúng, nó có thể dứt khởi tất cả tạp nhiễm nơi một pháp. Nên biết có thể ghi nhận lý giải một cách đúng đắn. Ở đây, tạp nhiễm thứ nhất được dứt khởi là tổn giảm sự thật. Tạp nhiễm thứ hai là tăng ích sự hư. Tạp nhiễm thứ ba, đối với nẻo như thật kia hiển bày rõ về

phương tiện, có thể tạo ngu si. Do đối với hai nhân kia có ngu si, nên khởi tăng ích hoặc khởi tổn giảm.

Lại nữa, có hai thứ trí như thật:

(1) Do tác ý như lý phát khởi.

(2) Do Tam-ma-địa phát khởi.

Nên biết ở đây, tác ý do văn, tư đúng đắn tạo thành, với lực tăng thượng của việc lắng nghe chánh pháp, nên đối với sự chuyển biến, sinh khởi lỗi lầm tai họa của năm thứ phân vị thọ, đều nhận biết đúng như thật.

Lại, tức đối với sự chuyển biến của phân vị ấy, tư duy như lý, gọi là chánh trí như thật của địa chẳng định. Đây là chỗ nương dựa để có thể tùy nhập tu tập.

Thế nào gọi là phân vị chuyển biến đầy khởi lỗi lầm tai họa? Nghĩa là các tánh vô thường của phân vị khổ, lạc. Trong phân vị khổ có tánh của tự tánh khổ. Nơi phân vị lạc, có tánh của pháp biến hoại.

Thế nào gọi là phân vị chuyển biến? Nghĩa là phân vị lạc cùng với phân vị khổ có tánh dị biệt. Như thế, nên biết, tất cả phân vị lần lượt đều dị biệt, và nơi dị biệt ấy đều quán thấy đúng như thật. Ở nơi phân vị ấy, trụ vào tướng vô thường, quán thấy đúng như thật về lỗi lầm tai họa dị biệt.

Nhận biết thọ hiện có đều là khổ rồi, trụ nơi tướng khổ, có tướng như thế, có kiến như thế, đều có thể chứng đắc thanh tịnh. Thế nên cũng được gọi là trí như thật.

Trí như thật dựa vào định phát khởi: Tức là dựa vào hành tướng kia lúc chuyển biến thuộc về khinh an, thanh tịnh không nhiễu loạn, tịch tĩnh mà chuyển. Nên biết hành này cùng với trước có sai biệt.

Lại, tánh vô thường là cộng tướng của tất cả hành. Tánh khổ là cộng tướng của tất cả pháp hữu lậu. Hai trí như thật là chỗ dựa

nương. Nên biết có thể hiện bày rõ đúng như thật về hai tướng của pháp kia.

Lại nữa, người trụ nơi nội pháp chưa được tâm định, hãy còn sai biệt so với tâm định của ngoại đạo, do trí hơn hẳn, hưởng hồ là được tâm định. Vì sao? Vì các ngoại đạo kia tuy được tâm định, cho đến chứng đắc định phi tưởng phi phi tưởng hết sức lâu xa, nhưng vẫn chưa có thể ở nơi sáu xúc xú, do năm chuyển biến kia nhận biết rõ như thật, chứng đắc giải thoát. Do đó, pháp định kia so với chánh pháp - luật này, cũng như mặt đất với hư không, cách nhau hết sức xa.

Người trụ nơi nội pháp, tuy chưa được định, chỉ do tin nghe thắng giải về vô ngã, liền có thể chứng đắc tâm Tam-ma-địa, đối với sáu xúc xú có thể đoạn trừ, có thể nhận biết, tâm được lìa dục, cùng chứng giải thoát. Do đây nên biết đối với chánh pháp - luật, ngoại đạo kia có hoại mất, còn người trụ nơi nội pháp thì không hoại mất. Chính là thắng giải chân chánh, lúc nối tiếp chuyển, đối với sáu cảnh giới nương dựa nơi sáu căn, lược có năm thứ hành diệu tịch tĩnh:

(1) Đối với các pháp kia thấy rõ lỗi lầm tai họa, nên gọi là khéo điều phục.

(2) Đối với các cảnh giới không nên bày biện, tức không bày biện, nên gọi là khéo xét kỹ.

(3) Ở trong các cảnh giới nên sắp đặt, bày biện, hoặc ở trên cảnh đột nhiên hiện tiền, khéo trụ niệm, nên gọi là khéo giữ lấy.

(4) Tất cả phiền não đều có thể đoạn trừ, nên gọi là khéo bảo hộ.

(5) Đã khéo tu tập đạo viên mãn, nên gọi là khéo tu tập.

Lại nữa, ở nơi hai xứ sở, Như Lai chứng đắc trí an lập thù thắng, có thể nêu bày, làm rõ đúng đắn, vượt các thứ khổ, lạc, không phải là không chứng đắc trí an lập thù thắng. Trong đó, nếu có kẻ tạo sự lãnh

hội như vậy: Đại Sa-môn này là thuộc chủng tộc Kiền-đáp-ma, không biết không hiểu, đối với các thứ hoàn toàn an lạc của thế gian, vì khiến các đệ tử cho an lạc này xen lẫn với các khổ, nên sinh sợ hãi sâu xa, vì nhằm vượt quá khổ lạc lẫn lộn do dựa cậy vào các thế gian, vì nhằm vượt khỏi các khổ lạc, nên tuyên thuyết pháp yếu. Nên biết lãnh hội ấy là tướng tà vạy, là phân biệt sai lạc, là tà kiến lớn. Nhưng Đức Như Lai đã khéo nhận biết về thế gian hoặc hoàn toàn là lạc, hoặc hoàn toàn là khổ, hoặc khổ lạc lẫn lộn, nhưng tất cả đều là vô thường. Thế nên, vì khiến cho các chúng đệ tử vượt quá tất cả thế gian vô thường, vượt quá khổ lạc, nên thuyết giảng chánh pháp thiết yếu.

Do ba thứ tướng, nên nhận biết rõ, đúng về các sự hợp ý. Nghĩa là các sự khả ái của đời vị lai, gọi là đối tượng được truy cầu. Hoặc các sự khả ái của đời quá khứ, gọi là đối tượng được tầm tư. Hoặc cảnh giới bên ngoài đáng yêu thích của đời hiện tại, gọi là đối tượng được thọ dụng. Nếu là nội thọ khả ái của đời hiện tại, thì gọi là tham đắm, vương mắc. Nên biết ở đây, gắn chặt với ba đời, có bốn hành tướng: Một đối với vị lai. Một đối với quá khứ. Hai đối với hiện tại.

Nơi hành tướng này có thể tùy thuận ngộ nhập, là tướng hợp ý, tướng vui thích của ý, tướng của sắc khả ái, tướng của sắc bình an, như chỗ ứng hợp nên biết. Tức là bốn thứ hành tướng: Đáng mừng, đáng vui, đáng yêu, hợp ý.

Lại nữa, người siêng năng tu định, lược do hai môn, hai thời, hai địa, với các mong muốn hiện có. Ở chỗ dẫn phát ba thứ đẳng trì, có thể gây tạo chướng ngại. Vì nhằm đoạn trừ chướng ngại như thế, nên siêng năng tu tập đúng đắn năm thứ đối trị. Tức biết ở đây, trước tiên là chỗ thọ dụng các dục quá khứ, nơi xứ xa lìa, do môn tâm tư khiến tâm phóng dật.

Lại có cư gia hiện tại với các thứ lợi dưỡng, cung kính hiện có cùng hành với các dục, do môn tâm tư khiến tâm tán loạn. Ở đây, lợi

dưỡng, cung kính cùng hành với các dục hiện có, vào lúc hành trì khiến tâm phóng dật. Cư gia thọ dụng các dục trước tiên, vào lúc an trụ khiến tâm tán loạn. Tức các dục này đối với các địa phạm phu có thể gây chướng ngại, đối nơi địa hữu học cũng tạo chướng ngại.

Lại, đối với việc tu tập vô lượng cùng hành với đẳng trì của các phạm phu, có thể gây chướng ngại. Cũng đối nơi hàng hữu học, tu tập đẳng trì rộng lớn hay khéo thông đạt về sự của nhất thiết trí, có thể tạo chướng ngại. Cũng đối với hàng vô học hết sức khéo tu tập đẳng trì cứu cánh, có thể gây chướng ngại. Nên biết, các chỗ sinh khởi hết thầy đẳng trì như thế, đều cùng hành với hỷ. Ở đây, thứ nhất là ở trong môn ý lạc tạo lợi ích an lạc cho các hữu tình, cùng hành với hỷ. Thứ hai là hàng hữu học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ. Thứ ba là hàng vô học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ.

Hành giả kia, do sự nhận thức như mắt v.v... nơi đối tượng duyên như sắc v.v... là riêng biệt, nên lại có sáu thứ.

Lại, đẳng trì này gồm đủ các tướng, nên gọi là viên mãn.

Lại, đẳng trì này là biên vực rất ráo, nghĩa là có thể đi đến thế gian lìa dục, hoặc có thể đi đến nẻo xuất thế lìa dục. Vượt quá giới hạn ấy thì không thể hướng tới đẳng trì thanh tịnh có thể đạt được. Thế nên gọi đây là không có khuyết giảm.

Hoặc muốn mau chóng chứng đắc quả Sa-môn, đối với thân mạng v.v... không hề luyến tiếc, thường xuyên cẩn trọng gia hạnh không gián đoạn, tinh tấn mãnh liệt, ở trong các dục nhận biết rõ về tự tướng, giữ vững chánh niệm, nhận biết rõ về lỗi lầm tai họa, không trông mong v.v... Chánh tri hiện tiền, chánh niệm, chánh tri làm chỗ nương dựa, tạo phương tiện siêng tu bốn thứ không phóng dật. Nghĩa là nơi phân ngày, hoặc đi hoặc ngồi, đối với các pháp chướng ngại, tu tịnh nơi tâm, cho đến nói rộng. Phát khởi tinh tấn dũng mãnh như

vậy, đối với đối tượng chứng đắc không hề khiếp nhược. Do chín thứ tướng nên tâm được an trụ. Hoàn toàn tu tập định Xa-ma-tha, thân được khinh an, không có ái vị, nên không có nhiễm ô, không bị hai thứ tùy phiền não là hôn trầm và thù miên nhiễu loạn. Toàn bộ niệm trụ là chỗ nương dựa, siêng năng tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, giữ vững chánh niệm, xa lìa tùy phiền não trạo cử, nên không có ngu si. Đã nhập nơi đạo cả hai cùng vận hành của Chi, Quán, tâm được chánh định. Tức hai phần ấy là tùy hành một cảnh, vì đoạn trừ chướng ấy, nên tu tập năm thứ đối trị như thế làm chỗ dựa, nên có thể đối với chướng kia, nhận biết khắp cùng đoạn trừ vĩnh viễn. Nơi ba đẳng trì, dựa nơi sáu cảnh sự với sai biệt hiện có, hỷ cùng hành có thể dẫn đến định viên mãn. Do hai nhân duyên nên chư Phật Thế Tôn, vì các đệ tử, tuyên thuyết pháp, tự mình có thể phát khởi, dẫn dắt:

(1) Đối với những lỗi lầm hiện có của phẩm đen, khiến sinh hiểu rõ.

(2) Đối với những công đức hiện có của phẩm trắng, khiến sinh hiểu biết.

Lại nữa, ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da này, lược có hai thứ hữu tình:

(1) Đã được ý.

(2) Chưa được ý.

Đã được ý lại có hai loại:

(a) Đã thấy đế, đã được tâm hữu học, ý giải thoát.

(b) A-la-hán đã được tâm vô học, ý giải thoát.

Chưa được ý: Là hàng phàm phu đối với ba học, bắt đầu sự việc tu tập hữu học, họ hoàn toàn chưa được tất cả hai thứ tâm ý giải thoát, thế nên mong cầu sau thế phàm phu là cảnh diệt hữu dư y, và sau tự thế là giới Niết-bàn của diệt vô dư y, lúc ấy, ở trong ba học, tu nhiều học

trụ. Nếu các bậc vô học, tuy đã chứng đắc tâm ý giải thoát, nhưng hoặc bị mất niệm, khi hành phóng dật liền có thoái thất nơi hiện pháp lạc trụ. Các vị kia, tuy đối với hiện pháp lạc trụ, hoặc thoái chuyển không thoái chuyển, nhưng không gắng sức nên thoái thất giải thoát.

Nếu có người tu hành không phóng dật, thì tất cả đều vì chứng đắc giải thoát. Nhưng đã chứng đắc giải thoát không thoái chuyển, thì tu không phóng dật lại có công dụng gì? Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trụ, siêng tạo công dụng, như tạo tác công nghiệp, không phải là không phóng dật.

Nếu các hàng hữu học, trước đã chứng đắc tâm ý giải thoát, các vị ấy cũng quyết định hướng đến ba Bồ-đề. Nơi chỗ tu đạo, không do duyên khác, tự nhiên có thể tu hành không phóng dật, ở trong hiện pháp vẫn chưa dứt trừ phóng dật rốt ráo. Nếu có tất cả hữu tình chưa được ý, thì họ nên quyết định tu không phóng dật. Lại do ba tướng làm rõ chỗ nên tạo tác:

(1) Do các căn được tập thành, nên tư lương viên mãn.

(2) Do quen gần thuận theo các ngọ cụ như pháp, nên tâm được an trụ.

(3) Do nương dựa, gần gũi nơi bậc Thiện sĩ, nghe Phạm âm của kẻ khác, tác ý như lý nơi các nhân duyên, cho đến đạt được hai tâm giải thoát.

Lại, tức ở đây nên không phóng dật, lúc tạo tác chuyển biến, do hai thứ tướng nên biết, đối với sáu xứ tịch diệt kia, có tăng thượng mạn, không có tăng thượng mạn. Nghĩa là, ở nơi chưa diệt, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là diệt. Do đối tượng duyên, nên ở nơi chưa đạt được, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là đạt được. Kẻ kia, tuy khởi phân biệt sai lạc như thế. Tức là giải thoát của diệt, nhưng chưa thể khiến thân hoại trở về sau, thọ mạng vĩnh viễn dứt hết. Sáu xứ vĩnh viễn diệt cũng không thể lìa tướng của các cảnh giới.

Lại, kẻ kia do đối với sáu xứ tịch diệt, hoặc duyên hoặc chứng lãnh nhận tà vạy, nên có sự như thế. Hai thứ tướng ấy, nên biết gọi là có tăng thượng mạn. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là không có tăng thượng mạn.

Lại nữa, trụ nơi nội pháp, đối với hai thứ chấp trước, phải nên nhận biết rõ về hai thứ lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các phàm phu, đối với hai duyên thức cùng có thể nương nhận, không thể nhận biết rõ về tánh vô ngã.

Người chưa lìa dục, đối với nghiệp duyên tăng thượng của lợi dưỡng, sự cung kính, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ nhất.

Người đã lìa dục, đối với việc lìa duyên của các dục, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ hai. Chấp trước này làm nhân sinh khởi vị lai, nên gọi là sinh.

Lại, các ngoại đạo, do chấp giữ nên sinh các thứ trói buộc. Do trói buộc sinh, nên có thể sinh tất cả pháp ác bất thiện. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Lại, do sức tăng thượng của chấp trước ấy, nên đối với chánh pháp Tỳ-nại-da bị mai một, cùng các khổ như sinh v.v... của đời vị lai, sai biệt mà sinh. Ở trong hiện pháp, do sức tăng thượng ấy làm duyên, nên không Bát Niết-bàn. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là phẩm trắng sai biệt.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên đối với pháp vô ngã, có thể đạt đến cứu cánh. Nghĩa là, tất cả pháp đều là vô ngã, trừ tự tánh của thức, các nhân duyên của thức, các trợ bạn của thức, ngoài ra, các thứ hiện có đều không thể đạt được.

Lại, tự tánh của thức là vô thường. Lại, nhân duyên ấy là vô thường. Lại, trợ bạn ấy là vô thường.

Lại nữa, do pháp của tám chi Thánh đạo cùng quả của pháp ấy nên hiển phát chánh pháp và Tỳ-nại-da. Do năm thứ tướng nên biết

pháp của tám chi Thánh đạo là tối thắng, không tội. Nghĩa là, đối với phiền não có không của hiện pháp, khéo phân biệt, nên gọi là hiện thấy. Có thể khiến cho phiền não được lìa trôi buộc, nên gọi là không bùng cháy. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, trong tất cả thời đều có thể tu tập, dễ tu tập nên gọi là hợp thời. Dẫn dắt đến Niết-bàn, nên gọi là dẫn đạo. Không chung với tất cả các ngoại đạo, nên gọi là Chỉ. Kiến ấy xa lìa hành tướng vui thích tin theo kẻ khác, tâm tư đủ khắp, tùy theo nghe, lãnh hội đầy khởi kiến, xét kỹ nhãn chỉ là tự thể, nên gọi là chỗ chứng đắc bên trong. Pháp của đạo quả này cũng có năm tướng, nên biết, như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã phân biệt về tướng.

Lại nữa, biển có hai loại:

- (1) Biển nước.
- (2) Biển sinh tử.

Do ba thứ tướng, nên biết biển nước, cùng với biển sinh tử, không đồng phận. Những gì là ba tướng?

- (1) Tự tánh không đồng phận.
- (2) Chìm đắm không đồng phận.
- (3) Vượt qua không đồng phận.

Ở đây, tự tánh không đồng phận: Nghĩa là biển nước lớn, dùng một phần sắc làm tự tánh, nên có biên giới, là có lượng. Biển sinh tử lớn, dùng tất cả hành làm tự tánh, nên không có biên giới, là vô lượng.

Chìm đắm không đồng phận: Nghĩa là, hoặc chìm đắm hiện có, hoặc do sự chìm đắm này, hoặc chìm đắm như thế, đều không đồng phận. Tức nơi biển nước lớn, hoặc loài bàng sinh hướng đến, hoặc có người hướng tới, chìm đắm trong đó.

Biển sinh tử lớn, chư thiên, thế gian cũng thường chìm đắm.

Lại, biển nước lớn, chỉ do thân nên bị chìm đắm trong đó. Không do ngữ, không do ý, không do tham, không do sân, không do si. Không do các pháp khổ như sinh v.v... chìm đắm trong đó.

Ở đây, tuyên thuyết về các nghiệp, phiền não, ba phần của quả kia như thứ lớp ấy, nên biết về tướng của chúng.

Biển sinh tử lớn, cũng do thân, cho đến cũng do các khổ như sinh v.v... nên chìm đắm trong ấy.

Các người xuất gia, do vọng tầm tư, do vọng quan sát, do tự ấy khởi các thứ phân biệt tà vạy, phát khởi vô số tầm tư bất chánh khiến tâm nhiễu loạn, nên nơi biển sinh tử thường xuyên chìm đắm.

Lại, các ngoại đạo khác, luôn bị các phiền não trói buộc, nên đối với biển sinh tử luôn bị chìm đắm.

Các người tại gia thường xuyên bị các khổ bức bách không gián đoạn, luôn bị phiền não thiêu đốt mà không thể chán lìa, nên gọi là chìm đắm. Ngoài ra, đều dựa nơi phiền não của các nghiệp, nên đối với các xứ sinh tới lui không dứt, tức gọi là chìm đắm.

Về biển nước lớn, chỉ rơi vào trong ấy, tạm thời suy tổn. Hoặc nẻo bàng sinh, do sức mạnh nơi một phần phiền não, nghiệp, nên sinh trong đó, tạm thời chìm đắm mà không phải cứu cánh. Nên biết, đó gọi là chìm đắm không đồng phận.

Vượt qua không đồng phận: Nghĩa là nơi biển nước lớn, các loài phàm phu chưa lìa dục tham hãy còn có thể vượt qua, hướng chỉ là các loài khác.

Biển sinh tử lớn, kiến lập ba phần:

- (1) Hạng chưa lìa dục: Do năm cảnh khả ái nên có sai biệt.
- (2) Hạng đã lìa dục: Do cảnh của các pháp khả ái được ý nhận biết, nên có sai biệt.
- (3) Hàng hữu học: Do sáu xứ bên trong nên có sai biệt.

Về các loài phàm phu chưa lìa dục, đối với năm cảnh giới khả ái nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Các loài phàm phu đã lìa dục: Đối với sáu xứ bên trong đều có sai biệt nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Do các hữu tình kia đối với biển lớn này chưa có thể vượt qua, nên đối với hai thứ cảnh giới trước nơi biển lớn cũng chưa vượt qua.

Về hàng hữu học: Đối khắp sáu xứ đều nhận biết rõ là khổ, tức nơi đối tượng duyên tu tập chánh đạo. Chư vị ấy do an trụ nơi trụ như thế, nên đối với hai thứ cảnh giới của địa chưa lìa dục, đã lìa dục, theo tâm ý hiện có nơi cảnh tượng của đối tượng duyên, đều hiện tiền sáng rõ.

Lại, do tác ý quan sát mạnh mẽ, nên ở nơi các chỗ đã thấy từ trước v.v... đều tùy thuận nhớ nghĩ. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp kia, mau chóng dùng tuệ thông đạt, cũng có thể trừ bỏ hẳn.

Lại, chư vị ấy đối với biển lớn của sáu xứ kia, có thể mau chóng vượt qua. Có thể vượt qua, nên đối với biển lớn của hai thứ cảnh giới trước đều vượt qua rất ráo, cùng có thể vượt qua các thứ phiền não: Có thể phát khởi sự dứt bỏ pháp đã học. Có thể phát khởi tâm tư loạn tâm. Có thể phát khởi sự tham đắm, chấp trước nơi lợi dưỡng, sự cung kính của thế gian. Có thể phát khởi tất cả hành ác.

Tụng nêu:

*Đạo sư không đồng phận
Vương quốc hai thế gian
Hữu vi ngăn thân hành
Chấp chặt ba tánh không.*

Lược có hai thứ đạo không đồng phận:

- (1) Tự tánh không đồng phận.
- (2) Hành tướng không đồng phận.

Nếu hành hướng đến khổ tập, hoặc hành hướng tới khổ diệt, đó gọi là tự tánh không đồng phận. Nên biết loại thứ nhất có thể hướng tới tạp nhiễm, loại thứ hai có thể hướng tới thanh tịnh. Ở đây, đó gọi là nghĩa không đồng phận. Tức hành hướng đến diệt ấy, hoặc có hữu vi là hành chuyển của cộng tướng. Hoặc có hữu vi, vô vi là hành chuyển của cộng tướng. Đó gọi là hành tướng không đồng phận.

Nên biết ở đây, nếu các hữu vi là hành tướng của cộng tướng thì chúng đối chiếu với đạo quả gọi là không đồng phận. Nếu hữu vi, vô vi là hành tướng của cộng tướng, thì chúng đối chiếu với đạo quả cũng gọi là đồng phận. Vì sao? Vì đạo quả Niết-bàn là thường vô ngã.

Lại nữa, ở trong chánh pháp, lược có năm thứ sư, giả lập câu. Các sư của ngoại đạo trong chỗ tạo luận đều không thể đạt được. Nghĩa là hành hướng tới các thủ. Hành hướng tới các thủ dứt hết. Hoặc tất cả pháp đều nhận biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ, tạo biên vực của khổ. Nếu đối với năm tướng thọ nhận xứ kiến lập, thì trong mỗi mỗi tướng, không nương nơi bốn tướng Tát-ca-da-kiến. Dùng chúng làm chỗ dựa, có thể loại trừ kiêu mạn của bốn thứ hành tướng. Nếu mạn làm nhân thì có ba lỗi lầm tai họa. Lìa mạn làm nhân thì có ba thắng lợi.

Nên biết ở đây, kẻ ôm giữ kiêu mạn, thì đối với cảnh giới Niết-bàn, tâm sẽ thoái chuyển, do sợ hãi. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Ở trong các hành ác thường luôn hiện hành, cùng đối với các sự tạp nhiễm đáng yêu thích, tâm lại hướng nhập. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai.

Đối với cảnh giới Niết-bàn sinh sợ hãi sâu xa, với sức tăng thượng ấy nên liền có thể sinh khởi trọng bệnh sinh tử như sinh v.v... ở vị lai. Như do sức tăng thượng của sợ hãi, như vậy, cũng do sức tăng thượng đối với các hành ác, cùng sức tăng thượng của các sự tạp

nhiễm đáng yêu thích, khiến tâm hướng nhập, nên có thể sinh khởi trọng bệnh sinh tử như sinh v.v... ở vị lai. Như các trọng bệnh như sinh v.v..., xứ ung nhọt như mắt v.v..., mũi tên độc như tham v.v..., nên biết cũng thế. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ ba. Cùng với đầy trái nhau, nên biết tức là ba thứ thắng lợi của lìa mạn làm nhân.

Nếu theo sức tăng thượng của duyên khởi, ở trong hiện pháp, chủng tử của hữu sau hoặc tăng hoặc giảm, do đầy làm nhân, nên hữu sau của vị lai hoặc sinh hoặc không sinh. Do có thể thâm nhận chủng tử phiền não, hoặc có tập khởi, hoặc diệt mất, nên tất cả giáo pháp hiện có của thế gian cùng xuất thế gian, đều kiến lập đúng như thật. Chỉ ở nơi nội pháp có Đại sư ấy, vì các đệ tử, đã tuyên thuyết đúng dẫn về câu giả lập sư, có thể đạt được chân thật, không phải là các ngoại đạo.

Lại nữa, ở trong cõi dục, với các khí thế gian nên biết ví như vương quốc của vua. Hữu tình thế gian ví như thần dân. Ma thiên ác kia ví như chủ vua.

Lại nữa, có hai thế gian:

- (1) Hữu tình thế gian.
- (2) Khí thế gian.

Về khí thế gian thì bị tai họa về lửa v.v... hoại diệt. Còn hữu tình thế gian thì trong từng sát-na nơi nội thân hoại diệt.

Lại nữa, không có hai thứ:

- (1) Hữu vi.
- (2) Vô vi.

Ở đây, không hữu vi là pháp không thường hằng, không an trụ lâu, là pháp biến đổi cùng ngã, ngã sở.

Nếu các vô vi chỉ là không, thì không có ngã cùng ngã sở.

Lại, tánh của không này lia các nhân duyên, thuộc về pháp tánh, đạo lý pháp nhĩ làm nơi chốn nương dựa. Ở đây hoặc như thế, hoặc khác, hoặc không. Khắp tất cả xứ, không đâu là không đồng quy nơi đạo lý pháp nhĩ.

Lại nữa, Như Lai không ngăn chặn việc có thể đạt được biên vực của tất cả thế gian, chỉ ngăn chặn thân hành theo đầy đi đến, có thể đạt được biên vực của thế gian.

Ở đây, nên dựa nơi đạo lý của thắng nghĩa, nên biết thế gian. Nếu tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian, cùng biên vực của đời, tức ở nơi phương xứ có tướng thế gian, do sức tăng thượng của giả danh, nên đạt. Nghĩa là do sức tăng thượng của hoặc trí, hoặc tướng, nên nói có thế gian. Do sức tăng thượng của hoặc tướng hoặc trí, nên đối với các thế gian khởi rộng về ngôn thuyết. Do sức tăng thượng của hoặc thấy nghe, hoặc hiểu biết, nên đối với sáu xúc xứ, do năm chuyển kia, khởi trí như thật, gọi là tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian. Nhân của các hành vị lai vĩnh viễn dứt hết, nên gọi là có thể đạt đến biên vực của thế gian. Nơi nhân quả của đời đều nhận biết như thật, nên gọi là thế gian giải. Có thể nhận giữ đúng đắn về thân sau cùng, nên gọi là khéo vận hành nơi biên vực của thế gian.

Ở trong hiện pháp, hết thấy cảnh giới tham ái đều vĩnh viễn dứt hết, nên gồm đủ hằng trụ, gọi là có thể vượt khỏi ái của thế gian. Do các hành tướng được nêu bày như thế, nên biết gọi là đạt được biên vực của thế gian.

Lại nữa trong pháp - Tỳ-nại-da thuyết giảng ác, các vị xuất gia, theo đầy có một vị ác, bất thiện, chưa sinh tâm tư, lúc sinh thì hoàn toàn có thể tạo chướng ngại cho phạm hạnh. Như kẻ kia sinh rồi thì chấp chặt không bỏ. Ở đây, không hành là thù thắng hơn hết. Nếu như có hành thì không nên chấp giữ chặt, ở trong sự nối tiếp, không nên tạo chốn cư trú, nương dựa. Vì sao? Vì sát-na tạp nhiễm không

thể làm nghiêng động chỗ tu phạm hạnh, nhưng chính nơi sự tương tục có thể làm nghiêng động.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ không trụ:

(1) Không trụ tôn thắng.

(2) Không trụ dẫn khởi.

Các vị A-la-hán quán trụ vô ngã, như thế gọi là không trụ tôn thắng. Do “pháp nhĩ” tôn thắng của A-la-hán, quán trụ vô ngã, ở trong các trụ là tôn thắng hơn hết. Như vậy, hoặc chỗ trụ tôn thắng, hoặc tức trụ tôn thắng, do nhân uyên ấy, nên gọi là không trụ tôn thắng.

Không trụ dẫn khởi: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc hành hoặc trụ, đều nhận biết rõ như thật về phiền não có không. Nhận biết có phiền não, liền tu hành đoạn trừ. Biết không có phiền não, liền sinh hoan hỷ. Do sinh hoan hỷ, cho đến khiến tâm chứng đắc Tam-ma-địa. Vì tâm chứng đắc Tam-ma-địa, nên quán xét như thật về các pháp vô ngã, ngày đêm tùy học từng không biếng trễ. Như thế gọi là không trụ dẫn khởi.

Nên biết ở đây, đối với phiền não bên trong nhận biết đúng như thật, có biết là có, không biết là không, đó gọi là không tánh.

Lại nữa, các Thánh đệ tử chánh kiến viên mãn, đã kiến đế tích đều có thể đúng như thật vượt khỏi tà không kia. Cũng có thể đúng như thật hội nhập bất không chân chánh kia.

Dùng đạo thế gian và đạo xuất thế gian tu tập không tánh, nghĩa ấy như thế nào? Tức là ở nơi xứ này, pháp kia không có nên chánh quán là không. Nếu đối với xứ ấy, các thứ khác là có, nên nhận biết đúng như thật là có.

Ví như nơi khách xá, trong một thời gian không có các người vật thì gọi là không. Trong một thời gian có các người vật thì gọi là chẳng không. Hoặc tức như ngôi nhà này, do không có một loại nên

gọi là không. Nghĩa là không có cây, gỗ, hoặc không có mái che, hoặc không có cửa ngõ, hoặc không có ổ khóa, hoặc tùy theo một phần đều không có. Nhưng không phải thể của ngôi nhà ấy tức không.

Như vậy, chỗ nương dựa của tự thể là thân, cũng gọi là thọ thú, cũng gọi là tướng thú, cũng gọi là tư thú. Nhưng thân là chỗ dựa của tự thể ấy, nơi một thời gian, do không có một loại, hoặc thọ hoặc tướng, hoặc lại tư, cùng tất cả phiền não, tùy phiền não, nên gọi là không. Nơi một thời gian do có một loại, nên gọi là chẳng không. Hoặc tức chỗ nương dựa của thể là thân, nơi một thời gian do không có một loại, hoặc mắt hoặc tai hoặc mũi hoặc lưỡi, hoặc một phần của thân, hoặc một phần của ý, nên gọi là không, nhưng không phải chỗ nương dựa của tự thể là thân, tức thể của tự thân hết thấy đều không. Nên biết ở đây là lược nêu chung về nghĩa. Hoặc quán tự tánh hiện có của các pháp rốt ráo đều không, đó gọi là đối với không hướng nhập điên đảo. Cũng gọi là trái vượt với pháp - Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện của Phật. Hoặc quán các pháp, do tự tướng, nên một loại là có, một loại là không có, thì có không có ấy nên hoàn toàn xa lìa.

Lại quán có tánh, nơi một thời gian, một phần xa lìa, nơi một thời gian, một phần không lìa. Như thế gọi là, đối với không tánh kia không có điên đảo, hướng nhập đúng như thật.

Do đạo thể gian tu không tánh: Nghĩa là Thánh đệ tử trụ nơi xứ xa lìa, trước đối với tướng về xóm làng, thành ấp, người, tác ý tư duy. Tiếp theo, lại tư duy về tướng A-luyện-nhã. Các vị kia tức quán xét ở trong tự thân, tướng ấy là không, nghĩa là các tướng như người, thành ấp. Tướng này chẳng không, tức là tướng A-luyện-nhã.

Lại, các thứ khác chẳng không, nghĩa là tướng A-luyện-nhã làm duyên nơi tướng A-luyện-nhã, tương ưng với các thọ, tư v.v... Hoặc tức tướng này do một loại, nên quán là không, nghĩa là không trụ thô trọng, chẳng tịch tĩnh, cùng sáng rõ v.v... Do một loại nên quán là chẳng không, nghĩa là có trụ hết sức tịch tĩnh, vi tế, lìa sáng rõ v.v...

Lại, tức nơi pháp kia có thể chọn lấy tướng về các chốn A-luyện-nhã như núi rừng, cây cỏ, cầm thú v.v..., với tướng sai biệt, không tư duy nữa, chỉ tư duy về tướng nơi đất không có tướng riêng.

Lại, tức nơi pháp kia, có thể chọn lấy tướng về vùng đất hiểm ác cao thấp không bằng phẳng, có nhiều gai góc, gạch đá v.v... với tướng sai biệt, không tư duy nữa, chỉ tư duy về tướng nơi vùng đất bằng phẳng, mịn màng, giống như trong lòng bàn tay, không có tướng riêng. Từ đây, theo thứ lớp, trừ bỏ tướng về sắc v.v..., lần lượt tư duy về tướng nơi xứ không, xứ thức, xứ vô sở hữu, tướng có sai biệt. Sau, nơi tướng của tướng hiện có thuộc xứ phi tướng phi phi tướng, tác ý tư duy nơi tất cả xứ như trước đã nói. Thứ đến là quán không tánh, quán các địa dưới có tướng thô v.v..., quán các địa trên có tướng tinh. Như thế gọi là các Thánh đệ tử dùng đạo thế gian tu tập không tánh, nên biết là hướng tới, cho đến trên cùng là xứ vô sở hữu, lần lượt lià dục. Từ đó trở về sau, tu hành Thánh đạo, thứ lớp loại bỏ hành vô thường v.v..., có thể hướng đến xứ phi tướng phi phi tướng, lià dục hoàn toàn.

Các vị ấy, bấy giờ tự quán trong thân hoàn toàn không có các tướng, nghĩa là toàn bộ tất cả lậu đều tịch tĩnh, vĩnh viễn lià mọi nẻo sáng rõ. Lại quán trong thân có pháp chẳng không. Nghĩa là các pháp thanh tịnh này nương dựa làm duyên, sáu xứ lần lượt hỗ tương nhận giữ, cho đến thọ mạng an trụ làm duyên, không có hoại diệt. Nên biết Đức Thế Tôn, nơi thời xưa tu tập hành vị Bồ-tát, tu nhiều về không trụ, nên có thể mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, không phải như tư duy vô thường khổ trụ. Thế nên, nay chứng đắc Bồ-đề, trụ thượng diệu rồi, do diệu lực của việc thường xuyên hành tập tùy chuyển từ xưa, nên dựa nhiều nơi không trụ.

Lại nữa, có hai thứ không:

(1) Không, nên chứng đắc.

(2) Không, nên tu tập.

Nếu các Bí-sô vui thích dựa nơi tạp trụ, thì đối với hai thứ này không thể thành tựu đầy đủ: Không, nên chứng đắc chẳng thể chứng đắc. Không, nên tu tập, không thể tu tập. Do nơi hai thứ không thành tựu, nên biết thoái mất bốn thứ diệu lạc. Nghĩa là: Diệu lạc xuất ly đối với tất cả việc ác được thâm nhận, các khổ thô thúc thấy đều giải thoát. Diệu lạc xa lìa trong tĩnh lự thứ nhất, giải thoát các sự tham dục, giận dữ v.v... Diệu lạc tịch tĩnh của tâm tứ được dừng dứt. Diệu lạc đẳng giác gồm thâm hai giải thoát, gồm thâm không chỗ tạo tác, không sợ hãi.

Hai giải thoát là:

(1) Giải thoát của tâm thời ái.

(2) Giải thoát của tâm bất động.

Nếu A-la-hán chần tánh chậm độn, đối với định của thế gian là pháp thoái chuyển, chưa thể giải thoát chướng ngại hiện có nơi định, gọi là giải thoát của tâm thời ái.

Do pháp thoái chuyển, nên thường xuyên thoái mất. Luôn luôn hiện tiền nên gọi là thời. Đối với hiện pháp lạc, vui muốn chứng trụ, nên gọi là ái.

Giải thoát của tâm bất động: Là A-la-hán căn tánh lanh lợi, là pháp không thoái chuyển, tất cả đều do diệu lực của đạo vô lậu mà được giải thoát, nơi tất cả loại đều không thoái mất. Nên biết ở đây, nghĩa quyết định là nghĩa Tam muội da, phần còn lại như trước đã nói.

Không chỗ tạo tác, không sợ hãi: Nên biết không có dị loại có thể chứng đắc, khiến tâm của A-la-hán, ở đây bị nhiễm nơi sự biến dị kia, nên sinh sầu than.

Không, nên chứng đắc, lược có hai loại:

(1) Ngoại không.

(2) Nội không.

Ngoại không: Nghĩa là vượt quá tất cả năm thứ tướng sắc, tức là chỗ dẫn phát của năm thứ dục diệu, đối với việc lia dục tham có thể tác chứng đúng đắn.

Nội không: Nghĩa là nơi các hành bên trong, đoạn trừ tăng thượng mạn, chính thức có thể tác chứng.

Không, nên tu tập, cũng có hai thứ:

(1) Ở trong các cảnh giới trong ngoài, tu tập kiến không ngã.

(2) Túc ở đây, tu kiến vô thường.

Bốn thứ không ấy, nên biết bốn hành là chỗ nương dựa. Ngoại không dùng sức của duyên tăng thượng nơi tâm nội trụ, lia lạc đã sinh, khiến thân thấm nhuần là chỗ nương dựa, cùng nhận biết khắp về ngã mạn.

Nội không dùng nội ngoại không, đối với pháp trong ngoài, tu tập kiến vô ngã. Do kiến vô ngã làm chỗ nương dựa, túc ở nơi ấy tu tập kiến vô thường, làm chỗ nương dựa. Kiến vô thường do lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý làm chỗ dựa.

Lại, ở trong ấy, nếu các Bí-sô vì nhằm lia dục tham, nên tinh tấn tu học, do sức tăng thượng của tác ý quan sát, nên đối với các tướng bất tịnh hệ thuộc cõi dục, đều gắng sức tư duy. Vị kia, đối với ngoại không chưa tác chứng, đối với chánh đạo chưa khéo tu tập, nên hướng tới nhiệm tập. Nơi tánh của ngoại không, tâm không chứng nhập, không yêu thích, nên liền ở trong đó, do môn ngã mạn, tâm không lưu tán, cùng tùy quan sát. Do tướng tịch tĩnh tư duy về nội không, vị kia do ngã mạn chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên đối với chánh đạo chưa khéo tu tập. Cũng ở trong đó tâm không chứng nhập, bèn ở trong tất cả hành trong ngoài tu kiến vô ngã. Đối với

kiến vô ngã chưa khéo tu tập, nên cũng ở trong đó tâm không chứng nhập, nên ở trong hết thấy hành trong ngoài tu kiến vô thường, khiến tâm không động. Ở trong các hành thấy rõ vô thường, nên tất cả thứ động đều không có thật, tức kiến vô thường được gọi là cảnh giới bất động. Do đối với xứ này, tâm đều thắng giải, nên dùng chánh tuệ thông tỏ đúng như thật. Hoặc duyên nơi bất tịnh, hoặc duyên nơi từ bi, hoặc duyên nơi cảnh giới hiện có của niệm hơi thở, hoặc duyên nơi cảnh giới vô thường của các hành, đối với Tam-ma-địa, dốc sức tu tập nhiều làm nhân duyên, nên khiến tâm điều thuận. Do đây, lần lượt nơi tất cả xứ đều có thể chứng nhập. Vì nhân duyên này, nên ở nơi Không được chứng, có thể chứng đắc viên mãn. Nhân nơi sự chứng đắc viên mãn, nên tâm giải thoát khỏi tất cả kiết có thể thuận nơi phần trên dưới. Do nhân duyên ấy, nên đối với không được tu tập có thể tu tập viên mãn.

Nhân ở chỗ tu tập được viên mãn, nên thành tựu các pháp như chánh kiến vô học. Nếu vào lúc ấy, cho đến đối với Không, chưa thể chứng nhập, nên biết lúc này là phần vị phàm phu. Nếu khi chứng nhập, là phần vị hữu học. Nếu lúc tu tập đã được viên mãn, là phần vị vô học.

Vì khiến cho sự tu tập ấy được viên mãn, nên siêng tu chánh hành, do khéo tâm tư mà tâm tư đúng đắn, tức ở trong ấy có thể khéo nhận biết lượng, lia các tạp nhiễm mà khởi ngôn thuyết. Ở chốn kinh hành có thể kinh hành đúng. Ở chốn an tọa có thể an tọa đúng. Nơi hết hỷ xứ như thế, đều khéo nhận biết về lượng. Khi hành như vậy, thanh tịnh là trước hết, nơi lúc an trụ cũng được thanh tịnh. Trong khoảng có thể dùng tác ý quan sát, thường xuyên quán xét phiền não hiện hành, tịnh tu trị tâm. Như thế, có thể hoàn toàn hướng đến việc thành tựu các pháp bạch tịnh, hết thấy ma oán đều không thể xâm đoạt, kể cả mọi thứ pháp ác bất thiện kia.

Bốn thứ tạp nhiễm là:

- (1) Tánh của nhân hữu sau.
- (2) Thân tâm của hiện pháp bị thiêu đốt khắp.
- (3) Tánh của nhân thuộc nẻo ác.
- (4) Tánh của nhân thuộc các khổ như sinh v.v...

Ngôn thuyết có hai:

- (1) Ngôn thuyết thẳng giải gắn liền với âm thanh.
- (2) Ngôn thuyết gắn liền với pháp tùy pháp hành.

Ngôn thuyết thứ nhất là đối với chánh pháp, thọ trì, đọc tụng, thỉnh vấn, phát khởi nêu xét. Ngôn thuyết thứ hai, là nơi đối tượng duyên khiến tâm an trụ, hoàn toàn giải thoát, phát khởi việc thiết lập, chỉ dạy, trao truyền. Nếu vì nghĩa này, Như Lai xuất thế, các chúng đệ tử tùy nhập Thánh giáo, nên siêng năng tu tập pháp thiện như thế. Hoặc ở trong pháp luật kia, tất cả loại không tu phạm hạnh, nên biết cũng không có người tu phạm hạnh. Do ở trong ấy không có phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, tức đều tu tà hạnh, thầy trò lẫn lượt hồ tương xúc não. Đều tự chấp nhận có thể thức tôn ti, ở trong chánh pháp, cả hai cùng có thể đạt được. Nếu có kẻ dứt bỏ quả lớn lợi lớn nơi không, nên chứng đắc, nơi không, nên tu tập, là hết sức thấp kém, có tội lỗi lớn, bị lợi dưỡng, sự cung kính, ái vị loạn động, hành tập nhiều theo hành tà. Nên biết kẻ kia là chỗ xúc não của tai họa thuộc phạm hạnh lớn. Kẻ kia do tham đắm, ái chấp về lợi dưỡng, sự cung kính, tự bức não, nên đối với ngôn giáo có thể tùy thuận giải thoát không muốn lắng nghe, tuy là tuyên thuyết nhưng không thể lọt vào tai. Hoặc vì sức tăng thượng của sự tham vương nơi lợi dưỡng nên miễn cưỡng lắng nghe, nhưng không có tâm cầu hiểu, không muốn tu hành, không vì khéo tự điều phục hoàn toàn, cho đến không vì chứng đắc Bát Niết-bàn. Do sự việc như thế, nên ghét bỏ Đại sư, hành không bình đẳng, do đối với ân đức hiện tiền rộng lớn không thể báo đáp.

Nên biết ở đây, lược nêu chung về nghĩa, tức trong pháp - luật thuyết giảng thiện, đã xuất gia rồi, do bốn nhân duyên, như đối với chỗ tự mình nên hành đúng đắn thì không thể hành. Như đối với Thánh giáo của Đại sư, là điều nên hành trì của người xuất gia, cũng không thể hành. Nghĩa là vui thích cùng tạp trụ, tùy thuận gắn chặt với ngôn thuyết thắng giải của âm thanh, tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính. Do sức nơi duyên tăng thượng của sự đắm chấp ấy, nên tuy lắng nghe chánh pháp nhưng không tu tập hành tự lợi, lợi tha.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn không muốn tự hiển bày khả năng khéo điều phục chúng, để thân phục đồ chúng, chỉ là thương xót sâu xa các hữu tình. Do nhân duyên ấy, nên ở trong chúng đệ tử hành theo hành tà, có thể không hộ trì, thương tiếc, nêu rõ phân minh, đâu thể khiến cho đệ tử, do ngôn ngữ tạo lợi ích lớn, phân minh ấy, hiện bỏ chánh pháp và Tỳ-nại-da, nên đạt được lợi ích. Chớ khiến trụ nơi hành tà đầy khởi rộng ấy.

HẾT - QUYỂN 90

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 91

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ HAI:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ. Đoạn 3:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Lìa dục, chưa lìa dục
Hỏi đường nhân duyên nhiễm
Giữ lấy mạng, xứ chấp
Đều nói rộng, nên biết.*

Nếu có Bí-sô ở nơi cõi dục, hoặc đã lìa dục, hoặc chưa lìa dục, đối với năm thứ dục diệu, ý nhận biết pháp, ba đời địa định, do ba thứ triển cùng tùy miên căn bản hiện có kia, lúc đang tạp nhiễm, ở trong hiện pháp, không thực hiện việc hướng đến, chứng đắc Niết-bàn rốt ráo. Nên biết ở đây, do đời quá khứ, dựa nơi “thủ thức” kia. Do đời vị lai, thuộc nơi thủ thức kia. Do đời hiện tại, chấp trước thủ thức đó.

Do tùy miên căn bản hiện có ấy, gắn chặt tại sự nối tiếp luôn đeo đuổi nên chấp giữ thủ thức kia. Cùng với đây trái nhau, là lúc không tạp nhiễm, ở trong hiện pháp có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, ở trong Thánh giáo, nên biết có bốn thứ hỏi như lý:

(1) Hoặc các trưởng giả, hoặc con của trưởng giả có niềm tin thanh tịnh.

(2) Các Bí-sô có đủ thông tuệ, đa văn.

(3) Thị giả thân cận vâng hầu đại sư.

(4) Tức Đại sư. Có hai nhân duyên, Phật đối với đệ tử, nhận biết mà vẫn cố hỏi. Nghĩa là xem đệ tử tuy muốn thưa hỏi nhưng không dám, hoặc đối với nghĩa ấy không nhận biết rõ. Vì nhằm ngăn chặn lỗi lầm của hiện tại, vị lai, vì nhằm khiến cho chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên nói sáu thức thân dùng sáu xứ nội làm nhân, dùng sáu xứ ngoại làm duyên. Nghĩa là sáu xứ nội là chỗ nương dựa của chủng tử thuộc sáu thức kia. Lại, sáu xứ nội nối tiếp một loại. Như trước đã được chuyển biến rõ ràng, nên cảnh giới không đúng, không phải là chỗ nương dựa của chủng tử kia. Lại không phải là một loại nối tiếp chuyển.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên nhận biết rõ chung về tất cả tạp nhiễm:

(1) Tự tánh của tất cả tạp nhiễm.

(2) Đường đi của tất cả tạp nhiễm.

Nói tự tánh: Đó là dục tham làm gốc rễ cho các tạp nhiễm.

Nói đường đi: Nghĩa là xứ trong ngoài, chủ thể thủ, đối tượng được thủ có sai biệt.

Lại nữa, nếu các Bí-sô, đối với hai xứ sở cùng tùy thuận quan sát, hoặc hành hoặc trụ, tác ý như lý làm chỗ nương dựa, nơi hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi.

Thế nào gọi là nơi hai xứ? Đó là tự giữ lấy thân mạng, hốt nhiên chết yểu. Tâm bất thiện, mạng chung, đi đến các nẻo ác.

Thế nào gọi là tác ý như lý làm chỗ nương dựa? Lại đối với những gì là hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi?

Nghĩa là ta thà gặp phải vô số khổ sở vì bị đánh đập, tổn hại nơi thân xứ mình, chớ khiến ta với tâm bất thiện, mạng chung, sinh đến các nẻo ác.

Lại, ta phải nên cùng với hỷ lạc, đều quán xét đúng như thật, vì nhằm đối trị các thứ bất thiện hiện hành nên khẩn khoản, gắng sức tu tập các hành vô thường. Hoặc lúc kinh hành, nơi các cảnh giới chấp giữ các tướng, chấp giữ các thứ tùy hảo với tạp nhiễm hiện có, đều khiến tâm giải thoát, xa lìa. Khi trụ, đối với vô số tạp nhiễm hiện có của các tâm tư bất thiện, đều khiến tâm giải thoát. Nên biết ở đây, tạp nhiễm thứ nhất là nhân tương tự. Tạp nhiễm thứ hai là quả tương tự.

Lại, lúc hai tạp nhiễm hiện tại chuyển, sinh nơi hai xứ. Nghĩa là tự giữ lấy thân mạng, bấy giờ hốt nhiên chết yểu. Tâm bất thiện, qua đời, đi đến các nẻo ác. Do đó, đối với hai thứ tạp nhiễm kia, trong một sát-na, nếu thấy rõ lỗi lầm tai họa của chúng, hãy còn là thiện diệu, hướng hồ là có thể nối tiếp.

Lại có rất nhiều ma, đã quy hướng nơi các tạp nhiễm hiện có, chấp trước nơi xứ an túc, kẻ trí nhận biết rõ, phải nên tránh xa. Tức là các loại phàm phu đã lìa dục, hệ thuộc nơi các xứ định sinh hỷ lạc, hiện có ái vị, chấp trước nơi xứ an túc. Kẻ chưa lìa dục, đối với năm dục diệu thọ nhận làm chỗ dựa:

Vui thích, tranh chấp tham ái, đắm nhiễm, chấp trước xứ an túc.

Nơi trú xứ của các hữu tình có ân, oán, tất cả yêu thích, giận dữ, chấp trước nơi xứ an túc.

Cảnh giới rộng lớn, nơi phẩm thượng có thể dẫn dắt thuận theo lạc, khổ, được cầu, tìm chốn có thể tham ái hiện có nơi ba đời, chấp trước xứ an túc. Nên biết ở đây, các trường hợp đáng vui, đáng thích, đáng yêu, hợp ý, có sai biệt, như trước đã biện giải.

Không đáng vui mừng: Là không thể vui thích đối với đời vị lai.

Không vui thích: Là đối với đời quá khứ, do thuận theo nhớ nghĩ không đáng vui thích.

Không đáng yêu thích: Là đối với các cảnh giới, không đáng vui thích.

Không hợp ý: Do đối với các thọ không đáng vui thích.

Lại nói khở: Tức đối với cảnh giới không thể vui thích.

Nói tổn não: Tức đối với các thọ không đáng vui thích.

Nói chống trái: Là đối với đời quá khứ không đáng vui thích.

Nói nghịch ý: Là đối với đời vị lai không đáng vui thích.

Lại nữa, có hai tạp nhiễm:

(1) Tạp nhiễm của ngoại cảnh.

(2) Tạp nhiễm của nội thọ.

Mất v.v... làm chỗ dựa, đối với cảnh như sắc v.v... khởi các tham chấp, gọi là tạp nhiễm của ngoại cảnh. Các xúc làm chỗ dựa, tham chấp nơi thọ bên trong, gọi là tạp nhiễm của nội thọ.

Hai thứ tạp nhiễm này, ở trong Bát Niết-bàn vĩnh viễn vắng lặng, đều không thể thủ đắc, không phải là nơi chốn có thể đi đến của các ma oán.

Lại nữa, do mười lăm thứ tướng, nên nhận biết rõ về tất cả chủng loại ái kiến tạp nhiễm: Nghĩa là, đối với các xứ, do các triền nên gọi là cất chứa. Do tùy miên nên gọi là hỗ trợ. Do ngã kiến nên gọi là che giấu. Các thứ còn lại có sai biệt, nói rộng như nói phần Nhiếp dị môn ở trước.

Lại nữa, Tụng chung nêu:

*Nhân nơi đồng phận
Chỉ tạo các duyên*

*Phẩm thượng như tham
Sau là nhiều trụ.*

Tụng riêng nêu:

*Nhân đồng phận, tư buộc
Giải thoát cùng xúc khắp
Thắng giải hộ căn môn
Giáo thọ cùng là sau.*

Các Thánh đệ tử, nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã, do ba thứ tướng, nên ở trong các thức, chánh quán mà trụ.

Thế nào là nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã? Nghĩa là do hiện thấy năm xứ có sắc, thân của bốn đại chủng hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc lấy, hoặc bỏ. Do tánh vô thường, nên đối với duyên nơi thức kia, tùy nhập vô thường. Vô thường tức khổ, khổ tức vô ngã. Do nhân duyên này nên tùy nhập vô ngã.

Thế nào là tùy nhập tánh vô ngã rồi, do ba thứ tướng, nên ở trong các thức chánh quán mà trụ? Nghĩa là các thứ tà kiến, tất cả đều lấy ngã kiến làm gốc, thế nên gốc ấy tất phải đoạn trừ trước tiên.

Lại, do chánh tuệ tức quán thức kia, về chỗ dựa, về đối tượng duyên, chuyên biến sai biệt có vô lượng thứ.

Lại quán thức ấy, lúc chuyên biến có sai biệt, như lượng sát-na, an trụ chắc thật, hãy còn không thể đạt được, hướng hồ là đạt được rất ráo.

Lại nữa, ở trong sáu xứ diệt tịch tĩnh hoàn toàn không có hý luận. Do hý luận kết hợp với bốn hành tướng, không nên tư duy, không nên phân biệt, không nên cất vấn, chỉ nên dựa vào tuệ giác tăng trưởng của kẻ khác, quan sát xét kỹ về ý nghĩa sâu xa chân thật.

Những gì là bốn? Nghĩa là hoặc có - không, hoặc khác, chẳng khác. Do sáu xứ kia có sinh có diệt, lần lượt là tướng khác, thiết lập

có thể nhận biết. Do sinh diệt nên có, không có thể thủ đắc. Có tướng khác, nên đối đãi chủng loại khác, tánh khác có thể thủ đắc. Do đối đãi nơi tự chủng loại, trước sau không khác, nên chẳng khác có thể thủ đắc.

Sáu xứ vĩnh viễn diệt, là tướng thường tịch tĩnh. Thế nên, do hý luận kia cùng hành với bốn thứ hành tướng, nên tư duy quan sát không hợp đạo lý. Nên biết ở đây, có thể dẫn đến tư duy, phân biệt về chỗ phát khởi ngôn ngữ vô nghĩa, gọi là hý luận. Vì sao? Vì đối với sự việc như thế, lúc siêng năng gia hạnh, không thể tăng ích phần ít pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện. Do đó gọi đây là hý luận.

Lại nữa, đối với xứ trong ngoài, nếu có cảnh giới dục tham hiện tiền hoặc không hiện tiền, nhưng các căn kia không thể dứt bỏ, nên gọi là trói buộc. Nếu không dục tham, cho dù có cảnh giới đang hiện tiền, các căn đối với cảnh giới ấy hãy còn có thể dứt bỏ, hướng hò là cảnh không hiện tiền, nên gọi là giải thoát.

Lại nữa, khéo tu tập phạm hạnh, đối với ngã kiến, ngã sở kiến của các uẩn, xứ đã đoạn trừ vĩnh viễn, nếu thân bị tổn hại, cho đến các khổ thọ xúc nã, đoạt mạng, hoàn toàn không bị sắc biến, tâm biến. Như thế gọi là khéo phòng giữ căn tướng thô. Vị kia do khéo giữ lấy các căn như thế, với sức tăng thượng của bốn khổ được giải thoát, nên đạt được bốn thứ hỷ:

(1) Do duyên bên ngoài của vị lai sinh khổ, được giải thoát.

(2) Do duyên bên trong của vị lai sinh khổ, được giải thoát.

(3) Lúc ở nơi hiện pháp Bát Niết-bàn, do hai thứ nương dựa đã tạo các khổ, được giải thoát.

(4) Mạng chung rồi, cùng với chỗ thấy của thế gian về tất cả các khổ tương tự như cỏ cây không tương tục.

Do hai thứ tướng, nên tương tự với cỏ cây:

(1) Sáu xứ lia tưởng hữu tình, cùng với chỗ thấy của thể gian về cỏ cây tương tự.

(2) Sáu xứ là chỗ dựa cho lửa của tham sân si, nên mới bùng cháy, cùng với chỗ thấy của thể gian về cỏ cây tương tự.

Các Thánh đệ tử khéo tu phạm hạnh, khổ nơi hữu sau của vị lai không sinh, cùng với các Như Lai thành tựu lực minh, tương tự phần ít, không phải là duyên khổ của hiện pháp không sinh, nếu như vừa sinh thì mau chóng đoạn trừ. Nhưng các Đức Như Lai, với hai thứ lực minh thấy đều thành tựu, thế nên gọi là minh tri vô thượng.

Lại nữa, có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, vượt hơn hiện lượng, hạng ngu của thể gian hãy còn không bị mê hoặc, huống là các bậc trí. Hết thấy kẻ ngu si, đối với xứ an túc, suy tính hư vọng dùng làm chỗ dựa, hoặc dựa vào đời trước, hoặc dựa nơi hiện pháp, chấp trước vững chắc để kiến lập bốn thứ luận tà về khổ lạc. Nghĩa là dựa nơi đời trước, suy lường hư vọng nơi nhân đã tạo từ xưa, nên lập các khổ lạc.

Hoàn toàn tự tạo: Suy lường hư vọng về tự tại biến hóa dùng làm nhân để lập các khổ lạc.

Hoàn toàn là tha tạo tác: Suy lường hư vọng cho trước là tự tại tạo tác, sau đây là chỗ tạo tác của nhân đã gây từ trước, nên lập các khổ lạc.

Cả tự tạo, tha tạo: Suy tính hư vọng cho là không nhân sinh khởi, nên lập các khổ lạc.

Không phải tự, không phải tha đã tạo nhân sinh: Hoặc dựa nơi hiện pháp, suy tính hư vọng. Hoặc tùy theo công dụng của tự dục, tự tạo, đã sinh khởi, lập làm tự tạo tác. Nếu không tùy theo dục, không tự hiểu biết, được kẻ khác dẫn dắt, nên lập làm tha tạo tác. Hoặc tùy chỗ mong muốn, chỗ hiểu biết của tự, được tha dẫn dắt, nên lập làm tự tha tạo tác.

Nếu không phải là công dụng của tự tha làm trước, được sinh khởi, chỉ do cảnh giới hiện tiền, nên không thể thông tỏ xúc của nhân vi tế, liền khởi tà chấp, cho không phải nhân đã tạo tác của tự, tha sinh, nên lập không nhân sinh.

Ở đây, chỉ có các căn, cảnh, thức hòa hợp sinh khởi khởi, lạc có thể thủ đắc, đều không có đời trước. Hoặc trong hiện pháp, hoặc tự hoặc tha, thật có thể đạt được. Chỉ tức đối với ba sự hòa hợp này, giả lập tự tha. Do đó nên biết, chỉ có xúc kia biến hành nơi tất cả, là nhân của khổ, lạc.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên chính thức phát khởi tinh tấn, mau chóng khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết trọn vẹn. Những gì là bốn thứ tướng? Đó là:

(1) Phát khởi tinh tấn bình đẳng. Nghĩa là không trạo cử quá mức, phát khởi siêng năng tinh tấn, khiến cho thân tâm kia dù bị mỗi mệt, tổn não cũng không phát khởi tinh tấn quá yếu kém, dối bỏ thân mạng khiến không đạt được. Đó là tướng thứ nhất.

(2) Lại không do đầy mà sinh kiêu mạn. Nghĩa là ta riêng có thể phát khởi siêng năng tinh tấn, những kẻ còn lại thì không như thế. Đó là tướng thứ hai.

(3) Lại nơi chính thức phát khởi siêng năng tinh tấn về chỗ chứng đắc an xúc của quả thế gian có sai biệt, không có ái vị. Cùng với đây kết hợp hành trì, tu không phóng dật, là tướng thứ ba.

(4) Lại, đối với tướng của tinh tấn bình đẳng, có thể khéo thâm nhận, khiến nơi vị lai không có thoái mất, là tướng thứ tư.

Như thế là phát khởi siêng năng tinh tấn đúng đắn, nên vĩnh viễn dứt hết các lậu, thành A-la-hán. Nếu muốn ở chỗ các vị đồng phạm hạnh có trí của bậc đại sư kia, được ký biệt cho tự mình chứng đắc sai khác, chỉ là A-la-hán, với sáu xứ thắng giải mới có thể ký biệt đúng đắn. Nghĩa là dựa nơi ba học, cùng do năm thứ hữu tình. Những gì gọi là sáu xứ thắng giải? Đó là:

- (1) Thắng giải về xuất ly.
- (2) Thắng giải về không nào hại.
- (3) Thắng giải về xa lìa.
- (4) Thắng giải về ái dứt hết.
- (5) Thắng giải về thủ dứt hết.
- (6) Thắng giải về tâm không quên mất.

Thế nào là ba học? Là:

- (1) Giới học tăng thượng.
- (2) Tâm học tăng thượng.
- (3) Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là năm thứ hữu tình? Đó là:

(1) Phạm phu sinh sống nơi gia đình, chỉ dựa nơi tin tưởng phát sinh vui thích đối với thắng giải về xuất ly. Từ cảnh giới bị trói buộc, tâm cầu xuất ly. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

(2) Phạm phu đã xuất ly rồi, chỉ dựa nơi giới, đối với các hữu tình, do hành của thân ngữ ý luôn hành không nào hại. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

(3) Hàng phạm phu có thể đoạn trừ tham ái về lợi dưỡng và sự cung kính, ở trong hiện pháp, lìa dục của cõi dục. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

(4) Hàng hữu học đã kiến đế tích. Đó gọi là loại hữu tình thứ tư.

(5) Hàng vô học, chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là loại hữu tình thứ năm.

Nên biết ở đây, hai xứ thắng giải thứ nhất, thứ hai lấy học thứ nhất làm chỗ dựa. Xứ thắng giải thứ ba dùng học thứ hai làm chỗ dựa. Ba xứ thắng giải sau dùng học thứ ba làm chỗ dựa.

Nếu do trí này có thể đoạn trừ phiền não cùng phiền não được đoạn, nên biết đó gọi là tâm không quên mất. Lại, nhân của hữu sau thuộc vị lai đã đoạn, gọi là ái dứt hết. Các tạp nhiễm nơi cảnh giới của hiện pháp đã đoạn, gọi là thủ dứt hết.

Lại, loại hữu tình thứ nhất kia, tuy có chánh tín nơi thắng giải xuất ly, nhưng chưa quyết định đối với vị lai có thể khiến cho tất cả sự trói buộc kia thảy đều dứt bỏ cùng với mọi thứ biến dị. Loại hữu tình thứ hai có thắng giải không nào hại, loại hữu tình thứ ba có thắng giải về xa lìa, nên biết cũng thế.

Nếu các bậc hữu học, nơi sáu xứ thắng giải, tuy đối với vị lai không thể gắng dứt bỏ các thứ hệ thuộc cùng những biến dị, nhưng giống như kẻ hành đấng trì, tức niệm mới bắt đầu, thảy đều yếu kém, tuy sinh nơi xứ Thánh nhưng chưa khéo tu tập, nên đối với tham sân si không thể xa lìa, không vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, do tuệ còn yếu, cùng do tham v.v... chưa dứt hết, nếu gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền thì thường xuyên quên niệm. Do nhân duyên ấy nên sinh khởi siêng năng học tâm giải thoát cùng tuệ giải thoát, dứt hết các phiền não. Thế nên hữu tình hữu học luôn có chỗ tạo tác, do phần ấy mà gọi là giảm, kém.

Hoặc A-la-hán, với sáu xứ thắng giải, hãy còn đối với vị lai, không phải gắng sức nơi các thứ biến dị, huống hồ là có việc dứt bỏ. Vì đã khéo tu tập đạo. Vì tham sân si đã vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, ái thủ đã dứt hết, thắng giải viên mãn, đã chứng đắc tận trí, vô sinh trí, sáu thứ hằng trụ được thau nhận, nên trí tuệ hiện có không như hàng hữu học thường xuyên quên niệm. Bậc A-la-hán, nơi sáu xứ thắng giải, do đệ nhất nghĩa là viên mãn tốt cùng, nên cũng gọi là thành tựu thanh tịnh tốt bậc, không phải như các hữu tình ở phần vị thấp khác. Do nhân duyên này nên cũng không tự cao đối với chỗ đã hiểu rõ về ký biệt. Nơi đối tượng hành đối tượng duyên của Tam-ma-địa, không hề tán loạn nên gọi là nội tâm trụ, tức Tam-ma-địa đã khéo

thành tựu viên mãn, gọi là không hẹp nhỏ. Điều lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não, nên gọi là khéo giải thoát. Trí tuệ hiện có đều khéo tích tập, nên gọi là khéo tu. Kiến đã diệt tận, không có ái vị, tâm hoàn toàn thiện, không tội.

Lại nữa, lược có hai thứ hữu tình:

- (1) Loại không thể giữ kín căn môn.
- (2) Loại khéo có thể giữ kín căn môn.

Thế nào là hữu tình không thể giữ kín căn môn? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới không thể tác ý tư duy đúng như lý. Đối với sắc khả ái đã bị triền tham dục trói buộc. Đối với sắc không khả ái thì bị triền sân hận trói buộc. Lại, đối với cảnh kia, không thể tùy niệm về những lỗi lầm tai họa hiện có, nếu như có tùy niệm thì cũng không khéo tu tập. Do nhân duyên ấy, nên khi tâm bị các triền che phủ, dấy khởi các triền rồi thì không thể điều phục.

Lại, phạm phu này chưa được tâm tuệ giải thoát của hàng hữu học, nên đối với tâm tuệ giải thoát của bậc vô học ở trên cũng không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên đối với tâm tuệ giải thoát của các hàng hữu học cũng không thể có đủ. Bấy giờ, hữu tình kia chưa dùng sức tu tập làm chỗ nương dựa, đối với các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa thể loại trừ vĩnh viễn. Lại, không dựa nơi sức khéo xét chọn ở trước, nên do niệm không thành tựu làm nhân duyên, tức biết là không thể giữ kín căn môn. Do ba tướng này nơi hữu tình, nên biết là không thể giữ kín căn môn:

- (1) Do triền.
- (2) Do sự đối trị thuộc về xét chọn có thiếu giảm.
- (3) Do sự đối trị thuộc về sức tu tập có thiếu giảm.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là phẩm trắng, đối với các căn môn đều khéo có thể giữ kín.

Lại nữa, do hai thứ tướng, các Thánh đệ tử đối với giáo pháp do Đại sư nêu giảng, có thể ký biệt đúng đắn, có thể khéo tuyên thuyết. Tức là có thể giải thích biện biệt về nghĩa chân thật. Những gì là hai tướng? Đó là:

(1) Do tuyên thuyết ý nghĩa sâu xa ấy, nên khéo có thể ngộ nhập nơi ý nghĩa sâu xa như thế mà ký biệt đúng đắn.

(2) Đức Như Lai dùng vô lượng môn để nêu rộng về Thánh giáo, vì vô lượng phẩm hữu tình, nên có vô số hiện thuyết. Đối với giáo pháp ấy không trái với pháp tánh nên có thể ký biệt đúng đắn.

Lại nữa, đối với pháp - luật do Phật thuyết giảng thiện, các Bì-sô mới tu học, thâm tâm yêu thích, do hai thứ tướng nên nhận biết rõ, đúng đắn:

(1) Do thân tướng không biến dị.

(2) Do tâm tướng không biến dị.

Thân tướng không biến dị: Nghĩa là do hình sắc hết mực sáng tịnh, diện mạo vui tươi, thanh khiết, căn vui hòa mà tịch tĩnh. Xa lìa tham lạc tích chứa của cải để thọ dụng, đối với gia đình không còn luyến ái. Tâm không biến dị lại có ba thứ đối trị thâm tham, có thể khiến cho thâm tham chưa sinh thì không sinh, đã sinh thì liền đoạn. Đó là:

(1) Tư duy về tướng không nên hành.

(2) Tư duy về tướng hết sức bất tịnh.

(3) Giữ kín tất cả căn môn.

Ở đây, giữ kín tất cả căn môn, tóm lược, nêu rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn đã nói. Hành giả kia, do khéo giữ gìn về thân, các căn như thế, khéo trụ nơi chánh niệm, nên có thể tư duy về tướng không nên hành.

Lại có thể tư duy về tướng hết sức bất tịnh, do đấy, phiền não không thể che phủ tâm, khiến mau chóng hồi chuyển.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Chỉ duyên tâm tư nguyện
Tất cả loại luật nghi
Nhập Thánh giáo không hộ
Tư lương thắng khéo đủ.
Xả sở học xử chấp
Nghĩa không thiện tùy lưu
Bồ-tát hơn thừa khác
Luận thiết lập sau cùng.*

Do các nghiệp phiền não đã tạo tác từ trước, cùng chủng tử của chính mình nối tiếp dẫn đến các thọ, sinh khởi sáu xúc xứ kia, chỉ là tạo duyên. Như tâm đã đầy khởi công dụng dẫn phát các thủ thọ nghiệp, tuy chỉ có thể làm sự hỗ trợ cho thủ thọ duyên. Nên biết ở đây, đạo lý cũng như thế.

Lại nữa, các Bí-sô có sự thọ dụng biên vực ngoại cụ đúng như pháp, an trụ nơi chốn vắng lặng, nếu có thể khiến cho tâm tư nhiễu loạn, cảnh tướng thắng diệu hiện đến nơi tâm, nên biết đó là sự tạo tác của phẩm loại Ma. Ở đây, Bí-sô nên dùng chín tướng an trụ nơi tâm, từ các cảnh giới tương ứng với tâm tư thâm giữ tâm khiến trụ, không dung nạp tâm tư theo một lại khởi. Nếu do chỗ dựa này, do cảnh giới này có chỗ ái vị, thì nơi cảnh giới đó, theo chỗ đạt được, theo chỗ đã trụ, có thể tự xa lìa chúng. Bây giờ, đối với sự việc khả ái, hoàn toàn không nương dựa nơi các tâm tư dục mà có chỗ tạo tác. Đối với tâm tư giận cùng tâm tư hại cũng có thể xa lìa. Tịnh tu nơi tâm, ở trong hiện pháp có thể đạt được Niết-bàn. Đạt được Niết-bàn rồi, trọn không cùng với kẻ khác tranh chấp mà trụ. Nghĩa là các thứ tranh chấp, ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da của Phật là tạo

sự suy tổn tột cùng. Như thế, tâm tư do ngu si sinh khởi cũng không tâm tư, như ngoại đạo khác. Lại nữa, nếu do nhân khổ của hữu sau, từ đời trước, ở trong hiện pháp, có pháp nơi quả của sáu xúc xứ mà chuyển, do sáu cảnh giới lúc tạo tổn não. Nếu có Bí-sô vì cầu hữu sau, tự phát thệ nguyện tu hành phạm hạnh, vị ấy, bấy giờ, khiến cho nhân khổ của hữu sau thứ bảy lại thêm tăng trưởng bội phần, càng bị tổn não, ở trong hiện pháp có thể làm chướng ngại Niết-bàn. Do nhân duyên ấy, nên nơi vị lai có đạt được sự an nhàn, quyết định là không viên mãn. Nguyện về hữu sau ấy, nên biết ở trong sự trói buộc vi tế kia là vô cùng vi tế. Vì sao? Vì như trong cung của cõi trời Ba mươi ba kia, có một nhà tù giam cầm chư thiên hoặc phi thiên, nhưng theo “pháp nhĩ” thì những kẻ kia tạm được giải thoát, dùng sự vui chơi với dục diệu cõi trời mà trụ, cho đến chưa khởi tâm chạy trốn. Tâm ấy nếu khởi liền mất dục diệu, trở lại thấy tự thân đang bị trói buộc. Những kẻ kia vừa khởi tâm liền bị sự trói buộc vi tế vây buộc. Do thời phần nên gọi là vi tế, không phải là do khó nhận biết mà nói là vi tế, do lúc bị trói buộc, có thể tự hiểu rõ: Ta nay đang bị trói buộc.

Nếu các Bí-sô tâm nguyện về hữu sau, tâm ấy nếu khởi liền bị trói buộc, đã bị trói buộc rồi thì không thể nhận biết rõ tự thân có trói buộc. Do đó, trói buộc này là hết sức vi tế. Nên biết thời phần cùng do khó nhận biết đều vi tế, nên gọi là rất vi tế.

Lại nữa, nếu các Bí-sô siêng năng tinh tấn hành gia hạnh, giữ gìn các căn, đối với luật nghi cùng phi luật nghi phải nên nhận biết rõ. Đối với luật nghi của hàng hữu học, vô học theo bậc hạ trung thượng nơi thế gian phải nên nhận biết rõ.

Thế nào là luật nghi? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới khả ái có thể khiến tâm tạp nhiễm, không nhẫn, không thọ, không nắm không giữ, nếu như khiến vừa dấy khởi liền dứt bỏ ngay. Đó gọi là luật nghi.

Thế nào là phi luật nghi? Tức như một Bí-sô, như người làm nông, đã thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, tu tập đúng đắn nơi cảnh giới của đối tượng duyên, như ruộng tốt, khiến chúng sinh khởi căn thiện, như mạ lúa. Nhưng chủng tánh của Bí-sô kia là nhiều tham, chưa từng thường xuyên hành tập đối trị tham dục, phát khởi hồ thẹn mạnh mẽ. Cũng chưa từng có hoặc gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền. Bí-sô kia do bản tánh như thế, chất hồ thẹn hiện có đều yếu kém, nên khởi triền tham, chấp chặt không bỏ. Tâm đối với triền tham không thể phòng giữ, lại tự phóng túng tác ý như lý, tương ưng với tâm trâu bò nhập vào cảnh giới là ruộng, tổn hoại căn thiện hiện có là mạ lúa. Do nhân duyên này, nên gọi là phi luật nghi.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thâm giữ, nhưng chưa thể quán xét về các lỗi làm tai họa khiến chúng không đẩy khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc hạ nơi thế gian.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thâm giữ, cũng có thể quán xét về các lỗi làm tai họa hiện có của cảnh giới kia, khiến chúng không sinh khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc trung nơi thế gian. Do đầy làm chỗ dựa, đạt được chín tướng tâm trụ thuộc về bốn thứ tác ý, nên biết như nơi Địa Thanh văn ở trước đã nói. Do đạt được những thứ ấy nên gọi là các loại phạm phu đã lia dục tham.

Vị ấy, trước tu tập gia hạnh quán thời gian như kẻ làm nông, nay được tăng thượng, cũng như đại vương, trước đã đạt được đẳng chí, sinh khởi các thọ thắng diệu, có thể nhận biết rõ đúng về xứ an lập của sự phóng dật lớn ấy rồi, liền khiến như quan, lắng nghe chánh pháp, Xa-ma-tha thù thắng được sinh khởi tăng thượng, gồm giữ Tỳ-bát-xá-na, khiến vị ấy quán xét các thọ được sinh, tánh là duyên sinh. Tánh là duyên sinh nên thể là vô thường, do đầy liền dùng các tướng,

lỗi lầm tai họa của ý địa cùng hành tác ý mà được lia dục. Đã lia dục rồi, lại quán xét chỗ dựa của đẳng chí là riêng biệt, nên có mười thứ sai biệt. Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt.

Ở đây, chỗ dựa của đẳng chí có khác biệt, nên có mười thứ sai biệt:

- (1) Có tâm có tứ.
- (2) Không tâm chỉ có tứ.
- (3) Không tâm không tứ.
- (4) Hoặc hỷ cùng hành.
- (5) Hoặc lạc cùng hành.
- (6) Hoặc xả cùng hành.
- (7) Phần thoái.
- (8) Phần trụ.
- (9) Phần thắng tấn.
- (10) Phần thuận quyết trạch.

Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt: Tức là quan sát về hành tướng như thế, dựa nơi thời phần sinh trụ diệt đã tạo nên đạo lý sai biệt, nên biết lại có nhiều trăm sai biệt. Như thế, nhận biết rõ về thọ được sinh kia, tánh là vô thường, lưu chuyển, với vô số tánh sai biệt rồi, lược do ba tướng lại quán xét kỹ các pháp kia tánh là vô thường. Nghĩa là về chỗ dựa, hiện hành, nhân.

Chỗ dựa: Nghĩa là tốt bậc cho đến sắc thân hiện có của tinh lự thứ tư, là chỗ dựa của thọ.

Hiện hành: Tức tốt cùng là cho đến định diệt thọ tướng, trong đó tướng thọ phần nhiều hiện hành.

Nói nhân: Là nhân của thọ hiện có nơi đời vị lai, tức tư duy cầu nguyện, quán xét như thế cho đến tánh duyên sinh của các pháp nơi cõi Hữu đánh, đều là vô thường. Như vậy, quan sát đúng đắn,

kỹ lưỡng, như lý về các địa lia dục. Đó gọi là luật nghi thuộc phẩm thượng nơi thế gian.

Nên biết ở đây, hai luật nghi trước là thuộc về lực xét chọn, một luật nghi sau là thuộc về lực tu tập.

Vị kia đã thành tựu lực không phóng dật thắng diệu như thế, thông tỏ đúng như thật về lý của Thánh đế, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn chấp ngã, ngã sở, dùng làm hành trước, tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ. Lại có thể đạt được luật nghi hữu học, vị kia tức tu tập luật nghi hữu học. Lại có thể vĩnh viễn đoạn trừ ngã mạn vọng chấp, dùng làm hành trước, hết thấy phiền não do tu đạo đoạn, nên chứng đắc hoàn toàn luật nghi vô học.

Lại nữa, nếu các Bí-sô đã nhập Thánh giáo, nhưng không phòng hộ các căn, tức hoàn toàn tạo tác các khổ. Nghĩa là khổ của hậu pháp, hoặc khổ của hiện pháp.

Ở đây, thế nào gọi là phi luật nghi? Nghĩa là ở nơi hiện pháp hậu pháp như thế, gồm đủ các thứ lỗi lầm tai họa. Cảnh giới hành xử, khởi tướng tà vạy không như lý vọng chấp về các tướng tùy hảo. Tướng tà vạy là trước hết, nên đối với trụ xứ kia, phát khởi tâm tư tương ưng thuận với các thứ ấy, do đó không thể đối với tất cả lỗi lầm tai họa đã nói ở trước quán thấy đúng như thật. Tuy lại quán thấy các lỗi lầm hiện có, nhưng chưa thể thường xuyên tu tập nhiều, ở trong chỗ dựa, các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa có thể trừ bỏ. Thân chưa khinh an, tức là thân của sắc tâm. Do hành tướng ấy, nên triền và tùy miên vẫn còn hòa hợp, có thể khiến chống trái với việc xét chọn tu tập hai sức đối trị, gọi là phi luật nghi. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là hành tướng của luật nghi.

Lại, luật nghi này, do ba nhân duyên, nên có thể khiến tu tập mau chóng được viên mãn. Ba nhân duyên đó là: Đầu tiên, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, tịnh tín xuất gia. Đã xuất gia rồi, nên

dùng văn tuệ tương ứng với thần lực thâm giữ các loài trùng, thú có sáu căn tương tự. Đã thâm giữ rồi, lại dùng tư tuệ tác ý như lý, quán xét đúng kỹ về các thứ lỗi lầm tai họa. Lại tu tập nhiều tư tuệ như lý, khiến đạt đến cứu cánh, vượt quá tác ý, lại càng siêng tu, thân theo chánh niệm, nơi chánh niệm này lại khéo tu tập. Vì vậy, không thể lại mỗi mỗi đều dong ruổi, tán loạn nơi các cảnh giới riêng khác. Nên biết, bấy giờ, vị ấy đã khéo điều phục, thần lực đã được tự tại.

Lại nữa, có các Bí-sô, trước đã tu tập tư lương là tuệ diệt, lại được gặp gỡ thiện hữu, lắng nghe đầy đủ về ba thứ lỗi lầm tai họa của các hành:

- (1) Lỗi lầm tai họa của hiện pháp.
- (2) Lỗi lầm tai họa của hậu pháp.
- (3) Lỗi lầm tai họa của hiện pháp, hậu pháp.

Nên biết ở đây, đại chúng cùng trái nhau làm chỗ nương dựa cho hết thấy tật bệnh, gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp. Các hành của nẻo ác luôn luôn đeo đuổi, có thể tạo tác, có thể đi đến, gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

Trước, ở nơi hiện pháp tạo nên hỷ tham dùng làm chỗ dựa, có thể dẫn đến già chết của hậu pháp, hiện pháp, gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp, hậu pháp. Như thế là lược nêu chung có ba thứ khổ:

- (1) Khổ của bệnh tật.
- (2) Khổ của nẻo ác.
- (3) Khổ của già chết.

Nghĩa là dựa nơi nẻo thiện, cùng dựa nơi nẻo ác, lắng nghe các lỗi lầm tai họa rồi, tinh tấn tu hành nơi pháp tùy pháp hành, nhân đây có thể nhập hiện quán về Thánh đế.

Tiếp theo, do khéo làm tịnh chân trí vô ngã, như vào ngôi nhà không, hiện quán sáu xứ trong ngoài đều không. Bấy giờ, vị kia do

tuệ thông tỏ chỗ dựa nơi các cảnh giới quên niệm, đã sinh các triền phiền não có thể gây tổn hại, cùng tùy miên phiền não, tùy miên tham ái còn sót lại.

Lại tự thông tỏ, ở trong sự nối tiếp có các phiền não, có các tham ái, có các khổ bức, có các tổn hại cùng lỗi lầm. Hết thấy phiền não tham ái, khi chứng đắc giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, thì hoàn toàn tịch tĩnh.

Tiếp sau, lại chứng đắc giới Bát Niết-bàn Vô dư y. Vị kia, trước tu tập ví như nhánh cành thân lá của cỏ cây. Chánh pháp nơi Thánh đạo được văn tuệ tích tập, pháp tùy pháp hành làm chỗ nương dựa, ở trong tu đạo, chánh cần tu tập, lần lượt chứng tâm khéo giải thoát, trụ nơi giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, tất cả phiền não tai họa đều được giải thoát. Đã trụ ở đây, nên biết là hoàn toàn vượt qua các khổ, đến nơi bờ giác.

Lại nữa, do bảy nhân duyên, nên ở trong pháp - luật giảng nói thiện, tuy xuất gia rồi, trở lại thoái bỏ chỗ tu học đúng đắn. Những gì là bảy nhân duyên. Đó là:

- (1) Các phàm phu chưa có thể vượt qua địa của các phàm phu.
- (2) Đối với các pháp khổ não của năm thủ uẩn không thể nhận biết rõ đúng như thật về năm chuyển.
- (3) Các phàm phu đối với những dục diệu phẩm thượng đã không thể quán xét về những lỗi lầm tai họa của chúng.
- (4) Lúc hành, lúc trụ, thường xuyên buông thả nơi các cảnh giới khả ái, chấp giữ những tướng mạo hiện có không như lý.
- (5) Không buộc giữ niệm, nên luôn tâm tư phi lý, tâm tư phản trái, xấu của phẩm thiện.
- (6) Do sợ sệt, hoặc vua quan, hoặc sự việc của nhân khác thét mắng, bức bách, vì sợ hãi nên liền đi theo.

(7) Do thân ái, nên đối với quyển thuộc có sự lưu luyến sâu đậm. Những thân thuộc kia nếu mời gọi, thì vì ái luyến tức liền theo họ.

Lại, đối với các cảnh giới, hoặc tùy thuận nơi tham, hoặc tùy thuận theo sân, hoặc tùy thuận theo si, phát khởi các triền phiền não mãnh liệt.

Lại, tức ở trong sự nổi tiếp của tâm kia luôn có trói buộc theo. Lại do chỉ tạo được những thắng giải thấp kém, không có các thứ thắng giải rộng lớn, nên đối với các cảnh giới, tâm lại hướng nhập. Do đối với các sự việc như cha mẹ v.v..., không thể để cô độc mà không lưu tâm quyến luyến, nên đối với nẻo xuất ly, tâm không hướng nhập. Do đối với tám Thánh đạo chi không có thắng giải, nên nơi nẻo xa lìa, tâm không hướng nhập. Do ở trong sự đoạn trừ phiền não của quả kia không có thắng giải, nên đối với Niết-bàn, tâm không hướng nhập.

Lược do hai xứ gồm thâu tất cả lậu:

(1) Do kiến đạo đoạn.

(2) Do tu đạo đoạn.

Nên biết ở đây, tác ý phi lý cùng với cảnh của đối tượng duyên gọi là pháp thuận theo lậu. Nếu các hàng hữu học có thể phát khởi tu đạo đoạn trừ các lậu, là tác ý phi lý nơi cảnh giới của đối tượng duyên, tuy chưa đoạn dứt hoàn toàn, nhưng do diệu tuệ đã thông tỏ đúng đắn, nên gọi là ở trong pháp thuận theo lậu ấy, tâm được tịch tĩnh, cũng có mất niệm tăng thượng sinh khởi triền yếu kém, nên chưa gọi là thanh tịnh mát mẻ, chưa gọi là yên lặng. Nhưng chỗ đây khởi tất cả kiến đạo đoạn trừ các lậu, đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên cũng gọi là thanh tịnh, mát mẻ. Do đối với vị lai không sinh khởi pháp, nên cũng gọi là yên lặng.

Các phàm phu kia đã tạo được các thắng giải thấp kém, đối khắp tất cả pháp thuận với các lậu, tâm không tịch tĩnh, nên không

gọi là thanh tịnh mát mẻ, không gọi là yên lặng. Nên biết, do bảy nhân duyên ấy nên trở lại thoái, bỏ chỗ tu học chính đáng. Cùng với đây trái nhau, là bảy nhân duyên của phẩm trắng hiện có. Tức ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, đã xuất gia rồi, trọn không thoái chuyển, để từ bỏ chỗ tu học chính đáng.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, dựa nơi bốn xứ chấp trước, nên biết vị ấy hành bốn thứ hành tà.

Những gì gọi là bốn thứ xứ chấp trước? Đó là:

(1) Như có Bí-sô, đối với xứ trong ngoài đều có tham ái, nên có thể chiêu cảm hữu sau. Ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ nhất.

(2) Lại, như có một Bí-sô, trước đã xả bỏ các sự việc hiện có bên ngoài, như cha mẹ v.v..., giờ lại có sự luyến tiếc trời buộc tâm. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ hai.

(3) Lại, như có một Bí-sô, ở trong hiện pháp mong cầu tất cả lợi dưỡng, sự cung kính. Đối với các chỗ đạt được những thứ ấy, tâm luôn tham đắm không bỏ. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ ba.

(4) Lại, như có một Bí-sô, là hàng hữu học, đã kiến đế tích, nhưng ngã mạn hãy còn, là chỗ đeo đuổi của phần ít tham ái, đối với việc tu tập để trừ bỏ thì trụ trong phóng dật. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ tư.

Thế nào gọi là bốn thứ hành tà? Đó là:

(1) Nghĩa là Bí-sô kia đầu tiên là yêu thích hữu sau nơi hữu tình, nên ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Hoặc các hàng hữu học hành nơi phóng dật, do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên vui thích việc tại gia và chúng xuất gia cùng tạp trụ. Như thế gọi là hành tà thứ nhất.

(2) Lại có Bí-sô, tức trước yêu thích hữu sau nơi hữu tình. Do sức tăng thượng của việc yêu thích hữu sau, nên phát khởi nguyện tà, hành theo phạm hạnh. Như thế gọi là hành tà thứ hai.

(3) Lại có Bí-sô, đối với chỗ xả bỏ sự việc bên ngoài ở trước, đã có luyến tiếc. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước kia, nên có thể khiến khởi, bỏ chỗ tu học chân chánh. Như thế gọi là hành tà thứ ba.

(4) Lại có Bí-sô, nơi đòi hiện tại mong cầu lợi dưỡng cùng sự cung kính, đối với chỗ đạt được các thứ ấy, tâm tham đắm không bỏ. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên hủy phạm giới luật, nói rộng cho đến nói, hành đều sai lạc, công nhiên phạm giới. Như thế gọi là hành tà thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với nghĩa, không khéo theo kẻ khác nghe nhận vô số ngôn thuyết về một nghĩa của văn tự, liền mang do dự không sinh hoan hỷ. Nay ở trong ấy, cái gì là thật?

Lại có bốn thứ, có thể sinh khởi môn không điên đảo của trí kiến thanh tịnh vi diệu. Những gì là bốn? Đó là:

(1) Hết sức siêng năng, tinh tấn quán xét về khổ. Đối với nhân thọ sinh, diệu trí nhận biết như thật.

(2) Lại, đối với sự nương giữ cùng nhân của chỗ dựa, diệu trí nhận biết như thật.

(3) Lại, đối với nhân trụ, diệu trí nhận biết như thật.

(4) Lại, đối với tự tánh, trợ bạn của duyên nương, tùy thuận nơi hành khổ vui, không khổ vui, diệu trí nhận biết như thật.

Lại, do hai duyên nên Đức Như Lai diệt trừ nơi nghĩa do dự hiện có của hữu tình bất thiện:

(1) Hiện thị vô số văn từ biểu hiện một nghĩa. Văn có sai biệt, nghĩa không sai biệt. Do đây có thể khiến đoạn trừ do dự.

(2) Mở bày làm rõ nghĩa rộng của Thánh giáo, do đây có thể khiến thông đạt nghĩa kia.

Thế nào gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo? Tức là từ địa tu lương cho đến lậu dứt hết, đều gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo.

Ở đây, căn của biên vực thánh thực an trụ. Đức Như Lai giáo hóa tương ưng với vô ngã, khéo thọ nhận, văn tư kiên cố tạo thành chánh kiến đã thành tựu. Đây là nương dựa, đây là kiến lập. Ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi xứ trong ngoài theo bốn thứ thức trụ. Vì muốn đoạn trừ các thức có thủ, nên tu tuần tự về thân niệm, là chỗ thâm nhận của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng. Do uy lực của sự thân cận tu tập, nên phát sinh duyên như thật nơi trụ thứ nhất, tiếp cận với hiện quán, Chỉ Quán song hành. Từ đây, ở trong Thánh đế không gián đoạn, có thể hội nhập nơi hiện quán, lại tu tập nữa, như chỗ đặc đạo do dần tiến tới, nên có thể chứng đắc tất cả các lậu vĩnh viễn dứt hết. Như có thể duyên như thật nơi thức trụ thứ nhất, cho đến duyên như thật nơi thức trụ thứ tư, nên biết cũng thế.

Lại nữa, như trước đã nói, hữu tình không giữ gìn căn môn, các triền phiền não hiện tiền không bỏ, xét chọn của thế gian và xuất thế gian, tu tập hai lực đối trị có chỗ thiếu sót, khiến phiền não sinh rồi, tánh nhiều chấp chặt, nên đi tới trụ xứ dùng các cảnh giới để mê hoặc. Như thế, ma kia đối với các hữu tình tánh chấp trước nơi các triền phiền não nên có thể thao túng, vì nhằm mê hoặc nơi sự an lập nối tiếp theo đối tượng duyên.

Lại, các hữu tình không gìn giữ căn môn như thế, nên đối với Bát Niết-bàn, sự mong muốn vui thích yếu kém, thân ái yếu kém. Ví như những gian nhà bằng cỏ lau khô mục, ma liền đối với các chốn ấy tích chứa các cảnh giới khả ái là lửa đuốc để thiêu rụi hết.

Do hai nhân duyên, nên các hữu tình kia thường bị cảnh giới che phủ:

- (1) Các triền chưa sinh, khiến sinh.
- (2) Các triền đã sinh, khiến nối tiếp.

Do bị cảnh giới ái che phủ, nên lúc truy tìm rộng khắp các cảnh giới, phần nhiều hành theo vô số hành ác bất thiện. Nơi lúc hành các hành tà ác như thế, lại bị vô số các pháp ác bất thiện che lấp, như trước đã nêu. Hành theo hành tà rồi, thì hành lạc đường, men theo dòng chảy mà đi, gọi là kẻ thuận theo dòng chảy sinh tử. Cùng với đây trái nhau, là phẩm trắng hiện có, nên biết đó gọi là người không thuận theo dòng chảy sinh tử.

Lại nữa, do tám thứ tướng, nên biết là gồm thâu chung các loại hành đạo chân chánh của Bồ-tát hữu sau:

- (1) Do thương xót.
- (2) Do dũng mãnh.
- (3) Quán xét kỹ về tánh của pháp nhẫn hiện tiền.
- (4) Có thể xuất ly.
- (5) Tự nội phát khởi hành quán để.
- (6) Khéo tu tập chánh kiến thế gian rộng lớn hiện tiền.
- (7) Do đạt được pháp Bồ-đề phần vô lậu nên được thanh tịnh.

(8) Do khéo tu tập giác phần thanh tịnh, cùng tiến tu đạo thuần tịnh vô thượng, nương dựa nơi sáu xứ, tu tập đầy đủ, nên đạt được sáu thứ công đức viên mãn tối thắng vô thượng.

Nên biết ở đây, các Đại Bồ-tát đối với các hữu tình luôn luôn thương xót, huân tu nơi tâm, trụ nơi hữu sau cùng, thấy những kẻ ngu tối rơi xuống sông tham ái, trôi nổi theo dòng chảy sinh tử, bị năm thứ tướng khổ bức bách. Đã quán thấy rồi, liền khởi đại bi sâu xa. Những gì là năm tướng? Đó là:

(1) Thấy các hữu tình kia rơi xuống sông tham ái, không tâm tư đúng đắn, luôn bị thứ nước không đáng yêu thích xô đẩy nhận chìm.

(2) Thấy các hữu tình kia, nơi sáu xứ trong ngoài, bị ba thứ lửa độc đốt cháy, khó trụ nơi hai bờ.

(3) Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi dục có rất nhiều sâu khổ, vô số tai họa, các thứ gai nhọn bày khắp bên dưới.

(4) Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi sắc, mắt tuệ của thế gian đã được đầy đủ, mắt tuệ của các Thánh có chỗ thiếu sót, cũng như cảnh tối tăm ở tại trên ấy.

Đã thấy các loài hữu tình rơi xuống sông tham ái như thế, trôi khắp tất cả đều không tịch tĩnh, hoặc xúc chạm, hoặc ở nơi bờ, hoặc bị khổ dưới giữa trên bức bách, nên Bồ-tát phát khởi đại bi. Đó gọi là thương xót.

Lại, tức thành tựu tâm thương xót kia, hoặc sinh nơi vương gia, hoặc sinh nơi nhà là thầy dạy của vua, tuy chưa xuất gia, nhưng tâm đầy khởi nguyện dũng mãnh: Ta nay nhất định sẽ thông đạt diệu tích, hướng tu phạm hạnh, trọn không thoái chuyển. Như thế gọi là bên trong hưng khởi dũng mãnh.

Lại, Bồ-tát kia, tức nơi phân vị chưa xuất gia, ở dưới bóng cây Thiệm bộ, một mình an tọa tư duy, liền có thể chứng nhập tĩnh lự thứ nhất. Sau, đối với pháp lão bệnh tử của mình, người, quán xét đúng, kỹ, có thể quyết định nhẫn thọ. Như thế gọi là xét kỹ về pháp nhẫn nơi tự hiện tiền.

Lại, Bồ-tát kia, từ nơi đời trước đã hành tập căn thiện, là chỗ biết rõ, phát khởi của tất cả hành thiện. Lại, do lực tăng thượng của sự dũng mãnh, xét kỹ về pháp nhẫn, nên liền có thể dứt bỏ dục diệu rộng lớn, tịnh tín xuất gia, tuy không thiết lập phạm hạnh đúng đắn, nhưng có thể tự nhiên thọ trì giới cấm. Do giới cấm này làm chỗ nương dựa, nên lần lượt có thể chứng đắc, cho đến xứ phi tướng phi phi tướng. Như thế gọi là có thể xuất ly.

Lại, Bồ-tát kia vì muốn từ bỏ đạo thế gian, chính thức cầu xuất ly. Do đối với bậc Đẳng Chánh Giác của đời trước, đã đạt được nẻo xuất ly rất ráo vô thượng, lãnh hội, thắng giải đúng đắn, tích tập huân tu, thân nối tiếp, nên đối với đạo thế gian đều không tin, vui. Do nhân duyên ấy, nên đi tới cõi Bồ-đề. Tức dựa nơi thời gian trước, quán về đạo lão bệnh tử giả tướng, nơi tướng của các đế thứ lớp quán xét, khởi tư duy: Các loài hữu tình của thế gian này, rơi rớt tại vô số các khổ của hiểm nạn, có sinh có lão có bệnh có tử, nhưng họ không thể đối với lão bệnh tử xuất ly rất ráo, nhận biết rõ đúng như thật về thứ lớp như thế. Quán nơi lão, tử, quán nơi tập của lão, tử. Quán nơi diệt của lão, tử. Quán có thể hướng đến, chứng đắc hành diệt lão, tử. Tác ý như lý làm chỗ dựa, từ lâu đã tích tập tư lương lớn. Do tuệ câu sinh nên có thể giác ngộ tánh của tất cả pháp. An trụ nơi pháp trụ pháp giới của các pháp. Như thế gọi là tự nội phát khởi hành quan sát đế.

Lại, Bồ-tát kia muốn câu lậu trên được dứt hết, nên tạo phương tiện phát khởi trí túc trụ niệm, nhớ nghĩ về đời trước, từ trụ xứ của chư Như Lai Chánh Đẳng Giác, nơi đạo lậu tận tích chứa, hành tập vãn, tư. Do sự phát khởi ấy, nên trải qua thời gian dài tích tập chánh kiến thế gian khiến được hiện tiền. Nhưng chánh kiến này, như kẻ chỉ dạy, trao truyền, dùng đậy làm chỗ dựa, có thể khiến cho Bồ-tát ở yên nơi một chỗ ngồi, cho đến chứng đắc lậu dứt hết rất ráo. Như thế gọi là khéo tu chánh kiến rộng lớn hiện tiền.

Lại do chánh kiến hiện có của Bồ-tát kia, như kẻ chỉ dạy trao truyền, lần lượt thắng tấn, trước đã xa lìa các dục của địa dưới, cho đến xứ vô sở hữu của cõi vô sắc. Nên lúc ở nơi Thánh đế đắc hiện quán, liền chứng bốn niệm trụ vô lậu v.v..., cho đến sau cùng là tám Thánh đạo chi nơi tất cả pháp Bồ-đề phần hiện có. Được nêu lên sau rốt, nên biết cũng gồm thâu tất cả phần vị trước. Do đạt được pháp kia, nên thành tựu quả Bất hoàn. Do đạt được pháp Bồ-đề phần vô lậu, thế nên gọi là đạt được thanh tịnh, mát mẻ. Bồ-tát kia, do đạt

được an lạc rốt ráo của thế gian như vậy, đạt được an lạc vô lậu xuất thế gian, được thanh tịnh, mát mẻ, nên gọi là lìa mọi bùng cháy. Do đạo thế gian, cho đến đã lìa phiền não hệ thuộc xứ vô sở hữu, cùng đã xa lìa các thứ phiền não do kiến đạo đoạn, nên gọi là lìa nhiệt não. Vì nhằm đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo các phiền não hệ thuộc cõi Hữu đảnh, nên lại siêng năng tu tập thuần đạo vô lậu. Đó là tu tập giác chi vô thượng, nên gọi là tiến tu tu đạo vô thượng. Do sự tu tập ấy, nên trong địa vô học có sáu thứ pháp tu viên mãn rốt ráo:

(1) Tu thần thông Thánh viên mãn rốt ráo.

(2) Tu tịnh năm căn viên mãn rốt ráo.

(3) Chứng đắc lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí, hoàn toàn viên mãn rốt ráo.

(4) Chứng đắc bốn thứ hiện pháp lạc trụ viên mãn rốt ráo.

(5) Chứng đắc tĩnh lự thế gian cùng các đẳng trì đẳng chí giải thoát viên mãn rốt ráo.

(6) Chứng đắc danh thân, cú thân, văn thân, thuận theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, viên mãn rốt ráo.

Nên biết ở đây, tu tịnh tín căn đầy đủ rốt ráo: Nghĩa là đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh. Tu căn tinh tấn viên mãn rốt ráo: Tức là có thể dũng mãnh tạo tác nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập niệm căn viên mãn rốt ráo: Là pháp không quên mất của ba niệm trụ, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập định căn viên mãn rốt ráo: Tức là đối với Thánh trụ, Thiên trụ cùng với Phạm trụ đều khéo thanh tịnh. Tu tập tuệ căn viên mãn rốt ráo: Nghĩa là mười trí lực khéo thanh tịnh.

Bồ-tát kia do có thể an trụ nơi sáu xứ tu tập nhân viên mãn như thế, nên được gọi là đại vương, là bậc Pháp vương, do chứng đắc sáu

thứ viên mãn ấy. Nghĩa là do sức tăng thượng của thần thông bậc Thánh, nên đạt được nhiều của cải, giàu sang tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của các căn thanh tịnh, nên đạt được nhà cửa rộng lớn tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đoạn trừ các phiền não, nên được thọ dụng các tọa cụ, ngọa cụ an lạc tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của hiện pháp lạc trụ, nên ở trong nhà cửa, tọa ngọa cụ, chứng đắc đại an lạc trụ đệ nhất, không có các tổn não, tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của tĩnh lự, đảnh trì đảnh chí giải thoát, nên chứng đắc có thể thành tựu các sự việc lợi ích chân chánh cho tất cả hữu tình, hỷ lạc diệu dụng tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đối với các thứ danh cú văn thân được tùy theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, nên được gọi là Pháp vương, có thể đối với kẻ khác thể hiện sự bình đẳng, phân bố tác dụng tự tại viên mãn.

Như thế gọi là sáu xứ tu tập viên mãn làm chỗ dựa, chứng đắc sáu thứ tự tại viên mãn.

Lại nữa, lược có bốn thứ tìm cầu ngã luận, do luận này nên nơi kẻ Tát-ca-da-kiến chưa được đoạn trừ vĩnh viễn, tâm tư cầu ngã thường xuyên hiện hành. Bốn thứ tìm cầu là:

- (1) Tìm cầu ngã, ngã dùng cái gì làm tự tánh?
- (2) Tìm cầu ngã, ngã là thường hay là vô thường?
- (3) Tìm cầu, vì sao ngã là thường, vô thường?
- (4) Tìm cầu ngã, ngã sở hữu trụ tại xứ nào?

Nên biết ở đây, lược có bốn thứ tìm cầu về ngã:

- (1) Tìm cầu tự tánh.
- (2) Tìm cầu về chuyển.
- (3) Tìm cầu về nhân.
- (4) Tìm cầu về trụ xứ.

Trong ấy, ba thứ đầu có thể thiết lập được các hành sai biệt. Lại, sự thiết lập này có thể không điên đảo. Một loại thứ tư, do tất cả thứ, hoàn toàn không thể thiết lập được sự sai biệt.

Nên biết, thiết lập về tự tánh của ngã: Tức là thiết lập mười hai thứ xứ đã sinh khởi sáu thức cùng thọ tướng tư dùng làm ngã. Vượt quá đây thì ngã còn lại không thể được.

Lại, ngã này thể tức là vô thường, do có sinh, già, chết.

Lại, các hành ấy do đối với các nẻo, tự thể sinh khởi có vô số sai biệt, không thành thật, nên nói như sự huyễn. Tâm tưởng kiến đảo mê loạn tánh, nên gọi là như ngọn nắng. Là pháp sinh khởi, diệt tận, nên gọi là có tăng giảm. Tánh của sát-na, nên gọi là tạm thời. Luôn luôn hoại rồi chóng vánh có khác. Thường xuyên nối tiếp, nên gọi là mau hiện tiền tương tục. Lại không từ đâu, tới không chỗ đến, thể nên gọi là xưa không nay có, có rồi tan diệt. Do tướng như thế, nên lược nói thân sinh lần lượt vô thường, cùng có nhân sát-na nối tiếp vô thường. Ba thứ như thế, thiết lập như lý về tự tánh của ngã, hoặc chuyển hoặc nhân. Thiết lập về trụ xứ hiện có, trọn không thể đạt được. Do trong các hành, lìa tánh của các hành, riêng có thật ngã trụ trong các hành là không thể thủ đắc.

Do nhân duyên này, nên căn cứ nơi thể tục đế, các hành hãy còn hoàn toàn không thể thiết lập, hướng hồ là đối với thắng nghĩa. Vì vậy, toàn bộ nơi không lập không. Như thế, do tâm tác ý như lý, nên văn (nghe) hiểu rõ, tư cùng xét rõ, tu chắc thật rõ, như thứ lớp nêu bày có sai biệt, phải nên hoan hỷ, phải nên cùng hoan hỷ, phải nên hoan hỷ khắp.

HẾT - QUYỂN 91

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 92

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ HAI:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ. Đoạn 4:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Trên tham dạy trao cùng khổ trụ
Quan sát, dẫn phát không ứng cúng
Minh giải thoát, tu luận vô ngã
Pháp định kiến khổ là sau cùng.*

Do ba nhân duyên, nên hữu tình đối với cảnh của đối tượng duyên đã hành tham thuộc phẩm thượng. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Mạnh mẽ chứ không phải yếu kém.
- (2) Đoan nghiêm chứ không phải xấu xí.
- (3) Quen với tham chứ không phải xả tham.

Lại do ba thứ đối trị, thâu nhận, hãy còn khiến cho hữu tình ôm giữ tham phẩm thượng như thế, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, siêng tu phạm hạnh, điều phục nơi tâm khiến được tịch tĩnh, hướng hồ là chỉ mang giữ tham nhỏ của phẩm trung, hạ, là phần vị Bạc trần. Ba thứ đối trị là:

(1) Giữ gìn kín chặt căn môn làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên dục lạc.

(2) Đối với ăn uống nên biết lượng, đầu đêm cuối đêm giảm thiểu ngủ nghỉ làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên tự khổ.

(3) Chánh niệm, chánh tri tối thắng làm chỗ nương dựa, hành nơi trung đạo theo nẻo xuất ly.

Nên biết ở đây, nơi bốn niệm trụ, tâm khéo an trụ. Hoặc vào lúc hành, cảnh giới hiện tiền. Hoặc không giữ lấy nơi tướng cùng với tùy hảo, nhận biết rõ như thật về sinh trụ diệt của thọ. Nếu giữ lấy nơi tướng cùng với tùy hảo, nên nhận biết rõ như thật về sinh trụ diệt của tướng. Hoặc vào lúc trụ, nhận biết rõ như thật về sinh trụ diệt nơi tâm tư của nhân kia. Do tướng như thế, chánh niệm chánh tri, nơi tất cả thời, nơi tất cả thứ cảnh giới của đối tượng duyên, có thể như phép tắc đúng đắn để giữ gìn tâm. Đó gọi là chánh niệm chánh tri tối thắng.

Lại có chánh niệm chánh tri tối thắng: Nghĩa là đã đạt được định diệt tận, hoặc đã đạt được định vô tướng, hoặc đã đạt được định không tầm tứ. Nên biết, nương dựa nơi Thánh trụ, Thiên trụ, ngoại trừ chánh niệm tri trụ tối thắng này thì không có thứ khác nào có thể vượt hơn.

Hoặc từ nơi diệt định khởi rồi, an trụ, hoặc sắp nhập định, theo phương tiện mà trụ, nhận biết rõ đúng như thật về sinh trụ diệt của thọ, đó gọi là chánh niệm, chánh tri tối thắng.

Như dựa nơi định diệt tận, nhận biết đúng như thật về thọ, dựa nơi định vô tướng để nhận biết đúng như thật về tướng, dựa nơi định không tầm không tứ để nhận biết rõ như thật về tầm tứ hiện có, nên biết cũng thế. Do chánh niệm chánh tri tối thắng ấy, chỉ nhận lấy pháp, không đối với tầm tứ thọ tướng như thế khởi phân biệt hư vọng về ngã, ngã sở.

Nếu các kẻ ngu, khi tầm tứ về thọ tướng sinh khởi sai biệt, đối với pháp như thọ v.v... không thể phát khởi chỉ có tướng pháp, chỉ

tạo niệm: Ta có thể lãnh nhận, cho đến nói rộng. Do nhân duyên ấy, nên kẻ kia hãy còn không có chánh niệm chánh tri, hưởng hồ là đạt tối thắng.

Ở đây, nói chánh niệm chánh tri, sau là hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, nên biết nói chánh niệm chánh tri trước, là từ chỗ các phần vị phàm phu đạt được tác ý không phóng dật, cho đến quả Nhất lai.

Lại nữa, do hai nhân duyên, Đức Như Lai tự nói, mình tuổi cao, thân lực mỗi mệt, khuyên các Thanh văn thỉnh vị khác thuyết pháp:

(1) Vì khiến cho người cậy mình tuổi trẻ, chuyên hành kiêu ngạo, trụ nơi phóng dật tự biết chán sợ.

(2) Vì nhằm khiến cho, có các Bí-sô nơi đời vị lai tuổi cao sức yếu, xa lìa nghi hời, khi khuyên thỉnh các Bí số tuổi trẻ v.v... tuyên thuyết chánh pháp. Hoặc có các Bí-sô tuổi tác đang độ khỏe mạnh, tươi vui, đầy đủ uy lực, không có e ngại vì vị khác thuyết pháp.

Nên biết ở đây lược có hai thứ chôn đại tập hội, tuyên thuyết chánh pháp:

(1) Quyết trạch thuyết.

(2) Trục ngôn thuyết.

Quyết trạch thuyết: Nghĩa là dấy khởi phương tiện để cất vấn nêu xét, thuyết giảng đạo lý diệt trừ nghi hoặc.

Trục ngôn thuyết: Nghĩa là các thánh chúng im lặng mà trụ, như Pháp sư thuyết giảng, tuyên thuyết chánh pháp.

Lại do bốn tướng, gọi là có thể tùy thuận chỉ dạy trao truyền, khuyên răn:

(1) Có thể phân tích các xứ sai biệt. Ở trong các hành đạt được trí kiến vô ngã thanh tịnh.

(2) Kiến thanh tịnh, đối với các thọ cùng chỗ dựa đều diệt, lia tăng thượng mạn, đạt tịch tĩnh tột bậc.

(3) Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của vị lai.

(4) Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của hiện tại.

Ở đây, phân tích các xứ trong ngoài với các thức xúc thọ tương tư ái riêng biệt. Hiện thị vô ngã, do dựa nơi đạo lý của phương tiện duyên khởi, nên có thể dẫn phát chánh kiến thanh tịnh thứ nhất. Như ánh sáng dựa nơi ngọn đèn, như bóng dựa vào cây, kia không có nên đây cũng không có.

Hiện thị các xứ trong ngoài có sai biệt, là nhân nơi các thọ, do các xứ kia vắng lặng rất ráo, nên các thọ đây cũng tùy diệt. Lia tăng thượng mạn, đối với Niết-bàn nhận biết rõ đúng như thật là tịch tĩnh tối thắng, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ hai. Ở trong hiện pháp, dùng đao trí tuệ có thể đoạn dứt vĩnh viễn tất cả phiền não.

Hiện thị sự vượt khỏi rất ráo các khổ hiện có của vị lai, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ ba. Hiện thị ở trong khắp tất cả pháp thuận khổ thuận lạc thuận phi khổ lạc, không khởi tham dục, không khởi sân hận, không khởi ngu si. Hiện thị kiến đạo, đối với niệm trụ tâm khéo an trụ. Hiện thị tu đạo, tu các giác phần. Nghĩa là khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Vượt khỏi khổ trụ của tạp nhiễm nơi hiện pháp, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, không giữ căn trụ, đối nơi các cảnh giới tâm phần nhiều ái nhiễm, tâm phần nhiều tán loạn, do nhân duyên ấy nên thọ nhận hai thứ khổ:

(1) Khổ do thô trọng tạo nên.

(2) Khổ do ở trong các pháp nghi hoặc tạo nên.

Vì sao? Vì do phương tiện kia nên siêng năng tu thân. Siêng năng tu thân rồi, nên siêng năng tu chi Xa-ma-tha của giới. Do không

tu thân, cũng không tu chi Xa-ma-tha của giới làm nhân duyên, nên thân không khinh an, tâm không khinh an. Vì thế, Bí-sô kia nhận lấy khổ do thô trọng tạo nên.

Khinh an thiếu nên không thể xúc chứng Tam-ma-địa thù thắng. Do nhân duyên này, nên đối với việc nhận biết đúng như thật, không nhận biết đúng như thật, phần nhiều sinh nghi hoặc. Vì vậy, Bí-sô kia thọ nhận khổ do nghi hoặc đối với các pháp tạo nên. Do trụ nơi hai thứ khổ não ấy, nên gọi là, vì sức nơi duyên tăng thượng của việc không giữ gìn các căn, nên phải chịu các khổ, trụ không an ổn. Như thế gọi là, ở trong hiện pháp, do không giữ gìn các căn, nên có các lỗi làm tai họa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là các công đức hiện có do giữ gìn các căn.

Lại nữa, có các Bí-sô vì lìa dục tham nên siêng tu phương tiện. Do tu tập đúng dẫn đạo gia hạnh, nên điều phục các phiền não, khởi tư duy: Ta đối với các dục là có dục tham mà không biết rõ, hay là không có? Bèn dùng tướng tịnh tác ý tư duy, đối với việc đoạn trừ chưa đoạn trừ mới được quyết định. Quán sát tác ý làm chỗ dựa, tìm cầu nơi chốn sinh khởi tham dục, nhận biết rõ như thật, nhớ nghĩ phân biệt, các phiền não này là xử an túc hơn hết, do chúng chưa được đoạn trừ vĩnh viễn. Nên lúc bị phiền não loạn động nơi tâm, nhận biết rõ có thể hướng tới phần thấp kém nên liền chế phục. Nếu không chế phục, thì đối với phần ít Tam-ma-địa đã được ở trước, hãy còn trở lại thoái mất, hướng hồ là có thể tiến tới công đức của phẩm thù thắng. Do thâm tóm, chinh đốn, nên có thể không thoái chuyển, cũng có thể tiến đến công đức của phẩm thù thắng.

Nếu không quán xét, trở lại phát khởi tăng thượng mạn, nên cũng có thoái, mất. Do quán xét, nên có thể chứng đạt quyết định. Nếu tâm bị loạn động, có thể nhận biết rõ, đúng, trở lại chinh đốn gồm thâm, vì thế không thoái chuyển.

Như tu phương tiện, vì lia dục tham, thì đối với phần vị trên còn lại, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Nếu lúc kiến mạnh mẽ, quán xét kỹ, nhưng không sinh khởi, Bí-sô kia liền đạt được thắng giải quyết định: Ta đối với các xứ đã có thể chế phục, hơn hẳn. Nghĩa là đối tượng duyên này nên sinh phiền não, ta ở nơi xứ ấy đã chế phục, hơn hẳn, khiến phiền não không sinh khởi, vượt quá học địa. Cũng như vị đại vương có thể tùy theo tâm mình tự tại mà chuyển. Hàng phục tất cả trụ xứ của Ma la, chứng đắc tận trí, vô sinh trí rất ráo, phạm hạnh viên mãn.

Lại nữa, đối với sáu căn như trước đã nói, năm tướng tịch tĩnh không được tịch tĩnh, nên biết là phải thâm nhận ba thứ quả khổ. Nghĩa là trong hiện pháp, dựa nơi phần tạp nhiễm tăng thượng của căn mà trụ, do các thứ bất thiện hiện hành làm nhân. Hoặc trở thành thoái chuyển, thua kém đối với kẻ khác. Hoặc bị chê trách. Hoặc bị sát hại. Tức thọ nhận các khổ của hiện pháp như thế.

Lại thọ nhận vô số các khổ của sinh lão bệnh tử nơi vị lai. Lại thọ nhận đặng lưu của vị lai, do trước thường xuyên hành tập, dẫn phát. Các tạp nhiễm do không giữ gìn các căn, cũng gọi là khổ. Cùng trái hẳn với đây, tức là đối với sáu căn, do có năm thứ tướng tịch tĩnh, nên biết là thâm nhận ba quả khổ diệt.

Lại nữa, lược có hai loại Phạm chí thế tục: Thật sự không phải là phước điền, nhưng ôm giữ tăng thượng mạn, tự cho là phước điền, tự xưng ta là phước điền chân thật, nên biết là đã tạo thành tánh và tướng của phước điền không thật, không nên cúng dường. Đó là:

(1) Từ nơi kẻ khác đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, hiện tiền tham đắm mãnh liệt. Các căn tham lam ăn uống, là tánh nhiễu loạn, trá hiện trước mọi người là hành lia dục.

(2) Thâm nhận tài sản gia đình, cùng với hàng thân thuộc cư trú lẫn lộn. Chuyên tự tu thân theo nẻo thô, ướ. Phạm chỗ hành trì,

hành đã không tự lợi, cũng không phải lợi tha. Xa lìa hành chánh pháp chánh của Thi la. Xa lìa hành thiện có thể trụ nơi nẻo thiện. Xa lìa hành diệu có thể trụ nơi Niết-bàn. Nên biết kẻ ấy, cùng với tất cả hàng phàm phu ngu tối không có sai biệt. Trụ nơi chánh pháp, cùng với đầy trái nhau, nên biết đó gọi là Phạm chí thắng nghĩa.

Lại nữa, ngoài chánh pháp này, có các Sa-môn Bà-la-môn, lúc về các đệ tử nêu giảng pháp, phần nhiều vì cầu thắng lợi đối với các thứ cật vấn, cùng cầu thắng lợi vì thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác, nên biết việc nêu giảng pháp như thế, theo đệ nhất nghĩa là vô nghĩa vô lợi, không tự lợi ích, cũng không lợi ích cho kẻ khác. Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử tuyên thuyết chánh pháp, chỉ vì chúng đắc thắng lợi của hai quả là minh và giải thoát, nên biết việc nêu giảng chánh pháp như thế là quả lớn, lợi lớn, tự lợi lợi tha thấy đều viên mãn. Hành nơi ba đời không quên mất, trụ nơi nghĩa tối thắng, nên đối với ba thứ cảnh của đối tượng duyên có sai biệt, gọi là ba minh. Hoặc tâm giải thoát, hoặc tuệ giải thoát đều gọi là giải thoát, là đối trị thắng vượt tạp nhiễm căn bản của vô minh, ái.

Vì đạt được chưa đạt được minh cùng với giải thoát, nên biết lược có bốn thứ tu đạo. Tức là tu căn, nên có thể tu thân đúng đắn. Tu thân đã dẫn đến tu hành thiện, nên có thể tu giới đúng đắn. Tu giới, đã dẫn đến tu niệm trụ, giác chi thuận hợp, nên có thể tu tâm, tuệ.

Ở đây, tu căn lại có ba thứ:

- (1) Tu thế gian.
- (2) Tu hữu học.
- (3) Tu vô học.

Nếu do lực xét chọn làm chỗ nương dựa, tuy nhận lấy tướng không như lý của cảnh khả ái không khả ái, nhưng không phát khởi các triền phiền não, nếu như khiến vừa đầy khởi thì liền dứt trừ, là tu thế gian.

Nếu đối với Thánh đế đã được hiện quán, do mất niệm nên hoặc sinh hợp ý hoặc không hợp ý, hoặc gồm cả hai, nhưng tâm không bị trôi buộc mà trụ vững, mau chóng đối với tạp nhiễm có thể được giải thoát, là tu hữu học.

Hoặc nơi tâm này an trụ vững chắc, như trước đã nói đối với bên trong không có hẹp hòi, khéo thoát khéo tu, tất cả đều không thấp kém đến mất niệm. Đối với các thứ vừa ý không vừa ý, phát tâm gần gũi, xét kê kia có đức nên hướng đến, đó gọi là tu vô học tịnh. Như tu căn, nên biết tu giới, tu tâm, tu tuệ, ba thứ cũng vậy.

Ở đây, đầu tiên là chỗ dẫn khởi của tu căn thứ nhất. Tu căn thứ hai là chỗ dẫn khởi thứ hai. Tu căn thứ ba là chỗ dẫn khởi thứ ba.

Tu giới, tu tâm, tu tuệ cùng đối chiếu, đều có ba thứ chỗ dẫn khởi, nên biết cũng thế.

Ở đây, cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt, nên hữu tình có ân có oán sai biệt. Công đức, lỗi lầm tương ưng nơi hữu tình có sai biệt. Được yêu thích, không được yêu thích nơi hữu tình có sai biệt. Nên biết, hoàn toàn vừa ý, hoàn toàn không vừa ý, vừa ý không vừa ý cùng xen lẫn có sai biệt.

Cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt: Tự có cảnh giới hoàn toàn hợp ý. Tự có cảnh giới hoàn toàn không hợp ý. Tự có cảnh giới về loại lẫn lộn, một phần ít hợp ý, một phần ít không hợp ý.

Hữu tình như vậy, hoặc hoàn toàn có ân, hoặc hoàn toàn có oán, hoặc ân oán cùng xen lẫn. Hoặc hoàn toàn có được. Hoặc hoàn toàn có mất. Hoặc được mất cùng đủ. Nếu nơi hữu tình ái lại sinh ái, nên biết hoàn toàn là đối tượng của ái. Nếu nơi hữu tình sân lại sinh sân, nên biết hoàn toàn không phải là đối tượng của ái. Nếu đối với hữu tình ái đã sinh giận, hoặc nơi hữu tình giận đã sinh ái, nên biết đó gọi là đối tượng của ái, không phải là đối tượng của ái.

Do các nhân duyên sai biệt như thế, nên ba thứ như vừa ý v.v... có sai biệt.

Lại, nơi hành ác tùy quán hiện pháp với lỗi lầm hiện có. Tùy quán vị lai với lỗi lầm hiện có. Thế nên xa lìa chúng, tu tập hành diệu. Nếu đối với sáu xứ, do tất cả môn đều bị phỉ báng, đó gọi là lỗi lầm hiện có của hiện pháp. Vì nhân duyên ấy, nên bị đọa vào nẻo ác, đó gọi là lỗi lầm hiện có của vị lai.

Ở đây, bị kẻ khác hủy báng: Nghĩa là bị ngoại đạo cùng những kẻ có nhiều hiểu biết của thế gian. Nên biết, ngoài ra tức như đã nói.

Lại, ở đây nói tu niệm trụ: Nghĩa là niệm giác phần vừa mới phát khởi, tại địa phàm phu thường nên tu tập. Tại địa hữu học, tu tập viên mãn. Tại địa vô học, tu tập giác phần chưa được giới đoạn. Ở nơi cảnh giới đoạn, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi xa lìa. Chưa được cảnh giới vô dục, ở nơi giới vô dục, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi lìa dục.

Chưa được cảnh giới diệt, ở nơi cảnh giới diệt, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi diệt. Dứt bỏ phần thấp kém, tu phần giác, hồi hướng thẳng diệu, tu tập phần giác, nên gọi là hồi hướng dứt bỏ.

Lại, các Bí-sô phòng hộ các căn, có hồ có thẹn, do nhân duyên ấy nên xấu hổ đối với hành ác, tu tập hành diệu. Tu tập hành diệu nên không biến hối. Không có biến đổi, hối hận nên phát sinh hoan hỷ. Đây là điều kiện trước nên tâm được chánh định. Tâm chánh định nên có thể kiến giải đúng như thật. Kiến giải như thật, nên minh cùng giải thoát thảy đều viên mãn. Nên biết đó gọi là thứ lớp tu hành.

Lại nữa, như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, tự mình đã không thể khéo tu tập các căn, nhưng lại vì kẻ khác thiết lập pháp khéo tu căn không như lý, kiến giải chỉ là dứt bỏ cảnh giới hiện có, gọi là phòng hộ các căn. Tuy nhiên vị ấy, tự mình ở nơi các chúng đệ tử,

sinh khởi chấp trước sâu xa, một phần khởi yêu thích, một phần sinh ghét bỏ. Nghĩa là đối với sự chỉ dạy về nhân duyên thuận nghịch kia, hoặc hợp ý, không hợp ý luôn hiện hành, nơi chỗ vi tế ấy tự mình tạo tạp nhiễm, không thể dùng tuệ để ngộ nhập như thật, nhưng cho tự mình có thể khéo tu tập các căn, khởi tăng thượng mạn. Các hữu tình thuận theo kiến chấp như thế, vị kia tuy khiến căn lia bỏ các cảnh giới, nhưng ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi cảnh giới nọ phát khởi vô số tâm tư tạp nhiễm. Vì không trí tuệ mà tự ngộ nhập, nên cũng không gọi là khéo tu các căn. Lại cũng không là khéo tu căn, nên siêng tu hành chánh đáng, chỉ tin theo lời nói của kẻ khác khởi thắng giải sai lạc, cùng dùng tà mạn.

Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử, nên thiết lập đúng như lý việc đoạn trừ các phiền não, gọi là khéo tu tập các căn, không phải chỉ hoàn toàn dứt bỏ các cảnh giới.

Lại, các Đức Như Lai đối với ba thứ niệm trụ không chung kia, tâm khéo an trụ, khiến các chúng đệ tử không nhiễm chấp, đối với các hành chân chánh luôn hiện hành vừa ý, nơi các thứ hành tà vạy, hành không vừa ý, do đấy, chỗ sinh khởi tạp nhiễm của tham dục, tạp nhiễm của giận dữ, đều không hiện có. Do nhân duyên ấy, nên tuy chỉ dạy cho đệ tử, cùng đoạn trừ phiền não, nhưng được gọi là bậc khéo tu tập các căn vô thượng.

Lại, việc tu tập căn này, dựa nơi năm nhóm phẩm có sai biệt, nên biết cũng có năm chuyển sai biệt. Nghĩa là Phật, Thế Tôn, hoặc có các đệ tử hoàn toàn hành đúng đắn mà cũng rất ráo, hoặc có các đệ tử hoàn toàn phóng dật, mà cũng rất ráo. Hoặc có các đệ tử tu hành chánh hạnh nhưng không rất ráo. Hoặc có các đệ tử hành nơi hành tà, mà không rất ráo. Hoặc có các đệ tử có nhiều thứ phẩm loại, một hành chánh hành, một hành phóng dật, một hành một phần hoặc có lúc phóng dật, có lúc không phóng dật. Như thế gọi là nhóm phẩm thứ năm.

Ở đây, Như Lai cho là hợp ý: Nghĩa là các đệ tử, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, đã tu tập các căn được viên mãn, nên tu hành chánh hạnh.

Lại có một loại không hợp ý: Tức là hành theo tà hạnh, hoặc không tu tập. Do đó, Đức Như Lai quán loại chúng sinh thứ nhất, khởi vừa ý. Quán loại chúng sinh thứ hai không vừa ý. Quán loại chúng sinh thứ ba, khởi vừa ý, sinh không vừa ý. Quán loại chúng sinh thứ tư, không vừa ý, sinh khởi vừa ý. Quán loại chúng sinh thứ năm, khởi vừa ý, sinh không vừa ý, cũng lại sinh khởi vừa ý, không vừa ý.

Đức Như Lai tuy đối với năm chúng ấy, phát khởi năm chuyển vừa ý, không vừa ý có sai biệt như thế, nhưng các Đức Như Lai trọn không bị các hành tướng yêu giận kia làm cho cấu nhiễm, do đã vĩnh viễn lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí của chúng, do khéo tu tập các căn. Thế nên, Đức Như Lai, tất cả phiền não cùng tập khí đều đã đoạn trừ hoàn toàn, làm chỗ nương dựa, nên có thể khéo trụ niệm, đối với các chúng đệ tử không có các tạp nhiễm, được gọi là năm chuyển tu tập căn vô thượng.

Lại, đối với tất cả năm chuyển như thế, theo chỗ ứng hợp, nên chánh tư duy về ba thứ đối trị:

- (1) Tưởng vô thường.
- (2) Tâm từ.
- (3) Định vô tướng.

Ba thứ như thế, tùy chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn, việc làm đã thành tựu, nơi đệ tử vô học gọi là đã tu tập căn. Do trong đêm dài sinh tử luôn vui thích Niết-bàn. Tuy gặp phải cảnh tướng hiện tiền của các loại hữu tình như trước đã nói, hoặc thuần là khả ái, hoặc thuần là không khả ái, hoặc nhiều tạp loại chung cả ái, phi ái. Do tham sân si đã vĩnh viễn xa lìa. Do sức

tăng thượng của tâm giải thoát cùng tuệ giải thoát. Tức do vô tướng khiến tâm đối với cảnh kia liền mau chóng dứt bỏ. Do ý lạc, nên đối với các cảnh giới khởi tướng chán bỏ.

Lại, đối với Niết-bàn thấy rõ đức tịch tĩnh như thế, nên mau chóng có thể an trụ nơi xa. Do nhân duyên này, nên dù chỉ trong khoảng một sát-na mất niệm khiến tâm bị tạp nhiễm, cũng không thể khởi. Nên biết, ngang với sự khéo tu tập này, gọi là khéo tu tập căn.

Nếu các hàng hữu học chưa có thể mau chóng an trụ nơi xa, nên có các phiền não khác huân tập, khiến nối tiếp thành tạp nhiễm. Lại, ở trong tất cả cảnh của ba chuyển, các phiền não ghét bỏ đã khởi, nên khi phiền não hiện hành bức bách, tức có thể theo phương tiện trụ nơi tướng chán nghịch, cùng tướng lỗi lầm tai họa. Tu hành như thế, tức có thể khiến tu tập căn mau chóng được viên mãn. Do đó gọi là hành trì đúng đắn. Như thế nên biết, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, các chúng đệ tử tốt đẹp của bậc Đại sư, có thể tu tập hành chân chánh, đạt được nghĩa đã chứng đắc.

Lại nữa, luận sư vô ngã, lược có ba thứ sự việc được tạo tác chân chánh. Những gì là ba? Nghĩa là đối với tự tướng, cộng tướng của hành thuộc về khổ, tập đế, nên hiển bày rõ, đúng, an lập vô ngã. Nên biết ở đây, hiển bày về tánh đều có rất nhiều thứ khác biệt. Hiển bày rõ về tự tướng, khai thị tánh tương tự sinh diệt, nên hiển bày rõ về cộng tướng. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ nhất.

Lại, đối với vô ngã chỉ có hành nhân, như nơi tạp nhiễm, thanh tịnh hiện có đều hiển bày rõ như thật. Nên biết ở đây, nơi duyên của ba thứ thọ, sinh ba thứ tùy miên của phiền não, chưa có thể đoạn trừ hoàn toàn. Đối với kiến đạo, tùy miên ngã kiến chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ hẳn. Đối với phẩm kiến mạn có thể khởi vô minh, cũng chưa dứt trừ vĩnh viễn, nên chưa thể sinh khởi

minh để đối trị chúng, do vậy không thể tạo được biên vực của khổ. Như thế gọi là hiện thị tạp nhiễm. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ hai.

Lại, đối với các hành đoạn từ Tát-ca-da-kiến tăng ích ngã, dựa nơi chánh kiến có thể giữ lấy vô ngã thật sự, như tương ưng với thanh tịnh, hiển bày rõ như thật về kiến vô ngã này. Nơi phần vị phàm phu, có thể thâm nhận đúng đắn về hiện quán Thánh đế. Lại có thể chứng đắc tuệ nhãn của các hành. Tại phần vị hữu học có thể đạt được tận trí, vô sinh trí của phần vị trên. Nơi phần vị vô học, có thể khiến cho hết thầy hàng hữu học cùng vô học, đối với phiền não hiện có do kiến đạo, tu đạo đoạn từ, đều được dứt hết hoàn toàn, rốt ráo. Vì thế nên biết, kiến vô ngã này có thể khiến đạt thanh tịnh, nên hiển bày rõ. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ ba.

Lại nữa, đối với sự thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, không nhất định trụ nơi chánh pháp: Tức thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian ấy, có thể nhất định trụ nơi chánh pháp, nên biết lược có năm thứ quả chánh gia hạnh thù thắng, xung tán lợi ích. Những gì là năm? Đó là: Người thứ nhất trụ nơi chánh pháp kia, trước hết do tâm chưa được định, nên giới của chi Xa-ma-tha chưa thanh tịnh, cũng chưa trắng, sạch. Tức người thứ hai trụ nơi chánh pháp ấy, tâm được định, nên thanh tịnh, tươi sáng. Nên biết đó gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng, xung tán lợi ích thứ nhất.

Lại, tâm thứ nhất nơi Bồ-đặc-già-la kia chưa được định, nơi tất cả thọ, cùng chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và nẻo tùy chuyển của chúng đều nhận biết không đúng như thật. Do không nhận biết nên tạo ra ba thứ vô trí làm nhân cho sự tiếp xúc của lỗi lầm, tai họa. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ.
- (2) Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời.

(3) Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp và hậu pháp.

Nên biết ở đây, lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với lạc thọ cùng nẻo tùy chuyển của nó và chỗ tùy nhiễm có tham ái trói buộc. Đối với khổ thọ v.v..., có sân hận trói buộc, đối với thọ không khổ không lạc v.v..., có sự trói buộc của ngu ái cùng tùy miên, do có tùy miên của ngu si. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với đời hiện tại có tham nhiễm trói buộc. Đối với đời quá khứ có luyến tiếc trói buộc. Đối với đời vị lai có tâm hệ thuộc trói buộc.

Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là kẻ kia có tâm tạp nhiễm như thế, đối với ba đời, đối với thọ đều có tạp nhiễm, nên có thể sinh trưởng hoặc nơi nghiệp của hữu sau. Do sự tăng trưởng ấy nên các uẩn của hữu sau khiến sẽ được sinh. Lại có thể tăng trưởng tham ái hiện có. Tức là ái về hữu sau cùng ái về của cải vật dụng. Do ái về hữu sau nên có thể sinh tự thể hiện có của vị lai. Do ái về tài sản vật dụng, nên vào lúc truy tìm, sinh ra mệt mỏi hết sức. Nếu được cảnh giới, liền sinh ái nhiễm. Nếu không đạt được thì chỗ ham muốn không toại nguyện, liền tự thiêu đốt. Nếu được rồi mất, liền bị sầu não tổn hại. Như vậy gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

Hoặc tức do sự tạo tác và tăng trưởng kia, có thể chiêu cảm hữu sau. Do sức tăng thượng của phiền não nơi các nghiệp, nên đối với vị lai, sinh khởi các khổ như sinh lão bệnh tử có sai biệt. Như thế gọi là lỗi lầm, tai họa của hậu pháp.

Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm định, nên biết tất cả cùng trái nhau với những thứ nêu trên. Đó gọi là sự thù thắng thứ hai. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ nhất ấy, tâm chưa định, nên đối với các lỗi lầm tai họa được tạo ra do không trí kia, hoặc tự hoặc tha đều

không nhận biết đúng như thật. Bồ-đặc-già-la thứ hai, tâm định. Đối với các thứ ấy đều có thể nhận biết đúng như thật, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ ba. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bồ-đặc-già-la thứ hai kia tâm đã được định, đối với các lỗi lầm tai họa đều nhận biết đúng như thật, đã nhập nơi địa tu, tức chánh kiến hiện có tương ứng với vô ngã đã đạt được ở trước, do sự tu tập ấy, nên ở trong hai thời, dựa vào cảnh giới đoạn và cảnh giới vô dục, cùng với tất cả pháp Bồ-đề phần kia, đều được viên mãn, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ tư. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bồ-đặc-già-la thứ hai, tâm đã được định, các chi phần trợ bạn của Tỳ-bát-xá-na đa văn hiện có, đều có thể thâm nhận Tam-ma-địa thù thắng, có thể tu trị, làm tịnh Tỳ-bát-xá-na. Do nhân duyên ấy, hai thứ Chi, Quán bình đẳng cùng chuyên, tức ở đây đã thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, Bồ-đặc-già-la này được định, trụ nơi chánh pháp, nên biết là có quả chánh gia hạnh thù thắng, xung tán lợi ích thứ năm. Như thế, tức hữu tình kia do đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, dựa nơi cảnh giới đoạn, đối với những thứ nên nhận biết khắp, đều có thể nhận biết khắp, đúng đắn. Đối với những thứ nên vĩnh viễn đoạn trừ, đều có thể đoạn trừ vĩnh viễn, đúng đắn. Đối với các pháp nên tác chứng, đều có thể tác chứng đúng đắn. Đối với các pháp nên tu tập, đều có thể tu tập đúng đắn. Dựa vào cảnh giới vô dục, nơi tất cả các thứ đã nhận biết, đã đoạn trừ, đã tu tập, đã chứng đắc, đối với đối tượng nương dựa là sắc, và chủ thể nương dựa là danh, đang nhận biết đã nhận biết. Đối với đối tượng nương dựa là vô minh cùng chủ thể nương dựa là hữu ái, đang đoạn trừ đã đoạn trừ. Đối với đối tượng nương dựa là trí sáng, tịnh, cùng chủ thể nương dựa là giải thoát, nên phiền não được đoạn trừ, đang chứng đắc đã chứng đắc. Đối với đối tượng nương dựa là Xa-ma-tha cùng chủ thể nương dựa là Tỳ-bát-xá-na, nên đang tu tập, đã tu tập.

Lại nữa, có hai pháp kiến:

(1) Pháp kiến hữu vi.

(2) Pháp kiến vô vi.

Pháp kiến hữu vi: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ dựa cùng tự tánh của đế đều nhận biết đúng như thật.

Thế nào gọi là nơi chốn nương dựa của đế? Nghĩa là danh sắc cùng số vật của hữu tình như người, trời v.v...

Thế nào là đế? Tức là thế tục đế và thắng nghĩa đế.

Thế nào là thế tục đế? Tức là đối với chỗ nương dựa của đế kia, giả tưởng an lập ngã hoặc hữu tình, cho đến thọ mạng, và sự sinh. Lại tự xưng nêu: Mắt của ta thấy sắc, cho đến ý của ta nhận biết pháp. Lại khởi ngôn thuyết: Nghĩa là danh như thế, cho đến biên vực của thọ lượng như thế, nói rộng như trước. Nên biết ở đây chỉ có giả tưởng, chỉ giả tự xưng, chỉ giả ngôn thuyết về tánh tướng hiện có với tác dụng sai biệt, gọi là thế tục đế.

Thế nào là thắng nghĩa đế? Nghĩa là tức đối với nơi chốn nương dựa của đế kia có tánh vô thường, nói rộng cho đến có tánh duyên sinh, như trước đã nói rộng. Như tánh vô thường, có tánh khô, nên biết cũng thế.

Nếu đối với nơi chốn nương dựa của thắng nghĩa đế, thế tục đế như thế, về thế tục đế nhận biết rõ như thật là thế tục đế. Về thắng nghĩa đế nhận biết rõ như thật là thắng nghĩa đế. Như vậy gọi là pháp kiến hữu vi.

Thế nào gọi là pháp kiến vô vi? Nghĩa là đối với nơi chốn nương dựa của đế kia, đã đạt được hai thứ thiện xảo của đế, do sức tăng thượng của thiện xảo ấy, nên đối với tất cả nẻo tận cùng nơi Niết-bàn như Hữu dư y, Vô dư y, đều thấy rõ tịch tĩnh, tâm hướng nhập, như trước đã nói rộng, cho đến giải thoát. Như thế gọi là pháp kiến vô vi.

Lại, pháp kiến này, nên biết ba thứ BỔ-đặc-già-la đều được thành tựu:

(1) Hàng phàm phu pháp tùy pháp hành đã được tâm định, thông tuệ, nhận biết rộng, có thể quan sát các pháp như chánh lý.

(2) Hàng hữu học đã kiến đế tích.

(3) Hàng vô học, các lậu đã đoạn trừ vĩnh viễn.

Lại nữa, nếu có hữu tình mong cầu các sự việc hưng thịnh của hàng trời, người, tự phát thệ nguyện hành phạm hạnh, nên biết kẻ ấy đã xưng tán hai thứ lỗi lầm tai họa của hàng trời, người. Đó là:

(1) Các khổ do phiền não sinh khởi.

(2) Các khổ do vô thường sinh khởi.

Thế nào là các khổ do phiền não sinh khởi? Nghĩa là, đối với hàng trời, người trụ nơi cảnh giới ái, dựa nơi đời hiện tại nên trụ nơi cảnh giới lạc. Dựa nơi đời quá khứ nên trụ nơi cảnh giới vui. Đối với đời hiện tại, dựa nơi cảnh quá khứ, sinh ái lạc nên trụ nơi cảnh giới hỷ. Nơi đời vị lai, dựa nơi cảnh hiện tại nên sinh ái lạc. Nếu ở trong cảnh của ba đời như thế, trụ nơi nhiễm ô, nên biết kẻ ấy đã xưng tán về khổ của dục có thiếu thốn, cùng các khổ hiện có như sinh, lão v.v... Đó gọi là lỗi lầm tai họa của các khổ được tạo ra do phiền não sinh khởi.

Thế nào là các khổ do vô thường tạo ra? Nghĩa là thuận theo xứ lạc có trái, mất, nên khởi khổ biến hoại. Tùy thuận xứ khổ hiện tiền, nên khởi khổ chán lìa. Tất cả tự thể, vào lúc chung cuộc đều diệt hoại, nên có khổ diệt hoại. Nên biết đó gọi là ba thứ các khổ do vô thường tạo ra.

Ở đây, Đức Như Lai vượt quá hai thứ lỗi lầm tai họa như thế, trụ hoàn toàn nơi lạc. Tức đối với lạc này nên nhận biết đúng như thật, do đây nên lạc. Lại, nên nhận biết đúng như thật về phương tiện của lạc.

Thế nào là lạc? Nghĩa là an ổn vô thượng của tất cả cảnh tương ưng đều vĩnh viễn dứt hết, tức cảnh giới Bát Niết-bàn Hữu dư y.

Thế nào là phương tiện? Nghĩa là như trước đã nói, đối với năm thứ thọ phát khởi năm trí diệu chuyển biến như thật. Nếu các Thanh văn dứt bỏ chỗ chứng đắc của bậc Đại sư về diệu lạc vượt quá hàng trời, người, để mong cầu lạc thấp kém nơi hàng người, trời, nên biết các vị ấy, đối với trụ xứ của các bậc trí, phần nhiều nhận lấy sự hủy nhục, cũng tự lừa dối.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Một trụ xa Niết-bàn
Lược nêu nội đã chứng
Biện tướng nhất thiết trí
Xả bỏ nghiệp đã học
Không tùy hành luôn trụ
Sư đệ, hai viên mãn.*

Do hai nhân duyên, nên biết gọi là có trụ thứ hai, nghĩa là hữu ái. Vì muốn sinh khởi tự thể thứ hai, thọ hành nhân kia, nên tự thể này diệt thì tự thể thứ ba nổi tiếp sinh khởi.

Thế nào là hữu ái? Nghĩa là các cảnh giới nơi đối tượng duyên khả ái sắp được hiện tiền. Đầu tiên là sinh khởi vui thích nhiễm ô, gọi là hữu hỷ lạc. Từ đấy về sau, cho đến khi chưa được các thứ kia, phần nhiều trụ nơi tác ý tư duy. Nếu như đã được nhưng chưa thọ dụng, trong khoảng thời gian ấy, tức do sức tăng thượng của hỷ lạc, nên trụ nơi vui mừng nhiễm ô, gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc thọ dụng, sinh nhiều tham ái, gọi là hữu nhiễm trước, nên gọi là hữu ái.

Lại, đối với vị lai khởi mong cầu, nên cùng với các thứ đã được sinh lãnh nạp, nên gọi là hữu hỷ lạc. Đối với đời quá khứ tùy theo nhớ nghĩ, nên gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc đang thọ dụng các thứ đã đạt được, sinh khởi tham ái, nên gọi là hữu nhiễm chấp. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Thế nào là sinh khởi tự thể thứ hai? Nghĩa là hỷ lạc v.v... là nhân của tập, đối với đời vị lai, sinh lão là gốc sinh khởi các khổ. Cùng với đây trái nhau, nên biết đó gọi là không có trụ thứ hai.

Lại nữa, có hai thứ pháp, lại cùng trái nhau:

- (1) Phiền não.
- (2) Niết-bàn.

Do đó, trụ nơi pháp tạp nhiễm rồi, tức liền tùy thuận nơi hữu sau mà chuyển. Nếu lúc đối với hữu sau tùy thuận mà chuyển, nên biết gọi là cách xa Niết-bàn.

Lại có sáu thứ hành tướng nhỏ, kém của các sĩ phu, Bồ-đặc-già-la thấp kém:

- (1) Tánh nhiều giận dữ.
- (2) Hành tác không suy xét.
- (3) Vui thích bức nã kẻ khác.
- (4) Nếu tiếp xúc với khổ, liền phát khởi ngôn ngữ thô ác, không thật.

(5) Hoặc phát khởi ngôn ngữ thô ác, thật sự có thể dẫn đến vô nghĩa.

(6) Nhân đây, lần lượt phát khởi vô lượng ngôn từ xấu ác sai biệt, không phải chỉ một ít lời mà sinh biết đủ.

Do hai nhân duyên, nên các vị xuất gia gắng sức thọ hành, mau chóng có thể chứng đắc nghĩa lợi của Sa-môn: Những người chưa tin thì khiến sinh tịnh tín. Người đã tin rồi thì khiến tăng trưởng bội phần. Những gì là hai? Đó là:

- (1) Nhẫn nhục.
- (2) Nhu hòa.

Nói nhẫn nhục: Nghĩa là đối với điều oán nơi kẻ khác, trọn không đáp trả.

Nói nhu hòa: Tức tâm không phần nộ, tánh không nào hại kẻ khác.

Lại nữa, nói tóm tắt, Đức Như Lai lược nương nơi hai thứ xứ sở, thuyết giảng giáo pháp “Không cảnh giới”:

- (1) Thuyết giảng giáo pháp về giới Niết-bàn Hữu dư y.
- (2) Thuyết giảng giáo pháp về giới Niết-bàn Vô dư y.

Nếu do đoạn trừ phiền não như thế, nên gọi là hữu tình thành tựu về đoạn trừ, không tạo thành phiền não. Tức do không trụ nơi các khổ của hữu sau thuộc quả kia như thế, nên biết đó gọi là thuyết giảng giáo pháp về giới Niết-bàn Hữu dư y.

Nếu do không trụ vào quả khổ thuộc phiền não nơi hữu sau, tức do như thế cho đến thọ mạng hết, đã diệt độ xong, hết thấy sự nương dựa (y) khác đều không thật có, chẳng trụ nơi thân này, không trụ nơi thân khác, chẳng trụ nơi trung hữu, chứng đắc biên vực tận cùng của các khổ. Nên biết đó gọi là nêu giảng giáo pháp về giới Niết-bàn Vô dư y.

Lược có ba thứ nhân mạnh của niệm lực:

- (1) Do tuổi trẻ khỏe mạnh.
- (2) Do đời trước thường xuyên hành tập.
- (3) Do hiện pháp luôn hành tập.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên biết Niết-bàn là pháp nội chứng. Nghĩa là lia tín, cho đến lia kiến, xét kỹ nơi nhẫn, như trước đã nói nên biết. Tức là trong hiện pháp, nơi nội chứng đều riêng, trong ngoài tăng thượng, sinh khởi tập nhiễm đều nhận biết rõ đúng như thật là có cùng không có.

Lại nữa, do ba nhân duyên, đã hiển thị Bồ-đề Vô thượng của chư Phật:

(1) Nhận biết rõ về tất cả cảnh.

(2) Nhận biết rõ về sự việc như thật của có cùng không có.

(3) Nhận biết rõ về tất cả pháp của hai phẩm nhiễm tịnh. Do đây, kẻ khác đối với ba xứ như thế, thỉnh vấn Đức Thế Tôn.

Lại nữa, các pháp hữu vi lúc cùng có chuyển, khiến tâm mê loạn, có thể khiến đối với tướng phân biệt, chấp giữ sai lạc. Vì thế, Đức Như Lai vì các đệ tử khai thị, phân biệt khiến đối với các tướng kia quyết định ngộ nhập, vì nhằm nhận biết rõ về tướng chân thật. Lại, vì đối với chính mình không có khi đối, vì đối với kẻ khác thân nhiên không sợ, kỳ biệt đúng đắn.

Lại nữa, các vị xuất gia, dứt bỏ sức tăng thượng của pháp đã học, nên biết là an lập nơi cảnh giới luyến tiếc.

Lại, người xuất gia, hủy phạm sức tăng thượng của Thi la, nên biết là đã an lập nơi hạng chưa xuất gia, tâm dứt bỏ hướng nhập nơi sự việc che lấp, xa lìa hổ thẹn, hoàn toàn là ái vị. Hoặc chấp giữ chặt nơi cảnh giới của đối tượng duyên, nên biết kẻ ấy gọi là ái vị cùng tột. Do nhân duyên này, nên ở trong việc tu tập phẩm thượng nơi các nghiệp thiện, tâm không thuận hợp, trợ trợ, không thể tạo được nghĩa.

Lại, tức do sức tăng thượng ấy, nên hành các hành ác, bên trong ôm giữ, che giấu các thứ ác được ẩn giấu, nên sinh che lấp. Tất cả như thế lược thâu làm một, gọi là đối với cảnh, tâm ái vị tột cùng, bị che lấp hoàn toàn.

Lại nữa, nếu đối với các căn, hành không phòng hộ, do thích lắng nghe pháp không chân chính, liền sinh vô minh xúc, dấy khởi tác ý nhiễm ô. Tức do sức tăng thượng của tác ý ấy, nên đối với các

xứ của đời vị lai sẽ sinh khởi lỗi lầm tai họa hiện có, đều không nhận biết đúng như thật.

Không nhận biết đúng như thật về lỗi lầm tai họa kia, nên liền khởi mong cầu. Mong cầu các pháp kia, nên tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng. Tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng, nên nơi đời vị lai, sáu xứ sinh khởi. Như thế gọi là đạo lý thuận theo thứ lớp.

Nghịch với thứ lớp, nghĩa là sáu xứ kia dùng nghiệp làm nhân. Nghiệp dùng ái làm nhân. Ái lại dùng vô minh kia làm nhân. Vô minh lại dùng tác ý không như chánh lý làm nhân. Tác ý không chánh lại dùng vô minh xúc làm nhân.

Lại, ở trong ấy, nghiệp đã tạo từ trước là nhân của sáu xứ nơi thọ của hiện pháp. Nghiệp được tạo của hiện pháp, là duyên của sáu xứ nơi thọ sinh tiếp theo. Hoặc là sáu xứ của thọ sau, do dựa vào ái v.v..., nghiệp v.v..., theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên hữu sau sinh khởi:

- (1) Nghiệp của hữu sau.
- (2) Ái của hữu sau.

Nhưng chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói theo ái. Vì sao? Vì lược có ba ái:

- (1) Ái cõi dục.
- (2) Ái cõi sắc.
- (3) Ái cõi vô sắc.

Ở đây, ái cõi dục là bất thiện, tuy có dị thực, nhưng nếu không khởi nghiệp ác, bất thiện, thì hoàn toàn không thể tạo ra dị thực của nẻo ác.

Nếu ái của cõi dục, đối với vô minh xúc sinh khởi các thọ, khi khởi mong cầu, đối với cảnh khả ái phát sinh tham dục. Đối với cảnh

đáng ghét phát sinh giận dữ. Đối với cảnh đáng mê lầm phát sinh ngu si. Do sức tăng thượng của ba thứ ấy, nên hành nghiệp bất thiện. Vì nghiệp này, nên sinh nơi các nẻo ác. Không phải chỉ do triền tham sân si kia nhất định bị đọa nơi nẻo ác, nhưng tức ái ấy, đối với lúc sinh dị thực của nghiệp đã tạo, có thể làm trợ bạn.

Lại do sức tăng thượng của việc mong cầu cảnh giới khả ái, nên ba nghiệp thân ngữ ý tu hành hạnh thiện. Dùng đây làm nhân, nên được sinh nơi nẻo thiện.

Ở đây, các quả dị thực khả ái chỉ nên dùng nghiệp làm nhân dẫn sinh, không phải ái của tánh nhiễm.

Lại, nếu ái này, hệ thuộc cõi sắc, vô sắc, tuy không phải là bất thiện, nhưng là nhiễm ô, tất cả đều không có quả dị thực.

Lại, tức do ái của cõi sắc, vô sắc ấy, gọi là hữu ái: Kẻ kia do nhân là lắng nghe chánh pháp, nên đối với việc quán tướng thô kém của cõi dục, chứng đắc minh xúc, sinh khởi các thọ, tương ưng với tác ý như lý của thế gian, điều phục tham sân si của cõi dục, tu tập tạo thành nghiệp hữu lậu thiện. Do trong thời gian ấy tạo tác nghiệp kia, nên được sinh vào nẻo thiện, không do nơi ái của tánh nhiễm ô kia. Nhưng tức ái này đối với nghiệp đã tạo, lúc sinh dị thực có thể làm trợ bạn, do đó chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói theo ái.

Lại nữa, ở trong sự việc bên ngoài, do sức tăng thượng của giả danh nơi thế gian, nên cũng gọi là có quả cùng có người nhận. Nhân cùng với kẻ tạo tác, nên biết cũng thế. Như vậy gọi là thế tục đế không, chẳng phải là thắng nghĩa không. Hoặc nói nơi thời gian thường hằng, tất cả các hành chỉ có nhân quả, hoàn toàn không có kẻ nhận, người tạo. Nên biết đó gọi là thắng nghĩa đế không. Tức không này lại có bảy thứ:

(1) Hậu tế không.

- (2) Tiền tế không.
- (3) Trung tế không.
- (4) Thường không.
- (5) Ngã không.
- (6) Người nhận không.
- (7) Kẻ tạo không.

Ở đây, nên biết không có sáu hành, nơi đời vị lai thật có tự tánh của tự hành để an lập các hành, lúc sinh từ nơi kia đến. Nếu có sự việc ấy thì các hành kia không nên sinh, vì đối với đời vị lai, tự tánh của các hành đã thật có. Lại không nên có vô thường có thể đạt được. Đã có thể đạt được, do đó nên biết, khi các hành sinh, không từ đâu lại, xưa không nay có. Đó gọi là hậu tế không. Lại, không có các hành đối với đời quá khứ thật có tự tánh của tự hành để an lập các hành đã sinh đã diệt, đi đến chốn kia tích tập mà trụ. Nếu có sự việc ấy, thì không nên thiết lập các hành có diệt, tánh vô thường kia lẽ ra không thể nhận biết. Nhưng đã có thể nhận biết, do đó các hành vào lúc đang diệt đều không từ đâu đến, tích tập mà trụ. Đã có tan, diệt, không chờ nhân khác, tự nhiên diệt hoại, đó gọi là tiền tế không. Lại, ở trong hành sát-na sinh diệt, chỉ có các hành tạm thời có thể đạt được trong ấy, đều không có hành khác có thể thủ đắc, cũng không có vật riêng. Đó gọi là trung tế không. Nên biết cũng là thường không, ngã không. Do vô ngã, nên tánh quả nơi các hành không, là không người thọ nhận. Tánh nhân nơi các hành nghiệp không là không có kẻ tạo tác. Như thế gọi là hai thứ người nhận, kẻ tạo đều không. Vì kẻ tạo, người nhận đều không thật có, chỉ có các hành, đối với đời trước diệt. Chỉ có các hành, đối với đời sau sinh, trong ấy, đều không có việc bỏ đời trước nhận lấy đời sau. Thế nên gọi là chỉ có các hành từ các duyên sinh, có thể sinh các pháp.

Lại, hết thầy pháp đều không tác dụng, không có một ít pháp nào có thể sinh một ít pháp. Do đó nên nói: Đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh. Chỉ chính là ở trong pháp Nhân quả kia, dựa nơi thế tục để giả lập tác dụng, tuyên thuyết pháp này có thể sinh pháp kia.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, tùy thuận mà hành, tâm vui thích sâu xa, không như chánh lý, chấp giữ lấy tướng, phát sinh tham dục, khởi nhiều tâm tư, tạo phương tiện tìm kiếm, nhân đầy hành rộng hành phước, phi phước.

Như cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, thì cảnh giới của đối tượng duyên thuận theo ưu, thuận theo xả, với chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Về sai biệt: Nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo ưu, tùy thuận mà hành, tâm chán ác sâu xa, phát sinh giận dữ. Đối với cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận nơi xả, tùy thuận mà hành, tâm ngu muội sâu xa phát sinh ngu si, phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, có các Bí-sô chứng đắc A-la-hán, các lậu vĩnh viễn dứt hết, nơi tất cả cảnh, tùy thuận mà hành, thường xuyên không kham nổi, cho đến mất niệm, sinh các phiền não, do đó luôn trụ nơi trụ không tạp nhiễm. Do nhân duyên ấy, nên gọi là hằng trụ. Các vị kia nơi phàm tùy hành, hoặc hỷ hoặc ưu, hoặc vui, hoặc buồn, các vị A-la-hán đều không hề có, cho đến trong pháp thiện cũng không có sự việc ấy.

Lại, chỗ hằng trụ kia là rất khó hành cùng không tội, nên gọi là tối thắng. Người có thể thành tựu hành cực khó, nên gọi là phước điền chân thật bậc nhất, phải nên phụng thỉnh, cho đến nói rộng, nên biết như nơi phân Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Lại nữa, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, nên biết bậc Đại sư cùng chúng đệ tử, đều do hai tướng, nên tức viên mãn.

Thế nào là hai tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là dựa nơi hành lợi tha, muốn khiến ngộ nhập về các thọ hiện có đều là khổ. Nói chỗ dựa của thọ. Nói nhân duyên kia. Nói tùy hành hiện có, có thể tạp nhiễm. Nói về đối tượng được đối trị cùng chủ thể đối trị, an lập trường hợp của sư. Nêu tất cả thứ đều hoàn toàn xuất ly. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của Đại sư.

Lại dựa nơi hành tự lợi, tuyên thuyết về ba thứ niệm trụ không chung, trụ không tạp nhiễm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của Đại sư.

Thế nào là hai tướng, nên biết về đức viên mãn của chúng đệ tử? Nghĩa là đối với vô lượng giáo pháp của Như Lai, có thể nhận biết rõ rồi, nhưng chưa lãnh hội được nẻo đến bờ kia. Nếu do đạt được nẻo đến bờ kia, chính là tu tập pháp tùy pháp hành, chứng đắc xuất ly, chẳng phải là nhận biết rõ, thọ trì pháp ấy rồi, như lý tu tập pháp tùy pháp hành. Không phải chỉ theo âm thanh nơi ngôn ngữ được nêu bày, cho là cứu cánh. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Như thế là tu tập pháp tùy pháp hành, không do thấp kém mà sinh biết đủ, cần phải đi đến trụ xứ của các bậc trượng phu hiền thiện, thông tuệ, là nơi chốn được hướng tới, nhất định sẽ đạt được điều nên chứng đắc. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Lại nữa, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, lại do ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn. Lại do hai tướng, nên biết đệ tử về đức viên mãn.

Thế nào là ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, vì các đệ tử, nên đầu tiên thiết lập hành chánh trung đạo, xa lìa hai biên. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của bậc Đại sư.

Lại, người đối với Thánh giáo chưa sinh tin tưởng, có sự hủy phạm, dùng phương tiện đúng đắn khiến nhập Thánh giáo, lia các hủy phạm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của bậc Đại sư.

Lại, đối với Thánh giáo đã hội nhập, do bốn pháp nhiếp, thâm nhận đúng đắn. Đó gọi là đức viên mãn thứ ba của bậc Đại sư.

Thế nào gọi là bốn thứ pháp nhiếp? Đó là:

(1) Đối với chỗ bí mật, dùng sự chỉ dạy, trao truyền về nẻo tịch tĩnh như pháp mà chỉ dạy, trao truyền, không dùng phi pháp.

(2) Đối với chỗ trái phạm, dùng ngôn ngữ khổ bức như pháp, hiện tiền quở trách, đuổi đi, không phải là không như pháp.

(3) Đối với chỗ tầm tư, nương dựa nơi tham đắm chấp trước thì giáo hóa khiến nơi nội pháp siêng tu tịch tĩnh.

(4) Khiến thường xuyên lắng nghe chánh pháp, luôn không biếng trễ, bỏ phế.

Lại khiến xa lia chánh pháp tương tợ, cùng khiến đối trị việc từ bỏ chánh hạnh. Nên biết tức là, đối với chỗ bí mật kia có thể dẫn đến việc chỉ dạy, trao truyền nẻo tịch tĩnh như pháp. Đối với chỗ thật sự hủy phạm, nếu nhận biết rõ, đúng, cần phải quở, đuổi đi, mới điều phục, dùng ngôn ngữ như pháp, hiện tiền quở trách, đuổi đi, tâm không tạp nhiễm.

Đối với chỗ tầm tư, tạo phương tiện khiến thay đổi để có quyết định rõ. Đối với các kẻ phóng dật theo năm dục diệu, thì chỉ rõ các thứ lỗi lầm tai họa, khiến sinh chán lìa, lần lượt tu học cho đến chứng nhập tĩnh lự thứ tư. Tầm tư hiện có nương dựa nơi tham đắm chấp trước mới có thể đối với nội pháp đạt tịch tĩnh rốt ráo. Tự khiến không phiền não, khiến kẻ khác thâm giữ. Nên biết đó gọi là thường xuyên trong mọi thời, lắng nghe chánh pháp, không hề biếng trễ, bỏ phế.

Thế nào là hai tướng, nên biết các chúng đệ tử, về đức viên mãn? Nghĩa là các đệ tử, đầu tiên nhận thọ kiến giải của bậc Đại sư. Tức trong các pháp thấy rõ là không, vô ngã. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp, không tăng ích ngã để dấy khởi chấp trước sai lạc. Cũng không hủy hoại đạo lý thế tục. Ý lạc vượt hơn nên không bị hệ thuộc. Theo ngôn thuyết, cũng không xa lìa. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Lại, các chúng đệ tử đối với kiến giải đã nhận thọ rồi, có thể tu tập pháp tùy pháp hành đúng đắn, do bốn pháp nhiếp lúc đã thâm nhận được. Nếu các pháp kia có khổ có hại, đều nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng đoạn dứt. Nếu các pháp kia không khổ không hại cũng nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng tác chứng. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Như vậy, bậc Đại sư cùng các chúng đệ tử đã thâm nhận Thánh giáo của chư Phật, nên biết là hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm, là nơi chốn quy hướng của các bậc thông tuệ.

HẾT - QUYỂN 92

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 93

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ BA:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 1:

Như thế là đã nêu bày Lựa chọn gồm thâu về xứ. Lựa chọn gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới, nay sẽ nói. Tụng tổng quát nêu:

*Lập cùng với hai đế
Do xúc đế làm duyên
Có diệt cùng với thực
Sau cùng là như lý.*

Tụng riêng nêu:

*Lập tự khổ quán đế
Trí gồm thâu Thánh giáo
Quan sát suy lường xét
Sau thượng mạn, sâu xa.*

Lược do ba tướng, nên biết kiến lập duyên khởi có sai biệt:

- (1) Từ tiền tế, trung tế được sinh.
- (2) Từ trung tế, hậu tế được sinh
- (3) Nơi trung tế sinh rồi tùy chuyển cùng hướng tới thanh tịnh.

Ở đây, thế nào là từ tiền tế, trung tế được sinh? Cùng nơi trung tế sinh rồi tùy chuyển? Nghĩa là như có một hữu tình, vốn không thông tuệ, vô minh làm duyên, ba nghiệp thân ngữ ý tạo tác, làm tăng trưởng tội, phước, bất động. Do đây làm duyên, hành thức theo nghiệp cho đến mạng chung tùy chuyển không dứt, có thể làm nhân cho đời sau nối tiếp sinh thức. Như vậy lần lượt có ái trong ngoài, lúc thức sinh quả, có thể làm trợ bạn, hiện tiền mà khởi. Đã mạng chung rồi, do nhân của tiền tế, đời hiện tại tự thể được sinh. Sinh rồi lần lượt ở trong thai mẹ, nhân nơi thức làm duyên, nối tiếp sinh quả thức tùy chuyển không dứt. Nhận giữ phần vị của danh sắc hiện có như Yết-la-lam, càng về sau càng vượt hơn, khởi đầu từ thai tạng cho đến già suy.

Lại, tức thức ấy, lúc nối tiếp sinh, có thể chiêu cảm nghiệp sinh cùng quả dị thực. Dị thực sinh thức, lại dựa nơi danh sắc tương tục mà chuyển. Nghĩa là dựa nơi sáu căn như mắt v.v... để chuyển. Do đây nên nói danh sắc duyên nơi thức. Năm căn cấu sinh được gọi là sắc. Vô gián diệt v.v... được gọi là danh. Theo chỗ ứng hợp, có thể cùng với sáu thức làm nơi nương dựa. Thức dựa nơi chúng, cho đến mạng chung thường xuyên tùy chuyển.

Lại, gốc của năm sắc căn dựa nơi đại chủng. Đại chủng của xứ căn sinh khởi các sắc cùng các danh khác. Do chúng nắm giữ các căn hiện có, nên gắn chặt ở chỗ nối tiếp, lưu chuyển không dứt. Hai thứ ấy gọi chung là nương dựa, tùy chuyển. Do đây nên nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Nơi đời hiện tại, cũng như bó lau, cùng dựa nhau mà chuyển, cho đến thọ mạng trụ, như thế gọi là từ nơi tiền tế, trung tế duyên khởi, các hành được sinh, nơi trung tế này, sinh rồi tùy chuyển.

Nên biết ở đây, dựa vào thai sinh nói về thứ lớp chuyển. Noãn sinh, thấp sinh, trừ nơi bụng mẹ, có sai biệt khác. Hữu tình có sắc, tại cõi dục cõi sắc, thọ hóa sinh: Vào lúc mới sinh, các căn viên mãn, so với sai biệt khác.

Tại cõi vô sắc, thức của các loài hữu tình, nương nơi danh cùng chủng tử của sắc. Danh cùng sắc chủng, dựa nơi thức mà chuyển. Do trong thức kia có sắc chủng, nên sắc tuy gián đoạn, sau sẽ lại sinh. Như thế gọi là ở đây có sai biệt.

Vì nghiệp phước, nên sinh nơi hai nẻo trời, người của cõi dục. Do nghiệp tội, nên sinh trong nẻo ác. Do nghiệp bất động, nên sinh nơi cõi sắc, vô sắc.

Thế nào gọi là từ nơi trung tế, hậu tế duyên khởi, các hành được sinh? Thế nào là không sinh? Do không sinh nên chứng đắc thanh tịnh?

Nghĩa là hữu tình kia, ở nơi trung tế như thế sinh, lãnh nhận chỗ được hai quả của nghiệp trước:

(1) Lãnh nhận quả dị thực nội.

(2) Lãnh nhận quả tăng thượng của thọ do cảnh giới sinh. Hữu tình kia do lắng nghe không phải chánh pháp, hoặc do sức thường xuyên hành tập của đời trước, nên đối với hai thứ quả phát khởi ngu si. Hữu tình kia do ở trong quả dị thực nội có ngu si, nên không thể nhận biết rõ như thật về sinh khổ của hữu sau nơi vị lai. Do sức tăng thượng của vô minh nơi tiền tế, hậu tế ấy, nên tạo tác làm tăng trưởng các hành như trước. Vì nghiệp mới này huân tập, biến đổi thức, nên ở trong hiện pháp theo nghiệp mà hành. Như thế, vô minh dùng làm duyên, nên các hành được sinh. Hành làm duyên nên khiến thức chuyển biến. Nên biết thức này, ở trong hiện pháp chỉ là tánh của nhân, thâm nhận sẽ sinh quả của các thức. Căn cứ theo tất cả nẻo tương tục làm danh, nói sáu thức thân.

Lại, tức thức này là chỗ đeo đuổi của chủng tử danh sắc, nơi hữu sau của vị lai. Chủng tử của danh sắc lại bị chủng tử của sáu xứ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của sáu xứ lại bị chủng tử của các xúc nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của xúc này lại

bị chùng tử của các thọ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Nên biết đó gọi là nhân dẫn khởi của hữu sau nơi trung tế. Do thức vì thọ trước làm sau cùng, nên có thể dẫn dắt khắp các tự thể. Như thế, do ngu của quả tăng thượng được sinh từ cảnh giới thứ hai, duyên nơi thọ của cảnh giới phát sinh tham ái. Vì ái này, nên hoặc cầu các dục, hoặc cầu các hữu.

Lại, giữ lấy dục thủ, hoặc giữ lấy kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Giữ lấy các thủ rồi, ái thủ hòa hợp, làm thắm nhuần nhân dẫn khởi trước để chuyển, gọi là hữu, là sẽ sinh khởi thuộc về nhân. Hữu ấy vô gián, đã mạng chung rồi, như chỗ dẫn dắt của nhân dẫn, các hành thức là đầu tiên, thọ là sau cùng, hoặc thứ lớp sinh, hoặc lại tức khắc sinh. Như thế nên biết, ở trong hiện pháp, đầu tiên do vô minh xúc sinh khởi thọ làm duyên sinh ái. Ái làm duyên nên tiếp theo sinh thủ. Thủ làm duyên nên chuyển thành hữu. Hữu làm duyên nên sinh hiện có được sinh. Sinh làm duyên nên các khổ như lão bệnh tử v.v... có sai biệt, thứ lớp hiện tiền. Nên biết ở đây, hoặc có xứ sở xứ sinh hiện tiền, hoặc có xứ sở chùng tử theo đuổi. Như thế, nơi trung tế, vô minh duyên hành, thọ duyên ái v.v..., có thể sinh các hành duyên khởi của hậu tế.

Nếu trong hiện pháp, từ nơi kẻ khác nghe pháp, hoặc nơi đời trước đã tích tập tư lương, do chúng làm nhân, có thể đối với các hành của hai thứ tánh quả, tư duy như lý. Hoặc đối với nhân kia, hoặc đối với diệt kia, hoặc hành hướng tới diệt, tác ý như lý, tư duy về chúng, nên phát sinh chánh kiến.

Lại, đối với các đế thứ lớp đạt được trí kiến hữu học, vô học thanh tịnh. Hữu tình kia do sức của trí kiến như thế, nên có thể đoạn trừ rốt ráo vô minh và ái. Do sự đoạn trừ kia, nên các thọ được sinh khởi từ vô minh xúc, cũng lại theo đây được đoạn trừ. Vì được đoạn trừ, nên ở trong hiện pháp do lìa vô minh nên chúng đắc tuệ giải thoát.

Lại, các thọ, do vô minh xúc sinh khởi, tương ưng với các phiền não tham ái tương ưng hiện có trong tâm. Hữu tình kia, đối với tâm ấy cũng có thể lìa mọi hệ thuộc. Do lìa tham, nên chứng đắc tâm giải thoát.

Lại, tức do vô minh kia diệt, nên các hữu vô minh lúc cũng chưa đoạn trừ, dựa nơi hậu tế nên sinh hành, thức, cho đến các thọ đều không được sinh, thành pháp chẳng sinh. Thế nên gọi là vô minh diệt nên các hành diệt. Thứ lớp cho đến các xúc do dị thực sinh diệt, nên các thọ do dị thực sinh tùy diệt.

Lại, trong hiện pháp, vô minh diệt, nên xúc của vô minh diệt. Do xúc của vô minh vĩnh viễn được diệt, nên các thọ được sinh từ xúc của vô minh đã vĩnh viễn được diệt, nên ái cũng theo đấy mà diệt. Do ái đã diệt, nên như trước đã gọi là các thủ hiện có, cho đến tồn não dùng làm hậu biên, các hành đều diệt, thành pháp chẳng sinh. Ở trong hiện pháp, các hành như thế đều không lưu chuyển. Do không lưu chuyển nên ở trong hiện pháp, trụ nơi giới Niết-bàn Hữu dư y, gọi là chứng đắc Niết-bàn của hiện pháp. Bây giờ, hữu tình kia, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, chưa diệt hoàn toàn mà được gọi là thanh tịnh trắng sạch, cho đến có thức thân trụ chưa diệt. Hữu tình kia hằng lãnh nhận các thọ lìa hệ thuộc, không có trói buộc. Hữu tình kia có thức thân, cho đến nghiệp trước dẫn dắt thọ lượng luôn nối tiếp trụ. Thọ lượng nếu hết, có thể nắm giữ thức, xả bỏ chỗ chấp thân, mạng căn cũng bỏ. Từ đấy trở về sau, mạng căn hiện có đều hoàn toàn dứt trừ rốt ráo, đều không chỗ có.

Lại, các thức kia cùng với tất cả thọ, ở trong phần vị ấy, tự nhiên mà diệt. Nhân trước diệt, nên các thức khác lại không nối tiếp, cũng diệt dứt trọn vẹn. Do đạo lý ấy, nên gọi là giới Bát Niết-bàn Vô dư y, tịch tĩnh rốt ráo, luôn trụ nơi diệu tích. Vì nghĩa này nên thường tùy Niết-bàn, thường dùng Niết-bàn làm cứu cánh, ở nơi trụ xứ của Đức Thế Tôn tu tập phạm hạnh thành thực. Đó gọi là nói rộng.

Do ba thứ tướng, nên kiến lập duyên khởi. Nghĩa là từ tiền tế, trung tế lưu chuyển, từ nơi trung tế, hậu tế lưu chuyển. Lại nơi trung tế lưu chuyển thành tịnh.

Lại nữa, an lập chín tướng, cây khỏ của hữu sau có thể sinh khởi hữu hiện tại. Nghĩa là có hữu tình không phải là hàng thông tuệ của thế gian, ở trong hiện pháp đã tạo nghiệp mới như cây khỏ nhỏ.

Nếu hữu tình kia, nơi thế gian không phải là hàng thông tuệ, có thể tùy thuận nơi xứ sở của các lậu. Dựa nơi đời hiện tại, tùy quán ái vị. Dựa nơi đời quá khứ, sinh luyến tiếc sâu xa. Dựa nơi đời vị lai, chuyên tâm buộc vương. Trụ như thế rồi, trước hết đối với tất cả tham ái chưa đoạn, do luôn hành tập nên lại càng tăng trưởng. Hữu tình này không phải là hàng thông tuệ, muốn khiến cho cây nhỏ của hữu sau lại thêm tươi tốt như thế, dùng nước tham ái để phun tưới luôn, khiến như trước đã nói, có thể chiêu cảm quả đạt được của thủ nơi vị lai, lần lượt đầy đủ.

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, tuy tạo hữu lậu, có thể chiêu cảm cây nhỏ của các nghiệp nơi vị lai. Nhưng các hành có thể thuận nơi phiền não, tùy quán thuận hợp tánh của pháp sinh diệt, đối với cảnh giới đoạn, cảnh giới vô dục cùng cảnh giới diệt, tùy quán không điên đảo, là tánh tịch tĩnh, tổn giảm nghiệp không khiến tăng trưởng, khiến cho nước ái ấy cũng đều tiêu tan. Kẻ thông tuệ không muốn cây nhỏ của hữu sau xanh tốt, liền đoạn ái kia. Ái duyên nơi thủ v.v... đã tổn hoại. Như thế, cây nhỏ của hữu sau hãy còn khiến cho tất cả đều không thật có, hướng hồ là khiến cho hữu sau lại tăng trưởng. Lại như có một hữu tình, đã sinh tự thể, các thứ tạo tác, làm tăng trưởng hiện có ở trước, thuận nơi nghiệp của thọ sau, ở trong hiện pháp, bị chỗ trói buộc kia, tức tự thể ấy cùng chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp của thọ sau, gồm thâu chung làm một, gọi là hữu sau như cây khỏ lớn. Nếu đối với pháp có thể thuận theo các phiền não, như trước đã nói, cho đến chuyên tâm buộc chấp. Trụ như thế

rồi, kẻ ấy, với chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp thọ nhận sau, như rễ cắm sâu vào đất khiến cây lá um tùm. Ở trong hiện pháp, phiền não ái kia như đường dẫn nước bên cạnh tưới vào khiến cây tươi tốt. Dùng đậy làm nhân, khiến tất cả chúng tử nơi thức tùy theo nghiệp hoặc mà hành. Nơi đời vị lai lúc đang tiếp tục sinh, thì trụ nơi danh sắc.

Như vậy, cây khô khi cao lớn, an lập, nên biết hữu tình như thế là muốn khiến cho cây khô lần lượt thêm xanh tốt. Ở đây, phẩm bạch như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nơi thời xa xưa, lúc làm Bồ-tát, đã từ bỏ các đạo thế tục đã đạt được từ trước, cùng các vị thầy thế gian, ở tại tòa Bồ-đề, vì thương xót các hữu tình, muốn đem lại lợi ích cho họ là điều trước nhất, nên tự đối với các đế khởi quán xét đúng đắn. Bây giờ, vì nhằm quán đầy đủ về khổ đế, do chi lão tử thuộc về khổ đế, nên đối với duyên khởi đã quán xét theo chiều hướng nghịch. Nên biết ở đây, do ba thứ tướng, nên đối với lão tử quán xét đúng như lý:

- (1) Quán xét nhân duyên vi tế.
- (2) Quán xét nhân duyên thô.
- (3) Quán xét về không phải là không định.

Nhân duyên chiêu cảm sinh, cũng gọi là sinh. Tức tự thể sinh cũng gọi là sinh. Sinh trước là tế, sinh sau là thô.

Ở đây, quán sinh trước là tế, là hữu mà có lão tử. Cũng quán do sinh sau là thô làm duyên nên được có lão tử. Lão tử của vị lai, sinh tế làm nhân. Lão tử của hiện pháp thì sinh thô làm nhân.

Thế nào gọi là không phải là không quyết định? Nghĩa là, tức trừ hai thứ thể sinh thuộc về xứ sinh kia phần còn lại nhất định không thể cho quả lão tử. Như quán về lão tử, thì quán sinh hữu, thủ, ái, đều do hai thứ quán xét như lý, nên biết cũng vậy.

Như thế gọi là khởi đầu từ lão tử, lần lượt theo đạo lý duyên khởi quán xét nghịch về hai đế khổ, tập. Nên biết ở đây, thuận theo pháp của tập đế cũng như tim đèn, tức tập đế này như là dầu mỡ v.v..., khổ đế giống như đèn. Các hữu tình không thông tuệ ví như kẻ rót dầu cùng tập hợp tim đèn. Như vậy, đèn khổ được đốt sáng lâu dài ở đời. Nên biết phẩm bạch cùng với đây trái nhau. Nghĩa là theo phương tiện thiện xảo, quán diệt đế, đạo đế.

Lại có hai thứ hữu tình:

(1) Chi hành cho mình, không hành lợi ích. Nghĩa là chỉ đối với bản thân, tập hợp tim đèn, rót dầu, khiến một đèn khổ nối tiếp trụ lâu.

(2) Lại có hữu tình khác, hành gồm cả tự, tha với vô lượng đại chúng, không phải hành lợi ích. Bị khối lửa của khổ lớn thiêu đốt tự tha, đã thâm nhận pháp tà, trước hết là lắng nghe, ba tuệ Văn Tư Tu đều dẫn đến hành tà. Ví như người tích chứa củi khô, cỏ khô cùng phân bò khô, do nhân duyên ấy, khiến khối lửa khổ trong thời gian cứ bùng cháy không hề dứt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn, vào thời xa xưa, lúc làm Bồ-tát, ở nơi tòa Bồ-đề, dựa vào môn duyên khởi, thứ lớp theo hướng nghịch mà nhập. Trước duyên nơi hậu tế, tư duy như lý về lão tử nơi khổ đế, cho đến chi ái. Như vậy là quán xét về khổ đế của hậu tế, cùng khổ của hậu tế nơi tập đế hiện có, chưa cho là biết đủ, nên lại quán xét các khổ hiện tại thuộc về nhân duyên của tập đế nơi hậu tế. Tức là quán nghịch khắp về thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc cùng thức.

Nên biết ở đây, quán khổ của vị lai là khổ đế hiện có. Quán nhân của tập kia là tập đế hiện có. Quán tập đế của khổ nơi đời vị lai do đâu mà có? Tức biết do từ nơi tập trước đã sinh khởi thức làm biên vực, nên khổ của hiện pháp có. Đã nhận biết từ tập trước sinh khởi, nên không quán lần nữa khổ ấy vì sao có. Do đó, Đức Thế Tôn vào thời xa xưa, lúc là Bồ-tát, vì quán khổ tập hiện có của vị lai, quán

khổ của hiện tại, cho đến tác ý tương ưng nơi tâm thức, nhưng lại chuyên hoàn.

Lại lần lượt quán chôn nương dựa của tập để nơi hậu tế kia. Nơi chôn nương dựa của khổ để thuộc hậu tế, nên biết tức là tập để của hậu tế, nên cho đến thức, lần nữa trở lại thuận với trên. Như thế là quán xét như lý về duyên khởi thuận nghịch nơi khổ tập. Từ đây, không gián đoạn là quán về diệt đế. Khởi đầu từ lão tử, thứ lớp nghịch nhập, cho đến vô minh. Vì sao? Vì quán xét như thế, thì khổ đế của hiện tại, vì sao tất cả thấy đều diệt hết? Nghĩa là vô minh không tạo tác làm duyên cho hành của nghiệp mới. Như vậy là quán đầy đủ về ba Thánh đế rồi, tiếp đến lại tìm cầu Thánh đế diệt này do đường nào, hành nào để có thể chứng đắc? Do như trước đã nói về “Túc trụ tùy niệm”, nhớ nghĩ về thời xưa, vì cầu chánh kiến của thế gian khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết, như sự chỉ dạy trao truyền, khiến hiện tại khởi tư duy: Ta nay chứng đắc chánh đạo xưa trước, đồng với chỗ từng trải qua của các tiên thời xa xưa.

Như vậy, chỉ dùng tác ý thế gian quán đầy đủ về bốn đế. Lại dùng chánh kiến, ở trong các đế được nhập hiện quán, thứ lớp theo phương tiện, chứng giác Chánh Đẳng Bồ-đề Vô thượng. Hiện thấy phương tiện đạt được trí kiến thiện tịnh vô lậu của hàng hữu học, vô học. Vì ý nghĩa này, nên trong ba A-tăng-xí-da đại kiếp, tu tập tất cả hạnh khó hành, nay đối với nghĩa ấy đều đã chứng đắc. Vì lợi tha, vì thương xót các hàng người, trời của thế gian, nên tùy theo người có thể hội nhập Thánh pháp, mở bày bốn Thánh đế khiến sinh Đẳng giác.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn giáo hóa thuộc về ba xứ. Đó là:

- (1) Khéo kiến lập các pháp duyên sinh không tác dụng.
- (2) Vì dựa nơi hành lợi tha.
- (3) Vì dựa nơi hành tự lợi.

Ở đây, khéo kiến lập các pháp duyên sinh không tác dụng. Nghĩa là từ khổ của hậu tế, quán nghịch về khổ tập của tiền tế nơi hiện pháp: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc. Ví như bó lau, lần lượt cùng nương mà được đứng yên. Trung gian nơi các pháp duyên sinh đều không phải tự tạo, cũng không phải tha tạo, không phải tự tha tạo, không phải không nhân sinh. Nếu đặt như vậy gọi là khéo kiến lập các pháp duyên sinh không tác dụng. Vì sao? Vì các hành vô thường, nên tiền tế là không, hậu tế là không, trung tế tuy có nhưng chỉ là sát-na, nên tác dụng chuyển động, căn cứ theo đệ nhất nghĩa đều không thật có, chỉ dựa nơi thế tục, tạm giả thiết lập. Thiết lập như vậy là thuận hợp như thật, thế nên gọi đây là khéo kiến lập. Tức dựa nơi tánh của sự khéo kiến lập như vậy, dựa nơi các duyên khởi, vì kẻ khác tuyên thuyết giáo pháp Thánh đế, gọi là Đức Thế Tôn dựa nơi hành lợi tha. Tức ở đây là dựa vào khả năng của chính mình hướng nhập hiện quán về Thánh đế, với pháp tùy pháp hành. Lại có thể chứng đắc Niết-bàn của hiện pháp, nên biết đó gọi là Đức Thế Tôn đã dựa nơi hành tự lợi.

Lại, các chúng đệ tử trước đã tích tập tư lương trí tuệ, thành tựu tuệ câu sinh mạnh mẽ, nên gọi là thông tuệ. Gồm đủ giáo, trí, nên gọi là sáng rõ. Gồm đủ chứng trí nên gọi là khéo điều phục. Không do nơi duyên khác mà tự giác về pháp, nên gọi là vô sở úy. Duyên nơi Niết-bàn, nhận biết như thật, nên gọi là thấy cam lồ. Tận trí, vô sinh trí là chỗ nương dựa, chứng giới Niết-bàn Hữu dư y, nên gọi là thân chứng, đạt được cảnh giới cam lồ vi diệu, an trụ đầy đủ.

Lại nữa, có các kẻ ngu, là chủng loại ngoại đạo, tuy có thể quán thấy tánh vô thường thô nơi thân của bốn đại chủng, do quán thân này tuy trụ vững lâu nhưng có tăng giảm. Lúc chết lúc sinh có bỏ có lấy, nên đối với thân ấy có thể chán, có thể lia, có thể đẩy khởi thảng giải. Dùng đạo thế gian lia dục của cõi dục, lia dục của cõi sắc, tột cùng đến cõi Hữu danh. Nhưng kẻ ấy đối với thân, nên biết chỉ gọi là

chưa được giải thoát. Vì sao? Vì do ở trong các định đã đạt được kia, thức đã được trong sáng chấp giữ làm ngã, trụ nơi tạp nhiễm. Lại, vào thời gian sau, nghiệp dứt, thọ mạng hết, thoái chuyển trở lại sinh xuống cõi dưới, do nơi duyên khởi không đạt thiện xảo.

Các Thánh đệ tử, tuy đối với duyên khởi đã được thiện xảo, nhưng chỉ tùy quán tánh vô thường vi tế nơi thân của bốn đại chủng, tức chưa quán xét tánh vô thường của thức. Vì sao? Vì thân của bốn đại chủng trải qua thời gian dài lâu trụ nơi tướng thường có thể đạt được. Sát-na tương tự nối tiếp tùy chuyển, nên tánh vô thường kia khó có thể đạt được. Tướng vô thường thô của thức hiển bày có thể đạt được. Sát-na, sát-na nơi đối tượng duyên dễ thoát, còn sự chuyển biến của tướng ấy, với vô lượng phẩm loại có sai biệt, nên tuy tánh tướng của thức này là vô thường, nhưng vô lượng phẩm loại thô hiển bày dễ đạt được, mà lại nói là hết sức vi tế, nên biết tánh ấy khó có thể nhận thức, khó có thể hội nhập. Vì sao? Vì đây chỉ là cảnh do tuệ nhãn nhận thấy.

Thân của bốn đại chủng có tăng có giảm, có bỏ có lấy. Tánh vô thường kia hãy còn là phi lý đối với cảnh giới của nhục nhãn, hưởng hồ là nhãn khác. Các Thánh đệ tử đối với duyên khởi đạt thiện xảo, lại muốn ngộ nhập tánh vô thường của thức hết sức vi tế. Tức nơi duyên khởi tư duy như lý. Do có thể phân biệt tánh sai biệt nơi phân vị tương tục gắn liền với bản thân, cùng các thọ do xúc sinh khởi, nên có thể ngộ nhập tánh vô thường của thức. Chư vị đã thành tựu trí kiến như thế, dần dần đối với thân là chỗ nương dựa của thọ, là chỗ nhân theo các xúc cùng tất cả hành thuộc về danh còn lại, đều có thể sinh khởi thắng giải, chán lìa, cũng được giải thoát. Đạt giải thoát nên an trụ rất ráo nơi hai giới Niết-bàn hoặc Hữu dư y, hoặc Vô dư y.

Lại nữa, Bí-sô đối với pháp duyên khởi đạt được thiện xảo, do ba thứ tướng, nên ở nơi ba đời có thể suy lường đúng đắn, có thể dứt hết khổ một cách chính đáng. Những gì là ba tướng? Đó là:

- (1) Xứ nương dựa của khổ.
- (2) Nhân duyên của khổ.
- (3) Chỗ dựa thuộc nhân duyên của khổ.

Đó gọi là ba tướng. Thế nào là ba đời? Đó là:

- (1) Đời trung gian.
- (2) Đời quá khứ.
- (3) Đời vị lai.

Nên biết ở đây, chỗ dựa của khổ nơi nội thân là nóng, lạnh cùng các khổ như bệnh, chết có sai biệt, là nơi chốn nương dựa của hiện pháp sinh khởi. Vì sao? Vì do có các pháp ấy, nên đối với thân là chỗ dựa, khổ kia được sinh, bên ngoài là cha mẹ, thân thuộc, bạn bè. Chỗ dựa của khổ thân nhận là nắm giữ đao gậy như vâng, hầu v.v... cho là hậu biên, là nơi chốn nương dựa của các khổ sai biệt như ưu, sầu, tham v.v... Vì sao? Vì như trước đã nói, hai thứ chỗ dựa ấy dùng việc thân nhận ái làm nhân, do giống với ái tập, nên từ chỗ dựa ấy sinh khởi, gọi là nhân duyên của khổ.

Lại, tức ái ấy nương dựa nơi cảnh giới của sắc diệu đáng yêu thích, dùng làm chốn dựa, mới có thể được sinh, gọi pháp đó là chỗ dựa thuộc nhân duyên của khổ.

Lại, các cảnh giới hiện có nơi hiện tại, do lửa tham sân si nhiệt não làm nhân khiến sinh khô, khát, do đó bèn uống. Ví như thức uống ngon ngọt có lẫn với chất độc, là cảnh giới của đối tượng duyên thuộc sắc diệu đáng yêu thích, không thể từ bỏ, nên càng thêm khát ái. Do khát ái nên có chỗ dựa của vị lai. Có chỗ dựa của vị lai nên có các khổ. Như vậy nên biết, do đệ nhất nghĩa, gọi là hướng tới nẻo chết. Tức do đạo lý của hiện tại như thế, phải nên nhận biết rõ về đạo lý của quá khứ, vị lai, nên biết đó gọi là có thể suy lường đúng đắn về đời trung gian, quá khứ, vị lai.

Lại, tức nương dựa nơi bốn thứ ngôn thuyết, nên biết ba lượng là chỗ dựa của tất cả. Hai thứ ngôn thuyết hoặc thấy hoặc biết là dựa nơi hiện lượng. Ngôn thuyết hoặc hiểu rõ là dựa nơi tỷ lượng. Ngôn thuyết hoặc nghe là dựa nơi chí giáo lượng.

Lại nữa, do năm thứ tướng, là phương tiện của chánh cần quán xét về duyên khởi, có thể dứt hết các khổ, có thể tạo biên vực của khổ. Những gì là năm tướng? Đó là:

- (1) Quán xét nhân duyên sinh khởi của các pháp duyên sinh.
- (2) Quán xét nhân duyên diệt của các pháp kia.
- (3) Nhận biết rõ như thật về hành đúng đắn có thể hướng đến nẻo diệt kia.
- (4) Tu tập pháp tùy pháp hành.
- (5) Lia tăng thượng mạn nơi sự chứng đắc.

Như vậy gọi là khéo khởi quán xét cùng sự thành tựu viên mãn của quả. Khởi đầu từ chỗ dựa nơi nhân duyên khổ của vị lai. Tiếp theo là quán xét nghịch, cho đến thức duyên danh sắc. Do bốn thứ tướng nên quan sát thông tỏ tu tập hành chánh. Nghĩa là do hai tướng, quán xét về vị lai, nhân có nên quả có, nhân không nên quả không. Đã quán xét thông tỏ về nhân không rồi, do tu hành đúng đắn. Đã thông tỏ rồi, theo đấy tu tập đúng đắn về pháp tùy pháp hành.

Lại, quán xét đúng đắn ở trong hiện pháp, vô minh là duyên nơi nghiệp mới phước, phi phước, bất động, nhân nơi pháp có. Tùy theo hành của nghiệp phước, phi phước, bất động, nên quả như thức v.v... có. Kia không có nên đây cũng không có.

Đã quán xét rồi, thông tỏ như trước, cùng tu hành đúng đắn. Lúc tu hành đúng đắn, không tạo vô minh làm duyên cho nghiệp mới nghiệp cũ. Xúc đã may chóng có thể biến đổi hẳn, nên ở trong hiện pháp chứng đắc Thánh đạo hiện thấy như trước, là đạo quả Niết-bàn.

Bấy giờ, hành giả kia ví như thợ gốm lành nghề, đem lửa phiền não với tùy miên được chung đốt, tùy theo bình đựng hữu thức thân được chung đốt chín, đặt trên bờ Niết-bàn vô cùng trong mát khiến lia tất cả phiền não nóng bức.

Lại khiến cho hữu thức thân như gạch ngói, thân dựa được thanh tịnh, mát mẻ. Nên biết như trước đã nói về thân hiện có lãnh nhận biên vực nơi thọ, cho đến nói rộng. Chưa xả bỏ thọ mạng, lại thường ở nơi nẻo hằng trụ, trọn không thoái mất quả A-la-hán, cũng không thể tạo vô minh duyên hành.

Thế nào là đối với sự chứng đắc, lia tăng thượng mạn? Nghĩa là, bấy giờ hành giả kia thành tựu trí kiến có thể duyên nơi duyên khởi thanh tịnh diệu thiện, tư duy: Dựa nơi thắng nghĩa để không lưu chuyên, không Niết-bàn, chỉ có các pháp kia sinh, nên khiến các pháp kia sinh. Các pháp kia diệt, nên khiến các pháp kia diệt.

Lại nữa, lược có hai thứ kẻ tăng thượng mạn:

- (1) Kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học.
- (2) Kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học.

Nếu là kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, kẻ ấy nói với người khác: Ta đã vượt qua nghi, vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết. Đối với việc chứng đắc giải thoát của hàng hữu học, đã lia do dự, đã nhỏ sạch mũi tên độc, đã có thể đoạn trừ hoàn toàn Tát-ca-da-kiết, dùng làm căn bản cho tất cả kiến thú.

Nếu là kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học, kẻ ấy nói với người khác: Ta không có cái gì ở trên. Sự việc nên tạo tác, chỗ nên “quyết trạch”, ta đều đã làm.

Hai thứ như thế, hoặc dựa nơi duyên khởi, hoặc dựa nơi Niết-bàn.

Lại, dựa nơi bậc Thánh nói, lúc đầy khởi ngôn thuyết, nghĩa là nói về tánh không thâm diệu, xuất ly thế gian, tương ưng với các sự

việc thuận nghịch nơi duyên khởi của tánh duyên. Đối với chỗ nêu giảng không thể hiểu rõ, không theo đây để ngộ nhập. Do hai thứ nhân ấy cùng duyên, nên đối với chỗ hiểu rõ như thật lại phát khởi hồ nghi. Đối với sự nối tiếp phiền não của chính mình, đã vĩnh viễn đoạn trừ, tác chứng Niết-bàn cũng sinh do dự. Vì sao? Vì do kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, chấp ngã, ngã sở, luôn đeo đuổi, tác ý tùy nhập, vì ngã mạn vi tế, biến chuyển gián đoạn, không gián đoạn, đều không thể thấu đạt.

Lại, pháp Xa-ma-tha nhận giữ nối tiếp, phòng hộ phiền não thô khiến không tạp loạn. Do nhân duyên này, kẻ ấy đối với pháp chưa đạt được, sinh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sinh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với người khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học tự nói: Ta đã đạt tịch tĩnh. Ta đã đạt Niết-bàn. Ta đã lìa ái. Ta đã lìa thủ. Đối với các thứ tăng thượng mạn hiện hành vi tế chưa đoạn ấy, đều không thể thấu đạt. Đối với pháp chưa đạt được, sinh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sinh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với kẻ khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học, nên biết có quyết định trước ở nơi hàng hữu học dấy khởi tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không phải kẻ ấy với phiền não hiện hành nối tiếp, nhưng tâm bị vây buộc như thế, chấp chặt mà trụ. Do nhân duyên này, nên đối với pháp chưa đạt được, sinh tưởng đã đạt được, khởi tăng thượng mạn, chấp trước sâu chặt, trải qua nhiều thời gian chấp trụ, hoặc nói với người khác. Chỉ có mất niệm, là phiền não nhỏ hẹp tạm thời hiện hành, tức thì lại thông tỏ, mau chóng có thể xa lìa.

Lại, kẻ ấy, như thế là hoặc do thời trước, đối với pháp chưa đạt được khởi tăng thượng mạn đạt được. Hoặc do nơi hiện tại, đối với chỗ đạt được sinh nghi hoặc, do dự hủy hoại tâm, liền sinh lo buồn, khởi tư duy: Nếu pháp ta đã chứng đắc là không thật có, thì chỗ chứng

đắc của kẻ khác cũng phải là không có. Như thế liền sinh tà kiến hủy báng Thánh giáo, nhận lấy nhân của nẻo ác, chịu suy tôn lớn.

Thế nào là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp thâm diệu? Nghĩa là có thể khai thị pháp duyên khởi thâm diệu, Niết-bàn cứu cánh, ba tướng tương ứng, thể tánh của hữu vi, vô vi có sai biệt. Hữu vi là vô thường. Vô vi thì thường trụ. Các hành đều khổ. Niết-bàn tịch tĩnh. Hết thấy hữu vi, gồm chung chỉ là khổ, cùng chỉ là nhân của khổ. Hết thấy vô vi gồm chung chỉ là các khổ cùng nhân đã vĩnh viễn diệt trừ.

Nếu các Bí-sô, ở trong hiện pháp đạt được Niết-bàn, đoạn trừ vĩnh viễn nẻo nhân của các khổ nơi hữu sau, khiến quả khổ sẽ có của đời vị lai hoàn toàn không chuyển. Lúc nhập Bát Niết-bàn Vô dư y, khổ sau không còn nối tiếp. Nhân trước đã dẫn đến chỗ dựa của khổ hiện tại, tự nhiên liền diệt, đạt đến biên vực của khổ.

Ở đây, đều không có kẻ lưu chuyển trước, cũng không có người Bát Niết-bàn nơi hiện tại. Nếu có thể khai thị về nghĩa, lời như thế, nên biết đó gọi là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp vô cùng thâm diệu.

Lại nữa, bản tánh của duyên khởi là thâm diệu cùng tột, nhưng có một bậc có thể khai thị khiến trở nên cạn, nên biết điều ấy do hai nhân duyên:

(1) Do bậc Đại sư khéo khai thị.

(2) Tức do hữu tình ấy thành tựu trí thông sáng, xét đoán vi tế, thấu đạt rộng khắp. Hoặc nói hoặc nghe, các câu nghĩa ấy, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Ở đây, nên biết các pháp duyên khởi lược do bốn tướng nên thâm diệu tột cùng. Đó là:

(1) Do nhân quả vi tế khó nhận biết rõ.

(2) Do vô ngã khó nhận biết rõ.

(3) Do hữu tình là hệ thuộc mà có trói buộc khó nhận biết rõ.

(4) Do hữu tình có hệ thuộc nhưng là trói buộc khó nhận biết rõ.

Thế nào là nhân quả vi tế khó có thể nhận biết rõ? Nghĩa là dựa nơi đạo lý quan sát Thánh đế, nơi các chi hữu hiện có, khởi đầu từ lão tử, cho đến thức duyên danh sắc, là thể tánh có duyên.

Thế nào gọi là thể tánh có duyên? Nghĩa là ở trong ấy có nhân duyên sinh chưa vĩnh viễn đoạn trừ nên có sinh sinh khởi. Sinh đã sinh rồi thì chỉ nên mong đợi lão tử của thời sau. Nên biết trong đó, nhân duyên của sinh cũng gọi là sinh. Nhân duyên đã khởi cũng gọi là sinh. Có sinh trước nên có sinh sau. Có sinh sau nên có lão tử (già chết). Ở đây, sinh trước là nhân của sinh sau, cũng là duyên của lão tử. Còn sinh sau chỉ là duyên của lão tử. Như vậy tất cả được gồm thâu làm một, lược nói là sinh duyên lão tử. Nên biết đó gọi là thể tánh có duyên của chi lão tử thứ nhất. Như nói chi sinh như thế, thì an lập các chi hữu, chi thủ nên biết cũng vậy. Chi thủ có sai biệt: Nghĩa là dục tham không sai biệt gọi là thủ. Sai biệt của thủ an lập có bốn. Như thế, chi ái hoặc cầu môn dục phát khởi các nghiệp, hoặc cầu môn hữu phát khởi các nghiệp. Các ái hiện có của hai môn nghiệp này nên biết là quy hướng về thọ ái, phi ái. Lại, tức ái này, do môn sáu xứ, đã khởi xúc vô minh sinh thọ làm duyên nên chuyển. Lại có thọ khác không phải duyên của ái này, nghĩa là xúc minh đã sinh cùng xúc phi minh phi vô minh đã sinh. Lại tức thọ này, nên biết tất cả đều dùng xúc tương trợ làm duyên. Sự việc này lại là thế nào? Nghĩa là minh, vô minh tương ưng là xúc tăng ngữ, cùng với đây trái nhau là xúc có đối. Lại xúc minh này cùng xúc vô minh đã tùy theo xúc tăng ngữ, như chỗ ứng hợp nên biết. Hữu tình kia do lắng nghe chánh pháp hoặc không phải chánh pháp, nơi cảnh của đối tượng duyên, trí văn tu tu hoặc chánh hoặc tà, tương ưng với các danh, dùng làm duyên, không phải là xúc minh, không phải là xúc vô minh đã gồm thâu xúc

có đối. Nên biết hữu tình kia dùng các sắc hoặc trong hoặc ngoài làm duyên. Như thế gọi chung là danh sắc duyên xúc.

Lại, tức sáu xứ lược chia làm hai phần, là danh và sắc, cùng với giới xúc làm duyên. Nên biết ở đây, ý xứ phi sắc, cùng với các pháp phi sắc khác tương ưng. Một phần như thế được gọi là danh. Các xứ sắc còn lại gồm chung làm một phần, gọi là sắc.

Lại, danh sắc này, ở trong hiện pháp, do nối tiếp sinh thức làm duyên dẫn dắt, cùng có thể nắm giữ khiến không tan hoại.

Lại, tức thức ấy, nối tiếp sinh rồi, sau lại dựa nơi danh sắc mà trụ. Hoặc nơi đồng thời, hoặc sinh không gián đoạn, dựa nơi danh sắc mà chuyển. Đối với hiện pháp, thức này cũng dùng danh sắc kia làm duyên, nên biết nghiệp trước đã dẫn danh sắc cùng thức mà lần lượt dựa vào nhau. Lần lượt làm duyên như thế, nên biết thức duyên danh sắc dùng làm hậu biên, với chi hữu hiện có, tùy theo tướng của lão tử, như trước đã nói, theo chỗ ứng hợp nơi thể tánh có duyên. Như vậy gọi là nhân quả vi tế khó có thể nhận biết rõ. Vì khó nhận biết rõ, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, hết sức thâm diệu.

Thế nào là vô ngã khó có thể nhận biết rõ? Nghĩa là an lập duyên khởi của các nhân quả, ngang bằng với từng ấy sự việc, ở trong khắp tất cả chúng hữu tình, khởi tăng ngữ của hữu tình không sai biệt. Tức tăng ngữ này nên biết là đường đi, dựa vào ngôn từ hiện có của xứ ấy đã chuyển biến để thiết lập các chúng hữu tình đều dị biệt. Lại lập danh tự đều có sai biệt... Ngang bằng với từng ấy sự việc, đối với các thứ ngôn thuyết của thế tục, sĩ phu có ngôn luận chuyển biến. Tức là các thọ hiện có, hoặc do xúc minh sinh, hoặc do xúc vô minh sinh ra, hoặc do xúc phi minh phi vô minh sinh ra, tất cả như thế cùng với danh sắc kết hợp.

Nếu các danh sắc đã vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, thì các thọ hiện có không còn chỗ để được sinh. Nên biết đó gọi là duyên khởi vô ngã khó có thể nhận biết rõ.

Thế nào là hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là như ngoại đạo xúc đối xúc vô minh sinh khởi thọ, do ba môn nên đối với các hành duyên sinh vô ngã, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

Những gì là ba môn? Đó là:

(1) Đối với cõi dục chưa được lìa dục, ở trong ba thứ thọ hệ thuộc cõi dục, vọng chấp một phần là ngã sở sáng rõ, vọng chấp một phần là tánh của kẻ thọ nhận, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

(2) Nơi cõi dục đã được lìa dục, tĩnh lự thứ ba chưa được lìa dục, chỉ ở lạc thọ là có chỗ đạt được, tức vọng chấp đây là ngã sở sáng rõ, chấp ngoài thọ ấy riêng có thật ngã, là chủ thể thọ nhận, khởi thiết lập kiến. Nghĩa là cho ngã này là pháp có thọ, tức dùng thọ kia lãnh nạp thọ này.

(3) Từ tĩnh lự thứ ba trở lên, các thọ vi tế không khổ không lạc, đều không thể thông tỏ, nên phân biệt có ngã. Tức cho các thọ đều không phải là kẻ thọ nhận, khởi thiết lập kiến.

Như thế, tất cả do ba thứ môn dấy khởi ngã kiến, đều không hợp lý. Vì sao? Vì do ba thứ thọ đều vô thường, nên chỗ chấp ngã cũng là vô thường. Thế nên, kẻ kia thấy ba thứ thọ là ngã là không đúng đạo lý. Lại, nơi tĩnh lự thứ tư trở lên đều không có lạc thọ, trong ấy cũng không có người có thể thọ nhận lạc. Chấp ngã đối với pháp kia do lạc thọ nên gọi là pháp có thọ, là không hợp đạo lý. Lại, nơi tĩnh lự thứ tư trở lên tới định vô sắc, kẻ kia do chấp ngã nên không biết về thọ. Do định tịch tĩnh kia sinh thọ, phát khởi ngã mạn, cho là ngã tịch tĩnh. Mạn ấy nên không, nhưng đã có mạn này, thế nên chấp ấy cũng không hợp lý. Nên biết ở đây, nếu các duyên khởi không phải là thâm diệu, thì mạn kia lẽ ra không có. Như thế là kẻ vô trí vọng chấp đã hoại mất nội pháp. Các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sinh khởi các thọ, nhận biết rõ tất cả chỗ dấy khởi ngã kiến đều không hợp

lý, thế nên quán thấy các pháp là vô ngã. Chư vị ấy đối với thế tục để cùng thắng nghĩa để đều được thiện xảo. Như trước đã nói, Đức Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không, cho đến hoặc không phải là có, không phải là không, đều không chấp trước.

Lại, ngoại đạo kia kiến hành như thế, ở trong hiện pháp, dựa vào như trước đã nói về ba thứ vọng kiến, hoặc thiết lập ngã là có sắc. Hoặc thiết lập ngã là không sắc. Hoặc thiết lập ngã là nhỏ hẹp. Hoặc thiết lập ngã là vô lượng.

Như trong hiện pháp, vọng phân biệt ngã là chân thật, có thể đạt được, nên khởi thiết lập kiến. Như vậy, nơi vị lai phân biệt khởi kiến chấp, vì kẻ khác nêu đặt, nên biết cũng thế.

Tuy có nhiều thứ vọng phân biệt ngã, nhưng chỉ một loại là tùy miên của Tát-ca-da-kiến trói buộc chưa đoạn dứt. Kẻ kia tuy do các đạo thế tục thấp kém lìa dần trói buộc, cho đến cõi Hữu đảnh, nên biết tức kẻ ấy cũng gọi là trói buộc.

Như thế gọi là do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc tánh khó nhận biết rõ, có thể tùy thuận ngộ nhập.

Thế nào gọi là hữu tình có hệ thuộc nhưng lìa trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là có các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sinh khởi các thọ, ở trong hiện pháp không đạt được thật ngã, cũng không thiết lập. Thân hoại mạng chung trở về sau, cũng không ở trong bảy thức trụ kia thiết lập tất cả chúng hữu tình. Đã lại đối với cõi dưới nối tiếp sinh thức xứ. Lại đối với cõi kia sinh khởi thức xứ. Chư vị ấy đối với thực trụ cùng với hai xứ, do các duyên khởi nơi đạo lý của Thánh đế, khi quán như thật, thành A-la-hán hoặc tuệ giải thoát hoặc cùng giải thoát, gồm đủ tám giải thoát, tĩnh lự, đẳng chí. Chư vị ấy, nơi hiện pháp tuy có thể hiện thấy có sinh già chết, nhưng gọi từ pháp kia mà được lìa trói buộc. Tuy lại hiện thấy các thọ lãnh nạp, nhưng

gọi là ở nơi thọ mà được lia trói buộc. Tuy lại hiện thấy có thức, danh sắc, nhưng gọi là ở nơi pháp ấy mà được lia trói buộc. Như vậy gọi là, do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình có hệ thuộc nhưng lia trói buộc, tánh khó nhận biết rõ, đã nhận biết rõ như thật.

Do bốn tướng ấy, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, thâm diệu tột cùng.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Thế tục, thắng nghĩa khác
Pháp nhĩ, đây tạo tác
Đại không cùng phân biệt
Tự tạo tác là sau.*

Ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da này, tuy kẻ ngu, trí lại cùng từ tiền tế đến nơi trung tế, đều do hai thứ phiền não căn bản, tập thành thân có thức như thế. Thân này làm duyên, đối với số hữu tình phi tình hiện có bên ngoài, nơi cảnh giới của đối tượng duyên thuộc về danh sắc, lãnh nạp ba thọ. Nhưng kẻ trí kia, đối với tất cả tiền, trung, hậu tế, so với kẻ ngu kia có sai biệt lớn.

Nên biết ở đây, đối với trung tế có sai biệt: Nghĩa là do hai thứ phiền não căn bản đã tập thành thân có thức như thế. Ở trong hiện pháp, hai thứ ấy đều đoạn. Đoạn trừ hai thứ ấy, nên nơi đời vị lai không còn có thức kia tùy thuộc thân, đây tức gọi là hậu tế có sai biệt.

Hỏi: Do đâu kẻ trí thành tựu tánh của bậc trí?

Đáp: Do ở trong hiện pháp, tập để hiện có, cùng đối với khổ để hiện có của hậu tế, đều lia trói buộc.

Hỏi: Do đâu kẻ ngu tạo thành tánh của kẻ ngu?

Đáp: Đối với việc đoạn trừ hai thứ kia đều không có năng lực. Từng hành tập Thánh giáo, gọi là kẻ trí, trước đã tìm cầu tư lương trí tuệ, gồm thâm các phạm hạnh.

Đối với Thánh giáo chưa từng tu tập, gọi là kẻ ngu. Kẻ trí kia là trái nhau, nên biết đó gọi là kẻ trí, người ngu, nơi tiền tế có sai biệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đa văn, thiện xảo đối với các duyên khởi, nhận biết rõ như thật về đạo lý của hai đế thế tục và thắng nghĩa. Do nhận biết như thật, nên ở trong hiện pháp, các pháp hiện có như thân có thức v.v... đều nhận biết rõ là vô ngã, hoàn toàn không chấp chúng là ngã, ngã sở. Do đối với thắng nghĩa đạt được thiện xảo, nên không có tà chấp ấy. Đối với hữu tình gắn chặt với các hành nối tiếp tạo tác tự nghiệp, đều nhận biết rõ như thật là không có chủ thể, đối tượng lần lượt tạo tác, cũng không phải không tạo có nghĩa an lành. Nhận biết rõ như vậy rồi, nên siêng năng chân chánh, tu tập lìa trôi buộc của phiền não. Do đối với thế tục đạt được thiện xảo, nên xa lìa nẻo tăng ích hiện có không thật, nẻo tổn giảm sự thật. Ở trong hiện pháp, đối với thân có thức trước đã tạo tác, tư duy về chỗ cầu nguyện, suy xét về chỗ kiến lập, do thế nguyện, tức dùng diệu tuệ do văn tu tạo thành, thiện xảo của duyên khởi làm chỗ nương dựa, dùng hành Chi, Quán do tu tạo thành, nên có thể tùy thuận ngộ nhập. Lại, đối với thân nhận biết xúc thọ tướng tư, quán đầy đủ là khổ. Lại, đối với thân của ái, lúc quán có sai biệt, nên biết tức là quán xét về tập đế. Chư vị kia, trí đối với hai có sinh diệt, đã nhận biết rõ như thật. Do nhân nơi tập, nên đứng như chỗ tập. Do nhân nơi diệt, nên đứng như chỗ diệt. Nghĩa là do tác ý thế gian của địa định, tu tập nhân duyên của tác ý như thế, nhập hiện quán đế. Chư vị ấy, nơi thời trước, đối với tập và diệt của thế gian, do tuệ văn, tư, nên gọi là nhận thấy, cũng gọi là khéo nhận biết. Do tu tuệ nên gọi là khéo tư duy. Nay đối với Thánh đế, lúc nhập hiện quán, gọi là khéo thông tỏ, cũng gọi là khéo thấu đạt. Do hoàn toàn hiện có như hiện có, nên tùy thuận thứ lớp. Bây giờ, chư vị kia, do văn tuệ, tư tuệ, gọi là hướng đến chánh pháp. Do tu tuệ nên gọi là gần chánh pháp. Do thông tỏ về đế, nên gọi là chứng đắc chánh pháp.

Lại, do hướng tới, do gần chánh pháp, nên gọi là đạt đến nguồn đáy. Do chứng đắc chánh pháp, nên gọi là đến khắp ngọn nguồn. Lại, tuệ hữu học gọi là tuệ diệu nhập thế gian, hiện ẩn. Tuệ này là vô lậu, nên trong sự nối tiếp của bậc Thánh có thể đạt được, gọi là tuệ Thánh. Có thể dứt hết, có thể loại trừ hết thấy phiền não cùng các khổ, nên gọi là tuệ xuất ly. Có thể thông tỏ rốt ráo tột cùng, nên gọi là tuệ quyết trạch. Chư vị ấy đã thành tựu tuệ diệu như thế, lại khởi tư duy: Ta nên tinh tấn đoạn trừ tất cả phiền não hiện có về sau. Tức nơi sự việc ấy tu tập nhiều, ở trong tu đạo, ra khỏi các phiền não khác, dứt hết thấy mọi khổ. Như vậy là hiển thị về chánh đạo hiện có, từ địa của nghiệp đầu, cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đối với các pháp duyên khởi cùng duyên sinh, kiến lập hai phân đạo lý sai biệt.

Nghĩa là, như lưu chuyển cùng các chôn lưu chuyển, nên biết ở đây có mười hai chi lưu chuyển sai biệt. Các chi ấy, lại như chỗ ứng hợp, xứng với lý nhân quả, thứ lớp lưu chuyển.

Lại, xứng với lý nhân quả thứ lớp, từ vô thủy đến giờ, lần lượt an lập, gọi là pháp tánh. Do đời hiện tại, gọi là pháp trụ. Do đời quá khứ, gọi là pháp định. Do đời vị lai, gọi là pháp như tánh. Không phải là tánh không nhân, nên gọi là như tánh, không phải là không như tánh. Tánh của chân như thật, nên gọi là tánh thật. Tánh của quả như thật, nên gọi là tánh đế. Tánh thật được nhận biết, nên gọi là tánh chân. Do trí như thật dựa nơi tánh của xứ, nên gọi là tánh không đảo, tánh không điên đảo. Do tất cả duyên khởi tương ưng nơi văn tự, kiếp lập tánh của xứ nương dựa, nên gọi tánh của duyên khởi này thuận theo thứ lớp.

Lại, các Thánh đệ tử đa văn đạt được hai thứ thiện xảo ấy, ở trong ba đời, đều nhận biết rõ đúng như thật. Xa lìa tất cả tác ý phi lý, đối với các Thánh đế có thể nhập hiện quán. Ở trong các kiến thứ

của các ngoại đạo, có thể lia được trời buộc, như trước đã nói rộng về các nẻo, nên biết.

Lại, duyên khởi kia, từ thời vô thủy đến nay, nhân quả lần lượt lưu chuyển nối tiếp. Đức Như Lai, đối với tánh thật của sự lưu chuyển ấy, hiện bày Đẳng giác rồi, dùng trí vi diệu, khởi ngôn từ đúng đắn, theo phương tiện khai thị về không sinh không tạo. Nên biết ở đây, từ thời vô thủy đến giờ, nhân quả lần lượt nơi pháp trụ pháp tánh. Do chúng tương ưng nơi danh cú văn thân, nhằm khiến hiểu rõ về chỗ tùy thuận kiến lập xứ nương dựa của chúng tánh thuộc pháp trụ pháp giới.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đây tạo tác, đây thọ nhận, chỗ khác tạo tác, chỗ khác thọ nhận, không nên ký biệt. Những gì là hai? Đó là:

(1) Nhân quả cùng thuộc về một. Các hành nối tiếp, trước sau dị biệt.

(2) Kẻ tạo tác, người thọ nhận còn lại, không thể thủ đắc.

Nếu đối với luận ấy không nhận không chấp, do hành trung đạo, như chỉ có nhân quả mà ký biệt đúng đắn, cũng không lỗi lầm.

Lại nữa, tất cả vô ngã không có sai biệt, gọi chung là không. Nghĩa là hữu tình vô ngã cùng pháp vô ngã.

Hữu tình vô ngã: Nghĩa là lia tất cả hành duyên sinh, ngoài ra còn có riêng ngã thật, là điều không thể đạt được.

Pháp vô ngã: Tức tánh của tất cả hành duyên sinh, không phải là ngã thật, là vô thường.

Hai thứ như thế lược gồm thâu làm một. Xứ kia nói đây gọi là đại không. Nghĩa là như có trường hợp lia ngôn thuyết thế tục, vọng kiến làm chỗ dựa, khởi kiến như thế, lập luận như thế, cho là có vật riêng khác với pháp duyên sinh. Hoặc là pháp duyên sinh khác với

vật kia, thuộc vật kia. Ở đây là dựa vào vọng kiến, không phải là trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thể nương dựa nơi không thứ nhất, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát. Hoặc lại tức ở trong pháp duyên sinh thuộc về danh sắc, dựa vào ba thứ vọng kiến như trước đã nói, khởi kiến như thế, lập luận như thế: Mạng tức là thân, cho đến nói rộng. Như vậy cũng không phải an trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thế, dựa nơi không thứ hai, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát.

Xa lìa hai biên tà kiến như thế, chỉ thấy nhân quả, gọi là hành trung đạo. Đối tượng nhận thức là chân như, gọi là tánh như thật. Chủ thể nhận thức là chân như, gọi là tánh không điên đảo. Đối với các hành có, giả thiết lập là có, là các hành này, các hành thuộc về pháp kia. Nếu dựa nơi trống nghĩa, có như thế, thì tất cả hành kia hoặc diệt hoặc đoạn, làm sao có thể nói đây là các hành? Hoặc hành thuộc pháp kia? Bây giờ, do đối với hai thứ như thế, đều không thể thủ đắc.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên biết là đã thiết lập tất cả thứ tướng của duyên khởi hiện có, nghĩa là nêu lên chung, hoặc phân biệt riêng. Những gì là hai nhân duyên? Đó là:

- (1) Như tánh hiện có.
- (2) Toàn bộ như tánh hiện có.

Thế nào là như tánh hiện có? Nghĩa là các pháp duyên sinh, như vô minh v.v..., lần lượt tương xứng với thể tánh của nhân quả, cùng có nhân này chưa đoạn, nên có quả kia chưa đoạn. Nhân chưa đoạn ấy sinh, nên quả chưa đoạn kia sinh. Như thế gọi là như tánh hiện có.

Thế nào là toàn bộ như tánh hiện có? Nghĩa là các hành duyên sinh như vô minh v.v... nơi tất cả thứ tướng như vô minh kia là vô trí của tiền tế, cho đến nói rộng về thể tướng sai biệt. Phân biệt rộng về danh, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu. Phân biệt kiến lập, như trước nên biết. Như thế gọi là hết thấy như tánh hiện có.

Tức dựa nơi như tánh hiện có như thế, là hết thấy như tánh hiện có. Nếu nêu lên chung hoặc phân biệt riêng, trước là nêu lên chung, gọi là trước sau. Tức ở đây lại khai thị rộng, gọi là phân biệt.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên tự tạo tác khổ lạc không thể thiết lập, không thể ký biệt. Như vậy, tha tạo tác, cả hai cùng tạo tác, cùng không tạo tác, không nhân mà sinh, nên biết cũng thế. Những gì là hai? Đó là:

(1) Các hành như trước đã nói, là không tác dụng.

(2) Hữu tình tạo tác chưa trọn vẹn, không thể thủ đắc v.v...

Ở đây, các hành không tác dụng, nên thọ này, lãnh nhận này, tự tạo khổ lạc, là không hợp đạo lý.

Lại, sự tạo tác chưa hoàn toàn kia, hữu tình không thể thủ đắc, nên thọ khác, lãnh nhận khác, là không hợp lý. Thọ chỗ khát ái, thọ nhận thọ, kẻ khác thọ cũng không hợp lý. Có các duyên nên các thọ được sinh, tức không nhân sinh cũng không hợp lý. Do đó, xa lìa biên của ba thứ luận nhân ác trước, một thứ sau là biên của luận không nhân. Nhận biết rõ giáo pháp hành trung đạo như trước, siêng năng tu tập hạnh chánh, có thể dứt hết các khổ.

HẾT - QUYỂN 93

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 94

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ BA:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 2:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Xúc duyên kiến viên mãn
Thật hiểu, không ái lạc
Pháp trụ trí tinh tấn
Xứ sinh cùng là sau.*

Ở trong tất cả xúc duyên thọ hữu, nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tuyên thuyết về luận nhân ác, không nhân, thỉnh vấn như trước, ở đây tạo tác, ở đây thọ nhận, cho đến nói rộng. Đệ tử của bậc Đại sư an trụ nơi chánh pháp, hoặc hơn hoặc kém, lược có ba thứ ký biệt không điên đảo:

- (1) Ký biệt mở bày tự tông.
- (2) Ký biệt hàng phục tông khác.
- (3) Ký biệt có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Nên biết ở đây, đối với điều thừa hỏi của kẻ kia, ghi nhận không sai biệt. Nghĩa là các thứ khổ, lạc đều từ duyên sinh, là tông ta đã nêu dẫn. Đây tức gọi là ký biệt mở bày tự tông. Nếu đối với chỗ thừa hỏi

của kẻ kia, tạo ký biệt như thế: Các thứ chấp về khổ lạc là tự tạo, tha tạo, cùng tạo, cùng không tạo, không nhân mà sinh, nơi tất cả xứ do xúc sinh thọ. Sao lại theo vọng chấp về tự tha tạo tác v.v... Nếu xúc nhân nơi thọ hiện không thể đạt được, lại cầu tìm nhân khác, có thể là xảo diệu. Nhưng xúc nhân nơi thọ đã hiện có thể đạt được, nên cầu tìm nhân khác không phải là xảo diệu. Ghi nhận như thế tức gọi là ký biệt hàng phục tông khác. Vì sao? Vì do hai nhân duyên nên kẻ kia bị hàng phục:

(1) Trừ căn cảnh thức hợp ra, thì không thể hiển thị người tạo tác khác.

(2) Không thể bài bác tất cả hiện lượng của thế gian về chỗ đạt được nhân duyên của xúc như lý.

Lại, kẻ kia không thể lập tự tông, nên cũng lại không thể phá bỏ tha tông, nên gọi là bị hàng phục phá trừ.

Nếu đối với chỗ thừa hỏi của kẻ kia, tạo ký biệt như vậy: Ta cũng chỉ dựa vào thức thuộc cảnh giới của căn, giả lập tự tạo, tha tạo, cùng tạo, hoặc khổ hoặc lạc, nhưng đối với ngã thật đều không có chấp. Ông ở trong ấy có chấp trước tà vạy, nên không thuận chấp nhận. Vì sao? Vì nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm. Nếu không chấp trước tức là có thanh tịnh.

Thế nào gọi là nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm? Nghĩa là kẻ kia, không phải là hàng thông tuệ của thế gian, nếu đối với tiền tế có chỗ chấp trước, vô minh duyên hành, nói rộng như trước, nên đối với trung tế, về khổ lạc bị tạp nhiễm. Nếu đối với trung tế có chỗ chấp trước, thì cũng như đã nói ở trước, sẽ đối với khổ lạc của hậu tế bị tạp nhiễm.

Thế nào gọi là nếu không chấp trước tức là thanh tịnh? Nghĩa là người thông tuệ, nếu đối với tiền tế hoặc đối với trung tế, không ở nơi các hành chấp ngã, ngã sở. Vị kia, đối với nhân của các thọ nơi tiền

tế diệt rồi, là Bát Niết-bàn. Hoặc đối với nhân của các thọ nơi hậu tế diệt, là sẽ Bát Niết-bàn. Đó gọi là ký biệt thứ ba, có chấp không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Lại nữa, nếu có hữu tình dứt bỏ nhân ác, không nhân, đối với pháp do nhân sinh trong năm thứ nhân đạt được chánh kiến, gọi là kiến viên mãn. Đối với chánh pháp cùng Tỳ-nại-da này không thể chuyển theo, cũng được gọi là thành tựu kiến chánh trực. Do đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh, nên cũng gọi là thành tựu chứng tịnh nơi Phật. Đối với cảnh giới được nhận biết, trí đạt thanh tịnh. Do ba duyên ấy, theo như thứ lớp, gọi là đối với chánh pháp, hướng đến, thân cận, cùng với chứng đắc chân chánh.

Thế nào gọi là năm thứ nhân của pháp từ nhân sinh?

(1) Nhân của nẻo ác. Nghĩa là các pháp bất thiện cùng căn bất thiện.

(2) Nhân của nẻo thiện. Nghĩa là tất cả pháp thiện cùng các căn thiện.

(3) Nhân đối với thức trụ khiến thức trụ. Nghĩa là bốn thứ thực (ăn).

(4) Nhân tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là tất cả lậu.

(5) Nhân thanh tịnh: Nghĩa là đế, duyên khởi.

Nếu có hữu tình đối với tự tánh của các nhân ấy, nhận biết rõ đúng như thật là tự tánh của chúng. Đối với nhân duyên ấy nhận biết rõ đúng như thật là nhân duyên ấy. Đối với nhân duyên diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là diệt. Đối với đạo hướng tới diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là đạo, gọi là kiến viên mãn.

Quán sự việc duyên sinh, cho đến vô minh là biên vực tận cùng, vượt quá đây lại không có nhân của duyên sinh. Quán chỉ do đây. Quán tự nghĩa rất ráo.

Lại nữa, lược có ba thứ. Ở trong hiện pháp, tịch diệt chân thật, cho đến thọ lượng chưa dừng dứt vĩnh viễn, các sự của cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức, luôn nối tiếp chuyển. Nơi hàng hữu học, lúc đang tu tập, thiết lập tánh học. Đối với hàng vô học, khởi tư duy: Ta, tất cả đã dứt hết, sẽ không còn dứt hết nữa. tận trí, vô sinh trí đã xét chọn, gọi là pháp xét chọn. Những gì là ba thứ? Đó là:

- (1) Sáu xứ.
- (2) Sáu xứ duyên xúc.
- (3) Xúc duyên thọ.

Ở đây nên biết, các Thánh đệ tử đa văn hiện có, tùy theo chỗ nhận lãnh, tức đối với sự thọ nhận kia, nhận biết khắp đúng như thật. Lại, tức đối với pháp kia chán lìa, muốn diệt trừ, nên siêng năng tu tập hành chân chánh. Lại, có thể nhận biết rõ như thật về thọ kia do xúc dẫn sinh. Xúc lại do sáu xứ kia dẫn sinh. Tức đối với xúc kia dẫn nhận nơi sáu xứ, chán lìa, nhằm diệt trừ, nên siêng tu hành chân chánh. Lại, đối với thọ, xúc cùng sáu xứ kia, tất cả sự thật lược gồm thâu làm một, nhận biết rõ hết thấy do vô thường diệt, nên gọi là pháp diệt. Đã ở trong hiện pháp, đối với tất cả ba thứ sự thật nơi pháp vô thường diệt, như trước đã nói, tu hạnh chán lìa, nhằm diệt trừ. Do hành chân chánh ấy, nên gọi là học thường được giao phó.

Lại do tu tập hành chân chánh ấy, nên không còn tạo tác, hoàn toàn giải thoát, thế nên gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Vì nhằm chứng đắc pháp chưa từng đạt được, chưa từng chứng đắc, nên tu tập không gián đoạn, với phương tiện cẩn trọng, gọi là học thường được ủy thác.

Vì đối với hiện pháp lạc trụ hiện có, không hề thoái chuyển, hao mất. Tạo tác không gián đoạn, tạo tác cẩn trọng, do đây gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Nêu rõ về tất cả sự pháp, nơi danh cú văn thân

tăng thượng, gọi là pháp giới. Các vị đạt được vô ngại giải, nên danh danh cú văn thân, theo chỗ mong muốn, đều tự tại. Do đó gọi là khéo thông đạt pháp giới.

Do đối với pháp giới khéo thông đạt, tức ở nơi nghĩa của tướng chân thật như thế, lại dùng tên gọi khác, theo chỗ vui thích, tuyên thuyết có sai biệt. Cho đến có thể, nơi bảy ngày bảy đêm, hoặc vượt hơn thời lượng ấy, từ biện luôn đầy đủ.

Lại dùng chủng loại sai biệt như vậy, tuyên thuyết như thật, các pháp kia là hữu vi, là chỗ tạo tác, chuyển động của tư, yếu kém như bệnh, như ung nhọt, cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết, các A-la-hán gồm đủ thắng giải, lược có sáu thứ ký biệt đã hiểu rõ:

- (1) Ký biệt có dị môn.
- (2) Ký biệt không dị môn.
- (3) Ký biệt do trí.
- (4) Ký biệt do đoạn.
- (5) Ký biệt chung.
- (6) Ký biệt riêng.

Ký biệt có dị môn: Nghĩa là như có một hành giả, hoặc do kẻ khác thỉnh vấn, hoặc lại tự nhiên vì nhằm khiến cho người khác, đối với Thánh giáo của Phật khởi nhiều cung kính, nên ký biệt như vậy: Ta nơi hiện tại không còn một nghi hoặc nào!

Ký biệt không dị môn: Tức nêu ký biệt: Nẻo sinh tử của Ta đã hết, cho đến nói rộng.

Ký biệt do trí: Nghĩa là có thỉnh vấn: Thế nào là biết? Thế nào là thấy? Nẻo sinh tử của kẻ kia đã hết, nên ký biệt, nói: Duyên của sinh hết, nên sinh kia đã hết. Dùng tướng như thế, ký biệt về tận trí thuộc trí khéo giải thoát của tự mình, gọi là ký biệt do trí.

Lại, tức ở đây ký biệt riêng: Tức ký biệt nhân duyên kia là có. Lại ký biệt nhân duyên của sinh kia là nhân duyên nơi các thủ. Lại ký biệt tướng của các thủ ấy, nhận biết như thật, nhận thấy như thật khiến thủ không có.

Ký biệt chung: Nghĩa là, tức ở đây, hết thấy chỗ ký biệt đã nhận biết rõ về các thọ hiện có đều khổ. Đã nhận biết rõ rồi, khiến sự sinh kia dứt hết. Ký biệt như thế gọi là ký biệt chung.

Ký biệt do đoạn: Tức do nội giải thoát kia, nên tất cả nhân duyên của tham ái đều dứt hết. Ký biệt như vậy gọi là ký biệt do đoạn. Ký biệt do đoạn này, tức như trước nói, gọi là ký biệt riêng.

Ký biệt chung ấy, nên biết lược do ba thứ hành tướng. Nghĩa là Đức Bạc Già Phạm đã nói về các kiết, ta đều không có. Đó gọi là ký biệt chung đầu tiên do đoạn. Nghĩa là các hữu kiết đều vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại, ta an trụ nơi chánh niệm như thế. Do ta an trụ nơi chánh niệm ấy, nên tất cả tham, ưu, các pháp ác bất thiện, có thể khiến chúng hoàn toàn không cấu nhiễm nơi tâm. Đó gọi là ký biệt chung thứ hai, do đoạn. Nghĩa là hằng trụ.

Lại, ở trong ấy tự không kiêu mạn. Đó gọi là ký biệt chung thứ ba, do đoạn. Nghĩa là không có tăng thượng mạn khác.

Như vậy là đã nêu chung, có sáu thứ ký biệt.

Lại nữa, có ba thứ pháp là chỗ yêu thích của các thế gian, dựa nơi nội pháp mà nói. Đó là:

- (1) Thế lực.
- (2) Diệu sắc.
- (3) Thọ mạng.

Lại có trái hại với ba pháp như thế, có thể dẫn đến chỗ đối trị, không thể yêu thích ba thứ pháp riêng:

(1) Tật bệnh.

(2) Già suy.

(3) Chết yểu.

Nếu đối với ba học, lúc dấy khởi hành tà, liền không thể gắng nhận vượt khỏi bệnh tật, già suy, mạng yểu. Nếu đối với ba học, lúc phát khởi hành chân chánh, tức có thể vượt khỏi ba sự như vậy. Những gì là ba học? Đó là:

(1) Giới học tăng thượng.

(2) Tâm học tăng thượng.

(3) Tuệ học tăng thượng.

Thế nào gọi là nương dựa nơi giới học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp mới học có chỗ hủy phạm. Hoặc quán nơi mình, hoặc quán nơi kẻ khác, đều không có xấu hổ. Đã tự an trụ nơi tâm không biết xấu hổ rồi, liền đối với tất cả pháp ác bất thiện không tự ngăn giữ. Đã đối với pháp kia không tự giữ gìn. Đã đối với Phật Pháp Tăng không khởi cung kính, nên đối với các thứ chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền đã học đều không kính sợ. Do nhân duyên ấy, hoặc đối với sự việc này, kẻ khác chính thức nêu lên, can gián, liền đối với họ cho là không thể nhẫn, thọ. Tự mình đối với các vị kia cũng im lặng, không cùng nói năng. Nơi xứ phi xứ, hữu tình có thể nêu dẫn khuyên can đúng đắn, đều ghét bỏ, xa lánh. Đối với việc làm theo các hành tà, thì những ai đồng với pháp của mình, liền thân cận, giao du, ưa thích cùng ở chung. Do cùng với bạn ác thường ở chung, nên đối với các bậc Hiền Thánh hãy còn sinh tâm ghét bỏ, hướng hồ là sẽ đi đến trú xứ, kính cẩn thưa hỏi, lãnh hội, phụng hành. Giả như có đi đến, vì có thuyết giảng chánh pháp, do ghét bỏ các Thánh Hiền, nên không muốn nghe. Như tạm thời lắng nghe, thì tâm không kính thuận, chỉ mang tâm chống trái, không vì để hiểu biết mà có lắng nghe. Ở trong các trí luận phân biệt

hành chân chánh nơi xứ phi xứ, đều không thích an trụ. Kẻ ấy, do bên trong mang tâm chống trái, nên tuy có lắng nghe, nhưng không tin, nhận, cũng không nương vào đấy để hành trì.

Lại, các bậc Hiền Thánh đều im lặng, không cùng với kẻ ấy nói năng, khởi tư duy: Hành giả như thế là không kham nổi những lời chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Kẻ kia đã tự nhiên không có pháp để tự chế ngự, lại bị các bậc Hiền Thánh từ bỏ, nên nội tâm luôn không tịch tĩnh, ngoại thân ngôn ý hỗn tạp mà trụ. Tham, ác càng tăng, lời lẽ càng kiêu ngạo, đối với sự việc như thế không thấy tội lỗi, nhiều chỗ hủy phạm không như pháp sám hối. Do luôn hành tập nên lần lượt hủy phạm tất cả Thi la. Nên biết đó gọi là nương dựa nơi giới học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi giới học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi tâm học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là vào lúc hành trì không như lý chánh, chấp giữ lấy các tướng tùy hảo của cảnh giới, do nhân duyên ấy, phát khởi vọng niệm. Tức ở trong ấy không quán xét lỗi lầm tai họa, phiền não sinh rồi giữ chặt không bỏ. Do đấy nên trụ không chánh tri. Hoặc khi an trụ thì ở nơi chốn xa lìa, không có người thứ hai. Tức do vọng niệm, trụ không chánh tri làm chỗ nương dựa, tâm dong ruổi tan theo ngoại cảnh. Như thế gọi là y chỉ nơi tâm học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi tâm học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi tuệ học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, lìa gần Hiền Thánh, nương gần bạn ác, nghe pháp không chân chánh, thắng giải làm nhân, không như chánh lý để xét chọn các pháp. Đối với các thứ dục ác, kiến ác, vui thích thọ hành. Hoặc ở trong pháp vi diệu rộng lớn đã học, đã đạt được, lại tự khinh thường. Như thế gọi là nương

dựa nơi tuệ học tăng thượng hiện có, đẩy khởi các hành tà vạy. Cùng với đẩy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi tuệ học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Ở đây, hữu tình phạm phu, nương dựa nơi ba thứ học như thế, đã đẩy khởi hành tà, không có khả năng vượt khỏi địa phạm phu, để hướng nhập thuận hợp chánh tánh ly sinh, đoạn trừ hoàn toàn ba kiết. Do không đoạn trừ vĩnh viễn ba thứ kiết, nên không đủ năng lực nương dựa vào tu đạo, đặc A-la-hán, ở trong hiện pháp đã hoàn toàn dứt trừ hết tất cả phiền não như tham sân si, vượt khỏi các thứ bệnh tật, già suy, mạng yếu của vị lai. Cùng với đẩy trái nhau, nên biết tức là ở trong ba học, hành đúng như thật nơi tất cả phẩm trắng, nói rộng cho đến siêu vượt các thứ bệnh tật, già suy cùng mạng yếu của vị lai.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, gồm đủ Thi la thanh tịnh, trụ nơi luật nghi thanh tịnh biệt giải thoát, do sức tăng thượng của tâm học tăng thượng, nên đạt được Tam-ma-địa thù thắng thuộc phần gần của tĩn lự thứ nhất, dùng làm chỗ dựa. Do sức tăng thượng của tuệ học tăng thượng, nên đạt được trí pháp trụ cùng trí Niết-bàn. Dùng hai trí ấy làm chỗ dựa, trước do bốn thứ viên mãn, lúc xa lìa nẻo thọ học chuyên, khiến tâm giải thoát tất cả phiền não, chứng đắc A-la-hán, thành tuệ giải thoát.

Ở đây, thế nào là pháp trụ? Nghĩa là như có một hữu tình, lắng nghe giáo pháp, tùy thuận duyên tánh duyên sinh không điên đảo rồi, đối với phần vị nhân quả của hành duyên sinh, trụ nơi địa phạm phu, liền có thể dùng đúng như thật tác ý do văn tư tu tạo thành, tư duy như lý. Có thể dùng tuệ diệu ngộ nhập tin hiểu về khổ đúng thực là khổ, tập đúng thực là tập, diệt đúng thực là diệt, đạo đúng thực là đạo. Các thứ như thế, như trong pháp an lập nhân quả, với diệu trí hiện có, gọi là trí pháp trụ.

Lại, thế nào gọi là trí Niết-bàn? Nghĩa là “pháp nhĩ” kia, nếu đối với khổ tập diệt đạo, do diệu trí khi ngộ nhập, tin hiểu là khổ tập

diệt đạo để chân thật, liền đối với khổ tập trụ nơi tướng chán, nghịch. Đối với Niết-bàn vắng lặng khởi tướng tịch tĩnh. Đó là tịch tĩnh rốt ráo, vi diệu, dứt bỏ tất cả chỗ dựa của sinh tử, cho đến nói rộng.

Như thế, nương dựa nơi trí pháp trụ kia, cùng nhân nơi khổ hoặc nhân duyên của khổ, trụ nơi tướng chán nghịch, nên đối với Niết-bàn có thể dùng tuệ diệu ngộ nhập tin hiểu là tịch tĩnh v.v... Diệu trí như vậy, gọi là trí Niết-bàn.

Lại nữa, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, các vị thông tuệ, chánh quán về sáu thứ tròn đủ, nên hiện tiền có thể phát khởi siêng năng tinh tấn trụ. Những gì gọi là sáu thứ tròn đủ? Đó là:

- (1) Bậc Đại sư tròn đủ.
- (2) Thánh giáo tròn đủ.
- (3) Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.
- (4) Chứng đắc tự nghĩa vô thượng tròn đủ.
- (5) Tất cả tuyên thuyết như lý, không gián đoạn tròn đủ.
- (6) Có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Thế nào là bậc Đại sư tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thành tựu mười lực, bốn vô sở úy v.v... Như thế gọi là bậc Đại sư tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo tròn đủ? Nghĩa là tự xưng nói: Ta nay đã ở nơi phần vị của bậc Đại tiên tôn quý, có thể chuyển Phạm luân, ở trong đại chúng chánh thức gầm tiếng sư tử, khai thị tất cả nẻo duyên khởi thuận nghịch, Niết-bàn tịch diệt v.v... Như thế gọi là Thánh giáo tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ? Nghĩa là văn cú hiện có của Thánh giáo này, về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Do Thánh giáo này có thể khai phát đúng đắn các nghĩa thâm diệu, nêu bày văn cú về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Như vậy gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.

Thế nào gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ? Nghĩa là không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, nơi trụ xứ của Như Lai, có thể chính thức khai giác thông tuệ hơn được. Thế nên, đối với kẻ khác, chứng đắc tự nghĩa, về nghĩa nên đạt được, về nghĩa nên giác ngộ, chỉ có Đức Như Lai, với giáo pháp đã thuyết giảng là diệu, là trên. Nếu vượt quá mức ấy thì đường ngôn từ dứt. Như vậy gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ.

Thế nào gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp, vì khắp hết thầy hàng trời, người, khai thị thuận hợp, khai thị nơi tất cả pháp, khai thị đầy đủ, không làm vị thầy mỗi một. Như vậy gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ.

Thế nào gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ? Nghĩa là có thể đoạn trừ tất cả nghi hoặc, cùng có thể sinh khởi hết thầy căn thiện, hết thầy pháp thiện, với chỗ dựa là tin tưởng lớn, hiện lượng có thể đạt được, là chôn an trú, bậc Đại sư hiện tiền. Như vậy gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Các bậc thông tuệ, chánh quán sáu thứ tròn đủ này, hiện tại đủ khả năng phát khởi siêng năng, tinh tấn trụ. Ở trong ba học, dựa nơi giới tăng thượng, tu tập Du già. Dựa vào tâm tăng thượng, tu không phóng dật. Dựa nơi tuệ tăng thượng, đối với giáo pháp của bậc Đại sư, tu hạnh Du già.

Nếu có kẻ, tâm trụ nơi sự biếng trễ, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

(1) Mong cầu hiện pháp có thể sinh các khổ của vị lai, hết thầy phiền não tạp nhiễm, ưu khổ, trụ không an ổn.

(2) Mong cầu tất cả pháp thiện đã chứng, chưa chứng, hiện có bị thoái thất. Tức thoái thất khả năng dẫn dắt, khả năng đi đến nẻo thiện, đạt tới nghĩa lớn của Niết-bàn.

Cùng với đây trái nhau, là kẻ siêng năng tinh tấn, nên biết là đã mong cầu hai thứ thắng lợi. Người tinh tấn ấy, đối với các pháp thiện chưa chứng, có thể chứng đắc, không thoái mất, có thể hoàn thành tự nghĩa, tha nghĩa, cả hai nghĩa.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tự nghĩa? Tức là chư vị đã xuất gia rồi, do hai thứ tướng, nên nói là có quả:

(1) Chứng đắc, lìa mọi trói buộc của phiền não, đạt Niết-bàn rốt ráo, nghĩa là quả Ly hệ.

(2) Có thể phát khởi lạc thù thắng của thế gian. Nghĩa là đi đến nẻo thiện, vui thích với quả Dị thực.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tha nghĩa? Tức là rộng vì kẻ khác tuyên thuyết pháp chính yếu, khiến họ có thể đi đến nẻo thiện của thế gian, đạt Niết-bàn cứu cánh.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành cả hai nghĩa? Tức là tự tu trì phước điền thanh tịnh, tánh có thể gắng nhận, thọ dụng từ biên tịnh tín các thứ vật dụng đã đạt được đúng như pháp như y phục v.v... Do thọ dụng ấy gồm thâu, nuôi dưỡng bản thân khiến có thể thuận theo tất cả phẩm thiện. Lại có thể khiến cho kẻ khác đối với mình tạo được quả báo lớn, tức là đi đến nẻo thiện của vị lai. Đạt được lợi thù thắng, nghĩa là sẽ đạt được của cải, vật báu, kẻ hầu hạ đều viên mãn.

Đạt được vinh hiển, hưng thịnh, tức sẽ đạt được thọ mạng, sắc lực, biện tài v.v... tự viên mãn.

Đạt được sự tu tập lớn rộng, tức đối với việc đạt được ba xứ như trên, trải qua thời gian dài luôn gắn liền không gián đoạn.

Do bốn thứ tướng, nên biết Đức Thế Tôn giảng nói Thánh giáo, được gọi là pháp thuyết giảng về thiện:

(1) Có thể hướng tới tịch tĩnh, có thể khiến chứng đắc giới Niết-bàn Hữu dư y.

(2) Có thể Bát Niết-bàn, có thể khiến chứng đắc giới Niết-bàn Vô dư y.

(3) Có thể hướng đến Bồ-đề, có thể khiến chứng đắc ba Bồ-đề: Thanh văn, Độc giác, Chánh đẳng Vô thượng.

(4) Thiện Thệ phân biệt về hiện lượng rốt ráo tốt cùng, hiển bày chỗ khai thị của bậc Đại sư vô thượng.

Lại nữa, gồm đủ bốn thứ viên mãn, có thể sinh nơi xứ Thánh. Nếu theo đây, thành tựu một thứ viên mãn ấy thì ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, lúc tu hành đúng đắn, gọi là: “Thiện lai! Thiện xuất gia”. Những gì gọi là bốn thứ viên mãn? Đó là:

(1) Ý lạc tăng thượng viên mãn.

(2) Căn viên mãn.

(3) Trí viên mãn.

(4) Túc ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp, viên mãn.

Ý lạc tăng thượng viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, đối với Bát Niết-bàn, ý lạc tăng thượng nhằm tu trị cực tịnh, nên xuất gia, không phải là bị chủ nợ, cùng các thứ sợ hãi bức bách, cho đến nói rộng. Nên biết người đã xuất gia như thế gọi là khéo xuất gia, sinh nơi xứ Thánh.

Căn viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, mắt tai đầy đủ, không phải là hạng Bán trách ca, chi phần không thiếu. Do có được các căn không thiếu như thế, nên ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện có thể thực hiện việc xuất gia, lúc giảng nói chánh pháp có thể nghe nhận.

Trí viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, tánh không ngu tối, không có chướng ngại do ngu si của phẩm hạ, cũng không chướng ngại. Không có chướng ngại do ngu si của phẩm trung, nên không phải là hạng “tay thay lời nói”. Không có chướng ngại do ngu si

thuộc phẩm thượng, nên lia ba thứ chương ngu si của trí. Có năng lực để hiểu rõ nghĩa của pháp nói về thiện nói về ác hiện có.

Tức ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp viên mãn. Nghĩa là như hiện tại có Đức Bạc Già Phạm Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian, là bậc Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến nói rộng, đã tuyên thuyết chánh pháp, hướng tới tịch tĩnh v.v..., nói rộng như trước.

Nên biết ở đây, sinh nơi xứ Thánh, nên gọi là “Thiện lai!”. Khéo được xuất gia, căn không thiếu, giảm, không ngu tối, không cảm ngọng, cũng không dùng tay thay cho lời nói, gọi là khéo đạt được thân người đầy đủ.

Lại nữa, người tu hành Quán, đối với các hành duyên sinh lưu chuyển, lược có hai thứ pháp tạo do dự. Đó là:

- (1) Vâng tập theo luận nói không nhân.
- (2) Vâng tập theo luận nói nhân ác.

Ở đây, vâng tập nơi luận không nhân: Tức quán xét tất cả loại đều không có nhân, liền sinh nghi hoặc: Vì sao các pháp không có nhân mà chuyển?

Trường hợp vâng tập nơi luận nhân ác: Cũng sinh nghi hoặc: Vì sao do nhân không tương tự kia, do nhân không hợp lý mà có các pháp chuyển?

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, xa lia hai thứ luận không chân thật, chánh quán về pháp lưu chuyển là do nhân duyên, được khéo quyết định, không có nghi hoặc, nội chứng chân thật. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, chỉ nói có các Thánh đệ tử, nên biết ở đây là nói các vị đã kiến đế.

Lại nữa, ở trong chánh pháp, lược có ba thứ hữu tình cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn. Những gì là ba thứ? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, vì cầu đạt Niết-bàn, hướng tới Niết-bàn, dứt bỏ pháp nhà, chọn đời sống không nhà, đã xuất gia rồi, chỉ có thể thọ trì giới cấm hiện có, liền trụ nơi biết đủ, không đối với mọi thời gian chuyển biến, tinh tấn tu tập tâm học, tuệ học tăng thượng. Vị ấy đã bỏ cảnh giới thọ dụng hiện có lúc còn ở nơi gia đình, nhưng chưa thể tùy thuận, đạt được an ổn vô thượng, chứng đạo Niết-bàn, nên ở nơi khoảng giữa cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại như có một hữu tình, tuy không chỉ đối với giới cấm đã thọ, biết đủ, an trụ, nhưng chưa thể vượt quá địa phạm phu. Do chưa thể vượt khỏi địa phạm phu, nên đối với tất cả pháp đều duyên dựa vào kẻ khác. Thường xem xét diện mạo, ngôn ngữ của kẻ khác, làm sao có thể nhận biết, thấy rõ đúng như thật về các đối tượng cần được thấy, biết? Luôn ở nơi kẻ khác để cầu trí, cầu được lãnh hội chánh pháp, được chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, nhưng nơi tự tâm có nghi có hoặc, cũng có khổ não, cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại, như có một hữu tình là học kiến tích, trụ nơi phóng dật, ở trong hiện pháp không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh, để có thể thâm nhận nhân sinh khởi của hữu thể thứ hai, có được trụ thứ hai, nên cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

Ba loại hữu tình như thế, lại có ba loại hữu tình khác, có các an lạc, khéo trụ nơi an ổn, nghĩa là bậc A-la-hán hoàn toàn lạc trụ.

Lại nữa, Tụng nêu:

Có diệt, hoặc Sa-môn

Bà-la-môn thọ trí

*Lưu chuyển cùng qua lại
Phật thuận nghịch là sau.*

Các vị học kiến tích, tuy đối với Niết-bàn tịch tĩnh có diệt không theo kẻ khác, tin nơi tuệ nhãn của Thánh nội, tự có thể quán thấy, nhưng cũng chưa thể do thân xúc chứng. Vì như có người bị khát do nóng bức bách, chạy đến nơi giếng sâu, tuy dùng mắt thường thấy rõ nước trong giếng trong lành không có bụi đất uế tạp, lại thấy cả vật dùng múc nước, nhưng đối với nước kia thân chưa xác chứng. Như vậy, hàng hữu học tuy nương theo tuệ nhãn của bậc Thánh, hiện thấy chỗ cầu đạt về sau là đoạn hết phiền não, tịch tĩnh tột cùng, nhưng đối với sự đoạn trừ ấy, thân chưa xác chứng.

Lại nữa, có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với tham sân si đã đoạn dứt trọn vẹn, nhưng về nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn đích thực thì hoàn toàn chưa chứng đắc. Các thế gian đối với họ khởi tưởng Sa-môn, tưởng Bà-la-môn, họ cũng tự xưng là Sa-môn, Bà-la-môn đích thực. Thế gian đối với họ tuy khởi tưởng ấy, nhưng họ chỉ là Sa-môn, Bà-la-môn thế tục, không phải là đệ nhất nghĩa. Nếu nơi đệ nhất nghĩa có các Sa-môn, Bà-la-môn thì họ đều không tự nhận mình là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì do họ không thể nhận biết rõ đúng như thật về các pháp tạp nhiễm. Nhân của pháp tạp nhiễm cũng không nhận biết rõ như thật về nẻo diệt kia, về hành diệt kia. Pháp tạp nhiễm: Nghĩa là các khổ thuộc về chi lão tử cùng do chi sinh. Nhân của pháp tạp nhiễm lại có hai thứ:

- (1) Do ái tạo tác.
- (2) Do nghiệp tạo tác.

Do ái tạo tác: Tức là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi có chi thủ, ái, hoặc vô minh xúc sinh khởi các thọ, hoặc vô minh xúc cùng vô minh giới tùy theo sáu xứ.

Do nghiệp tạo tác: Nghĩa là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi là danh sắc, thức, hành, cùng tức đối với chúng không nhận biết như thật, như trí pháp trụ hãy còn chưa thể biết rõ, huông chi là hiện như họ lúc hiện quán để có thể nhận biết rõ khắp. Hoặc như tu đạo chưa nhận biết rõ khắp. Như địa vô học chưa thể vượt khỏi.

Lại nữa, lược do hai thứ minh xúc sinh pháp, ở trong tất cả hành duyên sinh kia, dựa nơi lý của bốn đế hướng nhập hiện quán.

Những gì là hai thứ minh xúc? Đó là:

- (1) Minh xúc do lãnh nạp đối tượng duyên làm tánh, sinh thọ.
- (2) Minh xúc do lựa chọn đối tượng duyên làm tánh, sinh tuệ.

Nên biết ở đây, đối với mười một chi an lập bốn đế, dựa nơi mỗi mỗi chi để ấy kiến lập bốn mươi bốn sự. Tức dựa vào minh xúc sinh các thọ, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ thọ sự sai biệt như thế. Tức dựa vào các tuệ do minh xúc sinh, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ trí sự sai biệt như thế.

Trong ấy, lão tử được tạo từ hậu tế, chỉ là quả không phải nhân. Đối với vô minh được phát khởi từ tiền tế, chỉ là nhân không phải quả. Còn các hữu chi khác, cũng là nhân cũng là quả.

Trí hiện hữu khắp ba thời có sai biệt như trước đã nói. Trí quyết định khắp có sai biệt. Do trí pháp trụ đã gồm thấu trí có thể giữ lấy. Do tánh vô thường có sai biệt, nên biết đã kiến lập bảy mươi bảy thứ trí sự có sai biệt.

Như thế là đã hiển thị hành quán đầy đủ về tất cả hành tướng của các đế. Từ đây, liên tục nhập hiện quán đế, lần lượt tu tập cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên đối với hành duyên sinh phải nhận biết rõ đúng về thứ lớp lưu chuyển. Những gì là ba thứ tướng? Đó là:

- (1) Nhân tăng ích.
- (2) Quả sinh khởi.
- (3) Quả tăng tập.

Tất cả như thế lược thấu làm một, gọi chung là các pháp, hoặc tăng, hoặc sinh, hoặc tập, dựa nơi nhân quả diệt. Như chỗ ứng hợp nên biết, gọi là hoặc giảm, hoặc diệt, hoặc mất. Như vậy, đạo lý của ý nghĩa sâu xa có sai biệt, không trái với pháp tánh. Lại có nghĩa sai biệt. Thời gian của ba đời có sai biệt. Cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc có sai biệt. Như thứ lớp ấy, hoặc tăng hoặc giảm, hoặc sinh hoặc diệt, hoặc tích tập, hoặc ẩn mất, nên nhận biết rõ đúng.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

- (1) Tạp nhiễm của nghiệp ái.
- (2) Tạp nhiễm của vọng kiến.

Hai thứ tạp nhiễm này, dựa nơi hai phẩm:

- (1) Phẩm tại gia.
- (2) Phẩm xuất gia.

Nên biết ở đây, tạp nhiễm của nghiệp ái đã tạo tác, gọi là tư tạo tác. Tạp nhiễm của vọng kiến từ tà chấp khởi, gọi là chỗ chấp của suy tính. Trong ấy, phàm phu hoặc là phẩm tại gia, hoặc là phẩm xuất gia đều có đủ hai thứ tạp nhiễm. Do các triền cùng tùy miên, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với bốn thức trụ, khiến tâm sinh khởi các thứ tạp nhiễm rồi, thì chiêu tập hữu sau, tuần hoàn qua lại không được giải thoát.

Hàng hữu học kiến tích, đối với tạp nhiễm của vọng kiến đã vĩnh viễn đoạn trừ, chỉ có ngã mạn dựa nơi xứ tập khí hãy còn, chưa đoạn trừ rốt ráo. Chư vị ấy không tạo nghiệp mới, không vui thích hữu sau với tạp nhiễm của nghiệp ái, không có các triền có thể tạo tạp nhiễm, chỉ có tùy miên nương dựa vào sự tương tục, có thể gây

tạp nhiễm, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với các thức trụ, khiến tâm tạp nhiễm, chiêu tập hữu sau.

Nếu là các hàng vô học thì triển và tùy miên của hai thứ tạp nhiễm đều đã đoạn trừ hoàn toàn. Tức trong hiện pháp, nơi các thức trụ, tâm bị tạp nhiễm cùng với việc chiêu tập hữu sau của vị lai, tất cả đều không.

Lại nữa, chư Phật quá khứ, lúc làm Bồ-tát, đã tư duy như lý về pháp duyên khởi rồi, chứng giác Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nay, Đức Bạc Già Phạm, cũng đối với pháp duyên khởi chánh tư duy rồi, chứng giác Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Như Phật quá khứ, chứng đắc Bồ-đề rồi, tức ở nơi duyên khởi tác ý duyên dựa theo đạo lý thuận nghịch, tạo phương tiện tùy tu, hiện pháp lạc trụ rồi, trụ nơi an lạc. Nay, Đức Bạc Già Phạm cũng lại như vậy. Pháp kia tuy là vô lượng, như nói bảy kiếp tương tợ của thế gian, nên chỉ nói bảy. Như vậy, Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng hãy còn nhận biết như thật về duyên khởi, chưa chứng có thể chứng, chứng rồi đạt được hiện pháp lạc trụ, hướng chi là các pháp Bồ-đề hiện có thấp kém khác. Lại vì Đẳng giác như thật về duyên khởi, thâm nhận năm chi, là phương tiện đoạn trừ, như trước đã nói nên biết.

Lại, duyên khởi, về nghĩa tóm lược chung, tức dựa nơi phẩm lưu chuyển có nhân nơi các khổ. Lại dựa vào phẩm hoàn diệt, có nhân nơi các pháp vô lậu hiện có. Lại có nhân khổ, là nhân duyên nơi các lậu. Lại, chỗ nương dựa của các lậu kia, tánh từ vô minh xúc sinh khởi các thọ. Lại, có nhân pháp trụ lập nhân duyên, tức trong hiện pháp, phiền não đã đoạn trừ, chỉ có dựa nơi duyên.

Lại, dựa nơi bảy thứ thanh tịnh, lần lượt tu tập, vì nhằm chứng đắc Niết-bàn cứu cánh không tạo tác, nên biết là đã tuyên thuyết về giáo pháp thâm diệu tùy thuận duyên tánh duyên khởi như thế.

Những gì gọi là bảy thứ thanh tịnh? Đó là:

- (1) Giới thanh tịnh.
- (2) Tâm thanh tịnh.
- (3) Kiến thanh tịnh.
- (4) Vượt qua nghi, thanh tịnh.
- (5) Trí kiến đạo phi đạo thanh tịnh.
- (6) Trí kiến hành thanh tịnh.
- (7) Trí kiến hành đoạn thanh tịnh.

Thế nào gọi là có được thanh tịnh như vậy, lần lượt tu tập? Nghĩa là có Bí-sô, an trụ đầy đủ nơi Thi la, giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Bí-sô ấy, do gồm đủ Thi la như thế, nên có thể không hối tiếc, nói rộng cho đến tâm được chánh định, lần lượt đầy đủ, an trụ nơi tĩnh lự thứ tư. Vị ấy đã đạt được tâm định như thế, lần lượt cho đến đạt được tâm chất trực, nhu hòa, an trụ nơi bất động, vì nhằm chứng đắc lậu tận trí thông, nên tâm định hướng tới bốn Thánh đế, chứng nhập hiện quán, đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn, đạt được chánh kiến hữu học vô lậu. Do được chánh kiến, nên có thể đối với khổ tập diệt đạo cùng Phật Pháp Tăng, dứt trừ hoàn toàn mọi nghi hoặc. Do đoạn trừ rất ráo, vượt khỏi do dự, nên gọi là vượt qua nghi.

Lại, đối với đạo hành trước của chánh kiến đã nhận biết rõ như thật đó là chánh đạo, do đây có thể đoạn trừ hoặc do kiến đạo đoạn trừ, sau do tu đạo đoạn.

Lại, đối với phi đạo hành trước của tà kiến đã nhận biết rõ như thật đó là tà đạo. Nơi đạo, phi đạo đã đạt thiện xảo rồi, nên xa lìa phi đạo, gắn bó với chánh đạo.

Lại, ở nơi bốn thứ hành tích của tùy đạo đều nhận biết rõ như thật. Những gì là bốn thứ hành tích? Đó là:

- (1) Khô trì thông.
- (2) Khô tốc thông.
- (3) Lạc trì thông.
- (4) Lạc tốc thông.

Hành tích như thế, đã biện giải rộng, nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Như thế, bảy thứ thanh tịnh làm chỗ dựa, lần lượt tu tập, cho đến đạt được Niết-bàn không tạo tác, các lậu vĩnh viễn dứt hết. Nên biết ở đây do đối với bảy thứ thanh tịnh như thế, tất cả đều đầy đủ, lần lượt tu tập mới chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là thiếu một thứ. Do đó, nên cầu tất cả như vậy.

Đối với Đức Thế Tôn, việc tu tập phạm hạnh thành thực, không phải chỉ cầu một thứ. Lại, Đức Phật Thế Tôn, do nhân duyên ấy, nên cũng thiết lập đủ tất cả bảy thứ thanh tịnh như thế, vì khiến chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là tùy bỏ một loại.

Lại ở trong ấy, dựa nơi mỗi mỗi thứ mà nói, không phải chỉ do đây, cũng không phải lìa đây mà có thể chứng đắc. Như thế nên biết, ở đây duyên tánh duyên khởi là thâm diệu.

Lại nữa, Tụng nêu:

*An lập cùng nhân duyên
Quan sát nơi nghĩa thực
Rất nhiều các lỗi lầm
Tạp nhiễm cùng ở sau.*

Có bốn thứ pháp, ở trong hiện pháp, hoàn toàn có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Bốn pháp đó là:

- (1) Khí lực.
- (2) Hỷ lạc.
- (3) Đối với sự khả ái, chuyên chú trông mong.

(4) Khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, trông mong, với chỗ nương dựa là đại chủng của các căn, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm, an trụ không hoại.

Bốn pháp như thế, theo thứ lớp ấy, nên biết. Biệt dụng nơi bốn pháp là thực (ãn):

(1) Đoạn.

(2) Xúc thuận lạc thọ.

(3) Ý hữu lậu hợp tư.

(4) Thức có thể nắm giữ đại chủng của các căn.

Nên biết ở đây, đoạn cùng với khí lực của hiện pháp là thực (ãn). Do khí lực nên liền có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Các xúc hữu lậu có thể thuận theo lạc thọ, có thể cùng với hỷ lạc là thực (ãn). Do hỷ lạc, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Nếu tại địa ý có thể hợp cảnh nơi tư, gọi là ý hợp tư.

Có thể cùng với tất cả cảnh khả ái chuyên chú, hy vọng, là thực (ãn). Do chuyên chú, hy vọng, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Do thức có thể nhận giữ đại chủng của các căn, nên khiến đại chủng của các căn kia, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm và thức không lìa thân, làm nhân mà trụ. Thế nên nói thức gọi là nhân trụ kia. Do trụ kia, nên khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, hy vọng, dựa vào nhân kia mà chuyển.

Bốn thứ thực (ãn) như vậy, có thể khiến cho hữu tình đã sinh, an trụ. Lại do đoạn, mà có khí lực. Có khí lực nên đại chủng các căn đều được tăng trưởng. Do nhân duyên ấy, nên các hàng ngu tối luyện tiệt thân mạng. Vì nghĩa ấy, nên có sự truy tìm. Vào lúc truy tìm đã tạo tác vô số các nghiệp thiện, ác mới, cũng khiến tăng trưởng. Lại có thể tăng trưởng vô số phiền não. Như nói về đoạn, xúc, ý hợp tư, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy. Do ba môn ấy, thức có thể tích tập nghiệp phiền não của hữu sau. Nơi hiện pháp này, do nghiệp phiền

não luôn đeo đuổi, nên tạo thành hữu thủ, liền có thể thâm nhận hữu sau của vị lai. Bốn thực (ã) như thế, khiến cầu hữu sau, yêu thích hữu sau. Đối với hữu sau ấy, người chưa thể đoạn trừ, thì có thể gồm thâm hữu sau, gồm thâm khắp hữu sau, tùy thuận gồm thâm hữu sau.

Lại, các thứ đoạn thực, nơi cõi trời thuộc Dục giới, gọi đó là tế. Hoặc trung hữu nơi bụng mẹ, nơi màng trứng, nên biết cũng thế. Phần vị còn lại nơi cõi dục, đoạn thực gọi là thô.

Xúc, ý hợp tư cùng với thức thực, tại cõi vô sắc, nên biết gọi là tế. Các xứ khác gọi là thô. Có sắc làm chỗ dựa để phân biệt. Không sắc làm chỗ dựa khó phân biệt.

Lại, các thứ thực (ã) này nên biết, có khác với môn nghĩa thô tế. Tức nếu có thể khiến các hữu tình đã sinh được an trụ, thì gọi là thô. Gồm thâm, làm tăng nơi các hữu tình cầu hữu, nên biết là tế. Như thế là nên biết đã an lập bốn thực (ã).

Lại nữa, như trên đã nói về đại chủng của các căn, do tập đế gồm thâm, trước tiên là ái sinh. Vì nhằm khiến cho chúng được tăng trưởng, nên truy cầu bốn thứ thực (ã). Do đạo lý ấy, nên các hữu tình đã sinh, tuy do bốn thực mà được an trụ, nhưng gốc là dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, có ái, nên ở trong hiện pháp, thân dựa nơi các thực, do ba thứ môn làm tươi lớn nghiệp hoặc, luôn đeo đuổi, có thức của thủ. Ở trong hiện pháp thâm nhận hữu sau. Thế nên tất cả hữu tình cầu hữu, tuy do bốn thứ thực gồm thâm tăng ích, nhưng lại dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, tức ái này, ở trong hiện pháp, do vô minh xúc sinh khởi các ái làm duyên nên khởi. Vô minh xúc này, do trước thường xuyên hành tập các vô minh giới thuận theo sáu xứ làm duyên nên khởi. Sáu xứ này, về sau lại không có nhân khác, nên ở trong hiện pháp chỉ có sáu xứ này lần lượt dựa vào nhau. Các căn có sắc nương dựa nơi

thức. Thức cũng nương dựa nơi chỗ chấp thọ của thức là các căn có sắc. Do nhân duyên này, sáu xứ trở về sau lại không nói đến. Hoặc lại có lúc lắng nghe chánh pháp, là lực của chi ngoài. Tác ý như lý, chánh cần tu tập, là lực của chi trong. Vì nhân duyên ấy, nên chánh kiến sinh khởi. Chánh kiến sinh nên có thể đoạn trừ vô minh, có thể sinh minh. Vì ấy, ở trong hiện pháp, các vô minh giới thuận theo sáu xứ, đều được trừ diệt, minh giới thuận theo sáu xứ được sinh, gọi là chuyển y. Tô trọng của phẩm kia đều dứt bỏ hết. Sáu xứ đã diệt, lần lượt cho đến ái cũng tùy diệt. Do ái diệt, nên các thực (ã) cũng diệt. Các pháp có thể giữ lấy hữu sau đã diệt, nên biết hữu sau cũng lại tùy diệt. Vì thế nên biết, người ở nơi minh, không cầu hữu sau.

Lại nữa, không có một ít pháp sinh rồi an trụ. Cũng không có ngã là chủ thể thực (ã) nơi đối tượng thực. Do nhân duyên ấy, pháp kia sao gọi là thực (ã)? Nhưng chỉ căn cứ nơi cùng với các pháp chưa sinh tạo lý sinh duyên, chỉ có pháp dẫn pháp, được gọi là nghĩa thực (ã). Chỉ do pháp giả nơi thức kia trên tướng giả thiết lập hữu tình, đối chiếu với bốn thực ấy, gọi là người thực (ã), vì nhằm thuận theo ngôn thuyết thế gian. Căn cứ nơi thế tục đế, nói có hữu tình như thế, có thể thực bốn thứ thực (ã), không phải căn cứ theo thắng nghĩa. Vì sao? Vì nếu nói có thức sinh rồi an trụ, thế là hữu tình chân thật, gọi là chủ thể thực (ã) thì không nên lập thức là tánh của thực kia. Vì chưa từng thấy có hữu tình trở lại tự có thể thực hữu tình. Một trong tương tục, nhất định không có hai thức đồng thời an trụ. Do đó, lập thể của thức là hữu tình chân thật, là người có thể thực (ã) là không hợp đạo lý.

Vì có chỗ không hợp lý như thế, nên nêu lên câu hỏi: Ai thực (ã) nơi thức thực? Nên biết đây là câu hỏi phi lý. Nếu đưa ra câu hỏi: Ai là nhân duyên có thể thực (ã) nơi thức thực? Nên biết câu hỏi này là câu hỏi như lý, có thể khiến ngộ nhập nơi lý duyên khởi.

Lại có hai hữu:

- (1) Sinh hữu.
- (2) Nghiệp hữu.

Nếu là hữu sau của vị lai sinh khởi, nay trong hiện pháp, các phiền não của nghiệp đã đeo đuổi nơi thức làm nhân, có thể dẫn phát sinh hữu của vị lai. Tức hữu kia từng có tánh của nghiệp hành trước, gọi là nghiệp hữu. Ở trong hiện pháp, có hữu ấy nên có thể khiến cho hữu sau thuộc về sinh hữu của vị lai sinh khởi. Vào lúc mạng chung, sáu xứ của tiền tế vừa vô thường diệt, thì sáu xứ của hậu tế liền lại nối tiếp sinh. Tức thức của sáu xứ này, nơi thời trước là duyên có thể dẫn khởi, lại đối với hiện tại là duyên kết sinh. Như thế, do thức nhập nơi thai mẹ, nên được có danh sắc. Danh sắc làm duyên nên có sáu xứ. Do vô minh giới theo đuổi sáu xứ dùng làm duyên, nên có xúc tương tự. Lần lượt cho đến thủ làm duyên, nên khiến nghiệp của hậu tế chuyển thành hữu. Các pháp như thế trước chưa từng có, tất cả mới từ duyên khởi riêng biệt. Nên biết ở đây đều không có người tiếp xúc, cho đến hữu. Chủ thể hữu nơi đối tượng xúc, cho đến hữu của hữu, chỉ có các pháp gọi riêng là đối tượng thực (ãṇ), gọi riêng là chủ thể thực (ãṇ). do đó, nhân quả gắn liền nơi các hành, nối tiếp lưu chuyển không có đoạn dứt.

Do nơi nghiệp hữu của tiền tế đi đến sinh hữu của hậu tế. Lại do nghiệp hữu của hậu tế trở lại hướng tới sinh hữu của tế trước, như thế là duyên khởi chuyển hồi không dứt, từ thế gian này đến thế gian kia, từ thế gian kia trở lại thế gian này. Do vậy, chỉ pháp có thể dẫn nghĩa của pháp. Nên biết ở đây, nói là nghĩa của thực (ãṇ).

Lại nữa, ba thực (ãṇ) làm nhân, có thể khiến cho ba thứ nội khổ sinh khởi. Ba thứ nội khổ là:

- (1) Bệnh khổ do giới không bình đẳng sinh khởi.
- (2) Khổ do dục mong cầu.

(3) Khổ do cầu không được đáp ứng.

Khổ thứ nhất, đoạn thực làm nhân. Khổ thứ hai, xúc thực làm nhân. Khổ thứ ba, ý hợp tư thực làm nhân.

Nhân duyên của đoạn thực sinh khởi nội bệnh khổ. Do đầy các Bí-sô nên quán đoạn thực như tưởng về thịt của con mình, không nên tham vướng. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể sinh nội khổ do ham muốn mong cầu, vì thế các Bí-sô phải quán việc thuận theo sáu thứ xú xúc kia như bò không có da, nên khởi quán này: Nếu ta dựa nơi sáu thứ xú xúc, phát khởi vô số ham muốn mong cầu tham ái, nên lại nương dựa nơi các sắc mà trụ. Dựa vào các sắc, nên khiến ta phát khởi vô số các tâm tư ác, bất thiện, như xú xúc của bò không da, là chỗ rúc rĩa của các loài trùng, sinh nhiều các khổ, trụ không an ổn.

Quán như vậy rồi, đối với xú xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm nên không nhiễm mà trụ.

Như dựa nơi sắc, thì dựa nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên biết cũng thế. Như đối với xú xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm, tai họa, không nhiễm mà trụ, thì cho đến đối với xú xúc thứ sáu, nên biết cũng thế. Nhân duyên của ý hợp tư thực là hữu lậu, nên có thể sinh khởi nội khổ do cầu không được đáp ứng. Vì vậy, các Bí-sô nên quán ý hợp tư thực hữu lậu như một phần lửa. Quán xét chỗ mong cầu không được đáp ứng như thế, có thể dẫn phát thân tâm bị nhiệt não lớn.

Các Bí-sô khởi quán xét đúng đắn như thế rồi, trọn không trông mong về các sự như y phục, thức ăn uống v.v... khi đi tới các nhà khác, do vậy không bị các khổ xúc phát sinh do cầu không được đáp ứng, tâm thân nhiên, an lạc mà trụ. Vì nhân duyên ấy, nên quán xét đúng đắn về ba thứ thực (ăn) như thế, đó là đoạn, xúc, ý hợp tư thực. Tức do nhân duyên của ba thứ thực như vậy, nội khổ dựa vào thức

sinh khởi như đã nêu. Thế nên các Bí-sô phải quán thức thực như ba trăm đầu nhọn của gươm bén đâm chém. Vì sao? Vì nhân duyên của đoạn thực có thể khiến, không phải một mà là vô số rất nhiều phẩm loại bệnh khổ dựa nơi thức mà khởi. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể khiến cho khổ do ham muốn mong cầu dựa nơi thức mà khởi càng tăng. Nhân duyên của ý hợp tư thực hữu lậu có thể khiến cho vô số khổ do cầu mong không được đáp ứng, dựa vào thức mà khởi. Như vậy, hành giả ở trong thức thực, quán đúng đắn các thực do thức làm chỗ dựa đã sinh nhiều lỗi lầm, tai họa. Do nhân duyên ấy, nên không luyến tiếc thân mạng, như lý như thế, nơi bốn thứ thực (ăn) quán xét đúng đắn, tường tận, nên đối với hiện pháp, có thể đoạn trừ vĩnh viễn các thực. Thực đã vĩnh viễn đoạn trừ, nên nơi vị lai đạt đến biên vực tận cùng của khổ nơi hữu sau.

Lại nữa, nếu không quán đúng như thật về bốn thứ thực (ăn) ấy, liền bị hỷ tham làm nhiễm ô. Nếu bị hai thứ ấy cấu nhiễm, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

(1) Nơi vị lai.

(2) Nơi hiện pháp.

Ở trong bốn thứ thực, nhân duyên của ý hợp tư thực hữu lậu, chuyên chú, hy vọng cùng hành nơi hỷ nhiễm gọi là hỷ. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, đối với các thực có thể tùy thuận hỷ lạc, sinh nhiều nhiễm chấp, gọi là tham.

Hai loại phiền não này, ở trong hiện pháp, có thể cấu nhiễm nơi thức, khiến chúng ở yên nơi bốn thức trụ, tăng trưởng chủng tử của hữu sau nơi vị lai. Đã tăng trưởng rồi thì dấy khởi các khổ như sinh v.v... của hữu sau. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não của hỷ tham đã tạo ra lỗi lầm tai họa nơi vị lai. Hành giả kia, như thế là ở trong bốn thứ thực (ăn) đã an trụ nơi hai thứ phiền não hỷ tham, nên đối với hiện pháp có các thứ trần nhiễm, do trần nhiễm nên các thứ thực nếu

biến hoại, thì ở trong hiện pháp liền sinh sầu lo buồn than, trụ trong khổ não, héo hắt. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não hỷ tham đã tạo các thứ lỗi lầm, tai họa nơi hiện pháp.

Lại nữa, các hữu tình ở trong bốn thứ thực ấy, nếu hỷ tham chưa đoạn, thì sáu xứ kia gồm thân thân có thức, cũng như đài, lầu, sáu xứ là các cửa sổ cửa lớn, có thể cùng duyên nơi cảnh phiền não là ánh sáng mặt trời, tạo nhập nơi xứ nương dựa. Ánh sáng ấy, ở đây hoặc trụ trên đất, hoặc trụ dưới đất. Đã được trụ rồi, như trước đã nói, nơi bốn thức trụ, có thể tạo nhiễm nơi thức, sinh khởi các khổ của hữu sau nơi vị lai. Nếu có hành giả có thể đoạn trừ hai thứ phiền não hỷ tham như thế, cùng với các thứ kia trái nhau, thì phiền não duyên nơi cảnh này còn không được khởi, huống hồ là dựa nơi nhập ấy mà sẽ được trụ.

Lại nữa, nếu có hữu tình, hỷ tham chưa đoạn, liền bị Ma la đi đến trụ xứ, dùng vô số cảnh giới khả ái, cũng như dùng màu sắc rực rỡ họa nhiều hình hữu tình kia, khiến chúng biến sinh vô số tướng mạo phiền não hiện rõ. Nên biết hữu tình như thế, vì hỷ tham chưa đoạn, ví như đất kia, có thể bị vô số phiền não là hình vẽ rực rỡ, làm chỗ nương dựa. Hữu tình đã đoạn hỷ tham, Ma đi tới trụ xứ của mình, như trước đã nói rộng, nên biết hữu tình như thế là hỷ tham đã đoạn dứt, cũng như hư không, không bị vô số phiền não là những hình vẽ rực rỡ làm chỗ nương dựa. Nên biết đó gọi là, ở trong các thứ thực (ăn) hỷ tham chưa đoạn, như thứ lớp ấy là lỗi lầm tai họa hiện có. Nên biết đó gọi là, ở trong các thực, hỷ tham đã đoạn, như thứ lớp ấy, là công đức hiện có.

HẾT - QUYỂN 94

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 95

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ BA:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 3:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Như lý thâu tập đế
Được tướng xử nghiệp chướng
Quá hắc cùng dị thực
Đại nghĩa sau khó đạt.*

Nếu đối với đế, trí tăng thượng như lý cùng không như lý, nhận biết không đúng như thật, thì không thể dứt hết lậu. Cùng với đây trái nhau, là nhận biết đúng như thật, có thể dứt hết các lậu.

Nên biết ở đây, nghe không phải chánh pháp, là không tịch tĩnh, là không điều phục, không phải là Niết-bàn, các trí phát khởi, gọi là không như lý. Lắng nghe chánh pháp, cùng với trên trái nhau, nên biết là như lý.

Lại, ở trong ấy, hữu tình trụ nơi pháp thuyết giảng ác, đối với Phật, đệ tử Phật, các trượng phu chân thiện của chánh pháp này, không vui thích chiêm ngưỡng. Đối với luật nghi, Thi la biệt giải thoát, giữ kín căn môn chánh tri mà trụ, các loại như thế, trong pháp

Hiền Thánh không tự điều phục, không thọ học chuyển. Đối với các Thánh đế, không văn, tư, tu, quán chiếu, thông tỏ. Lại, ở trong các pháp - luật thuyết giảng ác kia nghe pháp bất chánh, khởi thắng giải tà vạy. Đối với điều không như lý, không nhận biết đúng như thật là không như lý.

Lại, đối với việc lắng nghe chánh pháp như lý, không nhận biết đúng như thật đó là như lý, do không nhận biết. Đối với các thứ thuyết giảng ác, giải thích ác, có trói buộc không giải thoát hiện có, không nên tư duy, trong pháp điên đảo không thể hiểu rõ mà cố tư duy.

Đối với các thứ thuyết giảng thiện, giải thích thiện, có giải thoát, không trói buộc, đáng nên tư duy, là pháp không điên đảo, đó là Khế kinh cùng Ứng tụng v.v..., cho đến nói rộng, không thể hiểu rõ mà không tư duy. Như thế cũng gọi là tác ý phi lý.

Do tác ý ấy không phải là tịch tĩnh, không là điều phục, không là Niết-bàn, nên gọi là phi lý.

Lại nữa, lắng nghe pháp không chân chánh, nên dựa vào ba sự ngôn thuyết, với sức của duyên tăng thượng, hiện thị phẩm loại chấp ngã của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Tức do sức tăng thượng như thế, nên đối với cảnh của ba đời, khởi tác ý tư duy không như lý. Nghĩa là đối với quá khứ, phân biệt chấp ngã hoặc có hoặc không. Đối với hiện tại, vị lai, nên biết cũng thế. Hữu tình ấy đã không như chánh lý tác ý tư duy như thế, hoặc duyên nơi sự của đối tượng giữ lấy, hoặc duyên nơi sự của chủ thể giữ lấy, ở đây tác ý tư duy không như lý.

Hoặc tức nơi các hành phân biệt có ngã. Hoặc lia nơi các hành phân biệt có ngã. Kể ấy, lúc đối với chỗ chấp đạt được quyết định, hoặc duyên nơi sự của đối tượng nhận lấy, phân biệt là ngã. Hoặc thành thường kiến. Do kiến chấp ấy nên khởi tư duy: Ngã là

không. Ngã kia, ở trong hiện pháp là thật là thường. Hoặc duyên nơi sự của chủ thể nhận lấy, chấp có ngã kiến, phân biệt là ngã, khởi tư duy: Ta nay dùng ngã quán xét nơi ngã. Hoặc cho là ngã, ngã trước có nay không, khởi tư duy: Ta nay dùng ngã quán xét về không ngã. Hoặc lại tức duyên nơi sự của chủ thể nhận lấy, chấp không có ngã kiến, ở trong hiện pháp, dùng không có ngã kia phân biệt làm ngã, khởi tư duy: Ta nay dùng không có ngã kia, tùy quán về thời xưa từng có ngã. Như thế lại nói về đối tượng nhận lấy, chủ thể nhận lấy, với năm tướng sai biệt không như chánh lý, tác ý tư duy về năm thứ kiến xứ, tức là các hành hiện có của ba đời phân biệt có ngã.

Lại nữa, do nơi tác ý đối chiếu không như chánh lý, lia nơi các hành phân biệt có ngã, kẻ ấy cho chỗ chấp về thật ngã như thế, hoặc tự mình có thể tạo tác chiêu cảm nghiệp của hữu sau, gọi là chủ thể tạo tác. Hoặc kẻ khác khiến tạo tác, gọi là cùng tạo tác. Hoặc tự mình có thể khởi sử dụng của hiện pháp, gọi là chủ thể đầy khởi. Hoặc kẻ khác khiến phát khởi, gọi là cùng đầy khởi. Hoặc tự mình tạo nghiệp của hữu sau. Hoặc kẻ khác khiến tạo nghiệp của hữu sau, chiêu cảm dị thực của quả, gọi là chủ thể sinh. Hoặc tự mình có thể khởi hiện sử dụng. Hoặc kẻ khác cùng khởi hiện sử dụng, nên đạt được quả sử dụng, gọi là cùng sinh. Hoặc do tự mình thấy, hoặc do kẻ khác thấy, theo đầy khởi ngôn thuyết.

Như thế, hoặc do tự mình nghe, hiểu biết, hoặc do kẻ khác nghe hiểu biết, theo đầy khởi ngôn thuyết, gọi là chủ thể nêu thuyết. Hoặc đối với các thứ nơi gia thuộc hiện có như vợ con, nô tỳ v.v..., theo chỗ nên thiết lập, dạy bảo khiến trụ nơi xứ kia. Như thế cũng lại gọi là chủ thể nêu thuyết.

Hoặc lại nghiệp quả của vị lai đã sinh, gọi là chủ thể thọ nhận. Hoặc nơi hiện pháp, các quả sử dụng đã hiện cùng sinh, gọi là cùng thọ nhận.

Hoặc ở trong các đời quá khứ kia đã tạo ác vô số nghiệp thiện bất thiện, nay nơi hiện pháp nhận lãnh vô số dị thực của quả kia, gọi là lãnh nhận. Hoặc có kẻ, cho đến thọ lượng giảm hết nên liền yếu mạng, có thể bỏ uẩn này, có thể nối tiếp nơi uẩn khác. Nếu dị biệt với đây, đã không có ngã, làm sao có thể thành các sự tạo tác như trên đã nói. Đó gọi là kiến xứ thứ sáu thuộc về tác ý tư duy không như chánh lý. Các kiến như thế vừa nêu, đều do Tát-ca-da-kiến làm tự tánh, có thể sinh các thứ kia. Tát-ca-da-kiến dùng làm căn bản cho kiến thứ hiện có, nên gọi là kiến xứ (Xứ kiến chấp). Do có thể làm chương ngại khả năng nhận lấy tuệ vi diệu chân thật, nên gọi là kiến trừ lâm (Rừng rậm kiến chấp). Tôn hại pháp thiện nên gọi là kiến khoáng dã (Đồng hoang vắng kiến chấp). Khiến kẻ khác phải khổ nhọc, nên gọi là “kiến chán bỏ”. Tạo hành trình cầu dục, cầu hữu, nên gọi là “kiến hành lịch” (Hành trình của kiến chấp).

Cật vấn, trách cứ về tha luận, tự luận nhằm tránh thoát những dao động, gọi là “Kiến dao động”. Có thể khéo kết tạo khổ của hữu sau, nên gọi là kiến kết. Hành tập các thứ hành tà vạy như hế, nên ở trong hiện pháp, các lậu chưa hiện tiền khiến khởi hiện tiền. Các lậu đã hiện tiền rồi, khiến chúng dựa nơi phẩm hạ khởi lên phẩm trung. Khiến dựa nơi phẩm trung khởi lên phẩm thượng. Do đấy làm nhân sinh khởi tất cả pháp khổ như lão bệnh tử nơi vị lai.

Như vậy nên biết, do đối với như lý cùng không như lý, không nhận biết đúng như thật, nên tạo tác tạp nhiễm của khổ đế, tập đế. Cùng với đây trái nhau, là lắng nghe chánh pháp, khởi thẳng giải đúng đắn, ở nơi như lý, không vọng tưởng điên đảo là không như lý. Ở nơi như lý đều nhận biết rõ như thật đó là như lý, nói rộng cho đến, đối với pháp không điên đảo, nên tư duy, có thể chánh tư duy. Do nhân duyên này, nên đối với các hành của ba đời cùng với đối tượng được nhận lấy, chủ thể nhận lấy, đều tùy quán đúng như thật là không ngã, không ngã sở. Đối với Thánh đế, lúc nhập hiện quán, đối với các lậu hiện có do

kiến đạo đoạn trừ, đều được giải thoát. Đạt được sự ấy rồi, đối với các lậu trên do tu đạo đoạn trừ, vì khiến chúng được đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo, nên siêng năng tinh tấn tu tập bốn thứ nhân duyên. Đó là:

(1) Khéo phòng hộ thân.

(2) Khéo giữ gìn các căn.

(3) Khéo trụ nơi niệm.

(4) Như trước đã đạt được đạo xuất thế gian, đạt được tuệ diệu hiện ở nơi thế gian, nên càng tu tập nhiều.

Khéo phòng hộ thân: Là an trụ đúng đắn, tránh xa các thứ thú dữ, cho đến nói rộng như nơi Địa Thanh văn. Do lánh xa, nên đối với việc dứt hết các lậu không bị chướng ngại.

Khéo giữ gìn các căn: Là an trụ đúng đắn, đối với các cảnh giới khả ái hiện tiền, tương phi lý định, có thể xa lìa đúng, tư duy như lý, chúng là tướng bất tịnh.

Khéo trụ nơi niệm: Là trụ nơi bốn xứ:

(a) An trụ nơi xứ xét chọn, thọ dụng các thứ như y phục v.v...

(b) An trụ nơi xứ có thể trừ bỏ đúng các tâm tư xấu ác hiện hành của xứ tĩnh.

(c) An trụ nơi xứ có thể nhẫn thọ đúng đắn các thứ khổ sinh ra do: Giới không bình đẳng. Ngôn ngữ thô ác của kẻ khác. Một mỗi quá mức vì phát khởi siêng năng tinh tấn. Nhiễm lậu bất chánh.

(d) An trụ nơi xứ đối với nẻo tu đạo dựa nơi không phóng dật, không tạp trụ.

Do an trụ đúng đắn nơi bốn xứ như thế, gọi là khéo trụ nơi niệm.

Như trước đã đạt được đạo xuất thế gian, nên khéo tu tập: Tức đối với các lậu hiện có do tu đạo đoạn đều được giải thoát, cùng tùy thuận chúng đắc cứu cánh tột bậc.

Lại nữa, nếu có kẻ nói bốn Thánh đế ấy chỉ là cảnh giới, hoặc là có ngã, hoặc có hữu tình. Duyên nơi Thánh đế ấy, tu tập các pháp thiện, nên bảo với kẻ kia: Chớ nói như thế! Vì sao? Vì có vô lượng các pháp thiện thế gian xuất thế gian sinh khởi, tất cả đều quy về bốn Thánh đế gồm thâu. Nên biết các pháp lược có hai thứ:

- (1) Trí của chủ thể nhận biết.
- (2) Cảnh của đối tượng được nhận biết.

Vì trí của chủ thể nhận biết cũng là cảnh của đối tượng được nhận biết, thế nên các trí cùng hành pháp thiện, không gì là không gồm thâu trong bốn Thánh đế.

Hành giả kia lại tu tập “Tuần thân niệm”, nên pháp thiện hiện có nơi phẩm Chỉ phẩm Quán. Khởi đầu tu địa nghiệp, đã hành xong địa được sinh khởi chung.

Thế nào là tu tuần thân niệm? Nghĩa là như có hành giả an trụ, khởi đầu tu địa nghiệp, duyên dựa như lý các đại chủng sắc hoặc trong hoặc ngoài, làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại do kẻ khác lúc hiện hành tăng ngữ xúc có đối, duyên dựa như lý nơi xúc thọ tướng hành cùng với các thức, làm cảnh chánh niệm.

Hoặc như có hành giả an trụ, đã hành xong địa, duyên dựa như lý nơi các sắc được tạo, làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại duyên dựa như lý, tác ý cùng với thọ tướng hành thức đã sinh, làm cảnh chánh niệm. Như vậy, tất cả lược thâu tóm, gọi là tu tuần thân niệm. Nên biết niệm này, hoặc duyên nơi sắc thân, hoặc duyên nơi danh thân.

Thế nào là Quán? Thế nào là pháp thiện của phẩm Quán sinh khởi? Nghĩa là đối với các đại chủng sắc trong ngoài, cùng với các uẩn còn lại, tuệ quyết trạch đúng đắn, được gọi là Quán.

Hoặc có hành giả, từ nơi phần đầu tu tập không điên đảo tướng phân, tụ. Đối với đại chủng bên ngoài, do quán kiếp tận nên tu tướng

vô thường. Đối với đại chúng bên trong hợp thành thân, do quán chỉ là thức ăn dần dần bất tịnh, tu tưởng bất tịnh. Do quán từ ái đã sinh trưởng tánh, cùng tánh của pháp lão tử nơi hậu tế, tu tưởng vô thường cùng tưởng khổ.

Hoặc đối với thân này, hết thấy kẻ ngu đều không thể nhận biết rõ như thật, thể là vô thường, khổ, nên hoặc chấp là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Tức nơi thân này, các Thánh đệ tử gồm đủ đa văn đã nhận biết rõ đúng như thật, nên không có chấp trước, tức có thể tu tưởng khổ, vô ngã. Tưởng vô ngã này, do đối với thân kia chỉ có tướng giới. Có tướng này, hoặc lại do kẻ khác hiện hành tăng ngữ các xúc có đối, yêu thích, không yêu thích.

Nói không yêu thích: Tức là tiếp xúc bằng tay chân, gậy, đất, đá v.v... Hành giả kia, tức ở đây, cùng với các hành vô sắc như thọ v.v... hiện có làm duyên quán đúng là vô thường, lìa ái lìa giận, chỉ quán có giới, tâm duyên nơi thân này, an trụ đúng đắn. Như thế cũng gọi là xa lìa ngu si.

Như vậy, tưởng phân tích, tụ tập hiện có, đối với đại chúng bên ngoài tu tưởng vô thường, đối với đại chúng bên trong tu tưởng bất tịnh. Nếu là tưởng vô thường, thì tưởng vô thường, khổ, tưởng khổ, vô ngã. Đối với các pháp được sinh khởi như thọ v.v..., dựa nơi thân của đại chúng, tu tưởng vô thường, lìa tham sân si. Như vậy, vô lượng pháp thiện của phẩm Quán, khởi đầu tu địa nghiệp, do tu tập đúng đắn về tuần thân niệm, nên đều được sinh khởi.

Thế nào gọi là Chỉ? Thế nào là pháp thiện của phẩm Chỉ sinh khởi? Nghĩa là do tu tu tập tuần thân niệm, dùng Quán làm chỗ dựa, như lý tu tập Chỉ.

Lại nói: Chỉ, nghĩa là đối với bên trong, tâm an trụ đúng đắn pháp thiện của phẩm Chỉ: Nghĩa là đạt được lực xét chọn chân chánh

như thế. Duyên dựa, cắt đứt là dụ cho Sa-môn được chỉ dạy, trao truyền, tu tập nhân nhục đúng đắn đối với oán gian.

Lại, tức duyên nơi Chỉ kia tu tập từ thuận hợp. Đã do nhân, từ gồm thân thọ, nên giới luật được thanh tịnh. Quán giới thanh tịnh, nên khởi tư duy: “Ta nay đã ở nơi Thánh giáo của bậc Đại sư hành tác ít nhiều! Do nhân duyên ấy nên không hề có lo, hối. Không lo lắng, hối tiếc nên sinh hoan hỷ sâu xa, nói rộng cho đến đạt được Tam-ma-địa”. Hành giả kia, bấy giờ do tâm tĩnh định, cho đến đạt được tĩnh lự thứ tư. Tam-ma-địa này, do hành chấp giữ nên chưa có thể cùng vận chuyển không dụng công, chưa hoàn toàn thanh tịnh. Vì nhằm khiến cho định ấy được hoàn toàn thanh tịnh nên tu tập hành không phóng dật thuộc về bốn chi như trước đã nói, phát khởi siêng năng tinh tấn, không có khiếm nhược, cho đến nói rộng.

Hành giả ấy, vào thời gian sau, tĩnh lự thứ tư đã thanh tịnh, sáng tỏ, nếu lại vì sự tĩnh định này tham ái nơi vị của nó thì tâm trôi chuyển, không thể ở nơi định, xả bỏ đúng đắn mà trụ. Đối với Niết-bàn vắng lặng không quán tịch tĩnh, mới dựa vào Phật hoặc Pháp hoặc Tăng, sinh chán nản, xấu hổ sâu xa, khởi suy niệm: Ta dựa vào Phật bảo là Đức Như Lai Đại sư, dựa nơi Pháp bảo là pháp - luật thuyết giảng thiện, dựa vào Tăng bảo là sự tu tập hạnh thiện không điên đảo, là không chôn thủ đắc, không phải là có chỗ thủ đắc, nhưng đây là được ác, không phải là được thiện, đối với thân đã tham ái, chứa giữ mà trụ. Đối với Niết-bàn vắng lặng không quán tịch tĩnh. Hành giả này, do nội tâm khéo điều phục nên vừa sinh chán nản xấu hổ, liền có thể an trụ, dẫn đến nghĩa Sa-môn với hành xả vi diệu bình đẳng. Đối với Niết-bàn tịch diệt có thể quán nẻo tịch tĩnh, sinh khởi pháp thiện của phẩm Chỉ như thế, đó là nhân, từ, thi la thanh tịnh, không hối, hoan hỷ, nói rộng cho đến đạt được hành không phóng dật thuộc về bốn chi của Tam-ma-địa, dẫn đến nghĩa Sa-môn, bình đẳng, khéo xả, quán công đức tịch tĩnh của Niết-bàn vắng lặng.

Bây giờ, hành giả này, do hai nhân duyên, nên có nhiều hành tác:

(1) Do tuệ diệu, đối với giáo pháp của Đại sư, vì nhằm dứt hết các lậu nên có thể tu trị thanh tịnh tĩnh lự thứ tư.

(2) Đối với thân, tâm xả tăng thượng.

Ngang với đây, gọi là khởi đầu tu địa nghiệp, thành tựu đầy đủ, rất ráo. Từ đây về sau, đối với sự tu tập không sinh biết đủ, vì muốn hướng nhập địa đã làm xong, tu “Tuần thân niệm”, quán thân do sắc tạo như cỏ cây bùn đất, cùng các pháp phi sắc khác đã sinh khởi, dùng tuệ như thật thông tỏ về duyên khởi, có thể tùy thuận hướng nhập nơi để như thật.

Trí đã được nhập rồi, dựa nơi tu đạo trên, đối với cảnh giới của các căn nơi ba đời có thể dấy khởi chán bỏ, cho đến giải thoát, có thể nhận biết như thật là ta đã giải thoát. Như vậy gọi là địa đã làm xong, tu tuần thân niệm sinh khởi pháp thiện. Nghĩa là quán sắc thân như cỏ cây bùn đất, tưởng như là quán xét các pháp không sắc. Do tuệ diệu chân thật thông tỏ về duyên khởi, có thể tùy thuận hướng nhập bốn Thánh đế. Trí ở trong tu đạo có thể khởi chán bỏ, lìa dục, giải thoát, giải thoát trí kiến. Ngang với đây gọi là đối với giáo pháp của bậc Đại sư, dùng tuệ diệu, đối với sự việc nên làm, đều đã làm xong. Vì sao? Vì hết thấy tự nghĩa đều đã rất ráo.

Từ đây trở về sau, lại không còn chỗ tạo tác, không phải ở nơi việc đã làm rồi lại cần phân biệt. Nếu có trường hợp hành tác rồi, vào thời gian khác thoái mất, nên lại có sự tạo tác, thì hành tác này tuy thực hiện, nhưng không phải là hành tác cứu cánh, như các phàm phu, do đạo thế gian mà được giải thoát. Ở đây, nếu trước mới tu địa nghiệp, đạt pháp thiện hữu lậu, hoặc về sau nơi địa đã làm xong hiện có, đạt được pháp thiện vô lậu. Như vậy, tất cả đều theo chỗ ứng hợp nên biết đều nhập nơi bốn Thánh đế.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên nhận biết rõ đúng một trăm lẻ tám hành ái thuộc về tập đế. Bốn nhân duyên là:

- (1) Do nội ngoại có sai biệt.
- (2) Do chỗ dựa có sai biệt.
- (3) Do tự tánh có sai biệt.
- (4) Do thời phần có sai biệt.

Thế nào gọi là nội ngoại có sai biệt? Nghĩa là do sáu xứ nội ngoại làm chỗ dựa khởi các hành ái.

Thế nào gọi là chỗ dựa có sai biệt? Nghĩa là ái nương dựa nơi năm thứ ngã mạn. Những gì gọi là năm thứ ngã mạn? Tức đối với ngã kiến chưa đoạn trừ hoàn toàn, nên đã có ngã mạn hiện hành như thế. Đối với sáu xứ kia chấp ngã khởi mạn, cho đến chưa bị già suy tổn hại, các hành tương tự nối tiếp mà chuyển, khởi tư duy: Là ngã như trước.

Kẻ ấy nếu lại bị già suy tổn hại, hoặc vào một thời thành tựu sắc đẹp, hoặc vào một thời tạo thành sắc xấu. Hoặc vào một thời thành tựu đại lực, an lạc, biện tài. Hoặc vào một thời, cho đến không có biện tài. Kẻ kia, nếu lúc thành tựu sắc đẹp, đại lực, an lạc, biện tài, thì khởi tư duy: Ngã nay là đẹp đẽ. Nếu trái với đây thì khởi tư duy: Ngã không phải là đẹp đẽ. Nếu lúc bị già suy tổn hại thì khởi tư duy: Ngã hiện nay là biến dị.

Thế nào gọi là tự tánh có sai biệt? Nghĩa là năm thứ ngã mạn này làm chỗ dựa, phát khởi có ái cùng không có ái. Lại, có ái kia theo phẩm hạ trung thượng có sai biệt mà chuyển. Nơi không có ái, do xét chọn kỹ mới có thể khởi ái, không phải do ý lạc tự nhiên mà trụ. Thế nên trong đó không có ba phẩm sai biệt được kiến lập.

Nên biết ở đây, có ái thuộc phẩm hạ: Nghĩa là đối với vị lai nguyện ta sẽ có, tức nơi sáu xứ mong ta sẽ có, tức loại như thế,

nguyện ta sẽ có. Đối với loại đồng sinh có mong cầu, nên loại khác như thế, nguyện ta sẽ có. Nơi loại khác sinh có mong cầu, nên nếu tự thể trước là khả ái thì mong được tương ưng. Tạo nghiệp thiện, khởi tư duy: Nguyện ta sẽ có chủng loại như thế, như nay hiện có. Nếu tự thể trước là không khả ái, mong được cách lia chúng. Tạo nghiệp thiện, khởi tư duy: Nguyện ta sẽ có chủng loại như thế, khác với hôm nay hiện có.

Có ái thuộc phẩm trung: Nghĩa là đối với chỗ không có, không sinh mong muốn, vì nhằm đối trị, nên nguyện ta được có. Tức nơi sáu xứ nguyện ta được có, như trước đã nói. Tức nơi loại như thế, nguyện ta được có. Khác loại như thế, nguyện ta được có. Như vậy, tất cả nên biết đều gọi là có ái thuộc phẩm trung.

Có ái thuộc phẩm thượng: Nghĩa là tức hành tướng có sai biệt như thế, khởi niệm: Nguyện ta nhất định có. Suy cầu mãnh liệt bốn thứ tướng ái, nên biết gọi là có ái thuộc phẩm thượng.

Tự tánh của năm thứ ái này có sai biệt, do có chỗ dựa là nội xứ riêng biệt, nên nói mười tám thứ hành ái có sai biệt. Đối với ngoại xứ kia, nên biết cũng thế. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như ở trong sáu xứ nội kia, chấp ngã khởi mạn, như thế, đối với sắc chấp làm ngã sở để dấy khởi mạn. Tức là nơi sắc này, ngã tự tại chuyên, như vậy cho đến ở trong các pháp chấp làm ngã sở mà khởi mạn, tức là nơi pháp này, ngã tự tại chuyên, phần còn lại, theo chỗ ứng hợp như trước đã nói, nên biết. Như thế, mười tám cùng với hành ái nêu trước, hợp nói gồm có ba mươi sáu thứ hành ái sai biệt.

Thế nào gọi là thời phần có sai biệt? Nghĩa là tức ba mươi sáu hành như thế đều có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai có sai biệt.

Như vậy gọi là do bốn nhân duyên có sai biệt, nên hành ái hợp có một trăm lẻ tám thứ. Lại ở trong ấy, tướng không sai biệt. Phạm các thứ mong cầu nhiễm ô hiện có đều gọi là ái. Lại, tức ái này thuộc

về tập đế, nên gọi là nhân, tức làm thấm nhuần tánh. Thuận theo dòng chảy sinh mà chuyển, trôi, nên gọi là lưu nhậun. Tánh luôn chấp trước nơi các cảnh giới nên gọi là vương mắc nơi cảnh. Có thể cùng với các khổ hiện có như ung nhọt, bệnh tật v.v... làm nhân duyên sinh rồi, lại dựa nơi năm thủ uẩn, nên gọi là gốc ung nhọt. Khó chế ngự điều phục nên gọi là lưu dật (Chảy tràn). Hiện hành vi tế, là chỗ trói buộc của ma, nên gọi là đâm, bản. Trên đến cõi Hữu đảnh, nêu cao hiện bày, nên gọi là cảnh gốc. Khiến không no đủ, nên gọi là khô kiệt.

Lại, tức chỗ nói về tướng ái như thế là trói buộc chúng sinh, nên gọi là chướng ngại. Do tùy miên nên gọi là che phủ. Tức do triền cùng tùy miên như thế tạo thành phẩm thượng, nên gọi là cao hơn. Thành nơi phẩm trung phẩm hạ, gọi là phát khởi.

Nếu ái của cõi dục, đối với cảnh được nhận biết khiến mê lầm, gọi là tối tăm. Nếu ái của cõi sắc, đối với cảnh của đối tượng được nhận biết khiến cho mê lầm, gọi là mờ tối. Nếu ái của cõi vô sắc đối với cảnh được nhận biết, khiến cho mê lầm, gọi là lờ mờ.

Như có ba người: Người thứ nhất là mù tối. Người thứ hai bị che mắt kín. Người thứ ba mắt bị màng mỏng che. Ở đây, người thứ nhất là hoàn toàn không thấy gì. Người thứ hai, một phần ít tợ như có thấy. Người thứ ba tuy thấy, nhưng mắt không tịnh nên không thấy sắc thật.

Như vậy, ba ái tùy theo thứ lớp tối tăm, mờ tối, lờ mờ, nên biết cũng thế.

Lại nữa, do năm thứ tướng, người chuyên pháp luân, nên biết gọi là khéo chuyên pháp luân. Đó là:

(1) Đức Thế Tôn, thời gian còn làm Bồ-tát, vì đạt được cảnh giới của đối tượng duyên cần đạt được.

(2) Vì đạt được phương tiện cần đạt được.

(3) Chứng đắc điều tự mình nên chứng đắc.

(4) Đạt được sự nối tiếp của kẻ khác đã gieo trồng, khiến đối với pháp tự chứng sinh tin hiểu sâu xa.

(5) Khiến kẻ khác đối với pháp họ đã chứng đắc sinh tin hiểu sâu xa.

Nên biết ở đây, cảnh của đối tượng duyên tức là bốn Thánh đế. Bốn Thánh đế này, an lập về thể tướng như trước đã nói, nên biết, hoặc lược hoặc rộng như nơi Địa Thanh văn.

Đạt được phương tiện: Tức ở trong bốn Thánh đế ấy, trí ba lượt chánh thức chuyển mười hai tướng.

Chuyển lần đầu tiên: Nghĩa là thời trước, lúc Bồ-tát nhập hiện quán nhận biết rõ như thật là khổ Thánh đế, nói rộng cho đến là đạo Thánh đế. Trong ấy, Thánh trí của hiện lượng hiện có, có thể đoạn trừ các phiền não do kiến đạo đoạn, bấy giờ gọi là sinh mắt Thánh đế. Tức do dựa vào ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai có sai biệt, theo như thứ lớp ấy gọi là trí minh giác.

Chuyển lần thứ hai: Nghĩa là hàng hữu học, do tuệ diệu ấy, thông tỏ đúng như thật, ta nơi phần sau cũng có chỗ hành tác: Phải nên nhận biết khắp về khổ để chưa nhận biết. Phải nên đoạn trừ vĩnh viễn tập để chưa đoạn trừ. Phải nên tác chứng diệt để chưa tác chứng. Phải nên tu tập đạo để chưa tu tập. Như thế là cũng có bốn thứ hành tướng như trước, nên biết.

Chuyển lần như ba: Nghĩa là hàng vô học đã được tận trí, vô sinh trí, nói: Chỗ cần tạo tác, ta đều đã làm. Như thế cũng có bốn thứ hành tướng như trước, nên biết.

Ở đây có sai biệt: Tức bốn thứ hành tướng của hai lần chuyển trước, là mắt Thánh tuệ chân thật của hàng hữu học. Một lần chuyển thứ ba là mắt Thánh tuệ chân thật của hàng vô học.

Chứng đắc pháp cần đạt được: Là chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng.

Sự nối tiếp do kẻ khác gieo trồng khiến đối với pháp tự chứng đắc sinh hiểu: Tức như Trưởng lão A Nhã Kiều Trần, từ chỗ Đức Thế Tôn, nghe chánh pháp rồi, đầu tiên tỏ ngộ hiểu rõ về bốn pháp Thánh đế. Lại, trả lời: Con đã hiểu pháp. Từ đấy về sau, như trước đã nói. Hành tướng rất ráo, năm vị đều chứng đắc quả A-la-hán sinh xứ giải thoát.

Sau cùng, khiến kẻ khác đối với pháp họ đã chứng đắc sinh tin hiểu: Nghĩa là như Trưởng lão A Nhã Kiều Trần, khởi tâm thế gian: Con đã hiểu pháp. Đức Như Lai nhận biết rồi, khởi tâm thế gian: A Nhã Kiều Trần đã lãnh hội pháp của Ta!

Địa thần biết rồi liền cất tiếng truyền cáo, trải qua phút chốc, âm thanh kia lần lượt truyền đến cõi Phạm thế. Nên biết Đức Thế Tôn, chuyển pháp đã hiểu rõ, đặt trong thân của A Nhã Kiều Trần. Ở đây lại tùy chuyển, đặt trong thân khác. Ở đấy cũng lại tùy chuyển, đặt trong thân khác. Do nghĩa này lần lượt tùy chuyển như thế, nên gọi là luân. Các pháp như chánh kiến v.v... đã thành tánh, nên gọi là pháp luân. Đức Như Lai Ứng Cúng, là “Phạm tạng ngữ” đã chuyển, nên cũng gọi là phạm luân.

Lại nữa, đối với bốn Thánh đế chưa nhập hiện quán, có thể nhập hiện quán nên biết lược có bốn thứ Du già. Nghĩa là, vì nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nên tịnh tín tăng thượng. Phát sinh mong muốn sâu dày, mong muốn sâu dày tăng thượng, tinh tấn hiện rõ, tinh tấn hiện rõ có phương tiện thiện xảo.

Nói tịnh tín: Là tin, hiểu chân chánh.

Nói mong muốn: Là mong muốn đạt được.

Tinh tấn: Như trước đã nêu, lược có năm thứ: Có uy thế. Có siêng năng. Có dũng lực. Bền chắc, mạnh mẽ, không bỏ gánh nặng kia.

Phương tiện khéo léo: Là tu tập không phóng dật. Không quên mất tướng, gọi là niệm. Đối với các thứ lỗi lầm tai họa hiện có của phóng dật, trí phân biệt, nhận rõ về tướng, gọi là chánh tri. Gồm thân hai thứ ấy, gọi là không phóng dật, tức đối với các pháp nhiệm, luôn phòng hộ tâm, thường có thể tu tập các pháp thiện.

Lại nữa, khổ đế như các thứ bệnh tật. Tập đế như nhân dấy khởi bệnh. Diệt đế như bệnh sinh rồi mà được trừ khỏi. Đạo đế như bệnh trừ dứt rồi khiến về sau không sinh.

Các kẻ có bệnh, đến chỗ lương y, chỉ nên tìm cầu từng ấy chánh pháp. Các vị lương y, cũng chỉ nên trao cho từng ấy chánh pháp. Do đó, nên lại không có Thánh đế thứ năm. Chư Phật Như Lai là bậc lương y vô thượng, nhờ sạch mũi tên ái lớn, cũng chỉ tuyên thuyết từng ấy chánh pháp.

Lại nữa, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn dứt bỏ trí Thánh đế. Không thành tựu hiện quán, nên biết lược có mười tướng lỗi lầm tai họa. Nghĩa là, có các Sa-môn thắng nghĩa, ý không chấp nhận họ là Sa-môn. Ngôn từ cũng không được xem là Sa-môn v.v..., đối với các khổ như sinh v.v... của hữu sau, đều chưa giải thoát. Đối với các nẻo ác, cũng chưa giải thoát. Có thể xả bỏ học xứ chân chánh đã thọ nhận. Không thể gắng nhận, chúng đắc các pháp thù thắng xuất thế gian, vượt hơn người. Đó là đạo quả Niết-bàn của Thánh đạo. Hướng tới nẻo thiện. Có thể tìm kiếm các thứ phước điền khác bên ngoài, trừ hàng hữu học, vô học. Đối với quả Bất hoàn, vượt khỏi khổ khổ, tức đều không thể gắng sức thực hiện được. Ở trong hiện pháp, tỏ ngộ lý giải rất ráo, giải thoát hết thấy khổ hữu dư y, đều không thể làm được. Cùng với đầy trái nhau, nên biết tức là các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có không từ bỏ trí Thánh đế, thành tựu hiện quán, đạt mười tướng công đức.

Lại nữa, hướng tới đế trí, vui thích chánh giác, phải nên nhận biết rõ, dựa nơi sức của duyên tăng thượng thuộc bốn Thánh đế, đạt

được nơi chôn nương dựa, đạt được phương tiện. Nên biết xứ này, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, tịnh tín xuất gia, gọi là đạt được chôn nương dựa. Hoặc thọ nhận Bồ-đề Thanh văn, thuộc về bốn quả Sa-môn. Hoặc Bồ-đề hiện có của các bậc Độc giác. Hoặc Bồ-đề vô thượng của chư Như Lai. Ba thứ như thế, nên biết gọi là ba lượt chánh chuyển pháp luân như trước đã nói. Tùy theo thứ lớp, nơi trí kiến hiện quán, gọi là đạt được phương tiện. Nên biết, lúc nhập hiện quán để, nhận biết rõ như thật là khổ Thánh đế, cho đến nói rộng là đạo Thánh đế, gọi là trí vị. Từ đây về sau, ở trong các đế lại có chỗ tạo tác, phải nên nhận biết khắp, nói rộng cho đến phải nên tu tập.

Do quán này, nên gọi là kiến vị. Đối với địa vô học đã hiểu rõ đúng như thật: Ta đã nhận biết khắp. Ta đã vĩnh viễn đoạn trừ. Ta đã tác chứng. Ta đã tu tập, gọi là hiện quán vị.

Lại có sai biệt: Các bậc vô học đạt được tận trí, vô sinh trí, gồm thâm tất cả trí giải thoát tột cùng, gọi là trí vị. Tức trí giải thoát tột cùng của bậc vô học ấy đã dẫn đến chánh kiến, gọi là kiến vị. Từ qua Dự lưu, cho đến cứu cánh, nên biết tất cả tuệ học, gọi là hiện quán vị.

Lại nữa, nên biết đế trí lược có sáu thứ tác nghiệp và tướng. Nghĩa là đế trí này là chủ thể diệt trừ vĩnh viễn hành trước của các khổ. Như mặt trời sắp mọc, trước tiên hiện bày minh tướng.

Chánh thức dứt hết khổ: Là đầu tiên kiến đế, đoạn trừ các khổ.

Tạo biên vực khổ: Là A-la-hán đã đoạn dứt các khổ.

Lại, đế trí này là chủ thể đối trị vô minh tối tăm lớn, như ánh sáng mặt trời có thể phá trừ các bóng tối lớn hiện có của thế gian.

Lại như có một hành giả, đã chứng đế trí, đoạn trừ hoàn toàn ba kiết, từ đây thường xuyên do mất niệm, nên liền bị dục tham sân hận cấu nhiễm. Hành giả này, bấy giờ, dựa vào không phóng dật, nhập tĩnh lự thứ nhất, do xúc đế trí, chứng đắc quả Bất hoàn. Như vậy lần

lược, tuy nhập định phi tướng phi phi tướng, nhưng so với ngoại, phạm có khác biệt. Do đã chứng đắc pháp không thoái chuyển, nên đế trí như thế là có dụng rộng lớn, có quả rộng lớn. Ở đây, các hành quá khứ hiện có, gọi là đã sinh. Các hành hiện tại gọi là đang sinh. Các hành vị lai gọi là sẽ sinh. Tất cả như thế gọi chung là pháp tập. Tức tất cả hành ấy do vô thường diệt, hoặc có thứ đã diệt, hoặc có thứ vừa diệt, hoặc có thứ sẽ diệt, gọi chung là pháp diệt.

Lại, đối với đế trí đã chứng đắc, như lâu đá lớn đã khéo chạm trở, tô điểm, thì gió mạnh của tám phương không thể làm cho nghiêng động. Hết thầy dị luận đều không thể dời chuyển các thứ tỏ ngộ, lý giải hiện có, không nhờ vào duyên khác.

Lại, hết thầy trí của bốn Thánh đế, lần lược hợp thành, gọi là hiện quán đế, không phải tùy thiếu một loại. Hiện quán đế này, cũng như thức ăn ngon quý, các Thánh đệ tử, với tuệ mạng vô thượng đều dựa vào đấy để sống, như kẻ thợ đục ăn uống các thứ thức ăn ngon. Đế trí như khô, thiếu ba trí kia như lá Thiểm di, nên biết phần còn lại giống như cành lá Sa la. Bốn trí Thánh đế lần lược hợp thành tất cả viên mãn.

Lại, các đế trí, cùng với hỷ lạc đều biết rõ về nghĩa đích thực, nên có thể khiến cho thân tâm hết sức khinh an, gọi là hiện quán đế. Sinh trong Na-lạc-ca, lược có hai khổ:

- (1) Khô bị thiêu đốt.
- (2) Khô bị trừng phạt.

Do thiếu đế trí, nên phải nhận lấy hai khổ ấy. Hai khổ này sinh vô lượng khổ lớn dữ dội, do trí Thánh đế đều có thể vượt khỏi. Đế trí như thế, giả sử ở trong hiện pháp, nhân bị khổ lớn mãnh liệt thiêu đốt, trị phạt, một thân hoại diệt mà có thể đạt được, nên sinh hoan hỷ tốt cùng để nhẫn thọ, cho dù bị hủy hoại trăm thân, hãy còn nên hoan hỷ, hướng hồ chỉ là một thân.

Lại nữa, như có hành giả vì tu hiện quán Thánh đế, nên biết lược có bốn thứ chướng ngại. Đó là:

- (1) Không tin.
- (2) Thượng mạn.
- (3) Chờ thời.
- (4) Phóng dật.

Nói không tin lại có ba thứ:

- (a) Đối với hiện quán đế không sinh tin hiểu.
- (b) Đối với hành thiện của Tăng không sinh tin hiểu.
- (c) Đối với Bồ-đề của Phật không sinh tin hiểu.

Vì nhằm đoạn trừ loại không tin thứ nhất, Đức Thế Tôn đã tự dẫn hiện lượng được chứng đắc nơi hiện quán Thánh đế, bảo các đệ tử: “Ta đã đối với lý của bốn Thánh đế, đạt được hiện quán, chứng giác Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng”.

Vì nhằm đoạn trừ loại không tin thứ hai, nên Đức Thế Tôn lại nói: “Ta xưa kia cùng với các ông, trải qua nhiều đời mãi lưu chuyển, do chưa chánh tư duy, giác ngộ về chân đế. Ta nay, cùng với các ông, do chánh kiến thông tỏ, dùng chánh kiến làm nhân, dứt hết sinh tử lưu chuyển, nhân duyên kia hết, nên từ nay không có hữu sau, chỉ còn lại thân sau cùng, nhận giữ khiến không mất”.

Loại không tin thứ ba, đối với Bồ-đề của Phật, cùng chuyển như vậy. Nghĩa là, nếu chủng tánh của Sa-môn Kiều Đáp Ma là nhất thiết trí, vì sao có sự thừa hỏi, một loại có thể ghi nhận, một loại không ghi nhận? Vì nhằm đoạn trừ loại không tin như thế, nên Đức Thế Tôn lại nói: Pháp của Ta đã giác ngộ là vô lượng vô biên, ví như lá của các thứ cây cỏ nơi đại địa. Pháp vì người khác thuyết giảng, thì chỉ là phần ít, không nói hết, ví như nắm lá Thăng nhiếp ba hiện có trong tay. Phần nhiều có thể dẫn đến không nghĩa lợi. Phần ít có

thể dẫn đến có nghĩa lợi. Nên biết ở đây không phải là không nhận biết, mà là không ký biệt. Chỉ do có thể dẫn phát không nghĩa lợi, nên không ký biệt.

Nói thượng mạn: Nghĩa là ở trong hiện quán để kia, khởi tăng thượng mạn. Vì nhằm đoạn trừ thượng mạn như thế, nên Đức Thế Tôn lại nói: Như người tại nơi xa dùng tên bắn ra, đuôi của mỗi mỗi mũi tên nối tiếp nhau không rớt, là điều hết sức hy hữu. Hoặc lại một sợi lông tách ra làm trăm phần, đầu của mỗi mỗi sợi lông được tách ra ấy nối tiếp nhau không rơi xuống, do chúng rất nhỏ, sự việc ấy lại rất khó, nhưng thông tỏ về Thánh để lại càng khó hơn. Vì sao? Vì do tức dùng tác ý của chủ thể nhận lấy, trở lại tức thông tỏ về chủ thể nhận lấy tác ý. Như vậy mới có chủ thể duyên, đối tượng duyên bình đẳng, bình đẳng, khiến trí vô lậu sinh, thông tỏ để lý. Do đó, sự việc này là hết sức vi tế, hết sức khó khăn.

Nói chớ thời: Nghĩa là đối với việc làm, xét đợi thời sau. Vì nhằm đoạn trừ chướng ngại này, nên Đức Thế Tôn nói: Thân người không bị đọa lạc là rất khó đạt được. Lại dẫn trường hợp con rùa mù để so sánh với sự việc kia.

Thế nào là phóng dật? Nghĩa là, tóm lược mà nói, hoặc tư duy tà, hoặc tâm tư tà, hoặc hý luận tà, đó gọi là phóng dật. Nên biết, nếu đối với xứ xứ không nên tư duy mà gượng ép tư duy, gọi là tư duy tà. Tức là, hoặc tư duy ngã nơi đời quá khứ là từng có chăng, cho đến nói rộng. Nơi đời vị lai, đối với bên trong do dự. Ngã là cái gì, cái gì sẽ là ngã? Nay, hữu tình ấy từ đâu mà đến? Ở đây mất rồi sẽ đi đến nơi nào? Hoặc tư duy về thế gian, nghĩa là thế gian là thường, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy về dị thực nơi nghiệp quả của hữu tình, tức vọng tư duy đây tạo đây thọ nhận, cho đến nói rộng. Hoặc lại tư duy về các tinh lự, cảnh giới của tinh lự. Hoặc tư duy về chư Phật, cảnh giới của chư Phật, Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không, cho đến nói rộng. Hành giả kia do đối với thế tục, thắng nghĩa đều đạt

được thiện xảo, nên ở nơi tất cả do hai nhân duyên, nên không nên tư duy:

- (1) Không phải là cảnh nơi đối tượng duyên của tư duy.
- (2) Do sự việc ấy là không có thật.

Nếu có kẻ xét cầu sự việc không phải là cảnh tư duy, hoặc có kẻ xét cầu sự việc không có thật, hết thấy như thế đều không đạt được, chỉ có khiến cho tâm càng thêm mê loạn. Nếu ở trong ấy, không như chánh lý mà cưỡng ép tư duy, thì tuy có một loại, do sức của nhân đời trước, nên hoặc khởi chán lìa, hoặc khởi tác ý tương ưng với chán lìa, duyên với cảnh giới thật, ở nơi trung gian tạm thời hiện hành. Nhưng lại đối với chúng thấy rõ lỗi làm tai họa, sinh trưởng không thật. Tư duy về các pháp như thế gian v.v... như thế, chỉ có thể dẫn đến vô nghĩa.

Tâm tư tà: Nên biết tức là tâm tư dục v.v...

Hý luận tà: Lại có sáu thứ:

- (1) Hý luận điên đảo.
- (2) Hý luận đường quyên (không thật).
- (3) Hý luận cạnh tranh.
- (4) Hý luận đối với kẻ khác phân biệt hơn kém.
- (5) Hý luận phân biệt công xảo nuôi mạng.
- (6) Hý luận tham đắm về của cải, vật dụng nơi thế gian.

Như thế, tất cả được gọi chung là phóng dật.

Vì nhằm đoạn trừ phóng dật ấy, nên Đức Như Lai đích thân tự làm công việc dạy dỗ, vì các hữu tình có thể thọ nhận sự giáo hóa, nghe rồi có thể mau chóng đoạn trừ các phóng dật. Đệ tử của Đức Thế Tôn, vì đoạn trừ bốn thứ chướng ngại của hiện quán Thánh đế như thế, do ba hành tướng nên nhận giữ Thánh đế. Ba hành tướng là:

- (1) Do văn tuệ nhận giữ về văn.
- (2) Do tư tuệ nhận giữ về nghĩa.
- (3) Do tu tuệ nhận giữ về chứng đắc.

Ở đây, văn tuệ, như chỗ được nghe, có thể nhận giữ đúng đắn là khổ Thánh đế, cho đến nói rộng.

Lại do tư tuệ nhận giữ về nghĩa. Tức là các Thánh giả nhận biết đó là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết ở đây do hai duyên nên được gọi là đế:

(1) Pháp tánh: Do nghĩa chân thật, nên gọi là đế.

(2) Thắng giải: Do tức ở trong nghĩa chân thật ấy, khởi thắng giải về đế, được gọi là đế. Hết thấy kẻ ngu tối, chỉ do pháp tánh nên được gọi là đế, không phải là thắng giải. Nếu là các Thánh giả thì cùng do hai thứ nên được gọi là đế, nói riêng tên gọi này là Thánh đế.

Lại do tu tuệ, ở trong các đế, đạt được đế trí nội chứng hiện lượng, cũng được chứng tịnh. Do nhân duyên này, nên đối với các đế, thật sự xa lìa nghi hoặc, đế trí chứng tịnh lại cúng nương dựa, nếu ở nơi chốn có một tất có pháp thứ hai.

Lại nữa, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với trí Thánh đế chưa đạt tương ưng, nơi các Thánh đế chưa thành tựu hiện quán, nên biết lược có bốn thứ lỗi lầm. Đó là:

(1) Đối với trường hợp có thể đi đến phần thấp nơi nẻo ác, sinh trong bản hạnh, đã khởi ái lạc sâu xa, tạo tác, tăng trưởng nghiệp tương ưng với chúng. Do điên đảo ấy nên sinh nơi hầm sâu của nẻo ác.

(2) Đối với triền dục nơi hai nẻo trời, người có rất nhiều phiền não luôn thiêu đốt, sinh trong bản hạnh, đã đầy khởi ái lạc sâu xa, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng với chúng. Do nhân duyên này, nên đã sinh nơi nẻo kia rồi, nhiệt não lớn liền sinh, luôn bị chúng thiêu đốt.

(3) Đối với các triền của của cõi sắc, vô sắc cùng với những tương ưng hiện có, như trước đã nói về vô minh tam tối cùng các thứ màn che, sinh trong bản hạnh, nói rộng cho đến đọa nơi sinh tối tăm.

(4) Do thoái mất cảnh giới thọ dụng là đạo Niết-bàn, nên nơi trung gian, như sinh vào ba thứ thế giới, trung gian rơi tại ba thứ vọng kiến đen tối:

(a) Thường kiến.

(b) Đoạn kiến.

(c) Kiến chấp hiện pháp Niết-bàn.

Do nhân duyên ấy, nên rơi rớt nơi ba cõi, sinh vào chốn tối tăm. Thân nhận vọng kiến của chính mình như thế, nên bị vô minh tà vạy hắc ám che ngăn, nên không quán xét đúng như thật. Như trước đã nói về chỗ thân nhận năm chi để đoạn trừ. Vì thế, nên biết là đã hiển thị như thật về các đế.

Lại nữa, hoặc có một loại hữu tình, đối với các Thánh đế không đạt được thiện xảo, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thực hắc hắc rồi, nên có thể chiêu cảm ba nẻo ác. Do nghiệp ấy, nên ví như ném mạnh đầu gậy, hữu tình bị đọa trong địa ngục, bàng sinh, quỷ giới. Hoặc có một loại hữu tình tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thực hắc bạch, hắc bạch rồi, do nghiệp xen tạp ấy, ví như ném mạnh cây gậy, các hữu tình hoặc bị đọa vào xứ không thanh tịnh của nẻo ác, hoặc được sinh vào xứ ít thanh tịnh của nẻo thiện.

Lại có một loại hữu tình tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thực bạch bạch rồi, do nghiệp ấy, nên sinh tại nơi chốn là chỗ đeo đuổi của các nghiệp sinh tử thuộc năm nẻo, thọ mạng hết, nghiệp hết, tức trở lại từ nơi cõi sắc, vô sắc, ở đây mất rồi, thối đọa nơi chốn sinh tử của năm nẻo, như năm bầu xe với các nan hoa khiến bánh xe xoay vòng không dừng.

Nếu có người vì kẻ khác thuyết giảng về đạo thể gian, cho đến tuy có thể sinh lên cõi Hữu đảnh, nên biết đạo được nêu giảng ấy không phải là đệ nhất nghĩa, khiến đạt được giáo pháp vô thượng. Vì sao? Vì sự được sinh lên cõi trên như thế không phải là cứu cánh.

Nếu các Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp tương ưng với Thánh đế, nên biết giáo pháp ấy là đệ nhất nghĩa, khiến đạt đến giáo pháp vô thượng. Vì sao? Vì sự “thăng thượng” như thế là cứu cánh.

Lại, nếu do đạt được các trí thế tục, cho đến cõi Hữu đảnh, gọi là kẻ thông tuệ, không phải là thông tuệ của đệ nhất nghĩa. Nếu do để trí gọi là kẻ thông tuệ, thì đấy gọi là thông tuệ của đệ nhất nghĩa, như trước đã nói.

Lại nữa, ở trong bốn thứ trí Thánh đế, trí Thánh đế thứ nhất có thể nhập nơi Thánh đế, lần lượt hiện quán, ví như chân gốc. Trí Thánh đế thứ hai, ví như tường vách. Trí Thánh đế thứ ba như tầng cấp dưới. Trí Thánh đế thứ tư như đài báu ở trên.

Lại, bốn trí Thánh đế như vậy như bốn bậc thềm, có thể khiến đi lên cung điện đại trí tuệ.

Lại, tức bốn trí Thánh đế như thế, như bốn nấc thang, có thể khiến bước lên nẻo giải thoát tịch diệt.

Nên biết ở đây có ba thứ ái, ví như ba cây cọc, các Ma la ác luôn nắm giữ để quấy động biển lớn sinh tử, khiến cho các loài hữu tình thọ sinh ở đây theo đó mà xoay chuyển.

Ba thứ Ma la ái “cọc gỗ” như thế không thể khiến cho ba loại hữu tình kia theo đây xoay chuyển:

(1) Cứng nhọn, tức là Dục lưu.

(2) Xử trung, tức là hàng hữu học còn lại.

(3) Nghịch lưu: Đạo hạnh viên mãn. Theo chỗ mong muốn đều có thể tạo tác. Hữu tình đã kiến Thánh đế, đoạn trừ vĩnh viễn mạn hiện có đã tạo tác khổ, mạn đã hình thành khổ. Do nhân duyên ấy, nên các khổ đa phần đã đoạn trừ, chỉ còn phần ít, tức là các hàng hữu học và A-la-hán.

Như mạn đã tạo, đã hình thành các khổ, thì các ái nơi nghiệp thân ngũ ý, tham sân si v.v... sinh khởi các khổ, nên biết tất cả, phần nhiều đã đoạn trừ, chỉ còn phần ít, ví như đá sỏi cùng với núi Đại Tuyết.

Các mạn như thế là đã tạo tác đã hình thành các khổ hiện có, hoặc còn lại hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như nơi hồ ao lớn, nước đầy tràn, chỉ lấy vài ba giọt nước, thì nước nơi ao hồ lớn ấy hãy còn rất nhiều. Như vậy, ái của cõi vô sắc đã sinh khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như nơi hồ, vũng nước lớn, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, ái nơi cõi sắc đã sinh khởi khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế.

Lại như nơi biển cả, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, ái của cõi dục đã sinh khởi các khổ, hoặc còn lại hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Lại các dụ về núi Tuyết lớn, hoặc các Kim sơn, hoặc Tô mê lô cùng đại địa. Lại có sáu thứ dụ về sỏi đá, dụ về khối bùn đất, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, các thứ tham sân si của ba nghiệp thân ngũ ý đã sinh các khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như vậy, nhiều khổ đã xa lìa, ít khổ còn lại, nên biết hiện quán như thật về Thánh đế có nghĩa lợi lớn. Nghĩa là các hàng hữu học tối đa là bảy đời thọ khổ nơi nẻo người, trời, còn khổ nơi các nẻo ác đều đã vượt qua. Hoặc các bậc vô học chỉ còn có khổ của chỗ dựa thuộc hiện pháp, hết hẳn các khổ khác đều đã vượt qua.

Lại nữa, nếu trụ nơi thân này nhập hiện quán đế, nên biết là thân ấy hết sức khó đạt được.

Lại, hàng hữu học có mắt thánh minh kiến để lại càng rất khó đạt được.

Lại, tuệ diệu do văn tư tu tạo thành, cũng là khó đạt được. Do tuệ ấy, nên ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, theo như thứ lớp, đã hiểu rõ, hiểu rõ hơn, cùng do quyết định. Nên khi đã hiểu rõ, có thể phân biệt kỹ. Khi hiểu rõ hơn, có thể sinh khởi thắng giải. Vào lúc quyết định rõ thì ở nơi pháp nhập chứng.

Lại, hiện quán đế, với tư lương hiện có là pháp hữu lậu thiện, cũng là khó đạt được. Nghĩa là đối với cha mẹ, nhận biết về ân dưỡng cùng các nghiệp đạo thiện có thư thái viên mãn, cũng là khó đạt được. lại, có chánh kiến thứ nhất của thế gian v.v..., cho đến trí giải thoát là biên sau nơi mười thứ chánh pháp, cũng là khó được.

Các pháp như vậy tức là hàng hữu học, tức là bậc vô học. Nên biết ở đây, hữu tình, sĩ phu hiện có, khéo nhận biết về ân dưỡng, nhận biết rõ như thật về tất cả cha mẹ đều nên hiếu dưỡng. Nhận biết như thế rồi, đối với cha mẹ siêng tu hiếu dưỡng. Đó gọi là khéo nhận biết về ân dưỡng của cha mẹ.

Lại, các hữu tình, sĩ phu hiện có, vui thích nơi lợi ích của mình, đối với kẻ khác có đức như tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, đều nhận biết rõ như thật là phước điền, như chỗ ứng hợp, siêng tu cúng dường. Đó gọi là khéo nhận biết về Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có.

Lại, hữu tình, sĩ phu hiện có, không rơi vào tham dục, đối với tất cả hàng thân thuộc như vợ con, nô tỳ v.v... đều nhận biết rõ như thật là họ đã xem ta là nhà cửa, là nơi chốn quy về. Ta nếu có vui thì họ cũng vui theo. Ta nếu có khổ thì họ cũng khổ theo. Nhận biết như thế rồi, nên vào mọi thời gian, chính thức dùng các thức ăn uống, y phục v.v... cấp cho, lại do duyên bệnh nên thân nhận y dược. Đối với các thứ nghĩa lợi kia, tự nhiên gắng sức mạnh mẽ mà hành tác, không phải đối với tất cả, chỉ mong họ nhớ nghĩ. Bẩm tánh trung thực, bình

đăng, vui thích để phân bố, cũng không phung phí khiến hao tổn tài sản, vật báu. Không ở nơi phi xứ sinh khởi “giới luật”, cũng không ở nơi “phi xứ” đầy khởi phần nộ. Đối với các người già cả, cùng những nơi chốn tôn trọng, phải khéo tùy chuyển đúng đắn. Như vậy gọi là vị gia trưởng khéo cai quản gia đình, khéo có thể tạo tác nghĩa lợi của tự, tha.

Các nơi chốn thực hiện đều theo đúng chánh pháp, không dùng phi pháp. Ở trong hiện pháp, kẻ khác đã tạo hành ác, thấy rõ lỗi lầm, nghĩa là hoặc giết hại, hoặc trói buộc, hoặc trị phạt, hoặc trừ bỏ, hoặc bị chê trách, hủy báng. Xét chọn đúng đắn rồi, trọn không hiện hành. Như thế gọi là, đối với tội lỗi của đời này, cảm thấy sợ hãi sâu xa.

Lại quán xét đúng đắn, thấy rõ việc tạo ác hành ác rồi, đối với đời sau, chiêu cảm các khổ nơi nẻo ác, cùng chiêu cảm các khổ còn lại như thiếu thốn v.v... Xét chọn đúng đắn rồi, trọn không hiện hành. Như thế gọi là, đối với tội lỗi của đời khác, cảm thấy sợ hãi sâu xa.

Lại, trong mọi thời gian, có thể thọ học chính đáng, hành các nghiệp phước, tạo tác vô số hành phước sai biệt. Đó là thăm bệnh, kính thờ Tam bảo, hết lòng hành trì. Các sự việc như thế gọi là hành tạo phước. Trong một ngày đêm, cho đến trọn đời, nơi giới luật hiện, nên thọ học đúng đắn. Như thế gọi chung là tuệ thí, tạo phước, thọ trai, học giới.

Mười nghiệp đạo: Nghĩa là về sai biệt, cùng có hai, ba thứ v.v..., tuyên thuyết cho đến vì khiến do văn tuệ, tư tuệ, đối với tác ý hiện có tương ưng, nên tu tập nhiều, đúng đắn.

Lại, các hữu tình sinh nơi nẻo ác rồi, khó có thể giải thoát. Sinh nơi nẻo thiện rồi, mau chóng trái lia. Nên biết đó gọi là có thur thái viên mãn là rất khó đạt được.

Lại, kiến đế nên không có chánh kiến sai biệt sinh khởi. Đối với đời quá khứ gọi là đã sinh khởi. Đối với đời hiện tại gọi là đang sinh khởi. Đối với đời vị lai gọi là sẽ sinh khởi, như trước đã nói. Hoặc tập hoặc tu, hoặc tu tập nhiều, nghĩa ấy nên biết. Nếu là chánh kiến thế gian, nên tùy thuận phòng hộ. Nếu là chánh kiến hữu học, cùng quả đạt được do đoạn trừ, nên tùy thuận xúc chứng. Nếu là chánh kiến vô học cùng tự quả ly hệ, nên tùy thuận tác chứng.

Như nói về chánh kiến, thì nói về các pháp cho đến trí giải thoát nên biết cũng thế.

HẾT - QUYỂN 95

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỀN 96

PHÂN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ BA:

**Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi,
thực, đế, giới. Đoạn 4:**

Lại nữa, Tụng chung nêu:

*Nghĩa chung cùng ánh sáng
Thọ cùng ở sau rốt.*

Tụng riêng nêu:

*Nghĩa chung, tự loại riêng
Giống chuyển sau ba câu.*

Nên biết các giới (Uẩn xứ giới) lược có hai thứ:

- (1) Giới trụ nơi tự tánh.
- (2) Giới tập tăng trưởng.

Giới trụ nơi tự tánh: Nghĩa là mười tám giới, gắn liền với sự nối tiếp của chính nó, mỗi mỗi thứ đều quyết định có chủng tử sai biệt.

Giới tập tăng trưởng: Tức là các pháp hoặc là thiện hoặc là bất thiện, ở trong đời khác, trước đã luôn tập quen khiến chúng hiện hành. Hiện tại, các chủng tử mạnh mẽ, nương dựa, nối tiếp, do đây

làm nhân, vừa gặp duyên nhỏ liền có thể hiện khởi, nhất định không thể chuyển.

Lại nữa, nói tóm tắt, tuy chủng loại của giới có thể đạt được là mười tám, nhưng mỗi mỗi giới, nơi nghiệp, nẻo hữu tình với vô số phẩm loại có sai biệt, nên biết là vô lượng. Ví như “Tụ xoa” đại ác của thế gian, ở trong tụ ấy có nhiều phẩm loại. Chủng loại là một, tuy nói là một nhưng có vô lượng. Như vậy, ở trong mỗi mỗi giới đều có vô lượng phẩm loại sai biệt. Chủng loại là một, tuy đều nói là một nhưng thật sự là vô lượng.

Lại nữa, các giới như thế, do sức của thắng giải được tập thành. Nếu trước là thắng giải ác thì tập thành giới ác, trước là thắng giải thiện thì tập thành giới thiện. Theo chỗ được tập thành, trở lại cùng với hữu tình tương tự như thế, đồng pháp mà chuyển, nghĩa là cùng qua lại, đồng tụ tập, đồng trụ, đồng thấy, đồng ý, nơi thắng giải tương tự. Do đây nên nói các giới của hữu tình cùng được tưới nhuần tương tự mà chuyển.

Lại nữa, do sức tăng thượng của việc cầu phạm hạnh, nên trước nói phát khởi tín, tiếp theo, đối với giới luật thọ học mà chuyển. Thứ đến, đối với tội lỗi hiện có của hiện hành, quán tự quán tha mà sinh xấu hổ. Sau đây, đối với pháp thiện tu tập liên tục, phát khởi tinh tấn, đối với việc đã làm, đã nói từ lâu xa có thể không quên mất. Hai thứ ấy làm chỗ dựa khiến tâm được định. Do tâm định, nên được trí như thật. Như thế là vừa nói sức tăng thượng của tín. Lần lượt tu tập ba thứ học: Giới tăng thượng, Tâm tăng thượng, Tuệ tăng thượng.

Ba học như vậy là đạo tư lương thù thắng. Nghĩa là chánh kiến thế gian, hành tốt, tuệ xả, dễ nuôi lớn, dễ viên mãn, ít dục, biết đủ, cùng bốn nhiếp sự.

Về câu: Dễ nuôi lớn v.v... nghĩa có sai biệt, như nơi Địa Thanh văn đã nói về tướng. Như thế nên biết gọi là cầu phạm hạnh đã được

viên mãn. Thành tựu việc cầu phạm hạnh như thế, trở lại cùng với các loài hữu tình của giới ấy, đều được tươi nhuận, tương trợ mà chuyển. Nên biết ở đây, quả dựa nơi nhân, không phải nhân dựa nơi quả.

Giới vô minh đã tùy theo các giới của sáu xứ làm chỗ dựa của duyên có sai biệt, nên khởi vô số phẩm loại của vô minh xúc. Vô số phẩm loại của vô minh xúc ấy dùng làm duyên, nên dấy khởi vô số phẩm loại của các thọ do vô minh xúc sinh ra. Vô số phẩm loại của các thọ do vô minh xúc sinh ra ấy dùng làm duyên, nên khởi các thọ do vô minh xúc sinh ra làm duyên cho tham ái. Ái làm duyên mà có thủ, nói rộng cho đến khối khổ lớn được tích tập. Nên biết đó gọi là dựa nơi cầu hữu nên kiến lập các giới.

Lại, giới vô minh đã tùy theo các giới của sáu xứ làm duyên, khởi xúc vô minh. Xúc vô minh này dùng làm duyên, đối với các cảnh giới khởi các tướng không như lý, chấp giữ tướng tốt hiện có. Tướng này làm duyên, đổi nơi các cảnh giới phát khởi mong muốn. Mong muốn này làm duyên, dấy khởi tâm tư tùy nhiên theo pháp kia. Do tâm tư ấy làm duyên nên phát khởi luyến mộ, sầu lo, tạo nhiệt não cho thân tâm. Thân tâm nhiệt não này làm duyên, nên đối với vô số phẩm loại của các cảnh giới suy cầu có sai biệt, đều có thể nhận biết rõ. Như thế nên biết là dựa vào cầu dục, đã an lập các giới.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Ba bảy giới cùng thân
Kiến tướng cùng kỳ lạ
An lập tánh sai biệt
Tịch tĩnh, kẻ ngu sau.*

Giới (Uẩn xứ giới) có ba thứ:

- (1) Giới sắc.
- (2) Giới vô sắc.
- (3) Giới diệt.

Lại có bảy giới:

- (1) Giới sáng tỏ.
- (2) Giới thanh tịnh.
- (3) Giới không xú.
- (4) Giới thức xú.
- (5) Giới vô sở hữu xú.
- (6) Giới phi tướng phi phi tướng xú.
- (7) Giới diệt.

Nên biết ở đây, do giới sắc gồm sáu giới sáng tỏ và giới thanh tịnh. Do giới vô sắc gồm sáu bốn xú vô sắc. Do giới diệt trở lại gồm sáu giới diệt.

Lại, các sắc tham do kiến do thọ nên được hiển phát, hiện hữu khắp ở trong tất cả địa của giới sắc, an lập giới sáng tỏ và giới thanh tịnh.

Lại, hành biến tri đối với bảy giới như thế, phải nên nhận biết rõ. Tức đối với chỗ đạt được phải nên nhận biết rõ. Nơi đối tượng hành tác đã đạt được, phải nên nhận biết rõ. Như vậy, hành biến tri hiện có của các giới do bốn nhân duyên phải nên nhận biết rõ:

- (1) Đối tượng được đối trị, chủ thể đối trị có trái nhau nhưng cùng đối đãi.
- (2) Nhỏ hẹp, vô lượng cùng đối đãi.
- (3) Có, không có cùng đối đãi.
- (4) Hữu thượng, vô thượng cùng đối đãi.

Đen tối làm duyên để thiết lập ánh sáng. Bất tịnh làm duyên để thiết lập thanh tịnh. Nẻo sắc làm duyên để thiết lập hư không. Như thế gọi là có trái nhau. Đối đãi nơi đối tượng được đối trị kia để thiết lập chủ thể đối trị. Do đối đãi nơi pháp kia, nên có thể ở trong đó

giác tuệ chính thức chuyển biến. Do duyên nơi cảnh có lượng nhỏ hẹp, thức dùng làm duyên, nên thiết lập xứ thức vô biên. Do phần ít sở hữu dùng làm duyên, nên thiết lập xứ vô sở hữu. Do tất cả hữu tối thắng hiện tiền dùng làm duyên, nên thiết lập xứ phi tướng phi phi tướng, là hữu vô thượng. Do Tát-ca-da hiện có tương ưng với các phiền não được đoạn trừ dùng làm duyên, nên thiết lập giới diệt, là diệt vô thượng. Nên biết cõi Hữu đảnh là hữu vô thượng. Diệt đối với các pháp đều là vô thượng.

Lại, định hữu tướng gọi là hữu hành. Ở trong giới theo thứ lớp, cho đến xứ vô sở hữu, tất cả đều là định hữu tướng, đều do hành định tùy thuận đạt được. Nghĩa là giữ lấy tướng minh nơi tướng quang minh, cùng tu Tam-ma-địa, tùy thuận đạt được định tướng quang minh.

Như vậy, do giữ lấy thanh tịnh, hư không, tướng thức vô biên, tướng vô sở hữu, nên biết cũng thế.

Xứ Phi tướng phi phi tướng, do tác ý vô tướng làm phương tiện, hướng nhập tướng hết sức vi tế, nên thủ là bậc nhất. Các hữu tịch tĩnh lúc khởi thắng giải, tùy thuận đạt được định hữu bậc nhất. Nơi tất cả tướng không tư duy, nên đối với giới vô tướng đã tư duy đúng đắn. Tát-ca-da diệt do vô tướng, nên tùy thuận đạt được định diệt nơi giới diệt. Hai thứ như thế, không do hành định tùy thuận đạt được. Lại do hoàn toàn diệt trừ tham hiện có nơi giới sắc, vô sắc, nên không cúi thấp, không ngẩng cao, giải thoát trụ, trụ nơi giải thoát. Các định như thế, được tùy theo chỗ mong muốn, có sức điều thuận, tự tại mà chuyển. Như vậy gọi là tùy được các giới.

Lại, các giới này, có thể tùy thuận đạt được tám định giải thoát. Nên biết giới thứ nhất có thể tùy thuận đạt được hai định giải thoát thứ nhất, thứ hai. Giới thứ hai có thể tùy thuận đạt được giải thoát thứ ba nơi định tĩnh lự thù thắng. Năm giới còn lại, theo như thứ lớp, có thể tùy thuận đạt được năm định giải thoát.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, nhằm khiến cho đệ tử, ở trong ba xứ đạt được thắng tiến, nên lược nói pháp yếu. Nghĩa là có một loại, nơi cõi dục thấp kém, vì khiến đạt được diệu lạc trong nẻo người, cho đến sinh nơi cõi trời Tha Hóa Tự Tại, nêu rõ các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Lại có một loại, ở nơi cõi sắc trung bình, vì khiến đạt được sinh trong chúng đồng phận của cõi Phạm thế, nêu bày các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Lại có một loại, nơi cõi vô sắc vi diệu, vì khiến đạt được, cho đến sinh nơi chúng đồng phận của xứ phi tướng phi phi tướng, nên nêu bày các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Như vậy, các nhóm ngoại đạo kia nói giới thấp kém làm duyên, gọi là lời thấp kém. Giới trung bình làm duyên, gọi là lời trung bình. Giới vi diệu làm duyên, gọi là lời vi diệu.

Các đệ tử kia, nghe pháp ấy rồi, trở lại dấy khởi tướng lãnh hội sai biệt như thế. Tướng lãnh hội như vậy cũng gọi là tướng thấp kém, tướng trung bình, tướng vi diệu. Tướng như như ấy, như thế, như thế phát sinh nhân lạc. Nhân lạc như vậy phát sinh kiến thấp kém, kiến trung bình, kiến vi diệu.

Chúng do các kiến nhân lạc như thế, nên đối với các xứ sinh sai biệt kia, tin hiểu chấp nhận, chấp là tối thắng, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng ấy. Tin hiểu như thế gọi là nguyện thấp kém, nguyện trung bình, nguyện vi diệu. Nên biết hành giả của ba thuyết này cũng gọi là hữu tình của phẩm thấp kém, trung bình, vi diệu.

Lại, người nói, người hành kia, cũng vì kẻ khác tuyên thuyết các pháp thấp kém, trung bình, vi diệu, họ cũng đạt được loại sinh như thế. Lại tức sinh ấy, trước sau cùng đối đãi có sai biệt, nên an lập các giới kém, vừa, diệu khác biệt. Ba thứ như vậy, nếu đối với Niết-bàn, tất cả đều thuộc về giới thấp kém.

Nếu các Đức Như Lai, do thắng nghĩa, nên giới vi diệu làm duyên, chỉ nói lời diệu. Pháp còn lại có sai biệt, như chỗ ứng hợp nên biết. Hoặc các Thánh giả, hành, nẻo hiện có, nên biết đều là Niết-bàn của hiện pháp.

Trước có ngoại đạo, sau khi mạng chung, sinh đến cõi này, nhân tăng trưởng, duyên hòa hợp, nên ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, liền được xuất gia. Kẻ ấy, do đời trước bị vọng kiến của ngoại đạo làm mê loạn, nên hợp thành vô minh giới lớn lao nơi hiện tại. Do đây làm nhân, nên đối với Niết-bàn, cùng bậc Đại sư đã sinh nghi hoặc, thoái chuyển mất chánh pháp và giới luật, trở lại quay về với pháp thuyết ác của ngoại đạo. Kẻ ấy, do sức của nhân thường hành tập từ đời trước, nên trở lại nêu bày lời thấp kém như thế, cho đến nói rộng như trước đã nêu, tất cả nên biết.

Lại nữa, ở trong xứ ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo đều có kiến thú riêng, được thiết lập rộng, lược có ba loại, do chỗ dựa là nhãn kiến sai biệt, nên có thể đạt được.

Nương nơi chánh pháp này, có thể khiến lìa bỏ vĩnh viễn triền và tùy miên. Do triền đã bỏ, nên tùy miên cũng theo đây mà bỏ, phần còn lại cũng không chấp. Nhận biết rõ do chúng, nên ở trong hiện pháp, cùng với kẻ khác tranh, chống, giận dữ mà trụ, có thể dẫn đến cho tự tha, tất cả vô nghĩa. Đã nhận biết như vậy rồi, nên dứt bỏ tùy miên kia. Do bỏ tùy miên ấy, nên các tùy miên còn lại cùng nhân khác nơi các triền hiện có ấy hoàn toàn không chấp giữ. Ở nơi xứ ngoại đạo, đều có kiến thú riêng, được thiết lập rộng: Nghĩa là chấp thế gian hoặc thường, vô thường, nói rộng cho đến Đức Như Lai sau khi diệt độ là không phải có không phải không. Trong đó, một loại đệ tử của ngoại đạo, vì tánh trì độn, như như tự sư, hoặc kẻ khác chỉ dạy, dẫn dắt, như vậy như vậy, không xét lường kỹ, chấp giữ chặt, cho chi để ấy là thật, ngoài ra đều là ngu, vọng. Loại đó, đối với tất cả đều có “kiến thú” riêng, thấy đều nhãn thọ. Đó gọi là do chỗ dựa là nhãn kiến thứ nhất.

Lại có một loại đệ tử của ngoại đạo, tánh là trung căn không phải tri độn, không thể tự nhiên đối với pháp mạnh mẽ suy tâm, quán xét. Cũng không tùy theo ngôn thuyết, liền sinh tin hiểu, nhưng lần lượt ở nơi kiến thú trái nhau, theo đây vui thích một loại. Những kẻ kia đối với một loại kiến thú nhẫn thọ, không nhẫn thọ đối với một loại khác. Đó gọi là do chỗ dựa là nhẫn thọ thứ hai.

Lại có một loại đệ tử của ngoại đạo, tánh là lợi căn, có thể tự nhiên đối với pháp, mạnh mẽ suy tâm, quán xét. Do các kiến thú thiết lập xấu ác, nên họ thấy tất cả đều không hợp lý. Thấy như vậy nên hết thấy đều chẳng vui thích. Vì nhân duyên này nên đối với các kiến thú đều không nhẫn thọ. Đây lại có hai loại hữu tình:

(1) Hành tà kiến: Tánh không thể gắng sức, ý không cầu lãnh hội.

(2) Hành chánh kiến: Tánh có thể gắng sức, ý có cầu hiểu biết.

Ở đây, hết thấy loại thứ nhất là hữu tình không nhẫn. Tức do tỷ lượng phi lý như thế, nên ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, họ không xét lường kỹ, cho là phi lý, hủy báng Thánh Hiền, khởi kiến chấp cho là không có.

Lại, đối với tất cả đều có kiến thú riêng, đều không nhẫn thọ, tạo phương tiện khiến họ không có chỗ nương dựa, cũng khiến hoại diệt, không còn vâng theo tông chỉ mà lại vọng phân biệt, suy lường. Hiện thị không chón dựa cậy, dẫn đến “kiến thú”, luôn cùng với tất cả đều có kiến chấp riêng, cùng tranh, chống, hổ tương nào hại. Đó gọi là do nhẫn kiến làm chỗ dựa thứ ba.

Ở đây, tất cả loại thứ hai là hữu tình không nhẫn, đối với hết thấy phần trước không nhẫn, thấy cũng không vui thích, tâm trụ cầu hiểu biết, đi đến trụ xứ khác, tức là Phật, đệ tử Phật trong pháp - luật thuyết giảng thiện, đã hiển bày như thật rồi nói: “Tôi, tất cả đều không nhẫn thọ!”. Phật, đệ tử của Phật nhận biết rõ kẻ ấy, ý có cầu hiểu biết, giác tuệ mãnh liệt, tánh gồm đủ khả năng nhận giữ, tức lo

tâm ấy, nhớ nghĩ về tâm của kẻ kia rồi, bèn dựa vào hữu tình trước, lại cất vấn: Ông tức đối với các thứ ấy đều không nhẫn, kiến cũng không nhẫn chăng? Kẻ kia liền vâng dạ rồi đáp đúng như thật. Đức Như Lai bèn nêu rõ về các chúng đệ tử trong chánh pháp này, rồi khen ngợi, khích lệ kẻ kia và bảo: Ông cùng với nhiều người là giống nhau. Chúng ta, tất cả đối với các kiến thứ cùng không nhẫn kiến, đều không nhẫn thọ. Ông nếu được như vậy, như người này, các triền cùng với tùy miên, tất cả chỗ dựa của kiến đều vĩnh viễn đoạn trừ. Nơi đời vị lai, các kiến tạp nhiễm đều không thể gây tạo. Ông nay cùng với họ là hoàn toàn không khác nhau. Ông là một trong số rất ít kẻ đã đến với chánh pháp. Nếu đối với tất cả triền cùng tùy miên đều không nhẫn kiến, có thể đoạn trừ vĩnh viễn, thì kẻ kia đối với tất cả, rốt ráo không nhiễm.

Như vậy, Đức Như Lai, đệ tử của Đức Như Lai đã tạo phương tiện, khiến đệ tử của ngoại đạo kia, đối với trí kiến chân chánh phát sinh mong muốn, riêng khởi suy niệm: “Ta hoàn toàn không biết đệ tử của Đức Như Lai có thể đoạn trừ triền và tùy miên như thế”.

Đức Như Lai nhận biết kẻ ấy, đối với trí kiến chân chánh, sinh khởi mong muốn rồi, liền lại khuyến khích kẻ ấy phát khởi tâm mong muốn, kẻ kia vâng lời thọ nhận. Đức Như Lai vì muốn khiến kẻ kia nương dựa nơi hai lực đối trị xét chọn, tu tập, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả triền và tùy miên, nên nêu giảng pháp yếu, khiến kẻ ấy đạt được trí kiến không điên đảo. Như các vị khác đã an trụ nơi chánh pháp này, có thể dứt bỏ hết thảy triền cùng tùy miên. Đó là xét chọn chỗ dựa của các kiến kia, có thể khiến lần lượt hỗ tương trừ bỏ. Do nhân duyên này, nên mọi thứ tranh, chống, nã hại, có thể dẫn đến hết thảy vô nghĩa cho mình, người, các Thánh đệ tử đối với chúng đều không chấp giữ. Giả như có kẻ đến thưa hỏi, cũng không ký biệt.

Quán xét các thứ lỗi lầm tai họa như thế rồi, dựa nơi diệu lực xét chọn, lia bỏ các triền. Vì nhân duyên ấy, nên đối với chỗ dựa của

kiến chấp kia, có thể trừ bỏ hoàn toàn. Đối với chỗ dựa của kiến chấp còn lại, do chánh kiến nên cũng khiến chúng không còn hiện hữu.

Như vậy, vì nhằm dứt trừ rốt ráo các triền, nhờ sạch các tùy miên, nên tu tập tuần thân niệm. Đối với thân có sắc, quán tánh vô thường. Đối với thân nhiễm chấp, tu làm tịnh nơi tâm. Đối với phần vị của các thọ luôn thuận theo tự thân, do môn vô thường, quán tánh vô thường, nhận biết rõ như thật về các danh sắc, nên đối với các lậu, tâm được giải thoát. Quán thân hoại rồi, các thọ của vị lai thấy đều đoạn dứt.

Lại, đối với thân này trụ nơi tướng sẽ bị hoại, cho đến thọ mạng hiện tại luôn có thể nhận lãnh các thọ đã lia trôi buộc. Như vậy gọi là dựa nơi sức tu tập, lia bỏ tùy miên. Nên biết ở đây, do tham sân si v.v... nên khiến cho các khổ nơi đời vị lai như sinh v.v... hòa hợp, trôi buộc. Cũng khiến cho hiện pháp khởi nghiệp tạp nhiễm. Cũng khiến vui cầu các sự nhiễm của vị lai, chấp giữ các sự việc đã xả bỏ của quá khứ, tham đắm các sự việc đang hiện tiền của hiện tại. Ý tham bướng, gọi là trái. Lờn tranh biện gọi là tranh. Do ba thứ tổn hại gọi là hại. Về quán vô thường v.v..., như nơi Địa Thanh văn đã nói rõ các tướng.

Lại nữa, tu quán bất tịnh, từ bi, nhằm đối trị dục tham, giận, hại, chưa đoạn trừ hoàn toàn. Các phẩm thô trọng kia, trong chỗ nương dựa, cũng như chúng tử có thể sinh ra chúng. Như chỗ ứng hợp được gọi là giới dục tham và sân, hại, do có các thứ ấy.

Lúc thuận nơi cảnh của dục, sân, hại hiện tiền, dựa nơi tác ý tư duy không như lý, đối với ba thứ cảnh, có thể chấp giữ phi lý nơi tướng tướng tốt sinh. Tướng này sinh rồi, do chấp chặt, nên biết là phát khởi hai thứ lỗi lầm tai họa:

- (1) Nơi hiện pháp.
- (2) Nơi hậu pháp.

Ở đây, thế nào là chấp chặt? Thế nào gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp? Thế nào gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp? Nếu do sức tăng thượng của tướng tự mình sinh, tương tự như trước đã nói về vui muốn phân biệt, nhiệt não hiện có vì tìm cầu sinh khởi. Do nhân duyên ấy, gọi là tướng chấp chặt.

Lại, lúc tìm cầu, đối với các hữu tình nơi ba xứ kia, phát khởi hành tà vạy. Do đấy làm nhân, hoặc có thể gắng nhận, nên có thể sinh khởi các thứ sâu khổ hiện có của hiện pháp, do nhân duyên này nên gọi là có khổ. Hoặc không thể gắng nhận, nhưng tức do chúng đã hiện tiền, nên gọi là có thiếu thốn.

Lại, có khổ cùng có thiếu thốn này, dùng hai thứ làm duyên:

(1) Dùng kẻ khác, tay cầm đao gậy đất đá, cùng lời nói thô ác v.v... làm duyên tăng thượng. Do duyên ấy, nên gọi là có tai họa não hại.

(2) Dùng tạp nhiễm bên trong mà trụ, làm duyên tăng thượng. Do duyên ấy, nên gọi là có thiêu đốt não hại.

Như thế gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

Tức do nhân ấy, nên nơi đời vị lai sinh vào các nẻo ác. Như thế gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

Lại, hoặc đối với các học xứ đã thọ, có chấp giữ kiên cố, nên biết đối với kẻ thọ học xứ kia như ngôi nhà cỏ lau khô, trong đó đối tượng được nương dựa, chủ thể nương dựa hiện có như loài sâu bọ. Pháp thiện do tướng tà vạy là lửa ném vào trong ấy, có thể thiêu đốt rụi. Nên biết, tức hữu tình này hiện có như loài trùng, hết thấy pháp thiện đều bị thiêu hại. Cùng với đấy trái nhau, là không có chấp chặt. Nên biết, chấp như thế là làm thoái mất công đức nơi pháp thiện. Cùng với đấy trái nhau, theo chỗ ứng hợp, nên biết là tướng xuất ly không sân, không hại có sai biệt.

Lại, ở trong đó, tuệ văn, tư, tu có thể khiến cho phẩm hắc không chấp kiên cố, có thể khiến cho phẩm bạch có chấp kiên cố. Nếu ba thứ tuệ diệu ấy có thiếu, có thể khiến cho phẩm hắc có chấp kiên cố, có thể khiến cho phẩm bạch không chấp kiên cố.

Lại nữa, Đức Như Lai có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu:

(1) Hiện thị tất cả các pháp đều không có ngã.

(2) Hiện thị tất cả hữu tình, tự tạo tha tạo đều không hoại mất.

Ở đây lược có hai thứ hữu tình:

(1) Phẩm tại gia.

(2) Phẩm xuất gia.

Hữu tình tại gia, vì cầu đạt của cải, vật báu, nên đầu tiên là đẩy khởi gia hạnh, gọi là giới (Cảnh giới) phát khởi. Tức ở trong đó, hoặc chưa đạt được, do thuận theo tinh tấn nên nhân duyên chướng ngại khiến các tâm thêm dừng mãi, tức hướng tới chúng, gọi là giới uy lực. Hoặc đã đạt được, do thuận theo tinh tấn, nên các chướng ngại, gồm các thứ tai hại hiện có như ruồi, muỗi v.v... đều không thể khiến chuyển, gọi là giới nhận giữ. Tức các giới này, từ nơi chốn của mình đến nơi chốn khác, từ chỗ chưa từ bỏ đến chỗ đã từ bỏ, gọi là giới xuất ly. Tức hữu tình kia, vì của cải, vật báu, nên cùng kết hợp nơi hai xứ. Do khởi gia hạnh cần trọng không gián đoạn, gia hạnh không trì hoãn, gọi là giới dừng mãi.

Hữu tình xuất gia, trước là vui thích xuất gia, cầu xuất gia, sinh mong muốn quyết định, gọi là giới phát khởi. Dựa nơi phẩm xuất gia, đối với chỗ nên đạt được là pháp thiện rộng lớn không có khiếm nhược, gọi là giới uy lực. Vô số các lậu trần đầy sinh khởi các khổ, phát khởi siêng năng tinh tấn đã sinh các khổ, giới trái nhau v.v... đã sinh các khổ, đều không thể khiến hư hoại, gọi là giới nhận giữ. Nếu đối với các thứ thấp kém không sinh biết đủ,

gọi là giới xuất ly. Cho đến thọ mạng hiện còn luôn tu gia hạnh cẩn trọng liên tục, gọi là giới dũng mãnh. Tất cả như thế phải nên nhận biết rõ, nghĩa là các giới kia cùng toàn bộ phẩm loại của các giới hiện có.

Lại nữa, ở trong các giới lược có hai thứ tánh sai biệt của giới:

- (1) Tánh sai biệt của tha loại.
- (2) Tánh sai biệt của tự loại.

Tánh sai biệt của tha loại: Nghĩa là nhãn giới khác, sắc giới khác, nhãn thức giới khác, như thế cho đến ý thức giới khác.

Tánh sai biệt của tự loại: Tức là giới kia hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận nơi thọ không khổ không lạc. Do đây làm duyên, có thể sinh ba thọ.

Lại nữa, do bốn nhân duyên nên kiến lập hai giới xuất ly của ba thứ ba giới. Bốn nhân duyên là:

- (1) Ngoài không xuất ly mà xuất ly.
- (2) Trong không xuất ly mà xuất ly.
- (3) Không xuất ly rốt ráo mà xuất ly.
- (4) Không có tăng thượng mạn.

Nên biết ở đây, do tham năm thứ dục diệu bên ngoài làm duyên, kiến lập giới dục. Tức do nghĩa xuất ly của giới này, nên kiến lập tĩnh lự đầu tiên của giới sắc. Do nghĩa xuất ly của tầm hỷ lạc, nên kiến lập ba thứ tĩnh lự trên đây. Do nghĩa xuất ly của vô sở tướng tánh nơi sắc có đối, nên kiến lập giới vô sắc thuộc xứ không vô biên. Do nghĩa xuất ly của tướng không, thức, vô sở hữu, nên kiến lập giới vô sắc thuộc về phần trên đây.

Như thế, nghĩa xuất ly của ngoại xứ không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba giới có sai biệt.

Lại, trong giới sắc gồm đủ sáu xứ, nội xứ viên mãn. Trong giới vô sắc, năm xứ có sắc đều đã siêu vượt, chỉ trừ ý xứ. Ở trong giới diệt, tất cả sáu xứ đều đã siêu vượt. Như vậy, nghĩa xuất ly của nội xứ không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba thứ giới khác.

Lại, trong giới sắc không phải là xuất ly rốt ráo. Trong giới dục, giới vô sắc, đối chiếu với giới sắc, nên biết cũng thế. Nếu các thứ hữu vi thấy đều vắng lặng, nên biết đó gọi là xuất ly rốt ráo.

Như thế, nghĩa xuất ly của xuất ly không rốt ráo, nên biết đã kiến lập ba giới có sai biệt.

Không có tăng thượng mạn: Nghĩa là do biết khắp, nên biết đã kiến lập năm thứ, sáu thứ các giới xuất ly, như nơi Địa Tam ma hý đa đã biện biệt về tướng.

Lại nữa, nếu các Bí-sô chuyên thích tịch tĩnh, siêng tu Chi, Quán, lược do năm tướng nên biết tâm ấy gọi là được giải thoát. Năm tướng đó là:

(1) Xa-ma-tha huân tu nơi tâm, dựa nơi phẩm Xa-ma-tha của Tỳ-bát-xá-na, giải thoát các tùy phiền não.

(2) Tỳ-bát-xá-na huân tu nơi tâm, dựa nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na của Xa-ma-tha, giải thoát các tùy phiền não.

(3) Hai thứ cùng vận hành, lìa tâm thuận theo hoặc, giải thoát tất cả các hành hiện có do kiến đạo đoạn trừ.

(4) Tức do đây nên giải thoát tất cả các hành hiện có do tu đạo đoạn trừ, trụ nơi giới Niết-bàn Hữu dư y.

(5) Giải thoát tất cả các hành là chỗ dựa của khổ, trụ nơi giới Niết-bàn Vô dư y.

Ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, lược có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu của thầy và đệ tử:

(1) Kiến giải bình đẳng, tùy thuận phát khởi ngôn thuyết.

(2) Kiến giải tối thắng, tùy thuận phát khởi ngôn thuyết.

Hai thứ pháp như thế, trong pháp của ngoại đạo đều không thể đạt được, vì đối tượng tạo tác sai khác, vì họ xa lìa Niết-bàn.

Lại nữa, hạng ngu tối của thế gian lược có hai thứ tướng của kẻ ngu:

(1) Vui thích tập hành các hành có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho cả mình và người.

(2) Đối với bốn xứ không đạt được thiện xảo.

Nên biết, hành có thể dẫn đến không nghĩa lợi, có bốn thứ tướng, nghĩa là có thể sinh khởi bốn thứ khổ:

(1) Khổ sai biệt của kẻ khác.

(2) Khổ sai biệt bên trong.

(3) Khổ sai biệt của thời gian.

(4) Khổ sai biệt của thân.

Nên biết ở đây, ba thứ khổ trước, gọi là hành chỉ có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho chính mình. Một thứ khổ sau, gọi là hành cũng có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho kẻ khác.

Thế nào là bốn xứ không đạt được thiện xảo? Nghĩa là ở trong các giới, các xứ, xứ duyên khởi, phi xứ đều không thấu đạt. Cùng với trên trái nhau, nên biết tức là hai tướng của hàng thông tuệ.

Lại do ý xứ vô sắc, với đối tượng nương dựa, đối tượng duyên theo tự loại lưu chuyển có sai biệt, nên biết đã kiến lập có mười tám giới.

Do năm xứ sắc, an lập sự vận chuyển, sai khiến, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt, nên biết đã kiến lập sáu giới hữu dư.

An lập chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Nghĩa là bốn đại chủng như địa v.v...

Vận chuyển, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Tức là giới không, sai khiến, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Tức là giới thức.

Do nghĩa nương dựa của tướng thuộc phẩm nhiễm tịnh cùng tầm tư, nên biết là đã kiến lập sáu giới hữu dư, nghĩa là dục, sân, hại cùng sự đối trị chúng. Tham sân si đã trói buộc, là nghĩa được nương dựa, nên biết đã kiến lập sáu giới hữu dư, là khổ, vui, lo, mừng, xả, vô minh.

Nếu có tác ý tư duy phi lý, tức liền sinh khởi tướng tầm tư tà vạy. Nếu có tác ý tư duy như lý, tức liền sinh khởi tướng tầm tư chân chánh.

Lại do nghĩa biến hành của hai phẩm nhiễm tịnh nơi ba giới, nên biết đã kiến lập bốn giới hữu dư, nghĩa là bốn uẩn như thọ v.v... thuộc về danh.

Lại, do chỗ nhiễm chỗ tịnh được thanh tịnh, tức chỗ bất tịnh ấy được thanh tịnh tăng thượng, như trước đã nói. Do nghĩa xuất ly của ngoài không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới dục, giới sắc và giới vô sắc, như trước đã nói.

Do nghĩa xuất ly của nội không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới sắc, giới vô sắc, giới diệt.

Lại, tức do hai sự xuất ly trong ngoài ấy tăng thượng, lắng nghe chánh pháp hoặc không phải chánh pháp, tư duy như lý hoặc tư duy không như lý, xứ nương dựa là ba thứ ngôn sự có nghĩa sai biệt, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới quá khứ, giới hiện tại và giới vị lai.

Lại, do nghĩa ít vừa nhiều của các phiền não khổ nơi đối tượng nhận thức, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới thấp kém, giới trung bình và giới thượng diệu. Nếu có khổ và phiền não thuộc phẩm

trung, đó gọi là giới trung bình. Nếu có ít khổ và ít phiền não, đó gọi là giới thượng diệu. Như thế tức là nhận biết khắp về giới thấp kém, trung bình và thượng diệu.

Lại, do xa lìa nghĩa nhân duyên ấy, cùng do tu tập nghĩa đối trị này, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới thiện, giới bất thiện, giới vô ký. Lại do tu tập thiện thanh tịnh có sai biệt. Với nghĩa thiếu trí buộc, nghĩa không trí buộc, nghĩa đủ trí buộc, nên biết đã kiến lập ba giới hữu dư, là giới học, giới vô học và giới phi học phi vô học.

Lại, tức do hàng hữu học, vô học kia cùng với các kẻ ngu, hoặc pháp thế gian xuất gian chung, không chung với nghĩa thành tựu, nên biết đã kiến lập hai giới hữu dư, là giới hữu lậu và giới vô lậu.

Lại, tức do nghĩa sai biệt của hữu thượng vô thượng, hữu thường vô thường nơi thế gian xuất thế gian kia, nên biết đã kiến lập hai giới hữu dư, là giới hữu vi và giới vô vi. Tất cả đều là hướng tới Niết-bàn, tất cho Niết-bàn là hậu tế, tu tập phạm hạnh thành thực, thế nên vượt quá giới hạnh này thì không còn lập giới.

Các thứ thiện xảo hiện có của xứ duyên khởi cùng xứ phi xứ, như nơi Địa Thanh văn đã biện biệt về tướng.

Lại, nếu lược nói về tướng thiện xảo của xứ cùng phi xứ: Nghĩa là hoặc nương dựa nơi hành hướng tới năm nẻo. Hoặc lại nương dựa nơi hành hướng tới Niết-bàn. Hết thấy hành này lược có ba thứ: là kém, vừa và hơn. Hành hướng tới nẻo ác gọi là kém. Hành hướng tới nẻo thiện gọi là vừa. Hành hướng tới Niết-bàn gọi là hơn. Hành hướng tới Niết-bàn, nên biết có thể chứng đắc pháp tánh tối thắng của tất cả hữu tình. Nghĩa là Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Độc giác và Bồ-đề Vô thượng. Chư Phật, Như Lai, đối với tất cả hữu tình kia là thù thắng tột cùng, hết thấy hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới, không loài nào có thể sánh bằng.

Lại, các hữu tình hiện có khác, an trụ nơi chút ít công đức của Bồ-đề, đối với các hữu tình đạt được phần vị tăng thượng của các thế gian, hãy còn là thù thắng, huống chi là Đức Như Lai.

Sự việc kia lại như thế nào? Nghĩa là đối với xứ ấy, các hữu tình đầy đủ chánh kiến đã không thể hiện hành. Các loài phàm phu gắng nhận hiện hành, nên biết tất cả như nơi kinh đã nói rộng.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Tự tánh cùng nhân duyên
Kiến nhiễm sở thủ thú
Đạo lý sai biệt chuyển
Tịch tĩnh, quan sát sau.*

Tự tánh của các thọ phải nên nhận biết rõ. Nhân duyên của các thọ phải nên nhận biết rõ. Chánh kiến đối với thọ phải nên nhận biết rõ. Tạp nhiễm nơi thọ phải nên nhận biết rõ. Đối với chủ thể thọ nhận là các hữu tình thọ nhận hai sức xét chọn, không xét chọn có sai biệt, phải nên nhận biết rõ. Như vậy, đối với thọ giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển có sai biệt, phải nên nhận biết rõ. Các hữu tình đối tượng thọ nhận đều là đạo lý khổ, phải nên nhận biết rõ. Tịch tĩnh, dừng dứt của các thọ có sai biệt phải nên nhận biết rõ. Quán sát nơi thọ, về tất cả tướng của thọ, phải nên nhận biết rõ.

Lược nói về ba thọ, là tự tánh của thọ. Ba phẩm loại xúc là nhân duyên của thọ.

Lại, các lạc thọ là pháp biến hoại. Là chốn nương dựa của tham. Tham là nhân của các khổ nơi vị lai, do đây nên quán lạc thọ là khổ. Nếu các khổ thọ lúc đang hiện tiền, là tánh nào hại, như trúng tên độc nhưng chưa được nhổ ra, do đây nên quán khổ thọ như mũi tên. Thọ không khổ không lạc đã diệt hoại, là vô thường. Chúng đang hiện tiền là pháp diệt. Đối với hai thứ lại nối tiếp, có thể tùy thuận. Do đây, nên quán thọ không khổ không lạc, tánh là vô thường, tánh là pháp diệt.

Như vậy, đối với thọ sinh khởi chánh kiến, có thể tùy thuận ngộ nhập. Các hữu đã thọ nhận thấy đều là khổ. Ở trong lạc thọ, có tùy miên tham. Ở trong khổ thọ, có tùy miên sân. Ở trong thọ không khổ không lạc có tùy miên vô minh. Đó gọi là chỗ đầy khởi tạp nhiễm của thọ. Khó khăn đối với phần vị hiện tiền của các thọ hiện có như lạc thọ v.v..., là tất cả tùy miên của phiền não chưa được đoạn trừ. Nhưng do duyên nơi các triền của đối tượng hành đều riêng biệt, phiền não như tùy miên sinh khởi sau đầy cũng thuận theo chỗ trói buộc, tức gọi là tùy miên đối với sự nối tiếp của phiền não kia. Vì nhằm loại trừ hoàn toàn các tùy miên, nên tu tập phạm hạnh thành thực, không phải chỉ là dứt bỏ nhân duyên của các triền. Hữu tình không có sức mạnh xét chọn, lúc nhận lấy khổ thọ, tâm hết sức sầu não, tức khổ thọ này, hoặc thân hoặc tâm, hiện tiền lãnh nạp. Lạc thọ, thọ không khổ không lạc còn lại, do chưa đoạn trừ, nên nói có nối tiếp. Do đó gọi là hiện thấy đầy đủ hàm sâu của thọ tối tăm, khó đạt tới tận đáy. Hữu tình có sức mạnh xét chọn nên biết tất cả cùng với trên là trái nhau.

Lại, hữu tình đối với các thọ, tâm chưa giải thoát, chỉ ở nơi khổ thọ lãnh nhận đầy đủ, cũng như một người trúng hai mũi tên độc. Hai mũi tên độc tức dụ cho ba thọ. Hoặc tâm nhiễm lãnh nhận, nghĩa là do tham sân si. Hoặc lãnh nhận tương ưng, tức do khổ như sinh v.v...

Như vậy, kẻ kia do khổ phẩm thượng hiện có của hiện pháp, cùng do các tạp nhiễm của hiện pháp, cũng do các khổ hiện có của hậu pháp, tức do các xứ ấy thọ nhận phiền não cấu nhiễm.

Nếu tâm giải thoát, nên biết tất cả là cùng với trên trái nhau.

Ở đây, có sai biệt, khi lãnh nhận đủ ba thọ. Nếu có thọ, ở trong chỗ nương dựa, sinh rồi thì hủy hoại tiêu tan, không trụ, mau chóng quy về đời chuyển, diệt mất, không trải qua nhiều thời gian, có sự tương tự nối tiếp mà lưu chuyển, nên quán thọ này cũng như gió lốc. Nếu có các thọ có trải qua một ít thời gian, có sự tương tự nối tiếp mà

lưu chuyển, không mau chóng biến hoại, nên quán thọ này như một loại màu sắc được giữ lại chốc lát trong nhà khác.

Lại, tự tánh, chỗ dựa, phẩm nhiễm tịnh của các thọ kia đều riêng, nên biết gọi là phẩm loại của thọ có sai biệt.

Thọ có vị: Là các thọ thể gian. Thọ không vị: Là các thọ xuất thể gian. Thọ dựa nơi tham đắm: Là các thọ nhiễm ô đối với năm dục diệu. Thọ dựa nơi xuất ly: Tức là các thọ cùng hành với các địa định, bất định thiện sinh ra do tất cả sự xuất ly, xa lìa.

Lại, các khổ thọ, hết thấy chúng sinh hiện nhận biết là khổ, không nhờ thành lập. Hai thọ còn lại, do hai nhân duyên, nên biết là khổ.

Thọ không khổ không lạc, cùng có thể tùy thuận các hành của thọ ấy, do vô thường nên biết là khổ. Lạc thọ hiện có, cùng có thể tùy thuận các hành của thọ ấy, là pháp biến hoại, nên biết là khổ. Do đạo lý này, nên biết các thọ thấy đều là khổ.

Lại, các thọ kia, nên biết lược có ba thứ tịch tĩnh:

(1) Do nương dựa nơi địa của định trên, nên các thọ của địa dưới đều được tịch tĩnh.

(2) Do tạm thời không hiện hành mà được tịch tĩnh.

(3) Do nơi vị lai hoàn toàn không chuyển mà được tịch tĩnh.

Nên biết ở đây, tạm thời không hành gọi là tịch tĩnh. Khiến cho chỗ rớt ráo kia thành pháp không hành, gọi là dừng dứt.

Người ưa thích ngôn luận, rộng sinh ngôn luận, nhiễm ô lạc dục, lần lượt phát khởi vô số luận, được gọi là ngôn ngữ. Tức ngôn ngữ này hoặc đang chứng nhập định của tĩnh lự thứ nhất, liền tịch tĩnh. Lại, tâm tứ thô có thể phát khởi ngôn ngữ, những người chưa đạt được định, hoặc có kẻ đã đạt được rồi, trở lại từ định khởi, có thể phát sinh ngôn ngữ, không phải đang ở nơi định. Đang ở nơi định,

chỉ có tầm tứ vi tế tùy chuyên, không thể phát sinh ngôn ngữ hiện có. Thế nên, phần vị này gọi là tất cả ngôn ngữ tịch tĩnh. Đó gọi là môn nghĩa thứ nhất có sai biệt.

Lại, các sư Du già đối với tham sân si, thấy rõ lỗi làm tai họa, an trụ, lãnh nhận các thọ đã lìa trói buộc như tham sân si v.v... thường xuyên nhận biết khắp, thường xuyên đoạn dứt tham sân si, nên nói tâm ấy đối với tham sân si đã lìa nhiễm, đạt giải thoát.

Lại, do bảy hành, nên ở trong các thọ, quán bảy tướng của thọ. Nghĩa là quán:

- (1) Tự tánh của các thọ.
- (2) Nhân duyên lưu chuyển, hoàn diệt nơi hiện tại.
- (3) Nhân duyên lưu chuyển nơi vị lai.
- (4) Nhân duyên hoàn diệt nơi vị lai.
- (5) Nhân duyên của tạp nhiễm.
- (6) Nhân duyên của thanh tịnh.
- (7) Thanh tịnh.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Thọ sinh khởi thấp kém
Tướng các thọ sai biệt
Kiến cùng là tối thắng
Biết sai biệt hỏi, ghi.*

Hết thấy hữu tình nên đoạn trừ các thọ, lược do ba duyên nên được sinh khởi:

- (1) Duyên của dục: Nghĩa là đối với đời vị lai.
- (2) Duyên của tâm: Nghĩa là đối với đời quá khứ.
- (3) Duyên của xúc: Nghĩa là đối với đời hiện tại, nơi cảnh giới hiện tiền.

Thế nào gọi là tất cả hữu tình? Tức chúng hữu tình lược có tám loại:

- (1) Chúng tại gia.
- (2) Chúng xuất gia.
- (3) Chúng đối với các dục chưa lìa tham.
- (4) Chúng đối với các dục đã lìa tham.
- (5) Chúng đối với tĩnh lự thứ nhất chưa lìa tham.
- (6) Chúng đối với tĩnh lự thứ nhất đã lìa tham.

(7) Từ đây trở lên cho đến xứ phi tướng phi phi tướng, các chúng ngoại đạo chưa được lìa tham, có thể nhập định thế gian, có đủ tà kiến cho đến trí giải thoát tà vạy.

(8) Chúng trụ nơi nội pháp, có thể nhập định thế gian gồm đủ chánh kiến cho đến trí giải thoát chân chánh, cùng chúng trụ nơi nội pháp, có thể nhập định xuất thế gian.

Do tám chúng ấy, dựa nơi khả năng có thể nhận lãnh các thọ, nhận biết khắp về chúng, nên biết là đã gồm thấu khắp các chúng hữu tình.

Lại, chúng tại gia hoặc chúng xuất gia, ở trong các dục chưa lìa tham, do ba nhân duyên, nên các thọ nhiễm ô được sinh khởi:

- (1) Do lực của sự nhiễm vương.
- (2) Do lực của tác ý.
- (3) Do lực của cảnh giới.

Ở đây, nên biết, các người tại gia, do truy tìm các dục, vì thọ dụng nên phát sinh dục lạc, là do lực của sự nhiễm vương. Tức tư duy phi lý ấy, từ thời trước từng được lãnh nhận, là do lực của tác ý. Đối với cảnh hiện tiền, hiện tại đang thọ dụng, là lực của cảnh giới. Nên biết, hữu tình như thế là duyên nơi dục, tâm, xúc, do các

hiện hành đều không tịch tĩnh, dùng đây làm duyên nên phát sinh ba thọ.

Lại, do tâm dục bị nhiễm ô đầu tiên xúc hiện hành, lãnh nhận duyên kia nên sinh khởi các thọ. Hoặc chúng sinh rồi, nhiễm chấp không bỏ, cũng không dứt trừ. Như thế là thọ kia, trong thời gian dài nối tiếp tùy duyên không dứt, không được tịch tĩnh. Không tịch tĩnh làm duyên, trải qua thời gian dài nối tiếp nhận lãnh các thọ.

Lại, các dục kia, do chúng đầu tiên, trải qua thời gian dài nối tiếp, luôn hiện hành, nên các phiền não hiện có của phẩm kia, duyên kia, đã gắn liền với sự tương tục, mà chưa đoạn trừ vĩnh viễn, tức được gọi là duyên không tịch tĩnh. Đó gọi là môn nghĩa thứ hai, có sai biệt.

Nếu các vị xuất gia đã lìa tham, do đối với các dục có thể từ bỏ, nên việc thọ nhận dục thuộc lực của sự nhiễm vương kia tuy được tịch tĩnh, nhưng các thọ thuộc về lực của cảnh giới, của tác ý, hoặc tầm hoặc xúc lại chưa được tịch tĩnh. Do nhân duyên ấy, chư vị ở nơi chốn riêng lẻ, nơi việc đối trị tâm tứ chưa khéo tu tập, hết thấy việc lìa dục đều chưa thực hành, đối với cảnh từng thọ nhận đã tác ý phi lý, tầm tư hiện hành. Nơi các cảnh giới thắng diệu hiện tiền có xúc hiện hành. Hoặc nơi tầm tư thấy rõ lỗi lầm, đối với việc đối trị chúng đã khéo tu tập, hết thấy sự lìa dục chưa làm xong. Dục như trước nêu đã được tịch tĩnh. Do nhân duyên này, nên tâm cùng tịch tĩnh, chỉ riêng một thứ xúc là chưa được tịch tĩnh, nên khi cảnh thắng diệu hiện tiền, các xúc nhiễm ô liền lại sinh khởi. Nếu đối với các dục đã lìa tham, nên biết tất cả đều được tịch tĩnh. Đó gọi là một thứ môn nghĩa có sai biệt.

Lại, có một loại, ở trong các dục chưa lìa tham, do đối với các dục, tham dục hiện có chưa vĩnh viễn đoạn trừ, các tầm xúc nhiễm cũng chưa đoạn dứt hoàn toàn, do đây hết thấy đều chưa tịch tĩnh.

Nếu ở nơi các dục, tham dục đã đoạn, chứng tịch lự thứ nhất, dục đã tịch tĩnh, tầm chưa tịch tĩnh, đối với tịch lự thứ nhất đã lia tham, cho đến xứ phi tưởng phi phi tưởng chưa lia tham, hai thứ đã tịch tĩnh, xúc chưa tịch tĩnh. Vượt quá cõi Hữu danh, hết thấy đều tịch tĩnh. đó gọi là môn nghĩa thứ hai có sai biệt.

Nếu các ngoại đạo có thể nhập định thế gian, có đủ tà kiến cho đến trí giải thoát tà vậy, do chúng làm duyên sinh khởi các thọ, nên ở nơi thọ có nhiễm chấp.

Lại, do phiền não của phẩm kia tùy buộc, tức do duyên không tịch tĩnh như thế, khiến các thọ sinh khởi.

Nếu trụ nơi nội pháp, có thể nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến cho đến trí giải thoát chân chánh, do chúng làm duyên, sinh khởi các thọ, nên ở nơi thọ có nhiễm chấp. Lại, do phiền não của phẩm kia tùy buộc, tức do duyên không tịch tĩnh như thế, khiến các thọ sinh khởi.

Lại, trụ nơi nội pháp, có thể nhập định xuất thế gian, hoặc dựa vào đạo ngày trước để chuyển, tự sự chưa rốt ráo, các dục hiện có chưa được cho là được, chưa chứng cho là chứng, chưa xúc cho là xúc, tạo hy vọng này: Ta đối với xứ ấy, vào lúc nào sẽ đạt được, nói rộng như trước. Vị ấy chưa tịch tĩnh, do đây làm duyên, nên bây giờ, các thọ sinh khởi.

Nếu nơi tự sự đã được rốt ráo, dục kia tịch tĩnh. Do duyên tịch tĩnh, nên có các thọ vô thượng của tịch tĩnh bậc nhất sinh khởi. Vị ấy đối với phương tiện xuất ly của tất cả các thọ hiện có, đều nhận biết rõ như thật. Do đó, như trước đã nói, ở trong các Sa-môn đệ nhất nghĩa, được xem là Sa-môn, trong các Phạm chí được xem là Phạm chí. Nếu không nhận biết rõ, thì đối với tất cả các pháp kia đều không được chấp nhận. Nên biết ở đây, hết thấy các thọ không có sai biệt, đều do xúc làm duyên. Lại, tức đây là duyên nơi dục, cũng là duyên

nơi tâm, cũng là duyên nơi cảnh giới. Ngu si gồm thân vô minh cũng là duyên, như thế tất cả là tư duy không đúng đắn, cùng tùy theo sự nối tiếp nơi phẩm phiền não kia đã được tích tập. Do đây diệt nên kia cũng diệt theo. Các đạo như chánh kiến v.v..., nên biết được gọi là có thể hướng tới hành diệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử, đối với hỷ xa lìa, thân tác chứng an trụ, có thể đoạn trừ năm pháp, có thể tu năm pháp khiến được viên mãn, nên biết như nơi Địa Tam ma hý đa ở trước đã biện biệt rộng về tướng.

Lại, phẩm kém vừa hơn của xả hỷ lạc, tức tại cõi dục cùng bốn tinh lự, như chỗ ứng hợp, nên biết về tướng.

Lại, tại địa của tinh lự thứ tư, xả tất cả lỗi lầm, tức đều xa lìa, gọi là hoàn toàn thanh tịnh. Nếu kể trên đây, lại có thể lập là không ái vị hơn hết.

Lại nữa, do mười thứ tướng, nên biết các thọ hiện có sai biệt:

- (1) Sai biệt do thắng nghĩa.
- (2) Sai biệt do chỗ dựa của lưu chuyển.
- (3) Sai biệt do tự tướng.
- (4) Sai biệt do toàn bộ tánh hiện có.
- (5) Sai biệt do phẩm loại của tự tướng.
- (6) Sai biệt do môn lưu chuyển.
- (7) Sai biệt do môn tạp nhiễm.
- (8) Sai biệt do chủ thể đối trị đối tượng đối trị.
- (9) Sai biệt do thời gian.
- (10) Sai biệt do sát-na lần lượt sinh khởi.

Ở đây, hoặc có người không mở bày hiểu rõ, đã nói: “Thọ chỉ có hai: một là khổ, hai là lạc. Tuy lại nói có thọ không khổ không lạc,

nhưng chỉ là khổ, lạc, vì không có tánh được hiển bày. Do đó, Đức Thế Tôn tức dựa nơi khổ lạc tịch tĩnh như thế, giả thiết là có”.

Đức Thế Tôn vì nhằm mở bày, làm rõ đối với trường hợp kia, nên nói: Lạc có hai thứ là lạc dục và lạc viễn ly. Lạc viễn ly này lại có ba loại:

(1) Lạc kém.

(2) Lạc vừa.

(3) Lạc hơn.

Lạc kém: Là tứ xứ vô sở hữu trở xuống.

Lạc vừa: Là hữu thứ nhất.

Lạc hơn: Là tưởng thọ diệt.

Đã có lý ấy, nên lạc thọ cũng được nói là tịch tĩnh, nghĩa là ở trong tĩnh lự một, hai, ba. Thọ không khổ không lạc cũng gọi là tịch tĩnh, nghĩa là tại tĩnh lự thứ tư trở lên cho đến cõi Hữu đẳng. Tất cả thọ không cũng gọi là tịch tĩnh, nghĩa là tại định diệt. Nhưng Đức Thế Tôn, căn cứ nơi đệ nhất nghĩa, nói có ba thứ lạc hết sức tịch tĩnh. Nghĩa là các Bí-sô, tâm đối với tham đã lìa nhiễm, giải thoát. Như đối với tham, thì đối với sân, đối với si, nên biết cũng vậy. Như thế, tất cả gồm chung làm ba lạc:

(1) Lạc nên xa lìa.

(2) Lạc nên tu tập, trụ hữu thượng.

(3) Lạc giải thoát rốt ráo tột cùng, trụ vô thượng.

Lạc nên xa lìa: Là các dục lạc.

Lạc nên tu tập: Là các lạc hiện có từ tĩnh lự thứ nhất cho đến Hữu đẳng.

Lạc trụ hữu thượng: Là định diệt tận. Đây cũng gọi là lạc nên tu tập.

Lạc giải thoát rốt ráo, tột cùng, trụ vô thượng: Nghĩa là ba lạc tối thắng như trước đã nói, không phải căn cứ nơi thọ lạc để nói. Định diệt tận cũng cho là có lạc, nhưng đoạn trừ thọ lạc được gọi là lạc. Lại, lạc thắng trụ cùng với lạc tương tự. Lại, tức dựa nơi có lạc có thể đạt được ấy, gọi là lạc. Nghĩa là như có một hành giả từ nơi định này khởi có chỗ lãnh nhận, nói: “Ta đã trụ nhiều như vậy như vậy nơi sắc loại, là lạc trụ tịch tĩnh tối thắng”. Do dựa vào đây nên nói là có lạc.

Lại nữa, nếu có Bí-sô, nương dựa nơi kiến văn của sắc loại như thế cùng lạc tướng là có, tùy thuận liên tục đạt được các lậu vĩnh viễn dứt hết, nên biết kiến ấy gọi là kiến tối thắng, cho đến “có ấy” cũng gọi là có tối thắng.

Từ kiến vô ngã, lại không tìm cầu kiến thù thắng khác, nghĩa là kiến vô thường. Tức ở đây, tùy thuận không gián đoạn, đạt được lậu tận, thế nên kiến này gọi là kiến tối thắng.

Nương dựa nơi kiến ấy, lại do bốn môn, mới có thể tùy thuận đạt được các lậu vĩnh viễn dứt hết:

- (1) Hoặc từ nơi kẻ khác, lắng nghe chánh pháp.
- (2) Hoặc dựa nơi bốn hiện pháp lạc trụ.
- (3) Hoặc dựa nơi ba thứ định tướng, nghĩa là từ xứ không vô biên cho đến xứ vô sở hữu.
- (4) Hoặc nơi nẻo trời, hoặc tại nẻo người.

Thế nên, văn (nghe) này, lạc này, tướng này, hữu này đối với văn khác, lạc khác, tướng khác, hữu khác, gọi là tối thắng.

Lại nữa, do nhận biết rõ khắp nên nhận biết khắp về sự. Đối với khổ để được giải thoát khắp. Đối với tập để được giải thoát thù thắng. Đối với diệt để có thể tác chứng đúng đắn. Đối với đạo để có thể tu tập chân chánh.

Đúng nơi khổ biên có thể tùy đắc: Nghĩa là đối với khổ đế, đạt được giải thoát khắp.

Nơi các lậu dứt hết, có thể tùy đắc: Nghĩa là đối với tập đế, đạt được giải thoát thù thắng.

Nên chán nên lìa nên giải thoát: Nghĩa là đối với diệt đế có thể tác chứng đúng đắn.

Đối với vô thường v.v... tùy thuận quán trụ: Nghĩa là đối với đạo đế, có thể tu tập chân chánh.

Lại do mười tướng, phải nên nhận biết rõ về cảnh, sự có sai biệt:

- (1) Các hành đã sinh hệ thuộc mạng căn, trụ nơi nhân có sai biệt.
- (2) Các hành có sắc không sắc lần lượt cùng nương, trụ lập, lưu chuyển có sai biệt.
- (3) Các hành vô sắc, tánh là pháp vô thường nhập môn có sai biệt.
- (4) Tâm nơi các xứ nương dựa tạp nhiễm có sai biệt.
- (5) Tất cả các hành với tất cả phẩm loại gồm chung đều là khổ có sai biệt.
- (6) Quả của nghiệp tịnh bất tịnh nơi môn thọ dụng có sai biệt.
- (7) Biên vực hiện có của thứ hữu hỷ lạc có sai biệt.
- (8) Xứ nương dựa của ái, sân có sai biệt.
- (9) biên vực của hữu tình chấp giữ hỷ lạc, xứ sinh an trụ có sai biệt.
- (10) Biên vực của xứ nương dựa rơi vào nẻo ác có sai biệt.

Lại, sự tăng thượng nên tu tập, nên chứng đắc của phẩm thanh tịnh nên biết có mười thứ sai biệt khác:

- (1) Tu tập pháp thiện tăng thượng, không gián đoạn, không phóng dật có sai biệt.
- (2) Chỗ nương dựa của tâm, tuệ giải thoát có sai biệt.

- (3) Biên vực của Tam-ma-địa thù thắng có sai biệt.
- (4) Biên vực của tâm đối với tất cả cảnh bị trói buộc có sai biệt.
- (5) Phương tiện giải thoát có sai biệt.
- (6) Giải thoát có sai biệt.
- (7) Chân nghĩa của đẳng giác có sai biệt.
- (8) Sau hiện đẳng giác, ở trong ba học, thọ học có sai biệt.
- (9) Hiện pháp lạc trụ của đang học, đã học có sai biệt.
- (10) Chứng đắc thân thông Thánh, hành hóa rộng có sai biệt.

Lại nữa, tức dựa vào những sai biệt đã nói như trên, nên sinh luận hỏi đáp:

Người nêu lên: Tức do chưa thấu rõ về nghĩa lý.

Người ký biệt: Tức do đã thấu rõ về nghĩa lý.

Nên biết ở đây, do bốn nhân duyên, có thể thỉnh vấn, không nên đáp lại. Do bốn nhân duyên, có thể ký biệt, không nên bày tỏ.

Bốn nhân duyên trước:

- (1) Đối với hiện lượng.
- (2) Đối với hợp lý.
- (3) Đối với nhân.
- (4) Đối với không phải nhân.

Nghĩa là lúc cùng thị hiện nhưng không nhận hiểu. Lúc so sánh phân biệt, chính thức thiết lập mà không nhận hiểu. Ông tự tu hành, tự nhiên sẽ hiểu rõ, nhưng không nhận hiểu. Chánh trí luận thân hành diễn nói, do chí giáo này, cũng không nhận hiểu. Thế nên ở đây, có thể thỉnh vấn, không nên đáp lại.

Bốn nhân duyên sau:

- (1) Tất cả hành đều là vô thường.
- (2) Tất cả các pháp đều không có ngã.
- (3) Tất cả xứ sinh đều không đáng vui thích.
- (4) Nghiệp tịnh, bất tịnh trọn không hoại mất.

Là hoàn toàn ký. Cố ý tạo nghiệp sẽ thọ nơi khổ. Đây không phải là hoàn toàn.

Đạt được nơi xả, ở trong hiện pháp, quyết định Bát Niết-bàn, cũng không phải hoàn toàn. Nếu có kẻ hỏi: Tạo tác nghiệp rồi, đi đến nẻo thiện chẳng? Nên hỏi trở lại: Ông hỏi về nghiệp nào?

Nếu có kẻ hỏi: Tu tập đạo rồi, đạt được Niết-bàn chẳng? Nên hỏi trở lại: Ông hỏi về đạo nào? Là đạo thế gian, là đạo xuất thế gian?

Luận trí ký: Nghĩa là dựa nơi tất cả “kiến thú” hiện có. Bốn thứ như thế, chính thức đáp câu hỏi: Gọi là khéo có thể ký biệt, nên có thể đáp lại. Cùng với đây trái nhau, là không nên đáp lại.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có hai thứ ký biệt:

- (1) Chung với ngoại đạo.
- (2) Không chung.

Chung với ngoại đạo: Là ký biệt về xứ sẽ sinh v.v... của các đệ tử.

Nói không chung: Là trọn không ký biệt. Như có sinh: Là cùng có hai lửa thức sáng rõ làm chỗ dựa:

- (1) Ái vi tế.
- (2) Danh sắc thô.

Ái của hai cõi dục, sắc sinh khởi thức, danh sắc làm chỗ dựa.

Ái nếu dừng dứt, cho đến thọ lượng, thức kia nối tiếp, tùy chuyển mà trụ. Nếu ái của cõi vô sắc sinh khởi thức, thì chỉ duyên

nơi danh mà được trụ lập. Ái nếu đoạn dứt, cho đến thọ lượng, thức kia nối tiếp, tùy chuyển mà trụ.

Lại, nơi cõi sắc, ái này làm chỗ dựa sinh thức của trung hữu, tức ái làm chỗ dựa, khiến đối với trung hữu Bát Niết-bàn, tạm an trụ như thế. Ái này nếu đoạn, tức bấy giờ thức kia cũng tàn diệt.

Lại, có hai thứ thân do ý sinh:

- (1) Thân được sinh do ý của cõi sắc.
- (2) Thân được sinh do ý của cõi vô sắc.

Nghĩa là do môn phương tiện của ý địa định mà có thể hợp thành do hai sinh thân.

Lại, chư Như Lai lược có hai thứ khéo xa lánh luận của kẻ khác:

- (1) Có thể xa lánh, nhất định không nên ký biệt, tạo luận bất định.
- (2) Có thể xa lánh, quyết định nên ký biệt, tạo luận bất định.

Như nói hỷ lạc về nghĩa riêng như sắc v.v... thì hỷ lạc về nghĩa riêng như thủ v.v..., nên biết cũng thế.

HẾT - QUYỂN 96

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 97

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ TƯ:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp Bồ đề phần.

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về sự Lựa chọn gồm thâu của duyên khởi, thực, đế, giới. Sự lựa chọn, gồm thâu của pháp Bồ-đề phần, nay sẽ nói.

Tụng chung nêu:

*Niệm trụ cùng chánh đoạn
Thần túc và căn lực
Giác đạo chi túc niệm
Học chứng tịnh là sau.*

Tụng riêng nêu:

*Sa-môn, nghĩa Sa-môn
Hy lạc tất cả pháp
Phạm hạnh sở thủ thú
Vượt hai nhiễm là sau.*

Dựa nơi bốn niệm trụ tu tập tăng thượng, do bốn nhân duyên nên biết nội pháp có đạo Sa-môn cùng có cứu cánh. Ngoại pháp quyết định không có đạo Sa-môn, cũng không có cứu cánh. Nên biết, các đạo Sa-môn của luận khác, cùng với cứu cánh, tất cả đều không.

Thế nào gọi là bốn thứ nhân duyên? Đó là:

(1) Nương dựa nơi bốn xứ, đạt được bốn chứng trí.

(2) Giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài.

(3) Đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.

(4) Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.

Thế nào gọi là Sa-môn của nội pháp? Nghĩa là các Sa-môn lược có bốn loại:

(1) Sa-môn thắng đạo.

(2) Sa-môn luận đạo.

(3) Sa-môn mạng đạo.

(4) Sa-môn ô đạo.

Bốn loại Sa-môn này, hoặc lược hoặc rộng, như nơi Địa Thanh văn đã biện giải về tướng.

Đạo của nội pháp: Thế nào là đạo? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, hoặc nơi chốn thiết lập tám chi Thánh đạo. Xứ ấy thiết lập đạo nhiệm ô, vì sau bốn thứ Sa-môn, nếu có đạo tự hành theo hành tà, không phải sinh vật dụng của đạo. Do nhân duyên ấy, nên thừa nhận có đạo nhiệm ô. Như thế, ngoại pháp hãy còn không có đạo nhiệm ô, huống hồ là đạt được các thứ khác.

Cứu cánh của nội pháp: Thế nào là cứu cánh? Nghĩa là đoạn dứt các thủ. Các thủ được đoạn dứt rồi, thì đối với vị lai hoàn toàn không còn nói tiếp.

Thế nào gọi là nương dựa nơi bốn xứ?

Thế nào lại gọi là đạt được bốn chứng trí? Bốn xứ là:

- (1) Xứ không còn sinh trở lại của ba kiết đã vĩnh viễn đoạn trừ.
- (2) Xứ uy lực của pháp không thoái chuyển.
- (3) Xứ của chủng loại quyết định hướng tới Bồ-đề.
- (4) Xứ tùy hành của tối đa bảy lần trở lại nẻo sinh tử.

Dựa nơi bốn xứ ấy, đối với Phật Pháp Tăng cùng đối với tịnh giới, đạt được trí chứng tịnh.

Thế nào gọi là giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài? Đó là:

- (1) Giải thoát tùy phiền não ngoài của hiện pháp.
- (2) Giải thoát tùy phiền não ngoài của hậu pháp.
- (3) Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do lần lượt hỗ tương chống trái.
- (4) Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do đối với các Thánh đế không thể tuyên thuyết, không thể giác ngộ.

Nên biết ở đây, các loại ngoại đạo thiếu niệm trụ, niệm bị quên mất, không trụ nơi chánh tri, lãnh nhận các thọ hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc. Đối với lạc khởi nhiễm, đối với khổ khởi sân, đối với không khổ không lạc phát khởi ngu si. Như vậy gọi là tùy phiền não ngoài của hiện pháp thứ nhất.

Kẻ kia do nhiễm, sân, si như thế, do thọ làm duyên, sinh ra ái của hữu sau. Do ái làm duyên, phát sinh các thủ. Có ái, thủ nên dùng thủ làm duyên, hình thành nơi hữu, nói rộng cho đến khối thuần là khổ lớn được tích tập, tăng trưởng. Như thế gọi là tùy phiền não ngoài của hậu pháp thứ hai.

Lại, nơi các ngoại đạo, Tát-ca-da-kiến dùng làm căn bản nơi vô số “kiến thú”, ý đều riêng biệt, đây kia lần lượt hỗ tương chống trái. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ ba.

Lại, các ngoại đạo, ở trong khắp tất cả bốn Thánh đế, hãy còn không có thể thiết lập được giáo pháp, hưởng là sẽ giác ngộ. Thế nên, trí họ tự quy về tông chỉ, tuy được tăng thượng, nhưng thật sự không biết là đã rơi vào nẻo vô minh. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ tư.

Trụ nơi nội pháp, đối với tất cả đều có thể giải thoát.

Thế nào gọi là đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phạm loại không đồng? Nghĩa là đệ tử của ngoại đạo, hoặc rơi vào biên thường của hữu kiến, hoặc rơi vào biên đoạn của vô kiến, trong đêm dài sinh tử đã tích tập, khởi sự che giấu sâu xa, do văn thân cận, do tư nhiệm chấp, do tu nhiệm vương.

Đệ tử của nội pháp hành xử nẻo trung, xa lìa hai biên.

Thế nào gọi là Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phạm loại không đồng? Nghĩa là sư của ngoại đạo, đối với tất cả thủ, tuy đồng tuyên thuyết luận biến tri để đoạn trừ, nhưng đối với chúng không thể thiết lập việc nhận biết khắp để đoạn trừ đúng đắn. Do những sư ấy vốn khế hợp với nẻo xuất gia xả bỏ dục, nên đối với dục thủ đã lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với tự kiến, tự giới, ngã ngữ. Nếu có lúc cùng với kẻ khác, là các Sa-môn, Bà-la-môn khác, kiến không đồng phần, giới cấm đồng phần, họ lại đối với kiến thủ cũng có thể tùy phần, lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với hai thủ là giới cấm, ngã ngữ. Nếu có giới cấm cũng không đồng phần, thì đối với giới cấm thủ họ cũng có thể tùy phần lập nhận biết khắp để đoạn. Còn ngã ngữ thủ thì nơi tất cả thời, tất cả ngoại đạo thấy đều cùng có. Do đó, ngoại đạo, nơi tự nơi tha, trong ngã ngữ thủ đều không thiết lập luận biến tri để đoạn.

Lại, ngoại đạo tuy có thể phân bỏ các thủ, nhưng nơi vị lai trở lại là chủ thể thủ, vì chưa đoạn trừ vĩnh viễn. Như thế, ngoại đạo ở trong các thủ chưa đoạn trừ hoàn toàn, chưa đoạn dứt vĩnh viễn nên không thể đạt cứu cánh.

Đại sư của nội pháp, nên biết tất cả cùng với trên trái nhau. Như vậy, nên biết Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phạm loại không đồng.

Lại nữa, dựa nơi bốn niệm trụ, tu tập tăng thượng, lược do ba xứ, ba địa, ba thứ hữu tình, nên biết đã gồm thấu khắp nghĩa của các Sa-môn.

Thế nào là ba xứ? Đó là:

- (1) Cảnh.
- (2) Trí.
- (3) Chúng.

Những gì là ba địa? Đó là:

- (1) Địa đang gia hạnh gồm thấu các phạm phu.
- (2) Địa hữu học.
- (3) Địa vô học.

Ba thứ hữu tình là:

- (1) Hữu tình là hàng phạm phu đang gia hạnh.
- (2) Hữu tình là hàng hữu học.
- (3) Hữu tình là hàng vô học.

Thế nào gọi là cảnh? Nghĩa là sáu giới như địa v.v... cùng với sáu xúc xứ làm chỗ dựa cho thể. Sáu xúc xứ này cùng mười tám ý hành làm chỗ dựa cho thể. Mười tám ý hành có thể tạp nhiễm tâm.

Thế nào gọi là trí? Nghĩa là xứ nương dựa của tuệ tăng thượng, tâm thanh tịnh.

Thế nào gọi là chúng? Tức là xứ nương dựa của tuệ tăng thượng. Hoặc xứ nương dựa của đế. Hoặc xứ nương dựa của xả. Hoặc xứ nương dựa của tịch tĩnh.

Thế nào là xứ nương dựa của tuệ? Tức tuệ là nơi chốn nương dựa, ở trong địa phạm phu đang gia hạnh tu tập pháp thiện đúng đắn làm nhân duyên, nên có thể không phóng dật, nhập địa hữu học.

Hoặc tuệ là nơi chốn nương dựa, chúng A-la-hán, trong địa vô học đạt được tận trí, nhận biết rõ như thật: Nẻo sinh tử của Ta đã hết v.v... Hoặc các tuệ thế gian sau trí xuất thế gian của hàng hữu học, vô học.

Thế nào là xứ nương dựa của đế? Nghĩa là đã đạt được tám chi Thánh đạo, đoạn trừ các phiền não. Do xứ nương dựa ấy, nên các khổ của vị lai rất ráo chẳng sinh. Do đây hoàn toàn không quên mất, gọi là xứ nương dựa của đế.

Thế nào là xứ nương dựa của xả? Nghĩa là đoạn trừ sự việc kia. Do nơi chốn nương dựa ấy nên đối với sự việc đã đoạn, hành không tạp nhiễm nơi hiện pháp lạc trụ.

Thế nào là xứ nương dựa của tịch tĩnh? Nghĩa là vì đoạn dứt các sự việc của kiết còn lại, nên tạo phương tiện siêng năng tu tập. Như đã đạt được đạo, thì đây là xứ nương dựa, đối với các kiết còn lại, cùng các sự việc còn lại, có thể xả bỏ trọn vẹn. Hết thảy như thế, nói tóm tắt, vì nhằm được chứng đắc, nên tu tập trí. Đã được chứng rồi nên đạt được Thánh đạo và quả của Thánh đạo.

Quả có hai loại: Là phiền não đoạn trừ cùng với sự được dứt bỏ. Ở đây, một loại chứng chỗ chưa chứng. Xứ dựa thứ hai là xả bỏ khổ của vị lai. Xứ dựa thứ ba là có thể tùy thuận quen gần với hiện pháp lạc trụ. Xứ dựa thứ tư là đoạn trừ chưa viên mãn, có thể khiến viên mãn. Ngang với từng ấy xứ, các sư Du già, đối với nơi chốn nên tạo tác đều được cứu cánh. Nghĩa là đối với pháp chưa chứng, do xứ dựa thứ nhất có thể chứng. Đối với khổ của vị lai, xứ dựa thứ hai có thể xả bỏ. Đối với lạc của hiện pháp, xứ dựa thứ ba có thể trụ. Đối với sự đoạn dứt trên chưa được viên mãn, xứ dựa thứ tư có thể viên mãn.

Tất cả như thế, do bốn xứ nương dựa, phải nên nhận biết rõ. Ở đây, chỗ đạt được Thánh đạo trước, gọi là đạo tịch tĩnh. Vì đoạn trừ sự phiền não của phần vị trên, nên lúc đang tu tập nơi sự việc được đoạn út, càng hướng tới tăng ích. Đối với phiền não được đoạn, ngăn giữ chưa được đã thoái chuyển.

Trong ấy, thế nào là do trí quan sát cảnh giới của đối tượng nhận thức chứng pháp nên chứng? Nghĩa là, trong địa phàm phu đang gia hạnh, hữu tình là phàm phu hành đúng đắn, do trong ngoài riêng, quan sát năm giới, đối với thân hiện có, trụ nơi quán tuần thân. Nghĩa là tâm giải thoát cùng tuệ giải thoát là tăng thượng, nên họ khởi gia hạnh như lý như vậy, ở trong các giới, trụ chỉ là giới tưởng quán, chỉ có giới, hoàn toàn không có ngã. Dựa nơi lực xét chọn, đối với giới của các sắc đã xa lìa tham, nhưng nơi đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn. Nơi đời vị lai không mong cầu, nên đối với đời hiện tại không tham đắm, gọi là đã lìa tham. Chưa có thể loại bỏ vĩnh viễn tùy miên kia, nên gọi là đối với đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn dứt. Hành giả này, đối với tham đã xa lìa, do tâm giải thoát là lực tăng thượng để xa lìa tham, nên tâm được thanh tịnh, nhưng nơi đối tượng duyên chưa có thể đoạn trừ. Phần vị trên còn lại nên dốc tu trị. Từ đây trở về sau, đối với cảnh giới thuộc về sáu xúc xứ, quan sát thuận hợp, ở trong các thọ, trụ nơi tuần thọ quán. Hành giả, như trước đã nói, dựa vào lực xét chọn, nơi cảnh giới của các thọ cũng xa lìa tham. Quán đầy đủ về tánh vô thường của duyên sinh, tức như trước đã nêu, nhưng nơi đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn trừ. Hành giả đối với vô minh đã xa lìa, do tuệ giải thoát làm lực tăng thượng, dựa vào các minh xúc sinh khởi tác ý như lý, tương ưng với thọ thiện hiện có, đối với các thọ đã sinh tập nhiễm đều chán bỏ mà trụ. Vì đã xa lìa tham được khởi từ chỗ duyên của thọ do vô minh xúc sinh ra, nên gọi là được thanh tịnh, nhưng đối với tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên các phần vị trên còn lại cần phải tu trị. Từ đây trở

về sau, nơi mười tám ý hành đều quán xét không điên đảo, kết hợp nơi tâm pháp đồng thời an trụ, tuần quán tâm pháp. Hành giả khởi tư duy: Mười tám ý hành này là bậc nhất, hơn hết! Tức là các giải thoát tịch tĩnh hiện có, vượt quá các sắc, ở nơi vô sắc, đối với chỗ có thể tùy thuận xả bỏ, đều khởi các ý hành.

Lại khởi tư duy: Nếu ta dựa vào ý hành thắng diệu ấy, nơi xả thanh tịnh, hoặc định hoặc sinh tham vương, trói buộc nhớ nghĩ, nhân đây tâm ta liền thành tạp nhiễm.

Nhận biết như thế rồi, xả bỏ, không nhớ nghĩ. Đó gọi là nơi tâm trụ, tuần quán tâm.

Lại, đối với các xứ, quán tánh vô thường. Đó gọi là nơi pháp trụ, tuần quán pháp. Hành giả, bấy giờ, nơi ba tướng định cùng với xứ phi tướng phi phi tướng, với các hành hiện có nơi hữu thứ nhất còn lại, đã lìa tham, nên gọi là nơi giới tướng và giới hành, tham cũng được xa lìa. Phần khác như trước đã nói. Như vậy, hành giả ở trong địa đang gia hạnh gồm thâm phạm phu, tịnh tu tâm rồi, vì nhằm chứng hợp tâm học giải thoát. Lại, đối với tất cả thân thọ tâm pháp, quán chỉ có pháp, hoàn toàn không có ngã, nơi hết thấy hữu, thâm tâm đều chán bỏ, không khởi gia hạnh. Nghĩa là ngã sẽ có, hoặc ngã sẽ không, đều nhận biết rõ đúng như thật, ở đây không có pháp có pháp không. Hành giả do nhận biết đúng như thật như thế, nên lần lượt đối với ba lậu do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ, tâm được giải thoát, chứng đắc tận trí, quán xét tất cả các thọ của vị lai không còn lưu chuyển nữa. Các thọ ấy không lưu chuyển, do tâm diệt. Hành giả bấy giờ, dựa vào tận trí đã đạt được do các lậu đã dứt hết, là bậc nhất, là tối thắng. Chỗ dựa của các tuệ thuộc phạm phu hữu học cũng còn có cấu uế, nay chỗ đạt được ấy nhất định là không cấu uế. Lại, tức tuệ này, ở trong Diệt đế, các phiền não đã đoạn. Do hành tịch tĩnh duyên dựa mà trụ, tạm thời mất niệm cũng không thể động. Như vậy, tâm tuệ giải thoát hiện có, không bị quên niệm xâm

lần, xen tạp như hàng phàm phu cùng bậc hữu học trước đây. Do hành giả hãy còn có pháp quên mất, nên để không viên mãn. Nơi bậc vô học, nơi tất cả thời, tánh đều như thật, nên để viên mãn, do đó, chỗ dựa của để thành tựu bậc nhất. Do có thể từ bỏ hết thấy sự việc nương dựa, nên chỗ dựa của xả thành tựu bậc nhất. Hết thấy quả của đạo được hợp thành, nên gọi là khéo tu đạo, không phải như hàng phàm phu cùng các vị hữu học, nên xứ dựa của tịch tĩnh thành tựu bậc nhất.

Hỏi: Do nhân duyên nào, chỉ tại bậc vô học, bốn thứ xứ nương dựa được gọi là bậc nhất? Không phải ở nơi phần vị của phàm phu cùng hữu học?

Đáp: Ở trong phần vị ấy, các lậu ngầm thâm vi tế cũng không thể nhận biết, hướng chi là có phẩm trung, thượng. Tại địa phàm phu, lậu ngầm thâm hiện bày càng nhiều. Trong phần vị hữu học ít có thể nhận biết là có.

Ở đây, những gì gọi là lậu ngầm thâm? Nên biết như trước đã nói, các cử động v.v..., gọi là lậu ngầm thâm. Nơi phần vị kia, tất cả đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên hướng đến tánh Mâu ni đại viên mãn. Vì thế gọi Mâu ni là tịch tĩnh tối thắng.

Lại, đã loại bỏ hoàn toàn nhân của vị lai, nên đối với khổ của sinh lão tử nơi đầu giữa sau, đều dừng dứt toàn bộ. Lúc hành hiện pháp, đối với các pháp thế gian, bốn thứ tham ái đã vĩnh viễn dứt bật. Bốn thứ sân hận vĩnh viễn vắng lặng. Lại, lúc an trụ, không vui thích ồn tạp, vì đã đạt được tịch tĩnh hoàn toàn.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ-đề phần hiện có, viên mãn tăng thượng, do bảy nhân duyên, nên biết là đã kiến lập bảy thứ chánh pháp. Những gì là bảy? Đó là:

- (1) Đối tượng duyên của tác ý do văn tạo thành.
- (2) Đối tượng duyên của tác ý do tư, tu tạo thành.

(3) Tức ba thứ tác ý ấy, khi gia hạnh có sai biệt.

(4) Đối với việc thọ dụng của cải, thọ dụng khắp của cải đều khéo thông tỏ.

(5) Thọ dụng của cải, giáo pháp, nơi mọi thời gian, từ kẻ khác đạt được.

(6) Lúc đạt cứu cánh, bên trong lia thượng mạn, không hoại mất.

(7) Cũng ở nơi chôn khác, lia tăng thượng mạn, không hoại mất.

Ở đây, lúc dựa nơi các tướng chỉ, cử, xả, tu tập nhận biết, như nơi Địa Thanh văn cùng Địa Tam ma hí đa đã biện biệt về tướng. Về nghĩa ăn uống, như nơi Địa Thanh văn, nên biết có sai biệt.

Lại, ở trong ấy, kẻ thọ dụng của cải: Là đối với các chúng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả v.v... Người thọ dụng pháp: Là chúng Sa-môn. Ta nên hành như thế: Nghĩa là khéo phòng hộ nơi thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ nơi chánh niệm. Người nên trụ như thế: Nghĩa là, đi đến nơi đầu cửa, nếu không đồng ý thì không nên vào. Hoặc được vào rồi, nếu không đồng ý thì không nên tự mình đi tới tòa ngồi mà ngồi. Nên ngồi như thế: Nghĩa là không nên buông thả hết thầy phần thân, cho đến nói rộng. Nên nói như thế: Nghĩa là có năm thứ nói năng:

(1) Nói năng hợp thời.

(2) Nói năng hợp lý.

(3) Nói năng đúng lượng.

(4) Nói năng tịch tĩnh.

(5) Nói năng chánh trực.

Nên im lặng như thế: Nghĩa là nơi năm lúc, phải nên yên lặng:

(1) Hoặc là lúc rối loạn.

(2) Hoặc là lúc bị phỉ báng.

(3) Hoặc lúc tranh chống nhau mà trụ.

(4) Hoặc khi mời thỉnh.

(5) Hoặc lúc đàm luận.

Thế nào là nói năng hợp thời? Nghĩa là không rối loạn, hoặc vôi vĩa tầm tư. Hoặc không vui thích nghe. Hoặc không an trụ nơi oai nghi đúng lúc, mà có ngôn thuyết.

Lại, nên trước hết là theo thứ tự cho thời gian đầu nơi công việc, sau đấy tán thán, khích lệ rồi mới chính thức khởi ngôn thuyết.

Lại, nên chờ cho kẻ khác bàn luận xong xuôi, mới khởi ngôn thuyết. Hết thầy các loại như thế, nên biết gọi là nói năng hợp thời.

Thế nào là nói năng hợp lý? Nghĩa là nương nơi bốn đạo lý, có thể dẫn đến nghĩa lợi, hợp với sự thật mà nói, gọi là nói năng hợp lý.

Thế nào là nói năng đúng lượng? Nghĩa là văn cú trọn đủ, nói ngang với từng ấy là thích hợp, chỉ nên nói bấy nhiêu không thêm không bớt, không nói những câu lời tạp loạn, vô nghĩa. Các loại như vậy gọi là nói năng đúng lượng.

Thế nào là nói năng tịch tĩnh? Nghĩa là lời nói không cao xa, cũng không ồn, động. Thân không vung vẩy, miệng không gào thét mà có lời nói, gọi là nói năng tịch tĩnh.

Thế nào là nói năng chánh trực? Nghĩa là lời nói không dối trá, không nhân nơi bịa đặt mà có ngôn thuyết, lia mọi dua nịnh, quanh co, bày lời luôn thuận hậu, chân thật. Như thế nên biết gọi là nói năng chánh trực.

Đối với bản thân không có các pháp thiện như tín v.v... thì không khởi thượng mạn cho là tự có. Đối với chỗ hẹp nhỏ cũng không tăng thêm để thành rộng lớn. Chỉ ở nơi thật có, cho đến nếu có, nhận biết rõ đúng như thật, tự xưng nói có, gọi là tự nhận biết.

Lại, tín là điều trước tiên để thọ trì tịnh giới. Trì giới là điều trước tiên để cầu pháp đa văn. Do đây làm yếu tố trước tiên để xả bỏ các thứ lỗi lầm. Đối khắp tất cả của cải, thân mạng không chút luyến tiếc. Do đây làm yếu tố trước tiên nên tâm được định tĩnh, chứng trí như thật. Năm pháp như thế, do bốn nhân duyên nên được hiển phát:

(1) Do kẻ khác giáo hóa.

(2) Do sức tăng thượng của giáo pháp, tự nội chứng.

(3) Tầm tư cùng sinh biện tài thù thắng.

(4) Do trước thường xuyên hành tập, đạt được công đức cùng sinh tương ưng nơi các thiện nam.

Lược có hai loại hữu tình, cùng nêu rõ hai loại. Hai loại như thế, phân biệt cả hai đều là thù thắng, nên biết xét chọn hai thứ có sai biệt. Tu bảy pháp thiện được hai thắng lợi: Nghĩa là trong hiện pháp được an lạc của khinh an, biết rõ tánh thật của cảnh, phát sinh hỷ thù thắng. Do nhân duyên ấy nên trụ nhiều nơi hỷ lạc. An trụ ở đây rồi, có thể tư duy như lý, mau chóng chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ-đề phân tăng thượng, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, lược do các học cùng quả của các học gồm thấu tất cả pháp.

Thế nào là các học? Nghĩa là ba thứ học:

(1) Giới tăng thượng.

(2) Tâm tăng thượng.

(3) Tuệ tăng thượng.

Thế nào là quả của học? Nghĩa là hai giới Niết-bàn Hữu dư y và Vô dư y. Nên biết ở đây, tất cả pháp là pháp thiện dục. Xuất gia thanh tịnh nhằm chứng Niết-bàn nên trước thọ trì giới. Do đây, lần lượt cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh. Thế nên, nêu rõ tất cả các pháp, dục là căn bản.

Lại, dựa nơi tịnh giới dẫn cầu chánh pháp, thâm nhận đa văn. Do sức tăng thượng của việc nghe chánh pháp, nên có thể mau chóng hợp chúng tăng ngữ xúc, minh xúc. Thế nên nói pháp kia là tập xúc.

Lại, pháp kia đều là nẻo dẫn đến minh xúc sinh khởi các thọ, cho đến giới bát Niết-bàn Hữu dư y, là hậu tế, vì cầu an lạc mà phát khởi. Lạc này hoàn toàn là không tánh tội, thế nên nói pháp thuộc về học kia, là nẻo đưa đến của thọ.

Lại, pháp kia vì cầu minh xúc hiện có, cũng dựa nơi minh xúc sinh khởi các thọ, dấy tác ý do văn tư tu tạo thành, do đó nói pháp ấy đã sinh tác ý.

Lại, bấy giờ, đối với bốn niệm trụ, do niệm phạm quán, dùng quán làm chỗ dựa, cùng với chỉ của nội tâm làm tăng thượng, thế nên nói pháp kia là tăng thượng của niệm.

Lại, niệm tăng thượng khởi Xa-ma-tha, cùng với diệu trí nơi hiện quán về Thánh đế sau là đứng đầu, chuyển biến, thế nên nói pháp kia đối với định là đứng đầu.

Lại, ở trong các hiện quán về Thánh đế, tuệ là tối thắng, nghĩa là có thể vĩnh viễn rốt ráo dứt hết các lậu. Do đó nói tuệ của pháp kia là tối thắng.

Lại, do tất cả lậu đã hoàn toàn dứt hết, nên đạt được minh xúc cứu cánh, sinh các thọ cùng hành với giải thoát. Tức giải thoát này không phải do tất cả pháp thuộc về học thường xuyên tùy được, mà chỉ do chứng đắc tức thì. Vì giải thoát này, trong tất cả lạc là bậc nhất, hơn hết, không có tánh tội, thế nên nói pháp kia tức dùng giải thoát để tạo sự kiên cố.

Lại, pháp kia đối với tâm khéo giải thoát như thế, hoặc đối với các Minh xúc đã sinh các thọ, hoặc nơi các pháp hiện có thuộc về học, cùng chỗ dựa là thân, đối với giới Bát Niết-bàn Vô dư y, tự

nhiên vận hành đạt tịch diệt cứu cánh, thế nên nói pháp kia đều cho Niết-bàn là hậu tế.

Nên biết ở đây, dục là tăng thượng để thọ trì tịnh giới, gọi là giới học tăng thượng. Nương dựa nơi tuệ của tâm tăng thượng thuộc xúc, thọ, nhận giữ phương tiện nơi tác ý hiện có, hoặc niệm hoặc định cùng với gia hạnh, gọi là tâm học tăng thượng. Tuệ là tối thắng, gọi là tuệ học tăng thượng. Như vậy nên biết gọi là ba học. Pháp kia nương giữ nơi giải thoát kiên cố, nên giới Bát Niết-bàn Hữu dư y là học quả thứ nhất. Niết-bàn nơi hậu tế, tức giới Bát Niết-bàn Vô dư y là học quả thứ hai.

Như vậy là lược nói về học và quả của học gồm thấu tất cả pháp.

Lại, các học này cùng quả của chúng có thể chứng đắc tư lương, nên biết là có thể đối trị tám thứ lỗi làm tai họa, tu tập chín tướng.

Những gì gọi là tám thứ lỗi làm tai họa? Đó là:

- (1) Tham chấp lợi dưỡng, sự cung kính.
- (2) Yêu mến, cất chứa tất cả các hành của hữu sau.
- (3) Biếng nhác lười trễ.
- (4) Thân kiến.
- (5) Tham đắm nơi vị ngon.
- (6) Nơi vô số sự diệu của các thế gian vui muốn tham ái.
- (7) Nương dựa nơi phóng dật theo phương tiện hành ác.
- (8) Nương dựa nơi nguyện tà tu tập phạm hạnh.

Thế nào gọi là tu tập chín tướng? Đó là:

- (1) Tu tập tướng xuất gia.
- (2) Tu tập tướng vô thường.
- (3) Tu tập tướng vô thường, khổ.

- (4) Tu tập tướng khổ, vô ngã.
- (5) Tu tập tướng chán nghịch về ăn uống.
- (6) Tu tập tướng tất cả thế gian không thể an lạc.
- (7) Tu tập tướng chết.
- (8) Tu tập tướng bình đẳng, không bình đẳng nơi thế gian.
- (9) Tu tập tướng có, không, hiện, ẩn, lỗi lầm, xuất ly.

Nên biết ở đây, hành bình đẳng như pháp hiện có, có thể đi đến nẻo thiện, gồm thân nghiệp thân ngữ ý thiện, gọi là bình đẳng. Hành không bình đẳng của phi pháp hiện có, có thể dẫn đến nẻo ác, gồm thân nghiệp thân ngữ ý bất thiện, gọi là không bình đẳng.

Lại, trụ nơi đây, hoặc sinh hoặc trưởng, có thể dấy khởi các khổ hiện có của hậu tế, được gọi là có. Từ nơi tiền tế kia, ở trong hiện pháp có khổ tử diệt, được gọi là không. Các thứ hiện, ẩn v.v... còn lại, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, nghe pháp không chân chánh với sức tăng thượng đã sinh tướng không như lý làm chỗ nương dựa, phát khởi vô minh sinh ra các thọ. Do đây làm chỗ dựa sinh khởi các lậu. Các ngoại đạo, đối với các lậu ấy đã không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các thọ do vô minh xúc sinh ra không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các tướng tà vạy hiện có được sinh do sức tăng thượng của việc lãnh hội pháp bất chánh, không nhận biết đúng như thật. Nơi ba xứ ấy đều không nhận biết như thật, nên phát khởi cầu dục, phát khởi cầu hữu, cũng lại phát khởi cầu phạm hạnh tà vạy cùng cầu về không, có.

Các ngoại đạo đối với các dục không nhận biết như thật, đối với nghiệp của hữu sau không nhận biết đúng như thật, đối với các khổ ấy không nhận biết như thật. Ở đây, năm thứ trước là xứ của tập đế. Một thứ sau cùng là xứ của khổ đế. Như vậy, ngoại đạo đối với tập đế ấy và khổ đế đều không nhận biết đúng như thật.

Lại, tức ở nơi tập đế, khổ đế ấy, lược do hai tướng, nên không nhận biết đúng như thật:

(1) Do tạp nhiễm.

(2) Do thanh tịnh.

Tạp nhiễm lại có bốn tướng:

(a) Tụ tánh.

(b) Nhân.

(c) Quả.

(d) Nhân quả có sai biệt.

Thanh tịnh lại có hai thứ:

(a) Tập khổ diệt.

(b) Hành hướng diệt.

Các ngoại đạo, ở trong bốn Thánh đế như thế, thiếu hẳn chánh trí, nên không thể tu tập pháp Bồ-đề phần. Do nhân duyên ấy, nên chỗ tu hành phạm hạnh hiện có của họ không được gọi là rốt ráo tột cùng. Tức do duyên này nên không gọi là đạt đến cứu cánh, vì không dứt hết các lậu. Người trụ nơi nội pháp, cùng với trên trái nhau, chỗ tu phạm hạnh là rốt ráo cùng tột, gọi là đạt đến cứu cánh, dứt sạch các lậu.

Lại nữa, đối với sáu thứ hữu tình kia, dựa nơi pháp nhiễm tịnh, Đức Như Lai hiện có căn trí của bậc Đại sĩ, cùng với pháp vị lai sinh khởi trí để chuyển.

Những gì gọi là sáu thứ hữu tình? Nghĩa là có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, đối với pháp - luật thuyết giảng thiện của Phật đạt được tịnh tín, nói rộng cho đến đạt được kiến chánh trực. Hữu tình ấy nơi đời hiện tại, ở trong pháp - luật thuyết giảng ác, gần gũi không phải bậc thiện tri thức, nghe không phải chánh pháp, tác ý phi lý, ở trong hiện pháp, đầu tiên sinh khởi các tà kiến, thọ các

ngiệp tập nhiễm. Hữu tình ấy, bấy giờ, thành tựu pháp thiện hiện có của đời trước, cùng với các pháp bất thiện trong hiện pháp. Lại, nơi thời gian sau, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý. Tức do nhân trước nên dứt bỏ pháp - luật thuyết giảng ác, đối với các pháp bất thiện của tướng nêu giảng ác không sinh nhiễm vương, mau chóng có thể trừ dứt. Hữu tình ấy, đối với vị lai thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, cùng hành hai thứ pháp Tỳ-nại-da. Do đầy làm nhân, nên ở trong hiện pháp thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, đầu tiên như trước, đối với pháp thuyết giảng thiện, cho đến đạt được tác ý như lý, ở trong hiện pháp, các pháp bất thiện khiến pháp sẽ diệt mất, pháp mới không sinh nữa. Còn các pháp thiện, khiến pháp cũ tăng trưởng, pháp mới lại sinh nữa. Các pháp bất thiện hiện có từ trước chưa đoạn trừ, tùy miên đeo đuổi, nay đối với tất cả đều có thể đoạn trừ, trụ nơi không phóng dật. Hữu tình ấy đối với đời vị lai, thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, chỉ hành ngoại hành. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, do đầy làm nhân, thường xuyên hành tập xuất gia, hành tập theo tà kiến, ở trong pháp, luật thuyết giảng thiện, gặp được duyên hòa hợp mà được xuất gia. Đã xuất gia rồi lại sinh tà kiến, trụ nơi tự kiến thủ, tạo nghiệp vô gián, cũng đoạn căn thiện, hoàn toàn tạo tác các pháp bất thiện, quyết định đi đến nẻo ác. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

Lại có ba thứ hữu tình khác, cùng với ba thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Ở đây, loại hữu tình thứ nhất, trước tiên đối với ngoại pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp trước tiên không phóng dật, sau hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ hai, trước đối với nội ngoại pháp, cùng tập hành nhân, ở trong hiện pháp chuyên hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ ba, trước đối với nội pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp, nên biết hoàn toàn tu tập không phóng dật.

Lại, ở trong ấy, đời trước đã hành tập nhân thiện, bất thiện, cũng như chủng tử. Đời nay, nơi pháp - luật thuyết giảng thiện, đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với chủng tử bất thiện của đời trước kia, cũng như ruộng xấu. Cùng với đây trái nhau, là đời nay, nơi pháp - luật thuyết giảng ác, đối với chủng tử bất thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng xấu.

Lại, lực tăng thượng của nhân đời trước, nay pháp thiện khởi, cũng như ánh sáng. Cùng với tất cả các pháp bất thiện kia, như vô minh tối tăm, là chủ thể đối trị. Pháp bất thiện cùng với tất cả pháp thiện hiện có cũng như ánh sáng, làm đối tượng đối trị. Như vậy, các pháp bất thiện của đời trước, như có than nóng, do có nghĩa có thể thiêu đốt thân tâm. Pháp - luật thuyết giảng ác của đời nay như ngôi nhà cỏ lau khô.

Lại, pháp thiện hiện có của đời trước như có than nóng, do có nghĩa có thể đốt cháy phiền não. Pháp luật thuyết giảng thiện của đời nay như ngôi nhà cỏ lau khô.

Lại, pháp thiện hiện có nơi đời trước, nay ở nơi pháp - luật thuyết giảng ác, do tổn giảm, cũng như đồ đựng bằng đá đem để nơi chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Lại, các pháp bất thiện của đời trước, nay ở nơi pháp - luật thuyết giảng thiện, do đoạn dứt, nên cũng như đem vật đựng bằng đá đặt tại chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Ở đây, các Đức Như Lai, do căn vô thượng của bậc Đại sĩ nơi lực của trí có hơn kém, đối với nhân thiện bất thiện của đời trước đã hợp thành căn, theo chỗ ứng hợp đều nhận biết rõ như thật.

Lại, nơi môn nhiễm tịnh của hiện pháp chuyển đổi, sinh khởi các pháp nhiễm tịnh của vị lai, cũng theo chỗ ứng hợp, đều nhận biết rõ đúng như thật, nên nói là thành tựu điều hết sức hy hữu.

Lại nữa, hành đi đến nẻo ác, hành đi tới nẻo thiện, hành vượt qua có sai biệt, nên biết lược có năm môn không đồng. Do năm môn này, nên đối với sự tự vượt qua, đã nhận biết rõ như thật. Đối với sự vượt qua của kẻ khác, cũng biết rõ khắp, đúng đắn. Đó là chư Phật và đệ tử của chư Phật.

Thế nào gọi là hành đi đến nẻo ác? Nghĩa là tất cả Tát-ca-da-kiến hiện có của các ngoại đạo dùng làm căn bản. Các kiến thú ác cùng đối tượng duyên của chúng, và chỗ nương dựa ấy dùng làm nơi nương dựa, phát sinh vô số dục ác cùng hại, hoặc vô lượng pháp ác bất thiện hiện có như sát sinh v.v..., như kinh đã nói rộng, cho đến các hành phi pháp hiện có, hành không bình đẳng là sau cùng. Có thể đi đến nơi chốn hiểm ác, có thể đi tới địa ngục, có thể đi đến các nẻo ác sinh khởi có sai biệt. Hoặc trụ nơi các cảnh giới kia gọi là sinh vào nẻo ác, lãnh nhận dị thực của các quả phi ái, chiêu cảm do nhân của những nẻo ấy. Như thế gọi là hành đi đến nẻo ác.

Các Thánh đệ tử đa văn đối với điều ấy, nếu nơi đối tượng duyên kia sinh các kiến thú, hoặc tự dựa vào đây khiến khởi chấp trước, hoặc các dục ác hiện có, có thể dẫn đến tất cả nẻo hiểm ác, nói rộng cho đến các hành phi pháp, các hành không bình đẳng cho là sau cùng. Nếu trụ ở đây, lãnh nhận quả phi ái, xấu ác v.v..., hết thấy như thế đều tùy quán đúng như thật, không có ngã, ngã sở. Tức là ở trong đó, quyết định không ngã, cũng không ngã sở. Quán như vậy rồi, chính lúc đối với Thánh để đạt được hiện quán, các kiến thú, tùy miên căn bản kia đều vĩnh viễn dứt sạch, nên gọi là đoạn, ngoài ra hết thấy đều rất ráo không còn nối tiếp. Các Thánh đệ tử này, đối với kiến thú kia được xem là căn bản hiện có để có thể dẫn đến các nơi chốn hiểm ác, quyết định không tạo tác, nên nhất định không thể đi

đến các nơi chôn hiềm ác. Đó gọi là môn vĩnh viễn trừ hành thứ nhất dẫn đến nẻo ác. Do nhân duyên ấy nên có thể đối với tự nội, nhận biết rõ như thật, về các Thánh lìa ngã v.v...

Như thế, chư Phật cùng đệ tử của Phật, có thể nhận biết khắp, đúng như thật về môn vĩnh viễn dứt trừ hiện có sai biệt.

Lại, tức các Thánh đệ tử như thế, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện còn lại chưa đoạn, nên chư vị đối với chỗ tạo tác trước không sinh biết đủ, đối với việc dứt hết lậu nêu tiên khởi vui thích, mong muốn, phát tâm chánh nguyện, nơi chỗ đạt được các đạo thế tục, quán xét kỹ về lỗi lầm, nghĩa là chúng không thể lìa khổ một cách rốt ráo. Đó gọi là môn phát tâm nguyện thứ nhất, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện.

Phát tâm nguyện rồi, đối khắp hữu sau của tất cả nẻo thiện sinh khởi ái vị, đều quán sâu xa về lỗi lầm của chúng, nhưng con đường hiềm ác, tâm sinh chán lìa, vui mộ tịch tĩnh nơi Niết-bàn hiện pháp, tu tập đúng đắn theo phương tiện, do đầy tiến tới như trước đã đạt được hành hướng đến Niết-bàn. Như thế gọi là môn có thể tiến tới.

Chư vị kia, do tu đạo lần lượt lìa dục, cho đến có thể nhập định hữu thứ nhất, nếu đối với xả trên sinh nhiều ái vị cùng nhân duyên phóng dật, ở trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, thì chỉ gọi là quả Bất hoàn của hành trên. Như thế gọi là môn sau của hành trên. Nếu lại đối với pháp kia, quán sâu xa về lỗi lầm, tai họa, ở trong xả trên không sinh ái vị, đối với hiện pháp có thể chứng Niết-bàn, dựa nơi Bát Niết-bàn Hữu dư y để nêu bày, như vậy gọi là môn Bát Niết-bàn. Do môn này, nên nhận biết rõ đúng như thật về tự Bát Niết-bàn, vượt qua tất cả hành dẫn tới nẻo thiện, đối với sự vượt qua của kẻ khác cũng có thể nhận biết đúng khắp. Đó là chư Phật cùng đệ tử của Phật. Ở đây, thứ nhất là môn vĩnh viễn dứt trừ, nên biết là vượt qua hành dẫn đến nẻo ác. Sau, phát tâm nguyện tiến đến hành trên là bốn môn Niết-bàn, nên biết là vượt qua hành dẫn tới nẻo thiện.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đã kiến đế tích, nhưng chưa lìa dục, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

- (1) Tạp nhiễm của dục.
- (2) Tạp nhiễm của hữu sau.

Đối với hai thứ ấy, các Thánh đệ tử nên siêng năng gia hạnh, tịnh tu nơi tâm. Chư vị, vì nhằm đoạn trừ tạp nhiễm của dục, nên lúc siêng tạo phương tiện, dần dần dựa vào ba hành:

- (1) Hành hướng đến vô động.
- (2) Hành hướng đến xứ vô sở hữu.
- (3) Chứng nhập định vô động, vô sở hữu, xứ phi tướng phi phi tướng.

Ở đây, do đối trị đoạn, cùng đối trị phần xa, nên vượt qua tạp nhiễm của dục. Hoặc vì đoạn trừ tạp nhiễm của hữu sau, nên lúc siêng tạo phương tiện, đã lìa ái của cõi dục, chưa lìa ái của cõi sắc. Chư vị tu tập đúng đắn, có thể đoạn trừ tạp nhiễm hiện có của hữu sau, do đạo đối trị có sai biệt, đã lìa ái của cõi sắc, cho đến có thể nhập định phi tướng phi phi tướng xứ. Nếu trong hiện pháp, đối với xả trên sinh nhiều ái vị, không Bát Niết-bàn, thì chư vị đối với hiện pháp không hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm của hữu sau hiện có. Nếu đối với xả trên không sinh ái vị, thì chư vị, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn, có thể hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm hiện có nơi hữu sau. Nên biết ở đây, hoặc vì đối trị tạp nhiễm của dục, nên tu đạo đối trị, lần lượt cho đến có thể nhập định đệ nhất hữu. Hoặc vì đối trị tạp nhiễm của hữu sau, nên tu đạo đối trị, lần lượt cho đến có thể nhập định đệ nhất hữu. Hai thứ như thế gọi là cùng giải thoát. Do các Thánh giả và hàng phàm phu không phải Thánh đều có thể cùng dung nạp, thế nên giải thoát này không gọi là Thánh giải thoát.

Nếu đối với tất cả khổ cho đến Tát-ca-da khổ của cõi Hữu đảnh, đều nhận biết như thật rồi, vượt qua cõi Hữu đảnh, ở trong hiện pháp đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tạp nhiễm hiện có, thì giải thoát như thế chỉ các Thánh giả mới có thể đạt được, nên giải thoát ấy gọi là Thánh giải thoát.

Như vậy, tất cả gồm chung có năm xứ:

- (1) Hành hướng đến vô động.
- (2) Hành hướng đến xứ vô sở hữu.
- (3) Hành hướng tới xứ phi tướng phi phi tướng.
- (4) Niết-bàn hiện pháp.
- (5) Thánh giải thoát.

Lại có ba thứ lỗi lầm tai họa của các dục:

(1) Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của lạc thọ, đã sinh khởi nhân duyên của tham dục.

(2) Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của khổ thọ, đã sinh khởi nhân duyên của sân hận.

(3) Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của thọ không khổ không lạc, đã sinh khởi nhân duyên phần phát vô minh.

Lại, các dục này chính ở nơi ba xứ, nên quán xét về lỗi lầm tai họa của chúng:

- (1) Tự tánh.
- (2) Đối tượng duyên.
- (3) Trợ bạn.

Tự tánh: Nghĩa là phân biệt hư vọng sinh khởi tham ái.

Đối tượng duyên: Tức là cảnh của năm thứ sắc, hoặc trong hoặc ngoài.

Trợ bạn: Là tác ý phi lý tương ưng với tướng điên đảo.

Lại, ta đã đạt được an trụ đầy đủ nơi xứ sở này, sinh khởi tin hiểu, nên biết chư vị ở trong đạo gia hạnh tu tập tịnh tín, nơi xứ sở ấy sinh tâm tịnh tín. Do sức tăng thượng của tịnh tín này, nên tu tập tinh tấn niệm định tuệ. Từ nơi tĩnh lự thứ nhất, lần lượt cho đến xứ thức vô biên, các định vô động đều có thể chứng nhập. Lại, do tuệ kia đã phát khởi thắng giải này: Nghĩa là ta đã có thể nhập các định như thế. Đây tức có thể chiêu cảm quả sinh hiện có do xứ thức vô động. Nếu trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, hoặc không tiến cầu đi đến địa trên, thì chư vị ấy, nơi vị lai quyết định nên đi đến xứ vô động đó.

Lại do ba duyên, tức đối với các địa này, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động. Nghĩa là do dục v.v... bên ngoài tán động được đoạn trừ, nên lập tĩnh lự thứ nhất làm xứ vô động.

Tâm tứ hỷ lạc, trong địa của cõi sắc, các thứ động được đoạn trừ nên lập tĩnh lự thứ tư làm xứ vô động. Vô số tướng có sắc có đối biệt dị, các thứ động đã đoạn, nên lập xứ không vô biên, xứ thức vô biên làm xứ vô động. Tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, khoảng giữa và càng về sau, các thứ động hiện có đều đoạn, nên biết cũng được gọi là xứ vô động. Xứ thức vô biên, do môn ngoài của xứ không vô biên duyên nơi động đã được xa lìa, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động.

Nói tóm lại, duyên nơi định hiện có không dao động, nên đều gọi là vô động. Biên vực của định này tột cùng đến xứ thức vô biên, do đó nên biết, cho đến xứ ấy đã kiến lập là vô động. Tức tất cả duyên nơi định hiện có ấy, đều gọi là định của tướng hữu thượng. Từ đây trở lên, duyên nơi định vô sở hữu, nên biết gọi là định của tướng vô thượng. Từ đây trở lên, lại gọi là định của xứ phi tướng phi phi tướng.

Nên do ba phần nêu rõ về ba hành. Do ba thứ môn, các Thánh đệ tử chán bỏ dục v.v... Đã chán bỏ rồi, lần lượt có thể nhập, cho đến

định của xứ thức vô biên, do đây đã kiến lập hành có thể đi đến ba thứ xứ vô động.

Lại, hoặc tướng sắc, hoặc tướng vô động, đối với các địa dưới sinh chán hoại sâu xa rồi, có thể nhập định của xứ vô sở hữu. Đó gọi là hành thứ nhất có thể hướng đến xứ vô sở hữu.

Lại, tức xứ này là biên vực tu tập của đạo vô lậu. Đạo vô lậu này lại có hai thứ:

(1) Hữu thượng.

(2) Vô thượng.

Như hữu thượng của định hữu tướng, kết hợp với hành vô thường, thì vô thượng kia kết hợp với hành vô ngã. Do hành hữu thượng đối với địa dưới sinh chán hoại sâu xa rồi, nhập định của xứ ấy.

Do hành vô thượng, đối với dưới, trên, trong tất cả pháp tư duy đều là vô ngã, nên có thể nhập định vô lậu nơi xứ vô sở hữu. Hành vô thượng ấy, nên biết gọi là hành thứ hai hướng tới.

Hành thứ hai hướng tới này, lại do hai hành có sai biệt, nên kiến lập hai thứ.

Thế nào là hai hành? Nghĩa là trí sai biệt của chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa. Ở đây, chủ thể nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thứ hiện có, hoặc là giới hữu tình, hoặc là tự thân của ngã, trong đó đều không có xứ thuộc về ngã, tức là địa phương, lãnh vực. Thuộc về ngã: Nghĩa là các hữu tình. Sự thuộc về ngã, nghĩa là hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc bạn, hoặc chủ, các loại như thế. Như họ đối với ngã không phải là xứ hệ thuộc.

Không hệ thuộc: Là sự không có hệ thuộc. Như vậy, ngã cũng đối với họ không phải là xứ thuộc về. Không thuộc về: Là sự không hệ thuộc.

Ở đây, đối tượng được nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thể gian không, không có thường cùng ngã, ngã sở. Ở đây, đều không có thường, ngã, ngã sở chân thật có thể đạt được, chỉ có các hành. Như vậy, thể gian đều đã là không, nên lại có cái gì có xứ hệ thuộc? Có hệ thuộc: là có sự hệ thuộc. Do đó nên biết, trí vô ngã trước là chủ thể nương dựa. Trí vô ngã sau là đối tượng được nương dựa.

Xứ phi tướng phi phi tướng không có đạo vô lậu, chỉ do tướng chán hoại xứ vô sở hữu, nên có thể nhập định của xứ ấy. Trong đó chỉ có một hành hướng tới này.

Lại, ở trong ấy, ngã sở sao lại không có: Nghĩa là do các khổ như sinh v.v... nên nói ngã có khổ. Ngã sao lại không có? Tức do các khổ như sinh v.v... khiến ngã phát tâm lạc dục như thế rồi, siêng năng gia hạnh đúng đắn. Gia hạnh như vậy rồi, nên đạt được các thứ hiện có trước sau có sai biệt. Do nhân duyên ấy, nên lại được quyết định: Nghĩa là ngã sẽ không có. Ngã sở sẽ không có. Nếu nay hiện có: Nghĩa là hiện nay nơi hiện pháp, nghiệp mới hiện có đã tạo tác, làm tăng trưởng. Nếu ngày trước đã có: Nghĩa là các nghiệp cũ. Các Thánh đệ tử kia, đối với tất cả quả dị thực hiện có đều không mong cầu. Tất cả đều nên dứt bỏ, không luyến tiếc.

Lại nữa, Tụng nêu:

*An lập thuần biên vực
Cùng duyên khởi như lý
Lúc tu, chướng tự tánh
Nói đoạn, khởi tu sau.*

Ở đây, an lập bốn niệm trụ làm đầu, đạo chi làm sau cùng nơi ba mươi bảy thứ pháp Bồ-đề phần, hoặc lược hoặc rộng, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại do bốn niệm trụ, nên biết tất cả biên vực của sự thuộc đối tượng nhận thức. Do biên vực của sự nơi đối tượng nhận thức nên lại nhận biết rõ về biên vực của sự thuộc trí.

Lại bốn niệm trụ, do dục tinh tấn v.v..., tu tập gia hạnh mới được viên mãn. Nên biết, trừ bốn thứ niệm trụ ấy ra thì lại không có đạo không đồng phạm nào khác, hoặc cảnh của đối tượng duyên. Do đạo ấy, cảnh ấy có thể dứt hết các lậu, đạt được Niết-bàn.

Do không có đạo thanh tịnh thứ hai, nên nói thuần có một chánh đạo có thể hướng đến.

Lại, thuần một chánh đạo có thể hướng tới này, do hai nhân duyên có thể khiến cho hữu tình đạt thanh tịnh rất ráo:

(1) Do lực xét chọn.

(2) Do lực tu tập.

Đối với bốn niệm trụ siêng năng tu tập gia hạnh, dựa nơi lực xét chọn, vượt qua mọi sầu lo, phóng túng. Do dựa nơi lực tu tập thế gian, nên có thể lìa dục ái, dứt bỏ ưu khổ.

Dựa nơi lực tu tập xuất thế gian, nên vượt qua tất cả Tát-ca-da khổ. Cũng có thể chứng đắc tám chi Thánh đạo cùng quả của Thánh đạo nơi pháp diệu chân thật. Hết thấy hữu tình nên biết đều do hai thứ lực xét chọn, tu tập, nên đạt được tất cả thứ thanh tịnh rất ráo.

Lại nữa, nếu đối với bốn thứ đối tượng duyên như thân v.v... phát khởi vô số tác ý phi lý, tức liền trái với bốn thứ niệm trụ. Chồng trái ở đây, tức liền chồng trái với tác ý như lý. Nghĩa là như lý của Thánh liên tiếp có thể sinh khởi chi chánh kiến cùng Thánh đạo hiện có. Chồng trái ở đây, tức liền chồng trái với tất cả Thánh đạo. Chồng trái với đạo, nên liền là chồng trái với quả cam lồ của đạo là Niết-bàn cứu cánh.

Lại, sự Du già nhận biết rõ bốn duyên như thân v.v... sinh rồi, lại đối với các pháp của ba đời như thân v.v... trụ nơi quán vô thường. Do trụ nơi quán vô thường như thế, nên đối với các hữu sau, hoàn toàn không nương dựa vào ái của hữu sau để trụ.

Lại, trong hiện pháp, nơi tất cả hành hoặc trong hoặc ngoài đều không chấp giữ ngã, ngã sở.

Lại, nơi đời vị lai, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập. Nơi đời quá khứ, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp diệt. Nơi đời hiện tại, pháp sinh rồi liên tục tận diệt, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập diệt. Do chư vị, đầu tiên đối với các pháp như thân, quán tánh của duyên sinh, ngộ nhập vô thường. Ngộ nhập tánh vô thường như thế rồi, đối với xứ tạp nhiễm của các kiến ái, tu tập, an trụ nhiều, tịnh trị nơi tâm. Như thế, phương tiện của tác ý viên mãn, do đầy làm chỗ dựa, có thể tùy thuận đạt được lậu tận rốt ráo.

Lại, tất cả pháp, nói tóm tắt, là thiện bất thiện, hoặc phẩm tạp nhiễm, hoặc phẩm thanh tịnh. Nên biết ở đây, các phẩm tạp nhiễm đều dùng tác ý phi lý làm sự tích tập. Các phẩm thanh tịnh đều dùng tác ý như lý làm sự tập hợp. Như thế, tất cả lược chung gọi là tác ý làm tập.

Lại nữa, tu tập các niệm trụ, hoặc lược hoặc rộng, như nơi Địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại, đạo lý của sự tu tập niệm trụ này, không phải khi Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời mới bắt đầu tuyên thuyết, khiến các Thánh đệ tử tu tập thích ứng. Nhưng nơi quá khứ, từ vô thủy đến giờ, đối với các niệm trụ, sự tu tập luôn lưu chuyển, và đối với đời vị lai, nên biết sự tu tập cũng không cùng tận.

Lại, vô lượng pháp thiện thế gian xuất thế gian của ba đời quá khứ hiện tại vị lai ấy, đã sinh khởi từ nơi chốn nương dựa, nên nói bốn thứ niệm trụ như thế gọi là tụ thiện.

Lại, có thể gây chướng ngại cho tụ thiện như thế, nên nói năm cái gọi là tụ bất thiện.

Lại, do bốn pháp của đối tượng nhận thức như thân v.v... là không có biên vực riêng biệt, nên trí tuệ của Đức Như Lai đối với chúng không bị ngăn ngại, cũng không có biên vực. Do trí vô biên, nên Đức Như Lai đã thuyết giảng giáo pháp vô thượng, cũng không có biên vực. Giáo pháp như vậy, do hai duyên nên được hiển bày:

(1) Do văn.

(2) Do nghĩa.

Môn sai biệt của nghĩa không có số lượng. Môn mở bày làm rõ nghĩa nơi văn cú của giáo pháp, cũng không có số lượng. Đối với văn cú ấy, không tuyên thuyết lần nữa. Từ vô biên, biện tài lần lượt đạt đến vô tận. Thế nên Đức Như Lai đã thành tựu pháp kỳ diệu chưa từng có. Khéo có thể tuyên thuyết giáo pháp hiện có, ở trong một nghĩa có thể dùng vô lượng văn cú xảo diệu, theo phương tiện khai thị mà không thuyết trùng lặp.

Lại, đối với Thánh giáo, trí lãnh hội tông chỉ, nghĩa lý sâu xa đã khéo thành tựu, gọi là “có nghĩa lý sâu xa”. Tuệ diệu cùng sinh do văn, tư tạo thành, khéo thành tựu, nên gọi là “có ý nghĩa”. Thành tựu về định, nên gọi là “có niệm”. Thông tỏ về đế nên gọi là “có tuệ”. Nên biết ở đây, một câu đầu là nêu chung, ba câu sau là giải thích riêng.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với thân cùng pháp, trước do văn, tư tác ý như lý, an trụ nơi quán chỉ có thân cùng pháp, nhận biết tất cả pháp, tánh vô ngã rồi, không chỉ đối với tác ý do văn, tư ấy mà sinh biết đủ, chỉ mong cầu tâm định giải thoát. Vì cầu định nên trụ nơi xứ xa lìa, chỉ duyên nơi thân v.v... do chín hành tướng khiến tâm an trụ, khiến bên trong tâm được vắng lặng. Do hai nhân duyên khởi bốn niệm trụ, gọi là khéo phát khởi:

(1) Do trí như thật tác ý như lý.

(2) Do trí như thật của Tam-ma-địa.

Tuệ này không gián đoạn, do trí như thật nên đạt được cứu cánh.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với ba thứ đối trị, được tùy thuận theo điều mong muốn, được không khó khăn, được không trở ngại. Nghĩa là tướng vô thường, hoặc quán nhân từ, hoặc định vô tướng. Chư vị, do ba thứ đối trị như thế, theo chỗ ứng hợp, như trước đã nói.

Đối với cảnh giới hợp ý cùng thân, trụ nơi tướng chán nghịch, nơi tướng không chán nghịch, dứt bỏ hai thứ kia, xả niệm, chánh tri. Do nhân duyên ấy, nên biết gọi là “khéo tu niệm trụ”.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Trước các căn ái vị
Trước sau có sai biệt
Giữ tướng cùng các triền
Quả lợi lớn là sau.*

Có ba thứ căn, đối với tất cả “Thiện tụ” của các niệm trụ, làm chướng ngại, nên biết gọi là “Tụ pháp bất thiện”. Những gì là ba căn? Đó là:

- (1) Căn hành ác: Có thể khiến cho vị lai trụ nơi khổ của nẻo ác.
- (2) Căn tâm tư: Có thể khiến cho hiện pháp trụ nơi khổ bất an.
- (3) Căn của căn: Cùng với căn hành ác và căn tâm tư làm căn bản, nên gọi là căn của căn.

Ở đây nên biết, ba căn bất thiện là tham sân si có thể cùng với hành ác của thân v.v... làm căn. Ba tướng như dục v.v... có thể cùng với tâm tư như dục v.v... làm căn. Ba cõi như dục v.v..., nên biết có thể cùng với ba căn như tham v.v..., cùng ba căn như dục tướng v.v... làm căn.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với bốn niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng đạo thế gian lia ái của cõi dục, nói rộng cho đến, đạt định của

hữu thứ nhất, an trụ đầy đủ. Tức ở nơi định này sinh nhiều ái vị. Tức ở nơi định này sinh tưởng biết đủ, không siêng cầu đạt được các pháp của bậc trên chưa chứng đắc. Ở đây, trong Thánh pháp Tỳ-nại-da không gọi là Đại sĩ.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với cảnh như thân v.v... đã tinh tấn an trụ, quán tuần thân v.v..., do chín thứ hành tướng khiến tâm được an trụ, giúp cho tâm nội tụ. Nên biết tâm này, đối với pháp Xa-ma-tha đã đối trị các thứ hôn trầm thấp kém của thân tâm, khiến không đạt được giải thoát. Do không giải thoát, nên dựa vào tâm tụ ấy, sinh khởi tánh của các hôn trầm trong thân, sinh khởi tánh của các thứ thấp kém trong tâm. Nếu đối với niệm trụ, tâm khéo an trụ, nhận biết rõ đúng như thật về chôn sinh khởi tùy phiền não ấy rồi, liền từ nội tụ trở lại thâm tóm tâm để yên nơi bên ngoài cảnh tướng tịnh diệu. Nghĩa là đối với hành duyên nơi công đức của Phật, giữ tâm khiến trụ. Do duyên ở đây, nên phát sinh hoan hỷ, nói rộng cho đến, do môn cử diệu nên ở nơi cảnh của đối tượng duyên khiến tâm được định. Theo chỗ đối trị của Xa-ma-tha về các tùy phiền não mà được giải thoát. Từ đó trở về sau đều nhận biết rõ như thật, đối với tùy phiền não tâm được giải thoát. Vì nghĩa này nên cầu nguyện, nơi bên ngoài đạt được nghĩa ấy rồi, trở lại như trước, thâm tóm nội tụ của tâm, nhưng không bị các tùy phiền não làm não loạn. Tâm được nội tụ rồi, không do cầu nguyện, tự nhiên nhận biết rõ như thật, về nơi bên ngoài tâm được giải thoát. Chư vị ấy, đối với hành tướng tầm tư của ngoại duyên có chỗ đã được chế phục. Các gia hạnh khó có thể vận chuyển đều được tự tại giải thoát, xả bỏ, an lạc mà trụ, tức đã được thành tựu đầy đủ Xa-ma-tha thù thắng. Các Bí-sô như vậy, nơi bốn thứ niệm tụ tâm khéo an trụ, có thể nhận biết rõ đúng về trước sau có sai biệt.

Lại nên biết, các hữu tình này trước đã tu tập Tỳ-bát-xá-na, dùng pháp ấy làm chỗ dựa, đối với Xa-ma-tha tu hành Du già.

Lại nữa, có các Bí-sô, nơi các niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng pháp Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương dựa, đối với pháp Xa-ma-tha vui thích tu hành quán. Các vị ấy, tức nên ở nơi tự tâm thuộc về nội Xa-ma-tha giữ lấy tướng như vậy: Nghĩa là ta nay, tư duy về điều gì, vì sao tư duy, khiến tâm thọ nhận Xa-ma-tha bị các thứ hôn trầm, thấp kém của thân tâm vốn do Xa-ma-tha đối trị, làm não loạn. Lại, ta nay tư duy về nơi chốn nào, vì sao tư duy, khiến tâm được Xa-ma-tha thâm nhận không bị các pháp kia làm não loạn.

Nếu các Bí-sô không giữ lấy tướng mạo của tự tâm như thế, chỉ tự nhận biết rõ tâm ấy bị tùy phiền não nhiễm ô rồi, liền đối với duyên bên ngoài nhận lấy tướng tịnh diệu, do đây làm nhân, tuy có thể tạm thời trừ bỏ tùy hoặc hiện tại hiện tiền, nhưng nơi thời gian sau hoặc lại như trước, thân giữ tâm nơi nội tự, trở lại bị tùy hoặc não loạn như thế, tức không được định tĩnh, như trước không giữ lấy tướng của tự tâm. Do nhân duyên ấy, nên bị tùy phiền não thường xuyên nhiễu, lại không thể đạt được nghĩa vui vẻ mong cầu, mà còn bị tổn não do sự ưu sầu kia. Trải qua thời gian dài không thể có được nội tâm dùng lặng, không thể đạt được việc trước tiên dựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na để có chánh niệm, chánh tri bậc nhất của thanh tịnh tăng thượng. Do không có được nội tâm dùng lặng, nên không thể đạt được hiện pháp lạc trụ của bốn tâm tăng thượng. Do không đạt được chánh niệm, chánh tri bậc nhất tăng thượng, nên không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa chứng đắc.

Cùng với trên đây trái nhau, nên biết tức là phạm trắng, cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa đạt được.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với các niệm trụ siêng năng tu tập đúng đắn, nhưng là phạm phu, hoặc có cảnh giới thắng diệu, khả ái đang hiện tiền, hoặc lại ở riêng biệt, đạt được các tướng trạng. Do mất niệm nên tướng không như lý dùng làm chỗ dựa, đột nhiên phát khởi triền tham mãnh liệt. Chư vị đối với triền tham này, thâm tâm

cảm thấy xấu hổ, chán bỏ, như tự thân rơi vào chốn ách nạn hết sức tệ hại, nên phát khởi mạnh mẽ tâm suy xét xa lìa. Do hành như vậy, nên đối với triền kia tâm được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, tâm sinh hoan hỷ. Từ đây trở về sau, dấy khởi sự chán lìa mãnh liệt, đạt được tướng vô thường, liền ở nơi Thánh để hiện quán như thật, dùng làm chỗ dựa, nương vào Niết-bàn.

Lại, tức hàng hữu học tác ý quan sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy về tướng tịnh, do chưa đoạn trừ hoàn toàn tùy miên tham, nên triền tham đột nhiên sinh khởi, hiện tiền. Tức thì lại đối với triền ấy thấy rõ lỗi lầm tai họa, vì nhằm đoạn trừ chúng nên nhập định vô tướng, như thế có thể đoạn các pháp chưa đoạn trừ khác. Từ định khởi rồi, nhận biết rõ đúng như thật về tất cả các thứ đã đoạn, lãnh nhận hỷ lạc vi diệu của giải thoát. Quán thấy đúng như thật về bản thân, thành tựu sức mạnh của đại trí, nên gọi là mạnh mẽ, khiến sức của các loại Ma la suy kém.

Lại nữa, tu bốn niệm trụ dẫn đến công đức, nên biết có thể chiêu cảm quả cứu cánh tăng thượng tối thắng, nên gọi là có quả lớn. Nên biết có thể chiêu cảm thắng lợi an lạc tăng thượng tối thắng, nên gọi là có lợi lớn.

HẾT - QUYỂN 97

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 98

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ TƯ:

Sự Khế kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp Bồ đề phần.

Đoạn 2:

Lại nữa, Tụng nêu:

*Sư tà trụ Tuyết Sơn
Khuyên gắng hệ thuộc tịnh
Lần lượt giới viên mãn
Tuệ thành tựu là sau.*

Có các ngoại đạo, đối với chúng đệ tử tự lập làm thầy, chuyên cầu lợi dưỡng, chuyên cầu sự cung kính, chuyên cầu tự lợi. Gặp duyên hòa hợp, có tộc tánh tử muốn được xuất gia, vị thầy ngoại đạo nhân đây nói với tộc tánh tử: Ông và ta, trước không có tất cả các thứ vật dụng nuôi sống thân mạng có thể cùng thọ dụng. Ông nên vì ta đi đến xứ khác, khen ngợi đức của ta, che giấu lỗi của ta. Ta cũng vì ông làm công việc như thế. Hai người chúng ta lần lượt cùng nương dựa, giúp đỡ lẫn nhau. Nên đối với các vị vua hoặc ngang bằng với vua, cho đến tất cả đại thương chủ, tất đạt được nhiều lợi dưỡng và sự cung kính.

Nếu các sư ngoại đạo nói lời như thế, gọi là chuyên tự lợi. Nhưng người đệ tử kia liền phát khởi lời đối kháng: Chớ nên tạo kiến

ấy! Người giúp đỡ như vậy chưa gọi là tự giúp đỡ. Lỗi lầm khiến đi đến nẻo ác, nếu ngăn chặn lỗi lầm ấy mới gọi là tự giúp đỡ, do đó ông nên tự giúp đỡ như trước, tôi cũng sẽ tự làm riêng sự giúp đỡ khác. Tôi đã không thể giúp đỡ cho ông, nên ông cũng không cần phải giúp đỡ tôi.

Ở trong nghĩa này, nên biết người đệ tử là người nói lời như lý, là người thông tuệ, chú trọng về vị lai. Nên biết vị sư kia là người nói lời phi lý, là kẻ ngu si, trọng nơi hiện tại.

Lại có tạp nhiễm xúc não nơi kẻ khác, do tạp nhiễm nên không thể tự giúp đỡ, nhân đây xúc não hại kẻ khác, nên không gọi là giúp đỡ họ.

Ở đây, như trước, do thân cận cùng với việc đoạn trừ các phiền não, gọi là sẽ tự giúp đỡ. Từ đây về sau, do đoạn trừ làm nhân, không xúc não hại kẻ khác, nên gọi là sẽ giúp đỡ kẻ khác.

Nên biết ở đây, không xúc não hại là nghĩa không xúc não hại. Không duyên mà khởi hai tâm lợi lạc, không duyên mà khởi hai tâm từ bi, nên biết như thế là nghĩa thương xót. Do thương xót nên không xúc não hại kẻ khác. Do đó, nên biết tất cả thương xót cùng với pháp kia là trái nhau.

Lại nữa, nên biết Tuyết Sơn là dụ cho pháp - luật thuyết giảng về thiện của Phật. Ở đây lược có ba phần có thể đạt được:

- (1) Địa vô học.
- (2) Địa hữu học.
- (3) Địa phàm phu.

Loài khí vượn là dụ cho các tâm tương ưng với tác ý phi lý. Người săn bắn dụ cho ma. Nơi địa vô học cùng không thể hành. Đối với địa hữu học cho đến quả Bất hoàn, chỉ có tác ý phi lý tương ưng với tâm được dụ về khí vượn riêng một mình có thể đi đến. Người

không sẵn bản dụ cho nơi chốn có thể hành của ma. Đối với địa phạm phu, hai thứ cùng có thể hành.

Lại, các kẻ ngu nên quán cảnh khác, có thể ra khỏi cảnh khác, truy cầu cảnh khác, bị cảnh khác trói buộc, thế nên đối với cảnh không được giải thoát.

Lại nữa, do đối với chánh pháp lắng nghe, thọ trì, quan sát về nghĩa lý, pháp tùy pháp hành, như thứ lớp nên biết đã khuyến hóa, an lập bốn nghĩa.

Lại có ba pháp, hãy còn có thể đoạn trừ tất cả triền tham, dâm dục nổi bật khác, hướng hồ là các triền tham dục thấp kém. Những gì là ba pháp? Đó là:

- (1) Lực tinh tấn.
- (2) Lực không phóng dật.
- (3) Lực đối trị.

Do lực tinh tấn nên các triền kia đã sinh khiến chúng không trụ vững. Do hai lực còn lại, nên các triền kia chưa sinh khiến chúng không được sinh. Như thế, hành giả siêng tu hành chánh, vì nhằm đoạn trừ pháp ác đã sinh, cùng chưa sinh khiến không sinh.

Lại nữa, đối với bốn niệm trụ tu tập cần trọng, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Hệ thuộc ma: Nghĩa là tại cõi dục, quả Bất hoàn này tức có thể vượt qua.

Hệ thuộc sự chết: Nghĩa là từ cõi dục cho đến cõi Hữu đảnh, ở đây A-la-hán mới có thể vượt khỏi.

Nói các hữu tình không thanh tịnh: Nghĩa là các phạm phu.

Nói thanh tịnh: Là các hàng hữu học.

Nói tươi trắng: Là các bậc vô học.

Lại có ba thứ chứng tịnh: Người chưa thanh tịnh có thể khiến thanh tịnh. Đã thanh tịnh rồi có thể khiến cho tươi trắng. Nên biết ở đây, trên các hàng hữu học, gọi là thanh tịnh. Dưới các hàng hữu học, gọi là không thanh tịnh, các vị này do tu đạo chưa thanh tịnh. Phần còn lại, như trước đã nói.

Lại nữa, tu bốn niệm trụ, nên biết lược có năm thứ lần lượt:

- (1) Lược tăng thượng của tín nơi sự xuất gia thanh tịnh.
- (2) Giới luật nghi.
- (3) Căn luật nghi.
- (4) Vui thích xa lìa.
- (5) Các cái thanh tịnh.

Các người tại gia, tuy lại thường xuyên tu các niệm trụ, đạt được tịnh tín, các cái thanh tịnh, nhưng thiếu học xứ, nên biết sự tu tập không được viên mãn.

Lại nữa, do ba nhân duyên, các Bí-sô đầy đủ giới, nên biết tịnh mạng của giới cấm viên mãn. Những gì là ba? Đó là:

- (1) Đối tượng hành trì viên mãn.
- (2) Thâu giữ viên mãn.
- (3) Thọ dụng viên mãn.

Đối tượng hành trì viên mãn: Nghĩa là các sự việc từ mua bán, cho đến trói buộc, làm hại, chém giết, đánh đập, hành hạ v.v... thấy đều xa lìa.

Thâu giữ viên mãn: Nghĩa là đối với công việc thâu giữ voi ngựa v.v..., cho đến công việc thâu giữ lúa thóc v.v... thấy đều xa lìa.

Thọ dụng viên mãn: Nghĩa là y phục vừa đủ che thân, ăn uống vừa đủ no bụng nên sinh biết đủ. Đối với các vật lớn lao khác, ăn uống phi thời v.v... thấy đều xa lìa.

Lại nữa, bốn pháp như thân v.v... như bốn đường đi lớn. Đối với các pháp kia sinh khởi tác ý phi lý, như cầu nguyện tà vạy để có được lúa gạo, các thứ hoa màu. Đối với các pháp kia sinh khởi tác ý như lý, như cầu nguyện chân chánh để có được lúa gạo, hoa màu. Nên biết cõi dục là địa bất định, giống như là da. Cõi sắc, cõi vô sắc cùng là địa định, giống như là thịt. Vô minh như máu. Ở trong ba cõi, do ba thứ lậu nên có nghĩa lậu ngầm thấm.

Lại nữa, như trước đã nói, hiện có vô số pháp ác, bất thiện như tham v.v..., do hai nhân duyên, nếu hình thành thì không thể tu tập bốn thứ niệm trụ, không phải là tất cả đều hình thành hết. Hai nhân duyên là:

- (1) Có triền tham v.v... hiện tiền.
- (2) Đối với triền ấy không thấy lỗi lầm.

Triền hiện tiền khiến tâm bị tạp nhiễm, không thể tu tập, tuy tạm xa lìa nhưng tánh luôn nhiễm vương, không phải là không luyến tiếc. Nên đối với các pháp có thể tùy thuận tham v.v..., tâm bị tán động, luôn theo đuổi, chìm nổi. Vô số tâm tư thường theo đấy để nhiễu loạn, do đó không thể tu tập niệm trụ. Nếu không như thế, thì các hữu tình tánh không nhiễm chấp sâu xa. Nếu như vậy thì không thừa nhận là có thể tu tập bốn niệm trụ.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Dũng lực tu đấng tri
Môn khác, thân tức sau.*

Nên biết kiến lập bốn thứ chánh đoạn, như nơi Địa Thanh văn đã phân biệt rộng. Ở đây, nêu rõ về dũng là trường hợp thứ năm.

Thế nào là dũng? Nghĩa là như trước đã nói, có thể gắng nhẫn thọ, phát khởi siêng năng tinh tấn, đối với các khổ đã sinh, các khổ của lậu ngầm thấm, các khổ do giới không bình đẳng, các khổ sinh

ra do kẻ khác nói lời thô ác, não hại. Không phải do nhân duyên ấy khiến thoái chuyển, xả bỏ việc tu tập gia hạnh chánh đoạn, nên gọi là dừng.

Lại nữa, nên biết kiến lập bốn thứ thần túc, như nơi Địa Thanh văn đã phân biệt rộng. Nếu lược nói, do bốn thứ lực giữ vững tâm khiến định, thế nên kiến lập bốn thứ thần túc. Những gì là bốn? Đó là:

- (1) Lực của ý lạc tịnh.
- (2) Lực của sự việc siêng năng.
- (3) Lực của tâm hỷ lạc.
- (4) Lực của chánh trí.

Nên biết ở đây, do lực thứ nhất, nên đối với Tam-ma-địa phát sinh vui thích mong muốn, vì nhằm chứng đắc nên tu tập sự việc siêng năng. Do lực thứ hai, nên tâm của trụ đầu tiên khiến được an định. Do lực thứ ba, nên tâm đã trụ định không còn tán động nữa, không khiến đối với bên ngoài lại bị lưu chuyển, trôi nổi. Do lực thứ tư, nên quan sát đẳng trì, đối trị phiền não. Nơi pháp đã đoạn, chưa đoạn đều nhận biết rõ đúng như thật.

Lại, đối với tướng xuất, nhập, trụ của đẳng trì, có thể khéo phân biệt, nhận rõ. Như thế, lại đối với các tướng hiện có của Xa-ma-tha, hoặc các tùy phiền não của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cùng tùy phiền não có thể đối trị v.v..., đều nhận biết rõ đúng như thật.

Người vui thích đẳng trì, ở trong đẳng trì, chỉ có từng ấy đẳng trì được thực hành, trừ chúng ra thì không có gì vượt hơn hoặc tăng thêm.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết tướng tu tập tóm lược của thần túc:

- (1) Do xa lìa tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha.
- (2) Do xa lìa tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

(3) Đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của phẩm Tỳ-bát-xá-na nên buộc giữ tâm.

(4) Đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của phẩm Xa-ma-tha nên buộc giữ tâm.

(5) Cùng đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của hai phẩm đều nên buộc giữ tâm.

Ở đây nên biết, tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha: Là biếng trễ cùng hành với dục, và hôn trầm, thù miên cùng hành với dục. Nên biết biếng trễ cùng hành với dục là tánh được nương dựa của hôn trầm, thù miên cùng hành với dục.

Tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na: Là trạo cử cùng hành với dục và dục diêu bị tán động cùng hành với dục. Nên biết trạo cử cùng hành với dục là tánh được nương dựa của dục diêu bị tán động cùng hành với dục.

Lại, ở trong ấy, do biếng trễ cùng hành với dục, nên đối với phẩm Xa-ma-tha khiến trụ nơi tạp nhiễm, nhưng không thể khiến các Xa-ma-tha thấy đều diệt mất.

Do hôn trầm, thù miên cùng hành với dục, nên đối với phẩm Xa-ma-tha khiến trụ nơi tạp nhiễm, cũng lại có thể khiến các Xa-ma-tha thấy đều diệt mất.

Do trạo cử cùng hành với dục, nên đối với phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ nơi tạp nhiễm, nhưng không thể khiến cho tất cả Tỳ-bát-xá-na đều diệt mất. Dục diêu bị tán động cùng hành với dục, đối với phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ nơi tạp nhiễm, cũng khiến cho tất cả Tỳ-bát-xá-na thấy đều bị diệt mất.

Cảnh nơi đối tượng duyên của phẩm Tỳ-bát-xá-na: Tức là tướng trước sau. Phân biệt về tướng này, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Cảnh nơi đối tượng duyên của phẩm Xa-ma-tha: Là tướng trên dưới. Đây cũng như trước, nên biết về tướng.

Cảnh nơi đối tượng duyên của cùng hai phẩm: Nghĩa là tướng ánh sáng. Tướng ấy, đối với cả hai phẩm do dao động nên có các bóng sáng cùng hành nơi tâm tu.

Lại, không phải như dục v.v... cùng với biếng trễ khác tương ứng, gọi là biếng trễ cùng hành. Tinh tấn cũng thế, có được nghĩa cùng tương ứng với biếng trễ, nhưng tức tinh tấn rơi vào chỗ chậm chạp, không phát khởi đúng đắn sự siêng năng, tinh tấn tương tục, nên gọi là biếng trễ cùng hành.

Lại, năm tướng ấy nên biết là gồm thâm chung tất cả loại tu tập. Người vui thích đặng trì, do đặng trì này, nên chóng được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, đối với năm xứ giải thoát, như chỗ ứng hợp, nên biết bốn thứ Tam-ma-địa tăng thượng như dục v.v... Nếu có Bí-sô, dựa nơi ý lạc thanh tịnh cùng dục mạnh mẽ, vì nhằm chứng đắc thông tuệ tối thắng, nên theo các Như Lai cùng đệ tử của Phật, cung kính tôn trọng, lắng nghe chánh pháp. Từ chỗ nghe liên tục, lần lượt chứng đắc Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa dục tăng thượng.

Lại có Bí-sô, như nơi pháp được nghe, như nơi pháp đã chứng đắc, phát khởi công dụng lớn, phát khởi tinh tấn lớn, hoặc chính là vì kẻ khác nên tuyên thuyết khai thị. Hoặc dùng âm thanh ngôn từ thắng diệu để đọc tụng. Từ nhân duyên thứ lớp không gián đoạn ấy, nên có thể tùy thuận đạt được Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa tinh tấn tăng thượng.

Lại có Bí-sô, đối với các tướng của Tam-ma-địa hiện thiện đã khéo giữ lấy, tư duy quán xét từ tướng bầm xanh v.v... cho đến vòng xích xương, dùng làm biên vực. Do đối tượng duyên ấy, nên lần lượt

sinh khởi Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa tâm tăng thượng.

Lại có Bí-sô, như pháp đã được lãnh hội, như pháp đã được chứng đắc, ở riêng nơi chốn vắng lặng, tư duy, lường tính, quan sát xét kỹ. Do nhân duyên ấy, nên lần lượt sinh khởi Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa quán tăng thượng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là do bốn môn nên khởi Tam-ma-địa:

(1) Do môn như trước đã nói, từ kẻ khác, phát khởi vui thích mong muốn mãnh liệt được nghe chánh pháp.

(2) Do môn từ kẻ khác đạt được sự chỉ dạy trao truyền khuyến bảo thuận hợp, liên tục cẩn trọng, phát khởi gia hạnh, chưa nhập Tam-ma-địa thù thắng căn bản, vì nhằm hướng nhập, nên chỉ dạy trao truyền đúng đắn.

(3) Do môn tâm hỷ lạc đã nhập Tam-ma-địa thù thắng căn bản, vì nhằm chuyển đắc phần vị trên còn lại nơi Tam-ma-địa thù thắng.

(4) Do môn quán đa văn, văn tri, tự có thể đối với pháp quan sát bình đẳng như lý.

Nên biết ở đây, do môn thứ nhất nên khởi Tam-ma-địa Dục tăng thượng. Do môn thứ hai nên khởi Tam-ma-địa Tinh tấn tăng thượng. Do môn thứ ba nên khởi Tam-ma-địa Tâm tăng thượng. Do môn thứ tư nên khởi Tam-ma-địa Quán tăng thượng.

Phân phân biệt nghĩa cùng phân biệt hành đoạn còn lại, như nơi Địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại nữa, tu các thần túc dùng làm chỗ dựa, có thể dẫn phát đúng đắn các Thánh thần thông. Không có ngoại đạo tu các thần túc, có thể dẫn phát đúng đắn các Thánh thần thông.

Lại, các Thánh giả dẫn phát thần thông tối thắng hiện có, theo chỗ nguyện lạc, kéo dài các hành của thọ mạng, hoặc trụ một kiếp

hoặc trụ hơn một kiếp. Nghĩa là hữu tình chủng tánh bất tịnh là vượt quá một kiếp, gọi là “vật loại”. Nên biết loại này chỉ trụ nơi nội pháp.

Lại, các Thánh giả với thần thông biến hóa, đối với bốn sự không thể biến hóa:

- (1) Căn.
- (2) Tâm.
- (3) Tâm sở hữu pháp.
- (4) Nghiệp cùng dị thực của nghiệp.

Lại, thần thông tánh biến của các Thánh giả không thể chuyển biến thuận theo nghiệp của lạc thọ, khiến tự tánh cải đổi thành thuận theo khổ thọ. Như thuận theo lạc thọ đối chiếu với thuận theo khổ thọ, thì thuận theo nghiệp của khổ thọ đối chiếu với thuận theo lạc thọ, nên biết cũng thế. Hoặc nghiệp có thể thuận theo phi khổ lạc thọ, nên biết rất ráo là thuận theo phi khổ lạc.

Lại, thần thông trụ giữ của các Thánh giả, không thể trụ giữ thuận theo nghiệp của phi khổ lạc thọ khiến thành không thọ. Phần còn lại cũng như thế.

Lại, thần thông biến thời của các Thánh giả, không thể chuyển biến, thuận theo nghiệp thọ nhận của hiện pháp khiến thành thuận theo nghiệp thọ nhận của hậu pháp, cùng thuận theo nghiệp thọ nhận của hậu pháp, khiến thành thuận theo nghiệp thọ nhận của hiện pháp.

Lại nữa, Tụng nêu:

*An lập cảnh được hành
Tuệ căn là tối thắng
Nên biết sau an trụ
Ngoài là phẩm phạm phu.*

Lược do nghĩa tăng thượng của sáu xứ, nên biết đã kiến lập hai mươi hai căn. Những gì là sáu xứ? Đó là:

(1) Nghĩa tăng thượng của cảnh giới có thể giữ lấy.

(2) Nghĩa tăng thượng của việc kế thừa gia tộc.

(3) Nghĩa tăng thượng của sĩ dụng gia hạnh thuộc sự nghiệp đều riêng biệt của nhân duyên sinh sống.

(4) Nghĩa tăng thượng của việc thọ dụng theo các nghiệp nơi đời trước đã tạo nên quả ái, không ái, cùng tạo nghiệp mới.

(5) Nghĩa tăng thượng của việc hướng tới nẻo lìa dục thế gian.

(6) Nghĩa tăng thượng của việc hướng tới nẻo lìa dục xuất thế gian.

Nên biết ở đây, nhãn căn là đầu tiên, ý căn là sau, sáu căn như thế, đối với cảnh giới được giữ lấy, có nghĩa tăng thượng. Hai căn nam nữ, đối với việc con cháu có thể kế thừa gia tộc, có nghĩa tăng thượng. Một loại mạng căn của sĩ dụng gia hạnh thuộc sự nghiệp đều riêng biệt của nhân duyên sinh sống đối với người yêu mến thọ mạng, có nghĩa tăng thượng. Lạc là đứng đầu, xả là sau, năm căn như thế đối với sự thọ dụng theo các nghiệp nơi đời trước đã tạo nên quả ái không ái, cùng tạo nghiệp mới, có nghĩa tăng thượng. Tín là đứng đầu, tuệ là sau, năm căn như thế, đối với việc có thể hướng tới nẻo lìa dục thế gian, có nghĩa tăng thượng. Ba căn vô lậu: vị tri tương tri, dĩ tri, cụ tri, đối với việc có thể hướng tới nẻo lìa dục xuất thế gian rất ráo tốt cùng, có nghĩa tăng thượng.

Tất cả nghĩa đã hiện thấy nơi thế gian, chỉ ở nơi số lượng ấy, nên biết là nghĩa có thể đạt đến cứu cánh không ra ngoài hai mươi hai căn này, nên hai mươi hai căn gồm thấu tất cả căn.

Lại nữa, hoặc có một loại hữu tình, khởi tư duy như vậy: Nếu không có nội ngã dựa vào sáu căn môn, hành sáu cảnh giới, sáu căn như thế, đối tượng hành đều riêng, cảnh giới đều khác. Nhưng sáu căn này, chỉ có thể nhận lãnh cảnh nơi đối tượng hành của chính mình. Vậy cái gì có thể lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của sáu căn như thế?

Nên biết đây là do không thể thấu đạt đạo lý duyên khởi, nên đối với các hành khởi phân biệt sai lạc. Lý duyên khởi: Nghĩa là như có lúc sư du già tu tập, đối với sáu căn bên trong duyên dựa như lý, tinh tấn gia hạnh, tu bốn niệm trụ, tức bấy giờ, bốn niệm trụ này lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của sáu căn. Tức ở đây, đối với vị kia, do thanh tịnh, nên gọi là xuất ly.

Lại, tức siêng tu bốn niệm trụ, nên đầu tiên thấu đạt đế lý, đắc bảy giác chi, tức nơi lúc ấy, các giác chi này là chân, là thật, nên lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của niệm trụ.

Lại do nhân duyên tu tập giác chi khởi nơi “minh thoát”, tức bấy giờ, minh thoát như thế, lãnh nhận giác chi đã khéo tu tập. Từ đấy trở về sau, lại không cần tu tánh của cảnh nơi đối tượng hành. Vì như thật là đã đoạn trừ tất cả phiền não. Tức nơi lúc này, đối với Niết-bàn đã đoạn dứt các phiền não, lìa tăng thượng mạn, do xa lìa tăng thượng mạn, nên minh thoát cứu cánh hiện thật có này lãnh nhận như thật, đã được tánh của cảnh nơi đối tượng hành của minh thoát. Do xuất ly tất cả pháp hữu vi hiện có ấy, nên biết minh thoát cũng được xuất ly. Ở trong Niết-bàn, chủ thể nhận lấy, đối tượng được nhận lấy, hai thứ được thiết lập đều không thật có, hết thảy lý luận đã vĩnh viễn diệt lìa. Do đó, cho đến các pháp hữu vi có thể lần lượt được hỏi đáp, thiết lập chủ thể nhận lấy, đối tượng được nhận lấy nơi ngôn luận có sai biệt, trong pháp vô vi của Niết-bàn cứu cánh, tất cả hỏi đáp nơi ngôn luận có sai biệt đều không như lý. Vì vậy nên biết ở trong vô ngã, nên hiển thị đúng đắn là chỉ có tạp nhiễm, chỉ có thanh tịnh.

Lại nữa, hoặc có sĩ phu, hữu tình thuộc chủng loại trí tuệ, các căn mạnh mẽ, do sức xét chọn, tác ý như lý, tư duy về các pháp, nên đối với Niết-bàn đạt được sự tin hiểu chân chánh. Do sự tăng thượng ấy nên phát khởi siêng năng tinh tấn, có thể ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên như thân v.v... an trụ nơi chánh niệm. Do sự tăng thượng này, nên có thể ở nơi đối tượng duyên khiến tâm một nẻo. Đối với tất

cả pháp nhận biết rõ đúng như thật, quán thấy đúng như thật. Do nhân duyên ấy nên có thể đạt đến cứu cánh. Do đó, tuệ ấy, hoặc đầu hoặc sau đều có nhiều đối tượng tạo tác, nên nơi tuệ căn là hết sức thù thắng.

Lại nữa, hoặc nương nơi Bồ-đề Vô thượng của chư Phật, đạt được chánh tín cho đến chánh tuệ, đối với thế gian này cũng không có, nên biết trụ này là phạm phạm phu ngoại. Tức đối với pháp ấy chỉ có thế gian, không có xuất thế, nên biết trụ ấy là phạm phạm phu nội, không phải là phạm phu ngoại. Nếu đối với pháp ấy có xuất thế, nên biết tất cả là trụ riêng. Phạm còn lại không phải là loại của phạm kia.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Xét chọn về giác tuệ
Cõi nước cùng các vua
A-la-hán, hữu học
Chất trực là sau cùng.*

Lược nêu ở trong các hành ác của tất cả hiện pháp, hậu pháp, đã thấy rõ lỗi lầm rồi, có thể xét chọn đúng đắn, dứt trừ các hành ác, tu các hành thiện, gọi là lực xét chọn. Nên biết lực này có thể thành tựu hai sự:

- (1) Có thể đi đến nẻo thiện của người, trời.
- (2) Có thể đi đến Niết-bàn của hiện pháp.

Lại, ở đây có thể cùng với lực tu tập gồm thân, tu các niệm trụ làm chỗ nương dựa. Do đấy làm nương dựa, nên có thể tu tập đúng đắn các pháp Bồ-đề phần như bốn niệm trụ. Nên biết sự tu tập ấy gọi là lực tu tập.

Lại, lực xét chọn có thể cùng với ba xứ xấu hổ làm bạn. Những gì gọi là ba xứ xấu hổ? Đó là:

- (1) Xứ xấu hổ của kẻ khác: Nghĩa là khởi suy nghĩ: Nếu ta làm ác, sẽ bị những người nơi thế gian có tha tâm trí là chư Phật Thế Tôn,

hoặc các Thánh đệ tử, hoặc các Thiên chúng tin kính Phật giáo, cùng quở trách, lia bỏ. Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ nhất.

(2) Xứ xấu hổ của chính mình: Tức là khởi tư duy: Nếu ta làm ác, nhất định sẽ bị sự quở trách, chê bai sâu xa đối với bản thân! Đâu có người thiện nào làm theo hành ác ấy? Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ hai.

(3) Xứ xấu hổ của pháp: Nghĩa là khởi tư duy: Ta nếu làm ác liền bị chướng ngại. Ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện đã tu phạm hạnh, pháp ấy nếu có liền hủy hoại phạm hạnh. Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ ba.

Như thế, về xấu hổ, nên biết ba xứ dùng làm tăng thượng:

- (1) Tăng thượng của đời.
- (2) Tăng thượng của chính mình.
- (3) Tăng thượng của pháp.

Lại nữa, do hành tự lợi cùng hành lợi tha làm tăng thượng, nên biết đã kiến lập có bốn thứ lực:

- (1) Lực giác tuệ.
- (2) Lực tinh tấn.
- (3) Lực không tội.
- (4) Lực thâm nhận.

Có thể dẫn đến Niết-bàn của hiện pháp gọi là tự nghĩa. Có thể đi đến nẻo thiện trời, người, cũng gọi là tự nghĩa. Nên biết ở đây dựa vào tự nghĩa thứ nhất để kiến lập hai lực giác tuệ và tinh tấn. Do hai lực này nên có thể có phương tiện để phát khởi chánh cần. Dựa vào tự nghĩa thứ hai để lập lực không tội. Do ba lực ấy nên tất cả tự nghĩa đều đạt cứu cánh. Tha nghĩa của người vui thích lợi tha, do sự tăng thượng còn lại ấy nên lập lực thâm nhận. Nên biết “Nhiếp sự” như nơi Địa Bồ-tát đã biện biệt về tướng.

Lại nữa, dựa nơi cõi nước và vua, hoặc nam hoặc nữ, hoặc chồng hoặc vợ, hoặc ngu hoặc trí, hoặc là tại gia, hoặc chúng xuất gia, nên biết đã kiến lập có mười thứ lực. Nghĩa là các quốc vương có lực tự tại, các lực như thế nói rộng như nơi kinh.

Lại nữa, các A-la-hán thành tựu tám lực, lãnh nhận đúng như thật, các thứ tham sân si đều vĩnh viễn đoạn dứt rốt ráo, không tạo các ác, tu tập các thiện. Nghĩa là tâm hướng đến nẻo xa lìa, xuất ly, Bát Niết-bàn, chán bỏ hữu sau, chán bỏ nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại thấy các dục cũng như một phần lửa than đỏ rực, nên chán bỏ các dục, chán bỏ nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại do sáu môn để tu tập các thiện: niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi.

Lại nữa, chư Phật, Như Lai, dựa nơi hành tự lợi cùng hành lợi tha, vì muốn hiển bày mình cùng với các đệ tử có sai biệt, nên nói như vậy: Các hàng hữu học thành tựu năm lực, chỉ có Như Lai thành tựu mười lực. Nếu có các Thánh đệ tử hành theo hành tự lợi, thành tựu năm lực của bậc hữu học, đạt được quả A-la-hán tối thượng. Từ đây liên tục, hết thấy tự nghĩa đều đạt hoàn toàn rốt ráo.

Như Lai đạt được A-la-hán rồi, thành tựu mười lực, hành theo hành lợi tha, tức dùng lợi tha làm tự nghĩa, nếu như vào lúc ấy, tất cả mọi sự việc giáo hóa đều trọn vẹn, nhập giới Bát Niết-bàn Vô dư y, nên biết bấy giờ, đối với sự việc đã tạo tác mới được viên mãn.

Nếu A-la-hán đã tu tập, hành trì, hoặc vì lợi tha tức là tự nghĩa, hai nhân duyên ấy đối với các đệ tử đều là thù thắng. Mười lực của Như Lai như nơi Địa Bồ-tát đã phân biệt rộng.

Lại nữa, nếu có hữu tình tánh ngay thẳng, tự yêu mến, không đua nịnh, không dối trá, vì chứng tự nghĩa có bốn thứ tướng. Nếu dựa vào pháp - luật thuyết giảng ác liền có trở ngại, nên dựa vào pháp - luật thuyết giảng thiện mới không bị trở ngại. Những gì là bốn thứ tướng? Đó là:

- (1) Thuyết nêu giáo pháp của chánh pháp.
- (2) Chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền.
- (3) Thông tỏ như lý.
- (4) Chứng đắc chân thật.

Chánh pháp được nghe là nơi chốn nương dựa của các thắng giải, do có thể xa lìa không nhân, nhân ác, khai thị nghĩa của nhân chánh hợp lý. Những sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo thuận hợp, khéo có thể tùy thuận nơi pháp không điên đảo thuộc về văn nghĩa quyết đoán gia hạnh giáo hóa. Có thể khiến chứng đắc pháp là nơi chốn nương dựa của thắng giải như trước.

Hoặc có các thiện nam, tự yêu mến, đã được điều phục, nối tiếp, có thể gắng nhận, đến nhập trong pháp - luật nội giáo, được tuyên thuyết đúng đắn, được khai ngộ đúng đắn, nên có thể mau chóng hướng đến nẻo thắng tấn. Thông tỏ như lý chỗ nên thông tỏ. Cũng có thể chứng thật pháp nên chứng thật, nghĩa là bốn niệm trụ dùng làm chỗ dựa. Đối với pháp hữu vi, các bậc thông tuệ cùng cho là có, hoặc cho là không, đều nhận biết rõ, đúng. Đối với pháp vô vi, cho đến cõi Hữu đảnh đều là hữu thượng, có thể nhận biết rõ đúng đó là hữu thượng. Niết-bàn vô thượng đều nhận biết rõ đúng như thật đó là vô thượng. Như thế gọi là thông tỏ như lý.

Lại, bốn niệm trụ dùng làm nơi nương dựa, do tâm định tĩnh, nên đối với bảy giác chi tu tập đúng đắn rồi, đối với minh giải thoát tác chứng rốt ráo. Như thế gọi là chứng đắc chân thật.

Hoặc các thiện nam tự yêu mến kia, hướng nhập nơi pháp - luật thuyết giảng ác thì đối với bốn xứ đều không thể đạt được, gọi là trở ngại.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Lập sai biệt
Thực thứ lớp*

An lạc trụ

Tu ở sau.

Do hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na cùng có sai biệt, nên kiến lập giác chi, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, tự tánh sai biệt, đối tượng duyên, nhân duyên cùng sai biệt nên biết bảy giác chi có mười bốn thứ sai biệt.

Đối tượng duyên, nhân duyên, cùng phân biệt rộng về nghĩa, như nơi Địa Tam ma hí đa cùng Địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại nữa, ở trong pháp có thể tùy thuận giác chi, lược có hai thứ tác ý không điên đảo, nên biết cùng chung với giác chi làm thứ ăn. Những gì là hai thứ tác ý? Đó là:

(1) Tác ý đúng đắn.

(2) Tác ý thường xuyên.

Cùng với đầy trái nhau, nên biết không phải là thức ăn.

Lại nữa, đối với đầu, giữa, sau, theo đầy thiếu một chi, khiến cho sự nhận biết đúng như thật không được viên mãn.

Như nơi sắc loại, chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa đã lưu chuyển, an lập, theo đầy sinh khởi, lần lượt mà nói. Nên biết ở đây, niệm là đối tượng nương dựa, trạch pháp là chủ thể nương dựa. Phần còn lại theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại nữa, như có Bí-sô, đối với các giác chi, theo phương tiện tu tập, do bốn nhân duyên, khiến Bí-sô kia không được an ổn mà trụ. Bốn thứ nhân duyên là:

(1) Phẩm loại thô trọng của tất cả phiền não chưa lìa bỏ.

(2) Các tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha còn hiện tiền.

(3) Các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na còn hiện tiền.

(4) Đường sá chưa sửa sang cho tốt mà xe đã đóng ngựa đầy đủ.

Cùng trái nhau với bốn nhân duyên ấy, tức khiến cho Bí-sô kia đạt được an trụ. Ở đây, hai loại Bí-sô thiện xảo đều thấu đạt như thật, chánh tri mà trụ.

Do các tác ý có gia hạnh, nên tinh tấn thái quá. Lại, sau do trước có tăng giảm, nên vận hành không đều. Do hai duyên ấy, nên biết gọi là đường đi chưa sửa sang cho tốt. Cùng với đây trái nhau, gọi là đường đi đã được sửa sang tốt đẹp.

Như Chuyển luân vương, đối với bốn châu, bãi, đạt tự tại lớn, có được bảy báu. Như thế tâm vương nơi bốn Thánh để đạt tự tại lớn, có được bảy giác chi báu chân tịnh, nên biết cũng thế. Nghĩa là nơi hai phẩm Chỉ, Quán cùng vận hành, hàng phục tất cả phiền não oán đối, do nghĩa ấy, nên giác chi thứ nhất là niệm cũng như xe báu. Cảnh tượng nơi đối tượng được nhận biết về lượng là vô biên. Chủ thể nhận biết là trí thể cũng theo đây mà rộng lớn. Do nghĩa ấy, nên giác chi trạch pháp cũng như voi báu. Dựa vào đây, mau chóng có thể cho đến đi tới nơi chốn hành hóa, chứng đắc dị biệt thù thắng. Do nghĩa ấy, nên giác chi tinh tấn cũng như ngựa báu. Vừa ý, không tội, là hết sức thù thắng. Do ý nghĩa ấy, nên giác chi hỷ cũng như nữ báu. Thân tâm sáng rõ tường tận có thể gắng nhận. Do ý nghĩa ấy, nên giác chi khinh an cũng như thân ngọc báu. Có thể thực hiện hết thảy sự việc vui cầu. Do ý nghĩa ấy nên giác chi định như quan giữ kho báu. Có thể diệt trừ tất cả quân của pháp nhiễm ô, có thể thống lãnh tất cả quân của pháp thanh tịnh, có thể hướng đến trụ xứ an ổn vô tướng. Do ý nghĩa nên giác chi xả như tướng quân báu.

Lại nữa, các người tu hành, đạt được bảy giác chi, ví như đại vương có chiếc rương chứa y phục đẹp đẽ, ba thời thọ dụng, ba phần an trụ. Bảy giác chi kia nên biết cũng thế.

Nói ba thời: Là thời phần đầu ngày, thời phần giữa ngày và thời phần cuối ngày.

Nói ba phần: Là phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na cùng cả hai phẩm ấy. Ở trong phần đầu, trụ nơi bốn giác chi. Trong phần thứ hai, trụ nơi bốn giác chi. Trong phần thứ ba, an trụ đầy đủ nơi bảy giác chi. Các người tu hành chưa từng an trụ chỉ một giác chi, nơi bảy giác chi, đối với các ngoại đạo không oán ghét, không ganh chống, luôn mang ý lạc tạo lợi ích chuyển đổi, lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não, gọi là không oán, không địch, không hại, không có tai họa. Nếu người tu hành, nơi bảy giác phần tùy thời hiện tiền, theo lượng hiện tiền, được gọi là trụ. Nếu thời thoái xuất, gọi là diệt. Nơi tất cả pháp ấy đều nhận biết rõ đúng như thật. Hành giả do chánh tri, trụ như thế, gọi là trụ vô tội, không có ái vị, tâm lìa vị nhiễm.

Lại nữa, hai mươi một thứ tướng cùng hành, tu các giác chi, nên biết lược do hai nhân duyên:

- (1) Căn cứ nơi nghĩa tương ưng cùng hành.
- (2) Căn cứ nơi nghĩa vô gián cùng hành.

Các tướng như vô thường cùng hành tu tập, cho đến tướng chết cùng hành tu tập: Là căn cứ nơi nghĩa tương ưng.

Tướng bất tịnh v.v... cùng hành tu tập, cho đến tướng quán không cùng hành tu tập: Là căn cứ nơi nghĩa vô gián.

Bi v.v... cùng hành tu tập, nên biết cũng thế.

Lại, ở trong tất cả hành của quá khứ, hiện tại, vị lai, các hành ái nhiễm, hoặc biếng trễ, lười nhác, hoặc Tát-ca-da-kiến tuy đã đoạn dứt, nhưng tập khí tùy thuộc ngã mạn vẫn hiện hành. Hoặc tham vị ái. Hoặc đối với vô số sự diệu của thế gian, tham ái dục lạc. Hoặc có các tùy miên, phiền não khác. Hoặc mong cầu lợi dưỡng. Hoặc mong cầu về đời sống. Hoặc các dục ái. Hoặc các hữu ái. Hoặc tùy theo phân biệt hư vọng đầy khởi bốn thứ dục tham:

- (1) Tham sắc đẹp.

(2) Tham hình dáng.

(3) Tham xúc chạm mịn màng.

(4) Tham thừa sự.

Như thế có thể khiến sinh khởi các thứ lỗi lầm tai họa phi lý hiện có, cùng khiến cho tâm vượt khỏi phần vị mà chuyển. Đối trị chúng, theo chỗ ứng hợp, có hai mươi một tướng cùng hành tu tập giác chi có sai biệt. Nghĩa là vì đối trị bốn thứ chướng nên tu tướng hành vô nguyện, từ tướng vô thường, cho đến tướng tất cả thế gian không thể an vui.

Vì nhằm đối trị một thứ chướng, nên tu tướng hành không, tướng khô, vô ngã. Vì nhằm đối diệt chướng của tùy miên, phiền não còn lại, nên tu tướng hành vô tướng nơi ba cõi. Vì nhằm đối trị sự mong cầu lợi dưỡng cùng dục ái, nên ở trong các dục tu tướng lỗi lầm tai họa. Vì nhằm đối trị sự mong cầu về đời sống cùng hữu ái, nên tu tập tướng chết. Vì nhằm đối trị sự theo đuổi phân biệt hư vọng dấy khởi bốn thứ dục tham, nên tu tướng bất tịnh là đầu, cho đến tướng quán không là sau.

Lại, ở đây tất cả từ tướng máu bầm xanh, cho đến tướng quán không, nên biết đều thuộc về tướng bất tịnh.

Lại, trong ấy, tướng máu bầm xanh là đầu, tướng sinh trưởng là sau, là đối trị tham sắc đẹp. Tướng thân người chết bị các loài vật ăn nuốt, tướng. Tướng phân hủy hết sạch, tướng phân tán, là đối trị tham về hình dáng. Tướng về bộ xương khô, tướng về các đốt xương liền nhau, là đối trị tham xúc chạm mịn màng. Tướng quán không tâm thức, không có tử thi, là đối trị tham thừa sự.

Lại, ở trong đó tu từ, tốt cùng là đến cõi Biến tịnh, như nơi Địa Tam ma hý đa đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Đầu lược trong ngoài
Thanh tịnh sai biệt
Dị môn Sa-môn
Bà-la-môn sau.*

Trong tất cả lược, hoặc trong hoặc ngoài, vì nhằm sinh khởi tám chi Thánh đạo, có hai thứ lược, đối với các lược còn lại là hết sức thù thắng. Hai thứ lược là:

- (1) Đối với ngoại lược, lược của thiện tri thức là thù thắng hơn hết.
- (2) Ở trong nội lược, lược của chánh tư duy là thù thắng hơn hết.

Nên biết ở đây, lia các chương ngại, trước tu nghiệp phước, đối với các thứ ăn uống, y phục v.v... không có thiếu thốn, gọi là ngoại lược khác. Trừ tương tương ứng với chánh tư duy, các chi phần đoạn trừ còn lại, gọi là nội lược khác.

Bên ngoài, thiện tri thức: Là từ nơi vị kia, nghe, lãnh hội chánh pháp. Do đây nên nói: Nghe âm thanh từ kẻ khác.

Bên trong, chánh tư duy: Nghĩa là sự liên tục ấy có thể phát khởi chánh kiến, là đứng đầu nơi đạo.

Lại nữa, chánh kiến ấy, nếu ở nơi hàng hữu học, do vô lậu nên gọi là thanh tịnh. Nếu ở nơi bậc vô học, thanh tịnh tương tục, nên gọi là tươi trắng đẹp đẽ. Nếu ở thế gian, xa lia vô lượng các hành tà ác thuận theo kiến chấp của ngoại đạo, do đây gọi là không có chút bụi bặm. Xa lia các vết bụi bặm đã dấy khởi các nghiệp tạp nhiễm của hữu sau, vì thế gọi là lia tùy phiền não.

Lược nói về tất cả tám chi Thánh đạo, thuộc về hai xứ:

- (1) Thế gian.
- (2) Xuất thế gian.

Về thế gian: Do ba lậu, bốn thủ trôi buộc, nên không thể dứt hết khổ. Là tánh thiện, nên có thể đi đến nẻo thiện.

Về xuất thế gian: Cùng với đẩy trái nhau, nên có thể dứt hết các khổ.

Lại, tám chi Thánh đạo như chánh kiến, phân biệt rộng về nghĩa, như nơi Địa Thanh văn cùng phần Nhiếp dị môn đã nói, nên biết về tướng. Bảy thứ nhân của định, đầy đủ như nơi Địa Tam ma hý đa đã nói.

Lại nữa, chánh kiến đứng đầu nơi tám chi Thánh đạo, hợp chánh lý nên gọi là Pháp. Có thể diệt hết thảy các phiền não, nên gọi là Tỳ-nại-da. Cách các pháp ác là hết sức xa. Tất cả Thánh Hiền đều cùng noi theo đẩy để tu tập, nên gọi là Thánh. Có thể tùy thuận đi đến các nẻo thiện, nên gọi là nẻo thiện. Hướng đến Niết-bàn nên gọi là nên tu. Các bậc có trí đều xưng tán nên gọi là Lành thay!

Cùng với đẩy trái nhau, nên biết tức là tà kiến đứng đầu tám chi tà đạo. Sai biệt hiện có gắn chặt với phạm vô minh tối tăm, nên gọi là đen. Đi đến nẻo ác, nên gọi là vô nghĩa. Tánh bất thiện nên gọi là thấp kém. Sinh trong hiện pháp các thứ sợ hãi cùng oán ghét hiện có, nên gọi là có tội. Các bậc có trí đều chê trách xa lìa, nên gọi là nên xa lìa.

Lại nữa, các Sa-môn hiện có, dựa nơi đệ nhất nghĩa, an lập tám chi Thánh đạo như thế, làm nghĩa Sa-môn, vì nghĩa ấy, nên ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, giả gọi là xuất gia, thọ tánh Sa-môn. Lại, vì rốt ráo không hoại mất, nên gọi là đệ nhất nghĩa.

Về giả danh, tức không như thế. Các hữu tình thành tựu tánh Sa-môn của đệ nhất nghĩa, nên biết cũng gọi là Sa-môn thắng nghĩa.

Lại, chư vị kia truy cầu quả Sa-môn này, với nghĩa là các thứ tham sân si đã đoạn trừ rốt ráo, do đó gọi đây là nghĩa Sa-môn. Nghĩa Sa-môn này lại có hai loại:

(1) Kiến lập tổng tướng không sai biệt.

(2) Hoặc có tạo tác, hoặc không tạo tác.

Kiến lập hành hướng trụ quả có sai biệt, như thế là tất cả gồm có bốn loại:

(1) Tánh Sa-môn.

(2) Là Sa-môn.

(3) Nghĩa Sa-môn.

(4) Quả Sa-môn.

Có đạo lý sai biệt của Bà-la-môn, nên biết cũng thế.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Chướng tùy theo hoặc, tâm
Quả dục tế thân nhọc
Học trụ cùng tác ý
Trí không chấp là sau.*

Tu tập niệm hơi thở ra vào, sai biệt có mười sáu hành, phân biệt rộng về nghĩa như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại, các sư Du già siêng tu hành, tu tập niệm hơi thở ra vào như thế. Bảy giờ, nên biết có năm pháp chướng ngại:

(1) Đối với ngoại duyên, tâm bị tán loạn.

(2) Hơi thở ra vào chuyển có khó khăn.

(3) Triền trạo cử - ố tác hiện tiền.

(4) Triền hôn trầm - thù miên hiện tiền

(5) Vui thích về đạo tục cùng trụ xen tạp.

Năm pháp như thế, kẻ đối với định chưa đạt được muốn cầu tâm định, kẻ đạt định rồi thì tăng trưởng bội phần, nên biết tất cả có thể bị chướng ngại. Các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha, lúc tạo nhiễm ô phát khởi thân hôn trầm, sinh tâm thấp kém. Do tu

tập đúng dẫn niệm hơi thở ra vào, thân tâm khinh an, có thể khiến cho hôn trầm, thấp kém cùng hành với thân tâm thô trọng thấy đều xa lìa. Các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na, lúc tạo nhiễm ô phát sinh vô số tầm tứ vọng tưởng, nghĩa là các tầm tứ bất chánh như tầm tứ dục v.v..., cùng tầm tứ phần vô minh đã sinh khởi vô số vọng tưởng như tưởng dục v.v... Do tu tập đúng dẫn niệm hơi thở ra vào, khiến các tầm tứ thấy đều lặng dứt. Vì nhằm đối trị các vọng tưởng của vô minh phần kia, nên thuận tu tưởng phần minh, khiến mau được viên mãn.

Lại nữa, các sư Du già, chánh cần tu tập niệm hơi thở ra vào, đối với tầm tứ duyên nơi các hành của quá khứ, có thể khiến sinh khởi vô gián các đẳng trì hữu gián, thiếu sót, mau chóng được tổn giảm. Đối với tầm tứ duyên nơi các hành hiện tại, có thể khiến vô gián sinh khởi các đẳng trì hữu gián có thiếu sót, mau được tịch tĩnh.

Lại, nếu lược nói, do có thể vĩnh viễn đoạn trừ sáu thứ kiết, nên biết đã kiến lập hai thứ, bốn thứ, cùng với bảy thứ các quả thắng lợi như kinh đã nói rộng. Những gì là sáu kiết? Đó là:

Hai thứ kiết thuận hạ phần thượng phần.

Hai thứ kiết do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ.

Hai thứ kiết của phần vị hoặc khởi hoặc sinh.

Như vậy là các kiết riêng khác, nên biết là đã nêu chung có sáu thứ kiết. Theo như thứ lớp đã kiến lập hai thứ, bốn thứ, bảy thứ các quả thắng lợi.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào, về sai biệt lược có hai thứ:

(1) Hữu thượng.

(2) Vô thượng.

Về hữu thượng: Nghĩa là như có một hành giả, ở một mình nơi chốn vắng lặng, do tâm định tĩnh, quán xét như lý, mạng căn gắn liền

với hơi thở ra, hơi thở vào. Nếu ta với sau hơi thở vào, không có hơi thở ra, hoặc sau hơi thở ra không có hơi thở vào: Như vậy là mạng căn tức nên đoạn dứt. Nhưng ở trong hành vô thường có sự việc kỳ lạ: Hơi thở vào diệt rồi, mạng căn của ta trụ, mới lại đến lúc hơi thở ra sinh khởi. Hơi thở ra diệt rồi, mạng căn của ta trụ, mới lại đến lúc hơi thở vào sinh khởi. Hành giả do duyên dựa nơi các sự như thế, nên thân tâm chán lìa ái giận đã phát sinh từ cảnh của ba đời, dốc tu khiến tâm thanh tịnh. Đó gọi là tu mười sáu hành hữu thượng, nên biết về hành vô thượng.

Lại nữa, niệm hơi thở vào ra như thế, trụ duyên nơi sắc của gió nhẹ làm cảnh giới, nên gọi là trụ vi tế. Cách tuyệt với tất cả tâm tứ hỗn loạn, nên gọi là không lưu tán. Phát sinh khinh an vi diệu hiện có nơi thân tâm thêm rộng lớn, nên gọi là không thể hàng phục.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào như vậy, khiến thân không mệt nhọc, khéo có thể trừ bỏ các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha. Khiến mắt không mỏi mệt, khéo có thể trừ dứt các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na. Do thuận theo việc quán xét Niết-bàn an lạc, nên gọi là tùy quán lạc. Do thuận theo việc lãnh nhận lạc trong địa của tính lự thứ ba, nên gọi là lãnh nhận lạc. Trụ không nhiễm, không sợ hãi, nên gọi là trụ an lạc.

Lại nữa, như có xứ ấy, hoặc có một người khởi suy nghĩ: Đức Như Lai cùng với kẻ hết sức thấp kém kia chứng đắc quả A-la-hán tuệ giải thoát, là không có sai biệt. Nghĩa là dựa vào giải thoát, khởi tư duy: Giải thoát của Như Lai cùng với giải thoát hiện có nơi quả A-la-hán tuệ giải thoát, là không có sai biệt.

Lại, có người khởi niệm như vậy: An trụ hiện có do lìa các *cái* của Như Lai, người ở trong nội pháp, vào hàng hết sức thấp kém, hoặc các bậc hữu học, hoặc các hàng phàm phu do lực của tinh tấn, nên đối với năm cái đã “phục đoạn” mà trụ, gọi là lìa cái trụ. Lìa cái trụ này, cùng với lìa cái trụ kia, là như nơi giải thoát, không có sai biệt.

Vì có sai biệt, nên biết hai thứ “liạ cái trụ” như thế là có sai biệt rất lớn. Nghĩa là các vị hữu học, tâm của trụ liạ *cái* tuy hiện hành, cùng với Đức Như Lai giống nhau, nhưng nơi các vị kia, tùy miên chưa đoạn trừ vĩnh viễn, các *cái* thường xuyên gián tạp nối tiếp nơi tâm, phải luôn luôn tác ý gắng sức để trừ bỏ.

Như Lai, đối với các *cái* đã đoạn trừ rốt ráo, nên liạ các cái trụ, so với liạ các cái trụ hiện có của các vị kia, là có sai biệt rất lớn, không phải như nơi giải thoát không có sai biệt.

Lại nữa, các sư Du già tu niệm hơi thở ra vào làm chỗ nương tựa để tu bốn niệm trụ. Tác ý như lý dùng làm chỗ dựa, đối với các tác ý phi lý hiện có nơi nội tâm chưa đoạn trừ, đều nhận biết rõ đúng như thật đó là phi lý. Đối với các tác ý như lý hiện có nơi nội tâm, cũng nhận biết rõ đúng như thật đó là như lý. Đã nhận biết rõ rồi, thì đối với các tác ý phi lý hiện có nơi nội tâm, hoàn toàn xa liạ. Đối với các tác ý như lý hiện có như vậy nên hoàn toàn tu tập vì nhằm khiến các tác ý phi lý kia vĩnh viễn đoạn diệt.

Lại, ở đây, bốn pháp như thân v.v... như bốn đại lộ, tác ý phi lý như khối đất bụi, không bền chắc, không chân thật, làm mê loạn tâm. Tác ý như lý như xe cộ đủ loại từ bốn phương chạy đến, gặp nhau, chen nhau. Bốn môn cảnh giới như thân v.v... chuyển biến có thể loại trừ tác ý phi lý kia như khối đất bụi, cũng khiến cho tất cả thanh tịnh được nối tiếp.

Lại nữa, tinh tấn tu tập niệm các hơi thở, do tu tập đúng đắn bốn thứ niệm trụ, là vô ngã, là bình đẳng, bình đẳng. Chủng loại của thân ấy có thể giữ lấy tác ý như lý đối với thân. Như thân, tác ý vô ngã cũng thế. Do đó, nói hành giả kia, vì một phần của thân có thể tu thân niệm trụ như vậy, đều không thể được. Như thân niệm trụ, nói rộng cho đến tu pháp niệm trụ, nên biết cũng vậy. Như thế, giáo pháp tu niệm trụ của chư Phật, trong pháp của ngoại đạo, đều không hề có.

Vậy nên nói giáo pháp tu niệm trụ này, gọi là không phải chỗ nắm giữ của tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Đầu, tôn trọng Thi la
Giới thanh tịnh viên mãn
Hiện hành học thắng lợi
Học sai biệt là sau.*

Học có ba loại: Giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng. Kiến lập ba học giới như thế có sai biệt, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại, lược nêu ở trong các thứ học ấy, các hành tà hiện có nên nhận biết rõ, đúng. Hành chánh hiện có cũng nên nhận biết rõ, đúng.

Nói hành tà: Nghĩa là như có một hữu tình không tôn trọng giới, mà lại xuất gia, tuy là xuất gia nhưng không lấy tịnh giới làm sự tăng thượng. Như đối với tịnh giới, thì đối với định, với tuệ, nên biết cũng vậy, nói rộng cho đến đối với ba học thấy đều hủy phạm.

Nói hành chánh: Có ba hành chánh là hạ, trung, thượng.

Hành chánh hạ: Nghĩa là như có một hữu tình tôn trọng tịnh giới, cùng dùng tịnh giới làm chỗ tăng thượng, cùng với trước tái nhau, nhưng đối với định với tuệ không sinh tôn trọng. Ở đây không cho là có phạm tội hoàn toàn, mà gọi là có phạm tiểu tùy, tiểu tội, không có khả năng chứng đắc quả Sa-môn.

Hành chánh trung: Nghĩa là đối với giới, định thấy đều tôn trọng, cùng lấy đó làm sự tăng thượng. Như tôn trọng giới, thì thứ lớp hủy phạm ở đây cũng thế. Do đó nên biết cho đến phần vị của các phạm phụ hiện có.

Hành chánh thượng: Nghĩa là đã kiên đề, đối với ba thứ học thấy đều tôn trọng, đã chứng đắc quả Sa-môn, không chờ xét chọn có năng lực, không có năng lực.

Hai hành như thế chia làm bốn thứ, tức bốn thứ ấy hợp làm hai hành. Hai này cùng với bốn là bình đẳng, bình đẳng. Nên biết ở đây: Nếu có định học tất có giới học. Nếu có tuệ học tất có định học. Có giới học, không hẳn tất có định học, tuệ học. Nếu sư Du già tôn trọng các học, nên biết đó gọi là sự tạo tác viên mãn. Ngoài ra, chỉ gọi là sự tạo tác một phần.

Lại nữa, đối với xứ của tánh tội có thể xa lìa, nên biết đó gọi là tịnh giới viên mãn.

Đối với khả năng giữ kín các căn môn, thâm nhận pháp thiện hiện có của tịnh giới, thọ trì liên tục, nối tiếp chuyên đổi, nên biết đó gọi là pháp thiện viên mãn.

Đối với xứ của già tội có thể xa lìa, nên biết đó gọi là biệt giải thoát viên mãn.

Lại, dựa nơi giới được bậc Thánh ưa chuộng, hoặc dựa nơi năm thứ thiện xảo như uẩn v.v..., cùng dựa vào luật nghi biệt giải thoát, thọ trì giới cấm hiện có của thế tục, tùy theo thứ lớp, nên biết môn thứ hai như tịnh giới viên mãn v.v... có sai biệt.

Lại nữa, dựa nơi Thi la tịnh, lược có hai thứ pháp học có sai biệt:

(1) Thọ trì học xứ thuộc về thân ngữ hiện hành như pháp hiện có của Thi la đã thọ nhận thuộc không phải là chỉ.

(2) Thọ trì học xứ thuộc về Thi la đã thọ nhận thuộc là chỉ.

Lại hai thứ này, nghĩa là hoặc có trường hợp là Tỳ-nại-da nêu bày, không phải biệt giải thoát thuyết giảng. Hoặc có khi là Tỳ-nại-da nêu giảng cũng là biệt giải thoát nêu giảng. Thế nên tất cả lược chung mà nói có ba học xứ:

- (1) Hiện hành tăng thượng.
- (2) Tỳ-nại-da tăng thượng.
- (3) Biệt giải thoát tăng thượng.

Lại nữa, trụ thẳng lợi của học, tuệ là đứng đầu. Sự kiên cố của giải thoát niêm là tăng thượng. Tu tập ba học mau chóng viên mãn, như nơi phần Nhiếp thích đã biện giải rộng, nên biết.

Lại nữa, trụ nơi đầy đủ giới, như nơi Địa Thanh văn đã biện biệt, nên biết.

Lại, tức tịnh giới đối trị mọi thứ xấu ác của phạm giới, làm chỗ dựa để giữ chặt các căn môn, nên gọi là luật nghi. Đầu, khéo thọ nhận nên gọi là viên mãn. Sau, khéo giữ gìn nên gọi là thanh tịnh. Chiêu cảm quả đáng yêu thích nên gọi là thiện. Không có nhiễm ô nên gọi là vô tội. Đối với các hữu tình, định tâm từ có thể khéo tùy thuận, nên gọi là không hại. Đối với tánh Sa-môn khéo tùy thuận, nên gọi là nẻo tùy thuận. Tánh trong lặng được Thánh yêu chuộng nên gọi là thuận trong lặng. Trọn không thuận theo giới cấm thủ, nên gọi là không tùy thuận. Cùng với người đồng pháp, vì đồng phạm, nên gọi là đồng sắc loại. Đối với việc tu tập đúng đắn, tâm, tuệ tăng thượng làm chỗ nương dựa, tùy thuận chuyển đổi, nên gọi là thuận chuyển. Không nỡ hại kẻ khác, mà tạo lợi ích chuyển.

Lại, xa lìa đúng đắn hành tự khổ, nên gọi là không nhiệt nã. Đối với pháp đã thọ trì, không có biến đổi, hối tiếc, nên gọi là không thiêu đốt nã hại. Đối với những thứ hủy phạm không hiện hành, luôn như pháp sám hối dứt trừ chỗ phạm của mình, nên gọi là không hối nã. Như thế gọi là sai biệt hiện có của giới học tăng thượng. Ba trụ làm chỗ dựa, nên biết phần sai biệt hiện có của tâm học, tuệ học tăng thượng.

Nghĩa là do Thiên trụ, Phạm trụ có sai biệt, nên biết tâm học tăng thượng có sai biệt. Do các pháp như giác phần hiện có nơi

Thánh trụ có sai biệt, nên biết tuệ học tăng thượng có sai biệt. Nghĩa là bốn tĩnh lực, bốn vô sắc v.v... gọi là Thiên trụ. Bốn định vô lượng gọi là Phạm trụ. Bốn trí Thánh đế, bốn thứ niệm trụ, cho đến bốn thứ hành tích của đạo chi, bốn pháp tích của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, nên biết tất cả đều gọi là Thánh trụ.

Lại có bốn thứ pháp hoặc hành hoặc trụ không tạp nhiễm, khiến người tu quán hoặc đối với cảnh giới lui ra khỏi nẻo du hành, hoặc ở nơi đối tượng duyên tâm an định tĩnh, lìa các tạp nhiễm, an ổn mà trụ. Bốn pháp đó là:

(1) Đối với cảnh giới tùy thuận hỷ thọ, các thứ tạp nhiễm nơi hỷ, tâm sinh dứt bỏ sâu xa.

(2) Đối với cảnh giới thuận theo ưu thọ, các thứ nhiễm ô nơi ưu, tâm sinh dứt bỏ sâu xa.

(3) Đối với các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na, tu tập khiến tâm thanh tịnh.

(4) Đối với các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha, tu tập khiến tâm thanh tịnh.

Đối với bốn thứ pháp hoặc hành hoặc trụ, lìa các tạp nhiễm, trụ nơi an ổn ấy, nên biết bốn thứ pháp tích là chôn nương dựa của xứ sở an túc. Như chỗ ứng hợp nên biết, tức là chánh niệm, chánh định, không tham không sân.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Chứng tịnh đầu an lập
Có biến dị là trước
Thiên lộ dụ gương sáng
Ký biệt ở sau cùng.*

Đệ tử của Đức Như Lai chánh kiến đầy đủ, lược do hai pháp có thể thâm nhận đúng đắn tánh trong lặng, nên biết đã kiến lập bốn thứ

chứng tịnh. Tức là tín, giới thuộc về nghĩa của Sa-môn. Nơi người có thể thuyết giảng, là đối với nghĩa của Sa-môn. Đối với người đồng pháp, là đối với khả năng chứng đắc pháp trợ bạn của Sa-môn. Tịnh tín hiện có là căn bản sâu bền, nên ở trong đời khác cũng không thể bỏ đi. Không hư dối, nên gọi là tánh trong lặng cùng Thi la tịnh.

Đối với tất cả pháp ác bất thiện có thể dẫn đến nẻo ác, đã đạt được luật nghi hoàn toàn không tạo tác, do đó cũng được gọi là tánh trong lặng.

Nên biết tại đây, nương nơi tịnh tín, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, sinh tin hiểu sâu xa. Do tánh trong lặng của tịnh tín ấy, nếu như ở tại các đời khác, đối với pháp - luật thuyết giảng thiện của Phật, hoàn toàn không đổi. Lại do sợ hãi khổ của các đường ác, nên thọ trì tịnh giới, đối trị hành ác, do đây nên thâm nhận giới, tánh trong lặng nếu như ở nơi đời khác, cũng không tạo ác, đọa nơi các nẻo ác, cho đến Niết-bàn hoàn toàn không thoái. Do ở nơi pháp luật thuyết giảng thiện là chỗ dựa hoàn toàn không chuyển, nên rất ráo không đi đến tất cả nẻo ác làm chỗ nương dựa. Vì dụng ấy là tối thắng nên chỉ nói về tín, giới, là tánh trong lặng, không phải như các pháp tinh tấn, niệm, định còn lại không phải là tánh trong lặng.

Lại, tín giới ấy là nơi chốn nương dựa của giới định tuệ học tăng thượng. Do nói tín giới là thanh tịnh, nên hiển bày nghĩa nơi ba học đều được thanh tịnh. Vì nhân duyên ấy, nên chỉ nói hai thứ đó dùng làm chứng tịnh. Đây gọi là môn nghĩa thứ hai có sai biệt. Chứng tịnh như thế là khéo có thể làm tươi nhuận tất cả pháp. Bạch tịnh gắn liền với giới, nên gọi là làm tươi nhuận phước. Có thể dẫn đến các Thánh đạo thù thắng, nên gọi là làm tươi nhuận thiện. Có thể dẫn đến việc đoạn trừ các phiền não còn lại, nên gọi là có thể dẫn tới an lạc.

Lại nữa, các Thánh đệ tử hoàn toàn quyết định có thể đi đến nẻo thiện, thành tựu chứng tịnh, cũng có trụ nơi nẻo thiện. Ba thứ khổ

dữ đáng sợ hãi phát khởi do các đại cùng chống trái, biến dị, nhưng không nẻo ác nào hiện có sợ hãi.

Thế nào là ba thứ khổ dữ đáng sợ hãi? Đó là:

(1) Khổ vì bệnh.

(2) Khổ vì già.

(3) Khổ vì chết do đoạn dứt Mạt-ma (Tử huyết).

Do đó nói là bốn đại chủng kia có thể khiến biến dị. Các Thánh đệ tử không phải đã thành tựu bốn thứ chứng tịnh, có thể có biến dị.

Lại, các Thánh đệ tử với bốn chứng tịnh làm chỗ nương dựa, căn cứ vào ba thứ môn, tu tập sáu tùy niệm. Ba thứ môn là:

(1) Vì đoạn trừ các tùy phiền não đã khởi nhiễm não của phẩm Xa-ma-tha.

(2) Vì đoạn trừ các tùy phiền não đã khởi nhiễm não của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

(3) Vì đoạn trừ, tuy không có nhiễm não, nhưng đối với vị lai sẽ có thể sinh khởi hai tùy phiền não.

Nên biết ở đây, hôn trầm, thù miên gọi là các tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha. Vui thích các dục cùng hành với trạo cử, và các lỗi lầm của tham v.v... đã sinh những pháp tạp nhiễm như tầm tứ dục, bất thiện khiến tâm lưu tán, gọi là các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Lại, do lý của thắng nghĩa đế đã chứng đắc tùy niệm, gọi là nghĩa uy dững. Do lý của thế tục đế đã đạt được tùy niệm, gọi là pháp uy dững.

Lại nữa, ví như có người dùng chiếc gương sáng để xem tướng tịnh, bất tịnh của mặt mình. Như vậy, các Thánh đệ tử của Đức Như

Lại nắm giữ chiếc gương sáng chứng tịnh vi diệu để quán xét đúng như thật về các tướng nhiễm tịnh hiện có của tự thân.

Lại nữa, nếu có hành giả thành tựu bốn thứ chứng tịnh, chỉ tức dựa nơi bốn thứ chứng tịnh của mình, vì kẻ khác ký biệt, không dựa nơi phần vị trên. Tức có thể thuận theo hoan hỷ tu tập tùy niệm. Do nhân duyên này, nên biết ký biệt chứng quả Dự lưu, chưa hướng lên chỗ tu đạo của phần vị trên. Nếu đối với phần vị trên, có thể thuận hoan hỷ nơi năm thứ tùy niệm, vì kẻ khác ký biệt, do nhân duyên ấy nên biết ký biệt chứng quả Nhất lai. Do Tam-ma-địa chưa thành tựu đầy đủ, nên nơi đạo lià dục chưa được viên mãn. Vì cầu lià dục, nên tu tập các pháp có thể thuận theo hoan hỷ. Do hoan hỷ này làm chỗ dựa, nên phát sinh khinh an. Do khinh an nên thân lãnh nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm được chánh định, nhưng đối với định tĩnh chưa được thành mãn.

Nếu đối với sáu thứ tùy niệm của phần vị trên, vì kẻ khác ký biệt, do nhân duyên ấy nên biết, ký biệt chứng quả Bất hoàn, quả A-la-hán, chỉ là đạo xuất thế mới có thể hướng chứng. Vì các tùy niệm hiện có chỉ là thế gian, thế nên chứng đắc quả Bất hoàn trở lên, lại không có tùy niệm ký biệt như vậy.

Lại, bốn chứng tịnh trong quả Dự lưu chỉ nói là tịnh. Đối với quả học còn lại, gọi là tịnh viên mãn. Nơi quả tối thượng gọi là thanh tịnh viên mãn bậc nhất.

Như thế là đã lược dẫn chỗ tùy thuận cảnh trí của luận này tương ứng với phần Luận tông yếu của các kinh. Ngoài ra, tất cả tùy theo lãnh vực này, đều nên biết rõ.

HẾT - QUYỂN 98

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 99

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ NĂM:

Sự điều phục. Lựa chọn, gồm thâm chung. Đoạn 1:

Như thế là đã nói về Ma-đát-lý-ca nơi sự của Khế kinh.

Thế nào gọi là Ma-đát-lý-ca (Luận mẫu) nơi sự của Luật? Nghĩa là, tức từ ngoài bốn thứ kinh này, là kinh Biệt Giải Thoát hiện có, nói rộng nơi Ma-đát-lý-ca, lần lượt truyền đi những điều Đức Như Lai đã thuyết giảng, Đức Như Lai đã hiển bày, Đức Như Lai đã tán thán, gọi là Ma-đát-lý-ca của Luật tạng.

Ma-đát-lý-ca của Luật tạng này, về một phần ít của tổng tướng, nay sẽ nói. Tụng nêu:

Tụ lợi gồm tùy hành

Nghịch thuận hay tịch tĩnh

Biến tri, tín bất tín

Lực là cùng ở sau.

Đức Như Lai quán thấy mười thứ thắng lợi, nên ở trong Tỳ-nại-da vì các đệ tử chế lập học xứ. Nghĩa là thâm nhận Tăng già, khiến Tăng thành khản, tinh tấn, cho đến nói rộng như nơi phần Nhiếp thích, nên biết về tướng của chúng.

Nếu có thể thâm nhận bốn tộc họ lớn v.v... chánh tín xuất gia, hướng đến chúng không gia đình, nên biết gọi là thâm nhận Tăng già. Xuất gia như thế, hướng tới đời sống không gia đình rồi, vì họ tuyên thuyết các giáo pháp thâm diệu có nhân duyên, có xuất ly, có đối tượng nương dựa, có dũng mãnh, có thần biến. Nên biết đó gọi là khiến Tăng thành khẩn, tinh tấn. Các câu có sai biệt như có nhân duyên v.v... như nơi Địa Bò-tát đã biện giải về tướng.

Do năm thứ tướng, nên biết đó gọi là khiến Tăng an lạc:

- (1) Khiến thuận nơi đạo, đầy đủ không có thiếu thốn.
- (2) Khiến loại trừ hữu tình của dị pháp.
- (3) Khiến khéo dứt bỏ chỗ sinh khởi ô tác (Hối).
- (4) Khiến khéo hàng phục các triền phiền não.
- (5) Khiến khéo đoạn trừ vĩnh viễn phiền não, tùy miên.

Nên biết ở đây, do sức tăng thượng của sự an lạc đầu tiên, nên người chưa tịnh tín khiến sinh tịnh tín, người đã có tịnh tín khiến được tăng trưởng. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ hai nên đã điều phục các hữu tình xấu ác. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ ba, nên khiến người có hổ thẹn được trụ nơi an lạc. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ tư, nên khiến ngăn giữ các lậu của hiện pháp. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ năm, nên có thể khiến dứt trừ vĩnh viễn các lậu của vị lai.

Như vậy, đạt được trụ an lạc rồi, người chưa hội nhập khiến dễ hội nhập, nhằm khiến nhiều người trụ lâu nơi phạm hạnh, cho đến nói rộng, đều nên nhận biết rõ.

Lại, tất cả ở đây, nói tóm tắt, tức là hiển thị đúng đắn về sự thâm nhận đầu tiên. Tiếp theo là thâm nhận đúng đắn. Đã thâm nhận rồi, thì khiến trụ an lạc. Cùng hiển bày người chưa được thâm nhận vị lai dễ nhập nơi phương tiện. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nên biết lược có năm thứ tụ tội. Đó là:

- (1) Tụ tội tha thắng.
- (2) Tụ tội chúng dư.
- (3) Tụ tội vẫn trụ.
- (4) Tụ tội biệt hồi.
- (5) Tụ tội ác tác.

Tập hợp bất định thô theo như chỗ thích ứng, tức nhập trong các tụ tội như thế.

Lại có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Những gì là bốn? Nghĩa là trừ tha thắng, bốn tụ tội còn lại đều có thể trở lại thanh tịnh, nên có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Tụ tội thứ nhất tuy có thể hoàn tịnh, nhưng chỉ dựa vào hai loại hữu tình, không phải là tất cả không có sai biệt đều có thể hoàn. Thế nên tha thắng không lập trong tụ toàn bộ là hoàn tịnh.

Lại, nếu lược nói có mười lăm thứ lỗi lầm phạm tội, hiện hữu khắp ở trong tất cả tụ phạm tội, nên biết đã kiến lập các tội đã phạm.

Mười lăm thứ đó là:

- (1) Lỗi lầm của sự nặng.
- (2) Lỗi lầm của triền mãnh liệt.
- (3) Lỗi lầm của sự thiếu thốn không biết đủ.
- (4) Lỗi lầm do kẻ khác trách cứ, giận dữ.
- (5) Lỗi lầm khiến cho kẻ không có tịnh tín càng thêm bất tín, kẻ có tịnh tín thì khiến thay đổi.
- (6) Lỗi lầm của việc có nhiều của cải vật báu, có nhiều tạo tác.
- (7) Lỗi lầm do nhiễm chấp.
- (8) Lỗi lầm do nã hại kẻ khác.
- (9) Lỗi lầm do phát khởi bệnh tật.

(10) Lỗi lầm do ngăn ngại Sa-môn đi đến nẻo thiện.

(11) Lỗi lầm do đối với chôn nên tránh, giữ thì không tránh, giữ đúng đắn. Chôn không nên tránh, giữ thì lại tránh, giữ.

(12) Lỗi lầm do đối với chỗ không nên nương dựa thì nương dựa, chỗ nên nương dựa thì lại không nương dựa.

(13) Lỗi lầm do đối với nơi nên cung kính thì không cung kính, nơi không nên cung kính thì lại cung kính.

(14) Lỗi lầm do đối với điều nên che giấu thì không che giấu, điều không nên che giấu thì lại che giấu.

(15) Lỗi lầm do đối với pháp nên quen gần thì không quen gần, pháp không nên quen gần thì lại quen gần.

Nên biết ở đây, người mới tu tập, đối với bốn tội tha thắng, tuy có lỗi lầm của sự nặng, nhưng không có lỗi lầm của triền mãnh liệt, do ý lạc của người kia không phát khởi ác dữ dội. Nghĩa là đối với Sa-môn không có chút quan tâm lưu luyến. Hoặc là người mới tu tập, nhận biết rõ pháp này có thể gây chướng ngại cho Sa-môn, cho dù có nhân duyên liên hệ đến tánh mạng cũng không trái phạm. Vì sức của ý lạc mạnh, không chỉ dựa nơi sự, nên người kia không phạm. Chế lập điều đã phạm chính là do sức tăng mạnh của ý lạc, hoặc tuy có phạm nhưng không một niệm khởi tâm che giấu, nên người kia cũng có thể ra khỏi, đối với quả Sa-môn cũng có khả năng đạt được. Ngoài ra, tất cả những người phạm tội tha thắng cũng có lỗi lầm của sự nặng, cũng có lỗi lầm của các phiền não triền không hở không thẹn mãnh liệt. Nên biết kẻ kia do hai thứ đều nặng, nên không thể thành pháp xuất ly cùng pháp Bát Niết-ban.

Hoặc là y bát v.v... đã được Đức Thế Tôn cho phép nên giữ lấy thì tác tịnh mà thọ dụng. Kẻ kia, đối với tất cả thấy đều dứt bỏ, hoặc không tác tịnh mà liền thọ mạng, các tội như vậy, do dựa nơi lỗi lầm của sự thiếu thốn không biết đủ để chế lập điều đã phạm. Hoặc

không phải là Bí-sô-ni thân thuộc mà nhận y, cho y, hoặc cùng với vị kia riêng ở tại một nơi. Hoặc lại không đúng thời, các Bí-sô tăng không chấp thuận mà liền đi đến trụ xứ của Bí-sô-ni chỉ dạy trao truyền. Hoặc trừ các thời gian khác cùng với các vị thân quen kia đi chung trên đường. Các loại như thế nên biết đó gọi là lỗi lầm do kẻ khác trách cứ giận dữ. Hoặc không có oai nghi mà đi vào xóm làng khát thực, thọ dụng, ngồi không như pháp để rửa tay, rửa vật dụng. Hoặc không do thỉnh mời nhưng ngay trước lúc thọ thực liền vào nhà ấy, hoặc không xem xét về thời gian nên sau giờ thọ thực lại đi đến thôn ấp. Các loại như thế, nên biết đó gọi là lỗi lầm khiến kẻ không có tịnh tín càng thêm bất tín, kẻ có tịnh tín thì khiến thay đổi. Hoặc có nắm giữ các thứ báu như vàng bạc, vô số phẩm loại mua bán, cất chứa các loại vải vóc, ngọc cụ đẹp đẽ v.v... nên biết đó gọi là lỗi lầm của việc có nhiều của cải vật báu có nhiều tạo tác. Hoặc cố ý xuất tinh, hoặc lại nắm tay, tiếp xúc với những người nữ thân quen, hoặc làm mai mối, nhân đây hướng nhập nhà người, tâm nhiễm đối khác. Hoặc vì ưa thích nên đi tới chỗ thân thuộc để cầu có các thứ y phục thượng diệu v.v... Nên biết đó gọi là lỗi lầm do nhiễm chấp. Hoặc dùng chứng cứ không đúng, dựa vào phần pháp khác để hủy báng Bí-sô khác. Hoặc nói lời tạo ly gián giữa người này người kia v.v... Nên biết đó gọi là lỗi lầm do não hại kẻ khác. Hoặc tự mình mang theo lông dê cừu đi quá ba do tuần. Hoặc vác, đội, gánh nặng. Hoặc leo lên cây cao quá đầu người v.v... Nên biết đó gọi là lỗi lầm do phát khởi bệnh tật. Nếu vì nhằm phá hoại hòa hợp Tăng nên siêng nặng bày ra những phương tiện mạnh, dữ. Nên biết đó gọi là lỗi lầm tạo chướng ngại cho việc đi đến nẻo thiện. Nếu tự mình tạo ra ngôn ngữ không thích hợp v.v..., nên biết đó gọi là lỗi lầm gây trở ngại cho Sa-môn. Nếu có người đem các thứ ngọc cụ, tặng chi ném bỏ nơi khoảng đất trống v.v... như thế hoặc thọ dụng sai lạc v.v... nên biết đó gọi là lỗi lầm do đối với chốn nên tránh, giữ thì không tránh giữ đúng đắn. Nếu cùng với Bí-sô tà kiến siêng nặng thúc đẩy, lại

cùng cư trú v.v... để nương dựa. Nên biết đó gọi là lỗi lầm do đối với chỗ không nên nương dựa trở lại cùng nương dựa. Nếu đối với giáo pháp tôn quý tỏ ra khinh chông, oán giận, nhìn xem một cách ác cảm, không cung kính các vị thông tuệ thọ trì Kinh Biệt Giải Thoát. Nên biết đó gọi là lỗi lầm do đối với nơi chốn nên cung kính thì không cung kính. Nếu ở trước các hữu tình chưa thọ cụ giới, nói với họ là mình thật sự chứng đắc pháp hơn người. Hoặc lại che giấu tội ác thô trọng của Bí-sô đã phạm v.v... Nên biết đó gọi là lỗi lầm do đối với điều nên che giấu thì không che giấu, điều không nên che giấu thì lại che giấu. Nếu có thọ dụng các sự việc bất tịnh phi pháp, như y phục v.v..., nên biết đó gọi là lỗi lầm do đối với pháp không nên quen gần mà lại quen gần. Như thế là đã nói về mười lăm thứ lỗi lầm. Nên biết ở trong tội đã phạm của kẻ kia, hoặc có nhiều thứ, hoặc có hai thứ, một thứ.

Lại nữa, lược có năm pháp gồm thâm Tỳ-nại-da:

- (1) Tánh tội.
- (2) Già tội.
- (3) Ché.
- (4) Khai.
- (5) Hành.

Thế nào là tánh tội? Tức tánh là bất thiện, có thể bị tạp nhiễm, tổn não kẻ khác, có thể bị tạp nhiễm, tổn não cho chính mình. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành nên dẫn đến nẻo ác. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành, có thể gây chướng ngại cho Sa-môn.

Thế nào là già tội? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, quán hình tướng của kẻ kia không như pháp, nên hoặc khiến cho chúng sinh tôn trọng chánh pháp. Hoặc thấy chỗ tạo tác của họ thuận theo pháp của tánh tội hiện hành. Hoặc vì tùy thuận hộ trì tâm kẻ khác. Hoặc thấy tánh Sa-môn bị chướng ngại nơi thọ mạng của nẻo thiện...,

nên ngăn chặn đúng đắn. Nếu có các sự như thế hiện hành, gọi là già tội.

Thế nào là chế? Nghĩa là có những tạo tác có thể dẫn đến nẻo ác, hoặc gây chướng ngại nơi nẻo thiện, hoặc tạo chướng ngại chỗ đạt được lợi dưỡng đúng như pháp, hoặc tạo chướng ngại đối với thọ mạng, hoặc gây chướng ngại cho Sa-môn. Các loại như thế, Đức Như Lai đều ngăn chặn không khiến chúng hiện hành, nên gọi là chế.

Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là khai (mở ra, cho phép).

Thế nào là hành? Nghĩa là lược có ba hành:

- (1) Có phạm.
- (2) Không phạm.
- (3) Hoàn tịnh.

Ba thứ như thế lược thâm tóm làm hai:

- (1) Hành tà.
- (2) Hành chánh.

Nên biết, có phạm gọi là hành tà. Không phạm, hoàn tịnh gọi là hành chánh.

Ở đây, thế nào là phạm tội đã phạm? Nghĩa là đối với pháp nên làm mà lại không làm, cùng gia hạnh. Đối với pháp không nên làm mà lại làm, cùng gia hạnh.

Lại, kẻ kia lược do bốn nhân duyên nên phạm tội đã phạm:

- (1) Không biết.
- (2) Phóng dật.
- (3) Phiền não khởi mạnh.
- (4) Khinh mạn.

Thế nào gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm không lắng nghe kỹ, không khéo lãnh ngộ, không hiểu rõ, không có tuệ giác ngộ, không có chỗ nhận biết, đối với pháp đã phạm kia khởi tưởng không phạm mà phạm các tội. Như vậy gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm.

Thế nào gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có tuệ giác ngộ, cũng có chỗ nhận biết, nhưng trụ nơi quên niệm, trụ nơi không nhận biết chân chánh. Kẻ kia do niệm không trụ như thế, nên như không nhận biết mà phạm các tội. Như thế gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm.

Thế nào gọi là phiền não khởi mạnh nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với pháp đã phạm, tuy lại hiểu rõ, có tuệ giác ngộ, cũng có sự nhận biết, nhưng bản tánh của vị kia là tham sân si hết sức mãnh liệt, do đấy, tuy biết sự việc ấy là không nên làm, nhưng vì triền phiền não bức bách không thể tự chủ nên phạm các tội. Như thế gọi là do phiền não khởi mạnh, nên phạm tội đã phạm.

Thế nào là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có tuệ giác ngộ, cũng có chỗ nhận biết, nhưng vị ấy tin hiểu là rất thấp kém, không có hành mạnh mẽ của nhân thiện từ đời trước. Do đấy, đối với tánh Sa-môn, đối với nẻo Bát Niết-bàn không có sự quyến luyến. Đối với Phật Pháp Tăng không kính, không sợ, không có hổ thẹn, không vui thích nơi pháp học. Do khinh mạn, nên tùy chỗ ham muốn phạm rộng các tội. Như thế gọi là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm. Nên biết trong ấy, không biết, phóng dật đã phạm các tội, là không nhiễm ô. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh và do khinh mạn, là có nhiễm ô.

Do năm nhân duyên nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ, trung, thượng có sai biệt. Năm nhân duyên là:

- (1) Do tự tánh.
- (2) Do hủy phạm.
- (3) Do ý lạc.
- (4) Do sự việc.
- (5) Do tích tập.

Do tự tánh: Nghĩa là tự tội tha thắng là tội thuộc phẩm thượng. Tự tội chúng dư là tội thuộc phẩm trung. Tự tội còn lại là tội thuộc phẩm hạ.

Lại có sai biệt: Tha thắng, chúng dư là tội thuộc phẩm trọng. Vẫn trụ, biệt hồi là tội thuộc phẩm trung. Tự tội ác tác là tội thuộc phẩm khinh. Như vậy nên biết, do tự tánh nên các tội đã phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt.

Do hủy phạm: Nghĩa là không biết, cùng phóng dật nên đã phạm các tội là tội thuộc phẩm hạ. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh là tội thuộc phẩm trung. Các tội đã phạm do khinh mạn là tội thuộc phẩm thượng.

Do ý lạc: Nghĩa là các tội đã phạm do triền tham sân si thuộc phẩm hạ là tội thuộc phẩm hạ. Nếu do phẩm trung là tội thuộc phẩm trung. Nếu do triền tham sân si thuộc phẩm thượng phạm tội thì tội thuộc phẩm thượng.

Do sự việc: Nghĩa là tuy ý lạc hiện hành tương tự, nhưng do sự việc không phải một loại, nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt. Như do triền sân đối với các chúng sinh hiện có nơi nẻo bàng sinh cố ý sát hại, sinh tội vẫn trụ. Tức do triền sân tương tự như thế, hoặc đối với người kia, hoặc hình dạng của người không phải là cha mẹ mình, cố ý sát hại, sinh tội tha thắng, không phải tội vô gián. Tức dùng triền sân tương tự như thế, đối với cha mẹ của người, cố ý sát hại, sinh tội tha thắng cùng tội vô gián.

Do tích tập: Nghĩa là như có một Bí-sô, hoặc phạm một tội, không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Hoặc phạm hai tội, hoặc ba tội, cho đến hoặc năm. Như thế nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm hạ. Từ đấy về sau, hoặc phạm mười tội, hoặc phạm hai mươi tội, hoặc phạm ba mươi tội, cho đến hoặc phạm số tội có thể biết rõ, đều không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Như thế nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm trung.

Nếu tội đã phạm, về số lượng là vô lượng không thể nhận biết rõ, như vậy nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm thượng.

Thế nào là nên làm? Nghĩa là, nếu đối với việc ấy do không làm cùng gia hạnh liền thành hủy phạm. Về các việc nên làm ấy, lược có năm thứ:

- (1) Việc nên làm đối với thôn ấp.
- (2) Việc nên làm nơi đạo tràng.
- (3) Việc nên làm nơi phẩm thiện.

Tức sự việc nên làm của phẩm thiện này lại có hai loại:

- (1) Việc nên làm về tư lương.
- (2) Việc nên làm về thanh tịnh.

Như thế, việc nên làm về tư lương, như nơi Địa Thanh văn đã nói mười ba thứ tư lương hiện có. Như vậy, sự việc nên làm về thanh tịnh, như nơi Địa Thanh văn đã nói “tu tác ý”.

Lại, việc nên làm nơi thôn ấp: Nghĩa là, hoặc vì các sự việc như y phục v.v... của mình nên đi vào xóm làng. Hoặc lại vì sự việc đối với Tam bảo, sự việc đối với bậc đồng phạm hạnh. Hoặc vì sự việc đối với kẻ chưa tin khiến sinh tin, kẻ đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng, nên đi vào xóm làng.

Cùng với đây trái nhau là khả năng gây trở ngại hiện có đối với năm sự việc nên làm. Theo như chỗ thích hợp, nên biết về năm thứ việc không nên làm.

Thế nào là không phạm? Nghĩa là do năm nhân duyên khiến không phạm. Năm nhân duyên là:

(1) Đối với các căn môn giữ kín mà trụ. Ăn uống biết lượng. Đầu đêm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu thắng hạnh, chánh tri mà trụ. Như thế gọi là nhân duyên thứ nhất.

(2) Đối với các Sa-môn, phát khởi sự tinh tấn thuộc phẩm thượng để quan tâm, quyến luyến. Đối với bậc Đại sư, các vị có trí, đồng phạm hạnh, phát khởi tâm cung kính, yêu thích thuộc phẩm thượng. Nơi tội hiện hành, phát khởi tâm hổ thẹn tăng thượng mạnh mẽ. Như thế gọi là nhân duyên thứ hai.

(3) Lại, giảm thiểu của cải vật dụng, giảm thiểu các hành tác, tạo nghiệp, không tạo nhiều việc vợi vàng, bề bộn. Như thế gọi là nhân duyên thứ ba.

(4) Trụ nơi biết đủ. Đối với việc phạm không phạm có thể khéo nhận biết rõ. Không cùng với đạo tục giao du buông thả. Chuyên tu phẩm thiện từng không gián đoạn. Như thế gọi là nhân duyên thứ tư.

(5) Lại, mới tu tập, hoặc tâm si cuồng, loạn động, bị khổ não bức bách. Như thế gọi là nhân duyên thứ năm.

Nên biết do năm nhân duyên ấy nên từ đầu không phạm.

Thế nào là hoàn tịnh? Nghĩa là như có một Bí-sô, theo tội đã phạm tức liền sinh khởi năm thứ ô tác (hối). Năm chi gồm thân hành không phóng dật làm chỗ nương dựa. Do năm thứ tướng dứt trừ năm thứ ô tác đã sinh khởi từ tội đã phạm kia.

Thế nào là sinh khởi năm thứ ô tác (hối)? Đó là:

(1) Sinh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nên về sau nhất định sẽ tự thành khẩn khiên trách sâu xa.

(2) Sinh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định sẽ bị chư thiên khác quả trách.

(3) Sinh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định bị bậc Đại sư cùng các vị đồng phạm hạnh có trí sẽ cùng quả trách.

(4) Sinh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định tiếng xấu ác ấy sẽ được truyền đi khắp.

(5) Sinh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, sau khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ bị đọa trong các nẻo ác.

Năm chi gồm thân hành không phóng dật, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là:

Tiền tế cùng hành.

Hậu tế cùng hành.

Trung tế cùng hành.

Thời gian đầu tạo tác.

Cùng tùy hành.

Thế nào là do năm thứ tướng, dứt trừ năm thứ ố tác đã sinh khởi từ tội đã phạm kia? Đó là:

(1) Đức Thế Tôn thuyết giảng chánh pháp đều có nhân duyên, cũng có xuất ly. Do đó tội đã phạm đều có thể trở lại thanh tịnh, vì vậy trừ bỏ ố tác đã sinh.

(2) Do kẻ kia không biết, hành phóng dật, phiền não tăng mạnh, cùng do khinh mạn, nên phạm tội đã phạm. Tức các thứ không biết cho đến khinh mạn ta đã đoạn dứt. Chánh trí hiện có, cho đến sự tôn kính ta đã sinh khởi. Vì vậy trừ bỏ ố tác đã sinh.

(3) Ý lạc về vị lai không phạm ta đã sinh khởi, do đẩy trừ bỏ ố tác đã sinh.

(4) Ta đã đối với các vị đồng phạm hạnh có trí phát lồ sám hối diệt trừ, do đẩy loại bỏ ố tác đã sinh.

(5) Ta ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện của Phật đã xuất gia rồi, tuy vượt học xứ, nhưng có thể sám hối diệt trừ, hết sức là “Lành thay!”. Nhưng Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng môn để quở trách việc đẩy khởi ố tác tương tục: Đó là che lấp, ngăn chặn. Ta nay đối với các ố tác kia phần nhiều trụ giữ không thể trừ bỏ, không phải là điều tốt đẹp. Nhận biết rõ điều ấy rồi, do đó dứt trừ ố tác đã sinh.

Như thế gọi là tội đã phạm trở lại thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết lược có năm pháp tùy hành của Tỳ-nại-da. Dựa nơi Tỳ-nại-da, Bí-sô siêng năng tu học theo đây tùy hành. Những gì là năm pháp. Đó là:

(1) An trụ.

(2) Cư xứ.

(3) Chỗ dựa.

(4) Thọ dụng.

(5) Yết ma.

Thế nào là an trụ? Nghĩa là Bí-sô siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da phải nên an trụ nơi năm thứ tướng trụ:

(1) Nếu vào xóm làng, phải nên an trụ nơi tướng đi vào chốn lao ngục.

(2) Nếu tại đạo tràng, luôn phải đối với bản thân trụ nơi tướng Sa-môn. Nên biết ở đây tướng Sa-môn: Nghĩa là khởi tướng: Ta nay đối với hình sắc đã riêng khác, đã từ bỏ hình tướng thế tục. Ta đã thọ giữ các thứ hoại sắc v.v... nói rộng như nơi kinh. Tức nên quán xét kỹ, đúng về hai mươi hai xứ.

(3) Nếu vào lúc ăn uống, luôn phải an trụ nơi tưởng xem việc ăn uống như là trị bệnh.

(4) Nếu ở nơi chốn xa lìa, đối với mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh v.v..., nên trụ nơi tưởng mù điếc câm ngọng.

(5) Nếu vào lúc ngủ nghỉ, nên khởi tưởng như loài nai kinh sợ trong vùng rừng núi hoang vắng khó giữ gìn.

Các Bí-sô siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da thường nên an trụ nơi năm tưởng trụ như thế. Đối với tưởng trụ ấy đã an trụ rồi, tuy hiện thọ dụng các thứ y phục, ngọa cụ, thức ăn uống v.v... thuộc hàng vua quan, nhưng không rơi vào biên hành thọ dụng lạc.

Thế nào là cư xứ? Tức là năm cư xứ:

- (1) Cư xứ của Bí-sô.
- (2) Cư xứ của Bí-sô-ni.
- (3) Cư xứ của ngoại đạo.
- (4) Cư xứ tạp nhiễm.
- (5) Cư xứ không tạp nhiễm.

Cư xứ của Bí-sô: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí-sô hạ trung thượng tọa cư trú.

Cư xứ của Bí-sô ni: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí-sô-ni với ba hạng như trước đang cư trú.

Cư xứ của ngoại đạo: Tức là nơi xứ ấy có nhiều thứ ngoại đạo cư trú như ly hệ, tịnh mạng, ba luân bát đa...

Cư xứ tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy, tất cả yết ma đều không thiết lập, hoặc chỉ thiết lập một phần yết ma.

Cư xứ không tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy đã thiết lập đầy đủ tất cả yết ma.

Lại, cư xứ của Bí-sô không tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập nghiêm túc. Xứ cư trú của Bí-sô nếu có tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập hỗn tạp. Các Bí-sô có sự yêu thích việc tu học, đối với xứ cư trú của Bí-sô có tạp nhiễm phải nên xét chọn. Dứt bỏ lợi dưỡng, từ bỏ sự cung kính, không nên dừng trụ, trừ khi có ách nạn tạm thời nương dựa. Hoặc đang đi trên đường tạm thời tá túc. Hoặc vì nhằm đưa các chúng Bí-sô kia ra khỏi nơi chốn bất thiện, đến ở yên nơi xứ thiện. Đối với xứ cư trú của chúng Bí-sô-ni không nên dừng trụ, trừ ba thứ nhân duyên như trước đã nói. Nơi xứ cư trú của ngoại đạo nên biết cũng như thế. Đối với xứ cư trú của Bí-sô không tạp nhiễm, tuy đã xét chọn đúng đắn để cả đời dừng trụ, nhưng phải luôn mang giữ tưởng của một khách trọ biết kìm chế. Nếu có Bí-sô tuy trụ nơi các xứ cư trú như thế, phải nên mang giữ tưởng về nơi chốn có vô số thứ lo sợ. Tuy trụ nơi xứ không có hiềm khích như vậy, nhưng luôn lo sợ bị các vị đồng phạm hạnh có trí giận trách.

Thế nào là chỗ dựa? Nghĩa là năm chỗ dựa. Đó là:

- (1) Chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất.
- (2) Chỗ dựa là cư xứ.
- (3) Chỗ dựa là hữu tình.
- (4) Chỗ dựa là các vật dụng nuôi sống như y phục v.v...
- (5) Chỗ dựa là oai nghi.

Nếu dựa nơi thôn xóm, thành ấp theo địa phương mà được an trụ, nên biết đó gọi là “Chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất”.

Nếu dựa nơi các vườn rừng, hoặc các tự viện, xứ kinh hành v.v... mà được an trụ, nên biết đó gọi là “Chỗ dựa là cư xứ”.

Nếu dựa nơi các thí chủ, các bậc Quý phạm, Thân giáo, can ngăn dạy dỗ, giảng nói trao truyền chánh pháp mà được an trụ, nên biết đó gọi là “Chỗ dựa là các hữu tình”.

Nếu dựa vào việc thuận đạo, hoặc thô hoặc diệu, theo chỗ đạt được các thứ vật dụng nuôi sống thân mạng như y phục, thức ăn uống, thuốc men trị bệnh, mà được an trụ, nên biết đó gọi là “Chỗ dựa là các thứ vật dụng nuôi sống như y phục v.v...”.

Nếu dựa nơi xứ ấy, trong mọi thời gian, bốn oai nghi của thân như chỗ vui thích, được an lạc trụ, nên biết đó gọi là “Chỗ dựa là oai nghi”.

Nếu nương vào các chỗ dựa như thế mà trụ, tức hoàn toàn không bị các thứ khổ não phi Thánh, vô nghĩa, dẫn đến khốn tẻ, không thích hợp, tổn hại tự thân.

Thế nào là thọ dụng? Nghĩa là có năm thứ thọ dụng bất tịnh cùng có năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Những gì là năm thứ thọ dụng bất tịnh? Đó là:

(1) Thọ dụng các vật của tháp thờ, không phải gặp lúc bị bệnh nặng.

(2) Thọ dụng các vật của Tăng kỳ, không phải do Tăng chúng trao cho, không phải rơi vào bát, không phải được phân thuộc về mình.

(3) Thọ dụng các vật của biệt nhân thuộc kẻ khác, không từ kẻ kia mà được, không phải kẻ kia đã hứa cho, tùy ý thọ dụng.

(4) Thọ dụng các vật không phải tin tưởng giao phó. Nghĩa là không nên thọ dụng tất cả các vật hiện có của hữu tình không tin tưởng giao phó.

(5) Thọ dụng các vật đã nhiễm ô, cấu uế, hoặc do quen gần với việc giã các pháp thiện, tăng các pháp bất thiện. Hoặc lúc quen gần, khiến các thế gian sinh khởi chê trách, khiến các thế gian cùng khinh chán. Kẻ chưa sinh tin thì khiến càng không tin. Kẻ đã sinh tin thì khiến biến dị.

Đó gọi là năm thứ thọ dụng bất tịnh. Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên xa lìa.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên thọ dụng. Bí-sô xa lìa thọ dụng bất tịnh, đối với thọ dụng thanh tịnh tùy hành, có thể khéo báo đáp các tín thí hiện có.

Thế nào là yết ma? Nghĩa là tất cả yết ma lược có bốn loại:

- (1) Yết ma đơn bạch.
- (2) Yết ma bạch nhị.
- (3) Yết ma bạch tứ.
- (4) Yết ma tam ngữ.

Bốn yết ma này lược có hai sự làm nơi chốn nương dựa:

- (1) Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa.
- (2) Sự của số vô tình làm chốn nương dựa.

Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma xuất gia, hoặc yết ma thọ cụ túc, hoặc yết ma hữu tình đồng ý. Hoặc yết ma xuất tội, hoặc yết ma cử, hoặc yết ma tấn, hoặc từ hai nơi an cư, thọ mười, hai mươi, bốn mươi đêm, với yết ma hiện có. Như vậy, hoặc là để thâm nhận hữu tình, hoặc là để điều phục hữu tình, nên thiết lập yết ma. Đó gọi là yết ma với chốn nương dựa là sự của số hữu tình.

Sự của số vô tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma thọ trì y bát, hoặc yết ma giữ y yết hy na yết ma giữ y không xả, hoặc yết ma kiết giới, hoặc yết ma đồng ý làm tịnh lúa gạo. Các loại yết ma hiện có như thế, nên biết đó gọi là yết ma với chốn nương dựa là sự của số vô tình.

Lại, yết ma này nên biết hoặc có hai chúng thực hiện, hoặc có bốn chúng thực hiện, hoặc có mười chúng, hai mươi chúng, bốn mươi chúng thực hiện, hoặc có hợp chúng thực hiện.

Hai chúng thực hiện: Nghĩa là một Bí-sô đối trước một Bí-sô, hành yết ma ba lần nói về biệt hối, phát lồ sám hối trừ bỏ, hoặc tội “Vấn trụ”, hoặc tội “Ác tác”.

Bốn chúng thực hiện: Nghĩa là như có một Bí-sô phạm tội thô rồi, đối trước bốn người hành yết ma phát lồ sám hối trừ bỏ tội.

Mười chúng thực hiện: Tức là yết ma thọ cụ túc.

Hai mươi chúng thực hiện: Nghĩa là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí-sô, cùng yết ma thọ cụ túc của các Bí-sô ni.

Bốn mươi chúng thực hiện: Là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí-sô-ni.

Hợp chúng thực hiện: Là yết ma tăng trưởng, hoặc yết ma tứ cử, hoặc các loại yết ma hiện có khác.

Bốn thứ yết ma ấy, do sự sai biệt nên thành vô lượng loại, nói rộng nên biết như nơi Ma đất lý ca của Tỳ-nại-da.

Như thế là đã hiểu rõ về yết ma hiện có. Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thuận hành yết ma, đối với tội đã phạm đạt được thiện xảo, đối với nẻo xuất ly tội cũng được thiện xảo, lánh giữ tự thân khiến được thanh tịnh, lia các tội lỗi.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, nên biết có năm thứ học pháp trái nghịch phải nên xa lia. Lại có năm thứ học pháp tùy thuận phải nên thọ trì.

Những gì là năm học pháp trái nghịch? Đó là:

- (1) Chương ngại.
- (2) Chánh pháp tượng tợ.
- (3) Bạ ác.
- (4) Phiền não ngu tối dấy mạnh.

(5) Tư lương của đời trước, về lực rất yếu kém.

Thế nào là chướng ngại? Nghĩa là có năm chướng:

- (1) Chướng ngại của giới tăng thượng.
- (2) Chướng ngại của tâm tăng thượng.
- (3) Chướng ngại của tuệ tăng thượng.
- (4) Chướng ngại của việc đi đến nẻo thiện.
- (5) Chướng ngại của việc hành tác, lợi dưỡng, thọ mạng.

Thế nào gọi là chướng ngại của giới tăng thượng? Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc là nô tỳ, hoặc là do mình tạo nên, hoặc có chỗ nói năng, nói rộng là tất cả chướng ngại đối với pháp xuất gia mà cùng với chúng tương ưng. Như thế gọi là chướng ngại của giới tăng thượng.

Thế nào gọi là chướng ngại của tâm tăng thượng? Tức có mười một thứ chướng ngại nên biết gọi là chướng ngại của tâm tăng thượng. Đó là, luôn cùng với chúng hội họp, là chướng ngại thứ nhất, xử phân xử cư trú là chướng ngại sau cùng.

Thế nào gọi là chướng ngại của tuệ tăng thượng? Nghĩa là đối với chánh pháp cùng sư thuyết giảng pháp không khởi tâm cung kính, xem thường chánh pháp cùng sư thuyết giảng pháp, khinh chê cả chính mình. Đối với pháp thì keo kiệt tiếc lẩn, gây trở ngại cho việc đến với chánh pháp của kẻ khác, khiến họ từ bỏ chánh pháp, hủy báng chánh pháp. Các loại như thế nên biết đều gọi là chướng ngại của tuệ tăng thượng.

Thế nào gọi là chướng ngại của việc đi đến nẻo thiện? Nghĩa là như có một hữu tình là hàng tà kiến dục ác, có nhiều giận dữ, cho đến nói rộng. Sắc loại như thế là thuận theo pháp của các nẻo ác thọ học chuyển biến. Nên biết đó gọi là chướng ngại của việc đi đến nẻo thiện.

Thế nào là chướng ngại của lợi dưỡng? Nghĩa là tùy theo sự hành trì khiến người chưa tin lại tăng thêm không tin, người đã tin rồi thì có thể khiến họ thay đổi. Không ưa thích công đức. Không ở nơi mọi thời gian siêng năng tinh tấn tu tập hành thí, phước v.v... Không vui thích vì kẻ khác dẫn dắt đạt được những lợi ích an lạc hiện có. Các loại như vậy gọi là chướng ngại của lợi dưỡng.

Thế nào là chướng ngại của thọ mạng? Nghĩa là không cẩn thận, xa lánh các loài thú dữ như voi dữ v.v... nói rộng cho đến không khéo xa lìa các cõi nước ác, có những tai họa, bệnh dịch. Lại không xa lìa các nhân các duyên có thể khiến mình, thọ mạng chưa hết mà bị chết yểu. Những thứ như thế gọi là chướng ngại của thọ mạng.

Thế nào là chướng ngại của sự việc hành tác? Nghĩa là có thể gây chướng ngại cho các sự việc hiện có như may sấm y bát, khát thực v.v... Tất cả như thế gồm chung làm một, nên biết gọi là chướng ngại của sự việc hành tác, lợi dưỡng, thọ mạng.

Thế nào gọi là chánh pháp tượng tợ? Nghĩa là lược có hai thứ chánh pháp tượng tợ:

- (1) Chánh pháp tợ giáo.
- (2) Chánh pháp tợ hành.

Nếu đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, hiển thị phi pháp cho là pháp, khiến cho kẻ khác ở trong ấy sinh tưởng chánh pháp, cho giáo pháp như thế là thật, là đế. Không phải là chánh pháp mà lại hiển hiện hình tượng giống với chánh pháp, do đó gọi là chánh pháp tợ giáo.

Nếu rộng vì người khác tuyên thuyết như thế, khiến họ thọ học cũng tự tu hành, vọng khởi tưởng là pháp, tập các hành tà mà tự kiêu mạn, cho mình có thể tu là hành chân chánh. Nên biết đó gọi là chánh pháp tợ hành.

Vì nhằm nêu bày rộng về chánh pháp tượng tợ, nên nơi phần giữa lại nói Tụng:

*Đầu là năm thứ pháp
Tiếp các kiến như căn
Phi xứ là ác tác
Giới bạo ác là sau.*

Các thứ giáo pháp có văn cú tương tợ với giáo pháp do Đức Như Lai giảng nói, ở trong các kinh được đề nơi phần “Ngụy kinh”, ở trong các luật được đề nơi phần “Ngụy luật”. Như thế gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại do kiến tăng ích hoặc tổn giảm, tăng ích sự hư, tổn giảm sự thật. Do phương tiện ấy, nên đối với vô số môn nghĩa như vô thường v.v... rộng vì người khác tuyên thuyết, khai thị, như thế như thế, tự tha tập hành. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, nơi các hữu tình, tuyên thuyết kinh điển hiện có, chấp giữ, phân biệt tà vạy, nói có hữu tình chân thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, ở trong vô số pháp giả có, tuyên thuyết, khai thị là tánh có thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, đối với Niết-bàn cứu cánh xa lìa tất cả hý luận, phân biệt là có hoặc là không có, nói là tánh có hoặc tánh không có. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, nói như thế này: Đức Thế Tôn đã nêu bày chỉ rõ, xung tán việc giữ kín các căn môn. Do nhân duyên ấy, nên rõ là không còn thấy sắc, cho đến đối với pháp không dùng ý để suy xét, nhưng lại không buộc giữ niệm để xem thấy các sắc, cho đến dùng ý tư duy các pháp. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nêu bày, chỉ rõ, khen ngợi việc chọn nơi chốn tịch tĩnh mà trụ, liền nói như vậy: Thà không có lỗi lầm khỏi bị quở trách, chớ không nên lường xét kẻ khác. Tức đối với kẻ nên chê thì không chê trách. Đối với người nên khen ngợi thì cũng không khen ngợi. Vậy là không có việc chê trách xung tán. Như thế cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn chỉ rõ, tán thán việc nói năng dịu dàng, tạo hòa khí, liền nói như vậy: Nên thọ giới im lặng, đều không ngôn thuyết, là vô cùng lành thay. Như thế cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nêu rõ, tán thán về việc biết hạn chế, biết lượng về y phục, thức ăn uống, liền cho: Dứt bỏ ăn uống mà trụ, lộ thể mà hành là diệu thiện hơn hết. Như thế cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nêu bày, chỉ rõ khen ngợi việc lìa nơi chốn ồn tạp mà trụ, dứt bỏ các thứ ngôn thuyết cùng những việc làm v.v..., liền nói như vậy: Dứt bỏ hết các ngọa cụ, ở nơi chốn thanh vắng tịch tĩnh, không có tu tập gì cả là tốt đẹp hơn hết. Như thế cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nói tâm dẫn dắt thế gian, tâm tạo dựng tất cả, tùy tâm sinh khởi đều tự tại mà chuyển. Đối với nghĩa lý sâu xa của các kinh như thế đều không nhận biết đúng như thật. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác, khởi ngôn thuyết: Chỉ có một thức dong ruổi theo nẻo sinh tử, không hai, không khác. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn xác nhận các hữu tình, sĩ phu tri giới, thọ dụng thức ăn trăm vị, y phục trăm ngàn loại, là những dục diệu làm chướng ngại đạo, thì cho giả như các phẩm loại ấy lúc đang thọ dụng cũng không là chướng ngại. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác đã nói: Đức Thế Tôn thuyết giảng các dục là chướng

ngại đối với đạo, nhưng nếu có quen gần, không đủ gọi là chương ngại. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại nghe Đức Thế Tôn nơi các vị A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối với uẩn xứ giới của việc ăn uống, nói năng, không bỏ không lấy, không nhận biết như thật, liền khởi ngôn thuyết: Như ta hiểu pháp do Phật giảng nói, thì Tăng A-la-hán, đối với các sự việc sau khi qua đời, đều không hề biết rõ. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại có một loại hữu tình không nhận biết đúng như thật về đạo lý của hai đế thế tục và thắng nghĩa, trái với lý của hai đế, nói như vậy: Các uẩn vô ngã. Làm sao vô ngã tạo tác các nghiệp khiến ngã xúc chúng? Như vậy nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại có một loại hữu tình bản tánh ngu si, hành nhiều hủy báng đối với chín thứ chánh trụ tâm bên trong không nhận biết đúng như thật. Đối với hành quán đế, hành quán niệm trụ không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên vì kẻ khác tuyên thuyết chỉ tác ý tín giải là phẩm Xa-ma-tha, chỉ tác ý tín giải là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Chỉ tác ý tín giải là có thể đạt được cứu cánh. Tự mình cũng tập hành. Cùng hành như thế, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại có một loại hữu tình, không phải là xứ ô tác nhưng không tư duy, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại có một loại hữu tình, đối với các việc đọc tụng, hành quán, tác ý đều có khả năng thực hiện, nhưng vui thích với việc của Tăng. Cũng ở trong đây thấy công đức thù thắng, vì kẻ khác tuyên thuyết. Nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tự.

Lại có một loại hữu tình đối với giới, đối với việc tu tập là có khả năng thọ nhận, thực hiện, nhưng đối với tuệ thí chỉ thấy công đức thù thắng, du hành đến các phương, tích tập các tài sản vật dụng, để phụng hiến Tam bảo, nhưng đối với giới cấm của mình, ở nơi chốn

cần ngăn dứt có nhiều hủy phạm. Nên biết như thế cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại có một loại hữu tình, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện đã xuất gia rồi, lần lượt cùng dẫn, chuyên cho việc lắng nghe là cứu cánh, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, thấy các Bí-sô là hàng đại tộc, có phước đức lớn nên đạt được nhiều lợi dưỡng hiện có như y, bát v.v..., nên bỏ hạnh thiếu dục v.v..., đi đến trụ xứ của các Bí-sô kia, hiện bày sự cung kính, thân thiện, an ủi, chỉ dẫn, khiến các Bí-sô mới tu học bị tác động sinh khởi tâm tà vạy. Nên biết đó cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại có một loại hữu tình từ bỏ pháp tánh không hết sức thâm diệu do Đức Như Lai thuyết giảng tương ưng với kinh điển hiện có, để chuyên vui thích học tập các thứ văn chương, chú thuật thuận theo thế gian, nhưng không tự xét nên mang tâm kiêu mạn cho mình là thông sáng, lại muốn kẻ khác biết mình là thông thái. Nên biết đó cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại có một loại hữu tình đã điều phục kẻ bạo ác cùng người phạm giới, vì muốn đối với những người kia không tạo lợi ích cho họ, nên phát khởi tư duy xấu ác. Phải biết đây cũng gọi là chánh pháp tương tợ.

Lại có một loại hữu tình, tạo hợp vô số oai nghi giả trá, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, do hiểu biết về văn chương, chú thuật của thế gian, cầu nhiều, đạt nhiều các thứ lợi dưỡng hiện có, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, tổn não kẻ khác, dùng phi pháp ấy để tích tập của cải vật báu, tạo có tội phước, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, tức đối với chánh pháp tượng tợ ấy có thể dẫn đến vô nghĩa, dùng các nhân duyên để khai thị, kiến lập, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Như vậy, tất cả chánh pháp tượng tợ nên biết đều là trái nghịch với học pháp.

Về tánh tướng của bạn ác, nói rộng nên biết, như nơi Địa Thanh văn và Địa Bồ-tát đã nói.

Lại lược nêu: Nếu đối với phóng dật, hoặc đối với hành ác, hoặc đối với các thứ công đức thiện thấp kém, mà cùng khuyên gắng sức, nên biết loại ấy gọi chung là bạn ác.

Nếu các phiền não hiện có, trong thời gian dài phát khởi mạnh mẽ, thuộc chủng loại ngu si, tối kém, thì đó gọi là phiền não ngu tối dấy mạnh.

Nếu nơi đời trước, các pháp thiện như tín v.v... không tu tập, nên ở trong hiện pháp, các thứ như tín v.v... yếu kém, tuy hết sức tinh tấn thành khẩn, nhưng không có năng lực để nơi hiện pháp chứng đắc Niết-bàn. Nên biết đó gọi là tư lương của đời trước có chỗ thiếu kém, nên ở trong hiện pháp, lực ấy mỏng yếu.

Đó gọi là năm thứ học pháp trái nghịch. Cùng với đây trái nhau, nên biết là năm thứ học pháp tùy thuận. Các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm thứ học pháp tùy thuận ấy, có thể tu tập đúng đắn tất cả pháp đã học.

Thành tựu pháp tùy thuận như thế, lại có năm pháp có thể phòng hộ giới uân:

- (1) Xuất gia chân chánh.
- (2) Khéo tinh vấn.
- (3) Quán xét kỹ.
- (4) Tu tập đối trị.

(5) Nhận giữ tin tưởng.

Không vì bị nợ nần mà cầu xuất gia, như trước đã nói rộng, chỉ cầu đạt Niết-bàn, yêu thích pháp tu học mà cầu xuất gia. Nên biết như thế gọi là xuất gia chân chánh.

Đã xuất gia rồi, ở trong các sự việc phạm, không phạm cùng hoàn tịnh, nếu có Bí-sô trì Kinh Luật Luận, đối với điều chưa hiểu rõ kia, nên đích thân đến chỗ vị Bí-sô ấy thưa hỏi để được mở bày. Nên biết như thế gọi là khéo thỉnh vấn.

Đối với giới luật của bản thân, ba thời quán xét, hoặc vào đầu ngày, hoặc vào giữa ngày, hoặc vào cuối ngày, nếu thấy không phạm liền sinh hoan hỷ. Ngày đêm tinh tấn tùy học mà trụ, nếu thấy có phạm tức liền mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Nên biết như thế gọi là quan sát kỹ.

Nơi mọi thời gian, đầu đêm cuối đêm, hoặc vào ban ngày, tư duy tu tập, đối trị các phiền não hiện có như tham v.v..., không phải chỉ lắng nghe nêu dạy về giới luật liền sinh biết đủ. Nên biết như thế gọi là tu tập đối trị.

Tin sâu, nếu có phạm sẽ không có quả đáng yêu thích. Tin sâu, nếu không phạm, vị lai được quả đáng yêu thích. Nên biết như thế gọi là nhận giữ niềm tin.

Lại, xuất gia chân chánh làm chỗ nương dựa, tạo bốn sự việc còn lại. Do thỉnh vấn đúng đắn nên trọn không hủy phạm. Không biết nên phạm, do quán xét kỹ nên trọn không hủy phạm. Phóng dật nên phạm, do tu đối trị, nên trọn không hủy phạm. Phiền não dấy mạnh nên có chỗ phạm, do nhận giữ niềm tin, nên trọn không hủy phạm. Khinh mạn nên phạm. Nương dựa nơi năm thứ pháp như thế, nên có thể phòng hộ giới uẩn, gọi là khéo phòng hộ.

Lại nữa, các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, do có năm thứ pháp tịch tĩnh, nên có thể diệt trừ các ác. Năm thứ pháp đó là:

(1) Nhu hòa, để có thể cùng trụ.

(2) Đoạn.

(3) Đoạn chi.

(4) Kính sự.

(5) Diệt tranh chấp.

Những gì gọi là nhu hòa, để có thể cùng trụ? Nghĩa là như kinh đã nói, lược có sáu thứ pháp đáng yêu thích.

Những gì là đoạn? Nghĩa là bốn luân hiện có của các hàng trời, người.

Những gì là đoạn chi? Nghĩa là năm đoạn chi.

Những gì là kính sự? Nghĩa là kính sự bậc Đại sư, nói rộng cho đến không có phóng dật.

Những gì là diệt tranh chấp? Nghĩa là bảy pháp diệt tránh.

Nên biết ở đây, do dựa nơi thân v.v... nên đối với bậc đồng phạm hạnh hiện hành không ái. Lại đối với Tăng kỳ cùng có của cải vật dụng, thọ dụng không bình đẳng. Lại có giới kiến pháp không đồng phạm, do dựa vào đây nên khó có thể cùng trụ. Tánh không nhu hòa, tâm thường lần lượt hỗ tương chống đối. Như thế gọi là chỗ chống đối pháp đáng yêu thích. Cùng với đây trái nhau, do ba thứ nhân duyên của phẩm Bạch kia, nên biết tức là kiến lập sáu thứ pháp đáng yêu thích. Do nhân duyên thứ nhất kiến lập ba thứ. Do nhân duyên thứ hai, kiến lập pháp đáng yêu thích thứ tư. Do nhân duyên thứ ba, kiến lập hai thứ pháp đáng yêu thích thứ năm và thứ sáu.

Lại, ở trong đó, các nghiệp như thân v.v... đang hiện tiền, hiện có khiến kẻ khác đạt được lợi ích an lạc khả ái, gọi là bạn lành từ ái. Như vật có thể khiến thọ dụng thanh tịnh, vật ấy gọi là lợi dưỡng như pháp. Nếu vật không dựa vào phương tiện phi pháp của tà mạng để

đạt được, vật đó gọi là đã đạt được đúng như pháp. Nếu vật đã được đặt vào trong bát, nên biết vật ấy gọi là gắn chặt với bát ấy. Nếu vật tuy chưa đặt vào trong bát, nhưng sắp sửa đặt vào, nên biết vật ấy gọi là thuộc về bát ấy.

Nếu các thứ thức ăn được thọ dụng không chú trọng vào tinh xảo, cũng không chú trọng vào nhiều, cùng thọ dụng ăn uống nên ăn uống hiển lộ, không ăn uống riêng kín. Cho đến thức ăn chỉ cần no bụng cũng cùng phân phát, trọn không cố ý để tại chôn khuất kín mà ăn. Cũng không đóng cửa mà ăn, vì sợ có kẻ đói khát tới xin không thể cho bớt. Nên biết đó gọi là thọ dụng bình đẳng. Giới luật được bậc Thánh ưa chuộng, phân biệt có sai biệt, như nơi phần Nhiếp dị môn đã nêu, nên biết về tướng.

Chánh kiến xuất thế gian, phân biệt có sai biệt, tức như nơi phần Nhiếp sự đã nói, nên biết về tướng của chúng.

Lại do hai tướng, nên thành tánh đáng ưa thích:

- (1) Thê kia có đức nên tôn trọng.
- (2) Sự gánh vác kia có ân, ý nên an ủi.

Lại, tánh đáng ưa thích có hai sai biệt:

- (1) Chưa sinh khiến được sinh.
- (2) Sinh rồi càng nên tăng rộng gấp bội.

Nên biết ở đây, tôn trọng tăng thượng, nghĩa là thê kia có đức, ý an ủi tăng thượng, là dùng hai thứ tài, pháp gồm thâu. Hai thứ tăng thượng ấy nghĩa là khéo hòa hợp. Hòa hợp tăng thượng nghĩa là tâm không có não loạn. Xa lìa các thứ não loạn hiện có như tham v.v..., gọi là không trái. Phương tiện hòa hợp cùng làm một sự, gọi là không tranh. Hòa đồng nước sữa, gọi là tánh một nẻo.

Lại, xứ sở viên mãn, giáo hóa dẫn dắt viên mãn, hành chân chánh viên mãn, tư lương viên mãn làm chỗ nương dựa, nên biết đã

kiến lập bốn luân của hàng trời, người. Năm thứ phương xứ tốt đẹp đã trụ, gọi là xứ sở viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn. Bạt lành của chánh sĩ, gọi là giáo hóa dẫn dắt viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn và Địa Bồ-tát.

Do năm thứ tướng, tự phát nguyện chân chánh, gọi là hành chân chánh viên mãn. Những gì là năm thứ tướng? Đó là:

- (1) Đối với sự dạy trao đúng đắn, có thể kính thuận nhận lấy.
- (2) Hành không trái nghịch.
- (3) Tự hiển bày như thật.

(4) Sư giáo thọ kia, theo chỗ đạt được các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ tinh thô, liền sinh biết đủ.

(5) Liên tục cẩn trọng hai thứ gia hạnh, vui đoạn, vui tu, cho đến tu tập bốn thứ đối trị ái, thủ của Bí-sô.

Lại, hữu tình đã tạo phước từ đời trước, do sức tăng thượng của căn thiện nơi đời trước, nên biết có năm tướng thắng lợi của quả. Nghĩa là do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên an trụ nơi hai thứ quả báo khả ái: (1) Trong. (2) Ngoài.

Quả báo khả ái thuộc bên trong: Là trường thọ, trụ lâu, sắc đẹp, đoạn nghiêm. Không bệnh, ít phiền não. Trí tuệ mạnh mẽ, lời nói có uy lực, thuộc tộc họ danh tiếng.

Quả báo khả ái thuộc bên ngoài: Là sinh nơi nhà phú quý v.v... như kinh đã nói rộng. Giàu có lớn, phò tá, che chở lớn, kẻ hầu hạ nhiều. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ nhất của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên có thể khéo an trụ, không hề bị các thứ phi nhân như Dược-xoa, yêu quái, các thần giữ nhà đất có thể gây chướng ngại. Nghĩa là đối với tài sản, địa vị, không tạo chướng ngại, hoặc đối với thọ mạng không

tạo chướng ngại. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ hai của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với pháp thiện, tâm có thể hướng nhập, tu tập không biếng trễ. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ ba của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với hành ác, tự thành khẩn cảm thấy xấu hổ sâu xa, tuy tạo ác rồi, nhưng luôn luôn phát khởi tâm hối hận mãnh liệt. Do nhân duyên ấy, nên khiến ác đã tạo nơi hiện tại giảm thiểu, đối với ác của vị lai có thể vĩnh viễn xa lìa. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ tư của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên ý hướng, kỹ năng nơi phương tiện gia hạnh của tất cả sự nghiệp đều lần lượt hưng thịnh. Mọi sự hành tác đều được kính thuận, ít dùng công sức mà thành tựu được nhiều. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ năm của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Bốn thứ luân như thế, chư thiên nơi cõi trời, các hữu tình trong nẻo người, như bánh xe thắng diệu của Chi, Quán hiện có, theo đây nếu thiếu thì xe không chuyển được.

Lại dựa vào nghĩa nên chỗ đạt được sinh khởi tin hiểu sâu xa, đối trước vị sư trưởng tự hiển bày đúng như thật: Thân có dũng mãnh, tâm có năng lực, có thể nhận hiểu nghĩa của pháp thuyết giảng thiện, ác hiện có, theo như thứ lớp, nên biết đã kiến lập năm thứ đoạn chi, nếu thiếu một chi thì sự đoạn trừ không thành tựu đầy đủ.

Lại, nơi đầu tiên phải nên gắng sức kính sự bậc Đại sư. Nghĩa là có thể tuyên thuyết giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng nơi giáo pháp hiện có. Tiếp theo, nên kính sự đối với pháp đã thuyết giảng. Thứ đến, lúc tu tập pháp tùy pháp hành,

phải nên kính sự dựa vào giới tăng thượng cùng học xứ tương ưng với Tỳ-nại-da. Thứ nữa, nên kính sự dựa vào tâm tăng thượng và tuệ tăng thượng nơi sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Vào mọi thời gian tu cúng dường của cải và giáo pháp. Nên biết ở đây, cúng dường của cải, giáo pháp, nghĩa là đồng cư trú và đồng thọ dụng.

Tiếp theo, đối với tĩn lự, tu Tam-ma-địa. Từ đây, liên tục, theo chỗ không ái vị, thông tỏ về đế lý, vĩnh viễn dứt hết các lậu, không có phóng dật. Như thế là bảy thứ kính sự có sai biệt về thứ lớp nên biết.

Lại do ba tướng, nên biết về kính sự. Tức do có thể biết thể kia có công đức thắng lợi, nên khởi tôn trọng. Theo nơi thể, đều dùng ba thứ hành chánh của thân ngữ ý để tu cung kính. Lại bày biện vô số cờ phướn lọng v.v... để cúng dường. Có các vị đồng phạm hạnh nêu các tội đã phạm của các vị đồng phạm hạnh khác. Tức nơi hiện tiền, bốn mắt cùng đối nhau, đều dùng sự thật không dùng phi thật, cho đến nói rộng. Vị kia đối với điều chưa hiểu rõ, thì lúc được hiểu rõ nên lại không phạm. Do lại không phạm, nên các Bí-sô ấy, vì kiến, văn, nghi không ứng hợp với sự việc đã phạm ở trước được nêu lên lần nữa, như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Có các Bí-sô thấy Bí-sô khác phạm tội, cả về thời gian và hoàn cảnh. Vào thời gian sau, Bí-sô phạm tội kia quên hẳn điều mình đã phạm. Người trông thấy Bí-sô đã phạm, ghi nhận tội đã phạm ấy, bèn nêu lên sự việc kia, hỏi: Ông có nhớ là mình đã phạm tội không? Bí-sô kia đáp: Tôi hoàn toàn không nhớ. Bí-sô kia đã không nhớ thì không thể tự hỏi. Nếu nói dối: “Tôi có nhớ”, thì lời ấy là lời dối, có thể lìa ố tác. Nhưng Bí-sô kia đã bị người khác cử tội, nên tin thuận, nên theo chúng Tăng cầu xin tướng ức niệm Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bấy giờ chúng Tăng tin các Bí-sô cùng với Bí-sô kia thanh tịnh, Bí-sô phạm tội kia được lìa ố tác, các Bí-sô này không nên nêu lần nữa về sự việc đã phạm ở trước. Như vậy là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Lại có Bí-sô do điên cuồng, nên hiện hành nhiều thứ không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận pháp. Bí-sô kia do sự việc ấy nên không thành phạm.

Lại có một loại Bí-sô không nhận biết. Nghĩa là vị ấy thành phạm không phải là xứ cử phạt. Có các Bí-sô vì phòng hộ vị lai, nên chỉ dẫn về nhớ nghĩ, khiến có thể đạt được tự tâm, trở lại theo chúng Tăng cầu xin tướng bất si Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bí-sô kia nghe như thế rồi, tức liền cầu xin. Bấy giờ, chúng Tăng nên quyết đoán, hữu tình như thế là không thành phạm. Tăng hòa hợp trụ, nêu rõ là cùng thanh tịnh. Bí-sô không nhận biết kia, đã nghe điều ấy rồi, không còn nêu lên lần nữa sự việc đã phạm ở trước, như vậy là “tránh sự” liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô ở trong chúng Tăng cử tội của Bí-sô khác. Người là chủ thể cử khởi tướng có phạm, còn người là đối tượng bị cử thì khởi tướng không phạm. Do tướng không phạm, nên tự nói là mình không phạm tội. Người là chủ thể cử tội nói: Trưởng lão há không từng làm các việc như vậy như vậy chẳng?

Bí-sô kia bèn thành thật đáp: Tôi không từng làm.

Bí-sô cử tội nói: Vị kia trước đã phạm, nay bị cử phạt cũng không nhận rõ, nên nói là không phạm.

Bấy giờ, chúng Tăng liền thực hiện việc tìm cầu tự tánh của sự việc kia là có phạm hay không phạm. Chờ đạt được sự thật rồi, nên như pháp quyết đoán. Như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Có trụ xứ khác với nhiều Bí-sô, đối với tội đã phạm cùng sinh khởi nghi vấn, tranh luận. Hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm, hoặc nói là nặng, hoặc bảo là nhẹ. Có số chúng Tăng nơi trụ xứ khác thường đi ngang qua đấy, trong đó có vị là bậc tuệ giải, thọ trì ba Tạng, nên thỉnh họ quyết đoán chỗ nghi kia, khiến đạt đến cứu cánh. Như thế là “tránh sự” liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô đã phạm tội rồi, tự hối về chỗ kích phát của triền, bèn thành ưu sâu, lo sợ kẻ khác cử phát, liền như pháp sám hối. Do đấy nên hết thấy “tránh sự” được trừ diệt.

Có nhiều Bí-sô cùng nhau cử tội, đều là chỗ chấp giữ của kiêu mạn, không muốn lần lượt cùng đối nhau để phát lồ sám hối, chỉ chuyên sự ly tán. Hai bộ ở riêng, đều nói: Các vị kia đã không chịu đến đối diện với chúng tôi để phát lồ sám hối diệt trừ. Chúng tôi sao lại phải tới chỗ của họ? Hai bộ này nên suy cử một vị có trí tuệ đứng đầu trong chúng làm công việc hòa giải, chấp nhận cùng đi đến để phát lồ sám hối, dứt trừ tội đã phạm. Như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt. Tránh sự như vậy lược có bốn thứ, nên biết việc diệt trừ cũng có bốn thứ. Những gì gọi là bốn thứ tránh sự? Đó là:

- (1) Tránh sự của kẻ khác nêu lên.
- (2) Tránh sự cùng nghi.
- (3) Tránh sự tự mình nêu lên.
- (4) Tránh sự cùng nêu lên.

Bốn thứ trừ diệt tránh sự là:

- (1) Trừ diệt do nguyện nêu ra chỗ phạm.
- (2) Trừ diệt do đem lại thanh tịnh.
- (3) Trừ diệt do hứa cầu tìm thật tánh.
- (4) Trừ diệt do mỗi người đều phát lồ.

HẾT - QUYỂN 99

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 100

PHẦN NHIỆP SỰ. ĐOẠN THỨ NĂM:

Sự điều phục. Lựa chọn, gồm sáu chung. Đoạn 2:

Lại nữa, Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, đối với năm xứ nên nhận biết đúng khắp. Những gì là năm xứ? Đó là:

- (1) Nhận biết khắp về sự.
- (2) Nhận biết khắp về tội.
- (3) Nhận biết khắp về hữu tình.
- (4) Nhận biết khắp về chỗ dẫn sáu nghĩa lợi.
- (5) Nhận biết khắp về sự tôn não.

Thế nào là nhận biết khắp về sự? Nghĩa là năm sự như uẩn v.v..., như nơi Địa Thanh văn đã nói.

Thế nào là nhận biết khắp về tội? Nghĩa là các Bí-sô, dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, do năm thứ tướng nên nhận biết khắp về chỗ phạm:

- (1) Nhận biết khắp về nhân duyên phạm tội.
- (2) Nhận biết khắp về đẳng khởi của việc phạm tội.
- (3) Nhận biết khắp về sự của tội đã phạm.
- (4) Nhận biết khắp về gia hạnh của việc phạm tội.

(5) Nhận biết rõ về cứu cánh của sự phạm tội.

Nhận biết khắp về nhân duyên phạm tội: Nghĩa là, nhân duyên hoặc là do tham, hoặc là do sân, hoặc là do si, nên đã hủy phạm các tội.

Nhận biết khắp về đấng khởi của việc phạm tội: Nghĩa là, hoặc có tội do thân là đấng khởi, không phải là ngữ, tâm. Hoặc lại có tội do ngữ là đấng khởi, không phải là thân, tâm. Hoặc lại có tội do tâm là đấng khởi, không phải là thân, ngữ. Hoặc lại có tội do thân, do tâm là đấng khởi, không phải là thân. Hoặc lại có tội do thân do ngữ là đấng khởi, không phải là tâm. Hoặc lại có tội do thân do ngữ do tâm là đấng khởi.

Riêng do tâm đã phạm các tội, không phải theo xú của kẻ khác phát lồ sám hối dứt trừ, chỉ nên thành khẩn tự phòng hộ sâu xa. Như có Bí-sô phát khởi vô số tâm tư bất thiện như tâm tư dục v.v...

Nhận biết khắp về sự của tội đã phạm: Tức là sự phạm tội lược có hai thứ:

(1) Sự của số hữu tình.

(2) Sự của số vô tình.

Nhận biết khắp về gia hạnh của việc phạm tội: Nghĩa là tội đã phạm có hai gia hạnh:

(1) Gia hạnh của sự nghiệp là chỗ không nên làm.

(2) Gia hạnh của sự nghiệp là chỗ nên làm.

Nhận biết khắp về cứu cánh của việc phạm tội: Nghĩa là nơi xú ấy thiết lập phương tiện, tức đối với xú ấy mà đạt được cứu cánh, không phải giữa chừng có sự thoái chuyển. Do duyên này nên chỗ phạm gồm đủ. Các tập hợp về tội thô, tha thắng, trong nhiều phương tiện khác đã phạm Vẫn trụ, Ác tác. Đối với phương tiện kia và trong tự tự mà được cứu cánh. Ở trong các phương tiện của tội vẫn trụ

cũng phạm ác tác. Bốn thứ tội gọi là tội hữu dư. Tội tha thắng gọi là tội vô dư.

Nếu tội đã phạm do có trí, nên gọi là không tích tập. Hoặc lại từ kẻ khác mà hiển phát, nên cũng không tích tập. Cùng với đầy trái nhau, không phải là không tích tập. Nếu tội đã phạm, đã theo kẻ khác, như pháp phát lồ tạo phương tiện sám hối dứt trừ, gọi là đã hiển bày. Cùng trái nhau với đây gọi là chưa hiển bày. Nếu tội đã phạm theo phương tiện giữ lấy, sẽ sám hối, gọi là có kỳ nguyện. Cùng với đầy trái nhau, gọi là không kỳ nguyện.

Nếu tội đã phạm, chư Phật Thế Tôn, ở trong Tỳ-nại-da của biệt giải thoát đã kiến lập là phạm, gọi là có chế lập. Cùng với đầy trái nhau, gọi là không chế lập.

Nếu tội đã phạm, hoặc căn cứ nơi một loại hữu tình, hoặc lại căn cứ nơi thời gian nhưng không quyết định, trước đã chế lập tướng chung không sai biệt, nên biết tội này gọi là Đẳng vân. Cùng với đây trái nhau, gọi là phi Đẳng vân.

Thế nào là nhận biết khắp về hữu tình? Nghĩa là do năm tướng nên biết có sai biệt:

- (1) Do hành có sai biệt.
- (2) Do chúng có sai biệt.
- (3) Do tăng giảm có sai biệt.
- (4) Do chứng đắc có sai biệt.
- (5) Do quan sát có sai biệt.

Do hành có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp do các hành như tham v.v... có sai biệt, nên hữu tình kia có sai biệt, như nơi Địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Do chúng có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp do bảy chúng như Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... khác nhau, nên hữu tình kia có sai biệt.

Do tăng giảm có sai biệt: Nghĩa là như một loại hữu tình, hoặc là hàng quý tộc xuất gia, hoặc là từ tộc họ giàu có xuất gia, hoặc dung mạo đoan nghiêm. Còn một loại khác thì không như thế. Lại có một loại hữu tình học rộng biết nhiều, ngôn ngữ gồm đủ, đại trí đại phước viên mãn. Đối với Thi la tịnh phòng hộ mạnh vững, ít có chỗ phạm, sinh nhiều hối tiếc, nơi phạm nơi xuất đều có thể khéo nhận biết rõ. Còn một loại khác thì không như thế. Nếu có thể nhận biết khắp các sự việc như vậy, nên biết gọi là nhận biết khắp về tăng giảm có sai biệt, nên hữu tình kia có sai biệt.

Do chứng đắc có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp về bảy thứ quả vị sai biệt, từ Tùy tín hành, cho đến Câu phần giải thoát là biên sau, từ hướng, quả Dự lưu cho đến sau cùng là quả A-la-hán gồm tám thứ quả vị sai biệt.

Các loại hữu tình như thế phân biệt có sai biệt, như nơi Địa Thanh văn đã biện giải về tướng.

Do quan sát có sai biệt: Nghĩa là, hữu tình là chủ thể cử tội nên khéo quan sát đối tượng bị cử tội, sau đây nên cử tội, tạo sự nhớ nghĩ. Tức là quán hữu tình bị cử tội ấy, đối với mình có ái kính chướng, nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng. Hữu tình bị phát cử cũng nên khéo xem xét kẻ là chủ thể cử tội kia, là người ngu độn, điên cuồng, cử tội phi pháp nhằm tổn hại đối với mình, nói rộng như kinh, nên biết về tướng. Hoặc là hàng có trí, không phải là si, cuồng, với những phẩm bạch hiện có, nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng. Lại, đối với hữu tình đã có thể làm được công việc cử tội ấy, nên quan sát đúng đắn là vì mở bày nên cử tội chướng?

Quan sát về những sai biệt hiện có của hữu tình như thế, nên biết gọi là nhận biết khắp về hữu tình.

Thế nào là nhận biết khắp về nghĩa lợi được dẫn thấu? Nghĩa là có thể nhận biết khắp, lược có ba thứ dẫn thấu nghĩa lợi:

(1) Dẫn thâm nghĩa lợi là lợi dưỡng của tự thân.

(2) Dẫn thâm nghĩa lợi là nêu ra tội của thân khác.

(3) Dẫn thâm nghĩa lợi là sự an lạc của Tăng già đã loại bỏ kẻ phạm giới.

Dẫn thâm nghĩa lợi là lợi dưỡng của tự thân: Nghĩa là, nếu các lợi dưỡng thể là thanh tịnh, đó gọi là chân thật. Hoặc các lợi dưỡng thể là thanh tịnh mà có thể cần dùng, không phải là không dùng, không có tích trữ nhiều gồm đến hàng trăm tư duyên. Như thế gọi là có thể dẫn đến nghĩa lợi.

Nếu các thứ lợi dưỡng không quá thời hạn, có thể nhận thọ dụng, đó gọi là hợp thời. Nếu các lợi dưỡng, đối với các Bí-sô khác cũng đang dẫn thâm, đó gọi là có bạn. Tức loại có bạn này không phải là dẫn đến việc phá Tăng, gọi là lia phá Tăng. Nếu nghĩa lợi là lợi dưỡng được dẫn thâm gồm đủ năm chi ấy, an trụ nơi chánh niệm, do tâm không nhiễm nên được thọ dụng.

Dẫn thâm nghĩa lợi là lợi dưỡng như thế gọi là vô tội.

Dẫn thâm nghĩa lợi là nêu ra tội của thân khác: Nghĩa là, nếu tội đã phạm, thì kẻ kia hiện hành thật sự, đó gọi là chân thật. Nếu lại tự nhận biết, ta đã có thể khiến cho kẻ kia ra khỏi xứ bất thiện, ở yên nơi xứ thiện. Như thế gọi là có thể dẫn thâm nghĩa lợi. Nếu người khác nói pháp kính sự tôn trưởng, chăm sóc kẻ bệnh v.v..., lúc đang gia hạnh thì không nên cử tội. Đó gọi là hợp thời. Nếu cử tội kẻ kia, các Bí-sô khác cùng làm trợ bạn, đó gọi là có bạn. Nhân duyên ấy không phải có thể dẫn đến việc phá Tăng, như thế gọi là sự thanh tịnh thứ năm.

Nếu sự dẫn thâm nghĩa lợi là nêu ra tội gồm đủ năm chi ấy, an trụ nơi chánh niệm, tâm không nhiễm ô, như bạn lành từ ái, dùng lời nói dịu dàng, nên là dẫn thâm nghĩa lợi nêu ra tội của kẻ khác. Như dẫn thâm nghĩa lợi nêu ra tội của kẻ khác, thì dẫn thâm nghĩa lợi là sự an lạc của Tăng già đã loại bỏ kẻ phá giới, nên biết cũng như thế.

Nhưng có sai biệt: Nếu nhân nơi sự loại bỏ kẻ bị đuổi kia, không hợp với vị là chủ thể loại bỏ, gọi là chương ngại. Hoặc không nhân đây hủy hoại khuôn viên cư trú của Tăng chúng. Cũng không nhân đây tổn hoại tháp miếu, cùng không tổn hại các vị đồng phạm hạnh khác. Như thế gọi là có thể dẫn đến nghĩa lợi. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là dẫn đến không nghĩa lợi.

Thế nào là nhận biết khắp về sự tổn não? Nghĩa là có năm thứ tổn não hiện pháp, phạm phu hướng tới, kẻ ngu si hướng đến, người trí xa lìa, tuy thật sự không phải là cuồng, nhưng như kẻ cuồng tạo tác, cho đến chỉ có trở ngại xứ cuồng, đều không tăng trưởng nghĩa lợi hiện có. Những gì là năm? Đó là:

(1) Có một loại hữu tình thương tiếc sự chết chóc, dùng vô số môn để tự thúc giục xâm hại kẻ đã chết. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ nhất, hàng phạm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

(2) Lại có một loại hữu tình may mắn có được phương tiện khác dễ sinh sống. Nhưng ở nơi ngã tư đường, nơi chợ búa lớn, cắt xẻ các chi phần, giống như thân mạng sắp đứt, tức hành tà khổ bức bách thân để tự nuôi sống mình. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ hai, hàng phạm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

(3) Lại có một loại hữu tình, tánh tham lam keo kiệt, bị cấu uế của sự keo kiệt che phủ, may mắn có vô số nhân duyên nuôi sống thân mạng, nhưng rất là khó khăn để cầu được sống còn. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ ba, hàng phạm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

Thế nào là cấu uế của sự keo kiệt? Tức là tám thứ cấu uế của sự keo kiệt:

Một là: Cấu uế của sự keo kiệt do đời trước đã hành tập tham lam keo kiệt, không thường xuyên tuệ thí.

Hai là: Cấu ứ của sự keo kiệt do tham luyến thân mạng thuộc phẩm thượng nơi hiện pháp.

Ba là: Cấu ứ của sự keo kiệt đối với bạn đồng phạm, cùng trụ, tùy chuyển. Đối với các hữu tình không thường xuyên hành tập bi, tâm bi yếu kém.

Bốn là: Cấu ứ của sự keo kiệt do thấy phước điền ít đức, đã hủy phạm hành chân chánh.

Năm là: Cấu ứ của sự keo kiệt do đối với các thứ tài sản vật dụng khởi tưởng khó đạt được.

Sáu là: Cấu ứ của sự keo kiệt do ba thời luôn lo sầu hối tiếc.

Bảy là: Cấu ứ của sự keo kiệt do đối với các thứ của cải, vật báu chỉ thấy công đức, không thấy lỗi lầm tai họa.

Tám là: Cấu ứ của sự keo kiệt do hồi hướng của bồ thí tà vạy.

Nên biết đó gọi là tám thứ cấu ứ của sự keo kiệt.

(4) Lại có một loại hữu tình yêu thích nơi cõi trời, cầu được sinh nơi ấy, nhưng không nhận biết đúng như thật con đường sinh lên cõi trời. Tự gia tăng bức hại như nhịn ăn, nhảy vào lửa, rơi xuống từ nơi núi cao v.v... Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ tư, hàng phạm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

(5) Lại có một loại hữu tình yêu thích thanh tịnh, nhưng không nhận biết đúng như thật về con đường thanh tịnh, cho là tăng thêm pháp khổ mà được thanh tịnh, nên dùng vô số môn để tự bức hại. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ năm, hàng phạm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

Như vậy, năm thứ tổn não nơi hiện pháp, các Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, nên nhận biết đúng khắp, phải mau chóng xa lìa.

Lại nữa, các Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm pháp, đối với người chưa sinh tin khiến họ sinh tin tưởng, người đã sinh tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng. Những gì là năm pháp? Đó là:

- (1) Thi la viên mãn.
- (2) Chánh kiến viên mãn.
- (3) Phép tắc viên mãn.
- (4) Tịnh mạng viên mãn.
- (5) Lẫn lượt xa lìa tranh chấp viên mãn.

Thi la viên mãn: Lược có mười thứ, như nơi Địa Thanh văn đã biện giải về tướng. Nghĩa là đầu tiên tức khéo thọ trì, không chìm tụ thái quá, cũng không nổi tan thái quá, cho đến nói rộng.

Chánh kiến viên mãn: Lược có năm loại:

- (1) Tát-ca-da-kiến cùng Biên chấp kiến tăng ích đã vĩnh viễn đoạn trừ.
- (2) Tà kiến tổn giảm, phi bác cho là không, đã vĩnh viễn đoạn trừ.
- (3) Thủ kiến, nghĩa là các kiến thủ, giới cấm thủ đã vĩnh viễn đoạn trừ.
- (4) Kiến vọng chấp về xứ an lành đã vĩnh viễn đoạn trừ.
- (5) Các kiến điên đảo vọng chấp không có là có, có là không có, đã vĩnh viễn đoạn trừ.

Phép tắc viên mãn: Cũng có năm loại. Nghĩa là sự việc nên làm dựa nơi thời gian làm việc. Hoặc sự việc nên làm dựa vào phẩm thiện. Hoặc sự việc nên làm dựa vào oai nghi. Tùy thuận phép tắc hiện có của thế gian và Tỳ-nại-da, nói rộng nên biết như nơi Địa Thanh văn.

Tịnh mạng viên mãn: Cũng có năm loại. Nghĩa là có thể xa lìa năm pháp đầy khởi tà mạng như giả trá v.v..., như nơi Địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lần lượt xa lìa tránh chấp viên mãn: Lược có sáu loại. Nghĩa là lìa sáu thứ gốc của sự tranh chấp. Ở đây, sáu thứ gốc của sự tranh chấp, tức là phần, hận v.v..., nói rộng như nơi kinh. Lại dựa nơi sáu xứ, nên biết đã kiến lập sáu thứ gốc của sự tranh chấp:

- (1) Tướng không tạo lợi ích.
- (2) Ưa thích ẩn giấu lỗi lầm của mình, chấp giữ kiêu mạn.
- (3) Dục ái của lợi dưỡng và sự cung kính hiện hành.
- (4) Hủy phạm giới hành tăng thượng.
- (5) Hủy phạm tâm hành tăng thượng.
- (6) Hủy phạm tuệ hành tăng thượng.

Nên biết là dựa nơi xứ thứ nhất để kiến lập gốc của sự tranh chấp thứ nhất, cho đến dựa nơi xứ thứ sáu để kiến lập gốc của sự tranh chấp thứ sáu.

Nghĩa là có một loại Bí-sô được nhiều người biết đến, rộng theo xứ khác, đạt được nhiều lợi dưỡng. Do nhân duyên ấy nên có chỗ hủy phạm. Đối với tội đã phạm ưa thích ẩn giấu, không muốn để người khác nhận biết mình đã phạm. Có các Bí-sô đã nhận biết rõ sự việc ấy rồi, đối trước một, hai vị, hoặc đối trước chúng nhiều lần nêu lên sự việc đã phạm. Bí-sô kia do đấy nên hoàn toàn lo buồn, thân tâm bị nhiễu loạn. Lại do chấp giữ kiêu mạn nên sinh nhiều nhiệt não: Chớ khiến các vị kia lại đối trước nhiều người khác, chê trách lỗi lầm của ta! Như vậy Bí-sô kia trước là ẩn giấu tội đã phạm, gọi là che giấu, giờ lại phát khởi phiền não liên tục, hai thứ ấy hợp gọi là ưa thích ẩn giấu lỗi lầm của mình, chấp giữ kiêu mạn. Do đấy kiến lập gốc của sự tranh chấp.

Lại có Bí-sô dục ái về lợi dưỡng, sự cung kính luôn hiện hành, thấy có kẻ khác được nhiều tài sản, vật báu, mọi người cùng biết đến, gồm đủ phước báo lớn, tức liền tìm đến tạo sự thân cận, ân trọng, thừa sự, không ái không kính, cũng không pháp lạc, chỉ chuyên vì nhân duyên được lợi dưỡng, sự cung kính. Như thế là tư duy, thâm giữ, ngay thẳng, nhẫn nhục, hòa nhã làm chỗ dựa. Bí-sô ấy, ở nơi xứ kia tùy ý tự tại. Những vị ấy đối ta đã thực hiện nhiều việc, nhưng ta đối với họ thì hoàn toàn không làm gì cả! Cứ như thế mà suy xét, thâm giữ. Các vị đồng phạm hạnh có trí tuệ nhanh nhạy vui thích tu phước, dùng làm trợ bạn. Các thứ tăng sự hiện có cùng những sự việc khác đều khiến những người kia làm, còn ta thì riêng an nhiên tự đắc mà trụ. Như vậy, hoặc có hủy phạm giới cấm, các vị đồng phạm hạnh lúc đang cất vắn, Bí-sô ấy liền lập lời giả dựa vào sự việc khác để nói sang chuyện khác. Như thế gọi là hành giả trá, hành dối gạt, dua nịnh. Nơi chốn do nhân duyên ấy đẩy khởi các thứ tranh chấp. Phần còn lại, theo chỗ ứng hợp nên biết về tướng.

Cùng với đây trái nhau, tức có năm thứ pháp khiến kẻ chưa tin thì càng thêm chẳng tin, người đã tin rồi khiến liền trở lại thay đổi.

Lại nữa, các Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm lực, đối với tất cả loại gia hạnh hiện có, ý luôn hành chân chánh. Năm lực đó là:

- (1) Lực gia hạnh.
- (2) Lực ý lạc.
- (3) Lực khai hiểu.
- (4) Lực chánh trí.
- (5) Lực chất trực.

Nếu có Bí-sô vui thích việc tu học, mọi phần thân ở trong các học đều khéo tu học đúng đắn. Lại đối với pháp học luôn hết sức cung

kính, để tự điều phục, để đạt được giải thoát. Như thế nên biết gọi là lực gia hạnh. Nếu có chỗ phạm, do ý lạc nên mau chóng trở lại xuất ly. Như vậy nên biết gọi là lực ý lạc. Nếu đối với học xứ, luôn luôn tỉnh vấn các vị thọ trì ba tạng. Những sự tự yêu thích hiện có nơi các thiện nam ứng hợp với việc tu học, cũng có thể mở bày, chỉ rõ. Như thế nên biết gọi là lực khai hiểu. Từ nơi kẻ khác nghe pháp rồi, nếu ở trong ấy là chân là thật thì thâm nhận thuận hợp. Nếu ở trong ấy là Tỳ-nại-da giả trá, là chánh pháp tượng tợ, là những ngôn thuyết xấu ác trái chống với pháp tánh, thì nên nhận biết rõ đúng như thật. Tuy không đến nơi chốn của chư vị kia, đích thân thưa hỏi những điều chưa được mở bày, hiểu rõ, nhưng nhờ đa văn, nên đối với các pháp Đức Thế Tôn không ngăn cấm cũng không cho phép, có thể tự tư duy về tánh của Sa-môn là có thể tùy thuận, là có thể trái nghịch. Đã nhận biết rõ rồi, như chỗ ứng hợp có thể tu hành đúng đắn, có thể xa lìa đúng đắn. Như thế nên biết gọi là lực chánh trí. Nếu sức tin hiểu lìa các thứ dối trá, dua nịnh, tức không có phần ít phân biệt hư vọng. Không phải ở trong chỗ cho phép của phần ít, lại tăng thêm thành phần nhiều mà khởi hiện hành. Cũng không ở trong chỗ cho phép của phần nhiều lại tổn giảm thành phần ít để khởi hiện hành, tức chỗ hiện hành không tăng không giảm. Như thế, đầu tiên là tự sinh vui vẻ, sau khiến tự tha an lạc mà trụ, tu tập hành chánh, không huyền hoặc kẻ khác. Như thế nên biết gọi là lực chất trực.

Lại nữa, dựa nơi gia hạnh đã học của Tỳ-nại-da, nên biết có năm thứ hữu tình với phẩm loại sai biệt. Nghĩa là có một loại hữu tình, ở trong pháp - luật thuyết giảng thiện, dựa nơi pháp xuất gia, bắt đầu phát tâm hướng tới, tuy muốn phát tâm hướng tới, nhưng chưa xuất gia liền sinh phiền não, tìm cầu dục tà, do duyên ấy bèn không xuất gia.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, do phiền não dấy khởi mạnh nên cố ý phạm tội. Vì nhân duyên này nên sinh nhiều ưu hối, liền khởi phiền não, tìm cầu dục tà.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, nhưng đối với pháp xuất gia không sinh vui thích, đối với việc xả bỏ pháp học sắp sửa phát sinh cùng tỏ ưu, hồi đối với việc xuất gia, khởi niệm: Ta không vui thích việc xuất gia này! Kẻ kia do hai duyên, nên phát sinh phiền não, tìm cầu dục tà.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, do nhân duyên khó khăn về thọ mạng, nhưng không khởi cố ý trái vượt điều đã học, cho đến trọn đời luôn yêu thích pháp xuất gia, siêng tu phạm hạnh. Vị này không do hai duyên để phát sinh phiền não tìm cầu dục tà.

Bốn thứ hữu tình như thế là loại phàm phu.

Lại có một loại hữu tình, nghĩa là các vị hữu học chưa được giải thoát. Tức ở đây làm chỗ dựa, đối với tâm, tuệ giải thoát bậc nhất ở sau, thông tỏ thẳng tiến, nhận biết rõ đúng như thật. Đó gọi là loại hữu tình thứ năm. Loại thứ năm này so với loại hữu tình phàm phu thứ tư ở trước, do khéo điều phục đối với pháp giải thoát khả ái của hàng hữu học, nên nơi phần giải thoát sau, đã thông tỏ, thẳng tiến, nhưng có sai biệt. Tức nên biết, đây là hạng đã kiến đế tích. Còn ở đây, ba thứ hữu tình trước, như chỗ ứng hợp, đã sinh phát khởi hướng đến, đã sinh ưu hồi, và cùng đã sinh các phiền não hiện có, tìm cầu dục tà, phải nên trừ bỏ đúng đắn. Đối với phần giải thoát trên phải nhận biết rõ, đúng. Loại thứ tư thì chỉ đối với phần giải thoát trên thuộc giai đoạn sau, nên nhận biết rõ, đúng. Nếu có thể hành như thế thì tất cả sẽ đạt được bình đẳng bình đẳng.

Lại nữa, ở trong ba học, nên biết lược có ba thứ hành tà. Nghĩa là có một loại hữu tình, trước cầu Niết-bàn mà vui thích xuất gia. Xuất gia rồi, sau vì tham ái vị nơi diệu dục cõi Trời khiến bị trôi nổi. Chỗ thọ trì giới, hồi hướng về nẻo thiện, chỉ phòng hộ Thi la liền sinh biết đủ. Đó gọi là hành tà thứ nhất của hữu tình ngoại kiết đối với giới tăng thượng.

Lại có một loại hữu tình, không chỉ phòng hộ giới liền sinh biết đủ, mà có thể hướng chứng tùy một thứ định tĩn trên các thế gian. Nhưng ở nơi định ấy sinh nhiễm vị sâu xa, không tiến tới cầu hiện quán Thánh để nơi phân vị trên. Đó gọi là hành tà thứ hai của hữu tình nội kiết đối với tâm tăng thượng.

Lại có một loại hữu tình, là hàng hữu học đã kiến đế tích, do trụ nơi phóng dật, nên ở trong hiện pháp không đạt giải thoát. Nên biết đó gọi là hành tà thứ ba của hữu tình đối với tuệ tăng thượng.

Như thế là đã lược dẫn, thuận theo luận này về Ma-đát-lý-ca của cảnh trí tương ưng, điều phục, tông yếu. Ngoài ra, hết thảy tùy theo lãnh vực này đều nên nhận biết rõ.

**

PHẦN NHIẾP SỰ. ĐOẠN THỨ SÁU: Sự bản mẫu: Nêu bày, biện giải, gồm thâu.

Như vậy là đã nói về Ma-đát-lý-ca của Tỳ-nại-da. Thế nào gọi là sự của Ma-đát-lý-ca? Nghĩa là, hoặc Ma-đát-lý-ca của Kinh, hoặc Ma-đát-lý-ca của Luật, tóm lược chung gọi là một Ma-đát-lý-ca.

Tuy lại không có Ma-đát-lý-ca riêng, nhưng vì gồm thâu tóm lược các pháp được nêu giảng xen lẫn: lưu chuyên, hoàn diệt, tạp nhiễm, thanh tịnh, nên nay lại nói về Ma-đát-lý-ca phân biệt pháp tướng.

Tụng nêu:

*Nên do khác giải khác
Không tức đây thích đây
Nơi trước, lược nêu sự
Từ sau sẽ biện rộng.*

Nếu có các pháp, nên vì người khác thuyết giảng, cần dùng môn khác, trước nêu lên chung, lại dùng môn khác, sau giải thích riêng. Nếu như thế, gọi là thuận chánh lý. Không phải tức môn này, trước nêu lên phần chung, trở lại dùng môn này, sau giải thích riêng.

Như trước nêu chung: Thế nào là hữu vi, sau giải thích riêng, nói: Đó là năm uẩn. Nếu như vậy, gọi là thuận chánh lý. Không phải trước nêu chung: Thế nào là hữu vi? Sau, giải thích riêng nói: Đó là hữu vi. Như thế, tất cả nên theo đây mà hiểu rõ.

Lược do hai tướng, nên biết kiến lập Ma-đát-lý-ca phân biệt pháp tướng:

(1) Trước lược nêu bày về sự.

(2) Tức dựa vào sự được nêu bày tóm lược như thế, sau sẽ biện giải rộng.

Thế nào gọi là trước lược nêu bày về sự? Nghĩa là lược nêu về sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm, cùng sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh.

Thế nào là sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm? Nghĩa là các sự tự tánh, chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn của sáu thức thân. Hoặc sự của uẩn, giới, xứ. Hoặc sự xứ phi xứ của các duyên khởi. Hoặc sự của ba thọ. Hoặc sự của ba đời. Hoặc sự của bốn duyên. Hoặc sự của các nghiệp. Hoặc sự của phiền não. Hoặc sự của ba cõi, như cõi dục v.v... Hoặc sự của mười hữu, như Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu, Na-lạc-ca hữu, Bàng sinh hữu, Quý hữu, Thiên hữu, Nhân hữu, Nghiệp hữu, Trung hữu. Do nẻo thiện nẻo ác biệt ly dục, nên sự chiêu cảm, dẫn dắt, hướng tới có sai biệt. Hoặc sự của mười một thức trụ: Nghĩa là bốn thức trụ cùng bảy thức trụ hợp chung mà nói. Hoặc sự nơi chín chốn cư trú của hữu tình, như nơi kinh đã nói rộng. Hoặc sự của năm nẻo. Hoặc sự của bốn loài sinh. Hoặc sự của bốn thứ nhập thai. Hoặc sự của bốn thứ đạt được tự thể. Hoặc sự của bốn thứ ăn. Hoặc sự của

bốn thứ ngôn thuyết. Hoặc sự của bốn pháp thọ. Hoặc sự của bốn điên đảo. Hoặc sự của khổ đế. Hoặc sự của tập đế. Các loại như thế, gọi là lược nêu về sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm.

Thế nào là sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh? Nghĩa là sự của diệt đế. Hoặc sự của đạo đế. Hoặc sự của Tam-ma-địa. Hoặc sự của các trí. Hoặc sự của các công đức được dẫn ấy. Hoặc sự của bảy chánh pháp. Hoặc sự của bảy thứ tác ý, quan sát đúng đắn. Hoặc sự của ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Hoặc sự của bốn hành tích. Hoặc sự của bốn pháp tích. Hoặc sự của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Hoặc sự của bốn tu định. Hoặc sự của ba nghiệp phước. Hoặc sự của ba học. Hoặc sự của bốn quả Sa-môn. Hoặc sự của bốn chứng tịnh. Hoặc sự của bốn Thánh chủng. Hoặc sự của ba thừa. Hoặc sự của bốn môn ký. Các loại như thế gọi là lược nêu về sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh.

Những sự như vậy, đã được kiến lập, biện giải rộng, theo chỗ ứng hợp, như trước đã nói trong các địa kia cùng các Nhiếp phần, nên biết về tướng.

Lại, tất cả sự, nói tóm tắt gồm có năm sự:

- (1) Sự của tâm.
- (2) Sự của tâm sở hữu pháp.
- (3) Sự của sắc.
- (4) Sự của tâm bất tương ưng hành.
- (5) Sự của vô vi.

Thế nào là, tức dựa nơi sự đã được nêu tóm lược như thế, sau sẽ biện giải rộng? Nghĩa là lược do bốn tướng, để biện giải rộng về sự kia:

- (1) Dị môn sai biệt.
- (2) Thể tướng sai biệt.

(3) Thích từ sai biệt.

(4) Phạm loại sai biệt.

Dị môn, thể tướng, thích từ sai biệt, như nơi phần Nhiếp thích đã nói, nên biết về tướng của chúng.

Phạm loại sai biệt lại có tám thứ:

(1) Kiến lập tánh có không có, khác không khác có sai biệt.

(2) Kiến lập giới địa có sai biệt.

(3) Kiến lập thời phần có sai biệt.

(4) Kiến lập phương sở có sai biệt.

(5) Kiến lập tương tục có sai biệt.

(6) Kiến lập phần vị có sai biệt.

(7) Kiến lập phần phạm có sai biệt.

(8) Kiến lập đạo lý có sai biệt.

Do tám thứ sai biệt như thế, nên đối với phạm loại sai biệt của tất cả sự, nên theo đây mà biết rõ.

Thế nào là kiến lập tánh có - không có, khác - không khác có sai biệt? Nghĩa là nếu lược nêu có ba thứ có:

(1) Có thật.

(2) Có giả.

(3) Có thắng nghĩa.

Thế nào là có thật? Nghĩa là các pháp thuyên biểu có danh có thể đạt được, có sự có thể đạt được. Đây gọi là đối với sự vô ngại mà chuyển, không phải hoặc có lúc chuyển, hoặc có lúc không chuyển. Nên biết đó gọi là lược nói về có thật.

Như ở trong các pháp tụ như sắc v.v... kiến lập các tướng: tường thành, nhà cửa, quân binh, cây cỏ, y phục, thức ăn uống v.v... Các

tướng này chỉ ở nơi tụ ấy tùy chuyên, nơi các thứ khác thì thoát chuyên. Các tướng như sắc v.v... nơi tất cả xứ thấy đều tùy chuyên. Do đó, tướng ấy, nơi đối tượng giảng giải là có thật. Nên biết các tướng khác, nơi đối tượng giảng giải là có giả.

Lại, có giả này lược có sáu loại:

- (1) Có giả của tụ tập.
- (2) Có giả của nhân.
- (3) Có giả của quả.
- (4) Có giả của đối tượng hành.
- (5) Có giả của phần vị.
- (6) Có giả của quán đãi.

Có giả của tụ tập: Nghĩa là vì tùy thuận ngôn thuyết của thế gian để hiểu rõ, nên đối với tướng chung như năm uẩn v.v... kiến lập các tướng như ngã, hữu tình, Bồ-đặc-già-la, chúng sinh. Các tướng này chỉ có thể hiển bày rõ nơi tụ này, thế nên gọi là có giả của tụ tập.

Có giả của nhân: Nghĩa là pháp hành có thể sinh của đời vị lai, do chưa sinh, nên tuy không phải có thật, nhưng có nhân ấy sẽ có thể sinh, nên gọi là có giả của nhân.

Có giả của quả: Đó là trạch diệt, là quả của đạo, nên không thể nói là không, nhưng chẳng phải là có thật, chỉ căn cứ nơi tất cả phiền não đã đoạn, đối với đời vị lai rất ráo không sinh mà giả lập.

Có giả của đối tượng hành: Nghĩa là các hành của đời quá khứ đã diệt, chỉ tạo niệm của hiện tiền về cảnh đã hành. Do đó gọi là có giả của đối tượng hành, đã lui diệt, không phải có thật.

Có giả của phần vị: Nghĩa là các thứ tâm bất tương ưng hành (hành không tương ưng với tâm) như sinh v.v..., như nơi địa ý ở trước đã nêu dẫn biện giải. Tức nơi các hành, do dựa vào phần có, không

có của trước sau, cùng đồng loại, dị loại, phân vị tương tục để giả lập về sinh v.v... Không phải sinh v.v... này lia các hành, ngoài ra còn có thể chân thật riêng có thể đạt được.

Có giả của quán đãi: Nghĩa là hư không phi trạch diệt v.v... Hư không vô vi, phải chờ đợi các sắc hướng đến mà giả kiến lập. Nếu nơi xứ ấy, sắc hướng tới không có hư không giả nêu, không phải lia sắc thì không có pháp được hiển bày, ngoài ra còn có riêng hư không là thể thật có thể đạt được, không phải không có chỗ hiển bày được gọi là có thật. Các hành quán đãi không cùng sinh khởi, nên ở trong đời vị lai, pháp không sinh, lập là phi trạch diệt, không sinh được hiển bày, giả nói là có, chẳng phải không sinh được hiển bày có thể nói là có thật.

Thể nào là có thắng nghĩa? Nghĩa là ở trong ấy, hết thấy danh ngôn, tất cả sự thiết lập thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ. Lia mọi hý luận. Lia các phân biệt. Theo phương tiện thiện xảo nói là pháp tánh, chân như, thật tế, không, vô ngã.

Như nơi phần thứ tư: Nẻo hành chân thật của trí làm tịnh sở tri chướng thuộc phẩm Nghĩa chân thật của Địa Bồ-tát đã thuyết minh, nên biết về tướng của chúng.

Cùng với trên trái nhau, nên biết là không có.

Lại do bốn thứ khác không khác, nên biết đã kiến lập tánh khác, không khác:

- (1) Do đối tượng nhân khác không khác.
- (2) Do chỗ dựa khác, không khác.
- (3) Do tác dụng khác, không khác.
- (4) Do thời phần khác, không khác.

Nếu đối tượng nhân cùng tướng khác của các pháp có sai biệt có thể đạt được, thì tướng khác này là đối với phần khác.

Nếu tướng không khác có sai biệt có thể đạt được, thì ở đây, trước và sau cùng với hiện tại không khác.

Thời phần khác: Nghĩa là tất cả hành chi là sát-na trụ, tức tự thể này trở lại đối chiếu với tự thể, gọi là không khác. Vượt quá sau sát-na, gọi là khác. Do pháp kia làm hạt giống mà pháp này được sinh, gọi là đối tượng nhận. Nếu do mắt v.v..., cùng đại chủng v.v... làm chỗ dựa mà chuyển, gọi là chỗ dựa. Nếu tất cả hành đều có công năng riêng, gọi là tác dụng.

Như thế gọi là kiến lập phẩm loại sai biệt thứ nhất: Tánh có - không có, khác - không khác.

Thể nào là kiến lập giới địa có sai biệt? Nghĩa là ba cõi dục, sắc, vô sắc có sai biệt.

Nói cõi dục: Nghĩa là, dưới từ Vô gián, trên vượt khỏi Tha hóa, đến cung Ma la. Trong đó các hành đều nhân nơi phiền não của cõi dục mà sinh, nơi ba đời cùng với các phiền não ấy làm chỗ nương dựa, bị chỗ tùy thuộc của các phẩm thô trọng trói buộc.

Lại, trong cõi dục, tất cả phiền não hoàn toàn chưa lìa dục, không phải thuộc về địa định. Hết thảy phiền não của cõi sắc, vô sắc, một phần đã lìa dục, thuộc về địa định. Tướng của phiền não khác, như trước đã nói, nên biết.

Nói cõi sắc: Nghĩa là bốn tĩnh lự cùng tĩnh lự trung gian, có mười bảy địa.

Cõi vô sắc: Nghĩa là bốn địa vô sắc, như không xứ v.v...

Thể nào là kiến lập thời phần có sai biệt? Nghĩa là, nơi đời quá khứ có vô gián đã diệt, có lân cận đã diệt, có lâu xa đã diệt. Nơi đời vị lai có vô gián sắp sinh, có lân cận sẽ sinh, có lâu xa sẽ sinh. Nơi đời hiện tại có sát-na hiện tại, có chúng đồng phận hiện tại, có tương tục hiện tại chưa diệt.

Thế nào là kiến lập phương sở có sai biệt? Nghĩa là các pháp có sắc, dựa nơi xứ sở nên có được phương sở xa gần có sai biệt. Các pháp không sắc, do không sắc nên không dựa vào xứ sở. Nếu nương nơi pháp sắc mà được sinh khởi, tức nơi xứ ấy gọi là có phương sở. Đây là do chuyển tướng, không phải căn cứ vào xứ sở. Các pháp có sắc thì do đủ hai thứ.

Thế nào là kiến lập tương tục có sai biệt? Nên biết tương tục lược có bốn thứ. Do căn cảnh của tự tha có sai biệt nên lập bốn thứ tương tục:

- (1) Tương tục của tự thân.
- (2) Tương tục của tha thân.
- (3) Tương tục của các căn.
- (4) Tương tục của cảnh giới.

Bốn thứ tương tục trên, hai là giả kiến lập, hai là nghĩa chân thật.

Thế nào là kiến lập phần vị có sai biệt? Nghĩa là, phần vị khô, phần vị lặc, phần vị không khô không lặc, tức các pháp có thể thuận theo ba thọ.

Thế nào là kiến lập phần phẩm có sai biệt? Nên biết là kiến lập về hai phẩm chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị có sai biệt. Nghĩa là pháp nhiễm, không nhiễm. Pháp thấp kém, thắng diệu. Pháp thô, tế. Pháp nhận giữ, không nhận giữ. Pháp có sắc, không sắc. Pháp có kiến, không kiến. Pháp có đối, không đối. Pháp hữu vị, vô vị. Pháp hữu lậu, vô lậu. Pháp có tranh, không tranh. Pháp có ái vị, không ái vị. Pháp dựa nơi tham đắm, dựa nơi xuất ly. Pháp thế gian, xuất thế gian. Pháp lệ thuộc, không lệ thuộc.

Nên biết ở đây do năm nhân duyên nên kiến lập pháp nhiễm:

- (1) Ở trong ba thọ, theo chỗ thích hợp, bị tạp nhiễm.

(2) Có thể thâm nhận khắp tánh thô trọng của các phẩm phiền não.

(3) Có thể thâm nhận khắp quả phi ái của hiện pháp và vị lai.

(4) Có thể nối liền khắp kiết sinh tương tục.

(5) Có thể tạo chướng ngại khắp đối với tất cả pháp thiện cùng nơi sở tri chướng, trí sinh.

Do nhân duyên ấy nên gọi là pháp nhiễm.

Cùng với đây trái nhau, nên biết rõ là tướng của pháp không nhiễm. Pháp không nhiễm này lược có hai loại, là thiện và vô ký. Do bất tịnh của hội thối rữa nát, cùng bất tịnh của phiền não, nên gọi là bất tịnh. Do ở trong ấy, các thọ hiện có thấy đều là khổ, nên gọi là khổ. Do tánh vô thường nên gọi là không chắc chắn. Nếu do đạo lý của thắng nghĩa như thế, tánh là bất tịnh, tánh là khổ, tánh là không chắc chắn. Tánh ấy xấu, uế, gọi là thấp kém. Vượt quá nơi ấy, nên biết là thắng diệu.

Lại, cùng đối đãi, nên hai tướng thấp kém, thắng diệu có sai biệt. Nghĩa là, đối nơi cõi sắc thì cõi dục là kém. Đối nơi cõi vô sắc thì cõi sắc là kém. Nếu so với Niết-bàn thì ba cõi đều là kém. Các loại như thế phải nên nhận biết rõ.

Nhỏ, rõ có sai biệt. Tịnh, uế có sai biệt. Thế, dụng có sai biệt. Nên biết đã kiến lập sự thô tế của nẻo sắc. Phẩm loại như hạ, trung v.v... có sai biệt, nên biết đã kiến lập phần thô tế hiện có của các pháp không sắc.

Lại, pháp có sắc, pháp không sắc, do lý của thế tục đế, của thắng nghĩa đế, dễ hiểu rõ, khó hiểu rõ, nên biết hai thứ thô tế có sai biệt. Nhỏ (vi) là tụ cực nhỏ. Rõ (trước) là tụ còn lại. Tịnh là trung hữu, tụ sắc của địa trên. Uế là hữu còn lại, tụ sắc của địa dưới.

Nói thế, dụng: Nghĩa là, nếu xứ ấy có thế dụng tăng mạnh như địa đại v.v..., tuy so với tụ khác, về lượng của vật là bằng, nhưng có thể hơn các vật thô hiển khác có thể đạt được.

Phẩm loại như hạ, trung v.v... có sai biệt: Nghĩa là các thọ như lạc v.v..., các pháp như tín v.v..., có phẩm loại thượng trung hạ sai biệt.

Pháp nhận giữ: Nghĩa là các pháp sắc là chỗ nắm giữ của tâm, tâm sở. Do nhờ dựa vào chúng, nên tâm, tâm sở chuyển nơi sự an nguy đồng.

Đồng an nguy: Do tâm, tâm sở nhận giữ lực, nên sắc kia không đoạn, không hoại, không hư nát. Tức do sắc được nhận giữ như thế, hoặc lúc suy tổn, hoặc lúc gồm thêm, tâm, tâm sở kia cũng theo đấy mà giảm, tăng. Cùng với đây trái nhau, gọi là pháp không nhận giữ.

Nói có sắc: Nghĩa là có thể dựa vào phương sở.

Nói vô sắc: Nghĩa là không dựa vào phương sở. Đây là căn cứ nơi sự lãnh nạp, lưu chuyển của đối tượng duyên để nêu đặt, kiến lập.

Nói hữu kiến: Nghĩa là nếu các sắc có thể làm nhãn thức cùng chỗ dựa, chỉ bày tại đây kia, sáng rõ hiện tiền. Cùng trái với đấy, gọi là vô kiến.

Nói có đối: Nghĩa là nếu các sắc có thể ngăn ngại kẻ khác trông thấy, ngăn ngại việc lui tới, qua lại của kẻ khác. Cùng với đây trái nhau, gọi là không đối.

Nói hữu vi: Nghĩa là có sinh diệt, hệ thuộc, nhân duyên. Cùng với đây trái nhau, nên biết là vô vi.

Nói hữu lậu: Nghĩa là nếu các pháp do các lậu sinh ra, là chỗ tùy thuộc của các lậu thô trọng, tương ưng với các lậu, là đối tượng duyên của các lậu, có thể sinh ra các lậu, là nơi chôn nung dựa của các lậu trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Cùng với đây trái nhau, nên biết là vô lậu. Có thể kết hợp, làm nhân sinh các khổ như sinh v.v... của vị lai, nên ở trong hiện pháp là tánh có tội, gọi là có tranh. Cùng với đấy trái nhau, gọi là không tranh. Tự thể của môn nội thuận theo ái nhiễm, gọi là có ái vị. Cùng trái với đấy, gọi là không ái vị. Cảnh

giới của môn ngoài thuận theo ái chấp, gọi là dựa nơi tham đắm. Cùng với đây trái nhau, gọi là dựa nơi xuất ly.

Nếu pháp là hữu lậu, có tranh chấp, có ái vị, dựa nơi tham đắm, tất cả như thế gọi là thế gian. Nếu có thể đối trị chúng, dựa nơi Thế tục để phát khởi tục trí thì pháp được dẫn dắt cũng gọi là thế gian. Cùng với đây trái nhau, gọi là xuất thế gian.

Nếu các thế gian thì gọi là pháp lệ thuộc, gắn chặt với khí thế giới, hữu tình, thuộc về thế gian dục, sắc, vô sắc.

Nếu xuất thế gian thì không phải là pháp lệ thuộc, không gắn chặt, không thuộc về thế gian như trước đã nói.

Thế nào là kiến lập đạo lý có sai biệt? Nghĩa là có bốn đạo lý:

- (1) Đạo lý tương đãi.
- (2) Đạo lý chứng thành.
- (3) Đạo lý tác dụng.
- (4) Đạo lý pháp nhĩ.

Phân biệt về đạo lý có sai biệt như thế, như nơi Địa Thanh văn đã nêu rõ, nên nhận biết về tướng của chúng.

Như vậy, tám thứ phẩm loại sai biệt, cùng với dị môn, thế tướng, thích từ có sai biệt như trước đã nói, nên biết, như chỗ nêu bày rộng lược trong tất cả sự, có thể biện giải rộng, đúng.

Lại nữa, Tụng nêu:

*Đầu, tụ cùng gồm thâm
Tiếp theo là thành tựu
Tự tánh cùng với nhân
Sau, nói rộng về địa.*

Có chín tụ pháp, gồm thâm tất cả pháp. Những gì là chín? Đó là:

- (1) Tụ của pháp thiện.

- (2) Tụ của pháp bất thiện.
- (3) Tụ của pháp vô ký.
- (4) Tụ của pháp do kiến đạo đoạn.
- (5) Tụ của pháp do tu đạo đoạn.
- (6) Tụ của pháp không đoạn.
- (7) Tụ của pháp tà tánh định.
- (8) Tụ của pháp chánh tánh định.
- (9) Tụ của pháp bất định.

Tụ của pháp thiện v.v...: Quảng diễn như nơi Địa ý đã biện biệt về tướng.

Tụ của pháp do kiến đạo đoạn: Nghĩa là tất cả kiến. Hoặc dựa nơi các kiến như tham sân si mạn. Hoặc nghiệp của nẻo ác. Hoặc đối với các đế do dự, nghi v.v...

Tụ của pháp do tu đạo đoạn: Nghĩa là hết thấy các pháp còn lại nên đoạn trừ.

Tụ của pháp không đoạn: Nghĩa là pháp vô lậu.

Tụ của pháp tà tánh định: Là nghiệp vô gián cùng đoạn căn thiện.

Tụ của pháp chánh tánh định: Là các pháp hiện có của hàng hữu học, vô học.

Tụ của pháp bất định: Là pháp phi học phi vô học còn lại.

Nên biết ở đây, tự tánh của các pháp hiện có cùng gồm thân tha tánh tương ưng.

Hoặc có một loại hữu tình, thành tựu pháp thiện và pháp vô ký, không phải là pháp bất thiện, nghĩa là các Thánh giả đã lìa dục tham, cùng hàng phạm phu ấy đã trừ bỏ pháp chướng tử.

Hoặc có một loại hữu tình, gây tạo pháp bất thiện và vô ký, không phải thành tựu các pháp thiện. Nghĩa là các hữu tình đoạn căn thiện, trừ pháp chủng tử. Không có trường hợp thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện, không phải là pháp vô ký. Hoặc chỉ bất thiện hoặc chỉ vô ký mà có thể đạt được.

Lại, ở trong ấy, nên biết các pháp như chỗ ứng hợp, hoặc được hoặc xả. Nghĩa là có một loại hữu tình, do thọ nhận các thọ, hoặc xả chỗ thọ nhận, hoặc suy cầu tà vạy, hoặc suy cầu đúng đắn, hoặc chuyển hình, hoặc theo pháp như thế, hoặc lìa dục, hoặc gia hạnh, hoặc thoái thất, hoặc được quả, hoặc chết sống, mà có được xả. Như pháp luật nghi biệt giải thoát, do thọ nhận chúng nên được, do xả chúng nên xả. Hoặc các pháp thiện, do suy cầu tà vạy nên xả, do suy cầu đúng đắn nên được.

Do chuyển hình nên xả luật nghi của Bí-sô, hoặc luật nghi của Bí-sô-ni. Tùy được một loại nơi hai hình sinh, tất cả đều vĩnh viễn xả. Do pháp như thế, nên lúc thế gian hoại, có thể nhập vào pháp như thế là tính lự đã đạt được.

Do lìa dục, nên có thể đạt được pháp thiện hiện có của Địa trên.

Do gia hạnh, nên có thể phát khởi, dựa vào công đức được nêu dẫn, khiến chúng hiện tiền.

Do thoái thất, nên trở lại được các pháp thấp kém lúc trước.

Do được quả, nên xả các pháp thế gian, được pháp xuất thế gian cùng pháp thiện của thế gian về sau được sáng, sạch.

Do chết sống, nên hoặc sinh nơi thời dưới, đạt được pháp thiện sinh đắc cùng các pháp bất thiện, vô ký. Hoặc sinh nơi thời trên, thì chỉ đạt được pháp thiện và pháp vô ký.

Các thứ đã xả, như chỗ thích hợp, cũng theo đây nhận biết rõ. Không có cùng trái nhau. Các tâm, tâm sở cùng tương ưng và cùng gồm thâu. Tức hành của sát-na này, trở lại hợp với sát-na ấy.

Lại, không có tất cả các hành sinh tử là pháp có thể vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại, không có các hành, trước chưa từng sinh, đột nhiên khiến khởi.

Lại, tất cả hành đều là sát-na sinh. Sau sát-na sinh tất không dừng trụ, thành các hành một sinh, một trụ, một diệt.

Lại, tất cả pháp với mỗi mỗi tự tánh, không có tự tánh thứ hai có thể đạt được.

Lại, nhất định không có hai pháp đồng loại, một lúc tương ưng. Tức do tự tánh thứ hai không có.

Lại, không phải một pháp có hai thứ tác dụng của tướng trái, khác.

Lại, tất cả hành dựa nơi kẻ khác chuyển mà không tự dựa.

Lại, không phải tự tánh cùng với tự tánh kết hợp, cũng không tùy chuyển.

Lại, không phải tức tâm của một sát-na này cùng với tâm của sát-na ấy làm đối tượng duyên.

Lại, không phải tức tự tánh của sát-na này, cùng với tự tánh của sát-na ấy làm nhân, cũng không phải sinh sau làm nhân cho sinh trước, cũng không phải đồng loại làm nhân cho dị loại. Như bất thiện đối chiếu với thiện, thiện đối chiếu với bất thiện mà tạo nhân quả dị thực, vô ký, nói rộng về địa.

Tụng nêu:

*Đầu, các địa nương dựa
Tiếp, để trí gia hạnh
Tam-ma-địa, căn, đạo
Tu tập hành đối trị.*

*Pháp hữu lậu, vô lậu
 Các quả, các nhân duyên
 Lập Bồ-đặc-già-la
 Sau: Biến tri, cứu cánh.*

Có chín thứ địa. Đó là:

- (1) Địa tư lương.
- (2) Địa phương tiện.
- (3) Địa quán hành.
- (4) Địa kiến.
- (5) Địa tu.
- (6) Địa hữu học.
- (7) Địa vô học.
- (8) Địa Thánh giả.
- (9) Địa phàm phu.

Trước tiên nên tích tập tư lương (hành trang) xuất thế gian. Thứ đến, vì nhằm dứt hết các lậu nên siêng năng tu tập phương tiện. Tiếp theo, lúc tu tùy thuận phần quyết trạch, là chánh quán các đế. Tiếp đến là có thể chứng nhập chánh tánh ly sinh. Sau đây, lần lượt chứng bốn quả Sa-môn. Ở đây, ba quả trước là địa hữu học, quả thứ tư là địa vô học.

Chứng ly sinh rồi, tất cả đạo thăng tiến dần của thế gian, gọi là địa tu, tức gồm thân chung về kiến. Địa học, vô học gọi là địa Thánh giả. Hết thân địa còn lại ở đây gọi là địa phàm phu. Nghĩa là, hoặc chưa tu gia hạnh, hoặc đã tu gia hạnh, hoặc đã lìa dục. Tất cả hàng phàm phu lại có chín chỗ dựa, có thể dứt hết các lậu. Những gì là chín? Đó là: Định vị chí, hoặc tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự trung gian, ba tĩnh lự còn lại cùng ba vô sắc, trừ hữu thứ nhất.

Lại có bốn Thánh đế, có thể làm tịnh hết trú xứ của Hoặc.

Lại có mười trí, có thể nhận biết tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức. Nghĩa là: Pháp trí, loại trí, thể tục trí, tha tâm trí, hoặc bốn trí như khổ v.v... cùng tận trí, vô sinh trí. Phân biệt rộng các trí này, như nơi Địa Thanh văn.

Lại, Sư Du già có năm gia hạnh:

- (1) Vì nhằm chứng nhập chánh tánh ly sinh.
- (2) Vì chứng đắc quả trên.
- (3) Vì tăng tiến lìa dục.
- (4) Vì nhằm chuyển y.
- (5) Vì dẫn đạt công đức.

Lại có ba thứ Tam-ma-địa của Du già:

- (1) Tam-ma-địa không.
- (2) Tam-ma-địa vô nguyện.
- (3) Tam-ma-địa vô tướng.

Lại có ba thứ căn của tất cả hành hướng trụ quả:

- (1) Vị tri căn: Là căn của hành hướng quả Dự lưu.
- (2) Dĩ tri căn: Là căn của quả Dự lưu trở lên, cho đến hành hướng quả A-la-hán.
- (3) Cụ tri căn: Là căn trụ nơi quả A-la-hán.

Lại có chín đạo. Đó là:

- (1) Đạo thế gian.
- (2) Đạo xuất thế gian.
- (3) Đạo gia hạnh.
- (4) Đạo vô gián.

- (5) Đạo giải thoát.
- (6) Đạo thắng tấn.
- (7) Đạo phẩm hạ.
- (8) Đạo phẩm trung.
- (9) Đạo phẩm thượng.

Đạo thế gian: Nghĩa là do đạo này nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ các phiền não thế gian, hoặc không chứng đoạn, có thể đi đến nẻo thiện hoặc đi đến nẻo ác.

Đạo xuất thế gian: Nghĩa là do đạo này nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ rốt ráo các phiền não.

Đạo gia hạnh: Nghĩa là vì đoạn trừ Hoặc nên siêng tu gia hạnh.

Đạo vô gián: Nghĩa là đang đoạn trừ Hoặc.

Đạo giải thoát: Nghĩa là tâm đoạn vô gián, đạt được giải thoát.

Đạo thắng tấn: Nghĩa là từ đáy về sau, phát khởi gia hạnh thù thắng.

Đạo phẩm hạ: Nghĩa là có thể đối trị phiền não phẩm thượng.

Đạo phẩm trung: Nghĩa là có thể đối trị các phiền não thuộc phẩm trung.

Đạo phẩm thượng: Nghĩa là có thể đối trị các phiền não thuộc phẩm hạ.

Lại có bốn thứ đối trị:

- (1) Đối trị do chán hoại.
- (2) Đối trị do đoạn dứt.
- (3) Đối trị do nhận giữ
- (4) Đối trị do phân xa.

Lại có mười sáu hành tướng. Nghĩa là quán các đế là vô thường v.v..., như trước đã biện biệt.

Lại có tám thứ tu tập như thế, đối trị hành tướng như thế.

Tu tập như thế, như nơi địa định cùng Địa Thanh văn ở trước đã nói, nên quán về tướng của chúng.

Lại có hai phẩm gồm thâu tất cả pháp:

(1) Pháp hữu lậu.

(2) Pháp vô lậu.

Hai pháp này, nên biết như trước đã biện giải.

Lại có năm quả:

(1) Quả dị thực.

(2) Quả đẳng lưu.

(3) Quả ly hệ.

(4) Quả sĩ dụng.

(5) Quả tăng thượng.

Lại có mười nhân:

(1) Nhân tùy thuyết.

(2) Nhân quán đãi.

(3) Nhân khiên dẫn.

(4) Nhân nhiếp thọ.

(5) Nhân sinh khởi.

(6) Nhân dẫn phát.

(7) Nhân định dị.

(8) Nhân đồng sự.

(9) Nhân tương vi.

(10) Nhân bất tương vi.

Lại có bốn duyên:

- (1) Duyên nhân.
- (2) Duyên đẳng vô gián.
- (3) Duyên sở duyên.
- (4) Duyên tăng thượng.

Tất cả quả, nhân cùng duyên như thế, như nơi Địa Bồ-tát v.v... đã biện giải về tướng.

Lại có bảy loại hữu tình: Nghĩa là Tùy tín hành v.v...

Lại có sáu loại A-la-hán: Nghĩa là A-la-hán thoái pháp v.v...

Lại có tám loại hữu tình: Là kiến lập hành bốn hướng cùng trụ bốn quả, nên biết như nơi Địa Thanh văn đã nói.

Lại có sáu thứ biến trí:

- (1) Biến trí của địa bất định nơi đế hữu lậu.
- (2) Biến trí của địa định nơi đế hữu lậu.
- (3) Biến trí của đế vô lậu vô vi.
- (4) Biến trí của đế vô lậu hữu vi.
- (5) Biến trí về kiết thuận hạ phần.
- (6) Biến trí về kiết thuận thượng phần.

Lại có hai thứ cứu cánh:

- (1) Cứu cánh của trí.
- (2) cứu cánh của đoạn.

Cứu cánh của trí: Nghĩa là trí tận, trí vô sinh. Từ đây trở về sau vì đoạn trừ các phiền não nên không còn nhận thức nữa.

Cứu cánh của đoạn: Nghĩa là các phiền não được đoạn trừ rốt ráo khắp. Do sự đoạn trừ ấy nên cứu cánh viên mãn, chúng đắc tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Như thế là đã lược dẫn các thứ tông yếu hiện có của Ma-đát-lý-ca tương ứng với cảnh trí thuận theo luận này. Ngoài ra, tất cả tùy nơi lãnh vực này, đều nên nhận biết rõ. Hết thấy Ma-đát-lý-ca biến hành, như nơi phần Nhiếp thích đã nêu bày, nên biết về tướng.

Giáo pháp của Đức Như Lai, về số lượng là vô hạn lượng, sao có thể đi đến tận cùng cái vô biên nơi bờ kia? Tùy theo lãnh vực này, tùy theo sự dẫn phát này, tùy theo nghĩa lý sâu xa này, các bậc thông tuệ, đối với tất cả các thứ còn lại, nên tầm tư đúng đắn, nên nhận biết rõ, đúng.

HẾT - QUYỂN 100

SỐ 1580/1
LUẬN THÍCH DU GIÀ SƯ ĐỊA

Tác giả: Luận sư Tối Thắng Tử.

Hán dịch: Đồi Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.

PHẦN BẢN ĐỊA

Địa 1: NĂM THỨC TƯƠNG ỨNG

*Lễ kính Đấng Đại Giác trời, người
 Phước đức trí tuệ đều viên mãn
 Pháp chân diệu văn nghĩa tốt cùng
 Chúng Hiền Thánh thọ học chánh tri.
 Cúi lạy Đại Từ Tôn Vô Thắng
 Khấp vì lợi lạc các hữu tình
 Rộng lấy nghĩa chính yếu các kinh
 Lược nói năm phần Du Già này.
 Quy mạng dòng Pháp lực định diệu
 Phát khởi tên công đức Vô Trước
 Hay ở biển Thánh giả tối thắng
 Sinh ra pháp cam lồ vô thượng.
 Nhận lấy mỹ âm tự đầy đủ
 Lại vì lợi ích các thế gian
 Tuôn mưa hoa tự không cùng tận*

*Thắm tươi cây Như Ý Mâu-ni.
 Luận này thù thắng tựa hoa sen
 Cũng như kho báu như biển cả
 Nghĩa lớn các thừa hiển bày đủ
 Khéo giải văn lý không hề sót.
 Ở trong Đại Luận Du Già này
 Con nay theo sức giải phân ít
 Để khiến chánh pháp luôn còn mãi
 Lợi ích an lạc chúng hữu tình.*

Nay nói Luận này được thực hiện như thế nào? Nghĩa là có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Vì muốn cho giáo pháp vô thượng của Như Lai được trụ lâu ở thế gian.

(2) Vì tạo lợi ích an lạc bình đẳng cho các hữu tình.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Đối với các Thánh giáo cam lồ của Như Lai đã ẩn mất, thì nhớ nghĩ góp nhặt lại để hiển bày, những Thánh giáo của Như Lai chưa ẩn mất, thì hỏi đáp xét chọn làm hưng thịnh gấp bội.

(2) Vì trong hết thảy cõi hữu tình, người có chủng tánh đều nương vào thừa của mình, tu thiện xuất thế, đắc quả ba thừa, vượt ngoài sinh tử. Người không có chủng tánh, nương vào thừa nhân thiên tu thiện thế gian, đắc quả nhân thiên, thoát khỏi nẻo ác.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Hoặc có người đối với các kinh không liễu nghĩa đã nói nhiều về *không*, nhân đây chấp trước cho toàn là *không*, ghét, trái với tất cả giáo pháp *hữu*. Vì nhằm khiến cho họ tùy theo đây để hiểu tướng *hữu* của các pháp, hiểu sâu mật ý trong kinh, xả bỏ kiến chấp về *không*.

(2) Lại có người đối với các kinh không liễu nghĩa đã nói nhiều về *hữu*, nhân đây chấp trước nơi *hữu*, nhằm sợ tất cả giáo pháp *không*. Vì nhằm khiến cho họ tùy theo đây để hiểu tướng *không* của các pháp, hiểu ý sâu kín trong kinh, xả bỏ kiến chấp về *hữu*.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Vì các hữu tình thành tựu chủng tánh của Bồ-tát chỉ nương vào Đại giáo, đối với văn, nghĩa, hành, quả hiện bày khắp các thừa, sinh trí thiện xảo, đoạn tất cả chướng, tu tất cả thiện, chứng Bồ-đề Phật, đến cùng tận đời vị lai mình và người đều được lợi ích an vui, không có dừng bỏ.

(2) Vì các hữu tình thành tựu chủng tánh của Nhị thừa và không có chủng tánh, cũng nương vào Đại giáo, mỗi mỗi đối với văn nghĩa hành quả của thừa mình sinh trí thiện xảo, đoạn trừ chướng phiền não, chế ngự các thứ trói buộc ngăn che, tu tập phần thiện của mình, đắc quả nơi thừa mình, ra khỏi các nẻo ác trong ba cõi.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Hoặc có tập khí của nhiều đời, không hiểu biết, điên đảo, do dự, chấp trước giáo tà của ngoại đạo, Tiểu thừa, vì thế đối với Đại thừa không thể tin hiểu, nên vì họ mà khéo phân biệt pháp tướng của Đại thừa, khiến họ tin hiểu rõ, thông suốt, quyết định xa lìa điên đảo.

(2) Lại có người nghe vô số nghĩa lý sâu xa khó hiểu nơi các kinh, tâm họ mê loạn nên hủy báng không tin, do đó vì họ khéo chỉ bày, khiến sinh tin hiểu, đạt lợi ích.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Nhằm đem đến lợi ích an vui, nên lược nói Luận này, khiến người siêng năng tu hành, góp nhặt giáo nghĩa sâu xa trong các kinh phân biệt tóm lược.

(2) Nhằm tạo lợi ích an vui, nên rộng nói Luận này, khiến bậc siêng năng thuyết pháp, nơi mỗi mỗi pháp khai thị vô biên nghĩa sai khác.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Hiển bày thật tướng của các pháp, nên hỏi đáp xét định chọn lập chánh luận.

(2) Nhằm diệt trừ tất cả vọng chấp, nên hỏi đáp xét định chọn phá luận tà.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Chỉ bày về Biên kế sở chấp, tình có lý không, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật, lý có tình không, khiến xả bỏ chỗ chấp về tăng ích, tổn giảm.

(2) Chỉ bày rõ về đạo lý thế gian, chứng đắc pháp môn sai biệt của thắng nghĩa, khiến tu hai đế, đạt hiểu biết không điên đảo.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Mở bày rộng rõ về hai thứ môn lý là tùy chuyển và chân thật, khiến nhận biết giáo pháp của hai Tạng, ba Tạng không trái nhau.

(2) Mở bày rộng rõ về bốn thứ môn lý là nhân duyên, duy thức, vô tướng và chân như, khiến tu hành quán có khác nhau.

Lại có hai duyên nên nói Luận này:

(1) Thị hiện cảnh giới có sai biệt, khiến hiểu biết về tự tánh, tướng trạng, phần vị sai khác của các pháp.

(2) Thị hiện sự tu hành có sai biệt, khiến nhận biết quả phương tiện căn bản khác nhau của ba thừa.

Những loại như thế là các duyên đã được thực hiện nơi nơi trong Kinh, Luận có vô số sự nêu bày dị biệt, nên biết đây đều là phạm vi bàn đến của Luận này.

Nay nói Luận này, về nguyên do là thế nào? Nghĩa là các hữu tình từ vô thủy đến nay, đối với thật tướng trong tất cả pháp không hiểu biết, nghi hoặc, điên đảo, thiên chấp, nên khởi các phiền não, phát sinh nghiệp hữu lậu, luân hồi trong năm nẻo, chịu ba thứ khổ lớn. Đức Như Lai ra đời thuận theo sự thích hợp, tạo phương tiện vì họ giảng nói về thật tướng trong vô số pháp xứ vi diệu, giúp các hữu tình nhận biết tất cả pháp, *không* như vậy như vậy nên chẳng phải là *có*, *có* như thế như thế nên chẳng phải là *không*. Hiểu rõ các pháp chẳng phải là *không*, chẳng phải là *có*, nên xa lìa nghi hoặc, điên đảo, thiên chấp, thuận theo chủng tánh kia mà khởi hành trung xứ, dần dần tu tập đầy đủ, theo chỗ ứng hợp, vĩnh viễn diệt trừ các chướng, đặc Tam Bô-đề, chứng vui tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ma sự sinh khởi phức tạp, các bộ nổi lên cạnh tranh, phần nhiều chấp trước theo hữu kiến. Bô-tát Long Mã chứng địa Cực hỷ, góp nhặt giáo pháp không, vô tướng trong Đại thừa, làm thành Trung Luận v.v..., diễn xướng rõ ràng giáo nghĩa chân thật để trừ bỏ kiến chấp về *hữu*. Các vị Đại Luận sư như Thánh Đề Bà tạo bộ Bách Luận v.v..., mở mang nghĩa lớn, vì thế chúng sinh lại chấp trước theo không kiến. Bô-tát Vô Trước ở quả vị Sơ địa, chứng định pháp quang, đặc đại thần thông, phụng sự bậc Đại Từ Tôn, xin nói Luận này, lý sự đều cùng tận, vẫn không gì là không giải thích, nghĩa không gì là không giảng giải, không nghi nào là không trừ, không chấp nào là không phá, không hành nào là không tu, không quả nào là không chứng. Chính vì Bô-tát khiến đối với cảnh, hành, quả v.v... của các thừa đều được thiện xảo, siêng tu hành lớn, chứng Đại Bô-đề, rộng vì hữu tình, thường giảng nói không điên đảo. Gồm vì thừa khác, khiến nương vào pháp mình, tu hành nơi phần mình, chứng đắc quả mình. Đó là lược nói về nguyên do của Luận này.

Nay nói Luận Du Già Sư Địa, về danh nghĩa như thế nào? Nghĩa là tất cả pháp hiện có như cảnh, hành, quả v.v... trong tất cả thừa đều gọi là Du Già. Tất cả đều có nghĩa phương tiện thiện xảo tương ưng.

Cảnh Du Già: Nghĩa là tất cả cảnh, tánh không điên đảo, tánh không trái nhau, tánh có thể tùy thuận, tánh hướng đến cứu cánh, hợp với giáo lý chân chánh, hành quả tương ưng, nên gọi là Du Già. Cảnh Du Già này, tuy chung cho tất cả, nhưng các Kinh Luận theo chỗ thuận hợp căn cơ, nên nói có nhiều khác nhau: Hoặc nói bốn thứ đạo lý của các pháp, gọi là Du Già. Bốn thứ đạo lý là Quán đãi, Tác dụng, Pháp nhĩ và Chứng thành, thâu tóm chung toàn bộ đạo lý chân chánh. Hoặc nói trong hai mươi bốn hành bất tương ưng, đều gọi là Du Già, nhân quả tương xứng không trái nghịch. Hai thứ này đều như nơi phần Quyết định lựa chọn, xú xú đều rộng nói. Hoặc nói thanh tịnh, tạp nhiễm là vô tánh, gọi là Du Già, trừ bỏ trái, hợp với thuận, rất là thù thắng, như trong Khế kinh Đại Phạm Vấn đã thuyết giảng. Các Sư Du Già quán xét không có chút pháp nào có thể khiến sinh cũng có thể khiến diệt, cũng không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn hiện quán. Nghĩa là đối với tất cả hành trong Du Già tạp nhiễm, vô tánh, quán xét không có chút pháp nào có thể khiến nó sinh và cũng có thể khiến nó diệt. Cho đến đối với tất cả hành trong Du Già thanh tịnh, vô tánh, quán xét không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn hiện quán. Hoặc nói chân như thanh tịnh rốt ráo, gọi là Du Già, chỗ cao nhất trong lý là tất cả công đức cùng tương ưng, như trong Khế kinh Nhập Lăng Già đã nói. Nếu quán nghĩa chân chánh, trừ bỏ phân biệt, xa lìa lỗi lầm, không có chủ thể giữ lấy, cũng không có đối tượng được giữ lấy, không mở không trói, bấy giờ ở trong định sẽ thấy Du Già, không nên nghi ngờ. Nghĩa lớn trong kinh nói từ một pháp tăng đến trăm pháp, đều gọi là Du Già, pháp môn tuy khác nhưng nghĩa không trái. Nghĩa rộng trong kinh nói uẩn, giới, xứ, duyên khởi, đế v.v... đều gọi là Du Già, thâu tóm tất cả cảnh, thuận với căn cơ. Đối với những thứ như vậy, trong các Kinh Luận nói tất cả cảnh đều gọi là Du Già, gồm đủ bốn tánh, thuận với bốn pháp.

Hành Du Già: Nghĩa là tất cả hành, lại thuận với nhau, xứng hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, đưa đến chánh quả, gọi là Du Già. Hành Du Già này, tuy chung cho các hành, nhưng các Kinh Luận theo tướng tùy căn cơ, nên mỗi mỗi nói khác nhau. Như trong Kinh Biện Du Già Sư Địa, nêu chánh tu các hành gọi là Du Già, thâm tóm chung tất cả hành tương ưng. Trong Kinh Nguyệt Đăng, nêu tu ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, gọi là Du Già. Những thứ này ở trong tất cả hành đều thuận với quả, rất là thù thắng. Ở trong Kinh Đại Phân Biệt Lục Xứ, biện biệt về chỉ, quán, bình đẳng vận hành, gọi là Du Già, như vậy là các hành chủ của chỉ quán. Trong Kinh Hải Tuệ, nói tu Tam-ma-địa, gọi là Du Già, trụ tâm phát khởi hành này là rất mạnh. Luận Hiển Dương v.v... nêu bốn pháp như tín, dục, phương tiện, tinh tấn, gọi là Du Già. Tác ý, hoặc trí, gọi là phương tiện, bốn thứ ấy sinh chung tất cả các hành. Địa do văn tạo thành, biện biệt về chín đạo, gọi là Du Già. Lãnh hội lý, trừ diệt Hoặc, phân biệt quả vị thù thắng, nghĩa là thể gian xuất thể gian, đối với các đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, thắng tấn, gồm đủ ba phẩm hạ trung thượng. Địa do tu tạo thành, phân xét chung về tu tập các đạo đối trị, gọi là Du Già. Vì người ưa giản lược, nên nói tổng quát về sự tu tập. Có chỗ nói duyên thuộc về các địa, trí không điên đảo, gọi là Du Già. Trí không điên đảo duyên nơi pháp của các địa là sự thù thắng trong hành. Có chỗ lại nói các phương tiện thiện xảo, hoặc chỉ có phương tiện, gọi là Du Già. Tác ý và trí phát khởi hành thù thắng. Hoặc căn cứ theo chỗ trước tiên tỏ ngộ là thù thắng. Trong Khế kinh Công Đức Thật Tánh nói các quán duyên khởi, gọi là Du Già. Trí quán duyên khởi đối với việc ra khỏi sinh tử là quan trọng hơn cả. Trong Kinh Chánh Hạnh nói tám chi Thánh đạo như chánh kiến v.v... gọi là Du Già, vì hướng đến thành Niết-bàn, đây là thù thắng. Kinh Tỳ Nại Da nói tu giới v.v... gọi là Du Già, tức trong nhân của học giới định tuệ là thù thắng. Nơi Kinh Đại Nghĩa nói tu tập tất cả hành thể, xuất thể với phần vị sai khác, đều gọi là Du Già, vì thứ bậc của chánh hành luôn thuận

hợp nhau. Như thế đều nói cùng với hành Thanh văn, gọi là Du Già, vì chứng đắc chung trong hành của ba thừa là thù thắng. Trong Khế kinh Tuệ Đáo Bỉ Ngạn nói tác ý quán không, gọi là Du Già, vì phát khởi đại hành, đây là tối thắng. Như kinh ấy nói, Bồ-tát hiện có Đại Du Già, nghĩa là tác ý không. Bồ-tát do tác ý không này, nên không rơi vào địa Thanh văn, Độc giác, cho đến có thể làm thanh tịnh các cõi Phật. Tức trong kinh kia lại nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa, gọi là Du Già thù thắng, dẫn dắt hành Đại thừa, đây là hơn hết. Như kinh kia nói Bồ-tát hiện có, Du Già tuệ độ là tối thượng tối thắng trong các thứ Du Già, nói rộng cho đến là không gì có thể sánh bằng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy, đúng là pháp Du Già vô thượng. Các chỗ khác nói, tuệ độ này đã thâm tóm định không phân biệt, gọi là Du Già, vì có thể phát sinh tất cả công đức thù thắng. Chỗ khác lại nói, Bồ-tát hiện có tuệ, bi thù thắng cùng hành hóa bình đẳng, gọi là Du Già, vì có thể chứng Đại Niết-bàn vô trụ. Những thuyết như thế về các hành bất cộng, đều gọi là Du Già, vì có thể chứng Bồ-đề Phật Vô thượng. Như thế, trong các Kinh Luận, nói tất cả hành, đều gọi là Du Già, đầy đủ bốn thứ nghĩa như trên đã nói.

Quả Du Già: Nghĩa là tất cả quả thuận với nhau, hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, xứng với chánh nhân, gọi là Du Già. Quả Du Già này, tuy chung cho các quả, nhưng các Kinh Luận căn cứ theo tướng tùy căn cơ, nên mỗi mỗi nói khác nhau: Kinh Phân Biệt Nghĩa nói lực, vô úy, pháp bất cộng của Phật, gọi là Du Già, vì có thể hàng phục các ma, ngăn chặn các dị thuyết, hơn hẳn các thừa khác. Trong Kinh Thù Thắng nói Đức Phật chứng đắc Niết-bàn vô trụ, gọi là Du Già, vì tận cùng đời vị lai là vô sở trụ. Kinh Đại Nghĩa nói địa Như Lai, với trí không phân biệt, cho đến đại bi, gọi là Du Già, vì tự lợi lợi tha luôn vô tận. Nơi Kinh Biện Thuyết Du Già Sư Địa nói về công đức của Phật địa, đều gọi là Du Già, vì cùng tận pháp giới, không có đoạn dứt. Kinh Phân Biệt Tam Thừa Công Đức nói quả đức của ba Thừa gọi là Du Già, vì đều cùng tương ưng với

chánh lý v.v... Luận Tán Phật nói ba thân, ba đức đều là Du Già, vì tất cả quả đức không lia nhau. Luận Tập Nghĩa nói quả vị đã thấu tóm các nhóm công đức hữu vi, vô vi, đều là Du Già, vì cùng đạt đến quả vị hòa hợp rốt ráo. Đối với những thứ trong các Kinh Luận như thế, tất cả quả đức đều gọi là Du Già, tức đầy đủ nghĩa nêu trên. Thánh giáo như vậy cũng gọi là Du Già, vì xứng với chánh lý, thuận với chánh hành, dẫn đến chánh quả, có nghĩa là chọn lấy đúng về hành quán của ba thừa, gọi là Du Già, vì luôn luôn tấn tu, hợp lý thuận hành, đắc quả thù thắng. Cảnh quả nơi Thánh giáo là cảnh Du Già, nên quả Du Già, bàn luận về Du Già cũng gọi là Du Già. Như thế, hai chữ Du Già trong Luận này hãy còn khuấy động khắp cả. Thánh giáo như biển lớn, làm sao nói đầy đủ. Địa Du Già Sư, sợ khó thọ trì, nên nói sơ lược. Hành giả của ba Thừa, do văn, tu, tu, theo thứ lớp tu tập hành Du Già như thế, tùy theo phần đầy đủ, lần lượt điều phục giáo hóa các hữu tình, nên gọi là Sư Du Già. Hoặc chư Như Lai chứng Du Già đầy đủ, tùy chỗ thuận hợp, đem Du Già ấy điều phục giáo hóa tất cả Thánh đệ tử v.v... khiến họ lần lượt tu chánh hạnh, gọi là Sư Du Già.

Địa: Nghĩa là cảnh giới, là nghĩa đối tượng nương dựa, đối tượng hành trì, hoặc đối tượng gồm thấu, đó là cảnh giới nơi đối tượng hành trì của Sư Du Già, nên gọi là Địa. Như cảnh giới của ngựa quý, chỉ ở trong ấy mà đi, không ra ngoài. Hoặc Sư Du Già nương vào xứ sở này làm tăng trưởng pháp thiện nên gọi là Địa, như đất trồng lúa. Hoặc trí thuộc về địa của Sư Du Già, nương nơi đây để hiện hành, nương nơi đây để tăng trưởng, nên gọi là Địa, như đất có châu báu. Hoặc Sư Du Già, hành ở trong ấy, thọ dụng pháp bạch, nên gọi là Địa, như đất của ngư vương. Hoặc chư Như Lai gọi là Sư Du Già, có trí bình đẳng, cùng hành ở trong Du Già của Niết-bàn vô trụ nơi tất cả cảnh giới không hý luận, là chỗ thấu tóm của Sư Du Già, nên gọi là Địa. Hoặc mười bảy địa đều thuộc về hết thảy Sư Du Già, như đất của quốc vương nên gọi là Địa của Sư Du Già.

Hỏi đáp xét chọn tánh tướng của các pháp, do đó gọi là Luận. Nhằm khiến chứng đắc Địa của Sư Du Già mà nói Luận này, nên lấy làm tên, như Luận Đối Pháp. Hoặc lại Luận này, biện luận thuận hợp về Du Già Sư Địa, nên dùng phần ấy để xưng tên, như Kinh Thập Địa. Hoặc lại Luận này, nương dựa nơi địa ấy, nên lấy làm tên gọi, như hoa ở dưới nước, trên mặt đất, do đó Luận tên là Du Già Sư Địa.

Nay Thể của Luận này gồm có 5 phần:

1. Phần bản địa: Là phân biệt rộng lược về nghĩa trong mười bảy địa.

2. Phần thâm tóm quyết định lựa chọn: Là lược thâm tóm xét chọn về nghĩa chính yếu sâu kín trong mười bảy địa.

3. Phần giải thích thâm tóm: Là lược giải thích thâm tóm nghi thức của các kinh.

4. Phần thâm tóm môn khác: Là lược thâm tóm về danh nghĩa sai khác của các pháp đã có trong kinh.

5. Phần thâm tóm sự việc: Là lược thâm tóm nghĩa nơi các sự việc quan trọng trong ba Tạng.

Luận này có 5 phần như vậy, vì sao chỉ gọi Du Già Sư Địa? Vì căn cứ vào phần đầu tiên để lập tên, nên không có lỗi. Lại, tất cả pháp đều là Du Già Sư Địa. Do Sư Du Già dùng tất cả pháp làm duyên để nương dựa. Trong đây về giản lược nên nói mười bảy. Lại, mười bảy địa thâm tóm đầy đủ tất cả văn nghĩa. Bốn phần sau đều là giải thích các văn nghĩa quan trọng trong mười bảy địa, cũng không lìa Du Già Sư Địa, do đó Luận này dùng mười bảy địa làm tông yếu. Tuy lại nêu rõ chung về cảnh v.v... của các Thừa, như người giảng nói luận, hỏi đáp xét chọn tánh tướng của các pháp, ý là nói về Bồ-tát, khiến tất cả đều được thiện xảo, tu thành quả Phật, an vui lợi lạc không cùng tận, thế nên Luận này thuộc về A Tỳ Đạt Ma của Tạng Bồ-tát, nhằm khiến Bồ-tát chứng đắc thắng trí.

* *Luận viết*: Thế nào là Du Già Sư Địa? Nghĩa là mười bảy địa.

* *Giải thích*: Trước hết hỏi Du Già Sư Địa là thế nào? Đó là hỏi chung về một bộ phận tông yếu của Luận này. Người hỏi, trước nghe các kinh nói về Du Già Sư Địa, nhưng chưa hiểu nghĩa, nên hỏi câu này. Biện biệt về Du Già Sư Địa, trong kinh thường nói, chánh tu Du Già Sư Địa. Nơi Kinh Nguyệt Đăng cũng nói tu tập Du Già Sư Địa. Như vậy không phải là một, như trước đã nói rộng. Hoặc người làm luận, trước thọ thỉnh tất cả, thể của luận gồm năm phần đều ở trong tâm, muốn vì người hậu học phân biệt giải nói, tự tạm phát hỏi, làm nhân cho việc khởi thuyết, nên hỏi Du Già Sư Địa là thế nào. Nếu không như vậy, thì trước không lược nói, không thể bỗng nhiên hỏi địa này là thế nào. Lại, người nêu hỏi, lược có năm loại:

- (1) Không hiểu nên hỏi.
- (2) Nghi hoặc nên hỏi.
- (3) Xét nghiệm nên hỏi.
- (4) Vì mới tiếp xúc nên hỏi.
- (5) Vì muốn tạo lợi ích an vui cho hữu tình nên hỏi.

Nay chính phần thứ năm, chuyên vì lợi lạc cho các loài hữu tình, nên tạo ra Luận này. Gọi là mười bảy địa: Là tập hợp chung chỗ nói về Du Già Sư Địa, lược có mười bảy, nếu an lập rộng, ngôi thứ của địa là vô biên, trong mỗi một địa, phần vị sai khác, nghĩa cũng vô biên, như vậy là một lược, hỏi chung và đáp chung.

* *Luận viết*: Những gì là mười bảy? Tụng nói:

*Năm thức tương ưng, ý
Có tâm, tứ là ba
Tam-ma-địa câu phi
Địa có tâm, không tâm
Văn, tư, tu đã lập
Như vậy đủ ba thừa*

*Hữu y và vô y
Đó gọi mười bảy địa.*

* *Giải thích:* Do duyên nào lại hỏi những gì là mười bảy? Tuy nghe tổng số, nhưng chưa rõ về biệt danh, nên mới hỏi. Ót-đà-nam là trước làm tụng giản lược để trả lời, lược gộp tên địa, cung cấp cho các người học, gọi là Ót-đà-nam.

Năm thức tương ưng: Nghĩa là địa năm thức thân tương ưng.

Ý: Nghĩa là địa ý.

Có tâm, tứ là ba: Nghĩa là ba địa như địa có tâm có tứ v.v...

Tam-ma-địa câu: Nghĩa là Tam-ma-địa. Câu gọi là địa Tam-ma-hí-đa. Phi nghĩa là phi Tam-ma-địa. Câu phi nghĩa là phi địa Tam ma hí đa. Đây là căn cứ vào một tướng, nếu chia ra tên địa thì lý nói không cùng tận. Hai tên như thế, xen nhau rộng hẹp. Tên Tam-ma-địa, chung cho cả định và bất định, nhưng chỉ tại hữu tâm. Tam-ma-hí-đa, thông cả vị hữu tâm và vị vô tâm, chỉ hạn cuộc ở định như phần sau sẽ nói rộng.

Như vậy đủ ba Thừa: Nghĩa là các địa do văn v.v... tạo như vậy, hoặc do đạt đến các địa trên như vậy, chúng đắc đầy đủ ba thừa và địa Hữu dư y, Vô dư y. Mỗi một tên riêng sau sẽ giải thích rộng.

* *Luận viết:* (1) Địa năm thức thân tương ưng. (2) Địa ý. (3) Địa có tâm có tứ. (4) Địa không tâm chỉ có tứ. (5) Địa không tâm không tứ. (6) Địa Tam-ma-hí-đa. (7) Địa phi Tam-ma-hí-đa. (8) Địa có tâm. (9) Địa không tâm. (10) Địa do văn tạo thành. (11) Địa do tư tạo thành. (12) Địa do tu tạo thành. (13) Địa Thanh văn. (14) Địa Độc giác. (15) Địa Bồ-tát. (16) Địa Hữu dư y. (17) Địa Vô dư y. Lược nói mười bảy thứ như vậy gọi là Địa Du Già Sư.

* *Giải thích:* Tiếp theo là liệt kê rộng về tên, lại trả lời câu hỏi trước.

Nói Địa năm thức thân tương ưng: Nghĩa là các căn như nhãn v.v... và các thức như nhãn v.v... không cùng chỗ dựa. Nhãn v.v... không làm chỗ dựa cho các thức khác, lại làm chỗ dựa cho chính mình. Nhãn v.v... có độn có lợi. Thức có sáng có mờ. Lại đồng thời nương dựa, nhất định cùng hiện hữu. Không như ý v.v... là do năm thức dùng các căn như nhãn v.v... Nêu riêng về tên, giống như mầm lúa mạch, cũng như tiếng trống v.v..., nên gọi là năm thức. Do chỗ dựa là căn có hình ngại, lại nhất định không lìa thân sở y (thân là chỗ dựa), nên giống như thân thọ, vì vậy gọi là thân. Lại nữa, thân ấy là dựa nơi thể của nghĩa, nghĩa như sáu thức thân, sáu tư thân v.v... cùng dựa nơi năm thức thân để kiến lập địa này, nên gọi là tương ưng. Như trong Luật nói: Vua bàn luận tương ưng, giặc bàn luận tương ưng. Nghĩa là dựa vào vua và giặc để nêu lên chỗ luận bàn. Đây cũng như vậy. Tuy trong địa này phân biệt nhiều pháp, nhưng năm thức làm chủ, thế nên nói riêng. Lại, năm thức thân tương ưng với các thứ tâm, gọi chung là tương ưng. Do trong địa này, tuy nêu rõ nhiều pháp, nhưng vì tâm và tâm sở thù thắng nên nói riêng. Lại tương ưng là nghĩa thuộc về, tức là trong địa này, nói năm thức tương ưng là chỗ thâm tóm các pháp, tức là bàn về tự tánh, đối tượng nương dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp, nên gọi là tương ưng. Địa như trước đã nói. Các địa từ đây trở về sau thức thân tương ưng, tùy theo chỗ thích hợp, cũng có phần chung nhưng lược bớt nên không nói.

Nói Địa ý: Thức thứ sáu, thứ bảy và thức A-lại-da cùng nương vào ý căn, lược bỏ ba chữ thức thân tương ưng nên chỉ nói ý. Lại theo môn thật nghĩa, tuy có tám thức, nhưng tùy theo môn nền tảng chỉ có sáu thức. Thức thứ sáu, thứ bảy và thức tám cùng thuộc về thức thứ sáu, căn cứ vào chỗ dựa để gọi tên nên chỉ nói là ý. Chỗ dựa không phải sắc, hoặc lìa nơi thân, tựa như tâm thọ, nên không nói thân. Tương ưng căn cứ theo trước, do đó lược không nói. Lại thức thứ sáu, thứ bảy và thức tám, tuy đồng có nghĩa tâm ý thức, tâm pháp, ý

xứ, thuộc về thức uẩn, nhưng nghĩa của ý nổi bật nên chỉ nói ý, đều là suy xét lường tính, thuộc về ý căn. Thức thứ tám giữ gìn chủng tử, nghĩa tâm riêng mạnh. Thức thứ sáu phân biệt về cảnh giới hiện bày khắp, nghĩa thức riêng mạnh. Vì thế không nói thức địa, tâm địa. Thân và tương ưng lược không nói. Nghĩa của địa như trước. Vì duyên nào mà năm thức hợp lại lập thành một địa được nói trước? Các thức còn lại lập thành một, nói ở phần thứ hai. Năm thức đồng nghiệp, không nên nói về đối tượng duyên được phân biệt. Chỗ nói ít sự việc nên hợp lập làm một, nêu bày đầu tiên. Ý địa ngược với đây nên lập riêng thành một, nói ở phần thứ hai. Lại, vì năm thức đồng dựa nơi sắc căn, đồng duyên nơi sắc cảnh, nên hợp lập làm một. Các thức còn lại dựa nơi vô sắc, đối tượng duyên không nhất định nên lập riêng làm một. Tự tánh dựa nơi duyên thô tế thứ lớp, nên nói trước sau. Lại, năm thức đồng thuộc về hiện lượng, vì thế hợp lập làm một, nói trước hết. Thức còn lại không nhất định, hoặc thuộc về hiện lượng hoặc tỷ lượng hoặc phi lượng, do đó lập riêng làm một, và nói ở phần thứ hai. Hai địa như vậy, tự tánh, chỗ dựa, duyên, trợ bạn tạo nghiệp, hợp làm thể, thâm tóm tắt cả pháp, nên biết trong đây tất cả pháp không lìa thức, dựa nơi thức sinh khởi. Thức làm thể, thức là tối thắng. Trước dựa vào tám thức, kiến lập hai địa, tám thức như thể tự tánh, chỗ dựa, duyên, trợ bạn, tạo nghiệp v.v... sau sẽ nói rộng.

Ba địa như Địa có tâm có tứ v.v...: Tầm nghĩa là tìm cầu. Tứ nghĩa là quán xét, hoặc tư hoặc tuệ đối với cảnh tìm cầu. Ở phần vị thô gọi là tầm, tức là hai loại này. Đối với cảnh quán xét kỹ càng, ở phần vị tế gọi là tứ. Không phải nơi một sát-na hai pháp tương ưng, mỗi loại thô tế trước sau khác nhau. Nay nương vào hai loại này, kiến lập nghĩa Hữu ở ba địa. Ba địa này căn cứ hai loại trước sau tương ưng mà kiến lập. Nghĩa là địa cõi dục và tĩnh lự thứ nhất, tâm thô, tâm sở trước sau nối tiếp, có thể có tầm tứ cùng tương ưng, nên gọi là địa có tầm có tứ. Nơi tĩnh lự trung gian, tâm thô, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không có tầm chỉ có thể cùng với tứ tương ưng,

nên gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Các địa từ tĩnh lự thứ hai trở lên, các tâm, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không cùng với tâm, tứ tương ưng, nên gọi là địa không tâm không tứ. Hoặc địa cõi dục, tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự trung gian, tâm tế, tâm sở, không cùng với tâm tứ tương ưng, đến tất cả sắc, bất tương ưng hành, các pháp vô vi không cùng với tâm tứ tương ưng, cũng đều gọi là địa không tâm không tứ. Cho nên phần Luận sau nói: Địa có tâm có tứ, địa không tâm chỉ có tứ, toàn bộ là địa có tâm. Thù miên không tâm, muộn tuyệt (chết giấc) không tâm, định vô tướng, sinh vô tướng, định diệt tận, cùng với cảnh giới Niết-bàn vô dư y gọi là địa có nghĩa không tâm. Ba địa này căn cứ vào phần vị của hai thứ lia dục để kiến lập. Nghĩa là địa cõi dục và tĩnh lự thứ nhất, các pháp giả, nơi tâm và tứ đều chưa lia dục, gọi là địa có tâm có tứ. Nơi tĩnh lự trung gian, các pháp giả, tâm đã lia dục, tứ chưa lia dục, gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Tĩnh lự thứ hai trở lên các địa trên, các pháp giả, ở tâm và tứ đều đã lia dục, gọi là địa không tâm không tứ. Hoặc ở địa dưới đều đã lia dục, cũng được gọi là không tâm không tứ, nên phần Luận tiếp sau nói: Trong đây, do lia dục của tâm tứ, nên nói là địa không tâm không tứ, chẳng phải do không hiện hành. Vì sao? Vì chưa lia dục nơi cõi dục. Do giáo hóa dẫn dắt tác ý sai khác, ở trong một thời gian cũng có ý không tâm không tứ hiện hành. Đã lia dục của tâm tứ, cũng có tâm tứ hiện hành, như ra khỏi định kia và sinh vào địa kia. Theo nghĩa như thật: Ba địa này chỉ căn cứ vào địa giới để kiến lập, nghĩa là địa cõi dục và tĩnh lự thứ nhất, các pháp hữu lậu vô lậu trong đó tâm tứ đều có thể đạt được, nên gọi là Địa thứ nhất. Tĩnh lự trung gian, các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó không tâm chỉ có tứ, nên gọi là Địa thứ hai. Các địa từ tĩnh lự thứ hai trở lên, các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó tâm tứ đều không có, vì thế gọi là Địa thứ ba. Cho nên phần Luận tiếp sau nói: Trong cõi dục và tĩnh lự thứ nhất này, hoặc định hoặc sinh gọi là địa có tâm có tứ. Tĩnh lự trung gian, hoặc định hoặc sinh gọi là địa không tâm chỉ có tứ. Từ tĩnh lự thứ hai trở lên Sắc giới, Vô

sắc giới, hoàn toàn gọi là địa không tâm không tứ. Định của tĩnh lự thứ nhất vô lậu hữu vi cũng gọi là địa có tâm có tứ, tức dựa nơi xứ của tâm tứ. Vì pháp duyên nơi chân như làm cảnh, nhập định này, nên không do phân biệt hiện hành. Ngoài ra như trước nói. Nếu căn cứ vào tương ưng và căn cứ vào lia dục để kiến lập ba địa, thì thâm tóm pháp không cùng tận, cũng rất tạp loạn. Tuy nói địa có tâm có tứ v.v... nhưng chỉ là có tâm. Căn cứ vào một môn này, biện biệt sơ về tướng của địa, ở trong môn này chỉ nói tĩnh lự thứ hai trở lên là địa không tâm không tứ. Định vô tướng, sinh vô tướng, định diệt tận, gọi là địa không tâm, ngoài ra tất cả vị gọi là địa có tâm. Sau có bốn môn, lại kiến lập khác, như sau sẽ nói. Tuy trong đây nói do lia dục của tâm tứ, nên gọi là địa không tâm không tứ, nhưng chỉ nói các địa từ tĩnh lự thứ hai trở lên, tất đã lia dục của địa tâm tứ. Không nói lia dục của tâm tứ là các pháp ở địa dưới, cũng được gọi là không tâm không tứ. Nếu như vậy thì chưa lia dục nơi tâm tứ của địa dưới, các pháp của địa trên cũng nên nói là có tâm có tứ. Kiến lập như thế, trở thành quá lộn xộn, nên ba địa này chỉ căn cứ vào giới, địa trên dưới để kiến lập.

Nói Địa Tam-ma-hi-đa: Nghĩa là địa thắng định, lia trạo cử, hôn trầm v.v..., chủ thể dẫn bình đẳng, hoặc dẫn bình đẳng, hoặc là bình đẳng nơi đối tượng dẫn phát nên gọi là địa đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi này chỉ thâm tóm tất cả các định có tâm, đều có thể bình đẳng dẫn sinh công đức, không chung với không tâm, vì trong tụng trước nói: *Tam-ma-địa câu.*

Tam-ma-địa: Là tâm số pháp trong biệt cảnh. Hai định không tâm không thể bình đẳng dẫn sinh các công đức, nên là địa phi đẳng dẫn. Nếu như vậy thì vì sao nói là địa đẳng dẫn? Địa đẳng dẫn này lược có bốn thứ: Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì và Đẳng chí. Nói Tĩnh lự nghĩa là bốn tĩnh lự. Nói Giải thoát nghĩa là tám giải thoát. Nói Đẳng trì nghĩa là Đẳng trì không, Đẳng trì vô nguyện, Đẳng trì vô tướng. Nói Đẳng chí nghĩa là năm Đẳng chí hiện kiến, Đẳng chí tám thắng

xứ, Đẳng chí mười biến xứ, Đẳng chí bốn vô sắc, Đẳng chí vô tướng, Đẳng chí diệt tận, những thứ này không có lỗi. Hai định vô tâm là quả đẳng dẫn, nên cùng mang tên, thật sự không phải là đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi này chung cho cả vị có tâm và vị không tâm, là thể của định hiện có. Hoặc định có tâm, bình đẳng có thể dẫn sinh các công đức, cũng dẫn đại chủng của các căn bình đẳng, cùng lia trạo cử, hôn trầm, giới không hối, phương tiện bình đẳng, là chỗ dẫn phát nên gọi là đẳng dẫn. Hoặc định không tâm tuy không thể dẫn sinh công đức thù thắng, nhưng dẫn căn, đại chủng bình đẳng v.v..., là chỗ dẫn của định bình đẳng này phát khởi nên cũng gọi là đẳng dẫn. Nếu như vậy thì vì sao trong Tụng trước nói *Tam-ma-địa câu*? Đây không có lỗi. Văn trong tụng lược, lại nói *câu*, kỳ thật đẳng dẫn không phải là *câu*, cũng là nói sau đẳng dẫn chung cho không tâm.

Nghĩa như thật: Địa đẳng dẫn gọi là có chung có riêng, có tâm không tâm, hai vị đều thấu tóm, nên gọi là chung. Sau nói định vô tướng, định diệt tận, cũng là thể của địa đẳng dẫn, nên chỉ ở tại thắng định hữu lậu vô lậu, không có trong tất cả tâm tán loạn nơi cõi dục, nên gọi là giới hạn (riêng). Do sau nói chỉ là tĩnh lự v.v... gọi là địa đẳng dẫn không phải ở nơi cõi dục, tâm tánh một cảnh. Do đẳng dẫn này, chỗ dẫn không hối, hoan hỷ, an vui. Cõi dục thì không như vậy. Căn cứ theo cõi trên này, nếu ở tâm tán loạn cũng không phải là đẳng dẫn, đồng với cõi dục v.v... Do chỗ tương đối ấy nên có thể nêu ra bốn trường hợp:

Hoặc là Đẳng trì *câu* không phải là địa đẳng dẫn: Nghĩa là cõi dục trong phần vị tâm tán loạn. Tam-ma-địa *câu* là tâm, tâm sở.

Hoặc là địa đẳng dẫn không phải là Đẳng trì *câu*: Nghĩa là trong vị định, thể Tam-ma-địa và vị định vô tướng, định diệt tận, các pháp hiện có.

Hoặc là Đẳng trì *câu* cũng là địa đẳng dẫn: Nghĩa là các tĩnh lự và các định vị vô sắc có tâm, tâm, tâm sở, trừ Tam-ma-địa.

Hoặc đều không phải: Nghĩa là trừ các vị trên, còn lại là các pháp hiện có.

Lại Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề, Tam-ma-hí-đa, danh có rộng, hẹp. Tam-ma-địa là đẳng trì trong danh mục tâm số, một pháp gồm thân chung tất cả, trong vị có tâm, tâm tánh một cảnh, chung nơi định vị tán. Nhưng các Kinh Luận căn cứ theo chỗ thù thắng chỉ nói không, vô nguyện v.v... gọi là Tam-ma-địa.

Tam-ma-bát-đề là nêu chung về tất cả thể của định hiện có trong phần vị của các định có tâm không tâm. Trong các Kinh Luận căn cứ theo chỗ thù thắng nên chỉ nói các định tương ưng như năm thứ hiện thấy v.v... gọi là đẳng chí.

Địa đẳng dẫn là tên nêu chung cho công đức của tất cả định vị có tâm không tâm, nên trong địa này đã gồm thân chung tất cả công đức của vị định. Do chỗ chung ấy nên nêu riêng về tên của địa.

Nói Địa phi Tam-ma-hí-đa: Tức là trái ngược với trên là dễ hiểu rõ, không cần giải thích rộng.

Hai địa như thế là gồm thân chung tất cả các pháp hiện có của vị định phi định.

Nói Địa có tâm - không tâm: Lược căn cứ nơi năm môn kiến lập có khác nhau.

(1) Căn cứ theo môn nói chung về địa: Nghĩa là địa năm thức thân tương ưng, địa ý, địa có tâm có tứ, địa không tâm chỉ có tứ. Bốn địa này toàn bộ là địa có tâm. Trong địa không tâm không tứ, trừ định vô tướng, sinh vô tướng và định diệt tận, ngoài ra hoàn toàn là địa có tâm. Như vậy, định vô tướng, sinh vô tướng và định diệt tận là địa không tâm. Ở trong môn này, ngũ ngũ không tâm, sáu tuyệt không tâm, cũng gọi là có tâm, vì có thức bảy, tám, chỉ có định vô tướng, tâm bất tương ưng hành cùng với tâm trái nhau, gọi là địa không tâm.

(2) Môn tâm loạn không loạn: Nghĩa là bốn điên đảo. Chỗ tâm bị đảo loạn, gọi là địa không tâm, vì mất bản tánh.

(3) Môn tâm sinh không sinh: Nghĩa là nếu đầy đủ các duyên thì tâm này được sinh, gọi là địa có tâm. Nếu duyên không đủ thì tâm đó không sinh, gọi là địa không tâm. Trong môn này, tùy theo tâm ấy sinh gọi là địa có tâm, tâm kia không sinh gọi là địa không tâm.

(4) Môn phân vị kiến lập: Nghĩa là trừ sáu vị, số còn lại gọi là địa có tâm. Tức là vị thủy miên không tâm, vị sêu tuyết không tâm, vị định vô tướng, vị sinh vô tướng, vị định diệt tận và vị cảnh giới Niết-bàn vô dư y, gọi là địa không tâm.

(5) Môn căn cứ nơi nghĩa chân thật: Nghĩa là chỉ có cảnh giới Niết-bàn vô dư y, trong đó các tâm đều vắng lặng, gọi là địa không tâm. Các vị khác do không có các thức chuyển, giả gọi là không tâm. Do thức thứ tám chưa diệt hết, nên gọi là địa có tâm. Hai địa như vậy, các môn có sai khác, tiến thoái không nhất định.

Địa do văn tạo thành: Nghĩa là từ chỗ nghe sinh ra hiểu biết về văn nghĩa, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Địa do tư tạo thành: Nghĩa là từ suy nghĩ sinh ra hiểu biết về pháp tướng, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Địa do tu tạo thành: Nghĩa là từ chỗ tu tập sinh ra hiểu biết về lý sự, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Văn: Nghĩa là lắng nghe, tức là nhĩ căn phát sinh nhĩ thức, nghe ngôn giáo.

Tư: Nghĩa là suy nghĩ, tức là suy nghĩ thường phát sinh trí tuệ, suy nghĩ chọn lựa pháp.

Tu: Nghĩa là tu tập, tức là định thù thắng, phát sinh trí tuệ, tu tập đối trị.

Từ ba thứ này phát sinh ba tuệ và pháp tương ưng. Đẳng gọi là thể của ba địa. Nghĩa của ba tuệ là rộng lớn, như sau sẽ phân biệt. Ba địa như vậy dùng ba phẩm tuệ, tâm, tâm sở và chỗ chứng đắc quả làm tự tánh, nên phần Luận tiếp sau nói: Địa do tu tạo thành cũng là địa hữu dư, vô dư y.

Địa Thanh văn: Nghĩa là Thánh giáo của Đức Phật, âm thanh là đứng đầu. Từ chỗ thầy bạn nghe lời dạy bảo ấy, lần lượt tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, hành siêu, quả siêu, nên gọi là Thanh văn. Chúng tánh Thanh văn như thế, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Thanh văn.

Địa Độc giác: Thường ưa thích vắng lặng, không muốn ở lẫn lộn, tu gia hạnh đầy đủ, không có thầy bạn dạy bảo, tự nhiên một mình giác ngộ, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, hành trung, quả trung, nên gọi là Độc giác. Hoặc quán duyên đối đãi mà giác ngộ Thánh quả, cũng gọi là Duyên giác. Chúng tánh Độc giác như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Độc giác.

Địa Bồ-tát: Mong cầu đại giác, thương xót hữu tình, hoặc cầu Bồ-đề, chí nguyện vững mạnh, thời gian dài tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, hành đại, quả đại, nên gọi là Bồ-tát. Chúng tánh Bồ-tát như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Bồ-tát. Nghĩa lớn của Tam thừa sau sẽ biện biệt.

Địa hữu dư y: Nghĩa là địa Niết-bàn hữu dư y. Y tức là chỗ dựa của hữu lậu, lược có tám thứ: (1) Y nêu đặt: Nghĩa là năm thủ uẩn, do nương dựa nơi đây, giả thiết lập, gọi là chủng tánh. (2) Y thân nhận: Nghĩa là bảy sự thân tóm, là cha mẹ, vợ con, nô tỳ, người giúp việc, đầy tớ còn nhỏ, bạn bè, bà con. (3) Y trụ trì: Nghĩa là bốn thứ ăn. (4) Y lưu chuyển: Nghĩa là bốn thức trụ, mười hai duyên khởi. (5) Y chướng ngại: Nghĩa là các thiên ma. (6) Y khổ não: Nghĩa là các cõi dục. (7) Y vui thích: Nghĩa là lạc trong các định. (8) Y hậu biên: Nghĩa là các uẩn tương tục của A-la-hán. Nay hoàn toàn lấy một thứ

sau cùng là y hậu biên, trừ sáu sự gồm thâu, lưu chuyển, chướng ngại, lấy một phần còn lại.

Lại trong địa này có bốn thứ vắng lặng: (1) Vắng lặng về khổ: Nghĩa là các khổ trong vị lai rốt ráo không sinh. (2) Vắng lặng về Hoặc: Nghĩa là các phiền não hoàn toàn không sinh. (3) Vắng lặng về nghiệp: Nghĩa là không làm ác, tu tập các thiện. (4) Vắng lặng của xả: Nghĩa là sáu thứ hằng trụ nơi sáu căn môn, không vui, không buồn, an trụ trong xả nêu trên, chánh niệm, chánh trí. Bạc A-la-hán v.v... trụ ở địa vô học, đầy đủ bốn thứ vắng lặng, có một ít dư y, cho nên gọi là địa hữu dư y. Địa này tức là Nhị thừa, trong thân vô học, các pháp hữu lậu vô lậu, toàn bộ là tự tánh Như Lai, tuy thân tâm không chân thật là dư y hữu lậu, nhưng có biến hóa tựa như y hữu lậu, do đó căn cứ vào tướng biến hóa cũng được gọi là Địa hữu dư y.

Địa vô dư y: Nghĩa là địa Niết-bàn vô dư y. Tất cả dư y hữu lậu đều xả, hữu vi vô lậu của Nhị thừa cũng xả. Đức Như Lai tuy có hữu vi vô lậu, nhưng không có tất cả dư y hữu lậu, nên cũng gọi là Địa vô dư y. Trong địa này chỉ có chân như thanh tịnh hiển bày công đức sâu xa, lia các phân biệt, dứt các hý luận, không thể nói là uẩn, xứ, giới v.v... cho đến trời, người v.v... hoặc tức hoặc lia, hoặc hữu hoặc vô, danh tướng hiện có, đều là nghĩa giả nói có. Địa này chính là dùng trạch diệt chân như vô vi rốt ráo làm tánh, cùng dùng công đức hữu vi vô lậu của Như Lai làm tánh. Công đức của Như Lai sâu xa lia tướng, không thể nói nêu. Không nói cũng gồm thâu địa năm thức nhưng lý thật cũng thâu tóm nghĩa có. Công đức hữu vi của Như Lai thuộc về hữu dư y. Công đức vô vi của Như Lai thuộc về vô dư y. Cho nên phần Luận sau nói: Địa vô dư y là một phần của năm địa. Nghĩa là Địa không tâm, Địa do tu tạo thành, Địa Thanh văn, Địa Độc giác và Địa Bồ-tát.

HẾT

SỐ 1581/10
KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ⁽¹⁾

*Hán dịch: Đồi Bắc Lương, Đại sư Đàm Vô Sám.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỂN 1
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT
Phẩm thứ 1: CHỨNG TÁNH

(Đoạn thứ nhất có 18 phẩm)

*Kính lễ tất cả Phật Thế Tôn
 Quá khứ, hiện tại và vị lai.*

Có mười pháp, nêu đầy đủ về đạo Bồ-tát thuộc Đại thừa. Những gì là mười? Một là trì. Hai là tướng. Ba là dục (hỗ trợ). Bốn là tâm tịnh. Năm là trụ. Sáu là sinh. Bảy là gồm thâu. Tám là địa. Chín là hành. Mười là an lập.

Thế nào gọi là trì? Bồ-tát từ chủng tánh lần đầu phát tâm cho đến tu tập hết thấy pháp Bồ-đề phần, đó gọi là trì. Vì sao? Vì Bồ-tát

¹ Kinh này (10 quyển) tương đương với phần Địa Bồ Tát (Địa thứ 15) từ quyển 35 đến quyển 50 nơi **Luận Du Già Sư Địa** (100 quyển). Do dịch trước, dịch trong hoàn cảnh tài liệu tham khảo còn thiếu v.v... nên bản Hán dịch này tuy vẫn có thể lãnh hội, nhưng nếu đối chiếu với phần tương đương nơi Luận Du Già thì ở đây rất nhiều đoạn, nhiều phần văn nghĩa không rõ, không đủ, hoặc dịch không sát, không đúng v.v... Nói chung, bản Hán dịch này chỉ có giá trị tham khảo (ND).

nuơng dựa nơi chủng tánh tất nhiên có thể nhận giữ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, thế nên chủng tánh được gọi là tất định trì. Bồ-tát dựa vào sự phát tâm đầu tiên tu hành sáu Ba-la-mật: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Tu sáu Ba-la-mật này là công đức luật nghi, trí tuệ luật nghi, pháp phần Bồ-đề, cho nên lần đầu phát tâm gọi là phương tiện trì của hành Bồ-tát. Bồ-tát dựa nơi phương tiện hành tạo đầy đủ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, cho nên phương tiện hành gọi là đại Bồ-đề trì. Người phi chủng tánh do không có chủng tánh, nên tuy có phát tâm, chuyên cần tinh tấn, tất không thể đạt rốt ráo đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Vì vậy nên biết, tuy không phát tâm, không tu phương tiện hành, vẫn được gọi là chủng tánh trì. Nếu có chủng tánh Bồ-tát nhưng không phát tâm, không tu phương tiện hành, thì không thể mau chóng thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Có chủng tánh Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, siêng hành tinh tấn, tức có thể mau chóng thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Lại chủng tánh gọi là trì, còn gọi là nuôi lớn, gọi là nhân, gọi là nuơng dựa, gọi là thêm thang, gọi là dẫn đường, gọi là che chắn. Như chủng tánh, thì phát tâm, phương tiện hành cũng như vậy.

Thế nào là chủng tánh? Lược nêu có hai thứ: Là tánh chủng tánh và tập chủng tánh.

Tánh chủng tánh: Nghĩa là Bồ-tát đối với sáu nhập thù thắng, lần lượt nối tiếp cứ như vậy từ vô thủy đến nay, đó gọi là Tánh chủng tánh.

Tập chủng tánh: Nghĩa là nếu từ trước đến nay những gì đã đạt được từ tu thiện, gọi là Tập chủng tánh.

Lại, chủng tánh còn gọi là chủng tử, gọi là giới, gọi là tánh. Lại nữa, không tu tập thì quả nhỏ, quả xa. Tu tập thì quả lớn, quả gần. Bồ-tát thành tựu chủng tánh, vượt lên trên tất cả Thanh văn, Phật-

bích-chi. Vì sao? Vì có hai thứ tịnh: Một là chướng phiền não tịnh. Hai là chướng trí tịnh. Chủng tánh của Nhị thừa thì chỉ chướng phiền não tịnh không phải chướng trí tịnh. Chủng tánh của Bồ-tát đầy đủ hai thứ tịnh, nên là tối thắng tối thượng trong tất cả.

Lại có bốn sự việc thù thắng đối với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác: Một là căn thù thắng. Hai là đạo thù thắng. Ba là phương tiện thiện xảo thù thắng. Bốn là quả thù thắng.

Bồ-tát thì tánh tự là lợi căn, Duyên giác là căn trung bình, Thanh văn thì căn yếu kém. Đó gọi là căn thù thắng.

Thanh văn, Duyên giác chỉ là tự độ, Bồ-tát thì không như vậy, vì tự độ và độ người. Đó gọi là đạo thù thắng.

Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể hiểu biết về âm, giới, các nhập, mười hai duyên khởi, là xứ phi xứ và bốn chân đế, Bồ-tát với phương tiện thiện xảo thấy đều nhận biết rõ tất cả pháp. Đó gọi là phương tiện thiện xảo thù thắng.

Thanh văn chứng đắc Bồ-đề Thanh văn. Duyên giác chứng đắc Bồ-đề Duyên giác. Bồ-tát chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Đó gọi là quả thù thắng.

Sáu Ba-la-mật là tướng chủng tánh của Bồ-tát, khiến các chúng sinh biết đó là Bồ-tát. Những gì là sáu? Là từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật.

Bồ thí Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát tánh tự ưa thích bồ thí, đối với người thọ nhận thì đem vật bồ thí, bồ thí bình đẳng không một mỗi. Đối với các tài vật hoặc nhiều hoặc ít, tâm luôn bình đẳng bồ thí, hoan hỷ không hối hận. Nếu không bồ thí thì tâm thường hổ thẹn, luôn vì người khác tán thán công đức bồ thí, khuyến khích người khác hành bồ thí, thấy có người bồ thí thì tâm thường tùy hỷ. Đối với các bậc kỳ túc tôn quý là ruộng phước

nên cúng dường, tức liền rời bỏ chỗ ngồi, cung kính dâng cúng. Nếu có người hỏi các việc như pháp của đời này đời sau thì thầy đều vì họ giảng nói. Nếu có người sợ hãi về các nạn như vua chúa, giặc cướp, nước lửa, tri thức ác, thì tùy theo sức mình có thể ban cho họ sự vô úy. Thọ nhận người gởi tài vật từng không sai trái. Nếu mắc nợ kẻ khác trọn không chống, giữ. Anh em phân chia tài sản luôn bình đẳng không hai. Đối với người quá tham đắm nơi các thứ vật báu thì chỉ dạy họ lìa tham. Đã dạy bảo người xa lìa, hướng gì là tự mình tham đắm. Tánh đối với tài vật tốt đẹp đều có thể xả bỏ sự thọ dụng, vui tu thắng nghiệp nên quả báo lợi ích rộng nhiều. Đối với tất cả sự việc vui chơi như rượu, sắc, ca múa, hát xướng với vô số biến hiện thường sinh hổ thẹn, nên có thể nhanh chóng xa lìa. Được của cải châu báu lớn cũng không tham đắm, hướng gì là lợi nhỏ như thế. Đó gọi là Bồ thí Ba-la-mật là tướng chung tánh của Bồ-tát.

Giới Ba-la-mật gọi là tướng chung tánh của Bồ-tát: Nghĩa là tánh của nghiệp thân khẩu ý nơi Bồ-tát tự chúng là dịu dàng, không tăng hành ác, không ưa sát sinh, giả sử tạo nghiệp ác thì tâm sinh hổ thẹn, có thể nhanh chóng hối trừ không khiến tăng trưởng. Không dùng đao gậy khủng bố chúng sinh, thể tánh nhân hiền, thường mang tâm từ ái. Cung kính các bậc tôn trưởng, đón tiếp cúng dường. Khéo biết căn cơ thích hợp để tạo phương tiện thiện xảo. Khéo tùy thuận tâm người, nói năng luôn nở nụ cười, nét mặt vui tươi nhìn thẳng, ý trước là thăm hỏi. Biết ân và báo đáp ân, chỗ cầu tìm luôn ngay thẳng, không giả dối quanh co. Thọ dụng tài vật như pháp, không được phi pháp, tánh thường hoan hỷ, ưa tu các phước đức, thấy người tu phước hãy còn đem thân giúp đỡ hướng là lại tự làm. Nếu có chúng sinh cùng nhau tàn hại, đánh trói, chê bai, mắng trách, có vô số những thứ khổ như vậy, Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe, tâm thường thương xót. Chú trọng đời này làm thiện để đời sau được vui. Đối với tội nhỏ tâm luôn lo sợ, hướng gì là các thứ ác nặng mà không sợ hãi, cẩn thận.

Hoặc thấy người làm ruộng, buôn bán, chẵn thả súc vật, thư số tính toán luôn khéo hòa giải những tranh cãi kiện tụng. Tìm kiếm của cải nên biết giữ gìn, tạo phương tiện có lợi để xả thí. Hôn nhân, hội họp, những việc như thế theo như pháp tất cùng đồng sự. Đối với các sự việc tranh cãi, gây gỗ, khùng bố nhau, hoặc là mình hoặc là người, đều vô nghĩa, không có lợi ích, tất cả những việc như thế không nên đồng sự. Khéo có thể ngăn chặn chế ngự mười nẻo bất thiện. Nếu vì người khác khiến phải tùy thuận lời giáo huấn kia, phải nên hỏi ý kiến của những bậc minh triết. Đối với các sự việc phải phớt bỏ những thành tựu của mình để giúp họ, Bồ-tát chỉ giữ tâm thương xót bù ngùi, không khởi oán hại, giả sử tạm thời dấy khởi tức liền tìm cách diệt trừ. Luôn tu lời nói chân thật, không dối gạt chúng sinh, không lia sự gần gũi của kẻ khác và nói lời vô nghĩa, lời nói thường dịu dàng không thô ác. Đối với người giúp việc hãy còn không nói lời thô xằng, huống gì là người khác. Đối với các công đức tâm thường ưa thích. Thấy người tu hành, tùy hỷ khen ngợi điều thiện. Hết thấy đồng như vậy, đó gọi là Giới Ba-la-mật là tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Nhẫn nhục Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát tánh tự hòa dịu, nếu gặp người khác không đem lại sự việc lợi ích, cũng không khởi tâm giận hại, không trở lại báo thù. Nếu người kia hối hận đến xin lỗi, liền nhận sự hối hận của họ, không ôm lòng kết hận, lại không nhớ tưởng điều khác. Hết thấy đồng như vậy, đó gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật là tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Tinh tấn Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát tánh tự tinh tấn, ngủ muộn sớm dậy, không ưa thích quen tham ngủ nghỉ nằm yên. Phạm làm việc gì đều tinh tấn, không buông bỏ, có thể khéo suy nghĩ, chính là khiến đạt được rốt ráo. Vừa mới lập nghiệp phải chắc chắn vững bền, việc nếu chưa thành trọn không bỏ dỡ, đối với đệ nhất nghĩa tâm không thoái mất. Không tự xem thường, cho là mình không thể thành tựu pháp kia. Đối với việc đã

nhận làm phải mạnh mẽ gánh vác, hòa nhập nơi đại chúng, phá dẹp luận tà. Khéo có thể đáp lại tất cả câu hỏi khó. Các việc khổ khác đều có thể nhẫn nhục, sức phương tiện lớn trọn không lo hồi, hướng gì là việc nhỏ. Hết thấy đồng như vậy, đó gọi là Tinh tấn Ba-la-mật là tướng chung tánh của Bồ-tát.

Thiền Ba-la-mật gọi là tướng chung tánh của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát đối với pháp, đối với nghĩa, tánh khéo suy lường, không có các tướng loạn. Hoặc thấy hoặc nghe về chốn núi rừng, hang đầm, cũng lìa các rối loạn, thuận theo sự yên lặng, liền sinh ý niệm: Đây là xứ an vui, là xứ xa lìa, tìm đến chỗ kia, sự tu học thêm chuyên cần. Tánh Bồ-tát là làm mỏng phiền não, ám cái đều nhẹ nhỏ, xa lìa chỗ suy nghĩ lợi mình, không bị các thứ giác (tâm) xấu ác làm nhiều loạn tâm, hoặc khi tạm khởi tức liền tìm cách diệt trừ. Đối với các chỗ oán ghét đều khởi tâm từ, hướng gì là đối với người khác. Hoặc thấy hoặc nghe về các chúng sinh chịu khổ tức khởi tâm bi, tùy theo sức tạo phương tiện cứu giúp khiến họ được lìa khổ. Tánh ưa đem lợi ích an vui cho chúng sinh. Hoặc có quyền thuộc suy kém, tài sản vật báu bị mất mát, có người bị giết hại, bị bắt bớ giam cầm, xua đuổi, những khổ nạn như vậy Bồ-tát đều có thể an nhẫn. Có thể nhanh chóng thọ trì nghĩa sâu xa của các pháp. Niệm lực thành tựu, chỗ thọ nhận chỉ chuyên vào chân đế. Từ lâu xa tu gì đều có thể ghi nhớ, cũng khiến cho người khác nhớ nghĩ không quên. Hết thấy đồng như vậy, đó gọi là Thiền Ba-la-mật là tướng chung tánh của Bồ-tát.

Trí tuệ Ba-la-mật gọi là tướng chung tánh của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát đối với tất cả xứ minh, tất cả xứ trí đều sinh trí tuệ thành tựu, không ngu tối chậm chạp, không nhỏ kém, không ngu si, các xứ phóng dật đều có thể suy xét. Đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật là tướng chung tánh của Bồ-tát.

Đó là tướng thô nơi chung tánh của Bồ-tát, tôi đã lược nói. Các nghĩa thật khác, chỉ có Đức Phật - Thế Tôn mới có thể quyết định

nhận biết. Chúng tánh Bồ-tát đầy đủ tánh công đức như vậy, nghĩa là thành tựu pháp bạch tịnh chân thật. Thế nên gọi là khó được, gọi là đặc biệt, gọi là không thể nghĩ bàn, gọi là bất động, gọi là vô thượng, gọi là trú xứ của Như Lai, tương ứng với chánh nhân.

Chúng tánh Bồ-tát thành tựu pháp bạch tịnh: Nghĩa là không bị bốn thứ phiền não làm nhiễm ô, nếu nhiễm ô thì pháp bạch tịnh không hiện tiền, hoặc sinh nơi nẻo ác. Chúng tánh Bồ-tát ở lâu trong sinh tử, hoặc bị đọa vào nẻo ác. Bị đọa nơi nẻo ác nhưng mau chóng được giải thoát, tuy ở nơi nẻo ác nhưng không thọ khổ lớn, như các chúng sinh khác rơi vào địa ngục. Nếu khổ não xúc chạm thân tức có thể chán lia. Thấy người khác thọ khổ có thể khởi tâm bi. Chúng tánh như thế là nhân của đại bi, vì vậy Bồ-tát tuy rơi vào đường ác nhưng hơn hẳn tất cả chúng sinh trong các đường ác. Những gì là bốn thứ phiền não? Một là hành tập phóng dật từ lâu xa tạo lợi cho phiền não. Hai là ngu si hành tập theo các tri thức ác. Ba là bị các bậc vua chúa, giặc cướp, oán địch bức bách không được tự tại khiến tâm mê loạn. Bốn là các thứ vật dụng không đầy đủ, thường lo lắng về thân mạng.

Chúng tánh Bồ-tát lại có bốn pháp khiến không chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Những gì là bốn? Một là vốn không có thiện hữu là chư Phật, Bồ-tát, người khéo thuyết pháp. Hai là tuy gặp được thiện hữu là Phật, Bồ-tát, người khéo thuyết pháp, nhưng thọ học sai lầm. Ba là tuy gặp thiện hữu là Phật, Bồ-tát, người khéo thuyết pháp, thọ học không sai lầm, nhưng không siêng năng theo phương tiện, không nỗ lực tinh tấn. Bốn là tuy gặp thiện hữu là Phật, Bồ-tát, người khéo thuyết pháp, siêng tu phương tiện, nhưng căn thiện chưa thành thực, trang nghiêm chưa đầy đủ, từ lâu xa đến nay tâm không được điều phục. Bồ-tát tuy có chúng tánh của Bồ-tát nhưng nhân duyên không đủ, tức không thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Là bốn pháp ấy, Bồ-tát mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Nếu không có chúng tánh của

Bồ-tát, tuy có hành tất cả các phương tiện, cũng trọn không thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 2: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Bồ-tát mới phát tâm là mở đầu của tất cả chánh nguyện, đều có thể thâm nhận tất cả chánh nguyện, vì thế chánh nguyện đầu tiên gọi là tự tánh nguyện. Bồ-tát phát tâm mở lời như vậy: “Ta phải cầu Bồ-đề vô thượng, an lập tất cả chúng sinh, khiến họ an trụ rốt ráo nơi Niết-bàn vô dư cùng đại trí của Như Lai”. Phát tâm cầu đạo Bồ-đề như vậy, cho nên mới phát tâm gọi là cầu hành Bồ-tát. Duyên vào Bồ-đề và duyên nơi chúng sinh để phát tâm cầu, vì thế mới phát tâm là có thể thâm nhận tất cả căn thiện Bồ-đề, là sự dẫn dắt vô thượng, là phương tiện thiện xảo tốt cùng, là đầy đủ công đức, là hiện thiện hết mực, là rất chân thật, đối với tất cả chúng sinh đều bỏ hành ác, đối với chánh nguyện thế gian, xuất thế gian là trên hết, là cao tốt. Như vậy nên biết, mới phát tâm có năm tướng: (1) Tự tánh. (2) Hành. (3) Duyên. (4) Đức. (5) Thắng.

Bồ-tát mới phát tâm gọi là *độ*. Các số Bồ-tát là Bồ-đề Đại thừa, thế nên mới phát tâm là thuộc về *độ*. Phát tâm ấy rồi, dần dần chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, do vậy mới phát tâm là căn bản của Bồ-đề. Phát tâm ấy rồi, thấy các chúng sinh thọ vô lượng khổ, lại khởi tâm bi nhằm độ thoát họ, vì thế mới phát tâm là chỗ nương dựa của đại bi. Nương dựa nơi mới phát tâm để kiến lập pháp phần Bồ-đề cho Bồ-tát, cùng những việc làm của chúng sinh là sở học của Bồ-tát, đều có thể tu tập, cho nên mới phát tâm là chỗ nương dựa cho việc tu học của Bồ-tát. Mới phát tâm như thế, gọi là thâm giữ, gọi là căn bản, gọi là nương dựa.

Bồ-tát mới phát tâm có hai loại:

(1) Xuất.

(2) Không xuất.

Xuất: Nghĩa là từ lúc mới phát tâm cho đến rốt ráo trọn không thoái chuyển.

Không xuất: Nghĩa là có thoái chuyển. Thoái chuyển có hai thứ: Một là thoái chuyển hoàn toàn. Hai là thoái chuyển không hoàn toàn. Thoái chuyển hoàn toàn: Nghĩa là đã thoái rồi trọn không khởi lại nguyện Bồ-tát. Thoái chuyển không hoàn toàn: Nghĩa là đã thoái rồi có thể phát khởi trở lại.

Bồ-tát mới phát tâm có bốn thứ duyên, bốn thứ nhân, bốn thứ lực:

Những gì là bốn thứ duyên?

(1) Thiện nam thiện nữ nào, hoặc thấy hoặc nghe chư Phật, Bồ-tát có thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, những người kia thấy nghe rồi liền khởi suy nghĩ: Đó là việc lớn không thể nghĩ bàn. Có thể do các sự việc biến hóa như vậy được thấy nghe làm tăng thượng duyên, do đó ưa thích Đại trí của Đức Phật nên phát tâm Bồ-đề.

(2) Tuy không thấy nghe những thần biến như trên, nhưng nghe người thuyết giảng pháp tán thán về Bồ-đề cùng Tạng Bồ-tát. Nghe rồi thì vui mừng, hoan hỷ tin thích. Do nghe pháp ấy làm tăng thượng duyên, tức ưa thích Đại trí của Đức Phật nên phát tâm Bồ-đề.

(3) Tuy không nghe pháp, nhưng thấy tướng pháp diệt nên khởi suy nghĩ: Vô số chúng sinh sẽ gặp khổ lớn, Bồ-tát trụ thế tức có thể diệt trừ. Ta nay nên tu đạo Bồ-đề, hộ trì chánh pháp, vì các chúng sinh diệt trừ vô lượng khổ. Do việc hộ trì pháp làm tăng thượng duyên, vì thế ưa thích Đại trí của Đức Như Lai nên phát tâm Bồ-đề.

(4) Không thấy pháp diệt, nhưng thấy vô số chúng sinh trong đời xấu ác bị mười thứ phiền não làm não loạn: Một là ngu si. Hai là không biết hổ thẹn. Ba là tham lam keo kiệt ganh tị. Bốn là khổ bức. Năm là nhiễm ô. Sáu là phiền não vây buộc. Bảy là hành ác. Tám là phóng dật. Chín là biếng trễ. Mười là không tin. Thấy rồi liền sinh suy nghĩ: Thế gian đầy khởi nhiều ô trược, ở trong đời xấu ác này hãy còn không thể phát nguyện về Nhị thừa, huống chi là có thể chí cầu Bồ-đề vô thượng. Ta nay nên phát tâm, cũng khiến cho người khác phát tâm. Do trong đời ô trược phát tâm rất khó được làm tăng thượng duyên, cho nên ưa thích Đại trí của Đức Như Lai mà phát tâm Bồ-đề.

Những gì là bốn thứ nhân?

(1) Chủng tánh đầy đủ.

(2) Được các thiện hữu là chư Phật, Bồ-tát gồm thâu.

(3) Khởi tâm đại bi.

(4) Nơi sinh tử khổ nạn đã hành khổ với vô lượng các khổ lâu xa như vậy, nên đối với chúng tâm không hề sợ hãi.

Chủng tánh đầy đủ: Nghĩa là từ vô thủy theo pháp là như vậy.

Thiện hữu gồm thâu: Nghĩa là có bốn việc: Một là thiện hữu không ngu không độn, tuệ sáng không tà. Hai là không dạy người phóng dật, cũng không đem các phương tiện phóng dật trao cho người khác. Ba là không dạy người hành ác, cũng không đem các vật dụng hành ác trao cho người khác. Bốn là hoàn toàn không ngăn đoạn những người có tin tưởng, mong muốn, thọ nhận, tinh tấn, phương tiện, công đức bậc thượng khiến họ thoái chuyển theo thấp. Cũng không đem các thứ tin tưởng, mong muốn, thọ nhận, tinh tấn, phương tiện, công đức bậc thấp trao cho người khác. Đó là đoạn ngăn Đại thừa vô thượng khiến học Nhị thừa. Đoạn tu tuệ trao cho tư tuệ, đoạn tư tuệ trao cho văn tuệ, đoạn văn tuệ trao cho phước nghiệp,

đoạn giới trao cho thí. Đoạn ngăn những công đức bậc thượng như thế khiến những người kia thoái chuyển theo bậc dưới, đem các công đức bậc thấp trao cho khiến họ tu tập.

Khởi tâm đại bi có bốn việc: Một là hoặc có thể giới có xứ khổ não. Hai là hoặc có thể giới không có khổ não. Ba là BỒ-tát sinh nơi xứ có khổ não, thấy người thọ khổ, hoặc tự mình thọ khổ, hoặc thấy mình và người đều thọ khổ, hoặc thấy sinh tử dài lâu, thọ khổ không gián đoạn. Bốn là BỒ-tát nương vào chủng tánh của mình, tánh tự nhân hiền, đối với bốn cảnh giới khởi tâm bi hạ, trung, thượng.

Đối với sinh tử vô cùng khổ lớn luôn nối tiếp, tâm không hề sợ hãi, tức có bốn việc: Một là tánh an ổn, dũng mãnh. Hai là tuệ sáng chuyên tu tư duy. Ba là đối với BỒ-đề vô thượng khởi vui thích tăng thượng. Bốn là đối với các chúng sinh phát khởi tâm bi tăng thượng.

Những gì là bốn lực? (1) Tự lực. (2) Tha lực. (3) Nhân lực. (4) Phương tiện lực.

Bồ-tát tự lực phát tâm Bồ-đề, đó gọi là tự lực. Nhân nơi người khác nên phát tâm, đó gọi là tha lực. Trước hành tập Đại thừa tương ưng với căn thiện, nay chỉ thấy chút ít về Phật và Bồ-tát, hoặc nghe chút ít lời tán thán liền phát tâm, đó gọi là nhân lực. Ở trong đời hiện tại gần gũi thiện tri thức, nghe họ giảng nói pháp tức có thể tu các điều thiện, đó gọi là phương tiện lực.

Bồ-tát do bốn duyên, bốn nhân, do tự lực, do nhân lực nên phát tâm Bồ-đề kiên cố không động, quyết định rốt ráo. Nếu do tha lực, phương tiện lực nên phát tâm thì không kiên cố, động chuyển, không định.

Bồ-tát có bốn việc khiến thoái chuyển tâm Bồ-đề. Những gì là bốn? Một là chủng tánh không đầy đủ. Hai là tri thức ác thâm tóm. Ba là đối với các chúng sinh tâm bi mỏng và nhỏ. Bốn là đối với khổ nạn trong sinh tử sinh tâm sợ hãi.

Mới phát tâm kiên cố có hai việc, vượt ra ngoài thế gian, thù thắng kỳ diệu, là pháp chưa từng có: Một là đối với các chúng sinh khởi tướng thân thuộc. Hai là không gồm thâu lỗi lầm của thân thuộc. Gồm thâu lỗi lầm của thân thuộc, tức là thọ nhận thân thuộc, nên tâm sinh ái giận.

Mới phát tâm kiên cố có hai việc, đối với các chúng sinh khởi tâm chân tịnh: Một là tâm an ổn. Hai là tâm vui thích. Tâm an ổn: Nghĩa là vì các chúng sinh nên trừ bỏ xứ bất thiện, đặt đê họ nơi xứ thiện. Tâm vui thích: Nghĩa là đối với chúng sinh nghèo thiếu, không chôn nương dựa, có thể dùng các tâm nơi bốn nhiếp pháp để tạo lợi ích cho họ.

Mới phát tâm kiên cố có hai phương tiện: Một là phương tiện của tâm tịnh. Hai là phương tiện của đạo. Phương tiện của tâm tịnh: Nghĩa là tâm an ổn, tâm vui thích kia ngày ngày được tăng trưởng. Phương tiện của đạo: Nghĩa là tự mình ở nơi ngày đêm thành tựu đầy đủ pháp Phật, tùy theo lực ấy có thể nương vào phương tiện của tâm tịnh để tạo lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh.

Mới phát tâm kiên cố có hai môn pháp thiện để nhập: Một là phương tiện tự lợi, phát tâm Bồ-đề. Hai là phương tiện lợi tha, diệt trừ các khổ.

Mới phát tâm kiên cố có hai việc, phát tâm thành đạo gồm thâu pháp thiện, vượt hơn hẳn tất cả các thiện đã gồm thâu: Một là nhân thắng. Hai là quả thắng. Nhân Bồ-đề kia đã tu tập pháp thiện, đó gọi là nhân thắng. Bồ-đề vô thượng đó gọi là quả thắng. Thù thắng đối với tất cả Thanh văn, Duyên giác, vì thế nhân quả của Bồ-tát đều thù thắng.

Mới phát tâm kiên cố có hai thứ lợi ích: Một là đã phát tâm này rồi, tức vì vô lượng chúng sinh làm phước điền tôn quý của tịnh thí. Hai là thâu giữ phước đức thuần tịnh để thành tựu phước tịnh, như

hai thứ phước đức của Chuyển luân vương được bảo vệ. Do đó, khi ngủ hoặc thức không bị thú dữ, quỷ thần xấu ác nào hại. Nơi xứ sinh sống ít bệnh, không bệnh. Hoặc khi thuyết pháp thân không mệt mỏi, tâm không quên mất.

Tánh chủng tánh nơi Bồ-tát khiến tánh ác của thân khẩu ý tự nhẹ mỏng. Đã phát tâm rồi lại càng nhẹ, ít. Nếu người khác sử dụng chú thuật không có hiệu nghiệm, Bồ-tát sử dụng thầy đều thần nghiệm, vì đã có thể thành tựu. Tùy thuận nhân thượng, tức có thể nhân chịu khi bị người khác nào hại, cũng không nào hại người khác. Thấy những người khác nào hại nhau, tâm sinh thương xót, mọi thứ giận dữ, ganh ghét đều ẩn mất. Các thứ huyễn hoặc, giả dối, dua nịnh và những phiền não phẩm thượng thầy đều mỏng yếu. Giả như có khởi thì nhanh chóng trừ diệt. Ở tại trụ xứ không có các việc khủng bố, tranh chấp, đói khát, bị phi nhân xúc nào. Các nạn như thế nếu chưa khởi thì không khởi, cho dù có khởi cũng liền tiêu diệt. Bồ-tát phát tâm nếu phải sinh nơi đường ác cũng chóng được giải thoát, thọ khổ nhẹ ít, mau sinh chán lìa. Đối với các chúng sinh khác có thể khởi tâm bi, luôn đem phước đức thuần tịnh để che chở, thành tựu vô lượng phước tịnh như thế.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 3: TỰ LỢI LỢI THA

Thế nào là hành Bồ-tát? Lược nêu về đối tượng học của các Bồ-tát, như học mà học, gọi chung là hành Bồ-tát. Bồ-tát ở nơi xứ nào để học? Xứ học có bảy. Những gì là bảy? Một là tự lợi. Hai là lợi tha. Ba là nghĩa chân thật. Bốn là lực. Năm là thành thực chúng sinh. Sáu là tự thành thực pháp Phật. Bảy là Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là tự lợi lợi tha? Tự lợi lợi tha lược nêu có mười thứ: Một là thuần. Hai là cộng. Ba là an. Bốn là lạc. Năm là nhân gồm thân. Sáu là quả gồm thân. Bảy là đời này. Tám là đời khác. Chín là rốt ráo. Mười là không rốt ráo.

Thuần, cộng nơi tự lợi lợi tha có hai thứ: Một là thuần tự lợi. Hai là thuần lợi tha. Trái với đạo BỒ-tát là nên biết nên đoạn. Thuận với đạo BỒ-tát là phải nên tu học. Vì an lạc cho mình nên cầu tìm tài vật tự dùng. Vì pháp bí mật nên cầu kinh pháp Phật để thọ trì gìn giữ. Vì nhằm sinh lên cõi trời nên thọ trì các pháp như giới cấm, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Vì tham cầu quả báo thế gian nên cúng dường tháp Phật. Vì tham lợi nên khởi cầu tướng lợi. Vì lừa dối với kẻ khác nên không duyên, tự nói đủ các thứ công đức. Do tham thân dựa kẻ khác nên thân nhận phi pháp, tự trụ nơi thiền lạc, xả bỏ chúng sinh. Đó gọi là thuần tự lợi, nên biết nên đoạn. Bồ thí, nhẫn nhục, lấy tâm bi làm đầu, hồi hướng về BỒ-đề cùng muôn sinh thiên. Đó gọi là tự lợi cùng lợi tha, phải nên tu học. Trừ các thứ đã nói như thế, các thứ trái nhau với thuần tự lợi khác, đó gọi là tự lợi cùng lợi tha.

Người thuần lợi tha nhưng nếu theo tà kiến cho không nhân không quả, không có bố thí, lại phạm giới, trái đạo, vì người thuyết pháp, tự độ địa dưới, lại đem pháp tịnh của địa dưới trao cho người khác là nên biết nên đoạn. BỒ-tát xả thiền nguyện sinh vào cõi dục. BỒ-tát tự tại nơi mười phương thế giới biến hiện đủ các thứ, giáo hóa chúng sinh hành trọn vẹn theo lược, vô sở úy và pháp bất cộng của Như Lai, tạo lợi ích cho tất cả vô lượng chúng sinh. Đó gọi là thuần lợi tha. Trước đã nói hai thứ thuần tự lợi lợi tha, nên biết nên đoạn. Thuần lợi tha còn lại, phải nên siêng học. Trừ các thứ đã nói như vậy, các thứ trái nhau với thuần lợi tha khác, đó gọi là lợi tha cùng tự lợi.

An nơi tự lợi và lợi tha, lược nêu có năm thứ: Một là tướng vô tội. Hai là tướng thân nhận. Ba là đời này. Bốn là đời khác. Năm là tịch diệt.

Bồ-tát đã gồm thâm căn thiện, hoặc nhiều hoặc ít, tu tập thành tựu, cũng đem những điều thiện ấy thành tựu cho chúng sinh để điều phục kiến lập, đó gọi là tướng vô tội.

Bồ-tát an nơi tự lợi và lợi tha, do lìa nhiễm ô, vui thích đạt các vật dụng tạo an lạc, trụ nơi thiên lạc tạo lợi ích cho mình và người, đó gọi là tướng thâm nhận.

Bồ-tát an nơi tự lợi và lợi tha, có đời này an ổn không phải là đời khác, có đời khác an ổn không phải là đời này, có đời này đời khác an ổn, có không phải đời này không phải đời khác an ổn. Bốn thứ thọ ấy có bốn thứ pháp thứ lớp theo chỗ ứng hợp kia. Những gì là bốn? Có pháp đời này thọ lạc, đời khác thọ khổ. Có pháp đời này thọ khổ, đời khác thọ lạc. Có pháp đời này thọ lạc, đời khác thọ lạc. Có pháp đời này thọ khổ, đời khác thọ khổ. Đó gọi là an nơi tự lợi lợi tha của đời này đời khác.

Niết-bàn cùng đạo Niết-bàn, phần Niết-bàn, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, đó gọi là an nơi tự lợi lợi tha của tịch diệt.

Lạc nơi tự lợi lợi tha, lược nêu có năm thứ: Một là nhân lạc. Hai là thọ lạc. Ba là lạc đối trị khổ. Bốn là đoạn thọ lạc. Năm là lạc vô tội.

Nhân lạc có hai thứ: Một là nhân duyên của tình (căn) trần tiếp xúc nên lạc thọ sinh. Hai là yêu thích quả nghiệp của đời này đời sau. Đó gọi là nhân lạc.

Các khổ dứt rồi, suy nghĩ về ba thứ nhân lạc, thân tâm khởi sự thọ nhận. Đó gọi là thọ lạc. Thọ lạc có hai thứ là hữu lậu và vô lậu. Vô lậu là hàng hữu học và vô học. Hữu lậu là hệ thuộc ba cõi là dục, sắc và vô sắc. Tất cả ba cõi kia tùy theo chỗ ứng hợp với sáu nhập để phân biệt.

Nhân duyên của nhãn xúc cho đến nhân duyên của ý xúc sinh khởi, tương ưng với năm thức gọi là thân thọ, tương ưng với ý thức

gọi là tâm thọ. Các thứ khổ ão như lạnh nóng, đói khát ão khởi, chưa khởi, ão trị khiến dứt, dứt rồi nhận biết là lạc sinh. ão gọi là lạc ão trị khổ.

Định diệt thọ tướng, ão gọi là ãoạn thọ lạc.

Lạc vô tội có bốn thứ: Một là lạc của sự xuất gia. Hai là lạc của sự xa lìa. Ba là lạc của tịch diệt. Bốn là lạc của Bồ-đề. Tin nhà không phải là nhà, xuất gia học ão, giải thoát các nạn của tại gia, ão gọi là lạc của sự xuất gia. ãoạn trừ pháp dục ác bất thiện, chứng đắc thiên thứ nhất, ão ly sinh hỷ lạc, ão gọi là lạc của sự xa lìa. Nhị thiên ão đứng ão, giác quán (tâm tứ) ãong dứt, ão gọi là lạc của tịch diệt. Tất cả phiền ão hoàn toàn diệt trừ, ão với tất cả pháp như thật nhận biết rõ, ão an lạc, ão gọi là lạc của Bồ-đề.

Nhân lạc là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh. Thọ lạc chẳng phải là nhân của lạc nhưng là tự tánh. Lạc ão trị khổ chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, nhưng là dứt khổ trừ khổ. ãoạn thọ lạc chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, chẳng phải là trừ khổ, nhưng là thọ hiện có, là khổ chân thật, tùy khi trụ ão là thọ diệt, thuộc về lạc vô tội. Sau cùng lạc của Bồ-đề. Tất cả phiền ão của hiện tại, vị lai ão rất ráo diệt, các thứ lạc vô tội khác, ão với chỗ tùy thuận kia, ão gọi là lạc vô tội.

Bồ-tát này ão lạc an ão tạo lợi ích cho chúng sinh, chẳng phải chỉ nhận biết như thật về lạc an ão. Tùy theo sức phương tiện chỉ ão khiến ãoạn trừ khổ. Nếu khổ nhưng về sau an, nghĩa là Bồ-tát kia tuy ưu ão nhưng chính là cần phải tạo lợi ích, ão là Bồ-tát nương nơi phương tiện thiện xảo. Nếu lạc nhưng về sau không an, thì Bồ-tát kia tuy ưu ão nhưng không muốn từ bỏ. Dùng lực của phương tiện, chủ yếu là nhằm ãoạn trừ. Vì sao? Vì về sau tất ão lạc.

Bồ-tát này muốn chúng sinh an, là muốn khiến ão lạc. Ban cho chúng sinh kia an, là cũng muốn ban cho lạc. An là xứ của nhân.

Lạc là xứ của quả. Vì thế nên biết tạo lạc nơi chúng sinh tất trước là an. Bồ-tát kia yêu thích nghiệp quả nơi đời này đời sau là thuộc về nhân lạc, và các thứ lạc đối trị khổ, đoạn thọ lạc, lạc vô tội, quyết định lấy đó tạo lợi ích cho chúng sinh, cũng gọi là gồm thâu, cũng gọi là thọ lạc vô tội. Còn nhân lạc của căn trần đối xúc là nhiễm ô, có tội, không an ổn, là không đem lợi ích chỉ dạy khiến đoạn trừ. Nếu không phải nhiễm ô, vô tội, an ổn, thì lấy đó để tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, Bồ-tát cũng thường tùy theo sức tự hành. Đó gọi là an lạc nơi tự lợi lợi tha của Bồ-tát.

Nhân gồm thâu, quả gồm thâu nơi tự lợi và lợi tha, lược nêu có ba thứ nhân, ba thứ quả: Một là nhân báo quả báo. Hai là nhân phước quả phước. Ba là nhân trí quả trí.

Thế nào là báo? Báo có tám thứ: (1) Thọ mạng đầy đủ. (2) Sắc đầy đủ. (3) Chủng tánh đầy đủ. (4) Tự tại đầy đủ. (5) Tín ngôn đầy đủ. (6) Đại lực đầy đủ. (7) Người đầy đủ. (8) Lực đầy đủ.

Thọ mạng kia trụ lâu dài, đó gọi là thọ mạng đầy đủ. Dung mạo đoan nghiêm, đó gọi là sắc đầy đủ. Sinh nơi tộc họ sang quý, đó gọi là chủng tánh đầy đủ. Được nhiều của cải, nhiều chúng, nhiều quyến thuộc, đó gọi là tự tại đầy đủ. Nghe kiện đoán sự, tạo lập luật pháp, nhận trao gởi gắm đều theo đúng pháp, phạm lời nói ra đều được mọi người tin phục, đó gọi là tín ngôn đầy đủ. Có danh xưng lớn, phương tiện lớn, trí tuệ lớn, đủ các thứ kỹ nghệ cần thiết cho mọi người, được đại chúng cung kính tôn trọng khen ngợi, đó gọi là đại lực đầy đủ. Thành tựu pháp trượng phu, đó gọi là người đầy đủ. Ít bệnh ít nã, có khả năng đảm nhận các việc, đó gọi là lực đầy đủ.

Thế nào là nhân của báo? Không sát hại chúng sinh, không làm tổn hại tâm, đó gọi là nhân của thọ mạng. Bồ thí đèn sáng, vật tịnh, đó gọi là nhân của sắc. Lìa bỏ kiêu mạn, đó gọi là nhân của chủng tánh. Tuệ thí các thứ vật dụng, đó gọi là nhân của tự tại. Lìa bốn lỗi

nơi miệng, đó gọi là nhân của tín ngôn. Thâu giữ các công đức, lập thế nguyện lớn, cúng dường Tam bảo và các bậc tôn trưởng, đó gọi là nhân của đại lực. Vui pháp trượng phu, chán pháp nữ nhân, nói pháp trượng phu tạo lợi ích cho người khác, chỉ dạy khiến chán lia pháp nữ nhân, đó gọi là nhân của người. Chúng sinh đã hành tác như pháp, tùy theo khả năng của mình đều đến trợ giúp, đó gọi là nhân của lực. Tám thứ như vậy, gọi là nhân của báo.

Lược nêu về nhân của báo có ba thứ thù thắng, khiến cho báo tăng thượng: Một là tâm tịnh. Hai là phương tiện tịnh. Ba là phước điền tịnh.

Tâm tịnh là mong cầu nơi Bồ-đề vô thượng luôn hồi hướng, căn thiện dần dần tăng trưởng, tin vui tu hành thuần thiện thắng diệu. Thấy người hành trì tâm sinh hoan hỷ, ngày đêm nhớ nghĩ, tùy thuận chánh pháp, theo giác theo quán. Đó gọi là tâm tịnh. Tu tập nơi đêm dài sinh tử luôn siêng năng tinh tấn không gián đoạn, lại đem pháp này truyền trao cho người khác. Thấy có người trao thì tùy hỷ khen ngợi. Thấy người thọ hành thì tùy thuận dẫn dạy. Cũng dùng pháp ấy để tự kiến lập. Đó gọi là phương tiện tịnh. Lược nêu phương tiện là chính thức khởi quả của phương tiện. Đó gọi là phước điền tịnh.

Thế nào là quả của báo? Bồ-tát thọ mạng đầy đủ, tu tập pháp thiện lâu dài, khiến các chúng sinh thành tựu căn thiện, đó gọi là quả của thọ mạng đầy đủ. Bồ-tát thân sắc đầy đủ, được đại chúng yêu thích, do đại chúng yêu thích nên đều cùng cung kính, vui nghe giảng nói, đó gọi là quả của sắc đầy đủ. Bồ-tát chủng tánh đầy đủ, được chúng kính trọng, cúng dường, tán thán, lời nói ra tất được thọ hành, không có trái phạm, đó gọi là quả của chủng tánh đầy đủ. Bồ-tát tự tại đầy đủ, nên bố thí khắp nơi, gồm thâu thành tựu chúng sinh, đó gọi là quả của tự tại đầy đủ. Bồ-tát tín ngôn đầy đủ, thường dùng ái ngữ, lợi ích, đồng sự, thâu giữ chúng sinh,

giáo hóa khiến thành tựu, đó gọi là quả của tín ngôn đầy đủ. Bồ-tát đại lực đầy đủ, mọi sự tạo tác của chúng sinh đều có thể gánh vác, giúp đỡ, chúng sinh biết ân cùng đến quy ngưỡng, lời nói ra, dẫn dắt đều được vâng làm, đó gọi là quả của đại lực đầy đủ. Bồ-tát với thân người đầy đủ, thành tựu tướng nam nhi, có thể hành tác tất cả công đức pháp khí, đối với tất cả phương tiện, tất cả tri kiến đều đạt vô sở úy, nơi hết thảy thời luôn tự tại hành hóa, nơi tất cả chúng sinh qua lại đồng sự, như người giữa chốn đồng rộng, tùy ý không ngại, đó gọi là quả của người đầy đủ. Bồ-tát lực đầy đủ, có phương tiện tinh cần, phương tiện kiên cố, phương tiện mau chóng, tu thiện không chán, giáo hóa người không mệt mỏi, đó gọi là quả của lực đầy đủ. Bồ-tát đem tám thứ quả của báo này, tạo lợi ích cho chúng sinh, tự thành thực pháp Phật, tùy thuận công đức. Bồ-tát trụ nơi tám thứ quả của báo này, khiến các chúng sinh làm những việc nên làm, chúng sinh tùy theo sự chỉ dạy đều tu theo hạnh nguyện.

Nếu Bồ-tát tuy tự có lực nhưng các chúng sinh kia không theo thì không gọi là lợi tha. Nếu tự mình không có lực nhưng kẻ thọ giáo hóa thuận theo, cũng không gọi là lợi tha. Nếu tự có lực và người thọ giáo hóa thuận theo, hai thứ ấy đầy đủ, tức có thể gồm cả tự lợi, lợi tha. Bồ-tát đầy đủ hai pháp, là có thể tự hành pháp Phật, đem pháp của ba Thừa thành tựu cho chúng sinh, có thể tự hành đạt rốt ráo đạo quả Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh đã thành thực khiến được giải thoát. Thế nên Bồ-tát trụ nơi tám thứ quả của báo này mới có thể tạo an lạc cho tất cả chúng sinh. Hết thảy chúng sinh nơi sinh tử vô cùng, từ xưa đến nay hoàn toàn không có nghĩa lợi cũng đều khiến họ đạt được phần thật của đại quả.

Thế nào là phước? Thế nào là trí? Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, đó gọi là phước. Bát-nhã Ba-la-mật đó gọi là trí.

Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật mỗi thứ đều có hai phần: Một là phần phước. Hai là phần trí.

Nương nơi thiền, tu bốn vô lượng, đó gọi là phần phước. Nương nơi thiền, tu ẩm giới nhập, theo phương tiện thiện xảo, xứ phi xứ theo phương tiện thiện xảo, quán khổ tập diệt đạo, pháp thiện – pháp bất thiện, pháp hữu tội – pháp vô tội, pháp hạ – pháp thượng, pháp cấu – pháp tịnh, cho đến các duyên khởi đều có thể phân biệt quan sát như thật, đó gọi là phần trí.

Dựa nơi tinh tấn, tu hành thí, giới, bốn tâm vô lượng, đó gọi là phần phước. Dựa nơi tinh tấn, tu hành tuệ văn, tư, tu, phương tiện thiện xảo của ẩm v.v... như trước, đó gọi là phần trí.

Phước trí như thế, lược nêu có sáu thứ, nói rộng thì vô lượng.

Thế nào là nhân của phước? Thế nào là nhân của trí? Nhân của phước, nhân của trí lược nêu có ba thứ: Một là xứ phương tiện nhằm nuôi lớn phước trí. Hai là tùy thuận duyên gần. Ba là vốn hành tập duyên gần của phước trí.

Không trụ nơi duyên điên đảo, trụ nơi duyên không điên đảo, gần gũi tri thức ác, thuyết giảng phước trí điên đảo, niệm điên đảo, thọ điên đảo, đó gọi là trụ nơi duyên điên đảo. Cùng với phần tịnh trái với phần này, đó gọi là trụ nơi duyên không điên đảo. Xứ phương tiện nhằm nuôi lớn phước trí, chướng không đầy khởi, đó gọi là gần. Ba nhân này không đủ thì phước trí không sinh.

Thế nào là quả của phước? Thế nào là quả của trí? Vì các chúng sinh nơi nẻo sinh tử vô cùng tận, trải qua đủ các khổ, nên Bồ-tát nương nơi phước, tùy theo đối tượng mong muốn kia để thâm giữ chúng sinh. Bồ-tát dựa nơi trí thâm nhận phước chánh theo vô số thứ phương tiện thiện xảo, vì các chúng sinh cho đến đạt được Bồ-đề vô thượng. Như vậy là lược nêu về phước trí có bốn thứ quả, nói rộng thì vô lượng.

Hoặc báo, hoặc nhân của báo, hoặc quả của báo, tất cả đều dựa nơi phước để sinh khởi. Phước thì dựa nơi trí khởi. Hai thứ này đầy đủ là tối thắng tối thượng để chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Nếu phước trí không đầy đủ thì trọn không thể chứng đắc. Đó gọi là nhân gồm thân quả gồm thân nơi tự lợi lợi tha của Bồ-tát.

Thế nào là đời này - đời khác nơi tự lợi lợi tha? Hiện tu phước nghiệp đạt được tài sản như pháp, do nhân duyên thiện từ đời trước nên nay thọ quả báo, khéo có thể chuyển thiên trụ nơi an lạc của đời này, dựa nơi đời này để tạo lợi ích cho chúng sinh, dựa nơi các thiện nên có Niết-bàn hiện pháp như thật, thế gian, xuất thế gian đều hướng đến Niết-bàn hiện pháp, là pháp hữu vi, đó gọi là đời này đạt tự lợi. Tức dùng pháp ấy giáo hóa chúng sinh, đó gọi là đời này đạt lợi tha.

Đời khác, thân mạng, tài sản nơi cõi dục, cho đến sinh nơi thiên vô sắc, đời này ưu khổ, tư duy tu tập nhân kia, đó gọi là đời khác đạt tự lợi lợi tha.

Đời này hỷ lạc, tư duy tu tập nhân của thân mạng, tài sản, cho đến phần thoái chuyển của đời này, là chánh thọ thiên vô sắc. Đó gọi là đời này đời khác nơi tự lợi lợi tha.

Thế nào là rốt ráo - không rốt ráo nơi tự lợi lợi tha? Thân mạng, tài sản ở cõi dục, có nhân có quả, phạm phu thế tục tịnh, có nhân có quả, đó gọi là không rốt ráo nơi tự lợi lợi tha. Tất cả phiền não đã diệt trừ hoàn toàn, hành tám chánh đạo và nương vào đầy sinh khởi pháp thiện thế tục, đó gọi là rốt ráo nơi tự lợi lợi tha.

Rốt ráo, không rốt ráo có ba thứ: Một là tự tánh. Hai là thoái chuyển. Ba là thọ dụng quả tận. Tự tánh là Niết-bàn rốt ráo, tất cả pháp hữu vi là không rốt ráo. Tám chánh đạo là không thoái chuyển, là thọ dụng quả bất tận, là rốt ráo. Các pháp hữu lậu thiện khác là thoái chuyển, là thọ dụng quả tận, là không rốt ráo.

Đó gọi là mười thứ tự lợi lợi tha. Như vậy, lược nêu hoặc nói rộng, Bồ-tát phải nên tùy sức tu học, quá khứ đã học, vị lai sẽ học.

Tất cả mười thứ tự lợi lợi tha gọi là rốt ráo, không rốt ráo nơi tự lợi lợi tha.

*
**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 4: NGHĨA CHÂN THẬT, phần 1

Thế nào là nghĩa chân thật? Lược nêu có hai thứ: Một là pháp tánh thật. Hai là pháp tánh của tất cả sự.

Hai pháp tánh này dùng chủng loại phân biệt, lại có bốn thứ: (1) Đối tượng nhận biết của thế gian. (2) Đối tượng nhận biết của học. (3) Pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chương phiền não. (4) Pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chương trí.

Thế nào là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian? Các việc ở thế gian thuận theo tục số, tri kiến đều đồng. Nghĩa là đất tức là đất, không phải là nước, không phải là nước, lửa, gió khác. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến khổ, lạc cũng như vậy. Lược nói vật này, tức là vật này, không phải là vật kia. Như thế ý quyết định hiểu rõ tất cả sự xứ của đối tượng hành. Thế gian xưa nay đều tự nhớ tưởng nhận biết, không từ tu tập. Đó gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian.

Thế nào là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học? Như người trí ở đời, dựa nơi hiện trí, tỷ trí, cùng theo thầy nghe, suy xét để tu học, trí ấy quyết định về sự xứ nơi đối tượng hành kết tập kiến lập. Đó gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học.

Thế nào là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng phiền não? Tất cả Thanh văn, Duyên giác, đối với trí vô lậu, hoặc phương tiện vô lậu, hoặc tùy theo trí thế gian sinh cảnh giới tu hành, ở trong duyên của trí kia, phiền não chướng được tịnh, chướng nơi đời vị lai rất ráo không khởi. Đó gọi là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng phiền não. Đây là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quán bốn đế này nhập các tuệ như vô gián cùng sinh khởi trí tuệ như vô gián v.v... Thanh văn, Duyên giác thấy ấm lia ấm, ngã không thể thủ đắc, các hành duyên khởi, sinh diệt hòa hợp, ấm cùng lia ấm, tri kiến tu tập không có tánh nhân ngã. Đó gọi là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng phiền não.

Thế nào là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng trí? Đối tượng nhận biết của trí bị ngăn ngại, đó gọi là chướng. cảnh giới tu hành của trí kia bị chướng ngại, đã được trí giải thoát. Đó gọi là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng trí. Đây là chư Phật, Bồ-tát nhập nơi pháp vô ngã, nhập rồi đạt thanh tịnh, đối với tất cả pháp xa lìa tự tánh của ngôn thuyết, tự tánh của giả danh, xa lìa các vọng tưởng, là cảnh giới tu hành của đại trí bình đẳng, là như thật đệ nhất, vô thượng vô biên, tất cả pháp chọn đều vĩnh viễn diệt trừ, không sinh khởi. Đó gọi là nghĩa chân thật của pháp xứ nơi đối tượng hành của trí làm tịnh chướng trí.

Lại, tướng chân thật kiến lập có hai thứ: Một là có tánh. Hai là không tánh.

Có tánh: Là kiến lập nêu bày tự tánh của giả danh. Từ lâu xa đến nay, thế gian chấp trước, tất cả nhớ tưởng căn bản là hư vọng. Đó gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; là địa, thủy, hỏa, phong; là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; cho đến Niết-bàn. Như vậy thế gian giả danh có pháp tự tánh. Đó gọi là có tánh.

Không tánh: Là sắc giả danh v.v... cho đến Niết-bàn giả danh, không sự, không nương giả danh, chỗ dựa nơi tất cả đều không. Đó gọi là không tánh.

Như trên đã nói, có không là hai, cùng lia tướng của pháp nên chỗ gồm thâu hai pháp là không có hai. Không hai, đó gọi là trung đạo. Lìa nơi hai biên, đó gọi là vô thượng. Chân thật như thế là cảnh giới nơi trí tịnh của Phật Thế Tôn, là chỗ nên tu học của các Bồ-tát. Nếu vị nào tu học, gọi là Bồ-tát của đại trí phương tiện, sẽ đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát cùng “giải thoát không” tương ưng. Ở trong sinh tử nhận biết như thật về sinh tử, không hành theo sinh tử vô thường nhưng sinh chán lìa, có khả năng thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu không nhận biết như thật về sinh tử, thì không thể lìa bỏ tất cả phiền não như tham, sân, si v.v... Nếu không lìa bỏ tức bị nhiễm ô, phải thọ nhận các sinh tử. Do tâm nhiễm ô, thọ nhận sinh tử, nên không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu đối với các hành như sinh tử vô thường v.v... sinh chán lìa, thì Bồ-tát mau chóng chứng đắc Niết-bàn. Mau chóng chứng đắc Niết-bàn thì cũng không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh, làm sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng? Nếu Bồ-tát cùng với “giải thoát không” tương ưng, thì không sợ Niết-bàn, cũng không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể hành đầy đủ đạo Niết-bàn. Vì sợ Niết-bàn nên không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn. Không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn nên mọi tín, lạc thanh tịnh thấy đều xa lìa. Nếu Bồ-tát cầu Niết-bàn, tu tập nhiều thì mau chóng Bát Niết-bàn. Mau chóng Bát Niết-bàn nên không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu đối với sinh tử không nhận biết như thật, tức phải thọ nhận sinh tử dài lâu.

Nếu nhàm chán sinh tử thì mau chóng Bát Niết-bàn. Nếu sợ Niết-bàn thì không thể hành đầy đủ đạo Niết-bàn. Nếu cầu Niết-

bàn, tu tập nhiều, thì mau chóng Bát Niết-bàn, nên biết Bồ-tát ấy đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng không có phương tiện lớn. Nếu trong sinh tử đạt được nhận biết như thật, thì đối với sinh tử tâm không nhiễm vương. Nếu đối với các hành như sinh tử vô thường v.v... không chán lìa, không mau chóng Bát Niết-bàn, không sợ Niết-bàn, tức có thể hành đầy đủ đạo Niết-bàn, thấy rõ về công đức lợi ích của Niết-bàn. Nếu không siêng cầu mau chóng đắc Niết-bàn, nên biết Bồ-tát ấy đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng có phương tiện lớn. Phương tiện lớn này dựa vào đệ nhất giải thoát không. Vì thế gọi là Bồ-tát tu đệ nhất giải thoát không, là phương tiện tối đại, nghĩa là hướng đến đại trí vô thượng của Như Lai.

HẾT - QUYỂN 1

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 2
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT
Phẩm thứ 4: NGHĨA CHÂN THẬT, phần 2

Lại nữa, Bồ-tát từ lâu xa đến nay, trí nhập pháp vô ngã, lìa tự tánh của ngôn thuyết, tất cả pháp đều nhận biết như thật rồi, không có một pháp có thể khởi vọng tưởng, tùy sự giữ lấy, tùy như giữ lấy, không niệm như thế, sự ấy, như ấy chỉ hành nơi nghĩa. Hành đệ nhất nghĩa rồi, tất cả pháp như không có gì sánh bằng. Như thật tri kiến, tất cả bình đẳng, quán tâm bình đẳng, đạt xả đệ nhất. Nương nơi xả đệ nhất, tất cả Kinh Luận, tất cả phương tiện xảo đều khéo thông đạt, tất cả khổ nạn trọn không thoái chuyển. Tâm kia kiên cố, thân không mệt mỏi, phương tiện thiện xảo hành tác đạt được lực niệm lớn. Đối với các phương tiện thiện xảo cũng không tự cao, pháp hóa độ chúng sinh không cho là bí mật, tiếc lẫn. Đối với các phương tiện thiện xảo tâm không khiếm nhược, có thể đảm nhận, trọn không lùi giảm, có thể mặc áo giáp đầy đủ đại kiên cố. Như vậy như vậy thì sinh tử khổ tăng. Như vậy như vậy thì có thể làm tăng trưởng đạo Bồ-đề vô thượng. Như vậy như vậy thì công đức chuyển thêm. Như vậy như vậy thì kiêu mạn dần giảm. Như vậy như vậy thì trí tuệ càng thêm sáng. Như vậy như vậy thì các thứ phiền não của tranh cãi, phạm giới thảy đều nhận biết rõ, nhận biết rồi thì buông xả. Như vậy như vậy thì công đức tăng trưởng.

Như vậy như vậy thì càng thêm che giấu không khiến người khác biết. Không vì lợi dưỡng nhưng Bồ-tát có vô lượng phước lợi như vậy, thuận đạo Bồ-đề, đều do dựa nơi trí kia. Thế nên Bồ-tát đã đắc Bồ-đề, nay đắc, sẽ đắc, đều dựa nơi trí ấy, không phải thứ khác. Hoặc hơn hoặc kém, như vậy đều là hư vọng. Bồ-tát có vô lượng những thứ phước lợi như vậy, tự có thể thành tựu pháp Phật vô thượng, đem pháp của ba thừa tạo lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là chí hướng chân chánh. Chí hướng chân chánh rồi, tự đối với thân mạng tài sản xa lìa tham ái, lìa tham ái rồi, trở lại chỉ dạy chúng sinh khiến lìa tham ái. Xả bỏ tâm đối với thân mạng tài sản, cấp thí cho chúng sinh những thứ cần thiết. Khéo thâm giữ các căn, học luật nghi về thân miệng. Tánh không ưa ác, luôn nhân hiền chân thật, nhẫn chịu khi bị người khác xâm hại bức bách và các hành ác. Tu học nhẫn rồi, sân hận chuyển giảm, nên không nào hại người. Tất cả mình xú đều siêng năng tu học, khéo vì chúng sinh giải các nghi nạn, thâm giữ lợi ích, cũng tự thâm nhận nhân của Nhất thiết trí. Bên trong thâm giữ tâm kia, an trụ nơi chánh thọ, tịnh bốn xú phạm, du hóa theo năm thần thông. Tất cả sự nghiệp đều là phương tiện học, là tất cả phương tiện thiện xảo, hoặc lập hoặc bỏ, trọn không chán mệt. Có thể khéo léo quán sát chân thật đệ nhất, có thể khéo tu học Đại thừa đệ nhất, hoàn toàn không nguyện cầu Niết-bàn của đời hiện tại. Như vậy là bình đẳng rốt ráo đầy đủ. Đối với các bậc Đại đức thì phụng sự cúng dường. Đối với chúng sinh ác thì khởi tâm đại bi, tùy theo lực dụng có thể vì họ diệt trừ hành ác. Kẻ nào đối với mình đầy hiềm khích hận thù không tạo ích lợi, nên vì họ phát khởi tâm từ, tùy theo sức để chuyển hóa, không đua nịnh, không hư dối, tạo an lạc, lợi ích, khiến mọi kết hận, lỗi ác kia tự diệt. Tạo lợi ích cho mình, do những thứ ấy nên càng tăng thêm.

Biết ân báo ân, như pháp mong cầu đều khiến đầy đủ. Nếu tự mình không có sức, kẻ kia tuy không mời thỉnh, nhưng cũng phải tạo phương tiện, tâm không dừng dứt, khiến kẻ kia biết là Bồ-tát không

tiếc gì. Đó gọi là Bô-tát xa lìa hư vọng, dựa nơi phương tiện bình đẳng của trí thật đệ nhất.

Thế nào là nhận biết tất cả pháp lìa nơi ngôn thuyết? Ở đây, thiết lập giả danh là tự tướng. Các pháp đó là sắc thọ tưởng hành thức cho đến Niết-bàn. Nên biết là giả danh không có tự tánh, cũng không lìa tự tánh mà có hành xứ của ngôn thuyết, cảnh giới của ngôn thuyết, như vậy là không có tự tánh. Như ngôn ngữ đã nêu bày, cũng không phải tất cả đều vô sở hữu. Vô sở hữu như vậy cũng không phải hết thảy đều vô sở hữu. Tự tánh kia vì sao có, có thật, hủy báng thật, hai thứ này đều lìa có như vậy. Đó gọi là tự tánh của đệ nhất nghĩa. Hành xứ của trí tuệ lìa tất cả vọng tưởng. Nếu pháp tùy thuận nói có sự chuyển, tức nên có tự tánh. Nếu như thế thì một pháp, một sự, nên có rất nhiều tự tánh. Vì sao? Vì một pháp, một sự, có rất nhiều danh tự được thiết lập, cũng không phải nhiều danh có tánh quyết định. Cũng không phải một danh có tự tánh, danh khác là không tự tánh. Vì thế thiết lập giả danh, nhiều danh, một danh đều không có tự tánh.

Lại nữa, sắc cho đến Niết-bàn, pháp nếu tùy theo danh tự nên có tự tánh, nghĩa là điều chính là trước có pháp, sau đó theo ý nghĩa mà lập danh. Khi chưa có danh thì pháp kia tức nên không có tự tánh. Nếu không tự tánh thì không có việc lập danh, nghĩa ấy không đúng. Không danh nhưng có pháp, thì cũng không đúng. Nếu pháp xưa nay tự tánh là sắc, sau đây đem danh tự ngôn thuyết thâm giữ sắc ấy. Nếu như vậy tức nên lìa danh cũng có sắc được thiết lập, chúng sinh tức nên tự nhận biết, sắc ấy không đợi danh mới nhận biết, nhưng chúng sinh không danh tự thì không nhận biết sắc. Do đây nên biết tự tánh của tất cả các pháp là lìa ngôn thuyết. Như sắc, cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Lại nữa, có hai loại người hủy hoại chánh pháp của Phật: Một là đối với các pháp như sắc v.v..., các sự như sắc v.v..., thiết lập giả danh nói là tự tánh, tự tướng, đối với pháp không thật vọng tưởng

chấp trước. Hai là thiết lập giả danh về xứ, giả danh về chỗ dựa, tự tánh lìa ngôn thuyết, đối với đệ nhất thật nghĩa phi báng hủy diệt, tất cả đều cho là vô sở hữu như trước đã nói. Nếu kiến lập pháp không thật vọng tưởng về lỗi ác, nghĩa là đối với các pháp như sắc v.v..., các sự như sắc v.v..., không thật cho là thật, do lỗi này nên phá hoại chánh pháp. Lại các pháp như sắc v.v..., các sự như sắc v.v..., theo nhân duyên sai biệt đã phi báng hủy diệt, đều cho là vô sở hữu, tức pháp hoại chánh pháp. Nay sẽ nói về các pháp, các sự như sắc v.v... theo nhân duyên sai biệt, nói lời phi báng cho là không có chân thật, cũng không giả danh, cả hai đều không đúng. Những ám như sĩ phu v.v..., nói là người thì có thể như thế, không sự nói là người thì không thể như thế. Như không sự nói là người, như chẳng phải là không sự nói là người. Như thế, nhân duyên sai biệt, các pháp như sắc v.v... kiến lập giả danh, không phải là không sự mà lập giả danh, tức nên như thế.

Nếu chỉ là giả danh nhưng không sự, thì không có xứ nương dựa, cũng không giả danh, là không nên như thế. Người này nghe nghĩa tương ưng của không hết sức sâu xa trong kinh Đại thừa khó lãnh hội, đối với chỗ nêu giảng như thật hoàn toàn không hiểu, tạo tư duy không đúng đắn, phân biệt hư vọng, do không có tuệ thiện xảo nên nói như vậy: Tất cả đều là giả danh, không có chân thật. Tạo ra quán như thế cho là chánh quán. Như vậy đối với chỗ nương dựa của giả danh đều vô sở hữu, thì giả danh cũng không. Giả danh đã không, thì giả danh chân thật cũng không thật có. Chân thật và giả danh, hai thứ này đều cùng hủy báng. Đó gọi là đều không. Kẻ nói không như thế thì người trí tuệ phạm hạnh không nên cùng nói, không nên cùng trụ. Đó là tự hoại cũng là hoại thế gian. Vì vậy Đức Thế Tôn do sự việc ấy nên nói: Thà khởi thân kiến, không chấp giữ sai lạc về không. Vì sao? Vì người khởi thân kiến, đối với giới đã nhận biết, không hủy báng tất cả những gì đã nhận biết, không nhân nơi kiến này mà bị đọa vào nẻo ác, không hủy hoại tâm tin ưa

của người khác, đối với việc lia khổ đạt giải thoát cũng không gây trở ngại, cũng có thể kiến lập chánh pháp của chân đế, không ở nơi giới luật sinh kiêu mạn, biếng trễ. Chấp giữ sai lầm về không, là đối với giới đã nhận biết, trở lại hủy báng tất cả đối tượng nhận biết. Do duyên này nên bị đọa vào đường ác, cũng hủy hoại tâm tin ưa của người khác, nơi lia khổ đạt giải thoát cũng gây trở ngại đối với giới sinh kiêu mạn chậm trễ, hủy báng pháp thật nên phá hoại pháp Phật. Thế nào là chấp giữ sai lạc về không? Là nếu Sa-môn hoặc Bà-la-môn đối với đây kia đều cho là không. Đó gọi là chấp giữ sai lạc về không. Vì sao? Vì nếu nói đây không thì không có tánh kia. Nếu nói đây không thì có tánh đây, nghĩa này nên như vậy. Nếu tất cả không tánh, thì xứ nào, pháp nào là không, cũng không nên nói đây tức là không ấy. Những gì là khéo giữ lấy không? Nếu đối với vật này, không phải là vật kia, nên gọi là không. Vật này chẳng không, nhận biết rõ như thật, đó gọi là như thật không điên đảo. Không, nghĩa là các pháp như sắc v.v... thiết lập giả danh, không có tự tánh. Nhưng sắc v.v... chưa rốt ráo. Nghĩa là sự giả danh như sắc v.v... nhân duyên có sai biệt, đều nhận biết như thật. Tức nơi sự sai biệt có sự sai biệt, giả danh sai biệt, không lập chẳng phải thật, không hủy báng thật, không tăng không giảm, không đề cao, không hạ thấp, như thật như như, lia tự tánh của ngôn thuyết, nhận biết như thật. Đó gọi là khéo giữ lấy không. Chánh trí về sự nhận biết, ta đem đầy đủ sự suy lường tập hợp, nói tự tánh của tất cả pháp là lia ngôn thuyết, được nghe từ chỗ Phật, tự tánh của tất cả pháp là lia ngôn thuyết. Nay nên nói, như Đức Phật Thế Tôn nơi Khế kinh Thú Hữu nói kệ chỉ bày:

*Như dùng vô số danh
Để nói các thứ pháp
Đây cũng không có kia
Là pháp, pháp như vậy.*

Kệ này chỉ bày về thiết lập giả danh. Các pháp như danh sắc v.v..., do danh như sắc v.v... nên tuyên thuyết các pháp, ngôn giáo lưu thông, giảng nói sắc cho đến Niết-bàn: Sắc v.v... giả danh, tự tánh như vô sắc v.v..., pháp như sắc v.v... cũng không có tự tánh khác. Sắc v.v... này là giả danh, các pháp lia ngôn thuyết, nghĩa không thật có. Đó gọi là pháp tự tánh của đệ nhất nghĩa. Như Đức Thế Tôn nơi Phẩm Nghĩa đã nói:

*Thế gian hợp ngôn thuyết
Mâu-ni đều không vướng
Không chấp, ai hay chấp
Không khởi chấp thấy nghe.*

Kệ này nêu rõ dùng những giả danh như sắc v.v... để thiết lập các sự như sắc v.v... Đó gọi là thế gian tập hợp ngôn thuyết. Đây là giả danh nên sự kia không có tự tánh. Vì sao? Vì kiến lập và hủy báng, không có kiến chấp này nên không có kiến chấp điên đảo kia. Đó gọi là kiến giải không chấp trước. Không chấp trước như thế thì ai có thể khởi kiến chấp nơi các sự như sắc v.v... Hoặc kiến lập, hoặc hủy báng, không khởi chấp trước, chánh quán nơi cảnh giới. Đó gọi là thấy (kiến). Nghe hiểu về ngôn thuyết của đối tượng nhận thấy. Đó gọi là nghe (văn). Thế nên thấy nghe không khởi nhiễm chấp, ở trong duyên kia, tất cả đều lia bỏ. Đó gọi là không khởi thấy nghe chấp vướng.

Lại nữa, Đức Phật đã vì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên, nên nói: Tỳ-kheo không dựa nơi địa để tu thiền. Không dựa nơi thủy, hỏa, phong, không dựa nơi không, thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng, không phải đời này, không phải đời khác, không phải ngày tháng, không thấy nghe hiểu biết, không phải câu, không phải đặc, không phải giác, không phải quán, không dựa vào những thứ ấy để tu thiền định. Vì sao không dựa nơi địa cho đến không dựa nơi giác quán để tu thiền định? Này Ca-chiên-diên! Nếu là địa thì trừ bỏ tướng

về địa, cho đến giác quán thì trừ bỏ về giác quán. Tỳ-kheo tu thiền như vậy, đó gọi là không dựa nơi địa để tu thiền, cho đến không dựa nơi giác quán để tu thiền. Tỳ-kheo tu thiền như thế thì Thích thiên, Đại Lực thiên, Phạm thiên đều đến kính lễ, nói kệ tán thán:

*Kính lễ bậc tối thắng
Kính lễ bậc thượng sĩ
Tôi nay không biết Ngài
Dựa chốn nào hành thiền?*

Kệ này chỉ bày các sự việc giả danh như địa v.v... Ở nơi địa kia v.v... đã thiết lập giả danh, đó gọi là tưởng về địa. Lại, các tưởng như địa này v.v..., đối với sự việc giả danh kia, hoặc kiến lập tự tánh, hoặc hủy diệt tất cả, là hoại đệ nhất nghĩa, thâm nhận sự hủy báng, đó gọi là tưởng. Nếu trừ bỏ tưởng kia, đó gọi là đoạn, gọi là xả. Nên biết tên gọi ấy từ các Đức Như Lai, bậc Thầy của đệ nhất nghĩa, lãnh hội tất cả pháp, tự tánh lìa ngôn thuyết. Như thế, tất cả các pháp tự tánh lìa ngôn thuyết, vậy tất cả ngôn thuyết làm sao có chỗ ứng hợp? Nếu không có ngôn ngữ thì không thể vì người khác giảng nói về pháp lìa ngôn thuyết, vì đã không nói thì cũng không nghe. Không nói không nghe tức tất cả pháp tự tánh lìa ngôn thuyết kia không thể nhận biết. Do vậy phải có ngôn thuyết khiến họ nghe biết. Như thế là chân thật. Hàng phạm phu ngu si không nhận biết.

Do nhân duyên ấy nên khởi tám thứ vọng tưởng, sinh ra ba việc khiến cho tất cả chúng sinh và khí thể gian tăng: Một là vọng tưởng về tự tánh. Hai là vọng tưởng về sai biệt. Ba là vọng tưởng về thâm nhận tích tụ. Bốn là vọng tưởng về ngã. Năm là vọng tưởng về ngã sở. Sáu là vọng tưởng về niệm. Bảy là vọng tưởng về không niệm. Tám là vọng tưởng về cùng trái nhau. Đó gọi là tám thứ vọng tưởng.

Thế nào là sinh ba việc? Một là vọng tưởng về tự tánh, vọng tưởng về sai biệt, vọng tưởng về thâm nhận tích tụ, ba thứ vọng tưởng ấy là xứ vọng tưởng hư dối, là sự duyên dựa hư dối, do đây nên sinh.

Đối với những giả danh như sắc v.v..., hoặc xứ của sự kia do danh, tướng, ngôn ngữ thâm nhận tăng trưởng, vô lượng hư dối luôn hành không dứt. Hai là vọng tưởng về ngã, ngã sở, hai thứ vọng tưởng này là thân kiến. Thân kiến là cội rễ của tất cả kiến cùng là cội rễ của mạn. Ngã mạn có thể sinh ra tất cả các mạn. Ba là vọng tưởng về niệm, vọng tưởng về không niệm, vọng tưởng về cùng trái nhau, theo chỗ thích ứng sinh khởi tham, sân, si.

Như thế gọi là tám thứ vọng tưởng sinh ra ba thứ sự. Đó là sự hư dối của xứ vọng tưởng, sự thân kiến ngã mạn, sự tham sân si. Dựa nơi vọng tưởng hư dối, sinh thân kiến, ngã mạn. Dựa nơi thân kiến ngã mạn sinh tham, sân, si. Ba thứ sự này đã khiến cho tất cả phần tích tụ của thế gian được hiển hiện nối tiếp.

Thế nào là vọng tưởng về tự tánh? Tức đối với các sự giả danh như sắc v.v..., nếu vọng tưởng nói là sắc. Đó gọi là vọng tưởng về tự tánh.

Thế nào là vọng tưởng về sai biệt? Là đối với các sự giả danh như sắc v.v... này, nói đây là sắc, đây không phải là sắc, đây là có thể thấy, đây là không thể thấy, đây là có đối, đây là không đối, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là hữu vi, đây là vô vi. Vô lượng phân biệt như vậy, ở nơi xứ vọng tưởng về tự tánh tạo ra vọng tưởng sai biệt. Đó gọi là vọng tưởng về sai biệt.

Thế nào là vọng tưởng về thâm nhận tích tụ? Nghĩa là đối với các sự giả danh như sắc v.v..., thì ngã, nhân, thọ mạng, chúng sinh theo nơi tục số kia là vọng tưởng, theo nơi sắc v.v... tạo lợi ích, tích tụ nhiều pháp, tích tụ thâm nhận, nhân đầy khởi lên nhà cửa, quân binh, rừng núi, ăn uống, y phục, xe ngựa, đối với tục số kia là vọng tưởng tạo lợi ích. Đó gọi là vọng tưởng về thâm nhận tích tụ.

Thế nào là vọng tưởng về ngã, ngã sở? Nếu các sự việc kia là thọ ấm hữu lậu, từ lâu xa đã tích tập chấp trước về ngã, ngã sở, vì thế

không thâm nhận xứ, hành tập tự thấy xứ sự. Do nhân duyên ấy nên đây khởi vọng tưởng không như thật. Đó gọi là vọng tưởng về ngã, ngã sở.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm? Tức đối với các sự diệu tịnh và những việc được vui thích duyên nơi vọng tưởng. Đó gọi là vọng tưởng về niệm.

Thế nào gọi là vọng tưởng về không niệm? Là đối với những sự bất tịnh cùng các việc không vui thích duyên nơi vọng tưởng. Đó gọi là vọng tưởng về không niệm.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm, không niệm cùng trái nhau? Là đối với các sự tịnh, bất tịnh, những sự việc vui thích, không vui thích đều lìa, duyên nơi vọng tưởng. Vọng tưởng kia lược nêu có hai sự, là vọng tưởng và chỗ dựa của vọng tưởng. Vọng tưởng duyên nơi sự, hai thứ này đều từ xưa đến nay, mỗi mỗi cùng làm nhân cho nhau. Vọng tưởng của quá khứ sinh sự duyên của vọng tưởng hiện tại. Sự duyên của vọng tưởng hiện tại sinh vọng tưởng về sự duyên của hiện tại. Do không nhận biết nên vọng tưởng hiện tại lại sinh sự duyên của vọng tưởng vị lai. Sự duyên sinh rồi, tắt lại sinh vọng tưởng về sự duyên kia.

Làm thế nào để nhận biết vọng tưởng? Có bốn thứ tìm cầu, bốn thứ nhận biết như thật.

Những gì là bốn thứ tìm cầu? Một là tìm cầu danh. Hai là tìm cầu sự. Ba là tìm cầu thiết lập tự tánh. Bốn là tìm cầu thiết lập sai biệt.

Tìm cầu danh là Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt, quán sát danh để tìm cầu. Như thế, nơi sự sự có sai biệt, quán sát sự để tìm cầu. Đối với thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt, quán thiết lập tự tánh để tìm cầu. Đối với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ, quán thiết lập sai biệt để tìm cầu. Danh cùng sự kia, hoặc lìa quán tướng, hoặc hợp quán tướng thì danh sự hợp dựa để thiết lập tự tánh, thiết lập quán xét sai biệt.

Những gì là bốn thứ nhận biết như thật? Một là theo tìm cầu danh nhận biết như thật. Hai là theo tìm cầu sự nhận biết như thật. Ba là theo tìm cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật. Bốn là theo tìm cầu thiết lập sai biệt nhận biết như thật.

Thế nào là theo tìm cầu danh nhận biết như thật? Tức Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt để tìm cầu về danh như thế đều nhận biết như thật. Danh này vì sự này nên lập là tướng, là kiến, là lưu hành khắp. Đối với các sự giả danh như sắc v.v..., không lập danh như sắc v.v... không có thể nhận biết về sự như sắc v.v... Nếu không nhận biết thì không có sự suy xét, đã không suy xét thì không có ngôn thuyết. Nhận biết như thật như thế, đó gọi là theo tìm cầu danh nhận biết như thật.

Thế nào là theo tìm cầu sự nhận biết như thật? Tức Bồ-tát đối với sự, sự sai biệt để tìm cầu. Quán sát các sự giả danh như sắc v.v..., tất cả sự ngôn thuyết, lia ngôn thuyết. Đó gọi là theo tìm cầu sự nhận biết như thật.

Thế nào là theo tìm cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật? Tức Bồ-tát đối với các sự giả danh như sắc v.v..., thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt để tìm cầu. Thiết lập tự tánh kia là sự của tự tánh này. Quán tướng của tự tánh nhận biết như thật, như hóa, như ảnh, như ti vang, như dợn nắng, như trăng trong nước, như mộng, như huyền. Quán tướng của tự tánh là không có chân thật. Đó gọi là nhận biết như thật về nghĩa xứ sâu xa, theo tìm cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật.

Thế nào là theo tìm cầu thiết lập sai biệt nhận biết như thật? Tức Bồ-tát đối với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ để tìm cầu, là sự giả danh như sắc v.v..., nên thiết lập sai biệt không hai. Quán sự kia chẳng phải là có tánh, chẳng phải là không tánh, vì tự tánh của ngôn thuyết là không thể thủ đắc, cũng không phải là không tánh, lia tự tánh của ngôn thuyết để kiến lập tánh, không phải là có

sắc, do đệ nhất nghĩa đế, cũng không phải là không sắc, do thế đế có sắc. Như có tánh, không tánh, sắc, không phải sắc, như thế có thể thấy, không thể thấy, tất cả pháp thiết lập sai biệt đều nhận biết như thật. Nghĩa thiết lập sai biệt này là không hai đã nhận biết như thật. Đó gọi là theo tìm cầu thiết lập sai biệt nhận biết như thật.

Nếu tám thứ vọng tưởng tà kia, đối với hàng phàm phu ngu si, tức sinh khởi ba thứ sự tăng trưởng thế gian, thì bốn thứ nhận biết như thật ấy sẽ không đầy đủ. Vọng tưởng tà kia khởi phiền não, phiền não khởi nên thọ nhận sinh tử. Thọ nhận sinh tử nên tùy theo sinh tử, các khổ như sinh, già, bệnh, chết v.v... luôn tăng trưởng. Nếu Bồ-tát dựa vào bốn thứ nhận biết như thật, thì đời hiện tại nhận biết được tám thứ vọng tưởng. Do đời hiện tại nhận biết rồi nên nơi đời vị lai các sự hư dối dựa trong xứ duyên tức không còn sinh khởi. Sự kia không khởi, thì nơi vị lai, vọng tưởng trong duyên không sinh. Như thế là sự kia, vọng tưởng kia diệt rồi thì tất cả hư dối cũng diệt. Hư dối đã diệt, thì Bồ-tát mau chóng chứng đắc Đại Bát Niết-bàn của Đại thừa, đời hiện tại có thể đạt được hành xứ đặc biệt của bậc Đại sĩ, trí thanh tịnh thành tựu tất cả diệu lực đại tự tại. Đó là các thứ thần lực hóa hóa, các thứ thần lực biến biến, Nhất thiết trí nhận biết không còn trở ngại, tùy theo ý muốn nên mọi sự còn mất đều tự tại. Đạt được vô lượng các thứ tự tại như vậy, đó gọi là tối thắng, vô thượng của tất cả chúng sinh. Bồ-tát đạt tất cả tự tại như thế là thành tựu năm thứ công đức thượng diệu: Một là được tâm tịnh bậc nhất, chánh thọ tịch diệt, nhưng tất cả phiền não không tịch diệt. Hai là tất cả minh xứ thanh tịnh, tri kiến tăng trưởng không giảm. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử nhưng không chán mệt. Bốn là khéo hội nhập nẻo thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như Lai. Năm là khéo lý giải về Đại thừa, không thọ nhận từ người khác. Năm thứ công đức như vậy làm năm thứ hành nghiệp: Một là nghiệp của công đức nơi đời hiện tại trụ trong an lạc bậc nhất, mở bày phương tiện giác ngộ, sinh phương tiện của thân tâm, mệt nhọc đều diệt, tâm đạt tịch tĩnh. Hai là nghiệp

của công đức thành tựu tất cả pháp Phật, là tri kiến thanh tịnh của tất cả minh xứ. Ba là nghiệp của công đức thành tựu chúng sinh, ở trong sinh tử nhưng không hề chán mệt. Bốn là nghiệp của công đức giáo hóa chúng sinh đã khởi hoặc chưa khởi nghi, có thể vì họ nên mở bày giải thích, hộ trì chánh pháp khiến được trụ lâu. Nếu có pháp tương trợ có thể hủy diệt chánh pháp, thì khéo nhận biết, khéo giảng nói khiến pháp tương trợ kia được, là khéo hội nhập nẻo thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như Lai. Năm là nghiệp của công đức hàng phục tất cả dị luận của ngoại đạo, tinh tấn kiên cố chánh nguyện không giảm, là khéo lý giải về Đại thừa, không thọ nhận từ người khác. Như thế, tất cả việc làm của Bồ-tát đều gồm thâu trong năm hành nghiệp của công đức. Nghĩa là trụ nơi an lạc bậc nhất không nhiễm ô, thành tựu đầy đủ pháp Phật, thành tựu chúng sinh, hộ trì chánh pháp, hàng phục dị luận, tinh tấn hiển hiện, chánh nguyện không động. Bốn thứ nghĩa chân thật kia, thứ nhất, thứ hai là bậc hạ, thứ ba là bậc trung, thứ tư là bậc thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 5: LỰC

Thế nào là lực? Lực nêu có ba thứ: Một là chư Phật, Bồ-tát đạt được Tam-muội tự tại, dựa nơi Tam-muội tự tại, theo chỗ mong muốn của mình đều có thể hành tác tất cả. Đó gọi là lực của bậc Thánh. Hai là pháp có quả lớn, có lợi ích lớn. Đó gọi là lực của pháp. Ba là chư Phật, Bồ-tát trước đã thành tựu phương tiện, đạt được phước đức lớn, tất đều có pháp câu sinh kỳ diệu chưa từng có. Đó gọi là lực câu sinh.

Lại nữa, ba thứ lực này đem phân biệt theo loại tức có năm thứ lực: Một là lực thân thông. Hai là lực pháp. Ba là lực câu sinh. Bốn là lực chung với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Năm là lực bất cộng.

Lực thần thông đó là sáu thông: Một là thần túc. Hai là thiên nhĩ. Ba là tha tâm trí. Bốn là túc mạng trí. Năm là sinh tử trí. Sáu là lậu tận tác chứng. Đó gọi là lực thần thông.

Lực pháp đó là sáu Ba-la-mật: Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật. Đó gọi là lực pháp. Các pháp này có thể làm tất cả các việc, nên gọi là lực pháp.

Thế nào là thần túc? Lực nêu có hai thứ: Một là biến. Hai là hóa. Nếu dùng chủng loại để phân biệt thì có vô lượng.

Thế nào là thần túc biến? Đó là chấn động, tỏa sáng, sung mãn, thị hiện, chuyển tạo phần khác, đến đi, lớn nhỏ, sắc tượng nhập thân, chỗ đến tương tự, ẩn hiện, tự tại, thần thông ngăn chặn kẻ khác, ban cho biện tài, ban cho suy niệm, ban cho an vui, phóng hào quang lớn. Những thứ như vậy gọi là thần túc biến.

Chấn động: Nghĩa là chư Phật, Bồ-tát đạt được Tam-muội tự tại, có thể tạo mọi chấn động khiến chùa chiền, nhà cửa, thành quách, cung điện, làng xóm, ruộng vườn, các nẻo địa ngục, súc sinh, ngựa quý, người, trời, cùng bốn châu thiên hạ, một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, trăm lần ba ngàn thế giới, ngàn lần ba ngàn thế giới, vạn lần ba ngàn thế giới, cho đến vô số tam thiên đại thiên thế giới, thấy đều chấn động.

Tỏa sáng: Nghĩa là trên thân xuất lửa, dưới thân xuất nước, trên thân xuất nước, dưới thân xuất lửa, nhập Tam-muội hỏa quang, toàn thân rộng lặng, hiện đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê.

Sung mãn: Nghĩa là thân phóng hào quang tràn đầy một nhà, cho đến tràn đầy vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới.

Thị hiện: Nghĩa là ngồi yên, hoặc đến, đi, hiện làm chúng Sa-môn, chúng Bà-la-môn, chúng Thanh văn, chúng Duyên giác,

chúng Bồ-tát, chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân. Từ chư Phật, Bồ-tát, dưới đến đường ác, trên đến hàng trời người, thấy đều thị hiện. Cho đến hằng hà sa cõi trong mười phương cũng lại như vậy. Vượt quá vô lượng hằng hà sa cõi, có danh hiệu Phật, có tên quốc độ, thấy đều thị hiện, cũng nói danh hiệu của Đức Phật và quốc độ kia. Lại vượt hơn số lượng này, tùy theo chỗ mong muốn đều có thể thị hiện.

Chuyển tạo phần khác: Nghĩa là hoặc biến đất làm nước, là nước thật, như thật không khác. Biến làm lửa, gió cũng lại như vậy. Như đất thì nước lửa gió cũng lại như thế. Cũng như bốn đại, các thứ sắc, hương, vị, xúc, cây cỏ, bùn đất biến thành thức ăn uống, y phục, chuỗi ngọc, hương hoa, hương xoa, các vật dụng trang điểm, ngói gạch cát đá biến thành các thứ báu. Tất cả các núi như núi chúa Tuyết biến thành sắc vàng, hết thấy đều như thật không khác. Chúng sinh sắc đẹp biến thành sắc xấu, chúng sinh sắc xấu biến thành sắc đẹp, hoặc sắc đẹp xấu biến thành sắc vừa, hoặc sắc vừa biến thành sắc đẹp xấu. Như sắc đẹp xấu, thì các chi phần đầy đủ, hoặc không đầy đủ, hoặc mập hoặc ốm, những thứ như thế đều hiện có tự tướng. Có thể biến sắc kia tự tại không ngại, không phải tất cả sự biến hiện đều tùy theo chỗ mong muốn.

Đến đi: Nghĩa là vách đá không thể ngăn ngại. Trên lên tới trời Phạm thế, cho đến trời Sắc cứu cánh, hoặc đến hoặc đi, thấy đều được tự tại, vòng khắp cả mười phương vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới. Như hóa thân, hoặc thân bốn đại to lớn, hoặc đến hoặc đi cũng lại như vậy. Hoặc theo tướng xa gần, tức thời đi đến.

Lớn nhỏ: Nghĩa là có thể khiến núi chúa Tuyết như một vi trần, khiến một vi trần như núi chúa Tuyết.

Sắc tượng nhập thân: Nghĩa là các vị Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả đại chúng, hoặc nơi thôn xóm, hoặc nơi thành thị, cây cỏ, rừng rậm,

đến các núi đất, tất cả sắc tượng đều nạp vào trong thân. Lúc ấy, các đại chúng, mỗi mỗi đều tự thấy nhập vào thân Bồ-tát.

Chỗ đến tương tự: Nghĩa là hoặc đến chúng Sát-lợi, như sắc tượng của chúng ấy, thân lượng dài ngắn, âm thanh, ngôn ngữ, đều cùng với chúng ấy đồng. Chúng ấy đã nói gì đều cùng nói. Chúng ấy đã không thể phân biệt thì vì họ khai diễn, nói rộng chánh pháp khiến hoan hỷ rồi, ở trước họ liền biến mất, không khiến họ hay biết ai đã xuất hiện, ai đã biến mất, là trời, là người? Như chúng Sát lợi, thì chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn, chúng của các trời Tứ Thiên vương, Tam thập tam, Dạ ma, Đâu suất đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Phạm thân, Phạm chúng, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô chương, Phước sinh, Quảng quả, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh cũng lại như vậy.

Ẩn hiện: Nghĩa là ở trước đại chúng tạo ra trăm ngàn vị, hoặc lại hơn nữa, cho đến vô lượng, sau đấy lại ẩn mất, ẩn mất rồi lại hiện ra.

Tự tại: Nghĩa là Bồ-tát có thể khiến chúng sinh, hoặc đến, hoặc đi, hoặc dừng trụ, hoặc nói năng.

Thần thông ngăn chặn kẻ khác: Nghĩa là thần lực của Như Lai đều có thể ngăn che các thần lực khác. Cũng có thể khiến hiện tướng Bồ-tát nhất sinh bổ xứ rốt ráo, trừ ĐỨC Như Lai và Bồ-tát đồng hàng, đều có thể ngăn che thần lực các Bồ-tát khác, trừ bậc lớn hơn và đồng hàng, còn lại đều có thể ngăn che.

Ban cho biện tài: Nghĩa là đối với chúng sinh không biện tài có thể ban cho họ biện tài.

Ban cho suy niệm: Nghĩa là nếu đối với pháp bị mất niệm, có thể khiến nhớ nghĩ.

Ban cho an vui: Nghĩa là nói rộng chánh pháp khiến các chúng sinh kia được nghe. Tùy theo thân tâm của họ mà thâm nhận tạo lợi

ích để được an vui vắng lặng, lia các thứ ẩm cái (ngăn che), chuyên tâm nghe pháp, tùy theo hoàn cảnh nếu không phải là an vui hoàn toàn do bốn đại tạp loạn, có thể khiến thuận hợp. Nếu bị hàng phi nhân nào hại cũng khiến dứt bỏ.

Phóng hào quang lớn: Nghĩa là Đức Phật, Bồ-tát dùng thần lực phóng hào quang đến khắp vô lượng thế giới trong mười phương, khiến cho chúng sinh ở địa ngục đang chịu khổ não liền được dùng dứt. Trên lên đến các cõi trời, các hàng Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... khiến thấy hào quang sáng liền đến chỗ Phật. Chư vị Bồ-tát nơi các thế giới ở phương khác thấy đều đến nhóm họp. Lược nói về vô lượng chư Phật nơi mười phương thế giới với vô lượng hào quang, tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh.

Đó gọi là thần túc chuyển biến. Nếu dùng loại để phân biệt thì có vô lượng vô số, chỉ trừ tự tánh biến làm sự khác, vì thế gọi là thần túc chuyển biến.

Thế nào là thần túc hóa hiện? Lược nói là không có sự vật nhưng hóa làm có, tùy theo chỗ mong muốn đều có thể hóa hiện. Đó gọi là thần túc hóa hiện.

Hóa ở đây có nhiều loại: hoặc hóa thân, hoặc hóa ngữ.

Hóa thân: Nghĩa là hóa giống thân mình, hoặc không giống. Hoặc giống thân người khác, hoặc không giống. Lại, thân mình, thân người khác tương tự, không tương tự, hóa làm căn tương tự cùng chỗ dựa của căn, chẳng phải tạo ra căn thật. Lại nữa, hóa làm cảnh giới tương tự: Nghĩa là có thể hóa đủ các loại vật dụng như thức ăn uống, các thứ báu, các thứ thuộc về sắc, hương, vị, xúc, tất cả đều tùy ý. Lại tự thân tương tự, hoặc hóa làm một thân, hoặc hóa làm vô lượng thân, như các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v...

với các thứ sắc tượng về người, trời, súc sinh, ngựa quý, địa ngục, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai. Các sắc tượng như thế, tùy chỗ ứng hợp thấy đều có thể hóa tác tự thân tương tự. Đó gọi là hóa tự tương tự. Nếu khác với tự thân, gọi là không tương tự. Hóa những thân trời khác khiến tương tự gọi là hóa tha tương tự. Nếu hóa các trời kia thân không tương tự, đó gọi là hóa tha thân không tương tự. Như thân trời cho đến thân Phật cũng lại như vậy. Vô lượng thân nghĩa là Phật, Bồ-tát nơi vô lượng vô số thế giới trong mười phương, cùng một lúc hóa tác vô số các sắc tượng, tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh khắp mười phương. Phật và Bồ-tát tuy đến phương khác, nhưng sự hóa trụ vẫn như cũ. Hoặc vì chúng sinh tạm hiện như huyễn, hoặc tạo ra các thứ ăn uống, y phục, xe cộ, vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, kha búi, ngọc thạch, những vật như vậy, tất cả được hóa hiện như thật không khác, luôn được thọ dụng. Đó gọi là hóa thân.

Hóa ngữ: Nghĩa là tạo ra đầy đủ âm thanh vi diệu, đầy đủ âm thanh cao rộng, hoặc từ tự thân khởi, hoặc từ tha thân khởi, hoặc không từ đâu khởi, hoặc giảng nói chánh pháp, hoặc tùy theo việc để chỉ dạy, quở trách. Đó gọi là hóa ngữ.

Âm thanh vi diệu: Là Phật, Bồ-tát hóa tác khẩu ngữ, tiếng ấy sâu xa, cũng như sấm động. Hoặc lại vi diệu như tiếng của Ca-lăng-tỳ-già. Âm thanh rất đáng vui mừng, âm thanh khiến thích thú, âm thanh đáng yêu mến. Như vậy là hóa tác vô lượng âm thanh lan tỏa, ngôn từ rõ ràng chân chánh, dễ hiểu ưa nghe, tùy thuận vô tận.

Âm thanh cao rộng: Là Phật, Bồ-tát hóa ra âm thanh lớn, khiến các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, Thanh văn, Duyên giác, chư Đại Bồ-tát, nơi vô lượng chúng hội trong phạm vi một do-tuần, hoặc trong hoặc ngoài, khắp cả đều nghe. Hoặc tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, cho đến vô lượng thế giới trong

mười phương, cũng đều nghe khắp. Vì chúng sinh nên từ tự thân kia, dùng một âm thanh giảng nói vô lượng pháp.

Từ nơi khác khởi: Là hóa tác lời nói khác, vì người thuyết pháp, dứt trừ mọi thứ phóng dật.

Không từ đâu khởi: Là giữa không trung hóa ra âm thanh cũng như người nói.

Giảng nói chánh pháp: Là vì các chúng sinh ngu tối nên diễn nói chánh pháp khiến được tỏ ngộ.

Tùy việc giáo hóa quở trách: Là các chúng sinh kia tuy không nghi ngờ, ĐƯỢC tâm tin ưa, nhưng vì phóng dật, nên khiến họ sinh hổ thẹn dứt bỏ phóng dật.

Rất nhiều loại hóa hiện như thế, lược nêu ba thứ: Hóa thân, hóa âm thanh và hóa cảnh giới. Đó gọi là thần túc hóa hiện.

Nếu mỗi mỗi phân biệt tức có vô lượng. Như vậy, hai thứ thần túc của chư Phật, Bồ-tát, có thể hoàn thành hai việc: Một là khiến chúng sinh sinh tâm tín lạc, nên hiện thần túc biến hóa giúp họ hội nhập pháp Phật. Hai là thấu giữ chúng sinh khổ khiến ĐẠT ĐƯỢC lợi ích an ổn.

Thế nào là túc mạng trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát tự nhận biết về thọ mạng đời trước, chúng sinh như thế là tên họ của mình, như Khế kinh đã nói rộng. Nhận biết thọ mạng đời trước của người khác cũng như của thân mình. Tự nhận biết về thân mạng đời trước có thể giúp người khác nhận biết. Đã nhận biết chúng sinh vốn là người đồng sự, cũng có thể khiến họ tự nhận biết về thân mạng đời trước. Các chúng sinh ấy nhận biết cùng với Bồ-tát xưa là đồng sự rồi, cũng lại nhận biết các chúng sinh khác cùng với mình là đồng sự, cũng còn có thể khiến các chúng sinh khác kia lần lượt cùng nhận biết lẫn nhau. Về danh tự của thọ mạng đời trước, những danh tự cùng vô số nhân duyên, ở đây nên nói rộng. Từ đời hiện tại và đời

quá khứ, cho đến các sự việc nơi vô lượng vô số kiếp trong khoảng mỗi mỗi niệm, lớn nhỏ, nhiều ít, thứ lớp đều nhận biết. Đó gọi là túc mạng trí thông của Phật và Bồ-tát.

Bồ-tát tự nhận biết những sự việc chưa từng có trong quá trình hành đạo Bồ-tát nơi đời trước, có thể vì chúng sinh hiển bày chỉ rõ, khiến họ kính tin, ưa thích pháp Phật, chán lìa sinh tử. Lại cũng vì họ chỉ bày rõ về nhân quả của quá khứ, khiến người chấp thường xa lìa thường kiến. Nghĩa là đối với quá khứ vọng tưởng thường kiến cùng với đoạn kiến.

Thế nào là sinh tử trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát do có thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người, nên thấy các chúng sinh lúc chết, sắc đẹp, sắc xấu, sắc hơn, sắc kém, cho đến đời sau các căn dần dần tăng trưởng thuần thực, thân ngữ hành tác các việc thiện, bất thiện, vô ký, thiên nhãn sáng tỏ đều soi chiếu thấy biết. Cho đến sắc vi tế của trời hóa sắc, tất cả đều thấy, trên tới cõi trời Sắc cứu cánh, dưới đến địa ngục Vô trạch. Nơi mười phương thế giới, cũng không dùng phương tiện của mỗi mỗi tướng riêng, nhưng tất cả sắc tượng của vô lượng vô biên thế giới nơi mười phương đều cùng một lúc thấy khắp. Tại các cõi Phật kia, chư vị Như Lai nơi các cõi ấy, an tọa thuyết pháp trong các chúng hội, như thế tất cả đều thấy biết trọn vẹn.

Thế nào là thiên nhĩ trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của hàng trời người, âm thanh Thánh, âm thanh phi Thánh, âm thanh thô, âm thanh tế, âm thanh biện luận, âm thanh không biện luận, âm thanh biến hóa, âm thanh không phải biến hóa, âm thanh gần, âm thanh xa, tất cả đều nghe. Nếu tạo phương tiện có giới hạn, thì trên đến trời Sắc cứu cánh. Nếu không hạn lượng thì cho đến vô lượng thế giới nơi phương trên.

Âm thanh của trời: Nghĩa là âm thanh từ Tứ thiên vương cho đến Sắc cứu cánh.

Âm thanh của người: Nghĩa là tất cả âm thanh trong bốn châu thiên hạ.

Âm thanh Thánh: Nghĩa là âm thanh của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đã nói ra để chỉ dạy chúng sinh. Đó là chỉ dạy, khen ngợi, khiến tu pháp thiện, liả bỏ pháp bất thiện, các chúng sinh kia tâm không nhiễm chấp tức sẽ thọ tụng, luận nghị, như pháp vấn nạn, cũng nhớ nghĩ lời răn dạy và tất cả lời thiện lợi ích khác. Những âm thanh như vậy, gọi là âm thanh Thánh.

Âm thanh phi Thánh: Nghĩa là các chúng sinh nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thù dật, từ địa ngục Vô trạch, trên lên đến chư thiên, các loại âm thanh như thế của chúng sinh nơi các phương.

Âm thanh thô: Nghĩa là âm thanh của các loài chúng sinh lớn, âm thanh của đại chúng hội, các thứ âm thanh thống khổ bức thiết, âm thanh cùng kêu gào lớn, âm thanh sấm động, âm thanh của trống, loa ốc.

Âm thanh tế: Nghĩa là tiếng nói rất nhỏ phải áp sát tai mới có thể nghe.

Âm thanh biện luận: Nghĩa là âm thanh nêu bày nghĩa lý có thể hiểu.

Âm thanh không biện luận: Nghĩa là âm thanh nêu bày nghĩa lý không thể lãnh hội. Như ngôn ngữ ở nước Đà-di-la, như tiếng gió mưa, tiếng cây cỏ, tiếng của các loài chim anh vũ, cù dục, câu kỳ la, mạng mạng v.v...

Âm thanh biến hóa: Nghĩa là thân thông tự tại, tùy theo tâm của chúng sinh hóa ra các thứ tiếng.

Âm thanh xa: Nghĩa là trừ âm thanh trong xóm làng, thành ấp nơi Phật, Bồ-tát đang ở, ngoài ra là tất cả âm thanh cho đến vô lượng thế giới trong mười phương.

Chư Phật, Bồ-tát dùng thiên nhãn nhìn thấy những chỗ tạo tác sắc tịnh, bất tịnh của thân trong mười phương, thấy rồi theo phương tiện tùy nghi đem lại lợi ích. Dùng thiên nhĩ để nghe các chỗ tạo tác âm thanh tịnh bất tịnh của miệng, nghe rồi theo phương tiện tùy nghi đem lại lợi ích. Đó gọi là lược nói về những hành tác từ thiên nhãn thiên nhĩ của chư Phật, Bồ-tát.

Thế nào là tri tha tâm trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát dùng trí tri tha tâm nhận biết tâm của chúng sinh trong vô lượng vô biên thế giới nơi mười phương bị phiền não trói buộc. Nhận biết tâm xa lìa phiền não trói buộc, tâm có phiền não nối tiếp, bị phiền não sai khiến, biết tâm lìa phiền não nối tiếp, phiền não sai khiến. Nhận biết tâm nguyện tà, là tâm của ngoại đạo và tâm tham cầu. Nhận biết tâm thấp kém, đó là tâm của chúng sinh ở cõi dục cho đến tâm của loài cầm thú. Nhận biết tâm trung bình, nghĩa là tâm của trời cõi sắc. Nhận biết tâm bậc thượng là tâm của cõi trời vô sắc. Nhận biết tâm tương ưng với khổ, tâm tương ưng với vui, tâm tương ưng với không khổ không vui. Một niệm nơi tha tâm trí, nhận biết tâm của một chúng sinh, tùy theo chỗ niệm kia, đều nhận biết như thật. Một niệm nơi tha tâm trí, nhận biết tâm của vô lượng chúng sinh, tùy theo chỗ niệm kia, đều nhận biết như thật. Lại nữa, chư Phật, Bồ-tát dùng trí tha tâm trí thông, hành tác vô số các thứ căn lực, các thứ giải lực, các thứ giới lực, cho đến xứ đạo lực, lậu tận lực, tùy theo sự thích ứng để tạo phương tiện.

Thế nào là lậu tận trí thông? Tức Phật, Bồ-tát nhận biết như thật về phiền não đã dứt hết. Nghĩa là mình và chúng sinh, hoặc dứt hết, hoặc không dứt hết, đều nhận biết như thật. Mình và chúng sinh nơi phương tiện lậu tận đã khởi hay chưa khởi, đều nhận biết như thật. Các chúng sinh kia khởi tăng thượng mạn về lậu tận, hoặc không khởi tăng thượng mạn về lậu tận, cũng đều nhận biết như thật. Bồ-tát đối với tất cả lậu tận đều nhận biết như thật, nhưng không thủ chứng

lậu tận. Bồ-tát không xả phiền não, vẫn tạo đủ các sự hữu lậu, thường làm các sự việc nhưng không bị nhiễm ô, lực như thế gọi là lực tối thượng. Lại nữa, Phật, Bồ-tát do lậu tận trí thông, tự liả bỏ phiền não, cũng vì chúng sinh nên phân biệt giảng nói rộng, khiến họ liả bỏ tâm tăng thượng mạn, nên biết trí này là trí nghiệp lậu tận.

Thế nào là lực của pháp? Nghĩa là sáu Ba-la-mật, từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật của Phật, Bồ-tát. Sáu Ba-la-mật này mỗi thứ đều có bốn sự việc: Một là đối trị. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là thân giữ tự tha. Bốn là đắc quả vị lai.

Thế nào là bốn sự việc của bố thí? Một là bố thí để đối trị tham lam keo kiệt. Hai là bố thí để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là dùng bố thí thân giữ để thành tựu chúng sinh, đem tâm thiện nhằm bố thí, đem tâm thanh tịnh bố thí, thí rồi không hối, ba thời hoan hỷ để tự tạo tạo lợi ích, đó gọi là tự thân giữ. Cho đến những gì các chúng sinh đói khát, nóng lạnh, tật bệnh kia cần, hoặc nơi các nạn khủng bố, thầy đều khiến xa liả, do đây được lợi ích, đó gọi là thân giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên này, sinh ở nơi chốn nào cũng đều được giàu có lớn, được tộc họ tôn quý, được nhiều quyền thuộc. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của bố thí hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là bốn sự việc của trì giới? Một là thọ nhận luật nghi của thân miệng để đối trị phạm giới. Hai là trì giới để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là thọ trì tịnh giới để đồng sự thân giữ, thành tựu các chúng sinh, xa liả phạm giới, oán địch khủng bố, ngũ thức luôn an ổn, để tự đạt lợi ích. Lại, trì giới tâm không hối hận, thường được hoan hỷ, cho đến tâm quyết định đúng các sự việc tự lợi, đó gọi là tự thân giữ. Bồ thí khắp cho chúng sinh tất cả vô úy, đó gọi là thân giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên này, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của trì giới, hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là bốn sự việc của nhẫn nhục? Một là tu nhẫn nhục để đối trị không nhẫn nhục. Hai là nhẫn nhục để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là do nhẫn nhục kiên cố, đồng sự thâm giữ để thành tựu chúng sinh, thân mình và người vượt qua được những sợ hãi lớn, đó gọi là tự tha cùng thâm giữ. Bốn là do nhân duyên này, nên nơi đời vị lai không có oán ghét, không có chia lìa, đã không chia lìa nên cũng không buồn khổ, đến khi lâm chung tâm không hối hận, xả thân này rồi, sinh trong cõi trời, người. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của nhẫn nhục, hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là bốn sự việc của tinh tấn? Một là tinh tấn để đối trị biếng nhác. Hai là tinh tấn để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là dựa vào tinh tấn, đồng sự thâm giữ để thành tựu chúng sinh, vui trụ trong tinh tấn, lìa bỏ các pháp ác, công đức tăng trưởng, hoan hỷ thích thú để tự đạt lợi ích, đó gọi là tự thâm giữ. Nhờ tinh tấn tu tập các điều thiện, không dùng thân miệng gây sợ hãi cho chúng sinh, chúng sinh thấy rồi cũng vui thích hành tinh tấn, đó gọi là thâm giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên này nên trong đời vị lai có thể thành bậc đại nhân, có sự nghiệp công đức đặc biệt. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của tinh tấn, hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là bốn sự việc của thiên định? Một là thiên định để đối trị phiền não, những ngôn ngữ loạn giác, những phiền não của sắc tướng hỷ lạc đều bị diệt. Hai là hành thiên định để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là dựa nơi các thiên định đồng sự thâm giữ để thành tựu chúng sinh, trụ hiện pháp lạc, do tự thâm giữ nên tâm tịch tĩnh, lìa mọi tham dục, đó gọi là tự thâm giữ. Đối với các chúng sinh không sân không nã, đó gọi là thâm giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên này, nơi đời vị lai sẽ sinh vào cõi trời, trí tuệ thanh tịnh, thân thông thanh tịnh. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của thiên định, hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là bốn sự việc của trí tuệ? Một là trí tuệ để đối trị vô minh. Hai là trí tuệ để thành tựu tư lương của Bồ-đề. Ba là bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự được thấu giữ để thành tựu tất cả chúng sinh, đối với sự việc hiểu biết theo nghĩa được hiểu rõ, đạt lợi ích thắng diệu, hoan hỷ vừa ý, đó gọi là tự thấu giữ. Nếu vì khắp chúng sinh dùng phương tiện thiện xảo thuyết giảng pháp, khiến đời này đời sau đều được an vui, đó gọi là thấu giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên này, nên thấu giữ tất cả căn thiện bình đẳng, ở đời vị lai diệt trừ chướng, tác chướng, là chướng phiền não và chướng trí tuệ. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của trí tuệ, hoàn toàn là vô thượng.

Tất cả gọi là lực của pháp.

Thế nào là lực câu sinh của chư Phật, Bồ-tát? Tánh nhận biết thọ mạng của đời trước tạo lợi ích cho chúng sinh, suy nghĩ về đêm dài sinh tử có những khổ lớn không gián đoạn, đều có thể nhận chịu để đem lại lợi ích cho chúng sinh. Chúng sinh thọ vui nên tâm tùy hỷ. Sinh lên cõi trời Đâu suất, tùy theo thọ mạng an trụ, có ba việc thù thắng hơn các trời, người: Một là thọ mạng cõi trời. Hai là được hình sắc cõi trời. Ba là được danh xưng cõi trời. Khi sống trong thai mẹ, ánh sáng đặc biệt tỏa chiếu đủ khắp thế giới. Chánh tri nhập thai, trụ thai, xuất thai. Lúc sinh, chân vừa chạm đất, liền đi bảy bước, đưa tay lên cao nói: Ta sẽ ở nơi thế gian là bậc tôn quý vô thượng. Tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều đem hương hoa, kỹ nhạc, cờ phướn cõi trời, vô số các thứ uy nghiêm đẹp đẽ để cúng dường. Bồ-tát có ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm, là thân sau cùng, các ma oán xấu ác không thể phá hoại, Bồ-tát an tọa nơi cội cây Bồ-đề, dùng tâm từ hàng phục ma ác. Mỗi một chi tiết nơi thân đều có lực Na-la-diên. Từ thuở còn là đồng tử, tất cả các thứ học thuật kỹ nghệ đều tự nhiên đạt thiện xảo, không thọ nhận từ thầy. Đến khi ngồi ở đạo tràng nơi

cội Bồ-đề, cũng không thầy, tự nhiên thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, Phạm vương đến khuyến thỉnh thuyết pháp. Tiếng sấm sét rung chuyển, âm thanh lớn phát ra cũng không làm động loạn chánh thọ của Như Lai. Thú dữ nương dựa tùy thuận, không sợ hãi. Các loài chúng sinh thấy đều cúng dường, như khi vượn kia dâng lên mật thom, Đức Thế Tôn thương xót thọ nhận, chúng vui mừng nhảy múa. Thần rồng làm mưa tắm rửa thân Phật, nếu khi xuất hành thì mưa liền dừng. Như Bồ-tát đến ngôi nơi cội cây Bồ-đề, cây làm cho cành cong xuống để che mát thân Ngài. Thành Chánh giác rồi, trong sáu năm, Thiên ma Ba-tuần luôn tìm lỗi của Phật, nhưng không được, vì Ngài luôn chánh niệm bình đẳng an trụ. Tất cả chúng sinh có vô số các thứ tri thức không đồng, vô số các tướng sai khác, vô số sự hiểu biết dị biệt, khi sinh, trụ, diệt, từng niệm từng niệm Phật đều nhận biết. Như Lai dùng lực câu sinh thị hiện sắc thân và oai nghi bậc Thánh để thân giữ chúng sinh. Do thị hiện thân nên người cuồng loạn thì được chân chánh, thai ngược được thuận, người mù được thấy, người điếc được nghe, khiến người bị ba độc xa lìa dục, nộ, si. Thị hiện sắc thân như thế là để thân giữ chúng sinh. Đó gọi là thị hiện thân lực câu sinh.

Oai nghi nơi lực câu sinh là thường nằm nghiêng về hông bên phải như Sư tử vương, chiếu cỏ không lẫn lộn, gió không lay động y, đi như sư tử, bước như ngưu vương, trước cất chân phải thì chân trái theo sau, xử hành luôn bằng phẳng, không có cát ngói gạch đá. Lúc đi an nhiên tự tại, các căn tịch tĩnh. Nếu khi vào cửa thì cửa thấp thành cao. Ăn luôn vừa đủ, miếng miếng không thừa. Vô lượng sự việc chưa từng có như thế, nên biết đều là thân lực câu sinh thuộc về oai nghi bậc Thánh.

Thế nào là lực của chư Phật, Bồ-tát không chung với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi? Thế nào là lực chung? Lực không chung lực nêu có ba thứ: Một là vi tế. Hai là phân biệt. Ba là cảnh giới.

Chư Phật, Bồ-tát đối với vô lượng vô số A-tăng-kỳ chúng sinh, dùng vô lượng lực làm phương tiện đem lại lợi ích, đều nhận biết như thật. Đó gọi là vi tế. Tất cả các loại lực thần thông, lực pháp, lực câu sinh, đều thành tựu đầy đủ. Đó gọi là phân biệt. Tất cả thế giới, tất cả giới chúng sinh, là cảnh giới của các lực kia. Đó gọi là cảnh giới. Thanh văn dùng quốc độ thế giới, chúng sinh thế giới trong hai ngàn thế giới làm cảnh giới thần thông. Duyên giác dùng ba ngàn thế giới làm cảnh giới thần thông. Vì sao? Vì các bậc ấy tự điều phục, không phải vì tất cả chúng sinh, thế nên chỉ có một tam thiên thế giới dùng làm cảnh giới. Trừ điều này, các thần lực khác của chư Phật, Bồ-tát, gọi là lực chung với hàng Thanh văn, Duyên giác. Hàng Nhị thừa hãy còn không thể sánh kịp thần lực của Bồ-tát, huống gì là hàng trời, người, ngoại đạo, phàm phu.

Bồ-tát có ba loại lực thị hiện: Một là thần túc. Hai là chỉ rõ về tha tâm. Ba là giáo hóa, khuyên bảo. Ba thứ này cũng thuộc về thần thông, nhưng tùy theo chỗ ứng hợp gọi là thần túc, tha tâm trí và lậu tận trí.

HẾT - QUYỂN 2

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 3

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 6: THÀNH THỰC

Thế nào là thành thực? Lược nêu có sáu thứ: Một là thành thực tự tánh. Hai là thành thực người. Ba là thành thực chủng phân biệt. Bốn là thành thực phương tiện. Năm là thành thực chúng sinh. Sáu là thành thực nhân tướng.

Thành thực tự tánh: Nghĩa là có chủng tử của pháp thiện, tu tập pháp thiện, tùy thuận hai chướng, có lực của thân tâm giải thoát thanh tịnh, phương tiện chân thật, đầy đủ rốt ráo. Có Phật hay không có Phật, đều có khả năng lần lượt đoạn trừ chướng phiền não và chướng trí tuệ. Như ung nhọt lớn đã muối, đến lúc phải vỡ, đó gọi là thực. Lại như bình gốm, khi được đem dùng, gọi là thực. Cũng như quả Am-la, vào lúc có thể ăn được gọi là thực. Như thế, Bồ-tát tu tập pháp thiện theo phương tiện chân chánh, đầy đủ rốt ráo, thứ lớp có thể gánh vác, lìa chướng đạt thanh tịnh. Đó gọi là thành thực tự tánh.

Thành thực người: Lược nêu có bốn thứ: Một là có chủng tánh Thanh văn, do Thanh văn thừa nên thành thực. Hai là có chủng tánh Duyên giác, do Duyên giác thừa nên thành thực. Ba là có chủng tánh Phật, do Đại thừa vô thượng nên thành thực. Bốn là người không có

chúng tánh thì từ nẻo thiện mà thành thực. Bốn loại người như thế, chư Phật, Bồ-tát dùng bốn pháp để thành thực.

Thành thực chủng phân biệt: Lược nêu có sáu thứ: Một là thành thực các căn. Hai là thành thực căn thiện. Ba là thành thực trí tuệ. Bốn là thành thực bậc hạ. Năm là thành thực bậc trung. Sáu là thành thực bậc thượng.

Thành thực các căn: Nghĩa là thọ mạng đầy đủ, sắc đầy đủ, tộc họ đầy đủ, tự tại đầy đủ, tín ngôn đầy đủ, đại lực đầy đủ, người đầy đủ, sức đầy đủ. Thân được quả báo có khả năng nhận lấy phương tiện dũng mãnh, tinh tấn, tâm chán mệt, đối với tất cả minh xứ đều là phương tiện tu học.

Thành thực căn thiện: Nghĩa là tánh ít phiền não, không khởi pháp ác, ám cái nhẹ mỏng, ngay thẳng tùy thuận.

Thành thực trí tuệ: Nghĩa là minh tuệ đầy đủ, thuyết giảng thiện, ác đều có thể giải thích nghĩa lý sâu xa, thọ trì phân biệt, sinh trí thành tựu, có thể rớt ráo lia các phiền não. Các căn thành thực giải thoát chướng báo. Căn thiện thành thực giải thoát chướng nghiệp. Trí tuệ thành thực giải thoát chướng phiền não.

Thành thực bậc hạ: Có hai nhân duyên: Một là nhân duyên tu tập các căn, căn thiện, trí tuệ không lâu. Hai là nhân tu tập thấp.

Thành thực bậc trung: Nghĩa là đối với hai nhân duyên này, một hơn một kém.

Thành thực bậc thượng: Nên biết đều là thù thắng.

Thành thực phương tiện: Có hai mươi bảy thứ: Một là cảnh giới sung mãn. Hai là hiện duyên tạo lợi ích. Ba là độ. Bốn là yêu thích thân nhận. Năm là xứ thứ nhất. Sáu là phi xứ thứ nhất. Bảy là tịnh xa. Tám là tịnh gần. Chín là phương tiện. Mười là tâm tịnh. Mười một là tài thí. Mười hai là pháp thí. Mười ba là thần túc. Mười bốn là thuyết

pháp. Mười lăm là thuyết pháp ẩn giấu. Mười sáu là thuyết pháp hiển hiện. Mười bảy là phương tiện bậc hạ. Mười tám là phương tiện bậc trung. Mười chín là phương tiện bậc thượng. Hai mươi là văn. Hai mươi một là tư. Hai mươi hai là tu. Hai mươi ba là thủ giữ. Hai mươi bốn là phục thủ. Hai mươi lăm là tự tạo. Hai mươi sáu là người khác thỉnh tạo. Hai mươi bảy là cùng tạo.

Cảnh giới sung mãn: Nghĩa là chủng tử của pháp thiện sinh trưởng đầy đủ, dựa theo trước đề tu tập. Chủng tử của pháp thiện lần lượt nương nhau, tăng trưởng sung mãn. Đó gọi là cảnh giới sung mãn.

Hiện duyên tạo lợi ích: Nghĩa là ở trong đời hiện tại, thuyết pháp không điên đảo, thọ trì thuận hợp, khéo tùy thuận pháp, pháp thứ lớp hướng đến cảnh giới sung mãn. Do nhân gốc nên hiện tại thành thực, duyên hiện tại tạo lợi ích, nhân của đời hiện tại thành thực hiện tại.

Độ: Nghĩa là gần gũi bạn thiện, tín tâm được sinh, tín tăng thượng rời xa lìa hành xấu ác nơi nhà, thọ trì giới cấm, xuất gia, không nhà, thọ giới lìa dục.

Yêu thích thâm nhận: Nghĩa là đạo tích ra khỏi khổ, dục lạc khổ hạnh, cả hai biên đều xa lìa, hành nơi vui đạo, hết sức ưa thích pháp Phật.

Xứ thứ nhất: Nghĩa là do đầu tiên chán pháp, tu hạnh chán lìa, biết nghĩa thù thắng vi diệu, đạt đến công đức lợi ích.

Phi xứ thứ nhất: Nghĩa là đã độ thành thực, ở đời hiện tại, luôn gần gũi không lìa chư Phật Bồ-tát, tăng trưởng trụ xứ, dần dần thêm tiến, thành thực chuyển thắng.

Tịnh xa: Nghĩa là khởi tâm biếng nhác, tu hành duyên xa, lưu chuyển trong sinh tử, trải qua nhiều kiếp mới có thể nhận giữ thanh tịnh. Cùng với các thứ ấy trái nhau, gọi là Tịnh gần.

Phương tiện tịnh: Nghĩa là được các nghĩa thiện, vui vẻ vâng làm, chán sợ đời sau phải thọ các khổ nơi đường ác. Ở trong đời này, sợ tiếng tăm xấu ác, thọ trì giới cấm, thường hành hạnh đốn.

Tâm tịnh: Nghĩa là chánh quán các pháp, lần lượt gắng nhẫn. Ở trong chánh pháp không thể hủy hoại, cũng khiến cho chúng sinh tu tập chánh pháp. Đối với Tam bảo được nghĩa thiện thắng, tín tâm không động.

Tài thí: Nghĩa là tùy theo những người cầu xin các vật dụng như y phục, thức ăn uống v.v..., tất cả đều bố thí.

Pháp thí: Nghĩa là đối với người muốn thọ nhận giáo pháp liền trao cho giáo pháp, người ưa thọ nhận nghĩa vì họ giảng nói chánh nghĩa.

Thần túc: Nghĩa là vì thương xót chúng sinh nên dùng thần lực thị hiện, khiến họ có được tín lạc. Tín đã tăng thượng nên tu phương tiện tịnh. Các chúng sinh ấy, hoặc thấy hoặc nghe về đại thần biến rồi, ở trong chánh pháp được tâm thanh tịnh, tu phương tiện thiện.

Thuyết pháp: Nghĩa là tự mình khéo hiểu nghĩa, có thể vì người khác giảng nói. Mình và chúng sinh đều cùng hưng khởi chánh đạo, đại trí mau thành, tùy thuận thuyết pháp.

Thuyết pháp ẩn giấu: Nghĩa là đối với chúng sinh trí thấp, che giấu nghĩa sâu xa, vì họ giảng nói pháp thô hiện dễ hành trì.

Thuyết pháp hiển hiện: Nghĩa là đối với các chúng sinh có trí tuệ, thâm nhập pháp Phật, vì họ giảng nói về chỗ sâu xa vi diệu.

Phương tiện bậc hạ: Nghĩa là phương tiện không thường, phương tiện không nhanh chóng.

Phương tiện bậc trung: Nghĩa là hoặc phương tiện thường, hoặc phương tiện nhanh, hành một bỏ một, không thể đầy đủ.

Phương tiện bậc thượng: Nghĩa là phương tiện đầy đủ cả hai.

Văn: Nghĩa là hiểu các loại kinh pháp do Đức Phật thuyết giảng như Tu-đa-la (Kinh) v.v... Thọ trì đọc tụng, hành phương tiện siêng năng tinh tấn.

Tư: Nghĩa là ở nơi chốn tịch tĩnh, tư duy các pháp, mở bày lãnh hội thông tỏ pháp tướng quyết định.

Tu: Nghĩa là chỉ, cử, xả. Chỉ quán hành trước, tu tập vui thích tâm xả hành chỉ quán.

Thâu giữ: Nghĩa là nương dựa nơi tâm không tham, tu hạnh bố thí. Chăm sóc các vị Hòa thượng, các bậc Sư trưởng đau ốm, nên cúng dường đầy đủ các thứ như y phục, thức ăn uống, thuốc thang. Nếu có lo lắng, hối hận và các phiền não, có thể vì chư vị ấy giải bày. Tu tập như vậy là như pháp cúng dường.

Phục thù: Nghĩa là tâm tư duy chân chánh, tự mình ngăn giữ phiền não. Thấy các chúng sinh khác, hoặc có kẻ phạm lỗi, phạm loại thấp thì quở trách, phạm loại vừa thì trị phạt, phạm loại nặng thì đuổi đi. Quở trách và trị phạt là tạo an lạc cho kẻ ấy và những chúng sinh khác. Nếu đuổi đi, kẻ kia trở lại xin sám hối, thì kẻ ấy đã được an lạc, gồm cả lợi ích cho người khác. Nếu kẻ kia không trở lại xin sám hối, thì cũng tạo an lạc cho người khác. Tức là người khác thấy kẻ ấy phạm tội bị đuổi đi, nhân đấy tự mình phải giữ gìn.

Tự tạo: Nghĩa là tự mình như pháp trụ, tùy thuận thuyết pháp, khiến chúng sinh khác ra khỏi xứ bất thiện an lập nơi xứ thiện. Nếu không như pháp trụ thì nhiều người sẽ nói: Ông nay làm sao dạy trao cho người khác phát khởi cùng suy niệm. Người khác tức nên chỉ dẫn ông phát khởi và suy niệm.

Người khác tạo thỉnh: Nghĩa là vị kia khéo dùng phương tiện thiện xảo thuyết pháp, đại chúng nhận biết, tâm ái kính tăng thượng, sẽ khuyến thỉnh thuyết pháp để thành thực chúng sinh.

Cùng tạo: Nghĩa là tự làm và khuyên thỉnh người khác, cả hai cùng thành thực.

Hai mươi bảy thứ thành thực phương tiện này, đối với sáu loại thành thực kia là phân biệt đầy đủ: Đó là thành thực các căn, thành thực căn thiện, thành thực trí tuệ, thành thực bậc hạ, trung, thượng.

Thành thực chúng sinh: Lược nêu có sáu thứ: Nghĩa là Bồ-tát trụ nơi sáu địa, thành thực chúng sinh. Trụ ở Địa hành giải, Bồ-tát hành hành giải. Trụ nơi Địa tâm tịnh, Bồ-tát hành tâm tịnh. Trụ nơi Địa hành đạo tích, Bồ-tát hành đạo tích. Trụ nơi Địa quyết định, Bồ-tát hành quyết định. Trụ nơi Địa cứu cánh, Bồ-tát hành cứu cánh. Đối với các chúng sinh không có chủng tánh, từ nẻo thiện thành thực, thường có tiến, có thoái. Các chúng sinh có chủng tánh, đều khiến được thành thực, không có thoái mất, thường thường tăng tiến.

Thành thực nhân tướng: Nghĩa là pháp tu tập căn bản của hàng Thanh văn.

Thành thực trụ hạ: Nghĩa là mong muốn thấp, phương tiện thấp, chưa lia nẻo ác, đối với pháp hiện tại không đắc quả Sa-môn, không đạt được Niết-bàn.

Thành thực trụ trung: Nghĩa là mong muốn bậc trung, phương tiện bậc trung, không rơi vào nẻo ác, ở trong pháp hiện tại đắc quả Sa-môn, không đạt được Niết-bàn.

Thành thực trụ thượng: Nghĩa là mong muốn bậc thượng, phương tiện bậc thượng, không rơi vào nẻo ác, ở trong pháp hiện tại đắc quả Sa-môn cùng Bát Niết-bàn, thành Phật-bích-chi, như Thanh văn. Vì sao? Vì đạo đồng Thanh văn, nhưng hơn Thanh văn, nghĩa là thân sau cùng không thầy mà tự giác ngộ. Lực tu tập căn bản, nghĩa là tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đoạn trừ tất cả kiết, chứng đắc A-la-hán, vì thế gọi là Duyên giác.

Lại, Bồ-tát trụ nơi Địa giải hành, nên biết là thành thực bậc hạ. Trụ nơi Địa tâm tịnh, nên biết là thành thực bậc trung. Trụ nơi Địa quyết định cứu cánh, nên biết là thành thực bậc thượng.

Bồ-tát trụ nơi thành thực bậc hạ, thì dục bậc hạ, phương tiện bậc hạ, chưa lìa nẻo ác, nên biết đó là A-tăng-kỳ thứ nhất đã mãn, hiển bày bất động, đạo phẩm, vui tịnh đều không thành tựu.

Bồ-tát trụ nơi thành thực bậc trung, thì dục bậc trung, phương tiện bậc trung, không rơi vào nẻo ác, nên biết đó là A-tăng-kỳ thứ hai đã mãn, hiển bày bất động, đạo phẩm thành tựu, vui tịnh không thành tựu.

Bồ-tát trụ nơi thành thực bậc thượng, thì dục bậc thượng, phương tiện bậc thượng, không rơi vào nẻo ác, nên biết đó là A-tăng-kỳ thứ ba đã mãn, hiển bày bất động, vui tịnh, đạo phẩm tất cả đều thành tựu.

Tánh kia thuận hậu, đầy đủ sáng rõ. Quả diệu tăng thượng, phước lợi tăng thượng, nên gọi là sáng rõ. Không trở lại, không thoái lui, tiến lên vững chắc, nên gọi là bất động. Đối với Địa Bồ-tát thanh tịnh hơn hết, nên gọi là vui tịnh.

Bồ-tát kia thành thực tài thí, thành thực thần túc, thành thực thuyết pháp ẩn giấu, thành thực phương tiện bậc hạ, thành thực văn tuệ, năm thứ thành thực này, tu tập dài lâu cũng hãy còn là bậc hạ, hướng chi lại là tu tập ngắn. Ngoài ra, tất cả sự thành thực, mỗi mỗi đều nói ba loại: Đó là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng; thượng hạ, thượng trung và thượng thượng. Như thế, phân biệt về thượng trung hạ tức có vô lượng thành thực. Nên biết chư Phật, Bồ-tát thành thực chúng sinh, Bồ-tát kia đối với sự thành thực này, như đã nói là tự thành thực pháp Phật, thành thực các căn, thành thực căn thiện, thành thực trí tuệ, thành thực hành hạ trung thượng, là dùng pháp của ba Thừa để thành thực chúng sinh.

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 7: BỒ ĐỀ VÔ THƯỢNG

Thế nào là Bồ-đề? Lược nêu có hai thứ đoạn và hai thứ trí, đó gọi là Bồ-đề. Hai thứ đoạn: Nghĩa là đoạn trừ chướng phiền não và đoạn trừ chướng trí. Hai thứ trí: Nghĩa là trí đoạn trừ chướng phiền não, lia cấu uế đạt thanh tịnh, tất cả phiền não không còn nối tiếp và trí đoạn trừ chướng trí, tất cả đối tượng nhận biết không còn chướng ngại.

Lại nữa, trí thanh tịnh, trí nhất thiết, trí vô ngại, diệt trừ tất cả tập khí phiền não, thanh tịnh thông sáng đoạn dứt rốt ráo. Đó gọi là Bồ-đề vô thượng.

Trí đoạn trừ rốt ráo tất cả tập khí phiền não, đó gọi là trí thanh tịnh.

Trí đối với tất cả cảnh giới, tất cả sự, tất cả chủng loại, tất cả thời đều không ngăn ngại, đó gọi là trí nhất thiết. Cảnh giới có hai thứ là thế giới và cảnh giới chúng sinh. Sự có hai thứ là hữu vi và vô vi. Sự hữu vi, vô vi như thế là có vô lượng thứ phân biệt: Phân biệt tự tướng sai biệt. Phân biệt tổng tướng sai biệt. Phân biệt nhân quả. Phân biệt cõi, phân biệt nẻo. Phân biệt thiện, bất thiện, vô ký. Thời có ba thời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Như vậy, nhận biết tất cả cảnh giới, tất cả sự, tất cả chủng loại, tất cả thời, đó gọi là trí nhất thiết.

Không nhờ phương tiện, phát tâm tức nhận biết, đối với tất cả pháp hiểu rõ không ngăn ngại, đó gọi là trí vô ngại.

Lại nữa, một trăm bốn mươi pháp bất cộng và trí vô tránh, trí nguyện, biện tài vô ngại của Như Lai. Đó gọi là Bồ-đề vô thượng.

Một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật là: Ba mươi hai tướng của bậc đại nhân. Tám mươi vẻ đẹp theo hình. Bốn trí vô ngại.

Nhất thiết chủng thanh tịnh. Mười lục. Bốn vô úy. Ba niệm xứ. Ba bất hộ. Đại bi. Pháp không quên. Đoạn trừ các tập. Nhất thiết chủng diệu trí. Các pháp Phật này, trong Phẩm An Lập sẽ nói rộng.

Bồ-đề vô thượng là gồm đủ bảy vô thượng, đối với tất cả Bồ-đề là vô thượng, là tối thượng. Những gì là bảy vô thượng? Một là thân vô thượng. Hai là đạo vô thượng. Ba là chánh vô thượng. Bốn là trí vô thượng. Năm là thần lực vô thượng. Sáu là đoạn vô thượng. Bảy là trụ vô thượng.

Như Lai có ba mươi hai tướng trang nghiêm nơi thân. Đó gọi là thân vô thượng.

Như Lai tự độ, độ người, cứu độ rất nhiều, thương xót thế gian, tạo lợi ích an lạc cho chư thiên và người đời. Đó gọi là đạo vô thượng.

Như Lai thành tựu bốn thứ chánh vô thượng, vô đẳng là chánh giới, chánh kiến, chánh oai nghi và chánh mạng. Đó gọi là chánh vô thượng.

Như Lai thành tựu bốn trí vô ngại vô thượng, vô đẳng là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại. Đó gọi là trí vô thượng.

Như Lai thành tựu sáu thần thông vô thượng, vô đẳng, như trước đã nói. Đó gọi là thần lực vô thượng.

Như Lai thành tựu hai thứ đoạn vô thượng, vô đẳng là đoạn trừ tất cả phiền não tập khí và đoạn trừ chướng trí. Đó gọi là đoạn vô thượng.

Như Lai thành tựu ba thứ trụ vô thượng, vô đẳng, luôn trụ trong đó, là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ. Đó gọi là trụ vô thượng. Chánh thọ không, vô tướng, vô tác, diệt tận, đó gọi là Thánh trụ. Bốn thiền, bốn định vô sắc, đó gọi là Thiên trụ. Bốn tâm vô lượng, đó gọi là Phạm trụ. Như Lai đối với ba thứ trụ ấy, phần nhiều trụ nơi Thánh

trụ, tức trụ trong Tam-muội không và Định diệt tận. Trong Thiên trụ thì trụ nơi thiên thứ tư. Trong Phạm trụ thì trụ nơi Đại bi. Do thế, Như Lai ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn quán sát thế gian, người nào nên độ, chưa khởi căn thiện, thì Như Lai sẽ khiến khởi. Cho đến người nào nên đắc quả vô thượng, Như Lai sẽ kiến lập. Đó gọi là trụ vô thượng.

Thân vô thượng gọi là đại trượng phu. Đạo vô thượng gọi là đại bi. Chánh vô thượng gọi là đại giới, đại pháp. Trí vô thượng gọi là đại tuệ. Lực vô thượng gọi là đại thần thông. Đoạn vô thượng gọi là đại giải thoát. Trụ vô thượng gọi là đại trụ, đa trụ.

Lại nữa, Như Lai có mười thứ danh xưng công đức, tùy niệm công đức. Những gì là mười? Đó là Như Lai, Ứng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Bà Già Bà.

Chẳng phải là chẳng như thuyết nên gọi là Như Lai.

Do đạt được tất cả nghĩa, là phước điền vô thượng, nên được cúng dường, đó gọi là Ứng.

Như mở bày giác ngộ về đệ nhất nghĩa, nên gọi là Đẳng Chánh Giác. Ba minh, như Khế kinh đã nói, hành là chỉ quán đầy đủ, nên gọi là Minh Hành Túc.

Đệ nhất tiến lên, vĩnh viễn không còn trở lại, đó gọi là Thiện Thệ.

Nhận biết về thế giới, về giới chúng sinh, về tất cả loại phiền não và thanh tịnh, đó gọi là Thế Gian Giải.

Điều phục tâm bậc nhất, trí phương tiện thiện xảo, tất cả thế gian chỉ có một trượng phu, đó gọi là Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu.

Bốn thứ trí chân thật, nghĩa pháp chân thật, chỉ rõ về không liễu nghĩa, nương nơi tất cả nghĩa, tuyên thuyết rộng khắp, đoạn trừ hết thảy nghi, hiển bày xứ thâm diệu thanh bạch, là gốc của các pháp, là

bậc dẫn dắt tất cả các pháp, là bậc xả tất cả, thoát hết thấy khổ, là vị Thầy diễn nói nghĩa pháp thích đáng cho hàng nhân thiên, đó gọi là Thiên Nhân Sư.

Tụ nghĩa lợi ích. Tụ chẳng phải nghĩa lợi ích. Tụ chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa lợi ích. Đầy đủ tất cả chủng loại bình đẳng, hiển bày giác ngộ, đó gọi là Phật. (Ba tụ này là thiện, bất thiện, vô ký).

Phá trừ tất cả lực ma, đó gọi là Bà-già-bà.

Hoặc trong vô lượng kiếp không có một Đức Phật xuất thế. Hoặc trong một kiếp có nhiều Đức Phật ra đời. Nơi mười phương vô lượng thế giới kia, có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Đức Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì nơi mười phương thế giới có vô lượng Bồ-tát đều phát đại nguyện. Nếu một Bồ-tát nơi ngày như thế, phần như thế, tháng như thế, năm như thế phát tâm Bồ-đề, thì tất cả Bồ-tát cũng lại như vậy. Tức ở trong ngày ấy, phần ấy, tháng ấy, năm ấy phát tâm Bồ-đề, đồng một oai nghi, đồng một năng lực, đồng một phương tiện, tất cả Bồ-tát cũng lại như vậy. Một thế giới có vô lượng Bồ-tát, đồng nguyện, đồng chí, đồng giới, đồng nhẫn, đồng tinh tấn, đồng thiên định, đồng trí tuệ, hướng gì là mười phương vô lượng thế giới. Mỗi mỗi thế giới đều có vô lượng vô số Bồ-tát, nhưng không có hai Bồ-tát đồng nguyện, đồng hành, nơi một quốc độ đồng một lúc thành Phật, hướng chi là vô lượng đồng một lúc cùng thành. Lại nữa, hết thấy Bồ-tát cùng một thời đồng hành nhưng thứ lớp thành Phật, thì cũng không đúng. Cũng không phải một vị thành, ngoài ra đều không thành. Vì thế nên mười phương vô lượng thế giới, tùy vào xứ tịnh không, không có Phật, thì Bồ-tát đồng hành mỗi mỗi đều thành Phật. Thế nên vô lượng thế giới có vô lượng Phật.

Không một thế giới có hai Đức Phật cùng xuất hiện. Vì sao? Vì Bồ-tát nơi đêm dài sinh tử đã khởi nguyện và phương tiện như vậy: Ta nên ở nơi một xứ không có pháp Phật, giảng nói rộng chánh pháp, điều phục chúng sinh, khiến họ thoát các khổ, nhập Niết-bàn. Đêm dài sinh

tử như vậy đã nuôi dưỡng đại nguyện lớn dần, thâm nhận chánh đạo, quả của đại nguyện thành. Lại, một Đức Như Lai ở trong ba ngàn đại thiên quốc độ đều có thể hành tác tất cả Phật sự, nếu Đức Phật thứ hai xuất hiện thì cũng không lợi ích gì. Lại nữa, trong một thế giới, một Đức Phật ra đời có thể khiến chúng sinh tự sự tùy thuận quyết định siêng năng tu tập. Vì sao? Vì chúng sinh khởi niệm: Tất cả thế giới chỉ có một Đức Như Lai, giáo hóa khắp rồi sẽ nhập Niết-bàn. Lại không có Phật để có thể khiến chúng ta tu hành phạm hạnh, nghe nhận chánh pháp. Suy nghĩ như thế tức nhanh chóng thực hành, thuần tu tinh tấn, hành trì phạm hạnh, nghe nhận chánh pháp. Nếu có nhiều Đức Phật thì các chúng sinh không nhanh chóng siêng tu. Vì thế nên nói trong một thế giới chỉ có một Đức Như Lai, chúng sinh sẽ tự quyết định siêng tu.

Tất cả Như Lai đều bình đẳng không sai khác, chỉ trừ bốn sự việc: Một là thọ mạng. Hai là danh xưng. Ba là chủng tánh. Bốn là sắc thân. Chỉ có bốn sự việc này là có tướng tăng giảm, không phải là công đức khác. Cũng không có nữ nhân chúng đắc Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất đã xả bỏ thân nữ, cho đến khi an tọa nơi gốc cây Bồ-đề đều không thọ thân nữ. Vì tất cả người nữ tánh nhiều phiền não, gây tạo trí ác, không thể do phiền não trí ác mà có thể chúng đắc Bồ-đề vô thượng.

Như vậy, Bồ-đề vô thượng có vô lượng nghĩa, nêu tóm tắt tức gồm có: Nghĩa tự tánh. Nghĩa vô thượng. Nghĩa danh xưng công đức. Nghĩa tùy niệm công đức. Nghĩa có thể đảm nhận. Nghĩa tối thắng. Thấy đều như trên đã nói, nên biết đều là chân thật.

Lại nữa, không thể nghĩ bàn vượt qua các thứ nghĩ bàn. Vô lượng vô biên công đức đầy đủ, vượt quá trên tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, nên gọi là Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, là tối thắng đệ nhất, không gì sánh bằng, không gì cao hơn.

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 8: LỰC CHỨNG TÁNH

Đã nói về Học xứ của Bồ-tát, nay sẽ nói về Bồ-tát học. Bồ-tát như vậy muốn khéo học về Bồ-tát học nên có bảy việc: Một là tu nhiều tín giải. Hai là cầu pháp. Ba là thuyết pháp. Bốn là pháp tiếp pháp hướng (pháp tùy pháp hành). Năm là chánh giáo thọ (chỉ dạy trao truyền). Sáu là giáo giới (dạy khuyên). Bảy là gồm thâu phương tiện nơi nghiệp thân khẩu ý.

Thế nào là Bồ-tát tu nhiều tín giải? Bồ-tát đối với tám thứ xứ giải, tịnh tín đứng đầu, nhất tâm quyết định vui muốn thành tựu, đó là Tam bảo, là công đức của Phật, Pháp, Tăng. Chư Phật, Bồ-tát thân lực tự tại, như trên đã nói, là nghĩa chân thật, hoặc vô số thứ nhân, hoặc vô số thứ quả, tùy thuận tương ưng nhưng không điên đảo. Đạt nghĩa, đạt phương tiện, có thể nhận giữ nên có khả năng đạt được. Có đạt được phương tiện tức có thể đạt được nghĩa. Bồ-tát kia đạt được nghĩa tức là Bồ-đề vô thượng. Đạt được phương tiện, tức là tất cả Bồ-tát dốc tu học đạo. Đó là tin hiểu, khéo giảng nói. Tức là Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký v.v... nơi vô lượng ngôn giáo vi diệu, giảng nói về thiện. Bồ-tát đối với tám thứ xứ giải này, có hai loại lực giải: Một là tu nhiều hành giải. Hai là vui hành nhẫn sâu.

Bồ-tát cầu pháp là cầu pháp nào? Vì sao cầu? Cầu như thế nào?

Cầu pháp nào? Tức lược nêu là cầu Tạng Bồ-tát, cầu Tạng Thanh văn, ngoại luận, xứ trí công nghiệp của thế gian.

Mười hai bộ kinh, chỉ có bộ Phương Quảng là Tạng Bồ-tát. Mười một bộ còn lại là Tạng Thanh văn. Ngoại luận lược nói có ba thứ là Nhân luận, Thanh luận và Y phương luận. Xứ trí công nghiệp của thế gian nghĩa là vô số thứ nghề nghiệp, như các thợ vàng, thợ bạc v.v... và những thứ khác thuộc về minh xứ. Minh xứ có năm thứ:

Một là nội minh xứ. Hai là nhân minh xứ. Ba là thanh minh xứ. Bốn là y phương minh xứ. Năm là công nghiệp minh xứ. Năm thứ minh xứ này Bồ-tát đều cầu học.

Những lời Phật thuyết giảng gọi là Nội luận, lược nói có hai loại: Một là hiển bày nhân quả đúng đắn. Hai là hiển bày điều đã làm không hoại, không tạo tác, không thọ nhận. Nhân luận cũng có hai loại: Một là có thể hàng phục luận của người khác. Hai là tự quảng diễn nghĩa của mình. Thanh luận có hai thứ: Một là hiển bày về giới sắc. Hai là hiển bày về ngôn từ thiện xảo. Y phương luận có bốn thứ: Một là hiển bày về việc khéo nhận biết bệnh. Hai là hiển bày nguyên nhân của bệnh. Ba là hiển bày về việc có thể dứt trừ bệnh đã khởi. Bốn là hiển bày về việc bệnh đã dứt trừ rồi khiến không khởi lại.

Xứ trí công nghiệp của thế gian nghĩa là hiển bày về vô số các nghề nghiệp của thế gian đã thành tựu.

Thế nào là Phật thuyết giảng về nhân không điên đảo? Tức có mười thứ nhân không điên đảo, nên biết là gồm thấu tất cả các nhân, tất cả phiền não, tất cả thanh tịnh, tất cả vô ký. Những gì là mười? Một là nhân tùy thuyết. Hai là nhân dĩ hữu. Ba là nhân chủng thực. Bốn là nhân nhiếp. Năm là nhân sinh. Sáu là nhân trưởng. Bảy là nhân tự chủng. Tám là nhân cộng sự. Chín là nhân tương vi. Mười là nhân bất tương vi.

Tất cả danh pháp này, có danh rồi tướng, tướng rồi nêu bày. Danh, tướng ngôn thuyết của các pháp này, đó gọi là nhân tùy thuyết. Do có sự nên có đối tượng tạo tác, đó gọi là nhân dĩ hữu. Do có tay nên có việc làm, do có chân nên có đi lại, do có thân nên có co duỗi, do có đói khát nên có tìm cầu các thứ ăn uống. Những thứ như vậy là vô lượng vô biên, gọi là nhân dĩ hữu. Gieo trồng các hạt giống, gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần gọi là nhân nhiếp. Hạt giống ở nơi mầm gọi là nhân sinh. Mầm cành tiếp nối cho đến thành thực gọi là nhân trưởng. Vô số các hạt giống mỗi mỗi đều tự sinh,

gọi là nhân tự chủng. Sáu nhân: Nhân dĩ hữu, nhân chủng thực, nhân nhiếp, nhân sinh, nhân trưởng, nhân tự chủng, gọi chung là nhân cộng sự. Chướng ngại nơi sinh gọi là nhân tương vi. Không chướng ngại gọi là nhân bất tương vi. Tương vi có sáu thứ: Một là ngũ tương vi: Nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn nói kinh luận, trước sau trái nhau. Hai là sở ưng tương vi: Nghĩa là nói tất cả nghĩa và lý trái nhau. Ba là sinh tương vi: Nghĩa là sinh duyên không đầy đủ, chướng ngại nơi sự sinh khởi. Bốn là xứ tương vi: Nghĩa là các pháp như sáng, tối, thương, giận, khổ, vui. Năm là oán tương vi: Nghĩa là các loài rắn độc, chuột, chó sói, mèo, những loài thú ấy đều là oán hại. Sáu là đối trị tương vi: Nghĩa là tu quán bất tịnh đối trị tham dục, tu từ để chấm dứt sân giận, tu tâm bi để đình chỉ giận hại, tu đạo phẩm vô lậu để đoạn vĩnh viễn phiền não. Ở đây, dùng sinh tương vi để nêu bày.

Các nhân này thuộc về hai nhân: Một là nhân sinh. Hai là nhân phương tiện. Gieo trồng các hạt giống sinh gọi là nhân sinh, các nhân khác gọi là nhân phương tiện.

Lại có bốn duyên: Duyên nhân, Duyên thứ đệ, Duyên duyên và Duyên tăng thượng. Nhân sinh là duyên nhân. Nhân phương tiện là duyên tăng thượng. Duyên thứ đệ và Duyên duyên là tâm tâm số pháp, nghĩa là tâm tâm số pháp sinh trước, khai mở dẫn dắt, thâm nhận duyên, thâm nhận sinh. Thế nên hai duyên thâm giữ những thứ thuộc về nhân.

Vì sao mười nhân này sinh khởi tất cả sự việc của thế gian? Vì sao sinh tất cả phiền não? Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Như vô số các loại lương thực đã nuôi sống thế gian nhân đây sinh khởi các thứ danh, tướng, ngôn thuyết, đó là lúa nếp, lúa tẻ, lúa nếp hương, lúa gạo, mè, đậu, lúa mì, đây gọi là nhân tùy thuyết. Như đại mạch hoặc đem đến, hoặc mang đi, hoặc lấy, hoặc cho, có vô số thứ ngôn thuyết như vậy, ngoài ra tất cả các thứ lúa thóc khác cũng như thế, do có thân đói khát, gầy ốm nên cầu tìm thức ăn uống, những thứ như

vậy gọi là nhân dĩ hữu. Như gieo trồng các hạt giống, mỗi mỗi đều tự sinh, người kia bắt đầu gieo trồng hạt giống, đó gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần khiến mầm được sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Hạt giống kia ở nơi mầm, đó gọi là nhân sinh. Lại nữa, mầm lá cành thân cây lần lượt nối tiếp nhau cho đến thành thực, đó gọi là nhân trưởng. Như hạt giống lúa mì thì sinh mầm lúa mì không phải là loại khác, các thứ còn lại cũng như thế, đó gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đều gọi là nhân cộng sự, do tất cả hòa hợp được sinh nên gọi là nhân cộng sự. Các thứ như sương, mưa đá, tai họa, chướng ngại phá hoại, đó gọi là nhân tương vi. Những thứ kia không đầy đủ, không chướng ngại, đó gọi là nhân bất tương vi. Tất cả các việc khác ở thế gian đều do mười nhân sinh ra, theo chỗ ứng hợp nên biết.

Vì sao sinh tất cả phiền não? Hết thủy duyên khởi kia là danh, tướng, ngôn thuyết, đây là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, đó gọi là nhân tùy thuyết của phiền não. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử v.v..., cảnh giới của ngôn thuyết từng nhớ lại rồi tham đắm vị, các chi hữu sinh, đó gọi là nhân dĩ hữu của phiền não. Các pháp như vô minh v.v... là chủng tử của hiện pháp, sinh các thứ sinh lão bệnh tử của đời khác, đó gọi là nhân chủng thực. Không gần các vị thiện hữu để nghe nhận chánh pháp, hành tập tư duy bất chánh, nên vô minh v.v... sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Mỗi mỗi chủng tử đều từ nơi vô minh v.v... sinh, đó gọi là nhân sinh. Từ vô minh đến hữu sau tăng tiến cùng cầu, đến sinh lão bệnh tử của đời khác, đó gọi là nhân trưởng. Các loại chủng tử đều từ vô minh cho đến hữu sau, sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và nẻo người, trời, đó gọi là nhân tự chủng của phiền não. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đó gọi là nhân cộng sự. Nếu có chủng tánh, được gặp Phật ra đời diễn nói pháp thiện, gần bậc thiện tri thức, nghe nhận pháp thiện, tư duy

chánh niệm, pháp tiếp pháp hướng, đạo phẩm thanh tịnh, đó gọi là nhân tương vi của phiền não. Như trên đã nói, nếu các thứ kia không đầy đủ, gọi là nhân bất tương vi. Đó gọi là mười nhân, sinh tất cả phiền não, nên biết.

Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Tất cả pháp tịnh cho đến Niết-bàn diệt tận, có các thứ danh, tướng, ngôn thuyết, đó gọi là nhân tùy thuyết của pháp tịnh. Niệm xứ, chánh cần này cho đến tám chánh đạo, vô minh diệt cho đến sinh lão bệnh tử diệt, các thứ danh, tướng, ngôn thuyết như vậy, đó gọi là nhân tùy thuyết của pháp tịnh. Do có vô minh v.v... nên ưa cầu pháp tịnh, thâm nhận pháp tịnh, pháp tịnh được sinh, đó gọi là nhân dĩ hữu. Nếu người có đầy đủ chủng tánh, Hành giả đầu tiên hướng đến Niết-bàn hữu dư, vô dư, đó gọi là nhân chủng thực của pháp tịnh. Chủng tánh kia gồm thâm chủng tử của đạo phẩm vô lậu, đối với các pháp đạo phẩm, đó gọi là nhân sinh. Gắn gũi bậc thiện tri thức, nghe nhận pháp thiện, tu chánh tư duy, các căn thành thực, đó gọi là nhân nhiếp. Chủng tử kia sinh pháp đạo phẩm, hướng đến Niết-bàn vô dư, đó gọi là nhân trưởng. Chủng tánh Thanh văn do nơi thừa Thanh văn để bát Niết-bàn; chủng tánh Duyên giác do nơi thừa Duyên giác để bát Niết-bàn; chủng tánh Đại thừa do nơi Đại thừa vô thượng để bát Niết-bàn, đó gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đó gọi là nhân cộng sự. Chủng tánh không đầy đủ, không gặp được Phật ra đời, sinh nơi xứ có các nạn, không gần gũi bậc thiện, không nghe pháp thiện, không chánh tư duy, hành tập đạo tà, đó gọi là nhân tương vi của pháp tịnh. Nhân tương vi này không đầy đủ, đó gọi là nhân bất tương vi. Nhân tương vi của các phiền não là nhân của pháp tịnh. Nhân tương vi của pháp tịnh là nhân của phiền não.

Như thế, mười nhân phiền não, mười nhân thanh tịnh, thì các các phiền não thanh tịnh của quá khứ vị lai đều cũng như vậy, hoàn toàn là vô thượng.

Thế nào là quả? Lược nêu có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả y. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả sĩ phu. Năm là quả tăng thượng.

Các pháp bất thiện thì có báo của nẻo ác. Pháp thiện hữu lậu được báo của nẻo thiện. Đó gọi là quả báo. Nếu hành tập pháp bất thiện, ưa trụ nơi pháp bất thiện thì pháp bất thiện tăng. Nếu hành tập pháp thiện, ưa trụ nơi pháp thiện thì pháp thiện tăng trưởng. Nghiệp trước thế nào, quả sau sinh tương tự. Đó gọi là quả y. Tám chánh đạo diệt trừ các phiền não, gọi là quả giải thoát. Hoặc dùng đạo thế tục diệt các phiền não, phạm phu kia không rớt ráo lia bỏ, tức không phải quả giải thoát. Hoặc ở nơi hiện pháp, dựa vào vô số xứ nghiệp công xảo của thế gian, có đủ các việc của sĩ phu, đó là làm nông, mua bán, quan lại cai trị, viết vẽ, toán số, xem bói, in ấn, mỗi mỗi thứ đều có quả sinh. Đó gọi là quả sĩ phu. Nhân thức là quả tăng thượng của nhân căn, cho đến ý thức là quả tăng thượng của ý căn. Lý sinh không hoại là quả tăng thượng của mạng căn. Tất cả hai mươi hai căn đều làm tăng thượng, đều có quả sinh, nên biết đều là quả tăng thượng. Hai mươi hai căn này, về tăng thượng như nơi xứ Nhiếp sự nói. Bồ-tát như vậy nhận biết Đức Phật hiển bày về nhân quả đúng đắn xong, đối với xứ phi xứ thì chúng tánh trí lực thứ lớp tu tập, thanh tịnh tăng trưởng, chẳng phải là không tạo những tạo tác khác mà có được thành thực, cũng không tự chỗ tạo nghiệp, trải qua nhiều kiếp mà mất. Người tạo không mất, không tạo không nhận. Phật đã chỉ rõ. Như thế là Bồ-tát nhận biết như thật về chúng tánh nơi trí lực của tự nghiệp rồi, thứ lớp tu tập, thanh tịnh tăng trưởng.

Thế nào là Bồ-tát cầu nghe pháp? Bồ-tát này trụ nơi tâm ân cần cung kính cầu thuyết giảng pháp thiện, nói lời pháp thiện. Như thế lược nói, trụ nơi thuyết pháp thiện, trụ nơi siêng năng cung kính. Nếu Bồ-tát được nghe một lần thuyết pháp thiện, tuy đường đi đến là đường hiểm trở, đại địa bị thiêu đốt, cũng hãy còn hoan hỷ, từ trong đó vượt qua, hưởng chi là được nghe nhiều. Nghe pháp một lần, hãy

còn không tiếc thân mạng yêu quý, huống gì là các thứ tài sản khác. Một lần nghe thuyết pháp tâm yêu thích cung kính, so với sự yêu kính ở trước là gấp trăm ngàn vạn lần, cho đến toán số thí dụ cũng không so sánh được. Nghĩa là nghe thuyết pháp thiện, tâm không chán đủ, tịnh tín tăng trưởng, thân nhẹ nhàng, tâm chánh trực, thấy biết ngay thẳng, vô cùng vui thích công đức. Đến nơi chôn thuyết pháp, tâm không bị trở ngại, cung kính trừ bỏ kiêu mạn, chỉ cầu chánh pháp, không cầu danh xưng, vì mình và người tu các căn thiện, không vì lợi dưỡng. Đến nơi chôn thuyết pháp, nghe pháp với tâm không nhiễm ô, tâm không tán loạn.

Thế nào là tâm không nhiễm ô khi nghe pháp? Nghĩa là lia bỏ phiền não cao ngạo, lia bỏ các thứ phiền não như tướng xem thường, tướng hạ thấp.

Có bảy hành lia bỏ phiền não cao ngạo: Một là thường nghe. Hai là muốn thọ nhận. Ba là nghe tức thì. Bốn là cung kính nghe. Năm là không đùa cợt. Sáu là tùy thuận. Bảy là không tìm câu lỗi lầm. Bảy hành như vậy sẽ lia bỏ phiền não cao ngạo.

Có bốn hành lia bỏ phiền não của tướng xem thường: Một là cung kính pháp. Hai là cung kính người thuyết pháp. Ba là không xem nhẹ pháp. Bốn là không xem thường người thuyết pháp. Bốn hành như vậy khiến lia bỏ phiền não của tướng xem thường.

Có một hành lia bỏ phiền não của tướng hạ thấp: Đó là nghe nhận chánh pháp, không tự xem nhẹ việc nghe pháp. Dùng một hành này khiến lia bỏ phiền não của tướng hạ thấp.

Lia bỏ những lỗi như thế, để nghe nhận chánh pháp, đó gọi là Bồ-tát tâm không nhiễm ô khi nghe pháp.

Thế nào là tâm không loạn khi nghe pháp? Nghĩa là có bốn hành: Một là nhất tâm. Hai là lắng nghe. Ba là ý định. Bốn là hoàn toàn chuyên chú vui thích nghe nhận chánh pháp.

Đó gọi là Bồ-tát cầu nghe pháp.

Bồ-tát do đâu cầu nghe pháp? Bồ-tát cầu nghe pháp do Đức Phật thuyết giảng, vì thọ nhận chánh pháp, pháp tùy pháp hành, vì người khác giảng nói rộng.

Bồ-tát cầu Nhân luận: Là muốn nhận biết về lỗi lầm của luận kia, muốn hàng phục luận khác. Người chưa tin pháp Phật khiến sinh tin, người sinh tin rồi khiến thêm rộng lớn.

Bồ-tát cầu Thanh luận: Là vì các chúng sinh diễn nói rộng lời chân chánh khiến họ ưa thích, vì nhằm làm trang nghiêm ý vị của câu từ, ở trong một nghĩa có nhiều thứ ngôn từ được trang nghiêm.

Bồ-tát cầu Y phương luận: Là vì nhằm dứt trừ các thứ bệnh cho chúng sinh, thâm nhận đại chúng.

Bồ-tát cầu trí xứ công nghiệp của thế gian, vì dùng ít phương tiện nhưng thâm đạt được nhiều của cải, tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Lại cũng để chỉ dạy cho chúng sinh đủ các thứ nghề nghiệp.

Bồ-tát cầu học năm minh xứ như thế, vì nhằm khiến cho đại trí của Bồ-đề vô thượng viên mãn rốt ráo, chẳng phải là không theo thứ lớp, học tất cả pháp để chứng đắc trí nhất thiết không chướng ngại.

Đó gọi là đối tượng tìm cầu của Bồ-tát theo đầy đủ tu học hành trì.

Bồ-tát vì người thuyết pháp là thuyết giảng những điều gì? Thuyết pháp như thế nào? Do đâu nên thuyết pháp? Bồ-tát như pháp đã cầu, theo như pháp ấy để giảng nói. Như nghĩa đã cầu, theo như nghĩa ấy để thuyết giảng. Do hai nhân duyên nên giảng nói: Một là tùy thuận thuyết. Hai là thanh tịnh thuyết.

Tùy thuận thuyết là trụ nơi oai nghi như pháp để thuyết giảng, không phải không như pháp. Không vì người không bệnh ngồi ở chỗ cao, thuyết giảng cho họ. Người che đầu, người đi trước, đều không vì họ thuyết giảng, như nơi kinh đã nói rộng. Vì sao? Vì chư Phật,

Bồ-tát luôn tự cung kính pháp. Do cung kính pháp nên khiến cho các chúng sinh khác cũng phát khởi sự cung kính sâu xa, nghe rồi thì phụng trì không khởi khinh mạn. Thuyết giảng tất cả, thuyết giảng không gián đoạn, không keo kiệt đối với pháp, không làm vị thầy mỗi một. Như thứ lớp nơi cú vị để nói. Như thứ lớp nơi cú vị để thọ nhận. Như thứ lớp nơi nghĩa phân biệt để nói. Nêu lợi ích của nghĩa, lợi ích của pháp. Đối với các thứ lợi ích của nghĩa, chỉ rõ điều cần chỉ rõ, trao truyền điều nên trao truyền, soi sáng chỗ cần soi sáng, vui mừng việc đáng vui mừng. Hiện trí, tỷ trí, nghe nhận đầy đủ từ thầy, vì người khác giảng nói, luôn suy xét lắng nghe đầy đủ để thuận hướng về nẻo thiện. Không thuyết giảng tạp loạn, phải khéo giảng nói, không nói điều ẩn mật sâu xa, luôn ứng hợp với bốn Thánh đế, theo chỗ thích hợp của nhiều người vì họ giảng nói rộng. Mười lăm thứ này, Bồ-tát vì khắp chúng sinh tùy thuận khéo giảng nói. Tất cả đều là lợi tha, cần phải biết.

Lại nữa, Bồ-tát đối với người không tạo lợi ích cho mình, nên trụ nơi tâm từ để giảng nói. Kẻ hành theo nẻo ác, Bồ-tát trụ nơi tâm an ổn để giảng nói. Đối với các chúng sinh khổ vui, phóng dật, nghèo thiếu, Bồ-tát trụ nơi tâm an lạc, thương xót để giảng nói. Không do ganh ghét trói buộc để tự khen ngợi mình, chê bai người khác, luôn lia tâm tham chấp, vì người thuyết pháp không cầu danh lợi. Năm thứ như vậy là Bồ-tát thanh tịnh thuyết pháp.

Trước sau lược nêu có hai mươi thứ: Một là thời. Hai là tức thì. Ba là thứ lớp. Bốn là nối tiếp. Năm là nhẫn nại. Sáu là hoan hỷ. Bảy là mong muốn. Tám là vui. Chín là khuyến khích. Mười là không chê bai. Mười một là ứng hợp. Mười hai là văn tự đầy đủ. Mười ba là không xen tạp. Mười bốn là như pháp. Mười lăm là tùy chúng. Mười sáu là tâm từ. Mười bảy là tâm an. Mười tám là tâm thương xót. Mười chín là không tự khen chê người. Hai mươi là không dựa vào danh lợi.

Đó gọi là Bồ-tát vì người khác thuyết pháp.

* Thế nào là Bồ-tát tiếp pháp hướng (Pháp tùy pháp hành)?
 Lược nêu có năm thứ: Một là như chỗ mong cầu. Hai là như chỗ thâm giữ pháp. Ba là thân khẩu ý tùy chuyển. Bốn là chánh tư. Năm là tu. Nếu pháp này Đức Thế Tôn đã chế lập khiến thân khẩu ý hành tác. Hoặc nghe pháp này thân khẩu ý nên hành tác, thì nghiệp thân khẩu ý của Bồ-tát như vậy là nên lìa, như vậy là nên tu, thân khẩu ý tùy chuyển. Đó gọi là pháp tiếp pháp hướng.

Bồ-tát chánh tư là Bồ-tát một mình ở chốn tịch tĩnh, như pháp đã nghe, tư duy, lường xét, quán xét, trước hết xa lìa xứ không tư duy như thế, tư lượng đối với pháp, siêng năng tư duy, thường tư duy, tư duy nhanh, phương tiện không dứt. Bồ-tát đầy đủ chánh tư, đầy đủ hành tùy thuận nhập, có chỗ xả bỏ, dựa vào nghĩa, không dựa vào văn, nói ngầm nói rõ, Bồ-tát đều nhận biết như thật. Trước hết suy nghĩ người nên nhập, người đã nhập rồi thường xuyên tư duy.

Bồ-tát lìa xứ không tư duy nghĩa: Là không theo tâm ngu, tâm loạn, nhưng siêng tư, thường tư và chóng tư.

Phương tiện không dứt: Là đối với người chưa hiểu nghĩa, khiến được hiểu, hiểu nghĩa rồi khiến không quên mất.

Đầy đủ: Là có chỗ nhập, chỗ hành, không do người khác, có thể quán xét đầy đủ.

Có chỗ xả bỏ: Là nếu biết các pháp không phải là cảnh giới kia, nên tự suy nghĩ: Đối tượng nhận biết của Đức Phật ở đây, không phải là cảnh giới của ta. Như vậy là không hủy báng, tự không có lỗi.

Bồ-tát dựa vào nghĩa không dựa vào văn: Là khéo hội nhập nơi sự thuyết giảng ẩn mật của Như Lai.

Khéo nhận biết về thuyết giảng ngầm rõ: Là đối với nghĩa chân thật, không hề dao động.

Bồ-tát khi mới nhập chánh tư, trước chưa đắc nhãn, nay đã đắc nhãn, đắc rồi kiên cố tùy thuận nhập vào tu tuệ.

Tám thứ như vậy, thuộc về chánh tư của Bồ-tát.

Người tu pháp tiếp pháp hướng (pháp tùy pháp hành) lược nêu có bốn thứ: Một là chỉ. Hai là quán. Ba là tu tập chỉ quán. Bốn là vui trụ nơi chỉ quán.

Chỉ: Nghĩ là tám thứ chánh tư của Bồ-tát, khéo chánh chân thật, pháp lìa ngôn thuyết, hoặc sự hoặc lý, buộc tâm trong duyên, xa lìa tất cả hư giả, vội gáp, và các sự nghĩ nhớ. Trong duyên giải thoát, buộc tâm an lập nơi tướng Tam-muội, nói rộng cho đến nhất tâm. Đó gọi là chỉ.

Quán: Nghĩa là chỉ kia luôn huân tu, nhớ nghĩ tư duy, như chánh tư duy nơi pháp tướng, ghi nhớ chọn lựa, cho đến minh tuệ. Đó gọi là quán.

Tu tập chỉ quán: Nghĩa là nếu hành chỉ quán, thường tu phương tiện, chóng tu phương tiện. Đó gọi là tu tập chỉ quán.

Vui trụ nơi chỉ quán: Nghĩa là nơi các tướng của chỉ quán kia, tâm trụ bất động, phương tiện bất động, có thể tự quán sát, là nơi chôn sâu nhận, tâm không tán loạn. Đó gọi là vui trụ nơi chỉ quán.

Bồ-tát như vậy như vậy tu tập chỉ quán. Như vậy như vậy vui trụ nơi chỉ quán. Như vậy như vậy chỉ quán thanh tịnh. Như vậy như vậy thân tâm khinh an dần dần tăng trưởng. Như vậy như vậy quán xét thanh tịnh. Như vậy như vậy trí kiến thêm rộng. Như vậy như vậy hành tập. Người tu tuệ thân tâm lìa ác, nơi tất cả đối tượng nhận biết trí kiến đều thanh tịnh. Tất cả hành nghiệp tu tuệ đều từ bốn thứ tu như vậy sinh khởi.

Thế nào là chỉ dạy trao truyền? Lược nêu có tám thứ. Bồ-tát dựa nơi Tam-ma-đề, chỉ dạy người tu hành, tâm luôn trọn vẹn. Bồ-tát

chỉ dạy người, tức tự chỉ dạy trao truyền. Như pháp của chư Phật, trước phải biết bốn thứ cầu (tâm tư): Một là cầu tâm nhận biết là cầu tâm. Hai là cầu căn nhận biết là cầu căn. Ba là cầu hy vọng nhận biết là cầu hy vọng (ý lạc). Bốn là cầu sử nhận biết là cầu sử. Năm là tùy theo chỗ thích hợp dùng các loại môn độ để độ thoát: Nghĩa là quán bất tịnh, tâm từ, duyên khởi phân biệt giới, niệm An-na-bát-na, đó gọi là tùy theo môn độ thích hợp để độ thoát. Sáu là đối trị chấp biên thường nên nói trung đạo. Bảy là đối trị chấp biên đoạn nên nói trung đạo. Tám là trừ các thứ tăng thượng mạn không đắc cho là đắc, không xúc cho là xúc, không chứng cho là chứng.

Tám thứ chỉ dạy trao truyền kia lược nêu có ba xứ thâm giữ. Ba xứ nghĩa là: Trước tâm chưa trụ khiến buộc niệm trong duyên. Tâm đã trụ rồi khiến được tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Người chưa rốt ráo khiến trụ trong xả.

Nhận biết ý lạc nơi căn tâm kia có kiết sử nên tùy sự thích hợp với môn độ để độ thoát, khiến tâm chánh trụ, buộc niệm trong duyên. Đối trị việc chấp đoạn thường kia nên giảng nói trung đạo, khiến người tâm đã trụ thành tựu tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Trừ bỏ tăng thượng mạn không làm cho là làm, cho đến tăng thượng mạn không chứng cho là chứng, đối với người chưa rốt ráo khiến trụ trong xả. Ba sự việc như vậy gồm thâm tám thứ chỉ dạy trao truyền.

Như vậy là Bồ-tát thọ nhận sự chỉ dạy từ người khác, dạy trao cho người xong, tám lược nơi chủng tánh thanh tịnh tăng trưởng. Đó là trí lực của thiên định, giải thoát, Tam-muội, chánh thọ. Trí lực của các căn lợi độn. Trí lực của vô số hành giải. Trí lực của vô số cảnh giới. Trí lực của hết thảy chí xứ đạo. Trí lực của túc mạng. Trí lực của sinh tử và trí lực của lậu tận.

Thế nào gọi là dạy khuyên? Lược nêu có năm thứ: Một là ngăn cấm đối với hành giả có tội. Hai là đối với hành giả vô tội thì cho

phép. Ba là hoặc cấm hoặc cho phép, người có thiếu giảm tức như pháp nêu dẫn. Bốn là người luôn luôn vi phạm thì điều phục khiến nhớ nghĩ. Năm là không đục loạn, không biến đổi, chánh hướng thuần tịnh. Pháp hoặc cấm, hoặc cho phép, đều là công đức chân thật, luôn thương mến, nhớ nghĩ, khen ngợi, khiến kẻ kia hoan hỷ. Đó gọi là lược nêu về năm sự việc dạy khuyên của Bồ-tát, là hoặc cấm hoặc cho phép, hoặc nêu lên, hoặc điều phục, hoặc hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát gồm sáu phương tiện nơi nghiệp thân, khẩu, ý? Lược nói về bốn nhiếp sự của Bồ-tát, đó gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn nói: Bốn nhiếp sự gọi là phương tiện. Lược nêu bốn thứ phương tiện để điều phục chúng sinh, sáu giữ chúng sinh hoàn toàn là vô thượng: Một là phương tiện tùy nhiếp. Hai là phương tiện nhiếp. Ba là phương tiện độ. Bốn là phương tiện tùy thuận.

Bồ-tát dùng các thứ tài thí, theo đó để sáu tóm chúng sinh, khiến không ai là không tin thọ vâng thuận tu hành, đó gọi là phương tiện tùy nhiếp của bố thí. Tiếp theo là hành ái ngữ, khiến chúng sinh ngu si lìa bỏ chốn tối tăm, chỉ bày gồm sáu đầy đủ trọn vẹn, đó gọi là phương tiện nhiếp của ái ngữ. Chỉ bày nhiếp đầy đủ rồi, khiến chúng sinh xả bỏ xứ bất thiện, hiểu biết thọ nhận xứ thiện, điều phục vui trụ, đó gọi là phương tiện độ của lợi hành. Bồ-tát như vậy dùng đồng sự tùy thuận độ thoát chúng sinh, khiến đều cung kính thuận phục, không khởi lời: Ông tự không tín, giới, tuệ thí, đa văn, làm sao chỉ dạy người khác, nêu tội, ban niệm? Đó gọi là phương tiện tùy thuận của Bồ-tát đồng sự.

Bốn thứ phương tiện nhiếp như vậy, hoặc chung hoặc riêng, đều gọi là phương tiện nhiếp của Bồ-tát nơi nghiệp thân khẩu ý gồm sáu chúng sinh, điều phục thành thực.

HẾT - QUYỂN 3

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 4

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 9: THÍ

Lại nữa, Bồ-tát thứ lớp hành trì đầy đủ sáu Ba-la-mật, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, đó là bố thí Ba-la-mật, trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, thiền định Ba-la-mật, và trí tuệ Ba-la-mật.

Thế nào là Bồ thí Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh thí. Hai là Nhất thiết thí. Ba là Nan thí. Bốn là Nhất thiết môn thí. Năm là Thiện nhân thí. Sáu là Nhất thiết hành thí. Bảy là Trừ não thí. Tám là Đời này đời khác vui thí. Chín là Thanh tịnh thí.

Tự tánh thí: Nghĩa là Bồ-tát luôn kết hợp tư nguyện cùng không tham, không tiếc của cải và thân mạng, khởi nghiệp thân khẩu, xả bỏ của cải để bố thí, xả bỏ tài sản như pháp, trụ nơi xứ luật nghi, thấy quả đời vị lai, đem nghĩa như vậy thí cho chúng sinh. Đó gọi là tự tánh thí.

Nhất thiết thí: Lược nêu có hai thứ vật bố thí: Một là nội vật. Hai là ngoại vật. Bồ-tát xả bỏ thân mạng, đó gọi là nội thí. Nếu Bồ-tát có được thức ăn nôn ra cho chúng sinh, ăn rồi nôn ra để bố thí, đó gọi là nội ngoại thí. Trừ những thứ như trên đã nói, các thí còn lại gọi là ngoại thí.

Nội thí của Bồ-tát lại có hai thứ: Một là theo chỗ mong muốn tạo tác, tha lực tự tại, xả thân bố thí. Ví như có người vì sự sống nên lệ thuộc nơi người, làm kẻ giúp việc cho người khác. Bồ-tát như vậy, không vì lợi dưỡng, chỉ vì Bồ-đề vô thượng, vì tạo an lạc cho chúng sinh, vì hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, nên theo chỗ mong muốn tạo tác, tha lực tự tại, xả thân bố thí. Hai là tùy theo chỗ người khác cần, các chi phần như đầu mắt, tay chân, các thứ máu thịt, gân xương, cho đến tủy não, theo sự mong cầu của người xin tất cả đều thí cho.

Ngoại thí của Bồ-tát lại có hai thứ: Một là theo sự cầu xin của kẻ kia khiến thọ dụng an vui đầy đủ, Bồ-tát tức hoan hỷ ban cho. Hai là để phụng sự kẻ cầu xin nên tâm xả tất cả, thí cho tất cả.

Bồ-tát đối với vật nội ngoại đều không có tướng sai khác, bình đẳng bố thí tất cả, hoặc có khi thí, hoặc có khi không thí. Nếu đối với chúng sinh vui vẻ nhưng không an ổn, không vui và không an, thì không thí. Nếu đối với chúng sinh an ổn nhưng không vui vẻ, cũng an ổn, cũng vui vẻ, thì đều thí. Như thế là lược nói về trường hợp nên thí, không nên thí, tiếp theo sẽ nói rộng. Nếu Bồ-tát bố thí khiến người khác thọ khổ, hoặc dẫn đến bức bách, hoặc bị xâm phạm, khinh khi cùng cầu phi pháp, tự lực tha lực đều không theo chỗ mong muốn. Bồ-tát luôn vì chúng sinh, thà tự xả bỏ trăm ngàn thân mạng, chứ không thuận theo sự mong muốn kia khiến họ phải chịu bức bách, tàn hại, xâm phạm, dối lừa. Bồ-tát tâm tịnh, lúc tu hành bố thí tạo lợi ích cho vô lượng các chúng sinh, nếu có kẻ cầu xin về thân thể, đầu, mắt, các chi phần thì không thí cho. Vì sao? Vì chẳng phải là lúc Bồ-tát hành tịnh thí, khởi niệm: Đây là nên cho, đây là không nên cho, tâm sinh thoái kém, thế nên Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh, không xả bỏ hiện tiền, vì lợi ích cho chúng sinh nên xả thân bố thí, tuy không xả thân nhưng cũng không trái tâm tịnh. Nếu Ma thiên kia và những kẻ do ma sai khiến, muốn hành khủng bố nên cầu xin các phần thân, thì không thí cho, vì không muốn họ mắc phải tội lớn. Nếu

có chúng sinh, hoặc cuồng hoặc loạn, cầu xin phần thân, Bồ-tát cũng không vì kẻ ấy mà xả thân mạng, vì tâm họ không tự trụ, vì tâm não loạn, do tâm không tự tại. Trái với các thứ trên nếu đến cầu xin, Bồ-tát nên tùy theo kẻ đó mong muốn, xả bỏ thân mạng để thí. Đó gọi là Bồ-tát đối với nội vật nên thí không nên thí.

Bồ-tát ngoại không thí: Nghĩa là nếu có chúng sinh, cầu xin các thứ như chất độc lửa, đao, rựa, vì muốn tự hại mình, hoặc muốn hại người khác, thì không thí cho. Nếu để tự giữ mình, hoặc để thâm giữ người khác, thì sẽ thí cho. Hoặc là tài sản của người khác, trước không đồng ý, thì không dùng để bố thí cho người. Bồ-tát không làm môi giới đem đây trao cho kia. Các thức ăn uống có trùng bọ đều không đem cho. Nếu có chúng sinh, vì muốn tạo các sự việc vui đùa vô nghĩa không lợi ích, lại đến cầu xin, thì Bồ-tát không thí cho. Vì sao? Vì nếu thí cho, đối với Bồ-tát tuy có ít hoan hỷ, nhưng người cầu xin lại khởi nhiều hành ác, khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác. Nếu vật dụng tạo vui thích, không rơi vào nẻo ác, không khởi căn thiện, nhưng khiến cho chúng sinh nhân đầy được thành thực để thâm giữ, như thế thì nên cho. Những gì nên thí cho, những gì không nên thí cho? Đó là tạo các việc săn bắt, sát sinh, tham chấp rất lớn, tạo phương tiện lớn giết hại nhiều chúng sinh, những điều như vậy Bồ-tát không làm, cũng không dạy bảo họ làm. Giết dê tế trời, cũng không thí cho. Người nào hại chúng sinh đến cầu xin nơi chốn có nhiều chúng sinh ở dưới nước hay trên đất liền, thấy đều không thí cho. Muốn học làm các vật dụng như lò đỏ, lưới giăng lưới cuốn v.v... để nào hại chúng sinh ở thế gian, cũng không thí cho. Hoặc mắng, hoặc giết, hoặc trói, hoặc phạt, Bồ-tát cũng không tự làm, cũng không sai khiến người khác làm. Nếu là oán gia, hoặc là con của oán gia, đều không thí cho. Nói tóm lược, tất cả các thứ vật dụng tạo vui thích nhưng khiến chúng sinh bị bức bách đều không thí cho.

Hoặc lại các thứ như voi, ngựa, xe kiệu, y phục trang nghiêm, thức ăn uống ngon đủ, hành tập ca múa với vô số các vật dụng, hương hoa xoa thân, đồ quý trang sức nơi thân, vườn rừng, lầu gác, nhà cửa, nam nữ, các thứ kỹ thuật, xứ nghiệp công xảo, như vậy tất cả các vật dụng tạo sự vui thích, nhưng vì nhân duyên tin ưa nên đến cầu xin, tất cả đều thí cho. Nếu chúng sinh kia không tự biết hạn lượng, hoặc không phải vì bệnh nhưng cầu xin quá nhiều các thức ăn uống thì không thí cho. Nếu đã được ăn uống no đủ, tánh tham muốn được nữa, thì cũng không nên thí. Nếu có chúng sinh không thể chịu đựng được các sự ưu não, muốn tự sát, ăn đồ độc, gieo mình vào núi đá, để làm những việc như vậy nên đến cầu xin, Bồ-tát đều không thí cho. Nếu Bồ-tát làm vua, thống lãnh nhiều nước, không đem vợ con của người khác thí cho, trừ việc thu thuế trong dân chúng nơi các làng xóm thành ấp thuộc về mình, thì lấy ban cho. Bồ-tát thương yêu vợ con, người ăn kẻ ở, nếu khi thí cho người khác, trước phải dùng lời dịu dàng, phương tiện mở bày giải thích, nếu họ không ưa thích thì không thí, nếu ưa thích thì tùy theo chỗ thích hợp để thí cho. Nếu có các loại tri thức ác, người ác, quỷ ác, những hạng như vậy đến cầu xin, Bồ-tát thấy đều không thí cho, cũng không thí cho những kẻ kia khiến làm nô tỳ. Nếu có người ác đến cầu ngôi vua, Bồ-tát tức không ban cho. Hoặc người ác này trước đã làm vua, Bồ-tát có uy lực hãy còn phé bỏ khiến thoái lui hưởng hò là nay lại thí cho. Cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cùng của cải của họ, không nên đem cho người. Nếu do nơi bố thí khiến cha mẹ lo buồn, vợ con tội tởn nhân đó khổ não, những sự bố thí như vậy, Bồ-tát không làm. Của cải phi pháp không đem thí cho người, phạm vật bố thí phải thanh tịnh như pháp, không bức ép, mắng trách, lấy của cải nơi người khác để bố thí, không phạm giới Phật dạy để hành bố thí.

Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh, đem tâm bình đẳng bố thí, tạo tướng về ruộng phước, cũng không phân biệt kẻ oán, người thân, kẻ

không oán không thân, tạo công đức hay gây tội lỗi, là khổ, là vui, là hạng thượng, trung, hạ.

Bồ-tát không theo chỗ cầu xin, chấp nhận rồi, sau đem thí cho một ít, cũng không trước đã hứa thí cho vật tốt, sau thí cho vật thô xấu. Nếu thí cho vật tốt, tâm vẫn an vui, không hận không loạn. Bồ-tát thí cho rồi không nên tự khen ngợi là ta đối với ông có ân huệ rộng lớn. Nếu thí cho người thấp kém, không khởi tướng khinh khi, hướng chỉ mình lại có đức của bậc đáng cung kính. Nếu có chúng sinh trụ nơi các hành ác, trạo cử, hủy giới, mắng nhiếc, sân hận, cũng không sinh tâm bực bội hối hận vì đã thí cho, vì mới ở chỗ kia khởi tâm thương xót. Không đem tà kiến để hành bố thí. Đó là đại hội sát sinh cầu pháp. Không vì hội vui mừng hy hữu mà hành bố thí. Không vì tất cả phần hạnh thanh tịnh để hành bố thí. Cầu lìa dục thế gian, xuất thế gian thanh tịnh, trừ khi vì phương tiện thanh tịnh mà hành bố thí. Không cầu quả báo mà hành bố thí. Tất cả bố thí đều đem hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát tự nhận biết, tất cả nhân duyên của các loại thí sẽ sinh tất cả loại quả báo như thật. Không do nơi người khác mà hành bố thí. Đó là thí thức ăn thì được sức lực, thí y phục thì được sắc, thí xe cộ thì được an vui, thí đèn thì được mắt sáng. Tất cả như thế phải nên nói rộng.

Bồ-tát cũng không phải do sợ nghèo khổ nên hành bố thí, chỉ do tâm từ bi nên hành bố thí. Bồ-tát cũng không đem thức ăn không đúng như pháp để bố thí cho người đến cầu xin. Đó là bố thí cho người xuất gia thức ăn uống dư thừa, các thứ thức ăn bị ứ tập v.v... Không nói, không biết về cơm và cơm lúa mạch. Pháp nên lìa bỏ, nghĩa là không ăn hành, những thứ có lẫn lộn hành, hành bị ô ứ. Như thế cũng không ăn thịt, không uống rượu, các thứ nước có pha rượu, rượu bị ô ứ. Như hành nghiệp như pháp hòa hợp, Bồ-tát đem thí cho người, tất cả những sự việc như vậy, nếu không như pháp bố thí thì không đem thí cho người. Bồ-tát không khiến cho người cầu

xin luôn luôn lui tới sinh phiền não vì trở ngại, sau đó mới thí. Bồ-tát không vì được dua nịnh để hành bố thí. Đó là hoặc vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, những vị đàn-việt này biết mình đã thí rồi, chắc chắn phải cung kính cúng dường mình. Không đòi hỏi kẻ khác làm người sai khiến mới bố thí. Có ít vật hãy còn bố thí, huống gì là được nhiều của cải. Không do bố thí để khởi tâm tham đắm vật của người khác, vì thế sinh hoạn nạn đến nỗi bị suy bại hoại diệt. Không vì bố thí khiến người xa lìa thành ấp. Tức là dùng bố thí để thâm giữ khiến kẻ kia lệ thuộc mình. Bồ-tát trí tuệ, tinh tấn không dùng, có khả năng thực hiện đầy đủ lời tự thệ nguyện trang nghiêm, trước tự hành bố thí, sau đó dạy người khác, không tự mình biếng trễ mà dạy người hành thí. Đối với tất cả đại hội tri giới, phạm giới, từ trên đến dưới lần lượt bình đẳng bố thí. Bồ-tát được của cải nhiều hay ít tùy theo đó mà xả thí, không đợi dồn chứa sau đó mới hành thí, không vì sợ người nên hành bố thí. Nghĩa là hoặc sân giận, hoặc đánh đập, hoặc trách mắng, hoặc chê bai, hoặc trói giết, đuổi đi, không sợ những thứ như vậy nên hành bố thí. Bồ-tát lúc sắp bố thí tâm ý vui vẻ, khi bố thí thì hoan hỷ, bố thí xong thì không hối hận, không đem những vật hư giả, tương tự với ma ni, chân châu, kha bồi, ngọc thạch, lưu ly, san hô để lừa gạt người.

Bồ-tát đối với tất cả của cải vật dụng mình có được, khi mới có nên phát tâm xả thí cho tất cả chúng sinh, về sau có người đến cầu xin vật thì Bồ-tát bố thí đúng lúc, chẳng phải là không đúng lúc bố thí, mình và người đều tịnh thí, chẳng phải là không thanh tịnh, thí như oai nghi, chẳng phải là không oai nghi, tâm quyết định bố thí, chẳng phải là tâm không quyết định. Thấy người đến xin trọn không cười đùa, cũng không khinh chê, cũng không bực bội, trước nói lời khen ngợi, sau đó thí cho. Khi cầu xin thích hợp không nên gây trở ngại. Nếu kẻ kia không cầu xin thì mở lòng tự cho. Hoặc kẻ kia tự đến thọ nhận thì tùy ý thí theo chỗ họ mong muốn.

Bồ-tát không đem trí xấu ác để hành bố thí, luôn đem trí thiện tu hành nghiệp thí.

Trí tuệ thí: Nghĩa là Bồ-tát tự lượng tài vật nhiều ít, theo chỗ thích hợp của kẻ cầu xin kia để hành tuệ thí. Thấy người đến xin liền khởi niệm: Người đến cầu xin có hai hạng người: Một là người giàu sang không phải người nghèo hèn, cũng không phải là người cô độc không chốn nương dựa. Hai là người nghèo khổ, cô độc thấp kém. Nếu ta nhiều tài sản, thì sẽ giúp cho các kẻ kia đầy đủ, nếu tài sản ít thì trước nên chu cấp cho người nghèo khổ thấp kém không nơi nương dựa. Khởi niệm rồi, như niệm hành thí. Đối với người giàu sang không đầy đủ như ý của họ, phải hết lòng nói lời nhận lỗi, xin nhân giả chớ sinh tâm giận.

Bồ-tát nếu thấy chúng sinh tham lam keo kiệt có tài sản vô lượng, tự rất quý thân nhưng không dám ăn mặc, tức nên đến chỗ ở của kẻ kia cùng làm thân hữu, cùng khiến cho kẻ ấy đồng ý để nói: Ông vì quá tham tiếc nên không thể bố thí. Nhà tôi hiện có vô lượng tài sản, muốn hành trì đầy đủ bố thí Ba-la-mật, nên vì khắp tất cả chúng sinh đến cầu xin để bố thí. Như có chúng sinh đến cầu xin ở ông, ông nên tới nhà tôi lấy của cải sẵn có để bố thí, chớ khiến họ trở về tay không. Nếu ông không tự đến được thì có thể sai người đến, khi tôi bố thí, ông nên tùy hỷ. Người kia nghe rồi tâm thật vui mừng, đối với mình không hao tổn mà người kia nhận được lợi ích. Do cùng với Bồ-tát đồng gần gũi thân ái, người kia nay tuy chưa thể tức thời hành thí, nhưng đã gieo trồng hạt giống xa lìa tham lam keo kiệt nơi đời sau, theo đó lần lượt tu tập, tự nhận biết là gốc. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo dẫn dắt khiến bố thí một ít, nương vào hạng vô tham bậc hạ chỉ dạy khiến đến bậc trung, nương vào bậc trung chỉ dạy khiến đến bậc thượng.

Lại nữa, Bồ-tát nếu đối với Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc đệ tử ở chung, đệ tử cận trụ tịnh tu phạm hạnh, tánh thọ tham lam keo kiệt,

hoặc không tham lam keo kiệt, nhưng tài vật không đủ để hỗ trợ cho tâm thí. Bồ-tát đem tài vật của mình hướng đến Phật, Pháp, Tăng, nhằm bố thí tạo phước, xả bỏ, đem cho người kia, khiến họ tạo tác còn tự mình không làm. Bồ-tát như vậy phước đức càng tăng, khiến người tham lam keo kiệt hàng phục được các phiền não. Người ưa thích pháp ấy cũng đầy đủ theo nguyện. Như vậy là đã thâm giữ, thành thực chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người kia đi đến, có tướng cầu xin, nhận biết tâm của họ như vậy rồi, không chờ phát lời nhưng tùy theo người kia cần gì, bố thí cho họ được đầy đủ.

Hoặc có khách buôn vì tánh giả trá muốn làm việc lừa dối. Bồ-tát nhận biết rồi hãy còn che giấu lỗi kia không khiến cho người khác biết, hướng là nói thẳng với kẻ ấy. Ý nguyện được đầy đủ khiến kẻ ấy không xấu hổ, vô cùng vui mừng, không còn sợ hãi, hoan hỷ mà đi. *(Đoạn này đã theo bản Hán dịch nơi Luận Du Già Sư Địa “trang 508 A” để dịch - ND).*

Nếu Bồ-tát bị người buôn bán kia lừa dối, trước không nhận biết nên bị lừa, về sau mới nhận biết, cũng không quở trách kẻ kia, không khiến kẻ kia nhớ nghĩ, vì không muốn khiến kẻ kia phạm tội không cho mà lấy, nên chỉ khởi tâm tùy hỷ. Những loại xả vật bố thí như thế, gọi là Bồ-tát dùng trí tuệ bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát khi không có của cải để bố thí, nếu trước đã tạo được các thứ công xảo ở thế gian, hoặc với sự nghiệp hiện tại, dùng ít phương tiện để được nhiều tài lợi, rồi đem bố thí cho chúng sinh. Nếu lại vì người khác thuyết giảng pháp trang nghiêm, thuyết pháp tốt đẹp, thuyết pháp do tâm từ, thì người nghèo khổ nghe pháp còn hoan hỷ cúng dường, hướng gì là người giàu có an vui. Người keo kiệt còn không tham tiếc, hướng gì là người luôn ưa thích bố thí. Nếu có những trưởng giả, cư sĩ tâm tín, thường tập hành bố thí, của cải nhiều vô lượng, người cầu xin tìm đến thì khiến họ có được lợi

ích. Việc hành thí, việc tạo công đức của các vị kia, tự thân Bồ-tát đến giúp đỡ, có thể đảm nhận đầy đủ công việc với tâm tín, nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Tùy theo sức mình, Bồ-tát có thể giúp các vị ấy hoàn thành sự nghiệp, khiến không gặp trở ngại. Có nhiều người cầu xin, nếu thiếu sự lực, thì việc bố thí khó thành. Nếu tùy theo bè nhóm, hoặc hành phi pháp, mất chánh niệm, những thứ như vậy, nếu Bồ-tát không có tài sản vật dụng, thì dùng trí tuệ dẫn dắt, cho đến chưa được tâm tịnh. Bồ-tát tâm tịnh thì không rơi vào nẻo ác, đời đời được tài vật không cùng tận.

Lại nữa, Bồ-tát biết kẻ tà kiến kia đến cầu xin pháp đoạn thì không trao pháp cho kẻ đó, cũng không cho kinh quyển. Nếu người có tánh tham tài, nhằm mua bán kinh sách thì cũng không thí cho. Hoặc được kinh sách ẩn giấu không hiện bày, cũng không thí cho. Nếu người kia không hiểu biết về nghĩa thì không nên thí. Còn như người ấy hiểu nghĩa trong kinh, như Bồ-tát đã tự hiểu nghĩa, tức liền đem kinh tùy theo sở thích của họ để thí. Nếu chưa hiểu nghĩa, tự phải tu học. Nếu biết người kia có kinh như vậy, thì chỉ bày cho rõ nghĩa, hoặc lần lượt cho thêm sách đọc. Nếu không chỉ bày được lại không có sách, Bồ-tát phải tự quán tâm để thấy, hoặc do sự keo kiệt về pháp đã trói buộc tâm nên không thể bố thí. Hoặc còn có điều gì nên không bố thí cho kẻ kia? Tự quán như vậy, nếu còn có chút ít keo kiệt về pháp, nên đem ngay kinh sách thí cho. Vì là pháp thí, ta nên đem pháp bố thí, thà đời này ngu si, tâm điếc để trừ phiền não cũng hãy nên bố thí, hưởng chi đó là phương tiện của trí tuệ cho vị lai. Khi quán như vậy, tức không còn một chút keo kiệt nào về pháp. Bồ-tát phải nên tự học: Ta vì đoạn trừ phiền não nên tu hành pháp thí. Vì nhằm đạt đầy đủ phương tiện của trí tuệ nên tu hành pháp thí. Vì luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh nên tu hành pháp thí. Bồ-tát tự thấy bên trong không còn phiền não, thấy kẻ kia không cần bố thí, hiện tại được trí tuệ, ở đời vị lai tăng chuyển vô lượng, chẳng phải do thí cho kẻ kia nên được công đức như vậy. Người thí kinh pháp,

ở đời vị lai được ít pháp lợi, không bằng tự học trí tuệ khai tỏ, nay tuy không bố thí tất cũng sẽ tạo an lạc cho tất cả chúng sinh. Bố thí trí tuệ cho họ, nên vì tất cả, nay không thí cho, không vì một người để cho họ kinh quyền. Biết như thật rồi, thì việc không thí cho kẻ kia không có tội lỗi, cũng không hối hận, vì không vượt qua giới cấm của Bồ-tát đã thọ.

Thế nào là Bồ-tát theo phương tiện không bố thí? Không nhẫn lời ngay thẳng, nhất định không cho, cần dùng lời dịu dàng mở bày sự hiểu biết, phát khởi tạo phương tiện là có nhưng không thể bố thí. Bồ-tát từ xưa đến nay đã tích chứa nhiều vật dụng, tất cả của cải, vật dụng ấy đều dùng tâm thanh tịnh đối với chư Phật, Bồ-tát trong mười phương xả bỏ để làm tịnh thí. Ví như Tỳ-kheo đem y vật của mình ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, xả làm tịnh thí. Như thế là đã tạo nhân duyên tịnh thí, được tích chứa vô lượng các loại của cải, nên gọi là Bồ-tát trụ trong Thánh chủng, cũng được vô lượng công đức, thường tự nhớ nghĩ công đức như vậy, tức trong tất cả thời, luôn được tùy thuận lớn mạnh. Phạm là vật tịnh thí đã tích chứa, vì chư Phật, Bồ-tát nên nhận gởi, giữ gìn, nay thấy người đến cầu xin, quán sát người ấy có tướng thành tựu, vật xả bỏ làm tịnh thí lúc trước, lấy đem cho họ. Chư Phật, Bồ-tát đối với chúng sinh không vật gì là không xả, nên làm như vậy là biết ý của người cầu xin ĐƯỢC thỏa mãn. Nếu quán sát người kia không có tướng thành tựu, thì đem pháp tịnh thí để mở bày giải thích, nói: Này nhân giả! Vật ấy trước đã xả, đã có chỗ thuộc về. Lời nói luôn dịu dàng khiến kẻ kia không đến nổi oán hận. Hoặc đem vật khác gấp hai ba lần để bố thí, tạo phương tiện như vậy, khiến kẻ kia biết Bồ-tát không vì keo kiệt nên không bố thí, chỉ do hoặc không tự tại nên không bố thí cho mình. Kinh pháp như thế là không thí cho, Bồ-tát hành pháp thí như vậy, gọi là trí tuệ thí.

Lại nữa, Bồ-tát hành Nhất thiết trí, đó là tài thí, pháp thí và vô úy thí. So sánh tướng mạo của từng loại, hoặc danh, hoặc nghĩa, phân

biệt nhân quả, biết như thật rồi mới hành bố thí. Đó gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát. Lại nữa, Bồ-tát đối với người không tạo cho mình có lợi ích, luôn đem tâm từ để bố thí. Đối với người khổ não dùng tâm bi để bố thí. Đối với người có công đức đem tâm hỷ để bố thí. Đối với người đã tạo lợi ích cho mình, các thiện tri thức, người họ hàng thì dùng tâm xả để bố thí. Đó gọi là Bồ-tát dùng trí tuệ bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát có chướng ngại nơi thí, đối trị chướng ngại nơi thí đều nhận biết như thật. Chướng ngại nơi thí có bốn thứ: Một là trước không tu tập. Hai là vật dùng để thí ít. Ba là của cải tuy nhiều nhưng tham ái tăng trưởng. Bốn là thấy quả ở đời vị lai có nhiều của cải nên sinh tham chấp.

Trước không tu tập bố thí: Nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật cầu xin, mình có nhiều của cải nhưng không sinh tâm bố thí, nên biết đó là do mình không tu tập bố thí, phải nhanh chóng hành trí tuệ, khởi tư duy: Ta xưa kia chắc chắn là không tu tâm thí, khiến ngày nay tuy có nhiều của cải, thấy người đến cầu xin nhưng tâm bố thí không khởi. Nay nếu không bố thí thì trong đời sau sẽ có chướng ngại nơi bố thí. Nhận biết như vậy rồi, nương vào việc đối trị chướng ngại nơi thí để hành bố thí, tức có thể lìa bỏ chướng ngại nơi thí, không có hành tập theo.

Vật dùng để thí ít: Nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật đến cầu xin, vật thí còn ít nên không muốn bố thí, do đó thành chướng ngại nơi thí. Phải nhanh chóng hành trí tuệ, khởi suy nghĩ: Ta thà an phận với nghèo khổ, tất phải nên bố thí. Suy nghĩ như vậy rồi, đem tâm bi để bố thí. Lại suy nghĩ: Ta từ xưa đến nay do nghiệp của nhiều đời đã tạo lỗi lầm, nên người thì tự tại, còn ta thì đói lạnh khôn khổ, không thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Ta nay thà nhân đó nên mất mạng, đời này chịu khổ, nhưng cần phải hành thí, thâm giữ chúng sinh, không thể khiến cho người thọ nhận tâm không đầy đủ, huống gì là ngày nay ta cũng có rau quả tạm sinh sống, cần phải chịu khổ để hành thí.

Của cải tuy nhiều nhưng tham ái tăng trưởng: Nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật đến cầu xin, do ý tham ái tăng thượng hết mực, nên đối với những vật cần thí không sinh tâm bố thí. Lại nữa, Bồ-tát nhận biết việc chứa giữ là có lỗi, nên chóng hành trí tuệ, khởi suy nghĩ: Ta ở trong khổ nhưng sinh tưởng vui, nơi đời vị lai sẽ thọ nhận khổ lớn. Điên đảo như vậy nên nhận biết, nên đoạn dứt. Khởi suy nghĩ như vậy rồi, tức có thể hành thí.

Thấy quả nơi đời vị lai có nhiều tài sản nên sinh tham chấp: Nghĩa là Bồ-tát đã hành thí rồi, đối với quả của bố thí được nhiều của cải, sinh kiến chấp về phước lợi, không thể chí cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát nhận biết chấp về quả là lỗi lầm, nên chóng hành trí tuệ, như thật quán xét đúng đắn: Tất cả các hành đều không kiên cố, niệm niệm hoại diệt, thọ dụng quả báo lại cũng như vậy, đều là pháp lìa tan, hủy diệt. Khi quán như thế, thì đoạn được kiến chấp về quả. Tất cả hành thí đều đem hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Đó gọi là Bồ-tát dùng trí tuệ đối trị bốn thứ chướng ngại nơi thí. Nên biết đây là phân biệt nhãn khổ, nhận biết gồm thâm điên đảo, quán các hành không bền vững. Trí đối trị ba thứ trước là bố thí chân chánh, trí đối trị một thứ sau là thâm nhận chánh quả. Đó gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát bên trong hoàn toàn là tâm tịnh, thuần hậu tín tịnh, tướng giác thẳng diệu, nên có vô lượng vật thí, ý hiểu rõ là nên thí cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát này dùng ít phương tiện nhưng sinh vô lượng công đức, nên trí tuệ nơi Bồ-tát là đại trí tuệ thí. Đó gọi là lược nói về pháp của Bồ-tát tùy thuộc có tài vật không tài vật thí.

Như thế: Pháp thí, phân biệt thí, tâm tịnh thí, trí tuệ đối trị chướng ngại nơi thí, bố thí với tâm tịnh, ý giải thí, gọi là bất cộng thí của Bồ-tát. Nên biết đó còn gọi là tất cả vật bố thí nội ngoại của Bồ-tát. Phân biệt rộng, tất cả thí nêu trên, nên biết là nan thí.

Thế nào là Nan thí của Bồ-tát? Lược nói có ba thứ: Bồ-tát có ít của cải, phải tự nhẫn chịu nghèo khổ để bố thí cho người khác. Đó gọi là Nan thí thứ nhất của Bồ-tát.

Hoặc Bồ-tát thật sự yêu mến vật, tánh ái chấp sâu đối với vật kia, quen ái chấp đã lâu, nên tăng thượng đối với vật thí, do vậy khởi tham đắm tội bậc. Nhưng Bồ-tát có thể tự khai mở nhận biết để thí cho người khác. Đó gọi là Nan thí thứ hai của Bồ-tát.

Hoặc Bồ-tát siêng năng khổ nhọc mới có được của cải để đem thí cho người khác. Đó gọi là Nan thí thứ ba của Bồ-tát.

Thế nào là Nhất thiết môn thí của Bồ-tát? Lược nói có bốn thứ: Bồ-tát hoặc đem vật dụng của mình, hoặc khuyến người khác nên có được của cải, hoặc tự góp lại để bố thí. Nếu cha mẹ, vợ con, nô tỳ, kẻ giúp việc, hoặc thiện hữu, quan lớn, quyến thuộc, họ cản gì chầy đều bố thí. Đó gọi là lược nói về bốn thứ Nhất thiết môn thí của Bồ-tát.

Thế nào là Thiện nhân thí của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ. Một là Bồ-tát với tâm tín bố thí. Hai là cung kính bố thí. Ba là tự tay bố thí. Bốn là theo thời hành thí. Năm là không xâm chiếm của người khác để bố thí. Đó gọi là Thiện nhân thí của Bồ-tát.

Thế nào là Nhất thiết hành thí của Bồ-tát? Lược nói có mười ba loại: Một là không nương dựa để bố thí. Hai là bố thí rộng. Ba là hoan hỷ bố thí. Bốn là thường thí. Năm là ruộng phước bố thí. Sáu là tất cả thí. Bảy là tất cả xứ bố thí. Tám là tất cả thời bố thí. Chín là bố thí vật vô tội. Mười là bố thí tất cả vật. Mười một là bố thí các vật nơi phương cõi. Mười hai là bố thí voi ngựa v.v... Mười ba là bố thí lương thực. Mười ba thứ như thế gọi là Nhất thiết hành thí của Bồ-tát.

Thế nào là Trừ não thí của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ: Một là Bồ-tát thấy người cần thức ăn uống thì thí thức ăn uống. Hai là người cần xe cộ thì cho xe cộ. Ba là người cần y phục thì cho y phục. Bốn

là người cần đồ trang sức thì cho đồ trang sức. Năm là người cần vô số các loại đồ dùng tức thấy đều thí cho. Sáu là người cần tràng hoa, hương bột, hương xoa, tùy theo sự mong muốn của họ đều thí cho. Bảy là người cần nhà cửa thì cho nhà cửa. Tám là người cần đèn sáng thì thí đèn sáng. Tám thứ như vậy gọi là Trừ não thí của Bồ-tát.

Thế nào là Đòi này đòi khác vui thí của Bồ-tát? Lược nói có chín thứ: Nghĩa là tài thí, vô úy thí, pháp thí.

Tài thí: Nghĩa là thanh tịnh thẳng diêu, như pháp điều phục mọi cấu uế của sự keo kiệt, cất chứa để tu hành bồ thí. Điều phục cấu uế của sự keo kiệt là xả bỏ tâm chấp trước. Điều phục cấu uế của sự cất chứa là xả bỏ chấp trước về thọ dụng.

Vô úy thí: Nghĩa là đối với các thứ tạo sợ hãi như sư tử, cọp, sói, vua, giặc, nước, lửa v.v... Bồ-tát phải cứu giúp, khiến chúng sinh được qua khỏi.

Pháp thí: Nghĩa là thuyết pháp không điên đảo, thuyết pháp đầy đủ, truyền trao cho người những thọ giới cấm.

Như thế là lược nói chín thứ bồ thí của Bồ-tát, khiến các chúng sinh đời này đời sau đều được an lạc. Tài thí và vô úy thí phân biệt thì đời này được an lạc. Pháp thí phân biệt thì an lạc cả đời này lẫn đời sau.

Thế nào là Thanh tịnh thí của Bồ-tát? Lược nói có mười thứ. Những gì là mười? Một là không bị trở ngại. Hai là không có kiến giải dị biệt. Ba là không cất chứa. Bốn là không có tâm kiêu mạn. Năm là không nương dựa. Sáu là không thoái chuyển, khiếm nhược. Bảy là không có tâm thấp kém. Tám là không bội diện. Chín là không cầu ân. Mười là không cầu báo.

Bồ thí không bị trở ngại: Nghĩa là Bồ-tát đối với người đến cầu xin phải thật nhanh chóng bồ thí, không làm cản trở, luôn hành đầy đủ theo sở nguyện, vượt qua sự trông mong của họ.

Bố thí không có kiến giải dị biệt: Nghĩa là Bồ-tát đối với sự bố thí không khởi những nhận thức dị biệt, như nói không có quả báo, không vì tôn hại chúng sinh để bố thí, tức là nói pháp này không bố thí ở đây, phải cầu thế gian, xuất thế gian thanh tịnh.

Bố thí không cất chứa: Nghĩa là Bồ-tát không cất chứa của cải quá lâu, sau đó lại bố thí tức thì. Vì sao? Vì Bồ-tát có được những vật bố thí, thấy người đến cầu xin, đâu có thể không thí cho. Thấy không đúng như pháp, chẳng phải là không thí cho. Thế nào là cất chứa rồi sau mới bố thí? Cũng chẳng phải cất chứa để bố thí cho phước thêm nhiều. Vì vật thí bình đẳng, người cầu xin cũng bình đẳng, thì tiệm thí đốn thí do nhân duyên gì để thấy phước được có sai khác? Lại nữa, Bồ-tát thấy cất chứa để bố thí là có lỗi, không thấy tùy thí có lỗi. Vì sao? Vì nếu cất chứa bố thí, người đến cầu xin trước, có khi đến số trăm nhưng không thí cho, khiến họ oán trách khởi tâm không nhẫn chịu. Người đến xin sau, do sợ vật đôn chứa liền vội đem cho, vì thế Bồ-tát không cất chứa để bố thí.

Bố thí không có tâm kiêu mạn: Nghĩa là Bồ-tát đối với người cầu xin, luôn đem tâm khiêm nhường để bố thí. Không nên thấy người hơn đem tâm cạnh tranh để bố thí. Không vì bố thí để tự khen ta là thí chủ, người khác không thể bằng.

Bố thí không nương dựa: Nghĩa là Bồ-tát không vì tiếng tăm nên hành bố thí, đối với những thứ khen ngợi giả danh coi như hạt bụi.

Bố thí không thoái chuyển, khiếp nhược: Nghĩa là Bồ-tát lúc sắp bố thí tâm vui thích, khi thí thì hoan hỷ, bố thí rồi không hối hận, tài vật thêm nhiều thắng diệu bậc nhất. Bồ-tát nghe người khác bố thí rộng khắp, bố thí thù thắng, tâm không tự khinh, sinh tâm thoái chuyển khiếp sợ.

Bố thí không có tâm thấp kém: Nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ nên đem vật tốt đẹp bậc nhất, hơn hết để bố thí.

Bồ thí không bội diện: Nghĩa là Bồ-tát tâm bình đẳng, không theo bè nhóm, kẻ oán, người thân, kẻ không oán không thân, dùng tâm từ bi bình đẳng để bố thí.

Bồ thí không cầu ân: Nghĩa là Bồ-tát đem tâm thương xót để hành thí. Đối với người thọ nhận không tính kẻ ân huệ với họ. Thấy chúng sinh ưa thích dục lạc, như bị lửa thiêu đốt, không có uy lực để ra khỏi.

Bồ thí không cầu báo: Nghĩa là Bồ-tát bố thí rồi, không hy vọng đời sau có được của cải, thân mạng đầy đủ, quán tất cả hành thấy đều hoại diệt, thấy Bồ-đề vô thượng là phước lợi chân thật.

Mười thứ như vậy, gọi là Thanh tịnh thí của Bồ-tát.

Như thế, Bồ-tát dựa vào chín thứ bố thí để hành đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 10: GIỚI, phần 1

Thế nào là Giới Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh giới. Hai là Nhất thiết giới. Ba là Nan giới. Bốn là Nhất thiết môn giới. Năm là Thiện nhân giới. Sáu là Nhất thiết hành giới. Bảy là Trừ não giới. Tám là Đời này đời khác vui thích trì giới. Chín là Thanh tịnh giới.

Thế nào là Tự tánh giới của Bồ-tát? Lược nói về bốn đức thành tựu, đó gọi là Tự tánh giới. Những gì là bốn? Một là theo người khác chánh thọ. Hai là khéo thanh tịnh tâm thọ. Ba là phạm rồi liền sám hối. Bốn là chuyên tinh niệm trụ giữ vững không phạm.

Theo người khác chánh thọ: Nghĩa là ở bên ngoài luôn quan tâm đến kẻ khác, đối với tội đã phạm sinh tâm xấu hổ.

Khéo thanh tịnh tâm thọ: Nghĩa là tự nhìn vào bên trong, đối với tội lỗi đã phạm sinh tâm hổ thẹn.

Phạm rồi liền sám hối, chuyên tinh không phạm: Như vậy là không phạm giới. Bồ-tát có hai nhân duyên nên lia hối. Đó là Bồ-tát nương nơi sự thọ giới, khởi tâm tịnh giới, khởi tâm hổ thẹn. Do tâm hổ thẹn nên khéo có thể hộ trì giới, do hộ trì giới nên không hối. Hoặc thọ từ người khác, hoặc do tâm tịnh thọ. Đây là hai thứ pháp. Hoặc phạm mà hối, hoặc chuyên tinh không phạm. Đây là hai thứ tùy pháp. Hoặc từ người khác thọ, hoặc do tâm tịnh thọ, hoặc chuyên tinh không phạm, ba pháp này là Bồ-tát không hoại giới. Phạm rồi liền sám hối, nghĩa là hủy phạm rồi trở lại như cũ.

Nếu Bồ-tát thành tựu bốn đức, đó gọi là Tự tánh giới, gọi là chân thật giới, mình và người đều an vui, rất nhiều an ổn, rất nhiều vui vẻ, thương xót thế gian, tạo lợi ích cho hàng trời, người. Thọ giới thuận theo giới, nên biết là thâm nhận vô lượng, Bồ-tát với vô lượng giới tịnh, thâm giữ tất cả chúng sinh an vui, thành tựu quả báo lớn, đạt được phước lợi lớn, mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

Thế nào là Nhất thiết giới của Bồ-tát? Lược nêu có hai thứ: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Đó gọi là Nhất thiết giới.

Nhất thiết giới lại có ba loại: Một là giới luật nghi. Hai là giới gồm thâm pháp thiện. Ba là gồm thâm chúng sinh.

Giới luật nghi: Nghĩa là giới của bảy chúng đã thọ là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Tại gia hay xuất gia là tùy theo chỗ ứng hợp của họ. Đó gọi là giới luật nghi.

Giới gồm thâm pháp thiện: Nghĩa là Bồ-tát đã thọ giới luật nghi, trên tu Đại Bồ-đề, thân khẩu ý hành thiện. Đó gọi là lược nói về tất cả giới gồm thâm pháp thiện. Vì sao như thế? Nghĩa là Bồ-tát nương vào

giới, trụ nơi giới, tu văn tuệ, tư tuệ, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, tu tuệ thường trụ chốn tịch tĩnh thanh vắng, cung kính các bậc Sư trưởng, phụng sự, lễ bái cúng dường. Thấy người bệnh hoạn, khởi tâm thương xót, chăm sóc cung cấp. Nghe người thuyết pháp khen: Lành thay! Đối với người có công đức thật luôn khen ngợi, tán dương. Tất cả chúng sinh tạo được những công đức gì, tâm khẩu đều vui vẻ tùy hỷ. Bị người xâm phạm đều có thể an nhẫn, nghiệp thân khẩu ý nghiệp đã làm đang làm, tất cả đều hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Theo thời tu tập các thứ nguyện thù thắng, siêng năng tinh tấn cúng dường Tam bảo. Đối với các pháp thiện tâm không phóng dật, niệm tuệ giữ gìn thân khẩu the giới tịnh, hộ trì căn môn, ăn uống điều độ, đầu đêm cuối đêm chớ tham ngủ nghỉ. Gần gũi người lành, nương nơi thiện tri thức, thường xét kỹ lỗi của mình, nhận biết rồi tức không phạm. Tùy theo chỗ phạm, đến nơi chư Phật, Bồ-tát và đồng hành như pháp sám hối. Những thứ hộ trì tu tập như vậy, nuôi lớn giới pháp thiện. Đó gọi là giới gồm thân pháp thiện.

Giới gồm thân chúng sinh: Lược nêu có mười một thứ: Một là chúng sinh làm các việc lợi ích cùng đến làm bạn. Hai là chúng sinh đã khởi, chưa khởi các khổ như bệnh v.v... làm người đến chăm sóc bệnh, đê cùng làm bạn. Ba là vì các chúng sinh giảng nói pháp thế gian xuất thế gian, hoặc dùng phương tiện khiến được trí tuệ. Bốn là biết ân, báo ân. Năm là chúng sinh có những thứ lo sợ như đối với sư tử, cọp, sói, đối với vua, quan ác, giặc, nước, lửa, Bồ-tát đều có thể cứu giúp. Thấy chúng sinh có các nạn như quyền thuộc hoặc của cải tan mất, nên vì họ chỉ bày khiến xa lìa đau buồn. Sáu là thấy có chúng sinh nghèo khổ, khốn cùng, thấy đều cấp thí, tùy theo những kẻ kia cần gì. Bảy là đức hạnh đầy đủ, nương dựa chánh thọ, như pháp nuôi chúng. Tám là trước nói lời an ủi, tùy lúc tới lui, cung cấp thức ăn uống, ngôn ngữ tốt đẹp thuận hợp, tiến dùng đúng cách, qua lại tùy vật. Những việc như vậy, khiến chúng sinh an ổn, thấy đều tùy thuận, nếu không an ổn thì nên xa lìa. Chín là đối với người có công

đức chân thật, thì vui mừng khen ngợi. Mùoi là đối với kẻ có lỗi lầm xấu ác, luôn đem tâm từ điều phục, quở trách, phạt đuổi, khiến kẻ kia sám hối sửa đổi. Mười một là dùng sức thần thông thị hiện về đường ác, khiến các chúng sinh kia chán sợ các ác, vâng tu pháp Phật, hoan hỷ tin vui, sinh tâm hy hữu. Đó gọi là giới gồm thân chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, trụ nơi giới gồm thân pháp thiện, trụ nơi giới gồm thân chúng sinh, khéo hộ trì giới, khéo gồm thân giới pháp thiện, tất cả hành theo giới gồm thân chúng sinh?

Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia học đạo, không đoái hoài đến ngôi vị tôn quý, xem như cỏ đất, lìa bỏ năm dục như dứt trừ đàm dãi. Nơi đời vị lai, tại thiên cung của Thiên ma hiện có diệu dục, Bồ-tát đều không nguyện thích, trọn không vì những điều đó để hành phạm hạnh. Tâm luôn sợ hãi, thấy có lỗi đúng như thật, xả vui hiện tại như sợ mưa gió dữ. Chánh kiến quán sát không tham đắm vị, tánh ưa yên lặng, điềm tĩnh an vui, hoặc đông đảo hoặc một mình tâm thường an trụ. Trì giới không giới hạn, sinh tướng biết đủ, nương nơi giới trụ nơi giới tu tập chánh thọ của Bồ-tát, sinh khởi vô lượng công đức. Hoặc gần bốn chúng không nói phi pháp, ở chốn vắng lặng không trụ nơi giác (tâm) ác, nếu như vừa khởi liền tự hối trách, thấy sâu điều lỗi, nhân đây trở lại được bản tâm. Hoặc nghe tất cả giới pháp của Bồ-tát, nghe Bồ-tát nhập nơi đại địa có vô lượng thứ vi diệu, không thể nghĩ bàn, lâu xa khó hành, tâm không sợ hãi, cũng không biếng nhác thoái chuyển, lại khởi niệm: Chư vị ấy cũng là trượng phu, thân khẩu có thể trì tịnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Ta cũng là trượng phu, tất nên như chư vị ấy, quyết định không ngại. Trụ nơi giới luật nghi, Bồ-tát thường tự xét lỗi mình, không xét khuyết điểm của người. Nếu thấy kẻ hung bạo, tánh ác, tâm không sân hận nhưng khởi tâm pháp, tâm bi, thương xót, dùng phương tiện khiến được giải thoát. Trụ nơi giới luật nghi, Bồ-tát ở

nơi chốn của chúng sinh không sinh tưởng sợ hãi, hưởng gì lại khởi tâm gia hại. Trụ nơi giới luật nghi, Bồ-tát thành tựu năm thứ hành không phóng dật, cùng hợp với quá khứ, vị lai, hiện tại, đã làm, đang làm. Bồ-tát đối với quá khứ đã phạm liền như pháp sám hối. Đó gọi là hành không phóng dật của quá khứ. Vị lai nếu sẽ phạm nên như pháp sám hối. Đó gọi là hành không phóng dật của vị lai. Hiện tại đang phạm tức như pháp sám hối. Đó gọi là hành không phóng dật của hiện tại. Như chỗ hành, như chỗ trụ, chuyên tâm hộ trì. Đó gọi là đã tạo hành không phóng dật. Nương nơi hành không phóng dật đã tạo, như chỗ hành, như chỗ trụ, không khởi phạm giới. Đó gọi là hành không phóng dật đang làm. Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, công đức thì ẩn giấu, việc ác thì phát lộ, ít dục biết đủ, gắng nhẫn các khổ, không sinh lo buồn, tiến dừng đều an ổn, đứng đắn, oai nghi tự tại, xa lìa các thứ quanh co dua nịnh, tịnh tu chánh mạng. Bồ-tát thành tựu mười pháp như vậy, gọi là trụ nơi giới luật nghi.

Bồ-tát trì giới, nghĩa là đối với năm dục của quá khứ, tâm không luyến tiếc, đối với năm dục nơi vị lai không sinh tưởng vui, đối với năm dục ở hiện tại không nhớ nghĩ tham chấp, vui nơi chốn vắng lặng không sinh tưởng đầy đủ, xa lìa ngôn ác giác ác, tâm không tự khinh, an ổn vui trụ, khéo an nhẫn, oai nghi tịnh mạng không hề phóng dật.

Bồ-tát trụ nơi giới gồm thâm pháp thiện, đối với thân mạng, của cải, nếu khởi chút ít tham chấp, tức thời trừ diệt không khiến tăng trưởng. Hết thấy những việc như nhân duyên phạm giới phiền não cùng khởi, liền nên diệt trừ. Nếu đối với chúng sinh khởi tâm giận dữ, oán hại, cũng liền diệt trừ. Hoặc khởi tâm biếng nhác, cũng lập tức diệt trừ. Hoặc khởi vị tương ưng với thiền, cũng liền diệt bỏ. Nên nhận biết như thật về năm xứ, là quả thiện, nhân thiện, nhân quả thiện, nhân quả điên đảo cùng không điên đảo. Thâu giữ chương ngại nơi pháp thiện, đều nhận biết như thật. Bồ-tát thấy

phước lợi của quả thiện nên cầu nhân thiện. Thân giữ diên đảo về pháp thiện, luôn nhận biết như thật. Bồ-tát được căn thiện, không khởi nơi vô thường chấp thường, khổ chấp có vui, bất tịnh chấp tịnh, phi ngã chấp ngã. Nên nhận biết như thật, gồm thân chương nơi pháp thiện, xa lìa không gồm thân pháp thiện. Bồ-tát thành tựu mười hành như vậy, gọi là trụ nơi giới gồm thân pháp thiện, nhanh chóng thân giữ các pháp thiện và tất cả hành. Đó là nương nơi thí, nương nơi giới, nương nơi nhẫn, nương nơi tinh tấn, nương nơi thiền định, năm hành thành tựu trí tuệ.

Bồ-tát trụ nơi giới gồm thân chúng sinh có mười một thứ, nơi mỗi mỗi thứ thành tựu tất cả hành.

Một là đối với các chúng sinh đã tạo tác đều cùng đồng sự. Hoặc mới suy nghĩ cùng những chỗ hành tác, đường đi qua lại, phương tiện chánh nghiệp, giữ gìn của cải vật dụng, hòa hợp các việc tranh cãi, hoặc hội an lành nơi thế gian, và các thứ phước nghiệp, đều cùng đồng sự.

Hai là đối với các sự việc khổ đều cùng làm bạn. Nếu thấy người tật bệnh thì chăm sóc cung cấp. Thấy người mù phải dẫn dắt, người mê thì giúp tìm đường, người điếc dùng tay ra dấu khiến họ lãnh hội, người què phải cõng vác, người tham dục có các khổ vây quanh thì chỉ dạy khiến họ xa lìa. Các thứ cái như sân giận, thù miên, trạo hối, nghi, những thứ khổ như vậy cũng khiến xa lìa. Giác (tâm) dục, giác sân, giác hại, giác thân lý, giác quốc độ, giác bất tử, giác khinh thường, giác tộc họ, đều chỉ dạy khiến xa lìa. Chúng sinh kiện tụng nhau không nhận biết về khổ, có thể vì họ chỉ bày đường đi, mỗi một thiếu thốn thì ban cho nơi chốn an ổn.

Ba là vì các chúng sinh thuyết pháp đầy đủ. Chúng sinh tạo ác, nói trừ hành ác, cầu thiện, vị thiện, nghĩa thiện, tùy thuận thông đạt khiến tăng trưởng phẩm đạo. Hoặc dùng phương tiện giảng nói, vì chúng sinh ác, nêu giảng nhằm dứt trừ hành ác. Nói pháp trừ tâm keo

kiệt, được quả báo hiện tại, ít chánh phương tiện nhưng được nhiều tài vật, được rồi giữ gìn. Người ganh ghét pháp, khiến sinh tin tưởng vui thích, kiến đế thanh tịnh, lìa các nẻo ác, hết hẳn phiền não, diệt tất cả khổ.

Bốn là biết ân báo ân. Đối với người tạo lợi ích cho mình luôn dùng tâm thiện và lời nói dịu dàng để hỏi han an ủi, khuyên dụ, khen ngợi: “Thiện lai!” rồi lập tòa ngồi an ổn, tìm cách đáp đền lại hoặc bằng hoặc hơn, không để thua giảm. Những việc đã làm Bồ-tát thấy đều đồng sự. Chăm sóc kẻ bệnh khổ, tùy thuận thuyết pháp, diệt trừ các thứ gây sợ hãi, giúp họ lìa dứt các điều lo phiền. Nếu có thiếu thốn tức thí cho các vật dụng. Nương dựa như pháp, tùy thuận nơi tâm. Người có thật đức thì khen ngợi, vui mừng. Người có tội lỗi thì dùng tâm từ quả trách, điều phục, phạt đũa, khiến họ sửa đổi. Nêu rõ lực thần thông, theo chỗ thích hợp để thị hiện.

Năm là đối với các chúng sinh sợ hãi, nên vì họ cứu giúp. Đó là sợ hãi về các thú dữ như sư tử, cọp, sói, về các vua, quan bạo ác, giặc, nước, lửa dữ, nhân, phi nhân v.v... Bồ-tát thấy đều ra sức cứu giúp, khiến họ được an ổn. Hoặc thấy các chúng sinh, các hàng bà con quyến thuộc có những lo buồn do các nạn về tài sản, hoặc trong quyến thuộc, thiện tri thức, các bậc sư trưởng tôn kính có người qua đời, hoặc của cải bị vua quan bạo ác, giặc dữ cướp đoạt, hay bị lửa cháy, nước cuốn, kho báu tiêu tan, sự nghiệp không thành, ép chia của riêng, hoặc quyến thuộc xấu ác làm mất tài sản, tất cả đều vì họ giải bày, khiến xa lìa khổ não.

Sáu là nếu thấy có các chúng sinh tiền của sinh sống không đủ, thì cung cấp cho những thứ cần dùng như thức ăn uống, y phục, thuốc thang, hương hoa, đèn đuốc, các vật dụng trang sức, nhà cửa, tiền bạc, người giúp việc, xe cộ v.v..., những thứ như vậy thấy đều thí cho.

Bảy là như pháp nuôi chúng: Trước là tạo chỗ nương dựa, đem tâm không tham, tâm thương xót, vì họ thuyết pháp, ban cho các vật cần dùng. Nếu tự mình không có, thì từ nơi các cư sĩ, trưởng giả có tâm tín kia cầu xin chu cấp. Theo đúng như pháp có được y phục, thực phẩm, thuốc thang, cho đến phòng nhà, cùng thọ dùng không cất chứa. Đem năm loại pháp tùy thời chỉ dạy, đúng như trong Phẩm Lục Chung Tánh đã nói.

Tám là tùy thuận nơi tâm người: Trước phải biết tánh và thể tánh của chúng sinh, nên cùng trụ thì cùng đồng ở, theo chỗ thích hợp để cùng làm việc. Lại, tùy thuận tâm là quán xét về nơi chốn hành ấy, nếu đem thân miệng hành tác như thế, khiến kẻ kia lo buồn không được thiện lợi, thì Bồ-tát không làm. Tuy khiến lo buồn nhưng đem lại điều tốt đẹp lợi ích cho người thì Bồ-tát nên làm. Nếu Bồ-tát tự làm, thân miệng hành tác chẳng thuộc về giới, cũng chẳng phải là phương tiện của công đức, trí tuệ, khiến kẻ kia sầu não, không đem lại thiện lợi thì Bồ-tát không làm. Ngược lại với các điều nêu trên tức Bồ-tát nên làm. Như sinh sầu khổ, thì sinh mừng vui cũng lại như vậy, tùy theo chỗ thích ứng nên rộng phân biệt, nêu bày. Lại, tùy theo tâm, nghĩa là nếu thấy chúng sinh có sắc tướng sân hận, hãy còn không khen ngợi về công đức, huống hồ là nói về điều xấu ác của họ, cũng không khiến họ phải xin lỗi. Lại, tùy theo tâm, nghĩa là người không thưa hỏi an ủi mình, mình hãy còn tự đến để an ủi thưa hỏi họ, huống gì là họ đã đến thăm hỏi mà mình không đáp lại, chỉ trừ khi răn dạy. Lại, tùy theo tâm, nghĩa là không nào hại người khác, trừ khi dùng tâm từ bi, các căn vắng lặng, quả trách đệ tử khiến được điều phục. Lại, tùy theo tâm còn có nghĩa là không cười cợt, không đùa bỡn quá đáng, khiến kẻ kia hổ thẹn sinh nghi hối. Người ấy tuy không bằng mình, nhưng không nên nói ông nay rơi vào chỗ thua rồi. Thấy người khiêm nhường cũng không tự cao. Lại, tùy theo tâm chẳng phải là không gần gũi quen biết, nhưng không gần gũi quá mức, không

gần gũi không đúng. Lại, tùy theo tâm nghĩa là đối với người thân quen khác không nói lỗi của kẻ kia, đối với người oán khác không khen đức của kẻ kia. Người không thân thiện không cùng đồng sự. Không tham muốn cầu nhiều, nếu có chỗ giữ lấy nên biết lượng biết đủ. Nếu có người thỉnh mời không làm trái ý họ. Hoặc có sự hiềm trách thì như pháp tạ lỗi.

Chín là đối với người thật có công đức thì khen ngợi, hoan hỷ. Người có tâm tin đầy đủ thì khen ngợi công đức của tín. Giới, văn, thí, tuệ cũng lại như vậy.

Mười là nên quở trách. Quở trách để điều phục lỗi nhỏ, phạm nhỏ, đem tâm thương xót, dùng lời dịu dàng để quở trách. Lỗi phạm bậc trung dùng lời quở trách vừa phải. Lỗi phạm nặng thì dùng lời thô nặng để quở trách. Như quở trách, thì điều phục, phạt đuổi cũng lại như thế. Người phạm nhẹ và vừa, tùy thời đuổi đi, nếu trở lại thì cho cùng trụ, vì để giáo hóa việc phạm giới và các người khác. Do tâm thương mến, tạo lợi ích cho nên mới đuổi ra khỏi chúng. Người phạm nặng tội lớn, thì không ở chung, không ăn chung, cho đến khi đã cải hối cũng không cho ở chung. Do tâm từ bi nên không khiến kẻ kia ở trong pháp Phật khởi nhiều tội lỗi, cũng là để răn dạy các chúng sinh khác.

Mười một là Bồ-tát vì tạo lợi ích nên hiện bày lực thần thông, hoặc khiến người khác sợ hãi, hoặc khiến người khác hoan hỷ. Kẻ hiện làm việc ác, hiện bày báo ác. Đó là các xứ thuộc nẻo ác như: Địa ngục hàn băng, địa ngục biên v.v... và nói với người kia: Ông nên xem đây, người ở nhân gian tạo ác phải sinh trong đó nhận vô lượng khổ. Kẻ kia thấy sinh sợ hãi, nhàm chán xa lìa hành ác.

Bồ-tát ở trong đại chúng, thấy người bất tín hỏi việc không trả lời, ngay lúc ấy hóa làm Lục sĩ Kim Cang, cho đến chư thiên, quý thần đại lực để tạo sự sợ hãi cho kẻ kia. Vì sợ hãi, nên kẻ kia bỏ tâm

kiêu mạn, sinh tin kính, chân thật trả lời. Ngoài ra, đại chúng khi nghe kẻ kia trả lời chân thật, cũng đều được điều phục.

Lại dùng thần lực hiện một thành nhiều, hiện nhiều thành một, vách đá đều vượt qua, thân xuất lửa nước. Hoặc lại thị hiện thần lực cùng Thanh văn, khiến kẻ kia vui vẻ. Người chưa tin sinh tin. Người phạm giới được thanh tịnh. Người hiểu biết ít được hiểu biết nhiều. Người keo kiệt có thể hành thí. Người ngu si được trí tuệ. Như vậy là Bồ-tát thành tựu tất cả hành giới gồm thân chúng sinh. Đó gọi là ba thứ tụ giới, là vô lượng tụ công đức của Bồ-tát.

HẾT - QUYỂN 4

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 5
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT
Phẩm thứ 10: GIỚI, phần 2

Bồ-tát muốn học giới luật nghi, giới gồm thâu pháp thiện, giới gồm thâu chúng sinh của Bồ-tát, hoặc tại gia, hoặc xuất gia, đã phát nguyện Bồ-đề vô thượng, đối với Bồ-tát đồng pháp, người đã phát nguyện, có trí có lực, lời thiện nghĩa thiện, có thể trì tụng. Bồ-tát như vậy, trước là lễ nơi chân, cung kính khởi thưa: Con tên là v.v... nay ở trước Đại đức xin thọ giới Bồ-tát. Đại đức đối với con không quản cực nhọc, thương xót đồng ý cho. Thỉnh như vậy rồi, trích áo vai bên phải, hướng đến ba đời mười phương chư Phật và chư vị Bồ-tát trụ nơi đại địa, cung kính đánh lễ nhớ nghĩ công đức của các Ngài, khởi tâm thuần tịnh hạ, trung, thượng, ở trước tượng Phật thành tâm cung kính, cúi mình quỳ dài trước bậc trí thưa: Duy nguyện Đại đức trao truyền giới Bồ-tát cho con.

Thưa như vậy rồi, nhất tâm niệm trụ nuôi lớn tâm tịnh: Ta nay không lâu sẽ được tụ công đức lớn vô tận, vô lượng, vô thượng. Nghĩ như vậy rồi thì hoàn toàn yên lặng đứng.

Bấy giờ, đối với người thọ nhận giới kia, Đại đức không khởi tâm loạn động, hoặc ngồi hoặc đứng nói: Nay thiện nam, tên là v.v...! Hãy lắng nghe kỹ! Pháp đệ, ông có phải là Bồ-tát không? Đáp: Dạ

phải. Phát nguyện Bồ-đề chưa? Dạ đã phát. Hỏi rồi, Đại đức nói: Này thiện nam! Ông muốn ở nơi ta thọ nhận tất cả giới Bồ-tát, gồm giới luật nghi, giới gồm thân pháp thiện, giới gồm thân chúng sinh. Các giới này là giới được tất cả chư Bồ-tát quá khứ, hiện tại và vị lai an trụ, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học. Ông có thể thọ nhận được chăng? Đáp: Dạ có thể thọ nhận. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Đại đức hỏi ba lần là đã truyền trao giới cho người kia rồi, người thọ nhận giới pháp không đứng dậy. Bây giờ, Đại đức ở trước tượng Phật, kính lễ các chúng Bồ-tát trong mười phương thế giới và thưa: Bồ-tát tên là v.v..., ở trước con ba lần nói đã thọ nhận giới Bồ-tát, con vì vị ấy tác chứng: Thứ nhất vô lượng chư Phật trong mười phương, bậc Đại sư vô thượng hiện tri kiến nhận biết. Đối với tất cả chúng sinh, tất cả pháp, hiện tri kiến nhận biết. Vị Bồ-tát mới thọ giới cũng bạch như vậy. Lần thứ hai, thứ ba cũng bạch như thế. Như vậy là thọ giới Bồ-tát xong. Tiếp theo là trước vô lượng chư Phật, chư Bồ-tát trụ ở đại địa nơi tất cả thế giới trong mười phương, pháp có tướng hiện. Bây giờ, chư Phật, Bồ-tát trong mười phương thế giới, nhớ nghĩ đến Bồ-tát này, khởi tri kiến như thật, bảo với các đại chúng: Trong thế giới tên v.v... có người tên v.v..., theo Bồ-tát tên v.v..., thọ giới Bồ-tát. Đối với Bồ-tát này hãy khởi tưởng là con, là em, đem tâm từ thương nhớ, khiến Bồ-tát ấy pháp thiện tăng trưởng, trọn không thoái giảm.

Bạch như vậy, hiểu biết như vậy, là đã thọ giới Bồ-tát xong. Đại đức và giới tử hướng đến chư Phật và Bồ-tát trong mười phương kính lễ rồi lui ra. Như vậy Bồ-tát đã thọ giới luật nghi. Đối với tất cả giới luật nghi khác, giới này là tối thắng tối thượng, thân nhận vô lượng vô biên công đức, đã từ tâm chân thật vô thượng bậc nhất phát khởi. Đó là pháp đối trị tất cả chủng loại hành ác của hết thầy chúng sinh. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đối với giới luật nghi này, trăm

phần không bằng một, trăm ngàn vạn phần cho đến toán số rất nhỏ, thí dụ cũng không bằng một. Giới ấy gồm thâu tất cả các công đức. Bò-tát trụ nơi giới luật nghi nên khởi suy nghĩ: Như pháp hành trì, phi pháp thì không hành trì, công đức luôn chuyển tăng. Bò-tát học giới, lãnh hội nơi tạng Tu-đa-la nói và tạng Ma-đắc-lặc-già của Bò-tát nói, phải siêng năng hộ trì. Bò-tát có trí không theo tất cả Bò-tát thọ giới Bò-tát. Nếu là người không tin, thì không theo thọ nhận. Nghĩa là ban đầu khi nghe giới Bò-tát thì không tin, không thuận, không thể tư duy. Người keo kiệt, người tham lam, người nhiều dục, người không biết đủ, người phá giới, người chậm chạp, người không hộ giới, người sân, người hận, người không hành nhẫn, người mệt mỏi, người biếng nhác, người tham ngủ nghỉ, người ưa nói việc đời, những người như vậy đều không theo để thọ. Nếu có Bò-tát tu tập tâm thiện, cho đến chỉ trong một thời gian ngắn, người không uống rượu, người không ngu si, người không hèn yếu, người không nghe ít, người không hủy báng tạng Tu-đa-la của Bò-tát, nên theo những người như thế để thọ giới Bò-tát. Bò-tát thọ giới Bò-tát nhưng hủy báng, trái ngược với Tạng Bò-tát, thì không hướng đến kẻ ấy giảng nói, cũng không chỉ dạy về nghĩa. Vì sao? Vì kẻ kia nghe rồi không tin, không biết ngăn giữ, lại sinh hủy báng. Kẻ hủy báng như vậy, như thọ giới Bò-tát có vô lượng tụ công đức, thì người hủy báng bị tội báo cũng lại như thế. Cho đến ngôn ác, kiến giải ác, giác (tâm tư) ác trọn không lia bỏ. Bò-tát tạo nghiệp tội như thế, khi muốn thọ giới Bò-tát, người trí nên vì họ nói rõ về tạng Ma-đắc-lặc-già của Bò-tát, nói rõ về giới Bò-tát và các tướng phạm giới, khiến người thọ giới tự tâm quán sát, trí tuệ suy nghĩ xem mình có thể thọ giới không, không phải chỉ dựa theo người khác để thọ. Đó gọi là Bò-tát kiên cố, người như vậy nên thọ giới Bò-tát.

Bò-tát trụ nơi giới luật nghi ấy, có bốn xứ pháp Ba-la-di. Những gì là bốn? Bò-tát vì tham lợi nên tự khen ngợi đức mình, chê bai người khác. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ nhất.

Bồ-tát tự có của cải vật dụng nhưng tánh keo kiệt, tiếc lẫn, chúng sinh nghèo khổ không chỗ nương dựa tìm đến cầu xin nhưng không khởi tâm bố thí các thứ vật cần dùng, có người muốn nghe pháp cũng keo kiệt không nói. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ hai.

Bồ-tát sân hận, phát ra lời nói thô ác, ý vẫn không dừng. Lại dùng tay đánh hoặc có thêm gậy đá, tàn hại khủng bố, sân hận thêm nhiều. Người phạm tội đến cầu xin sám hối, không nhận sự sám hối của kẻ ấy, kết hận không xả. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ ba.

Bồ-tát hủy báng Tạng Bồ-tát, giảng nói pháp tương tự kiến lập hiển bày. Đối với pháp tương tự, hoặc tâm tự hiểu, hoặc thọ nhận từ người khác. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ tư.

Bồ-tát đối với bốn xứ pháp Ba-la-di như thế, phạm mỗi một pháp đều gọi là phạm xứ pháp Ba-la-di, huống gì là phạm cả bốn! Hiện pháp không thể tăng rộng, tâm tịnh hiện tại để trang nghiêm Bồ-đề cũng không thể tăng trưởng. Đó gọi là Bồ-tát tương tự không phải là Bồ-tát chân thật.

Bồ-tát do phiền não loại hạ, trung phạm bốn pháp này, không gọi là xả giới luật nghi, nếu do phiền não loại thượng khiến phạm, thì gọi là xả. Nếu đối với bốn pháp luôn luôn vi phạm không sinh hổ thẹn, lại vui vẻ yêu thích, nói là công đức, đó gọi là phạm tội do phiền não loại thượng. Bồ-tát không có phạm tức thì bốn xứ pháp Ba-la-di, nhưng có thể xả giới luật nghi của Bồ-tát, như Tỳ-kheo xả giới luật nghi. Bồ-tát mất giới luật nghi rồi, có thể gắng nhận giữ thọ lại, không phải như Tỳ-kheo phạm giới Mộc-xoa thì không được thọ lại. Có hai nhân duyên khiến mất giới luật nghi của Bồ-tát: Một là xả bỏ nguyện Bồ-đề vô thượng. Hai là khởi phiền não tăng thượng rồi phạm. Không có bỏ thân thọ thân nên mất giới Bồ-tát, cho đến chỗ thọ sinh trong mười phương cũng lại không mất. Nếu Bồ-tát không bỏ đại nguyện, không phạm do phiền não loại thượng gây ra, thì khi xả thân thọ thân, tuy không nhớ nghĩ, nhưng

theo thiện tri thức, thường được thọ lại, cũng như là giới gốc, không gọi là mới được.

Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi này, phải biết thế nào là phạm không phạm, là nhiễm ô không nhiễm ô nơi bậc hạ, trung, thượng.

Nếu Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, trong một ngày một đêm, đối với Phật tại thế, hoặc đối với tháp miếu Phật, hoặc Pháp, hoặc kinh quyền, hoặc tạng Tu-đa-la của Bồ-tát, hoặc tạng Ma-đắc-lặc-già của Bồ-tát, hoặc Tỳ-kheo Tăng, hoặc chúng Đại Bồ-tát trong mười phương thế giới, nếu không ít nhiều cúng dường cho đến chỉ một lay, không dùng một kệ khen ngợi công đức của Tam bảo, thậm chí không có được một niệm tâm tịnh. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều. Hoặc phạm do không cung kính, hoặc biếng nhác, trễ nải, thì phạm này là khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên làm, thì phạm này không khởi nhiễm ô. Không phạm thì nhập tâm tịnh nơi địa Bồ-tát, như đạt được tịnh bất hoại, pháp thường của Tỳ-kheo là cúng dường Tam bảo, đó gọi là không phạm.

Nếu Bồ-tát nhiều ham muốn, không biết đủ, tham đắm của cải vật dụng, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm là đoạn trừ hết thấy các thứ kia, khởi phương tiện đối trị thân giữ tham dục, vì tánh của phiền não ấy là nhanh nhạy lại luôn luôn khởi.

Nếu Bồ-tát thấy những bậc Thượng tọa có đức, phải nên cung kính xem như người đồng pháp, không nên đem tâm sân hận, kiêu mạn, không khởi sự cung kính, không nhường chỗ cho vị kia, vị kia thưa hỏi thỉnh pháp lại không trả lời, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu biếng nhác, trễ nải, hoặc tâm vô ký, hoặc phạm do quên làm, phạm này không khởi nhiễm ô. Không phạm là hoặc cuồng hoặc bệnh nặng, hoặc tâm loạn, hoặc khi ngủ khởi tưởng là thức, thưa hỏi thỉnh pháp đều không trả lời, đó gọi là không phạm.

Hoặc lên tòa thuyết pháp, hoặc khi bàn luận quyết định, hoặc tự thuyết pháp, hoặc nghe pháp, hoặc tự quyết định khi bàn luận, hoặc nói pháp giữa đại chúng, hoặc luận bàn quyết định trong chúng. Những trường hợp ấy, không lẽ thì không phạm. Hoặc tâm giúp đỡ người giảng nói, hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, xa lìa pháp bất thiện, tu tập pháp thiện. Hoặc giúp việc tăng chế, hoặc giúp ý cho nhiều người.

Bồ-tát có đàn-việt đến thỉnh, hoặc đến phòng riêng, hoặc đến trong chùa, hoặc đến các nhà khác, hoặc thí y phục, thức ăn uống, các thứ vật dụng, Bồ-tát do tâm sân mạn, không đến không nhận. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm là khi bị bệnh, hoặc không có sức, hoặc cuồng, hoặc nơi chốn kia quá xa, hoặc đi đường sợ nạn. Hoặc biết không thọ nhận sẽ khiến người kia được điều phục, bỏ ác trụ thiện. Hoặc trước đã thọ nhận lời thỉnh của người khác. Hoặc đang tu pháp thiện không muốn tạm bỏ. Hoặc vì muốn được nghe nghĩa lợi ích của pháp chưa từng có cùng bàn luận quyết định. Hoặc biết người thỉnh lừa dối não hại, hoặc lo giúp đỡ nhiều người có tâm hiềm hận. Hoặc giúp đỡ tăng chế.

Nếu Bồ-tát có đàn-việt đem các thứ vật quý như vàng, bạc, chân châu, ma ni, lưu ly dâng cúng cho mình, Bồ-tát do tâm sân mạn nên hoàn toàn không nhận. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô, vì đã bỏ chúng sinh. Nếu phạm do biếng nhác trễ nải, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi bị cuồng, hoặc biết thọ nhận rồi tất sinh tham đắm. Hoặc biết thọ nhận rồi thí chủ sinh hối hận. Hoặc biết thọ nhận rồi thí chủ sinh nghi hoặc. Hoặc biết thọ nhận rồi thí chủ sẽ nghèo khó. Hoặc biết vật này là vật của Tam bảo. Hoặc biết vật này là do cướp đoạt mà được. Hoặc biết thọ nhận rồi sẽ có nhiều khổ não. Đó là vì tài sản nên có thể bị giết hại, trói buộc, trị phạt, cướp đoạt, quở trách.

Nếu có chúng sinh đi đến trụ xứ của Bồ-tát muốn được nghe pháp, nhưng do sân giận, keo kiệt, ganh ghét, các Bồ-tát không vì họ giảng nói. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi ngoại đạo tìm kiếm chỗ thiếu sót của mình. Hoặc bị bệnh nặng, hoặc bị cuồng. Hoặc biết không giảng nói sẽ khiến kẻ kia được điều phục. Hoặc pháp đã tu tập chưa hoàn toàn thông lợi. Hoặc biết người ấy trước không thể kính, thuận theo oai nghi nghiêm chỉnh. Hoặc kẻ kia là hàng độn căn, nghe pháp thâm diệu sẽ sinh tâm sợ hãi. Hoặc biết kẻ kia nghe rồi thì tăng trưởng tà kiến. Hoặc biết nghe rồi sẽ hủy báng, thoái mất. Hoặc sợ kẻ kia nghe rồi hướng đến người ác nói để phá hoại chánh pháp.

Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh hung ác phạm giới, lại dùng tâm sân hận khiến cho họ tự bỏ, hoặc ngăn cản người khác khiến bỏ, không giáo hóa. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, hoặc phạm do quên ngăn cản người khác thì không khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với người ác, phát khởi tâm từ bi sâu xa hơn là đối với người thiện. Không phạm là hoặc bị cuồng, hoặc biết nếu không nói sẽ khiến kẻ kia được điều phục. Hoặc lo giúp đỡ cho nhiều người hiềm hận, hoặc giúp cho tăng chế.

Bồ-tát ở trong Ba-la-đề-mộc-xoa của Như Lai, theo Tỳ-ni kiến lập già tội, giúp đỡ chúng sinh, khiến người không tin sinh tâm tin, người tin rồi thì thêm rộng lớn, là đồng Thanh văn học. Vì sao? Vì hàng Thanh văn chỉ là tự độ, không thể độ người, vẫn có thể khiến người không tin sinh tin, người tin rồi thêm tăng trưởng giới học, hưởng gì là Bồ-tát chính là đệ nhất nghĩa độ. Lại nữa, trụ nơi già tội, lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít, Đức Thế Tôn vì hàng Thanh văn nên kiến lập, Bồ-tát không đồng học giới này. Vì sao? Vì hàng Thanh văn là tự độ, bỏ người, nên trụ chỗ lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít. Bồ-tát

tự độ lại còn độ người khác, nên không trụ nơi chỗ lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít. Bồ-tát vì chúng sinh nên theo các vị Bà-la-môn, Cư sĩ không thân quen, cầu xin trăm ngàn y và tùy ý thí cho. Bồ-tát nên quán sát thí chủ có thể thí hay không thể thí, tùy theo sự cúng dường nên thọ nhận. Như y, thì bát cũng như vậy. Như y bát, Bồ-tát tự cầu xin tờ sợi, khiến người thợ dệt không phải là bà con dệt cũng như vậy. Do vì chúng sinh, nên có thể cất chứa trăm ngàn y Kiều-xa-da, trăm ngàn ngoạ cụ, tọa cụ, cho đến vàng bạc cũng nên thọ nhận. Những chỗ trụ như vậy, lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít, Thanh văn là già tội, Bồ-tát thì không cùng học trụ. Giới luật nghi của Bồ-tát là vì các chúng sinh. Nếu Bồ-tát có tâm hiềm hận trụ nơi lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, do trụ nơi lợi ít, tạo tác ít, phương tiện ít, thì phạm này không khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát thân miệng quanh co dua nịnh, hoặc hiện tướng, hoặc chê bai, hoặc nhân lợi cầu lợi, trụ nơi pháp tà mạng, không có tâm hổ thẹn, không thể lia bỏ. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm là nếu vì nhằm đoạn trừ nên khởi phương tiện dục, phiền não tăng thượng, lại luôn luôn khởi.

Nếu Bồ-tát có tâm trạo cử, không vui thích tĩnh lặng, lớn tiếng đùa cợt, khiến người khác vui thích, tạo ra nhân duyên ấy, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên lầm, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là vì nhằm đoạn trừ, khởi phương tiện dục như trước đã nói. Lại, không phạm là hoặc người khác khởi hiềm hận, muốn khiến dừng lại. Hoặc người khác do buồn muốn khiến dứt. Hoặc người khác tánh ưa đùa cợt, vì nhằm thân giữ kẻ kia, nên muốn đoạn trừ, vì nhằm giúp đỡ. Nếu kẻ khác nghi ngờ hiềm hận, trái ngược với dung mạo đùa giỡn thì Bồ-tát hiện tâm tịnh.

Nếu Bồ-tát khởi kiến như vậy, nói như thế này: Bồ-tát không nên ưa thích Niết-bàn, nên từ bỏ Niết-bàn, không nên sợ phiền não,

không nên một mực chán lìa. Vì sao? Vì Bồ-tát nên ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp, thọ sinh tử lâu xa cầu đạo quả Đại Bồ-đề. Khởi nói như vậy, gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm ấy khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Thanh văn rất ưa thích Niết-bàn, chán sợ phiền não trăm ngàn vạn lần, không bằng Bồ-tát ưa thích sâu xa về Niết-bàn, chán sợ phiền não. Nghĩa là các Thanh văn chỉ vì tự lợi, Bồ-tát thì không như thế, khắp vì chúng sinh. Bồ-tát hành tập tâm không nhiễm ô, hơn hẳn A-la-hán thành tựu việc xa lìa các phiền não hữu lậu.

Nếu Bồ-tát có lời nói không hộ trì, không tin tưởng, lại còn hủy báng chê trách, không chịu diệt trừ, nếu thật có lỗi ác nhưng không trừ diệt. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu thật không có lỗi ác nhưng không diệt trừ, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nếu đây là ngoại đạo phi báng và các người ác khác. Hoặc người xuất gia khát thực, tu nhân duyên thiện, phát sinh sự chê trách người khác, hoặc trước những người sân, người cuồng sinh khởi hủy báng.

Nếu Bồ-tát quán sát chúng sinh, biết nên dùng khổ bức làm phương tiện khiến kẻ kia đạt lợi ích, nhưng vì sợ kẻ ấy buồn khổ nên không làm. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này không khởi nhiễm ô. Không phạm: Là quán xét kẻ kia, hiện tại việc đạt lợi ích thì ít, còn khởi ưu não thì nhiều.

Nếu Bồ-tát bị người mắng nhiếc mắng nhiếc lại, bị người sân giận sân giận lại, bị người đánh đập đánh đập lại, bị người chê bai chê bai lại. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát xâm phạm người khác, hoặc không xâm phạm nhưng khiến người khác sinh nghi, tức nên xin lỗi, chớ có hiềm hận, khinh mạn. Không như pháp xin lỗi, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Là nếu dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục. Hoặc kẻ kia muốn khiến tạo sự việc bất tịnh, sau đó thọ

nhận, không xin lỗi, thì không tội. Hoặc biết tánh kẻ kia ưa tranh cãi, nếu xin lỗi thì tăng thêm sân hận. Hoặc biết kẻ kia hòa nhẫn không có tâm hiềm hận, sợ kẻ kia hổ thẹn, không xin lỗi, không mắc tội.

Nếu Bồ-tát bị người khác xâm phạm, kẻ ấy đến xin lỗi đúng như pháp, nhưng do tâm hiềm hận, muốn não hại nên Bồ-tát không nhận sự hối lỗi của kẻ kia. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu không hiềm hận, nhưng tánh không thích nhận sự hối lỗi, thì phạm này không khởi nhiễm ô. Không phạm: Là nếu dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Hoặc kẻ kia hối lỗi không như pháp, tâm kẻ ấy không bình thường, Bồ-tát không thọ nhận sự hối lỗi kia thì không tội.

Nếu Bồ-tát đối với người khác khởi tâm hiềm hận, chấp chặt không bỏ, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Là vì muốn cho kẻ kia đoạn trừ nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát vì tham được phụng sự, nên chứa nuôi người quyền thuộc, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là không có tâm tham khi chứa nuôi.

Nếu Bồ-tát trẻ nãi biếng nhác, ham thích ngủ nghỉ, hoặc phi thời, không biết hạn lượng, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là do bị bệnh hoặc không có sức, hoặc đi xa bị mệt nhọc. Hoặc vì muốn cho kẻ kia đoạn trừ nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát do tâm nhiễm ô, luận bàn về việc thế tục, trải qua nhiều thời gian, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên làm, trải qua thời gian thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi thấy có người nhóm họp chuyện trò, ý muốn giúp kẻ kia nên tạm nghe trong chốc lát. Hoặc phải trả lời câu hỏi của người khác về việc chưa từng nghe.

Nếu Bồ-tát muốn cầu tâm định nhưng lại hiềm hận, kiêu mạn, không thọ nhận lời dạy của thầy, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu do biếng nhác, trễ nải nên phạm, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là vì bệnh tật, hoặc không có sức, hoặc biết người kia nói điều điên đảo. Hoặc có sức tự nghe biết nhiều. Hoặc trước đã thọ pháp.

Nếu Bồ-tát tâm khởi năm cái (ngăn che), không khai ngộ cho người, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là nhằm đoạn trừ cho kẻ kia nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát chấp nơi vị tương ưng với thiền, cho là công đức, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là do nhằm đoạn trừ cho kẻ kia, nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát nhận biết như vậy, nói như vậy: Bồ-tát không nên nghe kinh pháp của hàng Thanh văn, không nên thọ nhận, không nên học, Bồ-tát đâu cần gì nơi pháp Thanh văn. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ-tát hãy còn nghe dị luận của ngoại đạo, hướng chi là lời Phật dạy. Không phạm: Nghĩa là đang chuyên học giới nơi Tạng Bồ-tát, chưa thể học đủ khắp.

Nếu Bồ-tát đối với Tạng Bồ-tát không tạo phương tiện, xả bỏ không học, hoàn toàn tu tập kinh pháp của hàng Thanh văn. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này không khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát đối với lời Phật giảng nói, không tạo phương tiện, xả bỏ không học, trái lại học tập luận tà của ngoại đạo, kinh sách thế tục. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là nếu đúng là thông minh, có thể thọ học nhanh chóng. Hoặc đã học từ lâu không quên. Hoặc tư duy nhận biết nghĩa. Hoặc đối với pháp Phật quán sát đầy đủ, đạt được trí bất động. Hoặc

trong mỗi mỗi ngày đã bỏ ra hai phần thọ học kinh Phật, một phần thọ học ngoại điển. Đó gọi là không phạm.

Như vậy, nếu Bồ-tát đối với sách vở thế tục, luận tà của ngoại đạo, luôn ưa thích không xả, không khởi tương từ bỏ. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát nghe pháp nơi Tạng Bồ-tát theo nghĩa sâu xa, nghĩa chân thật, nhưng đối với vô lượng thần lực của chư Phật, Bồ-tát lại hủy báng không thọ, nói là không lợi ích, không phải do Đức Như Lai thuyết giảng, cũng không thể tạo an lạc cho chúng sinh. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô.

Bồ-tát hoặc tự tâm tư duy không đúng đắn nên hủy báng, hoặc thuận theo người khác nên hủy báng. Bồ-tát này nghe nói về đệ nhất nghĩa thâm diệu, không sinh tâm hiểu biết. Bồ-tát này nên khởi tâm tín, tâm không quanh co đua nịnh để học hỏi: Ta đã lớn, không phải mù, không có mắt tuệ. Tuệ nhãn của Như Lai như vậy là đã tùy thuận giảng nói. Như Lai nêu giảng như thế là chưa kết thúc. Vì sao khởi hủy báng? Bồ-tát này tự ở nơi xứ không hiểu biết. Như vậy là đã hiện pháp tri kiến của Như Lai, chánh quán chánh hướng. Không phạm: Nghĩa là do không hiểu chỗ mình hủy báng.

Nếu Bồ-tát do tâm tham sân, tự khen đức mình, chê bai người khác. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi chê bai ngoại đạo, xưng dương pháp Phật. Hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Lại, không phạm là nhằm khiến người không tin sinh tin, khiến người tin rồi thêm rộng lớn.

Nếu Bồ-tát nghe có nơi chốn thuyết pháp, có nơi chốn luận bàn quyết định, nhưng do tâm kiêu mạn, tâm sân hận, nên không đến nghe. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không

phạm: Nghĩa là do không hiểu, hoặc bị bệnh, hoặc không có sức để đi. Hoặc nơi kia thuyết giảng pháp điền đảo, hoặc tâm hộ trì người giảng nói. Hoặc thường được nghe, đã thọ trì, đã hiểu nghĩa. Hoặc đa văn, hoặc nghe thọ trì, như thuyết mà hành. Hoặc đang tu thiền định không muốn tạm bỏ. Hoặc vì độn căn khó tỏ ngộ, khó thọ khó trì nên không đến, đều không phạm.

Nếu Bồ-tát xem thường người thuyết pháp, không sinh tâm cung kính, đùa cợt chê bai, chỉ chấp theo văn tự, không dựa nơi nghĩa thật. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, thấy những việc làm của chúng sinh nhưng do tâm sân hận nên không cùng đồng sự. Đó là các việc suy nghĩ, hoặc đi đường, hoặc hưng khởi tạo lợi ích như pháp. Hoặc làm ruộng, hoặc chăn thả gia súc, hoặc hòa giải tranh tụng, hoặc thắng hội, hoặc phước nghiệp. Những việc như vậy không cùng đồng sự, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là hoặc bị bệnh, hoặc không có sức để đi. Hoặc kẻ kia tự mình có thể làm, hoặc kẻ kia tự có nhiều bạn. Hoặc việc làm ấy là phi pháp phi nghĩa. Hoặc đó là phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Hoặc trước đã có hẹn với người khác, hoặc kẻ kia có oán. Hoặc tự tu nghiệp thiện không muốn tạm bỏ. Hoặc tánh ám độn, hoặc ý giúp đỡ nhiều người, hoặc giúp đỡ tăng chế. Những việc không cùng đồng ấy, đều không phạm.

Nếu Bồ-tát thấy người đau ốm bệnh tật, nhưng do tâm sân hận không đến chăm sóc. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi mình mắc bệnh, hoặc không có sức, hoặc dạy người có sức tùy thuận chăm sóc. Hoặc biết người kia tự có bà con, hoặc người kia có lực có thể tự sắp đặt. Hoặc vì bệnh thường phát. Hoặc đang tu thắng nghiệp không thể tạm bỏ. Hoặc do ám độn,

khó tỏ ngộ, khó thọ khó trì. Hoặc trụ trong duyên nạn, hoặc trước có chăm sóc bệnh người khác.

Như bệnh thì sự cùng khổ cũng như vậy.

Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh tạo nghiệp ác nơi đời nay và cả đời sau, nhưng do tâm hiềm hận, không vì họ giảng nói điều chân chánh. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi tự mình không có trí, hoặc không có sức. Hoặc khiến cho người có lực nói. Hoặc biết kẻ kia tự có lực, kẻ kia tự có thiện tri thức. Hoặc tạo phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Hoặc vì lúc đang nói đối với mình chỉ thêm hận. Hoặc nói ra lời ác, hoặc thọ nhận những điên đảo, hoặc không ái kính. Hoặc vì người kia tánh xấu xa tàn bạo.

Nếu Bồ-tát thọ nhận ân huệ của người khác, nhưng do tâm hiềm hận, không đem sự việc hoặc bằng, hoặc hơn để đền đáp cho họ. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi tạo phương tiện nhưng không có sức. Hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục. Hoặc muốn báo ân nhưng kẻ kia không nhận.

Nếu Bồ-tát thấy các chúng sinh có người thân thuộc bị nạn, tài sản vật dụng bị mất mát v.v..., nhưng do tâm hiềm hận, nên không vì họ chỉ bày nhằm trừ diệt ưu não. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do lười biếng, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là như trong phần không đồng sự đã nói ở trước.

Nếu Bồ-tát thấy có người đến cầu xin thức ăn uống, y phục, nhưng do tâm sân hận nên không thể thí cho. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi mình

không có gì, hoặc người kia cầu xin vật phi pháp, vật không lợi ích cho họ. Hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Hoặc vì kẻ kia phạm vương pháp, có ý hộ trì vua, hoặc giúp đỡ tăng chế.

Nếu Bồ-tát thấu nhận đồ chúng, nhưng do tâm sân hận nên không dạy trao đúng như pháp, không thể tùy thời, theo các Bà-la-môn, Cư sĩ cầu xin các thứ y phục, thức ăn uống, nệm nằm, thuốc men, nhà cửa, theo thời cung cấp. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, phóng dật thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục, như trước đã nói. Hoặc hộ trì Tăng chế, hoặc bị bệnh, hoặc không có sức, hoặc sai người có sức nói. Hoặc kẻ kia có sức, có nhiều tri thức, đại đức, tự cầu các vật dụng. Hoặc đã từng thọ giáo, tự mình nhận biết pháp. Hoặc đó là ngoại đạo trộm pháp không thể điều phục.

Nếu Bồ-tát do tâm hiềm hận không tùy thuận người khác, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi kẻ kia muốn làm việc không như pháp. Hoặc do mình bị bệnh, không có sức. Hoặc hộ trì Tăng chế. Hoặc kẻ kia tuy như pháp nhưng lại có thể khiến nhiều người khởi việc phi pháp. Hoặc để hàng phục ngoại đạo. Hoặc tạo phương tiện khiến kẻ kia được điều phục.

Nếu Bồ-tát biết các chúng sinh khác có công đức thật, nhưng do tâm hiềm hận, nên không hướng đến người kia để nêu bày, cũng không khen ngợi, hoặc có khen ngợi nhưng không nói: Lành thay! Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, phóng túng thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là biết kẻ kia ít ham muốn, ý hộ trì cho kẻ kia. Hoặc là mình bị bệnh, không có sức. Hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia được điều phục. Hoặc hộ trì Tăng chế. Hoặc có thể khiến

người kia khởi phiền não, khởi vui mừng quá mức, khởi kiêu mạn, khởi phi nghĩa. Hoặc công đức thật nhưng tự như công đức không thật. Hoặc thật là nói thiện nhưng tự như nói phi thiện. Hoặc vì nhằm phá trừ tà kiến của ngoại đạo. Hoặc phải đợi nói xong.

Nếu Bồ-tát thấy có chúng sinh phải nên quả trách, nên điều phục, nên trị phạt, nên đui hấn, nhưng do tâm nhiễm ô nên không quả trách. Hoặc có quả trách nhưng không điều phục. Hoặc có điều phục nhưng không trị phạt. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, trễ nải, phóng túng thì không khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi kẻ kia không thể sửa trị, không thể cùng nói, không thể răn dạy, khởi nhiều hiềm hận. Hoặc quán thời, hoặc sợ nhân nơi kẻ kia sẽ khởi mâu thuẫn, tranh cãi, hoặc cùng nhau kiện tụng, hoặc tranh cãi với chư Tăng, hoặc hoại Tăng. Hoặc kẻ kia không đua nịnh quanh co, biết hổ thẹn, dần dần tự sửa đổi.

Nếu Bồ-tát thành tựu các loại thần lực, người đáng khiến sợ hãi thì khiến sợ hãi, người đáng tiếp dẫn thì tiếp dẫn, vì nhằm khiến chúng sinh hành hóa tín thí, nhưng Bồ-tát không dùng thần lực để làm các việc lợi ích như thế. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm này khởi nhiễm ô. Không phạm: Nghĩa là khi chúng sinh kia lại khởi nhiễm chấp theo ngoại đạo, phỉ báng Thánh đạo, gây tạo tà kiến. Hoặc kẻ kia phát cuồng, hoặc tăng thêm thọ khổ.

Phát khởi giới Bồ-tát này, Phật đã giảng nói rất nhiều nơi trong Tu-đa-la, là giới luật nghi, giới gồm sáu pháp thiện, giới gồm sáu chúng sinh. Giới luật nghi gồm sáu của Bồ-tát, là tạng Ma-đặc-lặc-già nơi Tạng Bồ-tát, hòa hợp để nói. Bồ-tát nên siêng năng tinh tấn thọ trì, khởi tâm cung kính hết mực, chuyên tâm tu học, theo người chánh thọ, thọ rồi thì thanh tịnh, đem tâm muốn học, tâm Bồ-đề, tâm tạo lợi ích cho chúng sinh, từ khi mới thọ giới, hết lòng hộ trì, nếu có sai phạm liền như pháp sám hối. Tất cả chỗ Bồ-tát phạm, nên biết là

thuộc về Đột-kiết-la, phải hướng đến người Đại thừa, Tiểu thừa, có khả năng giải nói, đủ sức thọ nhận, người hỏi cải như pháp sám hối.

Nếu Bồ-tát do phiền não tăng thượng phạm xứ pháp Ba-la-di, mất giới luật nghi, phải nên thọ lại. Nếu do phiền não phẩm trung phạm xứ pháp Ba-la-di, tức phải hướng đến ba người hoặc hơn ba người, quỳ dài chấp tay, tác sám hối Đột-kiết-la, nói tội danh đã phạm, thưa thể này: Đại đức xin nhớ nghĩ! Con tên là v.v... vượt Tỳ-ni của Bồ-tát, việc như trước đã nói, phạm tội Đột-kiết-la. Phần còn lại như trong pháp sám hối tội Đột-kiết-la của Tỳ-kheo đã nêu đủ. Nếu do phiền não phẩm hạ phạm xứ pháp Ba-la-di và phạm các thứ khác, tức hướng đến một người xin sám hối. Nếu không có người như pháp, thì nên tự khởi tâm thanh tịnh để sám hối, tự nghĩ: Ta trọn không phạm lại tội này. Ở trong đời vị lai luôn thâm giữ giới luật nghi, nếu có phạm như thế liền dứt trừ.

Nếu không có bậc đầy đủ công đức như vậy, để có thể theo vị ấy thọ giới Bồ-tát, thì Bồ-tát nên ở trước tượng Phật tự thọ. Nên thọ như vậy: Sửa y phục ngay thẳng, trích y bày vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, cúi mình chấp tay, thưa: Con tên là v.v..., xin bạch hết thấy chư Phật và các chúng Bồ-tát nhập đại địa trong mười phương thế giới, con nay ở trước chư Phật, Bồ-tát thọ tất cả giới Bồ-tát, gồm giới luật nghi, giới gồm thâm pháp thiện, giới gồm thâm chúng sinh. Các giới này tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Thưa xong thì đứng dậy. Ngoài ra như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát có chỗ phạm, tức không phạm hoàn toàn. Như Đức Thế Tôn dạy: Bồ-tát khởi phiền não sân là phạm, phải nên thọ lại, không phải khởi tham dục. Nên biết về nghĩa này.

Bồ-tát khởi ái niệm tăng thượng đối với chúng sinh. Việc làm của Bồ-tát, tất cả có thể làm, đáng làm nhưng không làm, không đáng làm nhưng làm, là phạm, nên thọ lại. Bồ-tát sân giận đối với chúng

sinh, là không thể tự độ và độ người, cũng không thể làm những việc Bồ-tát phải làm. Như thế, không làm những việc đáng làm, là phạm, phải nên thọ lại. Nên biết Bồ-tát phạm tội theo loại hạ trung thượng, như nơi Phẩm Bốn Nhiếp đã nói. Nếu Bồ-tát đối với giới luật nghi này thành tựu đầy đủ ba chánh pháp thì được trụ nơi an lạc: Một là phương tiện đầy đủ. Hai là tâm tịnh đầy đủ. Ba là nhân gốc đầy đủ.

Bồ-tát đối với giới không thiếu sót, mất mát, ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh luôn không phạm, tự nói ra các việc xấu. Đó gọi là phương tiện đầy đủ.

Bồ-tát vì pháp xuất gia, không vì thân mạng. Vì nghĩa lý, vì thiền định, không vì tài lợi. Vì Sa-môn, vì Niết-bàn, không vì phi nghĩa. Không vì biếng nhác, nên tinh tấn không thoái chuyển, không lẫn lộn với pháp bất thiện xấu ác. Thọ nhận phiền não thì có quả báo khổ thiêu đốt và bị sinh già bệnh chết nơi đời vị lai. Đó gọi là tâm tịnh đầy đủ.

Bồ-tát từ xưa lúc ở nơi đời khác đã rộng tu các pháp thiện, nên đời nay không thiếu y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng, có thể tu huệ thí. Đó gọi là nhân gốc đầy đủ.

Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, có đầy đủ ba chánh pháp, gọi là trụ nơi an lạc. Trái với những điều ấy gọi là tạo đủ ba thứ không phải chánh pháp, nên biết là trụ nơi khổ. Đây gọi là lược nói, nói rộng là tất cả giới của hàng tại gia và xuất gia. Nên biết nhất thiết giới này phân biệt là những giới nan.

Nan giới (Giới khó hành trì) lược nêu có ba thứ: Bồ-tát có đầy đủ về tài sản của cải, uy lực lớn, có thể xả bỏ để xuất gia thọ giới Bồ-tát. Đó gọi là nan giới thứ nhất. Bồ-tát nếu gặp phải nạn cấp bách có thể mất mạng, đối với giới đã thọ vẫn không khiến khuyết giảm, huống gì là phạm tất cả. Đó gọi là nan giới thứ hai. Bồ-tát đối với tất cả sự tu hành, tất cả chánh thọ, tất cả nhớ nghĩ, tâm trụ nơi không

loạn, cho đến mạng chung, đối với giới vi tế trọn không khuyết giảm, hưởng gì là giới trọng. Đó gọi là nan giới thứ ba.

Nhất thiết môn giới có bốn thứ: Một là giới chánh thọ. Hai là giới tánh. Ba là giới tập. Bốn là giới phương tiện thành.

Giới chánh thọ: Nghĩa là Bồ-tát đã thọ ba thứ giới luật nghi, đó là giới luật nghi, giới gồm thân pháp thiện, giới gồm thân chúng sinh.

Giới tánh: Nghĩa là Bồ-tát tánh tự nhiên thiện, thân khẩu ý thanh tịnh.

Giới tập: Nghĩa là Bồ-tát vốn từ nơi các đời trước, đối với ba thứ giới đã từng tu tập, do có nhân gốc, nên đối với tất cả hành ác tâm thường chán lia, vui tu hành thiện.

Giới phương tiện thành: Nghĩa là Bồ-tát dựa nơi bốn nhiếp sự, đối với các chúng sinh nghiệp thân khẩu ý luôn hành thiện.

Thiện nhân giới tức có năm thứ: Một là tự thọ trì tịnh giới. Hai là trao truyền cho người khác. Ba là tán thán tịnh giới. Bốn là thấy người đồng pháp tâm sinh hoan hỷ. Năm là tuy có hủy phạm luôn như pháp sám hối diệt trừ.

Nhất thiết hành giới là sáu thứ, bảy thứ kia hợp nói là mười ba thứ, hồi hướng về đạo quả Đại Bồ-đề. Do giới thân giữ rộng, nên gọi là rộng.

Tham chấp dục lạc hay tự thân hành khổ hạnh, xa lia cả hai biên này, đó gọi là xứ hoan hỷ không tội. Đến hết thọ mạng, thường không trả lại giới. Tất cả lợi dưỡng, hành theo luận tà của ngoại đạo, các phiền não trói buộc, không thể xâm lấn dối gạt, cũng không thể chiếm đoạt. Đó gọi là giới kiên cố.

Thành tựu trang nghiêm, nên biết là trang nghiêm giới, nghĩa là địa Thanh văn, lìa sát sinh v.v... Giới luật nghi, giới gồm thân pháp thiện, giới gồm thân chúng sinh, giới thuận, giới không thuận, giới

hộ tùy hộ, là tướng báo của bậc đại nhân, ý báo tăng thượng, báo nẻo thiện, báo lợi ích cho chúng sinh.

Trừ não giới có tám thứ. Bò-tát đầu tiên khởi suy nghĩ: Như ta không muốn khiến người khác sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, dùng tay, đá, gậy gộc xúc não với ta. Giống như ta không muốn, thì những kẻ kia cũng vậy. Vì sao đem điều này gia hại cho người khác? Do đây nên không nên hại kẻ kia, cho đến không dùng tay, đá, gậy v.v... để xúc não. Suy nghĩ như vậy rồi, không dùng tám việc để xúc não chúng sinh. Đó gọi là giới trừ não của Bò-tát.

Đời này đời khác vui thích trì giới có chín thứ: Bò-tát đối với xứ ngăn cấm thì ngăn cấm. Đối với xứ cho phép thì cho phép. Nơi chốn thâm giữ thì thâm giữ. Người nên hàng phục thì hàng phục. Đây là bốn thứ giới đối với nghiệp thân khẩu. Bò-tát lại còn có đủ giới của Bồ thí Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, đây là năm thứ giới. Như vậy là lược nêu chín thứ giới, Bò-tát tự mình và người, hiện pháp lạc trụ và đời sau an lạc. Thế nên nói là giới đời này đời khác vui.

Thanh tịnh giới có mười thứ: Một là đầu tiên thọ giới là vì Sa-môn, vì Bò-đề, không vì thân mạng. Hai là trọn không thoái giảm, dấy khởi nghi hối. Ba là không vượt qua trì giới, khởi nghi hối phi xứ. Bốn là lia bỏ các thứ lười biếng, không ưa thích ngủ nghỉ, ngày đêm tinh tấn chuyên cần thành tựu pháp thiện. Năm là thâm giữ tâm không khiến phóng dật, như năm điều không phóng dật đã nói ở trước. Sáu là tu tập chánh nguyện, không nguyện cầu đạt tài lợi và sinh lên cõi trời, thường tu phạm hạnh. Bảy là thâm giữ oai nghi, khéo hiện oai nghi khi làm các việc, tạo phương tiện tu tập thiện, thân khẩu như pháp, hành chánh mạng đầy đủ, tà mạng, quanh co, đua nịnh các thứ lỗi xấu ác thấy đều xa lia. Tám là lia hai biên, lia tùy thuận dục lạc, cùng lia khổ hạnh. Chín là tu tập hành xuất ly, các kiến chấp của

dị học thầy đều xa lìa. Mười là đối với giới đã thọ không thiếu không giảm. Mười thứ này gọi là giới thanh tịnh. Đó gọi là tụ giới lớn của Bồ-tát đắc quả Bồ-đề. Bồ-tát dựa nơi giới này hành đầy đủ giới Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Cho đến nếu chưa thành tựu đạo quả Chánh giác Vô thượng tức được năm thứ phước lợi: Một là luôn được hết thầy chư Phật hộ niệm. Hai là trọn mọi thời tâm luôn hoan hỷ. Ba là xả thân sinh nơi xứ nào, thường cùng với các chúng Bồ-tát tịnh giới làm thiện tri thức. Bốn là được vô lượng tụ công đức, giới độ thành tựu. Năm là đời này đời sau giới tánh đều thành tựu.

Như trước đã nói, chín thứ giới như tự tánh giới v.v... nên biết là thuộc về ba giới: đó là giới luật nghi, giới gồm thân pháp thiện và giới gồm thân chúng sinh.

Lại nữa, ba thứ giới lược nêu có thể làm ba việc của Bồ-tát: Một là giới luật nghi có thể khiến tâm trụ. Hai là giới gồm thân pháp thiện tụ thành tựu pháp Phật. Ba là giới gồm thân chúng sinh là thành tựu chúng sinh. Đây gọi là tất cả sự việc của Bồ-tát. Nghĩa là nơi hiện pháp, tâm được trụ lạc, thân tâm không mệt mỏi, có thể hành tác đầy đủ pháp Phật, thành tựu chúng sinh. Đó gọi là giới Bồ-tát, gọi là phước giới, gọi là những việc làm hoàn toàn vô thượng của Bồ-tát. Tất cả Bồ-tát quá khứ cùng cầu Đại Bồ-đề đều đã học ở đây, vị lai sẽ học, hiện tại đang học.

HẾT - QUYỂN 5

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 6

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 11: NHÃN

Thế nào là Nhãn nhục Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh nhãn. Hai là Nhất thiết nhãn. Ba là Nan nhãn. Bốn là Nhất thiết môn nhãn. Năm là Thiện nhân nhãn. Sáu là Nhất thiết hành nhãn. Bảy là Trừ não nhãn. Tám là Đòi này đòi khác vui nhãn. Chín là Thanh tịnh nhãn.

Thế nào là Tự tánh nhãn của Bồ-tát? Bồ-tát dựa vào sức của tư duy, hoặc như sức của tánh có thể nhãn đối với việc làm không lợi ích của người khác. Tất cả các nhãn đều dựa nơi tâm không tham, tâm bi thuần nhất. Đó gọi là lược nói về Tự tánh nhãn.

Thế nào là Nhất thiết nhãn của Bồ-tát? Lược nêu có hai loại: Một là dựa nơi tại gia. Hai là dựa nơi xuất gia. Hai loại này mỗi loại đều có ba thứ: Một là nhãn đối với người khác không tạo lợi ích. Hai là nhãn an khổ. Ba là nhãn tư duy hiểu rõ.

Nhãn đối với người khác không tạo lợi ích: Nghĩa là từ lâu xa đến nay, khổ lớn không gián đoạn, vì người khác không tạo lợi ích, hiện tiền lại bức bách, Bồ-tát khởi tư duy: Tự nghiệp của ta quá xấu ác, vốn xưa đã tạo tội nên ngày nay phải chịu khổ. Nay nếu không nhãn thì trở lại làm nhân duyên của khổ lớn nơi đời sau. Ta nay nếu

không nhẫn là tự tạo khổ lần nữa, không do người khác. Lại, thân ta và người kia đều là hành khổ của hết thầy pháp hữu vi. Kẻ kia không hiểu biết nên tăng thêm khổ cho ta. Ta nay có trí vì sao lại muốn tăng thêm khổ cho kẻ ấy? Lại nữa, hàng Thanh văn tự lợi hãy còn không đem khổ tăng thêm cho người khác, huống gì là Bồ-tát luôn tạo lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Tư duy như vậy rồi, tu tập năm thứ tướng, đối với kẻ oán người thân, người không oán không thân, thuộc phẩm hạ trung thượng, hoặc khổ hoặc vui, có đức, không đức, các chúng sinh như vậy, tất cả đều có thể nhẫn. Những gì là năm thứ tướng? Một là tướng vốn là thân thuộc. Hai là tướng pháp số. Ba là tướng vô thường. Bốn là tướng khổ. Năm là tướng thâm giữ.

Tướng vốn là thân thuộc: Là Bồ-tát khởi tư duy: Chúng sinh từ lâu xa đến nay hầu hết đều là thân thuộc. Hoặc là cha, hoặc là mẹ, anh em chị em, Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là thầy, hoặc là những bậc thầy đáng tôn kính. Khi chánh tư duy như vậy, tức xả bỏ tướng oán ghét không tạo lợi ích, khởi tướng vốn thân thuộc, dựa nơi tướng vốn thân thuộc rồi, đối với người khác không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tướng pháp số: Là Bồ-tát khởi tư duy: Nhân duyên nơi hành số, pháp số là không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, không có kẻ sinh, kẻ mạng, kẻ đánh, kẻ tranh chấp. Khi chánh tư duy như thế, tức xa lìa tướng chúng sinh, trụ nơi tướng pháp số, dựa vào tướng pháp số rồi, đối với người khác không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tướng vô thường: Là Bồ-tát khởi tư duy: Tất cả nơi chốn sinh khởi của chúng sinh, hết thầy đều là pháp vô thường hoại diệt, ở trên lại có việc không tạo lợi ích, muốn đoạn thọ mạng. Như vậy tánh vô thường nơi chúng sinh là pháp chết. Người trí không khởi tâm không thanh tịnh, huống gì lại dùng tay, đá, đao, gậy, nhằm đoạn thân mạng kia. Khi chánh tư duy như vậy, tức lìa tướng thường, kiên cố, trụ nơi tướng vô thường, không kiên cố, dựa nơi tướng vô thường rồi, đối với người khác không tạo lợi ích thầy đều có thể gắng nhẫn.

Tưởng khổ: Là Bồ-tát quán xét: Người đủ lực lớn hãy còn không lìa ba khổ, đó là hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ, huống gì là người không đủ lực lớn. Bồ-tát khi quán như vậy, đối với chúng sinh thường khổ muốn khiến họ lìa khổ. Vì sao thêm báo để lại tăng thêm khổ cho kẻ kia? Khi chánh tư duy như vậy, tức lìa tưởng lạc, trụ nơi tưởng khổ, dựa nơi tưởng nhãn khổ rồi, đối với người khác không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tưởng thân giữ: Là Bồ-tát tư duy: Ta vì tất cả chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề, đối với tất cả chúng sinh nên tạo tưởng thân thuộc: Ta nên thân giữ khắp khiến đều được an vui. Không nên đối với các chúng sinh thân thuộc là xứ cần tạo lợi ích, lại gia thêm việc không tạo lợi ích. Khi chánh tư duy như vậy, tức diệt trừ tưởng khác, trụ nơi tưởng thân giữ, dựa vào tưởng thân giữ rồi, đối với người khác không tạo lợi ích đều có thể an nhẫn.

Thế nào là nhẫn? Nếu không sân, không báo, tâm không ôm hận. Đó gọi là nhẫn.

Nhẫn an khổ: Nghĩa là Bồ-tát tư duy: Ta từ xưa đến nay, vì luôn cầu các sự việc dục nên tạo những nhân khổ, sinh vô lượng khổ lớn. Đó là các sự việc kinh doanh, buôn bán ở đời để sống, trồng trọt, phụng sự nhà vua v.v... Các khổ như vậy, đều trải qua đầy đủ, đều là do ngu tối nên không biết lỗi lầm. Nay phải tu tập nhân vui, đầy đủ pháp thiện, thì vô lượng các khổ thấy đều an nhẫn, huống gì là khổ nhỏ. Khi chánh tư duy như vậy, tuệ nhận biết đầy đủ, tất cả sự khổ đều có thể an nhẫn. Tất cả các sự khổ lược nêu có tám thứ: Một là xứ nương dựa. Hai là xứ pháp thế gian. Ba là xứ oai nghi. Bốn là xứ gồm thân pháp. Năm là xứ Tỳ-kheo tùy giới. Sáu là xứ phương tiện. Bảy là xứ lợi chúng sinh. Tám là xứ các chỗ tạo tác.

Xứ nương dựa: Là bốn pháp nương dựa. Nương nơi chánh pháp xuất gia, đặc phần Tỳ-kheo. Bồ-tát bị các thứ thô tạp xấu ác khiến không cung kính cùng gây trở ngại không đúng lúc, tâm không ưu

não. Bồ-tát đối với các thứ khổ kia, không bỏ tinh tấn. Như thế gọi là an nhẫn dựa nơi khổ.

Xứ pháp thế gian: Là có chín loại: Một là không lợi. Hai là không khen. Ba là chê bai. Bốn là khổ. Năm là pháp hoại hủy hoại. Sáu là pháp tận diệt tận. Bảy là pháp lão suy lão. Tám là pháp bệnh hiện bệnh. Chín là pháp tử hiện tử. Các pháp thế gian này, hoặc lia hoặc hợp đều có thể sinh các khổ. Đó gọi là xứ pháp thế gian. Bồ-tát đối với các thứ khổ kia không bỏ tinh tấn. Như thế gọi là an nhẫn nơi pháp thế gian khổ.

Xứ oai nghi: Có bốn oai nghi là đi đứng ngồi nằm. Bồ-tát này hoặc đi, hoặc ngồi, ngày đêm hai thời, trừ bỏ ẩm chương, tâm được thanh tịnh, không nằm phi thời. Giường nằm nệm ngồi trải bằng cỏ lá, nhân mệt nhọc ấy sinh khởi các khổ, thấy đều có thể nhẫn. Bồ-tát đối với các thứ khổ kia không bỏ tinh tấn. Như thế gọi là an nhẫn nơi oai nghi khổ.

Xứ gồm thân pháp: Có bảy thứ: Một là cúng dường vật báu. Hai là cúng dường đức. Ba là thưa hỏi thọ nhận chánh pháp. Bốn là rộng vì người giảng nói. Năm là dùng âm thanh vi diệu để tán thán. Sáu là một mình yên tĩnh tư duy, quán sát lượng xét, nhớ nghĩ thân nhận. Bảy là tu tập chỉ quán. Nếu Bồ-tát thân giữ bảy pháp này làm phương tiện tu tập, thì các khổ đầy khởi đều có thể an nhẫn, trọn không nhân đầy để bỏ chánh phương tiện.

Xứ Tỳ-kheo tùy giới: Có bảy thứ: Một là hủy hình đẹp, bỏ râu tóc, xả tướng thế tục. Hai là đắp y hoại sắc. Ba là trừ bỏ những việc làm của thế tục không như pháp, tâm chánh niệm trụ. Bốn là nương dựa vào người khác để sống, bỏ sự nghiệp thuộc về thế gian. Năm là suốt đời theo người khác xin y, không cất chứa. Sáu là suốt đời ngăn cản năm dục của người, thân giữ các căn môn, lia phi phạm hạnh. Bảy là suốt đời xả bỏ các thứ vui chơi như ca múa, xướng hát. Các thứ như vậy đã tạo ra những khó khăn, hành giới Tỳ-kheo do vậy

sinh khổ. Bồ-tát an nhẫn không bỏ tinh tấn. Tinh tấn, siêng năng, nghĩa là Bồ-tát tinh tấn cúng dường Tam bảo, thọ trì đọc tụng kinh Tạng Bồ-tát, biên chép, giải nói, suy nghĩ về các nghĩa ấy, tăng thêm chuyên cần tinh tấn để tu tập Thánh đạo, do đầy sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn, không do đầy khiến bỏ tinh tấn.

(Thiếu phần nói về Xứ phương tiện).

Xứ lợi chúng sinh: Lược nêu có mười một việc, như trước đã nêu, nhân đầy sinh khổ. Bồ-tát an nhẫn, không nhân đầy khiến bỏ tinh tấn.

Xứ các chỗ tạo tác: Tức hành sự nghiệp của người xuất gia là y bát v.v..., hành nghiệp của người tại gia là tạo tác để sinh sống, do đầy sinh khổ. Bồ-tát luôn an nhẫn, không nhân đầy khiến bỏ tinh tấn.

Bồ-tát tuy thọ các khổ, nhưng chính là phải an nhẫn tu tập đạo quả Bồ-đề vô thượng, không thể không tu tập. Tu tập rồi trọn không chuyển, tâm thường hoan hỷ, không sinh nhiễm ô. Đó gọi là pháp nhẫn an khổ.

Nhẫn tư duy hiểu rõ: Nghĩa là Bồ-tát đối với pháp phải lựa chọn đúng đắn, khéo quán sát mở bày tỏ ngộ, đối với tám thứ xứ giải buộc giữ niệm để hội nhập sâu. Đó là công đức của Tam bảo. Là nghĩa chân thật. Là lực đại thần thông của chư Phật, Bồ-tát. Hoặc nhân hoặc quả được nghĩa thích hợp. Đắc nghĩa phương tiện. Nhận biết về hành xứ. Lại nữa, hiểu rõ có hai nhân duyên: Một là tu tập lâu xa. Hai là được trí vui tịnh.

Đó gọi là nhất thiết nhẫn của Bồ-tát. Nương vào ba thứ phân biệt, nói rộng là Nan nhẫn.

Thế nào là Nan nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ: Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh thấp kém, không tạo lợi ích cho mình, đều có thể an nhẫn. Đó gọi là nan nhẫn thứ nhất. Nếu đối với người giúp việc, kẻ sai khiến, đều tự có thể gắng nhẫn. Đó gọi là nan nhẫn thứ

hai. Người thuộc tộc họ thấp kém, khởi lỗi lầm tăng thượng nhưng Bồ-tát có thể an nhẫn. Đó gọi là nan nhẫn thứ ba.

Thế nào là Nhất thiết môn nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là an nhẫn đối với những người thân thuộc không tạo lợi ích cho mình. Hai là an nhẫn đối với các oán gia không tạo lợi ích. Ba là an nhẫn đối với những người không thân không oán không tạo lợi ích. Bốn là an nhẫn đối với những việc không tạo lợi ích thuộc thượng, trung, hạ.

Thế nào là Thiện nhân nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ. Bồ-tát này trước thấy người hành nhẫn có nhiều phước lợi. Nghĩa là người tu hành nhẫn, ở đời vị lai không có nhiều kết hận, không nhiều trái lia, tâm nhiều hỷ lạc, khi chết không hối, thân hoại mạng chung sinh vào nẻo thiện, sinh lên cõi trời. Thấy những công đức phước lợi như thế, nên có thể tự an nhẫn và chỉ dạy người khác hành nhẫn. Luôn tán thán công đức hành nhẫn của người khác. Thấy người hành nhẫn sinh tâm tùy hỷ.

Thế nào là Nhất thiết hành nhẫn của Bồ-tát? Nghĩa là sáu thứ, bảy thứ, lược nêu là mười ba thứ. Bồ-tát thấy người không nhẫn nhục, bị khổ báo lớn, lo sợ nên nhẫn. Vì luôn có tâm từ, tâm bi, tâm gần gũi sâu xa, tâm thương yêu đối với tất cả chúng sinh nên nhẫn. Ân cần nguyện cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, muốn hành đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật làm nhân nên nhẫn. Do sức của nhẫn nên xuất gia.

Như Đức Thế Tôn nói: Thường nên đầy đủ những giới thọ trì, là xuất gia nhẫn. Đó gọi là thọ pháp nhẫn. Chủng tánh đầy đủ và trước là tu tập trụ nơi hiện tại. Đó gọi là tánh nhẫn. Biết tất cả pháp không có chúng sinh, nhận thức đều là ngôn thuyết, pháp số. Đó gọi là chánh niệm pháp nhẫn. Hết thấy nhẫn đối với kẻ không tạo lợi ích, tất cả nhẫn, tất cả xứ nhẫn, đó là một người và đại chúng hội. Tất cả thời nhẫn, nghĩa là sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, ngày đêm, quá

khứ, vị lai, hiện tại, hoặc bệnh, không bệnh, hoặc nằm, hoặc đứng dậy. Thân luôn hành nhẫn, không xúc não kẻ khác. Miệng thường hành nhẫn, xa lìa lời nói không thân ái. Ý luôn hành nhẫn không khởi giận dữ cũng lại không khởi những mong cầu bất tịnh.

Thế nào là Trừ não nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ: Một là Bồ-tát đối với người khổ cầu, an nhẫn không não hại. Hai là đối với người ác tăng thượng hung bạo, dựa nơi tâm đại bi nên an nhẫn không não hại. Ba là đối với người xuất gia phạm giới, dựa nơi tâm đại bi nên an nhẫn không não hại. Và năm thứ tinh tấn an nhẫn không não hại. Chúng sinh khổ não, vì muốn dứt trừ khổ nên cầu pháp và pháp tiếp pháp hướng pháp (pháp tùy pháp hành). Pháp như vậy nên vì họ giảng nói rộng. Nếu chúng sinh hành tác sự việc, Bồ-tát thấy đều lo liệu giúp đỡ, tinh tấn hành trì. Đó gọi là tám thứ Trừ não nhẫn của Bồ-tát. Chúng sinh gặp phải hoạn nạn thì an nhẫn để dứt trừ. Những nơi chốn thiếu thốn thì an nhẫn để tạo lợi ích.

Thế nào là Đòi này đòi sau vui thích nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Bồ-tát này trụ trong pháp thiện không phóng dật, có thể an nhẫn đối với các trường hợp lạnh, nóng, đói, khát, bị ruồi muỗi đốt chích. Tiếp xúc với những thứ độc hại của gió nắng, tất cả đều an nhẫn, thân tâm khổ nhọc đều có thể an nhẫn. Các chúng sinh khổ luôn ở trong biển sinh tử, chịu sinh, già, bệnh, chết, tâm thương xót của Bồ-tát luôn hiện tiền. Các thứ nhẫn nhục như vậy, Bồ-tát ở trong hiện pháp tự trụ nơi an lạc, tất cả các thứ ác thấy đều xa lìa, lại làm nhân duyên an vui cho đời sau. Cũng lại khiến cho người khác hướng đến đời nay đời sau ĐƯỢC an ổn vui vẻ. Thế nên gọi là đời này đời sau vui thích nhẫn.

Thế nào là Thanh tịnh nhẫn của Bồ-tát? Lược nêu có mười thứ: Một là người khác không tạo lợi ích, Bồ-tát không có tâm báo trả. Hai là không khởi sân hận. Ba là không có tướng oán ghét. Bốn là thường tạo lợi ích như bản tâm, sau cũng như vậy, luôn làm việc

lợi ích, bỏ việc không lợi ích. Năm là đối với người không tạo lợi ích cho mình, dùng lời dịu dàng từ tạ. Sáu là nếu kẻ kia hối lỗi, nên nhanh chóng thọ nhận. Bảy là thấy kẻ kia không nhẫn, dùng tâm bi để giúp họ. Tám là thấy kẻ kia tu nhẫn, thì tôn kính Phật thêm gấp bội. Chín là đối với các chúng sinh sợ hãi Bồ-tát khởi tâm bi sâu xa. Mười là đoạn trừ tất cả những lỗi lầm không nhẫn, lìa dục đạt thanh tịnh. Mười thứ đó gọi là Thanh tịnh nhẫn của Bồ-tát.

Như vậy, từ Tự tánh nhẫn cho đến Thanh tịnh nhẫn, là quả Đại Bồ-đề rộng lớn vô lượng, nhân dựa nơi nhẫn này nên tất chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 12: TINH TẤN

Thế nào là Tinh tấn Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh tinh tấn. Hai là Nhất thiết tinh tấn. Ba là Nan tinh tấn. Bốn là Nhất thiết môn tinh tấn. Năm là Thiện nhân tinh tấn. Sáu là Nhất thiết hành tinh tấn. Bảy là Trừ não tinh tấn. Tám là Đời này đời khác vui thích tinh tấn. Chín là Thanh tịnh tinh tấn.

Thế nào là Tự tánh tinh tấn của Bồ-tát? Là Bồ-tát này, tâm có thể thâm nhận vô lượng pháp thiện, tạo lợi ích an lạc cho hết thầy chúng sinh, chỗ phát khởi hành nghiệp thân khẩu ý, luôn sáng rõ không gián đoạn cũng không điên đảo. Đó gọi là Tự tánh tinh tấn của Bồ-tát.

Thế nào là Nhất thiết tinh tấn của Bồ-tát? Lược nêu có hai thứ: Một là dựa nơi tại gia. Hai là dựa theo xuất gia. Hai thứ này mỗi thứ có ba loại: Một là tinh tấn hoằng thệ. Hai là thâm giữ các pháp thiện. Ba là tạo lợi ích cho chúng sinh.

Tinh tấn hoằng thệ: Nghĩa là Bồ-tát trước hết khởi phương tiện tinh tấn, tâm thường gắng sức, mặc áo giáp hoằng thệ, khởi niệm như vậy: Ta làm nhân duyên thoát khổ cho tất cả chúng sinh, đem trăm ngàn đại kiếp làm một ngày một đêm. Như vậy, số ức trăm ngàn đại kiếp ở trong địa ngục, cho đến khi thành Phật, thề không thoái chuyển, không chứng đắc Bồ-đề vô thượng, trọn không xả bỏ tinh tấn, huống gì là chỉ trong thời gian ngắn thọ nhận một ít khổ. Đó gọi là Tinh tấn hoằng thệ của Bồ-tát. Như vậy, giống với Bồ-tát hành tinh tấn hoằng thệ, khởi hiểu biết một ít, tin tưởng một ít tức có thể nuôi lớn vô lượng tánh siêng năng nơi phương tiện mở bày giác ngộ, huống gì là lại thành tựu tinh tấn hoằng thệ như vậy. Bồ-tát vì đạo quả Bồ-đề vô thượng nên tạo lợi ích cho chúng sinh, không do vì khó khăn khiến sinh tưởng thoái mất.

Tinh tấn thâm giữ các pháp thiện: Nghĩa là Bồ-tát lấy tinh tấn làm phương tiện để thành tựu bố thí Ba-la-mật, lấy tinh tấn làm phương tiện để thành tựu giới, nhẫn, thiền định, trí tuệ Ba-la-mật cũng như vậy. Tinh tấn này lược nêu có bảy thứ: Một là bất động. Tất cả các thứ phiền não vọng tưởng, dị luận, vô lượng các khổ đều không thể làm cho nghiêng động. Hai là kiên cố, chinh đốn phương tiện. Ba là đạt được vô lượng minh xứ, an trụ nơi chánh niệm. Bốn là phương tiện đầy đủ, đã đắc được nghĩa nơi đạo không điên đảo, tùy thuận đạt được. Năm là nghĩa chánh tinh tấn tạo lợi ích, chỗ sẽ được nghĩa, thành tựu nguyện. Sáu là sáng rõ, thường chuyên cần hành phương tiện. Bảy là lìa bỏ kiêu mạn, tinh tấn theo phương tiện, tâm không tự đề cao. Bồ-tát tu bảy thứ này, thâm giữ các pháp thiện, phương tiện tinh tấn, chóng hành đầy đủ các Ba-la-mật, đắc quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Tất cả Bồ-tát hành pháp thiện, đều từ tinh tấn này mà thành tựu, vì thế tinh tấn này là nhân tối thượng, tối thắng, không còn gì hơn. Do vậy trong kinh, Đức Thế Tôn đã dùng nhiều cách tán thán tinh tấn là nhân để đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

Bồ-tát hành tinh tấn, đem lại lợi ích cho chúng sinh có mười một thứ, như trong phẩm giới đã nói, ở đó nói giới, ở đây nói tinh tấn.

Thế nào là Nan tinh tấn của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ: Bồ-tát tinh tấn không gián đoạn, không có tướng về y phục, thức ăn uống, tướng về giường nằm, tọa cụ, tướng thân mình, thường tu pháp thiện. Đó gọi là nan tinh tấn thứ nhất. Bồ-tát tinh tấn như vậy, cho đến xả thân thọ thân, luôn tu pháp thiện, không bỏ tinh tấn. Đó gọi là nan tinh tấn thứ hai. Bồ-tát này phân biệt bình đẳng, công đức đầy đủ, không nhanh không chậm, tâm không điên đảo, lấy nghĩa thành tựu tinh tấn tạo lợi ích. Đó gọi là nan tinh tấn thứ ba.

Lại nữa, lực của các tinh tấn khó hành nơi Bồ-tát này, nên biết đó là nhân thâm giữ đại bi và trí tuệ.

Thế nào là Nhất thiết môn tinh tấn của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là lia bỏ pháp nhiễm ô. Hai là sinh khởi pháp bạch tịnh. Ba là trừ sạch ba nghiệp. Bốn là trí tuệ tăng ích.

Lia bỏ pháp nhiễm ô: Nghĩa là Bồ-tát tinh tấn lia các phiền não, chưa khởi thì không cho khởi, khởi rồi thì khiến diệt.

Sinh khởi pháp bạch tịnh: Nghĩa là pháp thiện chưa sinh nên tạo phương tiện khiến sinh, pháp thiện sinh rồi tạo phương tiện khiến thêm rộng lớn.

Trừ sạch ba nghiệp: Nghĩa là Bồ-tát tinh tấn thì ba nghiệp thanh tịnh, đều có thể khéo thâm giữ nghiệp thân khẩu ý.

Trí tuệ tăng ích: Nghĩa là Bồ-tát tinh tấn được văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, tăng trưởng đầy đủ.

Thế nào là Thiện nhân tinh tấn của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là không có, không tạo tất cả phương tiện dục, không dừng nghỉ. Hai là không thuận theo bậc thấp. Chỗ đã khởi là bậc trung hoặc bậc thượng nên nuôi lớn tinh tấn. Ba là không biếng nhác,

dũng mãnh luôn sáng tỏ, lâu dài không gián đoạn, theo phương tiện tinh tấn tâm không thoái mất, không dứt, không hoại. Bốn là tạo lợi ích không theo nghĩa điên đảo, khởi phương tiện thâm giữ. Năm là ân cần với phương tiện tinh tấn, nhanh chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là Nhất thiết hành tinh tấn của Bồ-tát? Nghĩa là sáu thứ, bảy thứ, hợp nói có mười ba thứ.

Sáu thứ là: Thường tinh tấn: Là thường tạo phương tiện. Tinh tấn tức thì: Là đạt đến phương tiện tột cùng. Dựa vào tinh tấn: Là nhân nơi sức của tinh tấn gốc. Phương tiện tinh tấn: Là suy nghĩ tìm cầu phương tiện thiện xảo. Bất động tinh tấn: Là gặp tất cả khổ đều không nghiêng động, cũng không hướng theo nghĩa khác. Tinh tấn không biết đủ: Là thắng tấn có hạn lượng thì không hoan hỷ. Bồ-tát thành tựu sáu thứ như vậy là nhất thiết hành tinh tấn, nghĩa là ân cần tinh tấn, có thể thực hiện kiên cố, đối với các pháp thiện không thể hủy hoại.

Lại có bảy thứ: Một là cùng với dục đều tinh tấn, ân cần mong muốn phát nguyện nuôi lớn Bồ-đề vô thượng. Hai là cùng đầy đủ tinh tấn. Tâm an trụ nơi đối với các phiền não nhiễm ô khác. Nơi các pháp thiện thì tâm cùng trụ. Ba là tinh tấn thắng tấn. Tâm an trụ đối với các phiền não khác, phiền não như trên, nên đoạn trừ các phiền não kia như cứu lửa cháy đầu. Bốn là cầu tinh tấn, là cầu đạt hết thầy minh xứ. Năm là học tinh tấn. Các pháp như thế, tùy theo chỗ ứng hợp ấy để khởi pháp tiếp pháp hướng (pháp tùy pháp hành). Sáu là tinh tấn tạo lợi ích cho chúng sinh, có mười một thứ, như trước đã nói. Bảy là tinh tấn tự tạo chánh phương tiện để bảo vệ, giữ gìn, nếu có thiếu sót thì như pháp sám hối. Đó gọi là bảy thứ. Mười ba thứ như thế, gọi là Nhất thiết hành tinh tấn của Bồ-tát.

Hai thứ tinh tấn là Trừ não tinh tấn và Đòi này đòi khác vui thích tinh tấn của Bồ-tát: Giống như trong Phẩm Nhẫn đã nói.

Thế nào là Thanh tịnh tinh tấn của Bồ-tát? Lược nêu có mười thứ: Một là tùy thuận. Hai là tu tập. Ba là chuyên chú. Bốn là khéo thủ giữ. Năm là thời đầy đủ. Sáu là phân biệt tướng đầy đủ. Bảy là không thoái chuyển. Tám là bất hoại. Chín là bình đẳng. Mười là chánh hồi hướng nơi đại Bồ-đề.

Bồ-tát này vì dứt trừ phiền não nên tùy chỗ ứng hợp, tu tập để đối trị. Như tham ái trói buộc thì tu quán bất tịnh, sân thì tu quán tâm từ, si thì quán duyên khởi. Giác quán (Tâm tứ) đảo loạn thì tu niệm an ban (Quán sở tức), kiêu mạn thì tu quán phương tiện theo phân biệt giới. Những thứ như thế gọi là tinh tấn tùy thuận của Bồ-tát.

Bồ-tát này không phải thành tựu tinh tấn nơi nghiệp ban đầu. Nghĩa là tâm đã trụ nơi sự dạy bảo trao khuyên bảo tu tập phương tiện, theo phương tiện điều phục. Đó gọi là tinh tấn tu tập của Bồ-tát.

Bồ-tát này không hành tập tinh tấn theo sự dạy bảo trao khuyên bảo, nhưng phương tiện trụ tâm là hành nghiệp đầu tiên. Bồ-tát này đối với phương tiện ấy, chuyên tinh nơi phương tiện, thường hành phương tiện, phương tiện nhanh chóng. Đó gọi là tinh tấn chuyên chú của Bồ-tát.

Bồ-tát này nhân nơi các thứ được tôn trọng, hoặc do sức của đa văn nên không thọ nhận điên đảo, tâm kia được an trụ trong phương tiện tinh tấn. Đó gọi là tinh tấn khéo thủ giữ.

Bồ-tát này không thọ nhận điên đảo như thế, khi dừng nghỉ thì tu chỉ, khi khởi động thì tu động, khi xả thì tu xả. Đó gọi là tinh tấn thời đầy đủ của Bồ-tát.

Bồ-tát này đối với tướng chỉ, cử, xả, trụ nơi Tam-muội khởi tướng, thường khéo quán sát, không phân biệt sai lầm. Đó gọi là tinh tấn phân biệt tướng đầy đủ của Bồ-tát.

Bồ-tát này nghe nói về đệ nhất thắng diệu, đệ nhất thâm diệu, nghe nói về vô lượng phương tiện tinh tấn không thể nghĩ bàn của

Bồ-tát, tâm không tự khinh, cũng không khiếp nhược, không chỉ có được ít thắng tấn liền sinh tướng biết đủ, nhưng luôn cầu tiến lên. Đó gọi là tinh tấn không thoái chuyển của Bồ-tát.

Bồ-tát này thường giữ gìn căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm không ham ngủ nghỉ, theo phương tiện tinh tấn, tâm trụ chánh trí. Như vậy, những Tam-ma-bạt-đề đầy đủ tinh cần, thành tựu nghĩa tạo lợi ích chân chánh. Đó gọi là tinh tấn bất hoại của Bồ-tát.

Bồ-tát này tạo phương tiện tinh tấn, không nhanh không chậm, bình đẳng tu tập, tất cả phương tiện luôn bình đẳng đốn tu. Đó gọi là tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát này, tất cả phương tiện tinh tấn đã tạo đều hồi hướng về Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là tinh tấn chánh hồi hướng của Bồ-tát.

Như vậy, từ Tự tánh tinh tấn cho đến Thanh tịnh tinh tấn, là quả Đại Bồ-đề sẽ chứng đắc, tức Bồ-tát nương vào tinh tấn ấy, hành đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

✽✽

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 13: THIỀN

Thế nào gọi là Thiền Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh thiền. Hai là Nhất thiết thiền. Ba là Nan thiền. Bốn là Nhất thiết môn thiền. Năm là Thiện nhân thiền. Sáu là Nhất thiết hành thiền. Bảy là Trừ não thiền. Tám là Đời này đời khác vui thích thiền. Chín là Thanh tịnh thiền.

Thế nào là Tự tánh thiền của Bồ-tát? Đối với Tạng Bồ-tát, nghe, suy nghĩ, trước là hành thiện thế gian xuất thế gian, nhất tâm an trụ.

Hoặc phân chi, hoặc phân quán, hoặc hai loại đồng như nhau, hoặc cùng kết hợp. Đó gọi là Tự tánh thiên.

Thế nào là nhất thiết thiên của Bồ-tát? Lược nêu có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Tùy chỗ thích hợp, mỗi thứ đều có ba loại: Một là thiên hiện pháp lạc trụ. Hai là thiên xuất sinh công đức của Tam-muội. Ba là thiên tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát hành thiên định xa lìa tất cả vọng tưởng, thân tâm dừng nghỉ, tịch diệt bậc nhất, tự khởi tâm dứt, lìa bỏ tham đắm nơi vị và tất cả tướng. Đó gọi là thiên hiện pháp lạc trụ.

Bồ-tát hành thiên định, xuất sinh vô lượng vô biên các thứ Tam-muội không thể nghĩ bàn đều thuộc về chủng tánh của mười lực. Các Tam-muội kia, hết thảy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều không biết đến tên gọi, huống gì là có thể khởi và phát sinh. Các Tam-muội ấy có thể xuất sinh các công đức thắng diệu như nhị thừa giải thoát, trừ nhập, nhất thiết nhập, tuệ vô ngại, nguyện trí vô tránh. Đó gọi là thiên xuất sinh công đức Tam-muội của Bồ-tát.

Thiên tạo lợi ích cho chúng sinh có mười một thứ, như trước đã nói.

Bồ-tát nương vào thiên, đối với mọi việc làm của chúng sinh đều đem nghĩa lợi ích, đều cùng đồng sự để trừ các khổ. Như chỗ nên nói, biết ân báo ân, hộ trì các sự lo sợ, các nạn ưu não, đều có thể vì các chúng sinh để chỉ bày. Vật dụng sinh sống không đủ thì cung cấp những thứ cần dùng, như pháp cất chứa các điều thiện có thể tùy thuận, thấy công đức thật, hoan hỷ tán thán. Thấy người có lỗi, đem tâm từ điều phục. Dùng thần lực tạo sợ hãi, hoặc khiến cho hoan hỷ. Đó gọi là lược nói về nhất thiết thiên, hoàn toàn không gì hơn.

Thế nào là Nan thiên của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ. Bồ-tát từ lâu xa tu tập thiên định thắng diệu, đối với các Tam-muội tâm được tự tại. Do thương xót chúng sinh muốn khiến họ được thành tựu, nên

bỏ thiên lạc bậc nhất, sinh nơi cõi dục. Đó gọi là Nan thiên thứ nhất của Bồ-tát. Bồ-tát nương vào thiên, sinh ra vô lượng các Tam-muội sâu xa không thể nghĩ bàn, vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Đó gọi là Nan thiên thứ hai của Bồ-tát. Bồ-tát nương dựa nơi thiên, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là Nan thiên thứ ba của Bồ-tát.

Thế nào là Nhất thiết môn thiên của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là thiên có giác có quán (có tâm có tứ). Hai là thiên kết hợp với hỷ. Ba là thiên kết hợp với lạc. Bốn là thiên kết hợp với xả.

Thế nào là Thiện nhân thiên của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là không tham đắm vị. Hai là cùng hành với tâm từ. Ba là cùng hành với tâm bi. Bốn là cùng hành với tâm hỷ. Năm là cùng hành với tâm xả.

Thế nào là Nhất thiết hành thiên của Bồ-tát? Đó là sáu thứ, bảy thứ, hợp nêu có mười ba thứ: Thiên thiện. Thiên vô ký hóa hóa. Thiên phần chỉ phần quán. Thiên tự lợi tha lợi. Thiên chánh niệm. Thiên xuất sinh lực thần thông công đức. Thiên duyên danh. Thiên duyên nghĩa. Thiên duyên tướng chi. Thiên duyên tướng cử. Thiên duyên tướng xả. Thiên hiện pháp lạc trụ. Thiên đệ nhất nghĩa. Đó gọi là mười ba thứ Nhất thiết hành thiên của Bồ-tát.

Thế nào là Trừ não thiên của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ: Một là Bồ-tát nhập định, trừ các khổ hoạn, các độc hại, như mưa đá, sương muối, bệnh nóng, bệnh quý, đó gọi là thiên dựa nơi chú thuật. Hai là Bồ-tát nhập định, có thể trừ các bệnh từ bốn đại dây khởi, đó gọi là thiên trừ khổ não. Ba là Bồ-tát nhập định có thể phát khởi mưa cam lồ, có thể tiêu trừ tai nạn, cứu giúp đói khát, đó gọi là thiên tạo mây mưa. Bốn là Bồ-tát nhập định, cứu giúp các nạn sợ hãi, khiến tất cả hàng nhân, phi nhân ở dưới nước, trên đất đều lo sợ, đó gọi là thiên cùng độ. Năm là Bồ-tát nhập định, có thể đem các thức ăn uống tạo lợi ích cho chúng sinh đói khát ở chốn đồng trống vắng, đó gọi là

thiền tạo lợi ích. Sáu là Bồ-tát nhập định, có thể đem của cải vật dụng điều phục chúng sinh, đó gọi là thiền điều phục. Bảy là Bồ-tát nhập định, biết rõ các thứ say mê nơi mười phương, nhằm mở bày tạo giác ngộ, đó gọi là thiền khai giác. Tám là Bồ-tát nhập định, chúng sinh tạo tác đều khiến thành tựu, đó gọi là thiền cùng tạo.

Thế nào là Đòi này đòi khác vui thích thiền của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là thiền thị hiện thần túc điều phục chúng sinh. Hai là thiền thị hiện tùy thuận thuyết giảng điều phục chúng sinh. Ba là thiền biến hiện những điều răn dạy điều phục chúng sinh. Bốn là thiền vì chúng sinh ác thị hiện nẻo ác. Năm là thiền vì chúng sinh mất biện tài, dùng biện tài tạo lợi ích. Sáu là thiền vì các chúng sinh mất suy niệm, dùng suy niệm tạo lợi ích. Bảy là thiền tạo luận không điên đảo, vi diệu, tán thán Ma-đặc-lặc-già, khiến chánh pháp trụ lâu ở đời. Tám là thiền đối với các thứ kỹ thuật của thế gian có nghĩa tạo lợi ích thâm giữ chúng sinh, đó là thư số, toán tính, các phương pháp mưu sinh v.v.... Chín là thiền phóng hào quang tạm dứt các khổ nơi nẻo ác.

Thế nào là Thanh tịnh thiền của Bồ-tát? Lược nêu có mười thứ: Một là thiền tịnh không đắm vị không nhiễm ô của thế gian thanh tịnh. Hai là thiền tịnh xuất thế gian thanh tịnh. Ba là thiền tịnh của phương tiện thanh tịnh. Bốn là thiền tịnh đạt được căn bản thanh tịnh. Năm là thiền tịnh đạt được căn bản thanh tịnh thắng tấn hơn hết. Sáu là thiền tịnh đạt lực nhập trụ khởi thanh tịnh. Bảy là thiền tịnh đạt lực xả rồi lại nhập thanh tịnh. Tám là thiền tịnh đạt lực thần thông tạo tác thanh tịnh. Chín là thiền tịnh lìa tất cả kiến chấp, đạt thanh tịnh. Mười là thiền tịnh đoạn trừ chướng phiền não, chướng trí đạt thanh tịnh. Bồ-tát hành vô lượng thiền như vậy nên đạt được quả đại Bồ-đề. Bồ-tát dựa vào đây để chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 14: TUỆ

Thế nào là Trí tuệ Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là Tự tánh tuệ. Hai là Nhất thiết tuệ. Ba là Nan tuệ. Bốn là Nhất thiết môn tuệ. Năm là Thiện nhân tuệ. Sáu là Nhất thiết hành tuệ. Bảy là Trừ não tuệ. Tám là Đời này đời khác vui thích tuệ. Chín là Thanh tịnh tuệ.

Thế nào là Tự tánh tuệ của Bồ-tát? Nhập nơi tất cả cảnh giới của đối tượng nhận biết, tùy theo cảnh giới nhập rồi, chọn lựa như pháp, quán duyên năm minh xứ, là nội minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh, thể công xảo minh. Đó gọi là Tự tánh tuệ.

Thế nào là Nhất thiết tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Thế gian, xuất thế gian mỗi thứ đều có ba loại: Một là đối tượng nhận biết chân thật, tùy theo sự hiểu biết để phân biệt. Hai là khéo thâm giữ năm minh xứ và ba tụ pháp. Ba là những việc làm tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát dùng vô ngôn nói pháp vô ngữ để hiểu rõ về chân đế. Hiểu rồi, đối với xứ tịch diệt bậc nhất của trí tuệ trên hết, buộc niệm an trụ, lià các vọng tưởng, trừ bỏ hư giả, nhập quán bình đẳng nơi tổng tướng lớn, kiến lập và hủy báng hai thứ ấy đều xa lià hội nhập trung đạo. Đó gọi là tuệ tùy theo sự hiểu biết để phân biệt.

Khéo thâm giữ năm minh xứ như trong Phẩm Lực Chứng Tánh đã nói rộng. Ba tụ pháp là tụ pháp có nghĩa tạo lợi ích. tụ pháp không phải có nghĩa tạo lợi ích. Tụ pháp không phải có nghĩa tạo lợi ích, không phải không có nghĩa tạo lợi ích. Tám xứ như vậy, trí tuệ khéo thâm giữ, các thứ đại tuệ vô thượng đầy đủ, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

Những việc làm tạo lợi ích cho chúng sinh có mười một loại, như trước đã nói. Đối với mỗi mỗi xứ kia, trí tuệ tạo phương tiện điều phục chúng sinh.

Thế nào là Nan tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ: Nhận biết về pháp vô ngã thâm diệu, đó gọi là Nan tuệ thứ nhất. Tạo phương tiện để điều phục chúng sinh, đó gọi là Nan tuệ thứ hai. Tất cả đối tượng nhận biết đều không có chướng ngại, đó gọi là nan tuệ thứ ba.

Thế nào là Nhất thiết môn tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là tuệ học tạng Thanh văn. Hai là tuệ học tạng Bồ-tát. Ba là văn tuệ. Bốn là tư tuệ. Bồ-tát suy nghĩ về việc làm tùy thuận, lìa các chướng ngại, là tuệ thuộc về lực tư duy. Vô lượng tuệ nơi địa chánh định là thuộc về lực tu tập.

Thế nào là Thiện nhân tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là tuệ được nghe chánh pháp. Hai là tuệ kết hợp nội chánh tư duy. Ba là tuệ kết hợp phương tiện tự lợi lợi tha. Bốn là tuệ đối với pháp tướng của các pháp quyết định trụ nơi không điên đảo. Năm là tuệ lìa phiền não.

Lại có năm thứ: Một là vi tế, như nhập nơi cảnh giới của tánh. Hai là rộng khắp, như nhập nơi cảnh giới của tánh. Ba là các thứ trí tuệ vốn được cùng sinh. Bốn là chư Phật, Như Lai và Bồ-tát đại địa đã thuyết giảng về pháp nghĩa, đều có thể thọ trì. Năm là tuệ đạt được địa tâm tịnh cho đến tuệ thọ nhận thuộc về địa cứu cánh.

Thế nào là Nhất thiết hành tuệ của Bồ-tát? Đó là sáu thứ, bảy thứ, hợp nêu có mười ba thứ. Đối với bốn chân đế đạt được. Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, cứu cánh tận trí, vô sinh trí, đó gọi là sáu thứ. Bảy thứ là: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí, thần thông trí, tướng trí, mười lực phương tiện trí, bốn sự cụ túc trí.

Thế nào là Trừ não tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ: Một là nhận biết về kinh pháp nên gọi là pháp vô ngại. Hai là nhận biết

về pháp tướng nên gọi là nghĩa vô ngại. Ba là nhận biết về tên các pháp nên gọi là từ vô ngại. Bốn là nhận biết về các pháp với đủ loại cú nghĩa, nên gọi là lạc thuyết vô ngại. Năm là trí hàng phục tất cả dị luận. Sáu là trí kiến lập tất cả chánh luận. Bảy là trí có thể tạo dựng sản nghiệp, tăng trưởng tiền tài. Tám là trí khéo hiểu biết về vương pháp, quyết đoán về việc đời.

Thế nào là Đòi này đòi khác đều vui thích tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Trí đối với nội minh xứ, khéo kiến lập thanh tịnh. Trí đối với nhân minh, thanh minh, y phương minh, thế công xảo minh, đều khéo kiến lập thanh tịnh. Như vậy Bồ-tát khéo dựa nơi năm minh thanh tịnh để điều phục chúng sinh ngu si, phóng dật, biếng nhác, khiến họ thuận nơi nẻo chánh. Theo thứ lớp hiển bày việc dạy trao soi sáng khiến hoan hỷ.

Thế nào là Thanh tịnh tuệ của Bồ-tát? Lược nêu có mười thứ: Nghĩa chân thật có hai thứ, cho đến nghĩa chân thật của tánh như tánh. Nghĩa thâm nhận lưu chuyển có hai thứ, là chánh nhân và quả. Nghĩa thâm nhận giữ lấy có hai thứ, là điên đảo, không điên đảo, đều nhận biết như thật. Nghĩa phương tiện có hai thứ, là tất cả nên làm không nên làm, đều nhận biết như thật. Nghĩa cứu cánh có hai thứ là cấu uế và thanh tịnh, đều nhận biết như thật. Như thế là năm loại gồm mười thứ, tuệ tịnh phân biệt, nên biết là thanh tịnh bậc nhất. Tuệ vô thượng của Bồ-tát như vậy là khéo quyết định, tức đắc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương vào đây, hành đầy đủ trí tuệ Ba-la-mật, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

Sáu thứ Ba-la-mật này, rất nhiều nơi trong các kinh Đức Thế Tôn đã phân biệt giảng nói. Tôi nay lược nêu, nên tạo sự nhận biết này: Trong kinh Đức Như Lai đã nói Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, phân biệt từ Tụ tánh bồ thí Ba-la-mật cho đến Thanh tịnh bồ thí Ba-la-mật gồm thâm, tùy theo chỗ ứng hợp với pháp kia. Như vậy, Giới Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật gồm thâm, tùy

theo chỗ ứng hợp với pháp kia, nên biết cũng như vậy. Khi Đức Như Lai còn làm Bồ-tát, ở trong vô lượng đời luôn tương ưng khổ hạnh, tất cả bố thí Ba-la-mật đều tương ưng, nên biết cho đến trí tuệ Ba-la-mật cũng tương ưng. Hoặc là gồm thâu một, hoặc gồm thâu hai, hoặc gồm thâu ba, bốn, năm, hoặc gồm thâu cả sáu Ba-la-mật, nên biết sáu Ba-la-mật này đã phát khởi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Bồ-tát đạt pháp đại thanh tịnh như biển lớn thanh tịnh, là nhân của hết thảy chủng loại chánh pháp, hết thảy chúng sinh, là châu báu vô cùng quý giá. Như vậy, do vô lượng các thứ công đức trí tuệ đầy đủ, nên chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, rất ráo không gì hơn.

HẾT - QUYỂN 6

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 7
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT
Phẩm thứ 15: BỐN NHIẾP

Thế nào là Ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ:

- (1) Tự tánh ái ngữ.
- (2) Nhất thiết ái ngữ.
- (3) Nan ái ngữ.
- (4) Nhất thiết môn ái ngữ.
- (5) Thiện nhân ái ngữ.
- (6) Nhất thiết hành ái ngữ.
- (7) Trừ não ái ngữ.
- (8) Đòi này đòi khác vui thích ái ngữ.
- (9) Thanh tịnh ái ngữ.

Thế nào là Tự tánh ái ngữ của Bồ-tát? Bồ-tát này có thể vui nơi nghĩa chân thật như pháp, nói lời tạo lợi ích, nói lời cùng với chúng sinh. Đó gọi là Tự tánh ái ngữ của Bồ-tát.

Thế nào là Nhất thiết ái ngữ của Bồ-tát? Lược nói có hai thứ. Bồ-tát thăm hỏi an ủi, trước khi hỏi thì sắc diện hiền hòa, nhìn thẳng, dung mạo dịu dàng, chánh niệm hiện tiền, mới nói: Đường đi yên

lành, bốn đại thuận hợp, ngũ thức an lạc, khen ngợi *Thiện lai*. Những thứ như vậy, tâm tùy thuận thế gian để thăm hỏi, an ủi, dùng lời khéo léo để thăm hỏi, an ủi. Hoặc lại chú nguyện, khiến vợ con, quyến thuộc cùng tiền tài, lúa gạo tăng trưởng dồi dào. Thấy người có đủ công đức, tán thán họ về tín, giới, thí, vãng, trí tuệ, khiến họ hoan hỷ. Bồ-tát nói pháp tương ưng với tất cả công đức, tạo an lạc cho chúng sinh, thường nói cùng nêu những thắng diệu bậc nhất, ngôn thuyết luôn tạo lợi ích. Đó gọi là Nhất thiết ái ngữ của Bồ-tát.

Ái ngữ của Bồ-tát phân biệt có hai thứ: Một là lời nói tùy thuận thế gian. Hai là lời nói thuyết pháp chân chánh. An ủi thăm hỏi tán thán là lời nói tùy thuận thế gian. Nói về những lợi ích thắng diệu bậc nhất, đó gọi là lời nói thuyết pháp chân chánh.

Thế nào là Nan ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ: Bồ-tát đối với oán gia, đem tâm thanh tịnh tìm cách an ủi khuyên dụ, khiến kẻ kia sinh vui, thấy lợi ích để cùng ngôn thuyết. Đó gọi là Nan ái ngữ thứ nhất. Bồ-tát đối với chúng sinh căn tánh thấp kém, ngu si tăng thượng, dùng tâm không nhằm chán suy nghĩ lường tính, vì họ thuyết giảng pháp, an nhẫn đối với các thứ khổ nhọc, dùng pháp thâm giữ, vì họ giảng nói đầy đủ. Đó gọi là Nan ái ngữ thứ hai. Bồ-tát đối với chúng sinh quanh co, dua nịnh, giả trá, khi dễ các bậc Hòa thượng, A-xà-lê và những thứ phước điền tôn trọng, hoặc bỏ chánh hướng tà, luôn dùng tâm vô hại làm phương tiện để an ủi khuyên dụ, vì họ nói pháp khiến kẻ kia sinh vui vẻ, đạt lợi ích. Đó gọi là Nan ái ngữ thứ ba.

Thế nào là Nhất thiết môn ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là đoạn trừ các thứ ngăn che hướng đến nẻo thiện, nói pháp đầu tiên nên làm. Hai là đoạn trừ các thứ ngăn che tâm thật tiến thêm, nói pháp ứng hợp với bốn chân đế. Ba là thấy chúng sinh tại gia, xuất gia phóng dật, dùng tâm bình đẳng quở trách, khiến họ xa lìa phóng dật, trụ nơi không phóng dật. Bốn là đối với các chúng sinh đã khởi

nghi hoặc, Bồ-tát có thể vì họ nên mở giải, hoặc thuyết pháp hoặc luận quyết định.

Thế nào là Thiện nhân ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là Bồ-tát này nói pháp điều phục là chánh nhân của chư Phật, Bồ-tát. Hai là chánh xuất. Ba là chánh y. Bốn là chánh độ. Năm là chánh thị hiện. Nơi chốn và nhân duyên chế giới, thế nên pháp này gọi là chánh nhân. Đối với giới đã thọ, có chỗ hủy phạm, liền chỉ dạy khiến thanh tịnh trở lại, do đó pháp này gọi là chánh xuất. Nói pháp luật không điên đảo thuộc về bốn nương dựa, cho đến xứ đạo, vì thế pháp này gọi là chánh y. Hiện bày về đạo xuất ly tất cả khổ, không thoái chuyển, cho nên pháp này gọi là chánh độ. Ba thứ thị hiện, đối với tất cả sự thuyết giảng không ngại, vì vậy pháp này gọi là chánh thị hiện.

Thế nào là Nhất thiết hành ái ngữ của Bồ-tát? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nêu có mười ba thứ: Một là Pháp ái ngữ nghe chỗ nên nghe. Hai là Pháp ái ngữ ngăn cấm chỗ nên ngăn cấm. Ba là Pháp ái ngữ hiện bày các kinh. Bốn là Ái ngữ hiện bày các pháp tướng. Năm là Ái ngữ hiện bày danh tự của các pháp không điên đảo. Sáu là Ái ngữ các thứ phân biệt pháp cú. Bảy là Ái ngữ an ủi khuyên dụ. Tám là Ái ngữ phát khởi hoan hỷ. Chín là Ái ngữ tự cho là an ổn, dùng các vật dụng thay cho chỗ đã làm, thâm nhận rộng khắp. Mười là Ái ngữ dùng vô số các thứ gay sợ hãi để tạo an ổn. Mười một là Ái ngữ thuyết pháp đầy đủ, thâm giữ chúng sinh. Mười hai là Ái ngữ chỉ rõ pháp bất thiện, an lập pháp thiện, dùng thấy nghe nghi nêu tội để điều phục. Mười ba là Ái ngữ khuyên người có lực thuyết pháp. Mười ba thứ như thế gọi là Nhất thiết hành ái ngữ.

Thế nào là Trừ não ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ. Bồ-tát này luôn nương dựa nơi bốn tịnh của miệng và tám thứ Thánh ngữ. Đó gọi là trừ não ái ngữ. Bốn tịnh của miệng là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác và nói lời thù dật. Tám thứ Thánh ngữ là nói

thấy nghe hiểu biết. Hoặc nói không thấy không nghe không hiểu không biết. Tất cả đều đúng như thật.

Thế nào là Đòi này đòi khác vui thích ái ngữ của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Một là đoạn trừ nạn sâu khổ cho các quyền thuộc, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Hai là đoạn trừ nạn sâu khổ về của cải vật dụng, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Ba là đoạn trừ nạn sâu khổ về bệnh tật, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Bốn là đoạn trừ nạn lo khổ về giới, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Năm là đoạn trừ sâu khổ về kiến giải, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Giới đầy đủ, kiến giải đầy đủ, oai nghi đầy đủ, chánh mạng đầy đủ, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp.

Thế nào là Thanh tịnh ái ngữ của Bồ-tát? Nên biết có hai mươi thứ thuyết pháp, như trong Phẩm Lục Chung Tánh ở trước đã nói.

Thế nào là Hành lợi của Bồ-tát? Hành lợi như ái ngữ. Nói rộng về chỗ dị biệt nơi hành lợi, nay sẽ nêu bày. Nghĩa là tất cả loại ái ngữ của Bồ-tát tùy theo chỗ nói về nghĩa lợi tạo an vui cho chúng sinh.

Thế nào là Tự tánh hành lợi của Bồ-tát? Là đầy đủ ái ngữ, hiển bày cho chúng sinh, như chỗ nên học, tùy thuận lợi hành, hành pháp tiếp pháp hướng, trụ nơi tâm bi, tâm không tham chấp, khuyến dụ, dẫn dắt dạy trao, điều phục, an lập. Đó gọi là lược nêu về Tự tánh hành lợi.

Thế nào là Nhất thiết hành lợi? Lược nêu có hai thứ: Một là tất cả chúng sinh chưa thành thực tạo phương tiện khiến thành thực. Hai là người thành thực rồi khiến đạt đến giải thoát. Lại nói có ba thứ: Một là ban cho lợi của đời này. Hai là ban cho lợi của đời sau. Ba là ban cho lợi của đời nay và đời sau. Khuyến dụ là khiến chúng sinh hành tạo đức nghiệp như pháp, đạt được giàu sang, nhiều của cải, giữ gìn tăng trưởng, tạo lợi ích, an vui cho đời hiện tại, nơi đời này được tiếng tăm rộng lớn, đầy đủ các điều vui thích. Thân nhận an lập

là khiến xả của cải lớn, bỏ nhà xuất gia, xin ăn nuôi mạng sống, tạo lợi lạc cho đời sau, do chắc chắn được so với hiện tại bất định. Lại khuyên người tại gia, xuất gia lần lượt lia dục. Đó gọi là đời nay, đời sau đạt lợi ích an vui. Trong đời này thân tâm dùng nghỉ, an ổn vui trụ, đời sau tức được sinh nơi cõi trời thanh tịnh vi diệu, cùng cảnh giới Niết-bàn vô dư.

Thế nào là Nan hành lợi của Bồ-tát? Lược nêu có ba thứ: Nếu chúng sinh từ trước đến nay không tu nhân thiện, nhưng Bồ-tát có thể hành lợi. Đó gọi là nan hành lợi thứ nhất, nghĩa là khuyên hóa khổ. Nếu do xưa tu căn thiện được nhiều của cải vật báu, khởi tham đắm sâu, nhưng Bồ-tát có thể hành lợi. Đó gọi là nan hành lợi thứ hai, nghĩa là nơi chôn kia là rất phóng dật. Dị học của ngoại đạo, gốc chấp trước theo tà kiến, nhưng Bồ-tát có thể hành lợi. Đó gọi là nan hành lợi thứ ba, nghĩa là sự ngu si kia rất trái với chánh pháp.

Thế nào là Nhất thiết môn hành lợi của Bồ-tát? Lược nói có bốn thứ: Một là Bồ-tát đối với người không tin khuyến khích khiến sinh tin, cho đến kiến lập. Hai là đối với người thọ giới ác khuyên tu giới tịnh. Ba là đối với người tuệ ác khuyên tu tuệ chánh. Bốn là đối với người keo kiệt khuyên tu tuệ thí, cho đến kiến lập.

Thế nào là Thiện nhân hành lợi của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là Bồ-tát này đối với chúng sinh ban cho lợi chân thật. Hai là ban cho đúng lúc. Ba là ban cho nghĩa lợi ích. Bốn là ban cho sự dịu dàng, hòa nhã. Năm là ban cho tâm từ.

Thế nào là Nhất thiết hành hành lợi của Bồ-tát? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nêu có mười ba thứ: Bồ-tát này nên thâm giữ cùng thâm giữ. Nên điều phục cùng điều phục. Người hành trái với pháp Phật thì trừ bỏ chướng ngại cho họ. Chúng sinh loại vừa khiến họ đi vào pháp luật. Người đã vào thì dùng pháp của ba thừa khiến được thành thực. Người đã thành thực khiến được giải thoát. Các vật dụng

hộ trì, nuôi dưỡng, khuyến hóa, dẫn dắt đều khiến được thành tựu. Đó là khiến bỏ Tiểu thừa giữ gìn Đại thừa. Như các vật dụng hộ trì, nuôi dưỡng, một mình yên tĩnh, nhất tâm làm tịnh các chướng ngại, nhớ nghĩ và khuyến tu khiến được thành thực. Người có chủng tánh Thanh văn, Duyên giác thì dùng thừa Thanh văn, Duyên giác để thành thực họ. Người có chủng tánh Như Lai thì dùng Bồ-đề vô thượng để thành thực họ.

Thế nào là Trừ não hành lợi của Bồ-tát? Lược nêu có tám thứ: Nếu có chúng sinh có điều nên xấu hổ, thì khiến họ xả bỏ mọi trói buộc của không xấu hổ, tâm được mở tỏ. Như sự trói buộc của không xấu hổ, sự trói buộc của không thẹn, thù miên, trạo cử, hối, keo kiệt, ganh ghét đều khiến mở tỏ cũng lại như vậy.

Thế nào là Đòi này đòi khác vui thích hành lợi của Bồ-tát? Lược nêu có chín thứ: Khiến khắp chúng sinh thân nghiệp hành thanh tịnh: Nghĩa là truyền trao tất cả loại không sát sinh, tất cả loại không trộm cắp, tất cả loại không tà dâm, tất cả loại không uống rượu. Khiến khắp chúng sinh khẩu nghiệp hành thanh tịnh: Nghĩa là trao cho tất cả loại không nói dối, tất cả loại không nói hai lời, tất cả loại không nói lời thô ác, tất cả loại không nói lời thêu dệt. Khiến khắp chúng sinh ý nghiệp hành thanh tịnh: Nghĩa là dạy trao cho không tham, không sân cùng chánh kiến.

Thế nào là Thanh tịnh hành lợi của Bồ-tát? Lược nêu có mười thứ: Năm thứ thanh tịnh bên ngoài và năm thứ thanh tịnh bên trong.

Năm thứ thanh tịnh bên ngoài: Một là vô tội. Hai là không tùy duyên. Ba là thứ lớp. Bốn là tất cả. Năm là như chỗ ứng hợp. Người hành tạo nhiều ác, trước tiên hành ác, một mực hành ác, Bồ-tát đều dùng pháp thiện để thành tựu họ. Đó gọi là vô tội tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Người ưa thích giải thoát thì khuyến khích khiến họ giải thoát. Đó gọi là không tùy duyên tạo lợi ích an lạc cho chúng

sinh. Chúng sinh căn trí thấp kém, Bồ-tát trước nêu giảng nói pháp thô, dạy khuyên gần thô để tùy thuận họ. Biết người có trí vừa, vì họ giảng nói pháp trung, dạy khuyên để tùy thuận. Người có trí tuệ thù thắng, vì họ giảng nói pháp sâu xa vi diệu để khuyên dạy tùy thuận. Như thế là khiến hết thảy theo thứ lớp dần được pháp thiện. Đó gọi là thứ lớp tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Bốn tánh cho đến tất cả chúng sinh nơi nẻo trời, người, tùy theo năng lực để tạo lợi ích an vui. Đó gọi là tất cả tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Những người thiện thuộc phẩm hạ trung thượng, tùy theo chỗ ứng hợp để tạo phương tiện đem lại lợi lạc an vui. Đó gọi là như chỗ ứng hợp tạo an lạc cho chúng sinh. Đây là năm thứ thanh tịnh bên ngoài thuộc hành lợi.

Năm thứ thanh tịnh bên trong: Một là Bồ-tát này trụ rộng nơi tâm bi để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Hai là Bồ-tát này nhẫn chịu tất cả khổ nhưng không biếng trễ mỗi một, tâm thường hoan hỷ để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Ba là Bồ-tát này đem thân tự tại, khiêm nhường chịu kém, như người giúp việc, như người con hiếu thảo, như con của hàng Chiên-đà-la luôn lià các ngã mạn, để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Bốn là Bồ-tát này lià nơi lợi dưỡng, tâm không giả dối, tâm giữ lấy điều thắng diệu để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Năm là Bồ-tát này đối với xứ cứu cánh trọn không thoái chuyển, thường dùng tâm từ tạo lợi ích an vui cho chúng sinh. Đây gọi là năm thứ thanh tịnh bên trong.

Như vậy trong ngoài đều đủ năm thứ thanh tịnh. Đó gọi là mười thứ thanh tịnh tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh.

Thế nào là Đồng lợi của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát này theo nghĩa ấy, thiện ấy, hoặc bằng, hoặc hơn, trao cho chúng sinh đều cùng đồng như mình. Đó gọi là Bồ-tát cùng chúng sinh đồng lợi. Bồ-tát được đồng lợi ấy nên điều phục chúng sinh, quyết định kiên cố, trọn không thoái chuyển nơi việc khuyên dạy trao truyền các pháp thiện. Vì sao? Vì kẻ kia khởi niệm: Bồ-tát này đã cùng ta đồng lợi, tất có thể khiến

ta an ổn, vui vẻ. Do Bồ-tát ấy dạy trao cho ta, ta tự tu hành, đúng là nhân vui thích để tự tu tập. Nếu Bồ-tát luôn đem đồng lợi dạy khuyên trao cho chúng sinh, kẻ kia trọn không nói: Ông tự không hành, làm sao có thể khuyên dạy trao truyền cho người khác. Ông nên theo người khác thưa hỏi để thọ nhận sự chỉ dạy.

Có Bồ-tát đồng lợi với người khác nhưng không hiện bày cho người. Có Bồ-tát không đồng lợi như vậy nhưng hiện bày về đồng lợi. Có Bồ-tát đồng lợi cũng hiện bày cho người khác về đồng lợi. Có Bồ-tát không đồng lợi cũng không hiện bày cho người khác về đồng lợi.

Trường hợp thứ nhất: Là các Bồ-tát cùng các công đức, trụ nơi đạo Bồ-tát cùng các công đức, nhưng Bồ-tát ẩn giấu công đức chân thật, không muốn hiển bày.

Trường hợp thứ hai: Chúng sinh căn cơ thấp kém, sợ hãi đối với pháp sâu xa, Bồ-tát suy nghĩ tạo phương tiện để điều phục, hiện đồng với pháp kia, như Chiên-đà-la, nhanh chóng được lợi ích, điều phục dứt trừ phiền não, nên hiện cùng đồng với chúng sinh ấy.

Trường hợp thứ ba: Vì điều phục các chúng sinh, tức chúng sinh thọ nhận căn thiện bị dao động. Bồ-tát do trụ trong căn thiện hoặc trên căn thiện nên hiển bày đồng lợi.

Trường hợp thứ tư: Là Bồ-tát tâm tự phóng dật, xả bỏ lợi tha.

Từ các thứ Thí như trước đã nói, như trong Giới đã nêu rộng, cho đến đồng lợi cùng với các Ba-la-mật kia nên tự thành thực pháp Phật, thành thực nhiếp sự. Đó gọi là lược nêu về hành nghiệp pháp thiện của Bồ-tát.

Từ các thứ thí cho đến đồng lợi, là các loại Bồ-đề phần với vô lượng pháp thiện, nên biết là ba thứ hành, hai thứ thắng, ba thứ làm tịnh hành thân khẩu ý. Đây là những hành thượng diệu, không bị nhiễm ô, nên biết đó là thù thắng, không gì hơn. Không cùng

với chúng sinh kia như nhau, sự như nhau, thời như nhau. Đó gọi là thượng diệu. Chúng sinh như nhau, nghĩa là Bồ-tát này vì tất cả chúng sinh nên hành bố thí, các căn thiện tạo được không vì riêng mình. Sự như nhau, nghĩa là Bồ-tát này hành thí cùng với tất cả các thứ căn thiện. Thời như nhau, nghĩa là Bồ-tát này không lìa phương tiện, thời tiết, ngày đêm, đời nay, đời sau, luôn tu thí tạo căn thiện, tâm không dừng nghỉ.

Không nhiễm, có bốn thứ: Bồ-tát này, tâm luôn hoan hỷ tu tập pháp thiện, không nhân nơi gì để sinh tâm lo khổ, hối hận. Bồ-tát này không nỡ hại người khác, không vướng mắc nơi các kiến chấp, không hành tạo ác, chỉ tạo căn thiện như hành thí v.v... Bồ-tát này, tất cả công đức của tự mình đều chuyên nhằm hiển hiện, kiên cố hiển hiện, quyết định sự tịch diệt, không do nơi người khác để hành các pháp thiện, như thí, giới v.v... Bồ-tát này không đòi hỏi với các pháp thiện đã hành tạo như bố thí, trì giới v.v... để cầu quả báo. Hoặc quả báo được làm Chuyển luân Thánh vương, Đế Thích, Ma, Phạm. Không cầu báo nơi người khác, không dựa vào những thứ ấy để cầu danh lợi, thân mạng. Đối với những hành tịnh ấy thấy đều hoan hỷ, không nỡ loạn người, chuyên chú không nương dựa. Từ bố thí cho đến hành các pháp thiện như đồng lợi, đó gọi là không nhiễm. Sáng rõ không động, vui tịnh, đó gọi là thanh tịnh. Bồ-tát nhập địa tâm tịnh, hết thấy căn thiện sáng rõ không động, là địa tâm tịnh sáng rõ. Bồ-tát đối với hết thấy pháp thiện, không khởi tư duy, là địa tâm tịnh không động. Bồ-tát tùy chỗ tu pháp thiện đạt được tức không thoái chuyển, ở đời vị lai nhất định không lùi, ngày đêm tăng trưởng như phần sáng của một tháng, pháp thiện ngày đêm tăng trưởng không lùi cũng lại như vậy. Bồ-tát trụ nơi địa Bồ-tát cứu cánh một đời nối tiếp, nếu sau cùng có chỗ đạt được căn thiện, gọi là vui tịnh. Đối với bậc trên, lại không có địa Bồ-tát tịnh. Đó gọi là ba thứ hành thiện, ba thứ thắng, ba thứ tịnh. Nên biết từ bố thí Ba-la-mật cho đến đồng lợi, tất cả bố thí v.v..., cho đến tất cả đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, đầy

đủ sung mãn về đạo quả Bồ-đề vô thượng, sinh khởi quả báo là thân kim cang kiên cố, chánh pháp trụ lâu.

Từ nan thí cho đến nan đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh bình đẳng, sinh quả báo là thành tựu pháp thù đặc chưa từng có.

Từ nhất thiết môn thí cho đến nhất thiết môn đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là được hết thảy chúng sinh tối thắng nơi hàng trời người cúng dường.

Từ thiện nhân thí cho đến thiện nhân đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là đối với các loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, tưởng, vô tưởng, phi tưởng phi phi tưởng, Bồ-tát là bậc tối thượng đối với tất cả chúng sinh.

Từ nhất thiết hành thí cho đến nhất thiết hành đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là gồm đủ các thứ công đức vô lượng, thâm nhận ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp tùy thân.

Từ trừ não thí cho đến trừ não đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là ở nơi cõi Bồ-đề, tất cả ma oán đều không thể khiến cho khuynh động.

Từ đời này đời khác vui thích thí cho đến đời này đời khác vui thích đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là đạt được thiên giải thoát tối thắng, Tam-muội chánh thọ an lạc.

Từ thanh tịnh thí cho đến thanh tịnh đồng lợi, là sự tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là đạt nhất thiết chủng thanh tịnh.

Đó là bốn thứ tịnh, tức thân tịnh, duyên tịnh, tâm tịnh, trí tịnh. Sinh quả báo là ba bất hộ, mười lục, bốn vô úy, ba niệm xứ, tất cả pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Đó gọi là quả báo vô thượng của các pháp thiện như hành bố thí v.v... của Bồ-tát, là nơi chôn xuất sinh do vô lượng Bồ-tát hành vô tội.

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 16: CÚNG DƯỜNG TẬP CẬN VÔ LƯỢNG

Thế nào là Bồ-tát cúng dường Đức Như Lai? Lược nêu có mười: Một là cúng dường thân. Hai là cúng dường tháp miếu. Ba là cúng dường hiện tiền. Bốn là cúng dường không hiện tiền. Năm là tự mình cúng dường. Sáu là người khác cúng dường. Bảy là cúng dường của cải vật dụng. Tám là cúng dường thù thắng. Chín là cúng dường không nhiễm ô. Mười là cúng dường chí xứ đạo.

Nếu Bồ-tát đối với sắc thân của Phật thiết lập sự cúng dường. Đó gọi là cúng dường thân.

Nếu Bồ-tát vì Đức Như Lai hoặc cúng dường Thân-bà hoặc nơi hang, hoặc nơi nhà, hoặc cũ, hoặc mới. Đó gọi là cúng dường tháp miếu.

Nếu Bồ-tát chính mặt mình thấy thân Phật và tháp miếu rồi bày biện sự cúng dường. Đó gọi là cúng dường hiện tiền.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, tâm đều trông mong, tâm cùng hoan hỷ, hiện tiền cúng dường. Như pháp một Đức Như Lai, như vậy là pháp của tất cả Đức Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại. Như pháp một tháp miếu Như Lai, như vậy đối với pháp của tất cả tháp miếu Như Lai, khởi niệm như thế này: Con nay hiện tiền cúng dường Như Lai cùng cúng dường chư Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai. Con nay hiện tiền cúng dường tháp miếu của Như Lai cùng cúng dường hết thấy tháp miếu trong vô lượng thế giới khắp tất cả mười phương, hoặc Thân-bà, hoặc là hang, hoặc là nhà, hoặc cũ, hoặc mới. Đó gọi là Bồ-tát cúng dường hiện tiền, cùng không hiện tiền.

Nếu Bồ-tát đối với Đức Như Lai và tháp miếu không hiện tiền, tâm luôn nghĩ cúng dường, vì hết thấy chư Phật, vì hết thấy tháp miếu của Như Lai. Đó gọi là cúng dường không hiện tiền.

Nếu Bồ-tát, sau khi Đức Như Lai Bát Niết-bàn, đem xá lợi của Phật xây dựng Thâu-bà để phụng thờ, hoặc là hang, hoặc là nhà, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, cho đến trăm ngàn vạn ức, tùy theo sức có thể làm được. Đó gọi là Bồ-tát cúng dường không hiện tiền rộng khắp. Do nhân duyên này, nên được vô lượng quả lớn, thường gồm thâu Phạm phước. Bồ-tát này luôn ở trong vô lượng đại kiếp không bị rơi vào nẻo ác, các thứ tư lương để đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng luôn đầy đủ.

Nếu Bồ-tát đối với Đức Như Lai và tháp miếu, cúng dường hiện tiền thì được công đức lớn, cúng dường không hiện tiền thì được đại công đức lớn, cúng dường hiện tiền cùng không hiện tiền thì được đại công đức tối đại.

Nếu Bồ-tát đối với Đức Như Lai và tháp miếu, tự tay cúng dường, không dựa vào sự biếng trễ sai khiến người khác cúng dường. Đó gọi là Bồ-tát tự tạo sự cúng dường.

Nếu Bồ-tát đối với Đức Như Lai và tháp miếu, không riêng mình cúng dường, nhưng còn khiến cha mẹ, thầy bạn, quyến thuộc, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hàng tại gia, xuất gia, đều cùng cúng dường. Đó gọi là mình và người khác cùng cúng dường.

Nếu Bồ-tát có một ít vật dụng, do tâm từ bi nên bố thí cho các chúng sinh nghèo khổ phước mỏng kia, giúp họ được cúng dường Đức Như Lai và tháp miếu, khiến họ đạt được an vui nhưng mình không tự làm. Đó gọi là Bồ-tát khiến người khác cúng dường. Người tự tạo cúng dường được quả báo lớn. Người khiến kẻ khác cúng dường được đại quả báo lớn. Tự mình cúng dường và khiến người khác cúng dường thì được đại quả báo tối đại.

Nếu Bồ-tát đối với Đức Như Lai và tháp miếu, dùng các vật như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang đến thừa hỏi, lễ bái, chấp tay nghênh đón, đem các loại hương xông, hương bột,

hương xoa, các thứ tràng hoa, các thứ âm nhạc, cờ phướn, lọng, đèn, vô số lời tán thán, đem năm luân làm lễ, kính nhiều quanh bên phải để cúng dường. Đem vô lượng của cải quý giá như ma ni, chân châu, kha búi, ngọc thạch, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, vàng bạc, xích bảo, các thứ vật báu thắng diệu, vòng ngọc ma ni. Lại treo đầy các linh báu, dùng tiền vàng để rải, vàng sợi để vây bọc chung quanh. Bày biện đủ những thứ báu như vậy, đó gọi là cúng dường của cải vật dụng.

Nếu Bồ-tát từ lâu xa đôi với Đức Như Lai và tháp miếu, đem của cải vật dụng để cúng dường, hoặc nhiều hoặc hơn, hoặc hiện tiền, không hiện tiền, hoặc mình làm, hoặc khiến người khác làm, tâm tín thuần tịnh luôn hiện tiền, tâm chuyên tinh hiểu biết để hành cúng dường, rồi đem căn thiện ấy hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng, bày thứ như vậy gọi là Bồ-tát cúng dường thù thắng.

Nếu Bồ-tát tự tay cúng dường Đức Như Lai và tháp miếu, không xem thường người khác, không phóng dật, không biếng nhác, chí tâm cung kính, không xem nhẹ việc chưa học, tâm không loạn động, tâm không nhiễm ô, ở nơi quốc vương, các bậc thắng nhân có tâm tín, không hiện bày các thứ oai nghi đua nịnh, cầu tài vật để cúng dường, không dùng *thur hoàng* xoa lên tượng Phật, cũng không dùng chất nước ép để tắm rửa, cũng không thiêu đốt hương Cầu-cầu-la để cúng dường, những vật không tịnh như hoa A-ca v.v... đều không được dùng. Đó gọi là Bồ-tát dùng sáu thứ không nhiễm ô để cúng dường.

Nếu Bồ-tát đem của cải vật dụng tốt đẹp không nhiễm ô để cúng dường Đức Như Lai và tháp miếu, hoặc tự lực có được, hoặc theo người cầu xin, hoặc như ý đạt được các vật dụng kia tự tại, đạt được của cải như ý. Bồ-tát hoặc hóa tác thân, hoặc hai, hoặc ba, cho đến trăm ngàn vạn ức thân. Mỗi mỗi thân kia đều lễ bái Như Lai, mỗi mỗi thân ấy hóa làm trăm ngàn tay, mỗi mỗi tay ấy đều

dùng đủ các thứ hoa hương để cúng dường Đức Như Lai và tháp miếu. Tất cả thân ấy đều tán thán về công đức chân thật, tạo lợi ích cho chúng sinh của Đức Như Lai. Tất cả thân ấy đều đem các thứ y phục thượng diệu, các thứ chuỗi ngọc báu, cờ phướn, lọng hoa cúng dường Như Lai. Những thứ như vậy gọi là do lực tự tại như ý đạt được, luôn giữ tâm cúng dường, không đợi Đức Như Lai xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bồ-tát trụ nơi địa Bất thoái chuyển, đối với tất cả cõi Phật chưa từng bị chướng ngại. Nếu Bồ-tát không tự lực đạt được của cải vật dụng, không theo người khác cầu xin, cũng không có được lực tự tại để cúng dường, nhưng đối với chúng sinh khác, hoặc bốn châu thiên hạ, hoặc nơi châu Diêm-phù-đề, hoặc ngàn thế giới, hoặc hai ngàn thế giới, hoặc ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô lượng thế giới trong mười phương, tâm thượng trung hạ đều đã thực hiện việc cúng dường. Bồ-tát đối với tất cả sự cúng dường ấy, do tâm tịnh tín, tâm hiểu biết thắng diệu, nên tùy hỷ rộng khắp. Bồ-tát này dùng ít phương tiện phát khởi sự cúng dường lớn, gồm thân đầy đủ Đại Bồ-đề. Bồ-tát này tâm thường bình đẳng chân thật, tâm có thể hỷ lạc, cần phải tu học. Bồ-tát kia trong thời gian ngắn, cho đến trong khoảnh khắc, đối với tất cả chúng sinh tu tập tâm từ bi hỷ xả, đối với tất cả hành hữu vi khởi tướng vô thường, tướng vô thường khổ, tướng khổ vô ngã, tướng Niết-bàn an lạc, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, niệm Ba-la-mật. Cho đến một thời gian ngắn, đối với tất cả pháp khởi một ít nhĩn, biết thuyết pháp lìa ngôn từ, tự tánh như giải thoát, lìa các vọng tướng, tâm trụ vô tướng, huống chi lại vượt hơn trên. Bồ-tát ấy hộ trì giới cấm, hành chỉ quán, hành phương tiện Bồ-đề phần, các Ba-la-mật, các phương tiện khéo nhiếp sự. Đó gọi là Bồ-tát cúng dường chí xú đạo của Như Lai, là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vô thượng đệ nhất. Cúng dường như thế đem so với cúng dường của cải vật dụng ở trước thì gấp trăm ngàn lần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh.

Mười thứ như vậy, gọi là Nhất thiết chủng cúng dường Đức Như Lai của Bồ-tát.

Như cúng dường Phật, thì cúng dường Pháp, cúng dường Tăng cũng như vậy, tùy theo chỗ ứng hợp, nên biết đối với Tam bảo này đều hành mười thứ cúng dường.

Bồ-tát đối với Như Lai phát khởi sáu thứ tâm tịnh: Một là tâm phước điền vô thượng. Hai là tâm ân đức vô thượng. Ba là tâm vô thượng đối với tất cả chúng sinh. Bốn là tâm như hoa Ưu-đàm-bát khó gặp. Năm là tâm độc nhất trong tam thiên đại thiên thế giới. Sáu là tâm nương vào nghĩa đầy đủ của hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian. Dùng sáu tâm này, chỉ một ít tướng cúng dường Như Lai, Pháp, Tăng, cũng đạt được vô lượng công đức, huống gì là nhiều.

Bồ-tát thành tựu bao nhiêu hành là thiện tri thức? Có bao nhiêu hành là thiện tri thức mở bày dẫn dắt không chướng ngại? Lại có bao nhiêu hành được trụ xứ tịnh tín của thiện tri thức? Lại có bao nhiêu hành là thiện tri thức điều phục chúng sinh, làm những việc của thiện tri thức? Bồ-tát có bao nhiêu hành tiếp cận học tập thiện tri thức? Lại có bao nhiêu hành tương, đối với thiện tri thức nghe nhận chánh pháp? Bồ-tát đối với thiện tri thức nghe nhận chánh pháp, lại có bao nhiêu xứ không có tướng niệm?

Bồ-tát thành tựu tám sự việc lúc thực hiện đầy đủ tất cả hành của thiện tri thức: Một là khéo trụ nơi giới luật nghi nhưng không hủy phạm. Hai là đa văn, hiện tại giác ngộ. Ba là đắc thiền định, tu tuệ và căn thiện của chỉ, quán khác. Bốn là tâm bi thương xót nên xả pháp lạc hiện tại để hóa độ rộng chúng sinh. Năm là thành tựu vô úy vì chúng sinh thuyết pháp, chánh niệm không mất, lạc thuyết vô úy. Sáu là an nhẫn đối với mọi sự khinh chê, nhục mạ, những lời nói không thân thiện cùng các hành ác thấy đều có thể nhẫn. Bảy là không mệt mỏi, tạo nhiều sức tư duy, vì bốn chúng thuyết pháp

không hề biếng trễ. Tám là đủ biện tài thiện xảo, phàm thuyết giảng pháp thì ngôn từ luôn thông suốt.

Bồ-tát có năm sự việc, như thế là có thể tạo đầy đủ tất cả các thứ công đức của thiện tri thức. Những việc làm của bậc thiện tri thức sẽ mở bày dẫn dắt không chướng ngại: Một là trước hết nhằm tạo an lạc cho chúng sinh. Hai là đối với sự an lạc ấy luôn nhận biết đúng như thật, không có giác (tâm tứ) điên đảo. Ba là hoặc tạo phương tiện tùy thuận thuyết pháp, khéo có thể tùy thuận để điều phục chúng sinh, có sức an nhẫn. Bốn là tâm không chán mệt. Năm là tâm bi bình đẳng luôn nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh theo ba hạng thượng, trung, hạ, tâm không thiên lệch.

Bồ-tát có năm sự việc đạt được trụ xứ tịnh tín của thiện tri thức, người khác nghe đều hoan hỷ, hưởng gì là hiện thấy: Một là thành tựu oai nghi, oai nghi vắng lặng, oai nghi đầy đủ, thân tướng cử động luôn tề chỉnh. Hai là tâm thường an trụ, nghiệp thân khẩu ý không dao động hấp tấp. Ba là không lừa dối, là không dối gạt người khác nên thâm giữ oai nghi. Bốn là không đồ kỵ: Nghĩa là đối với người khác giảng nói pháp, cũng đạt được tài lợi, không sinh tâm ganh ghét, thường tự khuyên thỉnh khiến người khác nói pháp. Nếu tài lợi hướng đến mình nên khuyên cho người khác. Tâm không đua nịnh giả dối, tâm luôn hoan hỷ. Thấy người thuyết giảng pháp có được lợi lạc, thì khởi tâm tùy hỷ như chính mình đạt được. Năm là dùng tâm biết đủ để ít cất chứa, các vật đã được đều có thể xả thí.

Bồ-tát có năm sự việc, là việc làm của bậc thiện tri thức chân thật, điều phục chúng sinh: Một là dùng lời nói. Hai là tạo sự nhớ nghĩ. Ba là dạy trao. Bốn là khuyên răn. Năm là thuyết pháp. Dùng năm sự việc này giáo hóa rộng chúng sinh, như nơi địa Thanh văn đã nói về khuyên dạy trao truyền, nói rộng như trong Phẩm Lực Tánh.

Bồ-tát có bốn sự việc, nên có thể gán gửi đầy đủ thiện tri thức: Một là hoặc bệnh hay không bệnh đều tùy thời cúng dường, ái niệm, cung kính, tịnh tín tạo lợi ích. Hai là tùy thời kính lễ, chấp tay thưa hỏi, đón tiếp cúng dường. Ba là như pháp cúng dường các vật dụng như y phục, thực phẩm, thuốc thang. Bốn là nếu là vị y chỉ, thì như pháp tùy thuận, hành tác không khuynh động, như thật giảng nói, tùy thời đến thỉnh vấn những điều nên làm.

Bồ-tát đối với bậc thiện tri thức, thành tựu năm tướng để được nghe pháp: Một là nên tác tướng là vật báu, vì khó được. Hai là tác tướng là mắt, vì được nhân của trí tuệ câu sinh thù thắng. Ba là tác tướng về ánh sáng, vì đạt được mắt của trí tuệ câu sinh, hiển bày tất cả loại cảnh giới như thật. Bốn là tác tướng về phước lợi của quả lớn, vì đạt được nhân vô thượng của đạo Niết-bàn. Năm là tác tướng an lạc vô tội, vì hiện pháp không thủ đắc đạo Niết-bàn. Như thật quan sát về sự an lạc lớn của chỉ quán là nhân vô tội.

Bồ-tát ở nơi bậc thiện tri thức nghe nhận kinh pháp, đối với người thuyết pháp có năm xứ không nhớ nghĩ, tâm tịnh chuyên nghe: Một là không nhớ nghĩ về pháp giới: Nghĩa là không nghĩ nói đây là phạm luật nghi, không nên theo người kia nghe nhận kinh pháp. Hai là không nhớ nghĩ về tộc họ thấp kém: Nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người thuộc tộc họ thấp kém kia để nghe nhận kinh pháp. Ba là không nhớ nghĩ về sự xấu xí: Nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người xấu xí kia để nghe nhận kinh pháp. Bốn là không nhớ nghĩ về vị hoại: Nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người không chánh ngữ kia để nghe nhận kinh pháp, chỉ dựa vào nghĩa, không dựa vào vị. Năm là không nhớ nghĩ về sự hủy hoại lời hay đẹp: Nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người nói lời thô vụng kia để nghe nhận kinh pháp. Năm xứ như thế không nhớ nghĩ rồi, Bồ-tát này siêng năng thâm nhận chánh pháp, đối với người thuyết pháp không còn khởi tướng hiềm nghi. Nếu là Bồ-tát hạ căn,

khởi tâm hơn người, thoái chuyên không thích nghe pháp, nên biết BỒ-tát này trí tuệ thoái giảm không thể tự độ.

Thế nào là BỒ-tát tu bốn vô lượng là từ, bi, hỷ, xả? Lược nói bốn vô lượng của BỒ-tát có ba thứ tu: Một là duyên nơi chúng sinh. Hai là duyên nơi pháp. Ba là không duyên. BỒ-tát an xử nơi tất cả ba tụ chúng sinh xong, chúng sinh hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, do muốn tạo an lạc nên khởi tưởng vui tạo lợi ích để tu tâm từ, đủ khắp tất cả chúng sinh trong mười phương trụ nơi tưởng ý giải, đó gọi là BỒ-tát dùng tâm từ duyên nơi chúng sinh. Nếu BỒ-tát khởi tưởng pháp số, đối với chúng sinh theo pháp số hành quán tu tâm từ, đó gọi là tâm từ duyên nơi pháp. Nếu lại đối với pháp là các vọng tưởng để tu tâm từ, đó gọi là tâm từ không duyên. Như tâm từ duyên nơi chúng sinh, duyên nơi pháp, không duyên, thì các tâm bi, hỷ, xả cũng như vậy.

Nếu BỒ-tát đối với chúng sinh khổ, khởi tưởng trừ khổ, đủ khắp cả mười phương để tu tâm bi, đó gọi là bi.

Đối với chúng sinh an lạc khởi tưởng lạc tùy hỷ, đủ khắp cả mười phương để tu tâm hỷ, đó gọi là hỷ.

Như vậy ba loại chúng sinh không khổ không vui, tùy theo thứ lớp khởi tưởng xa lìa si, sân, tham, đủ khắp cả mười phương để tu tâm xả, đó gọi là xả.

Nếu BỒ-tát hành bốn vô lượng như từ v.v..., duyên nơi chúng sinh cùng với ngoại đạo, hoặc duyên nơi pháp cùng với Thanh văn, Duyên giác, không phải cùng với ngoại đạo. Nếu BỒ-tát hành vô lượng không duyên, thì không cùng với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo. Nếu BỒ-tát hành ba vô lượng, nên biết là thuộc về tưởng lạc, đó là từ, bi, hỷ. Một vô lượng thuộc về tưởng an, đó là xả. Tất cả vô lượng gọi là thương xót. Thành tựu vô lượng ấy gọi là BỒ-tát thương xót.

Bồ-tát quán sát cảnh giới chúng sinh có một trăm mười thứ khổ để tu tâm bi. Thế nào là một trăm mười thứ khổ? Có một thứ khổ: Nghĩa là tất cả chúng sinh đều rơi vào tập khổ, vì tập khổ không có sai biệt.

Lại có hai thứ khổ: (1) Căn bản dục nơi sự ái niệm do biến dịch sinh khổ. (2) Khổ báo của ngu si, cực khổ xúc chạm thân nên nói: Ta khổ. Ta khổ! Ngu si lo buồn cũng gọi là hai mũi tên là thân thọ, tâm thọ.

Lại có ba thứ khổ: (1) Khổ khổ. (2) Hành khổ. (3) Biến dịch khổ (Hoại khổ).

Lại có bốn thứ khổ: (1) Hội hợp biệt ly khổ theo ái biệt ly sinh. (2) Đoạn khổ theo chủng loại chết mất sinh. (3) Tương tục khổ theo vô lượng sinh tử, lần lượt nối tiếp sinh. (4) Chung cuộc khổ theo không đắc Niết-bàn, năm thịnh ảm sinh.

Lại có năm thứ khổ: (1) Triền dục duyên khổ. (2) Triền sân duyên khổ. (3) Triền si duyên khổ. (4) Triền thù miên duyên khổ. (5) Triền hối trạo duyên khổ.

Lại có sáu thứ khổ: (1) Nhân khổ do dựa nơi nhân của nẻo ác. (2) Quả khổ do sinh vào nẻo ác. (3) Cầu tài vật khổ. (4) Giữ gìn khổ. (5) Không đầy đủ khổ. (6) Hư hoại khổ.

Lại có bảy thứ khổ: (1) Sinh khổ. (2) Lão khổ. (3) Bệnh khổ. (4) Tử khổ. (5) Oán ghét phải gặp nhau khổ. (6) Thương yêu phải xa lìa khổ. (7) Cầu mong không được khổ.

Lại có tám thứ khổ: (1) Lạnh khổ. (2) Nóng khổ. (3) Đói khổ. (4) Khát khổ. (5) Không tự tại khổ. (6) Tự tạo khổ: Nghĩa là như ngoại đạo Ni-kiền v.v... (7) Người khác làm khổ: Nghĩa là như kẻ kia dùng tay, đá, đao, gậy, hoặc mòng muỗi gậy khổ. (8) Trụ lâu trong oai nghi khổ.

Lại có chín thứ khổ: (1) Tự mình không đầy đủ, khổ. (2) Người khác không đầy đủ, khổ. (3) Quyền thuộc không đầy đủ, khổ. (4) Của cải vật dụng không đầy đủ, khổ. (5) Không bệnh không đầy đủ, khổ. (6) Giới không đầy đủ, khổ. (7) Kiến giải không đầy đủ, khổ. (8) Hiện tại khổ. (9) Đòi khác khổ.

Lại có mười thứ khổ: (1) Thức ăn cần đầy đủ không đầy đủ khổ. (2) Thức uống cần đầy đủ không đầy đủ khổ. (3) Xe cộ không đầy đủ khổ. (4) Y phục không đầy đủ khổ. (5) Chuỗi ngọc không đầy đủ khổ. (6) Các thứ vật dụng không đầy đủ khổ. (7) Các vật dụng như tràng hoa, hương xoa không đầy đủ khổ. (8) Các thứ kỹ nhạc không đầy đủ khổ. (9) Các loại đèn sáng không đầy đủ khổ. (10) Người nam nữ đẽ sai khiến không đầy đủ khổ.

Khởi đầu khổ lại có chín thứ khổ khác: (1) Tất cả khổ. (2) Đại khổ. (3) Nhất thiết môn khổ. (4) Hành ác khổ. (5) Chuyển sinh khổ. (6) Không tùy dục khổ. (7) Trái hại khổ. (8) Tương tục khổ. (9) Nhất thiết chủng khổ.

Tất cả khổ: Nghĩa là nếu nhân trước đã khởi cùng khi chuyển duyên nơi khổ.

Đại khổ: Nghĩa là nơi đem dài sinh tử có đủ các thứ khổ lớn không gián đoạn.

Nhất thiết môn khổ: Nghĩa là luân chuyển nơi hoặc địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nẻo thiện.

Hành ác khổ: Nghĩa là hoặc đời nay xâm phạm người, bị người trở lại báo mình. Hoặc ăn thức ăn độc khiến thân không an. Như vậy là các thứ do tự thân hiện tạo trở lại thọ nhận khổ. Nếu trụ nơi số đông không chánh tư duy, tức sinh tất cả các phiền não khổ, thân khẩu và tâm tạo nhiều hành ác, nơi đời vị lai sinh khổ của hành ác.

Chuyên sinh khổ có sáu sự việc luân chuyển nơi sinh tử không khởi quyết định: Là tự thân bất định, tức như trước làm vua, sau trở lại nghèo khổ. Vợ con bất định. Nô tỳ sai khiến bất định. Bạn bè, đại thần, thân thuộc bất định: Nghĩa là nay làm vợ con, cho đến đại thần, thân thuộc, vào thời gian sau, nơi đường sinh tử, trở lại làm kẻ oán hại, tri thức ác. Tài vật không quyết định: Nghĩa là ở trong sinh tử có của cải vô lượng, nhưng về sau thì rất nghèo khổ.

Không tùy dục khổ: Nghĩa là muốn được sống lâu, không ưa thích chết yểu, sinh khổ nào. Muốn được đoan nghiêm không thích xấu xí, sinh khổ nào. Muốn được tộc họ cao quý, không ưa thích hạng thấp kém, sinh khổ nào. Muốn được tự tại, không ưa thích nghèo cùng, sinh khổ nào. Muốn được lực lớn, không ưa thích lực ít, sinh khổ nào. Muốn được nhiều trí tuệ, không ưa thích ngu si, sinh khổ nào. Muốn hàng phục những kẻ kia, không ưa thích không bằng họ, sinh khổ nào.

Trái hại khổ: Nghĩa là tại gia vợ con giảm nên khổ. Xuất gia phiền não tăng nên khổ. Đói thiếu khổ. Dao binh khiến sợ hãi nên khổ. Sợ hãi nơi chốn hoang vu, hiểm ác nên khổ. Các chi phần nơi thân không đủ, khổ. Giết trói cắt xẻ đánh đập, khổ. Đuổi đi khỏi nơi ở, khổ.

Tương tục khổ có chín thứ, trong đây không nói.

Nhất thiết chúng khổ có năm thứ như trước đã nói. Năm thứ vui trái nhau với khổ. Nghĩa là (1) Nhân khổ. (2) Thọ khổ. (3) Lạc đối trị khổ. (4) Thọ khổ không dứt, xuất gia xa lìa tịch diệt nơi Bồ-đề an lạc đối trị. (5) Dục giới không phải nhà hòa hợp, tướng giác phàm phu khổ. Đó gọi là năm thứ khổ.

(Đối chiếu với quyển 44 nơi Luận Du Già Sư Địa, đoạn này - cũng như rất nhiều đoạn khác, bản Hán dịch ở đây đều dịch không sát, không rõ, dịch sai. ND)

Lại có năm thứ khổ: (1) Bức bách khổ. (2) Vật dụng không đầy đủ khổ. (3) Bốn đại tăng tổn khổ. (4) Mất chỗ ham muốn khổ. (5) Ba cõi phiền não nhiễm ô khổ. Đó gọi là năm thứ khổ.

Năm thứ này và năm thứ trước hợp nói là mười thứ nhất thiết chủng khổ.

Trước là năm mươi lăm thứ, đây có năm mươi lăm thứ, tức tổng cộng có một trăm mười thứ khổ. Cảnh giới bi của Bồ-tát này, duyên vào đây nên tâm bi sinh, tu tập tăng trưởng, thành tựu đầy đủ.

Đối với khối khổ lớn kia, duyên nơi mười tám thứ khổ sinh tâm đại bi. Những gì là mười tám thứ khổ? Nghĩa là khổ do quả báo của ngu si. Hành khổ. Chỗ gồm thâu rớt ráo khổ. Nhân khổ. Sinh khổ. Tự tạo tác khổ. Bị người khác bức bách khổ. Người khác tạo tác khổ. Giới ác khổ. Kiến ác khổ. Nhân gốc khổ. Đại khổ. Địa ngục khổ. Khổ thuộc về nẻo thiện. Tất cả tánh khổ. Không trí khổ. Tăng trưởng khổ. Thọ khổ. Cấu uế khổ.

Lại nữa, có bốn hành bi gọi là đại bi: Một là duyên nơi các khổ vi tế sâu xa khó nhận biết của chúng sinh kia nên khởi tâm bi. Hai là nuôi lớn lâu xa trong trăm ngàn kiếp, ân cần tu tập, phát khởi tỏ ngộ về duyên sinh. Ba là Bồ-tát tùy theo sự phát khởi tỏ ngộ kia, nhập nơi tâm bi. Vì khiến chúng sinh vĩnh viễn xa lìa các khổ, nên xả bỏ trăm ngàn thân mạng, hưởng gì là một thân, cùng các thứ của cải vật dụng. Bốn là đều có thể chịu thay tất cả thứ khổ, xuất ly vui tịnh. Nghĩa là Bồ-tát nơi địa cứu cánh, Bồ-tát thanh tịnh và Như Lai, địa Như Lai thanh tịnh.

Lại nữa, Bồ-tát đối với một trăm mười thứ khổ này, tu tập tâm bi, tức là tu tập tất cả tâm bi của Bồ-tát, tức có thể mau chóng đạt được tâm bi thanh tịnh, nhập địa tâm tịnh. Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tướng rất gần gũi, tướng ái niệm, tướng muốn vì họ nên tạo tác, tướng không chán mệt, tướng thọ nhận khổ thay, tướng hành tác

tự tại, tâm bi như khổ để không gián đoạn v.v... Đệ tử của Phật thâm nhập rốt ráo theo tâm chán lia, nối tiếp sinh. Nghĩa là tâm bi của Bồ-tát, trước hành quán một trăm mười thứ đại khổ chứa nhóm. Bồ-tát tu tập tâm bi như vậy, đối với sự việc trong ngoài, không có một chút vật nào là không lia bỏ, không có một luật nghi nào là không thâm giữ, không có một người nào là không tạo lợi ích, không an nhẫn, không có một tinh tấn nào là không dũng mãnh, không có một thiền định nào là không chánh thọ, không có một trí tuệ nào là không thể hội nhập. Nếu có người hỏi Phật, trụ nơi những trụ xứ nào gọi là Bồ-tát, thì nên chính thức đáp là trụ nơi đại bi. Bi là một tâm vô lượng như trước đã nói. Trong các vô lượng, bi là vô lượng tối thượng, tích tụ, gồm thâm vô số quả ái, vô số hạnh, hoàn toàn là thuần thiện không có tội lỗi. Như vậy, tu tập đầy đủ vô lượng có bốn công đức lợi lạc. Tu vô lượng này, trước hết được hiện trụ pháp lạc bậc nhất, vô lượng công đức thâm nhận đầy đủ, tăng trưởng. Tâm tịnh kiên cố đối với Bồ-đề vô thượng. Vì chúng sinh nên ở trong sinh tử chịu thay tất cả khổ cho các chúng sinh.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 17: BỒ ĐỀ PHẦN, phần 1

Thế nào là Bồ-tát có đủ hổ, thẹn? Lược nêu có hai thứ: Một là tự tánh. Hai là chốn nương dựa.

Bồ-tát hành hạnh vô tội, tự nhận biết phi pháp, bên trong tự xấu hổ, đó gọi là hổ (tàm). Do phi pháp này, nên đối với người khác sinh lo sợ, hổ thẹn cung kính, đó gọi là thẹn (quý).

Lại, Bồ-tát hổ thẹn, tánh tự chuyên tinh, hướng gì lại còn tu tập. Đó gọi là tự tánh hổ thẹn của Bồ-tát.

Chôn nương dựa nói tóm lược có bốn thứ: Nếu đối với việc nên làm, không thuận theo để kiến lập tức sinh hồ thẹn, đó gọi là chôn nương dựa thứ nhất. Việc không nên làm, lại tùy thuận kiến lập tức sinh hồ thẹn, đó gọi là chôn nương dựa thứ hai. Nếu làm ác lại che giấu nên sinh hồ thẹn, đó gọi là chôn nương dựa thứ ba. Nếu tự khởi nghi hối, có thể tự diệt trừ lại sinh hồ thẹn, đó gọi là chôn nương dựa thứ tư. Hết thảy gọi là chôn nương dựa.

Thể nào là lực bất động của Bồ-tát? Lược nêu có hai thứ: Một là tự tánh. Hai là chỗ nương dựa.

Có thể đoạn trừ tâm nhiễm ô, không khiến cho tất cả phiền não mặc sức sinh khởi, an nhẫn nơi các khổ, các thứ tài sản lợi lộc, các thứ lo sợ, tu tập chánh phương tiện nhưng không nghiêng động, tánh tự nhẫn nhục độ lượng, tánh có thể tư duy, nên không động. Đó gọi là tự tánh nơi lực bất động.

Lại nữa, lực bất động của Bồ-tát, lược nêu có năm thứ bất động: Một là vô số các thứ khổ luân chuyển có thể mau chóng trừ diệt. Hai là đối tượng hóa độ là vô số chúng sinh tạo các hành ác, vì những chúng sinh ấy nên Bồ-tát nơi đêm dài sinh tử luôn thọ nhận khổ để giáo hóa. Ba là hàng phục các thứ dị luận. Bốn là vì các đại chúng nên tùy thuận thuyết pháp. Năm là diễn nói pháp thắng diệu sâu xa, có thể khiến Bồ-tát thọ trì đầy đủ tất cả giới cấm.

Thể nào là tâm Bồ-tát luôn không chán mệt? Có năm nhân duyên tu chánh phương tiện nhưng không chán mệt: Một là Bồ-tát tánh tự có lực nên không chán mệt. Hai là đối với sự không chán mệt thường xuyên tu tập nên không chán mệt. Ba là tinh tấn dũng mãnh thuộc về phương tiện, tự quán trước sau, sự tu tập chuyển thắng nên không chán mệt. Bốn là thành tựu tư duy, trí tuệ thông sâu nên không chán mệt. Năm là đối với các chúng sinh khởi tâm bi sâu xa, luôn thương xót bình đẳng nên không chán mệt.

Thế nào là Bồ-tát khéo nhận biết về các Luận? Bồ-tát này đối với năm minh xứ, danh thân, cú thân, vị thân, đã được nghe từ người khác đều thâm nhận đầy đủ, tụng tập thông suốt. Theo người nghe nghĩa đều khéo có thể suy lường. Như vậy là Bồ-tát nhận biết pháp nhận biết nghĩa, đối với pháp, nghĩa đã thọ nhận đều không quên. Người chưa tu tập dần dần tăng tiến, văn, tư rốt ráo, thứ tự thành thực được tâm hỷ tịnh. Bồ-tát hành trì như vậy đầy đủ vô lượng, khéo nhận biết các Luận không hề điên đảo.

Thế nào là Bồ-tát khéo nhận biết về thế gian? Bồ-tát này đối với thế gian của chúng sinh hiểu biết rõ như thật. Đó là các việc sinh, già, chết, chết cõi này sinh nơi cõi kia. Những chúng sinh ấy đối với sinh tử đã xuất ly, Bồ-tát đều nhận biết rõ như thật.

Lại nữa, đối với thế gian của chúng sinh, vào lúc đời ô trược tăng lên, đều nhận biết rõ như thật. Lúc lìa đời ô trược tăng lên, cũng nhận biết rõ như thật. Gọi là năm trược, tức: Một là mạng trược. Hai là chúng sinh trược. Ba là phiền não trược. Bốn là kiến trược. Năm là kiếp trược. Đời nay thọ mạng của con người ngắn, tối đa chỉ trăm tuổi. Đó gọi là mạng trược. Nếu các chúng sinh không biết về cha mẹ, không biết về các Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tông tộc tôn trưởng, không tu nghĩa lý, không làm việc đáng làm, không sợ quả báo của nghiệp ác nơi của đời nay đời sau, không tu huệ thí, không tạo công đức, không tu trai pháp, không trì giới cấm. Đó gọi là chúng sinh trược. Nếu chúng sinh này tăng trưởng phi pháp tham, bày khắp các thứ đao kiếm, gậy gộc, binh khí v.v... kiện tụng gây gổ, dua nịnh lừa gạt, nói dối, thâm nhận pháp tà, lại còn sinh khởi các pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là phiền não trược. Nếu nơi đời này, pháp hoại pháp diệt, tượng pháp dần khởi, pháp tà chuyên sinh. Đó gọi là kiến trược. Nếu kiếp đói khát đầy khởi, kiếp bệnh tật đầy khởi, kiếp đao binh đầy khởi. Đó gọi là kiếp trược. Như thế gọi là Bồ-tát nhận biết về thế gian của chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát đối với khí thể gian, hoặc thành hoặc hoại đều nhận biết rõ như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với thể gian khổ, thể gian tập, thể gian diệt, thể gian tập diệt đạo, thể gian vị, thể gian họa, thể gian xuất ly đều nhận biết rõ như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với mắt và sắc cùng với sắc do bốn đại sinh, gọi là sĩ phu, thân gọi là người, không có loại thứ ba. Nói tướng ngã, chúng sinh, không có tướng thứ ba. Nói mắt ta thấy sắc, cho đến ý ta nhận biết pháp, đều là ngôn thuyết. Thường nói tướng lão này, sinh như vậy, tánh như vậy, ăn như vậy, biết khổ biết vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, những thứ ngôn thuyết sai biệt như thế, tất cả đều nhận biết như thật.

Bồ-tát đối với thể gian của chúng sinh và khí thể gian này, dùng tám hành quán sát về nghĩa của thể gian, nghĩa đệ nhất của thể gian đều nhận biết rõ như thật. Đó gọi là nhận biết về thể gian.

Lại nữa, nếu Bồ-tát thấy các bậc Thượng tọa và các vị có công đức thù thắng thì tôn trọng nghênh tiếp, bày tòa mời ngồi, chấp tay cung kính lễ bái thưa hỏi. Những bậc niên đức như mình thì thưa đáp đứng đảnh, lời nói dịu dàng an ủi, không khởi kiêu mạn, lường tính đây kia. Hàng niên đức kém mình, tùy lực khuyến dụ, khen thật đức của họ, vì họ che thật tội, không khiến hổ thẹn sinh tâm thoái mất, không khởi tâm khinh miệt. Nếu thấy chúng sinh cầu pháp, cầu tài vật, Bồ-tát không quay mặt, không bực bội, nét mặt luôn hoan hỷ, không cười kẻ kia thiếu thốn, thấy kẻ kia tổn hại không khởi tâm khinh chê. Nếu thấy tất cả người cùng là hàng thượng, trung, hạ, trước nên hỏi thăm, vấn an, khen ngợi, nói lời lành thay, tùy theo chỗ luôn khéo thích hợp. Tùy theo sức, có thể dùng tài pháp gồm thâu, không đua nịnh, không tự coi trọng, không tự cao, không tự đại, không vì chỗ thêm cao để tự khoe điều lạ. Đối

với các người thân thuộc, tất cả đều nên cấp thí, trọn không từ bỏ, hoặc bệnh hay không bệnh. Nghiệp thân khẩu ý tùy thuận cùng tạo sự gần gũi, làm thiện tri thức, lia các oán đối. Đối với chúng sinh cô độc, nghèo cùng không nơi chốn che chở, nương dựa tùy theo năng lực có thể làm chỗ nương dựa cho họ. Không đem buồn khổ tăng thêm cho chúng sinh. Nhân duyên khởi sự, việc đáng vui cười, như pháp vui cười, không gì là không như pháp. Không đem hình, tên của người khác để nói đùa, cho đến chuyện thân mật cũng không nên nói. Ở chỗ người khác, không nên sân hận lâu, tuy còn giận kẻ kia nhưng không nên nêu lỗi lầm của họ. Nếu bị người khác dùng thân khẩu hủy nhục, có thể khéo tư duy, dùng pháp tự cởi mở, tự xét lỗi của mình khiến tâm không loạn động, nghiệp thân khẩu ý luôn lượng xét cho việc làm về sau. Xa lia mười bốn nghiệp cấu uế, đó là che giấu sáu phương, xa lia bốn bạn ác, thân giữ bốn bạn thiện, như nơi kinh đã nói rộng. Hiện nghĩa pháp lạc, tiền tài đầy đủ, lực siêng năng đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, đem tâm chánh mạng tạo các sự nghiệp công xảo ở thế gian, không quanh co, không giả tạo, không lừa dối, luôn có hổ thẹn, hành hạnh vô tội, oai nghi đầy đủ, oai nghi thận trọng. Được thân thuộc của người khác nhận gởi vật gì thì không xâm phạm. Nếu mang nợ của người thì trọn không chống đối. Phân chia tiền của phải nên bình đẳng không thiên vị. Nếu là vật báu đích thật, người chủ tạo tướng giả thì dựa theo thật để cho giá. Quyết đoán việc thế gian, luôn biện biệt đúng đắn, nhanh khéo. Nếu những kẻ kia tạo tác, tìm đến thỉnh cầu, đều cho đồng sự, trọn không lui bỏ, có thể tùy theo chỗ hỏi đáp, vì sự nghiệp chân chánh, không vì không chân chánh. Nếu làm quốc vương dùng pháp trị đời, không hành phi pháp, không ưa trách phạt. Đối với các thứ giới ác, lấy giới để kiến lập, thành tựu tám thứ ngôn ngữ của bậc Hiền Thánh. Thấy thì nói thấy. Nghe hiểu nhận biết thì nói nghe hiểu nhận biết. Không nghe, không thấy, không

hiểu, không biết thì nói không nghe không thấy không hiểu không biết. Bò-tát thành tựu những pháp như vậy, như thế gian nhận biết, như thế gian chuyển biến, đều hiểu rõ như thật. Đó gọi là nhận biết về thế gian.

Thế nào là Bò-tát tu tập bốn thứ nương dựa? Bò-tát này vì nghĩa nên theo người khác nghe pháp, không phải vì vị. Vì nghĩa nên nghe pháp không vì vị: Nghĩa là nếu nghe thế gian nói không khéo léo thì Bò-tát nương vào nghĩa, cũng chuyên tâm nghe.

Lại nữa, Bò-tát đối với các thứ thuyết giảng ngầm thuyết giảng rõ đều nhận biết đúng như thật, biết chỗ nên nương dựa, không vì Thượng tọa biết nhiều, hoặc Phật hoặc Tăng, nương dựa như vậy nơi các người thuyết pháp, chỗ nương dựa như thế là không nên dựa nơi người. Đối với nghĩa chân thật tâm không dao động, có thể tự hiểu rõ không do nơi người khác.

Lại nữa, Bò-tát đối với Đức Như Lai luôn tín sâu thanh tịnh, hoàn toàn tin nhận lời Như Lai thuyết giảng, dựa nơi kinh liễu nghĩa không dựa theo kinh không liễu nghĩa. Dựa nơi kinh liễu nghĩa: Là đối với pháp luật này không thể hủy hoại. Kinh không liễu nghĩa: Là dùng vô số môn thuyết nhưng không quyết định, nên có nghi vấn. Nếu Bò-tát đối với kinh liễu nghĩa, tạo sự không quyết định, thì đối với pháp luật ấy có thể bị hủy hoại.

Lại nữa, Bò-tát tu tuệ được kiên cố, không do văn tự để nhận biết nghĩa của các pháp mà dùng tu tuệ nhận biết. Cho nên nghe Đức Như Lai giảng nói về nghĩa pháp sâu xa bậc nhất, không khởi hủy báng. Đó gọi là Bò-tát tu tập bốn thứ nương dựa.

Thành tựu như vậy, lược nêu có bốn thứ: Hiện thị vô lượng nghĩa ấy đầy đủ, bậc Đại sư tu tuệ đã nhận biết, tất cả bốn thứ nương dựa là phương tiện bình đẳng, Bò-tát đối với đạo xuất yếu nơi bốn thứ nương dựa thấy đều thông tỏ không bị mê hoặc.

Thế nào là Bồ-tát hành bốn tuệ vô ngại? Đối với tất cả pháp, tất cả chương câu, như nơi thật thể của nó, là đối tượng nhận biết của tu tuệ, không ngại, không lầm. Đó gọi là pháp vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả tướng, như nơi thật thể của nó, tu tuệ đều nhận biết, không ngại, không lầm. Đó gọi là nghĩa vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả danh xứ, như nơi thật thể của nó, tu tuệ đều nhận biết, không ngại, không lầm. Đó gọi là từ vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả loại phân biệt, như nơi thật thể của nó, là đối tượng nhận biết của tu tuệ, đều không ngại, không lầm. Đó gọi là lạc thuyết vô ngại.

Bồ-tát đạt bốn vô ngại như vậy, tức được năm xứ vô lượng thiện xảo. Đó là âm thiện xảo, giới thiện xảo, nhập thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, xứ phi xứ thiện xảo. Theo bốn hành này, Bồ-tát đối với tất cả pháp có thể tự giác ngộ, vì người khác hiển bày. Ngoài đây ra thì không có hành nào khác có thể tự giác ngộ, huống gì là hiển bày cho người khác.

Thế nào là Bồ-tát hành đầy đủ Bồ-đề? Nên biết có hai thứ: Một là đầy đủ công đức. Hai là đầy đủ trí tuệ. Hai thứ đầy đủ này, nói rộng như trong phẩm Tự lợi lợi tha. Lại, công đức trí tuệ đầy đủ, thì Bồ-tát ở nơi A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất gọi là hạ, A-tăng-kỳ kiếp thứ hai gọi là trung, A-tăng-kỳ kiếp thứ ba là thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phần đạo thuộc về Đại thừa? Bồ-tát này nương nơi bốn phương tiện tuệ vô ngại thuộc về trí, đối với ba mươi bảy phần đạo, nhận biết rõ như thật nhưng không thủ chứng. Các thứ phương tiện của thừa Bồ-tát ấy cũng nhận biết như thật. Đó là phương tiện của thừa Thanh văn, phương tiện của Đại thừa. Phương tiện của thừa Thanh văn nhận biết như thật, như trong địa Thanh văn đã nói.

Thế nào là Bồ-tát đối với phương tiện của Đại thừa nhận biết rõ như thật về ba mươi bảy phẩm? Bồ-tát này trụ nơi thân quán thân, không đối với thân khởi vọng tưởng về thân. Cũng không phải tất cả là không phải tánh, ở nơi thân kia lia tự tánh của ngôn thuyết, nhận biết rõ như thật. Đó gọi là ở nơi thân quán thân niệm xứ đệ nhất nghĩa. Nếu Bồ-tát quán thể đế, thuận theo phương tiện của vô lượng xứ, nhận biết thân quán thân niệm xứ. Như thân quán thân niệm xứ, các niệm xứ và đạo phẩm khác cũng lại như vậy.

Những pháp như thân v.v... không vọng tưởng quán khổ, hoặc vọng tưởng quán tập, cũng không ở nơi đoạn khởi vọng tưởng diệt, cũng không ở chỗ nhân đạt được khởi vọng tưởng đạo, lia tự tánh của ngôn thuyết. Pháp khổ, pháp tập, pháp diệt, pháp đạo, đều nhận biết rõ như thật. Nương vào đệ nhất nghĩa này tu phần đạo, đó gọi là tu đế. Nếu Bồ-tát tùy thuận nơi vô lượng xứ phương tiện của thể đế, gọi là duyên nơi đế để tu. Nếu Bồ-tát kia đối với pháp này nhận biết như thật, không khởi vọng tưởng, đó gọi là Chỉ. Cùng nhận biết như thật về đệ nhất nghĩa kia và nhận biết pháp của vô lượng xứ phương tiện, đó gọi là Quán. Lược nêu về chỉ của Bồ-tát có bốn hành: Một là đệ nhất nghĩa. Hai là trí tiền hành của tục số. Ba là không hành tất cả vọng tưởng hư giả. Bốn là đối với pháp vô ngôn vô tướng này, không khởi vọng tưởng, tâm được tịch tĩnh, tất cả các pháp đều đồng một vị. Bốn hành như vậy, Bồ-tát nơi chỉ khởi cho đến rốt ráo là tri kiến của Như Lai. Lược nêu về quán của Bồ-tát có bốn hành: Nghĩa là bốn hành này phát khởi trí tuệ, đó gọi là quán. Trí tuệ lia tất cả pháp có không, tùy theo vô lượng pháp quán phân biệt xứ. Đối với bốn hành này, Bồ-tát khởi quán, cho đến rốt ráo là tri kiến của Như Lai. Đó gọi là lược nêu về chỉ quán của Bồ-tát.

Thế nào là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát? Lược nêu có mười hai thứ: Vì bên trong khởi pháp Phật có sáu thứ. Vì bên ngoài thành thực chúng sinh có sáu thứ.

Thế nào là bên trong khởi pháp Phật có sáu thứ phương tiện thiện xảo? Một là tâm bi của Bồ-tát luôn nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh. Hai là tất cả các hành đều nhận biết rõ như thật. Ba là cầu đạt trí Bồ-đề vô thượng. Bốn là nương vào sự nhớ nghĩ đến chúng sinh khiến lìa bỏ sinh tử. Năm là dựa nơi các hành đã nhận biết như thật, đem tâm không nhiễm luân chuyển nơi sinh tử. Sáu là dựa vào việc cầu đạt trí tuệ Phật nên luôn tinh tấn dững mãi. Đó gọi là bên trong khởi pháp Phật có sáu thứ phương tiện thiện xảo.

Thế nào là bên ngoài thành thực chúng sinh có sáu thứ phương tiện thiện xảo? Một là Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, dùng ít căn thiện khởi vô lượng quả. Hai là dùng ít phương tiện khởi vô lượng căn thiện. Ba là đối với chúng sinh hủy hoại pháp Phật, Bồ-tát dứt trừ mọi sự hại dữ của họ. Bốn là ở trong chúng sinh khiến họ nhập pháp Phật. Năm là đối với chúng sinh đã nhập pháp Phật đều khiến được thành thực. Sáu là đã thành thực rồi thì khiến được giải thoát. Đó gọi là bên ngoài thành thực chúng sinh có sáu thứ phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát có thể dùng ít căn thiện để đạt được vô lượng quả? Là Bồ-tát này giáo hóa các chúng sinh căn trí thấp kém, đem một ít của cải vật dụng bố thí nơi ruộng phước bậc hạ, cho đến đem một nắm bột gạo rang bố thí cho súc sinh, thí rồi hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng, do diệu lực của hồi hướng nên được vô lượng quả.

Thế nào là Bồ-tát dùng ít phương tiện phát khởi vô lượng căn thiện? Bồ-tát này thấy có chúng sinh tu trai giới theo pháp tà để cầu giải thoát, nên vì họ giảng nói tám pháp trai giới của Hiền Thánh, là phương tiện đoạn trừ khổ, là pháp không rớt ráo, trao truyền một ít phương tiện được quả trai giới lớn.

Lại nữa, có chúng sinh theo tà kiến hành thân khổ để cầu giải thoát, Bồ-tát vì họ giảng nói trung đạo, khiến lìa hai biên, giải thoát rớt ráo.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh cầu sinh nơi cõi trời, theo phương tiện tà kiến, như hành các thứ khổ: Nhảy xuống từ núi cao, gieo mình vào hầm lửa, không ăn v.v... Bồ-tát vì họ diễn nói chánh pháp thiên định, để trụ nơi hiện pháp lạc, đời sau sinh lên cõi trời, như pháp thọ lạc.

Lại nữa, hoặc thấy chúng sinh tụng tập ngoại điển cầu được thanh tịnh, Bồ-tát nên đem chánh pháp của Đức Phật khiến họ tụng tập, tư duy về nghĩa. Lại giảng nói về kinh điển thâm diệu của Như Lai, hiển bày đầy đủ pháp tương ưng với không. Người kia nghe rồi, sinh tâm chán lìa, chuyên tinh tịnh tín, ở trong khoảng một niệm có thể gồm thu vô lượng căn thiện rộng lớn, hưởng gì là thứ lớp tụng niệm liên tục không bỏ.

Lại nữa, Bồ-tát lãnh hội tư duy khởi tướng tịnh diệu, liền đem hương hoa vật báu của thế gian cúng dường Tam bảo, cũng chỉ dạy người khác khởi tâm tướng cúng dường.

Lại nữa, tịnh tâm như vậy hiện bày khắp nơi hết thảy thế giới trong mười phương, cúng dường Tam bảo sinh tâm tùy hỷ, cũng chỉ dạy người khác khiến sinh tùy hỷ.

Lại nữa, Bồ-tát thường tu niệm Phật cho đến niệm Thiên, cũng chỉ dạy người khác khiến tu sáu niệm. Bồ-tát hành chánh niệm, chấp tay cung kính, tùy thời cúng dường hết thảy Tam bảo, cũng chỉ dạy người khác tu pháp cúng dường như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả công đức của tất cả chúng sinh đều cùng tùy hỷ, cũng chỉ dạy người khác khởi tâm tùy hỷ như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh nhập tâm bi rộng lớn, đều muốn chịu thay tất cả các khổ, cũng chỉ dạy người khác khởi tâm đại bi ấy.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả những gì đã phạm trong quá khứ, hiện tại, nên đem tâm chân thật tùy thuận cầu giới tịnh, hướng đến

chư Phật trong mười phương chí thành sám hối, cũng chỉ dạy người khác sám hối tội lỗi như thế. Bồ-tát thường sám hối các tội đã phạm của mình như thế, dùng ít phương tiện nhưng đối với tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát.

Lại nữa, Bồ-tát tạo đủ vô lượng các thứ biến hóa, ở chỗ chúng sinh cùng nơi chốn của Phật Pháp Tăng trong tất cả mười phương, vô lượng thần thông tha tâm tự tại, Bồ-tát thâm giữ những công đức thiết yếu.

Lại nữa, Bồ-tát tu từ bi hỷ xả, cũng chỉ dạy người khác tu theo.

Đó gọi là Bồ-tát dùng ít phương tiện, sinh quả báo rộng lớn là vô lượng căn thiện.

HẾT - QUYỂN 7

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 8
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT
Phẩm thứ 17: BỒ ĐỀ PHẦN, phần 2

Thế nào là Bồ-tát đối với kẻ hủy hoại pháp Phật dứt trừ sự bạo hại ấy? Người còn do dự khiến họ nhập pháp Phật. Người đã vào khiến thành thực. Người đã thành thực khiến được giải thoát.

Bồ-tát này đối với bốn thứ thành thực chúng sinh đó, nên biết về phương tiện thiện xảo, lược nêu có sáu thứ: Một là tùy thuận. Hai là cần lập. Ba là dị tướng. Bốn là bức bách. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh.

Phương tiện thiện xảo tùy thuận của Bồ-tát: Nghĩa là Bồ-tát này muốn vì chúng sinh thuyết pháp, trước tiên các hành của thân, khẩu phải dịu dàng hòa nhã, dùng bố thí để tạo tùy thuận, tự xả bỏ sân hận. Trừ sân hận rồi, kẻ kia sinh ái kính ưa muốn nghe pháp, sau đó mới vì họ theo chỗ thích hợp thuyết giảng pháp, dễ nhập dễ hiểu, khi giảng nói có thứ tự, chân lý không đảo lộn, dùng nghĩa tạo lợi ích vì họ nói pháp nhân. Theo các câu hỏi đáp để điều phục chúng sinh, lợi ích đệ nhất là thành tựu sự thương xót. Hoặc dùng thần lực thị hiện tha tâm để vì họ thuyết pháp. Hoặc thỉnh người khác, khiến hiện hóa đủ các thứ để điều phục chúng sinh. Hoặc có khi lược nói về nghĩa tạo lợi ích thì cũng vì họ phân biệt bàn rộng.

Hoặc gặp phân luận rộng lớn, thì cũng có thể vì họ lược nêu, dạy trao khiến họ tụng rồi tùy ý vẫn nạn. Họ đã thọ tụng, thì vì họ nói rộng về nghĩa, dùng tất cả duyên nơi môn Tam-muội giải thoát tùy thuận truyền dạy, tùy theo sự khuyên bảo để thâm giữ chúng sinh, khiến họ hành theo nghĩa, khiến các chúng sinh ấy, đối với các kinh tương ưng với nghĩa không, vô cùng sâu xa vi diệu, do Đức Như Lai giảng nói, nhận biết về diệu chỉ. Trong kinh kia nói: Pháp lìa tự tánh và lìa các sự việc, không khởi không diệt, như hư không, như huyễn, như mộng. Người không hiểu nghĩa nghe thì sợ hãi, hủy báng kinh sâu xa kia cho là không phải do Phật giảng nói. Bỏ-tát vì chúng sinh ấy nên có phương tiện thiện xảo để tùy thuận, đối với diệu chỉ của Như Lai nơi kinh sâu xa kia, nên tùy thuận nơi nghĩa, phân biệt giải nói để thâm giữ họ. Tùy thuận như vậy là vì các chúng sinh kia nên nói: Kinh ấy không nói tất cả đều không thật có, chỉ nói tự tánh của ngã là không là không thật có. Đó gọi là lìa tự tánh, lìa ngôn thuyết.

Có sự việc dựa vào ngôn ngữ thì sự việc chuyên, thế nên ngôn thuyết có tự tánh, cũng không phải là đệ nhất nghĩa có tự tánh kia, vì vậy nói ngôn thuyết lìa tất cả sự. Tự tánh của ngôn thuyết từ xưa đến nay, tất cả đều không thật có, vậy thì sao có sinh có diệt? Do đó nên nói không sinh không diệt. Ví như hư không có vô số các thứ sắc và các sắc nghiệp đều được dung nạp, nên hư không kia làm chỗ nương dựa. Nghĩa là hư không dung nạp đủ các hành qua lại, đi đứng, co duỗi, cúi ngửa. Lại như trừ bỏ sắc và sắc nghiệp kia, đã cho đó là phần tự tánh vô sắc, gọi là hư không thanh tịnh. Như hư không là xứ sắc cùng sắc nghiệp chuyên, lìa sự ngôn thuyết, thì vô số các loại ngôn thuyết, vọng tưởng hư giả tùy chuyên được thiết lập cũng lại như vậy.

Lại như hư không dung nạp sắc cùng sắc nghiệp, pháp lìa ngôn thuyết, dung nạp vọng tưởng cũng lại như vậy. Nếu Bỏ-tát dùng trí

tuệ, trừ bỏ tất cả ngôn thuyết đã khởi, các thứ vọng tưởng tà hoặc, các thứ hư giả chuyển biến, tức Bồ-tát này dùng Thánh trí đệ nhất lia sự ngôn thuyết, tự tánh của tất cả ngôn thuyết là chẳng phải tánh, như hư không thanh tịnh, cũng không phải là hư không kia lần lượt có tự tánh khác. Vì thế tất cả các pháp ví như hư không, ví như huyễn, không như sự có, cũng chẳng phải tất cả đều không là sự huyễn. Như vậy tất cả pháp không như ngôn thuyết, người ngu si chấp có. Cũng không phải tất cả đều không thật có, vì tự tánh của đệ nhất nghĩa là lia ngôn thuyết. Phương tiện như vậy nhập phi hữu cũng phi vô. Do vậy nhận biết như huyễn nên nói như huyễn. Như thế, Bồ-tát đối với tất cả pháp giới, không lấy không bỏ, không tăng không giảm, cũng không có chỗ hủy hoại, đều nhận biết rõ như thật. Như những gì đã biết, vì người khác hiển bày. Đó gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận của Bồ-tát.

Thế nào là phương tiện thiện xảo cần lập của Bồ-tát? Nếu có chúng sinh lại theo Bồ-tát cầu xin mười thứ vật dụng để tự sinh sống, thì vì họ Bồ-tát cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, các Sa-môn, Bà-la-môn, nói rộng như trên, cho đến thọ giới. Nếu có thể làm được như vậy thì ta sẽ thí cho ông. Như kẻ kia không thể thực hiện thì không thí cho. Những thứ thí cho như là ruộng, nhà, hàng quán, quan tước, cỗ nước, tiền tài, sáu loài súc vật (ngựa, bò, dê, gà, chó, lợn), kỹ thuật, phương thuốc. Hoặc kết hôn nhân, hoặc ăn uống không ăn uống, chỗ tạo tác đều đồng sự. Bấy giờ, Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ bố thí cho ông các thức ăn uống, cho đến đồng sự.

Lại nữa, nếu có chúng sinh phạm tội mưu nghịch, làm những việc không lợi ích, bị người khác bắt trói, cắt chặt, đánh đập, hủy nhục, quở trách, đuổi khỏi chức vụ, hoặc bị bắt giữ, bấy giờ Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu giúp khiến ông thoát khỏi các khổ nạn.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh bị những sự khùng bố do vua quan bạo ác, giặc cướp, nước lửa, người và phi nhân tạo nên, bấy giờ, Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu giúp khiến ông thoát khỏi những sự sợ hãi đó.

Lại nữa, hoặc có các chúng sinh vì yêu thương mà xa lìa, oán ghét lại cứ gặp gỡ nên sinh khổ não, bấy giờ Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ tạo phương tiện theo sở nguyện của ông.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh bị bệnh tật khôn khổ, bấy giờ Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ giúp ông khiến bệnh khổ được trừ.

Bồ-tát như vậy là đã cần lập những nêu bày rồi, khiến các chúng sinh kia mau chóng tu tập pháp thiện, xa lìa các ác, đạt được theo chỗ mong muốn. Đó gọi là phương tiện thiện xảo cần lập của Bồ-tát.

Thế nào là theo phương tiện thiện xảo hiện dị tướng của Bồ-tát? Nếu Bồ-tát cùng với chúng sinh đã cần lập lời nêu bày rồi, nhưng các chúng sinh kia không thuận theo điều yêu cầu, thì như trên đã hứa, Bồ-tát cũng không bố thí cho họ. Vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy, nên Bồ-tát không phải là không muốn ban cho, để dứt trừ các nạn sợ hãi và các bệnh khổ. Bồ-tát ái niệm hòa hợp, không thương yêu biệt ly, vì hóa độ các chúng sinh ấy, nên tất cả đều buông bỏ. Hiện rõ tướng quyết định như vậy, không phải do thật tâm có niệm buông bỏ. Điều chính yếu dần dần khiến đoạn trừ pháp bất thiện, kiến lập pháp thiện. Hoặc lại có chúng sinh không cần mong muốn, cũng không có các nạn, cho đến không bệnh, nhưng cùng với Bồ-tát trước là thân quen, thì tùy chỗ thích hợp để khuyên dẫn, khiến tu tập pháp thiện, đó là cúng dường cha mẹ cho đến trì giới. Nếu chúng sinh ấy không theo lời chỉ dạy của Bồ-tát, bấy giờ Bồ-tát mới hiện tướng giận dữ, quả trách. Vì hóa độ người nên tâm không sân hận, đối với các việc đã làm đều hiện trái khác, vì để hóa độ các chúng sinh ấy, không phải

thật sự là chống trái. Hoặc hiện thêm các việc không lợi ích cho kẻ kia là nhằm hóa độ, không phải là thật tâm của Bồ-tát. Bồ-tát theo phương tiện hiện bày dị tướng này, nhằm khiến cho chúng sinh tu các pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện. Đó gọi là theo phương tiện thiện xảo hiện dị tướng của Bồ-tát.

Thế nào là phương tiện thiện xảo hiện sự bức bách của Bồ-tát? Nếu Bồ-tát làm chủ, làm vua, đối với quyền thuộc của mình nên chỉ dạy như vậy: Nếu quyền thuộc của ta có người không cúng dường cha mẹ, cho đến phạm giới, ta sẽ dứt bỏ mọi sự cung cấp, hoặc tăng thêm xử phạt, cho đến là đuổi đi. Bồ-tát lập một người nam luôn làm việc dò xét, các chúng sinh kia do sợ hãi nên siêng tu pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện, các kẻ kia tuy không vui, vì cưỡng ép khiến tu. Đó gọi là phương tiện thiện xảo hiện sự bức bách của Bồ-tát.

Thế nào là phương tiện thiện xảo hành báo ân của Bồ-tát? Nếu Bồ-tát trước đối với chúng sinh bố thí các phần ân huệ, hoặc bố thí của cải vật dụng, hoặc cứu độ các nạn, hoặc cứu giúp những sợ hãi, hợp chỗ nhớ nghĩ, lia chỗ không nhớ nghĩ, cứu chữa các bệnh, khiến được an vui. Chúng sinh biết ân, muốn báo đáp đức ấy, bấy giờ Bồ-tát khiến họ tu thiện, không cần đem các thứ của cải, lợi dưỡng nơi thế gian để đền đáp. Người báo đáp lớn nhất là nên biết cúng dường cha mẹ, cho đến trì giới. Người cầu báo ân khiến kẻ thọ ân hành thiện. Đó gọi là phương tiện thiện xảo hành báo ân của Bồ-tát.

Thế nào là phương tiện thiện xảo hành thanh tịnh của Bồ-tát? Bồ-tát trụ nơi địa Cứu cánh, hành đạo Bồ-tát thanh tịnh, sinh nơi cõi trời Đâu suất. Chúng sinh nghĩ: Bồ-tát tên là v.v... sinh lên cõi trời Đâu suất, không lâu sẽ sinh xuống châu Diêm-phù-đề, sẽ thành bậc Như Lai Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, khiến ta yêu thích, chớ khiến không vui thích sinh nơi xứ kia. Ta cũng theo đây để sinh. Vô lượng chúng sinh vui thích tu nguyện này.

Lại nữa, Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất hạ sinh nơi thế gian, hoặc sinh nơi cung vua, hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn, xả bỏ những hoan lạc thượng diệu, xuất gia học đạo, khiến các chúng sinh lìa bỏ kiêu mạn. Lại ở nơi cội cây, sáu năm khổ hạnh, khiến những chúng sinh khác tin khổ hạnh, đoạn trừ tín lạc.

Lại nữa, đã thành đạo quả Bồ-đề vô thượng, khiến các chúng sinh khác tin lạc kiên cố, cùng cầu Phật đạo. Lại thành Phật rồi, im lặng đợi thỉnh, vì khiến chúng sinh kính trọng chánh pháp. Phạm thiên khuyến thỉnh sau đó mới giảng nói. Lại dùng Phật nhãn quán sát thế gian, chớ khiến chúng sinh khởi lời phỉ báng, chỉ là do lực khuyến thỉnh của Phạm thiên, không phải Đức Như Lai do đại bi nên thuyết pháp. Vì trừ diệt các chúng sinh thâm nhận điều tà, nên chuyển chánh pháp luân, các thế gian khác chưa từng chuyển cũng chế lập giới luật. Đó gọi là phương tiện thiện xảo hành thanh tịnh của Bồ-tát.

Phương tiện thiện xảo như vậy là trọn vẹn không gì hơn. Đó gọi là sáu thứ phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, nói rộng nói lược. Chúng sinh hủy hoại pháp, nhằm diệt trừ sự bạo hại kia, người còn do dự khiến nhập pháp Phật. Người nhập rồi khiến cho thành thực. Người thành thực rồi thì khiến được giải thoát, là hoàn toàn vô thượng. Đó gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Thế nào là Đà-la-ni của Bồ-tát? Lược nêu có bốn thứ: Một là pháp Đà-la-ni. Hai là nghĩa Đà-la-ni. Ba là chú thuật Đà-la-ni. Bốn là đặc nhãn Đà-la-ni của Bồ-tát.

Thế nào là pháp Đà-la-ni? Là Bồ-tát đạt được lực trí tuệ nhớ nghĩ, như thế đối với danh cú vị thân chưa từng được nghe, chưa từng tu tập, thì theo thứ lớp trang nghiêm, thứ lớp ứng hợp, nên vô lượng chương cú, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là nghĩa Đà-la-ni? Như trước đã nói, nơi vô lượng nghĩa lý sâu xa của các pháp này, chưa từng đọc tụng chưa từng tu tập, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là chú thuật Đà-la-ni? Là Bồ-tát đã được sức Tam-muội như thế, dùng chương cú của chú thuật để đoạn trừ khổ hoạn cho chúng sinh, thần nghiệm bậc nhất, vô số các thứ tai họa đều khiến tiêu diệt.

Thế nào là đặc nhãn Đà-la-ni của Bồ-tát? Là Bồ-tát tinh tấn tu tập, nhân đầy sinh khởi trí tuệ, một mình ở xứ tịch tĩnh, im lặng ít nói, cũng không du hành, ăn uống đều biết lượng, không ăn quá nhiều thứ, thường ăn một bữa, tư duy thiền định, ngủ nghỉ ít, tỉnh giác nhiều, đối với điều Đức Như Lai giảng nói, đặc chú thuật nhãn của Bồ-tát. Đó là y trí, mật trí, cát chỉ tỉ, sẵn đề bà đại tấp ba ha. Đối với các nghĩa của chương cú nơi chú thuật này nên lượng xét quán sát. Chương cú của chú thuật như thế, chánh tư duy như thế, như nghĩa ấy hãy còn không tự nghe, sao có sở đắc. Như chương cú của chú thuật, nghĩa không thể thủ đắc, tức là không có nghĩa. Các nghĩa như vậy gọi là vô nghĩa, thế nên cũng không có nghĩa khác để có thể cầu, như vậy gọi là khéo lãnh hội về câu nghĩa của chú thuật. Người khéo lãnh hội câu nghĩa của chú thuật, lấy nghĩa như vậy đem so sánh, nhận biết được nghĩa của tất cả các pháp, thấy đều khéo nhận biết, không phải được nghe từ người khác. Lại nhận biết tất cả ngôn thuyết, tự tánh của tất cả các pháp, nghĩa không thể thủ đắc. Do nghĩa của tự tánh vô ngôn thuyết như thế, tức nhận biết nghĩa tự tánh của tất cả các pháp. Đó gọi là nghĩa tối thắng của đệ nhất nghĩa được hoan hỷ tối thượng. Bồ-tát này đắc xứ chú thuật của Đà-la-ni ấy gọi là đặc nhãn của Bồ-tát. Người đặc nhãn này, không lâu sẽ được tâm tịnh nơi nhãn của địa giải hành tăng thượng. Đó gọi là Bồ-tát đặc nhãn Đà-la-ni của bậc Bồ-tát.

Do pháp Đà-la-ni, nghĩa Đà-la-ni kia, Bồ-tát này đã vượt qua A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, được nhập địa tâm tịnh, chỗ đạt được tất định bất động, tối thắng tối diệu. Nếu chỗ đạt được chỉ nửa chừng, hoặc nhân nơi nguyện lực, hoặc lực thiền định, thì không trụ không định, cũng không thắng diệu. Như pháp, nghĩa Đà-la-ni, thì chú thuật

Đà-la-ni cũng như vậy. Đắc nhãn Đà-la-ni của Bồ-tát, như trước đã nói. Như vậy, tất cả Đà-la-ni phải gồm đủ bốn công đức mới có thể đạt được, chẳng phải là không đầy đủ. Những gì là bốn? Một là không hành tập ái dục. Hai là không ganh ghét chỗ hơn của kẻ khác. Ba là đối với tất cả chỗ cầu đạt đều bình đẳng bố thí không hời. Bốn là ưa thích pháp, ưa thích sâu xa tạng Bồ-tát và tạng Ma-đắc-lặc-già.

Thế nào là nguyện của Bồ-tát? Lược nêu có năm thứ: Một là nguyện phát tâm. Hai là nguyện sinh. Ba là nguyện cảnh giới. Bốn là nguyện bình đẳng. Năm là nguyện lớn.

Bồ-tát kia khi mới phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, đó gọi là nguyện phát tâm. Nguyện nơi đời vị lai vì chúng sinh nên sinh theo nẻo thiện, đó gọi là nguyện sinh. Nguyện chánh quán các pháp, vô lượng các căn thiện, tư duy về cảnh giới, đó gọi là nguyện cảnh giới. Nguyện nơi đời vị lai khéo gồm thâm sự việc của hết thầy Bồ-tát, đó gọi là nguyện bình đẳng. Nguyện lớn tức là nguyện bình đẳng.

Lại nói mười thứ nguyện lớn: Một là nguyện đem tất cả các thứ cúng dường vô lượng chư Phật. Hai là nguyện hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật. Ba là nguyện thông đạt chánh pháp của chư Phật. Bốn là nguyện sinh nơi cõi trời Đâu suất, cho đến Bát Niết-bàn. Năm là nguyện làm tất cả thứ hành chân chánh của Bồ-tát. Sáu là nguyện thành thực tất cả chúng sinh. Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có thể hiện hóa. Tám là nguyện tất cả Bồ-tát nhất tâm theo phương tiện đem Đại thừa để hóa độ. Chín là nguyện tất cả chánh phương tiện đều không ngăn ngại. Mười là nguyện thành Chánh giác Vô thượng.

Thế nào là Tam-muội Không của Bồ-tát? Bồ-tát lìa tự tánh của tất cả ngôn thuyết, quán tự tánh là vô ngôn thuyết nên tâm trụ. Đó gọi là Tam-muội Không.

Thế nào là Tam-muội Vô nguyện của Bồ-tát? Bồ-tát đối với sự việc nơi tự tánh vô ngôn thuyết, do tà kiến vọng tưởng đã khởi phiền

não, như lỗi lầm của thường kiến khổ kia, nên ở đời vị lai không nguyện trụ tâm. Đó gọi là Tam-muội Vô nguyện.

Thế nào là Tam-muội Vô tướng của Bồ-tát? Bồ-tát đối với sự việc nơi tự tánh vô ngôn thuyết, lia tất cả vọng tưởng, diệt trừ tướng hư giả, quán sát như thật, tâm trụ vắng lặng. Đó gọi là Tam-muội Vô tướng.

Do những gì nên nói ba Tam-muội không tăng không giảm? Do có hai thứ: Hữu và vô hữu. Hữu vi, vô vi gọi là hữu. Vô ngã, vô ngã sở gọi là vô hữu. Đối với hữu của hữu vi không nguyện không tùy thuận, nên lập Tam-muội Vô nguyện. Đối với Niết-bàn vô vi, nguyện vui thích thâm nhận, nên lập Tam-muội Vô tướng. Lại đối với các sự việc này chẳng phải là nguyện, chẳng phải là không nguyện, nhưng nơi hữu, chẳng hữu, kiến cho là kiến, nên lập Tam-muội Không. Bồ-tát tu ba Tam-muội này, nhận biết như thật về sự kiến lập như vậy, hoặc có hành khác đều nhập nơi môn ba Tam-muội. Đó là chỗ tu học, hành trì của hàng Thanh văn.

Có bốn pháp Ưu-đàn-na (Tự thuyết). Chư Phật, Bồ-tát vì muốn khiến cho chúng sinh được thanh tịnh nên giảng nói. Những gì là bốn? Một là tất cả hành vô thường là pháp Ưu-đàn-na. Hai là tất cả hành khổ là pháp Ưu-đàn-na. Ba là tất cả pháp vô ngã là pháp Ưu-đàn-na. Bốn là Niết-bàn tịch diệt là pháp Ưu-đàn-na. Chư Phật, Bồ-tát đầy đủ pháp này, lại đem pháp ấy truyền trao cho chúng sinh, đó gọi là Ưu-đàn-na. Quá khứ vắng lặng, các bậc Mâu-ni lần lượt cùng truyền, đó gọi là Ưu-đàn-na. Dũng xuất tăng thượng, cho đến xuất sinh đầy đủ hữu thứ nhất, đó gọi là Ưu-đàn-na.

Thế nào là Bồ-tát quán tất cả hành vô thường? Bồ-tát quán tự tánh ngôn thuyết của tất cả hành là luôn không thể thủ đắc. Hoặc lại không nhận biết về sự vô ngôn thuyết chân thật, nên có sinh có diệt. Nếu Bồ-tát quán tự tánh vô ngôn thuyết nơi hết thảy hành là vô

thường. Quán hành quá khứ không sinh không diệt, hành ấy cũng không nhân, cũng không tự tánh có thể thủ đắc, thế nên cũng không nhân, cũng không tự tánh. Quán hành hiện tại không sinh không diệt, nhân kia không thủ đắc nhưng cho quả, nên tự tánh có thể thủ đắc, do đây quán tự tánh là không nhân. Quán hành vị lai không sinh không diệt, nhân kia có thể thủ đắc nhưng không cho quả, nên không có tự tánh, vì thế quán nhân là không tự tánh. Như vậy thấy phần đoạn của ba đời lúc các hành nối tiếp chuyển, mỗi mỗi sát-na của hành có ba hữu vi, là tướng hữu vi, nơi sau sát-na có bốn tướng hữu vi. Tự tánh của các hành tướng trước kia hoại. Tiếp theo, tự tánh của hành tướng chưa từng hiện bày giờ thì khởi, gọi là sinh. Khởi rồi chưa hoại gọi là trụ. Nhớ nghĩ về tự tánh của hành tướng diệt ở trước, hành tướng ấy đã khởi tướng dị kia, dị gọi là lão. Vì thế sau sát-na sinh, tự tánh của hành tướng khởi kia hoại gọi là diệt. Nếu quán hành tướng của tự tánh khởi, tướng sinh, trụ, lão của tự tánh kia không có tự tánh khác, do đó sau sát-na tự tánh của hành tướng như vậy là diệt. Như thế, quán như thật về các hành tướng như sinh v.v..., bốn tướng hữu vi này lược nêu có hai thứ: hữu tánh và vô tánh. Đức Như Lai do khởi nên lập tướng hữu vi thứ nhất. Do tự tánh nên lập tướng hữu vi thứ hai. Do các hành trụ, lão nên lập tướng hữu vi thứ ba. Bồ-tát kia quán hành hữu vi có sai biệt, chẳng phải sinh, chẳng phải trụ, chẳng phải lão, chẳng phải hoại, tất cả thời riêng có sự khởi. Vì sao? Vì các hành sai biệt khi khởi, lại không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Khi các hành sai biệt trụ, lão, hoại, cũng không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Bồ-tát quán như thật, nghĩa là không có các sự việc riêng như sinh v.v... có thể thủ đắc. Nếu có thể thủ đắc thì lìa các hành như sắc v.v... nên riêng có sinh. Các hành như sắc v.v... tự tánh khởi, thì sắc kia cũng nên khởi. Nếu như vậy tức nên có hai sinh là hành sinh và sinh sinh. Nếu có hành sinh và sinh sinh, thì hoặc là một hoặc là khác. Nếu là một nhưng cho là riêng có sinh thì không kia là vô nghĩa. Còn nếu riêng có sinh, thì sự việc này không

đúng. Nếu là khác, thì hành sinh kia không phải là cùng sinh được tạo nên. Hành sinh cùng sinh được tạo nên thì việc này không đúng. Như sinh, thì trụ, lão cũng như vậy. Nếu tự tánh của pháp có hoại thì việc kia nên sinh diệt. Nếu khi hoại sinh, thì tất cả hành nên liền diệt, như nhập chánh thọ diệt tận, do thiếu phương tiện nên tâm, tâm số pháp diệt. Hoặc khi hoại diệt, thì tất cả hành kia nên sinh, nhưng do hoại nên không có. Nói hoại có sinh diệt, thì sự việc này không đúng. Thiện nam, thiện nữ kia, tất cả thời thường có tự tánh, nghĩa là không nên có chán lia. Lia dục giải thoát do khác nên như vậy. Vì sự việc này, Bồ-tát đối với tất cả hành vô thường, nên nhận biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả các hành vô thường khi nối tiếp chuyển, quán ba tướng khổ là hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả hành khổ đều nhận biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với các pháp hữu vi, vô vi, vô ngã, vô ngã sở đều nhận biết như thật, tức chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã. Chúng sinh kia vô ngã: Nghĩa là pháp có chẳng phải là chúng sinh. Là pháp có cũng chẳng phải là chúng sinh. Pháp vô ngã: Nghĩa là tất cả sự ngôn thuyết cũng không có pháp của tự tánh ngôn thuyết. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp vô ngã đều nhận biết như thật.

Lại nữa, nhân của tất cả hành khởi đã đoạn rất ráo, các diệt rất ráo khác gọi là Bát Niết-bàn, phiền não vắng lặng, các khổ dứt hẳn, Bồ-tát chưa nhập địa tâm tịnh, Thanh văn chưa thấy đế, đối với Niết-bàn tác tướng ý giải, nói là Niết-bàn tịch diệt, nên biết những thứ như thế là không có được tri kiến của Niết-bàn chân thật, chỉ có chánh tư duy. Ví như quốc vương, trưởng giả giàu có vô lượng, vì các con nên tạo ra những dụng cụ vui chơi, như xe hươu, xe bò, xe ngựa, xe voi v.v... Các người con kia hoan hỷ yêu thích, tạo ra những tướng chân thật về các đồ chơi như xe hươu, bò, ngựa, voi. Khi người cha nhận biết con mình đã dần khôn lớn, thì vì các con nói thật về hươu, bò, ngựa, voi. Các người con cho là cha mình đã khen ngợi về voi ngựa.

Thời gian sau, biết con mình chuyên lớn, sắp ra khỏi nhà, người cha chỉ voi ngựa thật, các con thấy thật rồi tức biết về các thứ voi ngựa thật kia, biết chắc cha mình thường khen nói, không phải như chúng trước đã vui nghĩ, những thứ vui chơi ngày trước không phải là voi ngựa thật. Như vậy, các hành đợc xem là nhà cửa, Bồ-tát chưa trụ địa tâm tịnh, Thanh văn chưa kiến đế như các đồng tử kia. Chư Phật, Như Lai và Bồ-tát nhập đại địa đã thấy rõ về Niết-bàn, vì Bồ-tát và các Thanh văn kia tán thán nói về Niết-bàn. Chư vị đã nghe rồi, tùy vào chỗ giảng nói để lãnh hội. Nếu các Bồ-tát kia dần dần học phẩm đạo đầy đủ, nhập địa tịnh tâm và Thanh văn kiến đế, thì đối với Niết-bàn sinh tri kiến hiện có. Như vậy, chư Phật, Bồ-tát đã khen ngợi về Niết-bàn, không như ý tưởng nơi trí tuệ tối kém của chúng ta đã hiểu. Chỗ khởi tưởng của chúng ta là tương tự chẳng phải là thật, đối với chỗ hiểu biết của các Ngài sinh tâm hồ thẹn, nương vào tri kiến sau. Ví như người bệnh gặp được thầy thuốc giỏi vì để trị bệnh nên nói về thuốc theo bệnh. Các người bệnh kia nếu đã quen với thuốc này liền khởi tin hiểu, ưa thích thuốc ấy, do đó lành bệnh. Nếu lại khởi bệnh khác, nên uống thứ thuốc khác, thầy thuốc chỉ dẫn nên bỏ thuốc trước để uống thuốc này, các người bệnh kia do tin nơi thuốc trước nên không chịu xả bỏ, thầy thuốc phải tìm mọi cách khiến họ uống loại thuốc sau. Như vậy, Bồ-tát trụ nơi địa tâm tịnh, Thanh văn thấy đế, đối với các bệnh phiền não, chư Phật Như Lai, Bồ-tát trụ nơi đại địa, vì họ thuyết pháp: pháp thượng, pháp tối thượng, pháp thâm diệu, pháp thâm diệu tối thượng, pháp thù thắng, pháp thù thắng tối thượng, thầy đều chỉ dạy trao truyền khuyên răn. Bồ-tát nhập nơi địa tâm tịnh, Thanh văn kiến đế, nghe lời Phật giảng nói, tin nhận không nghi, nương vào lời Như Lai chỉ dạy về pháp thừa đầy đủ, khéo có thể điều phục, du hóa nơi đạo bình đẳng, nhanh chóng hướng đúng đến Niết-bàn vô dư.

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ NHẤT

Phẩm thứ 18: CÔNG ĐỨC CỦA BỒ TÁT

Bồ-tát học đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, có năm pháp đặc biệt chưa từng có. Những gì là năm? Một là đối với các chúng sinh không có nhân duyên nhưng khởi ái niệm. Hai là vì các chúng sinh nên thọ nhận vô lượng khổ. Ba là đối với các chúng sinh có nhiều phiền não dấy khởi mạnh khó giáo hóa, Bồ-tát luôn tạo phương tiện để điều phục. Bốn là nhập nơi nghĩa chân thật khó lãnh hội bậc nhất. Năm là nhập nơi diệu lực thần thông không thể nghĩ bàn. Như vậy, pháp đặc biệt chưa từng có là không cùng chung với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát có năm sự việc không phải là đặc biệt, có thể trở thành pháp đặc biệt chưa từng có. Một là vì nhằm tạo an lạc cho chúng sinh nên thọ nhận nhân khổ, vì thọ nhận nhân khổ nên được thọ an vui. Hai là nhận biết lỗi lầm xấu ác của sinh tử, công đức của Niết-bàn, có nhớ nghĩ đến chúng sinh tịnh, không tự mình thọ vui, vì chúng sinh tịnh nên thọ nhận các sinh tử. Ba là tu tập lạc tịnh mặc, có nhớ nghĩ về chúng sinh tịnh, không tự thọ vui, vì chúng sinh tịnh nên diễn nói chánh pháp. Bốn là tu căn thiện là sáu Ba-la-mật, có nhớ nghĩ đến chúng sinh tịnh, không tự thọ nhận vui, vì chúng sinh tịnh nên không xả bỏ tất cả chúng sinh, cũng không xả bỏ quả báo. Năm là việc của người, việc của mình, tất cả như thể đều vì tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát có năm sự việc, đối với tất cả chúng sinh, tâm luôn bình đẳng: Một là mới phát tâm nguyện, vì hết thấy chúng sinh, tâm luôn bình đẳng. Hai là tu tập tâm đại bi, luôn thể hiện tâm thương xót, tâm ấy luôn bình đẳng. Ba là đối với hết thấy chúng sinh, khởi tưởng là con một, ái niệm luôn kết hợp tâm ấy bình đẳng. Bốn là xem xét các hành duyên khởi của tất cả chúng sinh, pháp của một chúng sinh

cũng là pháp của tất cả chúng sinh, tùy thuận tất cả chúng sinh tâm ấy bình đẳng. Năm là như vì hành của một chúng sinh, thì đối với tất cả chúng sinh cũng như vậy, tâm tạo lợi ích luôn kết hợp, tâm ấy bình đẳng.

Bồ-tát có năm sự việc tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh: Một là nói việc tạo lợi ích của chánh mạng. Hai là người không tùy thuận thì nói pháp tùy thuận tạo lợi ích. Ba là những người cô độc nghèo khổ không chỗ nương dựa, vì họ làm chỗ nương dựa để tạo lợi ích. Bốn là người hướng về nẻo thiện, vì họ giảng nói đạo tạo lợi ích. Năm là vì người của ba Thừa giảng nói lợi ích của ba Thừa.

Bồ-tát có năm sự việc gọi là báo ân của chúng sinh: Một là tự thành tựu công đức. Hai là khuyên người khác khiến họ thành tựu. Ba là vì những chúng sinh cô độc khổ sở nghèo khó không nơi nương dựa, vì họ làm chỗ nương dựa. Bốn là cúng dường Như Lai. Năm là đối với pháp Đức Phật đã giảng nói, tức nên hoặc đọc tụng, hoặc biên chép, hoặc cúng dường.

Bồ-tát hành đạo Bồ-đề thường cầu năm việc: Một là thường nguyện mong chư Phật xuất hiện ở đời. Hai là được ở nơi trụ xứ của chư Phật nghe, lãnh hội sáu Ba-la-mật và tặng Bồ-tát. Ba là có thể hành trì tất cả các thứ để thành thực chúng sinh. Bốn là có thể hành trì đạo vô thượng để thành thực chúng sinh. Năm là chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, A duy tam Bồ-đề, Bồ-đề Thanh văn, hòa hợp với Thanh văn.

Bồ-tát có năm sự việc tạo phương tiện chân thật đem lại lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát này trước muốn tạo an vui cho chúng sinh, đối với sự an vui kia nhận biết như thật, không hiểu biết điên đảo, như nơi Phạm Cúng Dường Tập Cận Vô Lượng ở trước đã nói.

Bồ-tát có năm thứ phương tiện gồm thấu tất cả chánh phương tiện: Một là phương tiện tùy hộ. Hai là phương tiện vô tội. Ba là

phương tiện của lực tư duy. Bốn là phương tiện tâm tịnh. Năm là phương tiện quyết định.

Phương tiện tùy hộ có năm thứ: Một là hộ tuệ sáng, được trí câu sinh nên có thể nhanh chóng thọ nhận pháp. Hai là hộ niệm, nhớ nghĩ giữ gìn pháp. Ba là hộ trí, là được trí kiên cố, quán xét nghĩa của pháp. Do hộ tuệ sáng, hộ niệm và hộ trí nên lìa phần thoái chuyển, tu phần thắng tấn. Bốn là hộ tự tâm, là giữ gìn các căn môn. Năm là hộ tha tâm, là tùy thuận tâm người khác.

Phương tiện vô tội: Nghĩa là đối với các pháp thiện không điên đảo, sáng rõ vô lượng, thường tu hồi hướng nơi Bồ-đề.

Phương tiện của lực tư duy: Nghĩa là hiểu rõ về hành địa.

Phương tiện tâm tịnh: Nghĩa là địa tâm tịnh có đầy đủ hành địa.

Phương tiện quyết định: Nghĩa là hành địa quyết định của địa quyết định nơi địa cứu cánh.

Đó gọi là năm thứ phương tiện gồm thấu tất cả chánh phương tiện.

Bồ-tát nơi phần thoái chuyển có năm sự việc: Một là không cung kính pháp và người giảng nói pháp. Hai là phóng dật, biếng nhác. Ba là hành tập các phiền não và các hành ác. Bốn là nêu xét chỗ đồng với mình cùng các Bồ-tát khác để khởi tăng thượng mạn. Năm là đối với pháp điên đảo khởi tăng thượng mạn.

Bồ-tát nơi phần thắng tấn có năm sự việc, tức cùng với năm sự việc nơi phần thoái chuyển ở trên, theo thứ lớp trái nhau, gọi là phần thắng tấn.

Bồ-tát có năm sự việc lỗi lầm tương tự như công đức của Bồ-tát: Một là đối với người hung ác và phạm giới, không đem tâm từ tạo lợi ích. Hai là hiện bày oai nghi quanh co, dua nịnh. Ba là nói các việc thế tục và kinh luận của ngoại đạo, cho là trí tuệ được sinh có thể

tự tư duy. Bốn là hành trì căn thiện như bồ thí v.v... nhưng theo nẻo có tội. Năm là diễn nói kiến lập pháp giống như công đức.

Bồ-tát có năm sự việc là công đức chân thật của Bồ-tát: Một là đối với người hung ác và người phạm giới, khởi tâm bi thù thắng. Hai là thành tựu đầy đủ oai nghi chân thật. Ba là đối với lời Như Lai giảng nói trí tuệ được sinh có thể tự tư duy. Bốn là hành trì căn thiện như bồ thí v.v... hoàn toàn không tội. Năm là diễn nói chánh giáo, hủy bỏ pháp tương tợ.

Bồ-tát điều phục chúng sinh có mười thứ, gọi là điều phục đúng đắn. Những gì là mười? Là lìa các triền, lìa phiền não, phân biệt giới ác.

Bồ-tát có sáu sự việc được Đức Như Lai thọ ký Bồ-đề vô thượng: Một là chủng tánh chưa phát tâm. Hai là đã phát tâm. Ba là hiện tiền. Bốn là không hiện tiền. Năm là thời lượng, thời định chúng đắc Bồ-đề vô thượng. Sáu là thời không lượng, thời không định được thọ ký.

Bồ-tát có ba thứ quyết định: Một là chủng tánh gọi là quyết định. Vì sao? Vì có thể làm duyên, nên quyết định đạt quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng có chướng ngại. Hai là quyết định phát tâm Bồ-đề vô thượng, từ không thể cho đến không thoái chuyển để đạt đến Bồ-đề vô thượng. Ba là đắc diệu lực tạo lợi ích cho chúng sinh, như chỗ mong muốn, như chỗ tạo tác, như đầy đủ không hư giả, do quyết định sau cùng kia nên được Đức Như Lai quyết định thọ ký.

Bồ-tát luôn tạo năm thứ lực, thế nên chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng: Một là phát tâm đầu tiên. Hai là thương xót chúng sinh. Ba là làm sáng rõ. Bốn là tinh tấn. Năm là đối với tất cả minh xứ tạo phương tiện không chán.

Bồ-tát có năm sự việc thường tu tập: Một là thường không phóng dật. Hai là đối với các chúng sinh cô độc, khổ sở nghèo thiếu,

vì họ làm chỗ nương dựa. Ba là cúng dường Như Lai. Bốn là trì giới, có phạm liền nhận biết. Năm là các việc đã tạo tác, hành trì, nhớ nghĩ, tất cả đều hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát có mười pháp là những pháp tối thắng bậc nhất của Bồ-tát: Một là chủng tánh của Bồ-tát là thù thắng đối với các chủng tánh khác. Hai là mới phát tâm là thù thắng đối với tất cả chánh nguyện. Ba là tinh tấn, trí tuệ là thù thắng so với các Ba-la-mật khác. Bốn là lời nói dịu dàng là thù thắng so với các nhiếp sự khác. Năm là Như Lai là thù thắng đối với các chúng sinh. Sáu là đại bi hơn hẳn các vô lượng khác. Bảy là thiền thứ tư hơn hẳn các thiền khác. Tám là Tam-muội không hơn hẳn các Tam-muội khác. Chín là chánh thọ diệt tận hơn hẳn các chánh thọ khác. Mười là phương tiện thiện xảo thanh tịnh hơn hẳn các phương tiện thiện xảo khác.

Bồ-tát có bốn thứ thiết lập chân chánh. Thiết lập chân chánh như vậy là Đức Như Lai giảng nói, chẳng phải là từ nơi các hàng trời, người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn được nghe như vậy: Một là thiết lập pháp. Hai là thiết lập đế. Ba là thiết lập phương tiện. Bốn là thiết lập thừa.

Thiết lập pháp: Nghĩa là mười hai bộ kinh như Tu-đa-la v.v... theo thứ lớp diễn nói, theo thứ lớp kiên lập.

Thiết lập đế: Tức có một thứ, đó là Như thật nghĩa đế.

Lại có hai thứ: Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Lại có ba thứ: Tướng đế, Thuyết đế và Tác đế.

Lại có bốn thứ: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Lại có năm thứ: Nhân đế, Quả đế, Trí đế, Cảnh giới trí đế và Vô thượng đế.

Lại có sáu thứ: Thật đế, Hư vọng đế, Tri đế, Đoạn đế, Chứng đế và Tu đế.

Lại có bảy thứ: Vị đế, Hoạn đế, Ly đế, Pháp đế, Giải đế, Thánh đế và Phi Thánh đế.

Lại có tám thứ: Hành khổ đế, Khổ khổ đế, Hoại khổ đế, Sinh đế, Diệt đế, Cấu uế đế, Thanh tịnh đế, Chánh phương tiện đế.

Lại có chín thứ: Vô thường đế, Khổ đế, Không đế, Phi ngã đế, Hữu ái đế, Vô hữu ái đế, Đoạn phương tiện đế, Hữu dư Niết-bàn đế, Vô dư Niết-bàn đế.

Lại có mười thứ: Tụ tác khổ đế, Bản cùng khổ đế, Bốn đại tăng tồn khổ đế, Ái luyến khổ đế, Ô nhục khổ đế, Nghiệp khổ đế, Phiền não đế, Chánh tư duy đế, Chánh kiến đế, Chánh kiến quả đế.

Thiết lập phương tiện: Đó là bốn thứ phương tiện, như nơi Phẩm Lực Chứng Tánh ở trước đã nói.

Thiết lập thừa: Nghĩa là thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, Đại thừa. Mỗi mỗi thừa có bảy thứ thiết lập: Tuệ của bốn Thánh đế, tuệ như vậy hoặc dựa hoặc duyên theo các thứ hành nghiệp, tuệ như vậy hoặc quả. Bảy thứ này gọi là thiết lập thừa Thanh văn. Như thiết lập thừa Thanh văn, thì thừa Duyên giác cũng như thế. Lìa cảnh giới của ngôn thuyết, tất cả pháp như lia các vọng tưởng, tuệ bình đẳng, tuệ như vậy hoặc dựa hoặc duyên theo các thứ hành nghiệp, tuệ như thế hoặc quả. Bảy thứ ấy gọi là thiết lập Đại thừa. Quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả Bồ-tát đều đang thiết lập, đã làm, sẽ làm. Tất cả bốn thứ là rốt ráo không gì hơn.

Bồ-tát có năm thứ vô lượng, sinh khởi tất cả hành của phương tiện thiện xảo: Một là chúng sinh giới vô lượng. Hai là thế giới vô lượng. Ba là pháp giới vô lượng. Bốn là giới điều phục vô lượng. Năm là phương tiện điều phục vô lượng.

Sáu mươi một thứ chúng sinh gọi là chúng sinh giới. Như nơi thân của địa ý phân biệt tức có vô lượng.

Mười phương vô lượng gọi là thế giới vô lượng, như thế giới Ta-bà gọi là chủ Ta-bà.

Pháp thiện, bất thiện, vô ký phân biệt gọi là pháp giới vô lượng.

Điều phục có một thứ, là điều phục tất cả chúng sinh.

Lại có hai thứ: Một là có đủ trói buộc. Hai là không có đủ trói buộc.

Lại có ba thứ: Một là căn trí hạ. Hai là căn trí trung. Ba là căn trí thượng.

Lại có bốn thứ: Một là Sát lợi. Hai là Bà-la-môn. Ba là Tỳ-xá. Bốn là Thủ-đà

Lại có năm thứ: Một là tham dục. Hai là sân hận. Ba là ngu si. Bốn là kiêu mạn. Năm là giác quán (tâm tứ).

Lại có sáu thứ: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Ba là chưa thành thực. Bốn là đã thành thực. Năm là chưa giải thoát. Sáu là đã giải thoát.

Lại có bảy thứ: Một là người ác. Hai là người trung bình. Ba là người trí nhỏ. Bốn là người trí lớn. Năm là hiện tại điều phục. Sáu là vị lai điều phục. Bảy là tùy duyên điều phục. Nếu được duyên như thế tức hồi hướng như thế.

Lại có tám thứ: Là tám chúng Sát lợi, cho đến Bà-la-môn.

Lại có chín thứ: Một là Như Lai điều phục. Hai là Thanh văn, Duyên giác điều phục. Ba là Bồ-tát điều phục. Bốn là khó điều phục. Năm là dễ điều phục. Sáu là nói lời dịu dàng điều phục. Bảy là quả trách điều phục. Tám là điều phục xa. Chín là điều phục gần.

Lại có mười thứ: Một là địa ngục. Hai là súc sinh. Ba là ngạ quỷ. Bốn là trời, người ở cõi dục. Năm là trung âm. Sáu là sắc. Bảy là vô sắc. Tám là tướng. Chín là vô tướng. Mười là phi tướng phi phi tướng.

Đó là năm mươi lăm thứ phân biệt tức là vô lượng.

Chúng sinh giới và điều phục giới có gì sai biệt? Chúng sinh giới không phân biệt xứ chủng tánh của tất cả chúng sinh. Điều phục giới là xứ chủng tánh kia. Như vậy nơi xứ xứ kia, vô lượng phương tiện điều phục chuyển biến, như trong Phẩm Thành Thục ở trước đã nói, ở đó cũng có vô lượng thứ phân biệt.

Như vậy là theo thứ lớp nói năm thứ vô lượng. Vì sao? Do Bồ-tát này vì chúng sinh tu hành, thế nên nói vô lượng thứ nhất. Chúng sinh nơi xứ kia có thể thủ đắc, thế nên nói vô lượng thứ hai. Chúng sinh nơi các thứ thế giới kia, pháp phiền não, pháp thanh tịnh có thể thủ đắc, thế nên nói vô lượng thứ ba. Quán sát các chúng sinh ấy tùy theo khả năng có thể thoát khổ, thế nên nói vô lượng thứ tư. Cho đến phương tiện giải thoát khổ của chúng sinh, thế nên nói vô lượng thứ năm. Đó là năm thứ vô lượng sinh khởi tất cả phương tiện hành thiện xảo của Bồ-tát.

Bồ-tát có bốn thứ cầu, đối với tất cả pháp đều nhận biết như thật: Một là cầu danh. Hai là cầu sự. Ba là cầu thiết lập tự tánh. Bốn là cầu thiết lập sai biệt. Như trong Phẩm Chân Thật ở trước đã nói.

Bồ-tát có bốn sự việc, đối với tất cả pháp nhận biết như thật: Theo cầu danh nhận biết như thật. Theo cầu sự nhận biết như thật. Theo cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật. Theo cầu thiết lập sai biệt nhận biết như thật. Như trong Phẩm Chân Thật ở trước đã nói.

Chư Phật, Bồ-tát có năm sự việc, vì chúng sinh thuyết pháp được quả phước lợi lớn. Một là vì chúng sinh thuyết pháp sinh pháp nhãn lià cấu uế. Hai là vì chúng sinh thuyết pháp được các lậu dứt hết. Ba là vì chúng sinh thuyết pháp phát tâm Bồ-đề vô thượng. Bốn là vì chúng sinh thuyết pháp được nhẫn đệ nhất của Bồ-tát. Năm là vì chúng sinh thuyết pháp, nghe rồi thọ tụng, tu tập đầy đủ, khiến chánh pháp trụ lâu. Đó gọi là năm thứ thuyết pháp được quả phước lợi lớn.

Thế nào gọi là Đại thừa? Có bảy thứ Đại (lớn) nên gọi là Đại thừa: Một là pháp đại, nghĩa là mười hai bộ kinh, tạng Bồ-tát phương quảng là tối thượng tối đại. Hai là tâm đại, nghĩa là phát tâm Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Ba là giải đại, nghĩa là hiểu rõ về tạng Bồ-tát phương quảng. Bốn là tâm tịnh đại, nghĩa là vượt qua địa giải hành nhập nơi địa tâm tịnh. Năm là các vật dụng đại, nghĩa là các vật dụng của phước đức, các vật dụng của trí tuệ chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Sáu là thời gian đại, nghĩa là trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp mới chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Bảy là chứng đắc đại, nghĩa là chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thân không có gì sánh bằng, huống chi là vượt hơn.

Pháp đại, tâm đại, giải đại, tâm tịnh đại, vật dụng đại, thời gian đại: Sáu thứ đại này tức là nhân gieo trồng. Chứng đắc đại tức là xứ quả.

Bồ-tát có tám pháp gồm thâu tất cả sự thuyết giảng của tạng Bồ-tát thuộc Đại thừa. Nghĩa là tin Tạng Bồ-tát. Hiển bày nghĩa chân thật của tất cả pháp. Hiển bày tất cả thần lực thắng diệu đệ nhất không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát. Được văn tuệ, tư tuệ tư duy, dựa nơi văn tuệ, tư tuệ tư duy làm phương tiện đạt được tâm tịnh. Đạt được tâm tịnh làm phương tiện nhập hành tu tuệ. Nhập hành tu tuệ làm phương tiện đạt quả tu tuệ. Thành tựu quả tu tuệ như vậy là thành tựu sự xuất ly rốt ráo. Bồ-tát tu học như vậy, chứng đắc Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát tu học như thế, chứng đắc Bồ-đề vô thượng, lược nêu có mười thứ: Một là chủng tánh. Hai là nhập. Ba là chưa tịnh. Bốn là tịnh. Năm là chưa thành thực. Sáu là thành thực. Bảy là chưa định. Tám là định. Chín là một đời. Mười là thân sau cùng.

Chủng tánh là chưa được tâm tịnh. Phát tâm tu học gọi là nhập. Đã nhập nhưng chưa nhập địa tâm tịnh gọi là chưa tịnh. Nhập

địa tâm tịnh gọi là tịnh. Người tịnh, chưa nhập địa cứu cánh gọi là chưa thành thực. Nhập địa cứu cánh gọi là thành thực. Người thành thực nhưng chưa nhập địa định gọi là chưa định. Đã nhập địa định gọi là định. Lại, thành thực có hai thứ: Một là một đời, theo thứ lớp chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Hai là thân sau cùng, tức là đời này chứng đắc.

Như thế từ chủng tánh cho đến thân sau cùng chứng đắc Bồ-đề vô thượng, mười thứ này là đối tượng học của Bồ-tát phải học. Trên đây tức không còn đối tượng học nữa. Bồ-tát như đối tượng học mà học, trên đây thì không còn có Bồ-tát học. Bồ-tát như nơi đối tượng học mà học, được tên gọi của hết thầy công đức, đó là: Bồ-tát Ma-ha-tát. Dũng mãnh vô thượng. Phật tử Phật tri. Đại sư. Đại Thánh. Đại thương chủ. Đại danh xưng. Đại công đức. Đại tự tại. Như vậy, nơi mười phương vô lượng thế giới với vô lượng Bồ-tát, vô lượng nhân duyên, thiết lập tự tướng, nên biết nếu có lời nói: Ta là Bồ-tát, nhưng không khéo học đối tượng học của Bồ-tát, nên biết đó là Bồ-tát danh tự, không phải là Bồ-tát chân thật. Nếu nói ta là Bồ-tát, đã khéo học đối tượng học của Bồ-tát, nên biết đó là Bồ-tát chân thật.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP

Phẩm thứ 1: TƯỚNG BỒ TÁT

(Đoạn thứ hai có 4 phẩm)

Bồ-tát thành tựu năm thứ tướng chân thật, được nhập nơi số của các Bồ-tát: Một là thương xót. Hai là ái ngữ. Ba là dũng mãnh. Bốn là huệ thí. Năm là giảng nói nghĩa pháp sâu xa. Năm tướng này đều có năm thứ phân biệt: Một là tự tánh. Hai là cảnh giới. Ba là quả báo. Bốn là thứ lớp. Năm là thân nhận.

Tự tánh của thương xót có hai thứ: Một là chí tâm. Hai là đầy đủ. Chí tâm là tâm an ổn, tâm vui thích. Đầy đủ là Bồ-tát luôn chí tâm đối với các chúng sinh, tùy theo năng lực hành nghiệp thân khẩu tạo lợi ích.

Tự tánh của ái ngữ: Là trước nói lời an ủi, như trong Phẩm Nhiếp ở trước đã nói.

Tự tánh của dũng mãnh: Là đối với các chúng sinh, sức lực và ý chí luôn mạnh mẽ.

Tự tánh của huệ thí: Là bố thí thắng diệu, không phải thí với phiền não.

Tự tánh của thuyết giảng nghĩa pháp sâu xa: Là bốn trí vô ngại, xuất sinh trí chánh phương tiện.

Cảnh giới của thương xót có năm thứ: Một là chúng sinh thọ khổ. Hai là chúng sinh hành ác. Ba là chúng sinh phóng dật. Bốn là chúng sinh trong nẻo tà. Năm là chúng sinh bị phiền não sai khiến. Từ địa ngục cho đến tất cả khổ phải thọ nhận nối tiếp, đó gọi là thọ khổ. Tuy không thọ khổ, nhưng thân, khẩu, ý phần nhiều tạo hành ác, tức là mười hai luật nghi ác, đó gọi là hành ác. Tuy không thọ khổ, không tạo hành ác, nhưng tham đắm nơi năm dục, ca múa, vui đùa, đó gọi là phóng dật. Tuy không thọ khổ, không tạo hành ác, không tham đắm nơi năm dục, nhưng dựa vào tà kiến để cầu giải thoát khổ, đó gọi là nẻo tà. Lìa bỏ năm dục, theo pháp xuất gia, không thọ các khổ cho đến nẻo tà, nhưng có đủ phiền não hoặc có nhưng không nhiều, nghĩa là chánh phương tiện, phạm phu chân thật và các người học, đó gọi là bị phiền não sai khiến. Bồ-tát đối với cảnh giới này sinh tâm thương xót, là rất ráo không gì hơn.

Cảnh giới của ái ngữ có năm thứ: Một là chánh ngữ thật. Hai là chánh ngữ hy. Ba là chánh ngữ tạo lợi ích. Bốn là chánh ngữ như pháp. Năm là phương tiện ngữ thuyết pháp, như trong Phẩm Nhiếp ở

trước đã nói. Bồ-tát đối với cảnh giới này sinh tâm ái ngữ, là rất ráo không gì hơn.

Cảnh giới của dừng mãnh có năm thứ: Như trong Phẩm Bồ Đề Phần ở trước đã nói. Bồ-tát đối với cảnh giới ấy sinh tâm dừng mãnh, là rất ráo không gì hơn.

Cảnh giới của huệ thí có năm thứ: Một là thí không phân biệt. Hai là thí hoan hỷ. Ba là thí tức thì. Bốn là thí không nhiễm ô. Năm là thí không nương dựa. Như trong Phẩm Thí ở trước đã nói. Bồ-tát đối với cảnh giới này, sinh tâm huệ thí là rất ráo không gì hơn.

Cảnh giới của thuyết giảng nghĩa pháp sâu xa có năm thứ: Một là đối với kinh của Đức Như Lai đã giảng nói luôn tùy thuận với duyên khởi, tương ưng với nghĩa không thâm diệu. Hai là đối với các giới luật, khéo nhận biết chỗ phạm, không phạm cùng với việc ra khỏi phạm. Ba là đối với Tạng Ma-đắc-lặc-già, kiến lập pháp tướng không điên đảo. Bốn là đối với nghĩa pháp sâu diệu dùng tướng phân biệt. Năm là đối với nghĩa pháp của tất cả pháp, dùng vô số ngôn từ để tạo ra vô số phân biệt. Bồ-tát đối với cảnh giới này, sinh tâm thuyết giảng nghĩa pháp sâu xa là rất ráo không gì hơn.

Bồ-tát thương xót các chúng sinh nên tu tập tâm từ, tạo phương tiện gần gũi đem lại lợi ích, không chán, phần nhiều trụ trong hiện pháp lạc vô tội, thân giữ chúng sinh, như Đức Thế Tôn nói: Phước lợi của tâm từ, thân thường không bị đao gậy làm hại. Ở đây nên nói rộng, đó gọi là quả của thương xót.

Bồ-tát hành ái ngữ, ở trong pháp hiện tại, lia bốn lỗ của miệng, là nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, nói thêu dệt, đem ái ngữ này thân giữ mình, thân giữ người, nơi đời vị lai thành tựu chánh ngữ, lời nói liền được tin dùng. Đó gọi là quả của ái ngữ.

Bồ-tát hành dừng mãnh, ở trong hiện pháp luôn lia biếng nhác, tâm thường hoan hỷ, thọ trì giới luật nghi của Bồ-tát, không hủy

không phạm, dùng tâm an nhẫn thâm nhận mình và người, nơi đời vị lai, mọi thứ hành tác của Bồ-tát thấy đều có thể tu học, học rồi đạt kiên cố. Đó gọi là quả của dũng mãnh.

Bồ-tát hành huệ thí và giảng nói nghĩa pháp sâu xa, về quả đạt được như nơi Phẩm Lực, phần bố thí Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật ở trước đã nói. Đó gọi là quả của huệ thí và giảng nói nghĩa pháp sâu xa.

Về thứ lớp, Bồ-tát trước hết tu pháp thương xót thâm giữ chúng sinh, vì khiến chúng sinh ra khỏi pháp bất thiện, an lập nơi pháp thiện. Vì nêu bày đầy đủ về chỉ dạy trao truyền, thế nên tiếp đến nói ái ngữ. Chúng sinh tạo ác và bị các thứ phiền não trói buộc không dứt, cho nên sau đây là nói dũng mãnh. Hoặc có chúng sinh nên dùng tài vật để thâm nhận, hoặc có chúng sinh nên dùng pháp để thâm nhận, hoặc dùng cả tài vật và pháp để thâm nhận, vì thế tiếp sau là nói tuệ thí và giảng nói nghĩa pháp sâu xa.

Bồ-tát có năm thứ tướng thâm giữ sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật này thuộc về tướng nào? Tướng thương xót thâm giữ Thiền Ba-la-mật. Tướng ái ngữ thâm giữ Giới Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng dũng mãnh thâm giữ Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng huệ thí thâm giữ Bố thí Ba-la-mật. Tướng giảng nói nghĩa pháp sâu xa thâm giữ Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật.

Đó gọi là năm thứ tướng với năm thứ phân biệt của Bồ-tát.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP

Phẩm thứ 2: HỖ TRỢ

Sự hỗ trợ (Dục) của Bồ-tát tại gia, xuất gia có bốn pháp, Bồ-tát tu học mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô

thượng: Một là khéo tu nghiệp. Hai là tạo phương tiện thiện xảo. Ba là thâm giữ chúng sinh. Bốn là hồi hướng.

Thế nào là Bồ-tát khéo tu nghiệp? Bồ-tát đối với sáu Ba-la-mật quyết định tu, chuyên tâm tu, thường tu, tu vô tội.

Thế nào là quyết định tu? Nơi bố thí Ba-la-mật, Bồ-tát đối với người đến cầu xin, hoặc có lợi ích, không lợi ích, có đức, có lỗi, đều cần phải bố thí cho họ, đối với các huệ thí, tâm không nghiêng động. Hoặc nhân, phi nhân, Sa-môn, Bà-la-môn, đồng pháp thế gian đều không thể hủy hoại.

Thế nào là chuyên tâm tu? Bồ-tát này đối với người đến cầu xin, sẵn sàng xả vật trong ngoài để thí cho tất cả không có tiếc lẫn.

Thế nào là thường tu? Bồ-tát này bố thí không chán mệt, tất cả thời gian đều bình đẳng tùy được, tùy thí.

Thế nào là tu vô tội? Như nơi Phạm Thi đã nói, thí lìa phiền não. Đó gọi là Bồ-tát khéo tu bố thí Ba-la-mật. Như bố thí, thì giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều cũng như thế, theo chỗ ứng hợp nên biết.

Thế nào là Bồ-tát tạo phương tiện thiện xảo? Lược nêu có mười thứ: Phương tiện thiện xảo đối với các chúng sinh hủy hoại pháp, vì đây nhằm dứt trừ não hại. Phương tiện thiện xảo đối với người trụ ở giữa khiến nhập. Người nhập rồi khiến thành thực. Người đã thành thực khiến giải thoát. Phương tiện thiện xảo đối với các thú luận ở thế gian. Phương tiện thiện xảo quán xét về giới luật của Bồ-tát hoặc trì, hoặc phạm. Phương tiện thiện xảo đối với chánh nguyện. Phương tiện thiện xảo của thừa Thanh văn. Phương tiện thiện xảo của thừa Duyên giác. Phương tiện thiện xảo của Đại thừa. Như vậy, tất cả phương tiện thiện xảo theo chỗ ứng hợp, nơi địa Bồ-tát kia đã phân biệt rộng nên biết.

Mười thứ phương tiện thiện xảo này làm năm thứ sự việc: Bốn thứ phương tiện thiện xảo đầu là tạo lợi ích cho chúng sinh. Phương tiện thiện xảo đối với các thứ luận ở thế gian là hàng phục dị luận. Phương tiện thiện xảo quán xét về giới luật của Bồ-tát hoặc trì hoặc phạm là nhằm khiến không khởi phạm giới, người đã phạm khiến như pháp sám hối, thọ trì luật nghi thanh tịnh. Phương tiện thiện xảo đối với chánh nguyện, là Bồ-tát ở đời vị lai, tất cả chỗ nguyện mong thấy đều đạt được. Phương tiện thiện xảo của ba thừa là Bồ-tát tùy theo chủng tánh, căn cơ của chúng sinh để giải thích, thí dụ, tùy thuận thuyết pháp, thuyết pháp đầy đủ. Như vậy là mười thứ phương tiện thiện xảo làm năm thứ sự việc, tất cả chỗ làm thấy đều đầy đủ, vì hiện pháp và đời sau cùng được lợi ích.

Thế nào là Bồ-tát thâm giữ chúng sinh? Bồ-tát này dựa nơi bốn nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự. Hoặc có chúng sinh dùng an để tạo lợi ích, dùng lạc để tạo lợi ích, dùng an lạc để tạo lợi ích, nói rộng như trong Phẩm Tự Lợi Lợi Tha ở trước.

Thế nào là Bồ-tát hồi hướng? Bồ-tát tu tập ba môn căn thiện, nghĩa là khéo tu nghiệp, tạo phương tiện thiện xảo, thâm giữ chúng sinh, đối với tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai tâm luôn thuần tịnh, hồi hướng nơi Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, không đem căn thiện cầu quả báo khác.

Như Đức Thế Tôn đã nói: Pháp tu học của các Bồ-tát tại gia, xuất gia, nên biết tất cả đều là bốn pháp: khéo tu nghiệp, tạo phương tiện thiện xảo, thâm giữ chúng sinh, hồi hướng. Do đó, Bồ-tát khéo tu nghiệp, hành phương tiện thiện xảo, thâm giữ, tích tập hồi hướng, nên biết là gần tòa Bồ-đề. Tất cả Bồ-tát tại gia xuất gia nơi quá khứ hiện tại vị lai, đối với việc tu học đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, đã học, đang học, sẽ học. Bốn pháp như vậy là rất ráo không có gì hơn.

Bốn pháp như thế, Bồ-tát xuất gia, tại gia đều thành tựu. Nhưng người xuất gia đối với người tại gia có khác biệt lớn. Bồ-tát xuất gia thâm nhận giải thoát, vượt qua những liên hệ như cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, không phải như người tại gia. Bồ-tát xuất gia thâm nhận giải thoát, những thứ khổ như làm nông, kinh doanh mưu sinh, phục vụ vua quan cũng không như người tại gia. Bồ-tát xuất gia tu đầy đủ phạm hạnh, tất cả pháp Bồ-đề phần, chóng đắc thần thông, hoặc tu pháp thiện mau được rốt ráo. Bồ-tát xuất gia khi thuyết giảng pháp được người tín nhận. Đó gọi là chỗ khác biệt lớn của tại gia và xuất gia.

HẾT - QUYỂN 8

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ
QUYỂN 9
XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP
Phẩm thứ 3: TÂM TỊNH

Bồ-tát đối với các chúng sinh có bảy thứ thương yêu, gọi là chân thật bậc nhất: Một là vô úy. Hai là phương tiện thiện xảo. Ba là không chán. Bốn là không cầu. Năm là không tham. Sáu là rộng lớn. Bảy là bình đẳng.

Bồ-tát không do sợ hãi, nên đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, tu nghiệp thân, khẩu, ý tạo an lạc cho chúng sinh. Đó gọi là vô úy.

Bồ-tát dùng trí tuệ thiện xảo, đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không giáo hóa phi pháp, phi luật, phi chân đế, phi xứ. Đó gọi là phương tiện thiện xảo.

Bồ-tát đối với các chúng sinh hành tất cả phương tiện nhưng không chán mệt. Đó gọi là không chán.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không mong cầu việc gì. Đó gọi là không cầu.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu không cầu báo ân. Đó gọi là không tham.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không giới hạn về chúng sinh, ở chỗ các chúng sinh được lợi ích, không được lợi ích, đều không lìa bỏ. Đó gọi là rộng lớn.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, cùng với cảnh giới của chúng sinh không hạn chế về phương hướng. Đó gọi là bình đẳng.

Bồ-tát thành tựu bảy thứ thương yêu như vậy, đó gọi là chân thật bậc nhất.

Bồ-tát đối với Phật Pháp Tăng, tạo phương tiện quán sát, đạt được sự hiểu biết quyết định. Đó gọi là tâm tịnh. Lược nêu có mười lăm thứ: Một là tâm vô thượng. Hai là tâm giới. Ba là tâm Ba-la-mật. Bốn là tâm nghĩa chân thật. Năm là tâm thần lực. Sáu là tâm an. Bảy là tâm lạc. Tám là tâm giải thoát. Chín là tâm kiên cố. Mười là tâm không hư giả. Mười một là tâm bất tịnh. Mười hai là tâm tịnh. Mười ba là tâm vui tịnh. Mười bốn là tâm điều phục. Mười lăm là tâm câu sinh.

Tâm tịnh chuyên vui thích Tam bảo, đó gọi là tâm vô thượng.

Tâm tịnh thọ giới luật của Bồ-tát, đó gọi là tâm giới.

Tâm tịnh hành thí, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đó gọi là tâm Ba-la-mật.

Tâm tịnh nhận biết về pháp của đệ nhất nghĩa thâm diệu là người vô ngã, pháp vô ngã, người pháp vô ngã, đó gọi là tâm nghĩa chân thật.

Tâm tịnh nhận biết về lực câu sinh, lực thần thông không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, đó gọi là tâm thần lực.

Đối với các chúng sinh muốn đem pháp thiện để tạo lợi ích, đó gọi là tâm an.

Đối với các chúng sinh muốn dùng sự thâm giữ để tạo lợi ích, đó gọi là tâm lạc.

Nơi các chúng sinh lia tâm tham cùng với sự thọ báo, đó gọi là tâm giải thoát.

Đối với Bồ-đề vô thượng, tâm luôn kiên cố, đó gọi là tâm kiên cố.

Theo phương tiện tạo lợi ích cho chúng sinh, phương tiện khai ngộ, trí không điên đảo đều cùng giải thoát, đó gọi là tâm không hư giả.

Tâm Bồ-tát của địa giải hành, đó gọi là tâm bất tịnh.

Tâm Bồ-tát nơi Địa tâm tịnh cho đến Địa quyết định hành, đó gọi là tâm tịnh.

Tâm Bồ-tát của Địa cứu cánh, đó gọi là tâm vui tịnh.

Tâm không tịnh kia, đó gọi là tâm điều phục.

Tâm tịnh, tâm vui tịnh tư duy, đó gọi là tâm câu sinh. Tánh tự chân thật, thân tâm thanh tịnh nên gọi là câu sinh.

Như thế gọi là mười lăm thứ tâm tịnh.

Mười lăm thứ tâm tịnh này, tùy theo tất cả địa, lược nêu là đã tạo ra mười việc:

Tâm vô thượng: Là tịnh tu tất cả loại hành của tuệ Tam bảo, tu tất cả Bồ-đề gồm đủ chân thật đệ nhất.

Tâm giới: Là từ khi thọ giới luật của Bồ-tát, cho đến mạng chung, trọn không hủy phạm, nếu có chỗ phạm tức có thể diệt trừ.

Tâm Ba-la-mật: Là các pháp căn thiện thường siêng năng tu tập, trụ trong pháp không phóng dật.

Tâm nghĩa chân thật: Là đem tâm không nhiễm ô, vì chúng sinh nên thọ nhận sinh tử, tâm tịnh không xả bỏ Niết-bàn giải thoát.

Tâm thần lực: Là tịnh tín thuần hậu khai ngộ cùng tu tướng niệm sinh tử, phần nhiều trụ trong văn, tư, biết lượng, biết đủ.

Tâm an, tâm lạc, tâm giải thoát: Là tạo tất cả thứ lợi ích cho chúng sinh, nhưng không chán mệt.

Tâm kiên cố: Là tinh tấn sáng rõ, tinh tấn rộng lớn, phương tiện bình đẳng, phương tiện không trì hoãn, phương tiện không dứt.

Tâm không hư giả: Là mau chóng chứng đắc thần thông, những thứ pháp thiện kia, không do tâm nhỏ, tâm thấp mà sinh khởi tưởng đủ.

Tâm điều phục sinh tâm câu sinh. Tâm câu sinh mau chóng chứng đắc quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, tạo lợi ích an lạc cho chư thiên và người đời.

Tâm điều phục thân giữ tâm bất tịnh, tâm câu sinh thân giữ tâm tịnh, tâm vui tịnh.

Như Đức Thế Tôn nói: Tâm tịnh của Bồ-tát thiết lập hiển bày tất cả, đều là thuộc về mười lăm thứ tâm tịnh. Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai tu tập chứng đắc Bồ-đề vô thượng, đã đắc, nay đắc, sẽ đắc, tất cả đều là mười lăm thứ tâm tịnh rất ráo, không gì hơn. Như vậy, mười lăm thứ tâm tịnh có quả phước lợi lớn, dựa vào đây để chứng đắc Bồ-đề vô thượng.

**

XÚ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP

Phẩm thứ 4: TRỤ

Đã nói về chủng tánh của Bồ-tát, cho đến việc tu học của Bồ-tát, nhưng tướng của Bồ-tát học, Bồ-tát hỗ trợ, Bồ-tát tâm tịnh, nay sẽ lược nêu. Mười hai trụ của Bồ-tát gồm thân tất cả trụ và tất cả hành của Bồ-tát. Trụ Như Lai thứ mười ba là trụ vô thượng.

Những gì là mười hai trụ của Bồ-tát? Một là trụ chủng tánh. Hai là trụ giải hành. Ba là trụ hoan hỷ. Bốn là trụ giới tăng thượng. Năm là trụ ý tăng thượng. Sáu là trụ tuệ tăng thượng. Trụ tuệ tăng thượng có ba loại: Một là tương ưng nơi Bồ-đề phân pháp. Hai là tương ưng với đế. Ba là tương ưng với duyên khởi sinh diệt. Bồ-tát theo trí chân thật quán chân thật, nghĩa là nhận biết chúng sinh, sinh khổ, diệt khổ, thế nên Bồ-tát ở nơi ba môn có ba thứ tuệ, ba thứ trụ. Chín là trụ vô tướng có hành, có khai phát. Mười là trụ vô tướng không hành, không khai phát. Mười một là trụ vô ngại. Mười hai là trụ Bồ-tát tối thượng.

Mười hai trụ như thế gồm thấu tất cả trụ, tất cả hành của Bồ-tát. Trụ Như Lai thì vượt hơn tất cả trụ của Bồ-tát. Trụ A duy tam Phật, trụ Như Lai, nơi Phẩm An Lập ở sau sẽ nói rộng. Mười hai trụ Bồ-tát đã kiến lập, nay sẽ nói.

Thế nào là trụ chủng tánh? Bồ-tát này tánh tự hiện thiện, tánh tự có thể hành công đức nơi pháp thiện. Tánh hiện thiện cho nên hành phương tiện theo ý, các pháp thiện sinh không đợi tư duy, sau đó có thể đạt được chủng tánh Bồ-tát, là chủng tử của tất cả pháp Phật. Chủng tử của tất cả pháp Phật ở trong thân, lìa phiền não thô. Bồ-tát của trụ chủng tánh tuy khởi phiền não bậc thượng trời buộc, nhưng trọn không hề hành năm nghiệp vô gián và đoạn căn thiện. Nghĩa của chủng tánh như trong Phẩm Chủng Tánh đã nói. Đó gọi là trụ chủng tánh.

Thế nào là trụ giải hành? Bồ-tát này mới phát tâm, chưa được địa tâm tịnh, tuy chưa được nhưng Bồ-tát hiện có các hành. Đó gọi là trụ giải hành.

Bồ-tát của trụ chủng tánh, đối với các trụ Bồ-tát khác cùng trụ Như Lai, sinh nhân gồm thấu nhân, không phải là phương tiện, cũng không phải là đạt được, cũng không phải là thanh tịnh, huống gì là trụ Như Lai.

Bồ-tát của trụ giải hành, đối với các trụ Bồ-tát khác cùng trụ Như Lai, là phương tiện, nhưng không phải là đạt được, cũng không phải là thanh tịnh, chỉ được giải hành và hướng thanh tịnh. Bồ-tát của trụ giải hành tịnh tu trụ hoan hỷ, đạt được phương tiện trước cùng hướng thanh tịnh.

Bồ-tát của trụ hoan hỷ tịnh tu trụ giới tăng thượng, đạt được phương tiện trước cùng hướng thanh tịnh.

Như thế, nói rộng cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, nên biết cũng như vậy. Trụ Bồ-tát tối thượng thứ lớp tịnh tu trụ Như Lai, nơi trụ Như Lai của phương tiện trước, chứng đắc tức thì cùng thanh tịnh. Đó là sự sai biệt giữa trụ Như Lai và trụ Bồ-tát.

Thế nào là trụ hoan hỷ? Bồ-tát nơi trụ tâm tịnh, đó gọi là trụ hoan hỷ.

Thế nào là trụ giới tăng thượng? Bồ-tát nhân nơi tâm tịnh trụ đầy đủ nơi tánh giới.

Thế nào là trụ ý tăng thượng? Bồ-tát nhân nơi giới tăng thượng tịnh trụ nơi thiền thế tục, Tam-muội chánh thọ.

Thế nào là trụ tuệ tương ưng với pháp phần Bồ-đề? Bồ-tát nhân nơi tịnh trí thế tục, Tam-muội chân thật nhận biết về chân đế, ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như chánh niệm xứ v.v... quán sát an trụ.

Thế nào là trụ tuệ tương ưng với đế? Bồ-tát nhân nơi pháp phần Bồ-đề, trụ tuệ quán sát chân đế.

Thế nào là trụ tuệ tương ưng với duyên khởi sinh diệt? Bồ-tát nơi chân đế nhận biết là tăng thượng rồi, có nhân duyên khổ sinh, có nhân duyên khổ diệt, quán sát tánh an trụ.

Thế nào là trụ vô tướng có hành, có khai phát? Bồ-tát nơi ba thứ tuệ tăng thượng làm tăng thượng rồi, có hành, có khai phát,

không đoạn tất cả pháp như vô gián, lìa các vọng tưởng, tu tuệ cùng trụ.

Thế nào là trụ vô tướng không hành không khai phát? Nghĩa là trụ vô tướng này phần nhiều thuận tu cho đến không đoạn đạo vô gián tăng tướng tùy thuận an trụ.

Thế nào là trụ vô ngại? Bồ-tát dựa nơi Tam-muội của trí tuệ bất động vui tịnh, đối với lời, nghĩa, chương câu của pháp Phương quảng vô thượng do Đức Phật thuyết giảng, quán sát phân biệt an trụ.

Thế nào là trụ Bồ-tát tối thượng? Bồ-tát trụ nơi đạo Bồ-tát cứu cánh, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, hành đại pháp quán đánh một đời tiếp nối, hoặc thân sau cùng ở trụ này lần lượt chứng đắc Bồ-đề vô thượng, làm tất cả Phật sự an trụ.

Bồ-tát của trụ giải hành, tu tập hành ít, hành đoạn, hành bất định, chỗ chứng đắc có thoái chuyển.

Bồ-tát của trụ hoan hỷ cho đến ba thứ trụ tuệ, tu tập hành rộng, hành không đoạn, hành quyết định, chỗ chứng đắc không thoái chuyển.

Bồ-tát nơi trụ vô tướng có hành có khai phát, cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, tu tập vô lượng hành, hành không đoạn, hành quyết định, chỗ chứng đắc không thoái chuyển.

Bồ-tát của trụ giải hành tu phương tiện vô tướng.

Bồ-tát của trụ hoan hỷ cho đến trụ tuệ tăng thượng, được tu vô tướng.

Bồ-tát của trụ vô tướng thứ nhất, trụ vô tướng thứ hai, tu tịnh vô tướng.

Bồ-tát của trụ vô ngại cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, tu quả vô tướng.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ giải hành? Bồ-tát của Trụ giải hành khi hành giải hành, dùng lực tư duy về những chỗ tạo

tác của Bồ-tát làm phương tiện tư duy tu tập. Tánh không thể tự chân thật, kiên cố không thoái chuyển, không được như cách tu của Bồ-tát không thoái chuyển đã tu. Tu quả như vậy nơi vô số thân thông vô ngại, Tam-muội chánh thọ giải thoát thấy đều không được, cũng chưa lìa năm thứ lo sợ, đó là sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ nẻo ác, sợ đại chúng. Tư duy tu tập tạo lợi ích cho chúng sinh, tánh không thể tự thương xót, hoặc có khi khởi nghiệp thân khẩu ý tà vạy, có khi tham vướng nơi cảnh giới năm dục, có khi tham tiếc các vật dụng hiện có. Do đối với Phật, Bồ-tát sinh khởi tịnh tín, nhưng không thể tự khởi trí tuệ chân thật. Đó là nghĩa chân thật nơi công đức của Tam bảo, lực thần thông của chư Phật, Bồ-tát, hoặc nhân, hoặc quả, hoặc đạt được nghĩa, hoặc đạt được phương tiện, hoặc cảnh giới. Nghe ít, tư duy ít, nên trí tuệ thành tựu không thể là vô lượng. Hoặc có khi quên mất sự thành tựu đạo khổ chậm của Bồ-tát, không thể chuyên tinh hành Đại Bồ-đề, theo phương tiện sáng rõ, vui thích sâu xa tịnh tín, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nơi đáng vui mừng không thể vui mừng. Hoặc thọ sinh điên đảo ở giữa hai thân kia, hoặc khi thọ tụng trì pháp tạo tác lâu, tu lâu, nơi ba việc ấy quên mất chánh niệm. Hoặc khi tuệ sáng thọ trì chánh pháp, khéo hiểu về nghĩa ấy. Hoặc khi không hiểu, hoặc không khéo nhận biết tùy thuận điều phục. Hoặc lại không nhận biết nên tự sinh pháp Phật, theo ý thuyết pháp, chỉ dạy khuyên răn, do theo ý nên không nhận biết như thật. Hoặc khi nói không thực, như ở trong chỗ tối bản tên, hoặc trúng hoặc không trúng. Hoặc khi thoái chuyển xả bỏ tâm Đại Bồ-đề. Hoặc khi thọ giới Bồ-tát, trở lại hủy phạm. Hoặc khi có thể theo phương tiện tạo lợi ích cho chúng sinh. Hoặc khi chán mệt, vì thế đối với phương tiện thoái chuyển, thích tự mình vui. Hoặc khi tư duy nhận biết sự ưa thích chúng sinh thiếu giảm nhưng không thể đoạn. Hoặc có đoạn trừ nhưng lại luôn thiếu giảm. Hoặc lúc có thể thuyết giảng tạng pháp Bồ-tát. Hoặc khi nghe giảng nói về pháp sâu xa vi diệu liền sinh sợ hãi, dao động, nghi vấn. Đối với tất cả chúng sinh xa lìa đại bi, ít có thể tạo an lạc, không thể hành

rộng lớn, tức không thể như trên đã nói về sự tu học của Bồ-tát nên học, đầy đủ tướng Bồ-tát, Bồ-tát hỗ trợ, Bồ-tát tâm tịnh, cách xa quả vị Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, tâm không thể tịnh vui thích sâu xa về Niết-bàn, lìa bỏ sinh tử, căn thiện bất động, pháp Bồ-đề phần đều không thành tựu. Những thứ như vậy gọi là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ giải hành.

Bồ-tát của trụ giải hành khi hành nhẫn hạ, như trên đã nói hành tướng tăng, khi hành nhẫn trung thì trung bình, khi hành nhẫn thượng thì kém. Như vậy, khi hành nhẫn thượng thì đoạn hành tướng này, theo thứ lớp nhập trụ hoan hỷ, theo phương tiện được trụ hoan hỷ. Tất cả pháp kia đều không còn có trụ. Trụ giải hành đã nói là trái với tất cả phần pháp không nhiễm ô, thành tựu gọi là trụ tâm tịnh.

Bồ-tát của trụ giải hành có phương tiện hạ, trung, thượng, lần lượt tịnh giải thoát, nhưng không phải là thanh tịnh vô tội. Vì sao? Vì giải thoát kia có các thứ phiền não loại triền bậc thượng sinh ra. Bồ-tát của trụ hoan hỷ giải thoát các phiền não loại triền bậc thượng kia đoạn lìa phiền não, sinh giải thoát thanh tịnh.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ hoan hỷ? Bồ-tát này ở Trụ giải hành nhập Trụ hoan hỷ, trước khéo nhập nơi Bồ-đề vô thượng, nguyện khéo nhập nơi phương tiện Bồ-đề, tu tập quyết định.

Quyết định có sáu thứ: Một là có khả năng tự tu tập, khởi nguyện Bồ-đề, vượt ra ngoài tất cả nguyện tịnh khác. Hai là quả không chung, không gì sánh bằng, vượt ra ngoài tất cả cảnh giới của thế gian. Ba là thuận độ các chúng sinh khổ, không chung với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Bốn là phát khởi nguyện nhất niệm, tánh tự nhiên vui thích vô lượng pháp tịnh và hành không chán. Năm là được nguyện vô tận thường không thoái chuyển. Sáu là tăng trưởng phần thù thắng là Đại Bồ-đề rất ráo. Đó gọi là nguyện chân thật.

Bồ-tát hành nguyện chân thật có bốn việc: Một là vì những người nào nên phát tâm? Hai là duyên vào gì để phát tâm? Ba là phát tâm có tướng gì? Bốn là phát tâm có phước lợi gì?

Bồ-tát của trụ giải hành tu tập tất cả loại căn thiện, xuất sinh chánh hạnh Bồ-đề nên phát tâm. Đó là lược nói về người phát tâm.

Ở đời vị lai, mau chóng đạt đầy đủ tất cả loại tư lương của Bồ-đề, đầy đủ sự việc Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh, đầy đủ tất cả hành của Bồ-đề vô thượng, đầy đủ tất cả Phật sự nên phát tâm. Đó là lược nêu về duyên phát tâm.

Bồ-tát phát tâm, mau chóng đầy đủ tất cả chủng loại tư lương của Bồ-đề, các sự việc Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh, tất cả hành của Bồ-đề vô thượng, tất cả Phật sự, vượt qua địa phàm phu, nhập quả vị Bồ-tát, sinh nơi nhà Như Lai, gọi là Phật tử, quyết định cầu đạt Bồ-đề vô thượng rốt ráo, được tịnh bất hoại, sinh tâm hoan hỷ, lìa các tâm như tham sân của phi luật nghi. Tất cả các thứ tạo lợi ích cho chúng sinh, tất cả chủng loại tư lương của Bồ-đề, đầy đủ pháp Phật, Phật sự, thần lực, duyên kết nơi tâm tịnh, ý giải thứ lớp. Tự thấy được pháp Phật kia, mau chóng tùy thuận hành trì, sinh tâm vui vẻ, gìn giữ các căn thiện. Xuất gia tạo lợi ích bình đẳng, lìa dục, thân tâm thâm nhận, vui mừng hiện rõ, thành tựu pháp thiện, gần gũi tâm thanh tịnh của Bồ-đề vô thượng, đối với Đại Bồ-đề khởi tâm hoan hỷ. Bồ-tát theo tâm quyết định xuất sinh xa lìa năm thứ lo sợ, tu trí vô ngã, ngã tưởng không sinh, nên không có ngã ái và các thứ vật dụng để tham ái, thế nên lìa lo sợ không thể sống. Đối với người khác không hành việc cầu dục, thường muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, cho nên lìa mọi lo sợ về tiếng xấu ác. Xa lìa ngã kiến, ngã tưởng dứt bật, do đó lìa mọi lo sợ về chết. Thân này mạng chung, nơi đời vị lai tất cùng với chư Phật, Bồ-tát tụ hội, vì thế lìa mọi lo sợ về nẻo ác. Quán xét ở thế gian không ai sánh bằng, hưởng gì là vượt hơn, thế nên lìa mọi lo sợ nơi đại chúng. Như vậy, lìa năm thứ lo sợ, tức cũng xa lìa sự lo sợ

khi nghe pháp sâu xa, dứt bỏ kiêu mạn cao ngạo, đối với người khác không tạo lợi ích, các thứ sân hận tham hỷ cũng đều xa lìa, không nhiễm ô, không hành tạp, tất cả pháp thiện, tất cả các thứ tinh tấn, phương tiện tịnh tín hiện tại đều tu hành. Đối với sự việc vị lai sinh khởi mười đại nguyện. Mười đại nguyện ấy như trong phẩm Bò-đề phần ở trước đã nói.

Trụ hoan hỷ này tịnh tu sinh: Một là đem tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường tất cả chư Phật. Hai là thọ trì giữ gìn chánh pháp của chư Phật. Ba là khuyến thỉnh chư Phật chuyển pháp chưa từng có. Bốn là thuận hành chánh hạnh của Bò-tát. Năm là tất cả các vật dụng thành thực đầy đủ. Sáu là nơi tất cả thế giới đều có thể hiện thọ sinh. Bảy là tự làm thanh tịnh cõi Phật. Tám là tất cả Bò-tát đồng một phương tiện đem Đại thừa giáo hóa. Chín là tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, hết thảy đều chẳng không. Mười là nơi tất cả thế giới chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, thực hiện tất cả Phật sự.

Như vậy, mười đại nguyện ấy có thể sinh khởi vô lượng trăm ngàn đại nguyện, không lìa cảnh giới của chúng sinh, không lìa thuận với thế gian, các đại nguyện này đời đời luôn hành trì, trọn không quên mất. Hiện pháp theo phương tiện tinh tấn tu tịnh, trụ nơi mười pháp thuộc Trụ hoan hỷ tịnh tu sinh: Một là đối với tất cả pháp Phật đều tín không hoại. Hai là tạo phương tiện quán sát duyên khởi, khổ ấm nơi chúng sinh sinh tâm đại bi. Ba là quán sát chúng sinh khổ, khiến được giải thoát, sinh tâm đại từ. Bốn là do đại từ bi, nhằm độ tất cả chúng sinh thọ khổ, nên tự xả thân mình không bỏ chúng sinh, xả mọi vật trong ngoài để hành bố thí. Năm là vì hóa độ chúng sinh nên siêng cầu pháp thế gian, xuất thế gian, tâm không chán mệt. Sáu là do tâm không chán mệt nên nhận biết tất cả luận. Bảy là do nhận biết tất cả luận nên nhận biết chúng sinh loại hạ, trung, thượng, theo sự ứng hợp nên hiểu biết về thế gian. Tám là theo chỗ ứng hợp nên

luôn biết thời, biết lượng, sinh tâm hỏ thẹn. Chín là hành phương tiện như vậy, đạt được lực mạnh mẽ. Mười là được tài lợi thế gian luôn cúng dường Như Lai. Mười pháp như vậy làm tịnh trụ hoan hỷ, đó là tín, từ, bi, thí, không nhằm chán, biết loạn, biết thế gian, hỏ thẹn, dũng mãnh, cúng dường Như Lai.

Bồ-tát tu tập mười pháp này, đối với chín trụ còn lại như trụ giới tăng thượng v.v... quán sát công đức hay lỗi ác của tất cả các thứ đạo, cầu thân thông hiện có của chư Phật, Bồ-tát, vui thích đạo không hoại, khéo thân giữ hành được nương dựa, vượt qua tất cả trụ, đắc Đại Bồ-đề, làm bậc Đại Đạo sư, độ thoát chúng sinh nơi đồng hoang vắng sinh tử, chỉ dạy khiến nhập hành. Nhập hành rồi chúng đắc quả phước lợi thành tựu, gọi là dựa nơi trụ.

Bồ-tát đạt trụ này có hai nhân duyên: Thấy vô lượng Phật, nghe giảng nói về Tạng Bồ-tát, tức có thể hiểu biết, biết vô số danh hiệu của chư Phật trong vô lượng thế giới nơi mười phương, từ tịnh tín thấy thô, cho đến được kiến giải chân thật. Đó gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại khởi nguyện: Đức Phật kia ra đời, ta sẽ sinh nơi cõi ấy, tùy nguyện vắng sinh. Như vậy, do nguyện lực nên từ tịnh tín thấy thô được thấy chư Như Lai với tất cả các thứ cúng dường, các thứ tạo an lạc lợi ích, tùy theo khả năng, tùy theo lực để cúng dường Pháp, Tăng. Ở chỗ Đức Như Lai nghe nhận chánh pháp, nghe rồi thì thọ trì pháp tiếp pháp hướng, dùng bốn nhiếp sự để thành thực chúng sinh, tất cả căn thiện hồi hướng nơi Bồ-đề, do ba thứ thanh tịnh nên các căn thiện kia lại chuyển thanh tịnh. Phật, Pháp, Tăng thân nhận cúng dường, do bốn nhiếp sự thành thực chúng sinh, tất cả căn thiện đều hồi hướng Bồ-đề, trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp luôn làm tịnh thân tâm. Ví như vàng ròng được thử trong lửa, thợ khéo luyện trị càng thêm sáng sạch. Căn thiện của Bồ-tát chuyển tăng thanh tịnh cũng lại như vậy. Nếu lại thọ sinh, làm Chuyển luân vương, làm vua

châu Diêm-phù-đề, tùy ý tự tại, xa lìa tham lam keo kiệt, cũng giáo hóa chúng sinh xa lìa mọi thứ cấu uế của keo kiệt, đem bốn nhiếp sự thâm giữ chúng sinh, khiến khắp chúng sinh được đệ nhất nghĩa. Hoặc muốn tinh tấn, xả bỏ của cải, nhà cửa, ở nơi chánh pháp của Phật xuất gia học đạo. Trong khoảnh khắc một niệm có thể đạt đầy đủ trăm Tam-muội của Bồ-tát, có thể dùng Tam-muội thấy trăm thế giới Phật, đem trí lực thần thông có thể làm chấn động trăm thế giới Phật, thân cũng có thể vượt quá ánh sáng. Có thể biến hóa một thân thành trăm thân, hiện bày rộng khắp, thành thực chúng sinh, có thể trụ lâu trăm kiếp, có thể nhận biết sự việc nơi trăm kiếp quá khứ. Có thể nhận biết âm, giới, nhập, mỗi thứ đều có trăm pháp môn, có thể hóa trăm Bồ-tát làm quyến thuộc. Hoặc đem nguyện lực, sức thần thông để tạo tác, tức có vô lượng trăm ngàn ức kiếp không thể tính biết. Đó gọi là lược nêu về Trụ hoan hỷ. Nghĩa là quyết định bốn sự việc, xuất sinh đại nguyện, xuất sinh phương tiện tinh tấn, tu tập pháp tịnh trụ, nơi các trụ kia đều tịnh tu, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Hoan Hỷ trong Kinh Thập Địa đã nói. Kinh nói mười Địa, còn Ma-đắc-lặc-già của tạng Bồ-tát này nói mười Trụ. Thâm nhận chúng sinh nên nói là Địa. Tự thọ nhận hành trụ nên nói là Trụ.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ giới tăng thượng? Bồ-tát này ở Trụ hoan hỷ được mười thứ tâm tịnh: Một là tâm đem tất cả các thứ cúng dường phước điền tôn trọng, trước nói lời thưa hỏi. Hai là tâm cùng với Bồ-tát đồng pháp gần gũi vui trụ. Ba là tâm thắng tất cả các phiền não, các thứ nghiệp ma trói buộc. Bốn là tâm thấy được lỗi ác của tất cả hành. Năm là tâm thấy rõ phước lợi của Niết-bàn. Sáu là tâm thường tu căn thiện của pháp Bồ-đề phần. Bảy là tâm tùy thuận tu Bồ-đề nơi xứ thanh tịnh vắng vẻ. Tám là tâm không nghĩ nhớ về những tham ái, kiêu mạn, lợi dưỡng của thế gian. Chín là tâm lìa thừa Thanh văn hướng đến Đại thừa. Mười là tâm tạo tất cả mọi thứ lợi ích cho chúng sinh.

Mười thứ tâm sinh như vậy gọi là được tâm tịnh. Tâm tịnh đầy đủ như thế, thứ lớp nhập Trụ giới tăng thượng. Nhập Trụ giới tăng thượng rồi, tức tánh giới đầy đủ, dấu vết của nghiệp tà loại thấp chỗ gồm thân giới ác thấy đều không làm, hưởng gì là loại trung, thượng. Tánh giới đầy đủ như vậy, thì nghiệp nhiễm ô, không nhiễm ô, dấu vết của nghiệp nơi nẻo thiện nẻo ác, xứ nhân xứ quả đều nhận biết như thật, quả chánh báo quả y báo và nghiệp kia cũng nhận biết như thật, tự đoạn mười nghiệp ác, hành mười nghiệp thiện. Lại đem pháp này dạy trao cho chúng sinh, cho đến cảnh giới của những chúng sinh tạo nghiệp ác, lỗi lầm độc hại cũng bình đẳng truyền dạy không sai khác. Nghiệp thiện, nghiệp ác, đệ nhất nghĩa khổ, các thứ hoạn nạn, đều tạo được sự thương xót rộng lớn, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, như trước đã nói. Ví như vàng ròng được tăng thêm thuốc riêng, bỏ vào trong lửa càng thêm sáng sạch. Bồ-tát đạt căn thiện thanh tịnh cũng lại như vậy. Trụ nơi tâm thanh tịnh này, thành tựu thọ sinh, làm Chuyển luân vương, cai trị bốn châu thiên hạ, dùng lực tự tại khiến các chúng sinh lìa các giới ác, hành đạo nghiệp thiện. Mười sự việc thần lực như trong kinh đã nói. Đó gọi là lược nêu về Trụ giới tăng thượng. Nghĩa là tâm tịnh, tánh giới đầy đủ, lìa tất cả giới ác, lìa tất cả nẻo nghiệp, tất cả nhân quả đều nhận biết như thật, phân biệt bốn thứ nghiệp dạy trao chúng sinh. Nghiệp thiện ác trong cảnh giới chúng sinh sinh khổ và các nạn, tạo được sự thương xót rộng lớn, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Ly Cầu của Kinh Thập Địa đã nói. Lìa cầu uế của giới ác nên gọi là Ly cầu. Địa Ly Cầu kia tức ở đây là Trụ giới tăng thượng.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ ý tăng thượng? Bồ-tát này ở Trụ giới tăng thượng được mười thứ tư duy. Mười thứ tư duy đầy đủ rồi, tức vượt qua Trụ giới tăng thượng, nhập vào Trụ ý tăng thượng: Một là làm tịnh mười thứ tâm tịnh. Hai là lìa mười thứ tâm bất tịnh. Ba là đối với tất cả pháp hữu lậu đều có thể sinh chán

lià. Bốn là biết tu pháp đối trị. Năm là tu pháp đối trị không thoái chuyển. Sáu là đối trị kiên cố hơn hẳn tất cả hữu lậu, tất cả nghiệp ma. Bảy là đối với tất cả pháp Phật không có yếu kém, thoái lui. Tám là đối với các khổ hạnh không cho là khó. Chín là tin hiểu Đại thừa, không ưa thích Tiểu thừa. Mười là tất cả các thứ đều tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát của trụ ý tăng thượng quán tất cả hành có vô lượng lỗi ác sinh khởi chán lià, quán công đức phước lợi nơi trí tuệ của Phật sinh khởi chánh niệm, tín tâm thuần tịnh. Quán các hành khổ trong cảnh giới chúng sinh, thương nhớ chúng sinh, nương nơi nghĩa, đối với hành hữu vi không có phóng dật, đối với Đại Bồ-đề tinh tấn dũng mãnh, đối với các chúng sinh sinh tâm đại bi, khiến các chúng sinh rốt ráo thoát khổ. Quan sát tất cả chướng ngại của phiền não, hướng chánh trí giải thoát. Quan sát hết thấy vọng tưởng của pháp giới, phiền não khởi lên dùng trí tuệ đối trị, quán trí tuệ, Tam-muội thành tựu v.v... Nghe Tạng Bồ-tát lấy đó làm phương tiện, nhân nơi phương tiện nghe nên siêng tu tinh tấn. Lãnh hội chánh pháp nên không tiếc thân mạng, mọi thứ vật dụng trong ngoài thấy đều bố thí. Đối với các bậc đáng tôn trọng luôn thể hiện sự cung kính. Đối với chánh giáo luôn tùy thuận phụng hành. Luôn đem thân khổ để cầu pháp. Dùng tâm ái niệm nghe mỗi bài kệ bốn câu hơn là nhớ nghĩ về các thứ châu báu chứa nhóm trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu nghe một bài kệ, hướng đúng đến Phật đạo, tịnh tu hạnh Bồ-tát, thì hơn hẳn việc được làm Chuyển luân Thánh vương, làm Hộ thế, Đế Thích, Ma, Phạm. Nếu có người nói: Ta có chánh pháp, chánh hướng Phật đạo, tịnh tu hạnh Bồ-tát, ông nếu có thể nhảy vào hầm lửa lớn nhận lấy đại khổ, ta sẽ vì ông nói rõ. Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ vui nhận, khởi niệm: Nếu nghe chánh pháp hướng đúng đến Phật đạo, tịnh tu hạnh Bồ-tát, giả như lửa lớn cháy bùng khắp tam thiên đại thiên thế giới, cho đến cõi Phạm thiên, ta hãy còn đi vào trong đó, hưởng gì là hầm lửa nhỏ. Trải qua mọi thứ khổ ở địa ngục, Bồ-tát

hãy còn dốc cầu pháp Phật, hướng gì là khổ nhỏ. Phương tiện tinh tấn tư duy như thế để cầu pháp, như pháp thứ pháp hướng (Pháp tùy pháp hành) tùy thuận pháp Phật, không do văn tự, âm thanh thanh tịnh. Khởi niệm như vậy rồi, nhân nghe pháp tướng của chánh duyên, lia pháp dục ác bất thiện, được bốn thiền thế gian, bốn định vô sắc, bốn vô lượng, năm thần thông, xả các thiền, chánh thọ Tam-muội. Do nguyện lực nên lại sinh ở cõi dục, quán chúng sinh kia có thể đạt đủ pháp phần Bồ-đề, nên sinh vào xứ đó, lia dục nên đoạn bỏ mọi trói buộc của dục. Do chánh thọ các thiền nên có trói buộc liền đoạn trừ, như trước nơi trụ giải hành, pháp như vậy thấy rõ giải thoát nên đoạn dứt trói buộc. Tham sân si rất ráo không hành, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh như trước đã nói. Ví như vàng ròng được luyện trị, lia cấu uế thành sáng sạch, căn thiện của Bồ-tát chuyển tăng thanh tịnh cũng lại như vậy. Nếu lại thọ sinh thì được thân Đế thích, dùng pháp thiện lia dục để điều phục chúng sinh, thần lực hơn các trụ trước trăm ngàn vạn lần. Đó gọi là lược nói về Trụ ý tăng thượng. Nghĩa là thành tựu mười thứ tư duy, nhập tất cả hành Đại Bồ-đề nơi cảnh giới chúng sinh, phân biệt đúng về khổ chân thật. Phương tiện giải thoát chánh cầu, hết sức cung kính cầu pháp, pháp tiếp pháp hướng, phương tiện thiện xảo xuất sinh các thiền Tam-muội, chánh thọ thần thông, xả bỏ các thiền, do nguyện lực nên tùy theo chỗ mong muốn thọ sinh, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Minh trong Kinh Thập Địa đã nói. Nghe pháp hành, do hành pháp chiếu sáng, Tam-muội chiếu sáng, nên nói là Địa Minh. Nội tâm thanh tịnh nên gọi là Trụ ý tăng thượng. Địa Minh kia tức là Trụ ý tăng thượng.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ tuệ tăng thượng tương ưng với pháp phần Bồ-đề? Bồ-tát này ở Trụ ý tăng thượng, đạt đầy đủ mười pháp minh tăng thượng rồi, nhập Trụ tuệ tăng thượng thứ nhất. Mười pháp minh như nơi kinh đã nói. Đó là đệ nhất nghĩa bình đẳng, hoặc phiền não não hại, hoặc thanh tịnh tịnh hóa, phiền não

trời buộc não hại, thanh tịnh vô thượng tịnh hóa. Đó gọi là lược nói về nghĩa pháp minh.

Người trụ nơi trụ này, thành thực mười trí tịnh không hoại làm đầu, như trong kinh nói: Mười trí thành thực, sinh vào nhà Như Lai, đạt được mười trí quán sát tự tại, làm tăng thượng xong, tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như Niệm xứ v.v... Như trong kinh nói: Tu tập pháp kia, nên liả các thứ âm, giới, nhập như thân kiến v.v..., các ái nhiễm vi tế rốt ráo không sinh. Đức Như Lai không khen ngợi về sự tạo nghiệp, nên tất cả không làm. Những thứ được khen ngợi thì tất cả đều tùy thuận. Như như chân thật, tâm càng thêm thuận hòa. Tu các thứ hành, tâm kia vui tịnh, biết ân báo ân, thuận theo công đức, các thứ pháp tịnh thấy đều thành tựu, tu nghiệp của địa trên được tinh tấn lớn. Nhân nơi tinh tấn ấy, nên tâm thanh tịnh tâm sâu xa tin hiểu đầy đủ. Nhờ nơi chánh pháp nên ngoại đạo, ma oán đều không thể khuynh động, được thấy Phật, căn thiện thanh tịnh như trước đã nói. Ví như vàng ròng làm các vật trang sức, các kim loại khác đều không sánh kịp, căn thiện của Bồ-tát cũng lại như vậy, hơn hẳn công đức của các Bồ-tát nơi địa dưới. Như lưu giữ nhiều ma-ni ánh sáng thanh tịnh, các thứ ngọc báu khác không bằng, tất cả mưa gió đều không thể hoại diệt. Bồ-tát như vậy thì ánh sáng trí tuệ của các Bồ-tát nơi địa dưới, các hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể sánh kịp, ma oán phiền não cũng không thể hủy diệt. Nếu lại thọ sinh thì làm Thiên vương Diêm ma, đem các pháp thiện giáo hóa chúng sinh, dùng lực thần thông trừ diệt thân kiến v.v..., đối với trụ trước hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Đó là lược nói về Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với pháp phần Bồ-đề. Nghĩa là thành tựu mười pháp minh, nhập mười trí thành thực, tu pháp phần Bồ-đề, tất cả các thứ chấp trước như thân kiến v.v... đều đoạn, nghiệp làm ra, nghiệp thuận theo, hoặc xa lìa, hoặc tu tập, nhân đầy tâm chuyển nhu hòa, tùy thuận công đức thấy đều thành tựu. Tu nghiệp của địa trên được tinh tấn

lớn, nhờ tinh tấn đó tâm tịnh tâm sâu xa tin hiểu thanh tịnh. Nhân nơi chánh pháp ấy nên ma oán không thể khuấy động, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Diệm trong Kinh Thập Địa đã nói. Địa kia là mầm ánh sáng trí tuệ của pháp phần Bồ-đề, chính là nói pháp trí chiếu sáng thế gian, thế nên địa ấy gọi là Diệm. Địa Diệm kia tức đây là Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với pháp phần Bồ-đề.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với đế? Bồ-tát này trước đã ở nơi Trụ tuệ tăng thượng thứ nhất đạt được mười thứ tâm tịnh bình đẳng, tăng thượng đầy đủ thì nhập Trụ tuệ tăng thượng thứ hai. Mười tâm tịnh bình đẳng, như nơi kinh đã nói. Đó là đẳng giác vô đẳng, vượt khỏi chúng sinh khác, nơi pháp như bình đẳng. Đó gọi là lược nói về nghĩa của tâm tịnh bình đẳng.

Người trụ nơi trụ này, trí tuệ tăng tiến, đối với bốn Thánh đế có mười thứ nhận biết như thật, như trong kinh nói. Hoặc duyên nơi người khác, hoặc tự nhận biết, hoặc đều cùng nhận biết, như nơi Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đặc-lặc-già nói. Hiện tại khổ, nhân khổ, nhân khổ diệt, đạo phương tiện diệt nhân khổ. Đó gọi là lược nói về mười thứ nhận biết như thật nơi bốn Thánh đế. Phương tiện nhận biết đế ấy là phá trừ tất cả hành hữu vi, đối với các chúng sinh đại bi tăng trưởng. Biên vực trước, sau nơi bốn chân đế, ngu mê, hướng tà, đều khiến nhập nơi các thứ trí tuệ công đức giải thoát, tu hành chánh nguyện, chánh niệm thành thực, vô số các công đức chân thật như chánh trí, chánh thuyết v.v... đều tăng trưởng rất ráo. Tất cả các thứ tư duy, phương tiện thành thực, thành tựu đầy đủ cho chúng sinh. Để thâm giữ chúng sinh nên tu tập tất cả sách luận thế tục, như trong kinh đã nói. Do tất cả nghiệp công xảo xuất sinh tâm bi, dẫn dụ chúng sinh tiến lên an lập Bồ-đề, tùy thuận thế gian theo phương tiện huệ thí. Bốn đại làm loạn, bị phi nhân bức não, đều khiến được dừng dứt. Vui thích vô tôi, vật dụng tạo lợi ích, nhân nơi lợi ích này dẫn dắt

khiến vui thích pháp, dùng các vật dụng trụ chỉ để tạo lợi ích. Các nạn xâm hại như vua quan ác, giặc dữ v.v... đều vượt khỏi khiến đạt an ổn, phương tiện xử phi xử, hoặc nghe, hoặc tạo ra việc tốt, không tốt, huệ thí đều thành tựu. Hiện pháp lần lượt thanh tịnh, tạo lợi ích, các người điên đảo sẽ vì họ giảng nói chánh đạo. Đó gọi là nghĩa thâm giữ chúng sinh nơi công xảo bình đẳng của thế gian. Thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, như trước đã nói. Ví như vàng ròng gắn thêm các thứ báu bên cạnh thì ánh sáng càng thanh tịnh, hơn hẳn các loại vàng khác. Bồ-tát như vậy là trí tuệ phương tiện hơn hẳn Bồ-tát khác cùng hàng Thanh văn, Duyên giác. Cũng như cung điện của mặt trời, mặt trăng, tất cả phong luân không thể khiến mất. Bồ-tát như vậy, trí tuệ phương tiện không hề bị pháp thế gian hủy hoại. Nếu lại thọ sinh, thì làm vua cõi trời Đâu suất, đem các pháp thiện phá trừ tất cả pháp tà của ngoại đạo, diệu lực thần thông hơn hẳn trụ trước trăm ức lần. Đó gọi là lược nói về Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với đế. Nghĩa là thành tựu tâm tịnh bình đẳng, nhập đế quán tăng trưởng, phá trừ các hành, đối với các chúng sinh, tâm đại bi thêm lớn, các thứ công đức trí tuệ đều thành thực, các công đức như chánh nguyện, chánh niệm, chánh trí, chánh thuyết v.v... cùng tăng trưởng rất ráo. Tư duy tất cả các thứ đều thành thực phương tiện, thành tựu chúng sinh xuất sinh công xảo. Thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Nan Thắng trong Kinh Thập Địa đã nói. Trí tuệ quyết định khó có thể hơn nên địa ấy gọi là Nan Thắng. Địa Nan thắng kia tức ở đây là Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với đế.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi? Bồ-tát này ở nơi Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với đế đạt được mười pháp bình đẳng, tăng thượng đầy đủ rồi, nhập vào trụ thứ sáu. Mười pháp bình đẳng, đó là: Một là tự tánh bình đẳng nơi đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Hai là bình đẳng vô tướng của

hành vô ngôn thuyết. Ba là bình đẳng không sinh. Bốn là bình đẳng của nhân duyên không khởi. Năm là bình đẳng của tịch diệt rốt ráo. Sáu là bình đẳng lia các hư giả. Bảy là bình đẳng của hết thầy hành không lấy không bỏ. Tám là bình đẳng lia tất cả pháp. Chín là bình đẳng của cảnh giới vọng tưởng như huyễn như hóa. Mười là bình đẳng của cảnh giới vọng tưởng có không không hai. Đó gọi là lược nói về mười pháp bình đẳng.

Người trụ nơi trụ này, đối với các chúng sinh tâm đại bi tăng trưởng, chuyên vui thích Bồ-đề, nhận biết các thế gian hợp tan, sinh diệt, hiểu rõ về duyên khởi các chánh hành, nương nơi duyên xuất sinh trí tuệ và ba môn giải thoát là không, vô nguyện, vô tướng. Dựa nơi ba Tam-muội lia ngã, ngã sở, tướng có tánh, không tánh của người nhận biết, người tạo tác. Phương tiện của đệ nhất nghĩa như thế, tư duy về chúng sinh có những phiền não trói buộc, nhân duyên hòa hợp nên hữu vi yếu kém. Chấp trước nơi ngã, ngã sở nên sinh ra các lỗi lầm xấu ác. Phải lia đứt nhân duyên của phiền não trói buộc, hòa hợp tự gìn giữ, do gồm thấu chúng sinh nên không diệt hết thầy hữu vi. Từ bi trí tuệ như vậy, tùy thuận trụ nơi Bát-nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại. Trụ nơi trí vô ngại giải thoát rồi, đối với hết thầy hành của thế gian đều đạt vô ngại. Người trụ như vậy, gọi là Bồ-tát của địa thứ bảy, tùy thuận phương tiện hành nhẫn, thuộc về nhẫn. Trụ nơi Bát-nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại, nhân duyên tu tập Bồ-đề không thoái chuyển, hữu vi thế tục hết thầy đều không trụ, cũng không trụ nơi tịch diệt dừng dứt kia. Tùy thuận phương tiện trí tuệ như vậy, nhập môn Tam-muội không, khiến trăm vạn môn Tam-muội không hiện tiền. Như môn Tam-muội Không, thì môn Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện cũng như vậy. Các môn Tam-muội này hiện tiền rồi, đạt được tâm bất hoại, tất cả chúng loại pháp Phật chuyển tăng thù thắng, ngoại đạo, ma oán đều không thể hủy hoại, ngoài ra như trước đã nói. Ví như vàng ròng được gắn

thêm các thứ báu bên cạnh thì hơn hẳn các thứ vàng khác. Bồ-tát như thế thì căn thiện thanh tịnh hơn hẳn tất cả. Ví như ánh sáng của mặt trăng dứt trừ sự bức nã nơi chúng sinh, tất cả phong luân không thể che lấp. Ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, vì các chúng sinh dứt bỏ lửa phiền não, tất cả ma oán đều không thể làm cho đoạn tuyệt. Nếu lại thọ sinh thì làm Thiên vương Thiên Hóa Tự Tại, thường dùng pháp thiện diệt trừ hết thầy kiêu mạn của chúng sinh, lực thần thông hơn trước ức trăm ngàn lần. Đó gọi là lược nói về Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi. Nghĩa là pháp bình đẳng thành tựu, hội nhập nhận biết các duyên khởi, sinh môn giải thoát, lia các tướng tà vạy, theo phương tiện thâm nhận, trụ nơi Bát-nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại, đạt vô lượng Tam-muội, được tâm bất hoại, pháp Phật thù thắng, thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Hiện Tiền trong Kinh Thập Địa đã nói. Trí vô ngại hiện tiền thế nên địa ấy gọi là Hiện Tiền. Địa Hiện Tiền kia tức ở đây được gọi là Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ vô tướng có hành có khai phát? Bồ-tát này ở nơi Trụ tuệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi, đạt đầy đủ mười tuệ phương tiện, lần lượt xuất sinh đạo thắng tấn chung, không chung với thế gian. Tăng thượng đầy đủ rồi, nhập trụ thứ bảy, mười tuệ phương tiện kia, như trong kinh đã nói. Nghĩa là xuất sinh pháp thiện thế gian, thâm nhận phước đức, tạo an lạc cho các chúng sinh. Các thứ tư lương của phước đức và pháp Bồ-đề phần đều được tăng trưởng, không chung với hàng Thanh văn, Duyên giác. Nhận biết về pháp giới, chúng sinh giới, thế giới, về thân khẩu ý của Như Lai. Đó là lược nói về tuệ phương tiện xuất sinh đạo. Công đức như thế thứ lớp thắng tấn, nhập nơi vô số vô lượng cảnh giới của Như Lai đã khởi xứ tướng vô tướng không khai phát. Thấy được vô lượng cảnh giới của Phật đã khởi xứ, tu tập không gián đoạn hết thầy

oai nghi đi đứng, suy nghĩ không lìa tất cả xứ đạo. Ở trong mỗi mỗi niệm có đầy đủ mười Ba-la-mật và tất cả pháp Bồ-đề phân, không phải như các trụ khác. Trụ thứ nhất hoan hỷ tu tập chánh nguyện. Trụ thứ hai là lìa cấu uế của giới ác. Trụ thứ ba là nguyện chuyển tăng trưởng, được ánh sáng của pháp. Trụ thứ tư là nhập đạo. Trụ thứ năm là nhập vào nẻo tạo tác của thế gian. Trụ thứ sáu là nhập pháp môn sâu xa. Trụ thứ bảy này là khởi tất cả pháp Phật, đầy đủ pháp trợ Bồ-đề phân. Bồ-tát ở đây hành trì phương tiện thâm nhận đầy đủ, trụ trí thần thông, hành thanh tịnh. Bồ-tát ở nơi trụ này thứ lớp nhập trụ thứ tám thanh tịnh. Người trụ nơi trụ thứ tám hoàn toàn thanh tịnh. Ở trụ thứ bảy còn phương tiện tạp tịnh, nhập nẻo không nhiễm ô, gọi là hành không nhiễm ô. Trụ thứ bảy này đoạn trừ tất cả phiền não như tham v.v... nên không gọi là có phiền não, chưa được trí tuệ Phật với tâm thanh tịnh như thật, vì thế không gọi là lìa phiền não. Trụ thứ bảy này thành tựu vô lượng nghiệp thân khẩu ý, Đức Phật khen ngợi về nghiệp ấy, như trước đã nói về năm trụ. Chỗ đạt được trí công nghiệp ở thế gian tự nhiên đầy đủ, làm bậc Đại sư trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ trừ Bồ-tát của địa trên và Đức Như Lai, ngoài ra đều không sánh bằng. Tất cả thiên định, pháp Bồ-đề phân đều hiện tiền tu tập nhưng không thọ báo.

Bồ-tát ở trụ này, tư duy theo phương tiện nhập Tam-muội thiện phục, sinh khởi trăm vạn Tam-muội, vượt qua cảnh giới Tam-muội của tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, xa lìa phiền não, các hành vọng tưởng, tùy thuận nghiệp thân khẩu ý sâu xa, không bỏ phương tiện nơi đạo thắng tấn. Bồ-đề đầy đủ, nhớ nghĩ đến chúng sinh, lìa tất cả tướng nơi vô lượng nghiệp thân khẩu ý, sinh tịnh tu pháp nhãn vô sinh. Ở trong trụ này, vượt qua cảnh giới tự giác, sáu trụ khác đều duyên dựa nơi pháp Phật. Nơi trụ thứ sáu, Bồ-tát có thể nhập tịch diệt, nay trụ nơi địa này, niệm niệm vắng lặng nhưng không chứng tịch diệt, được nghiệp thân khẩu ý chưa từng có và thật tế không thể

ngĩ bàn, nhưng cũng không chứng thật tể. Như vậy là trí phương tiện sinh, làm tăng thượng xong, cùng hành với hành của chúng sinh, chiếu sáng thế gian, ngoài ra đều như trong kinh đã nói.

Nói tóm lại, vì sự việc công đức, do tướng thân thuộc thân nhận, tu tập thắng tấn, trụ nơi ba giải thoát. Người cầu nơi thừa thấp dùng phương tiện để điều phục. Người thọ năm dục, khiến cầu sự mong muốn thù thắng, chuyển các tà kiến khiến tùy thuận chánh niệm, nơi các đại hội thấy đều tùy thuận. Ngoài ra như trước đã nói. Ví như vàng ròng có gắn thêm ngọc báu ma ni và các thứ báu bên cạnh, thì hơn hẳn vàng Diêm-phù-đàn. Căn thiện thanh tịnh của Bồ-tát hơn hẳn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát lia cầu khác. Cũng như ánh sáng của mặt trời chiếu xuống châu Diêm-phù-đề, thì tất cả những chôn ả thấp cầu ứ đều khiến khô diệt, hơn hẳn các thứ ánh sáng khác. Ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát này có thể khiến cho phiền não của chúng sinh khô dứt, hơn hẳn ánh sáng trí tuệ của tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát khác. Nếu lại thọ sinh, thì làm Thiên vương Tha hóa tự tại, dùng trí tuệ tạo lợi ích, tất cả thần lực vượt hơn trụ trước ức trăm ngàn lần. Đó gọi là lược nói về Trụ vô tướng có hành có khai phát. Nghĩa là tuệ phương tiện thành tựu đạo thắng tấn, khiến nhập nơi xứ đã khởi thuộc cảnh giới của Như Lai, phương tiện không gián đoạn, ở trong mỗi mỗi niệm gồm đủ pháp Bồ-đề phần, nhiễm ô hay không nhiễm ô đều kiến lập phương tiện hành, thân nhận đầy đủ làm thanh tịnh nghiệp thân khẩu ý. Tất cả nghiệp công xảo của thế gian đều viên mãn, được vô lượng Tam-muội, không chung với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, niệm niệm hành tịch diệt, cùng hành với hết thấy hành của thế gian. Thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Viễn Hành trong Kinh Thập Địa đã nói. Hành phương tiện đầy đủ, thế nên địa ấy gọi là Viễn Hành. Địa Viễn Hành kia tức ở đây gọi là Trụ vô tướng có hành có khai phát.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ vô tướng không hành không khai phát? Bồ-tát này ở trụ vô tướng đầu tiên được mười thứ trí, nhập vào đệ nhất nghĩa của tất cả pháp, như trong kinh đã nói. Nghĩa là pháp ba đời như chỗ ứng hợp là không sinh, không khởi, không tướng, không thành. Tự tánh của đệ nhất nghĩa là ngôn thuyết, không nhận biết ngôn thuyết. Hành tự tánh cũng sinh tà kiến không trí chấp trước đều nhận biết là các việc ngôn thuyết. Tất cả thời đầu giữa cuối, phiền não bình đẳng, nhập là vọng tưởng bình đẳng, tất cả phiền não thấy đều xa lìa. Đó gọi là lược nói về trí nhập đệ nhất nghĩa. Mười thứ trí này tăng thượng đầy đủ rồi, nhập trụ thứ tám thanh tịnh. Đây gọi là Bồ-tát đạt được pháp nhãn vô sinh vui tịnh thứ nhất. Lại có bốn thứ cầu, cầu tất cả pháp, bốn thứ đều nhận biết như thật, biết tất cả pháp, do cầu biết nên lìa tất cả vọng tưởng, chấp trước. Nơi hiện pháp, tất cả phiền não không khởi, ở đời vị lai, tất cả vọng tưởng chấp trước đều rốt ráo không sinh. Bốn thứ cầu, bốn thứ đều nhận biết như thật, như trong Phẩm Chân Thật ở trước đã nói. Từ trụ giải hành cho đến trụ vô tướng có hành có khai phát chưa đắc vui tịnh, ở trụ này mới được vui tịnh. Vì thế gọi là pháp nhãn vô sinh thứ nhất. Được pháp nhãn vô sinh rồi, đắc hành sâu xa, lìa bốn thứ não loạn của trụ vô tướng thứ nhất: Một là có hành có khai phát. Hai là phương tiện chuyên cần của địa tịnh. Ba là tất cả lợi ích của chúng sinh có thể hành trì phương tiện chuyên cần. Bốn là hành tướng của vi tế. Do vậy trụ này gọi là vui tịnh. Đối với pháp môn thâm diệu, trong dòng chảy của pháp, Đức Như Lai khuyến phát xuất sinh vô lượng môn trí tuệ thần thông, các nghiệp tạo lợi ích. Do khuyến phát nên sinh ra vô lượng tôn thân trí tuệ, đạt được mười thứ tự tại, như trong kinh đã nói. Được tự tại, nên muốn trụ gần, trụ lâu, tùy ý đều có thể đạt được. Các thiền giải thoát đều tùy ý mong muốn. Các thứ vật dụng sinh sống, nghiệp công xảo của thế gian thấy đều thuận theo ý, tất cả xứ sinh, tất cả sự thọ sinh tùy ý vãng sinh. Hết thấy thần lực, hết thấy thệ nguyện theo ý đều có thể đạt. Biến tất cả vật trở thành

vàng báu tùy ý cũng được thành. Muốn biết pháp giới, danh thân, cú thân, vị thân, ở trong tất cả pháp kiến lập phương tiện thiện xảo, liền có thể nhận biết. Quả báo, phước lợi của lực tự tại như thế, như trong kinh đã nói. Nơi mỗi một niệm thường cùng thấy Phật, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, dụ như ánh sáng của vàng, như trong kinh đã nêu. Đó gọi là lược nói về Trụ vô tướng không hành không khai phát. Nghĩa là thành tựu trí đệ nhất nghĩa, được nhập pháp nhẫn vô sinh, não loạn đều lìa, đặc pháp môn sâu xa của trụ vui tịnh. Chư Phật khuyến phát xuất sinh vô lượng trí tuệ, thần thông, các nghiệp tạo lợi ích, xuất sinh vô lượng tôn thân, trí tuệ, được đại uy lực, được lực tự tại lớn, phước lợi quả báo, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Bất Động trong Kinh Thập Địa đã nói. Lìa có hành có khai phát, nhân nơi đạo thẳng tấn bất động, nên địa đó gọi là Bất Động. Địa Bất Động kia tức ở đây gọi là Trụ vô tướng không hành không khai phát.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ nơi vô ngại? Bồ-tát này vui thích sự giải thoát sâu xa, với trí thẳng tấn hơn hết, nhận biết tạng pháp của Phật, cùng các thứ hành của Bồ-tát, vì người giảng nói rộng, theo chỗ ứng hợp để nói pháp, thấy đều nhận biết như thật. Chỗ nên thuyết pháp, phiền não thanh tịnh, gì là phiền não, gì là thanh tịnh, thấy đều nhận biết như thật. Khéo thuyết giảng pháp như vậy gọi là Đại Pháp sư, đặc vô lượng Đà-la-ni, các âm thanh, biện tài đều khéo léo, thâm nhận vô tận pháp Đà-la-ni đều có thể thành tựu, cho đến xuất sinh trí vô ngại của Bồ-tát. An tọa ở pháp tòa là chỗ nên thuyết pháp cho chúng sinh ưa thọ nhận đều có khả năng thành thực, như trong kinh đã nêu rõ. Căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh cũng như thế. Đó gọi là lược nói về trụ Vô ngại của Bồ-tát. Nghĩa là bậc Đại Pháp sư ưa thích giải thoát sâu xa, thuyết pháp, hành trí không thể nghĩ bàn, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi Địa Thiện Tuệ trong Kinh Thập Địa đã nói. Tạo an

lạc cho tất cả chúng sinh, Bồ-tát tịnh tu vô ngại, nói rộng pháp lớn, thế nên địa ấy gọi là Thiện Tuệ. Địa Thiện Tuệ kia tức ở đây gọi là Trụ vô ngại.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi Trụ Bồ-tát tối thượng? Bồ-tát này nơi trụ vô ngại, tịnh tu tất cả các thứ pháp quán đánh ứng hợp với bậc Pháp vương, đắc vô lượng Tam-muội như Ly cấu v.v... làm những việc nên làm, sau cùng làm tăng tất cả trí quán đánh, Tam-muội hiện tiền, được thân đồng tọa với tất cả Phật, hoa sen quyền thuộc tỏa ánh sáng soi chiếu khắp, được nhất thiết chủng nhất thiết trí quán đánh, hết thấy sự cứng chắc đều điều phục, được trí phương tiện giải thoát nơi trụ xứ Phật, được vô lượng thần thông giải thoát, tổng trì, được trí niệm lớn, ngôn từ gấp bội, cùng thần thông lớn, căn thiện thanh tịnh, thần lực thọ sinh thắng tấn. Đó gọi là lược nói về Trụ Bồ-tát tối thượng, nói rộng như nơi Địa Pháp Vân trong Kinh Thập Địa đã nói. Bồ-tát của Địa Pháp Vân đã hành trì đầy đủ đạo Bồ-tát, đầy đủ các thứ tư lương của Bồ-đề, đắc thắng tuệ của Bồ-tát, dấy khởi mây pháp lớn, đem chánh giác tự giác làm mưa cho các chúng sinh, phiền não cấu uế đều khiến dứt trừ, vô số căn thiện tăng trưởng, thành thực. Vì vậy địa đó gọi là Pháp Vân, tức ở đây gọi là Trụ Bồ-tát tối thượng.

Như trên đã nói, công đức lần lượt chuyển hơn so với địa trước. Nơi mỗi mỗi trụ kia nếu là người trung căn thượng căn, thì đều trải qua ức trăm ngàn đại kiếp, phần nhiều có thành tựu. Người hạ căn không ở trong số đó. Hết thấy trụ kia cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ đại kiếp: A-tăng-kỳ đại kiếp thứ nhất là trụ giải hành, vượt qua là đạt được trụ hoan hỷ có năm hành thắng tấn. Ở A-tăng-kỳ đại kiếp thứ hai là trụ hoan hỷ, cho đến trụ vô tướng có hành có khai phát, vượt qua tức đạt được trụ vô tướng không khai phát. Đây tức là quyết định, Bồ-tát tâm tịnh quyết định thắng tấn. Nơi A-tăng-kỳ đại kiếp thứ ba là trụ vô tướng không khai phát và trụ trí vô ngại, vượt qua tức đạt được trụ Bồ-tát tối thượng.

Kiếp có hai loại: Một là số ngày tháng, ngày đêm, thời tiết năm là vô lượng nên gọi là A-tăng-kỳ. Hai là vô lượng đại kiếp nên gọi là A-tăng-kỳ. Số năm nơi A-tăng-kỳ kiếp kia, thì ba A-tăng-kỳ trước Bồ-tát đã vượt qua, sau ba A-tăng-kỳ đại kiếp, không có sự vượt qua. Nếu Bồ-tát đạt tinh tấn tăng thượng, tức có thể chuyển trung kiếp, không thể chuyển đại kiếp.

Như vậy, Bồ-tát của mười hai trụ, cứ ba A-tăng-kỳ đại kiếp, phần phiền não chướng nhiễm ô, phần trí chướng nhiễm ô, đoạn trừ phần phiền não chướng nhiễm ô của ba trụ kia. Đoạn phần phiền não của não ác nơi trụ hoan hỷ, phần phiền não trong tăng thượng, tất cả không hành. Trụ vô tướng không khai phát, pháp nhãn vô sinh thanh tịnh nối tiếp, phần phiền não nhiễm ô tất cả không hành. Nơi trụ Bồ-tát tối thượng, tất cả phiền não tập kia, sử chướng đều đoạn, nhập trụ Như Lai. Phần nhiễm ô của trí chướng có ba thứ: Một là da. Hai là thịt. Ba là xương. Trụ hoan hỷ đoạn chướng ngoài da, trụ vô tướng không khai phát đoạn chướng trong thịt, trụ Như Lai đoạn chướng nơi xương, tất cả chướng đều thanh tịnh. Đối với ba trụ này đoạn trí chướng, các trụ khác tùy theo thứ lớp tạo sự trang nghiêm chân thật. Như vậy, mười ba trụ có mười một thứ tịnh. Một là chủng tánh tịnh. Hai là giải hành tịnh. Ba là tâm tịnh tịnh. Bốn là giới tịnh. Năm là ý tịnh. Sáu, bảy, tám là chánh kiến tịnh. Chín là phương tiện hành đầy đủ tịnh. Mười là trí chân thật thân thông xuất sinh tịnh. Mười một là nói chánh nghĩa vô tận, vô ngại tịnh. Mười hai là tùy thuận tất cả chủng, tất cả trí của đối tượng nhận biết đều tịnh. Mười ba là trụ Như Lai, tất cả tập khí, sử của phiền não chướng, tập khí sử của trí chướng đều tịnh, như trong Phẩm Công Đức của Bồ-tát ở trước đã nói, tám pháp gồm thâm tất cả Đại thừa, thuộc về tạng Bồ-tát. Mười ba trụ này gồm thâm trụ thứ nhất và trụ thứ hai, tín tâm sinh trụ giải hành. Đối với tạng Bồ-tát đạt được văn tuệ, tư tuệ. Trụ thứ ba được tâm tịnh và hành tu tuệ đầu tiên. Trụ thứ tư cho đến trụ thứ chín, thì nơi trụ vô

tướng có hành có khai phát là tu tuệ rộng lớn. Trụ thứ mười, mười một, mười hai là quả của tu tuệ thuộc về hành tu tuệ thanh tịnh thành tựu Trụ Như Lai, xuất ly rốt ráo.

Pháp của trụ Thanh văn cũng có mười hai, Bồ-tát theo thứ lớp nên nhận biết: Một là trụ tự chủng tánh của Thanh văn Hai là trụ nhập chánh vị vượt thứ lớp theo phương tiện thủ chứng. Ba là trụ vượt thứ lớp thủ chứng. Bốn là trụ đạt được tịnh bất hoại, chưa được Thánh giới chuyển tăng khiến lậu tận. Năm là trụ dựa nơi giới tăng thượng xuất sinh học tăng thượng. Sáu, bảy, tám là trụ đạt được trí chân đế nơi tuệ học tăng thượng. Chín là trụ đạt phương tiện Tam-muội quán xét sinh tử vô tướng. Mười là trụ vô tướng cứu cánh. Mười một là trụ xứ giác giải thoát. Mười hai là trụ nhất thiết chủng A-la-hán.

HẾT - QUYỂN 9

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 10

XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH

Phẩm thứ 1: SINH

(Đoạn thứ ba có 5 phẩm)

Về sự thọ sinh của Bồ-tát lược nêu có năm thứ, nơi tất cả trụ, tất cả hành, Bồ-tát đều đem an lạc vô tội cho tất cả chúng sinh. Một là dứt trừ khổ nên sinh. Hai là theo loại nên sinh. Ba là thắng sinh. Bốn là tăng thượng sinh. Năm là tối hậu sinh.

Bồ-tát dùng lực nguyện, lực tự tại, ở trong đời đói kém, thọ thân loài cá lớn, dùng thịt để cứu giúp tất cả chúng sinh. Ở trong đời bệnh dịch, làm đại y vương chữa trị tất cả bệnh. Vào đời đao binh, làm bậc vua có uy lực lớn, khéo dùng phương tiện nói lời thành tín, đem tâm bình đẳng cứu tế nhằm chấm dứt chiến tranh. Đối với các nơi chốn có trói buộc, đánh đập, bức bách, vì muốn dứt trừ khổ não nên sinh vào chốn vương gia, đem chánh pháp giáo hóa. Đối với những chúng sinh theo tà kiến, thờ phụng thiên thần, tạo các hành ác. Do lực nguyện, lực tự tại, sinh nơi xứ trời kia, đoạn trừ tà kiến và các hành ác. Vô lượng những xứ sinh như vậy, Bồ-tát đều sinh đến. Đó gọi là vì nhằm dứt trừ khổ nên sinh.

Bồ-tát dùng lực nguyện và lực tự tại, đối với các loại chúng sinh như trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la v.v... thay nhau nhiễu loạn, cùng các

ngoại đạo khởi các tà kiến hành ác, bất thiện, đều sinh vào trong đó, vì họ nên làm người đứng đầu dẫn dắt, khiến họ đi vào đường chân chánh. Việc họ đã làm, Bồ-tát không làm, nên họ không tu tập, Bồ-tát phải tu tập, lại đem pháp thiện thuyết giảng rộng cho họ. Như vậy là tùy theo loại thọ sinh, cho đến vô lượng. Đó gọi là theo loại nên sinh.

Bồ-tát dùng tánh thọ sinh hơn hẳn đối với quả báo sống lâu ở thế gian như là sắc lực v.v..., như nơi Phẩm Tự Lợi Tha Lợi đã nói. Thọ sinh như vậy cũng lại vô lượng. Đó gọi là thắng sinh.

Bồ-tát từ trụ tâm tịnh cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, đều ở trong ấy thọ sinh, như Phẩm Trụ ở trước đã nói. Nơi châu Diêm-phù-đề tự tại sinh, cho đến trời Đại Tự Tại, chưa vượt qua địa cứu cánh, trong tất cả xứ thọ sinh đều hiện bày những sự kỳ lạ, đặc biệt. Đó gọi là tăng thượng sinh.

Bồ-tát nơi trụ Bồ-tát tối thượng thọ sinh, điều phục nghiệp, các thứ tư lương của Bồ-đề đều tăng thượng đầy đủ, sinh vào nhà Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng, hành tác tất cả Phật sự. Đó gọi là tối hậu sinh.

Tất cả Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều dùng năm thứ thọ sinh này là rốt ráo, không gì hơn. Bồ-tát nhân nơi năm thứ thọ sinh ấy nên mau chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CẢNH

Phẩm thứ 2: GỒM THÂU

Bồ-tát nơi tất cả trụ, tất cả hành đều cùng gồm thấu chúng sinh, lược nêu có sáu thứ: Một là gồm thấu tức thì. Hai là gồm thấu tăng thượng. Ba là gồm thấu giữ lấy. Bốn là gồm thấu lâu xa. Năm là gồm thấu không lâu xa. Sáu là gồm thấu tiếp sau.

Bồ-tát khi mới phát tâm, đối với tất cả chúng sinh khởi tưởng là cha mẹ, tùy theo năng lực có thể dùng tất cả các thứ để tạo lợi ích an lạc. Đó gọi là gồm thâm tức thì.

Bồ-tát làm bậc chủ đối cha mẹ luôn tôn trọng, thường dùng các thứ phương tiện khuyên tu pháp thiện, tùy thời cúng dường, biết ân báo ân, đối với vợ con, quyến thuộc luôn chăm sóc, chỉ dạy, có sai phạm điều gì thì gắng nhẫn, bệnh tật thì lo liệu chữa trị, dạy tu pháp thiện, khiến họ thẳng tắn. Đối với hàng nô tỳ, kẻ sai khiến, luôn đem tâm bình đẳng cư xử, không sinh tưởng khinh miệt. Bồ-tát làm vua cai trị muôn dân, như pháp chân chánh giáo hóa, không tăng hình phạt, đem của cải, đem pháp để tạo lợi ích, tự giữ cõi nước mình, không xâm lấn đất người, tùy theo năng lực chỉ dạy các chúng sinh khiến tu pháp thiện. Bồ-tát làm cha, đối với các chúng sinh khác hãy còn không thiên vị, hướng chi là quyến thuộc của mình mà không bình đẳng. Ngôn ngữ thường dịu dàng, chân thật, không giả dối. Tất cả các sự khổ não bức thiết như trời buộc sát hại thầy đều xa lìa. Đó gọi là gồm thâm tăng thượng.

Có hai nhân duyên để cùng gồm thâm đồ chúng: Một là xả bỏ tâm tham, đem của cải tạo lợi ích, xa lìa sự nghèo cùng. Hai là dạy tu chánh nghĩa, đem pháp tạo lợi ích, nhỏ sạch những tà kiến xấu ác, tâm bình đẳng thâm nhận không thiên vị, không vì pháp mà keo kiệt, không làm vị thầy mỗi mệ, không ở các chốn ấy để cầu được cúng dường. Có người ưa thích tu hành cũng không nên ngăn cản, phải vì họ giúp tăng trưởng những tư lương của phước đức. Người chưa hiểu nghĩa thì khiến hiểu, đã hiểu rồi thì khiến thêm rộng lớn. Người còn nghi khiến quyết đoán. Người hối tức khiến hiểu biết rõ, tùy thời vì họ giảng nói nghĩa chính yếu sâu xa, đồng khổ đồng vui, tâm không tăng giảm. Đối với người phạm tội, tâm bình đẳng răn dạy, có khi quở trách, có khi khen ngợi. Bệnh tật thì lo liệu chữa trị, trừ diệt buồn lo. Đối với người suy nghĩ không thấu đáo, ít tinh tấn,

trí tuệ thấp kém, không nên khởi tướng xem thường, theo chỗ thích hợp vì họ giảng nói về cảnh giới, thâm giữ niệm, tùy thời chỉ dạy về an nhẫn không nào hại. Đối với những vị bằng mình hoặc hơn mình, nên hành pháp cúng dường thù thắng, tu tập tâm bi không trao cử, không lay động, thành tựu giới kiến, oai nghi theo chánh mạng, dung mạo vui vẻ, nhìn thẳng, trước nói lời thăm hỏi, thường tu nghiệp thiện, không được phóng dật. Bồ-tát đem những giáo pháp như vậy dạy bảo đồ chúng và cũng để tự mình hành trì. Bồ-tát không ở trong tất cả thời gian thâm giữ đồ chúng. Cũng không phải là không nắm giữ, cũng không quá thúc bách để nắm giữ. Đó gọi là gồm thâm giữ lấy.

Chúng sinh bậc hạ, phải thành thực rất lâu mới được tịnh. Đó gọi là gồm thâm lâu xa.

Chúng sinh bậc trung, thành thực không lâu thì được tịnh. Đó gọi là gồm thâm không lâu xa.

Chúng sinh bậc thượng, thành thực trong đời này tức có thể được thanh tịnh. Đó gọi là gồm thâm tiếp sau.

Đó gọi là sáu thứ cùng gồm thâm chúng sinh. Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai, đã gồm thâm, đang gồm thâm, sẽ gồm thâm đều theo sáu thứ này, rất ráo không gì hơn.

Bồ-tát cùng gồm thâm chúng sinh như thế có mười hai thứ khó: Một là khó có thể khéo quan sát các chúng sinh phạm giới, hoặc chỉ dạy, hoặc từ bỏ. Hai là khó vì điều phục chúng sinh khổ, dùng phương tiện hành tự ngăn giữ phiền não. Ba là khó vì của cải vật dụng rất ít, nhưng người cầu xin thì nhiều. Bốn là khó vì chỉ có một thân nhưng nhiều người cầu đồng sự. Năm là khó vì do nghiệp thanh tịnh, nơi hàng trời người lại sinh phóng dật, nhưng trong tâm ban đầu không có phóng dật. Sáu là khó vì luôn thương nhớ chúng sinh tạo lợi ích, đồng sự. Bảy là khó vì đối với những người ngu si, dua nịnh

quanh co những kẻ tay chân bị tàn tật, hủy hoại, hoặc chỉ dạy, hoặc từ bỏ. Tám là khó vì thấy rõ lỗi lầm của sinh tử nhưng không xả bỏ sinh tử. Chín là khó vì chưa được tâm tịnh, nhưng cho đến khi mạng chung không mất chánh niệm. Mười là khó vì chưa được tâm tịnh, những vật rất quý trọng, chúng sinh đến xin đều đem thí cho. Mười một là khó vì đối với các người có tâm khác kiến giải khác, có đến cầu xin thì hoặc thuận làm hoặc từ bỏ. Mười hai là khó vì hoàn toàn không phóng dật nhưng không đoạn dứt phiền não.

Bồ-tát đối với chúng sinh không xem nhẹ nặng để tạo phương tiện. Hoặc xét nơi người để hành bi. Hoặc theo phương tiện dùng mãnh để tạo nhân duyên. Hoặc tu chánh nguyện, hoặc làm tịnh tâm tín. Hoặc chuyên tâm suy nghĩ, quan sát không mệt mỏi. Hoặc có lúc nhu hòa, có lúc hành xả, có khi tinh tấn, có lúc hành phương tiện thiện xảo. Bồ-tát như vậy là đã dùng phương tiện thiện xảo để đối trị đúng đắn, đối với mười hai việc khó có thể tự mở bày, giải quyết, tâm không thoái mất.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH

Phẩm thứ 3: ĐỊA

Như trên đã nói về mười hai trụ, theo thứ lớp là bảy địa: Sáu địa là của Bồ-tát, một địa là Bồ-tát và Như Lai cùng chung. Một là địa chung tánh. Hai là địa giải hành. Ba là địa tâm tịnh. Bốn là địa hành tích. Năm là địa quyết định. Sáu là địa quyết định hành. Bảy là địa tất cánh.

Trụ chung tánh gọi là Địa chung tánh. Trụ giải hành gọi là Địa giải hành. Trụ tâm tịnh gọi là Địa tâm tịnh. Trụ giới tăng thượng, trụ ý tăng thượng, ba thứ trụ tuệ tăng thượng, trụ vô tướng có khai phát, gọi là Địa hành tích. Trụ vô tướng không khai phát gọi là Địa quyết

định. Trong ba quyết định thì quyết định thứ nhất nơi trụ trí vô ngại gọi là Địa quyết định hành. Trụ Bồ-tát tối thượng, trụ Như Lai gọi là Địa tất cánh. Địa trụ Như Lai nơi Phẩm Kiến Lập ở sau sẽ nói rộng.

Bồ-tát ở địa giải hành nhập địa hoan hỷ, làm sao lia báo nơi nẻo ác? Bồ-tát ấy ở trong địa giải hành, dựa nơi thiền tịnh thể tục, chứa nhóm các tư lương của Bồ-đề, đối với một trăm mười thứ khổ nơi chúng sinh, tu tâm từ bi, vì các chúng sinh nơi nẻo ác nên trụ lâu trong nẻo ác, coi như nhà cửa của mình, ở đây tu học Bồ-đề vô thượng, gắng nhẫn, có thể vì tất cả chúng sinh làm nhân trừ khổ. Tất cả chúng sinh tạo nghiệp nơi ba đường ác, Bồ-tát đem tâm thanh tịnh nguyện xin đều chịu thay, tu hành rất ráo tất cả nghiệp thiện, tu tập chánh nguyện, dùng thiền tịnh thể tục làm nguyện lực chánh, cho nên phiền não nhiễm ô nơi nẻo ác, thân đã thọ nhận không lâu sẽ được đoạn trừ. Bồ-tát chuyển thân nơi đường ác, các nghiệp của đường ác đều không làm. Đó gọi là Bồ-tát lia các nẻo ác, vượt qua địa giải hành, nhập địa tâm tịnh, như nơi Phẩm Trụ ở trước đã nói. Trụ hoan hỷ tịnh, mười pháp như tín v.v..., ở địa này là tịnh, đối trị nơi đối tượng được đối trị và thứ tự kiến lập. Vì sao phải đối trị? Một là phóng dật, không thọ giới Bồ-tát, tin trái với Bồ-đề, thế nên dùng tín để đối trị. Hai là đối với các chúng sinh có tâm sát hại, trái với đại bi, thế nên dùng tâm bi để đối trị. Ba là đối với các chúng sinh có tâm sân hận, trái với đại từ, vì thế đem tâm từ để đối trị. Bốn là tham tiếc thân mạng, tài sản, trái với huệ thí, vì vậy đem huệ thí để đối trị. Năm là đối với các chúng sinh tham cầu nhiều thứ vật dụng, trái với sự không nắm giữ, thế nên đem sự không nắm giữ để đối trị. Sáu là không có trí phương tiện, trái với luận nhận biết, thế nên đem luận nhận biết để đối trị. Bảy là không khéo tùy thuận, trái với việc tùy thuận người khác, vì thế đem việc nhận biết thế gian để đối trị. Tám là đối với việc tu pháp thiện đã buông thả, biếng nhác, trái với hổ thẹn, thế nên đem sự hổ thẹn để đối trị. Chín là nơi dâm dãi sinh tử, thọ khổ không ngừng, tâm lại yếu kém trái với dũng mãnh, vì thế

dùng dững mãi để đối trị. Mười là đối với chư Phật còn nghi hoặc, trái với tâm cúng dường, vì vậy dùng cúng dường để đối trị.

Đây là mười thứ đối trị nơi đối tượng cần đối trị, lược nói có hai thứ: Một là tâm tịnh. Hai là phương tiện tịnh. Ba thứ trước là tâm tịnh, số còn lại đều là phương tiện tịnh.

Thế nào là thứ lớp? Bỏ-tát tin vào Bỏ-đề, đối với chúng sinh khổ đầy khởi tâm bi. Khởi tâm bi, nên khi muốn độ chúng sinh lại khởi tâm từ. Khởi tâm từ nên lại hành huệ thí. Hành huệ thí nên tu tập chánh nghĩa không chán mệt. Không chán mệt vì thế nhận biết các kinh luận. Nhận biết kinh luận, vì thế khéo nhận biết thế gian và tùy thuận thế gian. Tùy thuận thế gian nên nếu phiền não khởi thì sinh hổ thẹn. Do hổ thẹn nên không bị cuốn theo phiền não, tức được lực dững mãi. Được lực dững mãi nên tu chánh phương tiện, pháp thiện tăng trưởng, được nhiều lợi ích thù thắng, cúng dường Như Lai. Như vậy là mười pháp làm tịnh tất cả địa.



XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH

Phẩm thứ 4: HÀNH

Bỏ-tát từ trụ giải hành cho đến trụ Bỏ-tát tối thượng, lược nêu có bốn hành: Một là hành Ba-la-mật. Hai là hành pháp Bỏ-đề phần. Ba là hành thân lực. Bốn là hành thành thực chúng sinh.

Như trước đã nói sáu Ba-la-mật, nay thêm Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lực Ba-la-mật và Trí Ba-la-mật. Đó gọi là hành Ba-la-mật.

Như trước nói mười hai phương tiện thiện xảo, đó gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Như trước nói năm thứ nguyện, đó gọi là nguyện Ba-la-mật. Mười lực nơi phương tiện thanh tịnh, đó gọi là

lực Ba-la-mật. Tất cả phân pháp bộ đều nhận biết, đó gọi là trí Ba-la-mật. Nhận biết đệ nhất nghĩa đế nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Nhận biết thế đế nên gọi là trí Ba-la-mật.

Lại, có vô lượng trí nên gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Cầu trí tăng tiến nên gọi là nguyện Ba-la-mật. Tất cả ma đạo không thể phá hoại nên gọi là lực Ba-la-mật. Trí mở bày giác ngộ nên gọi là trí Ba-la-mật.

Như trước nói về ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như Niệm xứ v.v... bốn thứ cầu, bốn thứ đều nhận biết như thật. Đó gọi là hành pháp phần Bồ-đề.

Như trước nói về sáu thần thông. Đó gọi là hành thần lực.

Như trước nói về hai vô lượng là điều phục giới vô lượng, điều phục phương tiện vô lượng. Đó gọi là hành thành thực chúng sinh.

Như vậy, bốn hành gồm thấu tất cả hành của Bồ-tát, tu tập lâu dài trong ba A-tăng-kỳ kiếp. Tự tánh thanh tịnh thù thắng hơn thế gian, Thanh văn, Duyên giác, gồm thấu quả Đại Bồ-đề.

Mười pháp như thí v.v..., thời độ, tự tánh thanh tịnh độ, quả độ, thế nên gọi là Ba-la-mật. Các Ba-la-mật thứ lớp kiến lập có ba thứ: Một là đối trị. Hai là nhân khởi. Ba là quả báo.

Tham lam keo kiệt, nghiệp ác, sân hận, biếng nhác, loạn ý, ngu si, sáu pháp như vậy làm chướng ngại Bồ-đề, dùng sáu độ đối trị, tùy theo chỗ ứng hợp của sáu pháp đó, những Ba-la-mật còn lại thuộc về sáu Ba-la-mật này, đó gọi là kiến lập đối trị.

Bồ-tát này khởi đầu không tham tiếc của cải, xả bỏ để xuất gia, xuất gia rồi thọ giới Bồ-tát, do hộ giới nên tu tập nhẫn nhục, không sợ chúng sinh nên lực nhẫn thanh tịnh. Không sợ chúng sinh nên tu tập không gián đoạn. Pháp thiện là phương tiện để tu tinh tấn, không phóng dật nên khéo đạt nhất tâm, tâm đã khéo hợp nhất thì được trí như thật. Đó gọi là kiến lập nhân khởi.

Bồ-tát này hiện pháp tu tập pháp thiện huệ thí, ở đời vị lai, bên ngoài được nhiều của cải, bên trong được năm thứ quả báo là thọ mạng, sắc, lực, an lạc, biện tài. Người đầy đủ năm thứ Ba-la-mật như giới v.v... tức được sinh trong đường thiện, đối với các chúng sinh, có điều đặc biệt như thọ mạng v.v..., đó gọi là đầy đủ thứ nhất. Người kia cùng sinh phương tiện thiện không có chán mệt, nhẫn nhịn khi bị người khác xâm phạm, không não hại chúng sinh, đó gọi là đầy đủ thứ hai. Người kia cùng sinh tất cả phương tiện kiên cố đều có thể hành tác, đó gọi là đầy đủ thứ ba. Sự đều cùng sinh ấy ít các trần uế, tâm tự gánh vác, nhận biết tất cả nghĩa, đắc các thần thông, đó gọi là đầy đủ thứ tư. Chỗ đều cùng sinh ấy trí tuệ thêm rộng, đó gọi là đầy đủ thứ năm. Như thế gọi là kiến lập quả báo.

Bốn Ba-la-mật kia với các thứ tự tánh, quyền thuộc là vô tận, đó gọi là giới học tăng thượng. Thiền Ba-la-mật gọi là ý học tăng thượng. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tuệ học tăng thượng. Ba học này được Bồ-tát chú trọng, tinh tấn học đạo. Ba học này gồm sáu Ba-la-mật rất ráo không gì hơn.

Lược nói Bồ-tát có bốn thứ hành gồm sáu tất cả sự việc: Một là trước hết tu tập căn thiện Bồ-đề. Hai là tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba là tăng trưởng pháp thiện. Bốn là thành thực chúng sinh. Như vậy, bốn thứ hành theo thứ lớp kiến lập, đó gọi là kiến lập tối thượng.

**

XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH

Phẩm thứ 5: KIẾN LẬP

Trụ Như Lai gọi là Địa cứu cánh. Chư Phật, Thế Tôn có một trăm bốn mươi pháp bất cộng: Đó là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp theo hình, bốn nhất thiết chủng thanh tịnh,

mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, pháp không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí.

Thế nào là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân? Một là dưới bàn chân bằng phẳng vững chắc. Hai là dưới bàn chân có xoáy tròn hình như hình bánh xe có ngàn nan hoa. Ba là ngón tay thon dài. Bốn là gót chân đầy đặn. Năm là trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Sáu là tay chân đều dịu mềm. Bảy là bắp chân như tướng lộc vương. Tám là mắt cá chân ẩn kín. Chín là đứng thẳng tay dài quá đầu gối. Mười là nam căn như mã vương. Mười một là thân hình đầy đặn như cây Ni-câu-loại. Mười hai là những lỗ chân lông toát ra màu xanh. Mười ba là những lông trên thân xoay về bên phải. Mười bốn là thân thể sáng chói như vàng ròng. Mười lăm là quanh mình có hào quang chiếu xa một tầm. Mười sáu là da thịt mềm dịu bụi nhơ không dính bám. Mười bảy là hai tay, hai chân, hai vai và cổ đầy đặn. Mười tám là trên thân như sư tử. Mười chín là khuỷu tay đầy đặn. Hai mươi là xương hai vai được đầy đặn. Hai mươi một là thân thể ngay ngắn. Hai mươi hai là có bốn mươi cái răng. Hai mươi ba là răng đều, khít. Hai mươi bốn là răng trắng trong. Hai mươi lăm là hai bên má cao đầy đặn như sư tử. Hai mươi sáu là nước bọt như vị cam lồ. Hai mươi bảy là trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc (nhục kế). Hai mươi tám là lưỡi dài rộng. Hai mươi chín là giọng nói nghe vang như giọng của Phạm thiên. Ba mươi là mắt xanh biếc. Ba mươi một là lông mi như ngưu vương. Ba mươi hai là chùm lông trắng thường chiếu sáng ở giữa hai lông mày.

Tám mươi vẻ đẹp tùy hình: Đó là hai mươi ngón tay, chân, tám chỗ bên ngoài bên trong ngay thẳng đầy đặn, hai gót chân, hai đầu gối, hai xương đùi, hai vai, hai khuỷu tay, hai cổ tay, hai đùi vế, hai hông, tướng ẩn chứa..., hai bên lưng, hai nách, hai vú, eo lưng tim rón, yết hầu (cổ họng), bụng thấy đều tốt đẹp. Đó gọi là sáu mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở xuống. Hai hàm răng trên dưới, hai môi, hai nướu,

hai má, hai dải tai, hai mắt, hai tai, hai mi, hai lỗ mũi, hai góc sống mũi. Đó gọi là hai mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở lên.

Tướng tốt này Bồ-tát nơi địa tâm tịnh mới bắt đầu đạt được, tất cả địa sau dần dần thanh tịnh thù thắng, đến tòa Bồ-đề mới được vui tịnh. Ngoài ra các pháp bất cộng như bốn nhất thiết chủng thanh tịnh v.v..., khi vui tịnh đầy đủ thì được, loại thấp thì thành tựu trước Địa Bồ-tát.

Từ địa tâm tịnh khởi hết thủy trắng tẩn, sinh tất cả tướng tốt của Bồ-tát. Lại có vô số tư lương của Bồ-đề có xa có gần. Xa thì chưa được tướng tốt, gần thì đã được. Tạo đủ các thứ nghiệp, được đủ các thứ báo. Đức Thế Tôn đã dùng sức giáo hóa để giảng nói. Vì sao? Vì chúng sinh hành đủ các thứ nghiệp ác, nên nhận đủ các thứ báo ác, dùng chân thật để đối trị nên nói các thứ nghiệp tướng tốt, khiến được các thứ quả báo tướng tốt, chúng sinh nghe rồi tức ưa tu pháp thiện, lìa các nghiệp ác. Các tướng tốt như trong kinh đã nói, Bồ-tát trì giới, nhẫn nhục, huệ thí nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chải. Cúng dường cha mẹ, chúng sinh khổ não, vì họ cứu giúp, nên được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Không hại chúng sinh, không khởi tướng trộm cắp, đối với bậc tôn kính trước phải thưa hỏi, chấp tay cung kính, đem của cải quý giá, rất yêu mến cúng dường, phá trừ các kiêu mạn, nên được tướng ngón tay thon dài, tức được ba tướng trên là nghiệp được tướng gót chân đầy đặn. Dùng bốn nhiếp sự thân giữ chúng sinh, nên được tướng trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Đã từng tắm rửa thân thể các bậc đáng tôn kính nên được tướng tay chân mềm mại. Tu các pháp thiện chuyển đổi tinh tấn không chán nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tự thọ nhận chánh pháp, rộng vì người giảng nói, vì pháp nên làm sứ giả, tức được tướng mắt cá chân không hiện. Lăn lượt tu hành ba nghiệp thanh tịnh, chăm sóc bệnh, cho thuốc, lìa các ngã mạn, tu tập biết đủ, nên được tướng đứng thẳng tay dài quá đầu

gối. Thấy người chia lia, đem pháp dạy khiến cho hòa hợp, tu tập hồ thẹn, bổ thí y phục cho người nên được tướng nam căn ẩn giấu như mã vương. Tịnh tu ba nghiệp, cũng dạy cho người tu, ăn uống biết lượng, bổ thí thuốc cho người bệnh, thâm nhận nghiệp khó, tu tập tài sản khó, bốn đại tăng tổn có thể khiến cho tùy thuận, nên được tướng thân thể đầy đặn. Tức trên được tướng bắp chân như nai chúa là nghiệp, được tướng lông trên thân mềm đẹp. Tự tu pháp thiện, trí tuệ thông đạt, tư duy nghĩa vi tế của các pháp, với những bậc tôn kính ưa tu cúng dường, đối với người đồng tu, dùng tướng bạn tốt gồm râu, chỉ dẫn, khiến hội nhập nghĩa, nên được tướng mỗi mỗi lông trên thân đều xoay về bên phải. Đem y phục, xe cộ, thực phẩm, các vật dụng trang sức nơi thân như chuỗi ngọc v.v... thượng diệu, bổ thí cho tất cả, không khởi sân hận, nên được hai tướng thân sáng chói như vàng ròng và ánh sáng chiếu xa một tầm, tức trên được tướng mỗi mỗi lông xoay về bên phải là nghiệp, được tướng da thịt mềm mịn. Rộng thí cho chúng sinh, bày biện đại hội, nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Với các chúng sinh đã khởi chưa khởi, vì họ làm người dẫn đầu, xa lia ngã mạn, tánh tình nhu hòa, trừ bỏ bất thiện dạy cho pháp thiện, nên được tướng thân trên như sư tử. Tức trên được tướng ngón tay thon dài là nghiệp, được ba tướng khuỷu tay, bắp tay và hai vai đầy đặn. Xa lia lời nói hai lưỡi, phá hoại sự hòa hợp, nên được hai tướng là có bốn mươi răng và răng đều đặn dày kín. Tu tâm từ ở cõi dục, tư duy về pháp nghĩa, nên được tướng răng trắng trong. Tùy theo chỗ chúng sinh cầu xin, hoan hỷ thí cho nên được tướng hai bên má cao đầy đặn. Bổ thí pháp vị thù thắng, hoại các vị khác vì làm thanh tịnh vị kia, nên lần lượt được tướng thượng vị. Thọ trì năm giới, chuyên trao cho người, thường hành tâm bi, hồi hướng nơi pháp lớn, nên được hai tướng là tướng lưỡi dài rộng và nhục kế. Tướng nhục kế này không thấy đánh tướng, tức là một tướng. Thường tu thật ngữ, ái ngữ, thời ngữ, như pháp ngữ, tạo phương tiện thuyết pháp, nên được tướng giọng nói nghe vang như âm thanh của Phạm

thiên. Đối với khắp chúng sinh, thực hành tâm từ bình đẳng giống như cha mẹ, nên được hai tướng mắt xanh biếc và lông mi trên dưới mắt như ngư vương. Thấy người có đức chân thật thì tán dương sự tốt đẹp đó, nên được tướng chòm lông trắng thường chiếu sáng giữa hai lông mày.

Ba mươi hai tướng với nhân không sai biệt đều là do trì giới. Vì sao? Nếu người phạm giới thì không được thân người thấp kém, hưởng gì là tướng của bậc đại nhân. Như vậy nói rộng, mỗi một tướng có được là tùy theo vô số nghiệp đều kiến lập riêng.

Lại nữa, Bồ-tát tại gia, xuất gia nhờ vào bốn thứ nghiệp khéo tu tập, được tất cả tướng của bậc đại nhân. Quyết định tu nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chắc. Do chuyên tâm tu nên được chín tướng: Dưới bàn chân có xoay tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Bắp chân như nai chúa. Kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Tay chân mềm mịn. Bảy chỗ đầy đặn v.v... Thân cao ngay thẳng. Lưỡi rộng dài v.v... Do thường tu nên được năm tướng: ngón tay thon dài, gót chân đầy đặn, tay thẳng dài quá đầu gối, thân đầy đặn, răng dày khít. Vì tu vô tội nên được các tướng còn lại. Đối với các chúng sinh không giận dữ, nên được hai tướng: tay chân mềm mại, da thịt mềm mịn. Khi tu theo thứ lớp nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tâm thiện hành hoan hỷ, theo ánh sáng, âm thanh nên được bốn tướng: hào quang chiếu sáng một tầm, trên thân sáng chói như vàng ròng, răng trắng trong, chòm lông trắng chiếu sáng giữa hai chạng mày. Nghe khen không vui, che giấu công đức, nên được tướng nam căn ẩn kín như mã vương. Căn thiện đã tu hồi hướng Bồ-đề, nên được bốn tướng: lông trên thân đẹp đẽ, bốn mươi cái răng, lần lượt được thượng vị và nhục kế. Siêng tu tinh tấn nên được hai tướng: thân trên như sư tử, hai má nhô cao đầy đặn. An tâm chúng sinh như đối với con một, nên được ba tướng: răng dày khít, mắt xanh biếc, lông mi giống ngư vương. Tu tập pháp thiện không chán

nên được các tướng còn lại. Đó gọi là bốn thứ nghiệp khéo tu tập nên được ba mươi hai tướng của bậc đại nhân.

Bồ-tát nơi địa chủng tánh là xứ chủng tử của tướng tốt. Bồ-tát nơi địa giải hành là tu tập phương tiện. Bồ-tát nơi địa tâm tịnh thì đạt được. Bồ-tát nơi các địa khác thì dần dần đạt thanh tịnh thù thắng. Địa Như Lai tất cánh là vui tịnh vô thượng. Đây là lược nêu về các tướng, vì các chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, ngoài ra tất cả pháp Phật đều là tướng của bậc đại nhân. Những tướng đó cùng với một trăm bốn mươi tướng còn lại nơi thân tốt đẹp, nên nói là vẻ đẹp tùy hình. Lược nêu, tất cả phước đức của chúng sinh chứa nhóm bằng tướng một sợi lông. Phước đức chứa nhóm của tất cả tướng một sợi lông bằng một tùy hình hảo. Phước đức chứa nhóm của tất cả tùy hình hảo tăng đến trăm lần mới được một tướng, trừ bạch hào và nhục kế, công đức của tất cả tướng khác phải tăng đến ngàn lần, mới được tướng bạch hào. Công đức của tướng bạch hào tăng đến trăm ngàn lần, mới được tướng nhục kế vô kiến đảnh. Công đức của tướng bạch hào tăng đến ức trăm ngàn lần, mới được phần nhỏ tướng pháp âm của Như Lai. Như Lai tùy ý phát ra âm thanh thanh tịnh, phạm âm ấy lan xa cho đến vô lượng thế giới trong mười phương. Như vậy, Như Lai có vô lượng công đức chứa nhóm không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, nghiệp thiện của tướng tốt có ba thứ vô lượng. Ba A-tăng-kỳ kiếp tu tập, gọi là kiếp vô lượng. Tạo an lạc cho tất cả chúng sinh, gọi là tâm vô lượng. Đủ vô số các thứ nghiệp thiện, gọi là hành vô lượng. Vô lượng phước đức này là hành trang tu tập sinh khởi tướng tốt của Như Lai.

Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là cảnh giới tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh.

Thân phiền não tập, lia bỏ trọn vẹn, được thân tối thượng, sinh diệt tự tại, đó gọi là thân tịnh.

Vô số sự hiện hóa cùng các điều ngôn thuyết nơi tất cả cảnh giới đều tự tại không chướng ngại, đó gọi là cảnh giới tịnh.

Phiền não đều lìa, căn thiện thành thực, đó gọi là tâm tịnh.

Lìa bỏ tất cả vô minh cấu uế, tất cả mọi hiểu biết đều tự tại vô ngại, đó gọi là trí tịnh.

Mười lực của Như Lai: Một là trí lực của xứ phi xứ. Hai là trí lực của tự nghiệp. Ba là trí lực của thiên giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Bốn là trí lực nơi các căn lợi độn. Năm là trí lực của vô số lý giải. Sáu là trí lực của vô số cảnh giới. Bảy là trí lực của chí xứ đạo. Tám là trí lực của túc mạng. Chín là trí lực về sinh tử. Mười là trí lực của lậu tận.

Mười lực này như trong kinh phần Mười lực đã nói rộng. Ngôn ngữ đã giảng nói không trái với *như*, vì thế nên gọi là Như Lai. Quả tịnh và bất tịnh, dựa vào nhân sai khác, đó gọi là xứ. Quả tịnh bất tịnh do nhân sai khác nên trái nhau, đó gọi là phi xứ. Trí lìa tăng thượng mạn, đó gọi là trí như thật, như phẩm Bồ-đề vô thượng ở trước đã nói: Trí nhất thiết, trí vô ngại, trí thanh tịnh, đó gọi là trí lìa tăng thượng mạn. Có khả năng tạo tất cả thứ lợi ích cho chúng sinh, tất cả ma oán đều lìa bỏ, được thù thắng, đó gọi là lực. Tu tập thân nhận tùy theo ý muốn được tự tại, đó gọi là thành tự. Niết-bàn vô thượng, đó gọi là thắng diệu. Đắc tám Thánh đạo, xa lìa tất cả não loạn sợ hãi, đó gọi là an ổn. Tự biết chỗ đã đắc gọi là tự nhận biết.

Từ nơi pháp chứng đắc, đem tâm thương xót, vì người giảng nói rộng, đó gọi là Chuyển phạm luân. Vì sao? Vì Như Lai đối với các thứ não loạn này đều thanh tịnh, tịch diệt, trong mát, chân thật, khi bắt đầu chuyển khiến tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đó gọi là Phạm luân. Được giáo pháp tối thượng, gồm thân lời bậc Đại sư vô thượng nói, tự chỗ chứng đắc phá trừ đạo khác, đối với các Luận khác không sinh yếu kém, đối với tất cả các Luận đều là thắng

diệu vô thượng, vì bốn chúng giảng nói, đó gọi là sư tử gầm rống. Lược nói về mình an, người an, mình người đều an, khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết. Lại lược nêu về đắc nghĩa, đắc phương tiện. Hoặc trời, hoặc người, có cầu việc gì đều ở nơi ta đạt được, đó gọi là đắc phương tiện. Như bệnh được lành, trừ phiền não nên an ổn, lại vì người nên đối trị, đó gọi là chuyển pháp luân. Có khả năng khiến tất cả sư tà hư vọng được các đối trị, các bệnh được lành, đó gọi là sư tử gầm vang. Nếu chỗ tạo nghiệp thành tựu đã diệt, đó gọi là quá khứ. Nếu chưa làm chưa diệt, mà là sẽ làm, đó gọi là vị lai. Nếu chỗ tạo nghiệp, không phải tạo đã diệt, mà là đang làm, đó gọi là hiện tại. Do hành phân biệt lại có ba thứ, đó là nghiệp thân khẩu ý. Do thọ pháp phân biệt lại có bốn thứ. Có thọ pháp hiện đời được báo vui, đời khác báo khổ, nói rộng như trong Phẩm Tự Lợi Lợi Tha ở trước. Hiện pháp, đời sau, hoặc an hoặc không an, tùy theo chỗ ứng hợp để giảng nói pháp lợi ích, đó gọi là xứ phương tiện. Nếu số chúng sinh dùng số phi chúng sinh làm cảnh giới, có sự tạo tác, đó gọi là chúng sinh. Căn thiện đã tạo, đó gọi là nhân. Ái cùng với không ái, thành quả phước họa, đó gọi là báo. Lược nêu tất cả thời, tất cả hành, tất cả xứ phương tiện, tất cả chúng sinh, tất cả cảnh giới, tất cả nhân, tất cả họa, tất cả phước, tất cả như vậy, Như Lai đều nhận biết rõ ráo, không gì hơn.

Bốn thiền tám giải thoát: Đối với thiền giải thoát tâm được tự tại, các thứ sắc tượng kia, tùy ý đều thành, đó gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ, như nói Tam-muội chánh thọ của Đức Thế Tôn. Như chánh thọ đó, ánh sáng soi chiếu đến cõi Phạm thiên, âm thanh thuyết pháp vi diệu, chỉ nghe tiếng không thấy hình tướng, do nghĩa này nên Như Lai nhập Tam-muội tượng loại chung với thế gian, không chung với thế gian, có thể chóng thành tựu trọn vẹn. Đối với thiền giải thoát, tâm được tự tại, tùy ý đều thành, vì thế nên gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ.

Lại nữa, đối với các thiên v.v... cùng có hai thứ phiền não: Một là chưa tu phương tiện, phiền não gây chướng ngại khiến không được tu. Hai là đã đắc tự địa, phiền não nơi các triền sai khiến, trái với đạo thẳng tắn. Đức Như Lai dùng vô số các loại ngôn giáo thể tục, tùy theo hình sắc, theo chỗ ứng hợp, khiến được thiên v.v..., tu tuệ đầy đủ, lìa phiền não đạt thanh tịnh. Hoặc đắc hoặc chưa đắc, hoặc kém hoặc hơn, đều nhận biết như thật, vì thế gọi là thiên giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Nhận biết như thật, hướng thành thực nơi năm căn như tín v.v... có các hạng hạ trung thượng, đó gọi là các căn lợi độn. Từ người khác sinh tín và tự tư duy, làm phương tiện khởi mong muốn hạ trung thượng, đó gọi là vô số lý giải, kiến lập vô số chủng tánh, đó là chủng tánh của ba thừa, tánh của chúng sinh tham dục v.v... cho đến tám vạn bốn ngàn hành, như thế gọi là vô số cảnh giới.

Nhận biết các môn độ, tùy thuận đối trị. Tham dục thì quán bất tịnh, nói rộng như trong địa Thanh văn, đó gọi là tất cả chí xứ đạo. Lại, các nhóm loại đều trái nhau, khởi sự hiểu biết khác, thường muốn cùng tranh luận, giống như Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn. Tất cả các thứ đều hướng đến đời này đời khác, cũng gọi là trí lực của chí xứ đạo, như phần Thời trong kinh đã nói rộng.

Biết rõ số tục của chúng sinh trong bốn phương, kiến lập đủ các thứ danh tự. Nghĩa là tám thứ việc của quá khứ, sáu thứ đồng hành, vô số các thứ như vậy đều có thể hiểu rõ. Tám thứ việc của quá khứ là: Tên gọi như thế, sinh như thế, chủng tánh như thế, ăn uống như thế, khổ vui như thế, sống lâu như thế, trụ mãi như thế, giới hạn của thọ mạng như thế. Sáu thứ đồng hành là: Tục số danh tự về sắc như sát-lợi, cha mẹ, ăn uống, thiện ác, thọ mạng. Tám thứ sự, sáu thứ đồng hành với thân mình và người khác, nói như thế này: Đây là tên ta. Ta là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Đây là cha mẹ ta. Ta ăn uống như vậy. Ta làm việc thiện ác như vậy, hoặc tuổi nhỏ, hoặc

trung niên, hoặc lớn tuổi. Sáu việc đồng hành như thế, dùng trí tức mạng đều nhận biết như thật.

Tất cả thiên gọi là Thiên trụ. dựa nơi thiên được nhãn (mắt) nên gọi là thiên nhãn tịnh. Quả đầy đủ nên gọi là vui tịnh. Trong loài người không có điều đó nên gọi là vượt hơn người. Tuy nơi các trời cõi dục có quả báo về thiên nhãn, nhưng trong loài người cũng không phải là không có. Chúng sinh sắp chết gọi là lúc chết. Tối tăm có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, dựa nơi trung âm sinh, như đêm đen, ánh sáng nơi lòng dè đen càng tối, nên gọi là sắc xấu. Bạch tịnh có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, dựa nơi trung âm sinh, như áo dẹt ở Ba-la-nại nơi ánh sáng của trăng sáng, nên gọi là sắc đẹp. Dấy khởi giới ác đó gọi là giới ác. Thân khẩu ý hành ác gồm đủ các thứ tà kiến, hành ác thành hình, phi báng Hiền Thánh, đó gọi là phi báng do ác kiến. Chấp trước theo kiến tà, nhân tà, quả tà, duyên như vậy tạo ra tất cả nghiệp tà. Tạo nghiệp tà rồi, đời hiện tại thọ vui, đời vị lai thọ khổ báo, thành khổ của đời hiện tại, khổ báo của vị lai, đó gọi là thọ nhận nhân của pháp tà tạo thành. Vô số các thứ pháp ác sinh trong đường ác, đó gọi là nhân. Danh sắc kia phân ly, gọi là thân hoại. Sinh lực đều hết, gọi là mạng chung. Hành ác phi pháp đó gọi là ác. Thọ khổ xúc tội bực nơi đêm dài sinh tử không ngừng, đó gọi là nẻo ác. Rơi vào xứ rất thấp trái với tâm đại bi v.v... đó gọi là đọa. Tăng thượng đáng chán, đó gọi là Nê-lê. Cùng với trên trái nhau, đó gọi là phần tịnh. Nhân nơi hành thiện sinh, đó gọi là nẻo thiện. Sự thọ nhận tự nhiên, đó gọi là thiên (trời). Tất cả lậu hoàn toàn không còn, đoạn tất cả sử, tâm vô lậu đối trị, trí vô lậu, đệ nhất ý tăng thượng, tuệ tăng thượng, hữu lậu dứt hết, đó gọi là tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nương vào kiến đạo, tu đạo, tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, đó gọi là hữu sau. Chúng đắc sáu thần thông, tự nhận biết như thật, có thể vì người khác giảng nói, vì thế nói tự nhận biết, tác chứng: Nẻo sinh tử của Ta đã hết, phạm hạnh đã lập, nói rộng như thế.

Mười lực của Như Lai có bảy loại: Một là tự tánh. Hai là phân biệt. Ba là không chung. Bốn là như nhau. Năm là tạo nghiệp. Sáu là thứ lớp. Bảy là sai biệt.

Tự tánh: Có chỗ nói là tự tánh của năm căn, có nơi nói là tự tánh của trí tuệ. Tự tánh của trí tuệ, nghĩa là nói trí lực của xứ phi xứ, không nói lực xứ phi xứ như tín v.v... Như trí lực của xứ phi xứ, các lực khác cũng như vậy.

Về phân biệt: Lược nêu có ba thứ: Một là phân biệt thời: Quá khứ, vị lai, hiện tại nhập nơi nhất thiết trí. Hai là phân biệt chủng: Tất cả pháp hữu vi nơi tự tướng, cộng tướng, nhập nơi tất cả chủng loại. Ba là phân biệt chúng sinh: Tất cả giới chúng sinh nhập nơi tất cả lợi ích. Ba thứ phân biệt như thế, nói rộng thì có vô lượng.

Không chung: Nghĩa là mười lực của Đức Như Lai không chung với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Như nhau: Nghĩa là mười lực của hết thảy Như Lai là bình đẳng, không có hạ trung thượng.

Tạo nghiệp: Nghĩa là trí lực của xứ phi xứ, nhân quả chân thật đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về nhân quả nơi các Sa-môn, Bà-la-môn theo trí lực của tự nghiệp, tự tạo ra nghiệp, nghiệp này thọ quả, đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về thí phước nơi các Sa-môn, Bà-la-môn, theo trí lực của thiên giải thoát, Tam-muội chánh thọ, ba thứ thị hiện điều phục dạy trao, hàng phục, đối trị. Tranh luận trái nhau nơi các Sa-môn, Bà-la-môn, theo trí lực của các căn độn lợi, đối với các chúng sinh căn tánh hạ trung thượng đều nhận biết như thật, theo chỗ ứng hợp tùy theo phương tiện để vì họ thuyết pháp. Trí lực của vô số lý giải, đối với các chúng sinh có sự hiểu biết hạ trung thượng, lý giải tịnh, bất tịnh đều nhận biết như thật, dạy tu lý giải tịnh, lìa lý giải bất tịnh. Trí lực của các thứ giới, đối với các chúng sinh thuộc cảnh giới hạ trung thượng đều

nhận biết như thật. Như nơi tâm kia, căn kia, ý muốn kia, sự sai khiến kia, các môn độ kia đều chỉ dạy truyền trao lợi ích. Trí lực của chí xứ đạo, Đức Như Lai vì các chúng sinh, dùng đủ các môn độ, đủ các cách dạy bảo, trao truyền như nơi địa Thanh văn thứ lớp khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết.

Thế nào là Như Lai dạy trao về nghiệp ban đầu nơi Tam-muội của Bồ-tát đủ các thứ thâm nhận trụ tâm? Như Lai vì những người không đua nịnh quanh co dạy dỗ khiến họ tu học, nói như thế này: Thiện nam! Ông nên một mình ở chỗ vắng lặng, vui thích hết mực về tịch tĩnh, suy nghĩ về những danh tự mà cha mẹ, sư trưởng đã tạo ra. Như danh tự này, sáu nhập trong ngoài, hai bên và chính giữa, tất cả đều không, tự tánh cũng không, chỉ là danh tướng được thiết lập. Suy nghĩ như vậy, về pháp không thể thủ đắc, không ở vị lai khởi tướng sẽ đến. Thiện nam! Trong hiện tại, nhãn tạo tác về nhãn gọi là nhãn tướng, nên nhãn được thiết lập, phải tự quan sát. Nhãn của ta hãy còn không thể thủ đắc, huống gì là danh tướng được thiết lập nói là nhãn. Như vậy, những danh tướng được thiết lập, tất cả đều không, danh tướng được thiết lập thấy đều không chân thật, tự tánh của nhãn kia cũng không. Vì sao? Vì không phải nhãn kia gọi là nhãn tướng, nhãn được thiết lập sinh nhãn nhận biết. Đó chỉ là danh tự ngôn thuyết sinh nhãn nhận biết. Không phải tánh của nhãn kia có thể nghe biết, nhưng chính là ở nơi danh ở nơi sự sinh ra nhãn nhận biết. Vì thế nên suy nghĩ: Về nhãn danh, nhãn tướng, nhãn được thiết lập từ xưa nay, các pháp vị lai đều không thể thủ đắc. Như nhãn, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, cho đến thấy nghe hiểu biết, hoặc cầu, hoặc đắc, hoặc giác (tâm), hoặc quán (tứ) đều cũng như vậy. Tất cả pháp tướng cho đến tướng vị lai đều như vậy. Hoại ngã tướng, đạo phương tiện thâm nhận, cho đến hoại tất cả pháp tướng, đạo phương tiện thâm nhận đều như vậy. Tất cả đối tượng nhận biết đều khéo quan sát. Tất cả pháp tướng, tướng vị lai, tất cả hư giả, tướng không, không tư duy, không tướng, đối với tất cả nghĩa đều không chỗ thâm nhận, thì sẽ chứng đắc

chúng tánh Tam-muội trí tuệ thanh tịnh của Như Lai. Các Bồ-tát kia đắc quán bất tịnh, hành nơi tâm từ, quan sát duyên khởi, phân biệt các cảnh giới, niệm hơi thở ra vào, đạt được sơ thiền, cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bồ-tát tư duy về vô lượng Tam-muội chánh thọ, dần dần cho đến khi đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng. Đó gọi là chí xứ đạo của Bồ-tát. Như Lai ở quá khứ, vì Bồ-tát mới tu tập đã chỉ dạy trao truyền như vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ chỉ dạy như vậy. Chư Phật hiện tại cũng đang chỉ dạy như vậy. Thừa Thanh văn tư duy như thế chóng đắc thần thông, trí vô ngại, hết thảy trí lực của chí xứ đạo, ra khỏi tất cả đường khổ, đều nhận biết như thật, lìa đạo không xuất ly, đạo xuất sinh lợi ích. Trí lực túc mạng, quan sát thọ mạng đời trước, đối với thiện, đối với ác, hoặc tâm nhầm chán, hoặc tâm thanh tịnh, điều phục thuyết pháp, điều phục Thường luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực về sinh tử nói về nơi chốn sinh đến của chúng sinh trong sinh tử, điều phục đoạn trừ Diệt luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực của lậu tận điều phục nghi hoặc về giải thoát nơi Sa-môn, Bà-la-môn.

Thứ lớp: Nghĩa là Như Lai chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng thì liền đạt được mười lực. Về sau theo thứ lớp nơi nhân quả của phần pháp bộ A duy tam Phật hiện ra trước, dùng trí lực của xứ phi xứ, quan sát phần bộ nhân quả, quả của cõi dục có sai khác. Dùng trí lực của tự nghiệp quan sát tự nghiệp để vì chúng sinh thuyết pháp, giúp lìa nghiệp ác, tu hành nghiệp thiện, khiến cho đạo thể tục được lìa dục. Đem trí lực của thiên giải thoát Tam-muội chánh thọ, chỉ dạy các chúng sinh. Lại vì lìa dục xuất thế, nên đem trí lực của thiên giải thoát Tam-muội chánh thọ, trước tiên dạy cho chúng sinh, để đạo thể tục lìa dục, sau được đạo xuất thế gian lìa dục, nhằm khiến chúng sinh được lìa dục xuất thế gian. Dùng trí lực của các căn lợi độn quan sát các căn, nhận biết các căn rồi, muốn nhận biết hy vọng, dùng trí lực của vô số thứ lý giải để quán xét hy vọng kia. Quán hy vọng rồi dùng trí lực của vô số thứ cảnh giới, quan sát căn sử, tùy

theo phương tiện cảnh giới nơi môn độ kia để độ thoát. Dùng trí lực của tất cả chí xứ đạo, đối với cảnh giới, phương tiện, môn độ tâm trụ thâm nhận tâm trụ. Hành thanh tịnh rồi, xa lìa các kiến chấp như thân kiến, thường kiến, đoạn kiến, để nói trung đạo. Lìa tất cả phiền não nên nhập vào trí lực túc mạng và trí lực sinh tử. Vì nhằm dứt trừ sự trôi buộc do không đoạn phiền não, khởi tăng thượng mạn, nên dạy khiến xa lìa, vì thế nhập trí lực của lậu tận.

Lại, thứ lớp nghĩa là pháp A duy tam Phật, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác vô thượng rồi, trước tiên dùng trí lực của xứ phi xứ, quan sát pháp duyên khởi trụ nơi đệ nhất nghĩa. Trí nương vào pháp trụ nơi đệ nhất nghĩa rồi, dùng trí lực của tự nghiệp quán các thứ nghiệp của phần tại gia. Quán các thứ nghiệp của phần tại gia xong, dùng trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, quán phần xuất gia. Làm sao khiến cho phần xuất gia này đối với giải thoát khổ nên vì đó giảng nói đạo. Khởi tâm đại bi, Phật nhãn quan sát, đem trí lực của các căn lợi độn quan sát các căn hạ trung thượng vì đó giảng nói pháp. Ngoài ra, trí lực của vô số lý giải thứ lớp như trước nói.

Lại, thứ lớp nghĩa là pháp A duy tam Phật, dùng trí lực của xứ phi xứ, quan sát pháp giới duyên khởi, đem trí lực của tự nghiệp quan sát cảnh giới của chúng sinh, thấy những chúng sinh này tạo nghiệp như vậy, thọ quả như vậy. Quán pháp giới và cảnh giới chúng sinh rồi, đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, vì chúng sinh khổ, thị hiện ba thứ để dạy bảo, trao truyền. Trí lực của những căn lợi độn khác dùng đạo độ thoát cho tất cả chúng sinh, khiến thoát các khổ.

Sai biệt: Nghĩa là nhận biết nghiệp thiện, bất thiện, được quả ái, không ái, đó gọi là trí lực của xứ phi xứ. Nhận biết nghiệp thiện, bất thiện, đắc quả ái, không ái, không tạo, không nhận, cho đến thiền giải thoát, nghiệp này không phải là nghiệp kia, đó gọi là trí lực của tự nghiệp. Nhận biết thiền giải thoát v.v... thị hiện ba thứ dạy trao,

cho đến biết tâm tịnh cùng câu sinh tương ưng, đó gọi là trí lực của thiên giải thoát Tam-muội chánh thọ. Nhận biết căn hạ trung thượng, đó gọi là trí lực của các căn lợi độn. Cho đến nhận biết các căn nơi phương tiện sinh hy vọng kia, cũng gọi là trí lực của các căn lợi độn. Nhận biết đủ các thứ hy vọng, đó gọi là trí lực của vô số lý giải.

Giải (hiểu rõ) có sáu thứ: Một là giải bất xuất: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về Ma-hê-thủ-la, Na-la-diên, Phạm thế v.v... Hai là giải xuất: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về ba thừa. Ba là giải viên tịnh: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về sự thành thực hàng hạ, trung. Bốn là giải cận tịnh: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về sự thành thực bậc thượng. Năm là giải hiện pháp đặc Niết-bàn: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về thừa Thanh văn đặc Niết-bàn. Sáu là giải vị lai đặc Niết-bàn: Nghĩa là hy vọng hiểu biết về Đại thừa đặc Niết-bàn. Cho đến hiểu biết về chỗ khởi chủng tử làm dụ, cũng gọi là trí lực của vô số lý giải.

Giới phân biệt có bốn thứ: Như chủng tử tánh, đó gọi là trí lực của vô số lý giải. Nhận biết vô số chủng tử phân biệt, đó gọi là trí lực của vô số cảnh giới, cho đến nhận biết pháp Niết-bàn và thuận giới đạo tích, cũng gọi là trí lực của vô số cảnh giới. Nhận biết tất cả các thứ đạo tích, với vô số phiền não, vô số thanh tịnh, đó gọi là trí lực của chí xứ đạo. Cho đến nhận biết túc mạng nơi nhân của tất cả nẻo, cũng gọi là trí lực của chí xứ đạo. Nhận biết sáu thứ ngôn thuyết của quá khứ, đó gọi là trí lực của túc mạng, cho đến nhận biết chúng sinh quá khứ sinh tử, cũng gọi là trí lực của túc mạng. Nhận biết sinh tử vị lai đó gọi là trí lực về sinh tử, cho đến nhận biết tự nghĩa nơi chúng sinh vị lai sinh tử chưa rõ ráo, cũng gọi là trí lực về sinh tử. Nhận biết rõ ráo tự nghĩa nơi hiện pháp đặc Niết-bàn, đó gọi là trí lực của lậu tận. Mười thứ trí lực như vậy, mỗi thứ đều có sai biệt.

Bốn vô úy: Như nơi kinh nói. Như Lai do bốn sự việc này, ở trong đại chúng tự chứng đắc không có chỗ sợ hãi (vô sở úy):

Chương trí giải thoát, tất cả pháp bình đẳng giác ngộ, không cùng với Thanh văn là vô úy thứ nhất. Chương phiền não giải thoát chung với Thanh văn là vô úy thứ hai. Ra khỏi đường khổ là vô úy thứ ba. Chương đạo pháp là vô úy thứ tư. (Câu này là không đúng. Đối chiếu nơi Luận Du Già quyển thứ 50 sẽ thấy rõ. ND)

Như Lai đối với bốn nghĩa này tự nhận biết như thật. Nếu có người phỉ báng nói là không nhận biết thì không có điều đó. Do không hề có điều ấy nên đắc vô sở úy, không khiếm nhược, không nghi hoặc, tự nhận biết quyết định, có thể làm bậc Đại sư tự an mình và an người. Hai xứ trước đầy đủ, là con đường tự an. Hai xứ sau đầy đủ là con đường an cho người khác. Hiểu biết tất cả pháp bình đẳng là hướng đến các Bồ-tát Đại thừa. Giải thoát chương phiền não là hướng đến thừa Thanh văn, Duyên giác. Đạo ra khỏi khổ và pháp chương ngại đạo là cả hai đều cùng làm. Như Lai vì các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác hành đạo ra khỏi khổ, nên giảng nói Tu-đa-la (Kinh). Kết tập kinh tạng, nghĩa là nói về hành Bồ-tát để lập tạng Bồ-tát, nói về hành Thanh văn để lập tạng Thanh văn.

Ba niệm xứ: Như nơi kinh đã nói. Như Lai nơi đêm dài sinh tử luôn khởi suy nghĩ: Ta khéo hành trì pháp luật, làm đại pháp chủ, đối với việc thọ, không thọ, không khởi tâm buồn phiền. Lược nêu về ba hạng chúng: Một là hướng đến nẻo chánh. Hai là hướng đến nẻo tà. Ba là không phải chánh không phải tà. Đối với ba chúng này dùng tâm chánh niệm không tăng, giảm.

Ba bất hộ: Như nơi kinh đã nói. Lược nêu tất cả việc làm che giấu đều đoạn, thế nên Như Lai hiện bày ba bất hộ. A-la-hán còn có Đột-kiết-la vô ký, hoặc có khi quên lầm, chỉ có Như Lai, tất cả đều không, tất cả đều chân thật. A-la-hán hoặc khi luận nghị, sợ rơi vào xứ thua kém, hoặc có khi không vui, hoặc có khi tánh vội gấp, thế nên tự hộ (giữ gìn), không khiến tập khí khởi nghiệp thân, khẩu, ý bất tịnh. Như vậy hết thảy Như Lai đều không hộ.

Đại bi: Như nơi Phạm Cúng Dường Tập Cận Vô Lượng ở trước đã nói.

Pháp không quên: Nghĩa là Như Lai đã làm việc gì, thường thuận theo nhớ nghĩ, tất cả việc làm, tất cả lời nói, tất cả phương tiện thiện xảo, tất cả thời, đối với các việc ấy, luôn nhớ không quên.

Đoạn trừ các tập: Nghĩa là Như Lai cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi đứng, đều lià các tập khí còn lại tương tự của phiền não đã khởi. Các A-la-hán cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi đứng, có các tập khí còn lại tương tự của phiền não đã khởi. Như Lai thì đoạn hẳn, vì thế gọi là đoạn trừ các tập.

Nhất thiết chủng diệu trí: Nghĩa là Như Lai nhận biết ba thứ pháp: Nghĩa tạo lợi ích, không phải nghĩa tạo lợi ích, không phải nghĩa không phải phi nghĩa tạo lợi ích.

Biết không phải nghĩa tạo lợi ích, không phải nghĩa không phải phi nghĩa tạo lợi ích nơi tất cả pháp trí, đó gọi là nhất thiết chủng trí. Biết nghĩa tạo lợi ích nơi tất cả pháp trí, đó gọi là diệu trí. Nhất thiết chủng trí và diệu trí, gọi chung là Nhất thiết chủng diệu trí.

Đây gọi là lược nói về một trăm bốn mươi pháp bất cộng, tất cả tướng hảo, Bồ-tát với thân sau cùng đắc pháp Bồ-đề phần vui tịnh, nơi cõi Bồ-đề mới đạt được đầy đủ thân tối hậu của Bồ-tát. Tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, được các tướng, Tam-muội lià chướng, thuộc về Tam-muội kim cương, lần lượt nhất tâm, liền chứng đắc mười lực, cho đến nhất thiết chủng diệu trí, vui tịnh vô thượng. Tất cả đối tượng nhận biết đều không ngại, không chướng. Vui tịnh lià cấu uế bình đẳng mở bày tỏ ngộ, vượt qua tất cả hành Bồ-tát, hành hạnh Như Lai, được thân vô thượng nơi địa cứu cánh.

Trí Bồ-tát, trí Như Lai có gì sai khác? Trí Bồ-tát của địa cứu cánh giống như nhìn qua vải thưa, trí Như Lai như bỏ vải thưa. Trí Bồ-tát như ở xa thấy sắc, trí Như Lai như ở gần thấy sắc. Trí Bồ-tát

như mắt có màn nhỏ khi nhìn xem, trí Như Lai như mắt tịnh nhìn thấy. Trí BỒ-tát như ở trong thai nhìn xem, trí Như Lai như khi sinh ra nhìn thấy. Trí BỒ-tát như trong mộng nhìn xem, trí Như Lai như khi tỉnh dậy nhìn thấy. Đây là sự sai biệt về trí tuệ của BỒ-tát nơi địa cứu cánh và Như Lai.

Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, hành trì Phật sự, tạo lợi ích cho chúng sinh, lược nêu có chín thứ. Những gì là chín? Một là nhằm khiến cho chúng sinh tâm tín thanh tịnh, thọ thân trọng phước, sinh khởi các tướng tốt. Hai là nhằm tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, đoạn trừ mọi thứ nghi, vì thế khởi mười lực của Như Lai. Ba là đem mười lực của Đức Phật, khởi tất cả nghĩa, khai phát tất cả tri kiến của Như Lai, trả lời tất cả các câu hỏi, hàng phục tất cả các luận tà, kiến lập luận chánh, nên khởi bốn vô sở úy của Như Lai. Bốn là trí tuệ của Như Lai, hoặc trụ hoặc không trụ, theo đó để điều phục, lia các phiền não, nên khởi ba niệm xứ. Năm là như trước đã nói, hành tác như vậy, nên khởi ba bất hộ. Sáu là thường dùng Phật nhãn, ngày đêm quan sát tất cả thế gian, nên khởi tâm đại bi. Bảy là đối với tất cả chúng sinh, hết thấy những việc nên làm đều đã làm, vì thế khởi pháp không quên. Tám là Như Lai hành hóa đều tùy thuận nơi như hoàn toàn rốt ráo, nên khởi đoạn trừ các tập. Chín là pháp không phải nghĩa tạo lợi ích, không phải nghĩa không phải phi nghĩa tạo lợi ích, tất cả đều xa lìa, pháp nghĩa tạo lợi ích thì phân biệt hiển bày, nên khởi nhất thiết chủng diệu trí.

Như Lai đối với một trăm bốn mươi pháp bất cộng này tạo ra chín thứ Phật sự, nói rộng tức có vô lượng. Đó gọi là Như Lai trụ, đó gọi là kiến lập. Vì sao? Vì sự tu học của BỒ-tát dựa vào đó để kiến lập hết thấy những sự lợi ích cho chúng sinh, thế nên gọi là kiến lập. Tự lợi lợi tha, không như Thanh văn, Duyên giác, nên gọi là không chung. Tất cả pháp Phật như đại bi, không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí, hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể

đạt được, ngoài ra tất cả loại khác cũng không đầy đủ, vì thế gọi là không chung. Ở đây chỉ bày đầy đủ việc Bồ-tát học đạo và quả của học đạo. Hết thấy Bồ-tát học đạo cùng quả của học đạo, hết thấy các loại xứ thuyết chân thật, thế nên gọi là địa Bồ-tát, gọi là Ma-đắc-lặc-già của tạng Bồ-tát, gọi là Đại thừa gồm thâu, gọi là hiển thị không hoại, gọi là trí căn bản thanh tịnh không chướng ngại.

Nếu có hàng trời, người, A-tu-la, phi nhân, Sa-môn, Bà-la-môn, đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe nhận, tu tập, vì người giảng nói rộng, biên chép kinh quyển, cúng dường vô số thứ, thì công đức đạt được, cùng với Đức Thế Tôn đối với Tạng Bồ-tát, vì Bồ-tát mới tu tập khai mở, chỉ bày, dạy bảo, tuyên thuyết, công đức có được là như nhau, không sai khác. Vì sao? Vì tạng Bồ-tát của địa Bồ-tát này chỉ bày pháp luật của Bồ-tát, khiến nhiều chúng sinh thọ trì, suy nghĩ, kiến lập pháp tiếp pháp hướng, dần dần chuyển thêm rộng lớn, không khởi tướng tượng pháp, tướng pháp diệt tận, có thể khiến cho nghĩa thật của tượng pháp sáng rõ, có thể khiến cho chánh pháp vĩnh viễn không diệt tận. Vì thế, nên đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe nhận, tu tập, vì người giảng nói rộng, biên chép, cúng dường, công đức có được là vô lượng vô biên.

(Như nơi đầu quyển 1 đã ghi nhận, ở đây xin nhắc lại: Đoạn cuối của quyển 10 chẳng hạn, từ đoạn giải thích về mười lực của Như Lai trở đi, đối chiếu với phần tương đương nơi Luận Du Già (quyển 50) để thấy bản Hán dịch ở đây là hoàn toàn không đạt. Người đọc nên có sự nhận biết như thế – ND)

HẾT - QUYỂN 10

SỐ 1582/9
KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

Hán dịch: Đồi Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Ma.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

Phẩm thứ 1: MỞ ĐẦU CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc, nơi Tinh xá Tu-đạt-đa thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm Đại Tỳ-kheo Tăng hội đủ, Bồ-tát gồm một ngàn vị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vô lượng chư Đại Bồ-tát:

–Ai có thể ở trong đời ác về sau này thọ trì ủng hộ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Ai có thể ủng hộ giáo pháp? Ai có thể giáo hóa tất cả chúng sinh?

Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải chầm đất, quỳ dài chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ở trong đời ác sau này xin thọ trì ủng hộ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, có thể hộ trì chánh pháp, có thể giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng có thể dùng các phương tiện để thâm giữ chúng sinh.

Bồ-tát Kim Cang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh sẽ bị đọa vào ba đường ác, con có thể ngăn lại khiến không bị đọa lạc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh mong cầu điều gì, con đều khiến tất cả được đầy đủ.

Bồ-tát Trí Tràng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban trí tuệ lớn cho chúng sinh.

Bồ-tát Pháp Tràng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể đem pháp ban khắp cho chúng sinh.

Bồ-tát Nhật Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban mọi sự an lạc cho chúng sinh.

Bồ-tát Nguyệt Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến tu tập phước đức.

Bồ-tát Thiện Hộ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ không phóng dật.

Bồ-tát Vô Tận Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến được tri kiến vô tận.

Bồ-tát Nguyệt Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban sự an lạc vô thượng cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Thiện Nguyệt thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban nhân an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Quan Thế Âm thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể cứu hộ cho những chúng sinh sợ hãi.

Bồ-tát Đắc Đại Thế thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến cho những người chưa độ đều được độ.

Bồ-tát Chúng Thiện thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến người chưa điều phục được điều phục.

Bồ-tát Thiện Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh đọa trong đường súc sinh, con có thể giáo hóa khiến họ được điều phục.

Bồ-tát Bất Lạc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban trí tuệ cho người ngu.

Bồ-tát Quang Tụ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến cho kẻ hạ căn có được thượng căn.

Bồ-tát Bất Đế thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày chánh đạo cho kẻ cuồng loạn.

Bồ-tát Lạc Kiến thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban vô lượng an lạc cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Thích Tràng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh thọ khổ thường nhớ đến sự việc khổ.

Bồ-tát Bất Khả Tư Nghi Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh trong đường nga quý xa lìa sự khổ về đói khát.

Bồ-tát Thánh Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến người chưa điều phục được điều phục.

Bồ-tát Duy Ma Cật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan tâm nghi ngờ của chúng sinh.

Bồ-tát Quang Minh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể đóng kín cửa ba đường ác.

Bồ-tát Kim Cang Công Đức thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến các chúng sinh hiểu biết sai khác thành một sự hiểu biết.

Bồ-tát Vô Lượng Hạnh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban đạo vô lậu cho chúng sinh.

Bồ-tát Vô Sở Úy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan những sự sợ hãi.

Bồ-tát Bảo Công Đức thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể hiển bày tạng báu công đức cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Thiện Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể dùng lời vi diệu hòa nhã để điều phục chúng sinh.

Bồ-tát Tịnh Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể đem sự thương yêu nhằm điều phục các chúng sinh.

Bồ-tát Bảo Hiền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến tất cả chúng sinh nhớ đến đời quá khứ.

Bồ-tát Cao Quý Đức Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh tinh tấn siêng tu.

Bồ-tát Thiện Công Đức thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến những chúng sinh khổ não đều được giải thoát.

Bồ-tát Bảo Thủ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ban các thứ báu cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Ý Châu thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể xua tan sự bần cùng của chúng sinh.

Bồ-tát Phá Kiết thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể diệt trừ mọi phiền não của chúng sinh.

Bồ-tát Kim Quang Minh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày đạo chân thật cho chúng sinh tà vạy.

Bồ-tát Công Đức Sắc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh ở các thừa đều trụ vào nhất thừa.

Bồ-tát Pháp Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh được pháp nhãn.

Bồ-tát Kim Cang Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể phá trừ mọi nghiệp ác của chúng sinh.

Bồ-tát Pháp Tăng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể thâm giữ chúng sinh đúng như pháp.

Bồ-tát Vô Danh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến tất cả chúng sinh xa lìa ba độc.

Bồ-tát Nguyệt Thắng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày phương tiện thiện cho chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể đem pháp thí cho chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan lưới nghi của chúng sinh.

Bồ-tát Hương Tượng Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể ở trong đời ác về sau này chỉ bày cho chúng sinh tỉnh mộng khiến trừ hết phiền não.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: “Kỳ thay! Lạ thay! Việc của các Bồ-tát thật không thể nghĩ bàn” và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như có Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu tập đầy đủ phương tiện có thể tạo vô số lợi ích cho chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy, chúng sinh làm sao từ vị ấy để xin đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, cho đến các thứ cần dùng. Bạch Thế Tôn! Con nay biết chắc chắn người như vậy tức là Bồ-tát Ma-ha-tát.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật như lời ông nói, chỉ có các Bồ-tát mới biết Bồ-tát, thật chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác đạt đến. Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát Ma-ha-tát tuy hiện các thứ thần lực của Phật mà trọn không xả bỏ tâm Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có trưởng giả sinh tâm kiêu mạn, Bồ-tát liền hiện tướng trưởng giả để phá trừ tâm kiêu mạn kia. Cho đến Naladien và người đoan nghiêm có tâm kiêu mạn, Bồ-tát liền hiện các thân ấy để phá bỏ sự kiêu mạn. Nếu chúng đấng Thánh pháp thì dùng Đại thừa để chỉ bày. Vì sao? Vì lìa một pháp giải thoát ấy lại không có pháp giải thoát khác, nên gọi là Như Lai.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tại gia tu tập hai thứ thí: Một là pháp thí. Hai là tài thí. Bồ-tát xuất gia tu tập bốn thứ thí: Một là bút thí. Hai là mực thí. Ba là kinh thí. Bốn là thuyết pháp thí. Bồ-tát xuất gia thành tựu đầy đủ bốn thứ thí này rồi, có thể điều phục tâm, phá trừ kiêu mạn và tu tập nhẫn nhục.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát xuất gia có đủ nhẫn nhục thì có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, lại đầy đủ ba thứ bố thí mới có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát: Một là thí. Hai là đại thí. Ba là vô thượng thí. Thí: Nghĩa là đối với vật lớn bằng bốn thiên hạ còn không tiếc lẫn huống hồ là vật nhỏ. Đại thí: Nghĩa là có thể xả bỏ vợ con. Vô thượng thí: Nghĩa là xả bỏ đầu mắt, tủy não, xương thịt, máu mủ. Bồ-tát đầy đủ ba pháp thí như vậy mới đầy đủ nhẫn nhục, có đủ nhẫn nhục rồi mới có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Lúc Bồ-tát muốn thọ giới Bồ-tát, trước hết phải điều phục các căn, đối với chôn sinh khởi dục không sinh tâm dục, ở chỗ sinh sân hận không sinh tâm sân, ở chỗ sinh ngu si không sinh tâm si, ở chỗ sinh sợ sệt không sinh tâm sợ sệt. Nếu tự biết đầy đủ bốn việc như vậy thì đó là chỗ biết của mười phương chư Phật. Người này cũng có thể nhận biết mười phương chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu biết không đủ bốn việc như vậy, thì lúc thọ giới Bồ-tát, người ấy không đắc giới Bồ-tát, cũng là lừa dối mười phương chư Phật và chư Bồ-tát hiện tại.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát này có hai thứ: Một là từ nhân duyên sân. Hai là từ nhân duyên si. Này Xá-lợi-phất! Vì sân có thể tạo ra nhân duyên của tám địa ngục lớn, do si có thể làm nhân duyên cho các phiền não xấu ác. Vì hai nhân duyên sân và si nên có thể hủy hoại giới Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Nếu người muốn thọ trì giới Bồ-tát, trước hết nên xa lìa bốn việc là dục, sân, si và sợ hãi. Trong sáu tháng, ngày đêm một mình ở chỗ vắng lặng sám hối các tội và xưng: Con tên là v.v... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y chư Phật và Bồ-tát Tăng hiện tại trong mười phương, quy y Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng, nam mô thập phương Phật và Bồ-tát Tăng, nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, nam mô Kim Cang Vô Hoại Thân, nam mô Bảo Quang, nam mô Vô Lượng Tự Tại Vương, nam mô Vô Thượng Lâm Vương, nam mô Vô Thượng Hoan Hỷ, nam mô Bảo Hòa, nam mô Bảo Nguyệt Quang, nam mô Thanh Tịnh, nam mô Thủ Càn Tinh Tấn, nam mô Phạm Đức, nam mô Thiện Công Đức, nam mô Chiên Đàn Công Đức, nam mô Quang Công Đức, nam mô A Thúc Đà Công Đức, nam mô Na La Diên Lặc, nam mô Hoa Công Đức, nam mô Liên Hoa, nam mô Tài Công Đức, nam mô Niệm Công Đức, nam mô Thiện Danh, nam mô Thích Chủng Vương, nam mô Vô Thắng,

nam mô Vô Biên Thân Quang, nam mô Vô Biên Thân, nam mô Vô Động, nam mô Đại Sơn Vương. Như vậy, vô lượng chư Phật, Bồ-tát trong thế gian thường trụ tại thế, tuyên thuyết pháp giáo hóa, xin nguyện thương xót lưu tâm thấy, nghĩ, như con đã tạo các tội ác bất thiện trong vô lượng đời quá khứ và hiện tại, hoặc tự làm hoặc thấy người khác làm sinh tâm tùy hỷ, hoặc lấy vật của Phật Pháp Tăng, vật của Tăng bốn phương, vật của Tăng hiện tại, hoặc tự lấy hoặc thấy người khác lấy sinh tâm tùy hỷ, hoặc tự tạo tội ngũ nghịch hoặc thấy người khác tạo sinh tâm tùy hỷ. Do nhân duyên của nghiệp bất thiện này mà sẽ bị đọa vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc làm người sinh nơi biên địa, hoặc làm thân trời Trường thọ, hoặc làm người các căn không đủ, gần gũi tà kiến, không gặp Phật xuất thế. Các tội như vậy, ngày nay thành tâm cầu xin sám hối. Như trước Phật Thích-ca hiện tại, Đức Như Lai Thế Tôn với tri kiến chân thật, trí tuệ vô ngại, tịnh nhãn vô chướng, thường vì tất cả chúng sinh mà chứng biết, xin nguyện quán xét tâm thành sám hối của con, từ nay trở đi con không dám tạo tác. Lại nữa, xin mười phương chư Phật, Bồ-tát chú tâm lắng nghe! Như trong vô lượng đời quá khứ và hiện tại, con có làm việc bố thí cho đến ban cho hàng súc sinh một nắm cơm, bó cỏ, hoặc con trì giới cho đến nhất niệm, các công đức có được như vậy đều xin hồi hướng nơi Bồ-đề Vô thượng, như chư Phật chư Bồ-tát trong đời quá khứ đã hồi hướng, như chư Phật chư Bồ-tát trong đời vị lai phát nguyện hồi hướng, như chư Phật chư Bồ-tát hiện tại trong mười phương phát nguyện hồi hướng.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát chí tâm lễ bái cung kính chư Phật như vậy trong sáu tháng rồi, hoặc đi hoặc đứng, hoặc làm hoặc ngồi, mười phương chư Phật thị hiện trước mặt, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tuy thị hiện tướng tốt trước Bồ-tát như vậy, nhưng ở nơi pháp giới ban đầu không có động chuyển. Vì sao? Vì Đức Như Lai biết rõ chân thật về tâm ấy, mười phương chư Phật biết

chắc chắn người này có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát và tu tập từ bi có thể phá trừ các ma, chuyển bánh xe chánh pháp, có thể điều phục chúng sinh, tuyên thuyết giáo pháp. Do nghĩa này mà mười phương chư Phật vì Bồ-tát này mà thị hiện thân.

Này Xá-lợi-phất! Như sư tử gầm rống, loài chồn cáo có thể làm được không?

–Thưa Thế Tôn! Không được.

–Này Xá-lợi-phất! Nếu có người không ở chỗ vô lượng Phật trong vô lượng đời quá khứ gieo trồng cội đức thì có thể thọ trì giới Bồ-tát được không?

–Thưa Thế Tôn! Không được.

–Này Xá-lợi-phất! Như những vật mà voi chúa quý mang vác, loài lừa có thể làm được không?

–Thưa Thế Tôn! Không được.

–Này Xá-lợi-phất! Như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, ánh lửa đom đóm có thể sánh kịp không?

–Thưa Thế Tôn! Không được.

–Này Xá-lợi-phất! Như chim Cánh vàng bay, loài quạ có thể theo kịp không?

–Thưa Thế Tôn! Không được.

–Này Xá-lợi-phất! Nếu có người ở nơi vô lượng chư Phật trong vô lượng đời gieo trồng cội đức, người này mới có thể thọ giới Bồ-tát, thấy rõ ràng mười phương chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thọ giới Bồ-tát rồi, nếu có nhân duyên của khách trần phiến não làm cho phạm pháp đáng sám hối, thì nên hướng đến chư Phật sám hối, Bồ-tát trọn đời không được tạo tội ngũ nghịch. Nếu tâm tham chưa dứt cho đến sinh con, thì nên đối trước

Phật hiện tại trong mười phương, ngày đêm chí thành cầu xin sám hối đủ trong hai năm. Nếu vì tâm tham mà lấy vật của Phật Pháp Tăng thì ở trước Phật sám hối trong hai năm.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát vì nhân duyên sân hận mà hủy phá giới cấm thì không có điều ấy. Do nhân duyên giận dữ phá hủy giới cấm mà được sám hối cũng không có điều ấy.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Ưu-ba-ly ra khỏi thiền định, liền đến chỗ Thế Tôn làm lễ, đi nhiễu ba vòng rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trong Giới Kinh nói: “Nếu đệ tử của Ta có tâm tin, thì đối với giới đã thọ dù mất mạng cũng không hủy phạm”. Bạch Thế Tôn! Hiện tại nếu Ngài nhập Niết-bàn, con làm sao để phân biệt hiểu biết giới cấm của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Ngài nói con là Tỳ-kheo trì luật bậc nhất, nay con không biết phương tiện của Tỳ-ni sẽ nói như thế nào? Hiện nay có nhiều Đại Tỳ-kheo Tăng cùng chư Bồ-tát Tăng muốn biết, xin nguyện Như Lai rộng nói đầy đủ.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hãy chí tâm lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Này Ưu-ba-ly! Nhân duyên của giới Thanh văn khác, nhân duyên của giới Bồ-tát khác, tâm của giới Thanh văn khác, tâm của giới Bồ-tát khác, trang nghiêm của giới Thanh văn khác, trang nghiêm của giới Bồ-tát khác, phương tiện của giới Thanh văn khác, phương tiện của giới Bồ-tát khác.

Này Ưu-ba-ly! Giới tịnh của Thanh văn không phải là giới tịnh của Bồ-tát, giới tịnh của Bồ-tát không phải là giới tịnh của Thanh văn. Hàng Thanh văn cho đến một niệm không cầu về Hữu gọi là Thanh văn giới tịnh. Bồ-tát nếu không cầu về Hữu thì gọi là đại phá

giới, gọi là giới bất tịnh. Thanh văn cầu về Hữu thì gọi là phá giới, gọi là giới bất tịnh.

Này Ưu-ba-ly! Bồ-tát Ma-ha-tát trong vô lượng kiếp thường ở nơi Hữu, tâm không sinh hối hận thì gọi là Bồ-tát tịnh giới, không phải là Thanh văn tịnh giới.

Này Ưu-ba-ly! Do nghĩa ấy ông nên thuyết giảng rõ: Giới của Thanh văn gấp, giới của Bồ-tát chậm, giới của Thanh văn bít, giới của Bồ-tát mở, trong giới của Thanh văn nên nói nhân duyên, trong giới của Bồ-tát thì không nói. Này Ưu-ba-ly! Bồ-tát tùy theo tâm của chúng sinh, không phải là Thanh văn, nên Bồ-tát đối với giới thì chậm mà Thanh văn giữ gìn gấp. Này Ưu-ba-ly! Nếu Bồ-tát vào sáng sớm phạm giới, nên niệm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tự biết tội lỗi, ngày đêm ba thời đều như vậy nên gọi là giới Bồ-tát.

Này Ưu-ba-ly! Nếu Bồ-tát luôn luôn phạm thì không gọi là phá giới, nếu Thanh văn luôn luôn phạm thì gọi là phá giới, là mất giới, không được đạo quả Sa-môn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn là người phá trừ phiền não, nên phải siêng năng tinh tấn, không được hủy phạm.

Này Ưu-ba-ly! Bồ-tát nếu ở trong hàng hà sa kiếp thọ năm thứ dục lạc, cũng không gọi là Bồ-tát mất giới cấm, không gọi là phá giới, không gọi là mất giới, không nói là không đắc đạo Bồ-đề.

Này Ưu-ba-ly! Bồ-tát không thể ở trong một đời mà diệt hết các phiền não, phải dùng phương tiện dần dần khiến sạch hết.

Này Ưu-ba-ly! Đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng cần phải có lực đại trang nghiêm không gì hơn, sau đó mới chứng được, chẳng phải một đời mà đạt được, nên Như Lai không nói Bồ-tát ở trong sinh tử sinh tâm hối hận, cũng không tuyên thuyết vĩnh viễn đoạn trừ tham ái mà tuyên thuyết pháp hỷ, pháp thâm diệu, pháp không nghi và pháp không. Nghe pháp này rồi Bồ-tát vui ở trong sinh tử.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phạm có ba thứ: Một là tham. Hai là sân. Ba là si. Bề-tát phạm điều nào thì gọi là nặng, phạm điều nào thì gọi là nhẹ?

Phật dạy:

–Này Ưu-ba-ly! Nếu các Bề-tát phạm lỗi tham như hằng hà sa, Bề-tát như vậy không gọi là hủy giới. Nếu phạm một nhân duyên sân thì gọi là hủy giới, là phá giới. Vì sao? Này Ưu-ba-ly! Vì tâm sân hận hay xả bỏ chúng sinh, tâm tham ái có thể cứu giúp chúng sinh, nếu ái chúng sinh thì không gọi là phiền não, sân hận xả bỏ chúng sinh thì gọi là phiền não nặng. Này Ưu-ba-ly! Cho nên trong kinh Như Lai có dạy, tham kết khó đoạn không gọi là nặng, sân hận dễ đoạn gọi đó là nặng.

Này Ưu-ba-ly! Khó đoạn không phải là nặng, Bề-tát thường có điều nặng dễ đoạn, cho đến trong mộng hãy còn không làm.

Này Ưu-ba-ly! Bề-tát ngu si không có phương tiện sợ hãi phạm ái, Bề-tát có trí khéo biết phương tiện, sợ hãi phạm sân, không sợ phạm ái.

Bấy giờ, Bề-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-ni gọi là điều phục, tánh của tất cả các pháp rốt ráo là điều phục, vì sao Như Lai tuyên thuyết Tỳ-ni?

Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu người phàm phu có thể biết các pháp rốt ráo là điều phục thì Như Lai trọn không tuyên thuyết Tỳ-ni. Do hàng phàm phu không hiểu không biết, vì thế Như Lai mới giảng nói về Tỳ-ni. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nay vì sao không thuyết giảng Tỳ-ni, Tôn giả Ưu-ba-ly muốn được nghe.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Ưu-ba-ly:

–Này Ưu-ba-ly! Tất cả các pháp rốt ráo là điều phục. Tánh của tất cả các pháp không thể nhiễm ô. Tánh của tất cả pháp là không điên đảo. Tánh của tất cả pháp là thanh tịnh. Tánh của tất cả pháp là không thể tuyên thuyết. Tất cả các pháp không có thủ chấp. Tất cả các pháp không đi không đến. Tất cả các pháp không thể nghĩ bàn. Tất cả các pháp không có chướng ngại. Tất cả các pháp vốn không có tánh. Tất cả các pháp không hành động. Tất cả các pháp không xuất không diệt. Tất cả các pháp không có ba đời. Tất cả các pháp không có lưới nghi. Các pháp như vậy Đức Phật thấy đều nhận biết rõ hết.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói chẳng phải là thuyết giảng về *Liễu nghĩa*?

Phật dạy:

–Này Ưu-ba-ly! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thường ưa thuyết giảng về giải thoát như vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là kiêu mạn?

Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát nói: Tôi có tâm Bồ-đề. Tôi là Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Tôi là Bát-nhã tu tạo các hạnh. Bồ-đề hành sâu, Thanh văn hành cạn. Bồ-đề hành tịnh, Thanh văn hành bất tịnh. Bồ-đề hành rốt ráo, Thanh văn hành không rốt ráo. Nếu có phân biệt là pháp Thanh văn, là pháp Duyên giác, là pháp Bồ-tát, là pháp chư Phật, đây là tịnh, kia là bất tịnh, đây là đạo, kia không phải là đạo, như vậy gọi là Bồ-tát kiêu mạn.

Phẩm thứ 2: TÁNH HÀNH THIỆN CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Thánh hạnh, hành ở quả thiện, đạo Bồ-đề gồm mười pháp, có thể thâm giữ tất cả pháp thiện. Những gì là mười pháp? Một là chi, hai là dục (Giúp đỡ, che chở), ba là tâm tịnh, bốn là hành, năm là hữu, sáu là nhân, bảy là khí, tám là địa, chín là phương tiện, mười là trụ.

Thế nào gọi là *chi*? Nghĩa là tánh của Bồ-tát. Tánh của Bồ-tát tức là mới phát tâm và ba mươi bảy phẩm. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề chính là căn bản của tất cả pháp thiện, nên gọi là chi. Nhân nơi phát tâm này mà đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là nhân. Nhân nơi ban đầu phát tâm quyết định tất được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là tánh. Bồ-tát Ma-ha-tát nhân nơi ban đầu phát tâm nên được tu hạnh bố thí Ba-la-mật, trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, thiền Ba-la-mật, trí tuệ Ba-la-mật, do thực hành sáu pháp Ba-la-mật nên có thể tu hạnh trí tuệ trang nghiêm, phước đức trang nghiêm, tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, nên Bồ-tát phát tâm Bồ-đề gọi đó là chi. Bồ-tát Ma-ha-tát tùy nơi phát tâm mà thực hành đầy đủ, đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi đó là chi.

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu không có tánh Bồ-tát, tuy phát tâm siêng tu tinh tấn, trọn không thể chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì thế nên biết, không phải nhân nơi phát tâm, siêng tu tinh tấn mà phải có tánh Bồ-tát, vì nghĩa này nên tánh Bồ-tát gọi là chi.

Bồ-tát Ma-ha-tát tuy có tánh Bồ-tát, nhưng không phát tâm siêng tu tinh tấn, thì không thể nhanh chóng chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đã có tánh Bồ-tát, lại phải phát tâm Bồ-đề siêng tu tinh tấn, mới có thể nhanh chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì nghĩa này nên tánh Bồ-tát gọi là chi.

Lại nữa, chi gọi là nhân, cũng gọi là bậc thang, cũng gọi là tăng trưởng, cũng gọi là trang nghiêm, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là thứ lớp, cũng gọi là tiến tới, cũng gọi là phòng nhà. Vì nghĩa này nên tánh gọi là chi.

Thế nào gọi là *tánh*? Tánh có hai loại: Một là bản tánh. Hai là khách tánh.

Bản tánh: Nghĩa là năm âm, mười tám giới, sáu nhập, lần lượt tương tục vô thi vô chung, pháp tánh tự như vậy, đó gọi là bản tánh.

Khách tánh: Nghĩa là chỗ tu tập tất cả pháp thiện, được tánh Bồ-tát, đó gọi là khách tánh.

Trong kinh này lấy hai thứ ấy gọi là tánh. Hai thứ tánh này gọi là chi. Lại nữa, tánh cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là giới, cũng gọi là tánh.

Lại có hai loại: Một là tế. Hai là thô. Nói tế: Tức là không có nhân mà được, không do nhân mà được quả nên gọi là tế. Nói thô: Tức là có nhân mà được, từ nhân được quả nên gọi là thô. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ hai tánh như vậy thì hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, hướng hồ là các ngoại đạo. Vì nghĩa này nên Bồ-tát Ma-ha-tát được gọi là thắng.

Vì sao gọi là thắng? Vì thanh tịnh. Thanh tịnh có hai: Một là tịnh trí chướng. Hai là tịnh kiết chướng. Hàng Thanh văn, Duyên giác tịnh kiết chướng nên gọi là tịnh, không phải là tịnh trí chướng. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ hai thứ tịnh, vì nghĩa này nên tánh Bồ-tát được gọi là thắng.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại có bốn việc hơn cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi:

- (1) Căn thù thắng.
- (2) Hành thù thắng.

(3) Phương tiện thù thắng.

(4) Đắc quả thù thắng.

Căn thù thắng: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát bản tánh lanh lợi, tánh của Duyên giác trung bình, còn tánh của Thanh văn chậm kém, nên gọi là căn thù thắng.

Hành thù thắng: Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác vì tự độ nên tu tập pháp thiện. Bồ-tát không vì mình mà chỉ vì chúng sinh nên tu tập pháp thiện, ban các sự vui, từ bi thương xót tất cả, nên gọi là hành thù thắng.

Phương tiện thù thắng: Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể hiểu biết về âm, giới, nhập, không thể hiểu biết về mười hai nhân duyên và xứ, không phải xứ. Bồ-tát với phương tiện tức có thể khéo nhận biết tất cả các pháp, nên gọi là phương tiện thù thắng.

Quả thù thắng: Nghĩa là Thanh văn tự chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác tự chứng đắc Bồ-đề Duyên giác, Bồ-tát tự chứng đắc Bồ-đề Bồ-tát, nên gọi là quả thù thắng.

Tánh Bồ-tát có sáu thứ ẩn, do ẩn này nên tất cả chúng sinh có thể nhận biết đây là Bồ-tát. Những gì là sáu? Đó là Bồ thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật.

Do nghĩa nào Bồ thí Ba-la-mật được gọi là tánh ẩn của Bồ-tát? Do bản tánh của Bồ-tát Ma-ha-tát có thể đạt được tâm xả như vậy. Đối với các tài sản vật dụng hoặc nhiều hoặc ít tâm không tham đắm, lúc muốn thí thì thí, và khi bố thí xong tất sinh hoan hỷ, tùy theo vật được thí hoặc nhiều hoặc ít tâm không hối tiếc. Nếu khi bố thí ít cũng không xấu hổ, hoặc không có tiền của thì thường khen ngợi sự bố thí. Thấy người keo kiệt thì có thể phá bỏ tâm ấy. Thấy người bố thí thì tâm sinh vui mừng như gặp cha mẹ. Thấy người đến xin tâm tự hoan hỷ. Nếu không có tài sản thì nên dùng thân nghiệp cung cấp cho các bậc trưởng lão, cha mẹ, các sư. Nên dùng lời vui, lời nhẹ nhàng, lời

pháp, lời chân chánh, để phá trừ lời nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa của chúng sinh. Nếu có người hỏi còn không nói chỗ tốt, xấu của người khác, huống hồ là không hỏi mà tự nói sao? Nếu có chúng sinh sợ hãi vì nạn giặc cướp, lũ lụt, hỏa hoạn, thì nên cứu giúp. Luôn biết ân, nhớ ân, thọ ân, có thể báo đáp. Nhận lời ký thác của người khác thì không để họ nghi ngờ, nếu là vật báu tâm không tham đắm, đối với vật của mình tâm không tiếc rẻ, thức ăn áo mặc luôn bố thí cho người, có thể điều phục tâm dục, tâm tham rọu, tâm hý luận, ưa tu tập hổ thẹn, tuy được báu lớn mà không sinh tham hý. Đó gọi là tánh ấn của Bồ-tát hành Bố thí Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Trì giới Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát tánh của ba nghiệp thân khẩu ý tự thanh tịnh nhu hòa, đối với chúng sinh không khởi tâm ác độc, tâm sân hận. Nếu do nơi khách trần là các phiền não nên tạo ra tội lỗi, thì khi làm rồi tâm hối hận, sinh xấu hổ, phát lồ sám hối. Đối với chúng sinh khởi tâm thương xót xem như con mình, trọn không dùng tay hoặc gậy hoặc đá đánh đập, tâm thường tìm cầu thiện tri thức chân chánh, chí vui cúng dường các bậc cha mẹ, sư trưởng, trưởng lão, phá bỏ kiêu mạn, biết ân và nhớ ân. Nếu có người đến xin thì dùng lời nhẹ nhàng an ủi, không dùng huyền thuật lừa dối chúng sinh, trọn đời không dùng phi pháp để tự nuôi mạng, thường ưa tu tập tất cả công đức, dạy các chúng sinh rộng tu phước nghiệp. Thấy chúng sinh lãnh thọ các khổ, hoặc dứt mạng căn, hoặc bị đánh đập, bị tù tội, đói khát, lạnh nóng, lúc ấy Bồ-tát quán xét chúng sinh thọ khổ cũng như mình không khác. Hộ trì giới luật của Phật cho đến nhỏ nhất hãy còn không hủy phạm huống hồ là các tội nặng, có thể dùng mười điều thiện giáo hóa tất cả. Không ưa thấy nghe chúng sinh xấu ác tranh cãi, mắng nhiếc. Ba nghiệp hiện có thường vì chúng sinh trọn không vì mình. Nếu có chúng sinh đầy đủ giới, nhẫn, tuệ, thì vui cùng đồng hành, đạt tâm nhu hòa, dịu dàng, không có tâm hại, không có tâm bắt nãn, tâm thường kính trọng các giới hiện có, không lừa dối chúng sinh, không

nói hai lưỡi và lời vô nghĩa. Tuy không có người hỏi mà hãy còn khen ngợi điều thiện của người, hưởng hồ là có người hỏi mà không nói lời tôn trọng chân thật sao? Đó gọi là tánh ấn của Bồ-tát hành Trì giới Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét các chúng sinh, nếu có người đến đánh đập mình thì không nên tăng tâm báo ác. Vì sao? Vì thân ta không phải là thân. Gọi là thân đó là chân thật. Thân chân thật thì không thể đánh đập. Còn thân này của ta là thân hòa hợp, thân hòa hợp gọi là bất tịnh. Ở trong sự hòa hợp thì chỉ phần ít thấy đánh, phần nhiều thì không tổn hại. Phần nhiều đã không tổn hại thì vì sao không vui? Đối với sự giận dữ, phần ít có giận, phần nhiều không giận. Phần nhiều không giận vì sao gọi là giận? Như thân hòa hợp đánh thân thọ nhận hòa hợp, thì ai đánh, ai thọ? Ví như hai vật chạm nhau phát ra tiếng, nếu ta sân thì chính là tự sân. Vì sao? Vì do nghiệp duyên nên có thân này, vì thân này nên thọ sự khổ sở ấy. Ví như có đích thì ắt mũi tên sẽ cắm vào. Nếu ta tăng trưởng tâm sân này thì không thể quán xét các pháp thiện ác. Nếu không thể quán xét các pháp thiện ác, thì nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác. Vì nghĩa này cho nên khi bị đánh, bị mắng, không nên sinh tâm sân hận đối với người khác. Quán xét như vậy, đó gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát. Lại nữa, nếu bị đánh hoặc mắng, nên nghĩ tưởng người ấy như con, tâm không oán hận. Đó gọi là tánh ấn của Bồ-tát hành Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Tinh tấn Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu tinh tấn, sáng dậy tối nằm, không thích ngủ nghỉ, trọn không quán xét nóng lạnh đói khát mà sợ hãi hay hoan hỷ. Phạm làm các việc thế gian hoặc xuất thế gian, cần làm rốt ráo không nửa chừng bỏ phé, việc nếu chưa xong trọn không hối hận giữa chừng. Tuy được người khác cung kính cúng dường, nhưng đối

với sự tu của mình trọn không ngừng nghỉ, đối với thân không khởi tâm khinh thường, nói không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Dù thấy việc khó làm ở thế gian nhưng trọn không thoái lui. Đó gọi tánh ấn của Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Thiền Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát có tâm ưa quán xét thật nghĩa của các pháp, ưa ở chỗ vắng lặng, chỗ không người, ưa xa lìa người ác, tăng trưởng pháp thiện, thấy người thích vắng lặng thì hoan hỷ cung kính, tuy có phiền não mà bản tánh nhẹ, nhỏ, có được tâm thiện, trọn không bị các giác quán (tâm tứ) ác phá hoại. Tu tập tâm từ bi, xem oán như con. Nếu thấy chúng sinh thọ đại khổ não nên sinh tâm từ, tùy theo sức mình mà trừ đoạn giúp, nguyện các chúng sinh đều được an ổn, giả sử thân có thọ khổ thì không sinh ưu não. Nếu mất thân mạng cho đến của cải, hoặc thân bị trói, bị đánh, bị đuổi, có thể tự hiểu dụ không để mất chánh niệm, sinh tâm khổ não. Chuyên tâm nghe pháp, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải nói, nếu người khác quên mất có thể chỉ bày cho họ, do nhân duyên chí tâm như vậy, ở trong đời sau không mất pháp giới. Đó gọi là tánh ấn của Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Bát-nhã Ba-la-mật nơi tánh ấn của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu biết tất cả các việc của thế gian, biết các phương thuật và ngôn ngữ của các chúng sinh, tuy biết các việc ấy nhưng tâm không lằm lặc, cũng không phóng dật, không bị ngoại đạo làm mê hoặc, không theo tà kiến mà nói nghĩa lý. Đó gọi là tánh ấn của Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Ta nay lược nói về tướng ấn thô, tướng ấn tế thì chư Phật đều biết. Tánh của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, thành tựu đầy đủ các việc công đức, chân thật thanh tịnh, đầy đủ pháp tịnh, nên gọi là thượng, cũng gọi là bất động, cũng gọi là Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu không thấy rõ lỗi lầm của pháp ác, thì không được tu tất cả pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu thiện bậc thượng, nếu vì nhân duyên của khách trần là phiền não khiến bị rơi vào ba đường ác vẫn còn hơn chúng sinh trong đường ác. Vì sao? Vì có tánh Bồ-tát, nếu bị nhân duyên của khách trần là phiền não khiến rơi vào ba đường ác, thì có thể mau chóng phá trừ để ra khỏi. Nếu không ra cũng không cùng thọ khổ dữ trong đường ác. Nếu lúc thọ khổ nhưng đối với chúng sinh vẫn sinh tâm từ bi, do nhân duyên của tánh nên được tâm bi, vì vậy Bồ-tát hơn tất cả chúng sinh trong ba đường ác.

Bồ-tát Ma-ha-tát có bốn nhân duyên của phiền não khiến phá bỏ pháp tịnh. Những gì là bốn?

(1) Thường có lợi nhiều.

(2) Vì hai thứ kết buộc mà thân cận bạn ác.

(3) Ở nơi chỗ thầy, vua chúa, giặc oán, do sinh sợ hãi nên mất tâm thiện và khởi phiền não.

(4) Vì thân mạng nên tạo các pháp ác.

Do bốn pháp này, nên tuy có tánh Bồ-tát Ma-ha-tát nhưng trọn không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại có bốn việc nữa tuy có tánh Bồ-tát Ma-ha-tát, cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế nào là bốn?

(1) Không gặp bạn thiện là Phật và Bồ-tát, không thuyết giảng sai nghĩa.

(2) Tuy gặp bạn thiện là Phật và Bồ-tát nhưng hiểu nghĩa sai, không học giới cấm của Bồ-tát.

(3) Tuy gặp bạn thiện là Phật và Bồ-tát, tùy thuận giải nghĩa, nhưng không thể học và thọ trì giới cấm của Bồ-tát.

(4) Tuy gặp bạn thiện là Phật và Bồ-tát, tùy thuận giải nghĩa, học giới của Bồ-tát, nhưng căn thiện chưa thành thực, chưa được trang nghiêm Bồ-đề đầy đủ, vì thế không đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát tuy có tánh Bồ-tát, nhưng có bốn việc chướng ngại như vậy, thì trọn không chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu không có bốn việc như vậy, nhưng không có tánh Bồ-tát, thì cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

*
**

Phẩm thứ 3: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm nên lập chánh nguyện lớn, nói như vậy: Khi tôi chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, phải tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, cần đặt yên các chúng sinh trong Đại Niết-bàn, lại phải giáo hóa hết thảy chúng sinh khiến có đầy đủ đại trí Bát-nhã, đó gọi là tự lợi lợi tha. Vì thế người ban đầu phát tâm Bồ-đề gọi là nhân duyên của Bồ-đề, nhân duyên của chúng sinh, nhân duyên của chánh nghĩa, nhân duyên của ba mươi bảy pháp trợ đạo, thâm giữ tất cả căn bản pháp thiện, nên Bồ-tát gọi là đại thiện của thiện, chân thật của thật, cũng gọi là căn thiện của tất cả chúng sinh, có thể phá trừ tất cả các thứ xấu ác của ba nghiệp thân khẩu ý. Tất cả thế nguyện ở thế gian và xuất thế gian không có gì hơn đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thế nguyện như vậy là vô thắng, vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát ban đầu phát ba tâm Bồ-đề gồm có năm việc:

- (1) Tánh.
- (2) Hành.

(3) Cảnh giới.

(4) Công đức.

(5) Tăng trưởng.

Bồ-tát nếu có thể phát tâm Bồ-đề thì được gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát, nhất định chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tu hạnh Đại thừa, cho nên ban đầu phát tâm Bồ-đề thì có thể thâm giữ tất cả pháp thiện.

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, tùy sự thực hành mà dần chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nếu không phát tâm thì trọn không thể chứng đắc, cho nên phát tâm là căn bản của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát thấy chúng sinh khổ tâm liền sinh thương xót, nên Bồ-tát nhân nơi tâm từ bi mà phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nhân nơi tâm Bồ-đề mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhân nơi ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho nên phát tâm gọi là *chi*, phát tâm Bồ-đề nên thực hành giới Bồ-tát, vì thế phát tâm là *chi* của giới Bồ-tát, phát tâm gọi là căn, là nhân, là thâm tóm, là quả, cũng gọi là chủng tử.

Bồ-tát phát tâm lại có hai thứ:

(1) Rốt ráo.

(2) Không rốt ráo.

Rốt ráo: Tức là cho đến chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng trọn không thoái thất.

Không rốt ráo: Tức có thoái thất. Thoái có hai thứ: Một là thoái rốt ráo. Hai là thoái không rốt ráo. Thoái thất rốt ráo: Nghĩa là trọn không phát tâm đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không thể tìm cầu tu tập pháp ấy. Thoái thất không rốt ráo: Nghĩa là cầu tâm Bồ-đề, tu tập pháp ấy.

Tâm Bồ-đề này gồm có bốn thứ nhân. Thế nào là bốn?

(1) Nếu có thiện nam, thiện nữ hoặc thấy hoặc nghe chư Phật, Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, lúc ấy liền sinh tâm cung kính, tin nhận và nghĩ suy: “Việc của Phật, Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Nếu có thể đạt được việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, thì tôi cũng sẽ phát tâm cầu đạt quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Vì thế nên chí tâm nghĩ đến Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề.

(2) Lại có người không thấy sự việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, chỉ nghe tạng bí mật của chư Phật, Bồ-tát, nghe rồi liền sinh tâm cung kính tin nhận, do được tâm tín nên vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng và đại trí mà phát tâm Bồ-đề.

(3) Lại có người không thấy sự việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, cũng không được nghe pháp, nhưng khi thấy pháp diệt liền suy nghĩ pháp Phật vô thượng, có thể diệt hết vô lượng khổ não và tạo lợi ích cho chúng sinh, chỉ có chư Bồ-tát có thể khiến cho pháp Phật ở đời lâu không diệt. Tôi nay cũng sẽ phát tâm Bồ-đề, khiến các chúng sinh xa lìa phiền não cùng những sự khổ lớn, ủng hộ pháp Phật ở đời lâu dài, vì trụ ở đời phát tâm Bồ-đề.

(4) Lại có người không thấy pháp Phật diệt, chỉ thấy các chúng sinh trong đời ác đầy đủ phiền não tham sân si, không biết xấu hổ, chỉ có keo kiệt, ganh ghét, ưu sầu, khổ não, biếng nhác, không tin giáo pháp. Thấy như vậy rồi liền suy nghĩ: “Vào thời đại ác, chúng sinh đại ác, không thể tu thiện, thời ác như vậy còn không thể phát tâm Nhị thừa huống là phát tâm cầu đạt quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Ta nay sẽ phát tâm Bồ-đề, phát tâm này rồi sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ cũng phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Cho nên Bồ-tát ở trong đời ác, vì chúng sinh xấu ác mà phát tâm Bồ-đề.

Lại có bốn nhân để phát tâm Bồ-đề:

(1) Tánh đầy đủ.

(2) Bạn thiện đầy đủ.

(3) Tâm từ đầy đủ.

(4) Đầy đủ Thánh hạnh, quán sinh tử khổ, không sợ Bồ-đề khó hành khổ hạnh.

Tánh đầy đủ: Nghĩa là tánh Bồ-tát tự đầy đủ.

Bạn thiện đầy đủ gồm có bốn việc: Một là bạn thiện đầy đủ căn, đủ trí tuệ lớn, có thể chỉ bày rõ về thiện ác, không hành theo đạo tà. Hai là tâm không phóng dật, hay phá trừ phóng dật, đóng cửa đường ác. Ba là tự đầy đủ giới cấm của Bồ-tát, chuyên dạy cho người khác. Bốn là không dùng đạo thấp chuyển đạo cao của người khác, không dùng Tiểu thừa chuyển Đại thừa của người khác, không dùng tu phước chuyển định tuệ của người khác.

Đầy đủ tâm tuệ lại có bốn việc: Một là hoặc có thể giới có nơi chốn khổ não. Hoặc có thể giới không có khổ não, không có nơi chốn khổ não, Bồ-tát phát nguyện vãng sinh trong ấy. Hoặc thấy người khác thọ khổ xem như mình thọ khổ, sinh tâm từ bi phá trừ sự khổ ấy. Hai là sinh trong địa ngục, thấy người thọ khổ xem như mình thọ khổ, cũng sinh tâm từ phá trừ các khổ ấy. Ba là sinh trong nạ quý, thấy chúng sinh thọ khổ như mình tự thọ, cũng sinh tâm từ bi phá trừ mọi khổ ấy. Bốn là sinh trong súc sinh, hoặc thấy thọ khổ như thân mình thọ khổ, cũng sinh tâm từ bi đoạn trừ sự khổ ấy.

Tâm từ đầy đủ lại có ba bậc: Đó là thượng, trung, hạ.

Bậc thượng lại có bốn việc: Một là quán sinh tử khổ. Hai là tu tâm từ bi không có bắt đầu hay chấm dứt. Ba là tâm tánh mạnh mẽ. Bốn là được tâm trí tuệ.

(Thiếu phần (4): Đầy đủ Thánh hạnh...)

Lại có bốn việc: Một là không phóng dật. Hai là đầy đủ giới. Ba là hay nhẫn nhục. Bốn là chí tâm chuyên niệm về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại có bốn việc: Một là xem hết thấy chúng sinh giống như con một. Hai là không phân biệt kẻ oán người thân. Ba là được tâm tin kiên cố. Bốn là tu hành Thánh hạnh.

Tu tập tâm từ lại có bốn thứ lực: Một là nội lực. Hai là ngoại lực. Ba là nhân lực. Bốn là lực trang nghiêm.

Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm chuyên niệm về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là nội lực. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là ngoại lực. Có thể ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu tập hạnh thiện, phụng sự chư Phật và chư Bồ-tát, đó là nhân lực. Bồ-tát Ma-ha-tát ưa gần gũi bạn thiện, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ ý nghĩa và tu hành đúng như nói, đó là lực trang nghiêm.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát dùng nội lực và ngoại lực mà phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là tâm chánh, tâm bất động, tâm bất thoái, tâm bất chuyển. Nếu dùng ngoại lực và lực trang nghiêm mà phát tâm Bồ-đề, đó gọi là tâm bất chánh, tâm động, tâm thoái thất, tâm chuyển.

Tâm chuyển của Bồ-tát có bốn nhân duyên: Một là tánh không đầy đủ. Hai là đầy đủ bạn ác. Ba là đối với chúng sinh không đủ tâm từ. Bốn là không thể quán sát lỗi lầm của sinh tử.

Bồ-tát Ma-ha-tát mới phát tâm Bồ-đề gồm có hai việc không thể nghĩ bàn: Một là đối với các chúng sinh khởi tưởng là quyến thuộc. Hai là không có tưởng về chúng sinh, Bồ-tát thường dùng trí tuệ quán sát, ai là chúng sinh, chúng sinh thuộc về ai? Đó gọi là hai nhân. Hai tâm này có thể khiến Bồ-tát không thoái chuyển.

Ban đầu phát Bồ-đề có hai thứ tâm: Một là ban cho chúng sinh sự an ổn. Hai là ban cho chúng sinh sự an lạc. Dùng các pháp thiện giáo hóa chúng sinh khiến xa lìa pháp ác, đó gọi là an ổn. Có thể dùng tài vật cung cấp cho chúng sinh khiến họ xa lìa sự bần cùng, đó là các thứ như y phục, thức ăn, phòng nhà, thuốc men v.v..., đó gọi là an lạc.

Bồ-tát bất thoái có hai thứ tâm: Một là tánh trang nghiêm. Hai là chuyên tâm thọ trì trang nghiêm. Thường suy nghĩ muốn khiến cho chúng sinh được an lạc, đó gọi là tánh trang nghiêm. Trọn không thoái chuyển tâm Bồ-đề, nhân sinh tâm này nên có thể ban cho tất cả chúng sinh sự an lạc, đó gọi là thọ trì trang nghiêm.

Bồ-tát bất thoái phát sinh phước đức gồm có hai chón: Một là tâm Bồ-đề. Hai là vì chúng sinh mà thọ nhận khổ. Hai việc như vậy gọi là tụ đại pháp thiện.

Bồ-tát mới phát tâm kiên cố lại có hai việc thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác: Một là nhân thù thắng. Hai là quả thù thắng. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề tu các pháp thiện, đó gọi là nhân. Nhân thực hành pháp thiện mà chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là quả. Nhân quả như vậy thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Bồ-tát bất thoái có hai việc lớn: Một là phát tâm rồi tức vì vô lượng chúng sinh làm ruộng phước. Vì làm các bậc cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng mà sinh tâm thương xót, vì thương xót nên khi đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ thường có chú thiên hộ trì, như Chuyển luân Thánh vương thường được năm trăm quỷ thần áo xanh hộ vệ. Bồ-tát bất thoái cũng lại như vậy, vì thương xót nên nếu thọ thân thì không có bệnh khổ. Hai là Bồ-tát phát tâm thường vì sự an vui của chúng sinh, xem chúng sinh như cha mẹ, tất cả chúng sinh ở chỗ Bồ-tát, ba nghiệp thân khẩu ý của Bồ-tát luôn nhu hòa không có xấu ác.

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề không mất chánh niệm, đối với các chúng sinh không khởi tâm hại, không ăn thịt, không lừa dối, thường đem pháp thiện giáo hóa chúng sinh, khiến chúng sinh không thọ khổ, không ưu sầu, có thể tự điều phục và điều phục người khác, tùy theo chỗ ở của muôn loài đều khiến cho họ tăng trưởng phước nghiệp. Nếu vì nhân duyên của khách trần phiến não mà rơi vào ba đường ác, tất có thể được ra khỏi, tuy đồng thọ khổ mà không sinh tâm độc hại, thấy người khác thọ khổ sinh tâm thương xót.

Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, thành tựu vô lượng công đức như vậy.

**

Phẩm thứ 4: LỢI ÍCH TRONG NGOÀI CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, thế nào gọi là hành Bồ-đề? Bồ-tát ở chỗ này chỗ kia hoặc học hoặc dạy, đều vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nghĩa là giữ giới, nghe và suy nghĩ. Đó gọi là hành Bồ-đề.

Bồ-tát Ma-ha-tát có bảy chỗ học: Một là nghĩa nội. Hai là nghĩa ngoại. Ba là nghĩa chân thật. Bốn là nghĩa bất khả tư nghĩ. Năm là nghĩa điều phục chúng sinh. Sáu là nghĩa tự thuộc pháp Phật. Bảy là chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đó là bảy chỗ học.

Thế nào là nghĩa nội? Nghĩa nội gồm có mười thứ:

- (1) Nghĩa chân thật.
- (2) Nghĩa vị tha.
- (3) Nghĩa điều phục.
- (4) Nghĩa an ổn.

- (5) Nghĩa diệu lạc.
- (6) Nghĩa của nhân.
- (7) Nghĩa của quả.
- (8) Nghĩa hiện tại.
- (9) Nghĩa đời khác.
- (10) Nghĩa rốt ráo.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì sự việc của người khác, đó gọi là nghĩa nội.

(1) Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Nghĩa là biết tánh của phiền não và pháp môn đối trị, đem sự vui của mình ban cho chúng sinh, chí thường tu tập chánh đạo vô thượng, phàm có chỗ mong cầu đều vì an ổn cho chúng sinh, đã được tài vật tâm không tham tiếc, có thể đem cúng dường Phật, Pháp, chúng Tăng, cha mẹ, sư trưởng. Đi xa ngàn vạn dặm để cầu kinh điển Phật và Tạng Bồ-tát, đã được pháp rồi liền lưu thông rộng, không sinh tâm che giấu, tuy hiểu nghĩa sâu xa nhưng không sinh tâm kiêu mạn, vì sinh thiên thượng nên thuyết giảng về lợi ích trì giới, vì phước báo của Chuyển luân vương mà thuyết giảng công đức bố thí, vì hàng Nhị thừa mà thuyết giảng việc tu tập Tam-muội, vì được quả báo lớn ở thế gian mà dạy cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, rộng tu phước nghiệp, vì người tâm tham mà giảng nói việc tham, vì người lừa dối mà nói việc lừa dối, vì người hành phi pháp mà làm kẻ giúp việc, Bồ-tát Ma-ha-tát làm việc này rồi. Đó gọi là nghĩa chân thật.

(2) Thế nào gọi là nghĩa vị tha? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có tự lợi đều vì chúng sinh. Đó gọi là nghĩa vị tha.

(3) Thế nào gọi là nghĩa điều phục? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có diễn thuyết đều vì nhằm phá trừ các tà kiến. Vì người phá giới, không tin nhân quả, không thấy lỗi lầm, nên nói về các lỗi hủy hoại giới cấm, vì dứt trừ ba đường ác mà diễn nói chánh pháp. Nếu có người

thoái thiện và pháp thiện, vì nêu bày chỗ bất thoái nên vì họ thuyết pháp. Vì muốn làm tăng trưởng các pháp thiện nên vì họ thuyết pháp. Vì muốn khiến chúng sinh được tự tại cho nên nêu giảng pháp. Vì muốn khiến chúng sinh trong mười phương thế giới đạt được thân tức thiện nên thuyết pháp. Đó gọi là nghĩa điều phục.

Nghĩa nội gọi là nghĩa ngoại. Nghĩa ngoại cũng gọi là nghĩa nội. Nghĩa nội ngoại gọi là nghĩa điều phục. Nghĩa điều phục cũng gọi là nghĩa nội ngoại. Như Lai có đủ mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, đại bi, ba niệm xứ, năm trí, Tam-muội, đó gọi là nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật gọi là nghĩa nội ngoại. Nghĩa nội ngoại gồm có hai thứ: Một là tự điều phục. Hai là điều phục kẻ khác. Bồ-tát Ma-ha-tát khéo nhận biết phương tiện, đó gọi là nghĩa điều phục. Bồ-tát thực hành tất cả việc thiện, đó gọi là nghĩa điều phục.

Vì sao lại gọi là nghĩa nội ngoại? Đây gồm có năm việc: Một là làm tịnh ở thân khác. Hai là nuôi lớn pháp thiện khác. Ba là hiện tại tạo lợi ích. Bốn là đời sau tạo lợi ích. Năm là phá trừ phiền não cho người. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tùy theo chỗ tu thiện hoặc nhiều hoặc ít, đem giáo hóa chúng sinh khiến cùng được như mình, đó gọi là nghĩa điều phục.

(4) Thế nào gọi là nghĩa an ổn? Bồ-tát Ma-ha-tát đã tự mình an ổn, lại đem sự an ổn của mình ban cho chúng sinh, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc nơi cõi dục, hoặc nơi thiên định. Đó gọi là nghĩa an ổn.

Nghĩa an ổn cũng gọi là nghĩa nội ngoại, cũng gọi là nghĩa điều phục, cũng gọi là nghĩa chân thật.

Nghĩa nội ngoại của Bồ-tát Ma-ha-tát: Có lúc hiện tại vui chẳng phải đời khác vui. Có lúc đời khác vui chẳng phải hiện tại vui. Có lúc hiện tại vui, đời khác vui. Có lúc chẳng phải hiện tại vui chẳng phải đời khác vui. Nghĩa nội ngoại lại có bốn thứ: Có người thọ pháp

đời hiện tại thọ vui, đời khác thọ khổ. Có người thọ pháp đời hiện tại thọ khổ, đời khác thọ vui. Có người thọ pháp đời hiện tại thọ vui, đời khác cũng vui. Có người thọ pháp đời hiện tại thọ khổ, đời khác cũng khổ.

Bồ-tát Ma-ha-tát nêu thuyết giảng về Niết-bàn và Đại Niết-bàn, tám Thánh đạo phần, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thuyết giảng về đạo thế gian và xuất thế gian, đó gọi là nghĩa an ổn. Nghĩa an ổn gọi là nghĩa nội ngoại, nghĩa nội ngoại gọi là nghĩa chánh, nghĩa chánh gọi là nghĩa vô thượng, nghĩa vô thặng, nghĩa an ổn, nghĩa thường lạc. Bồ-tát Ma-ha-tát thọ nhận thường lạc, có thể hành trì nghĩa nội ngoại, nghĩa chánh, nghĩa điều phục, nghĩa an ổn.

(5) Thế nào gọi là nghĩa diệu lạc? Nghĩa diệu lạc gồm có năm thứ: Một là lạc nhân. Hai là lạc thọ. Ba là lạc đoạn thọ. Bốn là lạc xa lìa. Năm là lạc Bồ-đề.

Thế nào là lạc nhân? Nhân nơi tiếp xúc trong ngoài. Do nhân duyên tiếp xúc nên có thọ lạc, đó gọi là lạc nhân. Nhân hành pháp thiện nên đời khác được thọ lạc, đó gọi là lạc nhân.

Thế nào là lạc thọ? Do nơi nhân duyên mà thân được tăng trưởng, tâm được an ổn, đó gọi là lạc thọ. Lạc thọ gồm có hai thứ: Một là hữu lậu. Hai là vô lậu. Vô lậu lại có hai: Một là học địa, hai là vô học. Hữu lậu có ba cõi: Một là cõi dục, hai là cõi sắc, ba là cõi vô sắc. Ba cõi có nội ngoại nhập nên có sáu xúc. Sáu xúc có hai thứ: một là thân lạc, hai là tâm lạc. Năm thức cùng hành gọi là thân lạc. Ý thức cùng hành gọi là tâm lạc.

Tu tập Thánh đạo để đoạn các thọ, đạo đức tăng trưởng không có các thọ, nên gọi là lạc đoạn thọ.

Vĩnh viễn lìa phiền não, thân tâm không khổ, gọi là lạc xa lìa.

Vì thọ nhận thường lạc nên gọi là lạc Bồ-đề.

Hoặc có người nói: Định vô tướng gọi là lạc đoạn. nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì không đoạn thọ.

Lạc xa lia gồm có bốn thứ: Một là lạc xuất gia. Hai là lạc tịch tĩnh. Ba là lạc đoạn. Bốn là lạc Bồ-đề. Người ở thế gian phần nhiều có ưu khổ, vĩnh viễn đoạn trừ khổ ấy, nên gọi là lạc xuất gia. Đoạn trừ tham ở cõi dục gọi là lạc tịch tĩnh. Vĩnh viễn đoạn dứt phiền não gọi là lạc đoạn. Thọ nhận thường lạc gọi là lạc Bồ-đề.

Bồ-tát thường có thể ban vui cho chúng sinh nên gọi là lạc Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát tự thọ thường lạc và chuyển thí cho chúng sinh gọi là lạc Bồ-đề.

Vì sao gọi là lạc nhân? Là nhân của lạc nên gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ. Lạc thọ không gọi là lạc nhân mà gọi là lạc tánh. Lạc đoạn không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, do đoạn nhiều lạc nên gọi là lạc đoạn. Lạc xa lia không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, không gọi là lạc đoạn, do quán các lỗi lầm tai họa của sinh tử nên gọi là lạc trí tuệ. Lạc Bồ-đề không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, không gọi là lạc đoạn, không gọi là lạc xa lia, do vô biên thường nên gọi là lạc Bồ-đề, cũng gọi là lạc vô thắng, gọi là lạc vô biên, gọi là lạc vô thượng, cũng gọi là lạc thường, gọi là lạc tịch tĩnh.

(6) Thế nào gọi là nghĩa của nhân? Bồ-tát Ma-ha-tát có thể dùng năm thứ lạc như trên bố thí cho chúng sinh, đó gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát thường phá trừ các nghiệp ác của chúng sinh, chỉ bày chánh nghiệp, do chánh nghiệp nên chúng đắc đạo vô thượng, đó gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát vì các chúng sinh nên thọ nhận khổ não lớn, vì thọ khổ nên có thể điều phục chúng sinh, đó gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát thiện ác, có thể chỉ bày việc thiện ác cho chúng sinh, vì khai thị nên được trí tuệ lớn, do được trí tuệ lớn nên có thể phá trừ ác dữ. Đó gọi là nghĩa của nhân.

(7) Thế nào gọi là nghĩa của quả? Bồ-tát Ma-ha-tát nhân nơi trí

tuệ mà hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đây là nghĩa của quả.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì hủy hoại tâm tham nên có thể ban cho chúng sinh năm thứ lạc, do các chúng sinh đạt được lạc này nên gọi là nghĩa của quả.

Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, muốn khiến cho tất cả đồng thọ lạc như mình. Đó gọi là nghĩa nội ngoại. Nghĩa nội ngoại gồm có ba thứ. Nhân cũng có ba thứ. Quả cũng có ba thứ: Nhân của báo quả của báo, nhân của phước quả của phước, nhân của trí quả của trí.

Thế nào gọi là báo? Báo có tám thứ: Một là sống lâu. Hai là được thọ thân đầy đủ. Ba là được ở nơi dòng tộc lớn. Bốn là được tự tại. Năm là ngôn ngữ vi diệu. Sáu là được thân nam tử. Bảy là được sức lực lớn. Tám là không ai có thể hơn.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ nên được sống lâu. Đây gọi là báo của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát ưa dùng y phục, thức ăn, phòng nhà, thuốc men thí cho chúng sinh, vì thế được thọ thân đầy đủ. Bồ-tát Ma-ha-tát bỏ tâm kiêu mạn, cung kính cúng dường cha mẹ, sư trưởng và người có đức, vì thế được ở nơi dòng tộc lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát theo pháp thực hành, phá bỏ phi pháp, nên được tự tại vô ngại. Bồ-tát luôn chân thật không lừa dối chúng sinh, nên được ngôn ngữ vi diệu. Bồ-tát Ma-ha-tát thường chê trách năm thứ dục, nên được thân nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát thường ưa thích cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, nên thân có được lực dụng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát thường có thể giáo hóa tất cả chúng sinh cúng dường Tam bảo, thế nên có thể đạt được là không ai có thể hơn. Đó gọi là báo của quả.

Không hại chúng sinh, thọ mạng được tăng trưởng. Đó gọi là nhân của báo. Ưa dùng các thứ y phục, thức ăn uống, phòng nhà,

thuốc men trị bệnh, thí cho chúng sinh, thế nên Bồ-tát được thân đầy đủ. Có thể phá trừ kiêu mạn hiện có của chúng sinh, nên được ở nơi dòng tộc lớn. Có thể trừ bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh, nên được tự tại. Có thể phá diệt các thứ nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác và nói lời vô nghĩa của chúng sinh nên được lời nói vi diệu. Khen ngợi thân nam, chê trách thân nữ, do hai nhân này tức được sinh trong loài người, thọ thân nam tử. Lại xa lìa tà dục phi pháp nên được thân nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng thức ăn thanh tịnh thí cho chúng sinh, thấy người nguy nạn có thể cứu giúp, thế nên thân có được lực dụng lớn. Thọ trì chánh pháp, đọc tụng giải nói, nên có thể đạt được là không ai có thể hơn. Đây là báo có tám thứ.

Tám thứ như vậy nhân nơi ba việc nên được tăng trưởng: Một là tâm tịnh. Hai là trang nghiêm tịnh. Ba là phước điền tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm chuyên cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là tâm tịnh. Cúng dường chư vị đồng học, đồng pháp, đồng thầy, đó gọi là tâm tịnh. Nếu thấy hoặc nghe chư vị đồng học, đồng pháp, đồng thầy, tâm sinh hoan hỷ, đó gọi là tâm tịnh. Tu tập pháp trợ đạo Bồ-đề, thường ưa thọ trì, biên chép, đọc tụng tạng pháp Bồ-đề, lại dùng pháp này chuyển hóa cho chúng sinh, nếu có người không thọ lãnh, tâm không ưu sâu hồi hận, cũng không dừng nghỉ, đó gọi là trang nghiêm tịnh. Do hai pháp trên tịnh nên gọi là phước điền tịnh.

Thế nào là quả của báo nơi Bồ-tát? Bồ-tát sống lâu gọi là quả của báo. Vì sao Bồ-tát cầu nơi sống lâu? Bồ-tát được thọ mạng dài lâu, trải qua vô lượng đời tu pháp thiện vì tự lợi lợi tha, thế nên Bồ-tát cầu nơi sống lâu. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu được thân đầy đủ? Do Bồ-tát có thân đầy đủ, chúng sinh ưa nhìn, ái kính hoan hỷ, do hoan hỷ nên dễ nhận sự giáo hóa, vì thế Bồ-tát cầu thân đầy đủ. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu ở nơi dòng tộc lớn? Vì dòng tộc lớn thường

được chúng sinh cung kính, do cung kính nên tin nhận lời dạy, hoặc vì dòng tộc, hoặc vì lợi ích, hoặc vì sợ sệt mà thọ nhận lời dạy, vì thế Bồ-tát cầu ở nơi dòng tộc lớn. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu nơi tự tại? Vì được tự tại thì có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh, thành tựu đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật, thế nên Bồ-tát cầu được tự tại. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu được lời nói vi diệu? Bồ-tát nói ra ngôn từ vi diệu thì chúng sinh ưa nghe, đồng pháp đồng nghĩa đồng hành đồng sư, thường có thể giáo hóa khiến được điều phục. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu nơi thân nam tử? Thân nam tử chính là vật chứa đựng tất cả pháp thiện, có thể nhẫn chịu các khổ, có thể quán sát pháp giới, ở trong bốn chúng không sợ hãi phải gặp khó khăn, đối với thời đối với nghĩa có thể nhanh chóng hiểu biết rõ, tùy theo chỗ đến không có trở ngại, thế nên Bồ-tát cầu được thân nam tử. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu có lực dụng lớn? Bồ-tát thành tựu lực dụng lớn này tức có thể tu hành tất cả pháp thiện, có thể siêng năng tinh tấn cứu vớt các khổ não của chúng sinh, cho nên Bồ-tát cầu có lực dụng lớn. Đây gọi là quả của báo.

Vì sao Bồ-tát cầu đạt không ai hơn? Bồ-tát nếu được là vô thắng thì có thể ban cho tất cả chúng sinh những vật cần dùng, do nhân duyên này tức có thể khiến chúng sinh ưa thấy, nghe pháp và tin nhận lời dạy, thế nên Bồ-tát cầu được không ai hơn. Đây gọi là quả của báo.

Bồ-tát có đủ tám thứ quả của báo này thì có thể nuôi lớn pháp Phật vô thượng, đem lại lợi ích cho chúng sinh, tức thấy Phật đạo như xem quả Am-ma-lặc trong lòng bàn tay. Tuy Bồ-tát thành tựu đầy đủ tám quả như vậy, nhưng nếu không thể giáo hóa vô lượng

chúng sinh khiến được điều phục, thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu giáo hóa khiến chúng sinh được điều phục, nhưng không đầy đủ tám quả như vậy, thì cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ tám quả như thế, dùng pháp của ba thừa giáo hóa chúng sinh, thì tự chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát sở dĩ gồm đủ tám quả như thế, là vì muốn giáo hóa điều phục chúng sinh, gọi là nghĩa nội ngoại gồm đủ tám quả, gọi là nghĩa của quả. Nhân của báo quả của báo cũng gọi là nghĩa của quả.

Thế nào là phước? Thế nào là trí? Ba thứ Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục gọi là phước đức. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là trí tuệ. Hai thứ Ba-la-mật còn lại cũng gọi là nhân của phước, cũng gọi là nhân của trí. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập thiền định, thành tựu đầy đủ từ bi hỷ xả, do lực của bốn nhân duyên này nên được tự tại, đó gọi là nhân của phước. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập Tam-muội, quán sát năm ấm, các nhập, các giới, quán khổ là thật khổ, quán tập là thật tập, quán diệt là thật diệt, quán đạo là thật đạo, quán thật chẳng phải thật, quán thiện chẳng phải thiện, quán pháp chẳng phải pháp, quán thượng quán hạ, quán trắng quán đen, quán mười hai nhân duyên, đó gọi là nhân của trí. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhất tâm, ưa hành bố thí, thích trì giới cấm, vui tu nhẫn nhục, đó gọi là nhân của phước. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhất tâm, ưa lắng nghe, thọ trì, biên chép, đọc tụng, tuyên thuyết kinh điển nơi mật tạng của Bồ-tát, do lực của nhân duyên đa văn này, nên được trí tuệ lớn, có thể phân biệt pháp giới. Phân biệt pháp giới gọi là quả của trí. Nhân của phước nơi Bồ-tát cũng là nhân cũng là quả. Nhân của trí nơi Bồ-tát cũng là nhân cũng là quả. Nhân của phước nơi Bồ-tát cũng là phước cũng là trí. Nhân của trí nơi Bồ-tát cũng là trí, cũng là phước. Cho nên nhân

của phước nơi Bồ-tát gồm có sáu, nhân của trí cũng có sáu, đó là sáu pháp Ba-la-mật.

Thế nào là nhân của phước, nhân của trí? Nhân của phước, nhân của trí gồm có ba thứ: Một là tâm tín. Hai là phát tâm. Ba là gần gũi bạn thiện. Đây là ba thứ nhân của phước. Nhân của trí lại có hai thứ: Một là thiện. Hai là bất thiện. Nếu gần gũi bạn ác, tu tập tà đạo, hành thí định tuệ, gọi là phước bất thiện. Phá trừ phước tuệ bất thiện như vậy gọi là phước thiện. Nếu không có tâm tín và không do phát tâm, không gần gũi bạn thiện, thì trọn không thể đạt được phước đức trí tuệ. Nếu nói xa lìa ba sự việc như vậy mà được phước tuệ thì không có điều ấy. Đó gọi là nhân của phước đức, nhân của trí tuệ.

Thế nào là quả của phước, quả của trí? Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ phước đức như vậy, không bị sinh tử làm cho nhiễm ô, đó gọi là quả. Bồ-tát thành tựu đầy đủ trí tuệ, xa lìa đạo ác tu tập đạo thiện, đó gọi là quả. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ hai sự việc như vậy, giáo hóa chúng sinh chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là quả.

Bốn tâm vô lượng cũng gọi là quả của phước quả của trí nơi Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát có nhân của báo hoặc quả của báo, đó gọi là phước đức. Nhân của phước đức, quả của phước đức cũng gọi là trí tuệ, là nhân của trí tuệ, quả của trí tuệ. Nếu trong hai pháp này, lìa một pháp mà chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thì không có điều ấy. Đó gọi là nghĩa của quả. Nghĩa của quả gọi là nghĩa nội ngoại.

(8) Thế nào gọi là nghĩa hiện tại? Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học tất cả các sự việc thế gian, do nhận biết khắp nên được tự tại lớn. Do được tự tại nên có thể giáo hóa chúng sinh, chúng sinh lãnh thọ rồi tu tập pháp thiện, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thoái mất pháp thiện, tu tập Tam-muội, do tu định nên trở lại được pháp

thiện, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát vì khách trần là phiền não nên tạo ra các tội, tạo rồi quán xét kỹ biết nhất định sẽ chịu quả, tức sinh tâm hối hận, xấu hổ mà phá trừ các nghiệp ác hiện tạo, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu vì sức nhân duyên của nghiệp ác, hoặc bị người khác mắng nhiếc, hoặc sân giận đánh đập, thân chịu các khổ, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập thiện định, do nhân duyên này mà thân thọ an lạc, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thân được tự tại nơi bốn đức là thường, lạc, ngã, tịnh, đó gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu tám Thánh đạo, do nhân duyên này nên đạt được Niết-bàn, đó gọi là nghĩa hiện tại. Như Bồ-tát thì chúng sinh cũng như vậy.

(9) Thế nào gọi là nghĩa đời khác? Vì nhân duyên hiện tại nên thọ thân đời khác, đó gọi là nghĩa đời khác. Nghĩa đời khác nơi hiện tại, đó gọi là nghĩa nội ngoại.

(10) Thế nào gọi là nghĩa rốt ráo? Phước đức trong cõi dục không phải là nghĩa rốt ráo. Phước đức nơi cõi sắc và Vô sắc đối với thế gian tuy được tự tại nhưng cũng không phải là nghĩa rốt ráo. Như các Bồ-tát tu tám Thánh đạo đạt được Niết-bàn, thân ấy vô ngại, không có cùng tận, pháp thiện vô lượng nên gọi là nghĩa rốt ráo.

Rốt ráo có ba thứ: Một là tánh rốt ráo. Hai là thoái chuyển rốt ráo. Ba là báo tận rốt ráo. Không rốt ráo cũng như vậy.

Tánh rốt ráo: Đó gọi là tánh Niết-bàn. Không rốt ráo gọi là pháp hữu vi.

Thoái chuyển rốt ráo là Thanh văn, Duyên giác đã tu tám chánh đạo. Bất thoái rốt ráo là không thoái chuyển.

Báo tận rốt ráo là quả báo phước đức hiện có ở thế gian. Báo bất tận rốt ráo là đạo quả vô thượng.

Trên đây là mười nghĩa, Bồ-tát Ma-ha-tát thường nên tu tập

giáo hóa chúng sinh. như các Bồ-tát đời quá khứ đã học, hiện tại, vị lai cũng lại như vậy. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không thể tu học mười pháp trên, thì không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát.

HẾT - QUYỂN 1

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 2

Phẩm thứ 5: NGHĨA CHÂN THẬT CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Nghĩa chân thật gồm có hai thứ: Một là pháp tánh. Hai là pháp đẳng. Lại có bốn thứ: Một là thế gian lưu hành khắp. Hai là phương tiện lưu hành khắp. Ba là làm sạch chướng phiền não. Bốn là làm tịnh chướng trí tuệ.

Thế nào là thế gian lưu hành khắp? Pháp của thế gian đồng danh hiệu ấy, chúng sinh thấy đất chân thật là đất trợn không nói là lửa. Lửa chân thật là lửa trợn không nói là đất. Cho đến nước, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn, chuỗi anh lạc, đồ vật, kỹ nhạc, tối, sáng, nam, nữ, phòng nhà, ruộng vườn, khổ, vui. Khổ chân thật là khổ trợn không nói là vui. Vui chân thật là vui trợn không nói là khổ. Đây là phải, đây là trái, định và bất định. Tất cả trên thế gian từ xưa đến nay lưu truyền danh, tướng này tự nhiên mà biết, không phải từ sự tu tập sau đó mới biết. Đó gọi là nghĩa chân thật nơi thế gian lưu hành khắp.

Thế nào là phương tiện lưu hành khắp? Như người trí ở đời, trước tính toán, sau đó mới làm ra kinh sách luận nghị. Đó gọi là nghĩa chân thật tạo phương tiện lưu hành khắp.

Thế nào là làm sạch chướng phiền não? Tất cả Thanh văn, Phật-bí-chi đều dùng trí vô lậu, đạo vô lậu để phá trừ phiền não, nên được trí vô ngại. Đó gọi là nghĩa chân thật làm sạch chướng phiền não.

Thế nào là làm tịnh chương trí tuệ? Vì phá trừ phiền não nên trí được thanh tịnh sáng suốt. Trí tuệ thanh tịnh nên thân tâm vô ngại. Đó gọi là nghĩa chân thật làm tịnh chương trí tuệ.

Vì sao lại gọi là chân thật? Chân thật gọi là tứ đế, tức khổ, tập, diệt, đạo. Quán xét bốn đế này thì được trí tuệ chân thật, đó gọi là Thanh văn, Phật-bích-chi. Thanh văn, Phật-bích-chi phân quán năm ấm, cho nên lià ấm đều không thấy ngã, ngã sở. Phân quán mười hai nhân duyên, vì thế lià ấm không thấy chúng sinh cho đến sĩ phu. Đây gọi là nghĩa chân thật làm tịnh chương trí tuệ. Nếu trí không thể nhận biết cảnh giới thì gọi là trí chương. Nếu có thể phá bỏ chương, nhận biết cảnh giới thì gọi là nghĩa chân thật làm tịnh trí chương.

Nghĩa chân thật tức là Phật và Bồ-tát quán sâu tất cả năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, quán ngã vô ngã, chúng sinh chẳng phải là chúng sinh, sĩ phu chẳng phải là sĩ phu. Đây gọi là làm tịnh trí chương. Quán các pháp giới không thể nêu bày, biết đế thế gian nên phân biệt pháp giới, biết tánh chân thật của các pháp giới nên gọi là tuệ vô thắng. Tuệ vô thắng hay phá diệt tất cả chương thế nên gọi là nghĩa chân thật làm tịnh chương trí tuệ.

Nghĩa chân thật lại có hai thứ: Một là hữu. Hai là vô. Hữu gọi là thế gian lưu hành khắp. Thế gian lưu hành khắp đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đất, nước, gió, lửa, sắc, thanh, hương, vị, xúc, thiện, bất thiện, vô ký, pháp xuất, pháp diệt, pháp từ duyên sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, hữu vi, vô vi, đời này, đời khác, mặt trời, mặt trăng, thấy nghe, hiểu biết, giác quán đã đạt được, tu tập, thọ trì, cho đến Niết-bàn. Đó gọi là hữu của thế gian lưu hành. Thế gian hữu, đó là pháp tánh. Vô là hữu của thế gian lưu hành khắp, từ sắc cho đến Niết-bàn, tánh ấy là không nên gọi là vô. Chúng sinh thấy được nên gọi là hữu. Pháp tánh vốn không nên gọi là vô. Chư Phật Như Lai thuyết giảng về hữu, vô, gọi là chân thật. Chân thật gọi là trung đạo, chẳng phải có chẳng phải không gọi là trung đạo, trung

đạo gọi là đạo vô thượng. Trung đạo như vậy, chư Phật Thế Tôn trừ phá chướng ngại, thế nên gọi là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Ma-ha-tát tuy học trung đạo như vậy nhưng còn có chướng ngại, nên không được gọi là nhất thiết trí. Trí tuệ của Bồ-tát là phương tiện, gọi là nhân của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát tuy không đầy đủ trí tuệ trung đạo nhưng giảng nói về tướng sinh tử cũng có cũng không, cũng là lưu hành khắp pháp Phật vô thượng, tuy ở trong sinh tử mà cũng có thể nhận biết rõ về những lỗi lầm tai họa của sinh tử, tâm không nhầm chán hối hận. Nếu không nhận biết lỗi lầm của sinh tử thì không thể phá trừ phiền não kiết, nếu tâm nhầm chán thì không thể giáo hóa chúng sinh, hộ trì pháp của chư Phật, mau đạt được Niết-bàn. Nếu được Niết-bàn thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu không thể giáo hóa các chúng sinh thì sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho nên Bồ-tát nếu ở trong sinh tử tu đạo Bồ-đề, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể chứng đắc đầy đủ đạo Bồ-đề trang nghiêm, cũng không thể vì vô lượng chúng sinh khen ngợi về Niết-bàn, đối với cảnh giới Niết-bàn không thể sinh tâm tin vui, chuyên niệm. Do đây Bồ-tát đối với Niết-bàn không sinh sợ hãi. Nếu Bồ-tát ấy cầu Niết-bàn tức có thể đạt được, nếu đạt được thì không thể thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không thể dùng pháp của chư Phật giáo hóa chúng sinh. Nếu Bồ-tát không thể quán sâu về lỗi lầm tai họa của sinh tử, hoặc sinh tâm nhầm chán sợ hãi Niết-bàn, hoặc cầu Niết-bàn, đây gọi là Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo. Nếu Bồ-tát có thể quán sâu về lỗi lầm của sinh tử, vui ở trong ấy, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn, đó gọi là Bồ-tát có phương tiện thiện xảo. Phương tiện thiện xảo là hiểu rõ về đệ nhất nghĩa không. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập đệ nhất nghĩa không như vậy gọi là đại phương tiện của giới Bồ-tát, là được trí vô thượng của Như Lai. Nếu có tu tập giới Bồ-tát này thì được trí chân thật, thấy

biết tất cả các pháp là vô ngã, ngã sở, nhận rõ các pháp tánh, thế nên đối với pháp tâm không tham đắm, cũng nói là thế đế, đệ nhất nghĩa đế. Thấy tất cả pháp mà tâm bình đẳng, có thể tạo tác bố thí lớn, do nhân duyên bố thí nên khéo nhận biết việc đời, tuy học việc đời nhưng tâm không nhầm chán hối hận, tất được hiểu biết rõ, đạt được đại niệmlực. Tuy biết việc đời nhưng tâm không kiêu mạn, thường chỉ dạy chúng sinh tâm không tiếc lẫn, dùng phương tiện thiện xảo dẫn dạy chúng sinh về sự việc ở thế gian, nhằm khiến họ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát đối với sự việc thế gian này siêng năng tu tập không nhầm chán, nếu khi thấy chúng sinh thọ nhận khổ não, tức được tăng trưởng tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát tăng trưởng pháp thiện như vậy nhưng không sinh kiêu mạn, đối với các chúng sinh, luôn sinh tâm thương xót. Bồ-tát tăng trưởng trí tuệ như vậy, không sinh kiêu mạn, nên có thể phá trừ các thứ tà kiến của chúng sinh. Nếu Bồ-tát đắc Tam-muội thế gian và xuất thế gian, không hiển bày đức của mình khiến người khác cung kính cúng dường, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô. Bồ-tát bảy giờ thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, gọi là giới Bồ-tát. Như Bồ-tát Ma-ha-tát có được pháp thiện đều đem hồi hướng về đạo Bồ-đề, đó gọi là giới Bồ-tát. Đời quá khứ Bồ-tát chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều do thành tựu giới cấm của Bồ-tát, vị lai hiện tại cũng vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì các pháp Bồ-tát trong ba đời, có thể dùng pháp Phật giáo hóa chúng sinh, chí tâm tu hành đạo Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề nên không tiếc thân mạng, không tiếc thân mạng là giới Bồ-tát, nếu tiếc thân mạng thì trọn không thể đắc giới cấm của Bồ-tát, cho đến tham tiếc vật nhỏ bằng một tiền, cũng không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh cho nên thọ thân và cất chứa của cải, nếu đối với hai thứ này sinh tâm tham tiếc, tức là Bồ-tát giả danh, là Bồ-tát phi nghĩa. Nếu Bồ-tát có thể không tiếc thân mạng, tài vật, nên biết đó là Bồ-tát có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh, có thể thực hành nhẫn nhục, có thể phá trừ tâm sân hận

ganh ghét, hiểu rõ việc đời, khéo nhận biết phương tiện, có thể phá tan tâm nghi của chúng sinh, có thể tự tăng trưởng nhân của quả Bồ-đề, khéo điều phục các căn, không bị bốn điên đảo khuấy động, có thể hiểu nghĩa thâm diệu của các pháp, có thể hành đầy đủ bốn tâm vô lượng, thành tựu năm thông, bốn trí vô ngại, quán sát rõ ràng mười hai nhân duyên, mau chứng đắc địa Bồ-tát, được thân thường lạc ngã tịnh, được đại tự tại nơi Niết-bàn vô thượng, khéo có thể khai thị phương tiện Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu vô lượng công đức như vậy, đều do nhân duyên của giới cấm mà được. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ giới Bồ-tát, có thể làm người giúp việc cho hết thảy chúng sinh, nếu khi bị chúng sinh giận dữ mắng nhiếc đánh đập cướp đoạt thì sinh tâm từ. Nếu thấy chúng sinh bị phiền não bức bách nặng nề tức phát tâm thương xót, vì muốn phá diệt phiền não cho chúng sinh, nên nhất tâm suy nghĩ các phương tiện hay khéo. Đối với chúng sinh tâm không gian trá, tùy theo sức lực mà ban vui cho chúng sinh, không cầu báo ân, cũng không ôm tâm sân hận, vì phá trừ tâm sân hận ưu não của chúng sinh mà suy nghĩ về phương tiện biết ân và nhớ ân. Nếu người thiếu thốn đến mong cầu trước thực hành bố thí, nếu mình có mà không bố thí là không thành tựu giới cấm của Bồ-tát. Người mong cầu đến ba lần mà không bố thí đó là phạm tội nặng, nếu dùng phương tiện lời lẽ hay để an ủi họ, khiến người cầu xin không sinh tâm oán hận, đó là không phạm.

Người mong cầu có hai hạng: Một là nghèo thiếu. Hai là tà kiến. Không bố thí cho người nghèo thì liền đắc tội, không bố thí cho người tà kiến thì không gọi là phạm. Người nếu không phạm gọi là hạnh thiện. Bồ-tát hạnh thiện biết rõ pháp giới không thể nêu nói, biết tánh của pháp giới, biết thế gian lưu hành khắp. Thế gian lưu hành khắp tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn, tất cả đều không gọi là chân thật. Vì sao? Vì sắc này chẳng phải có chẳng phải không, cho đến Niết-bàn cũng chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì thế nào là chân thật? Thế

nào là chẳng phải có? Chúng sinh điên đảo chấp sắc là ngã, cho đến Niết-bàn cũng cho là ngã. Đó gọi là chẳng phải có. Thế nào là chẳng phải không? Thế gian lưu hành khắp nên không phải là hư dối, có thể tuyên thuyết. Đó gọi là chẳng phải không. Vì thế nên gọi là chẳng phải có chẳng phải không.

Nếu chỗ thuyết pháp như nói là có, thì trong một pháp nên có vô lượng danh, vô lượng danh tức có vô lượng tánh. Vì sao? Vì trong mỗi một pháp có vô lượng danh. Thế nào gọi là vô lượng danh? Như một pháp là sắc cũng nói là xanh, vàng, trắng, đỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, có thể thấy, không thể thấy, có đối, không đối, trơn, nhám, nặng, nhẹ. Đó gọi là có thể thuyết. Tùy theo chỗ nói là có, nên trong một pháp có vô lượng tướng, chỗ có thể tuyên thuyết thật không có tánh nhất định, dùng lời nói để lưu hành khắp ở đời, thật sự là không thuyết vì không đạt tới tánh chân thật. Tất cả các pháp cũng lại như vậy.

Như trong sắc cho đến Niết-bàn là có thật tánh, không nên nói xanh, vàng, trắng, đỏ, cho đến nặng nhẹ. Nếu không có thật tánh, thì lúc chưa lưu hành khắp làm sao có thể truyền, do tánh lưu hành khắp là có, lại không có chỗ bắt đầu, nên có thể lưu hành khắp. Nếu lúc chưa có sắc mà có lưu hành khắp, thì do nhân duyên nào, lúc không có sắc thì không lưu hành khắp? Nếu sự lưu hành khắp ấy có thể làm tánh của sắc, thì vì sao lưu hành khắp không thể làm tánh của vô lượng sắc, thế nên pháp tánh là không thể tuyên thuyết. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Có hai hạng người xa lìa pháp Phật, chẳng phải là đệ tử của Phật, mãi mãi mất pháp Phật: Một là nói từ sắc cho đến Niết-bàn có tánh chân thật. Hai là không tin tánh thế gian lưu hành khắp. Hai hạng người như vậy không thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, nếu có thọ nhận tức không đắc giới, vị thầy tất có tội. Vì sao không đạt được? Vì đã phỉ báng pháp thật và tham đắm vào pháp sai, nên tuy thọ nhận

nhưng trọn không đắc giới, nếu không đắc giới thì không được ở trong pháp này gọi là đệ tử của Phật, vì thế gọi là xa lìa pháp Phật.

Giới Bồ-tát chẳng phải do nơi miệng mà được, tâm và miệng hòa hợp sau đó mới được. Như hai hạng người này đều không có tâm thật thì làm sao đạt được. Nếu ở trong sắc vọng sinh chấp trước, thì đối với pháp Phật tức là vĩnh viễn bị mất. Nếu không tin sắc là lưu hành khắp, đó gọi là hủy báng tất cả pháp, người này mãi mãi mất hẳn pháp Phật, vì thế không thể tuyên thuyết hoặc có hoặc không. Vì sao? Như nhân nơi năm âm tức có ngã, nhân, chúng sinh, sĩ phu, nếu không có năm âm thì các danh như vậy do đâu lưu hành khắp. Sắc cũng như thế, vì có sắc cho nên có vô số các thứ danh tự lưu hành khắp. Pháp chân thật thì không có lưu hành khắp, lìa pháp chân thật cũng không có lưu hành khắp. Người ngu si nói các pháp là không thì mắc tội lớn. Nếu có người cho trong kinh Đại thừa nói tất cả pháp là không, cũng mắc tội lớn, vì không thể khéo hiểu nghĩa của kinh Đại thừa, sinh tâm kiêu mạn nói là ta khéo hiểu, tùy theo tâm vọng tưởng suy nghĩ, rộng nói cho người cũng mắc tội lớn. Nếu nói tánh của tất cả các pháp là không, làm sao có thể lưu hành khắp ở đời thì cũng mắc tội lớn. Vì sao? Vì đã hủy báng tất cả pháp. Hủy báng tất cả pháp tức là đệ tử của ngoại đạo Phú-lan-na. Phú-lan-na cho tánh của các pháp là không, nhưng trong pháp Phật thì nói cũng có cũng không. Nếu có người nói tất cả pháp là không, tức biết không nên cùng người này ở chung, cùng bàn luận, cùng bố-tát, thuyết giới, nếu cùng ở chung cho đến thuyết giới thì mắc tội lớn. Vì sao? Vì không hiểu rõ về nghĩa không, nên người này không thể tự lợi, lợi tha. Do đó, trong kinh Đại thừa nói: “Nếu không hiểu rõ về nghĩa không thì còn tệ hơn người ngu si”. Vì sao? Vì người ngu si nói sắc là ngã, cho đến thức là ngã, là kẻ có ngã kiến nhưng không hủy hoại pháp Phật. Nếu không hiểu rõ về nghĩa không tức phá hoại pháp Phật, làm cho diệt mất. Người sinh ngã kiến không rơi vào ba đường ác, còn người không hiểu rõ về nghĩa không lại vì những người khác nêu bày rộng,

nên biết người này tất đọa vào ngục A-tỳ. Người có ngã kiến không hủy báng Tam bảo, còn người vọng nói về không tức phi báng Tam bảo. Người nói có ngã không lừa dối chúng sinh, không phi báng thật tánh, không làm trở ngại pháp tánh, không ngăn ngại chúng sinh, có thể được giải thoát, vì không chỉ dạy người khác hủy phạm giới cấm. Người không hiểu về nghĩa không là phi báng tất cả pháp, không hiểu thật tánh, không hiểu pháp tánh, gây trở ngại cho giải thoát, cùng với nhiều chúng sinh làm tri thức ác, tự mình không trì giới lại dạy người phá giới, thường ưa nêu bày, không làm, không thọ, khiến nhiều chúng sinh tăng trưởng nhân địa ngục, vì nghĩa này nên gọi là xa lìa pháp Phật vô thượng.

Thế nào gọi là không hiểu về nghĩa không? Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, không tin thọ không, không hiểu đối với không, không hiểu đối với pháp, thì đây gọi là không hiểu về nghĩa không. Vì sao? Vì nói tất cả pháp bản tánh tự là không, chẳng có nhân duyên không, là nói tất cả pháp cũng không có xứ sở. Nếu không có xứ sở thì vì sao gọi là không? Đây tức là không hiểu về nghĩa không.

Thế nào gọi là hiểu đúng về nghĩa không? Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói trong tất cả pháp không có tự tánh, đó gọi là không, pháp cũng chẳng phải không. Đây tức là hiểu về nghĩa không. Hiểu như vậy là không vướng mắc nơi nghĩa, không hủy báng Tam bảo, đó gọi là hiểu đúng đắn, không có sai lầm.

Thế nào là hiểu đúng đắn? Như sắc nói là sắc, cho đến Niết-bàn, phân biệt không có các thứ tướng tánh. Đây gọi là sắc không, do sắc chân thật lưu hành khắp ở đời, đó gọi là chẳng không. Vì nghĩa này nên nói một pháp sắc là cũng có cũng không. Hiểu hai thứ này nên cũng là pháp cũng là không, trọn không ở trong ấy vọng sinh chấp trước. Đây gọi là hiểu đúng về nghĩa không. Cho nên trong kinh Đại thừa nói kệ:

*Một pháp có nhiều tên
 Trong pháp thật tức không
 Do không mất tánh pháp
 Lưu hành khắp thế gian.*

Như từ sắc cho đến Niết-bàn có nhiều tên gọi. Sắc không có tự tánh. Không tự tánh thì không có nhiều tên. Có nhiều tên gọi là lưu hành khắp. Vì nghĩa này nên trong Tạp Tạng nói: Chư Phật Thế Tôn không vương mắc ở chỗ lưu hành khắp, hoặc thấy hoặc nghe, suy nghĩ hiểu biết. Như tên sắc cho đến tên Niết-bàn, gọi là lưu hành khắp. Chư Phật Thế Tôn trọn không nói có tánh lưu hành khắp mà sinh nhiễm chấp. Vì sao? Vì đã trừ bỏ điên đảo. Người có nhiễm chấp gọi là điên đảo. Như Lai đã đoạn trừ tất cả ác kiến cho nên không nhiễm chấp, do không thấy, không nói, không nhiễm chấp nên gọi là chánh kiến. Vì thế Đức Như Lai đã vì Tỳ-kheo Ca-chiên-diên nói:

–Này Ca-chiên-diên! Thế nào, đệ tử của Ta không chấp ở địa định, thủy, hỏa, phong định, không định, thức định, vô sở hữu định, phi hữu tướng phi vô tướng định, chẳng phải đời này, chẳng phải đời khác, chẳng phải ngày, chẳng phải tháng, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng suy nghĩ, chẳng so lường, chẳng thủ, chẳng đắc, chẳng giác, chẳng quán. Đó gọi là thiên định.

Thế nào là Tỳ-kheo không chấp ở địa định? Tỳ-kheo đối với địa không nghĩ về tướng của địa, cho đến giác quán không nghĩ về tướng giác quán. Đây gọi là không chấp nơi địa định, cho đến giác quán cũng lại như vậy. Nếu có Tỳ-kheo có thể tu tập định như thế, tức được chư thiên, Đế Thích, Phạm thiên, cũng như chư Phật, Đại Bồ-tát trong mười phương khen ngợi: Nam mô Đại sĩ! Nam mô Đại sĩ! Và cùng nói: Ta đều không biết ông ở tại định nào, tu tập định nào.

Nếu có chấp trước về tướng của địa, danh của địa, nên biết người này gọi là không tu pháp *không*. Nếu ở trong sắc không chấp trước về danh tướng, đó gọi là tu pháp *không*. Vì lưu hành khắp cho

nên tuyên thuyết về tướng của địa và danh của địa. Nếu chấp trước nơi tướng của sắc và danh của sắc, gọi là tăng trưởng tướng. Nếu hủy hoại tướng của sắc và danh của sắc, gọi là xả bỏ tướng, không tăng không xả gọi là trung đạo. Tu tập hai tướng như vậy, gọi là Tỳ-kheo tu tập địa định, cho đến giác quán. Nếu có Tỳ-kheo tu định này đó gọi là thật tướng, do thật tướng nên Tỳ-kheo đối với pháp không có ngôn thuyết, vì tánh của các pháp là không thể nêu bày, do đó Tỳ-kheo không ngôn thuyết. Nếu tất cả pháp là không thể nói, thì vì sao nói là không thể nói. Nếu không thể nói vì sao được nghe. Nếu không nói, không nghe, làm sao được biết tất cả các pháp là không thể tuyên thuyết? Vì có thể biết cho nên nói, khiến được lưu hành khắp.

Người ngu si không biết, không hiểu thế gian lưu hành khắp, ở trong các pháp sinh ra tám thứ sai lầm: Một là tánh sai lầm. Hai là phân biệt sai lầm. Ba là tụ sai lầm. Bốn là ngã sai lầm. Năm là ngã sở sai lầm. Sáu là ái sai lầm. Bảy là bất ái sai lầm. Tám là phi ái phi bất ái sai lầm. Trong tám thứ sai lầm này, ba thứ sai lầm trước chính là căn bản của tất cả sai lầm, chấp tánh chấp danh, không hiểu về lưu hành khắp, từ đây lần lượt sinh ra vô lượng sai lầm. Ngã và ngã sở sai lầm gọi là ngã kiến. Ngã kiến lại là căn bản của các kiến, hai thứ sai lầm này từ kiêu mạn sinh ra, cho nên kiêu mạn là căn bản của các kiến. Ba thứ sai lầm sau là từ tham sân si sinh ra. Tám thứ sai lầm ấy thâm giữ tất cả phiền não, kết sử khiến các chúng sinh luân hồi trong ba cõi.

Thế nào gọi là tánh sai lầm? Như sắc tạo tướng chấp về sắc, cho đến nặng, nhẹ, đều tạo tướng chấp về nặng nhẹ. Đây gọi là tánh sai lầm.

Thế nào là phân biệt sai lầm? Như phân biệt sắc là sắc, là chẳng phải sắc, là có thể thấy, là không thể thấy, là có đối, là không đối. Đây gọi là phân biệt sai lầm.

Thế nào là tụ sai lầm? Như ở trong sắc thấy ngã, chúng sinh, sĩ phu, thợ mạng, phòng nhà, bốn chúng, quân binh, y thực, hoa sen, xe

cộ, rừng cây tích tụ. Như vậy trong ấy mỗi thứ làm một tướng. Đây gọi là tụ sai lầm.

Thế nào là ngã, ngã sở sai lầm? Ở trong hữu lậu chấp lấy ngã, ngã sở, ở trong vô lượng đời thường sinh chấp trước nơi ngã, ngã sở. Đây gọi là ngã, ngã sở sai lầm.

Thế nào là ái sai lầm? Ở trong vật tịnh sinh tâm tham ái. Đây gọi là ái sai lầm.

Thế nào là bất ái sai lầm? Ở trong vật bất tịnh sinh tâm sân hận. Đây gọi là bất ái sai lầm.

Thế nào là phi ái phi bất ái sai lầm? Ở trong tất cả vật tịnh và bất tịnh sinh tâm tham ái sân giận. Đây gọi là phi ái phi bất ái sai lầm.

Bồ-tát Ma-ha-tát làm sao có thể nhận biết tám thứ sai lầm này? Phải nên suy cầu bốn việc: Một là suy cầu về danh. Hai là suy cầu về vật. Ba là suy cầu về tánh. Bốn là suy cầu về phân biệt.

Thế nào là suy cầu về danh? Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ nhận biết danh của danh, không thấy vật của danh. Đây gọi là suy cầu về danh.

Thế nào là suy cầu về vật? Chỉ nhận biết vật này, không nhận biết thứ khác. Đây gọi là suy cầu về vật.

Thế nào là suy cầu về tánh? Tức nhận biết danh lưu hành khắp. Đây gọi là suy cầu về tánh.

Thế nào là suy cầu về phân biệt? Danh không thấy vật, vật không thấy danh. Đây gọi là suy cầu về phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì sao suy cầu về danh? Là nhận biết danh thật danh đúng nên suy cầu về danh. Bồ-tát quán xét kỹ, nếu không có sắc, danh thì do đâu nói sắc. Nếu không nói sắc thì làm sao quán sắc. Nếu không quán sắc làm sao chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Cho nên Bồ-tát suy cầu nhận biết về danh.

Bồ-tát vì sao suy cầu về vật? Nếu không có vật thì sao có danh này, danh này chẳng phải là không thể nói, nếu không thể nói làm sao biết được tánh của các pháp, cho nên Bồ-tát suy cầu về vật.

Bồ-tát vì sao suy cầu về tánh? Bồ-tát Ma-ha-tát nhận biết tánh của sắc cho đến tánh của Niết-bàn, nhận biết sắc lưu hành khắp cho đến Niết-bàn lưu hành khắp. Thế nào gọi là nhận biết tánh của sắc? Tức nhận biết tánh của sắc này như hình tượng trong gương, cảnh mộng huyễn hóa, như tiếng vang, như dợn nắng, như trăng trong nước. Đó gọi là suy cầu về tánh.

Bồ-tát vì sao suy cầu về phân biệt? Bồ-tát Ma-ha-tát nêu phân biệt danh, phân biệt vật, phân biệt tánh, phân biệt pháp, phân biệt phi pháp, phân biệt hữu, vô, thị sắc, phi sắc, có thể thấy, không thể thấy. Đó gọi là phân biệt. Do phân biệt nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì thế Bồ-tát suy cầu về phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì dứt trừ tám thứ sai lầm nên suy cầu bốn việc. Vì sao Bồ-tát dứt trừ tám thứ sai lầm này? Do tám thứ sai lầm này là nhân duyên làm tăng trưởng tà kiến. Tà kiến tăng trưởng nên phiền não tăng trưởng. Phiền não tăng trưởng nên sinh tử tăng trưởng. Sinh tử tăng trưởng nên mười hai nhân duyên tăng trưởng.

Nếu Bồ-tát tu tập bốn việc như vậy tức đoạn trừ được tà kiến. Tà kiến đoạn nên các phiền não diệt. Phiền não diệt nên sinh tử diệt. Sinh tử diệt nên biết mười hai nhân duyên diệt. Biết mười hai nhân duyên diệt nên tu đạo vô thượng. Do tu đạo vô thượng nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì chứng đắc đạo quả ấy nên có thể phá trừ tám thứ sai lầm của chúng sinh, có thể giáo hóa chúng sinh, nhận biết thế gian lưu hành khắp và thuyết giảng nghĩa chân thật. Nếu trừ bỏ tám thứ sai lầm của chúng sinh như vậy, thì gọi là Đại Niết-bàn, có thể được đại tự tại ngay nơi đời này, được đại thần thông, được đại phương tiện, được đại thiên định, được đại

nhất thiết trí, cầu được xứ không thoái, không đọa. Đó gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được đại tự tại tức thành tựu năm việc: Một là tâm được vắng lặng. Hai là hiểu biết về sự việc thế gian và xuất thế gian. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử tâm không sầu não. Bốn là nhận biết rõ về tạng bí mật thâm diệu của Như Lai. Năm là tâm Bồ-đề không thể hủy hoại.

Vì sao Bồ-tát tâm được vắng lặng? Do có thể phá trừ phiền não hiện tại của chúng sinh nên tâm được vắng lặng. Vì điều phục chúng sinh, chứng đắc pháp Phật, nên Bồ-tát hiểu biết về sự việc thế gian và xuất thế gian. Vì khiến chúng sinh được căn tánh lạnh lợi, nên Bồ-tát ưa thích ở trong sinh tử, tâm không sầu não. Vì nhằm khiến tâm nghi của chúng sinh được trừ bỏ, nên Bồ-tát thọ trì đọc tụng nhận biết rõ về tạng bí mật thâm diệu của Như Lai. Do có người ở nơi pháp nói là phi pháp, có thể khiến pháp Phật bị diệt, làm cầu uế pháp Phật, phạm nói không phạm, lãnh nhận cát chứa tám thứ vật bất tịnh. Vì muốn diệt bỏ các thứ người xấu ác như vậy, nên Bồ-tát thọ trì giải nói nghĩa bí mật thâm diệu của Như Lai. Tuy nhận biết sách luận vi tế của ngoại đạo và hiểu rõ về nghĩa lý, nhưng trọn không hủy hoại tâm Bồ-đề. Năm việc như vậy thấu giữ các sự việc Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là năm sự việc, cũng gọi là năm công đức.

Những gì gọi là sự việc Bồ-đề? Là có thể tự tạo lợi ích, điều phục chúng sinh, thọ trì pháp Phật không phá bỏ giới cấm đã tu tập của Bồ-tát, tâm Bồ-đề trọn không lay động, siêng năng tinh tấn diệt trừ tà kiến, tuyên thuyết đạo ba thừa. Bồ-tát thành tựu năm sự việc như vậy có ba hạng là hạ trung thượng. Đây đủ hai sự việc gọi là hạ. Đây đủ ba sự việc gọi là trung. Nếu đủ bốn sự việc gọi là thượng.

Phẩm thứ 6: BÁT KHẢ TƯ NGHÌ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát bất khả tư nghi? Tức Bồ-tát Ma-ha-tát được Tam-muội tự tại, phát tâm rồi được vô lượng công đức, không tạo tác nghiệp nhưng được quả báo, không tu Thánh đạo nhưng được Thánh tâm. Đó gọi là Bồ-tát bất khả tư nghi. Ít tạo nghiệp thiện mà được quả báo lớn, vì Bồ-đề nên ở trong vô lượng đời tu các hạnh khổ, Bồ-tát nhận biết thật không có chúng sinh nhưng có thể siêng tu hạnh khổ, nhận biết không người tạo tác, không người thọ nhận nhưng có thể tạo tác có thể thọ nhận. Đó gọi là Bồ-tát bất khả tư nghi.

Bất khả tư nghi gồm có năm thứ: Một là sáu thông không thể nghĩ bàn. Hai là pháp không thể nghĩ bàn. Ba là cộng sinh không thể nghĩ bàn. Bốn là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn. Năm là cộng sinh, bất cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Thế nào là sáu thông? Đó là thần túc, thiên nhĩ, thiên nhãn, tha tâm trí, túc mạng trí, và lậu tận trí. Đó gọi là sáu thông không thể nghĩ bàn.

Thế nào là pháp không thể nghĩ bàn? Pháp nghĩa là Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật. Đó gọi là pháp không thể nghĩ bàn.

Thế nào là thần thông? Thần thông có hai thứ: Một là biến. Hai là hóa.

Những gì là thần thông biến? Tức là chấn động phát ra lửa, thị hiện ánh sáng, tự chuyển thân mình, hoặc hiện sự đi đến, hiện các thứ sắc, ẩn hiện tự tại giữa đại chúng, ngăn che thần thông của người khác, ngôn từ vô ngại, ban sự nhớ nghĩ cho người khác, ban sự vui thích cho mọi người, phóng ra ánh sáng lớn. Đó gọi là thần thông biến.

Thế nào là chấn động? Bồ-tát Ma-ha-tát được Tam-muội tự tại, có thể làm chấn động phòng nhà, xóm làng, thôn ấp, thành quách, quốc độ, từ bốn châu thiên hạ cho đến ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới, một trăm ba ngàn đại thiên thế giới, một ngàn ba ngàn đại thiên thế giới, ngàn vạn ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô biên thế giới. Đó gọi là chấn động.

Thế nào là phát ra lửa? Tức trên thân hiện ra lửa dưới thân phát ra nước, trên thân phát ra nước dưới thân hiện ra lửa, hoặc cử thân phát ra lửa tạo ra vô số thứ sắc xanh, vàng, đỏ, tím, trắng, đen. Đó gọi là phát ra lửa.

Thế nào là ánh sáng? Tức thân phát ra ánh sáng đầy khắp một nhà, thôn ấp, xóm làng, cho đến vô lượng vô biên ba ngàn đại thiên thế giới. Đó gọi là ánh sáng.

Thế nào là thị hiện? Tức chư Phật, Bồ-tát vì độ chúng sinh nên thị hiện các loại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Hoặc lại thị hiện hằng hà sa quốc độ của chư Phật, cùng thân Phật và chư Đại Bồ-tát nơi vô lượng vô biên thế giới trong mười phương, nói về danh hiệu của chư Phật khiến các chúng sinh đều được nghe biết. Đó gọi là thị hiện.

Thế nào là chuyển? Tức chư Phật, Bồ-tát được Tam-muội tự tại, có thể biến đất thành lửa, biến lửa thành nước, gió cũng như vậy. Biến sắc thành hương, biến hương làm sắc, sắc hương vị xúc biến làm cỏ cây, y phục, thức ăn, anh lạc, vật dụng, thạch bối, lưu ly, chân châu, vàng bạc, cùng núi non, sắc tốt thành xấu, sắc xấu làm tốt. Đó gọi là chuyển.

Thế nào là đi đến? Hoặc đi đến xứ Phạm thiên, hoặc từ xứ Phạm thiên trở về. Hoặc đi đến xứ trời A-ca-nị-trá, hoặc từ xứ trời này trở về. Hoặc đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên dưới, cho đến vô lượng vô biên thế giới cũng đều như vậy. Xa

có thể làm gần, gần có thể làm xa, có thể khiến núi Tu-di nhỏ như vi trần, khiến vi trần lớn bằng núi Tu-di. Đó gọi là đi đến.

Thế nào là các thứ sắc? Hoặc có thể hiện thân mình, hoặc hiện thân nam, nữ, lớn nhỏ, các hạng tứ, cỏ cây, vườn rừng. Đó gọi là các thứ sắc.

Thế nào là ẩn hiện tự tại giữa đại chúng? Tức có thể đem đại chúng vào trong thân mình mà tâm không sợ sệt, thân không trở ngại, nhưng các đại chúng này đều không tự biết đi đến chỗ nào. Hoặc có lúc đi đến chúng Bà-la-môn, hiện thân đồng như vậy: Đồng sắc, đồng y phục, đồng hình tướng như họ, âm thanh cũng không khác, kia nói đây cũng có thể nói, kia không thể nói thì nay cũng không thể nói. Có thể dùng phương tiện khéo dắt dẫn những người ấy, chỉ bày rồi liền mất, khiến chúng kia không biết là từ đâu đến, mất về đâu, là trời hay là người. Như chúng Bà-la-môn, thì các chúng Sát-lợi, chúng Đại hội, chúng Trưởng giả, chúng Tứ thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng Dạ ma thiên, chúng Đâu suất đà thiên, chúng Hóa tự tại thiên, chúng Tha hóa tự tại thiên, chúng Phạm, chúng Phạm sư thiên, chúng Đại Phạm thiên, chúng Thiếu quang thiên, chúng Vô lượng quang thiên, chúng Tịnh quang thiên, chúng Thiếu thiện thiên, chúng Đại thiện thiên, chúng Vô biên thiện thiên, chúng Vô vân thiên, chúng Phước sinh thiên, chúng Quảng quả thiên, chúng Vô noãn thiên, chúng Vô cuống thiên, chúng Thiện kiến thiên, chúng Ái kiến thiên, chúng A-ca-ni-trá thiên, tất cả cũng lại như thế. Ở nơi các chúng chư thiên như vậy, chỉ trong khoảnh khắc có đến trăm lần hiện ra, trăm lần ẩn mất, ngàn lần hiện ra, ngàn lần ẩn mất, ngàn vạn lần hiện ra, ngàn vạn lần ẩn mất. Đó gọi là ẩn hiện tự tại giữa đại chúng.

Thế nào là ngăn che thần thông của người khác? Trừ Đức Phật Thế Tôn, còn Bồ-tát Ma-ha-tát là đồng hành, đồng tánh, đồng định, Bồ-tát sinh nơi biên địa đạt được thần thông hơn tất cả thần thông nội ngoại khác. Đó gọi là ngăn che thần thông của người khác.

Thế nào là ngôn từ vô ngại? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, thì ngôn từ vô tận, nghĩa vị vô tận, lạc thuyết vô tận. Đó gọi là ngôn từ vô ngại.

Thế nào là ban sự nhớ nghĩ cho người khác? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, có vô lượng chúng sinh trong vô lượng đời bị mất niệm đều khiến nhớ lại. Đó gọi là ban sự nhớ nghĩ cho người khác.

Thế nào là ban sự vui thích cho mọi người? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, có thể khiến thân tâm của chúng sinh được an lạc, diệt trừ chướng phiền não, người nghe cảm thấy vui thích như ở nơi xứ thiên thú ba, các thứ bệnh tật trong thân bốn đại đồng thời tiêu diệt, các quỷ ác đều không thể quấy nhiễu. Đó gọi là ban sự vui thích cho mọi người.

Thế nào là phóng ra ánh sáng lớn? Bồ-tát Ma-ha-tát phóng ra hào quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, chiếu đến địa ngục phá trừ khổ nạn trong ấy, chiếu đến xứ trời phóng dật chỉ dạy pháp tu, khiến họ được thân người, chiếu đến trụ xứ Phật, thỉnh mời vô lượng Bồ-tát trong mười phương tập hợp nơi trụ xứ Phật để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là phóng ra ánh sáng lớn.

Các sự việc thần thông như vậy, vì chuyên pháp tánh nên gọi là thần thông biến.

Thế nào là thần thông hóa? Tức vật không tạo ra có vật, nên gọi là hóa. Hoặc là hóa thân, hoặc hóa hiện âm thanh.

Hóa thân: Tức là hóa tợ như thân mình, hoặc tợ như thân khác, có căn đầy đủ hoặc không đầy đủ. Phần còn lại như trong phần Chuyển ở trước. Lại còn hóa làm vô lượng thân. Tức chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên hóa làm vô lượng thân, hiện bày khắp vô lượng thế giới, có Phật, Bồ-tát hiện thân biến hóa, hoặc có như huyễn, hoặc có chân thật. Các thứ y phục, thức ăn uống, vàng bạc, lưu ly, châu châu, pha lê cũng lại như vậy. Vì nhằm phá bỏ sự bần cùng khốn khổ nơi các chúng sinh. Đó gọi là hóa thân.

Hóa âm thanh: Tức là chư Phật, Bồ-tát hóa hiện âm thanh vi diệu, âm thanh mau chóng, âm thanh tự thuyết nghĩa, âm thanh tha thuyết nghĩa, âm thanh không nghĩa, âm thanh thuyết pháp, âm thanh giáo hóa. Do các âm thanh này có thể phá trừ tâm phóng dật của chúng sinh. Đó gọi là hóa âm thanh.

Âm thanh của Phật, Bồ-tát sâu xa như tiếng sấm, như tiếng Ca-lăng-tần-già, tiếng người ưa thích nghe, tiếng hiện hữu khắp, tiếng tư duy, tiếng thấu tỏ, tiếng dễ hiểu, tiếng nghe vui, tiếng không tham đắm, tiếng không chê trách, tiếng vô tận. Bồ-tát Ma-ha-tát có các âm thanh như vậy, tất cả chúng trời, chúng người, chúng Thanh văn, chúng Duyên giác, chúng Bồ-tát hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc gần hoặc xa, tất cả đều được nghe. Trong âm thanh ấy phát ra vô số các pháp tạo lợi ích cho chúng sinh.

Âm thanh tự hóa, là cũng như tự thuyết pháp, vì chúng sinh phóng dật nên nói.

Âm thanh tha hóa, tức như hóa thân của Phật, vì người khác thuyết pháp, cũng vì chúng sinh phóng dật.

Âm thanh không nghĩa, tức như hư không phát ra tiếng.

Âm thanh thuyết pháp, là vì chúng sinh ngu si.

Âm thanh giáo hóa, tức vì các chúng sinh phóng dật, muốn làm tăng trưởng hạnh không phóng dật.

Chư Phật, Bồ-tát hóa hiện các sự việc về thần thông như vậy, lần lượt đến vô lượng không thể xưng kể, thần thông biến hóa vô lượng như thế là vì hai việc: Một là muốn khiến chúng sinh sinh khởi tâm tin hướng đến pháp Phật. Hai là vì thị hiện phước điền vô thượng cho các chúng sinh bản cùng khôn khổ.

Thế nào là túc mạng trí? Bồ-tát Ma-ha-tát tự nhận biết về đời trước và những chúng sinh cùng ở cùng làm như vậy, tự nhận biết danh tự và danh tự của người khác, nhận biết chủng tánh của mình và

chúng tánh của người khác, nhận biết thức ăn uống của mình và thức ăn uống của người khác, nhận biết khổ vui của mình và khổ vui của người khác. Bồ-tát tự nhận biết các việc ở đời trước như thế, cũng có thể giáo hóa người khác khiến họ nhận biết đời trước. Tự nhận biết về vô lượng đời, cũng có thể giáo hóa người khác nhận biết về sự việc nơi vô lượng đời, hoặc thô hoặc tế. Đó gọi là túc mạng trí. Do uy lực của túc mạng trí ấy nên có thể nói về nhân duyên đời trước của Bồ-tát, khiến các chúng sinh sinh khởi tâm tín đối với pháp Phật. Nói kinh bản nhân duyên của các Bồ-tát như kinh Xà Đà Già, kinh A Phù Đà Na, nói về nhân duyên của nghiệp nơi nghiệp ác nghiệp thiện, để phá bỏ thường kiến, đoạn kiến của chúng sinh. Đó gọi là túc mạng trí của Bồ-tát.

Thế nào là thiên nhãn? Do thiên nhãn tịnh của Bồ-tát Ma-ha-tát là hơn hẳn nhục nhãn của con người, nên Bồ-tát thấy rõ chúng sinh chết đây sinh về kia, hoặc sắc tốt, hoặc sắc thô, hoặc đẹp hoặc xấu, thấy rõ nghiệp thiện ác và quả thiện ác của chúng sinh, hoặc già hoặc trẻ, hoặc tự làm hoặc khiến người khác làm, hoặc thô, hoặc tế. Hoặc thấy sắc ở các nẻo trời, người, hoặc sắc ở ba đường ác, cho đến sắc của chúng sinh trong vô lượng thế giới khắp mười phương, vô lượng cõi Phật, thấy rõ lúc chư Phật ở nơi vô lượng mười phương diễn nói chánh pháp. Đó gọi là thiên nhãn.

Thế nào là thiên nhĩ? Các thứ âm thanh do Bồ-tát Ma-ha-tát nghe được, như là âm thanh của trời, người, Thánh, phi Thánh, âm thanh thô, tế, âm thanh hóa hiện, chân thật, xa, gần, tất cả đều nghe.

Âm thanh của trời: Là từ sáu xứ trời nơi cõi dục đến trời A-ca-nị-trá, cho đến vô lượng thế giới trong mười phương, mọi âm thanh của chư thiên thấy đều được nghe. Đó gọi là âm thanh của trời.

Âm thanh của người: Là vô lượng thế giới trong mười phương.

Âm thanh của Thánh: Là chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, vì giáo hóa chúng sinh nên tuyên thuyết pháp Phật, hoặc khen

ngợi bồ thí, trì giới, nghiệp thiện, phá bỏ nghiệp ác, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Phật. Đó gọi là âm thanh của Thánh.

Âm thanh phi Thánh: Tức là nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa. Trên từ các trời nơi cõi dục, dưới đến ba đường ác, chúng sinh, chư thiên hiện có trong mười phương, có bốn thứ lời nói xấu ác như vậy. Đó gọi là âm thanh phi Thánh.

Âm thanh thô: Tức là âm thanh của đại chúng, tiếng nói của những chúng sinh to lớn, tiếng nói nơi địa ngục, tiếng sấm sét, tiếng loa, tiếng trống. Đó gọi là âm thanh thô.

Âm thanh tế: Tức là tiếng nói trộm lén, tiếng nói không rõ, tiếng của nước Đà-tỳ-la, tiếng Túc đặc, tiếng Nguyệt chi, tiếng Đại Tần, tiếng An Túc, tiếng Chân Đan, tiếng Pháp Sa, tiếng Lỗa Hình, tiếng Tiên Ty. Các thứ tiếng nơi biên địa như vậy gọi là tiếng tế. Vì sao? Vì nhân duyên của phiền não ganh ghét nên như vậy.

Bồ-tát thành tựu thiên nhĩ như thế, nghe các chúng sinh phát ra âm thanh thiện, khen ngợi cung kính, Bồ-tát giáo hóa khiến trụ trong pháp Phật, sinh khởi tâm tín, rộng vì họ phân biệt mười hai bộ kinh và tạng bí mật của Bồ-tát. Nếu nghe âm thanh xấu ác thì liền chê trách, nói lỗi lầm của nghiệp ác, mở bày pháp môn đối trị. Đó gọi là thiên nhĩ.

Thế nào là tha tâm trí? Nghĩa là Bồ-tát đều nhận biết tâm của các chúng sinh hiện có trong mười phương thế giới: Tâm cùng với phiền não, tâm không cùng với phiền não, tâm hệ thuộc phiền não, tâm không hệ thuộc, tâm nguyện thiện, tâm nguyện ác, tâm nghi, tâm không nghi, tâm thượng, tâm hạ, tâm tham sân si, tâm cõi dục, tâm cõi sắc, tâm cõi vô sắc. Cho đến tâm thọ khổ, tâm thọ vui, tâm không khổ không vui của tất cả chúng sinh trong đường súc sinh. Dùng một tâm quán tâm của một chúng sinh. Dùng một tâm quán tâm của vô lượng chúng sinh. Đó gọi là tha tâm trí.

Tha tâm trí thông của chư Phật, Bồ-tát là nhận biết căn tánh lợi độn của chúng sinh, nhận biết các chủng tánh của chúng sinh, nhận biết chúng sinh nào có tâm thiện rồi liền vì họ diễn nói về mười hai bộ kinh và Tạng Bồ-tát. Nhận biết chúng sinh có tâm ác rồi, liền chê trách cùng nói lỗi lầm của nghiệp ác. Đó gọi là tha tâm trí thông của Bồ-tát.

Thế nào là lậu tận trí? Tức Bồ-tát Ma-ha-tát vì đoạn dứt phiền não nên tu tập đạo. Vì tự diệt trừ phiền não nên tu tập đạo. Vì dứt trừ các phiền não của chúng sinh nên vì họ thuyết pháp, cũng là nhằm diệt trừ hữu lậu và kiêu mạn của chúng sinh, phá bỏ phi đạo chấp tà đạo nơi chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát tuy vì chúng sinh thuyết pháp dứt trừ lậu, nhưng tự mình không dứt hết lậu, tuy chưa dứt sạch hết lậu nhưng không bị cấu nhiễm. Lậu tận trí thông của Bồ-tát Ma-ha-tát là không thể nghĩ bàn, tu lậu tận thông là vì giáo hóa chúng sinh, phá trừ kiêu mạn. Đó gọi là lậu tận trí.

Thế nào gọi là pháp? Nghĩa là quả của Bồ thí Ba-la-mật cho đến quả của Bát-nhã Ba-la-mật. Đó gọi là pháp.

Sáu thứ quả này mỗi thứ có bốn việc: Một là tu tập đạo. Hai là trang nghiêm Bồ-đề. Ba là tự lợi lợi tha. Bốn là đời sau được quả thiện lớn.

Bồ-tát hành thí là phá trừ tham lam keo kiệt. Trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâm giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến thực hành bố thí. Khi cần thí liền thí, thí rồi sinh hoan hỷ. Đó gọi là tự lợi. Đoạn trừ những thứ đói khát, khổ não, nóng lạnh, sợ hãi của chúng sinh. Đó gọi là lợi tha. Xả bỏ thân này rồi đạt được tự tại, tôn quý, nhiều của cải. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc bố thí của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì giới cấm trừ diệt giới ác, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâm giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến hành trì giới cấm, xa lìa sợ hãi về phá giới, ngủ yên, thức yên, tâm không hối hận, vui vẻ an lạc. Đó gọi là tự lợi. Đối với các chúng sinh không có

tâm hại, ban sự vô úy cho chúng sinh. Đó gọi là lợi tha. Trì giới nên thọ nhận an lạc nơi nẻo trời người, được đạo Niết-bàn. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc trì giới của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nhẫn nhục phá trừ bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thọ giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến tu trì nhẫn nhục, hoặc tự mình hoặc khiến người khác xa lìa sợ hãi. Đó gọi là tự lợi lợi tha. Do nhân duyên nhẫn nhục nên không có tâm sân hận, quyến thuộc không ly tán, không thọ khổ não, tâm không hối hận, xả thân này rồi được thọ nhận an vui nơi nẻo trời người, đắc đạo Niết-bàn. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc nhẫn nhục của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu tinh tấn phá trừ biếng trễ, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thọ giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến tu hành tinh tấn, ngủ an, thức an, lìa các phiền não, tăng trưởng pháp thiện, thân được an lạc. Đó gọi là tự lợi. Bồ-tát tinh tấn không đánh đập mắng nhiếc làm não loạn chúng sinh. Đó gọi là lợi tha. Xả thân này rồi thọ nhận an lạc nơi nẻo trời người, thân có lực lớn, được đạo Bồ-đề. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc tinh tấn của Bồ-tát.

Bồ-tát tu thiền định diệt trừ tâm loạn động, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thọ giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến tu tập thiền định, hiện đời hưởng vui, thân tâm tịch tĩnh. Đó gọi là tự lợi. Vì thân tâm tịch tĩnh nên không não loạn chúng sinh. Đó gọi là lợi tha. Xả thân này rồi, thọ thân thanh tịnh, an ổn diệu lạc, được đạo Niết-bàn. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc thiền định của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu trí tuệ phá trừ vô minh, trang nghiêm đạo Bồ-đề, dùng bốn nhiếp pháp để thọ giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên tu hành trí tuệ, do nhận biết pháp giới nên thân thọ an lạc. Đó gọi là tự lợi. Có thể dùng sự việc thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là lợi tha. Có thể phá diệt hai chướng phiền não, trí tuệ. Đó gọi là quả lớn. Trên đây là bốn sự việc trí tuệ của Bồ-tát.

Thế nào là cộng sinh không thể nghĩ bàn? Tức Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng phải chỉ vì túc mạng trí nên nhớ lại sự việc đời trước, nhưng quán xét các nghiệp thiện ác của chúng sinh, đồng chịu khổ là vì muốn tạo lợi ích. Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi trời Đâu Suất, thành tựu thọ mạng có ba việc thù thắng: Một là thọ mạng thù thắng. Hai là sắc thân thù thắng. Ba là danh xưng thù thắng. Lúc đầu hạ sinh, đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, tự nhận biết rõ lúc vào thai mẹ, lúc ở trong thai, lúc ra khỏi thai, lúc đi bảy bước mặt hướng khắp mười phương, không người dìu đỡ, tự nói lời: Thân này của Ta hôm nay là thân sau cùng. Chư thiên, quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, dùng các hoa hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu vi diệu để cúng dường. Ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân không gì có thể hơn. Dùng lực từ thiện phá diệt quân ma, mỗi mỗi chi tiết trong thân đồng như đại lực đã đạt được của Na-la-diên. Lúc tuổi nhỏ không học sự việc thế gian nhưng có thể nhận biết. Lớn lên tự học, không thầy mà tự chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Phạm thiên đến khuyến thỉnh, vì các chúng sinh nên chuyển bánh xe chánh pháp. Khi chánh thọ Tam-muội, các tiếng sấm chấn động đều không thể khiến động. Các loài thú đã gần gũi thương kính như cha mẹ, súc sinh hiến thức ăn, biết được tâm Phật. Thần mây tuôn mưa xuống tắm gội thân ấy. Cây theo cành cong che mát trên thân. Khi thành đạo rồi, trong sáu năm ma ác luôn dò xét nhưng không thấy có chút khuyết điểm nào. Thường ở trong thiền định thành tựu tâm niệm, khéo có thể nhận biết rõ về giác quán khởi diệt. Đó gọi là cộng sinh không thể nghĩ bàn của Bồ-tát.

Thế nào là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn? Tức là nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Như người cuồng loạn kia nhờ thấy Như Lai mà tâm thức được trở lại như cũ. Người mù được mắt sáng, kẻ sinh ngược được thuận, người điếc được nghe, người tham sân si được trừ diệt hết. Đó gọi là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn của Bồ-tát.

Lại nữa, cộng sinh là việc làm của Như Lai không thể nghĩ bàn. Thường nằm nghiêng theo hông bên phải như sư tử chúa. Hoặc là cỏ hay lá đều không có loạn động. Tùy theo gió mạnh nhưng không động y phục. Khởi chân bước đi như sư tử vương, như ngỗng chúa trắng. Nếu khi muốn đi, trước khởi chân phải, nơi chón đi đến cao thấp đều bằng phẳng. Ăn uống luôn gọn gàng, thuận hợp. Đó gọi là cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Như Lai, Thế Tôn nhập Niết-bàn, đại địa chấn động, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương cõi, tất cả đều nghe âm thanh của kỹ nhạc. Đó gọi là cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Thế nào gọi là bất cộng? Thanh văn, Duyên giác tức không cùng chung. Không cùng với Thanh văn, Duyên giác gồm có ba: Một là tế. Hai là hành. Ba là cõi. Như Lai đều nhận biết về vô lượng phiền não của tất cả chúng sinh cùng vô lượng pháp đối trị. Đó gọi là tế. Hành tức là sáu thông, sáu pháp Ba-la-mật, pháp tánh tự sinh không thể nghĩ bàn. Đó gọi là hành. Cõi là trí tuệ vô ngại trong tất cả thế gian. Đó gọi là cõi.

Trên đây là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn. Thần thông của Thanh văn ngang với hai ngàn thế giới. Thần thông của Duyên giác ngang với ba ngàn đại thiên thế giới. Chư Phật, Bồ-tát thông đạt vô lượng vô biên thế giới. Đó gọi là bất cộng. Cộng là trừ ba sự việc trên, tất cả pháp còn lại gọi là cộng.

Thế nên Thanh văn, Duyên giác hãy còn không được cùng với chư Phật, Bồ-tát gọi là cộng, huống là hàng trời, người, phàm phu, ngoại đạo, tà kiến. Sáu pháp Ba-la-mật của Đại Bồ-tát là tánh cộng sinh và bất cộng sinh, là pháp cộng, bất cộng của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đó gọi là không thể nghĩ bàn.

HẾT - QUYỂN 2

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 3

Phẩm thứ 7: ĐIỀU PHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát điều phục? Điều phục có sáu thứ:

- (1) Tánh điều phục.
- (2) Chúng sinh điều phục.
- (3) Hành điều phục.
- (4) Phương tiện điều phục.
- (5) Thành thực điều phục.
- (6) Thực ấn điều phục.

Tánh điều phục: Nghĩa là có chủng tử thiện nên tu pháp thiện, do tu pháp thiện tức phá diệt hai thứ chướng là chướng phiền não và chướng trí tuệ. Vì tu pháp thiện nên thân tâm được thanh tịnh, do thân tâm thanh tịnh nên nếu gặp bạn thiện là chư Phật, Bồ-tát hay không gặp cũng có thể phá trừ được hai chướng của phiền não và trí tuệ. Như mọt nhọt đã chín mồi, nếu gặp thầy thuốc giỏi hay không gặp đều cũng chữa trị được. Ví như đồ dùng bằng đất tùy thời mà dùng, gọi đó là thực. Như quả Am-la tùy thời mà ăn, cũng gọi là thực. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Tu tập đạo thiện rất ráo, nhằm chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là thực, là tánh điều phục.

Chúng sinh điều phục gồm có bốn thứ: Một là có tánh Thanh văn đắc đạo Thanh văn. Hai là có tánh Duyên giác đắc đạo Duyên giác. Ba là có tánh Phật đắc đạo Phật. Bốn là có tánh trời người đạt được an vui nơi nẻo trời người. Bốn thứ này gọi là chúng sinh điều phục.

Hành điều phục gồm có sáu thứ: Một là căn điều phục. Hai là căn thiện điều phục. Ba là trí tuệ điều phục. Bốn là hạ điều phục. Năm là trung điều phục. Sáu là thượng điều phục.

Căn điều phục: Tức do nhân duyên điều phục căn, nên được thân nam tử sống lâu, sắc đẹp, chủng tánh tôn quý, đại lực tự tại, ngôn âm vi diệu, không ai có thể hơn. Thành tựu đầy đủ quả của báo như vậy, nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thường vì chúng sinh tu tập khổ hạnh, tâm ấy từ đầu tức không có ưu sầu hối hận. Đó gọi là căn điều phục.

Căn thiện điều phục: Tức là tánh không ưa thích tạo tác nghiệp ác, năm uẩn nhẹ nhàng, các giác quán xấu ác dần dần giảm kém, ưa thọ nhận lời nói thanh tịnh thuần thiện. Đó gọi là căn thiện điều phục.

Trí tuệ điều phục: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát do tu tập trí tuệ nên tâm hành rộng lớn, khéo có thể thọ trì đọc tụng kinh điển, hiểu rõ nghĩa thiện ác, tư duy phân biệt rộng vì người giảng nói. Do tu tập trí tuệ nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu có thể đạt đầy đủ căn điều phục, căn thiện điều phục, trí tuệ điều phục, thì có thể diệt hết chướng trí. Nếu đầy đủ căn điều phục, thì có thể trừ hết chướng báo. Nếu đầy đủ căn thiện điều phục và trí tuệ điều phục, thì có thể diệt trừ hết chướng trí và chướng phiền não. Đó gọi là trí tuệ điều phục.

Hạ điều phục gồm có hai thứ: Một là không ở trong vô lượng đời tu tập pháp thiện. Hai là không ưa thích suy cầu căn thiện, trí tuệ. Đó gọi là hạ điều phục.

Trung điều phục: Tức là ở trong vô lượng đời tu tập pháp thiện, được căn thiện điều phục, nhưng không được trí tuệ. Đó gọi là trung điều phục.

Thượng điều phục: Tức là có đủ ba sự việc trên. Đó gọi là thượng điều phục.

Phương tiện điều phục gồm có hai mươi hai thứ:

- (1) Cõi tăng trưởng.
- (2) Nhân hiện tại.
- (3) Vào hàng xuất gia.
- (4) Mới phát khởi.
- (5) Chẳng phải mới phát khởi.
- (6) Tịnh xa.
- (7) Tịnh gần.
- (8) Trang nghiêm.
- (9) Chí tâm.
- (10) Thí thức ăn.
- (11) Thí pháp.
- (12) Vì thị hiện thân thông sinh tâm tín.
- (13) Vì thuyết pháp sinh tâm tín.
- (14) Thuyết giảng tạng pháp thâm diệu, phân biệt rộng về pháp.
- (15) Hạ trang nghiêm.
- (16) Trung trang nghiêm.
- (17) Thượng trang nghiêm.
- (18) Nghe pháp.
- (19) Suy nghĩ tu tập.
- (20) Thâu giữ.

(21) Chê trách.

(22) Không đợi thỉnh thuyết và đợi thỉnh thuyết.

Cõi tăng trưởng: Tức là đầy đủ chủng tử thiện. Do đủ chủng tử thiện nên ở nơi đời khác căn thiện lại được tăng trưởng. Do hiện tại tu tập pháp chủng tử, nên nơi đời khác pháp chủng tử cũng được tăng trưởng. Đó gọi là cõi tăng trưởng.

Nhân hiện tại: Tức là trong đời hiện tại thuyết pháp không sai lầm, nghe pháp không sai lầm, như pháp thọ trì. Do nhân của đời trước tăng nhân hiện tại. Do nhân hiện tại tăng nhân vị lai. Lại do nhân hiện tại tăng nhân hiện tại. Đó gọi là nhân hiện tại.

Vào hàng xuất gia: Tức là gần gũi bạn thiện là chư Phật, Bồ-tát, tâm tín được sinh. Do được tâm tín nên lìa bỏ pháp thế gian, thọ trì tu hành pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế tức là giới Bồ-tát. Nếu không thể thọ tức là Sa-môn danh tự, không gọi là xuất gia. Đoạn được pháp dục mới gọi là xuất gia. Không thọ giới Bồ-tát như vậy thì không gọi là vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo pháp dục. Đoạn trừ tất cả ái gọi là xuất gia. Thọ nhận an vui trọn vẹn gọi là xuất gia. Ưa thích hành đạo gọi là xuất gia. Tăng trưởng pháp Phật gọi là xuất gia. Vui thích thọ trì giới cấm gọi là xuất gia. Đó gọi là vào hàng xuất gia.

Mới phát khởi: Tức là lúc mới phát tâm không ưa thích sinh tử. Do không ưa thích sinh tử nên tâm tín được sinh. Tu tập nơi đạo làm tăng ích pháp Phật. Đó gọi là mới phát khởi.

Chẳng phải mới phát khởi: Tức là sau khi phát tâm rồi, thì gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thọ trì giới cấm, đọc tụng, biên chép, rộng vì người giảng nói, cho đến làm tăng trưởng pháp thiện thượng thượng. Đó gọi là chẳng phải mới phát khởi.

Tịnh xa: Tức là như không thọ trì giới cấm của Bồ-tát, không thể đọc tụng biên chép giải nói, không thuận theo lời Sư dạy, lại

biếng nhác trễ nải, trải qua vô lượng kiếp không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tịnh xa.

Tịnh gần: Tức là thọ trì giới cấm, đọc tụng biên chép, vì người giải nói, tùy thuận lời Sư dạy, siêng năng tinh tấn, có thể nhanh chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tịnh gần.

Trang nghiêm: Tức là chí tâm dốc cầu Phật đạo vô thượng, vì đạo Bồ-đề nên hành trì giới Bồ-tát, vì sợ phép vua, Sư trưởng, Hòa thượng, vì danh xưng nên hành trì giới Bồ-tát. Đó gọi là trang nghiêm.

Chí tâm: Tức là ở trong pháp Phật chí tâm giữ niệm, không có tâm nghi ngờ, tâm không nhẫn, hộ trì chánh pháp, dùng Tạng Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, đối với các bậc Hòa thượng, Trưởng lão cùng người có đức luôn sinh tâm cung kính, cúng dường Tam bảo không có dùng nghĩ, tin sâu Tam bảo thường trụ bất biến. Đó gọi là chí tâm.

Thí thức ăn: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đói khát liền bố thí thức ăn, tùy theo chỗ cần mà cung cấp tất cả. Đó gọi là thí thức ăn.

Thí pháp: Tức là Bồ-tát dùng một câu, một bài kệ, cho đến nửa bài kệ, một Bộ, một Tạng, rộng vì chúng sinh thuyết giảng ý nghĩa, vì đạo Bồ-đề nên giáo hóa chúng sinh khiến làm việc thiện. Đó gọi là thí pháp.

Vì thị hiện thần thông sinh tâm tín: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng đại thần thông thị hiện cho chúng sinh, vì tâm thương xót, vì muốn khiến tâm chúng sinh được thanh tịnh, vì biết tâm tín của chúng sinh thanh tịnh, vì thấy chúng sinh thanh tịnh trang nghiêm, vì khiến chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là thần thông.

Vì thuyết pháp sinh tâm tín: Tức là Bồ-tát tự nhận biết chưa có lợi ích, vì lợi tha nên diễn nói chánh pháp, cũng lại nhận biết do lợi tha nên có thể diệt tội của mình nên diễn nói pháp, lại tự nhận biết

vì người khác thuyết pháp cũng được tăng trưởng chỗ tu thiện của mình. Đó gọi là thuyết pháp.

Thuyết giảng tạng pháp thâm diệu phân biệt rộng về pháp: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng diệu lực của phương tiện, có thể vì chúng sinh khai thị tạng pháp thâm mật của Đức Như Lai, muốn khiến chúng sinh hiểu ý nghĩa ấy, vì tăng trưởng căn thiện cho người có trí nên thuyết giảng nghĩa sâu xa. Đó gọi là thuyết giảng tạng pháp thâm diệu phân biệt rộng về pháp.

Hạ trang nghiêm: Là không thể chí tâm thường hành hạnh vô thượng của bậc Hiền Thánh. Đó gọi là hạ trang nghiêm.

Trung trang nghiêm: Tức là tuy chí tâm tu tập Thánh hạnh, nhưng không thường hành. Đó gọi là trung trang nghiêm.

Thượng trang nghiêm: Tức là cũng chí tâm, cũng thường hành. Đó gọi là thượng trang nghiêm.

Nghe pháp: Tức là lúc tu pháp Phật vô thượng, chí tâm nghe kỹ mười hai bộ kinh, thọ trì biên chép đọc tụng giải nói. Đó gọi là nghe pháp.

Suy nghĩ tu tập: Tức là nghe pháp rồi, thân tâm vắng lặng, suy nghĩ về ý nghĩa ấy nhằm phá trừ tâm nghi, tu tập ba tướng là định, tuệ và xả. Đó gọi là suy nghĩ tu tập.

Thâu giữ: Tức vì không có tâm tham nên thuyết pháp cho người, nuôi đệ tử và khéo dạy dỗ, ban cho y bát, bệnh thì cung cấp thuốc men, biết phiền não khởi thì tùy bệnh thuyết pháp. Đó gọi là thâu giữ.

Chê trách: Tức là tự tri kiến về phiền não đã khởi thì trách thân tâm. Do khởi phiền não thì không thể hành tự lợi, lợi tha. Tội nhẹ thấy trung, tội trung thấy nặng, như người loạn tâm rơi xuống hầm hổ, sau khi đã rơi, không nên rơi nữa. Nếu khởi phiền não thì phải điều phục. Nếu thấy đệ tử khởi phiền não nhỏ thì phải quở trách.

Không nên nhận sự cứng dường lễ bái của đệ tử này, cho đến cảnh dương, nước tắm. Nếu phạm tội lớn thì phải làm pháp yết-ma tấn xuất. Nếu có chê trách là vì tự lợi, lợi tha. Đó gọi là chê trách.

Không đọi thỉnh thuyết: Tức là vì tự lợi nên thọ trì đọc tụng giải nói về nghĩa sâu xa. Vì phá trừ phiền não của chúng sinh, vì làm tăng trưởng pháp thiện cho chúng sinh nên thuyết pháp. Như chỗ thọ trì của mình để thuyết giảng, như pháp mà trụ. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không trụ như pháp thì chúng sinh sẽ khinh thường, nói: Ông tự mình không thể trụ như pháp, làm sao giáo hóa người khác? Nay ông nên đến người khác để thọ pháp, không thể vì người khác thuyết giảng pháp. Đó gọi là không đọi thỉnh thuyết.

Đọi thỉnh thuyết: Tức là như trì giới cấm, siêng tu tinh tấn, đầy đủ căn thiện, ưa ở chỗ vắng lặng, thường được tất cả mọi người cung kính, nếu có giảng nói người đều tin nhận, biết nghĩa biết lời hay khéo thuyết pháp. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói lời: Xin nguyện Đại sĩ, vì điều phục chúng sinh nên mở bày môn cam lồ. Đó gọi là đọi thỉnh thuyết.

Hai mươi hai sự việc như vậy ai là người điều phục? Đó là sáu hạng Bồ-tát trụ trong sáu địa. Bồ-tát như thế tức có thể giáo hóa điều phục chúng sinh. Những gì là sáu địa? Một là địa chí tâm chuyên niệm hành Bồ-đề. Hai là địa tịnh tâm vì đạo Bồ-đề. Ba là địa như pháp trụ. Bốn là địa định. Năm là địa cứu cánh. Sáu là địa thành tựu đạo Bồ-đề. Đó gọi là sáu địa.

Thành thực điều phục: Nghĩa là vì muốn điều phục chúng sinh vô tánh, nên nói sự an vui nơi nẻo trời người, khiến được bất thoái. Vì chúng sinh hữu tánh mà thuyết giảng, khiến được điều phục, tăng trưởng pháp thiện. Đó gọi là thành thực điều phục.

Thực ấn điều phục gồm có ba loại: Một là thực ấn điều phục bậc hạ. Hai là thực ấn điều phục bậc trung. Ba là thực ấn điều phục bậc thượng.

Thực ấn điều phục bậc hạ: Tức người Thanh văn ở trong vô lượng đời tu tập căn thiện. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc hạ. Lại có thực ấn điều phục bậc hạ: Tức là tâm phẩm hạ, trang nghiêm phẩm hạ, căn thiện phẩm hạ, không thể phá trừ quả báo trong ba đường ác, hiện tại không chứng đắc bốn quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc hạ.

Thực ấn điều phục bậc trung: Tức được tâm phẩm trung, trang nghiêm phẩm trung, căn thiện phẩm trung, phá trừ ba đường ác, nhưng hiện tại không chứng đắc bốn quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc trung.

Thực ấn điều phục bậc thượng: Tức được tâm phẩm thượng, trang nghiêm phẩm thượng, căn thiện phẩm thượng, phá trừ ba đường ác, hiện tại có thể chứng đắc bốn quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc thượng.

Duyên giác cũng có hai sự việc thù thắng như vậy: Một là tu tập đạo thù thắng. Hai là không thầy mà đắc đạo thù thắng.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi địa chuyên niệm hành Bồ-đề này, đó gọi là thực ấn điều phục bậc hạ. Trụ ở địa thứ hai gọi là thực bậc trung. Trụ nơi địa thứ ba gọi là thực bậc thượng. Bồ-tát nơi địa thứ nhất tâm còn yếu kém, trang nghiêm cũng như vậy, rơi vào ba đường ác, tu hành đã trải qua A-tăng-kỳ thứ nhất, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất ấy chưa thể thành tựu đầy đủ ba mươi bảy phẩm thanh tịnh vô thượng, không động.

Thực ấn điều phục bậc trung: Tức là Bồ-tát có tâm phẩm trung, trang nghiêm phẩm trung, không đọa vào ba đường ác, tu hành đã trải qua A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tuy đã khéo thành tựu đủ ba mươi bảy phẩm thanh tịnh, bất động chuyển, nhưng chưa đạt được đầy đủ ba mươi bảy phẩm tịch tĩnh tối đại. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc trung.

Thực ấn điều phục bậc thượng: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở thực ấn điều phục bậc thượng, có tâm phẩm thượng, trang nghiêm phẩm thượng, không đọa vào ba đường ác, tu hành đã trải qua A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, đầy đủ thanh tịnh, bất động chuyển, khéo đạt được ba mươi bảy phẩm đại tịch tĩnh, tức là đạo vô thượng của Bồ-tát, gọi là đại tịnh bất động thuần thiện tịch tĩnh tối đại. Đó gọi là thực ấn điều phục bậc thượng.

Thực ấn điều phục bậc hạ có ba thứ là hạ hạ, hạ trung và hạ thượng. Thực ấn điều phục bậc trung có ba là trung hạ, trung trung và trung thượng. Thực ấn điều phục bậc thượng có ba là thượng hạ, thượng trung và thượng thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ các thứ điều phục như vậy, tức có thể tăng trưởng pháp Phật vô thượng, giáo hóa chúng sinh, chế ngự các căn, trí tuệ dũng mãnh, có thể vì chúng sinh mở bày chỉ rõ về ba thừa.

*
**

Phẩm thứ 8: BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-đề? Bồ-đề tức là hai thứ giải thoát, hai thứ trí tuệ.

Hai thứ giải thoát: Một là giải thoát chướng phiền não. Hai là giải thoát chướng trí.

Hai thứ trí tuệ: Một là có thể hủy hoại chướng phiền não. Hai là có thể hủy hoại chướng trí tuệ.

Lại nữa, Bồ-đề Vô thượng đó là trí tịnh, trí vô ngại, trí nhất thiết, đoạn trừ tất cả tập khí, đoạn trừ tất cả vô minh vô ký.

Trí tịnh: Nghĩa là đoạn dứt tất cả tập khí, nhận biết tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả hành, tất cả thế gian, tất cả thời, tất cả sự đối trị. Cõi có hai thứ: Một là cõi thế gian. Hai là cõi chúng sinh. Pháp cũng

có hai thứ: Một là hữu vi. Hai là vô vi. Hành cũng có hai thứ: Một là hủy hoại chướng phiền não. Hai là hủy hoại chướng trí tuệ. Thế gian cũng có hai thứ: Một là trí. Hai là ngu. Thời có ba thứ: Là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đối trị có ba thứ: Là quán bất tịnh, quán từ bi, quán mùi hai nhân duyên. Đó gọi là trí tịnh.

Trí vô ngại: Nghĩa là không nhờ vào trang nghiêm, tư duy, nhập định, nhưng có thể thông đạt tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả hành, tất cả thế gian, tất cả thời, tất cả sự đối trị. Đó gọi là trí vô ngại.

Lại có trí vô ngại: Nghĩa là một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Như Lai hiện có Tam-muội vô tránh, trí nguyện và bốn trí vô ngại. Đó gọi là trí vô ngại, gọi là Bồ-đề.

Thế nào gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng? Đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn hạnh tịnh, mười lục, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba thứ bất hộ, đại bi, pháp không quên, đoạn tất cả tập khí, tất cả hành nơi trí vô thắng. Đó gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Trong Phẩm Trụ ở phần sau sẽ nói rộng.

Thế nào gọi là Bồ-đề Vô thượng? Tức đầy đủ bảy thứ vô thượng nên gọi là Bồ-đề Vô thượng: Một là thân vô thượng. Hai là thọ trì vô thượng. Ba là đầy đủ vô thượng. Bốn là trí tuệ vô thượng. Năm là bất khả tư nghì vô thượng. Sáu là giải thoát vô thượng. Bảy là hành vô thượng.

Thân vô thượng: Nghĩa là thân trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt.

Thọ trì vô thượng: Nghĩa là chư Phật, Bồ-tát hành tự lợi, lợi tha, có thể ban cho chúng sinh sự an vui ở nẻo trời người.

Đầy đủ vô thượng: Nghĩa là chư Phật, Bồ-tát có bốn thứ đầy đủ. Đó là thọ mạng đầy đủ, kiến đầy đủ, giới đầy đủ, hạnh đầy đủ.

Trí tuệ vô thượng: Nghĩa là bốn thứ vô ngại.

Bất khả tư nghì vô thượng: Nghĩa là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Giải thoát vô thượng: Nghĩa là Như Lai có thể phá trừ hai thứ chướng của phiền não và nơi trí tuệ.

Hành vô thượng: Nghĩa là hành Thánh, hành Thiên, hành Phạm. Hành Thánh: Là ba Tam-muội không, vô tướng, vô nguyện và định diệt tận. Hành Thiên: Là bốn thiền, bốn định vô sắc. Hành Phạm: Là bốn tâm vô lượng. Ba thứ hành này xuất phát từ bốn hành thường ưa tu tập của Phật.

Thế nào gọi là bốn? Hành Thánh có hai: Một là Tam-muội không. Hai là định diệt tận. Hành Thiên có một, đó là thiền thứ tư. Hành Phạm cũng có một, đó là đại bi. Như Lai dùng nhân duyên đại bi này, ngày đêm sáu thời thường quán sát chúng sinh, ai không có căn thiện thì ban cho chủng tử, ai có căn thiện rồi thì khiến cho tăng trưởng, cho đến người chưa phát tâm thì khiến phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Như Lai do thân vô thượng này nên gọi là đại tượng phu. Thọ trì vô thượng nên gọi là đại bi. Đầy đủ vô thượng nên gọi là đến bờ kia. Trí tuệ vô thượng nên gọi là Nhất thiết trí. Bất khả tư nghì vô thượng nên gọi là A-la-ha. Giải thoát vô thượng nên gọi là Đại Niết-bàn. Hành vô thượng nên gọi là Tam miệu tam Phật đà (Chánh đẳng Chánh giác). Do nghĩa này nên Như Lai đầy đủ mười danh hiệu, đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Do không có hư vọng nên gọi là Như Lai. Là phước điền tốt nên gọi là Ứng Cúng. Do nhận biết pháp giới nên gọi là Chánh Biến Tri. Đầy đủ ba minh nên gọi là Minh Hạnh Túc. Không còn trở lại nữa nên gọi là Thiện Thệ. Nhận biết về hai thế gian nên gọi là Thế Gian Giải, tức một là thế gian quốc độ, hai là thế gian chúng sinh. Có

thể điều phục thân tâm xấu ác của chúng sinh nên gọi là Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu. Có thể vì các chúng sinh làm mất sáng tỏ, có thể khiến chúng sinh hiểu biết đúng về chánh pháp, chánh nghĩa, quy kính chân chánh, vì các chúng sinh nói rộng về ý nghĩa, có thể phá trừ tất cả sự khổ của phiền não, có thể phá tan tâm lưới nghi của chúng sinh, khai thị ý nghĩa sâu xa nơi các pháp, làm căn bản cho tất cả pháp thiện, thế nên gọi là Bạc Thầy của trời người (Thiên Nhân Sư). Nhận biết rõ về tụ pháp thiện, tụ pháp bất thiện, tụ pháp phi thiện phi bất thiện, đó gọi là Phật. Do phá trừ ma Ba-tuần, nên có thể chúng đắc thân Như Lai khó được, gọi là Bà-già-bà (Thế Tôn).

Trong vô lượng kiếp cho đến không có một vị Phật ra đời, nên gọi là khó được. Vô lượng thế giới có vô lượng Phật, mười phương thế giới có vô lượng Bồ-tát, đồng thời, đồng nguyện tu tập trang nghiêm, đồng thời đều phát tâm Bồ-đề, một thời, một ngày, một tháng, một năm, đồng bố thí, đồng trì giới, đồng nhẫn nhục, đồng tinh tấn, đồng thiền định, đồng trí tuệ. Vì nghĩa này nên mười phương thế giới có vô lượng vô biên cõi Phật, trong một cõi trọn không có hai vị Phật đồng thời ra đời. Nếu không có mười phương vô lượng thế giới, thì vô lượng vô biên Bồ-tát đồng tu hạnh thiện như vậy có thể là không có quả chãng? Do đây nên biết có mười phương vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Vì sao? Vì trong một cõi không có hai vị Phật.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc mới phát tâm nói như vậy: Chỉ một người là tôi có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh đoạn trừ phiền não khổ, nhập vào Niết-bàn. Do nguyện lực này nên đạt được phước báo. Như Lai có thể vì vô lượng thế giới nơi ba ngàn đại thiên, thuyết pháp giáo hóa điều phục chúng sinh, cho nên một quốc độ không có hai vị Phật ra đời. Nếu trong một quốc độ có hai vị Phật ra đời, thì chúng sinh không thể ưa tu pháp thiện, không sinh ý tưởng cung kính khó gặp. Nếu chỉ thấy một Đức Phật thì sinh tâm không thể nghĩ bàn.

Hoặc Phật Niết-bàn, chúng ta sẽ cùng thời tu thiện, siêng hành tinh tấn, xa lìa sinh tử, sinh tâm cung kính và ý tưởng khó gặp, tu tập bố thí cho đến tu tập trí tuệ Ba-la-mật. Vì thế, một quốc độ không có hai vị Phật ra đời.

Mười phương chư Phật chỉ trừ bốn việc, ngoài ra tất cả đều bình đẳng không hai: Một là thọ mạng. Hai là tánh. Ba là danh. Bốn là thân. Bồ-tát trọn không dùng thân người nữ để chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát vào thời kỳ đầu nơi A-tăng-kỳ kiếp đã đoạn thân nữ. Do thân người nữ có nhiều tham dục. Hai là chỉ trí (Chỉ là trí hòa hợp của người nữ). Do trí xấu ác như thế nên không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-đề tức là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không phải là đối tượng chứng đắc của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Thế nên Bồ-đề Vô thượng là sự thành tựu của vô lượng công đức.

**

Phẩm thứ 9: TÁNH LỰC BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn học giới Bồ-tát, thì phải tu tập tín giải (Tín hiểu), thường ưa thích cầu pháp, thường ưa thích thuyết pháp. Thấy người trì pháp thì dốc sinh tâm cúng dường, như pháp mà trụ. Dạy dỗ đệ tử trụ trong chánh pháp, khéo biết phương tiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tín giải? Nghĩa là tin hiểu Tam bảo và công đức của Tam bảo, tin Phật, Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, tin nghĩa chân thật, tin có nhân quả, tin các chúng sinh có các thứ nghiệp và quả của các nghiệp, biết phương tiện thiện và phi phương tiện, tự tin tất sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tự biết đắc nghĩa. Nghĩa tức là Bồ-đề Vô thượng, trí Bồ-đề, phương tiện Bồ-

đề. Phương tiện tức giới Bồ-tát cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Giới Bồ-tát là khi nghe thuyết pháp tâm nhẫn tin thọ, đó là mười hai bộ kinh. Đó gọi là giới Bồ-tát. Học giới Bồ-tát tức phải tu hai việc: Một là tâm từ. Hai là tâm tín. Bồ-tát tu tập hai pháp như vậy được tâm tín giải.

Câu pháp là câu việc gì? Vì sao câu? Câu cái gì? Câu tức là tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn, tất cả luận thế gian, tất cả việc thế gian.

Tạng Bồ-tát tức là Phương quảng, là một trong mười hai bộ kinh.

Mười một bộ còn lại gọi là tạng Thanh văn.

Luận thế gian có ba thứ: Một là Nhân luận. Hai là Thanh luận. Ba là Y phương luận.

Tất cả việc thế gian, là như nghề nghiệp về vàng bạc, tất cả phương thuật.

Phương thuật có năm thứ: Một là nội thuật. Hai là nhân thuật. Ba là thanh thuật. Bốn là thuật biết nhân của bệnh, trị bệnh. Năm là biết tất cả việc làm.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường cầu năm phương thuật như vậy.

Nội thuật tức là mười hai bộ kinh.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì hai sự việc nên cầu mười hai bộ kinh: Một là biết nhân quả. Hai là tạo nghiệp không mất, không làm, không nhận.

Cầu nhân luận là vì hai việc: Một là vì nhận biết lỗi lầm của ngoại đạo. Hai là vì phá trừ các luận sư ngoại đạo.

Cầu thanh luận cũng vì hai việc: Một là vì hiểu tất cả nghĩa của pháp giới. Hai là vì biện chính tất cả âm thanh ngôn ngữ.

Thuật cầu trị bệnh là vì bốn việc: Một là biết tướng mạo của bệnh. Hai là biết nhân duyên của bệnh. Ba là biết bệnh để trừ khiến khỏi. Bốn là biết sau khi bệnh lành tức lại không khỏi.

Câu mười hai bộ kinh là vì biết nhân quả: Tức tất cả pháp có mười thứ nhân. Nêu rõ về nhân đích thực, cùng thân tóm tắt cả nhân, hoặc sinh tử, hoặc giải thoát, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc chúng sinh, hoặc phi chúng sinh.

Thế nào là mười thứ nhân? Một là nhân lưu bố. Hai là nhân tùng. Ba là nhân tác. Bốn là nhân nhiếp. Năm là nhân tăng trưởng. Sáu là nhân chuyển. Bảy là nhân bất cộng. Tám là nhân cộng. Chín là nhân hại. Mười là nhân bất hại.

Nhân lưu bố tức là nhân của các pháp, gọi là đạt được thể tướng, do đạt được thể tướng nên có thể tuyên thuyết, đó gọi là nhân lưu bố. Như nhân nơi tay mà nhận lấy, nhân nơi chân mà bước đi, nhân nơi thân mà có đi đứng nằm ngồi, đó gọi là nhân tùng (Nhân thuận theo). Như từ chủng tử mà được quả, đó gọi là nhân tác. Lìa chủng tử, từ những thứ khác mà được quả, đó gọi là nhân nhiếp (Nhân thân tóm). Hạt giống diệt thì mầm sinh, từ mầm mà được quả, đó gọi là nhân tăng trưởng. Như từ hạt giống sinh ra lúa, nhân nơi lúa sinh ra hạt giống, đó gọi là nhân chuyển. Tùy chỗ gieo trồng mà được quả, đó gọi là nhân bất cộng. Như đất nước gió lửa gọi là nhân cộng. Phạm bốn giới trọng, làm hại pháp thiện, đó gọi là nhân hại. Như không phạm gọi là nhân bất hại.

Nhân hại có năm thứ: Một là thanh hại. Hai là sinh hại. Ba là bất cộng trụ hại. Bốn là oán hại. Năm là định hại.

Thanh hại: Tức cũng như luận thế gian, ban đầu nói việc tốt đẹp, sau nói bất thiện. Lại nữa, hại như nói tất cả các pháp là vô thường, cũng như hư không. Nói tất cả thường, nghĩa là sinh già chết. Đó gọi là thanh hại.

Sinh hại: Như nói không nhân nhưng có thể sinh ra quả, hoặc có nhân không quả.

Bất cộng trụ hại: Cũng như sáng, tối, tham, sân, khổ, vui.

Oán hại: Là như rắn, chuột, sói, ngựa cùng trâu, như mèo và chuột.

Định hại: Như là quán bất tịnh trừ tham, tâm từ trừ sân, tâm bi trừ hại, tám Thánh đạo phân trừ tất cả kiết sử.

Lại có hai nhân: Một là nhân chân thật. Hai là nhân phương tiện. Nhân chân thật tức là chủng tử. Nhân phương tiện như là các duyên bên ngoài.

Nhân phương tiện có bốn thứ duyên: Một là duyên nhân. Hai là duyên thứ đệ (Đẳng vô gián duyên). Ba là duyên duyên. Bốn là duyên tăng thượng. Duyên nhân nghĩa là các pháp sinh ra nhân. Duyên tăng thượng nghĩa là nhân phương tiện. Duyên thứ đệ, Duyên duyên nghĩa là tâm tâm số pháp. Đó gọi là bốn duyên.

Mười nhân như trên đây làm sao xuất sinh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian? Làm sao để đoạn sinh tử? Thế nào là không đoạn sinh tử? Như trong thế gian có vô số các hạt giống, vì làm tăng trưởng thọ mạng nên có vô số tên gọi. Như gọi là đại mạch, tiểu mạch, đại đậu, tiểu đậu, lương thực, hồ ma v.v..., đó gọi là nhân lưu bố. Do đói khát không có khí lực, vì trừ họa cho thân này khiến có được lực nên cầu đại mạch, tiểu mạch, cho đến hồ ma. Nhân nơi thức ăn ngon tâm sinh tham đắm, do sinh tâm tham đắm nên dùng phương tiện để tìm cầu, đó gọi là nhân tàng. Như hạt giống kia sinh ra quả tương tợ, đó gọi là nhân tác. Như đất, nước, gió lửa, đất phân, công người v.v..., đó gọi là nhân nhiếp (Nhân thân tóm). Từ hạt giống tăng trưởng cho đến quả, đó gọi là nhân tăng trưởng. Như hạt giống sinh ra quả, từ quả lại sinh ra nhân, đó gọi là nhân chuyển. Như lúa sinh ra lúa, đậu sinh ra đậu, đó gọi là nhân bất cộng. Như lìa hạt giống rồi, từ các thứ khác sinh ra quả, đó gọi là nhân cộng. Như hạt giống gặp phải mưa đá, lửa cháy, chim ăn, đó gọi là nhân hại. Không bị mưa đá, lửa thiêu, chim ăn, đó gọi là nhân bất hại. Do nghĩa ấy nên mười thứ nhân như vậy đã xuất sinh pháp thế gian và xuất thế gian.

Lại diễn nói về danh tướng hiện có của mười hai nhân duyên: Nghĩa là do vô minh duyên hành, do hành duyên thức, do thức duyên danh sắc, do danh sắc duyên sáu nhập, do sáu nhập duyên xúc, do xúc duyên thọ, do thọ duyên ái, do ái duyên thủ, do thủ duyên hữu, do hữu duyên sinh, do sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não, khổ lớn tụ tập, đó gọi là nhân lưu bố. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử, vì tham sân nên không dứt mười hai nhân duyên, đó gọi là nhân tàng. Hiện tại là ái thủ, vị lai là vô minh, đó gọi là nhân tác. Hiện tại là hữu, vị lai là hành, đó gọi là nhân tác. Hiện tại là thức, vị lai là sinh, đó gọi là nhân tác. Hiện tại là danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, vị lai là sinh, lão tử, đó gọi là nhân tác. Không gần bạn thiện, không ưa nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, do bốn việc này nên thân giữ vô minh cho đến sinh, lão, tử, đó gọi là nhân nhiếp. Do nghiệp ác nên tăng trưởng vô minh, cho đến lão tử, đó gọi là nhân tăng trưởng. Vô minh có ba hạng là hạ trung thượng. Hạ làm nhân cho trung, trung làm nhân cho thượng, cho đến lão tử, đó gọi là nhân chuyển. Có vô minh nên rơi vào địa ngục, có vô minh nên rơi vào ngạ quỷ, có vô minh nên rơi vào súc sinh, đó gọi là nhân bất cộng. Tất cả chúng sinh bình đẳng cùng có mười hai nhân duyên, đó gọi là nhân cộng. Do nhân duyên vô minh nên không đầy đủ tánh, không cùng Như Lai sinh chung nơi một nước, xa lìa bạn thiện, không được nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, không được tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó gọi là nhân hại. Do trừ vô minh nên tánh được đầy đủ, do tánh đầy đủ nên được cùng Như Lai sinh chung nơi một nước, gần gũi bạn thiện, được nghe chánh pháp, suy nghĩ chánh nghĩa, như pháp mà trụ, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó gọi là nhân bất hại. Do nghĩa này nên mười thứ nhân ấy sinh ra pháp thế gian.

Thế nào là mười nhân sinh ra pháp xuất thế gian? Nếu thuyết danh tướng của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, danh tướng của Bồ-đề,

cho đến danh tướng của Niết-bàn, đó gọi là nhân lưu bố. Nhân nơi bốn niệm xứ mà đắc bốn chánh căn, nhân nơi bốn chánh căn mà đắc bốn như ý túc, nhân nơi bốn như ý túc mà đắc năm căn, nhân nơi năm căn mà đắc năm lực, nhân nơi năm lực mà đắc bảy giác chi, nhân nơi bảy giác chi mà đắc tám chánh đạo, nhân nơi tám chánh đạo mà đắc Niết-bàn, đó gọi là nhân tòng. Do vô minh diệt nên các hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên lão tử diệt, do lão tử diệt nên được Niết-bàn, đó gọi là nhân tòng. Do tánh đầy đủ nên tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo nên được Niết-bàn, đó gọi là nhân tòng. Do tánh đầy đủ cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể sinh ra Bồ-đề, đó gọi là nhân tác. Gần gũi bạn thiện, chí tâm nghe pháp, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ, điều phục các căn, tu tám chánh đạo, đó gọi là nhân nhiếp. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm hai thứ nhân của Niết-bàn, đó gọi là nhân chuyển. Đầy đủ tánh Thanh văn đắc quả Thanh văn, đầy đủ tánh Duyên giác đắc quả Duyên giác, đầy đủ Phật tánh nên đắc đạo vô thượng, đó gọi là nhân bất cộng. Ba hạng như vậy đều cùng tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó gọi là nhân cộng. Do tánh không đầy đủ nên sinh về nơi tám nạn, không nghe pháp Phật, đó gọi là nhân hại. Phá bỏ nhân hại nên được nghe chánh pháp, đó gọi là nhân bất hại. Do nhân duyên tu tập tám chánh đạo nên được Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Phật, đó gọi là nhân tăng trưởng. Mười thứ nhân này phát sinh pháp thế gian và xuất thế gian. Hai pháp này mỗi pháp có ba đời, đó là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu nói lìa mười nhân này mà lại có nhân thì không có việc ấy.

Thế nào gọi là quả? Quả có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả dư. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả hiện tác. Năm là quả tăng thượng.

Do pháp bất thiện nên bị quả báo trong ba đường ác, do pháp thiện hữu lậu nên được quả báo sinh nơi nẻo trời người, đó gọi là quả báo (Quả dị thực). Do tạo ác nên ưa làm nghiệp ác, do quả thiện nên ưa tu nghiệp thiện, đó gọi là quả dư (Quả đẳng lưu). Tu tám chánh đạo xa lìa phiền não, đó gọi là quả giải thoát (Quả ly hệ). Phạm phu tu đạo tuy lìa phiền não nhưng không gọi là quả giải thoát. Vì sao? Vì chẳng phải rốt ráo. Như trong đời hiện tại con người dùng các thứ phương tiện và sức lực để được tiền tài, đó gọi là quả hiện tác (Quả sĩ dụng). Nhân căn, nhân thức, cho đến ý pháp, ý thức, đó gọi là quả tăng thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát do nhận biết nhân quả, tăng trưởng lực tạo tác, tu tập đạo, biết không làm không thọ, làm không mất quả. Bồ-tát Ma-ha-tát do nhận biết nhân quả nên cầu mười hai bộ kinh, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói, được nghiệp lực thứ hai. Nếu có Bồ-tát không tin nhân quả nơi nghiệp của chúng sinh, thì trọn không thể đạt được giới Bồ-tát.

Vì sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Bồ-tát chí tâm niệm giới Bồ-tát, siêng năng cầu pháp Phật, cho đến một câu, một kệ, một nghĩa, nếu thấy có người thuyết pháp, liền sinh tâm cung kính ưa nghe, không khinh chê người thuyết pháp, chí tâm cung kính như nghe lời Phật. Nếu người thuyết pháp keo kiệt đối với pháp, không chịu bố thí, nên dùng tiền tài cho đến thân mạng phụng sự dâng hiến. Nếu có Bồ-tát có thể làm như vậy, gọi là Bồ-tát nghĩa. Nếu Bồ-tát có thể chí tâm nghe nhận, cho đến một câu, một bài kệ, một ý nghĩa, thì phiền não nơi ba cõi đều được tiêu tan, đủ giới Bồ-tát. Lúc Bồ-tát chí tâm cầu lời Phật, vì khát ngưỡng pháp nên không tiếc thân mạng, dầu đạp trên đất toàn là sắt nóng lửa dữ nhưng không cho đó là họa, Bồ-tát Ma-ha-tát vì một câu kệ hãy còn không tiếc thân mạng, huống gì là mười hai bộ kinh. Vì một câu kệ hãy còn không tiếc thân mạng, huống gì là các tài sản vật dụng khác mà lại luyến tiếc? Do nghe pháp thân được an lạc, thâm sinh tâm tín, được tâm nhu hòa, tâm trực

chánh kiến. Thấy người thuyết pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, vì chúng sinh nên chí tâm nghe pháp trọn không vì mình. Vì làm tăng trưởng căn thiện hiện có của chúng sinh nên nghe, thọ nhận chánh pháp, không vì lợi dưỡng. Vì chúng sinh nên thọ giới Bồ-tát, không vì tự lợi. Vì chánh pháp nên không sợ nạn vua quan, đói khát, lạnh nóng, hổ lang, thú dữ, giặc cướp. Trước tự điều phục phiền não nơi các căn, sau đó nghe pháp, cung kính người thuyết pháp, tôn trọng giáo pháp. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ giới Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát chí tâm nghe pháp? Nghe pháp có bốn: Một là chí tâm. Hai là nhất tâm. Ba là nhất thiết tâm. Bốn là thiện tâm. Đó gọi là Bồ-tát siêng cầu mười hai bộ kinh.

Vì sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Vì muốn lưu hành khắp chánh pháp của chư Phật, vì muốn làm tăng trưởng pháp của chư Phật, vì muốn thế gian tin pháp Phật, vì khiến cho vô lượng chúng sinh đều đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cho nên Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh.

Vì sao Bồ-tát cầu nơi Nhân luận? Vì biết các tội lỗi của nhân luận, vì phá trừ luận tà của ngoại đạo, vì mở rộng phương tiện điều phục chúng sinh, vì muốn phân biệt ngữ nghĩa của Như Lai và ngữ nghĩa của thế gian, cho nên Bồ-tát cầu nơi Nhân luận.

Vì sao Bồ-tát cầu nơi Thanh luận? Vì khiến cho lời lẽ thanh tịnh trang nghiêm, lời nói bất tịnh không thể tuyên thuyết về nghĩa sáng rõ, vì muốn hiểu biết tất cả nghĩa, bỏ lời bất chánh, bỏ tâm kiêu mạn, trừ diệt tà kiến, vì biết phương tiện để điều phục chúng sinh, cho nên Bồ-tát cầu nơi Thanh luận.

Vì sao Bồ-tát cầu các y phương? Vì khiến chúng sinh xa lìa bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, vì tâm thương xót, vì nhằm điều phục chúng sinh, vì khiến sinh tâm tín, sinh tâm hoan hỷ, cho nên Bồ-tát cầu các y phương.

Vì sao Bồ-tát cầu phương thuật của thế gian? Vì để có được tiền tài tạo lợi ích cho chúng sinh, vì các chúng sinh sinh tâm tín, vì nhận biết việc đời và phá bỏ kiêu mạn, vì điều phục chúng sinh, và phá diệt các ám chướng của tất cả pháp.

Nếu có Bồ-tát không cầu năm việc như vậy, thì trọn không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu nhất thiết trí. Vì chứng đắc đạo quả ấy cho nên cầu năm việc.

Bồ-tát thành tựu giới Bồ-tát, nên vì chúng sinh thuyết giảng. Thuyết việc gì? Thuyết thế nào? Vì sao thuyết?

Thuyết việc gì? Tức là thuyết mười hai bộ kinh. Thuyết thế nào? Tức thành tựu năm việc. Vì sao thuyết? Tức vì thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thuyết có hai việc: Một là thuyết theo thứ lớp. Hai là thuyết thanh tịnh.

Thuyết theo thứ lớp: Nghĩa là ban đầu thuyết bố thí, thứ đến thuyết giới cấm, sau đó thuyết sự an vui nơi nẻo trời, kế đến thuyết Tam-muội, tiếp đến thuyết thọ trì mười hai bộ kinh, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ. Đó gọi là thuyết theo thứ lớp.

Thuyết thanh tịnh: Nghĩa là người ở chỗ cao, mình ở chỗ thấp, không nên thuyết pháp, trừ trường hợp bệnh hoạn. Người tâm không tin không nên vì họ thuyết pháp. Người không nhàm chán sinh tử không nên vì họ thuyết pháp. Người đứng trước mặt mình không nên vì họ thuyết pháp. Người che đầu không nên vì họ thuyết pháp. Người tìm kiếm lỗi lầm không nên vì họ thuyết pháp. Ngoài ra đều như trong Kinh Ba La Đề Mộc Xoa đã thuyết giảng. Vì sao? Vì Bồ-tát cung kính pháp của chư Phật. Nếu người thuyết pháp tôn trọng giáo pháp thì người nghe pháp cũng sinh tâm cung kính, chí tâm lắng nghe, thọ nhận không sinh kiêu mạn. Đó gọi là thuyết thanh tịnh.

Thuyết theo thứ lớp: Tức là ban đầu thuyết về mười hai bộ kinh, thứ đến thuyết cho tất cả chúng sinh, vì hủy hoại tâm keo kiệt pháp nên không kiêu mạn. Hoặc có một câu một kệ, cho đến nửa bài kệ, hoặc từ, hoặc nghĩa, hoặc thuyết pháp, thuyết nghĩa và thuyết cả pháp nghĩa, chỉ bày lợi ích. Hoặc có lúc quở trách, hoặc có lúc nói rõ, hoặc có lúc ví dụ, tùy theo chỗ mà thuyết, hoặc thuyết dễ hiểu, hoặc thuyết dễ thâm nhập, tùy chỗ ưa thích mà thuyết. Đó gọi là Bồ-tát thuyết theo thứ lớp.

Thuyết thanh tịnh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với sự oán ghét tu tập tâm từ, được tâm từ rồi dùng các phương tiện thuyết pháp cho người phóng dật và chúng sinh xấu ác, cho đến người bần cùng và người hưởng vui tâm sinh kiêu mạn, dùng phương tiện chỉ bày và vì họ mà thuyết pháp. Không vì khen ngợi mình mà chê bai kẻ khác. Không vì lợi dưỡng, tiếng khen nên thuyết pháp. Đó gọi là Bồ-tát thuyết pháp thanh tịnh.

Như pháp mà trụ: Nghĩa là ba nghiệp thân khẩu ý tu tập pháp thiện, suy nghĩ đúng đắn về ý nghĩa. Đó gọi là như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là Bồ-tát suy nghĩ về nghĩa? Bồ-tát điều phục ba nghiệp thân khẩu ý, ưa ở chỗ vắng lặng, hoặc tự thọ trì, hoặc nghe nơi người khác, suy nghĩ về nghĩa chánh, không nghĩ phi nghĩa, chí tâm suy nghĩ về nghĩa chân thật, vì đạo Bồ-đề nên giữ tâm suy nghĩ dựa nơi nghĩa thật, không dựa nơi văn tự, suy nghĩ phân biệt đây là lời Phật, đây không phải là lời Phật. Xả bỏ tâm tán loạn lo sợ, suy nghĩ điều trái, tùy theo chỗ nghe để suy nghĩ về nghĩa, không theo lời nói người khác, tuy không hiểu nghĩa nhưng trọn không nói lời trái. Vì sao? Vì đây là cảnh giới của chư Phật. Bồ-tát Ma-ha-tát dựa nơi nghĩa không dựa nơi văn tự, có thể nhận biết nghĩa thâm diệu của Như Lai, biết pháp, phi pháp, không thể động chuyển. Như vậy Bồ-tát chưa được nhẫn nay đã được nhẫn, chưa được Tam-muội nay được Tam-muội. Đó gọi là Bồ-tát như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là tu tập? Tu tập có bốn thứ: Một là Xá-ma-tha (Chi). Hai là Tỳ-bà-xá-na (Quán). Ba là tu tập ái lạc. Bốn là vui trụ trong chỗ tu tập.

Xá-ma-tha (Chi): Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập bốn thiền, bốn định vô sắc, chuyên tâm chuyên nơi định có thể phá bỏ năm uẩn, do trụ nơi định nên hiểu về hành chân thật, có thể lià tất cả các giác quán xấu ác, tâm không loạn, có thể suy nghĩ về ý nghĩa của pháp giới trong ngoài, tùy thuận theo pháp tướng, tâm tâm số pháp an trụ nơi một duyên. Đó gọi là Xá-ma-tha.

Tỳ-bà-xá-na (Quán): Tức là tu Xá-ma-tha, có thể quán sát pháp giới, phân biệt pháp tướng, mong cầu pháp thiện, xa lià pháp ác, trí tuệ chánh kiến không điên đảo, khéo hiểu về nghĩa. Đó gọi là Tỳ-bà-xá-na.

Tu tập ái lạc: Tức là chí tâm tu tập hai pháp như trên, chí tâm tu là thường không phóng dật. Đó gọi là tu tập ái lạc.

Vui trụ trong chỗ tu tập: Tức là lúc tu Xá-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, không nhờ phương tiện, tùy ý mà trụ. Đó gọi là vui trụ trong chỗ tu tập.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường tu hai pháp, cũng gọi là vui trụ, cũng gọi là thanh tịnh, cũng gọi là thân tâm vắng lặng, cũng gọi là trí rộng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hai pháp này, tức đạt được chỗ căn bản của đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát thành tựu giới Bồ-tát chứng đắc hai pháp này. Đó gọi là tu tập.

Thế nào là giáo? Giáo có tám thứ. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu Tam-muội, muốn giáo hóa chúng sinh trước phải nhập định hoặc cùng ở chung, sau đó mới có thể dùng tám pháp giáo hóa. Những gì là tám pháp? Một là biết tâm. Hai là biết căn. Ba là căn thiện. Bốn là phiền não. Năm là đối trị: Đối trị thì đối với người có tâm tham tức chỉ dạy pháp quán bất tịnh. Sáu là người có tâm sân thì chỉ dạy tu

quán từ bi. Bảy là người có tâm si thì chỉ dạy pháp quán nhân duyên. Tám là đối với người có các giác quán xấu ác thì chỉ dạy họ tu tập quán số tức. Đó gọi là tám pháp.

Dùng các phương tiện như vậy để giáo hóa chúng sinh, phá tâm đoạn kiến, thường kiến, nên giảng nói trung đạo. Thật không có tưởng tạo tác lại tạo tưởng tạo tác. Chân thật không đắc mà tạo tưởng đắc. Chân thật không xúc lại tạo tưởng xúc. Chân thật không chứng lại tạo tưởng chứng. Tám việc như trên có thể phá trừ vọng tưởng, kiêu mạn như vậy.

Lại có ba việc: Một là tâm nếu không trụ có thể khiến trụ nơi duyên. Hai là trụ rồi có thể quán chánh pháp. Ba là biết phương tiện thiện xảo.

Nếu biết phương tiện thiện xảo, hoặc biết tâm chúng sinh, căn, căn thiện, cho đến phiền não, do đây có thể khiến tâm tán loạn trụ ở trong duyên. Phá trừ đoạn kiến và thường kiến nên thuyết pháp, đó gọi là có thể quán chánh pháp. Do phá tâm tham lam nên thuyết quán bất tịnh, do phá tâm sân hận nên thuyết quán từ bi, do phá tâm ngu si nên thuyết quán nhân duyên, do phá trừ các giác quán xấu ác nên thuyết quán số tức, đó gọi là biết phương tiện thiện xảo.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tự ở chỗ Phật hoặc chỗ Bồ-tát tu tập tám việc này, lại dùng pháp ấy giáo hóa chúng sinh, đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát làm thanh tịnh tám thứ diệu lực. Những gì là tám? Một là lực nhận biết các thiện định giải thoát. Hai là lực nhận biết căn. Ba là lực giải. Bốn là lực thế giới. Năm là lực nhận biết đến xứ đạo. Sáu là lực của trí tức mạng. Bảy là lực của trí sinh tử. Tám là lực của trí lậu tận.

Lại nữa, giáo hóa có năm thứ: Một là giáo hóa khiến xa lìa ác. Hai là giáo hóa tu pháp thiện. Ba là giáo hóa người phạm giới phát lồ sám hối. Bốn là giáo hóa làm yết-ma ức niệm. Năm là giáo hóa người không nhận lời dạy làm yết-ma tấn xuất.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng năm việc này giáo hóa chúng sinh, vì tâm thương xót, vì tâm thanh tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng tâm sân giáo hóa chúng sinh, thì không thể chứng đắc giới cấm của Bồ-tát.

Nếu thọ giáo nên như pháp mà thọ, phải cung kính chí tâm nhìn rõ, cúng dường, tôn trọng như cha mẹ, như Phật, Bồ-tát. Vì sao? Vì như pháp thọ giáo, tức có thể mau chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là Bồ-tát giáo hóa.

Phương tiện thiện xảo: Tức là hết thầy thân khẩu ý nghiệp hiện có của Bồ-tát Ma-ha-tát, đều vì nhằm điều phục tất cả chúng sinh. Đó gọi là phương tiện thiện xảo.

Phương tiện thiện xảo có bốn thứ: Một là bố thí. Hai là lời nói dịu dàng. Ba là tạo lợi ích. Bốn là đồng nghĩa.

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể bố thí cho chúng sinh y phục, thức ăn uống, phòng nhà, ngựa cưỡi, thuốc thang chữa bệnh, người lãnh thọ rồi sinh tâm thương mến đối với Bồ-tát, chí tâm nghe lời dạy, nghe rồi thọ trì, vì thọ trì nên Bồ-tát dùng lời dịu dàng khen ngợi. Do khen ngợi nên người lãnh thọ hoan hỷ, do hoan hỷ nên có thể hủy hoại tâm ác, thọ trì pháp thiện, do hủy hoại tâm ác nên Bồ-tát lại nói: Ta đã đầy đủ tìn, giới, văn, thí, tuệ, ông cũng sẽ đầy đủ. Nếu Bồ-tát không đủ năm việc này, thì không thể giáo hóa tất cả chúng sinh.

Chúng sinh cũng nói: Nếu Bồ-tát tự không đầy đủ, làm sao dạy người khác khiến họ đầy đủ? Thế nên Bồ-tát đầy đủ năm việc, tức gọi là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh. Phương tiện tức là khéo điều phục. Khéo điều phục tức là không xả bỏ, không thoái, không chuyển. Đó gọi là phương tiện thiện xảo.

HẾT - QUYỂN 3

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 4

Phẩm thứ 10: BỐ THÍ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, trang nghiêm đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Đó là Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành Bồ thí Ba-la-mật? Bồ-tát bố thí có chín thứ: Một là tánh thí. Hai là thí tất cả. Ba là thí nan hành. Bốn là tất cả tự thí. Năm là thí thiện nhân. Sáu là thí tất cả hành. Bảy là thí vì trừ diệt. Tám là thí tự lợi lợi tha. Chín là thí tịch tĩnh.

Thế nào là tánh thí? Tức là tự lợi lợi tha, mình và người đều lợi, bên trong phát tâm thiện, thân khẩu ý nghiệp thiện, đối với tài vật tâm không tham tiếc. Đó gọi là thí. Bồ-tát thực hành bố thí trì giới tinh tấn, tin mười hai bộ kinh, tin nhân tin quả, tùy vật của các chúng sinh mong cầu tâm không keo kiệt, dùng thân khẩu ý nghiệp như vậy bố thí tài sản vật dụng, năm sự việc như thế tức là năm ấm. Đó gọi là tánh thí.

Thế nào là thí tất cả? Thí tất cả có hai thứ: Một là vật bên trong. Hai là vật bên ngoài. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong vô lượng đời vì bố thí chúng sinh mà thọ thân ấm ấy, đó gọi là vật bên trong. Bồ-tát Ma-ha-tát vì loài quỷ ăn đồ vứt bỏ, tự ăn rồi nhả ra bố thí cho

loài quỷ, đó gọi là vật bên trong. Không phải hai việc này, tức gọi là bố thí bên ngoài.

Bồ-tát Ma-ha-tát xả thân bố thí gồm hai việc: Một là Bồ-tát không được tự tại. Hai là thuộc người khác. Có người cầu nhưng không bố thí thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đó gọi là Bồ-tát không được tự tại. Thuộc người khác: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì đạo Bồ-đề, nên thân thuộc về chúng sinh như người thế gian, vì thức ăn uống, y phục nên vì người khác mà làm nô bộc, Bồ-tát Ma-ha-tát đối trong tự thân không được tự tại, nhưng tất cả chúng sinh đối với thân, đầu, mắt, tủy não, tay chân của Bồ-tát, tùy ý lấy dùng mà được tự tại.

Bố thí bên ngoài có hai việc: Một là vì lợi ích cho chúng sinh. Hai là tâm không tham tiếc.

Bồ-tát Ma-ha-tát đối với hai việc bố thí trong ngoài này, có bố thí và không bố thí.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát các chúng sinh sau khi thọ thí rồi không được lợi lạc thì không thực hành bố thí, nếu sau khi thọ thí đạt được lợi lạc thì liền thực hành bố thí.

Nếu Bồ-tát biết do dùng thân bố thí khiến chúng sinh thọ khổ bị trở ngại nơi việc thực hành pháp thiện, và biết rõ người cầu phi pháp thì cũng không nên bố thí. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thấy trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì nhân duyên phi pháp nên cầu chẳng được, thì dầu tan thân mất mạng cũng không vì việc này mà thực hành bố thí. Người cầu phi pháp đó là hoặc giết hại, hoặc trộm cắp, lừa dối. Như vậy gọi là không bố thí.

Lại có trường hợp không thí: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết thân mình có thể làm nhiều lợi ích, nếu có vô lượng chúng sinh đến cầu thì không nên bố thí. Vì sao? Vì có tâm tịnh nên nếu biết là ma và quyến thuộc của ma thì không nên bố thí. Nếu có người bị ma làm mê loạn,

lúc đến dốc cầu cũng không nên bố thí. Như có người cuồng si và muốn làm não loạn, người như vậy dốc cầu cũng không nên bố thí. Đó gọi là nội không thí.

Ngoại không thí: Tức là lửa, chất độc, dao, rượu có thể làm nhân duyên ác cho chúng sinh, nên Bồ-tát trọn không dùng những thứ này bố thí cho chúng sinh, nếu có thể làm việc lợi ích thì dùng để bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không vì người mà tạo nghiệp ác. Nếu biết có người sau khi thọ thí rồi tất làm việc ác thì cũng không bố thí cho họ. Đó cũng gọi là thí. Vì sao? Vì tâm tịnh. Tay tuy không thí mà tâm đã xả. Vì sao? Vì Bồ-tát biết nhất định người này sau khi thọ thí, tất tạo vô lượng nghiệp ác, đọa vào ba đường ác, thế nên không thí. Nếu Bồ-tát biết người thọ được vật tâm sinh hoan hỷ, nhưng biết họ không tránh khỏi sự khổ trong ba đường ác, thì cũng không nên thí. Bồ-tát Ma-ha-tát hoàn toàn không dạy người giăng bẫy, săn bắn, cũng không dạy người phụng sự trời Bà Tẩu. Tự mình không giết dê để cúng tế thiên thần, cũng không dạy người giết dê cúng tế trời, không dùng lưới bẫy bố thí cho người đến cầu. Tất cả sự đánh đập mắng nhiếc, cột trói, oán ác đều không bố thí cho người. Nếu có người khôn khổ bản cùng sầu não, muốn tự giết mình, đến cầu dao, rựa, cũng không nên bố thí, cũng không dạy người nhảy từ non cao xuống vực thẳm, hoặc nhảy vào lửa để mất thân mạng. Nếu có người bệnh đến cầu xin thuốc, nếu là thuốc cấm thì không thí cho họ. Người tham ăn khi thấy họ no rồi cũng không nên bố thí. Đó gọi là không bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát không đem cha mẹ, sư trưởng để bố thí. Nếu làm quốc vương không nên tự ý lấy thê thiếp của kẻ khác để bố thí cho người, chỉ trừ trong thành ấp, thôn xóm, thuộc quốc độ, nếu là thê thiếp của mình, cho đến đầy tớ, quyến thuộc, trước nên dùng lời dịu dàng an ủi, khuyên nhủ, nhưng tâm họ không chịu thì cũng không nên bố thí. Giả sử họ ưng chịu thì cũng không nên thí cho người ác, La-sát, quỷ ác, hạng Chiên-đà-la, kẻ oán đối. Tuy dùng thành ấp, thôn xóm, quốc độ bố thí cho người, nhưng trọn

không bố thí cho người bạo ác, cũng không riêng lấy của cải hiện có của cha mẹ, sư trưởng, vợ con, tôi tớ, người hầu để bố thí cho người. Bồ-tát không dùng phi pháp cầu ĐƯỢC tài sản vật dụng để bố thí. Lúc thực hành thí, không sân hận, đánh đập, mắng nhiếc quyền thuộc của mình, nên dùng lời thiện dạy dỗ khiến họ hoan hỷ, nói rõ phước báo như vậy người cũng có phần. Bồ-tát hành thí tâm luôn bình đẳng, không xét phước điền và chẳng phải phước điền, không xét oán thân, chướng tách tôn quý hay thấp kém, vật đã hứa cho trọn không hồi hận, vật hứa cho nhiều đều không lấy bớt, trước hứa đồ tốt sau không dùng đồ xấu để cho, tuy hứa cho đồ xấu hoặc ít có thể cho nhiều cho đồ tốt. Bồ-tát hành thí không có tâm buồn sầu sân hận tán loạn, thí rồi trọn không tính toán việc báo ân với người thọ thí. Lúc bố thí không vì người thọ là tôn quý mà cung kính tay dâng, người thọ là thấp kém cũng không quăng ném để cho. Nếu người thọ nhận đánh mắng hoặc cướp đoạt, Bồ-tát trọn không vì vậy mà sinh sân hận, chỉ trách phiền não, không trách người này, đối với người ấy nên sinh tâm thương xót, trọn không suy nghĩ nhân sự thí này mà ta sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, không nghĩ nhân bố thí này cũng có thể trang nghiêm Bồ-đề. Không vì cầu quả mà hành bố thí, tất cả chỗ thí đều hồi hướng về đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Không vì người khác dạy nên thực hành bố thí. Không vì nghe có quả báo của bố thí mà thực hành bố thí. Như trong kinh nói, thí thức ăn được sức lực, thí y phục được sắc đẹp, thí xe cộ được sự an vui, thí đèn được mắt sáng, thí phòng nhà được vật tùy ý, hoàn toàn không mong các quả như vậy mà hành bố thí, chỉ vì thương xót mà hành bố thí, vì phá trừ sự bần cùng nên hành bố thí, vì điều phục chúng sinh đạt được đạo quả giác ngộ tốt bậc nên hành bố thí, không bố thí vật phi thí. Phi thí là không dùng thức ăn thừa để bố thí cho Thánh nhân, nếu chẳng phải Thánh nhân, không cầu thì không thí, không đem thức ăn thừa bố thí cho cha mẹ, sư trưởng và người có đức, nếu họ dốc cầu thì nên bố thí, trọn không dùng các thứ thức ăn

có lần đờm dãi, mồ hôi, phân dơ mà bố thí, không đem thức ăn uest mà bố thí cho người.

Phàm khi bố thí thức ăn hoặc nhiều hoặc ít, trước nói sau thí không nói không thí. Người không ăn hành không dùng thức ăn có hành bố thí. Người không ăn thịt không dùng thức ăn có thịt bố thí. Người không uống rượu không dùng thức ăn có rượu bố thí. Nếu có rượu thơm cũng không dùng để bố thí. Đó gọi là vật bất tịnh không nên dùng bố thí.

Bồ-tát Ma-ha-tát khi thấy người đến cầu xin liền bố thí, trọn không dùng vật bố thí để sai khiến họ, không vì sự vui nơi cõi trời mà bố thí, không vì danh xưng mà bố thí, không cầu báo ân mà bố thí, không vì cầu thân làm Chuyển luân Thánh vương mà bố thí, không vì cầu thân Ma thiên, Phạm thiên mà bố thí, không vì được các hàng quốc vương, trưởng giả cung kính cúng dường tôn trọng mà hành bố thí. Có ít vật hãy còn bố thí huống là có nhiều. Không vì lừa dối mà hành bố thí, không vì phá bỏ quyền thuộc người khác thành quyền thuộc mình, cho đến xóm làng, thành ấp, quốc độ mà thực hành bố thí. Bồ-tát hành bố thí tay dâng bậc thượng tòa, cho đến các vị Sa-di và người trì giới, hủy giới, tâm không mệt mỏi. Lúc Bồ-tát bố thí trọn không trách mắng người xin, không vì kiêu mạn mà bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả vật thường sinh tâm xả, nếu có cất chứa vật đều vì chúng sinh. Nếu biết Bồ-tát đã xả vật mà mình có phần trong ấy, tự lấy phần của mình thì không có tội. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thấy người đến cầu xin, tâm sinh hoan hỷ, như người bệnh nặng gặp thầy thuốc hay, tùy theo chỗ họ cần mà thí cho. Ba thời hoan hỷ, đó là chưa thí, lúc thí và thí rồi. Bồ-tát lúc thí thường phát tâm này: Giả sử trong một lúc có người giàu và nghèo đến xin, Bồ-tát nên tự suy nghĩ, nếu vật có nhiều nên bố thí cho cả hai, như vật có ít thì trước cứu người bần khổ. Làm được nguyện này ấy là nhân của đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Keo kiệt có ba hạng là hạ, trung, thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát trước phá trừ bậc hạ, do phá trừ bậc hạ thì có thể phá trừ hai bậc trung và thượng, đã tự phá trừ rồi lại vì chúng sinh giảng nói pháp phá bỏ tham lam keo kiệt, do thuyết pháp nên chúng sinh được lợi.

Lại nữa, Bồ-tát đối với người không cầu xin gắng dùng vật bố thí, nếu không có tài vật, nên dùng phương tiện, sức lực tìm cầu để bố thí, nếu không có của cải nên dùng pháp thí để giáo hóa chúng sinh: Nay ông vì sao không thực hành bố thí? Thấy người thực hành bố thí tâm sinh hoan hỷ, dùng thân lực giúp đỡ họ, nếu không có của cải nên dùng trí tuệ chỉ bày thiện ác cho chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát không dùng kinh sách chân chánh bố thí cho người tà kiến, không vì sự sống mà bày bán kinh luật, như có người đọc tụng thì nên tặng cho họ, nếu keo kiệt không cho, đây gọi là bòn sẻn về pháp. Nếu có thể thuyết pháp nhưng không vì họ mà thuyết giảng, cũng gọi là bòn sẻn về pháp. Nếu ta không thể dùng pháp bố thí cho người, làm sao phá trừ phiền não cho tất cả chúng sinh? Bồ-tát trọn không thể nói: Nay ta không có của cải thì không thể thực hành bố thí, cũng không sân hận sâu não, tự đốt tâm họ, nên dùng phương tiện thiện xảo an ủi người cầu xin: Nay ta chưa có nên không vừa ý. Vì sao? Vì từ lúc ban đầu phát tâm tự nói sẽ bố thí cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát nghe có người cầu thí đến, tức liền nghênh đón, vì họ mà thí giường tòa, lúc gặp rồi trước dùng lời nhỏ nhẹ thăm hỏi, tùy theo vật họ cần mà cung cấp đầy đủ. Bồ-tát Ma-ha-tát ban đầu phát tâm tự nói: Những vật nay ta hiện có sẽ thí cho mười phương chư Phật, Bồ-tát và các chúng sinh, ví như đệ tử dùng y bát dâng lên cho thầy, tuy thầy không nhận nhưng đệ tử này được phước vô lượng. Bồ-tát cũng như vậy. Vật hiện có đem dâng cho chư Phật, Bồ-tát, tuy chư Phật, Bồ-tát không thọ nhận nhưng cũng khiến người thí được vô lượng phước, thường theo Bồ-tát như hằng hà sa. Bồ-tát

Ma-ha-tát xem của cải của mình như chỗ gởi của mười phương chư Phật, Bồ-tát, biết Phật, Bồ-tát đối với vật này tâm không tham tiếc, nên Bồ-tát tự tại tùy ý bố thí cho chúng sinh. Cũng lại quán sát người không nên bố thí, nên can ngăn khuyến dụ, như vật này chẳng phải vật của ta, chính là vật hiện có của chư Phật, Bồ-tát, dùng lời dịu dàng khuyên bảo khiến người cầu xin không sân hận, vì thế Bồ-tát thành tựu đầy đủ tài thí và pháp thí. Đủ hai thứ thí rồi, biết tánh, biết nhân, biết quả, biết phân biệt. Nếu Bồ-tát bố thí cho người oán ghét, là nhân duyên của từ, nếu bố thí cho người khổ là nhân duyên của bi, nếu bố thí cho người có đức là nhân duyên của hỷ, nếu bố thí cho quyến thuộc, anh em, tôi tớ, là nhân duyên của xả. Đó gọi là nhân nơi trí tuệ thí của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát biết hại tâm bố thí có bốn việc: Một là từ vô lượng đời đến nay không thực hành bố thí. Hai là của cải ít. Ba là tham đắm vật tốt. Bốn là không cầu quả báo thiện ở đời sau. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu, dầu có nhiều của cải nhưng không phát tâm thí. Đó gọi là Bồ-tát trong vô lượng đời không thực hành tâm thí. Lúc này, Bồ-tát nên dùng trí lực tự suy nghĩ: Ta vì từ vô lượng kiếp về trước không thực hành bố thí nên không phát tâm liền. Nay ta có nhiều tài vật và có người đến xin, nếu lại không bố thí thì đời vị lai sẽ tăng trưởng tâm keo kiệt, trọn không tùy thuận, không tu tâm thí.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người đến xin, vì của cải ít mà không phát tâm thí, Bồ-tát nên dùng lực trí tuệ để tự suy nghĩ: Ta vì nhân duyên của vô lượng nghiệp ác, trong vô lượng đời thân thuộc về người khác, chịu khổ não, đói khát, lạnh nóng, không thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, vì duyên nghiệp này khiến thân ít của cải, nay nếu không bố thí thì đời sau lại tăng trưởng sự bần cùng khôn khổ. Nay ta nên dùng vật này bố thí cho người, tuy phải nghèo khổ nhưng không đến nỗi bị khổ như nơi ba đường ác. Suy nghĩ như vậy, có thể trừ bớt tâm keo kiệt.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người đến cầu xin, đối với vật tốt sinh tâm tham đắm, không phát tâm thí. Lúc ấy, Bồ-tát nên dùng trí tuệ tự suy nghĩ: Ta đối với vật vô thường mà nghĩ là thường, trong chỗ không có ngã sở mà nghĩ là có ngã sở, nếu ta không bố thí thì sẽ tăng trưởng tâm tham đắm, đây là ta điên đảo, nên Bồ-tát có thể phá tan tâm tham đắm vật tốt.

Lại nữa, Bồ-tát không cầu quả báo nên không thực hành bố thí. Lúc ấy, Bồ-tát nên tự suy nghĩ: Tất cả các pháp là vô thường không định, nếu là thường là định thì không cần bố thí. Vì sao? Vì không có nhân quả, do vô thường nên tất có nhân quả, nay nếu không thí thì làm sao được đạo quả Bồ-đề, cho nên Bồ-tát có thể phá trừ tâm không cầu quả báo để thực hành bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ bốn sự điên đảo, pháp không có nhất định, không có tướng thường, nên có thể phá trừ bốn tâm ác oán.

Lại nữa, Bồ-tát trong thân vắng lặng, chí tâm tự suy nghĩ: Giả sử ta có của cải, sẽ đem cúng dường chư Phật, Bồ-tát, hoặc cúng dường Pháp Tăng. Đó gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát. Có của cải hoặc không cũng thường suy nghĩ như vậy. Pháp thí cũng như vậy. Đó gọi là thí tất cả.

Thế nào là Bồ-tát thí nan hành có thể thí? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có ít của cải thường đem bố thí. Đó gọi là nan thí. Đối với vật khiến tâm quý trọng tham đắm, trong vô lượng đời siêng năng dốc cầu mà có, hoặc dùng phương tiện sức lực nên được, dùng những vật như vậy bố thí cho người. Đó gọi là nan thí.

Thế nào là tất cả tự thí? Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc tự mình bố thí, hoặc giáo hóa cha mẹ, anh em, quyến thuộc, vợ con, tôi tớ, khiến họ thực hành bố thí. Đó gọi là tất cả tự thí.

Thế nào là thí thiện nhân? Nếu thiện nam dùng tâm thiện thí, tâm tín thí, chí tâm thí, tự tay thí, thí đúng thời, thí như pháp đắc tài. Đó gọi là thí thiện nhân.

Thế nào là Bồ-tát thí tất cả hành? Do không cầu quả báo nên gọi là thí tất cả hành. Thường thí gọi là thí tất cả hành. Thí phước điền gọi là thí tất cả hành. Thí không quán phước điền và phi phước điền gọi là thí tất cả hành. Không quán thời và phi thời, đó gọi là thí tất cả hành. Không quán tài vật là có thể thí hay không thể thí, đó gọi là thí tất cả hành.

Thế nào là Bồ-tát vì diệt trừ nên thí? Nếu có chúng sinh đói khát khổ não, vì trừ sự việc này mà hành bố thí. Nếu lạnh thì thí áo, cầu xe thí xe, cầu anh lạc thí anh lạc, cho đến hương xoa, hương bột, tạp hoa, đèn đuốc, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, cũng lại như vậy. Đó gọi là vì diệt trừ nên thí.

Thế nào là thí tự lợi lợi tha? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng tài thí pháp thí bố thí cho người, có thể vì thân mình và thân chúng sinh tạo hai đời vui, thường ban sự vui vô úy cho chúng sinh. Nếu gặp thú dữ như hổ lang, sư tử, các thú dữ lỵ, hỏa hoạn, nạn vua, giặc cướp, đều có thể cứu giúp. Đó gọi là vô úy thí. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng pháp bố thí, phạm có tuyên thuyết đều không điên đảo. Đó gọi là pháp thí. Có thể khéo chỉ dạy tất cả chúng sinh. Đó gọi là pháp thí tịnh. Bồ-tát thí của cải tức tạo lợi ích trong hiện tại, thực hành pháp thí thì có thể tạo lợi ích cho đời này đời sau. Lại có tài thí, hoặc vì chúng sinh nên chịu sự khổ nơi hiện tại. Pháp thí không như vậy, vì có thể làm an vui cho đời này đời sau. Tài thí là bất tịnh, pháp thí là thanh tịnh. Hành tài thí không gọi là vô biên. Hành pháp thí gọi là vô biên thí. Tài thí dễ đạt pháp thí khó gặp. Đó gọi là thí tự lợi lợi tha.

Thế nào là thí tịch tĩnh? Thí tịch tĩnh có mười thứ: Một là thí vô ngại. Hai là thí không sai lầm. Ba là thí phi trang nghiêm. Bốn là thí không có tâm tự cao. Năm là thí không có tâm tham đắm. Sáu là thí không xấu hổ. Bảy là thí không ưu sầu. Tám là thí nên chăm chú. Chín là thí không cầu báo ân. Mười là thí không cầu quả báo.

Thí vô ngại: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát khi thực hành bố thí, không bị tất cả công việc đời làm cho trở ngại. Tuy biết người cầu tâm không áy náy, nhưng nên mau đáp ứng chỗ cầu của họ. Đó gọi là thí vô ngại.

Thí không sai lầm: Tức Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không nghĩ bố thí không có quả báo, không có báo thiện ác, cũng không nói sát sinh hành thí được quả báo thiện như thuyết của Bà Tẩu. Do nhân duyên thí không tham đắm nên được sự an vui ở thế gian và đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là thí không sai lầm.

Thí phi trang nghiêm: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không chứa vật vì trang nghiêm tốt đẹp mà hành bố thí, tùy chỗ bố thí trọn không cất chứa. Vì sao? Vì Bồ-tát biết rõ thân mạng và của cải là vô thường khó giữ, gặp người đến cầu thường bố thí, trọn không nói đợi ta trang nghiêm rồi sau đó mới cho. Vì sao? Vì trang nghiêm thí thì không được gọi là Bồ-tát trang nghiêm đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu đợi trang nghiêm thí thì khiến chúng sinh chịu nhiều khổ não. Đó gọi là thí phi trang nghiêm.

Thí tâm không có tự cao: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu, sinh tâm nhún nhường, không tự khen ngợi ta là thí chủ, không cầu báo ân, không cầu hơn người, không vì danh xưng để hành bố thí. Đó gọi là thí tâm không có tự cao.

Thí tâm không tham đắm: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát không đắm nơi danh xưng. Bồ-tát quán xét danh xưng như hư không, như gió, như sợi tơ trong cộng sen, nếu cầu danh mà thí thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nên Bồ-tát cầu đạo quả giác ngộ ấy thì không cần danh xưng. Đó gọi là thí tâm không tham đắm.

Thí không xấu hổ: Tức là khi thực hành bố thí, ba thời luôn hoan hỷ. Đó gọi là thí không xấu hổ.

Thí không ưu sầu: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng vật quý giá bố thí rồi tâm không hối hận. Đó gọi là thí không ưu sầu.

Thí nên chăm chú: Tức là Bồ-tát quán xét tất cả chúng sinh, tâm luôn bình đẳng, thấy đều vui vẻ nhìn ngắm. Đó gọi là thí nên chăm chú.

Thí không cầu báo ân: Tức là vì tâm thương xót nên tu tập từ bi, ban sự an vui, không cầu sự đền đáp. Đó gọi là thí không cầu báo ân.

Thí không cầu quả báo: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thực hành bố thí, không cầu thân Chuyển luân Thánh vương, hoặc ở cõi trời Ba Mươi Ba, Ma thiên, Phạm thiên, của cải tự tại. Vì sao? Vì Bồ-tát quán xét các pháp hữu vi đều không bền chắc như là thân cây chuối, nên lúc bố thí không cầu quả báo. Đó gọi là thí không cầu quả báo.

Mười việc như vậy có thể khiến Bồ-tát thành tựu đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

**

Phẩm thứ 11: TRÌ GIỚI CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là giới của Bồ-tát Ma-ha-tát? Giới có chín thứ: Một là giới tự tánh. Hai là giới tất cả. Ba là giới nan hành. Bốn là giới tất cả tự. Năm là giới thiện nhân. Sáu là giới tất cả hạnh. Bảy là giới trừ diệt. Tám là giới tự lợi lợi tha. Chín là giới tịch tĩnh.

Giới tự tánh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ giới tự tánh, có bốn công đức: Một là dùng tâm thanh tịnh thọ nhận từ người khác. Hai là tâm không thanh tịnh hủy giới đã thọ. Ba là nên chí tâm hổ thẹn sám hối. Bốn là sám hối rồi chuyên tâm không dám phạm lại. Bồ-tát Ma-ha-tát từ người khác thọ nhận giới, sinh tâm hổ thẹn, do tâm hổ thẹn nên hộ trì không phạm, nếu tâm không tịnh hủy giới đã thọ, do tâm hổ thẹn nên không dám che giấu dù là một đêm. Bồ-tát phạm giới trải qua một đêm, nếu muốn sám hối, không nên sám hối một lần phạm, mà phải suy nghĩ về việc phạm vô lượng lần để sám

hối. Vì sao? Vì nếu phạm nhiều mà sám hối một lần thì không gọi là sám hối, người thọ nhận có tội.

Lúc Bồ-tát thọ trì giới từ người khác gồm có bốn việc: Một là xấu hổ. Hai là chí tâm kiên trì. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm trì giới, trọn không sinh tâm hủy phạm. Ba là thọ rồi nhất tâm hộ trì. Bốn là tịnh tâm thọ trì.

Bồ-tát đầy đủ bốn công đức giới có thể làm bốn việc: Một là không phạm. Hai là nếu phạm liền sám hối. Ba là tâm sinh hổ thẹn. Bốn là không sinh hối hận. Đó gọi là giới tánh. Giới tánh của Bồ-tát gọi là giới chân thật, gọi là giới tự lợi lợi tha, gọi là giới tạo lợi ích cho chúng sinh, gọi là giới nghĩa lợi ích cho chúng sinh, gọi là giới tăng trưởng trời người, gọi là giới vô lượng công đức.

Bồ-tát thành tựu giới như vậy, sinh tâm thương xót tức có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh. Bồ-tát nếu bị khách trần phiền não mà không sám hối, nên thường vì người khen ngợi trì giới, chê trách phá giới, nói tội lỗi hủy phạm giới cấm, nếu có thể như vậy tuy gọi là hủy phạm nhưng tội lỗi nhẹ, cũng có thể chứng đắc trọn vẹn đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là giới tự tánh.

Giới tất cả: Tức là những giới người tại gia và xuất gia đều thọ trì. Có ba thứ: Một là giới. Hai là giới thọ pháp thiện. Ba là giới vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên hành trì.

Thế nào gọi là giới? Đó là bảy thứ giới, là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn thọ trì giới Bồ-tát, trước phải tịnh tâm thọ bảy thứ giới, nghĩa là tâm tịnh hướng đến giới Bồ-tát, như người thế gian muốn thỉnh đại vương, trước phải quét dọn phòng nhà, chỗ ở. Bảy thứ giới này là chỗ thọ trì của người tại gia và xuất gia. Giới Bồ-tát cũng lại như vậy, đều là người tại gia và xuất gia hành thọ. Đó gọi là giới.

Thế nào gọi là giới thọ pháp thiện? Giới pháp thiện tức là Bồ-tát Ma-ha-tát không có bảy thứ giới trên, vì Bồ-đề nên tu mười thứ pháp thiện nơi nghiệp thân khẩu ý. Đó gọi là giới thọ pháp thiện. Thân khẩu ý tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ vào giới địa rồi, đọc tụng biên chép, phân biệt giải nói, suy nghĩ tu tập hai pháp chỉ và quán, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán các bậc sư trưởng, Hòa thượng, trưởng lão có đức, luôn luôn cung kính hầu hạ, hoặc bệnh, hoặc già, hoặc đi giữa đường mệt mỏi, phải liền thay thế mang y bát, nếu thấy thuyết pháp thì tán thán: Lành thay! Thấy người trì giới hết sức ủng hộ, khen ngợi giới pháp, nguyện các chúng sinh đều trì tịnh giới. Thấy người phá giới sinh tâm thương xót, dùng lời hay quả trách và dạy họ sám hối. Các việc thiện do thân khẩu ý làm đều phát thệ nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Lúc thân khẩu ý còn có khí lực, siêng năng cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Vì tăng pháp thiện nên siêng tu tinh tấn. Vì được tất cả pháp thiện nên tu không phóng dật. Thường phải chí tâm niệm giới, hộ giới, điều phục các căn, ăn uống biết đủ, không ưa ngủ nghỉ, đầu đêm cuối đêm đọc tụng kinh điển, nhớ nghĩ về Tam bảo, gần gũi bạn thiện, ưa nghe lời dạy, tự xét lỗi mình, biết rồi sám hối, tâm sinh hổ thẹn, chí tâm nhớ nghĩ không còn hủy phạm, hướng đến Phật Pháp Tăng, đồng sư, đồng pháp, đồng giới, đồng học, phát lồ sám hối. Đó gọi là giới thọ pháp thiện.

Giới vì tạo lợi ích cho chúng sinh mà hành trì có mười một thứ. Nếu có chúng sinh muốn tu pháp thiện, tức đến khuyến khích cùng làm bạn, cùng hành nghiệp thiện. Có người chăm sóc bệnh cũng đến khuyến khích cùng làm bạn. Nếu có chúng sinh muốn hiểu ý nghĩa của pháp thế gian, xuất thế gian tức dùng phương tiện vì họ giải nói, có chỗ thọ ân luôn nghĩ nhớ báo đáp. Báo đáp đó là kiên trì giới cấm, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, suy nghĩ về nghĩa chánh, phân biệt giảng giải, có thể cứu giúp các sự sợ hãi của chúng sinh. Đó là sợ hãi về sự tử, hổ lang, hỏa hoạn, lũ lụt,

giặc cướp, nạn vua quan, ủng hộ chúng sinh khiến được xa lìa các thứ sợ hãi như vậy. Nếu có chúng sinh mất hết thân thuộc, hao tổn của cải, do ái biệt ly nên tâm sinh sầu khổ, có thể vì họ thuyết pháp khiến lìa khổ não. Nếu có chúng sinh bần cùng khốn khổ, tức có thể bố thí của cải mà họ cần dùng. Vì giữ gìn pháp nên nuôi dạy đệ tử, không vì danh lợi. Vì giữ gìn pháp nên qua lại nơi bốn chúng, cùng chung giảng luận không vì lợi dưỡng. Vì giữ gìn pháp nên gần gũi các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, không vì lợi dưỡng, không vì đàn-việt cung phụng mà thân khẩu nghiệp tạo tác phi pháp. Không được phi thời qua lại nhà người. Tại gia, xuất gia đều có phi thời. Phi thời tức là lúc tham, lúc sân, lúc si, lúc gió to mưa lớn, lúc cưới hỏi, lúc yến tiệc, trừ những phi thời trên thì gọi là thời. Tùy theo công đức pháp thiện mà mình có được, đều đem chuyển dạy cho tất cả chúng sinh, tâm không tham tiếc. Thấy người hủy giới sinh tâm thương xót, dùng tâm thanh tịnh và lời thiện để chỉ dạy, cũng như cha mẹ dạy dỗ các con: Điều người đã phạm thì nên phát lồ, như pháp sám hối, nếu họ không nghe thì không nên cung cấp, phụ giúp như trước, lại nên tùy việc để nêu ra khiến trách, nếu vẫn không chịu thọ nhận thì phải đuổi ra khỏi trụ xứ, vì muốn cho pháp Phật được tăng trưởng nên làm vậy. Nếu không chỉ dạy, trách phạt, đuổi ra, lại cùng ở chung, thì đó gọi là phá giới, là chẳng phải Sa-môn, chẳng phải là phạm hạnh. Trong pháp Phật gọi kẻ xấu là Chiên-đà-la, là kẻ giết mổ súc vật. Hạng Chiên-đà-la và kẻ giết mổ súc vật, tuy làm việc ác nhưng không phá hoại chánh pháp của Như Lai, không nhất định bị đọa trong ba đường ác. Làm thầy không thể dạy dỗ đệ tử, tức là phá hoại pháp Phật, nhất định bị đọa nơi địa ngục. Vì danh tiếng mà nuôi chứa đồ chúng, đó gọi là tà kiến, gọi là đệ tử ma. Không nuôi đệ tử thì không thể duy trì chánh pháp của Như Lai. Nuôi đệ tử xấu ác tức phá hoại pháp Phật, do phá hoại pháp Phật nên gọi là đệ tử ma. Vì lợi dưỡng nên nuôi chứa đồ chúng, đó gọi là tà kiến. Nếu có thần túc thông, tha tâm

thông và túc mạng thông, sau đây mới có thể dùng giới Bồ-tát giáo hóa người khác. Người này có thể không nuôi chứa đệ tử xấu ác. Vì sao? Vì nhận biết phương tiện. Do biết phương tiện nên phá trừ pháp ác, khai thị pháp thiện. Nếu có Tỳ-kheo không đủ ba thứ trí tuệ như vậy, nhưng nói ta đủ ba thứ trí tuệ, có thể nuôi chứa đệ tử xấu ác, nên biết người này là phạm tội nặng. Nếu lìa sự việc ấy gọi là giới lợi tha. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu giới, giới thiện, giới lợi ích cho mọi người như vậy, gọi là giới tốt, giới thân giữ tất cả, gọi là giới đến bờ giải thoát, là giới giải thoát, là giới vô thượng, là giới không nhân quả, là giới thường lạc ngã tịnh, là giới cứu cánh vô biên, là giới tất cả phương tiện thiện xảo. Nếu Bồ-tát có thể chí tâm nhớ nghĩ về giới Bồ-tát, thì hơn tất cả Thanh văn Duyên giác. Nếu có thể đầy đủ giới Bồ-tát, cũng hơn cả Bồ-tát sáu địa. Nếu có Bồ-tát xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia học đạo thọ giới giải thoát, từ bỏ năm thứ dục như bỏ đờm dãi, không nhớ, không cầu, không sinh hối tiếc, cho đến sự vui của năm dục ở cõi trời cũng lại như vậy. Không vì thọ hoan lạc nơi cõi trời, người nên thọ trì giới cấm, quán xét năm thứ dục lạc như lửa lớn, rắn độc, như ba nẻo ác, được người khác cúng dường xem như thức ăn nhỏ ra, tâm không tham đắm. Người thế gian nếu vì thọ vui nơi nẻo trời người, hoặc vì danh dự, lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, nên biết người này không gọi là đặc giới. Người thành tựu giới hoặc ở trong Tăng chúng, hoặc ở nơi vắng lặng. Đó gọi là tịch tĩnh.

Không thể giáo hóa chúng sinh nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì tiếc thân mạng nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì tham lợi dưỡng nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì oán giận nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì sợ hãi nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì kiêu mạn nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì không ưa thích pháp nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì không có tâm thương xót nên không thể hộ trì giáo pháp. Vì không sợ xấu hổ nên không thể hộ trì giáo pháp. Đó gọi là phá giới, gọi là không tịch tĩnh.

Nếu người đối với giới sinh tâm biết đủ, nên biết người này không gọi là trì giới. Biết nhân nơi giới nên được vô lượng Tam-muội của chư Bồ-tát. Nếu không có giới thì không tăng trưởng vô lượng Tam-muội, vì Tam-muội nên hộ trì giới cấm. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, thà mất thân mạng chứ trọn không nghe lời phi pháp hoặc cùng ở với người ác, không nhớ không khởi các giác quán xấu ác. Nếu có khởi tâm liền hối hận quả trách, sám hối. Khi ở trong chúng nếu nghe lời nói ác, việc ác, pháp ác, tiếng ác, nghĩa ác, tức liền đứng dậy bỏ đi, nếu sức mình có thể ngăn được, nhưng không dạy dỗ, quả trách mà bỏ đi, đó gọi là phạm. Nếu sức mình không thể ngăn cản mà ở lại nghe cũng gọi là phạm. Nếu tâm không nghe gọi là trì giới, nếu tâm lắng nghe gọi là phá giới, hoặc ưa thích nghe đó gọi là phá giới. Không ưa thích nghe gọi là trì giới, sinh tâm hối hận gọi là trì giới, tâm không hối hận gọi là phá giới. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, trọn không tự nghĩ giới ta thọ là từ Hòa thượng mà đắc, tự nghĩ chính là từ thập phương chư Phật, Bồ-tát mà thọ. Nếu ta từ Hòa thượng thọ đắc giới, thì không gọi là giới Bồ-tát, nếu từ thập phương chư Phật, Bồ-tát thọ đắc giới mới gọi là giới Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu phân biệt mười tám bộ tăng thì không gọi là đắc giới Bồ-tát. Nếu có thể xem tất cả đều là đệ tử của thập phương chư Phật, Bồ-tát thì đó gọi là đắc giới Bồ-tát. Nếu xem tất cả đều là đệ tử của thập phương chư Phật, Bồ-tát, trụ ở đại địa, vì nhân duyên trụ nơi đại địa nên đều chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Cõi chúng sinh không thể nghĩ bàn, pháp giới chúng sinh không thể nghĩ bàn, tánh chúng sinh không thể nghĩ bàn, giới chúng sinh không thể nghĩ bàn, ta chưa chứng đắc nhất thiết trí, vì sao phân biệt mười tám bộ tăng. Nếu ta phân biệt thì không thể đắc giới nhất thiết, giới vô ngại, giới vô thượng. Do có thể quán như vậy nên đắc giới Bồ-tát, như đời quá khứ Bồ-tát đã chứng đắc giới cấm. Nếu Bồ-tát có thể quán như vậy, thì đạt được vô lượng vô biên phước đức, có thể biết tâm của Phật và Bồ-tát trong mười phương, cũng biết người đầy đủ giới Bồ-tát sẽ chứng đắc đạo vô thượng. Bồ-

tát Ma-ha-tát quán xét chư Phật và Bồ-tát trong quá khứ, lúc chưa thành tựu đạo vô thượng, đầy đủ phiền não học giới Bồ-tát, đầy đủ thành rồi đắc đạo vô thượng. Nay thân này của ta cũng là chúng sinh, cũng có năm ấm, cũng có đủ phiền não, cũng thọ giới Bồ-tát, tu tập đạo Bồ-đề, cũng sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Ta cũng có thể điều phục nghiệp ác của thân khẩu ý, tất cũng sẽ chứng đắc đạo quả ấy. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, chí tâm chuyên niệm tự xét lỗi mình, không nêu điều xấu của người, thấy người làm ác tâm không sân hận, thấy người phá giới tâm sinh thương xót, không có sân, nã. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nếu bị người ác dùng dao gậy đánh đập hoặc dùng lời ác mắng nhiếc, đối với người này không nên khởi tâm ác hoặc nói lời thô sẽ báo thù. Bồ-tát nếu học giới Bồ-tát có năm việc không phóng dật: Một là xét mình đã phạm tội nên như pháp sám hối. Hai là xét mình sẽ phạm tội nên như pháp sám hối. Ba là xét mình hiện phạm tội nên như pháp sám hối. Bốn là chí tâm kiên trì không khởi tưởng phạm. Năm là phạm rồi nên chí tâm sám hối. Đó gọi là năm việc không phóng dật. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nơi các công đức hiện có thì nên che giấu, các tội đã phạm phải nên phát lồ, ít ham muốn biết đủ, gắng nhận các khổ, thường ưa vắng lặng, tâm không hối hận, không tự cao, không khinh suất, tu hạnh tịch diệt và hạnh vi tế, phá bỏ tà mạng. Bồ-tát thành tựu pháp như vậy, gọi là Bồ-tát an trụ trong giới Bồ-tát.

Bồ-tát thọ học giới Bồ-tát, không nhớ sự vui của năm dục trong quá khứ, không cầu sự vui của năm dục đời vị lai, tâm không tham đắm với năm dục hiện tại, thường ưa tịch tĩnh, phá bỏ giác quán xấu ác, thành tựu đầy đủ hạnh không phóng dật, không dám khinh chê tất cả chúng sinh, thành tựu nhẫn nhục, đầy đủ tâm tịnh. Người học tịnh giới không tiếc thân mạng, không tiếc của cải, khéo nhận biết nhân duyên của phiền não phá giới, khéo có thể điều phục phiền não phá giới, điều phục tâm sân hận, có thể điều phục tâm nã hại của chúng

sinh, hiểu rõ phiền não, biết nhân quả thiện, do biết nhân quả thiện nên tâm siêng năng cầu, phá trừ tâm không tín nhân quả thiện, quán tất cả pháp không có tướng thường, ngã, không có tướng lạc, tịnh. Phá trừ bốn thứ điên đảo: vô thường cho là thường, không lạc cho là lạc, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh của chúng sinh, tu học giới thiện, tu tập nhân bố thí, nhân trì giới, nhân nhẫn nhục, nhân tinh tấn, nhân thiền định, nhân trí tuệ. Bồ-tát thọ trì giới vì tạo lợi ích cho mọi người nên giáo hóa chúng sinh khiến hành nghiệp thiện, cùng làm bạn với người tu thiện, thường chỉ dạy chúng sinh cúng dường Tam bảo. Nếu thấy ly biệt thì dùng phương tiện khéo khiến được hòa hợp. Thấy người bệnh khổ tự thân cung cấp, giúp đỡ. Thấy người mù lòa cung cấp vật cần dùng như y phục, thức ăn, chỉ bày đường đi, khéo vì họ thuyết pháp. Gặp người bị điếc thì vạch đất chỉ bày nghĩa. Gặp người bị què跛跛 thì xe cộ, nếu không có xe cộ thì tự thân cõng vác. Thấy người vì tham nên thọ khổ, có thể thuyết pháp khiến họ trừ khổ. Đối với sân hận, ngu si cũng lại như vậy. Gặp người đi đường mệt nhọc thay họ mang vác, bố thí thức ăn, mền nệm, các thứ cần dùng.

Lại có chúng sinh ưa tạo nghiệp tội, Bồ-tát thấy rồi nên khéo thuyết pháp, lời thiện nghĩa thiện, lời hợp câu hợp, lời nghĩa lần lượt tăng trưởng pháp thiện, nêu nghĩa đầy đủ. Vì muốn trang nghiêm đạo Bồ-đề nên dùng phương tiện thiện xảo dạy phá nghiệp ác. Vì người tham lam keo kiệt dạy pháp phá trừ tham lam keo kiệt, tăng trưởng pháp thiện và phá trừ tranh chấp nơi các tài vật. Nếu có chúng sinh không tin pháp Phật, khéo thuyết pháp khiến họ sinh tâm tin. Vì nhằm phá diệt phiền não nghiệp ác nơi chúng sinh, khiến được tám chánh đạo cho nên vì họ thuyết pháp.

Lại nữa, Bồ-tát học giới Bồ-tát nên phát thệ nguyện lớn, vì phá các ác kiến của chúng sinh, vì biết ân báo ân, nên dùng lời dịu dàng thăm hỏi, cúng dường sư trưởng, trưởng lão có đức, có thể phá trừ sự sợ hãi ưu sầu, đó là sợ hãi về sư tử, hổ lang, nước lửa, nạn vua,

giặc cướp. Nếu có chúng sinh chết mất cha mẹ, anh em, quyền thuộc, vợ con, tột tở, hao tổn của cải, thân ái biệt ly, có thể dùng phương tiện thích ứng thuyết pháp để diệt trừ khổ não, thường bố thí vật cần dùng cho chúng sinh như y phục, thức ăn, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, hương hoa, anh lạc, đèn đuốc. Nếu Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nuôi chứa đệ tử nhưng không khéo dạy dỗ, nói pháp, chỉ bày khiến điều phục tham sân si, cũng không thể cung cấp y phục thức ăn phòng nhà thuốc thang, không thể vì đệ tử mà cầu đàn-việt tốt, hoặc vì đàn-việt thuyết giảng pháp yếu, có được vật dụng không thể phân chia bình đẳng, nên biết người này vì danh tiếng mà nuôi chứa đệ tử, không phải vì pháp. Nếu có thể tùy thời nói pháp dạy dỗ, vì tánh, vì lực, vì tạng Bồ-tát, vì muốn đầy đủ giới Bồ-tát nên tu tám chánh đạo, chúng đắc đạo quả giác ngộ tột bậc, đó gọi là Bồ-tát nuôi chứa đệ tử đúng đắn không vì danh xưng. Bồ-tát thọ học giới Bồ-tát, trước phải quán biết tánh giới chúng sinh, sau đó cùng ở vì chuyển tánh giới, thuyết pháp thích ứng, tùy ý cùng đi, khiến họ được điều phục không tạo các ác, có thể phá trừ pháp ác, tăng trưởng pháp thiện. Có thể ban cho các vật cần dùng. Thấy người làm ác sinh tâm thương xót sâu xa. Thấy người không nghe lời dạy sinh tâm buồn khổ, đối với các nghiệp ác mình đã tạo tâm không ưu sầu, thấy người tạo tác sinh tâm thương xót hết mực. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với thân khẩu ý ác của mình, có thể nhanh chóng điều phục, mở tâm sám hối, vì có lực nhân duyên của đại trí. Bồ-tát vì người khác cũng lại tạo tác nghiệp ác nơi thân khẩu, vì muốn điều phục nghiệp ác của họ. Tùy theo tâm người nên Bồ-tát hoặc có lúc hiện thọ sự hoan lạc, vì để điều phục người khác. Bồ-tát Ma-ha-tát vì mọi người nên không sớm chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát tuy tùy thuận chúng sinh nhưng không khinh không chê, không đánh không mắng, không nói việc ác, không khen đức của mình để tự cao. Không gằn gủi người chẳng phải là không gằn gủi, tuy lại gằn gủi nhưng phi thời thì không làm. Thấy người khác sinh tham đắm không nên nói lỗi họ. Kẻ không

tham ái thì cũng không khen ngợi. Chưa biết căn tánh của người thì không thuyết giảng nghĩa sâu xa. Không nên theo người khác cầu xin, tuy được thì nhiều nên sinh tâm biết đủ, tâm không ưa thọ nhận người thường cúng dường, ưa xả bỏ của cải, cung cấp cho mọi người, thường ưa khen ngợi người khác làm thiện. Thấy người phạm giới thì không vì họ nói giới. Đối với người không có tâm tín thì không khen ngợi sự tín. Nơi người có tâm tham thì không khen ngợi bố thí. Người không ưa đọc tụng thì không tán thán việc đa văn. Đối với người si ám thì không khen ngợi trí tuệ. Nếu vì người phạm giới mà khen ngợi giới, tức khiến họ không ưa không vui, sinh tâm xấu hổ sân hận. Vì sân hận nên đối với pháp Phật và người thuyết pháp sinh tâm đại ác, do tâm đại ác nên tăng trưởng nhân địa ngục. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu làm như vậy, tức là ban cho chúng sinh nhân duyên địa ngục, không gọi là Bồ-tát. Người tùy ý thuyết pháp, cho đến đối với người si, khen ngợi trí tuệ cũng lại như vậy. Nếu có Bồ-tát đạt thần thông lớn, như vậy mới có thể vì người không tin thuyết giới Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát này có thể dùng lực thần thông, chỉ bày cho người kia thấy địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục lớn, địa ngục nhỏ. Lại nói: Nay người vì sao không tin lời ta, xem quả ác này do trong nẻo người tạo tác, nên nay phải chịu khổ nơi địa ngục. Nếu người lại không tin nơi giới Bồ-tát, thì sẽ phải chịu quả ác như vậy. Người không tin thấy việc này rồi, trong lòng sợ hãi liền sinh tâm tin.

Lại có Bồ-tát vì người không tin, dùng lực thần thông hiện hình La-sát, nói: Nay ta đi tìm những người không tin để đoạn mạng sống của họ, nếu có người tin ta sẽ hộ niệm. Người không tin khi thấy nghe sự việc như vậy rồi liền sinh tâm sợ hãi, do sợ hãi nên tin giới Bồ-tát.

Lại dùng thần lực hiện tượng Mật Tích cầm chày kim cương, nói: Nếu có người không tin giới Bồ-tát, ta sẽ phá vỡ đầu người ấy làm bảy phần. Người không tin khi thấy nghe như vậy liền sinh sợ hãi, do sợ hãi nên sinh tâm tin.

Lại dùng thần lực tạo vô số thân, hoặc tạo một thân, hoặc tạo nhiều thân, hoặc tạo thân rừng cây sông núi, hoặc thân vô ngại, thân lớn thân nhỏ, thân xuất ra nước lửa. Người kia không tin thấy rồi liền hỏi những việc như vậy đều là quả gì? Đáp: Đây là quả của giới Bồ-tát. Người kia nghe rồi sinh tâm tín đối với giới Bồ-tát. Nếu không có thần thông mà thuyết giới Bồ-tát cho người không tin tức mắc vô lượng tội. Vô lượng tội tức là chịu khổ trong vô lượng đời. Đó gọi là vô lượng, tuy có tội ngũ nghịch nhưng chưa đủ để ví dụ. Vì sao? Vì tội ngũ nghịch có thể đời chuyển, như vua A-xà-thế. Còn tội không tin kia thì không thể chuyển. Tội ngũ nghịch tối đa đến một đời. Tội không tin thì chịu khổ trong vô lượng đời. Thế nên nói là không thể ví dụ.

Nếu lấy vật của Phật, của Pháp, của Tăng, của Tăng hiện tiền, tội báo như vậy cũng không thể ví dụ. Vì sao? Vì tội báo như vậy tối đa chỉ đến một đời. Tội không tin thì đến vô lượng đời. Như mười hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề, giả sử có người có thể khiến hằng hà sa chúng sinh như vậy thoái tâm Bồ-đề, dạy cho họ tà kiến, tội báo như vậy cùng với tội không tin là bằng nhau, không sai khác.

Lại khiến hằng hà sa chúng sinh như vậy đều trụ ở năm địa, giả sử có người đoạt hết mắt của họ, tội báo này cũng như tội báo không tin. Nếu lại có người phá hoại tất cả tháp miếu của chư Phật, giết hại tất cả đệ tử của chư Phật, thiêu đốt tất cả kinh điển của chư Phật, tội báo như vậy cũng như tội báo thuyết giới Bồ-tát cho người không tin. Vì sao? Vì từ nhân nên sinh ra địa ngục, từ nhân nên vào Niết-bàn. Nhân đối với người thuyết có vô lượng khổ, thế nên người thuyết mắc vô lượng tội. Tuy biết vô lượng chúng sinh trong đại chúng có thể tạo nghiệp thiện nơi nẻo trời, người và phát tâm tín, nhưng ở trong chúng ấy nếu có một người không tin thì cũng không thể thuyết giới Bồ-tát. Đó gọi là giới thiện của Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 5

Phẩm thứ 12: NHÃN NHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh nhẫn của Bồ-tát Ma-ha-tát? Do lực của trí tuệ nên có thể gắng chịu vô số sự việc khổ não. Tất cả nhẫn, hết thảy mọi nhẫn do có thương xót nên đạt được tâm từ. Tánh nhẫn có hai hạng: Một là xuất gia. Hai là tại gia. Tại gia và xuất gia đều có ba thứ: Một là có thể nhẫn chịu khi bị chúng sinh đánh đập mắng nhiếc. Hai là có thể tự nhẫn chịu tất cả các khổ. Ba là nhẫn vui thích pháp thiện.

Có thể nhẫn chịu khi bị chúng sinh đánh đập mắng nhiếc: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bị đánh đập mắng nhiếc liền suy nghĩ: Do thân này của ta tạo các nghiệp ác, nên nay tự chịu quả báo, vì sao đối với những người kia sinh tâm sân hận? Ta cũng không cầu có phiền não khổ này, nay nếu không nhẫn thì sau sẽ tăng thêm nhiều. Không nhẫn nhục là nhân của phiền não khổ. Ta thọ thân này và các phiền não chẳng phải là lỗi của chúng sinh mà là lỗi của ta. Nếu có việc ác thật không ưa nhận, nay nếu không nhẫn thì đó là tự tạo tác, nếu tự tạo tác thì phải tự thọ tánh khổ của sinh tử. Thân nếu thọ khổ vì sao không nhẫn. Hàng Thanh văn, Duyên giác vì tự lợi hãy còn tu nhẫn nhục, huống chi là ta nay vì nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh mà không nhẫn nhục sao. Nếu ta không nhẫn thì không được đầy đủ giới Bồ-tát, tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc suy nghĩ như vậy nên tu năm thứ nhứt: Một là đối với kẻ oán người thân, hoặc không oán thân đều tu hạnh nhẫn nhục. Hai là đối với ba hạng người thượng, trung, hạ cũng tu hạnh nhẫn nhục. Ba là đối với người thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui đều tu tập nhẫn nhục. Bốn là đối với người có phước đức, không có phước đức, chẳng phải có chẳng phải không phước đức, đều tu tập nhẫn nhục. Năm là ở trong tất cả người ác, luôn tu tập nhẫn nhục.

Bồ-tát thành tựu năm thứ nhứt như vậy thì tu tập năm thứ tướng: Một là tướng chúng sinh. Hai là tướng pháp. Ba là tướng vô thường. Bốn là tướng khổ. Năm là tướng vô ngã, vô ngã sở.

Thế nào là tướng chúng sinh? Nếu Bồ-tát bị người ác đánh, làm sao có thể tạo tướng thân thuộc. Bồ-tát quán xét kỹ: Thời quá khứ lưu chuyển trong sinh tử, không có chúng sinh nào chẳng phải là cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng, quyến thuộc, thân tộc đáng cho ta cung kính cúng dường. Lúc quán xét như vậy thì tướng oán ghét diệt, tướng thân thuộc sinh, do tướng thân thuộc sinh nên có thể tu tập nhẫn nhục. Lúc này tức thành tựu tướng chúng sinh.

Tướng pháp: Nghĩa là Bồ-tát quán xét kỹ: Chúng sinh gọi là pháp giới, là pháp hữu vi, là pháp hữu lậu. Nếu là pháp giới thì đối với pháp giới ai đánh ai sân, không có ngã, ngã sở, thọ mạng, sĩ phu. Lúc dùng sức trí tuệ tác quán tướng này, thì diệt tướng chúng sinh thành tựu tướng pháp.

Tướng vô thường: Nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ: Tất cả chúng sinh, tất cả pháp hữu vi, hữu lậu thấy đều là vô thường. Do vô thường nên có ai đánh mắng, có ai thọ nhận? Nếu khiến đánh mắng cùng thọ nhận khổ tạm thời dừng trụ, tức không thể nói các pháp là vô thường. Nếu khiến là thường thì ai đánh mắng, ai thọ nhận? Trong thường và vô thường đều không là hai, đều không tạo tác, thọ nhận, hãy còn không nên sinh tâm ác nhỏ, có gì là đánh mắng. Cho nên Bồ-tát

phá bỏ tướng thường tu tướng vô thường, do có thể tu tập tướng vô thường nên thành tựu tâm nhẫn, vì thành tựu tâm nhẫn nên tu tập đạo Bồ-đề, cho đến chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tướng khổ? Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét kỹ: Hoặc chúng sinh trong cõi dục được đại tự tại, giàu có lớn nhiều của báu như Chuyển luân Thánh vương hãy còn có ba sự khổ, hưởng chi là người khác. Ba thứ khổ là Lại biến khổ, Sinh tử khổ, Khổ khổ. Lúc tác quán tướng này, nếu khiến chúng sinh có ba thứ khổ ấy nên ta không sân, ta nếu sân hận thì sao có thể cứu độ ba sự khổ ấy cho chúng sinh? Nếu ta sân tức là làm tăng trưởng ba khổ của chúng sinh. Khi khởi quán tướng ấy thì tướng vui diệt, tướng khổ sinh, vì nhân duyên tu tập tướng khổ nên có thể tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tướng vô ngã, vô ngã sở? Bồ-tát quán xét kỹ: Có các ngoại đạo nói ngã là thường. Nếu ngã là thường thì chúng sinh không có ngã. Vì sao? Vì chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm thì vô thường. Nếu không có ngã thì sao có ngã sở, cho nên không có ngã, không có ngã sở. Bồ-tát lại quán xét ngã tức là tâm Bồ-đề. Bồ-tát lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề, ở trong chúng sinh có được một thứ tâm, đó gọi là ngã sở. Nếu ta đối với một thứ tâm kia có tâm sân hận, làm sao được gọi là có ngã, có ngã sở? Nếu ta tăng trưởng tâm sân hận, thì không thể độ thoát tất cả chúng sinh. Lúc tạo quán như vậy là thành tựu tâm nhẫn nhục, tăng trưởng tâm vô ngã, vô ngã sở, được tướng vô ngã, dùng nhân duyên này tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát có thể tự nhẫn chịu tất cả các khổ? Lúc này Bồ-tát nên quán xét: Vào đời quá khứ ta vì năm dục nên chịu đủ các khổ. Tại gia làm các việc cày cấy, gieo trồng, thọ nhận vô số các sự khổ nhọc. Hoặc phụng sự quốc vương, hoặc ở chợ mua bán chịu nhiều sự khổ. Lúc ấy, tuy ta chịu các khổ lớn như vậy nhưng không

tạo được lợi ích. Nay nếu ta vì nhằm độ chúng sinh nên chịu các khổ não tức tạo được lợi ích, nếu được lợi ích lớn thì nhận chịu vô lượng khổ cũng không đáng kể. Khi phát nguyện này, tức Bồ-tát có thể gắng nhẫn các khổ. Thọ khổ gọi là tất cả khổ. Tất cả khổ gồm có tám thứ: Một là y khổ. Hai là thế pháp khổ. Ba là oai nghi khổ. Bốn là nhiếp pháp khổ. Năm là khát thực khổ. Sáu là tinh tấn khổ. Bảy là làm lợi ích cho chúng sinh khổ. Tám là làm việc khổ.

Y khổ còn gọi là tứ y khổ. Nếu Tỳ-kheo thọ bốn y rồi, được xuất gia thọ giới, được gọi là cụ túc Tỳ-kheo. Nếu thiếu thốn y áo, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, không sinh tâm sâu khổ, không sinh hồi hận, do có thể tu tập tâm hoại khổ, nên tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là y khổ.

Thế pháp khổ có chín thứ: Một là cầu không được khổ. Hai là tiếng xấu khổ. Ba là hiện đời pháp ác khổ. Bốn là khổ khổ. Năm là mất mát khổ. Sáu là vật dụng hết khổ. Bảy là già khổ. Tám là bệnh khổ. Chín là chết khổ. Đó gọi là thế pháp khổ. Lúc Bồ-tát thọ nhận chín thứ khổ này, không sinh sâu não, tâm không hồi hận, không phé bỏ tâm Bồ-đề Vô thượng. Do không hồi hận nên Bồ-đề tăng trưởng. Do Bồ-đề tăng trưởng nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Oai nghi khổ là bốn oai nghi của thân, tức đi, đứng, ngồi, nằm. Bồ-tát hoặc đi hoặc ngồi, đêm ngày thường điều phục tâm của nghiệp ác, nhẫn chịu đi khổ ngồi khổ, phi thời không nằm, phi thời không đứng, trong ngoài chỗ ở hoặc giường, hoặc đất, hoặc cỏ, hoặc lá, bốn chỗ như vậy thường nghĩ đến việc cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, khen ngợi kinh pháp, thọ trì giới cấm, trì pháp vô thượng, rộng vì người giảng nói, suy nghĩ chánh nghĩa, như pháp mà trụ, phân biệt pháp giới, tu chỉ quán. Lúc Bồ-tát tu tập pháp như vậy, nếu có các khổ đều vui vẻ thọ nhận. Đó gọi là oai nghi khổ.

Nhiếp pháp khổ có bảy thứ: Một là thân xả bỏ đồ trang sức. Hai là cạo bỏ râu tóc. Ba là mặc y cắt rọc. Bốn là tất cả việc đời không

được tự tại, mạng thuộc người khác. Năm là xin ăn tự nuôi mạng. Sáu là xa lìa nghiệp sinh sống, ít ham muốn, biết đủ. Bảy là xả bỏ thân tộc, sự vui năm dục. Đó gọi là nhiếp pháp khổ.

Khất thực khổ: Tức là những vật cung cấp cho thân như y phục, thức ăn, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, tất cả đều xin ở người khác, không có được thì không sầu não, khi được nên biết đủ, cho đến hết đời nhẫn chịu không hưởng sự vui của năm dục. Đó gọi là khất thực khổ.

Tinh tấn khổ: Tức là Bồ-tát siêng năng cúng dường Tam bảo, thọ trì đọc tụng kinh tạng Bồ-tát, biên chép giải nói, suy nghĩ ý nghĩa, đêm ngày không phé bỏ, tinh tấn tu tập Thánh đạo, do tinh tấn nên gắng nhẫn chịu các khổ. Đó gọi là tinh tấn khổ.

Làm lợi ích cho chúng sinh khổ: Tức mười một việc lợi ích trong ngoài như trên đã nói. Đó gọi là làm lợi ích cho chúng sinh khổ.

Làm việc khổ: Tức là nung bát, may y, giặt rửa, chúng Tăng sai khiến, cung cấp sư trưởng, hoặc vì cúng dường nên lau dọn tháp Phật, vì hành pháp thiện nên trọn không ngại nghĩ, vì cầu đạt Bồ-đề Vô thượng nên nhẫn chịu các khổ. Đó gọi là làm việc khổ.

Nhẫn vui thích pháp thiện khổ có tám thứ nhẫn: Nhẫn thọ công đức hiện có của Tam bảo. Nhẫn đối với Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Nhẫn nhẫn. Quả nhẫn. Phương tiện thiện nhẫn. Tánh Phật, Bồ-tát lại có hai nhẫn: Một là nhẫn cứu cánh, hai là nhẫn tịnh trí tuệ. Đó gọi là pháp nhẫn.

Thể nào gọi là Bồ-tát hành khó nhẫn? Khó nhẫn có ba thứ: Một là có vô số chúng sinh đánh mắng Bồ-tát nhưng Bồ-tát có thể nhẫn. Hai là Bồ-tát có lực tự tại, nên dù bị đánh mắng vẫn nhẫn chịu, không báo oán. Ba là Bồ-tát ở nơi chúng tộc tôn quý có thể nhẫn đối với hàng thấp kém.

Thế nào là tất cả tự nhẫn? Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi kẻ oán người thân, hoặc không phải oán thân mà nhẫn với đủ các bậc hạ nhẫn, trung nhẫn, thượng nhẫn. Đó gọi là tất cả tự nhẫn.

Nhẫn thiện nhân có năm thứ công đức nhận biết nhẫn: Một là không chấp tâm ác, tâm sân. Hai là hủy hoại tâm ngăn trở. Ba là tâm không sầu não. Bốn là khi chết không hối hận. Năm là chết rồi hưởng sự an vui nơi nẻo trời, người. Bồ-tát quán xét nhẫn có công đức như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến thực hành nhẫn, tự mình tu nhẫn cũng được tăng trưởng, khen ngợi nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn tức cung kính tôn trọng tán thán lễ bái. Đó gọi là nhẫn thiện nhân.

Nhẫn nơi tất cả hành: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát không nhẫn nhục tức có lỗi ác. Thế nào gọi là quả báo ác? Tức có thể rơi vào ba đường ác. Vì sợ đường ác nên tu hạnh nhẫn nhục. Vì thương xót nên nhẫn. Vì tu từ bi nên nhẫn. Vì tâm nhu hòa thuận hợp nên nhẫn. Vì chí tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng nên nhẫn. Vì để đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật nên nhẫn. Vì xuất gia nên nhẫn. Vì thọ giới nên nhẫn. Vì đầy đủ tánh nên nhẫn. Vì muốn vô lượng đời tu tập nhẫn nên nhẫn. Vì đạt được tánh nhẫn nên nhẫn. Vì đạt được không tham ái, không sân hận nên nhẫn. Vì thấy pháp giới nên nhẫn. Vì thấy rõ chúng sinh giới nên nhân. Nơi tất cả thời nhẫn. Nơi tất cả quốc độ nhẫn. Tất cả tâm nhẫn. Đó gọi là nhẫn tất cả hành.

Nhẫn dứt trừ: Nghĩa là có người bần cùng đến Bồ-tát cầu xin vật cần dùng, lại có người ác cũng đến cầu xin, lại có người phá giới cũng đến cầu xin. Vì phá trừ tâm ác nên tu tập tâm nhẫn, vì phá trừ khổ cho nên bố thí việc vui. Đó gọi là nhẫn dứt trừ.

Nhẫn tự lợi lợi tha: Nghĩa là Bồ-tát nhẫn chịu mọi sự đói khát, lạnh nóng, gió mưa, thú dữ, trọn không hành phóng dật, thọ khổ sinh tử vì thương xót chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được các nhẫn như vậy, hiện tại tăng trưởng tất cả pháp thiện, xa lìa phiền não,

đời sau có được vô lượng quả thiện, tất có thể điều phục tâm ác của chúng sinh. Do điều phục tâm ác nên tất cả phiền não không thể tùy tiện khởi, hiện tại an lạc, sau được quả thiện. Đó gọi là nhẫn tự lợi lợi tha.

Nhẫn tịch tĩnh: Nghĩa là Bồ-tát nếu bị các chúng sinh ác đánh mắng, nhưng đều không sinh tâm ác với họ, không khởi tướng oán nhưng nghĩ là bạn thiện: Nếu không có các người ác như vậy, làm sao pháp thiện của ta được tăng trưởng. Thấy có người đánh mắng thì dùng lời dịu dàng khuyến dụ, do tu tập từ bi nên có thể phá diệt phiền não hiện có trong cõi dục.

Bồ-tát hành đầy đủ mười pháp nhẫn như trên, có thể tu tám chánh đạo và chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

*
**

Phẩm thứ 13: TINH TẤN CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là tánh tinh tấn của Bồ-tát? Tánh tinh tấn tức là tâm siêng năng tinh tấn, vì thâm giữ pháp thiện, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, vì khiến chúng sinh chứng đắc đạo vô thượng, vì phá trừ điên đảo, vì tánh tinh tấn nên ba nghiệp thân khẩu ý được thiện. Đó gọi là tánh tinh tấn.

Tất cả tinh tấn có hai hạng: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian.

Lại có hai hạng: Một là tại gia. Hai là xuất gia.

Lại có ba thứ: Một là trang nghiêm. Hai là thâm giữ pháp thiện. Ba là tạo lợi ích cho chúng sinh.

Trang nghiêm tức Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm, siêng năng tinh tấn trang nghiêm và nguyện: Nếu ta có thể khiến một người giải thoát, thì sẽ ở trong địa ngục chịu khổ não lớn nơi vô lượng kiếp. Thọ khổ não rồi sau đó mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Chúng đắc Bồ-đề rồi, cho đến có thể khiến một người được giải thoát, cũng sẽ chịu khổ trong địa ngục tâm không ngơi nghỉ. Đó gọi là trang nghiêm.

Bồ-tát đầy đủ trang nghiêm tinh tấn, hơn tất cả công đức có được của hàng Thanh văn Duyên giác, không thể tính đếm. Vì sao? Vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên chịu khổ não lớn. Nếu vì một chúng sinh nên phải chịu khổ não lớn hãy còn đạt được vô lượng vô biên công đức, huống chi là vì tất cả chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát trang nghiêm tinh tấn thâm giữ pháp thiện.

Chuyên cần tinh tấn, như là tu bố thí Ba-la-mật, trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, thiền định Ba-la-mật, trí tuệ Ba-la-mật, tất cả đều chuyên cần tinh tấn, gọi là bất động. Tức tất cả phiền não, tất cả nghiệp ác, tất cả tà kiến, tất cả khổ não không làm lay động. Cũng gọi là kiên cố, do dững mãnh trang nghiêm. Lại gọi là nhất thiết, vì nhận biết phương thuật thế gian và pháp xuất thế. Lại gọi là phương tiện đầy đủ, do nhân duyên chân thật tu tập đạo. Lại gọi là chân thật, do được nghĩa chân thật. Lại gọi là rộng, do trong tất cả thời không có dừng nghỉ. Lại gọi là điều phục, do chuyên cần tinh tấn không sinh kiêu mạn. Bấy việc như vậy làm tăng trưởng pháp thiện. Đó gọi là tinh tấn thâm giữ pháp thiện. Do chuyên cần tinh tấn, nên đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Pháp chuyên cần tinh tấn, đối với các chôn đều hướng đến pháp Bồ-đề, nhân duyên gần này là vô thượng, vô thắng, nên trong kinh Đức Như Lai dạy: “A-nan! Siêng năng tinh tấn thì mau chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng”. Siêng năng tinh tấn tạo lợi ích cho chúng sinh gồm có mười một thứ, như trong phần Giới đã nói.

Tinh tấn khó hành: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát không khởi tưởng về y phục, không khởi tưởng về thức ăn, không khởi tưởng về ngọa cụ, không khởi tưởng về ngã, không khởi tưởng về ngã sở, không khởi tưởng về pháp, không khởi tưởng về đạo, không khởi

tưởng về Bồ-đề, cũng vì Bồ-đề nên siêng năng tinh tấn. Đó gọi là tinh tấn khó hành. Đối với tất cả thời, tất cả quốc độ, tất cả tâm, đều siêng năng tinh tấn, không gấp không chậm nơi sự thực hành, cũng gọi là tinh tấn khó hành. Tinh tấn khó hành có hai thứ nhân: Một là bi. Hai là tuệ.

Tất cả tự tinh tấn gồm có bốn thứ: Một là xa lìa pháp ác. Hai là tăng trưởng pháp thiện. Ba là trau dồi pháp thiện. Bốn là tăng trưởng trí tuệ. Xa lìa pháp ác: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát siêng năng tinh tấn, pháp ác chưa sinh thì siêng năng tạo phương tiện khiến nó không sinh. Tăng trưởng pháp thiện: Tức là pháp thiện đã sinh thì tạo phương tiện khiến được tăng rộng. Trau dồi pháp thiện: Tức là siêng tu nhân duyên của ba nghiệp thân khẩu ý, chí tâm thọ trì pháp thiện. Tăng trưởng trí tuệ: Tức là Bồ-tát chuyên cần tu tinh tấn đa văn, tu định khiến tăng trưởng trí tuệ. Đó gọi là tất cả tự tinh tấn.

Tinh tấn thiện nhân: Nghĩa là Bồ-tát vì pháp thiện, lúc siêng năng tinh tấn dầu đốt thân đầu không cho là nóng. Khi Bồ-tát tu pháp thiện siêng năng tinh tấn hãy còn tự không biết lửa nóng nơi địa ngục, huống gì là lửa thế gian. Bồ-tát tinh tấn không nhiều không ít, bình đẳng thực hành, tăng trưởng tinh tấn khéo điều phục. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh, tâm không ngại ngại, không hồi hận, nên được lợi ích lớn, không có điên đảo, rốt ráo có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tinh tấn thiện nhân.

Tinh tấn nơi tất cả hành: Nghĩa là thường siêng năng tinh tấn, chí tâm tinh tấn, trí tuệ tinh tấn, tinh tấn không đoạn, tinh tấn trang nghiêm, tinh tấn nhẫn khổ, tinh tấn bất động, tinh tấn không thời, tinh tấn không hề chán đủ. Bồ-tát thành tựu tất cả hành tinh tấn gọi là đại lực, thường siêng năng tinh tấn, an trụ nơi xứ thiện, kiên cố trang nghiêm, không dừng không nghỉ việc đạt được pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát muốn tâm tinh tấn nên cầu Bồ-đề Vô thượng. Bồ-

tát Ma-ha-tát chí tâm muốn tinh tấn, nên tăng trưởng tâm Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát với tâm phương tiện tinh tấn, thì các phiền não không làm nhiễm ô tâm, dùng thân làm pháp khí để thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát hành tinh tấn thù thắng là đối với pháp thiện luôn dốc tinh tấn hành trì như lửa đốt thân dầu không được cứu hộ. Như vậy, Bồ-tát hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát cầu tinh tấn, tức cầu các phương thuật nơi pháp thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát học tinh tấn, tức mau đạt được pháp thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát hành tinh tấn tạo lợi ích cho mọi người, có mười một thứ như trong phần Giới đã nói.

Tinh tấn dứt trừ và tinh tấn tự lợi lợi tha, như trong phần Nhẫn đã nói.

Tinh tấn tịch tĩnh: Tức có mười thứ: Một là thích nghi. Hai là tu tập. Ba là không động. Bốn là kiên trì. Năm là tất cả thời. Sáu là chuyên nơi ba tướng. Bảy là xả. Tám là không tán loạn. Chín là điều phục. Mười là hướng đến Bồ-đề.

Nếu Bồ-tát khởi các thứ phiền não, vì trừ bệnh nên tùy theo đây để đối trị. Như tham dục khởi thì quán tướng bất tịnh. Sân hận khởi thì tu tâm từ bi. Ngu si khởi thì quán mười hai nhân duyên. Tư giác khởi thì quán pháp số tức. Vì phá bỏ kiêu mạn nên quán cõi chúng sinh. Đó gọi là tinh tấn thích nghi.

Bồ-tát tinh tấn không có bắt đầu và kết thúc, trong vô lượng đời thường được thành tựu. Đó gọi là tinh tấn tu tập.

Bồ-tát tinh tấn thường siêng năng tu tập cũng như lúc ban đầu đạt được. Đó gọi là tinh tấn bất động. Do trong tất cả thời luôn siêng năng tinh tấn, nên gọi là bất động.

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thường gần gũi các bậc sư trưởng, trưởng lão có đức để tu học đa văn, hoặc tu Tam-muội, suy nghĩ

nghĩa lý, siêng năng tinh tấn tùy thuận lắng nghe. Đó gọi là tinh tấn kiên trì.

Bồ-tát Ma-ha-tát tâm không điên đảo, lúc nên tu chỉ thì tu chỉ, lúc nên tu quán thì tu quán, lúc nên tu xả thì tu xả. Đó gọi là tinh tấn nơi tất cả thời.

Bồ-tát khéo nhận biết định tuệ xả thì luôn tu tập ba tướng, đó là tướng nhập, tướng trụ, tướng khởi, không mất chánh niệm, chí tâm tinh tấn. Đó gọi là tinh tấn duyên nơi ba tướng.

Bồ-tát nêu nghe chư Phật, Bồ-tát do siêng năng tinh tấn nên không thể nghĩ bàn, nghe rồi trong tâm không tự khinh, không sâu não, không chán đủ. Đó gọi là tinh tấn xả.

Bồ-tát Ma-ha-tát luôn điều phục các căn, các nhập, ăn uống biết đủ, đầu đêm cuối đêm đều bớt ngủ nghỉ, chí tâm không tán loạn, không có phóng dật, suy cầu trang nghiêm, phát khởi tinh tấn, tu nghĩa chân thật, tâm không điên đảo, tùy thuận tu đạo. Đó gọi là tinh tấn không tán loạn.

Bồ-tát tinh tấn không gấp không chậm, ở trong chỗ làm việc theo đầy thực hành. Đó gọi là tinh tấn điều phục.

Tất cả tinh tấn của Bồ-tát đều đem hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tánh tinh tấn cho đến tinh tấn tịch tĩnh, đều vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tất cả tinh tấn đều đem hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đời quá khứ, chư Bồ-tát hành trì tinh tấn, đều vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đời vị lai, chư Bồ-tát hành trì tinh tấn, cũng vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đời hiện tại, chư Bồ-tát chí tâm không phóng dật, hành trì tinh tấn, cũng vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tinh tấn hướng đến Bồ-đề.

Phẩm thứ 14: THIỀN ĐỊNH CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh thiền của Bồ-tát Ma-ha-tát? Bồ-tát hoặc nghe Tạng pháp của Bồ-tát, hoặc suy nghĩ về nghĩa nơi thiền thế gian và xuất thế gian, buộc giữ tâm một xứ, trí định phần tu tập nơi đạo. Đó gọi là tánh thiền.

Tất cả thiền có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian.

Hai thứ này lại có ba hạng: Một là nhập thiền hiện tại thọ an vui. Hai là nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề. Ba là nhập thiền tạo lợi ích cho chúng sinh.

Nhập thiền hiện tại thọ an vui: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát phá trừ các lưới nghi, thân tâm vắng lặng, thọ sự vui xa lìa, phá trừ kiêu mạn, không tham đắm vị, lìa tất cả tướng. Đó gọi là nhập thiền hiện tại thọ an vui.

Nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát hành thiền định có vô số các thứ duyên, không thể suy nghĩ, không thể tính kể, không có hạn lượng, thâm tóm tánh của mười lực, đặc vô số các pháp Tam-muội. Tam-muội như vậy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác còn không biết tên, hướng chi là có thể tu tập. Lại có cộng pháp, đó là tám thẳng xứ, mười nhất thiết xứ, bốn trí vô ngại, trí nguyện, trí vô tranh, trí đánh. Do tăng trưởng cộng pháp như vậy, nên gọi là nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề.

Nhập thiền tạo lợi ích cho chúng sinh gồm có mười một thứ, như trong phần Giới đã nói. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập đầy đủ mười một thứ thiền như vậy, có thể giáo hóa chúng sinh phá bỏ phiền não khổ, tu tập pháp thiện, tu các thứ trí tuệ, biết ân báo ân, có thể cứu độ các khổ não của chúng sinh, có thể bố thí các vật chúng sinh cần, khéo nhận biết phương tiện, giỏi nuôi đệ tử, có thể khiến đệ tử tùy ý thọ hành.

Các thiền như vậy gọi là Tất cả thiền.

Thiền khó hành gồm có ba thứ: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc nhập thiền định, chỗ thọ diệu lạc hơn tất cả mọi diệu lạc nơi thế gian và xuất thế gian, vì chúng sinh nên xả thiền định diệu lạc thọ thân nơi cõi dục. Hai là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập thiền định vô lượng vô biên A-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, tu tập Tam-muội, tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể nhận biết cảnh giới hội nhập của Bồ-tát. Ba là Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên thiền nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là thiền khó hành.

Tất cả tự thiền có bốn thứ: Một là cùng với giác quán. Hai là cùng với hỷ. Ba là cùng với lạc. Bốn là cùng với xả. Đó gọi là tất cả tự thiền.

Thiền thiện nhân có năm thứ: Một là không ái. Hai là cùng với từ. Ba là cùng với bi. Bốn là cùng với hỷ. Năm là cùng với xả. Đó gọi là thiền thiện nhân.

Thiền nơi tất cả hành có mười ba thứ: Một là thiện vô ký. Hai là thần túc. Ba là hướng đến Chỉ. Bốn là hướng đến Quán. Năm là tự lợi. Sáu là lợi tha. Bảy là được năm thân thông nơi công đức thiền. Tám là nhân duyên của ngôn từ. Chín là nhân duyên nghĩa. Mười là nhân duyên của tướng Chỉ. Mười một là nhân duyên của tướng Quán. Mười hai là nhân duyên của tướng Xả. Mười ba là nhân duyên của hành hiện tại thọ vui. Đó gọi là thiền tất cả hành.

Thiền dứt trừ có tám thứ: Một là Bồ-tát lúc nhập Tam-muội, có thể trừ diệt các thứ khổ độc của chúng sinh như gió bão, mưa đá, bệnh nhiệt, bệnh quỷ, đó gọi là thiền. Hai là nếu nhập Tam-muội có thể đối trị các khổ do bốn đại trong thân của chúng sinh không hòa hợp, đó gọi là thiền. Ba là nếu nhập Tam-muội có thể bỏ thí mưa cam lồ trong đời bị nạn mất mùa đói kém, đó gọi là thiền. Bốn là nếu nhập Tam-muội có thể khiến chúng sinh xa lìa sự sợ hãi như sợ người, sợ

quỷ, sợ nước, sợ đất, đó gọi là thiên. Năm là nếu nhập Tam-muội có thể bỏ thí thức ăn hoặc các vật cần dùng cho những chúng sinh đói khát nơi đồng trống vắng, đó gọi là thiên. Sáu là nếu nhập Tam-muội có thể bỏ thí các vật cần dùng cho những người bần cùng khốn khổ, đó gọi là thiên. Bảy là nếu nhập Tam-muội có thể phá trừ mười thứ phóng dật của chúng sinh, đó gọi là thiên. Tám là nếu nhập Tam-muội có thể phá trừ các lưới nghi của chúng sinh, đó gọi là thiên. Tám thứ trên đây gọi là thiên dứt trừ.

Thiên tự lợi lợi tha có chín thứ: Một là do nhập thiên được thần túc thông nên điều phục chúng sinh. Hai là do nhập thiên được tha tâm thông nên điều phục chúng sinh. Ba là do nhập thiên thuyết giảng chân thật nên điều phục chúng sinh. Bốn là nhập thiên vì chúng sinh ác nên chỉ bày địa ngục khổ. Năm là nhập thiên khiến người câm được nói. Sáu là nhập thiên khiến người mất niệm có niệm. Bảy là nhập thiên tùy thuận giải nói về mười hai bộ kinh và Tạng pháp của Bồ-tát, khiến cho giáo pháp ở đời lâu dài. Tám là nhập thiên có thể chỉ dạy chúng sinh các sự việc ở đời, như sách vở, toán số, đọc tụng, in ấn các ngành nghề v.v... Chín là nhập thiên vì phóng ra ánh sáng lớn, phá trừ khổ não của chúng sinh trong ba đường ác. Đó gọi là thiên tự lợi lợi tha.

Thiên tịch tĩnh có mười thứ: Một là pháp thế gian tịch tĩnh. Hai là pháp xuất thế gian tịch tĩnh. Ba là phương tiện tịch tĩnh. Bốn là căn bản tịch tĩnh. Năm là tịch tĩnh hơn hết. Sáu là nhập tịch tĩnh. Bảy là trụ tịch tịch. Tám là khởi tịch tĩnh. Chín là tịch tĩnh tự tại. Mười là tịch tĩnh làm sạch hai chướng phiền não và trí tuệ. Mười thứ tịch tĩnh như vậy, gọi là thiên tịch tĩnh, Bồ-tát tu tập mười thứ thiên như vậy, thành tựu vô lượng vô biên công đức, vì nhằm đạt quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát trong đời quá khứ hiện tại vị lai đều tu thiên này nên chúng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng.

Phẩm thứ 15: TRÍ TUỆ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh tuệ của Bồ-tát? Do nhất thiết trí nên phân biệt pháp giới. Đó gọi là tánh tuệ.

Lại nữa, khéo học năm thứ phương thuật, như nội phương thuật, nhân luận, thanh luận, y phương luận, tất cả việc đời. Đó gọi là tánh tuệ.

Tất cả tuệ có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Hai thứ này lại có ba loại: Một là biết như thật đúng như thật, tức biết năm thứ thuật, biết ba tụ của chúng sinh, biết phương tiện tạo lợi ích cho chúng sinh, biết pháp giới không thể nêu bày, biết bốn chân đế vô ngã vô ngã sở, ở nơi các pháp giới không có giác quán, quán các pháp giới tâm luôn bình đẳng, không xả, không đắm, không thường, không đoạn, thuyết ở trung đạo, đó gọi là trí tuệ. Hai là biết việc thế gian và pháp xuất thế gian, vì cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đó gọi là trí tuệ. Ba là quán sâu về pháp giới, phân biệt diễn nói, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, đó gọi là trí tuệ. Như thế gọi là tất cả tuệ.

Tuệ khó hành có mười một thứ, như trong phần Giới đã nói. Vì điều phục chúng sinh nên khéo nhận biết tâm, đó gọi là tuệ khó hành. Nhận biết tất cả pháp giới không có chướng ngại, đó gọi là tuệ khó hành. Vì các chúng sinh nên thuyết giảng về pháp giới, đó gọi là tuệ khó hành. Khéo biết không có ngã và ngã sở, đó gọi là tuệ khó hành.

Tất cả tự tuệ: Nghĩa là nếu có thể thọ trì đọc tụng giải nói tạng pháp của Thanh văn, của Bồ-tát, thì được tu trí. Nhân nơi tu trí nên được lực trí tuệ. Nhân nơi lực trí tuệ nên nhận biết điều có thể tu - không thể tu, có thể làm - không thể làm, chí tâm quán sát vô lượng sự việc. Đó gọi là tất cả tự tuệ.

Tuệ thiện nhân có năm thứ: Một là nhân nghe chánh pháp nên chứng đắc. Hai là nhân suy nghĩ về chánh pháp nên chứng đắc. Ba

là nhân hành tự lợi lợi tha nên chứng đắc. Bốn là nhân thấy chỗ pháp không điên đảo nên chứng đắc. Năm là nhân phá trừ phiền não nên chứng đắc. Lại có năm thứ: Một là có thể nhận biết nghĩa thâm diệu vi tế. Hai là tu tập thiền định nhận biết pháp giới. Ba là cùng với tuệ trang nghiêm nên đạt được trí tuệ. Bốn là từ Phật, Bồ-tát đi đến. Năm là có đầy đủ tâm vắng lặng cho đến tâm rốt ráo. Đó gọi là tuệ thiện nhân.

Tuệ tất cả hành có mười ba thứ: Một là trí khở. Hai là trí tập. Ba là trí diệt. Bốn là trí đạo. Năm là trí tận. Sáu là trí không sinh. Bảy là trí pháp. Tám là trí so sánh. Chín là trí thế gian. Mười là trí thông. Mười một là trí nhân. Mười hai là trí lực. Mười ba là trí của tâm ban đầu. Đó gọi là tuệ tất cả hành.

Tuệ dứt trừ: Nghĩa là trí vô ngại, trí thế gian, trí xuất thế gian, phá trừ tất cả tối tăm. Đó gọi là tuệ dứt trừ.

Tuệ tự lợi lợi tha, như đã nói ở phần đầu trong năm thứ phương thuật. Do nhân duyên của năm phương thuật này nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tuệ tự lợi lợi tha.

Tuệ tịch tĩnh: Nghĩa là vì chân thật nên tu tập. Vì chúng sinh nên tu tập. Vì chứng đắc nghĩa nên tu tập. Vì nhận biết nhân quả nên tu tập. Vì phá trừ điên đảo nên tu tập. Vì khéo nhận biết phương tiện nên tu tập. Vì nhận biết việc làm và không làm nên tu tập. Vì chứng đắc rốt ráo nên tu tập. Đó gọi là tuệ tịch tĩnh.

Bồ-tát đạt đầy đủ mười tuệ như vậy, nên gọi là trí tuệ, cũng gọi là rốt ráo, cũng gọi là chân thật, cũng gọi là vô lượng tuệ. Do nhân duyên của vô lượng tuệ ấy, nên Bồ-tát đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Do đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Như trong kinh Đức Phật có nói Bát-nhã đầy đủ và Bát-nhã không đầy đủ, phải biết mười thứ tuệ từ tánh cho đến tịch tĩnh, hoặc nói một Ba-la-mật, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu Ba-la-mật. Nếu nói một thì thâm tóm cả sáu, cho đến nói sáu cũng thâm tóm cả sáu. Nếu có

chúng sinh nghe mỗi mỗi danh tự trong mười thứ trên, tin thọ phụng trì đọc tụng biên chép phân biệt nói rộng để giáo hóa chúng sinh, cuối cùng sẽ thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

**

Phẩm thứ 16: LỜI NHU HÒA CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh lời nhu hòa của Bồ-tát? Bồ-tát Ma-ha-tát nói lời hoan hỷ, nói lời ưa nghe, nói lời đúng pháp, lời đúng nghĩa, lời lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là tánh của lời nhu hòa.

Tất cả lời nhu hòa: Là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu gặp người ban đầu chưa quen biết, thấy rồi dùng lời nhu hòa cùng nói chuyện. Nếu thấy người đoan nghiêm có đức hơn mình, không mang tâm ganh ghét, phá bỏ kiêu mạn, cung kính thăm hỏi: Thân được an ổn chăng, đi đường mệt mỏi chăng, có khổ não không? Có người tốt đến thăm, nên sắp đặt giường tòa, cung cấp thức ăn uống. Tùy ý chúng sinh, Bồ-tát trọn không vì chúng sinh mà nói lời thô ác, như giết chết, phá hoại, cướp đoạt. Chỉ nói lời thiện, như con của người lớn rồi, nay đã thành hôn, tài sản có đủ, lúa gạo dồi dào, trí tuệ thành tựu, tin bố thí, trì giới, tinh tấn, học rộng nghe nhiều. Bồ-tát đầy đủ pháp ngữ như vậy là vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên gọi là tất cả lời nhu hòa.

Phân tích lời nhu hòa có hai thứ: Một là tùy thế gian. Hai là tùy xuất thế gian. Thế gian có hai: Một là hạ thế. Hai là thượng thế. Xuất thế gian có hai: Một là chánh pháp tự lợi xuất thế. Hai là chánh pháp lợi tha xuất thế. Bồ-tát Ma-ha-tát vì pháp hạ thế, thượng thế nên nói lời nhu hòa, vì tự lợi lợi tha xuất thế gian nên nói lời nhu hòa. Đó gọi là phân tích lời nhu hòa.

Lời nhu hòa khó hành: Tức là nếu có chúng sinh đến hại Bồ-tát, Bồ-tát quán tưởng chúng sinh như con một, chí tâm nói lời nhu hòa.

Hại Bồ-tát tức là đánh đập, mắng nhiếc, cướp đoạt. Đó gọi là lời nhu hòa khó hành. Lại nữa, lời nhu hòa khó hành, là Bồ-tát Ma-ha-tát thường vì người si nên thuyết pháp bằng lời nhu hòa, thân khẩu ý nghiệp phần nhiều chịu các khổ, tuy chịu khổ lớn nhưng lại tiếp tục dạy dỗ: Người nên siêng học sau sẽ được như ta. Đó gọi là lời nhu hòa khó hành. Lại nữa, Bồ-tát thấy có người sân, người ganh ghét, người bủn xỉn, không nghe lời sư dạy, lừa dối sư trưởng, cha mẹ cùng bậc có đức, ác hại, theo tà kiến hoặc đám Chiên-đà-la, Bồ-tát cùng họ nói lời nhu hòa nhưng không sinh tâm ác. Đó gọi là lời nhu hòa khó hành.

Tất cả tự nói lời nhu hòa có bốn thứ: Một là vì phá trừ nhân duyên của phiền não nên nói lời nhu hòa. Hai là vì nhân duyên sinh nơi nẻo nhân thiên nên nói lời nhu hòa. Ba là vì nhân duyên tăng trưởng pháp thiện nên nói lời nhu hòa. Bốn là vì nhân duyên nói về Bồ-đề trang nghiêm nên nói lời nhu hòa. Lại có bốn thứ: Một là nói bốn chân đế khiến những người kia được hiểu. Hai là phá trừ điên đảo. Ba là phá bỏ phóng dật. Bốn là phá trừ tâm nghi. Đó gọi là tất cả tự nói lời nhu hòa.

Nói lời nhu hòa thiện nhân: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc giáo hóa chúng sinh, vì có nhân duyên nên thuyết pháp. Đó là vì nhân duyên giải nêu nên thuyết pháp. Vì nhân duyên trang nghiêm Bồ-đề nên thuyết pháp. Vì nhân duyên hiện thần túc nên thuyết pháp. Vì nhân duyên trì giới nên thuyết pháp. Vì thế các pháp từ duyên nên sinh, từ duyên nên diệt. Đó gọi là nói lời nhu hòa thiện nhân.

Nói lời nhu hòa tất cả hành: Tức là nếu khi thuyết pháp có điều đáng nghe, có điều đáng ngăn lại, Bồ-tát dùng lời nhu hòa, tùy thuận pháp tánh để thuyết giảng câu chữ không đảo lộn. Có người sợ hãi tức dùng lời nhu hòa khiến trừ sợ hãi. Có người cầu xin cũng dùng lời nhu hòa đồng ý và ban cho họ. Đó gọi là nói lời nhu hòa tất cả hành.

Nói lời nhu hòa trừ dứt: Tức là xa lìa lời nói ác, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa. Thấy tức nói thấy, nghe thì nói nghe, biết thì nói biết, hiểu thì nói hiểu, không thấy không nghe không biết không hiểu cũng lại như vậy. Nói lời nhu hòa trừ dứt.

Nói lời nhu hòa tự lợi lợi tha: Tức là nếu thấy người chịu khổ, vì họ nói lời nhu hòa. Hoặc dùng lời nhu hòa giáo hóa chúng sinh. Hoặc dùng lời nhu hòa dẫn dắt chúng sinh. Hoặc dùng lời nhu hòa dạy khiến đạt chánh kiến. Hoặc dùng lời nhu hòa thuyết giảng chánh pháp. Hoặc dùng lời nhu hòa dạy thực hành bổ thí. Hoặc dùng lời nhu hòa dạy về chánh mạng. Đó gọi là nói lời nhu hòa tự lợi lợi tha.

Nói lời nhu hòa tịch tĩnh có hai mươi thứ, như nơi phần đầu Phẩm Tánh Lực đã nói.

Tánh lợi tha: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì dẫn dắt mọi người, nên phân biệt nghĩa giới, thuyết giảng nghĩa trụ như pháp, vì thương xót chúng sinh nên tu tập tâm từ bi, chí tâm giáo hóa điều phục chúng sinh. Đó gọi là tánh lợi tha.

Tất cả lợi tha: Tức là chúng sinh chưa thành thực khiến được giải thoát, được an vui trong hiện tại và đời sau, dạy họ xuất gia đó tức là đời sau vui. Thuyết giảng pháp khiến phá kiết sử nơi cõi dục tức là hiện tại vui đời sau vui. Vì phá trừ các phiền não nơi cõi dục, nên thân tâm vắng lặng, do thân tâm vắng lặng nên thọ nhận an vui. Đó gọi là tất cả lợi tha.

Lợi tha khó hành có ba thứ: Một là nếu có chúng sinh chưa gieo trồng căn thiện, chưa có nhân thiện nên khó giáo hóa. Đó gọi là lợi tha khó hành. Hai là có chúng sinh tiền của nhiều, uy lực tự tại, nhưng tâm tham lam bủn xỉn nên khó giáo hóa. Vì sao? Vì do phóng dật. Đó gọi là lợi tha khó hành. Ba là có hạng ngoại đạo tà kiến khó có thể giáo hóa. Vì sao? Do họ cuồng si. Có thể giáo hóa các loại như vậy đạt được lợi ích. Đó gọi là lợi tha khó hành.

Lợi tha tất cả tự lợi có bốn thứ: Một là người chưa tin chỉ dạy họ khiến sinh tín. Hai là người chưa có giới chỉ dạy họ khiến trì giới. Ba là người tham lam keo kiệt dạy họ hành bố thí. Bốn là người ngu si thì dẫn dạy họ khiến được trí tuệ. Đó gọi là lợi tha tất cả tự lợi.

Lợi tha thiện nhân: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh, khiến nhận biết chân thật, nhận biết thời, nhận biết nghĩa, nhận biết lời nhu hòa, giáo hóa tu từ bi. Đó gọi là lợi tha thiện nhân.

Lợi tha tất cả hành: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy các chúng sinh đáng được khen ngợi, thì dùng lời nói hay để khen ngợi. Người đáng quở trách thì dùng lời thiện để quở trách. Nếu có chúng sinh đối với chánh pháp của Phật phát tâm tin tưởng, thì có thể điều phục họ. Người chưa nhập pháp Phật thì dẫn dạy họ khiến nhập. Người đã nhập rồi tức vì họ thuyết giảng chánh pháp, khiến căn thiện luôn được tăng trưởng, điều phục an trí ở trong ba thừa. Người căn tánh đã thành thực tức thuyết giảng về giải thoát. Người ưa Thanh văn thì dạy khiến phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Người chưa có trang nghiêm thiện tức dạy khiến đạt trang nghiêm. Người tánh không định tức dẫn dạy khiến tâm tánh định. Đó gọi là lợi tha tất cả hành.

Lợi tha dứt trừ: Tức là nếu có chúng sinh không biết xấu hổ thì dạy họ khiến xấu hổ. Người thô lỗ thì dạy họ khiến tu tâm. Vì người hay ganh ghét trừ bỏ tâm ganh ghét. Vì người keo kiệt trừ bỏ tâm keo kiệt. Vì người có tâm nghi phá bỏ lưới nghi. Đó gọi là lợi tha dứt trừ.

Lợi tha tự lợi: Là Bồ-tát Ma-ha-tát thường dùng mười điều thiện để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là lợi tha tự lợi.

Lợi tha tịch tĩnh có mười thứ: Nội tịch tĩnh có năm thứ. Ngoại tịch tĩnh cũng có năm thứ. Năm thứ nội tịch tĩnh: Một là tịnh. Hai là không chuyển. Ba là thứ lớp. Bốn là hiện hữu khắp. Năm là tùy thuận pháp thiện.

Tịnh: Tức là Bồ-tát không dùng pháp ác, pháp bất tịnh, pháp bất thiện để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là tịnh.

Không chuyển: Tức là Bồ-tát ở trong giải thoát không nói là phi giải thoát, trong pháp thanh tịnh không nói là bất tịnh, trong pháp không điên đảo không nói là điên đảo. Đó gọi là không chuyển. Lại đối với phi giải thoát không nói là giải thoát, trong pháp bất tịnh không nói là thanh tịnh, trong pháp điên đảo không nói là không điên đảo. Đó gọi là không chuyển.

Thứ lớp: Tức là Bồ-tát thấy có người si liên thuyết giảng nghĩa cạn và dễ để điều phục họ. Người căn cơ trung bình thì thuyết giảng pháp bậc trung. Người căn tánh lạnh lợi thì thuyết giảng pháp bậc thượng. Trước nói bố thí, sau nói trì giới, sau nữa nói trí tuệ. Đó gọi là thứ lớp.

Hiện hữu khắp: Tức là Bồ-tát lúc thuyết pháp không quán sát dòng tộc của chúng sinh là sang hay hèn, chỉ tùy sức tùy trí vì họ thuyết giảng pháp khiến được an lạc. Đó gọi là hiện hữu khắp.

Tùy thuận pháp thiện: Tức là quán sát chúng sinh nên đạt được pháp thượng, hoặc trung, hoặc hạ, tùy đó thuyết pháp. Đó gọi là tùy thuận pháp thiện.

Ngoại tịch tịnh cũng có năm thứ: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập vô lượng tâm từ bi là vì chúng sinh. Hai là vì chúng sinh nên chịu vô lượng khổ. Ba là vì tạo lợi ích cho các chúng sinh nên có được sự vui thấy lớn. Bốn là được tự tại lớn cũng luôn gắn bó với chúng sinh, như kẻ giúp việc. Năm là Bồ-tát có đầy đủ oai đức lớn, vẫn luôn khiêm nhường như kẻ Chiên-đà-la.

Trên đây là lợi tha tịch tịnh nội ngoại.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát đồng lợi? Tức Bồ-tát Ma-ha-tát đã tự thành tựu đầy đủ pháp thiện, lại dùng pháp này chuyển để

khuyên chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát hành đồng lợi. Bồ-tát Ma-ha-tát vì đồng hành nên giáo hóa chúng sinh, chúng sinh thọ pháp thiện rồi tâm luôn kiên cố không thể lay động. Vì sao? Vì chúng sinh nhận biết chắc Bồ-tát thành tựu pháp thiện này thì chuyển để khuyên mình, vì muốn khiến mình có sự an lạc. Nếu tu pháp thiện mà được việc ác, Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không tự tu để khuyên dạy ta. Lúc Bồ-tát khuyên hóa vô lượng chúng sinh đồng lợi như mình, không người nào có thể nói Bồ-tát tự không thành tựu mà khuyên hóa cho người, cũng không một người nào nói ông tự không thiện làm sao khuyên người khác thực hành pháp thiện.

Lại nữa, Bồ-tát có lúc tự thành tựu nhưng không thể khuyên hóa người khác. Có lúc tự không thành tựu nhưng có thể khuyên hóa người khác. Có lúc tự thành tựu cũng có thể khuyên hóa người khác. Có lúc tự không thành tựu cũng không khuyên hóa người khác.

Tự thành tựu nhưng không thể khuyên hóa người khác: Tức là đồng thầy, đồng học, đồng pháp, đồng đức, nhưng không hiển bày công đức của mình. Đó gọi là tự thành tựu nhưng không thể khuyên hóa người khác.

Tự không thành tựu nhưng có thể khuyên hóa người khác: Tức là Bồ-tát thấy chúng sinh ác tạo pháp ác, như đám Chiên-đà-la cho đến súc sinh, vì nhằm điều phục nên thọ thân như họ, đồng làm việc, vì muốn phá bỏ nghiệp ác. Đó gọi là tự không thành tựu nhưng có thể khuyên hóa người khác.

Tự thành tựu cũng có thể khuyên hóa người khác: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tự thành tựu pháp thiện, cũng khuyên hóa người khác khiến thành tựu pháp thiện, phá trừ tâm kiêu mạn, tâm nóng nảy, vội vã. Đó gọi là tự thành tựu cũng khuyên hóa người khác.

Tự không thành tựu cũng không khuyên hóa người khác: Tức là Bồ-tát nếu tự mình hành phóng dật, nên không thể giáo hóa và điều

phục chúng sinh. Đó gọi là tự không thành tựu cũng không khuyến hóa người khác.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật tự trang nghiêm thân, dùng bốn nhiếp pháp để trang nghiêm cho chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật tự điều phục tâm mình, dùng bốn nhiếp pháp để điều phục tâm của chúng sinh. Do thân khẩu ý thanh tịnh nên pháp số Bồ-đề thanh tịnh. Do tự thân thanh tịnh nên tâm chúng sinh tịnh. Do thành tựu thân tâm thiện, nên gọi là vô thượng, vô thắng, không chung. Do vô thượng, vô thắng, ko chung này nên giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là đồng lợi.

Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các chúng sinh, hoặc đối với thời, vật đều không phân biệt. Đối với chúng sinh không có phân biệt: Tức là Bồ-tát vì chúng sinh nên thực hành bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, vì cầu các pháp thiện. Đối với thời không phân biệt: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong tất cả thời đều vì chúng sinh nên siêng năng tinh tấn cầu pháp thiện. Đối với vật không phân biệt: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh nên thọ chứa tạp vật, nhưng đối với các vật ấy tâm không tham đắm. Do ba nhân duyên không phân biệt ấy nên chúng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát ưa tu tập tất cả hành thiện, tâm không hồi hận. Do nhân duyên tu tập nên có thể phá trừ các pháp tà, ác kiến của chúng sinh. Từ chỗ tu học căn thiện tăng trưởng, chí tâm quán sát công đức của hành thiện, tất cả tà kiến không thể làm trở ngại, trọn không cầu thân Chuyển luân vương, thân Đế thích, thân Phạm thiên, không cầu báo ân, lợi dưỡng, danh tiếng, sống lâu. Bồ-tát tu tập các pháp như vậy, thì được đầy đủ pháp bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Đó gọi là đồng lợi.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu tập đồng lợi, tâm không lay động, luôn thanh tịnh, vắng lặng, sáng suốt không bị ngăn che, Bồ-tát Ma-ha-tát

trụ nơi địa tâm tịnh, thành tựu đầy đủ pháp thiện vô thượng, pháp thiện quang minh.

Pháp thiện quang minh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành pháp thiện, tất cả không ai có thể phá hủy. Bồ-tát Ma-ha-tát tâm không lay động, tức là tu tập pháp thiện không có chuyển động, đêm ngày tăng trưởng như ánh trăng mới hiện.

Pháp thiện tịch tĩnh: Tức là Bồ-tát chứng đắc Tam-muội tịch tĩnh đồng như Phật, gần gũi Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên của tất cả thí, giới, bốn nhiếp pháp, nên được quả là thân kim cương, là pháp thân. Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên thí giới khó hành, nên được quả là công đức vi diệu không thể nghĩ bàn của Như Lai. Do nhân duyên tất cả tự thí, tất cả tự giới, nên được quả là hàng trời người cung kính cúng dường. Do nhân duyên của thiện nhân thí giới, nên ở trong chúng sinh là hơn hết. Do nhân duyên của tất cả hành thí giới, nên được thân Như Lai gồm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nhân duyên của thí giới dứt trừ, nên được ngồi nơi đạo tràng, bên cội Bồ-đề, Ma vương và quyến thuộc không thể làm cho nghiêng động. Do nhân duyên của thí giới tự lợi lợi tha, nên được giải thoát thường lạc như Như Lai. Do nhân duyên của thí giới tịch tĩnh, nên được bốn quả tịch tĩnh, đó là thân tịch tĩnh, duyên tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, trí tịch tĩnh, mười lực, bốn thứ vô úy, đại bi, ba niệm xứ, năm trí Tam-muội, vì chúng sinh nên có mười tám pháp bất cộng, vì trí tuệ lanh lợi nên có vô lượng pháp bất cộng.

HẾT - QUYỂN 5

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 6

Phẩm thứ 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Như Lai? Cúng dường Như Lai gồm có mười việc: Một là cúng dường sắc thân. Hai là cúng dường tháp. Ba là cúng dường hiện thấy. Bốn là cúng dường không hiện thấy. Năm là tự cúng dường. Sáu là tha cúng dường. Bảy là cúng dường lợi ích. Tám là cúng dường tối thắng. Chín là cúng dường thanh tịnh. Mười là cúng dường thọ trì.

Cúng dường sắc thân: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát khi gặp sắc thân của Phật liền cúng dường. Đó gọi là cúng dường sắc thân.

Cúng dường tháp: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát vì Như Lai nên tạo lập tháp miếu, hình tượng, khám thất, sửa sang tháp đã cũ, hư hoại, nếu thấy tháp mới tức dùng hoa hương cúng dường. Đó gọi là cúng dường tháp.

Cúng dường hiện thấy: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc gặp hình tượng Như Lai, thấy vật này cũng như thấy mười phương chư Phật. Đó gọi là cúng dường hiện thấy.

Cúng dường không hiện thấy: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu cúng dường chư Phật hiện tại và tháp miếu Phật, thì được tâm tin hiểu. Nay ta hiện làm việc cúng dường này, tức cũng được cúng

dường Phật trong đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đồng một pháp tánh, do đó tức được cúng dường chư Phật đời quá khứ và vị lai. Như ta cúng dường tháp Phật hiện tại, tức cũng được cúng dường tháp Phật đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Vì các tháp như vậy là đồng một pháp tánh. Nếu cúng dường một vị Phật tức đã cúng dường mười phương chư Phật. Nếu cúng dường một tháp tức đã cúng dường tháp Phật trong mười phương. Tạo lập khám thất, sửa sang tháp cũ, cúng dường tháp cũng lại như vậy. Đó gọi là cúng dường không hiện thấy.

Lại nữa, cúng dường không hiện thấy nghĩa là nếu không gặp Phật, không thấy tháp Phật, nhưng trong tâm tưởng niệm: Đây là Như Lai, đây là tháp Phật, tất cả Phật, tất cả tháp, tất cả hang, tất cả tượng cũng lại như vậy. Đó gọi là cúng dường không hiện thấy.

Lại nữa, cúng dường không hiện thấy nghĩa là nếu sau khi Phật, Bồ-tát Niết-bàn, vì Như Lai nên tạo lập tháp miếu, tạo lập khám thất, hoặc một hoặc hai, cho đến vô lượng, tùy lực mà làm. Đó gọi là cúng dường không hiện thấy.

Quả báo vô lượng phước đức như vậy là thâm giữ vô lượng quả phạm phước đức. Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên này nên trong vô lượng kiếp không rơi vào nẻo ác, cũng có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không hiện thấy Tam bảo nhưng bày biện cúng dường, là hơn tất cả sự cúng dường hiện thấy, không thể xét lường, không thể so sánh, quả báo có được nhiều vô lượng không thể nói hết. Người ngu si, sau khi thấy Phật, Pháp mà bày biện cúng dường. Người trí tuệ tuy không hiện thấy nhưng cũng cúng dường. Đó gọi là cúng dường không hiện thấy.

Tự cúng dường: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu cúng dường Phật và tháp Phật, tự tay làm lấy không sai người khác làm. Đó gọi là tự cúng dường.

Tha cúng dường: Nghĩa là khi muốn cúng dường Phật và tháp Phật, tụ tập nhiều người cùng làm, chẳng phải riêng mình tự làm. Nhiều người: Như là cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, hoặc quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, trưởng giả, hàng xóm, tri thức, người trong, người ngoài, nam nữ, giàu nghèo, thọ khổ, thọ vui. Hoặc Hòa thượng, hoặc đồng sư, đồng Hòa thượng, đồng ở, đồng học, đồng quốc độ, đồng tên, đồng họ, cho đến người tà kiến và hạng Chiên-đà-la. Đó gọi là tha cúng dường.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu là người giàu có, tự tại, vì tâm từ bi nên bố thí cho chúng sinh, lúc bố thí tự nguyện: Chúng sinh nghèo khổ là do thiếu phước đức, nay thọ thí rồi ta sẽ khuyến bảo khiến họ cúng dường Tam bảo. Do nhân duyên cúng dường Tam bảo này nên phá trừ sự bần cùng, được nhiều phước đức. Phát nguyện xong rồi bố thí cho chúng sinh, bố thí rồi thì chỉ dạy khiến họ cúng dường Tam bảo. Đó gọi là tha cúng dường.

Cúng dường lợi ích: Nghĩa là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật, phụng cúng y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, phòng xá, cung kính lễ bái, lại dùng đủ các thứ hoa, hương xoa, hương bột, cò phướn, lọng báu, đèn đuốc để cúng dường, lại khen ngợi công đức vô lượng của Như Lai, năm vóc gieo xuống đất, đi nhiều ba vòng cho đến vô lượng vòng, lại phụng cúng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, anh lạc, chuông, linh, cho đến một tiền, một sợi chỉ, một hạt gạo. Đó gọi là Bồ-tát cúng dường lợi ích.

Cúng dường tối thắng: Nghĩa là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật bày biện cúng dường, cúng dường lợi ích, cúng dường thường hằng, dùng vật tốt cúng dường, cúng dường hiện thấy, cúng dường không hiện thấy, tự cúng dường, tha cúng dường, chí tâm cúng dường, hỷ tâm cúng dường, chí tâm nhẫn vui cúng dường Tam bảo. Đem các thứ cúng dường như vậy hồi hướng về đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là cúng dường tối thắng.

Cúng dường thanh tịnh: Nghĩa là Bò-tát đối với Phật và tháp Phật, tự tay cúng dường, không có tâm kiêu mạn, xem thường, khiến người khác làm việc không có phóng dật, siêng năng tinh tấn chí tâm thanh tịnh. Chẳng phải vì quốc vương nên sinh kính tín. Chẳng phải do sẽ được sự cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ. Chẳng phải tự khoe công đức của mình mà cúng dường. Khi làm hình tượng không dùng các thứ như hồ giao, dầu tô v.v... bôi phết lên, không đốt hương keo, hương xông để cúng dường, các thứ hoa Phả-ca cũng không cúng dường, tất cả hoa có mùi hôi tuy có sắc đẹp cũng không cúng dường. Không cúng dường các thứ như vậy, nên gọi là cúng dường thanh tịnh.

Cúng dường thọ trì: Nghĩa là Bò-tát đối với Phật và tháp của Phật, tự mình xuất tiền tài hoặc xin từ người khác để tạo tượng, hoặc làm tháp, hoặc một, hoặc hai, cho đến trăm ngàn, vô lượng vạn ức. Trong mỗi mỗi tháp, trước mỗi mỗi tượng đều cung kính lễ bái, dùng hoa hương tươi đẹp, kỹ nhạc, đèn đuốc, anh lạc, cò phướn, lọng báu để cúng dường, cũng không vì nhân duyên cúng dường này nên cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cầu nơi Phật đạo. Vì sao? Vì Bò-tát Ma-ha-tát đã trụ nơi địa bất thoái. Bò-tát trụ nơi địa bất thoái này rồi, đối với quốc độ của chư Phật thọ thân vô ngại. Bò-tát Ma-ha-tát không tự xuất tiền tài, không cầu tiền tài ở người khác, khởi nguyện: Như chúng sinh hiện có trong xứ Diêm-phù-đề, có thể cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, từ bốn thiên hạ cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh hiện có trong mười phương vô lượng vô biên thế giới, dùng các sự cúng dường thượng trung hạ để cúng dường Tam bảo, ta nên chí tâm tùy hỷ. Lại thế nguyện: Do nhân duyên này, nên khiến các chúng sinh đều được thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đây gọi là Bò-tát trang nghiêm đạo Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tạo sự cúng dường như pháp.

Bò-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, đối với chúng sinh luôn thương yêu như con, tâm bi hỷ xả cũng lại như vậy. Tất cả hữu vi, vô thường,

vô ngã, vô lạc, vô tịnh, quán sâu về công đức vi diệu của Niết-bàn, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên, cho đến không thấy trong pháp giới có phần tướng nhỏ nào có thể nói nêu, chí tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng bốn nhiếp pháp để thâm giữ chúng sinh. Đó gọi là tạo sự cúng dường như pháp.

Nếu có Tỳ-kheo thường ưa thích vui thấy cung kính, cúng dường tháp vàng, tượng vàng, tháp bạc, tượng bạc, hoặc tháp tượng bằng pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, ngọc bích, không ưa thích vui thấy cung kính cúng dường tháp tượng bằng đất, hoặc gỗ, nên biết người này không gọi là tạo sự cúng dường như pháp. Tạo sự cúng dường như pháp ấy gọi là cúng dường vô thượng, cúng dường vô thắng, cúng dường tối thượng. Cúng dường như vậy là hơn tất cả sự cúng dường, có thể đạt được vô lượng quả không gì hơn.

Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Tam bảo vì sáu việc: Một là vì phước điền vô thắng. Hai là vì biết ân báo ân. Ba là vì hơn tất cả các loài một chân, hai chân, nhiều chân, không chân. Bốn là vì khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát. Năm là vì không có thầy như Hòa thượng nhưng tự nhiên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Sáu là vì có thể khiến chúng sinh đạt được nhân của sự an vui thế gian và xuất thế gian.

Bồ-tát lúc muốn thọ giới Bồ-tát, nên quán xét Hòa thượng có đầy đủ tám pháp mới theo thọ giới: Một là đầy đủ giới Ưu-bà-tắc, Sa-di, Tỳ-kheo. Hai là có thể tạo sự cúng dường. Ba là khéo quán sát tướng mạo trì giới hoặc hủy giới. Bốn là đạt được pháp chi và quán. Năm là tâm từ thương xót tất cả. Sáu là có thể xả bỏ sự an vui của mình để thí cho chúng sinh. Bảy là không sợ hãi. Tám là không thuyết phi pháp, không nghe phi pháp. Nghe thuyết phi pháp thì quở trách can ngăn, có thể nhẫn chịu tất cả sự hủy nhục, đánh mắng, náo hại cùng những người tham sân si, hủy giới, biếng nhác. Ở trong chúng thuyết pháp không từ một nhục. Không giải nghĩa sai, cũng không giảng nói lầm, lời nói luôn dịu dàng không thô tháo, thường nhớ chúng sinh muốn

khiến đạt được an lạc. Có nghi liền thừa thỉnh, không mang tâm si
 nhục, khéo biết phương tiện để giáo hóa, biết đối trị phiền não của các
 chúng sinh. Đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng, không có phân
 biệt sang hèn, cao thấp. Sáu căn đầy đủ, oai nghi đĩnh đạc, không tin
 lời dua nịnh, không tự khoe khoang, khinh chê người khác, không vì
 lợi dưỡng mà hiện sự dối trá bên ngoài. Xả bỏ tâm tham lam, ganh
 ghét, bòn sẻn, nếu tự có lợi trước nhường cho người, trong tâm thường
 nhất, không hành phóng dật. Thấy người được lợi hoan hỷ như mình
 được, ít ham muốn, biết đủ, chỉ chứa sáu vật, ngoài sáu vật ra nếu có
 tức thí. Thường khuyên người phạm giới nên phát lồ, chỉ bày ức niệm,
 khéo biết pháp sám hối. Khéo nuôi dưỡng người có bệnh khổ, trọn
 không tuyên thuyết tạng pháp Thanh văn và lỗi của Tạng Bồ-tát. Nếu
 có đầy đủ những pháp như trên, mới có thể nhận làm Hòa thượng. Bồ-
 tát Ma-ha-tát đã thọ giới rồi, nếu Hòa thượng bị bệnh nên cung cấp
 hầu hạ như lúc không bệnh, nên theo lời dạy mà làm việc, nên sinh
 tâm thành thật cung kính, nghinh đón lễ bái đứng hầu hai bên, phụng
 dâng y phục, thức ăn, ngọc cụ, thuốc thang, tùy thuận pháp ngữ, tùy
 pháp mà làm không có động chuyển, tùy chỗ phạm tội nên nêu bày
 thành thật. Như lúc nghe pháp, nên tạo tướng như Phật, tướng Pháp,
 tướng Tỳ-kheo Tăng, tướng về sự khó được, tướng nhân, tướng nhân
 của đại trí, tướng về ánh sáng lớn, tướng đạt được đại quả báo, tướng
 về nhân của đạo vô thượng là Đại Niết-bàn, tướng đạt được thường
 lạc, tướng chứng đắc chỉ quán. Các tướng như vậy tức là pháp tướng
 chân thật. Đó gọi là đầy đủ công đức nghe pháp.

Lại nữa, lúc nghe pháp nên chí tâm nghe, tâm tín nghe, không
 nên nghĩ nay ta không cần theo người này, ấy là chủng tánh thấp
 kém, căn không đầy đủ, nên lìa niệm như vậy để nghe pháp.

Bồ-tát Ma-ha-tát thọ giới Bồ-tát có hai hạng: Một là trí. Hai là
 ngu. Nếu có sự suy nghĩ như trên thì gọi là ngu si, không tăng pháp
 thiện, không được đại trí. Bồ-tát tu tập bốn tâm vô lượng là từ bi hỷ

xả. Bốn tâm vô lượng có ba loại: Một là duyên nơi chúng sinh. Hai là duyên nơi pháp. Ba là không duyên.

Duyên nơi chúng sinh: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán xét đúng về hết thấy ba tụ chúng sinh: Một là thọ vui. Hai là thọ khổ. Ba là thọ không khổ không vui. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán người thọ vui khiến được tăng trưởng, quán chúng sinh thọ khổ thì diệt khổ sinh vui, quán người không khổ không vui thì đoạn trừ khổ vui khiến được Niết-bàn. Đó gọi là duyên nơi chúng sinh.

Duyên nơi pháp: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ quán tướng pháp, không khởi tướng chúng sinh. Nếu ta tu từ không có chúng sinh, chỉ được lìa khổ, ai được thọ vui? Đó gọi là duyên nơi pháp.

Không duyên: Nghĩa là xả bỏ tướng chúng sinh, cùng dùng tướng pháp để tăng trưởng tâm từ. Đó gọi là không duyên.

Như tâm từ, ba tâm vô lượng bi, hỷ, xả cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu nhân nơi chúng sinh tu vô lượng tâm, nên biết tâm này không khác với ngoại đạo, cũng cùng với tâm của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát hợp bốn tâm vô lượng tức là bi, cho nên Bồ-tát được gọi là Đại bi.

Bồ-tát quán sát chúng sinh thọ khổ có một trăm mười thứ, vì diệt trừ những thứ khổ này nên tu tập Đại bi. Những gì là một trăm mười thứ? Một thứ là sinh khổ.

Lại có hai thứ: Một là cầu không được nên khổ. Hai là cầu được rồi mất nên khổ.

Lại có ba thứ: Một là khổ khổ. Hai là hành khổ. Ba là hoại khổ.

Lại có bốn thứ: Một là yêu thích xa nhau nên khổ. Hai là oán ghét gặp nhau nên khổ. Ba là chết khổ. Bốn là năm ấm hưng thịnh nên khổ.

Lại có năm thứ: Một là nhân duyên tham dục nên khổ. Hai là nhân duyên sân hận nên khổ. Ba là nhân duyên ngu ng痴 nên khổ.

Bốn là nhân duyên trạo cử, hối tiếc nên khổ. Năm là nhân duyên nghi ngờ nên khổ.

Lại có sáu thứ: Một là nhân của đường ác nên khổ. Hai là quả của đường ác nên khổ. Ba là cầu nhiều nên khổ. Bốn là giữ gìn nên khổ. Năm là có được không biết nhàm chán nên khổ. Sáu là mất mát nên khổ.

Lại có bảy thứ: Một là sinh khổ. Hai là già khổ. Ba là bệnh khổ. Bốn là chết khổ. Năm là ái xa nhau khổ. Sáu là oán gặp nhau khổ. Bảy là cầu không được nên khổ.

Lại có tám thứ: Một là lạnh khổ. Hai là nóng khổ. Ba là đói khổ. Bốn là khát khổ. Năm là không được tự tại khổ. Sáu là tự tạo khổ như Ni-kiền-tử. Bảy là người khác tạo khổ, như việc vua v.v... Tám là mất oai nghi khổ.

Lại có chín thứ: Một là thân bản cùng khổ. Hai là người khác bản cùng khổ. Ba là thân ái bị hoại khổ. Bốn là mất của cải khổ. Năm là bệnh khổ. Sáu là phá giới khổ. Bảy là tà kiến khổ. Tám là hiện tại khổ. Chín là đời sau khổ.

Lại có mười thứ: Một là có thức ăn không có đồ đựng khổ. Hai là bước đi không có xe khổ. Ba là cầu các anh lạc hoa hương không được nên khổ. Bốn là cầu tìm kỹ nhạc vui chơi không được nên khổ. Năm là cầu ánh sáng không được nên khổ. Sáu là cầu người phục dịch không được nên khổ. Bảy là cầu thức ăn không được nên khổ. Tám là cầu y phục không được nên khổ. Chín là có được không dùng nên khổ. Mười là thấy người đến xin nên khổ.

Lại có chín thứ: Một là tất cả khổ. Hai là khổ lớn. Ba là tất cả tự khổ. Bốn là không như pháp trụ khổ. Năm là chuyển khổ. Sáu là không được tự tại khổ. Bảy là hại khổ. Tám là đuổi theo khổ. Chín là tất cả hành khổ.

Tất cả khổ: Tức là do tạo nhân đời trước nên hiện tại khổ.

Khổ lớn: Tức là các chúng sinh thọ khổ nơi địa ngục trong vô lượng đời.

Tất cả tự khổ: Tức là sự khổ trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời người.

Không như pháp trụ khổ: Tức là bàn mưu muốn hại người nhưng không thành, trở lại rước họa vào thân. Như tham ăn uống sau thọ khổ lớn. Như nghĩ đến tham dục, sân hận, ngu si nên khổ. Hoặc nhân nơi nghiệp ác của thân khẩu ý mà thọ khổ, hoặc nhân nơi hủy giới nên thọ sự ưu khổ.

Chuyển khổ: Tức là hiện tại làm thân vua, đời khác chuyển làm thân tôi tớ. Hoặc hiện tại làm cha mẹ, anh em, vợ con, đời khác là oán ghét khổ. Hoặc đời này giàu có đời sau chịu bần cùng khốn khổ.

Không được tự tại khổ: Tức như muốn được sống lâu, muốn được xinh đẹp, muốn được giàu có, muốn được mạnh khỏe, muốn được trí tuệ, muốn trừ oán địch, nhưng tất cả không được như ý nên khổ.

Hại khổ: Tức như người trong thế gian cầu hết sự bần cùng nhưng không được nên khổ. Người xuất gia cầu phá bỏ phiền não nhưng không thể nên khổ. Hoặc gặp nạn khổ, binh đao khởi khổ, đi giữa đồng trống khổ, bị cắt tay chân khổ, bị trói buộc giam cầm khổ, bị đuổi ra ngoài khổ.

(Thiếu phần nói về Đuổi theo khổ)

Tất cả hành khổ: Tức là nhân nơi khổ thọ khổ, lia sự vui thọ khổ, tất cả các thọ chưa đoạn nên khổ, không thể xuất gia nên khổ, không thể tịch tĩnh nên khổ, không được Bồ-đề nên khổ, sinh nhiều tư giác nên khổ, phạm phu khổ, bốn đại khổ, ba cõi khổ, phiền não khổ.

Đó gọi là một trăm mười sự khổ.

Bồ-tát quán sát các sự khổ như vậy nên tăng trưởng tâm đại bi. Khổ lớn như thế do mười tám thứ nên tăng trưởng: Một là ngu si khổ. Hai là thọ quả báo khổ. Ba là hành khổ. Bốn là thường khổ. Năm là

sinh khổ. Sáu là tự tạo tác khổ. Bảy là tha tạo tác khổ. Tám là phá giới khổ. Chín là tà kiến khổ. Mười là qua đời khổ. Mười một là đại khổ. Mười hai là địa ngục khổ. Mười ba là trời người khổ. Mười bốn là chuyển khổ. Mười lăm là thọ khổ. Mười sáu là không biết nên khổ. Mười bảy là tăng trưởng khổ. Mười tám là biếng nhác khổ.

Bồ-tát thường dùng bốn nhân duyên gọi là đại bi: Một là quán sát nhân duyên của chúng sinh thọ khổ sâu xa khó giải. Hai là tu tập trong vô lượng đời. Ba là chí tâm tu tập. Bốn là chí tâm đối với chúng sinh không tiếc thân mạng. Do bốn nhân duyên này, tức có thể vì chúng sinh lao nhọc thọ khổ nơi thân, nên Bồ-tát gọi là tịnh đại bi. Tịnh đại bi gọi là địa Như Lai.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát một trăm mười việc ấy, tất cả Bồ-tát thấy đều tu tập, vì chúng sinh nên tăng trưởng tâm đại bi. Như vậy, Bồ-tát có thể quán chúng sinh và dùng tướng pháp để sinh tâm đại bi. Không thể quán sát tướng không duyên mà sinh tâm đại bi, như thế không được gọi là đại bi. Đức Như Lai có thể đầy đủ ba thứ như thế nên gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập đại bi nên được thân tâm tịch tĩnh, do nhân duyên thân tâm tịch tĩnh nên có thể phá trừ phiền não hiện có của chúng sinh, trụ ở địa tịnh, đối với chúng sinh luôn thương mến như con một. Do nhân duyên đại bi, nên vì các chúng sinh mà siêng tu khổ hạnh, tâm không hối hận. Như đạo Thanh văn lúc tổ ngộ tứ đế thọ sự an vui vô lậu. Bồ-tát tu tập từ bi cũng lại như vậy, Bồ-tát tu bi là chỉ vì chúng sinh không vì thân mình. Do nhân duyên tu tập bi nên Bồ-tát không tiếc thân mạng và của cải bên ngoài. Do nhân duyên tu bi nên xả thân thọ thân, trọn không hủy phạm giới cấm của Như Lai, Tam-muội khó được tức có thể đạt được, trí tuệ khó được tức có thể đạt được. Vì thế trong kinh Phật dạy: Đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Bồ-tát trụ tại chỗ nào? Phải nói là trụ ở đại bi, nhiều vô lượng vô biên không thể xưng kể, nên gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập tâm vô lượng này, đạt được sự an vui nơi hiện tại, có thể khiến chúng sinh xa lìa khổ não, đạt được vô lượng công đức vô thượng, trang nghiêm đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Phẩm thứ 18: BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hỏ thẹn? Hỏ thẹn có hai thứ: Một là tánh. Hai là nhân duyên.

Tánh: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết chỗ làm là phi pháp, sợ hãi quả báo ác nên sinh tâm hỏ thẹn.

Nhân duyên: Nghĩa là Bồ-tát đối với việc làm ác, sợ mọi người biết nên sinh tâm hỏ thẹn.

Tánh hỏ thẹn tức chẳng phải do nhân duyên mà được như tánh Bồ-tát. Bồ-tát tu hỏ thẹn là từ nhân duyên **đạt được**, như tám chánh đạo.

Hỏ thẹn có bốn thứ: Một là không nên làm mà làm nên sinh hỏ thẹn. Hai là việc nên làm nhưng không làm nên sinh hỏ thẹn. Ba là tâm tự sinh nghi nên sinh hỏ thẹn. Bốn là đối với tội che giấu sợ người khác biết nên sinh hỏ thẹn.

Thế nào gọi là Bồ-đề tát đỏa? Tát đỏa gọi là dũng mãnh, không sợ hãi. Tánh của Bồ-tát có lực mạnh. Do tánh mạnh nên có thể điều phục phiền não khiến chúng không tùy theo tâm. Có thể nhẫn chịu các khổ, các sự sợ hãi, tuy có sợ hãi nhưng không lay động. Bồ-tát hiện có pháp thiện trang nghiêm, gọi là tánh dũng mãnh, thế nên gọi là Bồ-đề Tát đỏa.

Tánh lực dũng mãnh của Bồ-tát có năm nhân duyên: Một là các thứ sinh tử khổ. Hai là chúng sinh hành các thứ nghiệp ác. Ba là ở trong vô lượng đời vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên thọ vô lượng khổ. Bốn là chí tâm kiên trì giới cấm của Bồ-tát. Năm là chí tâm nghe thọ pháp.

Bồ-tát Ma-ha-tát có năm nhân duyên, vì các chúng sinh chịu khổ lớn, tâm không sầu não: Một là do có sức mạnh lớn. Hai là tu tập

không ưu sâu. Ba là dũng mãnh tinh tấn, có phương tiện thiện xảo. Bốn là trí tuệ dũng mãnh. Năm là chuyên tâm tu từ bi.

Thế nào gọi là Bồ-tát hiểu biết về sách vở thế gian? Bồ-tát khéo biết về phương thuật ở thế gian, biết chữ biết câu, biết lời biết nghĩa, tâm miệng hòa hợp, chuyên niệm thọ trì. Đó gọi là Bồ-tát biết pháp biết nghĩa. Do biết pháp biết nghĩa nên có thể vì mọi người thuyết giảng. Do nhân duyên thuyết giảng nên pháp trí nghĩa trí đều được tăng trưởng. Đó gọi là văn tuệ tư tuệ. Do nhân duyên văn tuệ tư tuệ nên pháp trợ Bồ-đề được tăng trưởng.

Thế nào gọi là Bồ-tát hiểu biết về thế gian? Thế gian có hai thứ: Một là thế gian của chúng sinh. Hai là khí thế gian.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét thế gian của chúng sinh, cho nên kinh chép: Hành khổ của thế gian thọ nơi sinh tử. Không biết sinh tử tức không được giải thoát. Như Lai khéo nhận biết về thế gian của chúng sinh, vì vậy kinh nói: Chúng sinh có năm trược: Một là mạng trược. Hai là chúng sinh trược. Ba là phiền não trược. Bốn là kiến trược. Năm là kiếp trược.

Như nay mạng người sống không đủ trăm năm. Đó gọi là mạng trược.

Như nay chúng sinh không thể hiếu dưỡng đối với cha mẹ, các bậc sư trưởng, Hòa thượng, Sa-môn, phạm hạnh, không theo nghĩa mà làm, không sợ quả báo nơi hiện tại và đời vị lai, không ưa bố thí, không thích phước đức, không ưa thọ trai trì giới tinh tấn. Đó gọi là chúng sinh trược.

Như chúng sinh do phiền não nên giết hại cha mẹ, đối với cha mẹ anh chị em, thân thuộc cưỡng làm việc phi pháp, vì cùng chúng sinh tạo nhân duyên ác, nên cất chứa cung tên, đao gậy, giáo mác. Có nhiều chúng sinh nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa. Các điều ác như vậy là vô lượng, lúc phiền não bất thiện khởi lên. Đó gọi là phiền não trược.

Như nay chúng sinh phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, vì vậy nên phá hoại chánh pháp, làm tăng trưởng pháp tà, vô lượng chúng sinh hành theo tà kiến. Đó gọi là kiến trước.

Như vào thời ác, chúng sinh ác, có ba thứ nội kiếp ác khởi: Một là nội kiếp đói kém. Hai là nội kiếp bệnh dịch. Ba là nội kiếp binh đao. Đó gọi là kiếp trước.

Trên đây là nói về Bồ-tát biết thế gian của chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát biết khí thế gian, tức là Bồ-tát khéo biết nhân duyên thành hoại ở thế gian. Cho nên kinh chép: Nay Ca-chiên-diên! Như Lai khéo nhận biết thế gian, biết nhân của thế gian, biết thế gian diệt, biết đạo thế gian, biết vị của thế gian, biết thế gian khổ, biết thế gian giải thoát. Nay Ca-chiên-diên! Sáu nhập, năm ấm và bốn đại gọi là thân người, do thân người theo thế gian tạo tướng nên gọi đó là ngã, gọi là chúng sinh, gọi là thọ mạng, gọi là sĩ phu, gọi là A, B, danh tự như vậy tánh không chân thật, nhân nơi phiền não nên chúng sinh nói ta thấy, ta nghe, ta biết. Thấy nghe biết ấy cũng không chân thật. Lưu hành khắp các danh tánh, thức ăn uống, thọ khổ, thọ vui, sống lâu, chết sớm như vậy, đó gọi là lưu hành khắp. Lưu hành khắp thì gọi là tướng, không gọi là chân thật. Như Lai khéo nhận biết thế gian chúng sinh và khí thế gian, nên gọi là Như Lai khéo nhận biết về thế gian.

Bồ-tát nếu thấy người hơn mình về tuổi tác, phước đức, nên cung kính thăm hỏi, sắp đặt giường tòa, hoặc thấy người có tuổi và phước đức bằng mình, trước dùng lời khiêm nhường thăm hỏi, chấp tay cùng ngồi, không sinh tâm kiêu mạn, nghĩ ta hơn người kia. Nếu thấy người có tuổi tác và phước đức nhỏ hơn mình, cũng thăm hỏi và khuyến khích họ về phước đức, dạy thực hành pháp thiện, tâm không khinh chê, giả sử họ có tội, trọn không chỉ trích, tùy theo vật cần dùng để cung cấp. Bồ-tát đối với chúng sinh dùng lời nói dịu

dàng đem pháp thiện giáo hóa, dùng thức ăn, dùng pháp để thâm giữ, nghiệp thân khẩu ý, suy nghĩ thiện đều hồi hướng cho chúng sinh, thường nghĩ như vậy: Nguyên ta và các chúng sinh không tạo nhân duyên ác, đối với chúng sinh không khởi tưởng oán, thường khởi tưởng thân thuộc, không có tâm sân hận. Giả sử có người sân thì không giữ nơi ý, nếu bị đánh đập phải quán xét pháp giới, nghiệp thân khẩu ý thường tự thận trọng. Đây đủ mười bốn việc: Đó là sáu phương tiện, bốn tri thức ác, bốn tri thức thiện. Như Kinh Thiện Sinh chép: Thường có thể tạo lợi ích cho đời này đời sau, có thể cầu của cải, được rồi có thể giữ gìn, tạo cuộc sống giàu đủ, có thể làm việc phước đức, không tham lam, không keo kiệt, không tạo huyền thuật mê hoặc người đời, tri giới biết hổ thẹn, có người giao phó việc không để họ sinh nghi, chúng sinh trông thấy như thấy sự chân thật, thường gần bạn thiện, trị nước an dân, khuyên dùng mười điều thiện, thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, biết thì nói biết, hiểu thì nói hiểu. Cho nên Bồ-tát gọi là hiểu biết về thế gian.

Thế nào gọi là Bồ-tát học tứ y? Bồ-tát y (dựa) nơi nghĩa không y nơi chữ. Bồ-tát nghe pháp không vì dựa nơi chữ, chỉ vì dựa nơi nghĩa. Bồ-tát Ma-ha-tát dựa nơi pháp không dựa nơi người. Nghĩa là biết pháp và phi pháp, biết pháp như vậy là do Phật thuyết, hoặc trường lão thuyết, hoặc chúng Tăng thuyết, nếu là phi pháp, tuy nghe Phật thuyết nhưng tâm không sinh tin. Lại có pháp chẳng phải là Phật thuyết, chẳng phải là trường lão hay chúng Tăng thuyết, tuy vậy nhưng đây là pháp tướng nên nghe rồi tin thọ. Bồ-tát Ma-ha-tát dựa nơi kinh liễu nghĩa, không dựa nơi kinh không liễu nghĩa. Dựa nơi kinh liễu nghĩa là không thể động không thể chuyển. Kinh liễu nghĩa là không sinh tâm nghi. Bồ-tát nếu đối với kinh liễu nghĩa mà sinh tâm nghi thì có thể lay chuyển. Bồ-tát dựa nơi trí không dựa nơi thức. Vì sao? Người tu trí tuệ gọi là trí tịnh, do đó Bồ-tát hiểu nghĩa sâu xa, tuy đối với nghĩa sâu xa chưa được hiểu rõ, cũng trọn không sinh phi báng. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu bốn thứ y.

Bồ-tát thành tựu bốn thứ y như vậy nên hiểu biết rõ về đạo thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát lại có bốn đạo, do bốn đạo nên biết tất cả pháp giới, được trí vô ngại. Bốn đạo tức bốn trí vô ngại. Nhận biết tất cả pháp giới, gọi là trí pháp vô ngại. Nếu trí vô ngại, trí không điên đảo nhận biết về tánh của tất cả pháp, thì gọi là trí nghĩa vô ngại. Bồ-tát nếu nhận biết về vô số danh tự của tất cả các pháp, thì gọi là trí từ vô ngại. Bồ-tát nếu nhận biết tất cả pháp giới, tất cả danh tự của pháp, tất cả nghĩa của pháp giảng nói không cùng tận, thì gọi là trí lạc thuyết vô ngại. Bồ-tát có đầy đủ bốn trí vô ngại, tức nhận biết phương tiện của năm âm, sáu nhập, mười tám giới, phương tiện của mười hai nhân duyên, phương tiện của thị xứ phi xứ. Bồ-tát có đầy đủ bốn trí vô ngại, tức tự nhận biết rõ ràng đạo Bồ-đề, lại có thể vì người phân biệt thuyết giảng rộng.

Thế nào gọi là trang nghiêm Bồ-đề? Trang nghiêm Bồ-đề có hai thứ: Một là công đức trang nghiêm. Hai là trí tuệ trang nghiêm, như trong Phẩm Tự Lợi Lợi Tha đã nói. Nếu Bồ-tát ở tại A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu tập hai thứ trang nghiêm như vậy, gọi là trang nghiêm hạ. Nếu vào thời A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu tập, gọi là trang nghiêm trung. Nếu vào thời A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu tập gọi là trang nghiêm thượng.

Thế nào gọi là Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ-tát đạt đầy đủ bốn trí vô ngại, được trí phương tiện, do trí phương tiện nên tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cũng chưa chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nhưng cũng nhận biết về phẩm tu đạo của hàng Nhị thừa, nhận biết hàng Nhị thừa như trong phẩm đầu đã thuyết.

Thế nào gọi là biết Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ-tát quán thân, tuần tự theo thân quán, lúc quán như vậy không chấp nơi tướng thân, không tạo tướng không, cũng biết thân này là không thể nêu bày. Đó gọi là quán thân đệ nhất nghĩa. Vì lưu hành khắp nên gọi là thân. Ngoài thân ra, ba mươi sáu phẩm còn lại cũng như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc quán thân này không nghĩ khổ, không

ngữ tập, không ngữ diệt, không ngữ đạo là nhân duyên của diệt. Vì sao? Vì pháp giới là không thể nêu bày. Nếu Bồ-tát có thể nhận biết khổ tập diệt đạo như thế, tức gọi là tu tập ba mươi bảy phẩm đệ nhất nghĩa. Vì lưu hành khắp nên nói là khổ tập diệt đạo. Nếu Bồ-tát nhận biết không dùng giác quán (tâm tứ) để quán xét ba mươi bảy phẩm, thì gọi là Chỉ. Nếu Bồ-tát nhận biết pháp giới là chân thật, không thể nêu, nói, đó gọi là Quán. Xa-ma-tha (Chi) của Bồ-tát có bốn thứ: Một là Xa-ma-tha đệ nhất nghĩa. Hai là Xa-ma-tha kỳ hạn. Ba là Xa-ma-tha chân thật. Bốn là Xa-ma-tha lia phiền não oán. Bồ-tát có đầy đủ bốn thứ Xa-ma-tha, nhận biết tất cả pháp giới, vì nhằm đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tỳ-bà-xá-na (Quán) của Bồ-tát có bốn thứ: Một là cùng hành với bốn thứ Xa-ma-tha. Hai là xa lia điên đảo. Ba là phân biệt vô lượng pháp giới. Bốn là nhận biết pháp giới vô ngại. Bồ-tát tu tập bốn thứ Tỳ-bà-xá-na này là vì cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có phương tiện thiện xảo? Phương tiện thiện xảo có mười hai thứ: Nội sáu thứ và ngoại sáu thứ.

Sáu thứ phương tiện nội: Nghĩa là Bồ-tát thường khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh. Hiểu rõ chân thật tất cả các hành. Thường ưa buộc niệm nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, vui thích vì chúng sinh chuyển nơi sinh tử. Chân thật nhận biết phiền não, không hoại phiền não. Vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng nên siêng tu tinh tấn. Đó gọi là phương tiện nội.

Sáu thứ phương tiện ngoại: Nghĩa là có thể khiến người bố thí ít đạt được vô lượng phước. Người có công đức có thể khiến cho tăng trưởng. Người chưa thuần thực có thể khiến cho thuần thực. Người được thuần thực có thể khiến được giải thoát. Người phá hoại pháp Phật có thể khiến sinh tin tưởng. Người đã tin rồi có thể khiến tăng trưởng. Đó gọi là phương tiện ngoại.

Thế nào gọi là bố thí ít mà được vô lượng phước? Như có chúng sinh ở chỗ Bồ-tát nghe thuyết pháp rồi, đem một ít thức ăn bố thí cho

loài chó đó, vật thí đã ít ruộng phước lại mỏng, do có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề, nên có được phước báo là không thể xung kể. Người có công đức khiến được tăng trưởng, tức nếu có chúng sinh thọ tám trai giới, Bồ-tát lại vì họ nên phân biệt giải nói, chỉ dạy họ hồi hướng nơi đạo Bồ-đề Vô thượng.

Nếu có chúng sinh chấp sâu nơi tà kiến, một tháng không ăn, ngày đoạn tối ăn, Bồ-tát liền vì họ tuyên giảng chánh pháp, phá trừ tâm tà, chỉ dạy họ khiến thọ trì tám pháp trai giới. Bồ-tát vì phá trừ khổ do thọ trai giới bất thiện, nên chỉ dạy khiến cho trì trai giới pháp thiện. Nếu có chúng sinh muốn cầu giải thoát nhưng không biết phương tiện, Bồ-tát vì họ mà thuyết giảng về thật nghĩa trung đạo, lia hai biên. Nếu có chúng sinh muốn được thân cõi trời nên nhảy xuống vực sâu hoặc nhảy vào lửa, Bồ-tát vì họ nên phá trừ sự khổ như vậy, vì họ giảng nói về trì giới, hiện đời thọ an vui, đời sau được thân cõi trời. Nếu có chúng sinh vì tịch tĩnh nên đọc tụng giải nói bốn luận Tỳ-đà, Bồ-tát liền dùng mười hai bộ kinh chỉ dạy họ khiến phân biệt suy nghĩ về ý nghĩa.

Lại nữa, Bồ-tát dùng hương hoa thượng diệu hiện có trên thế gian để cúng dường Tam bảo, cũng nên chỉ dạy chúng sinh khiến biết cúng dường, tự hướng đến vô lượng chư Phật trong mười phương phát nguyện cúng dường, cũng dạy chúng sinh hướng đến mười phương chư Phật và phát nguyện cúng dường.

Lại nữa, Bồ-tát thường tu niệm Phật cho đến niệm thiên, cũng chỉ dạy chúng sinh khiến tu sáu niệm.

Lại nữa, Bồ-tát hành nghiệp thiện nơi thân khẩu, hoặc nhiều hoặc ít đều thí cho chúng sinh, cũng dùng pháp ấy để giáo hóa chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát thường phát nguyện: Tất cả chúng sinh hiện có việc khổ đều tập hợp nơi thân ta, chớ khiến người khác nhận chịu, cũng dùng pháp này chuyên dạy cho chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát nếu có tội trong đời quá khứ cùng hiện tại, đều hướng tới mười phương chư Phật sám hối, cũng dùng pháp này chỉ dạy chúng sinh thực hành.

Lại nữa, Bồ-tát tự có thể tu tập bốn tâm vô lượng, cũng dẫn dạy chúng sinh thực hành bốn tâm vô lượng. Người có công đức có thể khiến cho tăng trưởng. Người phá hoại pháp Phật có thể khiến họ sinh tin, đã sinh tin rồi tức có thể khiến cho tăng trưởng. Người chưa thuần thực có thể khiến cho thuần thực. Người đã thuần thực rồi có thể khiến được giải thoát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì bốn pháp này nên tu tập sáu việc: Một là tùy theo người khác. Hai là không có chương ngại. Ba là không lay động. Bốn là tâm tương trợ. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh.

Tùy theo người khác: Nghĩa là Bồ-tát nếu vì chúng sinh giảng nói pháp, trước dùng lời dịu dàng tùy theo tâm họ mà nói, tùy theo sức thấu nhận của thân khẩu ý mà bố thí, khiến người kia cung kính sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm ưa nghe pháp, sau đó mới thuyết giảng. Tùy theo căn cơ thượng trung hạ của chúng sinh để thuyết pháp dễ hiểu, thuyết đúng thời, thuyết theo thứ lớp, thuyết không điên đảo, thuyết lợi ích, thuyết thương xót. Nếu cần thân thông cảm ứng để hóa độ thì vì họ thị hiện thân thông, tóm lược có thể nói rộng, rộng có thể nói tóm lược, có thể phá trừ lưới nghi, ban cho họ sự nhớ nghĩ, có thể mở rộng chỗ phân biệt, chỗ xuất định nhập định. Nếu có chúng sinh không hiểu nghĩa *không* thâm diệu của Như Lai, tức vì họ khai thị phân biệt diễn nói. Nếu có chúng sinh phỉ báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa, tức vì họ thuyết pháp khiến được điều phục.

Nếu có chúng sinh nói: “Như Lai tuyên thuyết không có tất cả pháp, không có tất cả vật, tất cả các pháp là không sinh không diệt, cũng như hư không, như huyễn, như mộng, như ngọn nắng, như thành Càn-thát-bà, như trăng trong nước, như tiếng vang”, do không hiểu nhân duyên của pháp tánh nên sinh sợ hãi. Do sợ hãi nên sinh phỉ

báng, nói chẳng phải kinh Phật, là thuyết của tà kiến. Bồ-tát Ma-ha-tát với phương tiện thiện xảo, dần dần vì họ khai thị nghĩa kinh, tùy ý mà nói, chẳng phải không có tất cả pháp, do tất cả pháp không thể tuyên thuyết, nên gọi là không pháp. Vì không thể tuyên thuyết tánh không thật có, nên gọi là không vật. Như ban đầu không có bất khả thuyết, không có tánh bất khả thuyết, làm sao có thể nói có sinh có diệt, thế nên nói là không sinh không diệt. Nếu không sinh diệt tức gọi là hư không. Như trong hư không có vô lượng sắc, có vô lượng nghiệp, các sắc các nghiệp không có chướng ngại. Đó gọi là đi đứng, co, duỗi, cúi, ngưỡng. Nếu không có các sắc, các nghiệp như vậy, gọi là hư không, thì hư không không thể tuyên thuyết. Nếu nhân nơi hư không có các sắc, các nghiệp có thể tuyên thuyết, thì không được nói tánh của hư không là không thể tuyên thuyết. Nếu hư không kia không thể tuyên thuyết, thì các sắc các nghiệp làm sao có thể tuyên thuyết?

Bồ-tát Ma-ha-tát được Thánh trí rồi, mới biết pháp giới không thể tuyên thuyết. Bây giờ, Bồ-tát phá trừ tướng tà, nói tất cả pháp là có, tất cả pháp là có thể giảng nói. Bồ-tát ban đầu dùng Thánh trí như vậy chỉ dạy cho chúng sinh, chúng sinh đạt được rồi tự thấy pháp tánh, không thể tuyên thuyết, cũng như hư không, cho nên Như Lai nói tất cả pháp đồng nơi hư không, như huyễn, tánh tướng chẳng phải có chẳng phải không. Thánh nhân cũng nói chẳng phải là có chẳng phải là không. Huyễn nếu là định có, thì do nhân duyên gì có lúc có thể thấy, có lúc không thể thấy? Nếu định là không, thì vì sao khiến người thấy vô số các thứ tướng? Pháp của thật không, không nên sinh tướng. Tất cả pháp giới cũng lại như vậy. Đối với phàm phu nói có danh tướng, do có danh tướng nên không thể nói là không. Tánh của đệ nhất nghĩa do không thể tuyên thuyết nên không được nói là có. Cho nên pháp giới như huyễn có hai. Vì thế Bồ-tát đối với các pháp giới, không lấy không bỏ, không tăng không giảm, tức thì biết thật, cũng nói là thật. Đó gọi là Bồ-tát khéo tùy theo phương tiện.

Không có chướng ngại: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu xin, nên nói: Thiện nam! Nay nếu ông có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, thì những vật cần dùng như y phục, thức ăn, giường tòa, thuốc thang, hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, ruộng vườn, phòng xá, tôi tớ, xe cộ, tiền tài, ta đều đem cho ông. Nếu có chúng sinh sợ hãi ưu sầu, Bồ-tát nên nói: Nay nếu ông có thể cúng dường Tam bảo, cho đến Bà-la-môn, ta sẽ cung cấp cho ông các thứ y phục, thức ăn, cho đến tất cả các vật cần dùng, cũng sẽ cứu giúp việc ưu sầu lo sợ cho ông. Nếu có người bệnh cũng lại nói: Nay nếu ông có thể cúng dường Tam bảo cho đến Bà-la-môn, ta sẽ vì ông tìm cầu thuốc hay, chăm sóc bệnh tốt, cho đến các vật cần dùng khiến ông hết bệnh. Như vậy, chúng sinh nếu có thể tin nhận lời Bồ-tát dạy, Bồ-tát sẽ tạo các thứ phương tiện khiến được như ý. Nếu không tin thọ, lúc ấy Bồ-tát sẽ tu tâm xả. Nếu có tin nhận, Bồ-tát trước chỉ dạy họ cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, trì giới, tinh tấn, vì điều phục khiến chúng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Nếu trước tin nhận lời dạy sau không nghe, Bồ-tát vì tâm thương xót nên hiện sự nổi giận, quở trách, chẳng phải thật có tâm ác, hoặc nếu không bố thí vật, thật chẳng phải là ghét giận, mà vì điều phục. Đó gọi là không chướng ngại không lay động.

Tâm tương tự: Nghĩa là Bồ-tát nếu được thân tự tại, như vua, đại thần có nhiều quyền thuộc, trước nói rõ: Như trong phần đất của ta và người trong nhà, nếu có ai không cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc hủy giới, biếng nhác, ta sẽ không ban cho y phục, thức ăn, hoặc đánh mắng, bắt giam vào lao ngục, hoặc giết hoặc đuổi. Giao phó cho đại thần khiến giám sát, biết ai trì giới, biết ai hủy giới, ai có thể cúng dường cha mẹ, Tam bảo, ai không cúng dường cha mẹ, Tam bảo. Bây giờ, các chúng sinh vì lo sợ, nên xa lìa các điều ác, tu tập pháp thiện, tương tự như tâm của Bồ-tát. Đó gọi là phương tiện tương tự.

Báo ân: Nghĩa là Bồ-tát thọ nhận y phục, thức ăn, ngọc cụ, thuốc thang, phòng xá của đàn-việt, hoặc nhiều hoặc ít. Hoặc gặp sợ hãi có người giải nguy. Hoặc gặp bệnh khổ có người trị liệu. Hoặc nghe thuyết pháp phá trừ tâm nghi. Bồ-tát Ma-ha-tát vì nhớ đến ân, tức đều chỉ dạy họ thực hành pháp thiện. Đó gọi là báo ân. Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sinh nghe rồi, tức có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, trì giới tinh tấn. Đó gọi là báo ân.

Tịch tĩnh: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ trong địa Bồ-đề rốt ráo, tu tập đạo Bồ-đề tịch tĩnh, sinh nơi cõi trời Đâu Suất, nên biết là không bao lâu sẽ hạ sinh nơi cõi Diêm-phù-đề, chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Chúng sinh nghe pháp rồi đều phát nguyện: Như vậy lúc Bồ-tát thành Phật, chúng ta sẽ ở trong pháp Phật ấy xuất gia học đạo. Bấy giờ, Bồ-tát hạ sinh nơi cõi Diêm-phù-đề, thác sinh ở nhà Sát-lợi, Bà-la-môn, vì chúng sinh nên xả bỏ sự vui của năm dục, xuất gia học đạo tu hành khổ hạnh, vì khổ hạnh nên sinh tâm cung kính, phá bỏ tâm khổ, tu hạnh khổ, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, phá bỏ tâm Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác. Đã thành đạo rồi mặc nhiên mà trụ, Đế thích Phạm thiên cùng đến khuyến thỉnh. Phạm thiên nêu bày thừa thỉnh, vì khiến cho chúng sinh sinh tâm tôn trọng đối với chánh pháp. Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh, rồi sau mới thuyết pháp. Dùng Phật nhãn quán sát, là vì phá tên gọi xấu ác, như có chúng sinh nói: Như Lai chỉ vì Phạm vương khuyến thỉnh, chẳng phải vì thương xót chúng sinh. Như dùng Phật nhãn quán xét nơi chúng sinh chuyển pháp luân, vì phá trừ các thứ luân tà ác của chúng sinh. Chuyển pháp luân rồi tập hợp chúng chế giới, vì khiến cho chúng sinh được giải thoát. Đó gọi là phương tiện tịch tĩnh của Bồ-tát. Vì khiến chúng sinh đạt được tâm tín. Người chưa vào pháp Phật khiến được vào, chúng sinh chưa thành thực khiến được thành thực, đã thành thực rồi khiến được giải thoát.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 7

Phẩm thứ 19: PHÁP SỐ TRỢ BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là Đà-la-ni của Bồ-tát Ma-ha-tát? Đà-la-ni có bốn thứ: Một là pháp Đà-la-ni. Hai là nghĩa Đà-la-ni. Ba là từ Đà-la-ni. Bốn là nhãn Đà-la-ni.

Pháp Đà-la-ni: Tức là tâm Bồ-tát đạt được ức niệm, do niệm lực nên được đại trí tuệ. Do lực của đại trí tuệ nên nhận biết các pháp giới, ngôn từ câu chữ, kiên tâm thọ trì, trải qua vô lượng đời không có quên mất.

Nghĩa Đà-la-ni: Tức là như pháp Đà-la-ni, tùy thuận giải nghĩa, ở trong vô lượng đời thọ trì không quên.

Từ Đà-la-ni: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì phá trừ vô số thứ ác của chúng sinh, nên thọ trì thần chú, đọc tụng thông suốt, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Vì chú thuật nên thọ trì năm pháp: Một là không ăn thịt. Hai là không uống rượu. Ba là không ăn năm thứ cay nồng. Bốn là không dâm dục. Năm là không ở trong nhà bất tịnh để ăn uống. Bồ-tát đầy đủ năm thứ như vậy, có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, các thứ quỷ thần xấu ác, các thứ độc, các thứ bệnh, không gì là không đối trị được.

Nhãn Đà-la-ni: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát do lực của trí tuệ, tâm ưa thích vắng lặng, không cùng với mọi người đều trụ, im lặng không

nói, ở một mình không bạn, ăn uống biết đủ, tọa thiền tư duy, đêm không ngủ nghỉ. Bấy giờ, Đức Phật liền dùng chú Đà-la-ni dạy cho khiến tụng: Át trí, mật trí, ký trí tỳ, sần đề, bát đàn na, sa ha. Lúc ấy, Bồ-tát thọ nhận từ Phật rồi, thâm tâm quán xét biết chữ không có nghĩa. Do vô nghĩa nên không có nghĩa ngữ. Nếu không có nghĩa ngữ thì Từ cũng vô nghĩa. Pháp cũng vô nghĩa. Do vô nghĩa nên tất cả pháp đều không thể nói nên. Nghĩa tức là nghĩa của tất cả các pháp vô nghĩa. Nhờ lực nhẫn nên có thể nhận biết rõ bốn thứ Đà-la-ni. Do biết rõ nên được đầy đủ nhẫn Đà-la-ni. Vì đầy đủ nhẫn Đà-la-ni nên không lâu sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát vào A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất lúc tu tập hạnh, đắc hai Đà-la-ni là Pháp và Nghĩa. Nhân nơi hai Đà-la-ni Pháp và Nghĩa ấy nên tu tập Tam-muội. Vì tu tập Tam-muội, phát thệ nguyện, nên được hai Đà-la-ni là Từ và Nhẫn.

Bồ-tát nếu có thể tu tập bốn việc nên đắc bốn thứ Đà-la-ni: Một là không tham năm dục. Hai là không sinh tâm đố kỵ đối với chúng sinh. Ba là có thể bố thí. Bốn là ưa nghe chánh pháp, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói Pháp tạng Bồ-tát.

Bồ-tát phát đại thệ nguyện gồm có năm thứ: Một là Phát tâm phát nguyện. Hai là Hữu phát nguyện. Ba là Hành phát nguyện. Bốn là Thiện phát nguyện. Năm là Đại phát nguyện.

Lúc mới phát tâm Bồ-đề gọi là Phát tâm phát nguyện. Vì tạo lợi ích cho chúng sinh sinh nơi nẻo trời người, nên gọi là Hữu phát nguyện. Vì chúng sinh nên tu tâm vô lượng gọi là Hành phát nguyện. Tu tập tất cả pháp thiện của Bồ-tát gọi là Thiện phát nguyện. Không tiếc thân mạng để hộ trì chánh pháp, gọi là Đại phát nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng mười thứ cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, hộ trì chánh pháp, thấy người hộ trì pháp thì cung kính cúng dường. Đó gọi là đại thệ nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát sinh nơi cõi trời Đâu suất cho đến Đại Niết-bàn. Đó gọi là đại thế nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát từ ban đầu phát tâm cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là đại thế nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì hóa độ chúng sinh nên có mặt khắp các cõi, tùy loại thọ thân. Đó gọi là đại thế nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường dùng pháp tạng Bồ-tát, luận tạng Bồ-tát Đại thừa để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là đại thế nguyện.

Bồ-tát Ma-ha-tát phạm mọi sự diễn nói đều vì lợi ích, người không có căn thiện khiến được sinh căn thiện. Đó gọi là đại thế nguyện.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu Tam-muội không? Bồ-tát quán sâu tất cả các pháp, tánh có thể thuyết, nêu. Tánh có thể thuyết nêu này ở trong tánh không thể thuyết giảng là không nên gọi là Tam-muội không.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu Tam-muội vô nguyện? Bồ-tát Ma-ha-tát do tất cả pháp có thể tuyên thuyết nên có ngã có ngã sở. Có ngã và ngã sở nên gọi là khổ. Bồ-tát Ma-ha-tát phá bỏ tướng tà, biết tất cả pháp không thể tuyên thuyết, cho nên không chấp trước nơi ngã và ngã sở. Vì không có ngã và ngã sở nên không nguyện cầu, thế nên gọi là Tam-muội vô nguyện.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu Tam-muội vô tướng? Bồ-tát Ma-ha-tát nhận biết tất cả pháp là không thể tuyên thuyết. Do không thể tuyên thuyết nên đều không có tướng của tất cả phiền não. Vì không có tướng nên gọi là tịch tĩnh. Vì tu tập tịch tĩnh nên gọi là Tam-muội vô tướng.

Vì sao Đức Như Lai thuyết ba Tam-muội? Do tất cả các pháp gồm có hai thứ: Một là có của hữu vi. Hai là có của vô vi. Có của hữu vi: Nghĩa là ngã và ngã sở. Có của vô vi: Nghĩa là Niết-bàn. Có của

hữu vi tức là Bồ-tát Ma-ha-tát quán tất cả khổ, không sinh nguyện cầu. Đó gọi là Tam-muội vô nguyện. Có của vô vi tức là Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong Niết-bàn không nghĩ tưởng vui. Đó gọi là Tam-muội vô tướng. Vô vi là cũng có cũng không, nên Bồ-tát chẳng phải nguyện, chẳng phải không nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy có có, thấy không không, trong có thì không không, trong không thì không có. Đó gọi là không. Bồ-tát bấy giờ tu Tam-muội không, được trí chân thật. Tam-muội như vậy hàng Thanh văn, Duyên giác cũng tu cũng học nhưng không thể nói, tất cả các pháp là không thể tuyên thuyết. Chư Phật, Bồ-tát, vì khiến cho chúng sinh đạt được tịch tĩnh nên thuyết giảng bốn pháp này. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh. Chư Phật, Bồ-tát vì các chúng sinh nên thuyết giảng bốn pháp này, phải biết là đã thuyết giảng về các pháp căn bản của tất cả pháp giới. Đó gọi là Ưu-đà-na. Ưu-đà-na: Nghĩa là thời quá khứ, vô lượng tất cả Phật cũng thuyết giảng như vậy, có thể tạo sự hơn hết, gọi là Ưu-đà-na. Có thể làm tăng trưởng pháp thiện, gọi là Ưu-đà-na.

Vì sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi đều là vô thường? Bồ-tát Ma-ha-tát nhận biết pháp hữu vi có thể thuyết về vô thường, thế nên tất cả hữu vi là vô thường. Nhận biết tánh của các pháp trong nghĩa chân thật, không có nhân quả, nên không thể tuyên thuyết, vì vậy tác tướng nói tất cả pháp đều là sinh diệt. Cho nên hữu vi quá khứ cũng sinh cũng diệt, pháp của quá khứ không thấy có nhân, không thấy có tánh. Do không thấy nhân và tánh nên nói pháp của quá khứ đều là vô thường. Pháp hiện tại biết sinh nhưng không biết diệt. Pháp của hiện tại không thấy nhân nhưng thấy quả, thấy tánh. Do không diệt nên nhận biết tánh không nhận biết nhân. Pháp hữu vi vị lai không thấy sinh diệt, cho nên nhận biết nhân, không nhận biết quả, không nhận biết tánh. Do chưa sinh thế nên Bồ-tát nhận biết nhân không nhận biết tánh.

Bấy giờ, quán sát ba đời, trong mỗi mỗi niệm có ba tướng, nếu qua một niệm tức có bốn tướng. Pháp trước đã diệt, lần lượt sinh ra pháp tương tự. Đó gọi là sinh. Sinh rồi tạo việc. Đó gọi là trụ. Tướng của pháp trước diệt, pháp diệt rồi thấy tương tự. Đó gọi là già. Sinh rồi không trụ đến nơi hai niệm. Đó gọi là hoại. Bồ-tát thấy một thứ tướng của pháp hữu vi, như sinh, thì trụ, lão cũng lại như vậy, chỉ có tướng hoại là khác. Vì sao? Vì không cùng với ba tướng kia trụ. Như vậy bốn tướng thấy có hai thứ: Một là có. Hai là không. Có là ba tướng. Không là tướng thứ tư. Bồ-tát thấy pháp hữu vi, không thấy sinh, không thấy trụ, không thấy già, không thấy hoại. Vì sao? Vì sinh, trụ, già, hoại, không có tánh chân thật. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy sắc pháp sinh, sắc pháp trụ, sắc pháp già, sắc pháp hoại, không thấy sinh, trụ, già, hoại. Bồ-tát Ma-ha-tát do phương tiện quán, nên không thấy bốn tướng. Phương tiện quán tức là Bồ-tát quán. Nếu lìa sắc pháp riêng có sinh, thì lúc sắc pháp sinh, sinh cũng nên sinh. Nếu như vậy thì tất cả các pháp đều nên có hai thứ sinh: Một là sắc sinh. Hai là sinh sinh. Hai thứ sinh như vậy hoặc tức là pháp, hoặc tức là lìa pháp. Nếu không lìa thì không có sinh. Nếu nói lìa pháp riêng có sinh, thì nghĩa này không đúng. Nếu không lìa thì lúc ấy sắc không có sinh, do nhân duyên sinh nên sinh, thì trụ, già, hoại cũng như vậy. Nếu tự tánh của hoại là có, phải biết hoại này cũng sinh cũng hoại. Nếu hoại sinh, nên biết tất cả pháp hữu vi đều không có diệt. Lúc nhập định diệt, tâm tâm số pháp thường nên sinh trở lại. Lúc sắc pháp diệt cũng nên sinh trở lại. Vì sao? Vì hoại này sinh, thế nên các pháp đều phải là thường, vì thế Bồ-tát lìa sắc pháp rồi không thấy bốn tướng, biết tánh của pháp hữu vi là vô thường, nên cũng thường tuyên thuyết hữu vi là vô thường. Bồ-tát quán thấy pháp hữu vi có ba thứ khổ, là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, cho nên Đức Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là khổ.

Vì sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi là vô ngã? Vô ngã có hai thứ: Một là chúng sinh vô ngã. Hai là pháp vô ngã. Chúng sinh vô ngã tức

chúng sinh chẳng phải là pháp có, chẳng phải là pháp không, chẳng phải là pháp lìa có, không. Đây gọi là chúng sinh vô ngã. Pháp vô ngã tức là tất cả các pháp có thể tuyên thuyết, tánh có thể tuyên thuyết là không, cho nên gọi là pháp vô ngã. Có hai thứ vô ngã như vậy, vì thế Đức Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô ngã. Như vậy hữu vi đoạn, nhân hiện tại đoạn, là chương ngại nơi nhân vị lai đoạn. Đó gọi là Niết-bàn, do không có phiền não kiết nên gọi là tịch tĩnh.

Nếu Bồ-tát dùng tâm bất tịnh quán về Niết-bàn, hàng Thanh văn chưa được đạo quả, quán về Niết-bàn, đây đều là chưa thật nhận biết tánh của Niết-bàn, cũng là tướng của Niết-bàn. Ví như đại vương vì các người con nên tạo ra các thứ voi, ngựa, nai, thỏ, bằng gỗ. Các người con cũng đối với các tượng giả này tưởng là chân thật. Có lúc vua khen ngợi voi ngựa này, các con cũng khen voi ngựa mình. Sau đó ra khỏi nhà, thấy voi ngựa thật liền sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Vì sao chúng ta đối với các thứ voi ngựa giả này tưởng là chân thật? Vì sao đối với vật đồng tên đồng tướng này khởi tưởng là thật? Như Lai cũng nói, tâm Bồ-tát không thanh tịnh. Thanh văn chưa chứng đạo quả, ở trong nhà sinh tử, Như Lai vì họ nên thuyết giảng Niết-bàn tịch tĩnh. Bồ-tát, Thanh văn nghe rồi cũng sinh tưởng Niết-bàn chân thật, nhưng thật sự không thể nhận biết Niết-bàn chân thật. Lúc nghe Phật nói, sinh tâm tác tướng nói là Niết-bàn. Sau khi tu tập tám chánh đạo rồi, được trí tuệ thanh tịnh, ra khỏi nhà sinh tử, lúc ấy mới thật nhận biết tánh của Niết-bàn và sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Vì sao chúng ta đối với chỗ không phải là Niết-bàn, sinh khởi tưởng Niết-bàn. Ví như người bệnh đến chỗ thầy thuốc. Bấy giờ thầy thuốc vì chữa bệnh nên tùy bệnh cho thuốc. Người bệnh được thuốc, tâm sinh hoan hỷ, khởi tưởng thuốc này là hay nhất rồi liền uống, sau khi uống xong tuy bệnh đã lành nhưng lại phát sinh bệnh khác. Lúc này thầy thuốc bỏ thuốc cũ, trao cho thuốc mới, người bệnh nói: Đại sư! Thuốc trước kia là tốt, có thể trị bệnh, chẳng phải là thuốc này. Tuy thầy

thuốc nói đây là thuốc tốt, nhưng người bệnh không chịu tin. Người bệnh sau khi uống thuốc bệnh lành mới chịu tin và sinh tâm xấu hổ. Lúc Đức Phật thuyết giảng pháp cũng lại như vậy, chúng sinh nghe rồi trừ được ít phiền não, liền sinh ý tưởng là chân thật, sau đó lại khởi phiền não, nói Phật là vô thường, Như Lai vì họ thuyết giảng pháp thâm diệu, tuy nghe nhưng vẫn không sinh tin, lấy pháp trước kia làm thật. Nếu Bồ-tát được đạo thanh tịnh, lúc ấy mới sinh tâm xấu hổ, biết Như Lai là thường, vì sao ta nói Như Lai là vô thường. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã. Niết-bàn là tịch tĩnh.

**

Phẩm thứ 20: CÔNG ĐỨC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bồ-đề có năm việc không thể nghĩ bàn: Một là thương xót tất cả chúng sinh. Hai là vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên thọ khổ của sinh tử. Ba là dùng phương tiện thiện xảo để điều phục chúng sinh. Bốn là phát tâm muốn biết nghĩa thâm diệu khó lãnh hội. Năm là muốn nhận biết về thần túc không thể nghĩ bàn. Năm pháp như vậy không cùng chung với tất cả chúng sinh, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại có năm việc không thể nghĩ bàn: Bồ-tát Ma-ha-tát vì tạo lợi ích cho các chúng sinh nên thọ nhân khổ, vì thọ nhân khổ nên được thọ an lạc, do thọ an lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát quán sinh tử là hoạn nạn, Niết-bàn là tịch tĩnh, vì chúng sinh nên không ưa chứng đắc Niết-bàn mà lại lưu chuyển trong sinh tử. Đó gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát ưa ở chỗ vắng lặng an nhiên, vì các chúng sinh diễn nói chánh pháp. Đó gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh nên thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng lại không cầu quả của sáu Ba-la-mật. Đó gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát hành tác sự nghiệp cho người khác như làm việc cho mình, tâm tùy thuận vui vẻ không từ lao khổ. Đó gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn.

Trên đây là năm việc làm, đạt được pháp không thể nghĩ bàn của Bồ-tát.

Bồ-tát lại có năm việc đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng: Một là lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đó gọi là bình đẳng. Hai là Bồ-tát lúc tu tập đại bi, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đó gọi là bình đẳng. Ba là lúc Bồ-tát tu tập một loại địa, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đó gọi là bình đẳng. Bốn là Bồ-tát quán khắp mười hai nhân duyên, tất cả là có. Đó gọi là bình đẳng. Năm là Bồ-tát lúc cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đó gọi là bình đẳng.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại có năm việc vì tạo tạo lợi ích cho chúng sinh: Một là dạy tu chánh mạng. Hai là dạy tập phương tiện của việc đời. Ba là thấy người nghèo khó tìm phương tiện dạy họ khiến phá trừ nghèo khổ. Bốn là vì người thượng thiện thuyết giảng đạo chân thật. Năm là vì người của ba thừa thuyết giảng pháp của ba thừa. Đó gọi là năm sự tạo lợi ích.

Chúng sinh có năm pháp để báo ân Bồ-tát: Một là thọ trì pháp thiện và tất cả giới cấm. Hai là người bạn cùng thọ nhận lời dạy rồi y theo đấy thực hành, trừ bỏ sự bần cùng. Ba là cúng dường Tam bảo. Bốn là ở chỗ Bồ-tát nghe pháp rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, phân

biệt giải nói, chuyên dạy cho người khác. Năm là thấy người thọ trì liền cung kính cúng dường.

Bồ-tát Ma-ha-tát hành trì đạo Bồ-đề, chí tâm lập nguyện thường cầu năm việc: Một là thường nguyện thế gian có Phật ra đời. Hai là thường nguyện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Ba là thường nguyện tìm cầu pháp tạng và luận tạng của Bồ-tát. Bốn là thường nguyện sẽ được giải thoát. Năm là thường nguyện quyền thuộc thành tựu.

Bồ-tát lại có năm việc tạo lợi ích cho các chúng sinh, như trong phẩm tự lợi lợi tha đã nói. Bồ-tát lại có năm việc mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Một là hộ trì chánh pháp. Hai là tu hành hạnh thiện. Ba là có lực trí tuệ. Bốn là chuyên tâm tịch tĩnh. Năm là nhất định đạt được tánh Bồ-tát.

Hộ trì chánh pháp: Tức là Bồ-tát đầy đủ hộ Đà-la-ni, từ người khác nghe pháp mau được hiểu rõ. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ niệm, do hộ niệm nên thọ pháp không quên. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ trí tuệ, do hộ trí tuệ nên phân biệt pháp giới. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ tâm, điều phục các căn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ tha tâm, tùy người thực hành. Đó gọi là hộ pháp tu hành hạnh thiện.

Tu hành hạnh thiện: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với pháp thuận giải thuận thuyết, thường tu pháp thiện, bốn tâm vô lượng, nguyện hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là tu hành hạnh thiện.

Lực trí tuệ: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát từ lúc mới phát tâm Bồ-đề tu tập cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là lực trí tuệ.

Chuyên tâm tịch tĩnh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng mười pháp thanh tịnh cúng dường Như Lai, như trên đã nói. Đó gọi là tịch tĩnh.

Nhất định đạt được tánh Bồ-tát: Tức là Bồ-tát trụ nơi một loại địa, là địa không thoái chuyển. Đó gọi là nhất định đạt được tánh Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát có năm việc khiến pháp thiện tổn giảm: Một là không thể cúng dường đối với pháp và người thuyết pháp. Hai là phóng dật, biếng nhác. Ba là ưa dấy khởi phiền não, tâm động không yên. Bốn là đối với Bồ-tát đồng hạng tâm sinh kiêu mạn. Năm là đối với Tạng Bồ-tát lại giải nghĩa điên đảo.

Bồ-tát có năm việc làm cho pháp thiện tăng trưởng: Một là cúng dường đối với pháp và người thuyết pháp. Hai là thâm giữ tâm hành tinh tấn. Ba là có khởi phiền não, tâm dốc trừ diệt. Bốn là đối với Bồ-tát đồng hạng tâm sinh cung kính. Năm là đối với Tạng Bồ-tát luôn tùy thuận giải nghĩa.

Có năm việc thật chẳng phải là Bồ-tát, giả gọi là Bồ-tát, thật chẳng phải là Sa-môn, giả gọi là Sa-môn, thật chẳng phải là bậc phạm hạnh, giả gọi là bậc phạm hạnh, không đặc giới Bồ-tát, không cùng ở chung: Một là tánh ác. Hai là hộ trì người hủy giới. Ba là không được thiên định mà hiển bày tướng được thiên. Bốn là tự nuôi sống bằng tà mạng. Năm là thấy người có trí sinh tâm ganh ghét, phỉ báng.

Có năm việc đúng thật là Bồ-tát, thật gọi là Sa-môn, thật gọi là bậc phạm hạnh, đặc giới Bồ-tát, được cùng ở chung: Một là tánh thiện điều hòa. Hai là đối trị người hủy giới. Ba là thật đặc thiên định, không hiển bày tướng. Bốn là tự sống bằng chánh mạng. Năm là thấy người có trí sinh tâm hoan hỷ, khen ngợi.

Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh có mười điều: Một là vì phá trừ pháp ác. Hai là vì nhận biết pháp giới. Ba là không tạo phạm. Bốn là phạm rồi thì hổ thẹn sám hối. Năm là điều phục các căn. Sáu là không phóng dật. Bảy là xa lìa tri thức ác. Tám là ở chỗ vắng lặng. Chín là xa lìa phiền não. Mười là được giải thoát.

Thọ ký cho Bồ-tát có sáu việc: Một là định có tánh Bồ-tát nhưng chưa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Hai là chưa có tánh Bồ-tát nhưng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Ba là

có tánh Bồ-tát và phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bốn là ở trong vô lượng đời vì Bồ-đề nên tu hành hạnh thiện. Năm là quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng nhưng không nói thời nhất định. Sáu là nhất định chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng nói thời nhất định.

Có ba việc Bồ-tát quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Một là quyết định có tánh. Hai là được tâm bất thoái. Ba là phạm làm việc đều vì chúng sinh nên sinh khởi chủng tử của pháp thiện. Bồ-tát do ba việc này nên được Phật thọ ký.

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có đủ năm việc thì không chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Một là không phát tâm Bồ-đề. Hai là không có tâm thương xót. Ba là không siêng năng tinh tấn. Bốn là không kính trọng giới. Năm là không hiểu biết tất cả việc ở thế gian. Bồ-tát nếu có đủ năm việc như vậy, thì không chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu nói có năm pháp như thế nhưng vẫn chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì thật không có việc ấy.

Có năm việc Bồ-tát thường tu tập: Một là không phóng dật. Hai là vì phá trừ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh. Ba là cúng dường Tam bảo. Bốn là chí tâm trì giới có phạm liền nhận biết. Năm là làm được việc thiện đều hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát có mười pháp hơn tất cả pháp: Một là tánh Bồ-tát hơn tất cả tánh. Hai là ban đầu phát tâm Bồ-đề hơn tất cả sự phát tâm ở thế gian và xuất thế gian. Ba là tinh tấn Ba-la-mật và trí tuệ Ba-la-mật hơn tất cả các thứ Ba-la-mật. Bốn là dùng lời nói nhu hòa hành nhiếp pháp hơn cả các nhiếp pháp khác. Năm là Như Lai hơn tất cả chúng sinh. Sáu là tâm bi hơn tất cả tâm vô lượng. Bảy là chỗ tu tứ thiền hơn tất cả thiền. Tám là Tam-muội không hơn tất cả Tam-muội. Chín là định diệt tận hơn tất cả định diệt. Mười là phương tiện thanh tịnh hơn tất cả phương tiện.

Có bốn việc chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể lưu hành khắp, nếu từ Phật nghe thì có thể lưu hành khắp: Một là pháp lưu hành khắp. Hai là thật lưu hành khắp. Ba là phương tiện lưu hành khắp. Bốn là thừa lưu hành khắp.

Pháp lưu hành khắp: Tức là thứ lớp diễn nói mười hai bộ kinh.

Thật lưu hành khắp có một thứ, đó là không vọng ngữ. Lại có hai thứ: một là thế đế, hai là đệ nhất nghĩa đế. Lại có ba thứ: một là tướng thật, hai là khẩu thật, ba là hành thật. Lại có bốn thứ: một là khổ, hai là tập, ba là diệt, bốn là đạo. Lại có năm thứ: một là nhân thật, hai là quả thật, ba là trí thật, bốn là nhận biết cảnh giới thật, năm là vô thượng thật. Lại có sáu thứ: một là thật thật, hai là hư vọng thật, ba là trí thật, bốn là xa lìa thật, năm là chứng thật, sáu là tu thật. Lại có bảy thứ: một là ái thật, hai là khổ thật, ba là giải thoát thật, bốn là pháp thật, năm là hiểu thật, sáu là Thánh thật, bảy là phi Thánh thật. Lại có tám thứ: một là hành khổ thật, hai là khổ khổ thật, ba là sinh khổ thật, bốn là diệt thật, năm là phiền não thật, sáu là giải thoát thật, bảy là hành thiện thật, tám là quả thiện thật. Lại có chín thứ: một là vô thường thật, hai là khổ thật, ba là bất tịnh thật, bốn là không thật, năm là vô ngã thật, sáu là hữu ái thật, bảy là đoạn ái thật, tám là đoạn phương tiện hai ái thật, chín là Niết-bàn hữu dư thật. Lại có mười thứ: một là chẳng phải phân mà gắng làm khổ thật, hai là bản cùng là khổ thật, ba là bốn đại không điều hòa là khổ thật, bốn là ái xa nhau là khổ thật, năm là oán ghét gặp nhau là khổ thật, sáu là nghiệp thật, bảy là quả báo thật, tám là phiền não thật, chín là khéo tư duy thật, mười là chánh kiến thật. Mười thứ trên đây gọi là thật lưu hành khắp.

Phương tiện lưu hành khắp: Tức như trong Phẩm Phương Tiện đã nói.

Thừa lưu hành khắp: Tức là thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và Phật thừa.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán tất cả phương tiện có năm thứ vô lượng: Một là cõi chúng sinh vô lượng. Hai là thế giới vô lượng. Ba là pháp giới vô lượng. Bốn là cảnh giới điều phục vô lượng. Năm là phương tiện điều phục vô lượng.

Cõi chúng sinh: Tức có sáu mươi một thứ. Bồ-tát trụ ở địa hỷ, quán cõi chúng sinh chuyển làm vô lượng.

Thế giới vô lượng: Nghĩa là có vô lượng tên gọi về thế giới, như thế giới này gọi là Ta bà, Phạm thiên gọi là chủ Ta bà.

Pháp vô lượng: Tức là thiện, bất thiện và vô ký, chuyển làm vô lượng.

Điều phục vô lượng: Có một thứ đó là điều phục. Lại có hai thứ: đó là phiền não đầy đủ và phiền não không đầy đủ. Lại có ba thứ: đó là căn trí bậc thượng, trung và hạ. Lại có bốn thứ: đó là Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà. Lại có năm thứ: đó là nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, nhiều mạn, nhiều giác quán ác. Lại có sáu thứ: đó là xuất gia, tại gia, chưa thành thực, đã thành thực, chưa giải thoát, đã giải thoát. Lại có bảy thứ: Một là nghe rồi liền hiểu. Hai là do thí dụ nên được hiểu. Ba là một câu hiểu một câu. Bốn là một chữ hiểu một chữ. Năm là hiện tại thành thực. Sáu là đời sau thành thực. Bảy là tùy nhân duyên nên thành thực. Lại có tám thứ: đó là tám chúng. Lại có chín thứ: Một là Như Lai điều phục. Hai là Thanh văn điều phục. Ba là Duyên giác điều phục. Bốn là Bồ-tát điều phục. Năm là khó điều phục. Sáu là dễ điều phục. Bảy là dùng lời nhu hòa điều phục. Tám là dùng quở trách điều phục. Chín là dùng lời nhu hòa quở trách điều phục. Lại có mười thứ: Một là địa ngục. Hai là ngạ quỷ. Ba là súc sinh. Bốn là trời người thuộc dục giới. Năm là trung âm. Sáu là sắc. Bảy là phi sắc. Tám là tưởng. Chín là vô tưởng. Mười là phi tưởng phi phi tưởng. Trên đây là năm mươi lăm thứ quán tạo vô lượng.

Chúng sinh giới và điều phục giới có gì khác nhau? Chúng sinh giới hoàn toàn không phân biệt có tánh hay không tánh. Điều phục giới thì phân biệt có tánh và không tánh.

Phương tiện điều phục vô lượng tức như trong phẩm đầu đã thuyết. Thế nên Bồ-tát có năm thứ vô lượng này thâm lấy tất cả phương tiện.

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn nhận biết chân thật phải cầu bốn việc: Một là suy cầu nơi vật. Hai là suy cầu nơi tên. Ba là suy cầu nơi tánh. Bốn là suy cầu phân biệt. Bốn việc như vậy cũng như trước đã nói. Chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp có năm việc: Một là lúc thuyết giảng liền tỏ ngộ bốn đế. Hai là lúc thuyết giảng tức được giải thoát. Ba là lúc thuyết giảng tức phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bốn là lúc thuyết giảng được pháp nhẫn nhục của Bồ-tát. Năm là chúng sinh nghe rồi thì thọ trì, đọc tụng biên chép giải nói, hộ trì chánh pháp. Đó gọi là chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp, được công đức lớn không thể nghĩ bàn.

Thế nào gọi là Đại thừa? Có bảy việc lớn nên gọi là Đại thừa: Một là pháp lớn. Pháp lớn: Nghĩa là pháp tạng của Bồ-tát ở trong mười hai bộ kinh là tối đại tối thượng nên gọi là Phương đẳng. Hai là tâm lớn. Tâm lớn: Nghĩa là phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Ba là hiểu biết lớn. Hiểu biết lớn: Nghĩa là hiểu biết về tạng Bồ-tát, kinh Phương đẳng. Bốn là thanh tịnh lớn. Thanh tịnh lớn: Nghĩa là Bồ-tát phát tâm rồi tâm ấy luôn thanh tịnh, cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Năm là trang nghiêm lớn. Trang nghiêm lớn: Nghĩa là Bồ-tát đầy đủ công đức trang nghiêm, trí tuệ trang nghiêm, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Sáu là thời gian lớn. Thời gian lớn: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát vì Bồ-đề Vô thượng, trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp tu hành khổ hạnh. Bảy là đầy đủ lớn. Đầy đủ lớn: Nghĩa là Bồ-tát đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Pháp

lớn, tâm lớn, hiểu biết lớn, thanh tịnh lớn, trang nghiêm lớn, thời gian lớn, sáu thứ lớn như vậy gọi là nhân. Đây đủ lớn gọi là quả.

Có tám pháp có thể thu tóm tất cả Đại thừa: Một là diễn nói pháp tạng Bồ-tát. Hai là thuyết giảng nghĩa của tạng Bồ-tát. Ba là nói về chư Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn trong tạng Bồ-tát. Bốn là suy nghĩ về ý nghĩa trong ấy. Năm là tu tập ý nghĩa. Sáu là đạt được đầy đủ nghĩa. Bảy là đạt được quả tu tập. Tám là hiểu rõ nghĩa sâu xa. Bồ-tát Ma-ha-tát học tám pháp như vậy, tức chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát tu học Bồ-đề của Bồ-tát gồm có mười thứ: Một là tánh trụ. Hai là nhập. Ba là tâm bất tịnh. Bốn là tâm tịnh. Năm là không thành thực. Sáu là thành thực. Bảy là không định. Tám là định. Chín là một đời chứng đắc. Mười là hiện thân đạt được tánh định. Tâm tịnh học các pháp, đó gọi là trụ. Phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng gọi là nhập. Người nhập chưa đắc địa tịnh nên gọi là bất tịnh. Đắc địa tịnh rồi gọi là tịnh. Người tịnh lúc chưa nhập địa rốt ráo gọi là không thành thực. Nhập địa rốt ráo rồi gọi là thành thực. Người thành thực chưa nhập định địa gọi là không định. Nhập rồi gọi là định. Thành thực có hai thứ: Một là một đời chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Hai là hiện thân chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Mười thứ như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thọ giới Bồ-tát, hành trì giới Bồ-tát. Mười thứ này Bồ-tát gồm thu tóm cả Bồ-tát. Nếu có thể chí tâm thọ trì, tu hành giới Bồ-tát, đó gọi là Bồ-tát, gọi là Ma-ha-tát, gọi là người trí, gọi là dũng mãnh, gọi là vô thượng, gọi là Phật tử, gọi là Phật trì, gọi là đại thắng, gọi là Phật giới, gọi là vô úy, gọi là Đại Thánh, gọi là Thương chủ, gọi là Thuyền sư, gọi là đại danh xưng, gọi là thương xót, gọi là đại công đức, gọi là tự tại, gọi là pháp trì, gọi là không thể nghĩ bàn, gọi là có thể nhận biết về vô lượng thế giới trong mười phương, như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay.

Nếu có người nói: Ta là Bồ-tát, không thọ giới Bồ-tát, không thể chí tâm hành trì giới Bồ-tát, nhưng sinh tâm tín, nên biết là Bồ-tát muốn chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nếu có người nói: Ta là Bồ-tát, không thể chí tâm thọ trì giới Bồ-tát, tâm không sinh tín. Đó gọi là Bồ-tát danh tự, thật lâu mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nếu có người nói: Ta là Bồ-tát, thọ trì giới Bồ-tát, chí tâm tu hành, tin giới Bồ-tát. Đó gọi là đã vào trong mười thứ của Bồ-tát, không lâu nhất định sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nếu có người nói: Ta là Bồ-tát, thọ giới Bồ-tát, không thể chí tâm hộ trì giới cấm, hủy giới đã thọ, tâm không sinh tín. Đó gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la, không gọi là danh Bồ-tát, không gọi là nghĩa Bồ-tát.

*

**

Phẩm thứ 1: TƯỚNG BỒ TÁT CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát chân thật có năm thứ tướng. Bồ-tát do đầy đủ năm thứ tướng, nên gọi là Bồ-tát chân thật: Một là tâm thương xót. Hai là lời nhu hòa. Ba là dừng mãnh. Bốn là không tham. Năm là giải nói nghĩa sâu.

Năm pháp như vậy có năm thứ trí: Một là tánh. Hai là nhân duyên. Ba là quả công đức. Bốn là thứ lớp. Năm là thâm giữ.

Tánh thương xót có hai thứ: Một là chí tâm. Hai là như pháp.

Chí tâm: Tức là bố thí các sự an ổn. Đó gọi là tánh.

Như pháp: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đem sự an vui như mình để bố thí chúng sinh. Đó gọi là như pháp.

Tánh nhu hòa: Tức là trước hết dùng lời hợp ý, lời hoan hỷ, lời xa lìa ác, lời tạo lợi ích. Đó gọi là tánh nhu hòa.

Tánh dũng mãnh: Tức là tâm không sợ hãi, quả cảm, dũng mãnh, có thể phá bỏ sự sợ hãi cho chúng sinh. Đó gọi là tánh mạnh mẽ.

Tánh không tham: Tức là hành tất cả thí, thí thanh tịnh, thí rồi không hối hận. Đó gọi là tánh không tham.

Tánh giải nói nghĩa sâu: Tức là bốn trí vô ngại. Đó gọi là tánh giải nói nghĩa sâu.

Nhân duyên của thương xót gồm có năm thứ: Một là chúng sinh thọ khổ. Hai là chúng sinh hành ác. Ba là chúng sinh phóng dật. Bốn là chúng sinh tà kiến. Năm là chúng sinh ưa phiền não. Chúng sinh thọ khổ tức là thường chịu khổ não, cho đến không có một niềm vui vẻ. Đó gọi là thọ khổ. Lại có chúng sinh tuy không thọ khổ, nhưng tạo mười nghiệp đạo ác nơi thân khẩu ý. Đó gọi là chúng sinh hành ác. Lại có chúng sinh không tạo nghiệp ác, không thọ khổ não, nhưng tham đắm năm dục, say mê vui chơi, tham ái tự thân không tu pháp thiện. Đó gọi là phóng dật. Lại có chúng sinh không thọ khổ não, không tạo nghiệp ác, cũng không phóng dật, vì cầu giải thoát, nhưng chẳng phải nhân lại cho là nhân, chẳng phải quả lại thấy là quả. Đó gọi là tà kiến, như hàng ngoại đạo. Lại có chúng sinh không thọ khổ não, không tạo nghiệp ác, cũng không phóng dật, cũng không tà kiến, nhưng có nhiều phiền não trói buộc ngăn che nên không tu tập pháp thiện. Đó gọi là ưa phiền não. Trên đây là năm nhân duyên khiến Bồ-tát thương xót. Do nhân duyên này nên tâm thương xót được tăng trưởng.

Nhân duyên của nhu hòa gồm có năm thứ: Một là nói lời hỏi thăm thiện. Hai là nói lời vui thiện. Ba là nói lời vô úy thiện. Bốn là nói lời thanh tịnh thiện. Năm là lời giáo hóa thiện. Năm nhân duyên này gọi là nói lời nhu hòa như trong Phẩm Bốn Nhiếp đã nói.

Nhân duyên của dũng mãnh gồm có năm loại: Như trong Phẩm Ba Mươi Bảy Pháp Trợ Bồ Đề đã nói.

Không tham gồm có năm nhân duyên: Một là bố thí không phân biệt. Hai là hoan hỷ bố thí. Ba là chí tâm bố thí. Bốn là thanh tịnh bố thí. Năm là như pháp đạt được tài thí. Đó gọi là năm nhân duyên của không tham, như trong Phẩm Bố Thí đã thuyết.

Thuyết giảng nghĩa sâu xa có năm nhân duyên: Một là thuyết giảng nghĩa sâu xa của kinh, giải nói về nghĩa không, ba đời, trung âm, thoái, bất thoái, ngã và ngã sở, Phật tánh, tánh Bồ-tát, Như Lai, Niết-bàn, ba thừa, sắc, tạo sắc, mười hai nhân duyên. Đó gọi là nghĩa của kinh. Hai là có thể thuyết giảng nghĩa của Tỳ-ni, tức là luật: đây là phạm, đây là không phạm; đây có thể sám hối, đây không thể sám hối; đây là nhẹ, đây là nặng; đây là tánh trọng, đây là giá trọng. Đó gọi là thuyết giảng nghĩa sâu xa về luật. Ba là thuyết giảng nghĩa về luận. Đức Phật lúc ấy vì chúng sinh nên nói là phạm, vì người khác phạm nên nói nhẹ làm nặng, nói nặng làm nhẹ, vì khiến một người được sám hối, cho đến trong đại chúng được sám hối. Đó gọi là thuyết giảng nghĩa sâu xa về luận. Bốn là có thể tự giải nói về nghĩa chánh. Năm là có thể nhận biết danh tự của các pháp.

Quả công đức của thương xót: Tức là Bồ-tát hành trì tâm từ là vì chúng sinh, vì phá trừ tâm ác nên tu tập tâm từ, có thể tạo lợi ích cho chúng sinh tâm không hối hận. Do thường tu tập nên hiện được đời an vui. Thế nên Đức Như Lai thuyết giảng quả công đức của từ bi, độc không thể hại, dao không thể làm tổn thương, ngủ không có mộng ác, được chư thiên ủng hộ, xả thân này rồi được sinh nơi cõi sơ thiên. Đó gọi là quả công đức của thương xót.

Quả công đức của nhu hòa: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập lời nói nhu hòa, có thể phá trừ bốn lỗi ác về miệng trong hiện tại. Lời nhu hòa này là tự lợi lợi tha, có thể khiến chúng sinh yêu thích vui nghe. Đó gọi là quả công đức của nhu hòa.

Quả công đức của dừng mãnh: Tức là Bồ-tát có thể phá trừ mọi sự biếng nhác trong hiện tại, thọ nhận sự hoan hỷ, an vui ưa thích tịch

tĩnh, hộ trì giới cấm, tâm không hối hận, tự tu nhẫn nhục, dạy người hành nhẫn, tu các hạnh khổ, trang nghiêm Bồ-đề, tâm không thoái chuyển. Đó gọi là quả công đức của dũng mãnh.

Quả công đức của không tham và quả công đức của việc giải nói nghĩa sâu xa: Tức như trên đã nói.

Thứ lớp: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trước tu tâm từ, vì điều phục chúng sinh, tiếp theo nói lời nhu hòa, vì phá dứt nghiệp ác. Thấy các chúng sinh thọ nhận nghiệp ác, tâm không sợ hãi, sinh khởi việc cứu hộ, gọi là dũng mãnh. Vì điều phục chúng sinh nên hành bố thí. Kế đến nói không tham và giải nói về nghĩa sâu xa.

Bồ-tát Ma-ha-tát tùy theo năm tướng để thâm tóm sáu pháp Ba-la-mật: Tướng thương xót tức thâm tóm thiền Ba-la-mật. Lời nhu hòa tức thâm tóm trì giới Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng dũng mãnh tức thâm tóm tinh tấn Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Tướng không tham thâm tóm bố thí Ba-la-mật. Thuyết giảng nghĩa sâu xa thâm tóm Bát-nhã Ba-la-mật và bố thí Ba-la-mật.

**

Phẩm thứ 2: THIỀN CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc tại gia hoặc xuất gia đều có bốn pháp có thể tu học, tức chứng đắc hành nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó là phương tiện của nghiệp thiện và thương xót chúng sinh.

Phương tiện của nghiệp thiện: Tức là bố thí Ba-la-mật nên tu hành thiện, hành chuyên tâm, hành thường, hành tịnh.

Hành thiện: Tức là Bồ-tát nếu có tài vật, khi bố thí cho người đến xin, không quán có ân và không ân, không quán phước điền và không phước điền, tuy có trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng đều không thể làm trở ngại tâm bố thí của Bồ-tát. Đó gọi là hành thiện.

Hành chuyên tâm: Tức là Bồ-tát lúc bố thí có người đến cầu xin, xả bỏ nội vật, ngoại vật, tất cả vật thí cùng tâm không tham tiếc. Đó gọi là hành chuyên tâm.

Hành thường: Tức Bồ-tát lúc bố thí có người đến xin, không quán thời và phi thời, tùy vật có nên bố thí. Đó gọi là hành thường.

Hành tịnh: Tức là Bồ-tát lúc bố thí có người đến xin, không vì danh tiếng để bố thí, không vì sự an vui nơi nẻo trời mà bố thí, như trong Phẩm Bố Thí đã nói. Đó gọi là hành tịnh.

Như bố thí có bốn việc là hành thiện, hành chuyên tâm, hành thường, hành tịnh, thì Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật cũng có bốn việc như vậy.

Thế nào là phương tiện thiện của Bồ-tát? Nếu có người sinh tâm muốn phá bỏ pháp Phật, vì điều phục họ nên thực hành phương tiện thiện. Muốn khiến người thuộc căn trí bậc trung nhập pháp Phật, nên thực hành phương tiện thiện. Tuy đã hội nhập nhưng chưa thành thực, vì khiến thành thực nên thực hành phương tiện thiện. Đã thành thực rồi, vì khiến được giải thoát nên thực hành phương tiện thiện. Bồ-tát vì thuyết giảng về y phương kỹ thuật các luận của thế gian nên thực hành phương tiện thiện. Vì muốn chí tâm thọ giữ giới Bồ-tát, kiên trì không hủy phạm, nên thực hành phương tiện thiện. Phương tiện của nguyện thiện, phương tiện của thừa Thanh văn, phương tiện của thừa Duyên giác, phương tiện của Đại thừa, trong các phương tiện trên đây có thể làm năm việc: Bốn phương tiện đầu là vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên thực hành. Phương tiện về bốn phương kỹ thuật của thế gian là để phá trừ luận tà. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát trọn không hủy phạm, nếu có phạm liền như pháp sám hối. Phương tiện phát nguyện thiện là tùy theo chỗ cầu nên có thể được. Phương tiện của ba thừa nơi Bồ-tát là tùy theo căn cơ để thuyết pháp. Thế nên Bồ-

tát có mười thứ phương tiện như vậy để có thể làm năm việc, do năm việc nên nhất định đầy đủ, có thể đạt được tất cả sự việc ở thế gian, hoặc hiện tại hoặc đời sau.

Thế nào là Bồ-tát tạo lợi ích cho người? Tức như trong Phẩm Bốn Nhiếp đã nêu. Thế nào là Bồ-tát phát nguyện thiện? Tức là Bồ-tát hành tất cả nghiệp thiện, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai đều không cầu quả báo, chỉ cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là phát nguyện thiện. Đức Như Lai nêu vì hàng xuất gia hoặc tại gia nên thuyết giới, tất cả đều thâm lấy bốn sự việc như thế. Nếu Bồ-tát xuất gia hoặc tại gia, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, thọ trì giới Bồ-tát, thì đều chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát xuất gia hơn Bồ-tát tại gia. Vì sao? Vì Bồ-tát xuất gia có được tất cả giới Bồ-tát. Bồ-tát tại gia không được tất cả giới Bồ-tát. Bồ-tát xuất gia có thể hành trì phạm hạnh tịch tĩnh thanh tịnh, Bồ-tát tại gia không thể tu hành phạm hạnh tịch tĩnh. Bồ-tát xuất gia có thể hành trì ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bồ-tát tại gia không thể hành trì ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bồ-tát xuất gia giải nói tất cả sự việc thế gian. Bồ-tát tại gia bị công việc của thế gian ràng buộc.

HẾT - QUYỂN 7

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 8

Phẩm thứ 3: TÂM ĐỊNH CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh có bảy việc: Một là không sợ hãi. Hai là chân thật. Ba là không lo sầu. Bốn là không cầu. Năm là không tham ái. Sáu là rộng lớn. Bảy là bình đẳng.

Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, không có sợ hãi, tu ba nghiệp thiện, vì phá trừ các nghiệp ác của chúng sinh. Đó gọi là không sợ hãi.

Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, chẳng phải vì sự ái của phiền não, chẳng phải pháp trụ, chẳng phải luật trụ, không vọng ngữ, không giáo hóa nơi chẳng phải xứ. Đó gọi là chân thật.

Bồ-tát Ma-ha-tát do tâm thương xót, vì các chúng sinh siêng tu khổ hạnh, tâm không lo buồn, hối hận. Đó gọi là không lo sầu.

Tất cả chúng sinh không cầu Bồ-tát, nhưng các Bồ-tát tự tu tâm từ. Đó gọi là không cầu.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc khởi tâm thương xót, đối với các chúng sinh không có tâm tham. Người không có tâm tham thì không cầu báo ân và quả của tâm từ. Đó gọi là không tham ái.

Bồ-tát lúc tu tâm từ nếu như có chúng sinh đánh mắng não hại, trọn không xả bỏ tâm từ. Đó gọi là rộng lớn.

Bồ-tát tu tâm từ không vì một người, mà khắp vì vô lượng vô biên chúng sinh trong vô lượng pháp giới. Đó gọi là bình đẳng.

Bồ-tát đạt đầy đủ bảy pháp như trên, gọi là Bồ-tát chí tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh gồm có mười lăm thứ: Một là tịnh vô thượng. Hai là tịnh như pháp. Ba là tịnh Ba-la-mật. Bốn là tịnh nghĩa chân thật. Năm là tịnh bất khả tư nghĩ. Sáu là tịnh an ổn. Bảy là tịnh lạc. Tám là tịnh không phóng dật. Chín là tịnh kiên cố. Mười là tịnh không hư dối. Mười một là tịnh bất tịnh. Mười hai là tịnh tịnh. Mười ba là tịnh thiện. Mười bốn là tịnh điều phục. Mười lăm là tịnh tánh.

Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm chuyên niệm Phật Pháp Tăng bảo. Đó gọi là tịnh vô thượng.

Bồ-tát thọ giữ giới Bồ-tát rồi, chí tâm hộ trì không khiến hủy phạm. Đó gọi là tịnh như pháp.

Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm hành đầy đủ năm pháp Ba-la-mật. Đó gọi là tịnh Ba-la-mật.

Bồ-tát chí tâm hiểu biết rõ pháp giới không có ngã, không có ngã sở. Vì lưu hành khắp nên gọi là sĩ phu. Thông đạt rõ ràng nghĩa sâu xa của mười hai bộ kinh. Nghĩa sâu xa tức là đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế gọi là tịnh nghĩa chân thật.

Chư Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn, từ lúc mới xuất thế cho đến Bát Niết-bàn. Đó gọi là tịnh bất khả tư nghĩ.

Bồ-tát chí tâm tu tập tâm bi, thí khắp sự an lạc cho tất cả chúng sinh. Đó gọi là tịnh an ổn.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh khổ nên tu tập tâm từ, vì muốn khiến cho chúng sinh được an vui. Đó gọi là tịnh lạc.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì các chúng sinh nên tu tập từ bi, không cầu tâm không tham, tâm không quả tâm không báo ân, cũng không khiến chúng sinh làm các việc ác. Đó gọi là tịnh không phóng dật.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tâm vững chắc không thể hủy hoại. Đó gọi là tịnh kiên cố.

Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong vô lượng đời chí tâm tu tập hành thiện Bồ-đề. Bồ-đề như vậy và đạo Bồ-đề không có hư dối. Đó gọi là tịnh không hư dối.

Bồ-tát Ma-ha-tát chưa được địa giải. Đó gọi là tịnh bất tịnh.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh cho đến địa cứu cánh. Đó gọi là tịnh tịnh.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa cứu cánh, tu bố thí Ba-la-mật. Đó gọi là tịnh thiện.

Bồ-tát Ma-ha-tát do được địa tịnh nên điều phục tâm. Đó gọi là tịnh điều phục.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh và địa cứu cánh. Đó gọi là tịnh tánh. Tịnh tánh tức là không nhờ vào sự tu tập sau mới thanh tịnh, nhưng tánh vốn tự như vậy. Thân tâm thanh tịnh nên gọi là tánh tịnh.

Bồ-tát đạt đầy đủ mười lăm pháp này thì có thể làm mười việc:

- (1) Bồ-tát nhân nơi tịnh vô thượng nên có thể cúng dường Tam bảo. Cúng dường Tam bảo tức là làm trang nghiêm tất cả phần căn bản của đạo Bồ-đề.
- (2) Bồ-tát nhân nơi thọ trì tịnh, tức có thể thọ trì giới Bồ-tát cho đến bỏ thân thọ thân trọn không hủy phạm, nếu mất niệm hủy phạm tức thời sám hối.
- (3) Bồ-tát nhân nơi tịnh Ba-la-mật nên thường tu tập tất cả pháp thiện, không có phóng dật.
- (4) Bồ-tát nhân nơi tịnh nghĩa chân thật, tuy có phiền não, vì chúng sinh nên lưu chuyển trong sinh tử, nhưng trọn không quên mất tâm Niết-bàn.
- (5) Bồ-tát nhân nơi tịnh bất khả tư nghi nên khiến vô lượng chúng sinh ở trong pháp Phật được tâm tín lớn, tu tập đạo quả.
- (6) Bồ-tát nhân nơi tịnh an ổn và tịnh lạc, tịnh không phóng dật, nên thành tựu đầy đủ việc tạo lợi ích cho các chúng sinh, tâm không sầu não, hối hận.
- (7) Bồ-tát nhân nơi tịnh kiên cố nên siêng tu tinh tấn, phá trừ sự biếng

trễ, thành tựu không phóng dật. (8) Bồ-tát nhân nơi tịnh không hư dối nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tăng trưởng pháp thiện, tu hành không chán. (9) Bồ-tát nhân nơi tịnh điều phục và tịnh tánh, có thể dùng đạo quả Bồ-đề Vô thượng giáo hóa chúng sinh, có thể dùng sự an ổn bố thí cho tất cả chúng sinh nơi hàng trời người. (10) Tánh tịnh của Bồ-tát là thâm tóm cả ba tịnh, đó là tịnh bất tịnh, tịnh tịnh và tịnh thiện.

Chư Phật và Bồ-tát đời quá khứ hiện tại vị lai, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đã đạt, nay đạt, sẽ đạt, đều do mười lăm pháp tịnh này mà được. Nếu có người nói: Bồ-tát lia mười lăm pháp tịnh này nhưng vẫn chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì không có việc ấy.

**

Phẩm thứ 4: SINH ĐỊA BỒ ĐỀ CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát có tánh đầy đủ, giới đầy đủ, học giới Bồ-tát đầy đủ, tướng Bồ-tát đầy đủ, thành tựu sự trang nghiêm của Bồ-tát đầy đủ, mười lăm pháp tâm tịnh làm thanh tịnh thân khẩu ý nghiệp. Bồ-tát có mười hai hành thâm giữ tất cả hành của Bồ-tát, mười hai hành của Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là hành vô thắng.

Những gì gọi là mười hai hành của Bồ-tát? Một là tánh hành. Hai là giải hành. Ba là hỷ hành. Bốn là giới hành. Năm là tuệ hành. Tuệ hành có ba thứ: Một là hành cộng trợ Bồ-đề, hai là hành cộng đế, ba là hành cộng mười hai nhân duyên. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sự thấy biết như thật để thấy pháp như thật, nếu không thấy như thật thì lưu chuyển trong sinh tử. Nếu thấy được như thật thì đoạn được các khổ, cho nên trí tuệ của Bồ-tát có ba thứ. Đó gọi là tuệ hành. Sáu là hành hành. Bảy là hành vô tướng. Tám là hành không lậu. Chín là hành vô hành. Mười là hành vô ngại. Mười một là Bồ-tát hành. Mười hai là đầy đủ hành. Đó gọi là mười hai hành.

Bồ-tát nếu thực hành mười hai hành này, thì có thể thâu giữ tất cả các hành. Hành của Như Lai là hơn tất cả hành, nên gọi là hành vô thắng.

Tánh hành: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Bồ-đề, công đức pháp thiện đầy đủ. Do tu tập các pháp thiện nên thường ra pháp thiện, thọ trì tất cả chủng tử của pháp Phật, tự biết thân mình có chủng tử Phật, phá trừ phiền não thô. Đó gọi là tánh hành. Bồ-tát đầy đủ tánh hành này, trọn không hề khởi phiền não cực nặng, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề. Đó gọi là tánh hành.

Giải hành: Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, tu tập các hành. Đó gọi là giải hành, tánh hành, Bồ-tát hành. Mười hành là nhân của hành Như Lai, trong đó chỗ hành cũng chưa được quả, cũng chưa được tịnh, cũng muốn được mười một hành của Như Lai. Nếu hành một hành gọi là hành Như Lai, gọi là hành hành, làm tịnh hành hành. Do tịnh hành nên gọi là hỷ hành muốn làm tịnh hỷ hành. Hỷ hành tịnh nên được giới hành. Giới hành tịnh nên cho đến có thể đạt được Bồ-tát hành đầy đủ. Bồ-tát hành đã được hành Như Lai là làm tịnh hành Như Lai.

Hỷ hành: Nghĩa là Bồ-tát chí tâm làm tịnh tâm Bồ-đề. Đó gọi là hỷ hành.

Giới hành: Nghĩa là Bồ-tát trước làm tịnh tánh trọng, không hủy giá trọng.

Tuệ hành: Do giới tịnh nên tu tập thiền thế gian. Đó gọi là tuệ hành. Nương vào đạo thế gian, nhập bốn chân đế, tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó gọi là hành cộng trợ Bồ-đề. Tu trợ Bồ-đề thật thấy bốn đế, đó gọi là hành cộng đế, hành cộng mười hai nhân duyên. Nếu quán sát bốn đế thấy tất cả khổ từ nhân duyên sinh, từ nhân duyên diệt. Đó gọi là hành cộng mười hai nhân duyên.

Hành hành: Nghĩa là vì trợ Bồ-đề nên siêng hành tinh tấn. Đó gọi là hành hành.

Hành vô tướng: Nghĩa là tuy không thấy tướng chúng sinh và tướng Bồ-đề, nhưng luôn tu tập Bồ-đề không dừng nghỉ. Đó gọi là hành vô tướng.

Hành không lậu: Nghĩa là vì trợ Bồ-đề nên kiên trì giới cấm, không có hủy phạm, không gián đoạn. Đó gọi là hành không lậu.

Hành vô hành: Nghĩa là chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng rồi, vì điều phục chúng sinh nên hành trì, không phải vì hành Bồ-đề. Đó gọi là hành vô hành. Hành Bồ-đề tức là tu tập hành vô tướng. Đó gọi là hành Bồ-đề. Hành không phân biệt pháp giới gọi là hành Bồ-đề.

Hành vô ngại: Nghĩa là tu tập không phân biệt pháp giới. Vì vô lượng chúng sinh nên diễn nói chánh pháp, khiến tu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, hoặc một đời, hoặc hiện thân. Đó gọi là hành vô thượng. Hành trì hành vô thượng, lần lượt chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng rồi, làm tất cả Phật sự. Đó gọi là hành Như Lai đầy đủ tánh hành. Bồ-tát Ma-ha-tát quyết định đạt được mười hai hành, đầy đủ giải hành. Bồ-tát Ma-ha-tát đoạn trừ tướng lậu thô, là đầy đủ hỷ hành. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, như hỷ hành, cho đến hành Bồ-tát cũng như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc hành tánh hành, không thấy tướng mạo của tất cả các pháp, cho đến hành Bồ-tát cũng lại như thế. Bồ-tát khi hành tánh hành, không cầu pháp thiện và quả của pháp thiện, cho đến hành Bồ-tát cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc hành tánh hành được lực của đại trí, cho đến hành Bồ-tát cũng lại như thế.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc hành tánh hành, đoạn năm sợ sợ hãi: Một là sợ không sống được. Hai là sợ tên gọi xấu ác. Ba là sợ chết. Bốn

là sợ đường ác. Năm là sợ đại chúng. Luôn luôn còn có nghiệp ác của thân khẩu ý. Luôn luôn sinh niệm tham nơi năm dục, đối với tài vật của mình luôn sinh tâm bồn sên. Luôn luôn tùy theo người không tự quyết định. Hoặc có lúc không thể quán xét Phật Pháp Tăng thật và không thật. Như chư Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn, không cầu nhân, không cầu quả, không cầu nhiều, không cầu ít, đối với chỗ chứng đắc và không chứng đắc không sinh tâm buồn hoặc vui.

Luôn hành theo hành phi phương tiện, không hành theo hành phương tiện, ít có văn tuệ, luôn luôn quên mất, có đủ khổ, trí không sắc bén, ít niệm về đạo quả Bồ-đề Vô thượng, không siêng năng tinh tấn, không được tâm tin hiểu sâu xa, lúc thấy sắc thanh, hương, vị, xúc, tâm sinh điên đảo, bỏ thân đến đời khác quên hẳn chánh niệm. Hoặc lúc được trí tuệ, hoặc lúc mất trí tuệ, không thể khéo nhận biết phương tiện tùy nghi để điều phục chúng sinh. Hoặc lúc thuyết pháp không thể khéo hiểu văn chữ, câu, nghĩa. Người nghe hoặc lãnh thọ hoặc không lãnh thọ như ở chỗ tối bán người hoặc trúng hoặc không. Phát tâm Bồ-đề hoặc thoái chuyển hoặc không thoái chuyển, hoặc hủy giới Bồ-tát đã thọ, hoặc muốn tự vui không vì chúng sinh, hoặc chỉ quán xét Bồ-tát hiện có quả báo và quả phước đức.

Lúc nghe pháp thâm diệu hoặc kinh sợ, hoặc hoan hỷ, hoặc tin thọ, hoặc sinh nghi. Không thể tu tập tâm từ bi, ít ban vui cho kẻ khác, sinh hoan hỷ với tâm biết đủ. Không có tướng Bồ-tát, không có sự trang nghiêm của Bồ-tát, tự thấy thân mình cách đạo vô thượng quá xa không thể đến. Tâm niệm Đại Niết-bàn, nhưng không biết tên của pháp trợ Bồ-đề. Các tướng như thế gọi là tánh hành Bồ-tát. Hành giải Bồ-tát có ba thứ nhãn, đó là bậc hạ, trung và thượng. Lúc được hạ nhãn thì các tướng như vậy là bậc hạ. Khi được trung nhãn thì các tướng như vậy là bậc trung. Lúc được thượng nhãn thì các tướng như vậy là bậc thượng. Khi được hỷ hành thì đoạn tướng như vậy toàn bộ là thiện. Do đầy đủ pháp thiện như thế nên gọi là tâm tịnh. Hành

giải Bồ-tát tuy có ba nhãn như thế, nhưng tâm không thanh tịnh. Vì sao? Vì lúc hành ba nhãn có thượng, trung, hạ nên không thanh tịnh. Khi trụ ở hỷ hành tất đoạn các ác, cho nên thanh tịnh. Lại, lúc trụ nơi hành ấy phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tùy thuận lời nói của người, lại tự suy nghĩ, do hai nhân duyên này nên tâm ấy kiên cố. Đó gọi là nguyện tịnh. Lìa pháp thế gian được quả xuất thế, phá diệt khổ của chúng sinh, hơn cả phát nguyện của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát phát nguyện trong một niệm, có thể đạt được vô lượng vô biên phước đức. Nguyện như vậy là không động, không cùng tận, không thoái, không chuyển, tăng trưởng mạnh mẽ, rất ráo có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là chân nguyện. Chân nguyện của Bồ-tát có bốn việc: Một là ai phát đạo tâm. Hai là nhân đâu mà phát tâm. Ba là phát tâm là những tánh gì. Bốn là phát tâm có công đức gì. Lúc phát tâm có bốn việc quán xét ấy.

Ai phát đạo tâm? Tức là thành tựu hành giải, đầy đủ công đức thiện, khéo hành đạo Bồ-đề, như vậy là khiến chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

Nhân đâu mà phát tâm? Tức là đầy đủ trang nghiêm đạo Bồ-đề, tạo lợi ích cho các chúng sinh, tu vô lượng hành cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật, tất cả hành Phật. Đó gọi là nhân duyên. Do nhân duyên này nên phát tâm Bồ-đề. Tất cả phát tâm làm trang nghiêm Bồ-đề, tất cả sự tu hành Bồ-đề, tùy nơi nhất thiết trí và tất cả Phật sự nên xa lìa phàm phu. Bồ-tát danh tự lìa địa phàm phu, nhập địa quyết định, phát sinh chủng tánh Phật, được gọi là con Phật, quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, được tâm đại hỷ, xa lìa tâm tham, tâm ganh ghét, tâm sân hận. Vì mọi người diễn nói đạo Bồ-đề. Đầy đủ sự trang nghiêm của tất cả pháp Phật, Phật sự, Phật hành, có được tâm hỷ, thọ an vui tịch tĩnh. Xa lìa phiền não, thân tâm thọ an lạc, thành tựu đầy đủ pháp thiện thanh tịnh, gần gũi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, chí tâm tịnh tâm vì

hướng tới Bồ-đề, lia tất cả sợ hãi, được tâm đại hỷ, phát tâm Bồ-đề sâu xa, xa lia năm thứ sợ hãi, tu tập tướng vô ngã, hiểu biết không có ngã, không có ngã sở. Do quán không có ngã và ngã sở nên không tham nơi thân, vì thế xa lia được sự sợ hãi không thể sống, không cầu vật khác dù chỉ một tiền. Thường phát nguyện: Làm sao có thể khiến cho các chúng sinh ấy được lợi ích lớn, cho nên lia được sự sợ hãi về tên tuổi xấu ác, xa lia ngã kiến. Do xa lia ngã kiến nên không thấy có ngã, vì thế lia được sợ hãi về sự chết. Chí tâm hiểu biết, ta xả thân rồi thường cùng với chư Phật, Bồ-tát đồng hành, vì thế lia được sự sợ hãi về đường ác. Ta nay chí tâm cầu pháp xuất thế, cho nên lia được sự sợ hãi đại chúng. Bồ-tát xa lia những thứ sợ hãi như vậy rồi, cũng xa lia được việc sợ nghe nghĩa thâm diệu, lia tất cả tâm ác, não hại kiêu mạn, lia tâm hỷ thế gian, được tâm thanh tịnh, được tâm bất hoại, được tâm rộng lớn, được tâm bất cộng. Được những tâm như vậy nên siêng tu hành tinh tấn, chí tâm niệm nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Do chí tâm tín niệm nên tinh tấn tu tập pháp trợ Bồ-đề. Đó là hành hỷ. Do trụ nơi hành hỷ nên tâm được thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên chí tâm thường niệm cúng dường Như Lai, thường niệm hộ pháp, niệm pháp tăng trưởng, hết lòng chuyên niệm để điều phục chúng sinh. Trụ nơi thế giới Phật, gần gũi chư Phật, dốc sức nghe pháp, làm thanh tịnh quốc độ Phật, thường niệm gần gũi cùng Phật, Bồ-tát, thiện tri thức thực hành, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, làm Phật sự. Lúc chưa chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng thường phát nguyện ấy. Đó gọi là đại nguyện. Vô lượng trăm ngàn nguyện như thế, gọi là nguyện thiện. Phát nguyện này rồi tinh tấn tu tập trong đời hiện tại, vì làm tịnh hành hỷ nên tu tập mười pháp tin tất cả pháp Phật. Do mười hai nhân duyên nên chúng sinh thọ khổ. Vì muốn chúng sinh khổ được giải thoát nên tu tập tâm bi. Vì ban cho chúng sinh sự an lạc nên tu tập tâm từ. Vì nhằm phá trừ khổ não cho chúng sinh nên không tiếc thân mạng. Do không tiếc thân mạng nên xả bỏ nội vật, ngoại vật. Vì tạo lợi ích cho

chúng sinh nên thọ khổ không hồi hận. Do tâm không hồi hận nên có thể nhận biết tất cả phương thuật sách vở thế gian. Do nhận biết mọi sự việc thế gian nên có thể nhận biết chúng sinh có khác nhau nơi các hạng thượng, trung, hạ, tùy thượng trung hạ nên hiện bày đầy đủ sự hổ thẹn. Tu việc như vậy tâm không thoái chuyển, được lực dũng mãnh, thọ nhận của cải của người, có thể dùng để cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Đó gọi là mười pháp, gồm: Một là tín. Hai là bi. Ba là từ. Bốn là thí. Năm là không ưu sầu. Sáu là hiểu biết sách vở thế gian. Bảy là tùy thuận thế gian. Tám là hổ với mình. Chín là thẹn với người. Mười là dũng mãnh. Bồ-tát Ma-ha-tát tu mười pháp này, vì trì giới, hành nơi chín pháp, quán sát đạo quả, công đức hoặc lỗi lầm, biết rồi tức có thể tu tập đạo, chí tâm thọ trì vượt quá tất cả hành, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, có thể độ chúng sinh trong biển sinh tử, có thể dạy chúng sinh thực hành pháp thiện.

Bấy giờ, Bồ-tát trụ nơi hành hỷ, thấy vô lượng Phật, như chỗ thấy nghe được nói đến trong Tạng Bồ-tát. Lại nhận biết mười phương vô lượng thế giới có vô lượng tên gọi, có vô lượng Phật, biết rồi chí tâm cầu thấy, có thể thấy. Đó gọi là nguyện thiện. Lại phát nguyện: Nguyên tôi thường sinh về thế giới của chư Phật, tùy nguyện vãng sinh. Đó gọi là nguyện thiện. Do được vãng sinh về thế giới chư Phật, tùy lực cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Nghe pháp thọ trì, như pháp mà trụ, chỗ tu pháp thiện, tất cả đều hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Dùng bốn nhiếp pháp để thân giữ chúng sinh, cho nên pháp thiện được tăng trưởng mạnh mẽ. Cúng dường Tam bảo, thân giữ chúng sinh, ở trong vô lượng kiếp làm thanh tịnh thân tâm, như luyện vàng nhiều lần thì sắc càng sáng hơn. Tâm của Bồ-tát cũng lại như vậy. Do tâm thanh tịnh nên pháp thiện được tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thọ thân người, làm Chuyển luân vương chủ bốn thiên hạ, tùy ý tự tại, xa lìa tham lam keo kiệt, cũng phá bỏ tham lam keo kiệt hiện có của chúng sinh, dùng bốn nhiếp pháp để thân giữ chúng sinh, tạo được pháp thiện hoặc nhiều hoặc ít, đều đem hồi hướng nơi đạo

qua Bồ-đề Vô thượng, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được lợi ích của đạo vô thượng. Lúc ấy, Bồ-tát siêng năng tinh tấn xả tục vì đạo, ở trong một niệm có thể đạt đầy đủ trăm thứ Tam-muội, trong một niệm thấy trăm thế giới Phật, cũng nhận biết xứ hành trì của trăm vị Phật, cũng có thể làm chấn động thế giới của trăm vị Phật, thân ấy có thể đi qua trăm thế giới Phật, ánh sáng chiếu khắp trăm thế giới Phật, thần thông có thể biến một thân làm trăm, hóa thành trăm chúng sinh. Hiểu biết sự việc khứ lai của mỗi chúng sinh trong trăm kiếp, thâm nhập nơi trăm pháp môn âm, nhập, giới, mỗi thứ biết trăm số, có thể chỉ bày cho trăm người dùng làm quyến thuộc đều được thần thông. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hành hỷ, có thể hiện bày những thần thông như vậy, do nguyện lực nên Bồ-tát phát nguyện không thể nghĩ bàn. Hành hỷ nơi Bồ-tát có sáu thứ phát tâm: Một là phát nguyện thiện siêng năng tinh tấn. Hai là hành tịnh. Ba là vì đạt được hành dị biệt. Bốn là làm tịnh căn thiện. Năm là vì thiện hiện có. Sáu là không thể nghĩ bàn.

Hành hỷ, tức như trong Địa hoan hỷ nơi mười địa đã nói. Vì lợi tha nên gọi là địa, vì tự lợi nên gọi là hành. Giới hành nơi Bồ-tát có những tướng gì? Hành hỷ nơi Bồ-tát với công đức hiện có nên hành giới nơi Bồ-tát đều đạt đầy đủ. Có mười thứ tâm tịnh: Một là tâm tịnh hoàn toàn cung kính phụng sự chư Hòa thượng, Trưởng lão có đức, không hề sinh tâm khinh dối. Hai là tâm tịnh thấy Bồ-tát đồng pháp thì thăm hỏi với lời nói dịu dàng. Ba là tâm tịnh chiến thắng tất cả phiền não của nghiệp ma. Bốn là tâm tịnh thấy tất cả hành có nhiều lỗi lầm. Năm là tâm tịnh thấy công đức của Niết-bàn. Sáu là tâm tịnh tu tập tất cả pháp trợ Bồ-đề. Bảy là tâm tịnh vì trợ Bồ-đề nên tu tập tịch tĩnh. Tám là tâm tịnh không bị thế gian làm nhiễm ô. Chín là tâm tịnh lìa thừa Thanh văn, ưa nghĩ đến Đại thừa. Mười là tâm tịnh thường nghĩ lợi ích cho chúng sinh. Do đầy đủ mười tâm tịnh này nên gọi là hành giới địa. Lúc hành giới địa đầy đủ giới tánh,

cùng với giới tà nghiệp không thọ không niệm, không sinh hoan hỷ, không hủy giới khinh, huông là giới bậc trung bậc thượng. Đây đủ mười pháp thiện, nhận biết về thiện và bất thiện, nghiệp thiện nghiệp ác, hữu thiện hữu ác, đây là thừa, đây là phi thừa, hoặc nhân hoặc quả, đều nhận biết rõ. Do nhận biết rõ nên tự hành mười điều thiện, lại dạy chúng sinh khiến hành mười điều thiện. Nếu thấy các chúng sinh nhân nơi nghiệp ác mà thọ khổ, tức sinh tâm thương xót tu tập đại bi, phá trừ sự khổ của chúng sinh đã thọ.

Giới hành nơi Bồ-tát thân tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, thân tâm tịch tĩnh như vàng ròng được thuốc Ca-tư-bà, đưa vào lửa thì sáng sạch. Bồ-tát có tâm thiện, tu tập pháp thiện cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở giới hành, hoặc sinh nơi thế gian làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, có thể chuyển nghiệp ác hủy giới của chúng sinh, đặt yên chúng sinh trong giới pháp thiện, ngoài ra như phần đầu đã nói. Cũng như Địa ly cầu nơi mười địa đã nêu bày. Xa lìa tất cả cấu uế hủy giới, nên gọi là Địa ly cầu. Dạy giới Bồ-tát nên gọi là giới hành, địa tịnh và giới hành, ý nghĩa không khác.

Tuệ hành nơi Bồ-tát có những tướng gì? Tuệ hành nơi Bồ-tát được mười tâm tịnh, thường quán như vậy: Mười tâm tịnh của ta là không thoái chuyển. Ta đối với tất cả pháp hữu lậu tâm không ưa thích. Ta đối với pháp hữu lậu tâm ưa thích tu tập pháp môn đối trị. Đối với pháp đối trị không có thoái chuyển. Tất cả hữu lậu, phiền não, nghiệp ma đều không thấy hơn, do tu tập nên không sinh tâm xả. Ta ưa thích hành của Bồ-tát, Phật vì Bồ-đề Phật nên tu khổ hạnh, không sinh nhằm chán, hối hận. Ta nay chí tâm chuyên niệm Đại thừa, thường muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tuệ hành nơi Bồ-tát quán xét tất cả hành có vô lượng hành khổ, quán xét xong rồi không nhiễm các hành. Quán xét công đức của Phật cho đến vô lượng phước hành của trí tuệ, chí tâm niệm Phật, với công đức hiện có đạt được tâm tin lớn. Vì phá trừ mọi khổ não của chúng sinh, nên

tu tập tâm bị, khéo suy nghĩ phương tiện, vì muốn khiến cho chúng sinh được giải thoát. Vì giải thoát nên quán xét pháp môn đối trị. Do được đối trị nên quán Tam-muội thiện, ưa nghe kinh điển nơi pháp tạng của Bồ-tát. Đã được nghe rồi siêng tu tinh tấn. Vì nghe pháp nên không tiếc thân mạng. Có được của cải đều cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng. Vì các chúng sinh nên thọ nhiều khổ não. Nếu được nghe pháp tạng của Bồ-tát một chữ, một câu, một bài kệ, một ý nghĩa, trong tâm hoan hỷ, tức hơn có được châu báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, hơn được thân Đế thích, Thiên ma, Phạm thiên, Chuyển luân vương.

Nếu nghe nói: Ta có một câu, một chữ, một bài kệ, một ý nghĩa, là do Phật nói. Như có thể chịu khổ nhay vào hầm lửa lớn thì ta sẽ trao cho ông. Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ lãnh thọ, liền nói: Giả sử lửa lớn đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, nơi vô lượng kiếp hãy còn chịu ở trong ấy, huống là lửa nhỏ. Lúc này, Bồ-tát vì siêng tu tinh tấn nên suy nghĩ như vậy: Nếu được chân nghĩa thì có thể đem lại lợi ích. Pháp Phật vô thượng chẳng phải do câu chữ mà có thể đạt lợi ích. Vì hiểu chân nghĩa nên tu tập bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng và năm thần thông. Do tu định nên nguyện sinh nơi cõi dục, tu trợ Bồ-đề tạo lợi ích cho chúng sinh. Tuy sinh ở cõi dục nhưng không có kiết sử của cõi dục. Trước đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, cũng như vàng ròng qua nhiều lần luyện, trợn không tổn giảm. Do tu căn thiện tịnh nên được thân Đế thích thù thắng. Vì người ưa dục nên dứt trừ tham dục, khiến được suy nghĩ các pháp thiện. Vì khiến chúng sinh nhận biết chân thật về giới hành, giới chúng sinh, vì chúng sinh khổ khiến được giải thoát, nên nhận biết phương tiện thiện xảo. Vì cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng, vì khiến cho chúng sinh được như pháp mà trụ, vì được thiền định, Tam-muội thiện, thần thông, như trong Địa Minh nơi mười Địa đã nói. Tuệ hành cũng lại như vậy.

Hành trợ Bồ-đề nơi Bồ-tát có những tướng gì? Tuệ hành nơi Bồ-tát có mười pháp như trước đã nói. Trụ nơi pháp như vậy tâm không thể hoại, tu tập trí tuệ, có thể vì chúng sinh diễn nói chánh pháp, khiến được thành thực. Người đã thành thực thì khiến được giải thoát, phát sinh chủng tử Phật. Do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo và phương tiện thiện xảo nên xa lìa ngã kiến, cho đến đoạn kiến. Đoạn trừ các phiền não, được tâm nhẫn, tâm nhu hòa, tâm thiện, tâm vô lượng hành, biết ân và báo ân, đầy đủ vô lượng pháp thiện thanh tịnh. Siêng năng tinh tấn tu tạo tất cả nghiệp thiện của địa trên, hiểu biết pháp giới và giới chúng sinh, tất cả người ác, ma và quyến thuộc của ma không thể dời chuyển hoặc ngăn trở tâm ấy. Cũng như người thợ làm anh lạc bằng vàng, vì khiến chúng sinh thọ nhận an vui, pháp thiện của Bồ-tát cũng lại như vậy, không bị hàng Thanh văn, Duyên giác làm lay động. Sinh nơi cõi trời Dạ ma, phá trừ các ngã kiến hiện có của chúng sinh. Đó gọi là hành trợ Bồ-đề của Bồ-tát. Vì muốn tu tập trí tuệ thông lợi, nên tu ba mươi bảy phẩm trợ Bồ-đề, phá trừ tất cả kiến chấp, tất cả lậu, ngăn tất cả nghiệp, làm tăng trưởng pháp thiện khiến địa được thanh tịnh. Bồ-tát tu tập hành trợ Bồ-đề, như nơi Địa Diệm Tuệ trong mười Địa đã nói. Tự lợi gọi là địa, lợi tha gọi là hành.

Hành đế nơi Bồ-tát trước được mười pháp thanh tịnh, do thanh tịnh lớn nên gọi là hành cộng đế. Hành đế nơi Bồ-tát thấy vô lượng thế giới, vô lượng chư Phật, quán bốn chân đế có mười hành. Như nói khổ thì vì sao nói, do nhân duyên gì nói, nói thế nào, ai nói, như vậy tất cả có thể nhận biết chân thật. Tập, diệt, đạo cũng như vậy. Lúc hành quán tưởng, tức biết phương tiện chắc thật. Quán công đức và lỗi lầm của tất cả khổ, tất cả đế, vì các chúng sinh nên tăng trưởng tâm bi. Biết rõ nghiệp của chúng sinh trong đời quá khứ, vị lai, hiểu rõ thế đế và sự thọ nhận pháp tà, vì người theo pháp tà giảng nói pháp giải thoát. Biết sự việc trang nghiêm, đầy đủ tâm niệm, đầy đủ tâm tuệ, có các thứ phương tiện để điều phục chúng sinh, hiểu rõ tất cả

phương thuật ở thế gian. Vì hóa độ chúng sinh nên phá trừ các khổ. Vì chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, có thể ban cho chúng sinh những vật cần dùng, có thể phá bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh, biết rõ về xứ và phi xứ, phá dẹp tà kiến, không nghe giải nghĩa sai lầm về Tạng Bồ-tát. Ngoài ra như trên đã nói.

Ví như các châu báu như vàng ròng v.v... giá trị vô lượng. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy. Pháp thiện hiện có tức hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát hạ địa. Hành tuệ nơi Bồ-tát như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, không gì có thể ngăn che, hủy hoại, gió lớn dữ không thể lay động. Bồ-tát Ma-ha-tát với trí tuệ hiện có cũng lại như vậy. Tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi không thể lay động, cũng không bị pháp thế gian hủy hoại, sau khi xả thân, sinh về cõi trời Đâu Suất, được đại tự tại, phá tan pháp tà, thành tựu vô lượng phước đức đầy đủ. Như vậy, Bồ-tát có trí tuệ, vì nhằm trừ sạch mọi phiền não cho chúng sinh. Vì nhận biết chân đế nên dùng phương tiện thuyết giảng. Vì quán sinh tử có khổ lớn. Vì nhằm làm tăng trưởng tâm đại từ bi. Vì muốn có đầy đủ công đức, trí tuệ trang nghiêm. Vì nhằm phát nguyện thiện. Vì khiến cho tâm niệm, tâm thí, tâm tuệ đều được chuyển tăng trưởng. Vì muốn suy nghĩ về các pháp thiện. Vì nhằm điều phục các chúng sinh. Vì chỉ dạy phương tiện nơi pháp thế gian và xuất thế gian. Vì nhằm làm thanh tịnh căn thiện. Ngoài ra như nơi Địa Nan Thắng trong mười Địa đã nói.

Hành đế cũng như vậy, không có sai khác. Hành cộng mười hai nhân duyên nơi Bồ-tát như trước đã nói. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ nơi hành cộng mười hai nhân duyên, quán xét tướng đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Tướng đệ nhất nghĩa, tức là các pháp vô tướng, tất cả các pháp không thể thuyết nên gọi là vô tướng. Vô tướng là không có tướng sinh diệt, thế nên các pháp không sinh không diệt. Do không sinh diệt nên thấy không sinh bình đẳng, không thủ chung bình đẳng, có không bình đẳng, không thủ không xả bình đẳng, như huyễn

bình đẳng, vô tánh bình đẳng, chẳng có chẳng không bình đẳng. Bồ-tát trụ nơi các bình đẳng này rồi tăng trưởng đại bi, chí tâm chuyên niệm pháp của Bồ-tát, hiểu biết xứ sinh diệt của thế gian, biết mười hai nhân duyên, biết pháp từ duyên sinh, biết từ mười hai nhân duyên xuất sinh ba môn giải thoát, đó là không, vô tướng và vô nguyện. Do tu tập ba môn giải thoát nên vĩnh viễn đoạn trừ tướng ngã ngã sở, tướng tạo tác, tướng thọ nhận. Đó gọi là đệ nhất nghĩa. Vì chúng sinh nên tư duy chân thật, phiền não do nhân duyên hòa hợp nên không bền chắc. Nhân duyên hòa hợp không bền chắc, nên các pháp hữu vi là yếu kém, thế nên không có ngã và ngã sở, tạo thành vô lượng các khổ. Ta có thể phá trừ pháp hữu vi, tuy có thể phá tan nhưng không nên diệt bỏ vĩnh viễn. Ta ủng hộ hữu vi là vì chúng sinh. Lúc quán tướng như vậy, tức được hành tuệ vô ngại. Do nhận biết hành trí tuệ vô ngại, nên đối với tất cả hành trong thế gian không có trở ngại. Do được hành trí tuệ vô ngại, nên gọi là thấu giữ nhẫn của địa thứ bảy, tu trợ Bồ-đề cùng hành hữu vi, không ưa vĩnh viễn đoạn trừ pháp hữu vi. Tuy không hoàn toàn trừ diệt nhưng không nhiễm vương. Lúc Bồ-tát tu phương tiện này, tức được vạn môn Tam-muội không. Như vạn môn không, thì vô tướng, vô nguyện cũng lại như vậy. Do tu vạn môn ba Tam-muội ấy nên tất cả tà kiến, ngoại đạo, hàng Nhi thừa, các ma và quyền thuộc của ma, đều không thể dời chuyển làm nghiêng động hoặc ngăn trở. Cũng như Đế thích, Chuyển luân Thánh vương, đội mũ bằng vàng cùng các thứ báu, chư thiên cùng người đời đều ưa nhìn, trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, cũng được chư Phật và các Bồ-tát ưa nhìn ngắm, như ánh sáng mặt trời mặt trăng hơn hẳn trong tất cả ánh sáng. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi hành mười hai nhân duyên, vì khiến chúng sinh thấy pháp bình đẳng. Vì nhận biết mười hai nhân duyên nên được giải thoát, nên được ba môn giải thoát, phá trừ tất cả các tướng tà, do phương tiện giáo hóa chuyển sinh tử, nên được trí tuệ vô ngại. Do được hành trí tuệ vô ngại, nên được vô lượng môn Tam-muội. Do không bị hủy hoại, không lay động, nên pháp

thiện tăng trưởng, các hữu thanh tịnh. Ngoài ra như trong Địa Hiện Tiền thuộc mười Địa đã nói, không có sai khác.

Hành hành nơi Bồ-tát có những tướng gì? Bồ-tát lúc được hành trợ Bồ-đề đầy đủ nên có được vô lượng Tam-muội, có thứ chung với thế gian không chung với thế gian, do đầy đủ nên nhập nơi hành thứ bảy. Bảy giờ, Bồ-tát ở trong pháp thế gian, được đại tự tại, chí tâm niệm nơi từ, công đức trang nghiêm, Bồ-đề trang nghiêm đều được tăng trưởng, pháp trợ Bồ-đề của Bồ-tát đã có được, tức không cùng chung với Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát nhận biết pháp giới, giới chúng sinh, giới thế gian, biết thân tâm Phật, lúc ấy đầy đủ công đức như vậy, nên nhận biết cảnh giới Phật, không tướng, không nghiệp, không có giác tri. Bồ-tát thấy vô lượng cõi Phật, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, đối với tất cả hành không hề mất tâm đạo. Bảy giờ, Bồ-tát trong mỗi mỗi niệm tăng trưởng tất cả mười Ba-la-mật, thành tựu đầy đủ pháp trợ Bồ-đề. Bồ-tát lúc trụ nơi hành hỷ phát nguyện tạo nhân duyên. Lúc trụ nơi hành thứ hai, xa lìa tất cả nhân duyên hủy giới. Khi trụ nơi hành thứ ba nguyện thiện tăng trưởng, được pháp quang minh. Khi trụ nơi hành thứ tư lìa tất cả nhân duyên chướng ngại đạo. Lúc trụ nơi hành thứ năm lìa chướng ngại nơi việc học của thế gian. Lúc trụ nơi hành thứ sáu được hội nhập nơi nghĩa thâm diệu, khiến bảy pháp này tăng trưởng, hướng đến tất cả pháp Phật, tăng trưởng đầy đủ pháp trợ Bồ-đề, thế nên Bồ-tát lần lượt sẽ được hành tịnh thứ tám. Do tịnh rất ráo nên gọi là hành tịnh. Bảy hành có xen tạp nên không gọi là hành tịnh. Khi trụ ở hành này, đoạn trừ các phiền não, cũng không cùng chung, lại không gọi là lìa. Phiền não không khởi nên không gọi là chung. Do chưa đắc quả vị Phật nên không được gọi là lìa. Ba nghiệp thanh tịnh, hiểu biết tất cả các thuật phương tiện ở thế gian, có thể làm thầy của hàng trời người trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ trừ bậc tám địa. Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới tâm không bằng nhau. Cũng trừ bậc tám địa, tự tại

ra vào vô lượng pháp môn, hoàn toàn xa lìa nẻo hành của Thanh văn, Duyên giác. Đó gọi là nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Bồ-tát cũng tu tập đạo không có chán đủ, có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, vì chúng sinh nên thuyết giảng pháp hữu vi, lìa tất cả tướng của thân khẩu ý, được pháp nhẫn không sinh không diệt sâu xa. Lúc hành sáu hành, nhập định diệt tận, nay trong hành này tuy niệm niệm diệt nhưng không giữ lấy Niết-bàn. Đó gọi là không thể nghĩ bàn. Tuy cùng chung hành của tất cả chúng sinh và hành Bồ-đề, nhưng không bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Ngoài ra như trên đã nói.

Bồ-tát tu ba môn giải thoát, điều phục chúng sinh, không khiến trụ nơi Thanh văn, Duyên giác, điều phục chúng sinh khiến lìa năm thứ dục lạc, đoạn trừ các tà kiến. Lúc tu tập như vậy tức pháp thiện tăng trưởng, tức không thể hủy hoại hay làm dòi chuyên tâm ấy. Ví như vàng ròng tô điểm cho các thứ báu có giá trị vô lượng, công đức của Bồ-tát cũng lại như vậy, vô lượng vô biên không thể tính kể. Lại như ánh sáng mặt trời, tất cả chúng sinh đều không thể nghĩ bàn, ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hành này, vì khiến chúng sinh được vô lượng ức các Tam-muội, phá trừ tất cả tâm chấp giữ tướng, được phương tiện thiện xảo để tu tập đạo, thấy thế giới Phật và được giải thoát, nên có thể hội nhập các pháp môn thâm diệu, được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề, dứt hẳn pháp tịnh và bất tịnh, làm viên mãn đạo Bồ-đề trang nghiêm, tâm tịnh nghiệp, hiểu biết tất cả phương thuật thế gian nên được vô lượng pháp môn và các Tam-muội, không cùng chung nẻo hành với Thanh văn Duyên giác. Ngoài ra như nơi Địa Viễn Hành trong mười Địa đã nói. Địa Viễn Hành và hành hành không có sai khác.

Hành vô tướng nơi Bồ-tát có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ nơi hành thứ nhất, có được mười pháp hành, biết nghĩa của các pháp, và nhận biết ba đời không sinh không diệt, quá khứ không sinh, vị lai không diệt, hiện tại không tướng. Do không nhân duyên

nên không sinh không diệt, vì thế tướng đệ nhất nghĩa là không thể tuyên thuyết. Không thể thuyết pháp, nhưng có thể lưu hành khắp. Tuy có thể lưu hành khắp nhưng thật không tánh. Do tánh vô tướng nên không nhân không quả, nhưng không thể thuyết tánh, không thể nói không. Vì sao? Vì có thể thuyết. Nếu có thể thuyết tánh tức là có tướng. Đó gọi là tướng tà. Nếu là có vật không thể thuyết, tức là không có sự khác nhau nơi đầu, giữa, cuối, cho nên trong tất cả thời, phiền não không hiện hành. Nhập chánh pháp giới, không có tư duy, tâm được bình đẳng xa lìa lưới nghi. Bồ-tát đạt đầy đủ mười thứ trí như vậy là đã nhập vào hành thứ tám. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hành này, tức được pháp nhãn vô sinh tịch tĩnh. Lại có bốn điều dắc câu tất cả pháp, có bốn chân trí nhận biết tất cả pháp. Do cầu biết nên có thể đoạn trừ tất cả các nghiệp tà. Vì đoạn trừ các tà nghiệp nên thấy các phiền não không sinh trở lại. Vì sao? Vì do thuộc về quá khứ. Lại thấy tất cả phiền não không diệt. Vì sao? Vì không nhân sinh. Hiện tại không khởi các phiền não kiết, do không có nhân tập. Bốn điều dắc câu như trong Phẩm Chân Thật đã nói. Bốn trí chân thật như trong phần hành giải đã nêu. Hành này gọi là pháp nhãn tịch tĩnh, thế nên Bồ-tát đạt được nhãn vô sinh. Do được nhãn vô sinh nên được hành Bồ-tát thâm diệu. Lúc trụ nơi hành sâu xa tức hành trì hành vô tướng, nếu có lỗi lầm và tướng vi tế, nay đều được xa lìa, vì thế hành này gọi là tịch tĩnh. Trụ nơi hành sâu xa rồi, ưa trụ nơi dòng chảy của pháp, vô lượng chư Phật khuyến phát an ủi. Do khuyến phát nên khởi nhập pháp môn, do được pháp môn nên đạt được mười tâm tự tại. Do được tự tại nên muốn trụ gần lâu, tùy ý liền được, muốn nhập định nào tùy ý tức nhập, muốn hành hành gì tức tùy ý tu hành. Ở trong một niệm, tùy chỗ cần dùng vật tức có thể đạt được. Nếu muốn hiểu rõ phương tiện của thế gian tức có thể hiểu rõ. Muốn sinh về các cõi, tùy ý vãng sinh. Muốn thị hiện thần thông tùy ý liền hiện. Muốn lập thế nguyện tùy ý liền được. Muốn tạo các pháp quán tùy ý thành tựu.

Muốn biết pháp giới tức có thể nhận biết. Muốn biết văn tự, câu chữ, chỗ đúng pháp hoặc chỗ phi pháp, tùy ý tức có thể nhận biết. Đó gọi là công đức của tám hành tự tại, ở trong mỗi niệm thường thấy chư Phật. Ngoài ra như trên đã nói.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hành này, vì phá trừ tướng chấp trước của chúng sinh, vì thấy chân thật đệ nhất nghĩa, nên được tuệ chân thật, được nhãn vô sinh tịch tĩnh, nhận biết hành sâu xa, trụ nơi dòng pháp, vào cửa pháp Phật, vào pháp môn bất khả tư nghì, ở trong pháp Phật tâm không thể hoại, không nghiêng động, được vô lượng thần túc, được mười thứ tự tại, nên được mười thứ công đức tự tại, căn thiện tịch tĩnh, ở nơi tất cả cõi tự tại vãng sinh. Ngoài ra, như trong Địa Bất Động thuộc mười Địa đã nói.

Hành bốn vô ngại nơi Bồ-tát có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát hành trì hành thâm diệu không có chán đủ, tu tuệ vô thượng, đầy đủ tất cả pháp, vì chúng sinh nên thuyết giảng về pháp giới đã được biết rõ. Pháp giới tức là phiền não cấu và tịnh, ai cấu, ai tịnh, đều nhận biết rõ. Thuyết giảng tất cả pháp như vậy gọi là Đại Pháp sư, gọi là thành tựu vô lượng Đà-la-ni, nhận biết phương tiện nên nói về từ, nghĩa vô tận. Thọ pháp, trì pháp, tùy theo tâm niệm của chúng sinh để nêu giảng, phi thời thì không thuyết, tùy chỗ ưa thích nên thuyết giảng. Đó gọi là hành bốn trí vô ngại của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở hành này, vì các chúng sinh nên hội nhập tịch tĩnh. Vì các chúng sinh nên nhận biết pháp giới. Làm các bậc Đại Pháp sư bất khả tư nghì của các chúng sinh. Vì tăng trưởng pháp thiện, nói rộng như trong Địa Thiện Tuệ thuộc mười Địa đã nêu. Vì nhằm ban cho chúng sinh sự vui vẻ an ổn. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ trong hành vô ngại, so với ý nghĩa trong Địa Thiện Tuệ không có sai khác.

Hành trụ Bồ-tát nơi Bồ-tát có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát làm thanh tịnh hành vô ngại, muốn làm Pháp vương nên nhập

Tam-muội tịnh. Muốn đầy đủ Nhất thiết trí, sau cùng chứng đắc pháp môn Tam-muội đồng như chư Phật, hành trì tất cả hành. Biết tất cả pháp. Biết phương tiện giải thoát. Biết nơi chốn hành tác của Phật. Biết vô lượng môn Đà-la-ni giải thoát. Biết ức niệm lớn. Biết đại thần thông, căn thiện tịch tĩnh. Biết làm thanh tịnh các hữu. Phần còn lại như trong Địa Pháp Vân thuộc mười Địa đã nói. Đầy đủ sự trang nghiêm của Bồ-tát, hành Bồ-tát, đạo Bồ-đề nơi Địa Pháp Vân. Cùng với chư Phật đắc Bồ-đề rồi, ban cho chúng sinh vô lượng mưa pháp. Mưa pháp như vậy có thể xua tan tất cả bụi bặm của phiền não, phát sinh hạt giống thiện, mầm thiện, căn thiện tăng trưởng thành thực, cho nên địa này gọi là Pháp Vân. Vì nghĩa ấy nên gọi là hành Bồ-tát. Nếu nói công đức của địa sau thì địa trước không có. Tu mỗi mỗi hành cần trải qua vô lượng na-do-tha kiếp mới có thể đầy đủ ba A-tăng-kỳ đại kiếp, mới đạt được tất cả hành. A-tăng-kỳ đại kiếp thứ nhất được hành giải. Qua hành giải rồi, đại A-tăng-kỳ đại kiếp thứ hai được hành hỷ. Lúc được hành hỷ cũng hành hành vô tướng. Qua hành vô tướng rồi, A-tăng-kỳ đại kiếp thứ ba được hành vô tướng vô hành. Đó gọi là Bồ-tát được hành quyết định. Qua hành vô tướng vô hành, được hành trí vô ngại. Qua hành trí vô ngại thì được hành Bồ-tát. A-tăng-kỳ kiếp có hai loại: Một là đại kiếp không thể tính kể gọi là A-tăng-kỳ. Hai là trung kiếp không thể tính kể gọi là A-tăng-kỳ. Bồ-tát tu hành tức là đại kiếp A-tăng-kỳ. Nếu có Bồ-tát siêng tu tinh tấn, có thể chuyển vô lượng trung kiếp, nhưng không thể chuyển đại kiếp. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hành như vậy có thể phá diệt chướng phiền não và chướng trí tuệ. Lúc hành trì hành vô tướng, đoạn trừ tất cả tướng phiền não, hành sau thì vĩnh viễn đoạn trừ tập khí. Đó gọi là hành Như Lai. Trí chướng có ba: Một là phần da. Hai là phần thịt. Ba là phần xương. Lúc được hành hỷ là đã đoạn trừ phần da của chướng. Khi đạt được hành vô tướng là có thể đoạn trừ phần thịt của chướng. Lúc được hành Như Lai tức có thể đoạn trừ phần xương của chướng. Đầy đủ các hành như thế tức

được mười một thứ tịnh: Hành thứ nhất đạt được tánh tịnh. Hành thứ hai đạt được giải tịnh. Hành thứ ba đạt được tâm tịnh. Hành thứ tư đạt được giới tịnh. Hành thứ năm đạt được nguyện tịnh. Hành thứ sáu, thứ bảy, thứ tám đạt được trí trang nghiêm tịnh. Hành thứ chín đạt được đủ Bồ-đề trang nghiêm tịnh. Hành thứ mười đạt được trí chân thật tịnh. Hành thứ mười một đạt được trí vô ngại tịnh. Hành thứ mười hai đạt được nhất thiết trí tịnh. Hành thứ mười ba đạt được tập khí tịnh.

Hành thứ nhất và thứ hai nghe Tạng Bồ-tát liền được tâm tin. Hành thứ ba chí tâm lập nguyện tu tập các hành khác. Hành thứ tư, thứ năm và thứ sáu nhận biết rõ về pháp tướng. Hành thứ bảy cho đến hành thứ mười ba là hành nhân quả rất ráo của tất cả hành tịch tĩnh. Hàng Thanh văn cũng có mười hai thứ hành: Hành thứ nhất có tánh Thanh văn. Hành thứ hai là được đệ nhất pháp của thế gian. Hành thứ ba là đắc khổ pháp nhẫn. Hành thứ tư là được bốn tâm tin, giới được thanh tịnh. Hành thứ năm là pháp như giới trụ được tăng trưởng. Nếu quán bốn đế tức gọi là hành thứ sáu, thứ bảy, thứ tám. Hành thứ chín là tu tập Tam-muội vô tướng. Hành thứ mười là thành tựu đầy đủ ba Tam-muội. Hành thứ mười một là đạt được giải thoát. Hành thứ mười hai là đắc quả A-la-hán.

*
**

Phẩm thứ 1: SINH CỦA ĐỊA CỨU CẢNH

Sinh hữu của Bồ-tát có năm thứ tất cả, là tất cả hành nơi tất cả Bồ-tát tịnh, vì khiến cho chúng sinh được an ổn vui vẻ. Một là xa lìa hữu khổ. Hai là hữu tùy tâm hành. Ba là hữu thắng. Bốn là hữu tự tại. Năm là hữu hậu của Bồ-tát.

Xa lìa hữu khổ: Tức là Bồ-tát nếu thấy chúng sinh đói khát khổ não, mất mùa gặp nạn, bấy giờ Bồ-tát dùng nguyện lực thọ thân làm

cá lớn vô lượng do-tuần để bố thí cho chúng sinh. Chúng sinh ăn rồi, đói khát được trừ, do nguyện lực nên thân dần tăng lớn. Nếu có tất cả chúng sinh trong đời ác, bị bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đồng thời phát khởi, lúc ấy Bồ-tát dùng đại nguyện lực làm vị đại y vương, có thể khiến chúng sinh xa lìa bệnh khổ. Nếu gặp đời ác binh đao cùng khởi, chúng sinh đều sợ hãi, hoặc vua chúa tranh giành đất đai không biết chán đủ, lúc ấy Bồ-tát làm vị Đại Pháp vương có uy lực lớn, bèn dùng phương tiện thiện xảo làm cho hai bên hòa hợp, dùng lời nói hòa nhã phá trừ tâm ác. Không đánh, không phạt, không bắt, không giam, không đoạn mạng căn, không cướp của cải vật báu, xem tất cả chúng sinh như con một, gia tăng tâm thương xót. Nếu có người tà kiến, vì cúng tế trời mà tạo nghiệp tà, Bồ-tát vì nhằm phá trừ tà kiến như thế nên thị hiện thọ thân quý, hoặc hiện trong mộng báo: Nay người không nên giết dê để cúng tế. Như vậy, Bồ-tát vì phá trừ khổ não cho chúng sinh nên thị hiện thọ các hữu. Đó gọi là xa lìa hữu khổ.

Hữu tùy tâm hành: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng nguyện lực thị hiện thọ thân các loài súc sinh để phá diệt các nghiệp ác của nẻo súc sinh. Làm thân quý ác, làm thân người ác. Hoặc làm thân Bà-la-môn tà kiến. Hoặc thị hiện làm thân tham chấp năm dục. Trước tùy theo tâm thị hiện thọ các hữu, vì khiến chúng sinh xa lìa các nghiệp ác, tuy thọ thân ác nhưng không tạo nghiệp ác. Hoặc lúc thấy người làm ác nhưng mình trọn không làm, chúng sinh thấy rồi cũng bắt chước không làm. Dùng phương tiện khéo để phá trừ các nghiệp ác hiện có của chúng sinh. Đó gọi là hữu tùy tâm hành.

Hữu thắng: Tức là Bồ-tát lúc sinh ra đã hơn hẳn các chúng sinh, hoặc về chủng tộc, hoặc sắc lực, hoặc thọ mạng, hoặc quả báo. Về quả báo như trong Phẩm Tự Lợi Lợi Tha đã nói. Đó gọi là hữu thắng.

Hữu tự tại: Tức là tu tập hành hỷ cho đến mười hai hành. Lúc ấy, Bồ-tát thị hiện thọ thân. Đó gọi là tự tại. Tự tại tức là nguyện lực,

từ tánh địa cho đến mười hai hành, thọ thân Chuyển luân vương, hoặc thân trời Tự Tại, cho đến thân trời A-ca-ni-trá, vượt qua tất cả hữu nơi trời A-ca-ni-trá, ở trong các hữu được thân vô thượng, do nguyện lực và nghiệp lực. Đó gọi là hữu tự tại.

Hữu hậu của Bồ-tát: Tức là thân sau cùng của Bồ-tát, gọi là Bồ-tát hữu, thành tựu đầy đủ trang nghiêm Bồ-đề. Hoặc sinh nơi chủng tộc Bà-la-môn, hoặc sinh nơi chủng tộc Sát-đế-lợi, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, làm tất cả Phật sự. Đó gọi là hữu hậu của Bồ-tát. Đời quá khứ, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thọ năm hữu như vậy. Các Bồ-tát hiện tại, vị lai cũng lại như vậy. Nhân nơi năm hữu này nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu có Bồ-tát tu hành thị hiện thọ năm hữu ấy, tức chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

HẾT - QUYỂN 8

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỀN 9

Phẩm thứ 2: THÂU GIỮ CỦA ĐỊA CỨU CÁNH

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu tất cả hành có sáu việc để khéo thâm giữ chúng sinh: Một là chí tâm thâm giữ. Hai là thâm giữ tăng ích. Ba là thâm giữ chọn lấy. Bốn là thâm giữ cứu cánh. Năm là thâm giữ không cứu cánh. Sáu là thâm giữ hậu hữu.

Bồ-tát Ma-ha-tát vào lúc mới phát tâm, thâm giữ chúng sinh như cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, chí tâm nhớ nghĩ tạo phương tiện thâm giữ, làm sao có thể ban cho chúng sinh sự an lạc? Lúc phát nguyện ấy thì tùy lực mà ban cho. Đó gọi là Bồ-tát chí tâm thâm giữ. Bồ-tát Ma-ha-tát tuy ở với cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, nhưng tâm thù thắng không kiêu mạn, bội tăng sự cúng dường. Nếu làm quốc vương đối với quyến thuộc mà nói cũng lại như thế.

Thâm giữ tăng ích, tức là phá trừ pháp ác, dạy theo pháp thiện, tùy thời lễ bái khen ngợi, cúng dường bố thí y phục, thức ăn và những vật cần dùng, biết ân báo ân, thăm bệnh cho thuốc. Đối với tôi tớ không nghĩ là hàng hạ tiện mà khởi tưởng như anh em. Nếu thấy người có tội, thường dùng lời dịu dàng khuyên bảo, không nói lời thô ác. Nếu làm quốc vương, đối với quyến thuộc không tăng thêm sự đau khổ, không đoạn mạng căn của họ, xa lìa hình phạt, dùng chánh pháp trị nước, tùy theo chủng tánh gốc nơi phần cõi hiện có. Đối với

nước khác, không sinh tâm tham lam chiếm đoạt, bảo hộ muôn dân, xem như con một. Nếu có của cải thì cùng hưởng chung với quyền thuộc, lời nói thành thật dịu dàng, không nói lời thô ác, xa lìa bôn sên. Đó gọi là Bồ-tát thân giữ tăng ích.

Bồ-tát Ma-ha-tát thân giữ chúng sinh có hai nhân duyên: Một là tài thí. Hai là pháp thí. Do tài thí nên phá bỏ sự bần cùng. Do pháp thí nên phá trừ tà kiến. Đối với các chúng sinh luôn giữ tâm bình đẳng, không bôn sên, không kiêu mạn, không cầu báo ân, không cầu cúng dường. Nếu có người cầu phước nên đến cúng dường thì cũng không ngăn ngại, vì muốn phước đức trang nghiêm của họ được tăng trưởng. Nếu có người tu tập pháp thiện, trì giới tinh tấn, nên thân cận cúng dường, vì họ làm các việc hỗ trợ. Có người không hiểu nghĩa nên vì họ mà giảng giải. Người đã hiểu rồi cũng giảng nói khiến được tăng trưởng. Có người khởi nghi ngờ nên thuyết giảng nghĩa sâu xa khiến trừ bỏ lưới nghi, khổ vui đồng với họ tâm không tăng giảm. Có người phạm tội Bồ-tát dùng phương tiện khéo chỉ dạy họ sám hối, có lúc quở trách, có lúc khen ngợi. Thấy người bệnh khổ thì đến chăm sóc không xả bỏ, khéo dùng phương tiện khiến trừ khổ hoạn. Nếu thấy chúng sinh hình sắc tâm trí sự tiến thủ đều thấp kém thì không khinh mạn, tùy thời nên thuyết giảng về nhân duyên chánh tâm. Thấy người sâu khổ nên thuyết pháp an ủi. Luôn khéo tự suy nghĩ, không tin theo lời người khác, không gì có thể làm cho loạn động. Nếu có lợi dưỡng nên hưởng chung với mọi người. Tu tập tâm bi, thành tựu đầy đủ. Hoặc thấy người sống theo chánh mạng thì nên đến thăm viếng hỏi han. Xa lìa tâm ác, thường tu pháp thiện, trọn không phóng dật. Lìa bỏ biếng nhác, thường phát nguyện: “Làm sao để phước đức của ta ngang bằng với tất cả”. Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng phải tất cả thời đều hành tác thân giữ chọn lấy. Lúc có lợi ích mới thân giữ. Đó gọi là Bồ-tát thân giữ chọn lấy.

(Thiếu hai phần: Thân giữ cứu cánh và thân giữ không cứu cánh - ND)

Như có chúng sinh căn tánh ám độn, căn thiện khó thành thực thì Bồ-tát thâm giữ lâu xa. Vì sao? Vì cuối cùng sẽ có tâm thanh tịnh. Nếu người có căn tánh trung bình, thành thực trung bình, thì Bồ-tát thâm giữ không lâu xa. Vì sao? Vì không bao lâu sẽ được tâm tịnh. Nếu người có căn tánh lanh lợi, dễ thành thực, Bồ-tát liền giúp họ điều phục đạt thành thực, thanh tịnh. Đó gọi là Bồ-tát thâm giữ hậu hữu.

Bồ-tát dùng sáu thứ thâm giữ trên để thâm giữ giáo hóa tất cả chúng sinh trong ba đời. Bồ-tát nơi đời quá khứ, hiện tại, vị lai giáo hóa chúng sinh, đều không xa lìa sáu pháp thâm giữ ấy.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thâm giữ chúng sinh có mười hai việc khó: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát nhận biết không có ngã, không có ngã sở, không có chúng sinh, nhưng vì chúng sinh nên tu tập khổ hạnh. Hai là vì điều phục người khác nên có quả trách, cũng tự hộ giới không khiến hủy phạm. Ba là các vật hiện có thì ít nhưng người xin thì nhiều. Bốn là Bồ-tát chỉ có một thân nhưng thuộc về nhiều người, luôn đi lại cung cấp. Năm là đồng thọ thân phóng dật như chur thiên, nhưng trong tâm không có phóng dật. Sáu là luôn vì tất cả chúng sinh làm kẻ phụ giúp, tự giữ giới cấm không có hủy phạm. Bảy là thường cùng ở chung với các người ác, đủ tham dục, sân hận, ngu si, bòn sẻn, dối gạt, gian trá, nhưng không làm theo họ. Tám là hiểu biết sinh tử có nhiều lỗi lầm tai họa nhưng không xả bỏ. Chín là có tất cả phiền não sinh tử nhiều lỗi lầm, lúc xả mạng căn tâm chưa thanh tịnh, tuy chưa thanh tịnh nhưng không mất chánh niệm. Mười là chưa được tâm tịnh, nhưng có thể đem của cải vật dụng mình yêu thích, cả vợ con, quyến thuộc để bố thí cho người. Mười một là tâm chúng sinh khác biệt, cảnh giới không đồng, hoặc có lúc nói dụ dằng, hoặc có lúc hành xả. Mười hai là trọn không phóng dật, không đoạn dứt hẳn các phiền não.

Bồ-tát Ma-ha-tát đối với chúng sinh không phân biệt hơn kém, hoặc lúc xem nhẹ, hoặc lúc coi trọng, hoặc quán cảnh giới, hoặc khi

lập nguyện, hoặc không phóng dật, hoặc tu trí tuệ, hoặc nói lời hòa nhã, hoặc có lúc quở trách, hoặc có lúc xả bỏ, hoặc siêng năng tinh tấn, hoặc có khi biếng nhác, hoặc tạo phương tiện.

Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành như vậy, đối với mười hai chỗ khó trên, tâm không ưu sầu, hối hận, tức đã có thể tự lợi, lại có thể lợi tha.

*
**

Phẩm thứ 3: RỐT RÁO CỦA ĐỊA CỨU CÁNH

Bồ-tát Ma-ha-tát tu mười hai hành có bảy địa, sáu thứ là Địa Bồ-tát, một địa còn lại là Thanh văn và Bồ-tát cùng chung. Một là địa tánh. Hai là địa giải. Ba là địa tâm tịnh. Bốn là địa trì. Năm là địa định. Sáu là địa định hành. Bảy là địa cứu cánh. Đó gọi là bảy địa.

Tánh hành, giải hành mỗi thứ là một địa. Hỷ hành gọi là địa tâm tịnh. Giới hành, tuệ hành và vô tướng hành hợp làm địa trì. Vô hành vô tướng hành gọi là địa định. Trí vô ngại hành gọi là địa định hành. Như Lai hành gọi là địa cứu cánh. Địa cứu cánh phần sau sẽ nói rộng.

Bồ-tát lúc từ địa hạ nhập vào địa tâm tịnh, làm sao có thể đoạn trừ sự khổ trong ba đường ác? Bồ-tát tu tập thiền thế tục hữu lậu, tu tập thiền đó rồi thì được thiền thế tịnh, sau đấy tức được địa giải. Trang nghiêm Bồ-đề, tu tập một trăm mười thứ tâm bi. Do tu tâm bi nên ở trong chúng sinh tức đạt được tâm bi, vì đạt được tâm bi nên vui thích nơi ba đường ác như nhà của mình. Bồ-tát tự quán xét trụ trong ba đường ác, lúc trang nghiêm Bồ-đề vì chúng sinh nên thọ nhận khổ não lớn, khéo lập đại nguyện: Như ta được tâm tịnh và có uy lực, nguyện cho các chúng sinh đang chịu khổ não đều tu tập nơi thân ta. Do lực của nguyện thiện theo thiền tịnh thế gian nên thân tâm xa lìa tập khí phiền não. Do xa lìa tập khí nên chuyển thân bốn

đại. Bốn đại đã chuyển, vì thiên tịnh thế gian nên không dẫn đến ba đường ác. Vì thế, Bồ-tát đoạn trừ khổ trong ba đường ác. Qua địa giải rồi nhập ở địa tịnh, có các công đức khác như nơi mười tâm tịnh trong phẩm hạnh đã nói rõ.

Mười pháp tịnh này nhằm đối trị mười thứ: Một là tâm không làm. Hai là tâm không phát khởi. Ba là tâm không thọ giới Bồ-tát. Bốn là tâm bất tín. Năm là tâm ác. Sáu là tâm không tu tập bi. Bảy là tâm sân. Tám là tâm ưu sầu hối hận. Chín là tâm không từ. Mười là tâm phóng dật. Lại, nói với thô ác, tham tiếc thân mạng, không tùy thuận thế gian, biếng nhác trễ nải, không có hổ thẹn, bị khổ não bức bách thân, nghi ngờ, khiếp nhược, không thể cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Như vậy là các pháp bất tịnh cần được đối trị. Trong mười pháp tịnh, ba pháp đầu là làm thanh tịnh tâm, bảy pháp sau là làm thanh tịnh nơi sự trang nghiêm. Bồ-tát Ma-ha-tát tin nơi Bồ-đề và đạo Bồ-đề. Do tin nơi đạo Bồ-đề nên thấy chúng sinh khổ liên sinh tâm đại từ, vì khởi tâm từ nên phát nguyện: Nguyện ta luôn cứu độ các khổ như vậy. Do tâm thương xót nên xả thân bố thí không hề tham tiếc. Vì đem lại lợi ích cho chúng sinh nên tâm không ưu sầu hối hận. Do tâm không hối hận nên nhận biết các thứ phương thuật của thế gian. Vì nhận biết các thứ phương thuật của thế gian nên khéo nhận biết thời tiết, tùy thuận tâm ý của chúng sinh. Do nhận biết thời tiết nên gọi là biết thế gian. Vì có trí lực nên khi các khách trần phiến não tìm đến đều sinh tâm hổ thẹn. Do hổ thẹn nên khiến phiến não không thể thao túng. Đó gọi là dũng mãnh. Do dũng mãnh nên không có phóng dật. Do không có phóng dật nên tu tập pháp thiện. Do tu tập pháp thiện nên thọ giới Bồ-tát. Vì thọ giới Bồ-tát nên cúng dường Tam bảo. Vì cúng dường Tam bảo nên thân tâm thanh tịnh. Đó gọi là địa tịnh.

Phẩm thứ 4: HÀNH CỦA ĐỊA CỨU CẢNH

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi địa giải cho đến địa Bồ-tát gồm có bốn hành: Một là hành Ba-la-mật. Hai là hành Bồ-đề. Ba là hành thần thông. Bốn là hành thành thực chúng sinh.

Hành Ba-la-mật tức là sáu pháp Ba-la-mật như trước đã nói, cùng thêm Phương tiện Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lực Ba-la-mật và Trí Ba-la-mật. Mười thứ Ba-la-mật như vậy gọi là hành Ba-la-mật.

Phương tiện thiện có mười hai thứ, như trước đã nói, đó gọi là Phương tiện Ba-la-mật. Nguyện có năm thứ, như trước đã nêu, đó gọi là Nguyện Ba-la-mật. Mười lực trang nghiêm thanh tịnh gọi là Lực Ba-la-mật. Biết tất cả pháp là xứ và phi xứ, gọi là Trí Ba-la-mật. Biết để thế gian gọi là Trí Ba-la-mật. Biết để đệ nhất nghĩa gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trí vô lượng gọi là Phương tiện Ba-la-mật. Trí cầu thắng thắng gọi là Nguyện Ba-la-mật. Không bị bốn ma tạo chướng ngại gọi là Lực Ba-la-mật. Có thể nhận biết tánh chân thật của các pháp gọi là Trí Ba-la-mật.

Bốn niệm xứ cho đến tám chánh đạo, bốn cầu bốn chân trí như trước đã nói, đó gọi là hành Bồ-đề. Thần thông như trong phẩm Bát khả tư nghi đã nêu. Sáu thông như trước đã thuyết giảng. Đó gọi là hành thần thông.

Hai thứ vô lượng là vô lượng điều phục và vô lượng phương tiện như trước đã nêu. Đó gọi là hành thành thực.

Bồ-tát Ma-ha-tát có bốn hành như vậy nên thâm giữ tất cả các hành. Bồ-tát Ma-ha-tát trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ trọn vẹn các pháp thiện thanh tịnh, hơn hẳn các hàng Thanh văn, Duyên

giác, thấu giữ hoàn toàn đạo quả Bồ-đề. Do trọn vẹn nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là mười Ba-la-mật.

Nếu nói về thứ lớp tức có ba việc: Một là đối trị. Hai là sinh. Ba là đắc quả. Đối ngược với pháp thiện có sáu việc: Một là tham lam keo kiệt. Hai là nghiệp ác. Ba là tâm sân. Bốn là biếng nhác. Năm là tâm loạn. Sáu là ngu si.

Do nhân duyên của sáu pháp này nên không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì muốn phá trừ sáu pháp ấy nên thuyết giảng sáu pháp Ba-la-mật, từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật trước tức gồm thấu bốn Ba-la-mật sau. Đó gọi là đối trị.

Sinh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát xả bỏ tất cả vật ở thế gian, xuất gia tu đạo, đó gọi là bồ thí Ba-la-mật. Đã xuất gia rồi thì thọ giới Bồ-tát, đó gọi là trì giới Ba-la-mật. Do hộ giới nên dù bị đánh mắng cũng nhẫn chịu, không báo thù, đó gọi là nhẫn nhục Ba-la-mật. Giới đã thanh tịnh nên siêng tu pháp thiện, đó gọi là tinh tấn Ba-la-mật. Do tinh tấn nên điều phục được năm căn, đó gọi là thiền Ba-la-mật. Năm căn đã điều phục, nên biết rõ về pháp giới chân thật, đó gọi là trí tuệ Ba-la-mật. Trên đây tức là sinh.

Quả báo: Tức là hiện tại Bồ-tát tu các pháp thiện như bồ thí v.v..., hoặc xả thân mình, bên ngoài được nhiều tài vật, bên trong đầy đủ năm thứ. Năm thứ đầy đủ nghĩa là sinh vào nẻo trời người có thọ mạng lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an lạc và biện tài, đó gọi là quả báo của bồ thí. Do nhân duyên bồ thí nên tu tập pháp thiện, tâm không ganh ghét, nhẫn nhục đối với các thứ tội lỗi, đó gọi là đầy đủ quả báo thứ hai. Do nhân duyên bồ thí nên làm việc thế gian và xuất thế gian, tâm không nhàm chán hồi hận, đó gọi là quả báo thứ ba. Do nhân duyên bồ thí nên tâm được nhu hòa không có tán loạn, đó gọi là quả báo thứ tư. Do nhân duyên bồ thí nên có thể hiểu rõ đây là ruộng phước – đây

không phải là ruộng phước, biết đây là nên bố thí – đây là không nên bố thí, khéo biết phương tiện cầu tài vật, giữ tài vật, đó gọi là quả báo thứ năm.

Bốn Ba-la-mật sau thấu giữ sáu Ba-la-mật trước có ba giới: Một là giới tùy giới. Hai là giới tùy tâm. Ba là giới tùy trí. Bồ-tát trì giới Ba-la-mật gọi là giới tùy giới. Thiền Ba-la-mật gọi là giới tùy tâm. Trí tuệ Ba-la-mật gọi là giới tùy trí. Xa lìa ba thứ giới này thì không có giới Bồ-tát. Bồ-tát có ba giới này thấu giữ tất cả giới.

Bồ-tát lại có bốn việc có thể tạo lợi ích cho chúng sinh: Một là ở nơi Bồ-đề tu tập pháp thiện. Hai là dùng trí chân thật nhận biết nghĩa các pháp. Ba là tăng trưởng pháp thiện. Bốn là thành tựu đầy đủ căn tánh của chúng sinh. Bốn việc như vậy, Bồ-tát có thể tạo lợi ích lớn cho chúng sinh. Nếu nói xa lìa bốn việc ấy nhưng có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, thì không có điều ấy.

**

Phẩm thứ 5: BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT - TÁM MƯƠI VẺ ĐẸP CỦA ĐỊA CỨU CÁNH

Mười ba hành Như Lai gọi là Phật địa cứu cánh. Phật địa cứu cánh có một trăm bốn mươi pháp bất cộng: Đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn nhất thiết hành tịnh, mười lục, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, thường không quên mất, đoạn tập khí phiền não, nhất thiết trí. Đó gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng.

Ba mươi hai tướng tốt gồm có: (1) Dưới bàn chân bằng phẳng. (2) Dưới bàn chân có tướng xoáy tròn như bánh xe ngàn căm. (3) Ngón tay thon dài. (4) Gót chân đầy đặn. (5) Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như lưới. (6) Tay chân mềm mại. (7) Bắp chân như tướng nai chúa. (8) Nam căn ẩn kín. (9) Đứng thẳng tay dài quá gối. (10)

Mu bàn chân nổi cao đầy đặn. (11) Thân đầy đặn như cây Ni-câu-đa. (12) Lông nơi thân đều hướng lên trên. (13) Mỗi mỗi lỗ chân lông đều xoay bên phải. (14) Thân có sắc vàng ròng. (15) Quanh mình luôn có hào quang chiếu ra một tầm. (16) Da thịt mềm mại không dính bụi bặm. (17) Hai chân, hai tay, hai vai và đỉnh đầu đều đầy đặn. (18) Thân trên như sư tử. (19) Hai nách đều đặn. (20) Thân thể ngay ngắn. (21) Hai vai tròn, cân phân. (22) Miệng có bốn mươi cái răng. (23) Răng khít không lồi lõm. (24) Răng màu sắc trắng. (25) Hai má cao đầy đặn như sư tử. (26) Nước bọt trong miệng thơm. (27) Trên đỉnh đầu có tướng nhục kế. (28) Lưỡi dài rộng. (29) Âm thanh vang như giọng Phạm thiên. (30) Mắt màu xanh biếc. (31) Mắt như ngưu vương. (32) Có chòm lông trắng giữa chạng mày.

Tám mươi vẻ đẹp kèm theo: Hai mươi ngón tay chân là hai mươi vẻ đẹp. Tay chân trong ngoài tám chỗ bằng phẳng đầy đặn. Gót chân, đầu gối, bắp chân sáu chỗ tốt đẹp. Tay có ba tụ. Hai vai, hai khuỷu tay và hai cổ tay là sáu chỗ đầy đặn. Hai bên eo là hai chỗ đẹp. Mã tàng và hai bắp tay là ba chỗ đẹp. Eo, rốn, hai sườn, hai nách, hai ngực là tám chỗ đẹp. Bụng, ngực, cổ, cộng chung là sáu mươi chỗ đẹp. Răng trên dưới, môi miệng trên dưới, hai má, hai tai, hai mắt, hai mũi, dưới cằm, trên trán, đầu tròn đầy. Trên đây là tám mươi vẻ đẹp.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh rồi, do nghiệp lực nên tuy được tám mươi vẻ đẹp như vậy nhưng vẫn chưa sáng, tịnh. Lúc thành đạo bên gốc cây mới được sáng tịnh. Lúc chưa tịnh, sáng hoàn toàn gọi là hành địa Bồ-tát. Trang nghiêm Bồ-đề có hai thứ: Một là gần. Hai là xa. Xa tức chưa được quả báo của ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu được gọi là gần. Nói ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là nhằm khiến cho chúng sinh tạo nghiệp thiện. Chúng sinh tạo các nghiệp ác, do nghiệp ác nên có quả báo xấu, vì thế Như Lai nói ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, các thứ nghiệp thiện, các thứ quả thiện, chúng sinh nghe rồi tức phá trừ được những nghiệp ác.

Bồ-tát chí tâm tu trì tịnh giới nên có tướng dưới bàn chân bằng phẳng.

Cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, do nhân duyên này nên được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn như bánh xe.

Đối với chúng sinh không sinh tâm hại, không có ý tưởng cướp đoạt, nếu thấy cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng và người có đức thì nghinh đón, sắp đặt giường tòa, cung kính lễ bái, phá trừ kiêu mạn. Do nhân duyên này nên có tướng ngón tay thon dài.

Đầy đủ ba hành trên nên có tướng gót chân đầy đặn.

Dùng bốn nhiếp pháp thâm giữ chúng sinh, do nhân duyên ấy nên được tướng kẽ tay kẽ chân có màng như lưới.

Vì ưa thích dùng dầu tẩm rửa cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, do nhân duyên này nên tay chân được mềm mại.

Do nhân duyên tu tập pháp thiện không biết chán đủ nên có tướng bắp chân như nai chúa.

Do nhân duyên nghe pháp hoan hỷ, vì người diễn nói nên có tướng nam căn không hiện.

Ba nghiệp thanh tịnh, nuôi bệnh cho thuốc, phá trừ kiêu mạn, ăn uống biết đủ. Do nhân duyên ấy nên có tướng đứng thẳng tay dài quá gối.

Thấy người phân ly khéo nói cho hòa hợp, tự tu pháp hộ thẹn, cũng dạy người tu. Do nhân duyên ấy nên có tướng mu bàn chân nổi cao đầy đặn.

Tự thanh tịnh ba nghiệp, cũng dạy người thanh tịnh. Nếu có chúng sinh bị bệnh trong người, thì có thể trị liệu. Do nhân duyên ấy nên có tướng thân đầy đặn.

Nghe pháp hoan hỷ, ưa vì người thuyết giảng, do nhân duyên này nên có tướng lông nơi thân đều hướng lên trên.

Suy nghĩ ý nghĩa sâu xa của các pháp, ưa tu pháp thiện, cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, như đi giữa đường dọn dẹp gai góc hoặc vật bất tịnh nơi tháp của Phật, phòng xá của Tăng, do nhân duyên ấy nên có tướng lông trên thân xoay về bên phải.

Do nhân duyên dùng thức ăn và anh lạc bố thí cho người, trừ bỏ tâm sân nên có được hai tướng: Một là thân sắc vàng ròng. Hai là quanh mình thường có hào quang.

Do nghiệp duyên này nên thân mềm mại, bụi bặm không dính. Thường ban cho chúng sinh những vật cần dùng, do nhân duyên ấy nên có tướng bảy chỗ đều đặn.

Tự phá kiêu mạn, điều phục tâm tánh, tùy tâm chúng sinh, như pháp thực hành, vì trừ bất thiện, nêu dạy pháp thiện, do nhân duyên ấy mà thân có tướng như sư tử, có tướng hai vai đầy đặn, hai nách bằng phẳng.

Do nghiệp duyên gì nên có tướng ngón tay mềm mại? Tức do nghiệp duyên này nên có tướng thân thể ngay ngắn.

Xa lìa nghiệp hai lưỡi cùng tranh cãi, do nhân duyên ấy nên có tướng bốn mươi cái răng, răng đều và bằng phẳng.

Tu từ bi nơi cõi dục, do nhân duyên ấy nên có tướng răng màu sắc trắng.

Thấy người đến xin hoan hỷ nghinh đón, do nhân duyên ấy nên có tướng hai má cao đầy đặn.

Xem chúng sinh bình đẳng như con một, do nhân duyên ấy nên được tướng nước bọt trong miệng có mùi thơm.

Thường ban cho chúng sinh pháp vị vô thượng, thấy có người quên ban cho sự nhớ nghĩ, tự nghĩ năm giới và chuyên dạy cho mọi người, tu tập tâm bi hay thí pháp lớn, do nhân duyên này nên được tướng trên đỉnh đầu có thịt nhô cao, có tướng lưỡi dài rộng.

Nói lời thật, lời hoan hỷ, lời pháp, lời dịu dàng, phi thời tức không nói, do nhân duyên ấy nên có âm thanh như giọng Phạm thiên.

Tu tập tâm bi, xem các chúng sinh giống như cha mẹ, do nhân duyên này nên được tướng: Một là mắt màu xanh biếc. Hai là mắt như Ngưu vương.

Thấy người có đức liền khen ngợi tán thán, do nhân duyên này nên có tướng lông trắng giữa chạng mày.

Ba mươi hai tướng, tuy mỗi mỗi đều nói về từng nhân duyên, nhưng nhân duyên chính là trì giới, tinh tấn. Vì sao? Vì nếu không trì giới, siêng tu tinh tấn thì thân người còn không có được, huống là ba mươi hai tướng.

Tướng không thấy đánh và tướng nhục kế là như nhau không sai khác. Lại nữa, phạm làm việc, tâm định không hối hận, do nhân duyên này nên có tướng dưới chân bằng phẳng.

Hoặc chí tâm làm. Do nhân duyên ấy nên được tướng dưới bàn chân có xoay tròn như bánh xe, cùng tướng thứ hai, thứ ba: kẽ tay, kẽ chân có màng mỏng, bảy chỗ đều đầy đặn, mềm mại, hai vai tròn đầy, thân cao thẳng, lưỡi dài rộng.

Hoặc mình thường làm. Do nhân duyên ấy nên có tướng tay thon dài, đứng thẳng tay dài quá gối, ánh sáng chiếu xa một tầm, răng khít, không lồi lõm.

Hoặc hành tác thanh tịnh. Do nhân duyên ấy nên có các tướng khác. Lại nữa, đối với chúng sinh luôn sinh tâm thuần thiện. Do nhân

duyên này nên có tướng tay chân mềm mại, thân thể trơn láng, bụi bặm không dính.

Lần lượt tu tập, theo thời tiết tu tập. Do nhân duyên ấy nên có tướng thứ hai, thứ ba, thứ tư.

Ưu tu pháp thiện tâm không hối hận. Do nhân duyên này nên được thân sắc vàng ròng, thường có hào quang, răng màu sắc trắng, có chòm lông trắng giữa chặng mày.

Hoặc được khen ngợi không sinh kiêu mạn, che giấu điều tốt không để người biết. Do nhân duyên ấy nên có tướng nam căn ẩn kín.

Chỗ tu pháp thiện đều hồi hướng đến đạo Bồ-đề. Do nhân duyên này nên có tướng lông nơi thân đều hướng lên trên, lông đều xoay về bên phải, miệng có bốn mươi cái răng, nước bọt có mùi thơm.

Do nhân duyên siêng tu tinh tấn nên có tướng hai má cao đầy đặn, thân như sư tử.

Do nhân duyên chí tâm thương mến chúng sinh như con một, nên có tướng răng bằng và khít, mắt màu xanh biếc và như mắt Ngưu vương.

Do nhân duyên tu tập pháp thiện không biết chán đủ nên có các tướng khác.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hành tánh, tu nghiệp ba mươi hai tướng. Lúc trụ ở hành tịnh tuy có ba mươi hai tướng như vậy, nhưng tướng không đầy đủ, nên chưa được sáng tịnh. Khi trụ nơi mười ba hành mới được hiển bày sáng rõ, đầy đủ tất cả pháp Phật. Tuy chúng sinh có vô lượng tướng nhưng không đồng, tức có loại thượng, trung, hạ không thể nghĩ bàn, thế nên Đức Phật thuyết ba mươi hai tướng. Tất cả chúng sinh hiện có công đức, hòa hợp tu tập, chính là cùng với tướng một sợi lông trên thân của Như Lai bằng nhau. Hết thảy lỗ chân lông hiện có công đức hòa hợp tu tập thành một tướng tốt. Tập

hợp công đức hiện có của các tướng tốt, tăng đến trăm lần mới thành một tướng, chỉ trừ tướng chòm lông trắng giữa chạng mây và tướng không thấy đánh. Tập hợp tất cả các tướng còn lại, tăng đến ngàn lần thành ra hai tướng. Tập hợp các công đức hiện có của ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, tăng đến ngàn vạn ức lần mới thành âm thanh sâu xa của Như Lai. Âm thanh ấy vang đến vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Như Lai thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, do nghĩa này nên Như Lai - Thế Tôn gọi là vô thượng, pháp được hành gọi là hành vô thượng.

Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp có ba thứ vô lượng: Một là ba kiếp vô lượng. Hai là tu thiện vô lượng. Ba là tạo lợi ích cho chúng sinh vô lượng. Thế nên nói Như Lai thành tựu vô lượng công đức.



Phẩm thứ 6: TRỤ CỦA ĐỊA CỨU CẢNH

Bồ-tát có bốn thứ thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là duyên tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh.

Vĩnh viễn đoạn trừ tập khí được các phẩm thanh tịnh, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thân được tự tại, sinh diệt tùy ý. Đó gọi là thân tịnh. Thần thông tự tại gọi là duyên tịnh. Tu tập pháp thiện, tâm li phiền não gọi là tâm tịnh. Biết rõ tất cả các pháp không có trở ngại, được trí tự tại, nhận biết tất cả các pháp hành. Đó gọi là trí tịnh.

Bồ-tát do bốn pháp thanh tịnh này nên được mười lực: Một là lực nhận biết về thị xứ phi xứ. Hai là lực nhận biết về các nghiệp. Ba là lực nhận biết về các thiên định giải thoát. Bốn là lực nhận biết về căn của các chúng sinh lợi độn. Năm là lực nhận biết về mọi hiểu biết của chúng sinh. Sáu là lực nhận biết về cảnh giới của chúng sinh. Bảy

là lực nhận biết về các xứ đạo đạt đến. Tám là lực nhận biết về đời quá khứ. Chín là lực vận dụng thiên nhãn nhìn thấy sinh tử và nghiệp thiện ác của chúng sinh. Mười là lực dứt hết các lậu.

Lời nói của Như Lai là chân thật không hai, nên gọi là Đa-đà-a-già-độ (Như Lai). Hoặc nói về quả thiện và quả bất thiện, nhân duyên chân thật, thể chân thật, tánh chân thật, trụ chân thật, sinh chân thật. Đó gọi là thị xứ. Quả thiện và bất thiện, chẳng phải nhân làm nhân. Đó gọi là phi xứ. Trí phá trừ kiêu mạn, gọi là trí chân thật, gọi là nhất thiết trí, gọi là trí vô ngại, gọi là trí tịnh, gọi là trí lia mạn. Tính theo thứ lớp nên gọi là đệ nhất lực. Không gì hơn nên gọi là tất cả hành. Tạo tội ích cho chúng sinh, phá trừ các ma nên gọi là Lực. Trang nghiêm chân thật được tự tại nên gọi là đầy đủ. Có thể phá trừ tất cả sự sợ hãi nên gọi là Niết-bàn. Nhân nơi nhân của tám chánh đạo phá diệt các khổ nên gọi là vô thượng. Như pháp trụ nên gọi là chân thật. Tự mình được pháp thanh tịnh, thương xót chúng sinh tức diễn nói giáo pháp, nên gọi là Phạm luân. Phạm luân gọi là Như Lai. Như Lai gọi là trong mát. Trong mát gọi là giới. Thọ trì tịnh giới, như giới mà thuyết. Đó gọi là thanh tịnh. Thuyết đúng, thuyết thật, vì lợi ích nên thuyết, thuyết rộng lớn, thuyết vô ngại, thuyết hết thảy, thuyết rốt ráo, thuyết vô thượng, thuyết vô lậu, thuyết vô vi, thuyết ngoại, thuyết hiện tiền. Thế nên gọi là tiếng gầm của đại sư tử. Thuyết phương tiện thiện, thuyết nhân chân thật. Do nhân duyên chân thật nên được quả chân thật. Đó là quả báo ở nẻo trời người và vô thượng. Do quả vô thượng nên gọi là vô thượng. Nếu tạo nghiệp rồi, tăng trưởng được quả, gọi là quá khứ. Có khi tạo nghiệp rồi chưa thọ quả báo cũng gọi là quá khứ. Chưa tạo tác nghiệp muốn tạo tác, chưa được quả báo muốn được. Đó gọi là vị lai. Đã tạo nghiệp rồi, chưa được quả báo, nghiệp thọ rồi diệt thành quá khứ. Đó gọi là hiện tại. Nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai có ba thứ: Nghĩa là quả của thân, khẩu ý. Xứ nào tạo tác nghiệp thiện của thân, khẩu ý thì xứ ấy đắc quả. Xứ nào tạo tác nghiệp ác của thân, khẩu ý thì xứ ấy đắc quả. Đó gọi là thị xứ.

Nghiệp của thuận thiện không có quả ác. Đó gọi là phi xứ. Nghiệp ác bất thiện không được quả thiện. Đó gọi là phi xứ. Nghiệp ở nẻo người, không thọ quả báo ở địa ngục. Đó gọi là phi xứ. Nghiệp của địa ngục không thọ quả báo ở nẻo người. Đó gọi là phi xứ. Chỉ trừ có thể tu giới tâm, tuệ nơi thân khiến quả báo của địa ngục ở trong nẻo người được thọ nhẹ. Do tương tự nên gọi là quả báo địa ngục. Trong nẻo người thọ nhẹ nên gọi là quả báo của nẻo người. Đó gọi là thị xứ phi xứ. Bốn thiền, tám giải thoát, các pháp như vậy tự tại tu đắc. Do tự tại thể nên Như Lai thường ở nơi Tam-muội thuyết pháp.

Phạm thiên vương chỉ nghe âm thanh không thấy hình tướng. Như vậy, các thiền định giải thoát có hai thứ phiền não: Một là chưa được, muốn được nên sinh phiền não. Hai là đã được rồi thoái thất nên sinh phiền não. Như Lai đã đoạn được hai thứ phiền não này, nên được đại tự tại. Biết tất cả tâm tướng của các chúng sinh, tuy hiểu rõ nhưng tâm không tham đắm, không sinh hoan lạc. Tu tập đầy đủ, muốn đắc liền đắc, đắc rồi không thoái thất. Đó gọi là lực của thiền định giải thoát thứ ba. Biết năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ có bậc thượng, trung, hạ. Từ nghe sinh, từ chánh tư duy sinh. Đó gọi là lực căn. Biết các dục thượng, trung, hạ. Đó gọi là lực hiểu. Biết các thứ tánh, tánh Thanh văn, tánh Duyên giác, tánh Như Lai, tánh chúng sinh tham, cho đến tám vạn bốn ngàn tánh phiền não. Đó gọi là lực thứ năm. Biết nhân nơi phiền não nên có được vô số các thân nơi thế giới. Đó gọi là lực thứ sáu. Biết các thứ phiền não đều có cách đối trị. Biết tất cả hữu cũng đều có đối trị. Biết đối trị phá trừ tất cả kiến tà ác. Đó gọi là lực của xứ đạt đạo. Hiểu rõ bốn phương với vô số các loại chúng sinh, vô số các thứ danh tự. Chúng sinh quá khứ nghĩ nhớ tám việc: Một là danh. Hai là sinh. Ba là tánh. Bốn là thức ăn. Năm là thọ khổ vui. Sáu là thọ mạng. Bảy là trụ. Tám là mạng chung. Lại nghĩ nhớ sáu việc: Một là danh tự. Hai là chủng tộc như Sát lợi v.v... Ba là cha mẹ thân tộc. Bốn là thức ăn uống. Năm là giàu nghèo. Sáu là sống lâu hoặc chết sớm. Đó gọi là lực thứ tám.

Hành nơi cõi trời gọi là bốn thiện. Do đắc quả bốn thiện nên gọi là thiên nhân. Đầy đủ quả thuần thiện nên gọi là thanh tịnh. Ánh sáng không đồng nên gọi là vượt quá mắt người. Cũng có thiên nhân của dục giới, tuy tên đồng, nhưng do bất tịnh nên không gọi là thiên nhân. Người có thiên nhân nhận biết, thấy chúng sinh đọa. Người đọa gọi là trời. Lại có người đọa gọi là người chết. Sinh gọi là trung âm. Trung âm có hai thứ: Một là thiện. Hai là bất thiện. Trung âm bất thiện màu sắc như áo lông đen, vào lúc đêm tối chỉ có mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhân thanh tịnh thấy sắc của trung âm cũng lại như vậy. Trung âm thiện màu sắc như áo mới xứ Ba-la-nại, vào lúc trắng sáng mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhân thanh tịnh thấy sắc của trung âm cũng lại như vậy. Sắc đen gọi là chúng sinh hạ hành. Sắc trắng gọi là chúng sinh thượng hành. Do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý ác nên gọi là hạ hành. Do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý thiện nên gọi là thượng hành. Nghiệp ác gọi là tà kiến. Tà kiến có hai loại: Một là có thể chuyển. Hai là không thể chuyển. Phi báng nhân quả, nói không có Thánh nhân, gọi là không thể chuyển. Không phải nhân thấy nhân, không phải quả thấy quả, gọi là có thể chuyển. Cho nên nghiệp ác gọi là tà kiến, nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Không phi báng bốn đế, tin nghiệp thiện ác, quả báo chân thật, thể nên nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Do nhân duyên nghiệp ác nên khi chết đọa vào địa ngục. Do thọ quả báo không vui, nên gọi là địa ngục. Phóng dật tạo nghiệp ác tất dẫn đến địa ngục. Thấy rõ nhân quả nên gọi là thiên nhân. Do nhân duyên nghiệp thiện nên không vào đường ác, thọ quả báo vui, thọ thân trời người. Do chánh kiến nên được sinh nơi cõi thiện. Sinh về cõi thiện gọi là trời, người. Thấy được rõ ràng nên gọi là thiên nhân.

Thế nào là cõi thiện? Do nhân duyên thiện nên đạt được quả thiện. Đó gọi là cõi thiện. Trên đây gọi là lực thứ chín. Do nhân duyên tu giới tâm tuệ nơi thân, đoạn tất cả lậu, vì đoạn trừ lậu nên được thân giới tâm tuệ vô lậu. Thân giới tâm tuệ vô lậu có hai thứ:

kiến đạo và tu đạo. Do hai thứ đạo này nên tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát. Tâm tuệ được giải thoát nên có thể thị hiện thân thông, giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là lục thứ mười. Bồ-tát có mười lục tức: Biết tánh, biết phân biệt, biết tự tướng, cộng tướng, bất cộng tướng, biết bình đẳng, biết nghiệp, biết thứ lớp, biết thắng và chẳng thắng. Bồ-tát có thể nhận biết bảy việc như vậy.

Biết tánh: Tức tánh của mười lục, là tánh của năm căn, do tuệ nhiều nên gọi là tánh trí. Cho nên nói trí xứ phi xứ, không nói tín xứ phi xứ, cho đến dứt hết lậu cũng lại như vậy.

Phân biệt gồm có ba thứ: Một là phân biệt thời. Hai là phân biệt hành. Ba là phân biệt tự tướng, cộng tướng. Mười lục có thể nhận biết tất cả thời, là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó gọi là phân biệt thời. Mười lục có thể nhận biết tất cả cách đối trị vô lượng phiền não trong mười phương thế giới. Đó gọi là phân biệt hành. Mười lục có thể nhận biết tất cả sắc tướng. Đó gọi là tự tướng. Nhận biết sắc là vô thường, cho đến tất cả pháp là vô thường. Đó gọi là cộng tướng. Đây gọi là phân biệt tự tướng cộng tướng.

Bất cộng: Nghĩa là mười lục không cùng chung với tất cả hàng Thanh văn Duyên giác. Mười phương chư Phật đồng được mười lục. Đó gọi là bình đẳng.

Biết nghiệp: Tức là lục của xứ và phi xứ. Nhân thật biết nhân, quả thật biết quả, tức là lục thứ hai. Như Lai nhận biết rõ quả báo nơi nghiệp của mình, cũng nhận biết quả nơi nghiệp hiện có của chúng sinh. Nhân nơi lục thiên định giải thoát nên Như Lai đạt được ba thứ thị hiện có thể điều phục chúng sinh. Nhân nhận biết căn lực nên hiểu biết căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sinh. Vì nhận biết căn nên tùy theo căn để thuyết pháp. Nhân hiểu rõ lục nên Như Lai hiểu biết rõ tánh thiện tánh ác của tất cả chúng sinh. Vì trừ bỏ tánh ác nên dạy cho tánh thiện. Nhân nhận biết lục thế giới nên Như Lai thường hành pháp thế gian, nhưng không bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Do biết

thể giới nên nhận biết cảnh giới của chúng sinh. Do nhận biết giới chúng sinh nên tùy căn, tùy tâm, tùy phiền não để thuyết giảng pháp.

Thế nào là Như Lai ban đầu chỉ dạy chúng sinh khiến nhập pháp Phật? Nếu Như Lai ban đầu dạy các Thanh văn, Bồ-tát nhập pháp Phật thì nói lời: Này thiện nam! Ông nên tu tập, ưa thích vắng lặng, ở một mình chỗ yên tĩnh. Lúc mới sinh ông, cha mẹ vì ông nên đặt tên gọi, cho đến chư Phật, Hòa thượng đặt cho tên gọi, phải chí tâm quán xét. Như tên này của mình là do cha mẹ, Hòa thượng đặt ra. Đối với sáu nhập trong ngoài là có hay không có? Này Thiện nam! Nếu lia sáu nhập trong ngoài nhưng không thấy có, lúc này ông sẽ được trí chân thật. Biết tên gọi ấy là hư giả không thật, pháp cũng không thật, tên cũng không thật, tên và pháp đã không thật thì sao đối với điều ấy sinh khởi kiêu mạn? Này Thiện nam! Vào lúc này, ông nên quán sát mắt và tên gọi của mắt. Mắt có hai thứ: Một là tên gọi. Hai là lưu hành khắp. Tên gọi của mắt chẳng phải mắt, tướng của mắt chẳng phải mắt. Nếu có một vật gọi là mắt thì vật này cũng không có. Nếu thật có mắt thì tên cũng nên thật có. Nếu là chân thật thì lúc chúng sinh sinh ra tự nên hiểu biết không cần dạy bảo, vật chưa thấy không cần dạy nhưng có thể biết. Do nghĩa này nên biết tên cũng không thật, vật cũng không thật. Như mắt, thức cũng như vậy. Lúc quán sát như thế thì đoạn trừ được tâm tham đắm nơi các nhập trong ngoài. Do đoạn trừ tham đắm trong ngoài nên đoạn dứt tướng của tất cả các pháp. Do đoạn trừ tướng của tất cả các pháp nên nhận biết chân thật tánh của tất cả pháp. Tánh của tất cả pháp nghĩa là không chân thật, không có hình tướng.

Này thiện nam! Lúc quán sát như vậy, nếu muốn được nhất thiết trí, muốn được đại từ đại bi, muốn được thiên thứ nhất cho đến phi tướng phi phi tướng, muốn được hành tánh cho đến hành Như Lai, muốn được địa Bồ-tát với sáu thông cho đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tất cả đều có thể đạt được. Đó gọi là lực thứ sáu. Nhân nơi

lực của xứ đạo đạt đến nên nhận biết đạo chân thật, đạo không chân thật, phá bỏ đạo không chân thật, chỉ bày đạo chân thật. Nhân nơi lực nhận biết đời quá khứ nên nhận biết thọ các khổ, biết mình không ưa sinh tử, cũng dạy chúng sinh không ưa sinh tử, phá trừ thường kiến. Nhân nơi lực dùng thiên nhãn thọ ký cho người, dứt trừ đoạn kiến. Nhân nơi lực lậu tận nên Như Lai tự nhận biết mình được giải thoát, có thể phá trừ kiến chấp của chúng sinh, thấy chẳng phải là Như Lai cho là Như Lai thật, thấy chẳng phải là Sa-môn nói thật là Sa-môn, chẳng phải là người phạm hạnh nói là thật phạm hạnh. Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì cùng lúc chứng đắc mười lực ấy.

Vì sao nói có thứ lớp? Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đầu tiên quán xét về nhân quả thế nên đầu tiên gọi là Lực xứ phi xứ. Như vậy, nhân quả ai làm, ai thọ. Đó gọi là nghiệp lực. Do phá trừ nghiệp nên tu tập thiền định. Vì nhận biết chúng sinh ai có thể tu tập, ai không thể tu tập, nên quán xét các căn. Căn có ba hạng là thượng, trung, hạ. Đó gọi là tánh chúng sinh, là lực thứ năm. Do nhận biết tánh nên biết tâm tịnh và bất tịnh. Đó gọi là thế giới. Muốn biết nhân duyên tâm tịnh và bất tịnh nên biết xứ đạo đạt đến. Đạo như vậy là đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến. Đó gọi là lực túc mạng, lực thiên nhãn. Do đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến nên các lậu vĩnh viễn hết sạch. Đó gọi là lực lậu tận. Như thế gọi là thứ lớp.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, trước hết quán xét thị xứ phi xứ. Thứ đến quán xét nghiệp thế gian. Do phá bỏ nghiệp thế gian nên quán xét thiền định giải thoát và quán xét chúng sinh có thể tu đạo hoặc không thể. Tiếp theo dùng thiên nhãn thấy căn tánh lợi, độn của các chúng sinh, là nhằm muốn nhận biết. Ngoài ra như trước đã nói.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, quán xét về thị xứ phi xứ của mười hai nhân duyên. Mười hai nhân

duyên do đâu mà có, cho nên quán xét nghiệp. Các nghiệp của chúng sinh hoặc có thọ báo hoặc không thọ báo. Dùng thiên nhãn quán xét những gì? Vì chúng sinh nên quán xét pháp giới. Đó gọi là giải. Pháp giới và thế giới không có sai khác. Muốn nhận biết người khó điều phục và dễ điều phục, nên nhận biết về thọ mạng đời trước. Vì nhận biết người thọ nhận lời dạy hoặc không thọ nhận, nên nhận biết căn tánh lợi độn. Biết rồi nên thuyết giảng tám chánh đạo, gọi là đến xứ đạo. Do lực đạo nên đoạn trừ được các phiền não. Đó gọi là lực lậu tận.

Lực thị xứ phi xứ và lực của nghiệp có gì sai khác? Nhận biết rõ về nghiệp thiện, nghiệp ác, quả thiện cho đến quả ác. Đó gọi là Lực thị xứ phi xứ. Tạo tác nhất định có thọ nhận, không tạo tác thì không thọ nhận. Đó gọi là lực của nghiệp. Vì muốn điều phục nghiệp bất thiện nên tu tập thiền định. Điều phục có hai thứ: Một là tin. Hai là không tin. Thế nên quán xét căn nơi tâm tin có hai loại: Một là tin Tam bảo. Hai là tin trời Ma-hê-thủ-la. Đó gọi là giải thoát, có ba hạng thượng, trung, hạ, nên gọi là lực thế giới. Nhận biết thế giới rồi thuyết giảng về đạo thế gian, đạo Thanh văn, đạo Duyên giác, đạo Bồ-tát, đạo Phật. Đó gọi là lực biết đến xứ đạo. Quán xét nhân thiện, nhân ác, nghiệp nặng, nghiệp nhẹ của các chúng sinh. Đó gọi là lực túc mạng. Nhân nhận biết như vậy nên đoạn trừ thường kiến đoạn kiến. Đó gọi là thiên nhãn. Do thấy chân thật nên các lậu vĩnh viễn đoạn hết. Đó gọi là lực lậu tận. Tánh của mười lực đều là tánh trí không có sai khác, do duyên nơi cảnh giới nên nói có sai khác. Bốn vô sở úy như đã thường nêu. Như Lai vì chúng sinh nên nói bốn việc: Một là pháp giải thoát không chung với hàng Thanh văn. Hai là pháp giải thoát chung với hàng Thanh văn. Ba là giải thoát chúng sinh khổ. Bốn là vì chúng sinh nên đoạn khổ đạt giải thoát, thuyết giảng pháp đối trị.

Thanh văn không chung: Nghĩa là đối tượng hiểu biết về ngã. Nếu nói có pháp nhưng ông không biết: Ta cũng không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, như pháp mà

nói không biết không thấy. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói lậu của ta đã hết, hoặc nói không hết. Không thấy Sa-môn cho đến ma, phạm, như thật mà nói, lậu của ông chưa hết. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói ta đã đắc đạo, hoặc nói đạo ấy chẳng phải là cứu cánh. Ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói, ông chưa đắc đạo, chẳng phải là cứu cánh. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, ta nói là chướng ngại đạo. Nếu nói không chướng, ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói là chướng chẳng phải chướng. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt. Phật thuyết giảng đạo là vì các Bồ-tát và các Thanh văn. Sau khi Phật Bát Niết-bàn, lúc kết tập kinh tạng, trong tạng Thanh văn đã loại trừ tên Bồ-tát, trong Tạng Bồ-tát để yên tên Bồ-tát. Cho nên kinh Phương Đẳng gọi là Tạng Bồ-tát. Không chung với Thanh văn tức là ba niệm xứ của Như Lai. Như Lai thuyết giảng pháp, chí tâm nghe nhận, tâm được hoan hỷ, thọ các an lạc. Như pháp mà trụ, không trái với giáo pháp Phật Phật cũng không vui. Tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Như Lai thuyết giảng pháp, có người không tin nhận, trái lời Phật đã nói, Phật cũng không sân, không có sầu não. Tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật, Như Lai thuyết giảng pháp, hoặc có người nghe, hoặc có kẻ không nghe. Có người nghe, không vui, có người không nghe, không sầu, tu tập tâm xả, không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Đó gọi là ba niệm xứ.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn, đó là ba thứ bất hộ. Như Lai không hộ thân, khẩu mạng. A-la-hán có nghiệp vô ký, ghi nhận là tâm mất niệm. Nghiệp vô ký gọi là Đột-kiết-la (Ác tác). Như Lai đã đoạn tất cả nghiệp vô ký. Vì sao? Vì thường tu chánh niệm. Thế nên Như Lai tùy tâm thuyết giảng nói lời quở trách quyền thuộc. Đó là xua trừ lời nói thô ác, tăng thêm tâm không sợ khó. Vì sao? Vì thân khẩu mạng thanh tịnh.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn. Đó là đại bi, như trước đã nói. Như Lai hành tác sự việc gì, hành tác nơi xứ nào, do nhân duyên gì hành tác, hành tác như thế nào, hành tác vào lúc nào? Các sự việc như vậy đều có thể nhận biết như thật. Đó gọi là tâm niệm. Như Lai nhận biết rõ về việc gì? Đó là tất cả hành. Nơi xứ nào? Đó là tất cả thế giới. Do nhân duyên gì? Đó là nhằm điều phục chúng sinh. Hành tác như thế nào? Đó là phương tiện thiện. Hành tác vào lúc nào? Đó là tất cả thời. Do đây Như Lai thường tu tâm chánh niệm. Đức Như Lai, Thế Tôn hoặc động, hoặc tĩnh, hoặc nói, hoặc làm, hoặc đi, hoặc đứng, trong tất cả thời đều không có tập khí phiền não, thế nên nói Như Lai đã vĩnh viễn đoạn trừ tập khí phiền não. A-la-hán thì không như vậy, cho nên Như Lai không cùng chung với Thanh văn.

Như Lai hiểu biết rõ về ba thứ tụ pháp: Một là tụ của nghĩa được lợi ích. Hai là tụ của nghĩa phi lợi ích. Ba là tụ của nghĩa phi lợi ích phi bất lợi ích. Như Lai biết rõ ba tụ như vậy, thế nên nói Như Lai đắc Nhất thiết trí. Như vậy một trăm bốn mươi pháp bất cộng không cùng chung với hàng Thanh văn, Duyên giác, do đó gọi là Thanh văn không chung.

Bồ-tát lúc hành trì có được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nhưng không tịnh, sáng. Khi ngồi nơi gốc cây không có thầy, tự tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới được tịnh, sáng. Học địa Bồ-tát, được Tam-muội kim cang rồi, niệm thứ hai tiếp theo chúng đắc mười lục, tất cả pháp Phật, cho đến tất cả trí tịnh. Do chúng đắc như thế nên gọi là trí nhất thiết, trí vô ngại, trí vô chướng, trí tịnh, trí tịch tĩnh, trí thanh tịnh, trí đầy đủ. Đó gọi là địa cứu cánh. Vượt qua tất cả hành Bồ-tát, địa Bồ-tát, vào địa Như Lai, hành Như Lai được thân vô thượng, chuyển thân Bồ-tát, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí, trụ nơi địa cứu cánh. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy pháp Phật như thấy màu sắc hình tượng cách nơi hạt thóc nhỏ. Đức Như Lai, Thế Tôn đều không như

vậy, nên gọi là tịnh. Bồ-tát trụ nơi địa cứu cánh thấy pháp Phật như ở xa nhìn sắc. Chư Phật Thế Tôn thấy pháp như ở gần nhìn sắc. Bồ-tát nơi địa cứu cánh thấy pháp Phật như ở nơi tối nhìn sắc. Chư Phật Thế Tôn thấy pháp như nơi ban ngày nhìn sắc. Bồ-tát nơi địa cứu cánh như chưa ra khỏi thai. Chư Phật Thế Tôn như đã ra khỏi thai. Bồ-tát nơi địa cứu cánh như điều thấy trong mộng. Chư Phật Thế Tôn như tỉnh thấy vật. Bồ-tát nơi địa cứu cánh như đèn không sáng. Chư Phật Thế Tôn như đèn sáng rực.

Bồ-tát chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng rồi, có thể ở nơi trụ xứ của tất cả chư Phật, Thế Tôn làm Phật sự. Làm Phật sự gồm có chín việc, mỗi mỗi Phật sự đều tạo lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh. Những gì là chín thứ? Một là tự mình làm việc của bậc đại trượng phu, có thể khiến chúng sinh tin nơi việc trượng phu. Hai là dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân tướng, vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên phá trừ lưới nghi. Ba là Như Lai đầy đủ mười lực, do đầy đủ mười lực nên có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nếu có người hỏi thế nào là lực, tức có thể khéo giải thích, phá trừ tâm nghi, điều phục chúng sinh, dứt bỏ tà kiến. Bốn là Như Lai đầy đủ bốn vô sở úy, là tin Tam bảo, điều phục chúng sinh, phá bỏ tà kiến, là tiếng gầm của đại sư tử. Năm là Như Lai đầy đủ ba niệm xứ, như thuyết mà hành, như hành mà thuyết, phá các phiền não, có thể nuôi dưỡng đồ chúng, có thể giáo hóa chúng sinh. Sáu là Như Lai đầy đủ ba pháp Bất hộ, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, vì nhằm điều phục chúng sinh, đêm ngày thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh. Bảy là Như Lai đầy đủ đại bi, vì đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật, vì khiến chúng sinh lìa các khổ não, ban cho chúng sinh sự an lạc. Tám là Như Lai đầy đủ không có sai lầm, không mất chánh niệm, thế nên không có thầy, vẫn như pháp mà hành, như pháp mà trụ, đem lại lợi ích cho chúng sinh khiến họ được điều phục, loại các thứ phóng dật của chúng sinh. Chín là Như Lai vĩnh viễn đoạn hết

tập khí phiền não, nhận biết nghĩa pháp, phi nghĩa pháp, phi nghĩa phi phi nghĩa pháp. Vì thế Như Lai thuyết giảng về nghĩa pháp, lia phi nghĩa pháp và phi nghĩa phi phi nghĩa pháp, tức Như Lai đầy đủ một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Chính sự việc như vậy tức có thể làm Phật sự. Đó gọi là hành Như Lai, gọi là địa Như Lai, gọi là địa cứu cánh của Như Lai. Vì sao? Vì hành Như Lai, địa Như Lai, địa cứu cánh của Như Lai, ở trong vô lượng ức na-do-tha kiếp, thọ giới Bồ-tát, tu hành Bồ-tát, Bồ-tát cứu cánh có thể giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh trụ nơi địa cứu cánh. Tất cả pháp Phật của Như Lai đều vì chúng sinh không vì tự mình. Pháp hiện có của Thanh văn, Duyên giác chỉ vì tự lợi, ít có lợi tha, cho nên hàng Nhị thừa không có pháp bất cộng. Pháp Phật vô thượng trọn không tương tợ như pháp của Thanh văn, Duyên giác. Đại bi không sai lầm khi đoạn trừ tập khí. Nhất thiết trí, năm trí, Tam-muội, Như Lai đầy đủ tất cả pháp bất cộng, do đây gọi là vô thượng.

Kinh này diễn nói về giới Bồ-tát, về quả của giới Bồ-tát, đạo Bồ-tát, hành của tất cả Bồ-tát, hành quả nơi giới của tất cả Bồ-tát, vì thế gọi là địa Bồ-tát, Tạng Bồ-tát, Luận Bồ-tát, là kinh của trí vô ngại thâm giữ tất cả kinh điển Đại thừa. Nếu là hàng trời người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn tin kinh điển này, thọ trì, nghe giảng, đọc tụng, biên chép, rộng nói, tu tập, phân biệt về nghĩa, thấy người thọ trì liền cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, dùng hoa hương, đèn đuốc, kỹ nhạc để cúng dường, nên biết người ấy thường được mười phương chư Phật hộ niệm, xưng nói danh tự, có được vô lượng nhóm công đức. Vì sao? Vì Bồ-tát do nhân duyên giới nên chúng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Do thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói giới Bồ-tát, nên chánh pháp của Như Lai được ở đời lâu, không diệt, các Tỳ-kheo xấu ác dần được tổn giảm. Nếu không có giới Bồ-tát, thì các Tỳ-kheo xấu ác sẽ dần tăng mạnh, chánh pháp của Như Lai không bao lâu sẽ tàn diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này nên gọi là kinh gì?

Phật dạy:

–Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Đây gọi là Thiện giới, gọi là Địa Bồ-tát, gọi là Tỳ-ni (Luật) Ma-di (Luận) của Bồ-tát, gọi là Như Lai tạng, gọi là căn bản của tất cả pháp thiện, gọi là nhân an lạc, gọi là các tụ Ba-la-mật.

Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật giảng nói xong liền hoan hỷ lễ bái, nhiễu quanh Phật theo phía bên phải rồi lui ra.

HẾT - QUYỂN 9

SỐ 1583/1
KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI
(UƯ BA LY HỎI PHÁP THỌ GIỚI BỒ TÁT)

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa môn Cầu Na Bạt Ma, người nước Kế Tân.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu giới, thành tựu giới thiện, thành tựu giới tạo lợi ích cho chúng sinh, trước phải học đầy đủ giới Ưu-bà-tắc, giới Sa-di, giới Tỳ-kheo. Nếu nói không đầy đủ giới Ưu-bà-tắc nhưng đạt được giới Sa-di thì không có điều đó. Không đủ giới Sa-di mà đạt được giới Tỳ-kheo, cũng không có điều ấy. Không đủ ba giới như vậy mà đạt được giới Bồ-tát, cũng không có việc này. Ví như nhà lầu bốn tầng có thứ lớp, không do tầng thứ nhất để đến tầng thứ hai, thì cũng không có việc này v.v... Bồ-tát đầy đủ ba thứ giới rồi, muốn thọ giới Bồ-tát, phải nên chí tâm không có tham chấp, xả bỏ tất cả vật trong ngoài, nếu không thể xả bỏ, tức không đầy đủ ba giới, trọn không thể đắc giới Bồ-tát.

Bấy giờ, người thọ giới tự quán xét thân mình như quán xét người trí, ở nơi chỗ vắng lặng lễ bái mười phương chư Phật, hướng về trước tượng phía Đông quỳ gối chấp tay thưa: “Đại Đức Phật, Bồ-tát Tăng mười phương xin lắng nghe! Nay con tên v.v..., cầu giới Bồ-tát, con đã đầy đủ giới Ưu-bà-tắc cho đến đầy đủ sự việc của người trí, thế nên con cầu giới Bồ-tát từ mười phương chư Phật, Bồ-

tát Tăng. Nay mười phương chư Phật, Bồ-tát Tăng quán xét tâm con, nếu con có tâm bất tín, phá hủy tâm Bồ-đề, hoặc có tâm ác, tâm hư dối, thì chớ trao giới cho con. Nếu thật sự không có thì nên thương xót trao giới cho con”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy, chí tâm im lặng trụ nơi chuyên niệm, rồi nói: “Nay đã trao cho con giới Bồ-tát, con đã đắc giới Bồ-tát. Vì sao? Vì mười phương chư Phật, Bồ-tát đã dùng tha tâm trí quán xét tâm con, con có tâm chân thật, nên biết vì thương xót đã ban giới cho con. Nay con không có thầy, mười phương chư Phật, Bồ-tát là thầy”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Bây giờ, mười phương chư Phật, Bồ-tát tức thị hiện tướng, là đã đắc giới.

Mười phương chư Phật, Bồ-tát bảo các đại chúng: “Nơi thế giới có người v.v... chân thật, thọ giới Bồ-tát, nay Ta vì thương xót đã trao giới. Nay người này không có thầy, Ta vì người này nên làm thầy, nay Ta hộ niệm đệ tử Ta”. Lúc ấy, người thọ giới liền đứng dậy đánh lễ mười phương chư Phật, Bồ-tát. Đây là tự yết-ma. Nếu có người trí, do kiêu mạn không theo đây mà thọ, thì không đắc giới Bồ-tát, như là người phá giới. Nếu có người trí, hoặc ở phương xa, hoặc đất nước có loạn, hoặc bị bệnh nặng, hoặc vì lợi ích cho nhiều người, hoặc lại không có xứ thọ. Xuất gia, tại gia, hoặc có thể xả, có thể thí, thâm tâm lập nguyện cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bây giờ, nếu người đồng có tâm Bồ-đề, đồng pháp, đồng ý, có thể thuyết, có thể dạy, đây là thiện tri thức. Người muốn thọ giới phải nên đến chỗ người này làm lễ, trích áo bày vai phải, quỳ gối chấp tay nói: “Đại đức lắng nghe! Tôi nay theo Đại đức xin thọ giới Bồ-tát, giới đại tự tại, giới vô thượng, giới vô thắng. Đại đức! Đối với tôi vì thương xót, nên xin trao giới cho tôi”.

Nếu vị Đại đức này im lặng lắng nghe, người thọ giới nên đứng dậy sửa lại y phục, hướng đến mười phương ba đời chư Phật - Thế Tôn và chư Bồ-tát trụ nơi đại địa, đầu mặt kính lễ, tùy trí lực của mình

tán thán công đức của chư Phật và chư Bồ-tát, ở trước Phật chuyên niệm Tam bảo, quỳ xuống chấp tay nói: “Đại đức! Nay con tên v.v... xin thọ giới Bồ-tát, Đại đức vì tâm thương xót nên trao giới Bồ-tát”. Nếu vị Đại đức im lặng lắng nghe, người thọ giới nên chí tâm chuyên niệm Tam bảo, sinh tâm hoan hỷ. Lại suy nghĩ: “Ta nay đã thành tựu được vô lượng vô biên công đức nơi bảo tạng vô thượng, sẽ được thọ trì giới của Bồ-tát”. Lại nên nhất tâm im lặng mà trụ.

Lúc này, người trí nói với người thọ giới: “Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Nay ông có phải là Bồ-tát chân thật không? Có chân thật phát tâm Bồ-đề không?”. Người thọ giới đáp: “Đại đức! Đúng thật là vậy”. Người trao giới lại nói: “Ông có đầy đủ ba giới không?”. Đáp: “Đã đầy đủ”. Hỏi: “Có thể xả bỏ của cải trong ngoài không?”. Đáp: “Có thể xả bỏ”. Hỏi: “Có tham tiếc thân mạng và của cải không?”. Đáp: “Không tham tiếc”. Hỏi: “Ông có thể theo ta thọ giới của tất cả Bồ-tát, giới thâm giữ tất cả đạo Bồ-đề, giới tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Giới này như giới của mười phương ba đời chư Phật, Bồ-tát. Ông có thể thọ trì không?”. Đáp: “Có thể”. Lần thứ hai, thứ ba hỏi đáp cũng như vậy.

Bấy giờ, người trí nên xướng lời này: “Mười phương chư Phật, chư Bồ-tát, Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có người tên v.v... cầu con, theo mười phương chư Phật, Bồ-tát Tăng xin thọ giới Bồ-tát. Đã đầy đủ ba giới, phát tâm Bồ-đề, là Bồ-tát chân thật có thể xả bỏ tất cả vật trong ngoài, không tiếc thân mạng. Nguyện mười phương chư Phật, chư Bồ-tát Tăng, vì thương xót nên ban cho người này giới Bồ-tát. Vì thương xót nên ban cho vô lượng vô biên giới của bảo tạng công đức vô thượng. Vì lợi ích cho chúng sinh. Vì để tăng trưởng pháp của chư Phật và Bồ-tát”. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Lúc này, các phương có gió mát thổi, người trí nên biết đây là mười phương chư Phật, chư Bồ-tát Tăng trao giới cho người này rồi, nên nói với người thọ giới: “Ông hãy lắng nghe! Mười phương chư

Phật, chư Bồ-tát Tăng nay trao giới cho ông, như giới của tất cả Bồ-tát trong ba đời, ông phải chí tâm thọ trì, có thể thọ trì không?”. Đáp: “Có thể”. Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi đáp như vậy.

Bấy giờ, người trí kính lễ mười phương chư Phật, chư Bồ-tát Tăng và lễ tượng Phật, lễ rồi lại xưng: “Mười phương Đại đức chư Phật, Bồ-tát lắng nghe! Nay người thọ giới đã nói ba lần, đã từ mười phương chư Phật và Bồ-tát đắc giới Bồ-tát, người thuyết là con, người thọ tên là v.v..., con vì người này mà làm chứng”. Đại sư: Tức là mười phương vô lượng chư Phật, Bồ-tát Tăng. Tiểu sư: Tức là thân con. Sư gồm có hai: Một là có thể thấy. Hai là không thể thấy. Không thể thấy: Tức là mười phương chư Phật, Bồ-tát Tăng. Có thể thấy: Tức là thân con. Ở một bên vị sư có thể thấy và không thể thấy, người này đã đắc giới. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Như thế là yết-ma xong. Yết-ma xong cả hai đều im lặng.

Khi ấy, mười phương thế giới chư Phật và Bồ-tát biết sự tướng này rồi, bảo các đại chúng: “Trong thế giới kia, có người như vậy theo người trí ấy thọ giới Bồ-tát, người như vậy là pháp đệ của Ta, Ta nay chí tâm thương xót hộ niệm. Do mười phương chư Phật, chư Bồ-tát Tăng thương xót hộ niệm, nên người trao giới và người thọ giới đều tăng trưởng pháp thiện”. Cả hai người im lặng rồi, liền kính lễ mười phương chư Phật, chư Bồ-tát Tăng. Đó gọi là Bồ-tát thọ xong giới Bồ-tát. Là giới nhất thiết, giới vô thượng, giới vô biên, giới tụ công đức, giới tịch tĩnh, giới tâm tịnh, giới phá trừ tất cả phiền não của chúng sinh. Những giới như vậy hơn hẳn tất cả giới của Thanh văn, Duyên giác trong mười phương. Vì sao? Vì có thể độ thoát tất cả chúng sinh. Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, phải nên học và đọc tụng tạng pháp của Bồ-tát, tạng luận của Bồ-tát.

Bồ-tát lúc muốn thọ giới Bồ-tát, trước phải quán xét kỹ, nếu người bất tín thì không nên theo họ thọ. Người tham lam, người bòn sẻn, người không biết đủ, người phá giới, làm nhiễm ô giới, không

kính trọng giới, người ưa sân hận, người không nhẫn nhục, người không thể ngăn chặn tội lỗi của người khác, người biếng nhác, ưa hưởng sự vui thế gian, ưa nói việc thế gian, cho đến không thể nhất tâm trong giây lát nghĩ đến Tam bảo, nghi ngờ, ngu tối, không thể đọc tụng tạng pháp và tạng luận của Bồ-tát, lại sinh phi báng v.v..., những người như vậy không nên thọ giới. Đã thọ giới rồi, cũng không nên nói cho người không tin, cũng không nên nói cho người phi báng Đại thừa. Vì sao? Vì như người không tin do nhân duyên này nên bị đọa vào địa ngục, vì thế Bồ-tát không nên nói cho họ nghe, nếu nói là đắc tội. Nếu Bồ-tát biết chắc khi nói với người kia có thể phá trừ lời nói ác, nghiệp ác và tâm bất tín cho họ thì nói sẽ không có tội. Bồ-tát đã thọ giới Bồ-tát rồi, vị Sư nên vì Bồ-tát ấy giảng nói pháp phạm và không phạm. Nếu biết Bồ-tát ấy đã chí tâm có thể thọ giới, không vì sự cúng dường nên thọ, không phải bắt chước người khác nên thọ, không vì kiêu mạn nên thọ.

Bây giờ, vị sư nên thuyết giảng pháp phạm và không phạm cho Bồ-tát ấy nghe: Người thọ giới lắng nghe! Giới Bồ-tát có tám giới trọng, bốn giới trọng như trước đã nói. Nếu Bồ-tát vì tham lợi dưỡng nên tự khen ngợi thân mình là đã đắc giới Bồ-tát, trụ nơi địa Bồ-tát. Bồ-tát thì không như thế. Đó gọi là giới trọng thứ năm của Bồ-tát.

Nếu có người bần cùng thọ các khổ não, hoặc có người bệnh đến cầu xin, Bồ-tát vì tham tiếc, không bố thí, cho đến vật bằng một tiền. Có người cầu pháp cũng keo kiệt không bố thí, cho đến một câu kệ. Bồ-tát thì không như thế. Đó gọi là giới trọng thứ sáu của Bồ-tát.

Bồ-tát nếu sân hận, không nên thêm tâm ác. Nếu dùng tay đánh, hoặc gây hoặc đá, dùng lời thô ác mắng nhiếc, lăng nhục. Hoặc khi không có sức không thể đánh mắng thì ôm tâm sân hận. Nếu bị người khác đánh mắng, họ cầu sám hối nhưng không nhận lời, nên tăng trưởng tâm sân hận không dứt tâm bất tịnh. Bồ-tát thì không như thế. Đó gọi là giới trọng thứ bảy của Bồ-tát.

Bồ-tát nếu có người đồng thầy đồng học phi báng kinh Đại thừa và tạng pháp của Bồ-tát, theo học những điều tương tự phi pháp, thì không nên cùng người này ở chung. Nếu biết chắc rồi, không được hướng đến người khác tán thán công đức của người ấy. Đó gọi là giới trọng thứ tám của Bồ-tát.

Bồ-tát có hai loại: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Tại gia có sáu giới trọng. Xuất gia có tám giới trọng. Nếu Bồ-tát phạm mỗi mỗi giới hoặc phạm đủ tám giới, tức hiện tại không thể trang nghiêm vô lượng Bồ-đề Vô thượng, hiện tại không thể khiến tâm thanh tịnh. Đây tức gọi là Bồ-tát danh tự, Bồ-tát phi nghĩa, gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la, không gọi là Sa-môn, không phải là hàng phạm hạnh, không thể hướng đúng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Tâm Bồ-tát có ba hạng là thượng trung hạ. Như bốn giới trọng sau mà tâm hạ và tâm trung phạm thì không gọi là phạm. Nếu dùng tâm thượng và tâm ác phạm thì gọi là phạm. Thượng tức là ưa làm bốn việc như vậy, tâm không hổ thẹn, không biết sám hối, không thấy phạm tội, lại khen ngợi kẻ phá giới. Đó gọi là tâm thượng ác phạm.

Bồ-tát tuy phạm bốn giới trọng như vậy, nhưng trọn không mất giới Bồ-tát. Nếu Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng tức mất giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Bồ-tát nếu phạm bốn giới trọng của Tỳ-kheo cũng mất giới Ba-la-đề-mộc-xoa, làm ô nhiễm giới Bồ-tát. Người nhiễm ô thì hiện tại không thể làm trang nghiêm Bồ-đề, không đạt được vô lượng Tam-muội phước đức. Đó gọi là nhiễm ô.

Có hai nhân duyên khiến mất giới Bồ-tát: Một là thoái tâm Bồ-đề. Hai là có tâm ác bậc thượng. Lia hai nhân duyên này, cho đến đời sau, dù ở trong ba đường ác cũng trọn không mất giới Bồ-tát. Giới Bồ-tát không đồng với giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu vào đời sau, Bồ-tát lại thọ giới Bồ-tát, thì không gọi là mới đắc mà gọi là khai thị thêm sáng tịnh.

Nay lại nói về sự khác nhau (Thượng trung hạ) của tướng phạm không phạm khinh trọng nơi giới Bồ-tát.

Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, nếu đối với tháp tượng, kinh quyển, hoặc đối với người ngày đêm đọc tụng cả ngàn vạn lời, Bồ-tát không dùng hương hoa cúng dường lễ bái, không thể khen ngợi, tâm không hoan hỷ, cho đến một niệm. Đó gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Đó gọi là Bồ-tát có tâm nhiễm, tâm nghi. Nếu mới sai lầm khởi tâm bất tịnh, hoặc có làm việc nhưng tâm không cung kính, vì không tin, vì biếng nhác. Đó gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Nếu tâm vô niệm gọi là phạm nhẹ. Không phạm tức là nếu có tâm tịnh thường cầu Bồ-đề. Tâm tịnh tức như Tu-đà-hoàn hiện có bốn tín.

Bồ-tát nếu không biết đủ, không thiếu dục, lại tham đắm lợi dưỡng. Đó gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Không phạm, tức nếu có thể biết nhất định dùng sự không biết đủ để điều phục chúng sinh.

Bồ-tát nếu thấy bậc thượng tọa cao đức đồng học đồng thầy, sinh tâm kiêu mạn và tâm ác, không nghinh đón, lễ bái, bày tòa ngồi, không cùng nói chuyện hoặc thăm hỏi, nếu có hỏi việc nghi ngờ cũng không chịu giải nói. Đó gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Đó gọi là Bồ-tát có tâm nhiễm ô, tâm nghi. Không phạm tức là khi bệnh, khi ngủ, khi tâm loạn, hoặc lúc chí tâm nghe pháp, cúng dường chư Phật, biên chép đọc tụng, giải nói nghĩa kinh luận.

Nếu Tỳ-kheo vì tìm chỗ phạm tội mà nghe giới Bồ-tát, hoặc người không tin thọ, người không tin lời dạy, không thành tựu giới Ưu-bà-tắc, không thành tựu giới Sa-di, không thành tựu giới Ba-la-đề-mộc-xoa, những người như vậy thì không được nghe giới Bồ-tát, nếu nghe tức phạm tội. Nếu Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề, không hổ thẹn, không sinh hối hận mà nghe giới Bồ-tát, thì phạm tội Thâu-la-giá. Nếu Tỳ-kheo phạm tội Thâu-la-giá, không hổ thẹn, không sinh

hối hận mà nghe giới Bồ-tát, tức phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không hổ thẹn, không sinh hối hận, lại nghe giới Bồ-tát, tức phạm tội Ba-la-di, nghĩa là pháp trọng thứ tám. Nếu có người thuyết, tức là phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên trong kinh nói: “Người không tin thì không nên nghe. Người không tin thì không nên nói giảng”.

Có đàn-việt kính tin đến thỉnh Bồ-tát, hoặc tại nhà, hoặc nơi chùa tháp, hoặc nơi thôn xóm, quốc độ, muốn cúng dường những vật cần dùng như y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc thang, Bồ-tát vì kiêu mạn, sân hận nên xem thường không nhận lời, tức phạm tội, tội này do phiền não nên phạm.

Nếu Bồ-tát không có bạn, đi một mình đến nhà bạch y, tức phạm tội sai lầm. Nếu đến nhà bạch y nhưng không thể thuyết pháp, khai thị giáo hóa khiến họ cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Đó gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Không phạm tức như khi bệnh, hoặc ám độn, hoặc cuồng, hoặc đường xa sợ nạn, hoặc ở xa thỉnh. Biết không thọ thỉnh sẽ khiến người kia được điều phục. Hoặc trước đã thọ thỉnh. Hoặc lúc siêng tu pháp thiện. Nếu chưa nghe nghĩa, nên muốn được nghe. Người thỉnh tâm không chân thật. Hoặc biết thọ thỉnh của người này, e sợ nhiều người sân hận, như pháp tăng chế.

Nếu có đàn-việt dùng vàng bạc, chân châu, xa cừ, mã não, lưu ly, pha lê, nô tỳ, xe cộ, voi ngựa, các Ni-sur-đàn nhiều sắc cùng dâng lên Bồ-tát, Bồ-tát nên thọ nhận, nếu không nhận tức phạm tội. Tội này do nơi phiền não nên phạm. Không phạm: Tức như khi cuồng. Hoặc biết thọ rồi ắt sinh tham đắm. Hoặc biết thí chủ bố thí rồi sẽ sinh hối hận. Hoặc biết thí chủ rồi sẽ phát cuồng. Hoặc biết thọ rồi thí chủ bị nghèo khổ. Hoặc biết vật này là đã hứa cúng cho Tam bảo. Hoặc biết vật này là do cướp đoạt mà có. Hoặc biết thọ rồi có nhiều khổ não như nạn vua, giặc cướp, mất mạng, lao tù, tiếng xấu

truyền khắp, bị đuổi ra khỏi nước. Hoặc biết thọ rồi không thể xả để tu phước đức đối với ruộng phước tốt.

Nếu có chúng sinh vì hiểu nghĩa nên muốn được nghe pháp, đến chỗ Bồ-tát học hỏi những điều chưa nghe. Bồ-tát do tâm khinh thường, tâm kiêu mạn, không thuyết giảng tức phạm tội, tội này do phiền não nên phạm. Không phạm: Như là hoặc biết người ấy trước là ác kiến, tà kiến, tìm cầu lỗi lầm. Hoặc bị bệnh, hoặc bệnh mới khỏi, hoặc cuồng. Hoặc biết không giảng nói sẽ khiến người kia được điều phục. Hoặc Phật chưa chế. Hoặc biết người ấy, trước đây đối với Tam bảo không sinh tâm kính trọng, hoặc cử động thô tháo. Hoặc biết căn tánh ám độn khi nghe nghĩa sâu xa sẽ sinh tà kiến. Hoặc biết nghe rồi sẽ nói với người ác khiến phá hoại chánh pháp.

Nếu có người ác có thể làm việc sát hại và hàng Chiên-đà-la, Bồ-tát nếu không gằn gỏi qua lại, vì họ thuyết giảng chánh pháp tức là phạm tội. Vì sao? Vì Bồ-tát hoặc thấy người trì giới tinh tấn, thân khẩu ý thanh tịnh, không sinh từ bi. Hoặc thấy người ác lại có thể sinh từ bi, cho nên Bồ-tát nếu không vì những người ấy thuyết pháp tức là phạm tội. Không phạm: Như là khi cuồng, hoặc pháp vua ngăn, hoặc Tăng chế, hoặc sợ nhiều người hiềm nghi, hoặc biết không thuyết giảng khiến người kia được điều phục.

Nếu có đàn-việt không phải là bà con, hoặc trưởng giả, hoặc Bà-la-môn dùng các thứ y phụng hiến cho Bồ-tát, Bồ-tát nên thọ nhận. Nếu Bồ-tát tự cầu nhiều mà được cũng nên thọ nhận. Như y, thì bát cũng như vậy. Như y, bát, chỉ may cũng như thế. Bồ-tát nếu đến chỗ đàn-việt cầu xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải là bà con dệt, bảo họ dệt cho dài rộng, nói ta không tự mặc, ông cùng đàn-việt đều cũng có phước. Nếu đàn-việt nói: Tôi cúng là vì sư, xin nguyện tự mặc. Bồ-tát được y rồi, hoặc vì thân mình nên đến chỗ thợ dệt, bảo họ dệt cho dài rộng, nếu được rồi lại tự mình mặc, tức phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Nếu không bảo dệt thì không phạm.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, nên thọ nhận nên chứa phu cụ (Ni-sư-đàn) Kiều-xa-da cho đến trăm ngàn vạn số. Vàng bạc cũng như thế. Người Thanh văn chỉ vì tự lợi, nên Như Lai không cho thọ nhận và cất chứa. Bồ-tát thì không như vậy, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên cho cất chứa, không được không thọ. Nếu vì biết đủ, hoặc vì danh dự nên không thọ tức là mắc tội. Nếu Bồ-tát vì nhân duyên biếng nhác nên không thể tạo lợi ích cho chúng sinh, tức là mắc tội. Tội này là do phiền não nên phạm.

Bồ-tát nếu được người khen ngợi nói là bậc thập trụ, hoặc A-la-hán đến Tu-đà-hoàn, ít muốn, biết đủ, như vậy mà im lặng thọ nhận tức là mắc tội. Tội này là do phiền não nên phạm.

Bồ-tát nếu vào trong Tăng chúng thấy có người cười giỡn phi pháp nhưng không quả trách tức là mắc tội. Không phạm: Như lúc nghe pháp, vì nhằm điều phục, vì tùy tâm nói pháp, hoặc có thể tạo lợi ích.

Nếu nói Bồ-tát không ưa thích Niết-bàn cũng chẳng phải là không ưa thích, không sợ phiền não cũng chẳng phải là không sợ. Vì sao? Vì còn lưu chuyển trong sinh tử. Nếu Bồ-tát nói lời ấy tức là mắc tội. Vì sao? Vì Bồ-tát ưa thích Niết-bàn, Thanh văn, Duyên giác không thể nhận biết. Thanh văn, Duyên giác ưa thích Niết-bàn, đối với sự ưa thích của Bồ-tát, không có một phần trong trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn phần. Bồ-tát quả trách sự sợ hãi đối với phiền não, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể nhận biết. Thanh văn, Duyên giác quả trách, sợ nơi phiền não, so với Bồ-tát, trong trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, thậm chí không có một phần. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác chỉ là tự lợi, không thể lợi tha. Bồ-tát thì có cả tự lợi và lợi tha. Bồ-tát tuy thực hành hữu lậu nhưng vẫn hơn A-la-hán, trọn ngày ở nơi phiền não nhưng không bị nhiễm ô. Thế nên Bồ-tát nói lời trên tức là mắc tội.

Bồ-tát nếu không sợ tiếng xấu, không hộ tiếng xấu, thì mắc tội thất ý. Nếu người không có tiếng xấu mà nói sự xấu của người tức

phạm tội ác, tội này do phiền não nên phạm. Nếu vì điều phục mà thêm lời ác thì mắc tội thất ý, không phải là tội ác. Không phạm: Như là quở trách ngoại đạo dối đến thọ giới Bồ-tát. Hoặc tâm vốn không có ác nhưng miệng xuất ra lời ác. Hoặc điên cuồng. Hoặc biết quở trách là có lợi ích lớn. Hoặc biết do sân hận người kia sẽ có lợi ích. Nếu vì hộ giới nên không sinh sân hận tức là mắc tội. Hoặc biết do sân hận, người kia sẽ được chút lợi ích trong hiện tại, không có lợi ích lớn ở đời sau. Nếu Bồ-tát bị người đánh - đánh lại, bị mắng - mắng lại, bị người xúc não - xúc não lại, tức là mắc tội thất ý, tội này nhân nơi phiền não nên phạm.

Nếu có Bồ-tát cùng nhau bàn bạc, chê trách, hoặc thật không thật, Bồ-tát nên khiêm nhường xin lỗi, nếu không thể làm tức là mắc tội. Không thọ nhận việc xin lỗi tức cũng mắc tội do phóng dật. Không xin lỗi tức mắc tội do phóng dật. Không phạm: Như biết người kia trước nay vốn xấu ác thường đến tìm lỗi của người. Hoặc biết không làm sẽ khiến người kia bỏ ác. Nếu Bồ-tát sân hận đối với người khác, thường suy nghĩ: “Nếu khi ta gặp được sẽ đánh, sẽ mắng”. Bồ-tát không thể tự điều phục, tức phạm tội.

Bồ-tát nếu cùng đi một đường với Tỳ-kheo-ni thì không phạm. Nếu có tâm tham tức phạm tội. Không phạm: Như vì nhằm điều phục.

Bồ-tát nếu theo người Ni không phải là bà con để thọ thực thì không phạm. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề rồi, đối với các chúng sinh không ai không phải là bà con. Bồ-tát nếu vì tham người hầu hạ, sai khiến nên nuôi nhiều đệ tử, tức là phạm tội. Không phạm: Như vì nhằm điều phục nên nuôi nhiều đệ tử, hoặc vì hộ trì giáo pháp, hoặc vì tạo lợi ích, hoặc không có tâm tham.

Bồ-tát nếu biếng nhác trễ nải, không siêng năng tinh tấn, lại ưa sự ngủ nghỉ, tức là mắc tội. Không phạm: Như là bị bệnh, hoặc bệnh mới khỏi chưa đủ sức lực. Hoặc lúc đi xa, hoặc đọc tụng mệt mỏi. Hoặc lúc suy nghĩ pháp đối trị.

Bồ-tát nếu cùng nhau nói về việc thế gian, nói lời vô ích, tức là phạm tội. Không phạm: Như có người hỏi, hoặc tùy theo tâm người để điều phục, lúc nói nên chí tâm, không có tăng giảm.

Bồ-tát nếu vì tâm kiêu mạn nên không thăm hỏi thầy, không nghe lời thầy chỉ dạy, tức là mắc tội. Không phạm: Như là bị bệnh, hoặc cuồng, hoặc si, hoặc đại thông minh, đa văn, có trí tuệ vì điều phục chúng sinh. Hoặc lúc nhập định.

Bồ-tát nếu khi tâm dục khởi lên, không quán xét cách đối trị, mau chóng điều phục khiến diệt, tức là mắc tội. Không phạm: Như là có quán xét cách đối trị nhưng phiền não quá mạnh không thể diệt. Hoặc lúc tự thử nghiệm phát tâm dục.

Bồ-tát nếu nói không nên thọ giới Thanh văn, không nên đọc tụng kinh Thanh văn, vì kinh luật của Thanh văn không thể tạo lợi ích cho các chúng sinh. Nếu nói vậy tức phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Không phạm: Như là vì người tham chấp kinh luật Tiểu thừa.

Bồ-tát nếu không đọc tụng pháp Tạng Bồ-tát, chỉ ưa đọc tụng kinh luật Thanh văn, tức là phạm tội. Không phạm: Như là hoặc không nghe biết có pháp Tạng Bồ-tát.

Bồ-tát nếu không đọc tụng kinh điển của Như Lai, mà đọc tụng sách vở của thế gian, tức là phạm tội. Không phạm: Như là luận nghị để phá tà kiến, hoặc hai phần kinh điển Phật, một phần sách ngoài. Vì sao? Vì biết sách ngoài là pháp hư vọng, pháp Phật là chân thật. Do biết pháp thế gian nên không bị người đời khinh mạn.

Bồ-tát nếu nghe Tạng Bồ-tát, nghe tạng Thanh văn, có những việc không thể nghĩ bàn, nhưng không tin không thọ, nói không phải là Phật thuyết, hoặc tự phi báng, hoặc bảo người khác phi báng, tức là phạm tội. Bồ-tát nếu nói: Trí lực của mình thấp kém, nhục nhãn không thanh tịnh, không thể thấy cảnh giới thâm diệu của Như

Lai, cảnh giới của Như Lai chỉ Phật nhãn mới thấy, chỉ có Đức Phật mới nhận biết, tức pháp giới không phải là nơi chốn mình có thể đạt đến. Nếu có thể suy nghĩ quán xét như vậy tức là hành thật. Bò-tát nhãn chịu cùng không nhận chịu, cả hai đều không phạm.

Bò-tát nếu sinh tâm sân hận, kiêu mạn, tự nói mình trì giới, đa văn, trí tuệ đều hơn người, tức là phạm tội. Tội này do phiền não nên phạm. Không phạm: Như là vì phá tà kiến, vì phá sự khinh miệt đối với pháp Phật, hoặc vì điều phục tâm tự đại của người khác. Vì khiến người chưa tin sinh tâm tin, khiến người đã tin rồi được tăng trưởng.

Bò-tát nếu nghe nói có nơi chốn thuyết giảng pháp, cho đến một do-tuần nhưng không tới nơi để nghe tức phạm tội. Hoặc khinh chê người thuyết giảng nên không đến nghe, tức phạm tội. Tội này do phiền não nên phạm. Hoặc biếng nhác không đến nghe tức phạm tội thất ý. Không phạm: Như là không nghe, không hay, không biết. Hoặc bệnh vừa khỏi chưa đủ khí lực. Hoặc biết điều thuyết giảng là điên đảo, không phải là chánh pháp. Hoặc lo người thuyết giảng sinh tâm xấu hổ. Hoặc thuyết một pháp lại không có nghĩa khác. Hoặc đang tu pháp thiện. Hoặc đang giáo hóa chúng sinh. Hoặc không hiểu lời người kia nói. Hoặc không thể nhớ nghĩ.

Bò-tát nếu khinh người thuyết pháp không sinh tâm cung kính, không khen ngợi đức của vị ấy, lại chê cười người thuyết lời nghĩa không chánh tức phạm tội.

Bò-tát nếu thọ giới Bò-tát rồi, có chúng sinh hành tác các sự việc nhưng mình không đồng sự tức phạm tội. Nghĩa là lui tới ra vào ủng hộ việc tạo tài vật, hòa hợp mọi sự tranh chấp, làm các việc thiện. Các sự việc trì giới, bổ thí, đa văn, nếu không cùng đồng sự tức phạm tội. Không phạm: Như là bệnh hoặc không biết làm. Hoặc tự mưu tính việc lớn. Hoặc trước có hứa giúp đỡ người khác. Hoặc tự tu pháp thiện. Hoặc lo sợ có nhiều người sân hận, hoặc vui, hoặc si,

hoặc cuồng. Hoặc biết không cùng chung có thể điều phục họ. Hoặc pháp do tăng chế.

Bồ-tát nếu khinh chê người thuyết pháp, mắng đánh, cười chê lời thuyết, chỉ dựa nơi văn từ, không dựa nơi ý nghĩa, tức phạm tội. Tội này do phiền não nên phạm.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, nhưng không thể tùy thuận theo tâm chúng sinh, tức phạm tội. Nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi, tu các việc thiện.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, thấy người bệnh khổ nhưng không săn sóc và cứu giúp là phạm tội. Không phạm: Như là mình bệnh, hoặc người bệnh có nhiều thân tộc. Hoặc đang tu gấp pháp thiện vô thượng. Hoặc trước đã chăm sóc bệnh cho người khác. Hoặc căn tánh ám độn. Như đối với bệnh, đối với kẻ bần cùng khốn khổ cũng lại như vậy.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, thấy chúng sinh ác tu theo pháp ác, nhưng không thể dẫn dắt quả trách khuyên bỏ, tức phạm tội thất ý. Không phạm: Như biết người này có thiện tri thức, có thể chỉ dạy quả trách. Hoặc biết vì họ giảng nói cũng không nghe, hoặc hiểu sai lầm, hoặc người kia có tâm hại.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, đem vật cất chứa cho bạch y dùng chung, tức phạm tội thất ý.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, không nên dùng bát bằng vàng, bạc để thọ nhận thức ăn, cất chứa bát bằng đồng không được giống với hàng bạch y. Đồ bằng gỗ, bằng sừng thì không nên dùng, nếu dùng tức phạm tội. Không phạm: Như là hoặc mất bát cũ, hoặc đi giữa đường có người mời, hoặc bệnh nặng.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, thọ ân nhưng không nghĩ nhớ tức phạm tội. Tội này là do phiền não nên phạm.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, thọ ân huệ của người nhưng không thể báo đáp tức phạm tội. Cách báo đáp là phải trì giới, tinh tấn tọa thiền, đọc tụng kinh điển, tùy sự việc khiến tâm thí chủ vui lòng để báo đáp. Không phạm: Như là thí chủ không thọ nhận.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, thấy có người khổ hoặc chết, hoặc mất của cải do nạn vua quan, giặc cướp, lũ lụt, hỏa hạn, thân thuộc ly biệt, Bồ-tát nên đến nơi ấy nói pháp an ủi, theo chỗ cần dùng của họ và tùy sức mình để cung cấp, nếu không làm tức phạm tội. Không phạm: Như là không được tự tại. Hoặc mình bị bệnh nặng. Hoặc họ không nghe nhận lời mình. Hoặc có nghi nạn. Hoặc pháp do tăng chế.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, có nuôi chứa đệ tử nhưng không thể theo các đàn-việt tín tâm để xin vật cần dùng, như y phục, thức ăn, ngọa cụ, phòng xá, thuốc thang, tùy thời cung cấp. Lại không tùy thời thuyết pháp, giáo hóa, tức phạm tội. Không phạm: Như biết đệ tử có uy lực lớn, thông minh, phước đức, có nhiều đàn-việt. Hoặc là ngoại đạo đối đến để trộm pháp. Hoặc biết không thể làm tăng trưởng pháp Phật.

Bồ-tát nếu như thọ giới Bồ-tát rồi, thường nên khen ngợi việc thiện của người khác, nếu che giấu công đức của người khác tức phạm tội. Tội này do phiền não nên phạm. Không phạm: Như là có người ngăn trở. Hoặc mê loạn ám độn không biết, hoặc bị bệnh nặng, hoặc sợ người hiềm nghi. Hoặc khó hiểu rõ như quả Am-la.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, dùng giường ghế cao quá tám đốt tay tức phạm tội. Không phạm: Như là lúc thuyết pháp. Hoặc nhận lời đàn-việt tín tâm thỉnh. Hoặc lúc ngồi trong đền thờ của ngoại đạo.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, đối với đệ tử đáng sân giận nhưng không sân hận, đáng quở trách nhưng không quở trách, đáng phạt nhưng không phạt, đáng đuổi nhưng không đuổi, tức phạm tội. Tội này

do phiền não nên phạm. Không đáng sân mà sân, không đáng trách mà trách, không đáng phạt mà phạt, không đáng đuổi mà đuổi, tức phạm tội. Không phạm: Như là biết đệ tử có thể thiêu đốt chùa tháp, làm việc đại ác. Hoặc giết sư, Hòa thượng, hoặc đồng sư, đồng Hòa thượng, hoặc cha mẹ. Hoặc lúc hầu hạ. Hoặc biết nhất định do nhân duyên này mà phá hoại chúng Tăng. Hoặc biết về sau họ tự sinh hổ thẹn.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, có được thần thông lớn, thấy người đáng sợ mà không sợ, thấy người có thể sinh tín mà không khiến họ sinh tín, tức phạm tội. Không phạm: Như là biết tất cả tin theo tà kiến, không tin pháp Phật.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, đạt được đại thần túc, thấy kẻ đáng sợ nhưng không sợ, thấy người có thể sinh tín nhưng không khiến họ sinh tín, là phạm tội. Không phạm: Là nếu biết tất cả là tin theo tà kiến, không tin pháp Phật.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, phải chí tâm niệm, không khởi tương phạm. Nếu có phạm, nên đến trước một người phát lồ sám hối. Đó gọi là người Đại thừa, Tiểu thừa, có thể khéo giải nghĩa, khéo tuyên thuyết. Đó gọi là nhất thiết giới của Bồ-tát. Từ địa thứ nhất của Bồ-tát hiểu rõ sáu Ba-la-mật, cho đến nhất thiết giới, tất cả đều là giới cấm của Bồ-tát. Đó gọi là nhất thiết giới. Trước kia, trong kinh của Thanh văn có những điều Như Lai chưa thuyết, nay ở trong tạng Luận của Bồ-tát lại thuyết. Vì sao gọi là nhất thiết giới? Là do nói chung về giới của hàng xuất gia và tại gia, nên gọi là tất cả giới.

Giới khó hành gồm có ba thứ: Một là Bồ-tát có tự tại lớn, của cải vô lượng, đều có thể xả bỏ để thọ giới Bồ-tát. Đó gọi là giới khó hành. Hai là Bồ-tát vào lúc nạn gấp vẫn không khiến giới có tỳ vết, hướng hồ là hủy phạm. Đó gọi là giới khó hành. Ba là Bồ-tát tuy tùy thuận chúng sinh, đi đứng nằm ngồi, nhưng thường giữ gìn giới, không khiến hủy phạm. Đó gọi là giới khó hành.

Nhất thiết tự giới gồm có bốn thứ: Một là thọ. Hai là tánh. Ba là tu. Bốn là phương tiện. Thọ nghĩa là ba lần yết-ma. Tánh nghĩa là cùng với tánh chung hợp Bồ-tát Ma-ha-tát do tánh nhu hòa, nên nghiệp thân khẩu ý thường khéo tu tập. Ở nơi vô lượng chư Phật, Bồ-tát tu tập các phương tiện. Như chư Bồ-tát dùng bốn nhiếp pháp để thân giữ chúng sinh, chỉ dạy khiến tu tập thân khẩu ý thiện. Đó gọi là nhất thiết tự giới.

Giới thiện nhân gồm có năm thứ: Một là tự trì giới cấm. Hai là dạy người khiến hành trì. Ba là khen ngợi. Bốn là thấy người ưa hành trì thì hoan hỷ tán thán. Năm là có phạm thì theo pháp sám hối, tâm không gián đoạn. Đó gọi là giới thiện nhân.

Giới nhất thiết hành có mười ba thứ: Một là phát nguyện hồi hướng Niết-bàn. Hai là rộng lớn. Ba là thanh tịnh. Bốn là hoan hỷ. Năm là không phá bỏ. Sáu là không bị dẫn dắt. Bảy là kiên cố. Tám là xem như anh lạc. Chín là chân thật. Mười là có ý nghĩa. Mười một là tín. Mười hai là quý báu. Mười ba là thường. Như địa Thanh văn, giới cấm của Thanh văn, tất cả pháp thiện đều là nhân của đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là giới nhất thiết hành.

Giới trừ diệt có tám thứ. Bồ-tát thường suy nghĩ như vậy: Như ta không ưa chết, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Thế nên không được giết hại sinh mạng loài vật. Như ta không ưa trộm cướp, dâm dục, nói thô ác, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa, đánh đập, mắng nhiếc, thì tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Cho nên không được cướp đoạt, tham dâm, nói thô ác, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa, đánh đập, mắng nhiếc. Đó gọi là giới trừ diệt. Bồ-tát cho đến bị mất thân mạng trọn không hủy hoại tám giới như vậy.

Giới tự lợi lợi tha, tức là Bồ-tát đối với giới có chỗ ngăn thì ngăn, có chỗ mở thì mở. Nếu nơi chỗ ngăn không ngăn, nơi chỗ mở không mở, tức phạm tội. Bồ-tát nhận biết tất cả chúng sinh có thể thân phục thì thân phục, có thể xả thì xả. Giới thân khẩu thanh tịnh,

thường cùng hành bồ thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy là làm tịnh giới tự lợi lợi tha. Đó gọi là giới tự lợi lợi tha.

Giới tịch tĩnh, tức là từ lúc ban đầu thọ giới đã chí tâm kiên trì, vì bốn quả Sa-môn, vì quả Bồ-đề, không vì thân mạng. Đó gọi là giới tịch tĩnh.

Bồ-tát khi ngồi, nếu thấy vua hoặc các vị trưởng giả mà đứng dậy tức phạm tội. Nếu đang ngồi kiết già thấy vua hoặc các vị trưởng giả liền quỳ tức phạm tội. Hoặc trước đó y không ngay ngắn, khi thấy vua và các vị trưởng giả liền sửa lại y phục tức phạm tội. Nếu khi vua hoặc các vị trưởng giả nói lời ác, theo ý khen ngợi, tức phạm tội. Chỗ không nghi ngờ lại gắng sinh nghi ngờ tức phạm tội. Chỗ nên nghi nhưng không sinh nghi cũng phạm tội.

Giới của Bồ-tát là đầu đêm cuối đêm không được ngủ nghỉ, đầy đủ nguyện thiện, hành thiện, pháp thiện, thành tựu chánh mạng, xa lìa thường kiến, đoạn kiến, thường hành theo trung đạo, lìa năm thứ dục lạc, xa lìa tà kiến, không phá không hoại. Đó gọi là giới tịch tĩnh.

Tụ giới Bồ-tát thành tựu đầy đủ quả vi diệu vô lượng. Do nhân duyên của tụ giới này nên đạt đầy đủ trì giới Ba-la-mật. Người thọ tuy chưa đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nhưng đã có đủ năm thứ công đức: Một là thường được chư Phật, Bồ-tát nhớ nghĩ. Hai là thọ nhận thường, lạc, tịnh. Ba là lúc lâm chung không có hối hận. Bốn là sau khi chết được sinh vào thế giới của chư Phật. Năm là trang nghiêm đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Người thọ trì giới Bồ-tát không vì thân mình, chỉ vì lợi tha và trang nghiêm đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Giới Bồ-tát này đều là chỗ thành tựu của hàng hà sa chư Phật, Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến mười phương chư Phật, Bồ-tát cũng lại như vậy.

HẾT

SỐ 1584/3
LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG (1)

Hán dịch: Đồi Lương, Đại sư Chân Đế.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN THƯỢNG
Phẩm ĐỊA TÂM, phần 1

*Trí tuệ thông đạt khắp
 Nơi tịnh lại không trị
 Cứu đời, Luận thế dứt
 Đánh lễ bậc Tối thắng.
 Pháp như Ngài đã thuyết
 Đạo địa tinh là đạo
 Chưa hiểu ba pháp này
 Thế chuyển như luân chuyển.
 Thánh Tăng trụ nơi pháp
 Vượt buộc, vượt chúng khác
 Mười phần, tám phần, tám
 Quả đạo và đạo quả.*

¹ Luận này (3 quyển) tương đương với Phần thứ 2, Phần Nhiếp Quyết Trạch, Đoạn 1 của Luận Du Già Sư Địa (100 quyển), từ quyển 51 → 54. Do dịch trước, dịch trong thời kỳ tài liệu tham khảo ít, thuật ngữ Phật học chưa đủ, chưa chuẩn v.v... nên Luận này nhiều chỗ văn nghĩa không rõ, rất khó lãnh hội. Đối chiếu với các quyển 51 → 54 nơi Luận Du Già Sư Địa để thấy bản Hán dịch này là hoàn toàn chưa đạt, chỉ có giá trị lịch sử – ND.

Nếu các Đại sĩ phu muốn tạo Luận, đem lợi ích cho người không hiểu biết, cho kẻ kiến chấp điên đảo nghi ngờ, tức nói về lợi ích là từ chánh trí sinh. Nói chánh trí là xuất phát từ Luận Quyết Định Tạng: Vốn đã nói về địa, nay phân biệt rộng giải thích nghĩa của địa này, khéo đáp những vấn nạn về địa năm thức và địa tâm. Kinh nói: Thức A-la-da (A-lại-da) là căn bản của mọi chủng tử, làm sao nhận biết là nó. Đó là nói về Như Lai tạng, nên nơi Kinh Giải Tiệt (Kinh Giải Thâm Mật) kệ viết:

*Thức làm căn bản khắp
Sâu xa chảy tràn đầy
Không vì phàm phu nói
Sợ sinh khởi ngã kiến.*

Uất-đà-nam nêu:

*Chấp trì gốc phân minh
Căn bản chẳng phải việc
Thân thọ định không thức
Cũng chẳng phải khí dứt.*

Do tám thứ nhân duyên này nên biết có thức A-lại-da. Nếu lìa thức gốc này mà có chấp trì, thì không có lý ấy. Chấp trì có năm thứ: Một là thức A-lại-da nhận giữ nghiệp của đời trước, lại từ nơi nhân hiện tại, sau đó sinh các thức. Như Đức Phật nói trong A-tỳ-đàm: Nhờ nơi căn trần, tâm, nghiệp, nên các thức được sinh. Hai là do thiện và bất thiện nên sáu thức được sinh. Ba là ở trong sáu thức, nếu có một thức vô ký, riêng nắm giữ chỗ thâm tóm duy trì, thì không có điều ấy. Bốn là các thức đều dựa nơi căn sinh, tùy sinh một thức mà căn có chấp trì, các căn khác thì không. Năm là các căn luôn chấp trì, nghĩa tức không như vậy. Vì năm nghĩa này, nhân nơi thức A-lại-da, nên các căn gọi là có. Chấp trì gốc nghĩa là từ ban đầu các thức không được hợp sinh, cũng không có điều ấy. Nếu có người hỏi: Có thức A-lại-da, các thức đều sinh chẳng? *Đáp:* Đúng vậy. Ông nếu nói

không tức là lỗi lầm. Vì sao? Vì có nghĩa thật. Như A-hàm, hai thức cùng sinh. Lấy gì để nhận biết? Như có một người muốn được thấy nghe, cho đến nhận biết các thức, mỗi mỗi đều từ căn trần, tâm muốn không khác, căn trần không khác. Một thức được sinh, các thức khác nào có trở ngại gì. Đó là nghĩa thật. Phần sau A-hàm nói phân minh: Các thức không cùng giữ lấy cảnh là không rõ. Nếu cho tâm thức cùng với nhãn thức v.v... làm bạn để giữ lấy cảnh, tức là rõ ràng. Vì sao? Vì từng hành nơi các trần, sau đó mới truy xét nhưng phần nhiều không sáng rõ. Các thức không cùng hợp, ý duyên riêng, không như duyên hiện tức dễ sáng rõ. Các thức cùng hợp, nên biết chủng tử gốc cùng sinh. Nếu lia thức A-lại-da, thì sáu thức như nhãn thức v.v... cùng làm gốc thì không có điều ấy. Vì sao nhận biết? Vì khi thức thiện diệt thì tâm bất thiện sinh. Thức bất thiện diệt thì tâm thiện lại sinh. Thiện, bất thiện diệt thì tâm vô ký sinh. Tâm của cõi dưới diệt thì thức của cõi giữa sinh. Tâm của cõi giữa diệt thì thức của cõi trên tức sinh. Thức của cõi trên cũng diệt thì tâm của cõi dưới trở lại sinh. Thức hữu lậu diệt thì tâm vô lậu sinh. Tâm vô lậu diệt thì hữu lậu trở lại sinh, nên biết sáu thức không cùng làm gốc. Như thứ lớp tâm diệt, ở trong vô số kiếp trở lại được sinh, nên biết thức A-lại-da dùng làm chủng tử gốc, chẳng phải là việc của các thức kia. Các thức kia không cùng hợp thì không có sự việc này. Vì sao? Vì ở đây có bốn sự việc: Một là sự việc của vật dụng. Hai là sự việc nắm giữ lấy thân. Ba là sự việc nói là ngã. Bốn là sự việc đối với trần cảnh. Bốn sự việc như thế niệm niệm cùng sinh. Nếu nói một thức ở trong một niệm nhận biết bốn sự việc thì không có điều ấy. Nói thân thọ nhận, nếu lia thức A-lại-da mà có thân thọ nhận tức không có nghĩa ấy. Vì sao nhận biết? Cũng như có người hoặc thật tâm tạo tác hoặc không thật tâm tạo tác, trước hết cũng cần tư duy. Hoặc tâm định hoặc tâm không định, các thọ nơi thân có rất nhiều thứ sinh và chúng được sinh, nên biết là có thức A-lại-da. Có vô thức định cũng không có nghĩa này. Vì sao nhận biết? Nếu nhập định vô tướng, thì người nhập định không

có thức, vì sáu thức đều diệt, người này nên chết. Như Đức Phật đã nói: Nhập định không tâm nhưng thức không diệt. Nói chẳng phải là khí dứt. Nếu lia thức A-lại-da mà có khí dứt, thì không có điều ấy. Vì sao nhận biết? Như hai người thiện và ác, khi sắp mạng chung, người thiện thì chân lạnh trên đánh ấm, lúc trên đánh lạnh thì mạng người ấy tức diệt. Người ác lúc chết thì từ trên đánh lạnh đến chân ấm, lúc hơi ấm dứt thì người này mạng chung. Ý thức thường ở nơi thân, thức A-lại-da giữ gìn thân. Thức A-lại-da diệt thì thân tức lạnh liền không hay biết. Hai sự việc lạnh nóng này không do nơi ý thức, nên biết là có thức A-lại-da.

Uất-đà-nam nêu:

*Cảnh giới dựa nhau khởi
Lại cùng làm nhân duyên
Được cùng tương ưng sinh
Cùng phiền não đều diệt.*

Lược nêu bốn nghĩa, tức biết có sự việc của thức A-lại-da. Một loại hiện có cảnh giới diệt, là thức A-lại-da nhân nơi hai cảnh sinh: Một là ở bên trong giữ gìn sự việc. Hai là ở bên ngoài giữ gìn vật dụng, nhưng không thể phân biệt các tướng mạo. Ở đây giữ gìn bên trong, là chấp trước ngã kiến tà vạy, tập theo thể mạnh cùng căn, sắc, đồng thời chấp trì, tức là cảnh giới. Đây là hữu nơi cõi dục, cõi sắc. Trong cõi vô sắc chỉ có chấp trước ngã kiến tà vạy tập theo thể mạnh. Ở bên ngoài ngoài giữ gìn vật dụng, nhưng không phân biệt tướng mạo. Tức bên trong được thức A-lại-da giữ gìn, là gìn giữ cảnh giới bên ngoài. Ví như đèn giữ gìn tim đèn dầu ở bên trong mà bên ngoài có ánh sáng, sự việc của thức A-lại-da giữ gìn trong ngoài cũng lại như vậy. Cảnh giới này là rất sâu xa vi tế, như người đa văn trí tuệ ở thế gian cũng không thể hiểu rõ cảnh giới này: Là thường hằng nhưng có sai biệt. Thế nào là không khác? Là từ một niệm ban đầu trở đi, tới lúc bị cảnh giới nắm giữ, cho đến khi chết chỉ sinh một

vị. Thức A-lại-da ở trong cảnh giới niệm niệm sinh diệt. Tại nơi dục giới giữ lấy cảnh nhỏ bé. Ở trong sắc giới giữ lấy cảnh rộng lớn. Nơi vô sắc giới, vô lượng không xứ, vô lượng thức xứ, giữ lấy vô lượng cảnh. Nơi vô sở hữu xứ giữ lấy cảnh vi tế. Nơi phi hữu tướng phi vô tướng giữ lấy cảnh sâu xa vi diệu. Do hai cảnh này, do vi diệu, do một vị, do niệm niệm diệt, do cảnh nhỏ bé, do cảnh rộng lớn, do cảnh vô lượng, do cảnh vi tế, do cảnh sâu xa vi diệu, nên biết là có thức A-lại-da.

Cùng dựa nhau khởi: Nghĩa là thức A-lại-da cùng với năm tâm số pháp (tâm sở) dựa nhau nên được sinh, là tư xúc, thọ, tưởng và tác ý. Năm đại địa này là năm pháp vi tế thuộc về báo. Người trí trong thế gian cũng không thể hiểu rõ. Đồng duyên một cảnh không có sai khác. Cùng thọ không khổ không vui và vô ký kết hợp. Bốn thứ còn lại cũng như vậy. Tâm số pháp (tâm sở) dựa vào nhau, do đồng báo dựa vào nhau, do vi tế dựa vào nhau, do đồng duyên một cảnh, do không khổ không vui dựa vào nhau, do vô ký dựa vào nhau, nên biết là có thức A-lại-da cùng nương dựa mà khởi.

Lại cùng làm nhân duyên: Nghĩa là thức A-lại-da và các thức khác cùng làm nhân duyên. Nghĩa này có hai: Một là chủng gốc (chủng tử). Hai là nương dựa. Thế nào là chủng gốc? Là các thức thiện, bất thiện, vô ký đều nhân nơi thức A-lại-da làm chủng gốc. Nương dựa là thức A-lại-da giữ gìn các sắc căn nên năm thức được sinh, không giữ gìn thì không sinh. Khi có thức A-lại-da thì ý thức được sinh nơi sáu thức. Hai sự việc là thức A-lại-da đều cùng làm nhân duyên. Một là hiện tại chuyển biến tăng trưởng chủng gốc. Hai là vị lai lúc sắp sinh khởi liền khiến thọ báo. Tăng trưởng chủng gốc là các thức sinh thiện, bất thiện, vô ký, niệm niệm huân tu, thức A-lại-da cũng lại như vậy. Vì sao? Vì sau khi sinh các thức dần tăng trưởng, thiện ác chuyển mạnh khiến người thọ báo. Có thức đối với thiện, bất thiện có sức mạnh nơi đời vị lai khiến thức A-lại-da thọ

quả báo. Do chủng gốc, do nương dựa, do tăng trưởng, do khiến thọ báo, nên biết là có thức A-lại-da cùng với các thức làm nhân duyên.

Được cùng tương ưng sinh: Nghĩa là thức A-lại-da, hoặc cùng một thức tương ưng được sinh. Như nói ở tâm, tâm có ngã kiến và kiêu mạn làm tướng. Ở nơi có ý thức, nơi không có ý thức, thức A-lại-da luôn tương ưng sinh. Tâm ngã kiến và kiêu mạn này giữ lấy thức A-lại-da làm cảnh, nói là ngã, nói là có ngã làm tướng. Hoặc hai thức cùng sinh, đó là đối với ý thức. Hoặc ba thức cùng sinh, đó là đối với ý và ý thức. Ở trong năm thức, tùy theo đây giữ lấy một thức. Hoặc bốn thức tương ưng sinh, ở trong năm thức giữ lấy hai thức. Cho đến ở nơi năm, sáu, bảy thức cùng sinh, do sáu trần hiện ở trước. Ý thức này dựa nơi tâm nên được lập. Nhân lúc tâm chưa diệt, ý thức không rời bỏ sự trói buộc, nếu khi tâm diệt thì ý thức liền rời bỏ. Ý thức có hai cảnh giới, là cảnh giới của tha trần và cảnh giới của tự trần. Tha trần là giữ lấy trần của năm thức làm cảnh. Tự trần là giữ lấy nơi pháp. Ý thức này đối với bảy thức còn lại có nghĩa khác, nên thức A-lại-da cùng với ba thọ và sáu thức tương ưng cùng sinh. Ba thọ là khổ, vui, không khổ không vui. Đối với các hàng trời, người, súc sinh, ngạ quỷ của cõi dục có một phần ít ba thọ cùng với tự thọ không khổ không vui cùng sinh. Nơi nẻo địa ngục, không lia khổ thọ, nhờ nơi thức A-lại-da nên thọ cùng sinh. Địa ba thiên chỉ có lạc thọ, nhờ nơi thức A-lại-da nên thọ cùng sinh. Bốn thiên cho đến địa phi tướng phi phi tướng chỉ có thọ không khổ không vui, nhờ nơi thức A-lại-da nên thọ cùng sinh. Như vậy, trong sáu thức thì pháp thiện, bất thiện, vô ký, cùng với thức A-lại-da tương ưng cùng sinh. Lại, thức A-lại-da cùng với các thức tương ưng cùng sinh, cùng mượn tạm ba thọ và các pháp thiện, bất thiện, vô ký nơi các thức tương ưng nên được sinh, không thể lẫn lộn. Vì sao? Vì không đồng cảnh giới sinh. Cũng như nhãn thức cùng hợp sinh thì không lẫn lộn với mắt, thức A-lại-da cùng với các thức hợp sinh không được lẫn lộn cũng

lại như vậy. Như các tâm số đồng là tâm pháp, có vô số tương ưng hợp sinh, không có trở ngại nơi thức A-lại-da, nhưng cùng với bảy thức tương ưng hợp sinh cũng lại như vậy. Ví như nước chảy cùng với sóng là hợp sinh, không có trở ngại. Lại như gương sáng có các hình tượng là hợp sinh, không có trở ngại. Đối với thức A-lại-da cùng với các thức tương ưng được sinh, không có trở ngại, cũng lại như vậy. Lại như nhãn thức, hoặc giữ lấy một sắc, một loại, một tướng, hoặc giữ lấy nhiều sắc, nhiều loại nhiều tướng. Nhĩ thức đối với thanh, tỷ thức đối với hương, thiệt thức đối với vị, thân thức đối với xúc cũng lại như vậy. Ý thức giữ lấy khắp vô số các tướng không có trở ngại. Phân biệt sáu thức về nghĩa là như vậy. Tâm giới như ở trước đã nói, đến lúc diệt cùng với bốn phiền não cùng sinh khởi xen lẫn. Ngã kiến, kiêu mạn, tham dục, vô minh, bốn phiền não này đối với địa định, bất định, ở trong pháp thiện, bất thiện, vô ký đều không có trở ngại, đó là pháp nhiệm ô vô ký. Vì thế, thức A-lại-da cùng với các thức tương ưng sinh rồi, lại cùng với ba thọ tương ưng hợp sinh, cũng cùng với các pháp thiện, bất thiện, vô ký tương ưng hợp sinh. Do nghĩa này nên biết là có thức A-lại-da tương ưng cùng sinh.

Cùng phiền não đều diệt: Nghĩa là thức A-lại-da tức là căn bản của tất cả phiền não. Làm sao nhận biết? Vì chúng sinh ở thế gian có thể khởi căn bản, có thể sinh năm căn và nơi sáu thức, cũng khởi căn bản về cõi nước, thế giới, tất cả nghiệp, khởi các nhân duyên, cũng là căn bản hợp cùng dẫn dắt quả báo. Làm sao nhận biết? Vì không thấy có chúng sinh nào không sinh khởi ba thọ. Cho nên Đức Phật nói chúng sinh lần lượt cùng làm duyên tăng thượng, vì thế thức A-lại-da là gốc của tất cả. Trong đời hiện tại là Thể của khổ đế, trong đời vị lai có thể sinh tập đế, đây là căn bản của tất cả phiền não.

Hỏi: Nếu nói thức A-lại-da vì tất cả pháp mà làm căn bản, thì khi giải thoát phần thiện thông đạt phần thiện, các căn thiện do đây cùng với tập đế nên có trở ngại chăng?

Đáp: Thức A-lại-da không làm căn bản của thông đạt phần thiện, giải thoát phần thiện. Các thiện ở thế gian được tăng trưởng là căn thiện thông đạt phần thiện chuyển càng sáng tỏ thù thắng. Do căn thiện thông đạt phần thiện chuyển càng sáng rõ thù thắng, nên các thiện ở thế gian được quả báo cũng thù thắng. Đức Thế Tôn dựa nơi thức A-lại-da là chủng gốc (chủng tử) của tất cả, nên nói lời này: Nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Trong thức A-lại-da có các thứ tánh, nên nói thí dụ về chủng tử tích tụ. Như vậy, thức A-lại-da là căn bản của tất cả phiền não, do tu pháp thiện nên thức này tức diệt. Nói tu pháp thiện, nghĩa là các phàm phu phát khởi tư duy thiện, giữ lấy các thức làm cảnh giới, tiến hành an tâm, ban đầu quán các đế. Nếu chứng Tứ đế được tuệ sáng của trí nhãn tức có thể phá bỏ thức A-lại-da. Nếu chưa thấy Tứ đế thì không thể phá bỏ. Vậy lúc nào có thể thấy thức A-lại-da tiến hành như thế? Nếu các Thanh văn nhập địa bất thoái, lại các Bồ-tát nhập địa bất thoái, có thể thông đạt pháp giới, thì có thể của thấy. Ở trong thức này tức thấy tất cả các tụ phiền não, ở trong, ở ngoài liền thấy thân mình bị phiền não trói buộc. Nơi bên trong thì thấy thân mình bị các khổ của phiền não thô ác nơi ba cõi trói buộc. Tất cả hành chủng thuộc phiền não tích tụ trong thức A-lại-da, nếu chứng đắc trí của cảnh chân như là do hành tăng thượng, do hành tu tập, đoạn được thức A-lại-da, tức chuyển tánh phàm phu, bỏ pháp phàm phu, thì thức A-lại-da diệt. Thức này diệt, nên tất cả phiền não diệt. Do đối trị được thức A-lại-da nên chứng thức A-ma-la. Thức A-lại-da là vô thường, là pháp hữu lậu, thức A-ma-la là thường, là pháp vô lậu. Vì được cảnh đạo của chân như nên chứng đắc thức A-ma-la. Thức A-lại-da là đối tượng truy đuổi của quả khổ thô ác. Thức A-ma-la không có tất cả quả khổ thô ác. Thức A-lại-da là căn bản của tất cả phiền não, không làm căn bản cho Thánh đạo. Thức A-ma-la thì không làm căn bản cho tất cả phiền não, chỉ làm căn bản cho sự chứng đắc Thánh đạo. Thức A-ma-la làm nhân nương dựa của

Thánh đạo, không làm nhân sinh khởi. Thức A-lại-da đối với pháp thiện và vô ký không được tự tại. Lúc thức A-lại-da diệt thì có tướng mạo khác. Nghĩa là nhân bất thiện của phiền não nơi đời sau diệt. Do nhân diệt nên đối với năm thạnh ẩm khổ của đời sau lại không được sinh. Trong đời hiện tại, vì nhân ác của tất cả phiền não diệt nên ẩm phàm phu diệt, thân này tự tại tức liền như hóa, lìa bỏ tất cả quả báo thô ác. Đó là nhân duyên được thức A-ma-la, nên thọ mạng của thân này liền được tự tại. Nhân duyên của thọ mạng có thể diệt nơi thân, cũng có thể đoạn trừ mạng, diệt hết không còn gì, tất cả các thọ đều được thanh tịnh, cho đến như trong kinh đã nói rộng. Do tướng của tất cả phiền não, do nhập thông đạt phần thiện, do tu thiện tư duy, do chứng thức A-ma-la, nên biết thức A-lại-da cùng với phiền não đều diệt. Như vậy là phân biệt chân thật, giải thích nghĩa của tâm, ý, thức. Nhân nơi sự giải thích tâm ý thức này, ở trong ba cõi được nhận biết pháp của tất cả phiền não là các pháp thanh tịnh. Ngoài ra, nêu giảng về tâm, ý, thức, là nhằm giáo hóa các chúng sinh, vì các chúng sinh chưa có trí sâu xa, dễ sinh tin hiểu, nên chỉ nói về sáu thức.

Hỏi: Có người nào có thức A-lại-da nhưng không có sáu thức chăng? Có người nào có sáu thức nhưng không có thức A-lại-da chăng?

Đáp: Ở đây có bốn trường hợp:

(1) Như người lúc ngủ không có tâm, lúc tâm mê muội, lúc nhập định vô tướng, lúc sinh nơi cõi trời vô tướng, lúc ở quả vị A-na-hàm nhập định diệt tận. Năm hạng người này thì có thức A-lại-da nhưng không có sáu thức.

(2) Như A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát bất thoái, Như Lai Thế Tôn. Bốn bậc này do có tâm xứ nên có sáu thức, nhưng không có thức A-lại-da.

(3) Như hàng phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Bốn bậc này do có tâm xứ nên có sáu thức và cũng có thức A-lại-da.

(4) Như các vị A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, Thế Tôn lúc nhập định diệt tận, hoặc lúc Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn vô dư, thì không có thức A-lại-da, cũng không có sáu thức.

Tất cả các pháp trong ngoài, mỗi pháp đều có tánh định, đối với tướng thì không động, vì sao từ mười tám giới chỉ nói có sáu thức? Là do có tánh định, ngoài ra các giới là căn, là trần, là bạn lữ, các thức này cùng ngày đêm mâu hậu la, la bà sát-na đi qua. Các thứ nhân duyên nơi các căn như mắt v.v..., các trần như sắc v.v..., tâm số làm bạn cho vô số duyên sinh, tùy theo xứ sinh khởi mà tên gọi không đồng. Như lửa thiêu đốt các vật, tùy theo chỗ thiêu đốt nên có các tên, là lửa cỏ, lửa gỗ, lửa phân. Cũng vậy, nhân nơi mắt nhân nơi sắc theo đây thức được sinh, đều gọi là nhãn thức, cho đến ý thức cũng lại như vậy. Các giới như mắt v.v... từ đầu đến cuối đều là quả báo vô ký, có tướng khác, nhưng thức thì không như vậy. Thế nên phân biệt thức giới nhưng không rõ giới khác.

Nếu có Tỳ-kheo muốn hiểu biết thức tự, tu tập hành này khiến tâm thanh tịnh, có nhiều thứ tướng mạo, có thể hiểu rõ tâm, lược nêu có ba: Một là ưa chấp trước nơi phiền não. Hai là nhiễm tâm tạo lỗi. Ba là phương tiện đoạn trừ Hoặc.

Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết nơi phiền não khởi suy nghĩ như vậy: Tâm này từ lâu xa đến nay ưa thích chấp trước nơi phiền não, do ưa thích phiền não nên nếu như lại cứu tâm, đặt nơi xứ không dục tâm cũng bị dục dẫn dắt, không ưa tạm dừng, mau chóng trở lại nơi xứ dục. Như vậy xứ tham dục, xứ sân hận, xứ ngu si, xứ thù miên, cho đến xứ phóng dật, giả như lại cứu tâm, đặt nơi xứ không phóng dật thì tâm cũng vẫn mau chóng thoái chuyển trở lại nơi xứ phóng dật. Như vậy là Tỳ-kheo nhận biết nơi phiền não.

Thế nào là nhận biết tâm nhiễm tạo lỗi? Tâm này có nhiễm, đã tự tổn hại, cũng lại tổn hại người khác. Đời này khởi ác, đời sau cũng

như vậy. Theo các nhân duyên ác tạo tác ưu bi, khổ não, cho đến phóng dật có lỗi lầm tai họa, thọ vô số khổ cũng lại như vậy, nên biết tự tâm có các lỗi lầm tai họa.

Thế nào là nhận biết phương tiện đoạn trừ Hoặc? Là nhận biết nơi tự tâm có ưu bi khổ não như vậy, ta nay không nên theo tâm như thế để thọ nhận các khổ não, phải nên chế ngự tâm theo ta, ta không theo tâm. Suy xét như thế là nhận biết tâm có dục, đem tâm có dục đặt nơi xứ không dục, tức khiến tự tâm thấy rõ phước lợi, cho đến cứu tâm phóng dật cũng lại như vậy. Tu hành như thế, sẽ tích tập căn thiện. Lúc ấy, tâm này không còn các duyên khác, đối với các pháp thiện, tu tập tăng trưởng, được an trụ, ghét bỏ phiền não, thấy trước được tai họa, nên Tỳ-kheo tu tâm thanh tịnh. Do đã biết ra chấp vương phiền não, do đã biết tâm nhiễm là lỗi họa, do đã biết phương tiện đoạn trừ Hoặc, tức mau chứng được tâm vô lậu thanh tịnh vô thượng. Lại nhận biết riêng tâm cũng nói là chuyển tâm, nghĩa là giả danh. Lại nhận biết riêng tâm cũng nói là chuyển tâm, nghĩa là nhân khác. Sự đối trị tâm thiện có hai công đức. Lúc được công đức, đạt được quả thì tâm an lạc, tu tập pháp thiện tự tại vô ngại. Có ba thứ lỗi lầm nhiễm dục nơi tâm: Một là tư duy không đúng đắn. Hai là kiết sử chưa đoạn trừ. Ba là hiện khởi phiền não.

Tỳ-kheo có ba xứ trụ, nhân nơi sáu hành có thể thọ nhận giáo pháp Phật. Những gì là ba xứ? Một là trụ nơi giải thoát. Hai là trụ nơi môn giải thoát. Ba là trụ nơi giải thoát đạt đến. Pháp của nhân duyên nhân nơi sáu hành: Một là không có hành khác. Hai là thâm giữ tâm tại một xứ. Ba là căn thiện được sinh. Bốn là suy xét để kiến đế, không có vị khác. Năm là không có tăng thượng mạn. Sáu là thọ dụng chính đáng tín thí.

Thí xả có hai loại: Một là thí của người thọ nhận. Hai là thí của người hành thí. Quả của thí cũng có hai: Một là quả báo được giàu có lớn. Hai là quả báo được vui vẻ, do cảm ứng dẫn đến. Quả ứng

dẫn đến tức là pháp vị lai, không do chưa có, như thế nên sinh hành tướng. Thế nào là được trụ? Nếu pháp vị lai có hành tướng sinh, hoặc vượt qua nên sinh. Từ vị lai đã vượt qua nơi hiện tại, hết ở đây thì sinh kia, từ đời vị lai chung cuộc thì đời hiện tại thọ sinh. Nhân nơi pháp vị lai nên pháp của đời hiện tại sinh. Như thế, người trụ không có biến đổi. Nhân nơi pháp vị lai nên pháp hiện tại còn lại sinh. Đối với các pháp của đời vị lai và đời hiện tại chưa có nghiệp, thì ở trong đời hiện tại tức có sự sinh. Đã sinh đủ tướng nhưng nơi đời vị lai chưa có đủ tướng, tức ở trong đời hiện tại có đủ tướng nên sinh. Nếu tướng khác sinh, là do nhân của đời vị lai và tánh vị lai, tức nhân và tánh nhân. Do hai tánh này, do đã sinh tướng khác ở trong đời hiện tại và tánh của đời hiện tại, do tánh của quả, nên tướng khác sinh. Do sáu thứ pháp của đời vị lai này nên nghĩa không được sinh. Vì sao? Vì nếu chưa có xứ thì từ nơi xứ này vượt qua xứ kia, tức không có nghĩa ấy. Đã tự chưa sinh há lại có mất. Các pháp của đời hiện tại nếu nhân nơi pháp vị lai, thì pháp của đời hiện tại sinh, các pháp vị lai tức không nên chưa sinh. Hết thấy các pháp không có tướng động, do lia tự tướng, không có nghiệp riêng. Vị lai, hiện tại nếu đồng có tướng, thì pháp trong đời hiện tại hoàn toàn riêng có nghiệp thì không có điều ấy, chỉ là nghiệp vị lai nhưng nay được sinh. Các hành thì không như vậy. Như Đức Phật nói các hành vô thường, thì thuyết kia tức phá. Nay diễn nêu về nghiệp vô thường, nếu như ông nói các hành nên thường. Phái Tăng khư đã nói: Pháp này chưa có nên nghĩa không được sinh. Các pháp đã sinh nghĩa không được diệt. Thuyết này nên là như vậy. Như Đức Phật đã nói: Pháp này chưa sinh tức nên thọ sinh, sinh rồi nên diệt. Nếu như ông nói thì nghĩa này tức không phải, vì các pháp này nếu đồng một tướng thì làm sao phân biệt? Hoặc có thể phân biệt tức là vô cùng chưa sinh được sinh. Há có tánh tướng nơi pháp vị lai, từ sắc cùng tương ưng, không riêng quả khác. Vị lai do tức là chưa có, pháp của đời hiện tại nói tức là quả, không có nghĩa ấy vì phải thành tựu. Có thuyết thật này nên có

thể làm chứng tín, các pháp vị lai chưa có hành tướng. Nói chưa có, nhưng tức được sinh. Như pháp vị lai, thì quá khứ cũng như vậy. Thế nào là pháp hành của quá khứ? Là tướng diệt đã qua từ sinh. Những gì là pháp hành của hiện tại? Là tướng chưa diệt chưa qua từ sinh, chỉ vào lúc sinh là trụ. những gì là pháp hành của vị lai? Tức là nhân hiện có, chưa sinh tự tướng, chưa thọ thân mình.

Hỏi: Các pháp vị lai vốn đã không có nhưng có thể được thọ sinh. Vậy hoa đốm nơi hư không, con của Thạch nữ, sừng thỏ, vì sao không sinh?

Đáp: Ở đây là không có nhân sinh. Pháp hành của vị lai thì có nhân chánh sinh.

Hỏi: Nếu pháp vị lai có nhân chánh sinh, vì sao không được một thời hợp sinh?

Đáp: Do có nhân sinh nhưng đợi duyên không đồng. Các pháp hành này có duyên gần làm nhân tức có thể sinh, thế nên không hợp sinh.

Thế nào là duyên? Phật nói có bốn: Một là Nhân duyên. Hai là Thứ đệ duyên. Ba là Duyên duyên. Bốn là Tăng thượng duyên. Loại thứ nhất cũng là nhân cũng là duyên. Ba thứ sau chỉ là duyên, không phải nhân.

Thế nào là Nhân duyên? Là căn có sắc, có chỗ dựa, nên là thức. Tức hai thứ pháp này là chủng tử của tất cả. Chủng tử của tất cả sắc căn. Chủng tử của tất cả sắc pháp. Chủng tử của tất cả tâm tâm pháp. Hết thảy đều nương nơi sắc căn, cũng nương nơi thức, trừ sắc của bốn đại. Sắc của bốn đại này có hai thứ nương dựa: Một là bốn đại chủng. Hai là mười một thứ. Chủng tử này nối tiếp nương nơi các pháp đã nói, tức là nhân duyên. Nếu có chủng tử của sắc căn, tâm tâm pháp mà lại không có chỗ nương dựa sao? Nếu nhập định diệt tận, nhập định vô tướng, sinh nơi trời vô tướng, thì ở đời vị lai thức không

thể sinh lại và gặp duyên nên có sinh. Do vậy sắc căn là nhân của tâm tâm pháp. Nếu có thức này nhưng không tùy theo sắc chủng, thì các phàm phu sinh nơi cõi vô sắc, thọ mạng hết, do nghiệp hết, từ nơi kia chết rồi, đến sinh ở cõi dưới, sắc này không chủng tử thì không thể sinh lại, gặp duyên nên sinh lại, vì thế các thức là căn bản của sắc. Từ đạo thế tục, nhập thiền định thứ nhất, sinh địa thiền thứ nhất. Cõi dục bất tịnh và các pháp tịnh đã phá, nhưng chủng tử đều chưa đoạn trừ. Vì sao? Vì từ thiền định thứ nhất sau đó trở lại thoái chuyển, khởi pháp bất tịnh, từ xứ thiền thứ nhất thoái chuyển sinh nơi cõi dục.

Đoạn có bốn thứ: Một là đoạn do xa lìa. Hai là đoạn do hủy hoại. Ba là đoạn do định. Bốn là đoạn do vĩnh viễn nhỏ sạch gốc.

Thế nào là đoạn do xa lìa? Như có một người tham đắm dục lạc, vì nhằm đoạn trừ dục nên thọ giới lìa dục, kiên trì không phạm, khiến được tăng trưởng. Do tăng trưởng nên không còn tham đắm nơi dục. Nhân của dục là phiền não không còn sinh nữa. Đó gọi là đoạn do xa lìa.

Thế nào là đoạn do hủy hoại? Như một người có tướng về lỗi lầm, tướng về các thức bất tịnh, như tướng về máu bầm xanh nơi tử thi v.v..., do khéo tư duy nên hủy hoại được tham dục. Những thứ dục chưa đoạn hết thì không tùy theo chúng, đối với cảnh giới của trần tâm không tham đắm. Đó gọi là đoạn do hủy hoại.

Thế nào là đoạn do định? Như có một người tùy theo đạo thế tục lìa dục nhiễm, lìa sắc nhiễm, chứng được định tịch tĩnh, giữ tâm nối tiếp, đối với dục và sắc không còn tham đắm. Đó gọi là đoạn do định.

Thế nào là đoạn do vĩnh viễn nhỏ sạch gốc? Là như Thánh nhân tu đạo xuất thế, lìa nhiễm ô nơi ba cõi chứng đắc đạo quả. Các phiền não căn bản trong ba cõi không còn sinh lại. Vì sao? Vì ở trong đời hiện tại đã chứng không dục, rốt ráo không thoái chuyển, đã sinh nơi cõi trên, quyết không thoái bộ trở lại sinh nơi cõi dưới. Ví như lúa

mạch và các hạt giống gieo trong hư không cùng nơi đất khô nóng, thì vĩnh viễn không sinh, nhưng các hạt giống vẫn còn, nếu dùng lửa đốt thì đều cháy hết. Các phiền não căn bản đối với việc đoạn dứt cũng lại như vậy. Thánh nhân nếu nhập Niết-bàn vô dư, thì chúng tử thiện, vô ký này đều ần phục.

Hỏi: Nếu nói là ần phục tức không diệt hết, vì sao không sinh quả bảo?

Đáp: Do đã đoạn chúng tử bất thiện, nên nơi đời vị lai không thể sinh báo, cũng không thể tự sinh. Đó gọi là đoạn do vĩnh viễn nhỏ sạch gốc.

Người có đủ trói buộc là tâm có sinh, có khổ, có vui, có không khổ không vui. Tất cả tâm này làm ba chúng tử là các pháp thiện, bất thiện, vô ký, cũng làm căn bản. Các vị hữu học có tâm thiện thế gian và tâm nhiễm ô, vô ký, lấy việc tu đạo đoạn trừ Hoặc nên đoạn trừ chúng tử. Tâm thiện thế gian v.v... lại vì pháp khác mà làm căn bản. Hàng vô học thì đoạn trừ Hoặc đã hết, có tâm thiện thế gian, hoặc thuộc thế gian, hoặc xuất thế gian, và vô ký, do không lấy tất cả phiền não Hoặc làm căn bản, nên lấy tất cả pháp thiện và pháp vô ký làm căn bản. Như vậy, phân biệt các pháp căn bản, xứ này không nói thức A-lại-da, có xứ nói thức A-lại-da đều làm căn bản của các pháp thế tục. Tất cả các pháp xuất thế gian là pháp của đạo đoạn, do thức A-ma-la làm chúng tử. Như Đức Phật nói: Tỳ-kheo! Các A-la-hán vì pháp của tâm học dựa nơi bốn thiền, hiện trụ trong an lạc cũng từ tâm này. Ta nói thoái chuyển trở lại nơi mỗi mỗi xứ.

Hỏi: Nếu như thế, các A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn trừ phiền não, vì sao phiền não nơi địa dưới lại sinh? Nếu không sinh lại vì sao bị thoái chuyển?

Đáp: Thoái chuyển có hai thứ: Một là thoái thất. Hai là thoái trụ. Thoái thất là hàng phàm phu. Thoái trụ là chung cho cả phàm

và Thánh. Dựa nơi đạo thể tục, phiền não đã lìa, sau đó lại khởi, gọi là thoái. Thoái này là thoái thất, cũng là thoái trụ. Dựa nơi đạo xuất thế gian, phiền não đã đoạn, do tâm đắm chấp vào việc làm nên tâm không trụ. Do trung gian này tức không thể khởi hiện an lạc trụ, như trước sau cũng vậy, cũng không còn khởi các hoặc ở địa dưới, trụ xứ này là thoái, không phải là thoái của thoái thất. Các A-la-hán đã dứt hết tất cả Hoặc, nếu chưa đoạn chủng tử của pháp bất thiện, làm sao tâm A-la-hán khéo giải thoát, các lậu đã tận. Nếu chủng tử của pháp bất thiện đã đoạn, vì sao A-la-hán đối với tâm nối tiếp không chánh tư duy, há lại sinh nữa? Vì sao các Hoặc lại được sinh? Thế nên nương nơi đạo xuất thế gian đã đoạn dứt Hoặc, biết rõ là không thoái thất.

Đã nói về nhân duyên lại có hai thứ: Một là nhân sinh. Hai là nhân phương tiện.

Thứ đệ duyên: Nghĩa là các tâm số pháp theo thứ lớp nơi các pháp khác nên được sinh. Tâm số pháp này làm duyên cho sinh, một là thức tức là thức làm thứ đệ duyên, cũng gọi là ý, cũng gọi là ý nhập, cũng gọi là tâm giới. Thứ đệ duyên này lại có hai thứ: Một là đã diệt. Hai là đời xứ.

Duyên duyên: Nghĩa là năm thứ thức này dùng các trần như sắc v.v... làm duyên duyên. Lại đối với các nhập trong ngoài của tâm thức tức là duyên duyên. Duyên duyên này cũng có hai thứ: Một là dựa chứng. Hai là không dựa chứng.

Tăng thượng duyên: Nghĩa là các nhập bên trong như nhãn, nhĩ v.v... đồng thời phát sinh, cùng với các thức làm tăng thượng duyên, có thể khiến tâm tạo tác. Ở trong cảnh giới hoặc đồng thời sinh, thì tâm tâm số pháp lại cùng làm duyên. Quá khứ đã tạo nghiệp thiện và bất thiện, ở đời vị lai sinh ra quả báo như ý và không như ý, làm tăng thượng duyên. Ruộng, nước, phân làm tăng thượng duyên cho các

hạt giống. Nhiều nghề nghiệp ở thế gian cùng các thứ công xảo đều làm tăng thượng duyên cho các trí. Tăng thượng duyên này lại có hai thứ: Một là không lia. Hai là có không.

Nhân duyên này là có thể sinh, còn các duyên khác chỉ có thể tăng trưởng. Do hành duyên này cùng thời đồng đến, là chủng tử của hành có thể sinh các hành, thế nên các hành không đồng thời sinh. Do nương nơi bốn duyên nên nhận biết rõ về mười nhân, như nơi Địa Bồ-tát Đức Phật đã thuyết giảng. Duyên nơi hành quá khứ nên tâm được sinh. Duyên nơi hành vị lai tâm cũng sinh. Nếu hành quá khứ và vị lai không, thì pháp nào là tâm để tạo cảnh giới. Nói nhân nơi cảnh này, Phật thuyết là tâm sinh, do vậy tâm này tức không có cảnh.

Hỏi: Nếu tâm cảnh là không, thì lời Phật đã nói là rõ, đúng. Nhân nơi từng cặp đối nhau nên các thức được sinh. Từng cặp đối nhau như nhãn đối với sắc, nhĩ đối với thanh, cho đến tâm đối với pháp. Đây chính là Phật nói, vì sao không ngăn ngại?

Đáp: Đây là pháp trần, không vì năm thức để tạo cảnh giới. Đức Phật nói trần này gọi là pháp, duyên nơi tâm, duyên nơi pháp. Phạm nói tâm thức là do phương tiện sinh. Phật nêu bày nghĩa này lại nhằm làm gì? Do tâm thức ấy không lấy thức quá khứ làm cảnh giới, cũng không lấy các thức vị lai làm cảnh. Các thức quá khứ, vị lai thì pháp trần không gồm thâu. Nếu có pháp, tức có pháp tương tự. Nếu không có pháp tức không có pháp tương tự. Do tâm thức này tùy theo pháp có nên nghĩa của pháp có được giữ lấy. Tùy theo nghĩa không nên pháp của nghĩa không được giữ lấy. Vì nghĩa này nên tin biết các thức là không có gì làm cảnh. Nếu cho thức này không lấy hai thứ có – không làm cảnh giới, tức không thể giữ lấy hết thủy nghĩa của pháp. Nếu có người nói: Tâm thức không lấy có – không làm cảnh, thì người này tức ngăn ngại nghĩa Tất-đàn-đa.

Hỏi: Thức này nếu lấy pháp không làm cảnh, thì thức cũng nên là không chẳng?

Đáp: Về quá khứ, vị lai thì không có thức, hiện tại thì có.

Hỏi: Nhân thức không thể lấy không làm cảnh, thì tâm thức làm sao có thể lấy không?

Đáp: Do cảnh của ba đời. Lại nên nói rộng có năm thứ nghĩa. Do tâm thức hiện tại lấy không làm cảnh, như Đức Phật đã nói. Lìa nhập trong ngoài thì không có nghĩa của ngã. Ngã này là không, chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Do đây các thức tức lấy vô ngã làm cảnh giới. Đối với người có trí, nhận biết pháp tổng tướng, thì không ai là không tin. Đó là nghĩa thứ nhất.

Sắc, hương, vị, xúc, lìa bốn pháp trần này thì sự hiểu biết không thể đạt được. Các pháp như cung điện, giảng đường, xe cộ, thức ăn, y phục và các thứ khác đều nên là không, chẳng phải là pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Do đây các thức lấy không có cung điện, giảng đường, xe cộ v.v... làm cảnh giới. Đối với người có trí nhận biết pháp tổng tướng, thì không ai là không tin. Đó là nghĩa thứ hai.

Các tà kiến này phỉ báng tất cả, cho là không nhân, không quả, không buộc, không mở, tức các pháp này là không. Nếu theo nghĩa lý có các pháp ấy thì chẳng phải là tà kiến. Sự thật này đều là không, nên đối với người tà kiến lấy không làm cảnh thì không thể không sinh thức. Đó là nghĩa thứ ba.

Lại, đối với các hành không có thường trụ. Không thường trụ này cũng chẳng phải là hữu vi, cũng chẳng phải là vô vi, nên các thức ấy cũng chẳng phải không lấy vô thường làm cảnh. Đối với người có trí nhận biết pháp tổng tướng, thì chẳng phải là không sinh thức, thường không có cảnh thức. Nếu không được sinh, thì đối với tất cả hành không thấy nơi thường là không có nghĩa. Nương nơi trí tuệ chân chánh thì không sinh chán lìa, không nhiễm cũng như vậy. Cũng không giải thoát, không được Niết-bàn. Nếu dùng nghĩa này thì các phiền não và hoặc của tất cả chúng sinh vĩnh viễn trôi buộc, không giải thoát. Đó là nghĩa thứ tư.

Các hành vị lai chưa có nghĩa sinh, thì đâu có thể nói là diệt. Nhưng các Thánh nhân đối với các hành vị lai cùng đều quán xét về nghĩa sinh diệt. Đó là nghĩa thứ năm.

Do nghĩa này nên nhất định biết các thức lấy không làm cảnh. Như Đức Phật đã nói, nếu nghiệp quá khứ hoàn toàn không có, tức không có khổ thọ, lạc thọ. Nghĩa này là thế nào? Ở đời quá khứ, nghiệp thiện và bất thiện đã tạo đã diệt, đến đời vị lai thọ quả yêu thích không yêu thích. Hành ấy nối tiếp sinh ra chủng tử của nghiệp. Do nghĩa này nên Đức Phật đã nói có nghiệp quá khứ. Lại có hai nghĩa. Có những người nói không có chánh nhân là để ngăn chặn chỗ chấp của họ. Lại có người nói: Có Tự Tại thiên, Phạm thiên, Đế Thích, Tụ Tánh, Thần Ngã, Thời Tiết, Vi Trần, nói nhân nơi pháp này nên chúng sinh khổ, vui thấy đều được sinh. Lại vì các người nói không có nhân, là để ngăn chặn chỗ chấp của họ. Có nhiều người nói không có nhân cũng nói không có duyên. Vì các chúng sinh có tịnh và bất tịnh, các vật không theo nhân duyên như gỗ, đá v.v... Hoặc có tôn trọng, hoặc có khinh mạn, nên hiện sự việc này. Thế nên Đức Phật nói có hành quá khứ, các bậc Hiền Thánh không vướng mắc nơi xứ này, an lạc mà trụ. Đây là nêu bày về nghĩa gì? Do các hành quá khứ sinh quả nên có, các hành vị lai làm nhân nên có. Làm sao tin biết các hành hiện tại có ba tướng hiển hiện? Do quả quá khứ, do nhân vị lai, do tự tướng nối tiếp không đoạn tuyệt. Lại dựa nơi hai nghĩa hiện hai pháp này. Nghĩa là đối với hành quá khứ và hành vị lai, trừ bỏ chấp thật. Hoặc hành quá khứ và vị lai, tướng ấy là thật có, tức chẳng phải là quá khứ vị lai. Có người kiến không cho quá khứ vị lai không thì hiện tại cũng không. Như thế chấp này là đoạn kiến. Như Đức Phật đã nói: Có cảnh giới quá khứ vị lai, có cảnh giới hiện tại. Nghĩa này là thế nào? Do chủng tử nối tiếp đã sinh nơi quả, nên nói nghĩa này. Đó gọi là quá khứ. Chủng tử nối tiếp muốn sinh. Đó gọi là vị lai. Các quả của chủng tử hiện tại chưa đoạn, là cảnh giới hiện tại, nên nói ý này: Tỳ-kheo nhận biết đối với chủng tử nối tiếp, là vô lượng pháp,

chẳng phải là một loại cảnh giới. Đó gọi là nhận biết cảnh giới. Vì sao? Vì từ các âm như sắc v.v... là sinh, lão, trụ, diệt, lại không có pháp riêng khác, cũng chẳng phải là thật có. Các hành vị lai do ngăn chặn thật có, nên không có sinh là đoạn nơi thật nghĩa. Làm thế nào nhận biết? Ở vị lai sinh đã tự chưa sinh, làm sao có thể sinh cùng sinh ở pháp khác. Các sinh của đời hiện tại cũng không thể sinh cùng sinh ở pháp hiện tại. Đây là nói tướng sinh, là các hành thành, là các hành sinh, là các hành khởi, là các hành hiện tại. Ở đây nêu rõ một nghĩa nhưng có nhiều tên gọi, lia nhiều tên gọi này lại có tướng sinh. Các người có trí, không nói các tên gọi này dùng làm tướng sinh. Đối với các pháp ấy đều nhất định có nhân của chủng tử, đâu cần sinh riêng. Sinh này yếu kém lại là giả danh. Làm sao nhận biết? Phàm có sinh tức là hành sinh chẳng? Có thể sinh hành chẳng? Nếu sinh tự hành thì có thể sinh pháp hành, đối với chỗ có sinh tức pháp hành được khởi. Nghĩa này không đúng. Nếu có thể khởi, đó gọi là hành sinh, ở trong một hành nên có hai sinh, nghĩa là chủ thể sinh và các hành tự sinh. Điều này cũng không đúng. Như nói về nghĩa sinh thì ba nghĩa còn lại cũng như vậy.

Đối với nhân hiện tại, trước chưa có các hành khởi tướng, đó gọi là sinh. Không do trước là hành có tướng khác, tức gọi là lão. Khởi nhưng chưa diệt, tức gọi là trụ. Là sát-na sinh, là tướng hoại của các hành, đó gọi là diệt. Như bốn pháp này là tướng hữu vi, vì sao Đức Phật nói chỉ có ba tướng, nghĩa là sinh, diệt, trụ nơi tướng khác. Vì tất cả pháp hành đã hiện trong ba đời, từ đời vị lai chưa sinh được sinh, thế nên nương nơi đời vị lai thì sinh khởi này là tướng hữu vi. Do đây chưa sinh nên không thể chấp nơi xứ. Đã sinh rồi, thì đối với đời quá khứ thấy đều đã diệt. Nương nơi đời quá khứ, đây nói là diệt, là tướng hữu vi cũng không thể chấp trước. Do đã là quá khứ, nên nơi đời hiện tại chỗ hiện là trụ. Nương nơi đời hiện tại là tướng hữu vi, là xứ có thể vướng chấp. Vì trụ này cũng lại có khác, phần nhiều có lỗi lầm. Sinh ấy ở đây là không ai dám mong cầu. Như đối với

điều an lành thì luôn có tướng không an lành đi theo, thế nên trụ và diệt hợp làm một tướng. Do nghĩa này nên tướng của pháp hữu vi đã hiện trong ba đời. Nếu ba tướng này là chỗ suy lường của các bậc Thánh, thì vì sao ở trong các âm Đức Phật quán xét tướng khởi diệt, dựa nơi pháp để trụ, lại không quán xét nơi tướng trụ diệt. Sinh và trụ diệt, hai thứ tướng này là chỗ hiện khởi, cho nên sinh và trụ diệt, hai tướng này hợp nói làm một. Đối với biên khởi nói quán xét khởi trụ, một tướng còn lại đối với phần thứ hai an trí một biên.

Nói lời này là quán xét tướng diệt trụ, lại có nghĩa khác. Dựa nơi tướng này liền chứng không nhiễm, do nhầm chán khổ nên chứng đắc giải thoát, chỉ quán xét hai tướng là đối tượng tư duy. Do thấy vô thường nơi các pháp hành, nên sinh chán lìa. Đã nói là vô thường, thì vật chưa sinh nay sinh đó gọi là sinh. Sinh rồi tức hoại đó gọi là diệt, đều gọi là vô thường. Sinh lại có nhiều thứ, nghĩa là sát-na sinh, thọ sinh sinh, khởi sinh sinh, tâm khác sinh, không như ý sinh, như ý sinh, thượng trung hạ sinh, hữu thượng sinh, vô thượng sinh.

Sát-na sinh: Tức là trong từng sát-na, sát-na các hành sinh khởi, đó gọi là sát-na sinh.

Thọ sinh sinh: Tức là có đủ trói buộc hoặc không đủ trói buộc, theo xứ xứ bị đọa, ở trong xứ xứ ấy các âm sinh khởi, đó gọi là thọ sinh sinh.

Khởi sinh sinh: Tức là từ lúc trẻ thơ cho đến khi là thanh niên, già cả, đó gọi là khởi sinh sinh.

Tâm khác sinh: Tức là dựa nơi các thứ duyên, các thứ thọ, các thứ thiện, các thứ đạo, hoặc chứng giải thoát chưa giải thoát, có vô lượng thứ tâm, đó gọi là tâm khác sinh.

Không như ý sinh: Tức là ở trong ba nẻo ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thọ các khổ não, đó gọi là không như ý sinh.

Như ý sinh: Tức là ở nơi nẻo trời người, thọ nhận những an lạc, đó gọi là như ý sinh.

Hạ sinh: Tức là sinh nơi cõi dục. Trung sinh: Tức là sinh nơi cõi sắc. Thượng sinh: Tức là sinh nơi cõi vô sắc. Lại, lần thứ nhất thọ thai gọi là hạ sinh. Lần thứ hai, thứ ba thọ thai gọi là trung sinh. Lần thứ tư thọ thai gọi là thượng sinh. Lại, thọ nhận các quả xấu ác gọi là hạ sinh. Các pháp vô ký trừ khởi quả thiện gọi là trung sinh. Tất cả pháp thiện, tất cả quả thiện gọi là thượng sinh.

Hữu thượng sinh: Tức là từ cõi dục cho đến xứ bất dụng. Vô thượng sinh: Tức là xứ phi tướng phi phi tướng. Lại, hữu thượng sinh tức là A-la-hán từ lúc vào thai chưa đến thân sau cùng. Vô thượng sinh tức là một niệm của ẩm sau cùng trong một sát-na.

Phân biệt về nghĩa già lại có nhiều thứ. Đó là thân già, tâm già, thọ mạng già, biến dị già, ẩm dị già.

Thân già: Là tóc bạc, răng rụng, da chùng, mặt nhăn nheo, cho đến những thứ như trong kinh nói các tướng nơi thân có, đó gọi là thân già.

Tâm già: Là cùng với lạc thọ tương ưng nhưng sinh biến đổi khác. Tức như tâm thiện chuyển làm bất thiện, đối với vật yêu thích khởi xứ tham ái đắm chấp, lại sinh biến dị, là chỗ không có quả. Đó gọi là tâm già.

Thọ mạng già: Là ngày đêm từng sát-na la-bà, mâu-hậu-la v.v... đi qua, thọ mạng chuyển biến giảm thiểu, cho đến lần lượt tất cả đều chuyển gấp. Đó gọi là thọ mạng già.

Biến dị già: Là tất cả các thứ phú quý vinh hoa, không bệnh, sắc lực đều chuyển giảm ít dần, đó gọi là biến dị già.

Ẩm dị già: Là sinh nơi nẻo trời người, ẩm chuyển đổi tăng trưởng, từ xứ này mất sinh vào đường ác hoặc nơi chốn hạ tiện, đó gọi là ẩm dị già.

Lại duyên riêng về một thứ già. Một già này trước đã nói là già nên liền được sinh. Thế nên các hành trong từng sát-na, sát-na đã sinh các thứ khác biệt, gọi là duyên riêng về một thứ già.

Phân biệt về nghĩa trụ cũng lại có nhiều thứ. Đó là sát-na trụ, nối tiếp trụ, dựa nơi duyên trụ, nhất tâm trụ, như pháp chế trụ.

Sát-na trụ: Tức là chỉ có lúc sinh là trụ. Đó gọi là sát-na trụ.

Nối tiếp trụ: Tức là tùy theo xứ đã sinh, các âm, y phục, thức ăn, cho đến khi mạng hết. Lại nữa, khí thể gian bên ngoài cho đến khi kiếp tận. Đó gọi là nối tiếp trụ.

Dựa nơi duyên trụ: Tức là các thọ như khổ, vui, các pháp thiện, ác, mỗi mỗi đều duyên nơi hiện tại tùy theo đây mà trụ giữ. Đó gọi là dựa nơi duyên trụ.

Nhất tâm trụ: Tức là người có tâm chánh định, trụ nơi định hiện tiền. Đó gọi là nhất tâm trụ.

Như pháp chế trụ: Tức là tùy theo cảnh giới đang ở có vua cai trị đất nước, thôn xóm, đối với bốn chủng tánh dựa theo sự việc trước đã chế mà trụ. Đó gọi là như pháp chế trụ.

Nghĩa vô thường cũng lại có nhiều thứ. Đó là hoại vô thường, biến dị vô thường, biệt ly vô thường, sẽ sinh vô thường, đi đến vô thường.

Hoại vô thường: Tức là các hữu đã có sinh tức liền có diệt. Đó gọi là hoại vô thường.

Biến dị vô thường: Tức là các hành khả ái sinh khởi không còn giống như trước. Đó gọi là biến dị vô thường.

Biệt ly vô thường: Tức là những vật đáng yêu thích bị phân tán ly biệt.

Ba thứ vô thường này, đối với đời vị lai đó gọi là sẽ sinh vô thường. Đối với đời hiện tại gọi là đi đến vô thường.

Thọ năm thứ dục lạc không thể tự giữ gìn, phút chốc suy tàn, ái biệt ly đến, suy nghĩ về việc này nên ưu sầu khổ não, cho đến như kinh nói vẫn không chịu nhàm chán. Đối với các pháp hành, những nhóm ngoại đạo cũng suy nghĩ đây là vô thường, cũng sinh nhàm chán, nhưng chỉ lìa nơi dục giới. Đối với các pháp hành phần sinh chán lìa, nếu các Thanh văn suy nghĩ đầy đủ, đây là vô thường, rốt ráo chán lìa, tức chúng được không nhiễm cho đến giải thoát.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

QUYỂN TRUNG

Phẩm ĐỊA TÂM, phần 2

Lược nêu phần thuộc về sinh duyên, tự nhân đầy đủ, đó gọi là *chí*.

Thế nào là *chí*? Do tự như nhân lược nêu nên nhân duyên đầy đủ, tức là được sinh, nên gọi là *chí*. Như vậy lựa chọn nhận biết giả gọi là có *chí*. Nếu thật có thì có hai thứ, đó là có sinh nhân và có không lia nhân. Nếu có sinh nhân, như chưa đắc pháp từ trước đến nay không *chí* làm nhân, há nghĩa lại được sinh. Nếu như vậy thì vĩnh viễn không được sinh. Có pháp không lia nhân, tức do đây nên pháp thiện, bất thiện, vô ký nhất thời được *chí*.

Lại nữa, pháp trở ngại cũng nên cùng sinh, vì thế hai nhân thấy đều không đúng. Lại, pháp sinh nhân đều thuộc về các duyên hiện tại, chủng tử của mình như nơi nhân, tức do chủng tử này nên gọi là *chí*. Còn những nhân duyên riêng khác, do hiện tiền nên gọi là lia duyên khác, tại duyên dẫn dắt này, do tự tại ấy giả gọi là *chí*. Tự tại này do nhiều người nên các pháp bị sinh bị diệt. Lại vui thích hiện tiền, mau chóng dẫn dắt sinh duyên, nên gọi là *chí*. Lược có ba nghĩa: Một là chủng tử thành tựu. Hai là tự tại thành tựu. Ba là hiện tiền thành tựu.

Chủng tử thành tựu là tất cả pháp ác, các pháp vô ký và thiện sinh đắc, không sinh công dụng. Các chủng tử này chưa có định phá.

Thánh đạo điều phục các chủng tử thiện, chưa bị tà kiến hủy hoại. Đó gọi là chủng tử thành tựu. Làm sao nhận biết? Chủng tử của các pháp cho đến khi chưa hoại thì cùng với các pháp bất thiện, hoặc hiện hoặc không hiện. Những người như vậy đều gọi là thành tựu. Do công sức của các pháp thiện đã tạo, nên có đầy đủ các nhân thuộc về vô ký sinh duyên. Đó gọi là tự tại thành tựu. Các pháp hiện tại đang hiện tiền, do tự tướng nên sinh. Đó gọi là hiện tiền thành tựu.

Thế nào là mạng căn dựa nơi nghiệp quá khứ, xú xú thọ thân đều theo nghiệp dẫn dắt, có lượng thời trụ, do dẫn dắt mạng này tức gọi là mạng căn. Lại nữa, mạng căn phân biệt có hai, là định và bất định, có theo và không theo, có nhiều có ít, có sau không sau, có được tự tại có không được tự tại. Người ở châu Diêm-phù-đề lia thọ mạng của mình, ngoài ra có số quyết định. Trong châu Diêm-phù-đề hoặc thọ mạng vô lượng hoặc là ngắn ngủi, giảm cho đến còn mười tuổi. Người ở châu Uất-đơn-việt thọ mạng nhất định là ngàn năm. Xứ này tùy mạng, hoàn toàn không có duyên chết, những xứ khác thì không tùy mạng. Người ở châu Diêm-phù-đề thọ mạng giảm còn mười tuổi, đó gọi là ngắn ngủi. Có các loài súc sinh, ở trong một ngày, bảy lần chết bảy lần sinh. Cho đến trong một ngày một đêm nơi xứ phi tướng phi phi tướng, chư thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp. A-la-hán thọ mạng cũng lại có phần sau (biên vực). Như các người học, trong đời hiện tại nhất định nhập Niết-bàn, các người phạm phu sinh thân sau cùng thì thọ mạng có phần sau, còn các người khác lại không có phần sau. Mạng căn nơi các La-hán, Bồ-tát, Phật, có thể tự tại kéo dài tuổi thọ, những thọ mạng khác thì không được tự tại.

Thế nào là chủng loại tự phần của chúng sinh? Là lược nêu xú xú thọ sinh nơi các loại chúng sinh, đồng cõi, đồng nẻo, đồng sinh, đồng loại, đồng năm, đồng tánh, các hành dài ngắn, do dựa vào các phần này là tương tự. Đó gọi là chủng loại tự phần của chúng sinh.

Có các chúng sinh nương nơi phần cõi, thì đều có phần tợ. Ở trong một cõi, chúng sinh thọ sinh, do nương nơi năm nẻo nên mỗi chúng sinh có phần tợ. Các chúng sinh trong mỗi mỗi nẻo có những chúng sinh nương nơi sinh nên có phần sinh. Mỗi mỗi sinh nương nơi phần loại sinh nên có sinh. Mỗi mỗi tánh sinh có các chúng sinh sắc thanh cao rộng là phần tợ của sự nghiệp. Có các chúng sinh nơi phần tợ thiện ác, nên đều có phần tợ. Như người sát sinh cùng với các kẻ sát sinh, cho đến tà kiến cùng với người tà kiến. Như người lia sát sinh cùng với các kẻ lia sát sinh, cho đến chánh kiến cùng với người chánh kiến. Người Tu-đà-hoàn cùng với người Tu-đà-hoàn, cho đến Phật-bích-chi cùng với Phật-bích-chi, Bồ-tát cùng với Bồ-tát, Phật cùng với Phật. Đó gọi là phần tượng tợ.

Tất cả chúng sinh đều là giả danh. Vì sao phần tợ của chúng sinh lại là pháp thật? Tánh phàm phu, nghĩa là chủng tử của phiền não nơi ba cõi do kiến khổ đoạn trừ nhưng chưa đoạn gọi là tánh phàm phu. Tánh phàm phu lại có bốn thứ: Một là tánh không Niết-bàn. Hai là tánh thuộc Thanh văn. Ba là tánh thuộc Phật-bích-chi. Bốn là thuộc về Phật tánh. Lia mười phiền não, không có tánh khác, gọi là tánh phàm phu.

Thế nào là tánh hòa hợp? Nhân duyên đầy đủ, các pháp được sinh. Vô số nhân duyên, vô số pháp sinh, gọi là nhân cộng tác. Tánh hòa hợp lại có sáu thứ: Một là thọ hòa hợp. Hai là nhập sinh hòa hợp. Ba là sáu nhập trụ hòa hợp. Bốn là trí công xảo hòa hợp. Năm là tịnh hòa hợp. Sáu là tương tùng hòa hợp.

Thọ hòa hợp: Là nhân nơi các nhập trong ngoài và tư duy nên các thức được sinh. Ba thứ này hòa hợp nên xúc được sinh. Nhân nơi xúc hòa hợp nên thọ được sinh.

Nhập sinh hòa hợp: Là vô minh duyên hành, cho đến già chết.

Sáu nhập trụ hòa hợp: Là nương nơi bốn thứ ăn và mạng căn.

Trí công xảo hòa hợp: Là tương ứng với nghiệp tạo tác đầy đủ nhân lực.

Tĩnh hòa hợp: Là mười hai sự khó đạt được công sức của mình và người.

Tương tòng hòa hợp: Là như có một người làm vua một nước lớn, như pháp cai trị, giáo hóa chúng sinh nương nhờ đất nước an ổn. Lià các phần như vậy thì không có hòa hợp riêng.

Chữ hòa hợp: Là nương nơi tánh tướng của pháp để lập giả danh, dựa vào nghĩa như thế gọi là chữ. Đó gọi là chữ hòa hợp.

Câu hòa hợp: Là đã nói nương nơi pháp tự tướng, pháp thiện, pháp ác, pháp tịnh, pháp bất tịnh, chọn lựa phân biệt dùng danh hợp làm câu. Đó gọi là câu hòa hợp.

Vị hòa hợp: Là danh và câu hợp lại, chữ nghĩa đầy đủ. Vị hòa hợp này đối với các nghĩa tóm lược thấy đều là danh. Nghĩa ở trong xứ, đó gọi là câu. Nếu nói rộng về nghĩa thì xưng là vị. Chỉ nương nơi danh, chỉ được nhận biết danh, không nhận biết nơi nghĩa. Nếu dựa nơi câu, nhận biết tánh các pháp, cũng nhận biết về tiếng kêu, không thể nhận biết rộng về việc chọn lựa các pháp. Dựa nơi vị, thân nhận biết nghĩa các pháp. Do danh, thân, cú, vị thân này làm năm học xứ để được nhận biết về giả danh. Tùy theo ngôn ngữ của các phương nên lập danh không đồng. Nếu đối với tiếng kêu thì không xứ nào là không đồng, do tai cùng nghe.

Những gì là năm học xứ? Một là nội học. Hai là nhân học. Ba là thanh học. Bốn là y phương học. Năm là công xảo thế gian học.

Thế nào là khởi sinh các hành? Do nhân quả nối tiếp chưa đoạn. Đó gọi là khởi sinh. Lại nữa, khởi sinh có chủng tử sinh, cũng như các pháp có chủng tử hiện khởi. Lại có chủng tử khởi sinh nên quả sinh, như có chủng tử chưa diệt, chủng tử gốc hiện tiền khởi sinh.

Như nơi địa Bồ-tát có tên lưu sinh, bốn âm phi sắc có sắc lưu sinh. Như mười nhập trong ngoài, ở trong pháp nhập có sắc vô tác sinh, có sự đuổi theo lưu sinh như pháp thứ lớp. Mười hai nhân duyên có nghịch, thứ tự mười hai nhân duyên do khởi sinh này tức là nối tiếp không riêng có pháp.

Thế nào là pháp có sai biệt? Khi dựa nơi vô thí, mỗi mỗi đều có chủng tử sai biệt nơi pháp nhân quả không thể lẫn lộn. Chư Phật xuất thế, không xuất thế, pháp luôn như vậy. Nên có diệt sai biệt, cũng như mười hai nhân duyên nghịch thuận. Có chánh pháp sai khác. Nghĩa là như năm âm, mười hai nhập, mười tám giới v.v... không có tăng giảm. Có thọ sai biệt, như pháp ba thọ cũng không tăng giảm. Có trụ sai biệt nghĩa là tất cả thân cho đến thọ mạng, các pháp bên ngoài trụ đến một đại kiếp. Có biến đổi sai biệt, như các chúng sinh đã sinh nơi cõi sắc, trở lại sinh nơi cõi dục. Có hạn lượng sai biệt, như các chúng sinh sinh nơi xứ có sắc, thân có hạn lượng, thế giới ngoại pháp cũng có hạn lượng.

Thế nào là ứng hợp như vậy? Vì nêu bày các pháp, vì an lập các pháp, vì chánh tri các pháp, trong đây phương tiện tức gọi là ứng hợp. Phân biệt có bốn thứ: Một là kiến giải ứng hợp. Hai là nhân ứng hợp. Ba là luận nghĩa ứng hợp. Bốn là pháp như vậy ứng hợp. Như phần sau của địa Thanh văn đã nói rộng.

Thế nào là các hành chuyển biến nhanh chóng? Là sinh diệt nhanh chóng, không trụ. Có hành nhanh chóng tức là sinh diệt. Có thể mạnh nhanh chóng như voi, ngựa, người đi trên đất, bay trên không như chư thiên, chim, các loài Dạ-xoa. Có tiếng kêu nhanh chóng như lúc phát ra tiếng. Có nước nhanh chóng như nước nơi sông hồ chảy. Có lửa nhanh chóng như ngọn lửa lớn đốt cháy cỏ khô. Bắn tên nhanh chóng như người khéo bắn tên đi nhanh chóng. Trí nhanh chóng là các bậc Thánh phân biệt chọn lựa tu hành mau hiểu biết các nghĩa. Thông nhanh chóng là hiện đại thần thông thân

vận hành nhanh chóng. Ý nhanh chóng là nương dựa nơi tâm nhanh chóng, thần thông nhanh chóng.

Thế nào là thứ lớp cùng đối? Các hành nối tiếp nương nơi thứ lớp sinh, đó gọi là thứ lớp. Có sinh thứ lớp sinh như mười hai nhân duyên. Có thứ lớp diệt như nhân duyên nghịch. Do vô minh diệt nên cho đến lão tử diệt. Do lão tử diệt nên tất cả ưu bi khổ não đều diệt. Lại có thứ lớp của đạo tục pháp dụng. Sáng sớm dậy, xem xét lại thân thể, mặc áo, làm việc, vui đùa, thử tài nghệ, tắm rửa, thoa hương, trang sức nơi thân, ăn uống, ngủ nghỉ. Đó là thứ lớp của thế tục. Thế nào là thứ lớp của đạo pháp? Cũng sáng sớm thức dậy, các thứ lớp như trước, cho đến đắp y mang bát tuần tự khát thực, được thức ăn liền trở về trụ xứ, an tọa thọ thực, rửa tay, lau bát, rửa chân, tọa thiền, giảng thuyết, đọc tụng, tư duy điều thiện, ban ngày kinh hành, đứng ngồi. Hai thứ sự việc này là pháp đối trị chướng ngại của tâm. Vào nửa đêm thì ngủ nghỉ, cuối đêm nhanh chóng dậy mặc áo và làm các việc như trước. Ở trong đại chúng, tùy giới lớn nhỏ, cung kính thăm hỏi, theo thứ lớp an tọa, như pháp hành trì, thọ nhận ngọa cụ. Có thứ lớp sinh từ nhỏ đến già, tức có tám thời. Lại có thứ lớp kiến đế. Trước quán khổ đế, tiếp đến là quán tập đế, diệt đế, đạo đế. Lại có chín định thứ đệ thứ lớp học. Do dựa nơi giới học, sinh tâm học, tiếp theo sinh tuệ học.

Thế nào gọi là thời? Nương nơi mặt trời mọc, lặn, nhận biết thời có sai biệt. Nương nơi các pháp hành có sinh diệt nên lập tên ba đời, gọi là thời. Như năm, mùa, một tháng, nửa tháng, ngày đêm, sát-na, la-bà, mâu-hốt-đa, quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó gọi là thời. Lìa các pháp hành thì không có thời riêng.

Thế nào là số? Tính đếm các pháp khác khiến nhận biết nhiều, ít, đó gọi là số. Lại nữa, số là từ một hai pháp cho đến nhiều số, lại đến sau số gọi là A-tăng-kỳ, do từ đây về sau không còn tên gọi của số.

Thế nào là chủng tử? Lìa các pháp hành không có chủng tử tiêng, do pháp hành này khởi sinh như thế, tiến nhập như thế, đó gọi là chủng tử, cũng gọi là quả. Chủng tử và quả riêng khác, không thể xem là xen tạp. Vì sao không lẫn lộn? Vì dựa nơi quả hiện tại nhận biết nhân quá khứ. Dựa nơi nhân hiện tại để nhận biết quả vị lai. Do đây nhân cũng gọi là quả. Nhân quả không xen tạp, như mầm, lá, cành, nhánh của hạt lúa mạch chưa mọc, đã mọc. Lìa các pháp này không có chủng tử riêng khác. Như vậy, quán sát tất cả pháp hành là tướng của chủng tử.

Đã nói đoạn hoại chủng tử của pháp ác. Thế nào là lại đoạn hoại chủng tử của pháp thiện? Một là pháp ác và thiện luôn là sự việc trái nhau đối với việc đoạn hoại căn thiện. Hai là do chấp trước nơi tà kiến. Tà kiến sâu nặng cũng đoạn căn thiện như các ngoại đạo. Ba là do tà kiến nên phỉ báng tất cả, tạo tội ngũ nghịch nên cũng đoạn căn thiện. Bốn là đã đoạn chủng tử của pháp ác, bất thiện, căn thiện tức đoạn. Như bậc A-na-hàm lên địa Bồ-tát.

Lại nữa, chủng tử của tất cả các pháp dùng làm một nhóm, cho quả đã xong để đến với quả, nghĩa là hạ trung thượng. Lại lược nêu tướng của các chủng tử nên được, ở trong thức A-lại-da, tất cả các pháp chấp vướng mắc theo vọng tưởng tập khí. Do tập khí này cũng gọi là pháp thật, cũng gọi là giả danh. Từ đây các pháp không có tướng riêng, không chẳng phải có tướng riêng, như pháp chân như. Lại nữa, tập khí hiện có khắp tất cả xứ, các pháp tội ác nếu dựa nơi tập khí này gồm thân chủng tử của tất cả các pháp và các pháp xuất thế.

Thế nào là căn bản nhưng được sinh? Chủng tử của các pháp ác không làm nhân. Pháp xuất thế này là cảnh giới của chân như làm duyên nên được sinh. Nếu không giữ lấy tập khí làm duyên để được sinh, vì sao diễn nói ba tánh của Niết-bàn? Lại nói có người không có tánh Niết-bàn, có như nghĩa này, là tất cả chúng sinh có cảnh của

chân như nhưng vì duyên sinh chướng, không chướng, nên giải thoát đều khác. Có các chúng sinh vĩnh viễn bị chướng ngại nơi chủng tử, không thể thông đạt cảnh giới của chân như, nên nói chúng sinh này là không có tánh Niết-bàn. Có các chúng sinh không dựa nơi nghĩa này để nói tánh Niết-bàn. Các chướng ngại của trí tuệ vĩnh viễn dựa nơi gốc, cũng chẳng phải là giải thoát vì chủng tử bị chướng ngại. Nêu rõ về nghĩa này, có tánh Thanh văn, tánh Phật-bích-chi, không như nghĩa trước. Đó gọi là Phật tánh. Cho nên không có lỗi khi nói pháp xuất thế đã sinh khởi nối tiếp, nương nơi thức A-ma-la nên có thể được trụ. Do sự nối tiếp này cùng với thức A-lại-da làm đối trị, bản thân không có chỗ trụ là cảnh giới vô lậu, không gây tạo ác và lia các phiền não.

Thế nào là lượt nêu có ba? Một là pháp bất tịnh. Hai là pháp thiện. Ba là pháp vô ký.

Tạo tác bất tịnh: Tức là mười nghiệp đạo bất thiện, thân khẩu ý sinh thọ hành không lia, làm duyên tăng thượng. Nghiệp thân khẩu này khiến người khác nhận biết. Đó gọi là bất tịnh.

Tạo tác pháp thiện: Tức lia mười pháp ác này, nghiệp thân khẩu không hành tập theo pháp ác này, khiến cho người khác nhận biết. Đó gọi là hành thiện.

Vô ký: Tức là nghiệp thân khẩu này do các oai nghi ấy, như các thứ công xảo. Đó gọi là vô ký.

Lại có các nghiệp, không khiến cho người khác nhận biết, chỉ tự mình phát tâm. Do trong tâm ấy hiểu rõ ngôn ngữ dựa nơi các pháp thiện, bất tịnh, vô ký. Đó gọi là tâm tạo tác. Chỉ có thân sinh khởi, pháp không khác này. Đó gọi là thân tạo tác, chẳng phải là động chuyển. Vì sao? Vì tất cả các pháp hành trong từng sát-na diệt, cho nên không có xứ đến, chỉ là ngôn ngữ, nghĩa là khẩu nghiệp. Như vậy, tâm hành theo pháp tư duy này, tức là tâm tạo tác. Vì sao? Vì sát-na

diệt nên từ đây đến kia, nghĩa này là không đúng. Lìa hành sinh khởi lại không có nghiệp khác. Nhân nhĩ, tâm v.v... cũng không có khả năng giữ lấy, cho nên người tạo tác cũng là giả danh có. Nếu có các người tùy theo quyền thuộc ác, xứ kia được sinh dần tăng trưởng, họ tự tư duy, dựa nơi hành nghiệp này ta được thọ mạng. Hành nghiệp như thế là ưa thích nhân mà hành. Lúc này có thể nhận biết là không có che chở, vì dựa nơi căn bất thiện không có che chở, chỗ gồm đầu dững mãi sâu xa nhưng tư duy không chân chánh, do thuộc về thể mạnh, nên người này tức có căn bất thiện lớn, người này hành bất thiện, sát sinh. Ngoài ra, đạo bất thiện đã sinh bất thiện, cũng chưa được chứng, cho đến chưa tạo tác. Từ lúc chưa tạo tác, theo đó nên có chỗ phạm, nghiệp đeo đuổi tùy lúc lại sinh bất thiện. Cũng như người trước sinh vào xứ bạn ác, đều tùy theo loại tăng trưởng nghiệp ác cũng lại như vậy. Cho đến không lìa, không suy nghĩ giúp đỡ tức không có sự che chở. Do nơi ngày ngày suy nghĩ tăng trưởng, tạo các nghiệp này, nên các căn bất thiện đều được tăng trưởng, rồi những suy nghĩ tà vạy, bất tín, biếng lười, quen niệm kết với các duyên ác cùng hành, khiến quen với nghiệp này, khiến tạo ra nghiệp này. Từ đây về sau do đã có chủng tử, do quen hành tác, nên ở trong chỗ nối tiếp của đời này gọi là không có sự che chở. Do dựa nơi nhân xả, cho đến chưa xả các trí không tin, nên nghiệp ác không tin này đời sau có quả báo ác, tức gọi là bất tín. Nơi pháp ác ấy, tùy ý mà trụ, không thể lìa bỏ, gọi là lười trễ. Quên niệm là có các lầm lỗi, người trí chê trách vì như thật không hiện. Đây gọi là quên niệm. Duyên dựa là tâm tán loạn theo phiền não. Tâm này nối tiếp luôn sinh không dừng. Trí ác là do điên đảo nên cho ác là thiện, cho thiện là ác. Đây gọi là trí ác. Do tạo giới ác làm duyên tăng thượng, những bất thiện này là pháp bất thiện, suy nghĩ ác làm bạn, sinh khởi không dừng, là giới ác. Do không dựa nơi trước là đạo lý chân thật, tức gọi là pháp thiện. Như ở đây phân biệt: Nếu người có thể thọ nhận giới, thì trao giới thiện. Như có các người từ nơi người khác đắc giới, cũng từ nơi mình đắc

giới. Có người từ nơi mình đắc giới, không từ người khác đắc là chỉ có giới Tỳ-kheo. Vì sao? Vì các giới Tỳ-kheo đều không thể cho tất cả người thọ. Như giới Tỳ-kheo không thọ từ người khác, dù là người có thể thọ nhận giới, hay là người không thể thọ nhận. Do vậy, nếu tất cả tự có thể đắc giới xuất gia, thì pháp chế của Đức Như Lai liền không được trụ. Pháp chế giới luật nói đúng là khó nhận biết, cho nên giới pháp của Tỳ-kheo chẳng phải là tự thọ đắc. Nếu có các giới lìa giới Tỳ-kheo nhưng tự mình có thể đắc, thì cần gì theo người khác để thọ giới này.

Giữ gìn giới cấm có hai thứ phần: Tự xấu hổ và xấu hổ đối với người khác. Tự phạm giới tức xấu hổ với người khác, như giới cấm này từ người khác mà đắc. Tự xấu hổ là ta tự giữ gìn không có hủy phạm. Đó gọi là đắc giới. Có tự xấu hổ, tức có xấu hổ đối với người khác. Có xấu hổ đối với người khác, chưa hẳn đã tự xấu hổ, cho nên tự xấu hổ đối với pháp lực là hơn. Người tự thọ nhận nếu khéo giữ gìn, thì công đức phát sinh không có sai khác. Nếu từ người khác thọ nhận thì có sai khác. Nên trước phát tâm, tự thân thành Sư làm lễ, mọi việc phải giữ oai nghi như pháp. Suy nghĩ nói năng khiến nhận biết việc mình làm. Đó gọi là nghiệp thân khẩu ý tạo phương tiện trước. Nếu tự thọ mà đắc thì chỉ là tâm hành tác. Lìa tư duy này tức chẳng phải là che chở. Năm căn như tín v.v... lấy lìa suy nghĩ này làm duyên tăng thượng, tức gọi là che chở. Lại, thọ trì giới có trăm thứ tướng, do từ mười thứ pháp bất thiện, dựa nơi sự thọ nhận nên xa lìa. Trong giới không sát sinh, chỉ thọ một phần, cho đến lìa tà kiến cũng thọ một phần nhỏ, đó gọi là mười thứ. Nơi giới không sát sinh đã thọ nhiều phần, cho đến lìa tà kiến, đó là mười thứ khác. Lại có mười thứ khác.

Giới không sát sinh đã thọ nhận đầy đủ, cho đến lìa tà kiến, đó là mười thứ nữa. Nếu dựa nơi thời gian ngắn, một ngày một đêm, hoặc nửa tháng cho đến một năm, thọ giới lìa sát sinh cho đến lìa tà kiến, đây gọi là mười thứ. Hoặc dựa nơi thời gian dài, hoặc chưa đến

khi mạng hết, thọ giới không sát sinh cho đến lia tà kiến, lại là mười thứ. Hoặc cho đến khi mạng hết, thọ giới không sát, cho đến lia tà kiến, lại có riêng mười thứ. Đã thọ không sát sinh, thấy chúng sinh không giết hại, cho đến lia tà kiến, đây gọi là mười thứ. Tự mình thọ giới thiện, lại khuyên người khác thọ, đó lại là mười thứ. Khéo nói năng khen ngợi giới cấm, đó lại là mười thứ. Đã thọ giới không sát cho đến lia tà kiến, tự mình sinh hoan hỷ, đó gọi là mười thứ. Mười lần mười hình tướng thọ giới, hợp thành một trăm thứ. Công đức sinh khởi tùy theo giới nhiều ít. Do đấy, che chở lại có tám thứ: Một là che chở chủ thể sinh. Hai là che chở thân nhận. Ba là che chở giữ gìn. Bốn là che chở trị phạm. Năm là che chở bậc hạ. Sáu là che chở bậc trung. Bảy là che chở bậc thượng. Tám là che chở thanh tịnh.

Lúc chưa thọ, trước khởi suy nghĩ ta nay muốn thọ giới cấm lia ác, đó gọi là chủ thể sinh.

Vào lúc đang thọ gọi là thân nhận.

Đã thọ giới rồi, suy nghĩ lia các ác, là tăng thượng duyên thuộc về năm căn. Lúc cùng với chúng tử khéo thọ trì không gián đoạn như giới đã thọ suy nghĩ giữ gìn. Nếu gần bạn ác, phiền não sinh khởi tạo các thứ ác, tức tự xấu hổ, không cho là thiếu sót giới, chớ để hủy phạm khiến đọa nơi đường ác. Đó gọi là giữ gìn.

Nếu để quên mất, tạo các pháp ác, phải nên nhanh chóng sinh niệm, đem các lỗi lầm phát lồ sám hối, hổ thẹn tự sửa đổi, về sau không phạm nữa. Đó gọi là trị phạm.

Nếu thọ trì phần ít giới thiện trong thời gian ngắn, chỉ tự giữ gìn không khuyến khích người khác, khéo dùng ngôn từ nhưng không khen ngợi giới, thấy người làm thiện không sinh tùy hỷ, cũng không vui thích. Đó gọi là bậc hạ.

Hoặc khéo thọ trì giới cấm nhiều phần nhưng chưa đến lúc mạng hết. Tự mình giữ giới và khuyến khích người khác, khéo nêu

ngôn từ nhưng không khen ngợi, thấy người làm thiện không sinh tâm ái lạc. Đó gọi là bậc trung.

Nếu lại thọ trì giới cấm đầy đủ, cho đến một tội nhỏ cũng không hủy phạm. Đó gọi là bậc thượng.

Nếu dựa nơi giới cấm thanh tịnh ấy tâm không hối hận, cho đến thiên thứ nhất bỏ giới căn bản, tức vĩnh viễn đoạn trừ, khi nương vào Xa-ma-tha, được định này che chở. Như trong thiên thứ nhất thì ở thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư cũng lại như vậy. Lại riêng có khác, bỏ giới gốc này là đối trị xa lìa, thuộc về định đạo đoạn trừ sâu xa. Đó là trì giới thanh tịnh bậc nhất. Dựa nơi giới tịnh này, dựa nơi định che chở, được thấy chân đế, tức chứng quả A-na-hàm, vào lúc này gốc phá giới đều vĩnh viễn đoạn trừ. Dựa vào thiên vị lai, nếu đắc quả thứ nhất, thì vào lúc này, những gì vốn sinh từ nẻo ác đều được đoạn trừ, các giới đều được thanh tịnh, Thánh nhân được vui vẻ, do được giới cấm thanh tịnh thứ hai. Đó gọi là che chở trì giới vô lậu. Giới vô lậu này lúc đắc quả A-la-hán, thì đối trị tịnh, khác với quả diệt trừ Hoặc. Đây là tám thứ giới đã hợp làm một, lại phân làm ba: Một là che chở thọ hành. Hai là che chở tổng trì. Ba là che chở thanh tịnh.

Ba thứ giới trước là che chở thọ hành. Hai thứ tiếp theo là che chở tổng trì. Ba giới thượng, trung, hạ là hành phương tiện, là giới thiên định và giới vô lậu, đó gọi là che chở thanh tịnh.

Ba thứ che chở này, thứ lớp chuyển thẳng. Vì sao Đức Như Lai thuyết giảng ba giới này? Đó là giới Tỳ-kheo, giới Ưu-bà-tắc và tám giới.

Do ba nhân duyên nên các người thọ nhận sự giáo hóa có thể lìa hành ác, lìa tham dục, trong đấy Đức Phật thuyết giảng là giới Tỳ-kheo.

Có những người thọ nhận sự giáo hóa chỉ lìa hành ác, không lìa tham dục, ở đây Đức Phật thuyết giảng là giới Ưu-bà-tắc. Vì sao? Vì

tại gia là nơi chốn có nhiều bức bách, sinh phiền não, thường bị trói buộc, nên khó thọ trì giới phẩm đầy đủ.

Có những người thọ nhận sự giáo hóa nhưng không thể lìa hành ác và tham dục, cho nên Đức Như Lai vì họ thuyết giảng tám giới. Vì sao? Vì những người ấy không thể lìa hai việc trên. Do hai giới trước làm nhân duyên, họ tự suy nghĩ không thể giữ giới cấm trọng.

Trong tám giới này, ba phần trước là hiện bày lìa hành ác, sau có bốn phần hiện bày lìa tham dục không dâm, một phần hiện bày lìa hai xứ.

Giới Tỳ-kheo gồm thâu bốn phần nghĩa: Một là phần thọ nhận đầy đủ. Hai là theo giới đầy đủ thọ nhận chế giới luật. Ba là hộ tha tâm giới. Bốn là giữ giới đầy đủ.

Phần thọ nhận đầy đủ tức là bạch tứ yết-ma như thọ pháp chế lớn, từ đầu dựa theo đây. Giới cấm của Tỳ-kheo gọi là phần thọ nhận đầy đủ của Tỳ-kheo. Từ đây về sau, tùy theo giới Tỳ-kheo đối với Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là chánh mạng. Tất cả xứ này luôn được gìn giữ che chở. Đó gọi là theo giới đầy đủ thọ chế giới luật. Có hai phần oai nghi này đầy đủ, đó gọi là hộ tha tâm giới. Hành xứ oai nghi như nơi sau địa Thanh văn, tự sẽ nói: Đối với tội nhỏ thấy sợ không phạm, đồng như giới trọng. Nếu có phạm thấy đều phát lồ. Đó gọi là giữ giới đầy đủ.

Dựa nơi năm lực, được sinh bốn phần, vì có tín lực nên giới giải thoát viên mãn. Dựa nơi tinh tấn lực nên đầy đủ phần chánh mạng. Dựa nơi niệm lực nên giữ gìn các căn. Nương nơi tuệ lực nên phân nhân duyên viên mãn. Nương nơi định lực nên bốn phần đầy đủ. Vì sao? Vì nếu không có năm lực thì không có bốn phần như trên.

Có ba phần gồm thâu giới Ưu-bà-tắc: Một là phần được người khác quý trọng vì lìa mọi sự hủy hoại. Hai là có phạm lỗi lầm liền sửa đổi, sám hối để được thanh tịnh. Ba là thọ trì không hủy phạm. Không đoạt mạng người khác, không trộm cướp của cải của người

khác, không được tà dâm, đó gọi là phần thứ nhất. Xa lia vọng ngữ là phần thứ hai. Xa lia uống rượu là phần thứ ba.

Lại có năm phần gồm thân đối với tám giới. Những gì là năm? Một là lia sự phá hoại đối với người khác. Hai là lia sự phá hoại đối với mình và người. Ba là có phạm liền sửa đổi sám hối. Bốn là vì không để mất giới nên luôn nhớ nghĩ hộ trì. Năm là phần niệm không tán loạn. Lia sự đoạt mạng, trộm cướp tài vật, đó gọi là phần thứ nhất. Lia nơi dâm dục là phần thứ hai. Vì sao? Vì xa lia dâm dục thì không phá thân mình, vì thế thiết của mình nên không hoại thân người khác, do lia dâm đối với người khác. Lia nói dối gọi là phần thứ ba. Thứ đến lia ba xú là phần thứ tư. Vì sao? Vì đối với thói quen ca múa, dùng hương hoa trang điểm thân, nằm giường cao rộng, ăn uống phi thời, dần dần biết quán thân là không, là vô ngã, nên thọ giới này nhớ nghĩ không phạm. Lia bỏ uống rượu là phần thứ năm. Vì sao? Vì thường tự nhớ nghĩ, nay ta có giới, do dựa nơi giới này nên không được say rượu, phóng dật.

Giới Tỳ-kheo-ni, giới Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, những giới này đều thuộc giới xuất gia, dựa nơi giới Tỳ-kheo nên được những giới này. Giới Ưu-bà-di là giới của hàng tại gia, giới này cũng tương tự như giới cấm của Ưu-bà-tắc không khác.

Vì sao Đức Phật chế các giới Tỳ-kheo và giới Sa-di thì thuyết hai bộ, còn giới Tỳ-kheo-ni lại thuyết ba bộ, là Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni? Do các người nữ có nhiều phiền não thứ lớp nên thọ giới Tỳ-kheo-ni. Thế nên Phật chế giới Tỳ-kheo-ni phân làm ba phần. Sa-di-ni trụ nơi tiểu giới, dựa theo đây lại thọ giới Thức-xoa-ma-ni. Nếu có thể trụ được giới Thức-xoa-ma-ni, giới phần càng nhiều không thể mau chóng thọ giới Cụ túc, cần phải hai năm học hành sáu pháp, nếu vui thích trụ được giới này rồi mới trao giới Cụ túc. Như vậy trong nhiều thời gian, dần thọ trì tiểu giới, lần lượt chuyển lâu mới có thể giữ đủ giới.

Vì sao trong giới Sa-di có chế giới là không được nắm giữ vàng bạc nhưng trong tám giới thì không ngăn? Do Sa-di này là ở nơi giới xuất gia. Người xuất gia đối với hai thứ ấy hoàn toàn không thích hợp. Còn đối với tám giới, thì năm thứ đục lặc trang điểm nơi thân, vui chơi, tùy ý phóng dật, hai thứ này dùng để nêu giữ ngăn chặn phẩm trước, nên nói là lia ba thứ. Đó là ca múa, dùng hương hoa trang điểm thân, nằm giường cao rộng và ăn uống phi thời. Phẩm thứ hai lia nắm giữ vàng vật báu, do các thứ ấy luôn là căn bản của tất cả sự nêu bày giữ lấy. Theo tất cả vật thì chúng là hơn hết.

Vì sao trong giới Sa-di, ca múa và trang điểm thân phân làm hai giới, còn trong tám giới thì hợp làm một? Do đối với người xuất gia hai thứ ấy là không thích hợp nên lại chế làm hai. Đối với người tại gia thì dễ tương ưng nên hợp làm một. Người tại gia nếu có phạm thì chỉ một lần sám hối, người xuất gia nếu phạm hai giới này thì phải sám hối hai lần.

Vì sao kẻ hoàng môn và người không thể là nam không được xuất gia thọ giới Cụ túc? Vì những loại người này nếu làm Tỳ-kheo thì có thể tạo tội của người nữ. Nếu làm Tỳ-kheo-ni thì do thân xúc chạm nên có thể tạo tội của người nam. Do hai thứ xứ này đều không thể trụ nên không được xuất gia thọ giới Cụ túc. Kẻ hoàng môn và hàng không thể là nam này, do có nhiều phiền não chướng ngại nên không thể phát khởi sức chánh tư duy, dựa nơi sức ấy thường xuyên tư duy siêng năng tinh tấn tu tập phạm hạnh thanh tịnh, hướng chi là có thể đắc Thánh pháp hơn người, vì thế không được xuất gia thọ giới. Vì sao? Vì khó được người thiện sinh nơi xứ ấy không thể phân biệt.

Vì sao kẻ hoàng môn và kẻ không thể là nam, khi thọ ba pháp quy y và năm giới cũng không được gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di? Vì những người gần gũi với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Còn những người hoàng môn và không thể là nam này dù

khéo gồm thâu các căn, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng không được gần gũi họ. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở riêng, hoặc ở chỗ có ngăn che cũng không được gần gũi, xúc chạm đều cũng không được, chỉ những Ưu-bà-tắc mới được gần gũi Tỳ-kheo, nên những người kia không được gọi là Ưu-bà-tắc. Những người kia, nếu khéo thọ trì giới thì phước đức có được đều đồng.

Thế nào là phi giới? Tức lia những giới đã nói ở trước gọi là phi giới. Tùy theo chỗ tạo tác các nghiệp thiện, bất thiện, từ thân khẩu ý, do đây nên có thể nhận biết hết thảy về phi giới và phi phi giới. Vì vậy giới cấm tự mình có thể thọ nhận và thọ nhận từ người khác, hai thứ thọ nhận giới này sinh khởi công đức có sai biệt. Vào lúc không thọ giới, nếu tâm ý đồng, hộ trì cũng đồng thì phước sinh không khác.

Những nhân duyên nào không được thọ đầy đủ giới cấm của Tỳ-kheo? Muốn được không được lược nêu có sáu thứ: Một là có tâm hủy hoại. Hai là thân căn không đủ. Ba là nhân căn không đủ. Bốn là do đoạn căn thiện. Năm là lệ thuộc người khác. Sáu là hộ tha tâm.

Như người bị phép vua buộc giữ sợ hãi nạn giặc cướp, mắc nợ của cải người khác lo sợ sống không yên ổn. Người này suy nghĩ: Nay ta khổ não khó được sống yên. Vì ta là tại gia nên có những khổ não này. Các người xuất gia có đời sống an vui, vì thế nay ta xuất gia nhập chúng, đồng hành đạo để được sống không có khổ nạn. Dựa nơi suy nghĩ như vậy tức liền xuất gia. Vì sợ hãi nên thọ trì giới cấm, ở những chỗ có chế luật, không khiến các Tỳ-kheo biết mình phạm giới cấm. Chúng Tăng hòa hợp nhận biết nên đuổi ra khỏi chúng, vì người này có tâm hủy hoại, nên chẳng phải là Tỳ-kheo đầy đủ giới cấm. Đó gọi là có tâm hủy hoại.

Lại có người suy nghĩ: Tại gia khó sống, nếu xuất gia thì các vật dụng nuôi thân dễ cầu được không khó, lại trọn đời được tu phạm

hạnh, cũng như mọi người tu hành không khác. Suy nghĩ như vậy tức liền xuất gia. Xuất gia như vậy chẳng phải là tâm hủy hoại, tuy được đủ giới nhưng không thanh tịnh. Nếu bị các bệnh như bấu, hủi, điên cuồng, sẽ ngăn việc nói pháp. Đó gọi là trường hợp thứ hai thân căn không đủ.

Là thân bị hủy hoại, nếu được xuất gia thì không thể kính trọng cúng dường sư trưởng. Như vậy cũng không thể cúng dường nơi người khác, trở lại thọ nhận uy đức phạm hạnh thanh tịnh của sư trưởng, bạn bè, cùng thức ăn uống, y phục, ngọa cụ của tín thí. Thọ nhận những vật trọng thí này thì không dễ có thể tiêu, lại cũng không thể tăng trưởng pháp thiện, chỗ tu thiện trước kia đều bị thoái mất. Thế nên thân căn không đủ thì không được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Nếu là hoàng môn và hàng không thể là nam, nhân căn bị hoại nên không được xuất gia thọ giới Cụ túc, như trước đã nói về các nhân duyên. Người không thể là nam có ba thứ sai khác: Một là không thể đầy đủ. Hai là có lúc và chẳng phải lúc. Ba là hủy thương tổn hại.

Người từ khi sinh ra đến nay vốn không có nam căn, đó gọi là người không thể đầy đủ.

Lại, nửa tháng thì có thể là người nam, nghĩa là mười bốn ngày trước thì không thể, chỉ ngày mười lăm là có thể. Lại khiến người khác xúc chạm thì có thể làm người nam, không xúc chạm thì không thể. Hoặc thấy người khác hành dục thì có thể làm người nam, không thấy thì không thể. Đó gọi là có lúc và chẳng phải lúc.

Lại có trường hợp bị dao, gậy làm thương tổn, hoặc bị bệnh khiến rơi rụng, hoặc gặp độc, gặp lửa, bị chú thuật làm đoạn. Tức trước có nam căn sau gặp các trường hợp kia nên không còn. Đó gọi là hủy thương tổn hại.

Người không thể là nam có ba hạng: Một là vốn đã là hoàng môn nên không thể là nam. Hai là vốn chẳng phải là hoàng môn

nhưng là không thể là nam. Ba là vốn là hoàng môn, chẳng phải chẳng thể là nam. Khiến người khác xúc chạm thân thì có thể sinh dục lạc. Đó gọi là nhân căn không đủ.

Đoạn căn thiện: Tức là tạo các tội nghịch, làm ô nhiễm Tỳ-kheo-ni, phá hoại trong ngoài đạo, là giặc trụ đối với các thứ không cùng trụ, không trụ. Do hủy hoại căn thiện, nên không được thọ giới cụ túc. Vì sao? Vì người này không biết xấu hổ đối với mình và đối với người khác, do không thanh tịnh, do không hổ thẹn, nên pháp thiện bị tổn giảm.

Lệ thuộc người khác: Tức là người này bị phép vua khép tội, hoặc mắc nợ của người, hoặc làm nô tỳ cho người khác, hoặc đang lãnh nợ cho người, hoặc cha mẹ không cho phép. Do lệ thuộc vào người khác như thế nên không được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Hộ tha tâm: Tức là những người hóa hiện để giữ tâm người khác, nên không được trao giới. Vì sao? Vì như các rồng hóa thân làm hình người, cầu xin xuất gia, muốn nghe chánh pháp, cầu thọ giới cụ túc. Nếu được thọ giới cụ túc, đến khi nằm ngủ trở lại thân rồng, do ngủ nghĩ bức bách. Khi đã thành Tỳ-kheo thì nói là Tỳ-kheo, các thiện nam tín nữ đến tham gia học hỏi lại thấy thân rồng, nên đối với các Tỳ-kheo họ đều sinh tâm nghi, cho các Tỳ-kheo chẳng phải thật là người. Ai dám cúng dường cho các rồng, các quý. Thế nên loại hộ tha tâm không được thọ giới cụ túc.

Trên đây là sáu nhân duyên không được xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu lia các Sư cho đến các Hòa thượng, tức giới không đầy đủ, số tăng không viên mãn, chúng không thanh tịnh, thì cũng không được giới.

Những nhân duyên không được thọ giới Ưu-bà-tắc, lược nói có hai: Một là có tâm hủy hoại. Hai là nhân căn không đủ. Người có tâm hủy hoại là vĩnh viễn không được thọ tất cả giới cấm. Người không thể là nam được thọ năm giới nhưng không được gọi là Ưu-bà-tắc,

như trước đã nói về các nhân duyên. Lại nữa, tám giới đối với người có tâm hủy hoại cũng không được thọ. Do tùy theo người khác, hoặc vì lợi dưỡng, tâm không thanh tịnh, tuy miệng nói thọ giới, như trước đã nói. Có các nhân duyên không được thọ giới, là các duyên này thì được ba loại giới.

Lại có các nhân duyên khiến mất giới Tỳ-kheo: Một là xả giới. Hai là phạm giới trọng. Ba là mất căn cùng sinh hai căn. Bốn là đoạn mất căn thiện. Năm là mạng chung. Nếu đã khéo thọ các giới Tỳ-kheo, thì năm duyên kia tức mất. Hoặc vào thời kỳ pháp Phật diệt tận, người chưa thọ giới, muốn thọ không được, đã thọ rồi thì không mất. Vì sao? Vì vào lúc này là thời mạt pháp đã đến, không có một người nào tâm không hủy hoại mà cầu thọ giới, huống là có thể đắc bốn thứ đạo quả. Giới Ưu-bà-tắc do sinh tâm hối hận, do căn thiện diệt, do thọ mạng hết, do pháp Phật diệt, thì như giới Tỳ-kheo, năm giới cũng như vậy. Lại nữa, tám giới, đến sáng hôm sau lại có tâm hủy hoại, thì ngày mạng chung tức mất tám giới.

Thế nào là định vô tướng? Là người lìa dục của cõi Biên tịnh, chưa lìa dục cõi trên, khởi tâm tư duy, cho là giải thoát chỉ đoạn nơi tâm và tâm số pháp. Tịch tĩnh như vậy gọi là định vô tướng. Đây là giả danh chẳng phải là có pháp riêng, lược nêu có ba là tu hạ, trung, thượng.

Do tu bậc hạ nên trong đời hiện tại có thoái thất, không thể nhanh chóng trở lại tu tập, sinh nơi trời vô tướng, ánh sáng nơi thân yếu kém, không đồng như chư thiên, thọ mạng không đầy đủ, giữa chừng có thoái chuyển.

Tu bậc trung: Là nếu khi thoái thất, trở lại tu tập, nhanh chóng được sinh nơi trời vô tướng, ánh sáng chuyển hơn, nhưng thọ mạng chưa hết cũng thoái chuyển giữa chừng.

Tu bậc thượng: Là do siêng năng tu tập nên không thoái thất, nếu được sinh nơi trời vô tướng ánh sáng và thọ mạng đầy đủ.

đủ, không mạng chung giữa chừng. Vì sao? Vì được sinh thì tâm diệt, tâm số cũng diệt, gọi là vô tướng sinh.

Thế nào là định diệt tận? Là người lia dục của xứ bất dụng, chưa lia dục của xứ phi tướng phi phi tướng, khởi tâm suy nghĩ, cầu xứ tịch tĩnh không thọ không tướng. Ở trong thọ tướng thấy rõ lỗi lầm, tức sinh chán lia, thọ thể bốn thiên, tướng thể bốn không, đối với tám thiên định thấy đều chán lia, chánh diệt nơi tâm và tâm số pháp, tức nhập diệt định, diệt sáu thức nên gọi là định diệt tận, chẳng phải là diệt thức A-lại-da. Đây cũng là giả danh, chẳng phải là pháp thật có. Ở đây cũng có ba thứ tu thượng trung hạ, như trước đã nói. Chỉ không nói sinh, do các người học được nhập định diệt tận. Nghĩa là bậc A-na-hàm gọi là Thân chứng. Người vô học được nhập định diệt tận đạt hai phần giải thoát. Đối với định vô tướng, hàng hữu học và vô học đều không tu. Vì sao? Vì các Thánh nhân có xứ được sinh không thấy giải thoát, Thánh nhân thấy biết không sinh nơi xứ kia, lia nơi xứ ấy riêng có xứ thù thắng, vì sinh nơi xứ ấy vĩnh viễn không thể tu tập pháp thiện. Đây là xứ chướng nạn.

Thế nào là hư không? Là xứ chỉ rõ vô sắc hiển hiện là hư không.

Thế nào là không xứ? Là không có tất cả sắc, gọi là hư không, cho nên giả danh gọi là không, chẳng phải là pháp thật.

Thế nào là phi số diệt? Là do nhân duyên tự được hiện tiền nên sinh các pháp. Là nhân duyên sinh này thì các pháp khác không sinh. Rất ráo tịch diệt gọi là phi số diệt. Lúc này, các pháp tức không được sinh. Qua lúc sinh ấy thì không còn sinh lại. Vị lai chưa khởi nên không được nói là có. Nếu pháp vị lai do nhân duyên nên sinh, hòa hợp tức sinh, vì có ai ngăn mà khiến không sinh, gọi đó là thường. Thế nên không có một pháp riêng gọi là phi số diệt. Các người học này đã thấy chân đế, noãn sinh, thấp sinh, sinh nơi Uất-đơn-việt, sinh nơi trời vô tướng, nữ nhân, hoàng môn và không thể là nam, không căn, hai căn, lại có ái nguyện không được sinh lại, gọi là phi số diệt đồng

một chủng tướng. Vì sao? Vì các người học này lại sinh ái nhiễm, có thể tạo khởi nghiệp thì không có điều ấy. Chưa trừ hết chủng tử nên nghiệp thọ sinh. Vì sao? Vì các sắc tâm này là pháp không tương ưng. Từ nơi tướng sinh đến phi số diệt, ở trong tâm pháp chẳng phải là tâm số. Nếu ở trong sắc, chẳng phải là có thể thấy, chẳng phải là không thể thấy. Do nghĩa này nên gọi là sắc không tương ưng cùng không như ý và có xứ xả, gọi là sắc phân biệt. Âm thanh phân biệt, là số nhân của chúng sinh, chẳng phải là nhân của chúng sinh. Chúng sinh chẳng phải là nhân của chúng sinh. Sự phân biệt, là miệng tạo tác. Trụ phân biệt như trước đã nói. Hương phân biệt, nghĩa là gốc, cành, vỏ, ruột, lá, hoa, quả là hương phân biệt. Trong hương, vị, xúc, không có sự phân biệt. Trụ phân biệt như nơi phần sắc đã nói ở trước. Vị phân biệt nghĩa là các thứ ngọt, đắng v.v..., trụ cũng như trước. Xúc có nhiều thứ phân biệt như trước.

Cảnh thứ ba là ở trong mười phương, tức có thể được nhận biết. Cảnh thứ tư là ba đời phân biệt. Cảnh thứ năm là thật, không thật, giữ lấy sự phân biệt có thể nhận biết. Cảnh thứ sáu là ở xứ một biên được giữ lấy đầy đủ. Như vậy là tự phần nơi các trần có sắc đã phân biệt rõ ràng.

Thế nào là tư duy? Là có thể sinh thức cùng nơi các căn. Không hủy hoại là cùng hiểu rõ trần đồng dấy khởi phát tâm. Như vậy tư duy là có thể sinh các thức. Đó gọi là phần tư duy nơi cảnh của sắc ấm. Tạp tư duy là đối với ấm, nhập của cõi dục. Trụ là xứ sắc giới, sắc sinh nơi thân này. Vì sao các sắc ở cõi trên và cõi dưới đều cùng khác xứ, nhưng trụ thì không khác xứ? Đáp: Trụ không khác xứ giống như cát và nước. Đó gọi là tư duy về phần tạp của sắc ấm. Tư duy phân biệt rất ráo về sắc ấm.

HẾT - QUYỂN TRUNG

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

QUYÊN HẠ

Phẩm ĐỊA TÂM, phần 3

Như trong kinh nói về sáu thứ thắng trí, nghĩa là ám, giới, nhập, bốn đế, nhân duyên, hai mươi hai căn. Thắng trí như vậy làm sao phân biệt? Uất-đà-nam nêu:

*Tướng, nghĩa cùng phân biệt
Thứ lớp thấu nhận nương
Dựa sáu thứ pháp này
Biết rõ ám, giới, nhập.*

Thế nào là tướng của sắc? Nghĩa là mười một thứ, từ nhãn cho đến xúc. Sắc có trong pháp nhập. Dựa nơi bốn đại có là bốn đại, đều là tướng ngăn ngại.

Thế nào là tướng của thọ? Nghĩa là có sáu thứ, như nhãn, nhĩ v.v... tiếp xúc sinh. Lại, ba thứ thọ có hai thứ nương dựa, là sắc và tâm. Nương dựa nơi sắc là thân thọ. Vì sao? Vì sắc của năm căn. Nếu căn có sắc, nương dựa nơi nhãn v.v... nên có thọ. Đó gọi là thân thọ. Vì sao năm căn không gọi là thân? Do tự tướng của căn nên dụng đều khác. Nếu do tướng khác thì không đồng với thân tướng, cho nên căn thọ không gọi là thân thọ.

Hỏi: Do không lia thân, có các căn như nhãn v.v... Nương dựa nơi căn sinh thọ nên gọi là thân thọ. Nói như thế là không lỗi.

Nhưng nếu nói không lìa, cho là không lỗi thì tâm không lìa thân, thế nên tâm thọ cũng gọi là thân thọ? Phạm tất cả thọ đều gọi là thân thọ chăng?

Đáp: Thân cùng các căn không được lìa nhau, nhưng tâm thì không như vậy. Như có chúng sinh sinh nơi xứ vô sắc, lìa thân có tâm, vì thế căn thọ được gọi là thân thọ. Tâm có thể lìa thân nên gọi là tâm thọ. Tất cả thọ này có được hai tên gọi. Nghĩa là tất cả thọ đều là tướng dụng theo ba thứ nhân duyên: Một là lực hơn hẳn của trần. Hai là lực hơn hẳn của tư duy. Ba là lực hơn hẳn của tự tại.

Thế nào là tướng của tướng? Có sáu thứ như trước. Lại, sáu thứ sinh như tướng có tướng, tướng không tướng, tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng vô dụng. Tất cả tướng này có hai thứ khác biệt: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Duyên nơi cõi dục gọi là tướng nhỏ. Duyên nơi cõi sắc gọi là tướng lớn. Duyên nơi xứ không, thức gọi là tướng vô lượng. Duyên nơi xứ vô sở dụng gọi là tướng vô dụng. Các tướng nơi cõi dục v.v... này gọi là tướng có tướng. Tướng nơi xứ phi tướng phi tướng gọi là tướng không tướng. Tướng xuất thế gian, nghĩa là các người học và người vô học, tất cả tướng này là tướng của tướng phân biệt.

Thế nào là tướng của hành? Có sáu thứ như trước. Lại có năm thứ sự việc: Một là cùng với các trần. Hai là được cùng kết hợp. Ba là xa lìa hữu vi. Bốn là khởi nghiệp phiền não. Năm là tâm được tự tại.

Lược nêu ba thứ, thiện, bất thiện, vô ký, dẫn dắt tất cả quả, đó gọi là tướng của hành.

Thế nào là tướng của thức? Cũng có sáu thứ, đó là nhãn thức cho đến ý thức. Tướng của thức này phân ra lại có ba thứ: Một là phần dụng. Hai là phần duyên nhiều. Ba là phần trụ các dị. Phần dụng có ba. Phần cảnh có sáu. Phần trụ cũng có ba. Các phần như

thể phân biệt là mười tám thứ giữ lấy trần làm tướng, là tướng của năm âm.

Thế nào là nghĩa của âm? Sắc là trong quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến tất cả các sắc xa gần, gọi chung là nghĩa của âm. Các sắc như vậy, cho đến thức, như thế là gồm thâu chung tất cả hòa hợp đều gọi là nghĩa của âm.

Vì sao Đức Phật nói hòa hợp là nghĩa của âm? Do các âm này chỉ là hòa hợp không có ngã thật, thế nên Đức Phật nói là nghĩa của âm.

Thế nào là sắc âm? Phân biệt có sáu: Một là tùy loại. Hai là tùy tướng. Ba là thức nương dựa và không nương dựa. Bốn là lia thức và không lia thức. Năm là tướng trần. Sáu là sắc xứ cứu cánh.

Tất cả sắc này gọi là bốn đại và nương dựa nơi bốn đại. Đó gọi là tùy loại.

Tướng sắc có ba thứ: Một là sắc tịnh. Hai là trần tịnh. Ba là tâm trần. Cộng tướng đều là chất ngại. Tất cả các sắc đều cộng tướng.

Thế nào là thức nương dựa và không nương dựa? Số chúng sinh này gọi là nương dựa. Lại có sắc xứ, thức mới nhập cho đến sinh thọ, đó gọi là thức nương dựa. Lia sắc như thế gọi là không nương dựa.

Thế nào là lia thức và không lia thức? Sắc không lia thức, gọi là tự phần, vì cùng với thức và đồng dụng. Lại nữa, lia thức gọi là chẳng tự phần. Tương tự nối tiếp có thể sinh xúc, gọi là tự phần. Tuy tương tự nối tiếp nhưng không sinh xúc gọi là chẳng tự phần. Có ba thứ tướng gọi là sắc trần: Một là tướng sắc. Hai là tướng ngăn ngại. Ba là tướng đủ loại. Tướng sắc có ba tướng: Một là sắc hiển hiện. Hai là sắc ngăn ngại. Ba là sắc tích tụ. Ba tướng trần này như thứ lớp nên giữ lấy các màu xanh, đen v.v... gọi là tướng sắc. Trở ngại cho người du hành gọi là tướng ngăn ngại. Giữ lấy các tướng như nam, nữ, ruộng, nhà v.v... gọi là tướng đủ loại.

Trần sắc, sắc cứu cánh lược nêu có hai: Nơi cõi dưới là thuộc cõi dục. Cõi sắc là tầng thượng duyên của nghiệp. Nếu là bốn không xứ, nương nơi đây tạo nghiệp thì không có sắc. Nương nơi định tự tại có sắc diệu quang. Vì sao hết thấy sắc chùng đều được trí tự tại? Là do tu định hiện tại nên là sắc của định diệu.

Thế nào là thọ ấm? Phân biệt có năm thứ: Một là thọ loại. Hai là tự tướng. Ba là xứ sinh. Bốn là tư duy phân biệt. Năm là xứ diệt.

Thế nào là thọ loại? Là dụng pháp xứ.

Thế nào là tự tướng? Tức là khổ, vui, không khổ không vui. Lạc thọ là sinh lạc, trụ lạc, hoại khổ, là nhân duyên của ái chấp. Khổ thọ là sinh khổ, trụ khổ, hoại lạc, nhân duyên của lìa ái. Không khổ không vui là hành khổ nên khổ, là duyên của giải thoát ái. Tất cả thọ này thấy đều là khổ nên gọi là cộng tướng của thọ.

Thế nào là xứ sinh? Là từ mười sáu xúc nên thọ ấm được sinh. Những gì là mười sáu? Đó là xúc của sáu căn, xúc ngại, xúc y ngôn, xúc khổ, xúc vui, xúc không khổ không vui, xúc dục, xúc sân, xúc vô minh, xúc minh, xúc phi minh vô minh. Nương dựa nơi căn, giữ lấy trần, gọi là xúc của sáu căn. Nương dựa nơi trần suy nghĩ sinh ra xúc ngại. Nương nơi tâm phát ra lời nói gọi là xúc y ngôn. Nương nơi trời buộc hoặc giải thoát nên có xúc của ba thứ thọ là xúc khổ, xúc vui, xúc không khổ không vui. Xúc dục, xúc sân, xúc vô minh là nương dựa nơi trời buộc. Nương nơi giải thoát có xúc minh, xúc phi minh vô minh.

Thế nào là tư duy phân biệt? Tám thứ phân biệt của tất cả chư Phật có bao nhiêu thứ thọ? Thế nào là thọ tập? Thế nào là thọ diệt? Thế nào là đạo của hành thọ tập? Thế nào là đạo của hành thọ diệt? Thế nào là thọ vị? Thế nào là lỗi lầm của thọ? Thế nào là xứ thọ diệt? Phân biệt tướng sinh có ba thứ thọ. Do có xúc tập nên có thọ tập, như kinh đã nói rộng. Đây là tám thứ tướng phân biệt thọ ấm: Một là phân

biệt tự tướng. Hai là phân biệt hiện nhân. Ba là phân biệt nhân diệt. Bốn là phân biệt hiện tại vị lai. Năm là phân biệt thọ diệt đạo. Sáu là phân biệt trực dụng. Bảy là phân biệt thanh tịnh. Tám là phân biệt thọ diệt xứ. Đó gọi là phân biệt.

Thế nào là xứ diệt? Thiên thứ nhất diệt ưu căn. Thiên thứ hai diệt khổ căn. Thiên thứ ba diệt hỷ căn. Thiên thứ tư diệt lạc căn. Định diệt tận diệt xả căn. Đó gọi là phân biệt xứ thọ diệt.

Thế nào là tướng âm? Phân biệt có năm thứ: Một là theo loại. Hai là theo tướng. Ba là điên đảo. Bốn là không điên đảo. Năm là quyết định.

Giữ lấy biệt tướng của cảnh có thể sinh pháp tướng đó gọi là theo loại.

Theo tướng có sáu thứ, như trước đã giải thích. Giữ lấy cảnh tuy có khác nhưng đều là cộng tướng của tướng, gọi là theo tướng.

Phàm phu vô trí bị vô minh che lấp tâm, khởi tư duy tà vạy, dựa nơi hai kiến, phát xuất bốn điên đảo. Dựa nơi vô thường cho là thường, là tướng tu thường. Dựa nơi kiến thủ phát xuất hai điên đảo, là trong khổ cho là vui, bất tịnh cho là tịnh. Dựa nơi thân kiến phát xuất ngã điên đảo, ở trong vô ngã giữ lấy tướng pháp ngã. Như tại gia gọi là tâm điên đảo. Như người xuất gia gọi là kiến điên đảo. Phân biệt lại có tướng dị điên đảo. Đối với bốn loại sinh tướng tu tập tà vạy gọi là tướng điên đảo. Đối với bốn loại sinh trí quyết định khởi phân biệt tin tướng gọi là kiến điên đảo.

Thế nào là tướng không điên đảo? Là các người có trí, không có vô minh, khởi suy nghĩ chân chánh. Đối với cảnh vô thường thấy vô thường, đối với khổ thấy khổ, đối với bất tịnh thấy bất tịnh, đối với cảnh vô ngã thấy vô ngã. Khởi tướng tu tập chân chánh gọi là tướng không điên đảo. Ở nơi bốn thứ này có thể khởi tín vui, gọi là tâm

không điên đảo. Đối với bốn thứ ấy đều chánh kiến chánh tri, gọi là kiến không điên đảo. Đó gọi là tướng không điên đảo.

Thế nào là quyết định? Phân biệt có năm thứ: Một là quyết định về trần. Hai là quyết định về dụng. Ba là quyết định giả danh. Bốn là quyết định không thật. Năm là quyết định nghĩa thật. Giữ lấy tự tướng của trần, giữ lấy sự tương tự, là quyết định về trần. Đối với trần sinh thọ nhận giữ lấy tướng riêng biệt gọi là quyết định về dụng. Dựa nơi mình và người gọi là sinh, là tướng như tánh v.v..., tùy nơi ngôn ngữ thể tục tạo ra cảnh giới của tướng, gọi là quyết định giả danh. Điên đảo giữ lấy trần, gọi là quyết định không thật. Giữ lấy trần như thật gọi là quyết định nghĩa thật.

Thế nào là hành ám? Phân biệt có năm thứ: Một là trần. Hai là biệt trụ. Ba là bất tịnh. Bốn là thanh tịnh. Năm là sự. Sáu thứ lực thù thắng của tự tư duy dẫn dắt quả, đó gọi là hành nơi trần. Hành không tương ưng như sinh, lão, trụ v.v... hòa hợp tích tụ, gọi là hành biệt trụ. Vì sao? Vì mỗi mỗi thứ đều khác biệt nên gọi là hành biệt trụ. Hành như ba độc v.v... gọi là hành bất tịnh. Các căn thiện gồm năm căn như tín v.v... gọi là hành thanh tịnh. Như năm thứ ở trước nhận biết cùng với trần v.v... gọi là sự.

Thế nào là thức ám? Phân biệt cũng có năm thứ: Một là xứ nhập. Hai là bất tịnh. Ba là nương dựa. Bốn là trụ. Năm là nhiều loại. Trong cõi dục, thức nương dựa nơi sắc bên ngoài để nhập gọi là xứ nhập. Sắc giới, Tịnh thiên dựa nơi tự ám, đó là danh sắc. Xứ nhập của thức tức có hai nhập. Thức của bốn không xứ dựa nơi bốn ám của mình gọi là xứ nhập, là phân biệt xứ nhập. Thức của phàm phu này nương nơi hai thứ lạc sinh ở bất tịnh. Do dựa nơi dụng lạc của trần hiện tại nên bất tịnh. Nương theo khổ vui của sinh lão v.v... nơi vị lai nên bất tịnh, gọi bất tịnh. Thức nương dựa có sáu thứ, là thức sinh nương dựa nơi sáu nhập như nhãn v.v... Thức nương dựa được sinh nên được sáu tên gọi. Ví như dựa nơi lửa trâu, thì lửa phân bò v.v... cũng lại như thế.

Phân biệt bốn xứ thức trụ như trong kinh nói. Âm nương dựa nơi cảnh giới là xứ tâm trụ. Có thức trụ trong sắc, như kinh đã nói rộng. Cho đến ta nói thức không đến phương Đông, các phương khác cũng như vậy. Ở trong đời hiện tại không thích Niết-bàn, tự đến chốn tịch tĩnh trong mát để được phạm tự tại. Ta nói như vậy là thuộc về kinh như Đức Như Lai đã nói. Xứ trụ của bốn thức, sau sẽ nói rộng.

Lại lược nêu trụ xứ duyên của ba hữu hữu rất ráo có duyên trụ tĩnh. Đức Phật nói ba thứ này hiển bày bốn thức trụ. Cảnh phiền não giống với phiền não dựa trụ. Thuyết này gọi là chấp trước phiền não. Do hai thứ ấy nên gọi là chấp trước nơi cảnh: Một là cảnh. Hai là thủ. Cảnh tức là ái duyên nơi phiền não, như nói đây là vật của ta, tức là chấp nơi cảnh. Phiền não ngã kiến là tư duy về ngã. Lại có bốn thứ kiết nơi thân như tham v.v..., là nhân duyên của nghiệp tức giữ lấy cảnh. Chỗ chấp như trên là trụ xứ của tâm. Vì sao? Vì cảnh của các phiền não dựa nơi tâm nên được trụ. Cũng như áo ướt thì bụi bám dễ bám, ruộng tốt thì hạt giống dễ tăng trưởng. Các người phàm phu chưa chán lia ái dục nên đối trị phải chịu thức dẫn dắt. Trong đời vị lai tức được thọ sinh, tất khiến đầy đủ. Cho đến chưa xả bỏ tánh phàm phu, thì sự thọ sinh này sẽ khiến đầy đủ, gọi là chủ thể trụ. Sinh này nối tiếp gọi là nơi chôn sinh tử. Ngoài ra như trước đã nói ở duyên trụ. Như vậy, tất cả gọi là trụ xứ của duyên hữu. Hữu trong sắc giới, các thức đi đến, trong vô sắc giới nói là tâm không sinh. Ba xứ này trụ cho đến thọ mạng dứt hẳn. Như trước, hai xứ được sinh tăng trưởng và lớn mạnh. Như vậy, do lượng xét nên được biết trụ xứ cứu cánh của các thức. Nếu có người nói khác với nghĩa này, chỉ văn tự là khác còn lý thì không khác. Vì sao? Vì văn tự theo nghĩa riêng, không có phân biệt. Nếu có người hỏi thì không thể đáp, tức liền tư duy: Ta làm sao đối thoát. Nếu có đáp, sau đó lại suy nghĩ: Ta thật ngu si, tự mình không hiểu biết mà trả lời người khác hỏi. Thế nên, người trí từ tất cả sắc cho đến hành âm, các kiết như ái v.v..., do tạm điều phục nên không thể sinh nghiệp trôi buộc, do có trí tuệ nên

căn bản vĩnh viễn diệt hết. Vì sao nhận biết? Vì các người tại gia dựa nơi kiết tham sân tức có thể tạo nghiệp, tạo nhân duyên trần vị, nhân duyên oán ghét. Đối với người xuất gia, giới thủ kiết thật nên có thể sinh nghiệp. Giới thủ phiền não cùng với tham đồng tướng, nguyện cầu sinh thiên. Do phiền não kiết thật cùng với sân đồng tướng, nên hủy báng Niết-bàn. Các kiết như vậy dựa nơi địa tâm, từ tư duy sinh, các phiền não này nên đối trị diệt. Dục giữ lấy sắc làm cảnh, tức được vĩnh viễn diệt. Do diệt này nên các thức có Hoặc ở bốn trụ xứ tức không trụ lại, các thức được đối trị thật thanh tịnh. Như vậy được nhận biết trụ xứ tịch tĩnh, do duyên diệt nên nơi đời vị lai sự nối tiếp có được do sinh đầy đủ không sinh trở lại. Đó gọi là trụ duyên hữu. Thức A-ma-la tịch tĩnh đối trị với thức, thế gian nói là thanh tịnh sâu xa, gọi là chẳng trụ. Lại nữa, thức này không là duyên sinh. Môn giải thoát không do khéo tu tập nên không thể sinh nghiệp. Môn giải thoát vô nguyện do khéo tu tập tức có thể biết đủ. Môn giải thoát vô tướng do khéo tu tập nên trụ nơi bất động, như bốn nghĩa trước, được chánh giải thoát. Quán xét hành đối với trần, đối với ngã, ngã sở, không có chỗ chấp giữ tham đắm. Thế nên các trần như sắc v.v... tức diệt hoại. Tâm không còn khát ái. Các tướng này khiến tâm rất thanh tịnh. Do thức thanh tịnh nên không tự hoại diệt, cũng không bị các duyên khác hoại diệt. Vì không nối tiếp nên đối với mười phương xứ không còn nhập sinh, đối với sinh tử không còn tham dục. Nói không cầu dục, tâm ví như cây, thọ dụ như bóng, đối với thời cả hai đều không, cho nên không có cây, tức nên không có ảnh. Do tâm thế gian diệt nên nói hiện tại tận diệt. Do tâm học vô lậu giải thoát, nên ở trước theo thứ lớp nói là được tịch tĩnh. Vì vô học giải thoát nên được thanh tịnh. Bốn thứ còn lại diệt nên được phạm tự tại.

Hỏi: Vì sao không nói thức là xứ của thức trụ?

Đáp: Nói không tự tướng nên thức chẳng được tịnh. Vì sao? Vì Đức Như Lai nói: Tự tướng của tâm là thanh tịnh, bốn xứ thì không

như thế. Tất cả phiền não rất là không tịnh, nhận biết tham dục là vi tế, khó thấy. Sáu trần như sắc v.v... thì không như vậy, chẳng phải là nhân của phiền não. Không có chúng sinh nào, đối với một thức xứ dấy khởi ái nhiễm, như đối với sắc v.v... Thế nên Đức Phật nói thức chẳng phải là trụ xứ. Đó gọi là phân biệt trụ xứ của thức ám. Phân biệt nhiều loại, đây nói có ba thứ: Là có tâm dục, không tâm dục. Có sân không sân, nói rộng như trong kinh. Cho đến chưa được giải thoát và chánh giải thoát. Ở đây Đức Như Lai nói gọi là thứ nhất tức phân biệt cảnh giới. Do phân biệt, nên ở trong cõi dục tâm có bốn thứ: Thiện, bất thiện, nhiễm ô, không nhiễm ô. Nơi cõi sắc tâm có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, không nhiễm ô. Nơi cõi vô sắc cũng có ba thứ như vậy. Vô lậu có hai, là học và vô học. Tâm thiện ở cõi dục phân biệt có hai, là sinh đắc, học đắc. Không nhiễm ô có bốn, là quả báo, oai nghi, công xảo, biến hóa. Biến hóa của cõi dục chỉ có một thứ là sinh đắc. Như trời, rồng, quỷ, không có quả tu tuệ. Trong cõi sắc không có công xảo. Nơi cõi vô sắc chỉ có quả báo. Tâm thiện như từ thấp lên cao gọi là thứ hai dựa nơi cõi phân biệt.

Lại có nhiều thứ tâm sai khác, phân biệt chủng loại phiền não. Trong cõi dục có năm là khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo phá trừ. Nơi cõi sắc, cõi vô sắc mỗi cõi có năm thứ cũng như vậy, tức có mười lăm và tâm vô lậu nên có mười sáu. Đó gọi là thứ ba diệt nên phân biệt.

Lại phân biệt ba phẩm trợ phần là Tam-ma-đề: Một là sử động. Hai là không sử động. Một là không đắc định. Hai là đắc định. Một là không chánh tịnh. Hai là chánh tịnh. Đối với phẩm thứ nhất, người có tâm nhiễm thì bị dục v.v... gây chướng ngại tâm. Lại, nơi một thời, người có tâm thiện, tâm vô ký, thì dục v.v... không khởi. Như vậy là phân biệt tâm có dục v.v..., tâm không dục v.v... Đối với phẩm thứ hai, hoặc lại có lúc nương bên trong ở nơi định, an tâm một xứ, do niệm về cảnh diệt nên đối với năm trần tâm sinh tán loạn, hoàn toàn khiến ẩn mất, nên lại rơi vào chỗ biếng trễ ngăn che. Vì diệt trừ biếng

trở nên đối với cảnh hỷ lạc tâm không chánh an. Vì vậy nhất thời tán động, do đang giữ lấy cảnh nên tâm không trôi nổi. Chìm đắm, trôi nổi là bị phiền não ngăn che nên tâm không tịch tĩnh. Những thứ ấy diệt nên tâm được tịch tĩnh. Do chánh tư duy nên được thiền căn bản. Đó gọi là tâm định, lìa tướng định trước gọi là tâm chẳng định. Đạt đến đạo rốt ráo thế nên chánh tu. Đạt đến diệt rốt ráo nên chánh giải thoát. Lìa hai tướng trước là không chánh tu tập, không chánh giải thoát. Giữ lấy tướng của các định nhận biết phẩm thứ ba. Đó gọi là phân biệt thức âm.

Thế nào là thức âm? Thứ lớp có tám thức âm: Một là sinh tạo. Hai là trị đạo. Ba là nhân nhiễm đã tạo. Bốn là trụ tạo. Năm là phân biệt tạo. Sáu là như xứ tạo. Bảy là như thô tạo. Tám là như khí v.v... tạo.

Thế nào là thứ lớp sinh tạo? Là nương dựa nơi căn, nơi sắc sinh khởi nhãn thức. Nương dựa nơi ý, nơi pháp cũng đều như vậy. Như thứ lớp nơi kinh trước nói chỗ nương của sắc âm, tâm số, sau nói thức âm, các tâm số như thọ v.v... ở trong ấy. Đó gọi là thứ lớp sinh tạo.

Thế nào là thứ lớp trị đạo? Trừ bốn điên đảo nên nói bốn niệm xứ. Đối với sắc bất tịnh chấp cho là tịnh nên nói Thân niệm xứ. Đối với thọ chấp cho là vui nên nói Thọ niệm xứ. Dựa nơi tướng hành vô ngã chấp cho là ngã nên nói Pháp niệm xứ. Dựa nơi tâm vô thường chấp cho là thường nên nói Tâm niệm xứ.

Thế nào là thứ lớp của nhân nhiễm đã tạo? Nam thấy nữ sắc khởi ái nhiễm. Vì sao lại thọ vị ái? Thọ vị ái tức là dựa nơi tướng điên đảo. Tướng điên đảo là dựa nơi hành phiền não. Hành phiền não là dựa nơi thức âm, dựa nơi căn trần. Trần tác dụng sinh ra thọ, giữ lấy nhiều thứ trần. Đó gọi là tướng. Trong đời hiện tại, trần tác dụng sinh các phiền não, gọi đó là hành. Dựa theo các phiền não này sinh khởi

thức bất tịnh, nghiệp thiện, bất thiện, nên ở xứ vị lai có các khổ như sinh v.v... lại bị bất tịnh, nói là thức ở sau.

Thế nào là thứ lớp trụ tạo? Thức trụ nơi bốn xứ: Một là sắc. Hai là thọ. Ba là tưởng. Bốn là hành. Vì sao? Vì trong cõi dục sắc là trụ xứ của sắc, do trong cõi dục có đầy đủ sắc. Nơi cõi sắc nói là thọ trụ. Vì sao? Vì thọ hiển hiện. Ở nơi ba xứ vô sắc nói là trụ xứ của tưởng. Vì sao? Vì tưởng hiển hiện. Ở nơi xứ không thức tư nói là trụ xứ của hành. Vì sao? Vì đại tư duy hiện, tám vạn đại kiếp là quả của tư duy, nên nói trụ nơi bốn xứ. Đó gọi là thứ lớp trụ tạo.

Thế nào là thứ lớp phân biệt tạo? Tức do sắc ấm nên thấy được sắc, nghe tiếng tức nhận biết người khác. Do thọ ấm nên tâm có cao thấp, sinh khởi khổ vui. Do tưởng ấm nên nhận biết danh sinh tánh. Do hành ấm nên phân biệt ngu trí. Do thức ấm nên trong ấm chấp là ngã. Đó gọi là thứ lớp phân biệt tạo.

Thứ lớp như xứ tạo: Tức như người tại gia thì do nơi sắc, thọ nên khởi tranh chấp. Nếu người xuất gia thì do nơi tưởng, hành nên cũng sinh tranh chấp. Thức đối với cả hai thứ đều làm nhân duyên.

Thứ lớp như thô tạo: Tức sắc là thô nhất nơi cảnh của sáu thức. Thức đến là nêu rõ thọ ấm. Do có ba thọ nên các tướng như nam nữ cùng có thể nhận biết. Tham sân si tự có thể nhận biết. Là thọ, tưởng, hành, thức thì khó nhận biết.

Thứ lớp như khí v.v... tạo: Tức là sắc ví như vật chứa (khí) đầy ba thọ. Thọ ví như ăn uống làm tổn hại hoặc tăng ích cho thân. Tưởng ví như loài cá biển giữ lấy thọ khác biệt. Hành dụ như đến lúc ăn cùng với khổ, vui. Thức ví như người ăn, sử dụng các thọ.

Thế nào là thâm nhận? Tức có bao nhiêu ấm, bao nhiêu nhập, bao nhiêu giới, bao nhiêu nhân duyên phần, bao nhiêu xứ phi xứ, bao nhiêu căn thâm nhận. Như sắc ấm cho đến thức ấm.

Sắc âm thâm nhận là một âm, mười nhập, mười giới, pháp nhập pháp giới nói phần ít, sáu duyên là phần ít, đối với xứ phi xứ cũng nói phần ít, căn có bảy.

Thọ âm thâm nhận là một âm, pháp nhập pháp giới đều nói phần ít, một phần nhân duyên, ba duyên đều phần ít, phần xứ phi xứ, trong căn có năm.

Tương âm thâm nhận là một âm, pháp nhập, pháp giới đều nói phần ít, ba duyên đều phần ít, phần xứ phi xứ, căn không gồm thâm.

Hành âm thâm nhận là một âm, pháp nhập, pháp giới cũng nói phần ít, bốn phần nhân duyên, năm duyên đều là phần ít, phần xứ phi xứ, trong căn đủ sáu, ba căn là phần ít.

Thức âm thâm nhận là một âm, một nhập, bảy giới, hai phần nhân duyên, ba duyên là phần ít, phần xứ phi xứ, trong căn nói một, ba căn là phần ít.

Như vậy, âm nhập cho đến căn cùng gồm thâm lẫn nhau. Lại, gồm thâm dị biệt có các pháp như mười âm v.v... gồm thâm tự chủng tử, đó gọi là gồm thâm dị biệt. Các pháp như âm v.v... tự cùng gồm thâm lẫn nhau, đó gọi là cùng gồm thâm. Các pháp như âm hiện bày khắp tất cả xứ, gọi là sinh gồm thâm. Các pháp như âm v.v..., các trụ như lạc thọ v.v... gọi là biệt trụ gồm thâm. Như âm v.v... nhất thời cùng khởi, đó gọi là gồm thâm không lia. Các pháp như âm v.v... ở trong ba đời, gọi là thời gồm thâm. Các pháp như âm v.v... dựa nơi xứ được sinh, gọi là xứ gồm thâm. Các pháp như âm v.v... do có năm thứ nên gọi là gồm thâm đầy đủ. Các pháp như âm v.v... phân phân không đủ, gọi là thiếu phần gồm thâm. Các pháp như âm v.v... có tướng như như, đó gọi là chân như gồm thâm. Từ âm đến căn hợp thành mười sáu thứ gồm thâm.

Lại có ba thứ gồm thâm tất cả pháp, là sắc âm, pháp giới, ý nhập.

Thế nào là âm? Nương dựa nơi bao nhiêu thứ sắc, sắc âm được sinh? Nương dựa nơi bao nhiêu thứ xứ gọi là gồm thâm âm sinh? Nương dựa nơi sáu xứ sắc âm được sinh: Một là xứ dựa. Hai là xứ trụ. Ba là xứ ngộ cụ. Bốn là xứ căn. Năm là xứ căn nương dựa. Sáu là xứ như hành có thể nên có các địa định.

Thứ nương dựa nơi bảy xứ gọi là gồm thâm âm sinh: Một là dục. Hai là sắc. Ba là trần. Bốn là giác. Năm là quán sát. Sáu là phương tiện tịnh hạnh. Bảy là thanh tịnh. Bốn xứ trước như dục v.v... là nói người tại gia. Quán sát là nói người xuất gia siêng năng trì giới. Phương tiện tịnh hạnh là đắc thiền vị lai. Bảy là thanh tịnh tức được thiền căn bản. Vì bốn hạng người nên bảy xứ phân ra làm bốn. Về phân biệt sắc âm, sau sẽ nói rộng dựa nơi sắc để phân biệt.

Uất-đà-nam nêu:

*Các vật và cực vi
Sinh hình cùng nối tiếp
Nghiep cùng sát-na riêng
Cảnh tạp nói có mười .*

Lại có bao nhiêu vật, sắc âm gồm thâm nhãn, gồm thâm căn, một vật là chỗ nương dựa của nhãn thức, là sắc thanh tịnh gồm thâm không lìa tức có bảy vật, là nhãn, thân, địa, sắc, hương, vị, xúc. Do ba cõi gồm thâm nên nói có mười vật. Bảy thứ như trên và thêm thủy, hỏa, phong. Các vật như nhãn thì nhĩ, tỷ, thiệt cũng lại như vậy. Lìa bốn thứ căn, thân căn có chín vật. Vì sao? Vì lìa bốn căn nên thân được sinh riêng. Lại có thanh giới, do không trụ lâu cho nên nói riêng là có xứ có thanh. Tức có mười một vật phân biệt về sáu trần như sắc v.v... Như nhỏ, tron, cho đến to khỏe đều là xúc nhập. Dựa nơi bốn đại địa lập ra biệt danh. Dựa nơi bốn đại tịnh nói xúc tron lóng. Dựa nơi cứng chắc sinh nặng, bất tịnh, không cứng chắc sinh thô nhẹ là tịnh, không hợp sinh nơi xúc mềm mại. Dựa nơi gió, nước lẫn lộn tức

sinh xúc lạnh. Giữ nhân không đầy đủ sinh nơi đói khát, cũng sinh xấu kém. Giữ nhân đầy đủ, dựa nơi lực đại bình đẳng sinh xúc no đủ. Dựa nơi đại không thích ứng, ăn uống khó tiêu sinh các xúc bệnh. Dựa nơi thân chuyển biến, bốn đại không điều hòa, sinh xúc già. Mạng căn chuyển biến, bốn đại không điều hòa, sinh xúc chết. Dựa nơi máu không đều sinh ra bệnh hoạn, ăn uống độc hại có xúc tạm tử. Đất, nước lẫn lộn sinh ra xúc cấu đục. Đi lại chuyển động, tâm khởi phiền não sinh xúc mệt mỏi. Liạ các nhân duyên trên sinh xúc tuần hoàn, lên xuống. Bốn đại điều hòa, thân sắc không giảm, sinh xúc khỏe tốt, hòa hợp các xúc. Bốn đại riêng trụ nói có sáu thứ: Đó là bốn đại tịnh cùng không tịnh. Kiên cố cùng không kiên cố. Không gồm thâu và xen lẫn. Không bình đẳng, bình đẳng. Tất cả các trần gồm sắc đến xúc, do hai thức nhận biết tự thức, tâm thức. Hoặc đồng thời nhận biết hoặc không đồng thời. Ở trong cõi sắc hiện không có hương, vị, không phải là không có chủng tử. Không có đoàn thực, do liạ thực nơi cõi dục, nên hai trần hương và vị là thuộc về đoàn thực. Hai thức tỷ và thiệt không hiện dụng, cũng có chủng tử.

Sắc âm gồm thâu sắc tức có chín vật. Bốn đại dựa nơi năm trần, tất cả sắc khác giả danh nói là âm. Trong pháp nhập đạt được, sắc có hai thứ, vật có giả, có nương nơi định tự tại. Trong định quán sắc gọi là vật có. Quả của định này hóa định cùng thức trần. Sắc của giới phi giới đều là giả danh.

Lại, quả của định trần, sắc xứ do định xứ, sắc tương ưng. Nương nơi định đại được sinh là pháp thế gian. Nương nơi sắc của định hữu lậu và định vô lậu, là pháp thế gian chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì có tướng là nhân duyên tư duy về định. Tất cả người định, có khả năng sinh sắc, không có khả năng sinh sắc, cũng như hóa sinh. Nếu không tư duy, dựa nơi tự tại ở trước thì không có ám chướng, được thanh tịnh sáng rõ tự nhiên đến nơi đời hiện tại. Sinh là tên gọi vật có tư duy. Do tư duy về lực giải thoát nên được

thấy các sắc. Sắc chưa hiện tiền là giả danh có, chẳng phải là trần của cảnh giới nơi định xuất thế, là sắc của định xuất thế, không thể tư duy về sắc của cõi dục, cõi sắc. Thế nào là sắc dị biệt trong cõi sắc? Do rất thanh tịnh lớn lao xuất sinh ánh sáng tỏ rõ. Do rất vi diệu vi tế, chẳng phải là căn trần bậc thấp, không có khổ thọ. Do vượt qua khổ thọ nên không thể tư duy. Do trụ nơi cực vi trần nên không trở ngại. Tùy nơi tâm tưởng nên có thô, tế. Đó là năm thứ dị biệt. Lược nêu về sắc âm có sáu thứ tướng. Tự tướng – cộng tướng. Y y giả tướng. Quan tướng. Dụng tướng. Nghiệp tướng. Diệu tướng. Các đại như địa, thủy cứng chắc, thấm ướt, nóng bức, chuyển động là tự tướng của bốn đại. Các căn như nhãn v.v... tịnh là tự tướng. Đó gọi là tự tướng. Đều có chướng ngại là cộng tướng của sắc. Bốn đại là y y giả tướng. Năm trần là quan tướng. Nội nhập có sắc dụng tăng thượng, nên ngoại trần được sinh nhiều loại. Có một sắc tụ được gọi là xúc cứng chắc, có thấm ướt, có nóng, có động, có xen tạp là dụng của nội nhập. Đó gọi là dụng tướng. Bốn đại dựa nơi sự gồm thâu thành thực dẫn dắt. Đây gọi là nghiệp tướng. Lại có biệt nghiệp phần sau sẽ nói rộng. Sắc cực vi tế gọi là diệu tướng. Diệu tướng có ba thứ: Phân phá cực tế hữu sinh cực tế. Tự tại cực tế phân phá. Lân hư cực vi sinh cực tế. Các thứ vi tế như gió v.v... đến trong sắc âm, sắc trong cõi sắc, sắc nơi cõi vô sắc, do tự tại vi tế nên được gọi là cực vi. Như trong kinh Phật nói: Nơi đòi người trụ được tâm bình đẳng, tu học tự tâm, trang nghiêm tự tâm, tạo tâm tự tại, cùng trụ một xứ không gây trở ngại nhau, cũng không nào hại. Nếu sau này sinh nơi cõi sắc cứu cánh Đại phạm tự tại, thì từ xứ sinh ấy xuống châu Diêm-phù-đề, vì để nghe pháp nên chia đầu một sợi lông làm mười sáu phần, địa như một phần, các cõi trời cùng tuy không hề bị ngăn ngại, gọi là cực vi tự tại. Như vậy vật chủng của sắc âm tư duy, sắc tướng của cực vi trần có bao nhiêu thứ phân biệt? Lược nói có năm, sau sẽ nói rộng. Như kinh nói: Bản địa trí phân phá. Chủng phân biệt. Riêng tự phần. Cùng bạn phần. Vô phương phần. Phân

chia sắc cứu cánh trí quyết định, là cực vi phân chẳng phải là thân lượng, cho nên cực vi là không sinh không diệt. Vì thế sắc tụ chẳng phải là cực vi sinh. Phân biệt về cực vi có mười lăm thứ, là năm căn như mắt v.v..., năm trần như sắc v.v..., bốn đại và sắc pháp. Phân biệt tự tướng gọi là riêng phần. Hòa hợp cực vi là cùng bạn phần. Vì sao? Vì các cực vi như đất v.v... là không lìa nhau. Như thế vì sao có pháp chướng ngại không lìa một xứ? Do cùng bạn trụ nên không phải là không chướng ngại. Như tâm đại địa hợp với căn tương tự, các sự việc dụng sinh làm nghiệp tương tự. Do duyên tăng thượng nên các sắc hòa hợp, cùng làm dụng của căn nên được sinh khởi. Nếu không như vậy thì chẳng phải là các hòa hợp. Các trần như nhãn thức v.v..., các căn trần không dụng, cho nên cùng bạn không được lìa nhau. Có một thứ sắc, hoặc ngăn ngại, không ngăn ngại, như trung âm cho đến phạm sắc, gọi là cùng bạn phần, do sắc cứu cánh nên các sắc cực vi không có phương phần, không hòa hợp. Do các sắc hòa hợp cực vi phương phần, lìa một phương xứ không có sắc cực vi, như trước đã nói về năm thứ cực vi. Có năm thứ nhãn (mắt) là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Năm thứ cực vi có bao nhiêu cảnh giới của nhãn? Hai thứ nhục nhãn và thiên nhãn thì không thể thấy. Ba thứ nhãn còn lại thì thấy. Vì sao? Vì chỉ sắc hòa hợp, thiên nhãn mới được thấy trong ngoài, trên dưới, trước sau, sáng tối, không thấy cực vi. Do trí phân biệt nên cực vi là sắc tướng chẳng phải là thể riêng biệt.

Vì sao cực vi không sinh, không diệt, có thể nhận biết, có thể nêu? Do hòa hợp đầy đủ, nên trước được sinh, lúc sau chưa đến, nên chưa được thể riêng, do ở trong diệt. Ví như giọt nước có năm thứ tướng, cực vi tư duy được nhận biết không chính đáng. Đối với sắc hòa hợp, do tự thể nên cực vi được trụ, đây là thứ nhất. Tư duy không đúng về cực vi sinh diệt, đây là thứ hai. Cực vi sắc trụ cùng bạn lìa bạn, đó gọi là thứ ba. Chỉ có sắc trong cực vi hòa hợp trụ, đây là thứ tư. Cực vi hòa hợp có thể sinh các sắc khác. Các sắc được sinh khác

với cực vi. Như vậy cực vi không chánh tư duy. Như người chánh tâm lại giữ lấy các tướng, trước lìa năm thứ tư duy không đúng, do cực vi được tư duy chân chánh nên có thể phát khởi năm thứ công đức, hòa hợp sắc xứ nơi phần cực vi nên dụng hành tu đạo. Đối với các cảnh giới, nhân không còn nghi hoặc, nên tạo được tự tại, đây là công đức thứ nhất. Thân kiến diệt, đạo dần dần tăng hơn, đây là công đức thứ hai. Ngã mạn diệt và đạo phương tiện được sinh, đây là công đức thứ ba. Các phiền não khởi, khởi liền tạm dừng, tâm được thanh tịnh, đây là công đức thứ tư. Vì hai môn giải thoát là không và vô tướng nên được tu tuệ, đây là công đức thứ năm.

Sinh tức lược nêu về vật sắc, có năm thứ sinh: Một là dựa nơi sinh. Hai là loại sinh. Ba là dẫn dắt sinh. Bốn là trưởng sinh. Năm là hoại sinh.

Thế nào là dựa nơi sinh? Là đối với bốn đại nương nơi sắc tạo được sinh, thế nên bốn đại không gọi là sắc tạo. Bốn đại này hư tạo nên sắc được sinh. Sắc ấy hòa hợp là chỗ dựa của bốn đại, nhận biết tự tướng của sắc ở trong hòa hợp biết được có sắc. Lại có hư giả không thấy tự tướng, nhận biết là không có sắc riêng. Lược nói được nhận biết về có tướng không có tướng. Nếu là hư giả không thấy nhưng nói có thì nhờ thí dụ nên được nhận biết. Nếu có cùng dựa là được vật đồng, là vật không đồng, nghĩa có hai thứ là lượng và lực. Nếu không đồng lượng nên được nhận biết nhỏ, nhận biết nhỏ nếu không được thì không có nghĩa ấy. Nếu có lực thì dựa nơi vật không đồng, lìa tự tướng thì không có lực riêng, lực này nếu không đồng thì cũng không đúng nghĩa. Đó gọi là nương dựa nơi sinh.

Thế nào là loại sinh? Là từ chủng loại của chính mình sinh ra, ví như hạt lúa, đến nơi nhiều nhân duyên như mầm, đất, tro nên được sinh. Gặp các nhân duyên tức vật cứng được mềm, vật mềm được cứng, không nóng được nóng, nóng được không nóng, không động được động, động được không động. Như vậy là sắc tốt và sắc không

tốt có tự tướng. Do tự chủng tử nên nhiều loại được sinh. Đó gọi là loại sinh.

Thế nào là dẫn dắt sinh? Là nghiệp của nội nhập tăng thượng, vật bên ngoài không động nhưng có thể được sinh. Ví như vật dụng của thế gian, do nghiệp đời trước dẫn dắt nên nội nhập được sinh. Ví như tạo nghiệp nơi năm đường nhập sinh các vật sắc bên ngoài, có ba thứ nghiệp dẫn dắt: Một là như nơi châu Uất-đơn-việt, y báo tự sinh, trời Tứ thiên vương đến trời thứ tư. Hai là nghiệp hiện tại tự dẫn dắt, sắc bên ngoài được sinh, như trời thứ năm. Ba là dựa nơi nghiệp tha niệm, sắc bên ngoài được sinh, như trời thứ sáu. Đó gọi là dẫn dắt sinh.

Thế nào là tăng trưởng sinh? Là đầy đủ nhân duyên nên nhiều loại được sinh. Nghĩa là sắc tăng trưởng dần dần đầy đủ. Nước mưa tưới xuống, mầm cây v.v... được tăng trưởng. Đó gọi là tăng trưởng sinh.

Lìa tăng trưởng sinh, đó gọi là hoại sinh.

Sắc tạo sinh, như có nhiều thứ vật như đá mài hòa hợp không thể phân biệt, do nhận biết tướng riêng, không như các vật như hạt mè, đậu, lúa, tích tụ một chỗ có thể nhận biết chủng loại riêng. Vì sao? Cũng như tướng sinh, có thể sinh sự dụng làm nhân tăng thượng nên sắc tạo được sinh. Nếu tất cả hành từ chủng tử của mình, sau liền được sinh. Vì sao sắc dựa nơi bốn đại nói là sắc tạo sinh? Vì bốn đại tăng giảm, nên sắc tạo theo đó cũng có giảm tăng. Giống như nhãn thức lìa bốn đại thì không có sinh riêng. Ví như đại địa giữ gìn bốn đại, như mái che dây giăng giữ áo vải. Do ba nhân duyên nên đại địa tăng giảm phương tiện, có thể khiến sắc tạo tăng giảm: Do nhân của công dụng, do nhân duyên của nghiệp, do định tự tại, nên đại địa có thể tạo sắc tăng giảm. Có ba thứ lực. Những gì là ba? Nghĩa là lực có thể phá tăng giảm, lực có thể thọ vật dụng, lực có thể sinh nhân.

Thủy đại có thể làm thấm nhuần lực. Hỏa đại có thể tạo nóng bức. Phong đại có thể làm khô ráo. Đó là công dụng.

Bốn đại tăng giảm có thể khiến sắc tạo tăng giảm. Nghiệp trước tương tự các thứ do bốn đại sinh nên được tương tự, vì thế sắc tạo tự như bốn đại. Đó gọi là nhân duyên của nghiệp.

Định tự tại: Tức trước đến nơi đại địa, thời gian sau mới có thể khiến sắc tạo tăng giảm. Như có thể chuyển biến bốn đại sắc tạo, dùng đất làm nước, lấy nước làm đất, là định tự tại.

Lại lược nói về năm thứ nhân duyên. Tướng khác nơi bốn đại khiến sinh quả khác. Do lực của bốn đại, lực của công dụng, lực của chú thuật, lực của thần thông, lực của hành nghiệp. Từ đây về sau chưa đến xứ sinh, ở đây trung ấm có các sắc hòa hợp. Nhân gì, duyên gì, tự nhân của chúng tử có thể dẫn dắt nghiệp sinh, là tăng thượng duyên. Do nghĩa gì nên có trung ấm sinh? Làm sao có thể tin? Về sau không nương dựa nơi tâm, tâm số pháp lại sinh xứ khác, do không thể đến. Hoặc như tư duy về dụ tiếng vang, nghĩa này không đúng. Do căn tán loạn nên thấy có hai mặt trăng. Hoặc như tư duy không có trung ấm, ví như ảnh trong gương, là cũng không đúng. Do mặt không giảm, nên ảnh dụ không đúng. Nếu lại tư duy như tâm giữ lấy cảnh, không có thức trung gian, thì thí dụ của ông không đúng, do tâm không đi. Nếu là các dụ phá cho là không có trung ấm, thì nghĩa này không như vậy, cho nên trung ấm thật có thể tin. Đó gọi là sắc ấm. Phần sinh tư duy đã sinh sắc ấm, vì sao trước khi đi, lấy ở xứ sinh, cho sắc khác là xứ sinh? Do bốn đại ở trước đã hướng đến xứ thọ sinh. Do bốn đại nương dựa, nên đối với xứ sắc tạo và bốn đại cùng sinh. Xứ của bốn đại, do xứ sinh ngăn che nên sinh. Lại nữa, tự tướng của sắc tạo hiện bày khắp, do không lìa đại nên có thể gây chướng ngại nơi xứ sinh. Bốn đại như địa v.v... thô tế có thể nhận biết, như thứ lớp nói rõ. Địa giới do giữ gìn nên có thể tạo sự nghiệp được nói là có quả. Thủy, hỏa, phong giới thì trôi chảy, thiêu đốt và thổi động, là nghiệp của ba đại. Tất cả các thanh chỉ là sinh diệt, đối với sắc hòa hợp nối tiếp không lâu. Đối với hai xứ trong ngoài do

nương dựa nên được biết. Cùng thời xứ sinh, xứ được nghe biết thấy đều đầy đủ khắp. Ví như ánh sáng đến không có trước sau, không có mau chậm. Gió này có hai thứ, là động và không động. Luân thì không động. Đi trên không tức động. Hành đối với vật thường là tùy thuận nắm giữ nơi huyễn hóa. Nắm giữ huyễn hóa tức là không động, khác với đây thì đều động.

Giới hư không là những gì thuộc sáng tối, đều là sắc tạo. Đó gọi là không giới. Là sáng tối thì tướng riêng của không giới là không thể nhận biết, cũng là không động. Ở xứ chúng sinh luôn có ánh sáng, luôn có u tối, trong ấy không động. Nếu khác với xứ đây gọi là động. Dựa nơi sắc hòa hợp thuộc về thanh tịnh rỗng sáng, quang minh. Không sáng trong cũng là thuộc về sắc. Hình tức là dài, ngắn, là pháp thật hay là giả danh? Đó là giả danh. Vì sao? Vì do tụ tập. Nói đây là xứ, nói đây là hình, chỉ là ngôn ngữ, chỉ là suy lường, ở trong tám tướng không có nghĩa riêng khác. Nếu do xem nhìn nên có thể thấy, do thể tánh xen tạp, cũng như chiếc xe v.v... Do tuệ có sai khác nên nói là giả danh. Lại, đối với pháp nhập thiền định, quả sắc chỉ được có sắc. Vì sao? Vì các hương, vị, xúc khác không có sinh nhân, nên lại không dùng. Như vậy, đối với gió không hành, các trần như hương v.v... không cùng sinh. Do cùng gần nên trong gió có hương, lại ở trong ánh sáng phát ra bên ngoài những vòng. Nghĩa là nếu pháp của các đại và các trần như hương v.v... không được hiện trở lại, thì quả sắc của thiền định ở trong pháp nhập sẽ dựa nơi thiền định sinh, chẳng phải là bốn đại sinh. Do tự như sắc gốc nên cũng nói là sắc tạo, không dựa nơi bốn đại.

Từ trong sắc ấm có bao nhiêu thứ pháp là có thể thấy, có chướng ngại? *Đáp:* Một là hai thứ hành xứ của nhãn thức, là sắc của pháp nhập, các sắc còn lại đều không thể thấy, cũng có chướng ngại. Như vậy việc phân rõ ở trong sắc ấm là so sánh. Tư duy nối tiếp tức ở trong sắc ấm có bao nhiêu thứ lưu xuất? Có ba thứ: Một là nương dựa. Hai là báo sinh. Ba là nuôi lớn.

Nương dựa có bốn: Một là nương dựa của báo. Hai là nương dựa của nuôi lớn. Ba là nương dựa của không bình đẳng. Bốn là nương dựa của thể tánh.

Nương dựa của báo có hai thứ: Một là phẩm trước. Hai là nối tiếp phẩm trước. Do báo này cùng dẫn dắt nên báo tiếp theo sinh. Đó gọi là nối tiếp.

Nuôi lớn có hai là nuôi lớn mãn xứ và nuôi lớn cùng tăng.

Mãn xứ: Nghĩa là có sắc tăng trưởng, thức ăn uống, vật dụng ngồi nằm, phạm hạnh, thiền định, nương nơi đầy nên tăng trưởng.

Cùng tăng: Nghĩa là từ việc dựa nơi ăn uống, nương nơi mãn xứ nên thường thọ lạc, do khi nương đã thành thực nên được tăng trưởng. Các pháp có sắc dựa nơi hai thứ này nên được tăng trưởng. Đối với pháp không sắc chỉ có cùng tăng mà được tăng trưởng. Các sắc nơi cõi dục do bốn thứ ăn nên được nuôi lớn. Đó là tư thực, thức thực, đoàn thực và xúc thực. Hai thứ thực trước chưa dẫn dắt là nhân duyên sinh. Hai thứ thực sau là nhân duyên trụ. Xúc thực là duyên trụ của thọ ấm. Ngoài ra ngủ nghỉ cũng có thể làm tăng trưởng sắc nơi cõi sắc, không dựa nơi đoàn thực, không dựa nơi ngủ nghỉ, không nương nơi phạm hạnh mà được tăng trưởng. Các căn có sắc tùy theo hai thứ lưu xuất. Lìa hai thứ này tức không có dựa nơi lưu xuất riêng. Quả báo nối tiếp tăng trưởng lớn mạnh có lúc được thấy. Vì sao những thứ thuộc về báo này không gọi là nuôi lớn? Sắc của quả báo này như xứ an trí, không tăng không giảm nhưng được trụ.

Nuôi lớn nối tiếp tức là y báo nối tiếp nhưng có trái ngược, nên theo đây có tăng có giảm. Chẳng phải là sắc căn đều có ba lưu xuất, tâm tâm số pháp nương nơi y lưu xuất, nương nơi báo lưu xuất, như nương nơi cùng tăng mà có tăng trưởng, thì đối với sắc của pháp nhập không có báo sinh. Chỗ còn lại của các pháp như tâm tâm số có thể được nhận biết. Ở trong cõi dục, các sắc trong ngoài được quả

báo sinh. Nơi cỗi sắc lia hương, vị, thì phần còn lại là báo. Nơi cỗi dục các căn không đủ cũng là quả báo. Ở trong cỗi sắc các căn đầy đủ đều là quả báo. Thanh giới ấy cũng là quả báo, chẳng phải là âm thanh. Đó gọi là tư duy tương tục về sắc ấm.

Nghiệp là gồm thân trong sắc ấm. Trì giới có bao nhiêu nghiệp cho đến phong giới? Tất cả bốn đại có năm thứ nghiệp. Ở địa giới này là nghiệp khai phát chuyển biến, là nghiệp giữ lấy xứ sở, là nghiệp tạo tác nương dựa, là nghiệp cùng trái nhau, là nghiệp bình đẳng tăng trưởng. Nghiệp của thủy giới là lưu xuất, thâm tóm, thâm nhuần, trái nhau và tăng trưởng. Nghiệp của hỏa giới là ánh sáng, thành thực, hủy hoại, trái nhau và tăng trưởng, tức cũng có năm thứ. Nghiệp của phong giới là khinh động, khiến thâm trái và tăng trưởng, đó là nghiệp của phong giới. Lại có bốn đại nơi sắc tạo sinh, cũng có năm nghiệp: Một là có thể sinh. Hai là cùng nương dựa. Ba là trụ xứ. Bốn là thắng trì. Năm là tăng trưởng. Vì sao? Vì từ khai phát sinh khởi ở trước được đến, đó gọi là có thể sinh. Đã được sinh rồi, không lia xứ sở, đó gọi là cùng nương dựa. Đối với tăng, hoại tánh cùng tương tự, đó gọi là trụ xứ. Như lượng không giảm có thể giữ lấy hơn hẳn nên gọi là thắng trì. Khiến cho tăng trưởng đó gọi là tăng trưởng.

Vì sao nhãn, nhĩ đối với sắc trần có thiện và bất thiện, còn các trần khác thì không? Ở đây lược nói có ba, là tư duy hạ, trung, thượng. Thế nào là hạ? Lúc tư duy là tư, lúc quyết định là tư, lúc tạo nghiệp là tư. Là nghiệp thân khẩu thiện, bất thiện sinh khởi, dựa nơi tư duy cực thượng hai sắc sinh thể nên sắc của nghiệp có thiện và bất thiện, còn các trần khác thì không như vậy. Tướng khác theo sắc hòa hợp dao động nên chẳng là tướng khác. Phần đáp lại cũng nói như thế. Vì sao? Vì đối với xứ của vật này đã sinh, chưa sinh, đã hoại, chưa hoại, nhưng nghĩa động thì không đúng. Nếu động đã sinh nhưng sau được động thì không có tự tướng. Còn nếu chưa sinh thì không có động. Hoặc nếu đã hoại thì không thể động được, chưa sinh cũng đồng như

vậy. Nếu không hoại thì không có hành tướng phân biệt rõ ràng về Thể, dẫn đến nhân duyên kia thì nghĩa này không đúng. Vì vậy dao động không thật có riêng. Đó gọi là sát-na tư duy về phần nghiệp của sắc ấm được đầy đủ. Vì sắc ấm trong từng sát-na, sát-na diệt. Vì sao? Vì các pháp hành được sinh diệt không có chướng ngại. Lúc này là nhân sinh tức là nhân diệt, nghĩa này không như vậy. Vì sao? Vì một nhân khác quả thì không được sinh. Đã sinh nhân trụ thì biệt tướng không hiện, vì thế pháp hành tự diệt không duyên nơi khác. Hành niệm diệt không có chướng ngại, như lửa cùng với vật làm nhân hủy hoại. Nếu là tư duy thì nghĩa này không đúng. Lửa cùng hành nên cùng đồng sinh diệt, không giống như sinh ở trước, chỉ nhân là có thể tạo. Các sự việc như lửa ấy diệt, là diệt nhân, nghĩa này không như thế. Vì sao? Vì diệt là cùng hành, không cùng kết hợp. Nếu diệt đã có ở trong hành diệt, thì các hành nối tiếp đã đoạn diệt, do nghĩa này nên không thể cùng kết hợp. Diệt là diệt Thể vô vi có thể tạo ra nhân diệt, cho nên không đúng. Nếu diệt là diệt nhân thì không thể một diệt, do việc tạo ra nhân diệt trước sau không khác, các pháp nối tiếp vĩnh viễn nên không sinh. Nếu diệt thể khác theo diệt nghĩa khác, thì riêng có tướng diệt tức không thể được, do vậy là không đúng. Lại nữa, nếu cùng với lửa diệt bạn tức có thể diệt, nên khởi suy nghĩ này, cho nên các tâm, tâm số cùng các đèn đuốc v.v... có tự thể diệt tức nên không có, vì thế là không đúng. Lại nữa, nếu lực lại cùng hỗ tương thành hai chủ thể diệt, thì đây là đối tượng diệt, đây là chủ thể diệt, tức không phân biệt, thế nên không đúng. Nếu hai thứ pháp đều có khả năng phân cùng diệt đầy đủ, nhưng hai thứ này đều chỉ có một nửa khả năng, một nửa thì không thể, vì thế không đúng. Các phần như vậy ở trong sắc ấm sát-na tư duy về tự thể diệt. Các pháp như các đại là ngăn chặn nhân diệt, ngăn chặn hai thứ nhân diệt. Vì sao nhận biết? Vì tất cả các hành tâm là quả, như tâm có thể nhận biết đều có sát-na.

Riêng tức là từ bốn đại các sắc được tạo có tướng riêng hay là không riêng? *Đáp*: Có riêng khác. Vì sao? Vì nhận thấy riêng tướng.

Như tướng riêng này là cảnh của căn khác. Cảnh của căn đại khác, cảnh của sắc tạo khác, là suy tính không suy tính. Từ các hoa hương suy tính về cây gai không suy tính về biến đổi không biến đổi. Như trong tô, chung nấu hòa hợp thì sắc vị có biến đổi. Vật cứng thì không như vậy, nên biết là có tướng riêng nơi sắc tạo. Bốn đại tạo sắc có nơi tướng riêng nhưng thể là một. Ví như thấy gốc cây khởi lên hai trí, giữ lấy tướng có khác nhưng thể là một. Một là cảnh của trí nghi. Hai là cảnh của trí quyết định. Dụ này không đúng. Tuy có tướng riêng nhưng tạo ra một thể, ở trong bốn đại cũng nên như vậy. Vì sao nhận biết? Vì bốn đại này mỗi thứ tự có tướng riêng, nếu quyết định bốn đại có một thể như vậy là không nên có bốn. Nghĩa này không đúng. Cho nên sắc tạo cùng với đại là thể riêng. Đây gọi là nghĩa riêng và không riêng.

Tư duy về cảnh, là tất cả các sắc pháp. Chỗ gồm thân là có bao nhiêu căn, bao nhiêu trần? *Đáp*: Năm sắc là căn, sáu sắc là trần. Thế nào là căn? Là các trần thành cảnh, căn không hủy hoại, như kinh đã nói rộng. Ở trong địa thứ nhất có bao nhiêu thứ nhân duyên khiến các căn hủy hoại không hủy hoại? *Đáp*: Gồm có hai thứ: Một là suy kém. Hai là đều mất. Không như nghĩa này thì đều là thành căn. Lược nêu có bốn nhân duyên biến dị: Một là theo duyên bên ngoài sinh. Làm sao nhận biết? Do dùng các trần bên ngoài có nghịch thuận, do người khác làm tổn thương, do đối trị tổn thương. Đó gọi là duyên bên ngoài. Hai là từ duyên bên trong. Như ở bên trong tư duy bất thiện, sinh ra các dục, các căn bị tổn giảm. Hoặc theo chánh tư duy hành Tam-ma-đề, các căn tăng ích. Ba là nghiệp duyên được sinh. Như nghiệp duyên đời trước có mạnh có yếu, có các việc đáng yêu thích, không đáng yêu thích. Bốn là từ tự thể sinh. Do tất cả các căn dựa nơi tự tướng nên có lúc tổn giảm có lúc tăng ích.

Lại nữa, tâm căn bị hủy hoại có bao nhiêu thứ? Có bốn: Một là từ sự tạo tác của các cái. Ở trong năm cái tùy theo một thứ che lấp

tâm. Hai là tạo ra tâm loạn. Tạo ra tâm loạn là như vương mắc vào các quỷ. Ba là chỗ mong cầu chưa được. Như bốn định không và sáu thần thông, lúc chưa được tự nói cho là được, khởi tâm tà gọi là cầu chưa được. Bốn là chưa rõ chỗ tạo tác. Như là chưa có hiểu biết rộng và các thứ công xảo. Dựa nơi bốn nghĩa này nên tâm bị hủy hoại.

Lại nữa, thế nào là các trần như sắc v.v... đối với căn được sáng rõ? Sắc không đến nơi mắt, nhưng ở nơi được sáng rõ. Không quá vi tế thì thấy cũng được rõ, cùng có thể thấy sắc không bị ngăn che, có xứ sáng rõ lại không quá xa. Đối trước mắt là trần, nên mắt được thấy rõ. Có các chúng sinh ở trong nhà tối cũng được biết rõ sắc, chỉ có một thứ là không thể thấy sắc. Như trước các trần thì mắt thường không thấy, đều dùng thiên nhãn mới thấy.

Âm thanh không đến, không bị chướng ngại. Nếu có đến như trong tối sáng không quá vi tế, trụ nơi cảnh xứ tức được rõ ràng. Hương, vị và xúc đến nơi tự căn, trụ ở cảnh xứ. Là các thiên nhãn có thể thấy sắc, tuy lại vi tế, có chướng ngại và xa, đến trụ nơi cảnh xứ đều được sáng rõ, không trụ nơi cảnh xứ không thể được thấy. Lại, các Thánh nhân có mắt Thánh tuệ, thì tất cả loại sắc thấy đều thấy rõ. Như nơi địa thứ nhất nói sáu thứ cảnh giới. Giải thích như thế nào? Cảnh thứ nhất là các sắc đều được nhập nơi thế gian chúng sinh và khí thế gian. Hai là dựa nơi ba thứ tánh đều có phân biệt: Thứ nhất là phân biệt tướng. Thứ hai là phân biệt sự. Thứ ba là phân biệt trụ. Như vậy là phân biệt các sắc xanh, đỏ, trắng, cho đến nói rộng là phân biệt tướng. Phân biệt sự là sắc tác vô tác, sắc của giới chẳng phải giới, sắc của phi giới chẳng phải phi giới. Phân biệt trụ là sắc như ý cùng không như ý và có xứ xa, gọi là phân biệt sắc. Phân biệt âm thanh là nhân của số chúng sinh là nhân chẳng phải chúng sinh, là nhân của chúng sinh chẳng phải chúng sinh. Phân biệt sự là miệng tạo tác. Phân biệt hương là phân biệt về gốc, cành, vỏ, ruột, lá, hoa, quả. Trong hương, vị, xúc không có phân biệt sự. Phân biệt trụ như

nơi phân sắc đã nói. Phân biệt tướng của vị là ngọt, đắng v.v... Trụ cũng như trước. Xúc có nhiều thứ phân biệt như trước. Cảnh thứ ba là ở trong mười phương tức có thể nhận biết được. Cảnh thứ tư là phân biệt về ba đời. Cảnh thứ năm là thật, không thật, giữ lấy sự phân biệt có thể nhận biết. Cảnh thứ sáu là ở nơi xứ của một biên được giữ lấy đầy đủ. Như vậy, tự phân các trần có sắc được phân biệt rõ ràng.

Thế nào là tư duy có thể sinh thức? Là đối với các căn cùng không bị hủy hoại, cùng hiểu rõ các trần, đồng hưng khởi tâm, tư duy như thế tức có thể sinh các thức. Đó gọi là tư duy về phân cảnh của sắc ấm. Tư duy xen tạp là đối với cõi dục, ấm nhập là trụ xứ, nơi cõi sắc thì sắc sinh ở thân này.

Hỏi: Vì sao các sắc của cõi trên so với cõi dưới thì cùng có xứ riêng nhưng trụ thì không xứ riêng?

Đáp: Xứ trụ không riêng cũng như cát và nước. Đó gọi là tư duy phân tạp của sắc ấm, không phải là tư duy phân biệt rất ráo về sắc ấm⁽¹⁾.

HẾT - QUYỀN HẠ

¹ Xin nhắc lại: Đối chiếu nơi các quyển 51 → 54 của Luận Du Già Sư Địa, để thấy bản Hán dịch của Luận này (N^o 1584/3) là hoàn toàn bất thành, rất khó đọc, rất khó lãnh hội, chỉ có giá trị lịch sử – ND.

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| SỐ 1579/100: LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA..... | 5 |
| Phần Bản Địa | 5 |
| Quyển 83..... | 5 |
| Phần Nhiếp Dị Môn 1 | 5 |
| Quyển 84..... | 38 |
| Phần Nhiếp Dị Môn 2 | 38 |
| Quyển 85..... | 68 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Nhất: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Hành. Đoạn 1: | 68 |
| Quyển 86..... | 97 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Nhất: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Hành. Đoạn 2:..... | 97 |
| Quyển 87..... | 132 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Nhất: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Hành. Đoạn 3: | 132 |
| Quyển 88..... | 168 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Nhất: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Hành. Đoạn 4: | 168 |
| Quyển 89..... | 203 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Hai: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Xứ. Đoạn 1: | 203 |
| Quyển 90..... | 232 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Hai: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Xứ. Đoạn 2: | 232 |
| Quyển 91..... | 263 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Hai: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Xứ. Đoạn 3: | 263 |
| Quyển 92..... | 292 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Hai: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Xứ. Đoạn 4: | 292 |
| Quyển 93..... | 320 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Ba: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới. Đoạn 1: | 320 |

| | |
|---|-----|
| Quyển 94..... | 346 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Ba: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới. Đoạn 2: | 346 |
| Quyển 95..... | 374 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Ba: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới. Đoạn 3: | 374 |
| Quyển 96..... | 401 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Ba: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới. Đoạn 4: | 401 |
| Quyển 97..... | 432 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Tư: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Pháp Bồ Đề Phần. Đoạn 1: | 432 |
| Quyển 98..... | 464 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Tư: Sự Khế Kinh. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Về Pháp Bồ Đề Phần. Đoạn 2: | 464 |
| Quyển 99..... | 497 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Năm: Sự Điều Phục. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Chung. Đoạn 1: | 497 |
| Quyển 100..... | 530 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Năm: Sự Điều Phục. | |
| Lựa Chọn, Gồm Thâu Chung. Đoạn 2: | 530 |
| Phần Nhiếp Sự. Đoạn Thứ Sáu: Sự Bản Mẫu: | |
| Nêu Bày, Biện Giải, Gồm Thâu. | 542 |
| SỐ 1580/1: LUẬN THÍCH DU GIÀ SƯ ĐỊA | 562 |
| Phần Bản Địa | 562 |
| Địa 1: Năm Thức Tương Ứng..... | 562 |
| SỐ 1581/10: KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ | 583 |
| Quyển 1..... | 583 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 583 |
| Phẩm Thứ 1: Chủng Tánh | 583 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 590 |
| Phẩm Thứ 2: Phát Tâm Bồ Đề | 590 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 595 |
| Phẩm Thứ 3: Tự Lợi Lợi Tha | 595 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 604 |
| Phẩm Thứ 4: Nghĩa Chân Thật, Phần 1 | 604 |
| Quyển 2..... | 608 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 608 |
| Phẩm Thứ 4: Nghĩa Chân Thật, Phần 2..... | 608 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Nhất..... | 619 |
| Phẩm Thứ 5: Lược..... | 619 |

| | |
|---|-----|
| Quyển 3..... | 634 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 634 |
| Phẩm Thứ 6: ThẢnh Thục..... | 634 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 641 |
| Phẩm Thứ 7: BỒ ĐỀ Vô Thượng..... | 641 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 646 |
| Phẩm Thứ 8: LựC Chung Tánh..... | 646 |
| Quyển 4..... | 659 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 659 |
| Phẩm Thứ 9: Thí..... | 659 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 674 |
| Phẩm Thứ 10: Giới, Phần 1..... | 674 |
| Quyển 5..... | 684 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 684 |
| Phẩm Thứ 10: Giới, Phần 2..... | 684 |
| Quyển 6..... | 705 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 705 |
| Phẩm Thứ 11: Nhẫn..... | 705 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 712 |
| Phẩm Thứ 12: Tinh Tấn..... | 712 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 717 |
| Phẩm Thứ 13: Thiên..... | 717 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 721 |
| Phẩm Thứ 14: Tuệ..... | 721 |
| Quyển 7..... | 725 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 725 |
| Phẩm Thứ 15: Bón Nhiếp..... | 725 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 735 |
| Phẩm Thứ 16: Cúng Đường Tập Cận Vô Lượng..... | 735 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 747 |
| Phẩm Thứ 17: BỒ ĐỀ Phần, Phần 1..... | 747 |
| Quyển 8..... | 758 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 758 |
| Phẩm Thứ 17: BỒ ĐỀ Phần, Phần 2..... | 758 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Nhất..... | 770 |
| Phẩm Thứ 18: Công Đức Của Bồ Tát..... | 770 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Pháp..... | 779 |
| Phẩm Thứ 1: Tướng Bồ Tát..... | 779 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Pháp..... | 782 |
| Phẩm Thứ 2: HỖ Trợ..... | 782 |
| Quyển 9..... | 786 |
| Xứ Phương Tiệm Thứ Pháp..... | 786 |

| | |
|--|------|
| Phẩm Thứ 3: TÂM Tịnh | 786 |
| Xứ Phương Tiện Thứ Pháp | 789 |
| Phẩm Thứ 4: Trụ | 789 |
| Quyển 10 | 814 |
| Xứ Phương Tiện Cứu Cánh | 814 |
| Phẩm Thứ 1: Sinh | 814 |
| Xứ Phương Tiện Cứu Cánh | 815 |
| Phẩm Thứ 2: Gồm Thân | 815 |
| Xứ Phương Tiện Cứu Cánh | 818 |
| Phẩm Thứ 3: Địa | 818 |
| Xứ Phương Tiện Cứu Cánh | 820 |
| Phẩm Thứ 4: Hành | 820 |
| Xứ Phương Tiện Cứu Cánh | 822 |
| Phẩm Thứ 5: Kiến Lập | 822 |
| SỐ 1582/9: KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI | 841 |
| Quyển 1 | 841 |
| Phẩm Thứ 1: Mở Đầu Của Địa Bồ Tát | 841 |
| Phẩm Thứ 2: Tánh Hành Thiện Của Địa Bồ Tát | 855 |
| Phẩm Thứ 3: Phát Tâm Bồ Đề Của Địa Bồ Tát | 862 |
| Phẩm Thứ 4: Lợi Ích Trong Ngoài Của Địa Bồ Tát | 868 |
| Quyển 2 | 879 |
| Phẩm Thứ 5: Nghĩa Chân Thật Của Địa Bồ Tát | 879 |
| Phẩm Thứ 6: Bất Khả Tư Nghì Của Địa Bồ Tát | 892 |
| Quyển 3 | 903 |
| Phẩm Thứ 7: Điều Phục Của Địa Bồ Tát | 903 |
| Phẩm Thứ 8: Bồ Đề Của Địa Bồ Tát | 911 |
| Phẩm Thứ 9: Tánh Lực Bồ Đề Của Địa Bồ Tát | 915 |
| Quyển 4 | 928 |
| Phẩm Thứ 10: Bồ Thí Của Địa Bồ Tát | 928 |
| Phẩm Thứ 11: Trì Giới Của Địa Bồ Tát | 938 |
| Quyển 5 | 949 |
| Phẩm Thứ 12: Nhẫn Nhục Của Địa Bồ Tát | 949 |
| Phẩm Thứ 13: Tinh Tấn Của Địa Bồ Tát | 955 |
| Phẩm Thứ 14: Thiền Định Của Địa Bồ Tát | 960 |
| Phẩm Thứ 15: Trí Tuệ Của Địa Bồ Tát | 963 |
| Phẩm Thứ 16: Lời Nhu Hòa Của Địa Bồ Tát | 965 |
| Quyển 6 | 973 |
| Phẩm Thứ 17: Cúng Dường Tam Bảo Của Địa Bồ Tát | 973 |
| Phẩm Thứ 18: Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo Của Địa Bồ Tát | 983 |
| Quyển 7 | 995 |
| Phẩm Thứ 19: Pháp Số Trợ Bồ Đề Của Địa Bồ Tát | 995 |
| Phẩm Thứ 20: Công Đức Của Địa Bồ Tát | 1001 |

| | |
|--|------|
| Phẩm Thứ 1: Tướng Bồ Tát Của Như Pháp Trụ | 1010 |
| Phẩm Thứ 2: Thiên Cửa Như Pháp Trụ | 1013 |
| Quyển 8..... | 1016 |
| Phẩm Thứ 3: Tâm Định Của Như Pháp Trụ | 1016 |
| Phẩm Thứ 4: Sinh Địa Bồ Đề Của Như Pháp Trụ | 1019 |
| Phẩm Thứ 1: Sinh Cửa Địa Cứu Cánh..... | 1037 |
| Quyển 9..... | 1040 |
| Phẩm Thứ 2: Thân Giữ Của Địa Cứu Cánh..... | 1040 |
| Phẩm Thứ 3: Rốt Ráo Của Địa Cứu Cánh | 1043 |
| Phẩm Thứ 4: Hành Cửa Địa Cứu Cánh..... | 1045 |
| Phẩm Thứ 5: Ba Mươi Hai Tướng Tốt - Tám Mươi Về Đẹp Của Địa Cứu Cánh..... | 1047 |
| Phẩm Thứ 6: Trụ Của Địa Cứu Cánh..... | 1053 |
| SỐ 1583/1: KINH BỒ TÁT THIÊN GIỚI..... | 1066 |
| SỐ 1584/3: LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG | 1084 |
| Quyển Thượng..... | 1084 |
| Phẩm Địa Tâm, Phần 1 | 1084 |
| Quyển Trung..... | 1108 |
| Phẩm Địa Tâm, Phần 2 | 1108 |
| Quyển Hạ..... | 1129 |
| Phẩm Địa Tâm, Phần 3 | 1129 |

